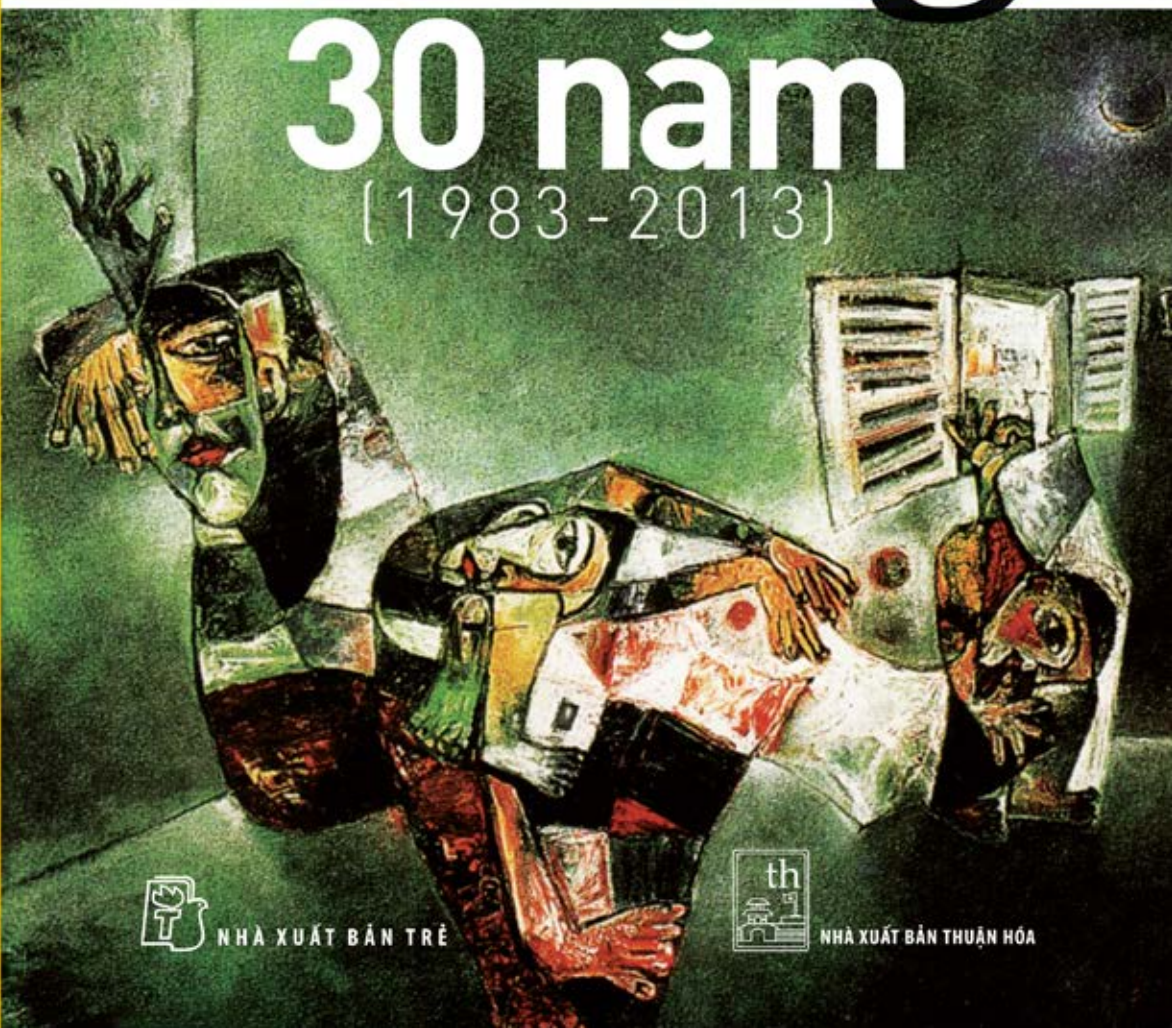


# sông hương

tuyển  
truyện  
ngắn

30 năm  
[1983-2013]



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA



tuyển  
truyền  
ngân

**sông  
hương**  
**30 năm**  
(1983-2013)

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM  
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

**Nhiều tác giả**

Tuyển truyện ngắn Sông Hương 30 năm (1983–2013) / Nhiều tác giả ; Hồ Đăng Thanh  
Ngọc ... [và nh.ng. khác] tuyển chọn. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ ; Huế : Thuận Hóa, 2013.  
960tr. ; 23cm.

1. Truyện ngắn Việt Nam -- Thế kỷ 21. 2. Văn học Việt Nam -- Thế kỷ 21. I. Hồ Đăng  
Thanh Ngọc.

1. Short stories, Vietnamese -- 21st century. 2. Vietnamese literature -- 21st century.

**895.92234 -- dc 22**

**T968**

# sông hương

## 30 năm

(1983 - 2013)

tuyển  
truyện  
ngắn



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

Ban tuyển chọn: • HỒ ĐĂNG THANH NGỌC • HOÀNG VIỆT HÙNG • NHỤY NGUYỄN

Tạp chí *Sông Hương* chịu trách nhiệm về quyền tác giả  
tất cả các truyện ngắn sử dụng trong tuyển tập này.

# Lời giới thiệu

Trong bộ sách kỷ niệm 30 năm *Sông Hương*, riêng tập tuyển truyện ngắn được chọn xuyên suốt trong 30 năm chứ không phải chỉ 10 năm như các tuyển khác. Ngoài mảng “rất Huế” được duy trì từ lúc tạp chí mới ra đời cho đến nay là “Huế - dòng chảy văn hóa”, *Sông Hương* ghi được dấu ấn trong lòng bạn đọc phải kể đến ba mảng chính: văn, thơ, lý luận phê bình. Trong đó truyện ngắn luôn được xem như “xương sống” của mỗi số báo, nhất là mười năm trở lại đây.

Trong dịp kỷ niệm 20 năm, *Sông Hương* đã có tuyển Văn dày trên 500 trang khổ 16x24cm gồm 50 truyện ngắn. Nếu so với 20 năm *Sông Hương*, thì 10 năm sau này lượng truyện hay tăng lên. Năm 2009, hơn chục truyện ngắn tốt rải đều trong các số *Sông Hương* như: *Hoa gạo đỏ*, *Một bước sau quận công*, *Cái chết của Rối*, *Một lát cắt*,... đủ để có được một tập truyện đa sắc, hấp dẫn. Hoặc trong năm 2011, có số báo đến 3 truyện ngắn được tuyển vào tập này: *“Người đọc sẽ đến với một thế giới hiện thực thậm phần trong sự hỗn chứa hiện thực trần trụi và những hoang tưởng phi lý, thậm chí hướng tới những dự cảm trong chiều sâu vô thức nội cảm qua truyện ngắn* Ngày cuối cùng của một diễn viên hài. *Bên cạnh đó, Vòng luân hồi của chữ là những mảnh ghép bị đảo lộn*

*như chính những nhân vật trôi lặn trong luân hồi vẫn không nhận ra kiếp mình. Và những ám ảnh của con người khi bị ném vào một quá trạng bất khả cứu rồi trong Tôi đã nhen ra những đứa trẻ". (Lời giới thiệu Sông Hương số 269).*

Có một điều hơi khác biệt, là chúng tôi đã chủ động chọn lại một số truyện không có trong Tuyển 20 năm, như *Niết bàn bốc cháy* (Đoàn Lê), *Dịch quỷ sứ* (Tạ Duy Anh), *Cún* (Nguyễn Huy Thiệp), *Người đoán mộng giỏi nhất thế gian* (Phạm Thị Hoài), *Qua sông* (Cung Tích Biền) v.v... Nhiều tác giả có từ một đến vài ba truyện ngắn khá trong bộ tuyển *Văn 20* và rải rác trên *Sông Hương* suốt 30 năm, tiếc là do số lượng trang có hạn nên đành phải... gác lại.

Như vậy, chúng tôi không có ý đưa ra một tiêu chí rõ rệt nào ngoài việc chọn những truyện ngắn khá và hay để không phụ lòng độc giả. Có chăng đó là sự chú ý trước hết đến các tác giả ở Huế (vẫn trừ ra một số tác giả góp mặt ở trong tuyển *Văn 20*). Đó là một Trần Thùy Mai nhẹ nhàng, sâu lắng mà vẫn đầy phức cảm trong không gian Huế xưa với *Trăng nơi đáy giếng*; Việt Hùng vẽ *Biếm họa* về hạnh phúc gia đình; *Những bước chân bên ngoài khe hở* là nhân vật chính của vở bi hài kịch do tác giả Hoàng Trọng Định dàn dựng; Trần Hạ Tháp bày ra *Thế trận linh xà* để làm nổi lên chí khí người anh hùng áo vải; *Thím Thoải* của Nguyễn Xuân Hoàng khắc khoải nỗi buồn thiếu phụ; Phạm Xuân Phụng "trong vai" một nhà tâm lý xuyên sâu vào những ẩn ức đẫm tính nhân văn của chú vịt *Mê-sa-li, câu chuyện bên hồ*; Hiện thực phũ phàng như tiếng chuông rung lên trước đạo đức suy đồi được diễn ra âm thầm mà quyết liệt ở *Gã kéo chuông nhà thờ* của Thái Ngọc San; Dương Thành Vũ đưa ta về không gian của thời bao cấp khổ lụy trong *Giếng trăng* với vài phận đời bi đát và chỉ có thể đi vào ngõ cụt!; Nguyên Quân tìm chân lý qua *Chuyện từ thời chiến*: người mẹ anh hùng có một bàn tay vỗ về đứa con của mình đã hy sinh, và một xoa dịu dòng sám hối của người lính nguy...



So với những tờ báo luôn chào đón “hàng độc” với mức nhuận bút hấp dẫn mà *Sông Hương* vẫn hút được nhiều truyện ngắn hay và mới, chúng tỏ nhiều tác giả có nghề vẫn rất mến mộ *Sông Hương*. Nhờ đó tuyển tập này dung hợp được nhiều phong cách. Có truyện như là sự thắm tháp nỗi đời của nhà văn sau bao nhiêu năm trăm trở. Đơn cử trường hợp của nữ nhà văn Dạ Ngân: nghỉ việc công sở, trở về tổ ấm của mình lặng lẽ “chép” lại những vết son trên chạng đời đã qua. Truyện là góc nhìn rất hẹp về chiến tranh song mở ra trước độc giả nhiều ngã rẽ với một *Xuân nữ* lỡ mang kiếp đào hoa, mà bạc phận cho những người đàn ông từng “hành quân” qua cuộc đời chị. Nhức nhối bởi lương tâm bại hoại của những con người vốn là ruột rà với nhau được lột tả trong *Kịch độc*. Người viết đã “tiêm” những rung cảm lạ lùng vào miền hoang mê của lương tri đồng loại. Những truyện ngắn khác của Bảo Ninh (*Bằng chứng*), Lê Minh Khuê (*Sống chậm*), đọc liền thắm nỗi đau đời như của chính mình chứ không còn là của nhân vật nữa. Song hành với hơi thở truyền thống là mạch ngầm hiện đại, như *Đất không lối vào* của Hạo Nguyên, *Mê cung* của Nhật Chiêu, *Những bức ảnh* của Lê Minh Phong; *Sóng ngoài khơi* của Khánh Phương, hay *Một bước sau quận công*, một dạng tiểu-luận-truyện rất đặc biệt của nhà văn Hồ Anh Thái.

Mong muốn lớn nhất của chúng tôi qua tuyển tập này là nhiều tác phẩm một lần nữa được vinh danh; để tác giả của nó thêm tin tưởng và lại dành cho *Sông Hương* những tác phẩm tâm đắc.

**BAN TUYỂN CHỌN**



# Gã kéo chuông nhà thờ

(SH số tháng 2 - 1983)

Mới nhìn qua, gã có vẻ hung dữ, một người làm người khác luôn luôn phải cảnh giác trước khi đến gần. Một vết sẹo chạy từ đỉnh trán bẻ quặt xuống khoeo mắt phải như muốn kéo con mắt gã ra khỏi tròng. Đôi môi dày nứt nẻ, tím đen mở toang hoác giơ cả hàm răng vàng khè nhựa bần. Một chân gã bị quẹo, không phải do cố tật mà vì bị một miếng pháo xuyên qua xương đầu gối, làm gã đi đứng rất khó nhọc, từng bước bật nhún như chiếc lò xo. Tuy vậy, chỉ có vết sẹo mới làm người khác chú ý, còn cái chân, vì gã luôn ngồi một chỗ nên ít ai biết gã có tật; với lại, cái nghề gã đang làm cũng ít khi phải sử dụng đôi chân. Cũng thật buồn cười, một người như gã lại chọn làm cái nghề mà chỉ có phụ nữ mới có đủ đức tính cần thiết để làm: Chằm nón.

Không hẳn sự chọn lựa nghề nghiệp như vậy là do phản ứng tâm lý, một lối thích ứng trước cuộc đời mà gã buộc phải chấp nhận sau ngày giải phóng. Thực ra, cũng thật khó khăn cho gã, từ trước đến nay gã chẳng biết nghề gì. Học hành mới được năm ba chữ, theo không nổi, bỏ ngang đi chơi lêu lổng. Đi chơi lêu lổng, chán, đầu quân đi lính. Đi lính, rồi đào ngũ, rồi lại đi lính cho đến khi bị hai miếng pháo ôm

tấm thân tàn tật trở về. Hai năm trước giải phóng còn ít đồng lương phế binh, với lại gia đình gã cũng chưa đến nỗi nào phải lo toan từng bữa. Gã còn một đứa em trai là sĩ quan ngụy đã có vợ con ở Đà Nẵng. Thằng này làm quân nhu, nên hàng tháng đều có gởi tiền chu cấp cho mẹ gã. Ngoài ra, gã còn một đứa em gái đến nay đã quá tuổi lấy chồng nhưng chưa có chồng, ở nhà chăm nón. Mẹ gã đang gần đất xa trời. Trước đây, khi bố gã mới chết và anh em gã còn chưa thành người, bà còn buôn bán lật vặt chợ chiều, chợ mai. Sau này, khi có tiền chu cấp của thằng con ở Đà Nẵng, bà bỏ tất cả, chỉ lo kinh nguyện ở nhà thờ. Bà là một con chiên ngoan đạo. Đến ngày giải phóng, cuộc sống gia đình gã đảo lộn như bị một đòn sấm sét. Thằng em gã biệt vô âm tín: có thể hấn và gia đình đã rũa thầy ngoài đại dương; cũng có thể đang lưu lạc ở một bang nào đó trên nước Mỹ, thù ghét quê hương, hận lây cả gia đình, không thèm viết thư. Thế là, không biết tự lúc nào, gã mày mò học đứa em gái nghề chăm nón. Và giờ đây, gã nghiêm nhiên trở nên một thành viên lao động tự do của địa phương, một lao động, nếu gạt ra ngoài những định kiến và tiêu chuẩn xã hội này khác, có thể xem là mẫu mực, cần được biểu dương.

Gã tên là Hùng, nhưng từ khi gã bị tàn phế, dân trong địa phương thêm đằng sau một cái đuôi: queo. Hùng - queo. Còn người quen gã ở ngoài giáo xứ thì gọi gã là Hùng-nhà-thờ, vì gã ở sát vách nhà thờ, đối diện với nhà cha xứ. Suốt ngày, từ chỗ Hùng queo ngồi chăm nón, có thể thấy tất cả sinh hoạt trong nhà cha xứ, nếu cửa mở. Và, không hiểu sao, từ trước đến nay, khi bắt đầu chính thức chăm nón, gã chỉ ngồi một chỗ ấy. Gã kê một cái đòn thấp trước mái hiên, dựa lưng vô vách, đặt cái khung nón giữa hai vòng chân và chăm chỉ kéo từng mũi kim nhanh nhẹn cũng như bao nhiêu người khác. Trước kia, khi hai anh em chưa xảy ra xung đột lớn thì những công việc linh tinh khác như chải ủi lá, xây vành... đứa em gái gã làm giúp, nay một mình gã làm hết. Và, nếu cái chân gã không đau, có khi gã còn làm nhiều hơn đứa em gái gã. Về mùa mưa, gã ngồi trong nhà, nhưng cũng từ phía ấy ngay khung cửa sổ,

có thể nhìn thấy nhà cha xứ. Không rõ vì cái tàn cây trúng cá trước mái hiên hay vì nhà cha xứ có cái gì hấp dẫn mà Hùng quẹo không chịu thay đổi hướng ngồi.

Nếu có một điều gì đó về gã mà bà con trong họ đạo không bằng lòng thì hẳn là điều này: Gã không còn đi nhà thờ nữa. Trong một gia đình vốn nổi tiếng là ngoan đạo, điều ấy thường gây ra những mối lộn xộn. Mẹ gã rửa gã là quý, còn đứa em gái thì coi thường anh ra mặt. Cha xứ trước, một vị linh mục già hơi lẩm cẩm nhưng đáng kính, thường ghé lại động viên khuyên năn gã. Những lúc ấy, Hùng quẹo chỉ nhả răng khỉ ra dạ dạ cho qua rồi thôi. Vị linh mục già nói nhiều lần không được cũng nản. Ông bây giờ đã được chuyển về nhà hưu trí Tòa Tổng giám mục sống những ngày cuối cùng ở trần gian cát bụi, không biết ông còn nhớ để cầu nguyện cho gã hay không? Riêng đối với Hùng quẹo, thâm tâm gã rất thương vị linh mục già, một ông cụ từ tâm không có gì đáng chê trách. Nhưng gã không thể đi nhà thờ đọc kinh được nữa - Mất thì giờ, vô ích, gã thường nói cộc lốc với mẹ gã như thế. Có lẽ cũng đúng như thế thôi, theo cách nghĩ của Hùng quẹo, gã chẳng có gì để tin và cũng chẳng có gì để không tin. Trước đây vì gia đình có đạo nên gã đi nhà thờ đọc kinh theo thói quen. Lớn lên, những chìm nổi trong cuộc sống làm những thói quen cũ, thời tuổi nhỏ tưởng là thiên liêng ghê gớm, tự nhiên bay vèo không dấu vết. Gã không bản khoăn tiếc nuối, cũng chẳng đấu tranh chọn lựa cái gì. Tự nhiên nó như thế.

Mọi thứ trong cuộc đời đều được sắp đặt đâu từ trước, như cái nhà thờ, nhà cha xứ, cây trúng cá ngày ngày đứng chặn ngang trước mặt gã. Gã không bản khoăn suy nghĩ về những gì quá xa xăm. Đôi khi quá cô độc, vết thương đau nhức, gã lẩn lộn như con chó bị đánh. Gã ngồi vít thành cửa sổ, mồm hôi đỏ nhể nhại và con mắt kéo xếch lên trợn tròng. Những lúc ấy, gã thật dữ tợn. Nhưng những cơn vấ ấ qua đi rất nhanh. Gã biết rằng cuộc đời gã đã được sắp đặt như thế này, có muốn thay cũng không được. Tuyệt nhiên, chưa một lần gã có ý muốn tự tử,

ngay cả sau khi tỉnh dậy từ bệnh viện nhìn cái chân băng bột và khuôn mặt mình trong gương. Trong nỗi đau đớn tuyệt vọng, gã vẫn còn sống. Và thế là gã vẫn bám vào cuộc sống. Buổi sáng, gã thức dậy khi hồi chuông đầu tiên nhà thờ đổ. Trong khi mẹ và em gái gã lục đục đi lễ sớm, gã nằm thờ thẫn, có khi nhớ lung tung, có khi đầu óc trống rỗng như cái gáo dừa úp trên vại nước. Gã thường ôn lại mảng đời cũ hồi ở lính. Đối với gã, chỉ quãng đời ấy là đáng nhớ: nó đã để lại trong đời gã nhiều kỷ niệm, nhục nhã cũng có mà oanh liệt cũng có. Lần thứ nhất đầu quân, sau một thời gian bị hành nhục ở quân trường, gã bị ném ra một đơn vị đóng ở một tiền đồn biên giới. Cực khổ và cái chết đe dọa từng giờ làm gã sợ hãi không chịu đựng nổi phải bỏ trốn. Nhưng về nhà một thời gian gã biết rằng không thể nào sống được yên ổn, gã lại đầu quân vào một sắc lính khác. Lần này thì gã đã có đủ kinh nghiệm, biết lườn lách những cực hình ở quân trường, và biết đủ trò phá phách trác táng sau những cuộc hành quân cực khổ, nguy hiểm. Rượu, gái... những thứ ấy, giờ đây nhớ lại làm cho gã cực khổ. Đôi khi gã cảm thấy ngột thở. Cái thế giới vật chất đó đã bỏ rơi gã, kể từ khi mảnh pháo xéo qua mặt và găm vào đầu gối gã. Con gái, đàn bà quen biết và cả không quen biết ở trong họ đạo đã gạt phăng gã ra khỏi tầm nhìn của họ! Gã cũng chưa có được một nửa mối tình nào để mà ôm ấp hoài niệm. Nếu còn tin ở Chúa thì gã phải trách là Chúa quá bất công với gã. Bởi vậy, nhiều khi gã muốn nổi loạn, văng tục, phá phách, muốn đốt cả làng cả xóm... Nhưng gã không làm được. Bản chất gã vốn là một con người nhu nhược, một kẻ dễ bị khuất phục bởi hoàn cảnh. Chỉ có một lần duy nhất gã trở nên hung bạo như con thú dữ, đó là hôm đưa em gái gã dẫn lũ bạn bè nó về nhà chơi sau buổi lễ ngày chủ nhật. Hùng quạo thấy chúng nó đưa nào cũng sồn sồn nói cười nhún nhảy trước mắt gã, làm gã ngứa ngáy khó chịu. Bỗng dưng, gã không thể xỏ nổi một đường kim trên khung nón. Gã bỗng thấy khát vọng điên cuồng. Đột nhiên miệng gã mở ra - (sau này gã cũng không nhớ lúc đó gã đã nói những gì, hình như gã xía miệng

vào hỏi một câu gì đó thật vô duyên). Đám con gái thành linh như bị xô dạt ra. Chúng in lặng trong một giây rồi bật lên những tiếng cười khúc khích. Con khát vọng mê muội trong Hùng quẹo bỗng biến thành một nỗi thù hận khủng khiếp. Gã vùng dậy như một con hổ đói, ném phăng cả cái khung nón vào đám con gái. “Đồ lũ ngựa cái mất dạy! Cút đi! Cút đi!”. Đám con gái sợ hãi bỏ chạy tan tác, còn Hùng quẹo thì bỏ sắp trên thềm cửa thờ hồng học như bị động kinh. Sau lần đó, không phải gã chỉ hối hận mà còn đâm ra sợ hãi cả chính bản thân mình, gã không dám nhìn thẳng vào bất kỳ phụ nữ nào đi qua trước mặt gã.

Căn nhà Hùng quẹo hình như được xây dựng lên một lần với cái nhà thờ, có từ thời ông cố gã. Đó là một trong những nhà thờ được xây dựng đầu tiên ở tỉnh, kiến trúc pha tạp nửa đình ta, nửa nhà tây. Nhà thờ từ trước đến nay chưa thay đổi, chỉ có quét vôi lại. Nhà Hùng quẹo chỉ còn cái nền cũ, còn mọi thứ khác đã thay qua đổi lại nhiều lần. Gia đình gã đạo gốc và họ đạo này là một xứ toàn tông. Thời gian Hùng quẹo lớn lên, gã đã chứng kiến nhiều sự đổi thay, nhưng có một sự không hề thay đổi: đó là những hồi chuông kinh nguyện sớm chiều. Bây giờ đây, dù tín ngưỡng đã mất tiêu trong gã, nhưng mỗi lần nghe tiếng chuông rung, cả tâm hồn cần cỗi và đầy thương tích của gã cũng như được đánh thức. Nhiều khi Hùng quẹo bỗng muốn la toáng lên cho tan những nỗi nhức nhối phiền muộn.

Giáo xứ nằm bên cửa ngõ thành phố, một vùng xôi đậu nửa thành thị nửa nông thôn. Trước giải phóng, một số ít giáo dân sống bằng nông nghiệp, có lẽ họ là những người duy nhất chưa bị cuốn vào những cơn lốc của thời thế. Đúc tin vào Thượng đế và sự gắn bó với đất đai quyền chặt làm một. Số còn lại dần dần lột bỏ gốc gác của mình, chuyển sang buôn bán làm các nghề khác, trong đó không ít người giàu có nhờ chiều tranh. Và gần như gia đình nào cũng có người thân là sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ, cảnh sát hoặc công chức của chế độ cũ. Bởi vậy có sự xáo trộn

lớn trong nếp sống, trong tư tưởng và tình cảm của bà con giáo dân ở đây, khi giải phóng đến. Sự kiện đó như một cơn bão lớn ập tới bất ngờ, có người lâu lắm vẫn chưa hết bàng hoàng.

Cuộc sống trước mắt, trước hết, tự nó đặt ra cho người ta những câu hỏi phải trả lời, những công việc phải làm. Thế là, như một sự ngẫu nhiên, những tổ hợp thôn ren, xay xát... ra đời. Rồi hợp tác xã tiêu thụ, hợp tác xã nông nghiệp... Có những công việc mà trước đây chẳng bao giờ người ta nghĩ tới, có khi còn tưởng là kinh khủng ghê gớm, bây giờ bỗng nhiên trở thành bình thường, trở thành những vấn đề thiết yếu của đời sống, gắn bó như máu với thịt, hợp với quy luật tự nhiên và chắc chắn chẳng có gì gọi là trái với lời răn của thượng đế cả. Một số thói quen cũ bắt đầu chết đi và một số thói quen khác đang hình thành.

Gia đình Hùng quẹo cũng không thoát khỏi sự xáo trộn nhất thời nói trên. Ông cố gã là người địa phương, có lẽ theo đạo từ thời Tự Đức hoặc Minh Mạng, thuở các vị giáo sĩ dòng Tên mới đặt chân lên đất cổ đô cũ truyền giáo. Thời ông nội gã, gia đình vẫn còn bám vào đất đai để sống. Đến thời ông bố gã thì đoạn tuyệt hẳn với nhà nông, mấy sào ruộng bán hết. Ông bố gã làm một viên chức quèn tại sở Công chánh, bị đau gan chết khi đứa em gái gã mới lên năm. Ba anh em gã, chỉ có thằng em kế là học hành được, cố gắng thi đỗ tú tài một, đi Thủ Đức trở thành sĩ quan. Gã và đứa em gái đầu óc tối mù học hành chẳng được; gã học tới đệ lục còn con em gái mới học đến lớp ba thì ở nhà. Bây giờ cũng may là gã vừa học được cái nghề chằm nón để kiếm sống qua ngày.

Tin ông Mỹ, một linh mục trẻ nổi tiếng, sẽ chuyển về thay vị linh mục già đã làm xôn xao trong giáo xứ. Sỡ dĩ như vậy vì ông Mỹ là một tác giả chính trong một vụ xuyên tạc nói xấu chính quyền cách mạng, bị câu lưu tạm giam hai tháng mới được thả ra. Trước khi bị giam giữ, ông Mỹ nắm một chức vụ khá quan trọng trong giáo hội. Ông được thả ra sau khi các vị có thẩm quyền trong giáo hội ở địa phương đứng ra bảo lãnh. Việc



đưa ông Mỹ về nhận chức tại một giáo xứ nhỏ là một trong những điều kiện mà giáo hội địa phương đưa ra cam kết. Bởi vậy, đối với ông Mỹ, sự “cưỡng bách cư trú” này chắc chắn sẽ không lấy gì làm vui.

Hùng quẹo cũng sốt ruột. Gã không thích gì miệng lưỡi của em gái gã và đám bạn bè của nó đã tô vẽ chân dung ông Mỹ như một vị anh hùng trong các cuộc thánh chiến. Nhưng gã cũng tò mò muốn biết mặt mũi ngang dọc của nhân vật dám công khai chống chính quyền sẽ về đây làm người lảng giềng của gã ra sao. Sự việc của ông Mỹ gã cũng đã nghe nói rồi, nghe đủ thứ nguồn dư luận.

Ông Mỹ về với một xe đồ đạc linh tinh. Giáo xứ tiếp ông cũng khá nồng nhiệt, có đủ các vị chức sắc. Riêng nam nữ thanh niên thì khá đông, chúng xoắn xuýt quanh ông như muốn công kênh vị anh hùng của mình lên khỏi đầu để tung hô. Chỉ thiếu có hoa và pháo. Chiều hôm đó Hùng quẹo không làm việc, gã ngồi ở chỗ cũ và quan sát thật kỹ tất cả mọi diễn biến tại nhà cha xứ. Khi ông Mỹ vừa bước xuống xe, chỉ có ông từ kéo chuông ở cạnh nhà Hùng quẹo một bước “lạy cha” hai bước “lạy cha” rồi rít và đám thanh niên ủa đến vây quanh, kiêng dè đồ đạc. Ba vị trong hội đồng giáo xứ vẫn đứng trên thềm nhà. Ông Mỹ dong dong cao, mang một cái áo thụng đen hơi cũ nhưng thẳng nếp, cổ có viền trắng. Mặt ông xương gầy, da bánh mật, khoảng trên ba mươi tuổi, trạc tuổi Hùng quẹo, nhưng khá đẹp trai. Chắc chắn ông Mỹ biết rằng tất cả mọi người đang tập trung chú ý đến mình nên mọi cử chỉ thái độ của ông đều tính toán vừa phải. Ông biết rõ đám đông để tới bắt tay ba vị trong hội đồng giáo xứ trước. Nói chung, Hùng quẹo không phát hiện ra điểm gì đặc biệt ở nhân vật lảng giềng nổi tiếng mới tới của mình. Gã chỉ khó chịu chút ít khi thấy đôi mắt ông Mỹ hơi láu liêng và ông nói cười hơi nhiều với đám thanh niên, trong đó có đứa em gái gã.

Cuộc sống trở lại với những ngày bình thường - Chuông nhà thờ, kinh lễ và mỗi người đều lo công việc làm ăn của mình như trước. Một số ít

người có ý chờ đợi một “biến cố” nào đó xảy ra khi ông Mỹ về. Hùng queo vẫn sống cô độc với cái khung nón trên một chỗ ngồi bất di bất dịch. Càng về sau này, gã làm việc nhiều hơn, năng suất gần bằng hai người thợ giỏi. Trong danh sách khen thưởng phong trào quần chúng ở địa phương, tên Hùng queo đã được nhắc tới một lần, nhưng vì thái độ quá cách ly của gã, cuối cùng người ta phải gạt ra. Hùng queo bên ngoài tỏ ra chẳng quan tâm tiếc nuối gì việc ấy, nhưng một đôi khi gã cũng cảm thấy băng khuâng suy nghĩ. Và, giả dụ, người ta có phát bằng khen cho gã chắc chắn gã cũng không đủ can đảm để từ chối.

Thời vị linh mục già, nhà cha xứ thường vắng tanh, chỉ đông người những khi có lễ lạt. Ông sống bình lặng nhịp nhàng như chiếc kim đồng hồ. Những người tốt rất mực mến thương, kính phục ông cụ, còn kẻ xấu cũng chẳng dám làm điều chi xúc phạm đến ông. Vào những chiều thứ năm và thứ bảy, trước buổi cơm tối và kinh nguyện, ông có cái lệ đi thăm từng gia đình giáo dân. Tuần này xóm nầy tuần kia xóm kia, cứ thế đúng một tháng ông cụ đã đi hết cùng giáo xứ. Gặp nhà có chuyện vui ông ghé lại lâu hơn, còn bình thường chỉ năm ba phút hỏi thăm sức khỏe, tình hình làm ăn sinh sống rồi đi. Bởi vậy, giáo dân tiếp ông với tất cả tấm lòng của mình. Hồi ấy ít có chuyện lộn xộn trong giáo xứ. Chính quyền địa phương cũng rất mực tôn trọng ông cụ, thường hỏi ý kiến ông cụ trước khi muốn triển khai thực hiện một vấn đề gì liên quan đến giáo dân. Còn giáo dân, sau một thời gian nghi ngại lo sợ cách mạng, đã bắt đầu làm quen với cuộc sống mới. Dầu cuộc sống ấy biết bao khó khăn nhưng họ hiểu được rằng ở đâu cũng thế, không chỉ riêng trong giáo xứ. Cái chính đối với bà con là việc lễ lạt kinh nguyện không ai cấm đoán như trước đây thường nghe nói. Tiếng chuông vẫn vang lên thánh thót sáng tối báo những giờ kinh lễ.

Thay đổi đầu tiên từ khi ông Mỹ về là nhà cha xứ thường xuyên ròn ràng khách khứa. Phần lớn là thanh niên, thanh nữ. Ông Mỹ chứng tỏ

là một người có sức hấp dẫn đặc biệt, có khả năng tập hợp tuổi trẻ. Chỉ một thời gian ngắn, ông đã tổ chức một loạt lớp giáo lý, một số hội đoàn nửa công khai nửa bí mật mang những tên gọi rất kêu, và, bày ra thường xuyên những cuộc sinh hoạt đông đảo vào các ngày chủ nhật. Đặc biệt là đội “Thánh ca” của nhà thờ tối nào cũng tập trung tại nhà ông hát xướng, có khi đông, có khi một hai người. Điều này đã làm cho không ít bà con lo ngại, thâm tâm nhiều giáo dân không bằng lòng, tuy vậy, không ai dám công khai phản đối. Dưới danh nghĩa các nhóm “*suy niệm phúc âm*” các tổ “*tình thương*”... ông đã tổ chức các buổi hành hương, du ngoạn, có khi lên núi, có khi xuống biển. Suốt ngày lúc nào cũng thấy ông tất bật, hình như ông bị cuốn hút vào những công việc này là chính, còn việc hành lễ kinh nguyện chỉ là thứ yếu, hoặc chỉ là những thủ tục phải làm lấy lệ cho xong.

Đứa em gái Hùng queo trước đây một ngày có thể chăm hai cái nón bây giờ có khi nửa cái làm không xong: nó còn bày ra may sắm, trưng diện cho những buổi pic-nic, cắm trại... Mặc dù hát rất dở và chẳng biết một dấu *đô, rê, mi, fa* nào, nhưng tối nào nó cũng có mặt trong đội “Thánh ca” của ông Mỹ.

Lúc đầu Hùng queo chẳng để tâm, nhưng dần dần vì ngày nào cũng chứng kiến cảnh rần rật tới lui tại nhà ông Mỹ làm cho gã nhức mắt, khó chịu. Nhất là ban đêm, tiếng đàn, tiếng hát, tiếng cười như thể nhạo báng chọc tức gã. Gã đâm ra xoi mói ông lảng giềng của mình. Mơ hồ, qua cách đi đứng nói năng của ông Mỹ, gây cho gã một vài ấn tượng đen tối, gã chưa định hình được nó như thế nào, nhưng gã có thể khẳng định đó là điều mà gã không thể chấp nhận được. Đúc tin gã không còn nhưng gã cũng không có lý do gì để báng bỏ nó. Ông Mỹ hiện ra trước mắt gã như một sự báng bổ, một sự quá trớn, sự tự kiêu, tự đại với những dục vọng thấp hèn không thể chấp nhận được đối với một bậc tu hành chân chính. Mỗi ngày định kiến đó càng được nhân lên, trở thành một thứ

tình cảm hằn học trong gã, nhiều khi quá khích. Ngược lại, ông Mỹ cũng chẳng thích gì gã chăm nón, một phần có lẽ do đứa em Hùng quẹo đã nói gì với ông, một phần do ngày nào ông cũng phải nhìn thấy gã với con mắt như chục khiêu khích. Ông thường rùng mình, có cảm tưởng như lúc nào gã chăm nón cũng sẵn sàng vỗ chụp lấy ông để cắn xé. Trong cuộc đời làm linh mục của mình, có lẽ ông chưa từng gặp trường hợp con chiên nào như thế. Gã chăm nón như một bóng đen của địa ngục án ngữ trước mặt ông mỗi ngày, mỗi giờ.

Bởi vậy, một lần ông Mỹ muốn nói chuyện với Hùng quẹo. Ông đứng trên thềm nhà ngoắt gã sang:

- Này anh Hùng, sang tôi hỏi một tí.

Hùng quẹo làm như không nghe thấy - “Có muốn hỏi thì sang đây, làm như cha cả thiên hạ” - Gã lẩm bẩm.

Lúc bấy giờ nếu đứng gần có thể thấy da mặt ông Mỹ đổi màu. Ông lẩm bẩm điều gì đó không rõ rồi quay vào nhà đóng sầm cửa lại.

Hôm sau, sau buổi lễ sớm, ông Mỹ gọi mẹ Hùng quẹo sang nhà. Không biết ông Mỹ đã nói gì với bà trong cả tiếng đồng hồ, khiến bà già bước ra cửa khóc ầm ục. Vừa vào đến sân, bà đã đẩy nghiêng Hùng quẹo:

- Mi là đứa vô nhân thất đức! Mi đã bêu rếu cả nhà chùa bừa chửi còn báng bổ cha xứ. Mi đi mô đi cho khuất, đồ cái thứ quỷ tha ma bắt.

Hùng quẹo ngồi yên. Gã đã quen tính khí của mẹ gã mỗi khi đụng tới chuyện nhà thờ. Gã không muốn trả lời, không muốn giải thích: mà nếu gã có giải thích thế nào thì mẹ gã cũng không bao giờ nghe gã. Đối với bà tất cả mọi thứ gì có liên quan đến đức tin, liên quan đến cha xứ, người đại diện của Chúa ở trần gian, đều bất khả xâm phạm. Bởi vậy, việc Hùng quẹo không chịu đi nhà thờ đối với bà là cả một tai họa ghê gớm. Trong kinh thánh có kể câu chuyện Chúa Giê-su chữa bệnh cho một người bị quỷ ám, cho nên bà luôn luôn nghĩ rằng, chắc chắn có một

con quỉ nào đó đã nhập vào con bà. Bà bị tổn thương, đau khổ nhưng lúc nào bà cũng không quên cầu nguyện cho gã. Hùng quẹo cũng thương mẹ, nhưng gã không chịu nổi tính khí và sự mù quáng của mẹ. Hai mẹ con trước đây thường gây gổ là vì thế. Thực ra, gã cũng không nhớ đức tin của gã mất từ lúc nào. Hình như nó đã mất từ lúc gã đối đầu giữa cái sống và cái chết mà gã biết chắc chắn rằng sẽ không có Thượng đế nào cứu được gã, và sẽ không có xứ sở thiên đường nào ngoài cuộc sống mà gã rất sợ phải bị mất.

Từ đó quan hệ giữa ông Mỹ và Hùng quẹo trở nên căng thẳng thật sự. Trong một buổi giảng ở nhà thờ ngày chủ nhật, tuần lễ thánh, ông Mỹ đã nêu đích danh tên Hùng quẹo trong khi nói về việc Giu-đa bán Chúa. Hùng quẹo cũng không chịu thua, kể từ đấy, nếu có dịp, gã bắt đầu báng bổ ông Mỹ với tất cả từ ngữ mà gã có.

Rồi một hôm bỗng dưng có hai nguồn tin được tung ra cùng một lúc, mặc dù xuất xứ và mức độ có khác nhau. Một nguồn tin, có lẽ xuất phát từ những người bao bọc chung quanh ông Mỹ, nói rằng Hùng quẹo làm “cò mồi” cho công an rắp tâm hại linh mục quản xứ. Một nguồn khác, đúng hơn là dư luận, xì xào về quan hệ không đúng đắn giữa ông Mỹ và phụ nữ. Dư luận này có từ khi cô H. thêu ren ở cuối xóm, một giọng ca chính trong đội “Thánh ca” của nhà thờ bỗng nhiên bỏ việc đi đâu không biết. Gia đình thì bảo cô ta đi Đà Nẵng chữa bệnh. Đó chỉ là một cách nói thôi, ai cũng biết như thế. Từ khi ông Mỹ đến, cô ta là một trong những người tích cực nhất của đội “Thánh ca”, không có tối nào vắng mặt tại nhà cha xứ. Khi nguồn dư luận đó đến tai Hùng quẹo, gã tuyên bố thẳng thừng với em gái gã: “Tao biết tổng cái con H. nó đi mô...” Bình thường em gái gã đã đốp chát lại tay đôi với anh, nhưng lần này nó chỉ ngoe nguẩy bỏ đi, nói trống: “Anh thì cái chi không biết”.

Không biết mức độ xác thực của cái nguồn dư luận đó như thế nào, có điều, cả hai sự việc trên đều có những luận chứng khá bảo đảm. Về

nguồn tin thứ nhất do việc thời gian gần đây anh công an xã thường xuyên ghé chỗ Hùng quẹo. Điều này, chẳng những không cải chính, Hùng quẹo còn tuyên bố bô bô: “Tao làm việc cho công an đó, đũa nào làm gì!”. Thực ra, vì quá tức giận, gã nói cho đã vậ thôi, chứ có làm việc hay không gã cũng không biết. Anh công an xã thời ông linh mục già ít khi đến giáo xứ, chỉ trừ những khi có việc liên quan đến an ninh, hộ khẩu, hợp hành. Không hiểu sao, từ khi ông Mỹ về, anh đến luôn và chọn Hùng quẹo làm đối tượng để trò chuyện. Có lẽ một phần do chỗ gã gần nhà thờ. Riêng Hùng quẹo, lúc đầu gã vừa sợ, và giữ kẽ, không biết anh ta sẽ tra vấn gì mình. Hóa ra, mọi việc quá đổi bình thường. Cái anh chàng mặt mày lạnh như tiền ấy, tưởng chỉ có mỗi công việc tìm cách bắt giữ người khác, nhưng qua tiếp xúc, Hùng quẹo thấy anh ta cũng chẳng có gì đáng cho Hùng quẹo khiếp sợ cả, trái lại còn vui tính nữa là khác. Bởi vậy, dù chưa định rõ mức độ tình cảm của mình như thế nào. Nhưng mỗi ngày gã càng cởi mở, ít giữ kẽ hơn trong tiếp xúc với anh ta. Và, quả thật, cũng có một đôi lần anh ta hỏi Hùng quẹo về sinh hoạt của ông Mỹ, nhưng chỉ hỏi như để cho biết vậ thôi, chứ không phát biểu ý kiến gì. Cũng có thể anh công an giữ ý, nhưng điều đó cũng không đủ để kết luận là Hùng quẹo làm cò mối. Hùng quẹo không tức giận vì dư luận cho gã làm “cò mối”, nhưng gã cay cú với kẻ đã tung ra nguồn tin đó, mà gã cho rằng chỉ có ông Mỹ chứ không là ai khác, vừa để khóa lấp chuyện của mình, vừa để bêu rếu gã.

Riêng về dư luận đối với ông Mỹ thì không phải xuất phát từ Hùng quẹo. Có thể nói do bà o giúp việc ông Mỹ, hoặc là từ một người nào đó trong đội “Thánh ca”. Dư luận này, mặc dù được ém nhem từ mọi phía, nó vẫn lan đi rất nhanh, vượt ra khỏi phạm vi giáo xứ. Nhưng dù đã có nhiều giáo dân bắt đầu không bằng lòng, phản đối ông Mỹ thì mọi người cũng không muốn kẻ chặn dắt linh hồn mình bị xúc phạm. Hình như đã có kiến nghị của hội đồng giáo xứ đề nghị giáo hội nên chuyển ông Mỹ đi một nơi khác.

Giữa lúc mọi việc còn đang nhập nhằng như thế thì, bỗng nhiên, cô gái mất tích đột ngột trở về. Rõ ràng sau gần hai tháng vắng nhà, cô ta giống như người vừa ốm dậy. Mặt mày xanh lét, chỉ có thân hình thì như có vẻ đầy ra. Và, như thể không biết có chuyện gì xảy ra trong thời gian mình vắng mặt, cô ta vẫn tìm đến nhà ông Mỹ ngay buổi chiều vừa trở lại. Ngoài ra, cô còn đến đấy cả những giờ mà chỉ có Hùng quẹo mới biết. Điều này làm cho gã chằm nón nảy sinh một ý định, không phải để trả thù, cũng không phải do lòng ghen ghét, nhưng mà là để chứng minh một điều gì đó mà bản thân gã chưa phán quyết đầy đủ. Nhưng ý định đó thôi thúc gã mãnh liệt, làm cho gã run lên như sắp phải ra tòa phán xử cuối cùng. Hôm ấy, gã ngồi thu mình trong góc tối mái hiên nhà trong tư thế của người rình bắt kẻ trộm. Bấy giờ vào khoảng nửa đêm. Gã không biết gã ngồi như thế đã bao lâu, cho đến khi gã có cảm tưởng gã thở không nổi nữa thì bóng cô gái hiện ra trong hành lang nhà thờ. Như một con mèo, cô ta biến rất nhanh vào cửa hông nhà ông Mỹ. Hùng quẹo đứng bật dậy như chiếc lo xo làm vết thương đau nhức, suýt nữa bổ chúi về phía trước. Rồi gã phóng như điên đến nhà cha xứ. Nhưng đến trước cửa gã bỗng khựng lại và, như có một sức hút ma quái xô đẩy, gã vội nhảy lên hành lang nhà thờ, chạy đến chỗ tháp chuông. Khi hai bàn tay Hùng quẹo cầm được sợi giây thì không phải gã kéo nữa, mà là cả người gã đu theo những hồi chuông đổ dồn dập vang dội cả không trung, những hồi chuông như những tiếng kêu thất thanh, cầu cứu của thánh thần, đất trời, cây cỏ... trong bóng đêm dày đặc. Còn Hùng quẹo, gã không biết chuyện gì xảy ra sau đó, phút đầu gã chỉ có cảm giác là một nửa con người gã như vụn nát tan tác ra muôn ngàn mảnh, còn một nửa con người kia như đang bay lơ lửng vào một thiên đường trần gian nào đó...

T.N.S

C A O L I N H Q U Â N

# Dã Tràng

(SH số tháng 7 - 1984)

Có một con Dã Tràng sống ngoài bãi biển Nha Trang.

Ngày trước, cũng lâu rồi, đang tuổi thiếu niên, ham rong chơi, có lần nó lên tới mặt đường, ngơ ngàng nhìn Viện Pasteur mới xây cất xong. Cái lâu đài đứng một mình trong nắng như dát vàng đỏ làm chú ta mê mẩn. Con người tài giỏi thật! Những cái ta xây cất bao năm nay có thấm tháp vào đâu. Kia có một ông nhỏ đang tần ngần đứng bên kia đường. Ta phải đến gần, tận nơi, xem Con Người là cái gì mà nó tài giỏi thế?

Dã Tràng tiến gần đến Con Người, cách chừng năm bước chân. Nguy khốn rồi! Mặc dầu Dã Tràng tháo chạy với một tốc độ kinh hồn, cậu bé, đâu phải mình cậu ta, còn một cô bé nữa cũng lao theo... băng qua đường, xuống tới sát biển và tóm gọn được chú mình.

- A, nó giống con cua!

- Cho em đi, em buộc chỉ chơi...

- Không được, để nướng ăn hay hơn. Thịt nó thơm lắm, không kém gì cua bể đâu!

- Đừng, để nó sống xe cát cho mình xem không vui hơn à?



Cậu bé giật lấy Dã Tràng, nhổ thử một cái càng, cái bụi nhất. Trời đất! Mất cánh tay này rồi, mình còn đào bới xe cát làm sao được nữa? Dã Tràng co quắp chân tay lại. Cậu bé tháo gỡ từng cặp một và đâm cẩu. Cậu định nhổ tuốt lượt cả cho gọn.

Vừa lúc đó, bác sĩ Yersin từ sau bồn hoa cúc trước Viện Pasteur bước lại gần. Ông già có ý muốn phân xử và xin được xem cái của lạ.

- Ô, anh bạn Dã Tràng - bác sĩ nói giọng trầm trầm - ngọn gió nào đưa mình tới đây? Các con, sao lại nỡ lòng giết hại một sinh vật, một kỳ công của Tạo Hóa? Đưa nó cho ông, ông xin; các con có thêm kẹo không?

Ta thoát chết rồi! Dã Tràng tin tưởng nhìn vào mắt ông già. Đôi mắt không lớn nhưng có độ nhìn xa của những vì sao từ một đám tinh vân. Đôi mắt đau buồn nửa châm biếm nửa xót thương.

- Sao con lại nghĩ tới chuyện ăn thịt nó được nhỉ? - Yersin nói bằng một thứ tiếng Việt lơ lơ nhưng rất sôi - có phải thịt con gì cũng ăn được cả đâu!

Cô bé ngây thơ nói:

- Thôi tha cho nó, thả nó về với biển, nó sẽ sống thêm mấy chục tuổi nữa, có phải không ông?

- Ủ, Dã Tràng sống lâu lắm, chừng nào chưa có ai giết nó. Dã Tràng sẽ phù hộ, ban cho con sống thêm một đời nữa. Con muốn không?

- Một đời lâu không hở ông? Đến lượt thằng bé hỏi. Nãy giờ nó vẫn cúi đầu nghĩ ngợi gì không biết làm Dã Tràng đâm lo.

- Một đời, nếu là của con người dài chừng năm mươi năm. Như vậy con sẽ được sống hai lần một đời người. Thử tính xem bao nhiêu năm nào?

Cô bé liến láu:

- Vậy là những một trăm năm cơ à? Thích quá!

Thằng bé lại hỏi:

- Thế... thế ông sống được bao năm rồi?

- Tám mươi.

- Cũng chưa lâu...

- Vậy hả? Sao ông thấy nó dài kinh khủng!

Đột nhiên thằng bé hỏi:

- Đã có bao giờ ông giết một con vật nào chưa?

Yersin cau mày nhìn nó hồi lâu. Ông nói lắp:

- Chưa... chưa bao giờ.

- Sao người trong xóm Cồn họ bảo ông giết nhiều chuột lắm?

- À... chuột và bọ chó. Chúng cũng là những sinh vật nhưng là những sinh vật có hại. Ông chỉ giết những sinh vật nào gây ra cái chết cho con người. Thực ra ông cũng không chủ tâm giết những con chuột; ông chỉ tìm giết vi trùng dịch hạch thôi... khốn nỗi, chúng lại chứa chấp những thứ đó!

- Còn những con người giết những con người thì sao? Ông có giết chúng không?

Yersin ngó người ra. Ông thấy như có một Descartes đang đứng trước mặt mình. Quả thật ta không lầm, ông nghĩ bụng, Việt Nam là một giống người thông minh gan góc. Ta đã nhận ra điều này ngay khi mới đặt chân tới đây. Lần gặp toàn quyền Robin năm trước, ta chẳng đã nói với hắn rằng: Các ông chẳng ôm nể Đông Dương trong vòng mười năm nữa đâu! Chính trị là việc của các ông, tuy nhiên tôi phải nói, các ông không phải là bạn, các ông là kẻ thù của họ! Các ông thực tàn bạo! Đông Dương đang cấp cứu! Họ sẽ tự cứu mình!

Thấy thằng bé cứ đăm đăm nhìn mình, ông xoa đầu nó. Nó đâu đã chịu buông tha mình! Tình quái thật.

- Người giết người ư? Chuyện đó còn tùy... do luật pháp của con người

có cho phép hay không? Không ai được quyền giết người! Tốt hơn cả là chặn đứng những bàn tay đang định giết người lại. Con người là một sinh vật cao cả thiêng liêng. Hãy nghiêng mình trước Con Người (nhưng phải là con người thực là người ấy). Xin nhớ lời ông nói, đừng nhớ sai nghe: Nếu có người nào hỏi con, Yersin là ai, thì trả lời họ - Yersin là một con người chưa bao giờ và không bao giờ giết một con người! Đấy!

Ông giơ hai bàn tay: bàn tay xương xẩu, thô ráp, có những vết xước bóng do hóa chất gây ra. Dã Tràng nép mình trong lòng tay đó, ép sát, cặp mắt nghiêng ngửa dò xét. Cô bé khúc khích cười. Cậu bé vẫn đứng yên nhìn ông sững sờ.

Yersin xoa đầu chúng lần nữa rồi đi thẳng xuống biển.

Những con sóng quen thuộc đã trườn lên, bò tới, quấn lấy chân ông. Bác sĩ ngồi xuống trên cát, áp Dã Tràng vào má, vào chòm râu gai góc lờm chờm rồi nói với nó những lời có cánh sau đây:

- Dã Tràng ơi, người bạn lớn của ta! Ta đã cứu mình thoát chết, nhưng mình đừng ngây thơ tin là sẽ không gặp tai họa nữa.

Có lần, trong một đêm hè, qua ống kính thiên văn, ta đã phát hiện được mấy vì sao trò chuyện bằng mấy ngôn ngữ gần giống nhau - ngôn ngữ Tình Thương. Quay nhìn về trái đất, ta đau đớn bắt gặp chính đồng bào của ta đang gây ra tiếng nói hận thù ở đây. Suốt đêm ấy, ta không ngủ được. Vậy là Pasteur thầy học kính yêu của ta, mấy người bạn ta nữa - Roux, Kalmès, Guérin - dù đã cố công, vẫn chưa đủ sức cứu vãn con người! Vẫn còn một thứ dịch hạch nữa hoành hành bao đời nay - Dịch hạch Chiến Tranh. Ta đành khoanh tay ngoài vòng bất lực? Ta không muốn dính dấp vào chính trị! Nhà ở ta là Trái Đất, phòng thí nghiệm ta là Vũ Trụ. Ta chỉ là một hạt cát biết suy nghĩ, vậy thôi! Nhưng rồi bao đêm ta vẫn không ngủ được. Trận dịch hạch mới đang tới gần, nước Pháp của ta đâu? Sao Người già nua và khiếm nhược đến thế? Ta buồn quá. Còn Đông Dương nữa, cũng đang chìm trong biển máu!

Còn mình Dã Tràng ơi, mình đã gặp ta ở đâu rồi có biết không? Năm ấy ta già từ Hồng Kông ra đi lòng buồn rười rượi. Lúc đầu, ta có ý định ở lại xứ sở ta đã tìm ra trùng dịch hạch. Ta thương những con người đau khổ cần cù có một không hai đó. Nhưng rồi lòng ta không yên: sống ở đất Tàu tối tăm và mệt người! Chỉ có dân Anh là chịu nổi, họ lạnh lùng và hám lợi. Ta là người Pháp, ta yêu Tự do. Khi ta đặt chân lên bờ biển Nha Trang, ở chỗ kia kìa, người đầu tiên ta gặp là mình. Mình giơ cao vòng tay chào đón ta. Bờ biển nước Pháp, hình như không có sinh vật kỳ lạ này? Nhìn mình nhào nặn những công trình dở dang bị sóng biển cướp đi ta thật lấy làm lạ. Các bạn đứng quanh ta cũng cười. Ta hỏi một người dân chài, người này cắt nghĩa cho ta hay việc làm không công vô nghĩa của mình. Ta đứng lặng hồi lâu suy nghĩ. Đạo ấy, ta đã trầm tư nhiều về Cái Chết, về kiếp phù sinh này. Người đời vẫn coi thường những cái nhỏ bé - đó chính là cội nguồn của bao nhiêu hiểm họa. Cái Nhỏ Bé thường khi lại là mặt trước của cái Hệ Trọng. Không, họ lầm. Họ không hiểu mình. Mình là sinh vật can đảm nhất trên thế gian này. Bao thất bại đâu có làm mình bỏ cuộc? Vinh quang của mình là ở cuộc chiến đấu không ngang sức. Ai sẽ là người được chứng kiến cái Hồi Kết của cuộc vật lộn giữa mình với biển cả? Chỉ có Vĩnh Cửu! Các nhà khoa học thường khi đều có những thân phận tương tự?

Ta quyết định ở lại đây. Ta yêu đất nước trong lành này.

Nha Trang, ai đã đến đây, người đó sẽ được sống thêm mười tuổi. Ta yêu người Việt Nam như yêu người Pháp, hay còn hơn nữa (liệu có ai trách cứ ta không?). Trái tim ta đầy ắp tình thương yêu ấy đến nỗi không còn chỗ để hình bóng một người đàn bà nào có thể len vào. Cũng không ai dám đem quyền lực và tiền bạc ra để cướp đoạt nó!

Vĩnh biệt nhé. Dã Tràng ơi, người bạn lớn của ta! Trả mình về với tự do. Hãy tiếp tục chiến đấu! Ngày này với mình là khởi đầu, với ta lại là kết thúc. Ta biết ta sắp chết. Ta linh cảm thấy điều này trong những ngày gần đây...

Yersin đặt nhẹ Dã Tràng xuống cát. Dã Tràng chưa kịp giờ tay chào ân nhân, nhà bác học đã quay gót.

Biển ném vội theo một con sóng ầm ào muốn kêu lên, muốn phủ nhận điều xui xẻo trong câu nói vừa rồi của ông.

... Mùa đông những năm bốn mươi như kéo dài sang tới tháng 3 năm sau. Ở Đông Dương không ai buồn nghĩ tới chuyện đón xuân. Có hai tên hiến binh Nhật bất thần ập vào phòng bác sĩ Yersin. Người Pháp chạy đi đâu cả rồi? Dân xóm Cồn đói khát lênh đênh, moi tìm kiếm ăn trên biển động. Tên lính Nhật định giết chết bác sĩ bằng một mũi lê. Tên sĩ quan ngăn lại. Y lục soát mọi thứ trong nhà, dùng những lời lẽ độc địa nhất mà người Nhật có thể thu góp được sau bao năm Duy Tân để diễu cợt người Pháp.

Bác sĩ thoát chết nhưng ông cũng không muốn sống nữa.

Yersin lên cơn đau. Một người dân xóm Cồn mang tới một thanh kỳ nam có tới nghìn năm tuổi. Bác sĩ lắc đầu, từ chối, cảm ơn. Mười ngày sau ông chết.

Dã Tràng nghe những người dân đánh cá trên các ghe thuyền loan tin bác sĩ đã mất. Nó muốn tới viếng ông, nhưng người ta đã đưa ông lên Suối Dầu, đặt ông nằm trên một ngọn đồi, đầu quay về phía biển.

\* \* \*

40 năm sau.

Một người đàn ông, một người đàn bà cùng dạo biển Nha Trang.

Người đàn ông là đại tá. Người đàn bà là nhà văn.

Người đàn bà hỏi người đàn ông:

- Anh nghĩ gì về Nha Trang sau 25 năm xa cách?

Người đàn ông trả lời sau một lúc suy nghĩ:

- Anh đã đi qua 16 nước. Không có nơi nào đẹp như Nha Trang mình. Đẹp không phải chỉ vì Nha Trang là quê hương mà vì Nha Trang là Nha Trang; Nha Trang đẹp thật, không gì so sánh được...

Người đàn bà tán thưởng:

- Anh nói đúng. Em cũng đã từng nghỉ dưỡng ở Xôsi, Vácna... Hai mươi năm sống ở Hà Nội, Nha Trang vẫn nằm trong giấc mộng. Đôi khi em cứ nghĩ, có lúc nào vật đổi sao dời. Hòn Tre kia tự nhiên biến đi đâu, bãi biển này quẹo vào chỗ khác, không còn cái đường cong của liềm trắng nữa thì Nha Trang không còn là Nha Trang... Trở lại Nha Trang lần này, những hình bóng cũ, anh nhớ nhất là ai?

- Câu phỏng vấn này hơi khó đây... Cách mạng Tháng Tám, chống Pháp rồi chống Mỹ, bây giờ lại chống Tàu... biết bao đồng chí đã hy sinh. A, phải rồi, có một người, một người, một người không thể quên được, người công dân kỳ lạ của Nha Trang, ông Yersin.

Người đàn bà reo lên như trẻ thơ:

- Đúng! Yersin!

- Ta lại thăm nhà ở của Yersin đi!

- Ừ phải đấy, em sẽ chụp ít tấm hình làm kỷ niệm.

- Nó đâu rồi nhỉ? Cái lều ông Tư ấy?

Dã Tràng nghe rõ hết. Nó hồi hộp đi lần theo bờ cát. Họ dừng lại hỏi một ông già đang câu cá. Ông già giơ tay chỉ một ngôi nhà nghỉ mát ba tầng mới xây, đủ sức chứa cả trăm con người ở.

Họ quay lui, đi sát ngang qua trước mặt Dã Tràng.

- Nhà của Yersin không còn nữa - người đàn bà nói đoạn ngoái đầu nhìn Viện Pasteur, rồi đưa mắt dõi trông về phía biển xanh.

- Anh à, tự nhiên em nảy ra một ý định...

- Ý định gì?

- Em sẽ viết một cuốn truyện về cuộc đời của bác sĩ Yersin, một ân nhân của nhân loại, một người của chúng ta. Viết cho trẻ con đọc.

Người đàn ông cười:

- Hay đấy! Nhưng dè chừng nghe, không khéo lại công... dã tràng!

Dã Tràng hơi choáng, nhưng nó trấn tĩnh ngay.

- Em sẽ giành ít ra là một nửa đời mình còn lại để viết.

- Viết về những người hiền triết khó lắm!

- Không sao! Em sẽ cố gắng. Viết về một nhà khoa học như Yersin, em cũng phải kiên nhẫn trong công việc trầm lặng như một nhà khoa học. Nếu không thành sẽ có người khác viết tiếp. Đời là vậy thôi.

Dã Tràng mừng thầm. Nó đang chờ đợi và sẵn lòng làm tiếp công việc đó.

*Nha Trang 1983*

*C.L.Q*

T Ô N H U Ậ N V Ỹ

# Tiếng nói mặt đất<sup>(\*)</sup>

(SH số tháng 9 năm 1984)

– Tặng PTTN –

## I.

Tiếng còi như con thuồng luồng đen khổng lồ chạy loạn lên trong không gian với tiếng hụ hụ trần truồng. Mọi vật loạng choạng. Cây lim già, cây đa nhiều cành, cây si rể già, những hàng cây lớn bé bên hồ rừng mình, rồi như cùng một lúc nghiêng hàng vạn tai lá nghe tiếng hụ. Đã khá lâu rồi, tiếng hụ của còi mới quen lại trong không gian thành phố.

Tiếng còi lạ, dai dẳng.

Thiên nga trắng đang ồ ồ tâm sự ngoài đảo chim bồ công lên thất

---

\*. Tháng 12/1972, Hội Nhà văn Việt Nam lập Tổ phóng viên xung kích chi viện cho báo *Hà Nội Mới* để góp phần phản ánh cuộc chiến đấu oai hùng của quân dân Hà Nội chống B52 Mỹ. Tổ xung kích này lấy từ Lớp bồi dưỡng khóa 5 của Hội Nhà văn (có những tác giả từ chiến trường miền Nam vừa ra) là Tô Nhuận Vỹ, Văn Dinh, Phan Thị Thanh Nhân, Đỗ Thị Từ. Họ đã có mặt ở những điểm nóng Đông Anh, Mỹ Trì, Khâm Thiên... ngay khi bom Mỹ vừa rải xuống và đã có những bài viết nóng bỏng từ những thực tế đau thương và anh hùng này. Truyện ngắn này Tô Nhuận Vỹ viết ngay Mùa Giáng sinh lịch sử đó.



thanh. Rồi giống như một người mất trí, nó lao xuống hồ, hai cánh đập lạt rạt, lết trên nước như chạy.

- *Máy bay địch đã lọt vào bầu trời thành phố...*

Dưới cảnh sáu đầu ngà ba, loa phóng thanh truyền đi một giọng nữ trung, rõ và tròn tiếng. Không gian trên tất cả những ngọn cây và dưới hết các tán lá dày như có tiếng thở phào yên tâm, nhưng mơ hồ.

Những chuỗi nổ đã bắt đầu phá mặt đất.

Từ các hướng đang dậy tiếng bom. Tiếng sau to hơn tiếng trước, gom dần về vùng đảo chim. Súp - lê từ doanh trại nào xoi cả vào đất, báo cho lòng đất thức dậy. Nhưng đất thì trốn đi đâu với cái lưng mệnh mông của mình. Những con đê đục thường gọi mái vào giờ này cũng im bật. Người qua đường và những đôi trai gái vội vã, lom khom nhảy xuống các hầm tròn như giếng cạn. Tiếng nổ tạt lên mặt hồ khiến những con cá giật mình, bắn lên trắng nhờ rồi rớt xuống lồm tồm. Cả ngọn gió hồ Tây trèo qua con đường đất cao ngày xưa là tường thành kinh đô tới đây cũng nặng nhọc như một nhịp đập gấp. Con Thiên nga tội nghiệp chạy trốn tiếng nổ không tìm đâu ra chỗ nấp. Bỗng thấy bóng người ở cái hầm cạnh cây si quen thuộc, nó lết tới bằng đôi cánh đập nước lạt rạt.

Ngoài sắc trắng nhờ của đêm bỗng hừng hừng ở các quãng hở của lá, giữa đoạn cách các thân cây và đầy cả lá trên các ngọn cao. Bầu trời bắt đầu cháy. Từ những nơi nào?

Những chuỗi nổ dai dẳng. Nhưng bây giờ chẳng còn biết được sự gần xa là từ đâu.

\* \* \*

Cây si rẽ dài cúi xuống mặt hồ, trùm bóng tối lên chiếc ghế đôi dưới gốc nó. Ngay bên cạnh chiếc hầm tròn đúc xi măng.

Một Người - Đàn - Bà vừa nhảy xuống thì chuỗi nổ gần đánh dồn chĩ

vào thành hầm. Chị rên một tiếng rất khê và thụp xuống. Từ trên chỉ thấy một quành tròn tối của miệng hầm. Vụn xi măng rơi đổ xuống lớp lá khô dưới đáy lò rào. Bom nổ phía Ngọc Hà? Hay đường Thanh Niên? Hay từ đâu? Chuối nổ sau trái ra xa. Ở đâu nữa? Người - Đàn - Bà rút hai ngón tay ra khỏi tai, lắc đầu rũ đất bụi và cũng là để trấn tĩnh rồi ngược mắt nhìn lên. Bầu trời đang cháy. Tiếng nổ gần, tiếng nổ xa... Tất cả như từ bầu trời tròn đổ ập xuống hầm, và cũng từ đâu đây, từ chung quanh đây tung lên. Nó đỏ dần... Đến mức khó nhận ra những bùng lửa của đạn lớn ở tầng cao. Những luồng năm mươi bảy ly thẳng băng từ phía sân Hàng Đẫy rạch những đường đỏ lừ rất chụm và diêm tĩnh.

Có tiếng lịch bạch phía trên hầm.

- Sao anh đứng đấy?

Một mảnh bom chém rạt vào đám lá si. Người - Đàn - Bà rùng mình. Một tiếng quát thất thanh ngay trước bờ nước.

- Ôi con Thiên nga háu ăn! - Người - Đàn - Bà thẳng thốt.

Lại một mảnh bom chém vào thân cây đa bên trái. Con Thiên nga rúc vào chân Người - Đàn - Ông, cuống quýt vì tiếng rên thảm thiết.

- Con chim hả? - Anh dúm con Thiên nga vào lòng Người - Đàn - Bà.

Loạt bom thứ ba nổ như đào đất. Người - Đàn - Bà bất thần kéo tuột Người - Đàn - Ông xuống.

Hai người với con Thiên nga nên chật. Người - Đàn - Bà lúng túng, đứng dậy. Nhưng cứ mỗi tiếng nổ chị lại thụp xuống. Thiên nga lại lộ ộ rên. Chẳng biết vì bị ép hay vì sợ. Chắc vì cả hai. Còn Người - Đàn - Ông vẫn trầm tĩnh nhìn lên bầu trời cháy đỏ.

Những tiếng nổ bỗng dịu đi nhưng tiếng ì ì như tiếng xay lúa vẫn vùì trong những tầng mây cao.

- Đồng bào chú ý, máy bay địch vẫn đang...

Hình như khi bom ngừng thì ánh sáng các đám cháy từ các phía mới

thật đỏ hơn. Cả công viên như được soi rõ bằng một ngọn đuốc giữa trời. Người - Đàn - Ông xem đồng hồ, chống hai tay lên miệng hầm lấy đà.

- Đừng coi thường tội Bê năm hai.

Người - Đàn - Bà vẫn ôm con Thiên nga vào lòng, nhắc. Giọng của chị là giọng của một người quen nhắc nhở người khác. Nhưng đều đều, mệt mỏi.

- Trong đầu chị có một chiếc Bê năm hai đấy.

Hình như Người - Đàn - Bà không nghe thấy. Chị nghiêng tai lên phía những tầng mây cao. Tiếng ì ì lại mỗi lúc một rền. Những nháy lửa như chớp giông. Tiếp theo là tiếng nổ xé không khí. Lần này có vẻ xa hơn nhưng đất dưới hầm như bị xé ra. Bom xuyên? Dây nhà nào vừa sập? Bao giờ thì đến lượt những thân cây này? Mặt hồ này? Con Thiên nga này nữa?

- Không! - Người - Đàn - Bà ôm chặt Thiên nga, vượt lên bộ lông trắng như bông của nó.

- Chị nói gì?

- Đầu.

Anh bộ đội kéo tay một cô gái cùng xuống cái hầm tròn trước mắt, mà này giờ hai người không thấy.

- Bom đạn thế này lại dẫn nhau đi chơi - Người - Đàn - Bà lại nói bằng một giọng chán ngán.

- Chắc anh ấy sắp ra trận. Chia tay mà.

Giọng trầm của Người - Đàn - Ông tự nhiên cũng nhẹ xuống, như thanh minh cho bạn bè.

- Đàn ông các anh thật ích kỷ. Sắp ra trận lại yêu, lại cưới. Để có chuyện gì thì...

- Chị nghĩ thế?
- Tôi là đàn ông, có gan ra trận thì có gan gác chuyện riêng lại.
- Chị nghĩ thế thật à?
- Đấy, Bê năm hai, bom như trấu.

Con Thiên nga rung rung cái thân đầy ấp mầu trắng của nó, cổ lục khục như mắc sỏi. Hay nó muốn nói chen vào một câu gì?

- Chắc chị chưa bao giờ yêu?
- Thiếu sáu ngày tôi đã hai mươi sáu tuổi.
- Con trai nước này đánh giặc hai mươi bảy năm rồi.
- Cả anh?
- Hai năm trước tôi còn cầm súng.

Im lặng lại làm quăng cách giữa hai người. Chỉ có tiếng lạp cạp của mỏ Thiên nga cắn vào cúc áo Người - Đàn - Bà. Phút giây đáng sợ đã qua, bây giờ nó có vẻ yên tâm hơn. Ừ, giá như nó nói được như con Thiên nga Đan Mạch xưa ấy, ví thử một câu thôi, nó sẽ nói gì nhỉ?

- Có mùi máu ở đâu? Người - Đàn - Bà bắn khoản hỏi.

Nghe nói, Người - Đàn - Ông xoay nhìn ra chim. Anh hỏi buông;

- Anh ấy ở đâu?
- Anh lịch sự một chút! - Giọng Người - Đàn - Bà đột ngột rung lên.

Người - Đàn - Ông luống cuống. Anh mơ hồ cảm thấy mình vừa chạm vào một vết thương của Người - Đàn - Bà.

- Xin lỗi chị.

Người - Đàn - Ông lấy đà nhún người lên. Đúng lúc đó, Người - Đàn - Bà thấy ở vạt quần trên đầu gối của anh một vết đen sẫm.

- Máu! Anh bị?...

Người - Đàn - Ông đã gỡ tay của Người - Đàn - Bà ra.

- Tôi không phải là con Thiên nga. Tôi cần đi gấp.

- Không được!

Người - Đàn - Bà buông Thiên nga rồi lấy từ trong túi ra một cuộn băng vô trùng. Rất tự nhiên, chị kéo ống quần của Người - Đàn - Ông lên xem vết thương. Một mảnh bom bằng đầu đũa cắt chéo qua. Vết thương cạn, may quá. Máu đã đông lại, đen nháy. Anh bị ngay loạt đầu tiên trên đường qua đây. Nhìn tay băng thành thạo của Người - Đàn - Bà, anh hỏi:

- Chị kiêm y tá à?

- Tôi là bác sĩ. Tôi phải đến bệnh viện, phía đang nổ đó.

- Tôi đưa chị đi được không?... Mà chị không sợ...

- Có lúc cần thế.

Đúng lúc quá. Không gian chùng xuống khi tiếng nổ bỗng ít đi. Chúng rút ra rồi nhưng sẽ còn đánh bao nhiêu đợt nữa từ giờ tới sáng?

Người - Đàn - Bà vuốt đầu con Thiên nga khi nó cuộn lấy chân chị.

- Sợ có lúc thôi em - Chị nói với nó - Không đàn ông họ cười.

- Ngày trước chắc chị hay ra đây?

- Cả bây giờ.

- Với?...  
- Bốn mươi cây số Đông Nam vẫn có máy bay địch...

- Xin anh đừng hỏi

Lần thứ hai Người - Đàn - Ông lúng túng. Anh nhìn theo dáng đi quả quyết của Người - Đàn - Bà phía trước, tần ngần không biết nên theo hay đạp xe về nhà máy. Nhưng nhà máy anh lại sát bệnh viện ấy. Phía đó, những cơn rùng rùng của tiếng nổ lại vừa dậy lên.

## II.

Từ mấy năm trước, Thiên nga trắng đã quen Người - Đàn - Bà làm nghề bác sĩ ấy. Đó là vào những chiều chủ nhật đẹp trời, những đêm giữa kẽ hở của vòm lá có những ngôi sao nhấp nháy. Đó là thời gian của tình yêu. Lúc yêu nhau mọi người đều thông minh nên biết chọn chỗ đứng và thời gian cho mình. Trong hàng trăm chỗ ngồi ở công viên này, họ đến chiếc ghế đôi trước cây si bên hồ. Thiên nga cũng thường bẽnh tới đó giữa bóng si rậm rạp đổ xuống khi mặt trời ngả về phía Tây, và đêm đến, lạ quá, gió từ đâu cũng vuốt nhẹ nơi này rồi mới lướt đi tận đâu đâu.

Những ngày đầu tiên, Người - Con - Trai thường đến trước, ngơ ngác nhìn quanh và ngồi xuống đứng lên bốn chồn đến tội nghiệp. Đôi lần Người - Con - Gái đến và thấy chiếc ghế không. Cô ngúng nguẩy tính bỏ đi liền đó. Sao thế chị, đừng thế. Em cũng là con gái, em là chị em chờ. Anh ấy đã bao lần như thế, đừng đi... Thiên nga tính nói như vậy với Người - Con - Gái. Nhưng nó là chim, nó đâu phải người. Nó kêu lên một tiếng thật vui rồi lướt tới gốc cây si. Sắc đẹp và lòng tốt của nó đã xoa dịu giận dữ của Người - Con - Gái. Cô ngồi xuống đùa với Thiên nga cho tới lúc bước đi hấp tấp của Người - Con - Trai tới gần.

- Thiên nga ơi, Thiên nga hãy bơi ra hồ một lúc...

Thiên nga bơi ra gần giữa hồ nhưng đôi tai nghịch ngợm của nó vẫn nghiêng về phía cây si.

- Cho anh hôn Hà một lần?...

- Đùa với Thiên nga vẫn không đủ sao anh?

Tiếng thì thầm từ chiếc ghế đôi như một hơi gió.

Từ đêm sau, những câu nói đó Thiên nga chẳng còn nghe lại nữa. Và khi họ hôn nhau - đâu phải một lần - họ cũng không còn bảo Thiên nga hãy bơi ra hồ một lúc nữa. Những đêm lạ lùng như vậy của họ rất tò mò đối với Thiên nga cứ nối nhau qua đi. Cho đến khi họ đến chiếc ghế đôi

vào những buổi ngày, không phải người trước người sau, mà cùng lúc. Người - Con - Trai với bước đi đàng hoàng, vừa đi vừa nhìn vào khuôn mặt có đôi mắt tinh nghịch của Người - Con - Gái mà cười. Người - Con - Gái cũng thôi chỉ nhìn xuống chân và bẻ tay rắc rắc. Họ còn đem đến cho Thiên nga những miếng bánh mì rất thơm. Họ cười với nhau, cười với cả mọi người qua đường mà không cần giấu sau cái ngoảnh mặt nữa.

Họ đã thành vợ chồng.

Một hôm, họ lại đến chiếc ghế đôi trước cây si rễ dài vào buổi tối như ngày nào mới yêu nhau. Đêm ấy Người - Con - Trai nói nhiều, hình như cười nhiều hơn mọi ngày. Cả khi tiếng loa lúc ấy còn chưa quen với thính giác với người dân thành phố này vang lên, đồng bào chú ý đồng bào chú ý... Họ vẫn ngồi đó nói với nhau những gì lộn xộn.

Người - Con - Gái gục đầu vào bộ ngực vừa khoác chiếc áo ka - ki màu xanh lá cây của chồng, nấc lên:

- Anh tha lỗi cho em, em không định khóc...

Một lúc sau cô nói bằng giọng đã khô hơn:

- Anh yên tâm mà đi, anh thân yêu!...

Gần một năm trôi qua.

Hôm đó, buổi chiều, một buổi chiều rất sáng vì đầy nắng.

Người - Con - Gái đến cây si bên hồ với bước chân của một con bệnh. Tiếng sỏi va nhau rì rào dưới chân cô. Mắt cô nhìn đâu, mà như chẳng nhìn đâu. Cô không mang bánh mì cho Thiên nga. Cô đến đó ngồi xuống và im lặng. Từ đôi mắt đỏ quầng của cô, hai dòng nước mắt trào ra. Thiên nga luống cuống bơi dọc bờ kè tìm đường lên cạnh cô nhưng nó cứ lập cập trượt chân. Tai họa gì đã đến với người bạn gái của nó? Một giải khăn xô trắng trên đầu.

- Thiên nga ơi, làm sao tôi sống nổi...

Tiếng cô nghẹn trong cổ. Ôi, sao mà vô lý. Trời đất đang đầy nắng mà

sao lòng tôi là nước mắt. Thiên nga bắt lực nhìn Người - Con - Gái mà lúc này khuôn mặt đã lạ đi như mặt một người đàn bà xế tuổi. Nó chợt nghĩ đến nó, nó rùng mình. Nó cũng chưa thể nào quen với tiếng “đồng bào chú ý”, nó chưa thể quen với tiếng nổ đấm ngược nước hồ vào ngực tức ách.

... Vậy mà đã mấy năm qua rồi. Qua rồi trong những ngày tháng bầu trời và mặt đất quẩn quại giữa những âm thanh dữ dội.

\* \* \*

Ngày sinh nhật của Người - Đàn - Bà. Đúng buổi chiều ấy bom rơi trúng bệnh viện nơi chị làm việc. Phòng Dược và một khoa bệnh viện bị đổ. Mười mấy người chết, và chưa biết hết số bị thương. Cũng sáng đó bom rơi xuống khu nhà chị ở. Hàng xóm mất bốn người, có một đứa bé sáu tuổi bị thương. Cháu gãy tay phải, quăng sát vai. Bốn người mất đi là cha mẹ và anh chị cháu. Người - Đàn - Bà đưa cháu đến bệnh viện của mình thì gặp trận bom chiều. Vết thương vừa mổ của cháu bị bung ra, lại thêm vết giáp mới ở vai. Cháu mất nhiều máu, máu khô ở phòng Dược lại bị vùi trong đồng gạch ngổn ngang. May mà công nhân xưởng cơ khí qua, có một người cho cháu hai trăm xê xê. Chị thất ruột lo cho cháu. Chị quên, chính chị cũng suýt chẳng còn để chị mổ, để chị cho thêm cháu Hoa một trăm xê xê máu của mình nữa. Máu của chị, máu của người công nhân nào đó là tấm lòng của mọi người đối với cháu, cháu có sống không Hoa? Còn căn phòng của chị, mất nó đi thì hình như chị cũng chẳng thấy đau gì. Anh ấy đã nằm lại ngoài chiến trường, với cuộc sống cô đơn chịu đựng của chị thì căn phòng càng làm cho chị thấy trống trải. Suốt ngày ở phòng cấp cứu khiến sức lực của chị gần như kiệt. Bây giờ chị đi bộ về nhà. Dù sao cũng xem lại cái gì có thể còn dùng được cho cuộc sống hàng ngày. Như thường lệ, chị rẽ vào đây với Thiên nga. Những lúc niềm vui dồn đến, những lần đau khổ dày vò, chị đều tìm đến



Thiên nga. Thiên nga với màu trắng trong sạch của nó như một bàn tay êm vuốt tròn niềm vui và xoa dịu nỗi đau. Con chim trời rộng lòng chia sẻ oi, chị yêu màu trắng như một tấm lòng tốt của em.

Người - Đàn - Ông hôm nay không cùng về với chị. Anh ấy đi đào hầm sập. Chị ngồi xuống một cái ghế lạnh trơn lấy tay vỗ một tiếng cụt ngủn. Màu trắng ngoài đảo chim động đây, rồi một tiếng ào ở bờ nước, Thiên nga nghe tiếng gọi, bơi vào. Lúc này sao yên tĩnh quá. Chẳng báo động nhưng đèn công viên vẫn tắt. Đêm trắng nhờ như một đêm phương Bắc. Nghe tả thế, chứ chị chưa có dịp đến những vùng của vĩ tuyến Bắc địa cầu. Mất mười sáu giờ từ Guam, mất bảy giờ từ Utapao, lúc nào thì tui Bê năm hai Mỹ ấy lại ì ì trên đầu chị đây.

- ... *Đế quốc Mỹ láo xược tuyên bố đẩy Bắc Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá...*

Người - Đàn - Bà hực một tiếng ở cổ. Chúng nó dọa? Thế giới này người ta hay dọa nhau, nhưng có sự dọa dẫm nào tối tăm vậy không. Thời đá nào? Thời đá mài cả vạn năm trước ư? Khoang ngực chị đau nhói. Hay chúng chỉ dọa những người ít nhiều còn yếu bóng vía như chị và Thiên nga? Khuôn mặt đang lạnh của chị nóng bừng lên. Ôi, ngày hôm nay, máu... Cháu Hoa có qua khỏi không. Chút nữa phải quay về bệnh viện. Và lại ngủ đầu. Hai mươi sáu năm mình sống làm người rồi đây, ừ...

Thiên nga ơi, tôi sống có gì không đúng phải không?

Thiên nga chưa hiểu điều chị muốn hỏi. Nó hướng cái mỏ dài ra phía đảo chim. Nó muốn kể với chị sáng nay một mảnh bom chém trúng con cá trôi ở đó chẳng. Hay muốn khoe với chị, tới bữa nay nó cũng ung dung như chị nghĩa là không chui vào hầm người ta vừa xây cho chúng nó mà đứng trước cây liễu đợi chị về. Người - Đàn - Bà bẻ một mẩu bánh mì sừng bò đưa tận miệng Thiên nga. Nó chớp chớp nhá mẩu bánh mì một cách thích thú. Anh ấy nói gì nhỉ, thanh niên đất nước này đánh

giặc hai mươi bảy năm rồi. Có cái gì vô cớ khi chị cảm thấy Người - Đàn - Ông ấy là một người tốt. Anh ấy nghĩ gì khi đưa chị đến bệnh viện và tiễn về tận nhà. Có người đàn ông nào hoàn toàn trong sáng khi đến với người đàn bà không. Sao lúc vào ca mổ cháu Hoa, chị có cảm giác gần như xấu hổ. Cái dao mổ thì mảnh như lá lúa, còn tiếng ì ì của chúng nó đẩy cả mấy tầng mây trên đầu. Có cái gì phù phiếm, không phải đạo.

- Thiên nga ơi, tôi sống có gì không đúng phải không?

- Khi nhà chị tan mà chị vẫn mổ thì câu trả lời của Thiên nga là thừa.

Người - Đàn - Bà ngoảnh lại. Người - Đàn - Ông đã đứng sau ghế đá từ lúc nào. Giọng nói và hơi thở của anh run và yếu như một người mất sức. Người - Đàn - Bà đặt bàn tay lên ngực anh theo thói quen nghề nghiệp.

- Anh cần nghỉ ngơi. Tim anh đập không đều.

- Những ngày này tim ai mà chẳng thế chị.

- *Tây Bắc Hà Nội năm mươi cây số có máy bay địch...*

Người - Đàn - Ông bẻ một nhánh si bút lá vo vụn ra rồi ném cho Thiên nga.

- Chị cho tôi nói điều này. Chị hãy dọn đến nhà tôi ở tạm... - Câu nói vừa ra khỏi miệng thì cả người anh bỗng lạnh toát - Thế này chị à, chị đừng hiểu sai đi, tháng này tôi phải trực suốt ở nhà máy. Lúc nào có chỗ, chị trả lại tôi.

Người - Đàn - Ông lúng túng quá, nói mà cuống lên. Sao chị chưa kịp hiểu thì anh đã sợ hiểu nhầm. Anh ấy thiếu tự tin?

- Anh thương hại tôi phải không?

- Ôi!?... - Người - Đàn - Ông bàng hoàng.

Ngay lúc vừa hỏi, chị thấy chị đã làm tối đi chính tấm lòng của chị. Chị hối hận.

- Tôi xin lỗi anh, xin lỗi anh.

Bây giờ chị mới nhận thấy tay Người - Đàn - Ông cầm cành hoa hồng trắng. Anh ấy mang hoa đi đâu? Hôm nay sinh nhật mình, hay là...

Người - Đàn - Ông bước ra đường. Nhưng mới đi vài bước, anh dừng lại.

- Chị nghĩ chỉ có con Thiên nga ngoài đảo mới có mầu trắng sao?

Chẳng biết sức gì kéo chân chị xuống không cho chị bước tới. Sương đã xuống nhiều. Một vài tiếng lộp bộp đầu trên lá đa. Bóng Người - Đàn - Ông lặn dần trong mầu trắng mờ như sữa của đêm. Người - Đàn - Bà hòa trong sương như choàng lấy một người thân ấm áp. Có mầu trắng như áo em nhưng chẳng dễ gì nhìn được, Thiên nga biết không? Tiếng ì ì đang lẩn quất trên những tầng mây xa phải không? Chúng nó đùa cái chết đến dọa mình sao? Hay bằng sự sống cô đơn, chúng nó thách thức mình? Mình đã sống được mấy năm làm người? Hai mươi sáu ư?...

Gió lặng từ lúc nào. Đêm lạnh dần và đảo chìm mỗi lúc một mờ trong sương. Tiếng còi lại nổi lên. Thiên nga từ từ xuống nước, lướt ra đảo. Dù sao nó cũng phải nghe lời người coi chim. Từ đây vẫn nhận ra mầu trắng mát mắt của Thiên nga ngoài đảo. Trong tiếng hụ của còi, trong sự rục rịch của mọi vật mà con người có thể biết, mầu trắng Thiên nga lúc này sao mà yên lành, bất chấp.

Con đường đi về hàng ngày của họ qua công viên nên nơi dừng chân của họ là ghế đá, chỗ nấp Bê năm hai của họ là chiếc hầm cạnh hồ, và những gì riêng tư của họ có hồ đêm kín tiếng, có hàng cây tò mò, có Thiên nga mầu trắng chứng kiến.

Lại một đêm như những đêm nào.

Công viên tối đèn. Những đôi trai gái yên lặng hơn. Bóng người vội vã trên đường đi, thỉnh thoảng ném một cái nhìn về phía tiếng rì rầm ở ghế đôi. Và loa phóng thanh dưới cành sấu vẫn nhắc chừng máy bay địch.

Người - Đàn - Ông và Người - Đàn - Bà của chúng ta lại đến. Người -

Đàn - Bà đã dọn đến phòng của anh. Còn bây giờ họ đến đây, trên đường tới bệnh viện và nhà máy, ít ra với lý do họ có chung một người bạn là Thiên nga. Bóng trắng Thiên nga ngoài đảo vẫn tròn một bàn tay trong cái mờ mờ của sương mới buông còn mỏng. Nhưng đêm nay Người - Đàn - Bà không vỗ tay gọi. Còn Người - Đàn - Ông thì cứ loay hoay với khẩu súng trường, hết cầm tay lại khoác vào vai. Hình như anh chưa quen ngồi ở ghế đá với một người con gái. Loa phóng thanh đang phát tin về một kiến nghị đòi tự do báo chí ở Sài Gòn.

- Con Thiên nga bây giờ quen rồi, đỡ sợ hơn hôm đầu. Người - Đàn - Bà chỉ ra bóng trắng ngoài đảo chim.

- Bê năm hai đối với nó còn lạ, lạ thì chưa quen. Người ta cũng thế, quen rồi thì chẳng lạ nữa.

- Nghe nói trời giao cho vợ chồng thần Păng-đo-rơ giữ cái hộp khóa kín các tai họa. Hai vợ chồng tò mò giờ xem nên tai họa bay tung ra làm khổ loài người - Giọng của Người - Đàn - Bà như có tiếng cười.

- Chúng ta sẽ là người gom tất cả các tai họa rồi khóa kín lại. Thợ chúng tôi có một cái khóa rất tốt để không ai có thể cạy ra. Nó đây chị! - Người - Đàn - Ông đặt tay lên khẩu súng trường.

Một cơn gió rung nhẹ các vòm lá dày. Tiếng xào xạc êm nghe như một hơi gió thứ hai nổi lên từ những vòm lá đó. Lốm đốm giữa bầu trời bao la mấy ngôi sao như mắt người ngái ngủ. Ngoài đảo, Thiên nga đang tâm sự với con chim gì mà giọng léc kéc như dao sắc. Giá có mùi thơm của hoa hoàng lan thì đêm nay sẽ ngất ngây biết mấy.

- Tôi xin nhận cháu Hoa làm con, anh Quân à.

- Chị nghĩ kỹ chưa?

- Anh nói gì?

- Khi chị có anh ấy, anh ấy bằng lòng không?

- Tôi sẽ lấy chồng bộ đội. Đó là những người có tấm lòng rộng rãi.

- Trước đây chị nói đã có gan ra trận...

- Anh không tin lời tôi vừa rồi à?

Cả hai im lặng. Một lúc, Người - Đàn - Ông trả lời:

- Trước đây chị nói như vậy, tôi tin đó là điều chị nghĩ. Bây giờ chị nói thế, tôi biết là chị không sai lòng mình. Nhưng vì sao...

- *Đông Nam Hà Nội bốn mươi cây số...*

Người - Đàn - Bà nhìn về phía loa phóng thanh dưới cánh sấu đầu ngã ba.

- Anh hỏi một câu thừa.

Họ cùng bước ra đường. Còi đã lại hụ lên. Hình như họ không để ý đến thứ âm thanh đang choán cả không gian ấy, Gió vẫn xào xạc trên những ngọn cây. Những ngôi sao lúc này như mắt người vừa rửa mặt, sáng hẳn ra. Ngoài đảo chim, màu trắng Thiên nga vẫn tròn một bàn tay, và nó vẫn tâm sự với bạn mình. Bây giờ đến lượt nó nói, cái giọng ô ô chẳng hợp với cái vẻ thanh nhã của nó tí nào cả. Đêm sao hiền hòa, yên lành. Thành thử tiếng ì ì Bê năm hai vô duyên quá. Nó như cái thằng dọa người hùng hổ mà chẳng ai thèm để mắt tới.

### III.

Trong âm thanh hỗn tạp của bom đạn, người thành phố vẫn nhận ra sự đánh trả ngày một chững chạc của lực lượng vũ trang mình. Những mảng lửa vàng đen lẫn lộn cứ loạng choạng hút xuống mỗi đêm một nhiều. Có đời nào Bê năm hai cháy cho dân thành phố xem rõ và đã vậy. Nó rơi ngay trên con đường gần nghìn năm trước là tường thành kinh đô, rợn lên như một đám cháy rừng. Và ở các ngã đường, ngay giữa những trận đánh giáp mặt, người đứng trên mặt đất xem mỗi ngày một

đông. Những ghế đá bỏ không quanh hồ và khắp công viên mỗi đêm một ít, và đến bây giờ thì chẳng còn nữa. Với trái tim con người thì có tiếng bom nào, dù là bom Fatơnbót, lại có thể vang tới?

Người - Đàn - Ông hôm nay đến chiếc ghế đôi từ sớm với vẻ bồn chồn đến lạ. Mỗi một giờ sau, khi trời đã bỏ qua quãng tối nhất để sáng dần lên vì những ngôi sao và vì mặt hồ đêm phản quang thì Người - Đàn - Bà từ bệnh viện về, cũng với vẻ vội vã khác thường.

- Tôi có lệnh ngày mai trở lại quân đội.
- Tôi biết rồi.
- Làm sao chị biết?
- Vì tôi là bạn anh.
- Tôi phải đến nhà máy họp bây giờ.
- Vâng.
- Ô, Thu Hà...
- Anh lại định hỏi vì sao tôi biết phải không?
- ...
- Anh ngốc lắm!...

Hai người lại ngồi xuống cái ghế đá đã bao lần họ ngồi. Nhưng lúc này họ đều có một cảm giác rất lạ, như chưa bao giờ họ ngồi trên ghế đá này cả. Không, khác nữa, cái ghế như một lớp mây trắng dày và êm...

- “Tôi là Trần Thanh Quân, hai mươi chín tuổi, công nhân tiện bậc bốn, tôi tha thiết đề nghị...”

- Ôi, Thu Hà!
- Anh không biết tôi ở trong hội đồng tuyển quân của khu phố sao?
- Bây giờ tôi mới hiểu Thu Hà.
- Anh chẳng hiểu nổi đâu, anh Quân - giọng Người - Đàn - Bà bỗng nhát đi như sương - anh đi họp đi, tôi chờ...

Người - Đàn - Bà ở lại một mình. Chị ngã người xuống thành ghế nhìn lên khoảng trời đã nặng sương. Chị ôm lấy khuôn mặt mình. Ôi, ngày mai anh ấy đi rồi... Anh cứ tưởng mình chỉ biết anh ấy từ ngày xuống chung hầm ư? Đàn ông sao cả tin như trẻ con. Mình sẽ nói gì với anh ấy? Chị sắp chia tay với một người thân lẫn thú hai. Thằng Mỹ thách thức với tất cả những người không cầm súng như chị bằng sự chịu đựng và nỗi cô đơn khó quen ư? Chúng thách thức với Thiên nga màu trắng đã nổi chưa mà lần đến những người như chị? Người - Đàn - Bà vỗ tay. Như trong câu chuyện thần thoại, Thiên nga từ trong màn sương bạc hiện ra. Khi Người - Đàn - Ông trở lại, thấy hai người bạn vẫn chờ mình, anh cảm động đến luống cuống.

- Có lúc tôi đã tính nhận nó làm con nuôi. Trong người nó có giọt máu của tôi Hà ạ!

- Anh nói về ai thế? - Giọng Người - Đàn - Bà run run.

- Hà chăm sóc nó chu đáo.

- Anh Quân, anh nói gì?

- Không, Hà đừng hiểu sai tôi, cháu Hoa vẫn là con của Hà.

- Ôi!...

Người - Đàn - Bà bất ngờ nắm lấy bàn tay của Người - Đàn - Ông trong cảm giác bàng hoàng. Nhưng rồi chị rút tay lại. Con Thiên nga, chắc hiểu rằng người bạn đó ngày mai sẽ đi xa, nó âu yếm rúc vào lòng Người - Đàn - Ông. Chẳng biết nó nghĩ gì khi nó nhè mấy ngọn cỏ nó vừa cắn từ ngoài đảo chim vào lòng bàn tay anh. Người - Đàn - Ông nắm lấy ngọn cỏ ướt sương, vuốt cái đầu mịn của nó.

- Cảm ơn Thiên nga. Sắp đến lúc em không phải chạy nấp bom nữa rồi.

Thiên nga ngước mắt lên. Hình như nó ngạc nhiên trước câu nói của những người bạn lớn tuổi. Chẳng lẽ nó sợ bom đến thế ư? Như để tỏ cho

Người - Đàn - Ông biết sự đàng hoàng của nó, nó quác lên một tiếng chũng chạc rồi tuồn xuống nước, bênh ra giữa hồ sương trắng. Nhìn theo Thiên nga, Người - Đàn - Ông bỗng cười giòn tan, thích thú. Chỉ có Người - Đàn - Bà hiểu rằng tiếng cười đó còn giấu tâm trạng bối rối của anh. Nhưng chính lòng chị lúc này đây có bằng lặng đâu. Chị nhìn lên khoảng trời giữa các tán lá dày. Ôi bao nhiêu là sao. Gió nữa kìa... Ngọn gió nào tha thuốt, đã khuya sao chưa về? Chị rùng mình, rồi xoay lại, nhìn vào mặt Người - Đàn - Ông.

- Anh biết không, trong lòng anh có màu trắng Thiên nga.

Từ giữa hồ, Thiên nga trắng vẫn nghe được hơi thở riêng tư rất kỳ lạ của loài người, tiếng nói run run của hai người bạn đó giữa âm thanh của người phát ngôn viên.

- Chúng ta nói cho Đế quốc Mỹ biết rằng...

Chúng ta nói, chúng ta là cả nó, cả Thiên nga màu trắng. Nó nghiêng tai với tấm lòng thương yêu và tôn trọng. Đó...

- Hoa cũng là con của anh.

Bây giờ Thiên nga lớn rồi, lịch sự hơn, nó biết lúc này chẳng cần tò mò nữa. Nó bênh ra phía đầu bờ kia của đảo chim. Nó chỉ muốn nói với hai người bạn mình: Anh ấy sẽ trở về với chị, chẳng xa đâu.

Còi thành phố đã lại hụ lên. Quả tên lửa đầu tiên từ hướng Bắc thành phố đã phóng lên. Chỉ mấy giây nữa bầu trời đây sao trên đảo chim sẽ là một bầu trời nóng bỏng lửa cháy.

*Quảng Bá - Hà Nội mùa Giáng sinh 1972*

*T.N.V*



# Trăng sáng vườn dưa

(SH số tháng 3 - 1988)

Nắng gắt. Những đợt gió Lào đầu tiên ồ ồ thổi qua cánh đồng đất cát, cuốn bụi mù mịt, ném cát vào mặt lão Điều. Lão bước vội vã, lúp xúp. Đúng hơn là lão lúi, dọc theo bờ phi lao cao bằng đầu người, cần cỗi và vàng hoe, mắt dớn dác trông chừng bốn phía. Theo sau, con chó vàng cụp đuôi, bám theo gót chân lão, như thể tỏ rõ sự tận tụy với chủ. Thỉnh thoảng nó cũng dừng lại, giông tai nghe ngóng, đáng điệu y hệt lão.

Chẳng có ai nhìn thấy lão cả. Ai nhìn lão mà làm gì? Người ta còn bận túi bụi với mùa màng đang chín rộ, phải gặt xong trước cơn lũ tiểu mãn, cấy lúa hè thu, gieo mạ vụ mùa, cày ải kịp thời vụ... Trăm nghìn công việc! Chỉ có lão là rảnh rỗi. Vì tuổi bảy mươi, lão làm sao nhận nổi ruộng khoán?

Cho nên, lão chuyên trồng dưa, nhẹ nhàng và thu nhập khá. Cả một vùng cát chạy từ đường quốc lộ đến ven biển, có một thời bốn năm tháng chỉ xanh dưa. Dưa của các đội, dưa của cá nhân, mệnh mông chi xứ!...

Lão Điều lẩn vào nhà, đúng hơn là vào lều. Túp lều ở bìa làng, rạ lợp đã mốc thối, nhưng cột tre cắm xuống đất vẫn còn xanh; dựng đã được vài năm, từ khi lão bỏ vùng kinh tế mới trở về.

Thực ra, đời lão ít nhất hai lần đã có nhà to. Lần thứ nhất, khi lão còn thanh niên, chưa vợ, hoạt động trong đội du kích, ở với cha mẹ. Hai anh đầu của lão đã có gia đình, ở riêng. Khi cha mẹ mất, hiển nhiên cái nhà to ấy là của lão. Lần thứ hai, khi hòa bình lập lại, lão chạy không kịp theo anh trai vào Nam, phải ở lại miền Bắc, làm ăn cùng vợ con trong hợp tác xã. Ngôi nhà thứ hai này xây cất đàng hoàng, tường quét vôi ve, mái lợp ngói đỏ, có phòng lõi và ban công đổ bê tông hẵn hoi. Nó vẫn còn đó, ở giữa làng, nhưng không còn là của lão nữa! Lão tiếc đứt ruột, nhưng đành ngậm bồ hòn. Bây giờ lão một mình chui đụt trong túp rạ đơn sơ và tồi tàn này. Thế mà, đời vẫn chưa thôi trả đũa lão những cái tát đau điếng và nhục nhã...

Cũng tại lão cả thôi. Không, nói cho chính xác thì cũng tại một phần ở đàn bà. Không đúng à? Lần mất nhà thứ nhất gắn với con đi Loan. Chống nó đi lính cho Pháp chết trận, khi nó mới một đứa con. Nhà nó ở đầu làng, cạnh cây đa cao to, bên cái giếng làng hình vuông xây bằng đá tổ ong, nước trong vắt. Gốc đa sần sùi vết dao chém, vết đạn găm, và chẳng chịt rễ xấn vụn như những vết sẹo. Ngang đầu người, có treo một cái kèng bằng vỏ bom. Ở chạng ba cao chót vót có đặt một cái sạp, bằng mấy que tre buộc ngang dọc, làm chỗ đứng cho chòi quan sát. Đây là vọng gác của quân du kích làng Nam Phúc. Giặc từ đồn Hoàn Lão, đồn Chánh Hòa, thậm chí cả đồn Sen Bàng, đồn Am Tiến ở phía tây xa hàng chục cây số có động tĩnh, là ở đây biết ngay. Và tiếng kèng báo hiệu vang lên...

Gái một con trông mơn con mắt, Loan lười việc đồng áng nhưng giỏi nấu rượu lậu, nên trông ả càng trắng trẻo, nõn nà, như thể gái mười tám, khiến chàng trai tơ Điều không dừng được, phải lén lút thậm thụt đi lại.

Đêm ấy rất thuận lợi, trời tối như bưng. Tối đen tối đặc, tưởng có thể xấn ra được từng lát. Phiên gác của Điều bắt đầu từ nửa đêm. Bốn bề yên tĩnh. Chìm trong giấc ngủ của con người và cây cỏ, là tiếng côn

trùng ri ri lúa đôi. Chỉ có ngọn đèn hạt đỗ bé tí lé ra ở buồng nhà Loan, như muốn nói điều gì. Đêm cuối xuân sương xuống lành lạnh. Bây giờ mà uống một ly rượu cốt, và... Chắc, thằng địch bây giờ cũng lo ngủ với vợ con, chứ dại gì đi đâu. Đâu đang nghĩ mà chân Điều đã đi về phía ấy lúc nào...

Không biết lúc đó là mấy giờ, tiếng súng nổ chát chúa bên tai dựng Điều dậy. Trời sáng rõ. Thôi chết rồi! Giặc đã vây kín bốn bề. Gã lao ra vườn, lúi ra cổng sau định chạy lên phía rừng thông, nơi căn cứ du kích. Nhưng gã bị ngay hai tên lính Lê Dương, như đứng chờ sẵn, quật ngã trối gọn. Cả làng Nam Phúc chìm trong khói lửa, trong tiếng súng nổ, tiếng la hét gào thét của người và súc vật. Ngôi nhà của gã, bằng gỗ gỗ và lim đen bóng, thành tro than trong dịp ấy.

Mười hôm sau, những người đi chợ Đón đã thấy gã, trong bộ quân phục màu cứt ngựa, đẩy những túi là túi, mũ chào mào, kẹp súng mát, đi lại nghênh ngang trong đồn Hoàn Lão. Gã đã thành một tên phản bội từ đó. Gã viết thư gọi hai anh trai bỏ hàng ngũ du kích, về hàng Pháp. Thế là ba anh em gã, được sung vào lính, đoàn tụ trong cái hàng rào kẽm gai của đồn Hoàn Lão, căn cứ trung tâm của quận lỵ Bồ Trạch, nơi đây rầy Tây đen và gái diêm, mà bấy giờ gã Điều say mê gấp mấy lần ở Loan của gã ở quê. Liên mấy tháng sau đó, nhiều du kích làng Nam Phúc và mấy làng lân cận bị chặt đầu, bêu trước cổng chợ.

Gã Điều, chẳng mấy chốc đã lên đến chức đội nhất, khét tiếng gian ác, được Pháp tin cẩn. Đi đâu cũng được lính tháp tùng bảo vệ. Như một con gà chọi say máu, gã lao vào bắt bớ chém giết, và chơi bời trác táng thâu đêm, chẳng nề sợ ai. Trong một lần bố ráp, gã gặp một cô gái xinh đẹp, con gái ông Cửu Sang, ở làng Chùa, và gã nhất quyết cướp cho bằng được!

Gần ngày đình chiến, có một sự xúi quẩy cho ba anh em nhà gã. Người anh đầu, thậm thụt với một ả góa ở xóm bên, bị du kích đón đường,

tương cho một băng súng máy vào ngực. Còn gã suýt chết trong một trận càn, bị một viên đạn găm vào phổi, phải vào viện mất mấy tháng. Chính vết thương ấy đã làm cho gã bị bỏ rơi lại, khi người anh thứ hai kịp xuống tàu, di cư vào Nam.

Nhiều khi gã lấy làm lạ là tại sao người ta không giết gã? Đôi bàn tay của gã đã nhuộm không biết bao máu người! Có lẽ cái câu phương ngôn “Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh kẻ chạy lại” của người xứ này, đã cứu gã. Người ta chỉ đưa gã đi học tập, cải tạo vài năm, rồi trả về với vợ con. Bây giờ người ta chỉ nói đến chuyện xây dựng hợp tác xã, đến chuyện sản xuất và chiến đấu chống Mỹ. Không ai nhắc đến chuyện của gã, người ta cố quên đi cho gã.

Nhưng gã thì gã không quên, gã vẫn nhớ. Thậm chí lão vẫn tin có ngày... Ừ, có ngày gã trở lại sung sướng như thời sống vương giả trong đồn Hoàn Lão. Niềm tin ấy là nguyên nhân gã mất ngôi nhà thứ hai...

Niềm tin ấy vẫn sống ngắc ngoải trong đầu gã, thầm kín, không ai biết được, kể cả vợ con! Bởi bên ngoài, gã đã là một nông dân cần cù, chăm làm lụng. Quần đùi xanh lấm tẩm bùn và áo bà ba đen bạc phếch, đầu đội cái nón mốc xám, gã lúi lúi đi theo con bò và cái cày một cách miễn cưỡng. Đôi khi vui miệng lão còn cất lên điệu hò giã gạo (mà gã hò mới hay làm sao!) trên ghẹo mấy mẹ mấy o ở tổ cấy. Chẳng còn lại dấu vết gì của một anh lính đóng lon đội nhất nổi tiếng tàn bạo ngày xưa trên con người gã Điếu. Trừ đôi mắt đôi lúc chợt lóe lên vẻ thâm ác ít người nhìn thấy, và hai chiếc răng vàng đứng cạnh nhau ở khóe miệng trên, thỉnh thoảng cũng lóe lên như đôi mắt. Có sức khỏe, lại sẵn nhân công lao động, hai vợ chồng và ba đứa con trai đến tuổi, đã làm cho đời sống gia đình gã ngày càng tấn tới. Có của ăn của để. Xây nhà, lập vườn trồng tiêu, đào ao thả cá, kinh tế gã vào hàng khá giả nhất nhì ở cái đội sản xuất này.

Bây giờ gã đã lên lão lâu rồi, gầy guộc và khô đét. Vết thương ở phổi

vẫn hành hạ lão luôn. Không biết nó nhắc nhở lão hay cảnh tỉnh lão điều gì. Ba thằng con trai tuổi sần sần nhau đã lần lượt lập gia đình, làm nhà ở riêng. Ai cũng nghĩ, đời lão thế là thỏa mãn, không còn mong đợi gì hơn nữa!

Thế mà, lão vẫn còn mong đợi. Không ai biết lão vẫn còn mong đợi. Người đời thường nói, chết đít cà cuống vẫn cay, có lẽ không sai đối với lão. Người anh trai thứ hai của lão mắc kẹt ở Sài Gòn, không kịp di tản sau Ba Mươi Tháng Tư, viết thư nói điều gì với lão, mà thấy lão đôi khi bất chợt dăm chiêu, suy tính...

Có lẽ cái điều lão âm thầm mong đợi hơn hai mươi năm đã đến rồi chẳng? Mùa xuân 1977, nghĩa là hai năm sau ngày miền Nam giải phóng, nhân cũ ấy trong xã có đợt vận động di dân xây dựng vùng kinh tế mới ở Tây Ninh, lão viết đơn xin đi ngay, cùng với ba con trai. Thế là cái cơ ngơi to lớn của ông cha và ba thằng con trai được bán tổng bán táng đi chi kịp!

Nhưng chừng được một năm, người ta thấy lão, như một con chó không lông, cùng ba thằng con trai phờ phạc, đưa cả gia đình tan tác trở về quê nhà. Người con gái xinh đẹp xưa kia của ông Cửu Sang đã không trở về. Bà chết vì sốt rét cùng với ba đứa cháu, con của ba người con trai bà.

Người ta đồn rằng lão Điều võ mộng. Lão nhận được thư của người anh trai, và tưởng rằng thời cơ đã đến, khi quân Pôn Pốt đánh sang, quân của Phun-rô và bọn phản động nước ngoài từ Tây Nguyên đánh xuống, lực lượng trong nước ngóc đầu dậy, đánh tới. Thế là giải quyết xong!..

Và, quả thật, người ta đã giải quyết xong thật. Quân Pôn Pốt bị đánh tan tác đến tận sào huyệt, những toán gián điệp nước ngoài bị nhốt trong vành móng ngựa, và bọn phản động trong nước sợ xanh mặt, im re! Chỉ có lão Điều là đại. Lão ngóc đầu dậy, và bị ba anh con trai của lão túm cổ, trị cho một trận. Giờ thì chúng hiểu được ý đồ của người cha kéo cả

gia đình vào đây để làm gì! Và ba anh ngậm ngùi vì mất ba đứa con và một bà mẹ, bỏ mặc ông bố, kéo nhau về quê. Cho nên bây giờ, lão lủi thủi một mình, trong túp lều lợp rạ ở rìa làng, con cháu chẳng đứa nào thềm dòm lại.

Bây giờ, lão Điều đã bảy mươi, hay ngoài bảy mươi? Cô đơn và tiêu tụy. Nước da ngả màu khó tả, vừa nhăn nheo tái xám của sốt rừng mang theo, pha lẫn màu vàng bủng của thiếu ăn, vừa khô nứt và bóc vảy từng mảng như gốc cây dưới già đầu làng. Đôi mắt kéo màng đục lờ lờ. Bộ râu thưa vài sợi trắng quăn queo. Cái đầu không tóc loang lổ những vết chàm sẫm, to bằng đồng xu. Người đời thường nói, đôi rụng râu sâu rụng tóc, có lẽ là như vậy. Những ống tay ống chân lão chỉ còn da bọc xương, hằn rõ những mắt xương thô lỗ. Nom lão như một con ma. Đến nổi, nhác trông thấy bóng, lũ trẻ con đã bỏ chạy mất vía!..

Lão sống được có lẽ nhờ kinh nghiệm trồng dưa. Dưa của lão trồng thành nhiều lứa. Khi xung quanh trái còn xanh, thì lứa dưa sớm của lão đã chín đen bóng trên nương, lão bán được tiền. Khi xung quanh mùa dưa đã vãn, chỉ còn bán dưa nánh, thì lứa dưa tiếp theo của lão vẫn còn lẫn lóc cả nương, như những đàn lợn con béo múp. Bây giờ lão một mình một giá, lại được tiền. Sau lụt tiểu mãn, ngọn dưa bị bết đất, lụi hết. Xung quanh người ta bỏ hoang, sắp ngửa theo việc đồng áng, lão Điều còn kịp làm vụ dưa trễ, dưa non, không để chín, bán cho người ta muối trường, dành ăn trong mùa mưa lũ.

Phân bón dưa lão chuẩn bị quanh năm, rất cẩn thận. Lão nhặt phân trâu bò rơi vãi dọc đường thôn, trên các bãi chăn dắt gia súc, dước gốc những tán cây rợp bóng, nơi bọn trẻ thường buộc trâu bò những trưa nắng. Lão đem về phơi khô, chất đống đốt, lấy tro đem bón. Ổn trời, vùng đất này cát nhẹ, tốt dưa, dễ làm, nên cái sức vóc tàn tạ của lão vẫn còn cựa quậy được. Lão đào những cái hố hình tròn, rộng chừng một mét, sâu hơn gang tay, rồi cho phân tro xuống, trộn kỹ cùng với đất cát.

Xong, lão vỗ nhẹ lên mặt đất cho lì, để giữ ẩm. Cuối cùng, lão găm xuống những hạt dưa đã được ngâm nước tro từ hôm trước, theo từng khóm. Mỗi hố như thế ước chừng mười hạt. Độ dăm ba hôm sau, những cái mầm bé tí đội cát nhô lên, ngơ ngác nhìn bầu trời, và nhìn nụ cười khô héo trên khuôn mặt rầu rĩ lão Điều. Dưa của lão chẳng sâu sìa bệnh tật gì, lại sai quả; cứ ngọt lị, rất ăn khách...

Mỗi mùa dưa lão thu cũng khá tiền. Có điều, trăm thứ bà rần đều nhìn vào đấy. Từ hạt gạo củ khoai, đến hạt muối con mắt. Nhưng thu hút nhiều nhất có lẽ là rượu. Có ngày lão chỉ uống rượu trừ bữa. Chỉ tội cho con vàng, những ngày như thế, cứ ngồi chòm rôm, chờ mãi mà chẳng thấy chủ ném cho cái chẹt khoai nào!

Năm nay lại được dưa. Khách mua kéo về đông lắm. Khách nhà nước, khách tư thương; cứ dập dìu. Họ mua mỗi lần hàng ô tô. Chẳng mấy chốc, đồng dưa đã vãn. Các lều giữ dưa lần lượt được dỡ hết. Chỉ còn trơ lại cái lều giữ dưa của lão Điều, hai mái bằng lá mía ải xám, như cái hầm chữ A trong chiến tranh, và vườn dưa còn lăn lóc quả, da xanh thẫm, bóng loáng dưới nắng hè của lão.

Bây giờ, gần như suốt ngày suốt đêm, lão Điều ở ngoài ruộng dưa. Một ấm nước chè xanh hãm đặc, vàng sóng sánh tựa mật ong. Một đũa khoai lang luộc sẵn, thứ khoai đất cát vỏ màu hồng sen, ruột vàng, thơm và bùi. Và một cái tẩu không biết làm bằng thứ gì, lão giữ được từ hồi còn ở lính, đen bóng vì mồ hôi và xai thuốc. Đôi khi còn có cả cút rượu. Mùa dưa chín, lão sang thế!

Trẻ chăn bò tất nhiên là sợ lão. Nhưng chúng lại thèm những trái dưa. Lũ quạ cũng thế. Cho nên lão phải ngồi chòm rôm trong lều mà trông ra, như con chó trông nhà, không dám nằm. Lão chờ thêm vài hôm nữa cho được giá. Bọn tư thương là mua liều mạng lắm. Chúng sợ nhà nước mua hết đi mà. Chúng mua cao, trả tiền liền, có khi lại còn biếu lão cả rượu nữa!

Để đuổi lũ quạ, lão làm hai con bù nhìn đứng gác hai đầu. Quả thực, hai con bù nhìn cũng rách rưới y hệt lão, khiến cho lũ quạ chỉ lượn quanh. Đôi khi có con nhắm mắt sà xuống, thì rồi phải hốt hoảng bay vụt lên, vì những con bù nhìn bị gió lay, gật gật nghiêng ngả như sẵn sàng chộp lấy chúng.

Lão chỉ lo nhất thằng Duệ, cái thằng trời đánh thánh vật! Hẳn chắn bò cho hợp tác xã. Gặp lão là hẳn nhe răng cười cọt châm chọc, như thể lão là bạn chăn bò của hắn:

- Này lão Điều, hẳn nói, lão thì chỉ còn hai tay búa trên dương gian, hai chân kia đã chòi chòi dưới âm phủ rồi, làm cho ai ăn? Cho mấy bà bán rượu chắc?

Nói rồi hẳn cười hì hì, bế xốc lão Điều lên như bế đứa trẻ con, chưa thôi cọt nhả:

- Cho bọn này quả... Bọn này còn... khiêng lão ra đồi chó? Hì hì...

Lão Điều cố vùng vẫy để trần ra khỏi tay thằng Duệ. Lão thừa biết cái âm mưu của hắn; hẳn ôm lão đây, là có đứa hái dưa ở đằng kia. Nhưng lão chẳng thể giận hắn được lâu, bởi nó là đứa duy nhất lui tới nhà lão, hỏi thăm lão có đau ốm gì không.

Ban đêm thì ít sợ mất hơn. Từ làng ra đây có hàng cây số, lại trái đường trái nẻo, ai ra làm gì? Nhưng lão vẫn phải canh giữ. Phần vì nằm nhà cũng như nằm đây, lại đỡ đi lại. Phần vì ở đây gần đường quốc lộ, ngộ nhỡ có đứa nào ác, nó ghé ô tô lại thì lão mất nhờ. Cho nên đêm nào lão cũng nằm còng queo trong cái lều này.

Đêm nay rồi trăng sáng phải biết! Hoàng hôn xòe những ngón tay màu hồng từ phía mặt trời lặn vươn về phía biển. Người ta bảo đây là rừng hút nước, sắp mưa, nhưng lão Điều chẳng tin. Bởi mùa này chiều nào chẳng thế, và gió Lào thổi rạc cả cỏ cây. Lão Điều chấp tay sau đít đi một vòng quanh ruộng dưa, lăm bằm điều gì trong miệng, rồi lững thững trở về lều. Con chó vàng đi sau, ngửi hít những dấu chân lão. Giờ



này trên đồng dưa đã lắng lại, phía đường cái ô tô cũng thưa dần. Cái nóng và gió Lào cũng dịu đi quá nửa. Lão Điều lôi ấm chè xanh ra chiêu một ngụm, châm đóm vào chiếc tẩu ngậm ở khóe môi, rồi thư thả ngồi xuống cửa lều, ngắm những vì sao đầu tiên nhấp nháy trên bầu trời...

Trăng đã nhô lên mé biển, đỏ như lòng quả dưa chín cắt ngang. Lão chợt thấy yêu đời. Con người gần đất xa trời ấy còn thấy yêu đời mới lạ! Lão chui vào lều, lôi ra cút rượu, rút cái nút bằng lá chuối khô cuộn tròn, quay mặt về phía vùng trăng, như thể trăng là người hầu rượu cùng lão, tu một hơi không biết gì trời đất.

Khi con tim yếu ớt, già nua của lão bỗng đập rõ tiếng, như trẻ lại đôi phần, lão khật khưỡng toan chui vào lều, thì cận kề trước mặt, như thể chui từ dưới cát lên, một người con gái. Trong ánh trời nhá nhem và ánh trăng chưa sáng tỏ, cô gái trạc tuổi hăm bảy hăm tám, cái áo màu thẫm không biết xanh hay đen, quần lụa đen xắn lửng ống chân, và đôi quang gánh nhẹ tênh.

- Ông ơi, cô gái nói, cháu ở Lộc Hòa, đi bán dưa ở chợ Hoàn Lão, ế quá, trễ mất xe ông ạ!

Vừa nói, cô gái vừa bỏ đôi quang gánh xuống và ngồi xếp trên đất cát, hai tay vuốt xõa ống quần, vẻ mệt mỏi của người đi bộ xa. Chuyến xe đồ cuối cùng chạy vào lúc bốn giờ rưỡi chiều, xe đâu còn bây giờ!

- Qua Ba Dốc giữa đêm một mình, cháu sợ lắm. Ông cho cháu... nghỉ tạm đây, mai cháu về sớm...

Lão Điều rờ rẫm chui vào lều, chẳng nói chẳng rằng, bươi cát giúi chai rượu xuống cho vũng, rồi khẽ nằm xuống trên nền cát trải rạ làm chiếu. Lão biết nói gì? Đuổi người ta cũng chẳng được. Con gái đi đêm đi hôm một mình, qua cái Ba Dốc quanh vắng mà người ta đồn là nhiều kẻ cướp, làm sao được! Còn cho người ta nghỉ thì... chắc, lão có gì mà cho? Cái lều bằng nắm tay, lão cũng còn nằm trên đất. May mà gió to, gió Lào khô rang, khiến lũ muỗi cũng xiêu bạt đi đâu.

Lão Điều nghiêng người, đẩy ấm nước chè xanh ra cửa lều. Cô gái hiểu ý là ông mời nước, nhích đến xách ấm nước lên. Nhìn quanh, biết là không có bát, cô gái ngửa cổ uống ực mấy hớp, rồi cất ấm vào chân lều, ngồi nắn bóp lòng bàn chân tê mỏi của mình.

Đầu óc lão Điều cũng thoáng có những câu hỏi nghi ngờ về cô gái, nhưng hết thấy đều bị loại bỏ. Gái làm tiền chẳng? Thì ai chọn lão già không tiền! (Của đáng tội, đợt dưa sớm lão cũng bán được mười nghìn, giờ còn chút đỉnh lão nhét trong ngực áo). Kẻ lưu manh ư? Thì lão có gì mà lừa lọc! Hay kẻ trộm? Sức ấy thì gánh được mấy quả? Giỏi lắm thì được bảy tám quả, trong khi vườn lão có đến hàng trăm!

Men rượu chẳng mấy chốc đã làm mềm muôi các khớp xương và những ý nghĩ của lão. Lão ngáy khò khò, thở ra bằng mồm phập phù của người không còn răng...

Không biết lúc ấy là mấy giờ, chắc khuya lắm. Có lẽ các phân tử rượu đã bốc hơi hết trong mạch máu lão Điều, nó thừa ra thứ nước không phải rượu, cần được tống đi. Lão trở mình ngồi nhồm dật. Trăng sáng quá. Sáng như ban ngày. Đến nỗi, đôi mắt mờ đục của lão cũng nhận ra được những vỏ dưa lấp lánh ở ngoài vườn dưa.

Lão khom lưng, định chui ra khỏi lều, nhưng chân vấp ngay một vật gì mềm mềm, lão giật mình nhìn xuống, nhận ra người con gái ngủ nhờ.

Lão đi vòng quanh ruộng dưa một lượt, sau khi làm xong cái việc mà thần kinh đánh thức lão dậy. Gió biển đưa lên mát lạnh, khiến lão tỉnh hẳn. Bốn bề mênh mông, vắng lặng. Hai con bù nhìn như hai con người chết rũ ở hai đầu ruộng dưa. Con chó vàng đi sau lão cũng uể oải, ngáp dài...

Lão Điều chui vào lều. Thật bất ngờ, người con gái ngủ nhờ đã xích vào nằm trong lều, đôi chân sổng soài ngang đường vô của lão, còn vẻ mê mệt giấc say, khiến lão không dám bước chân qua. Ở thôn quê, người ta kỵ bước chân qua người khác, nhất là người ấy chưa chồng chưa vợ. Mà cô này hẳn là chưa chồng. Lại nữa, khi bước chân qua, ngộ nhờ cô

gái thức giấc, giật mình co chân lại, chẳng làm lão ngã nhào thì sao? Mà ngã vào cái tuổi này, thì khó dậy được lắm!

Lão Điều cúi xuống, định bụng nhắc đôi chân cô gái lên, đặt xuôi ra để lấy lối đi. Nhưng đôi chân mát rượi, trắng nhễ nhại dưới ánh trăng, chẳng rút lại mà giơ lên, gác vào đầu gối lão. Đôi ống quần lụa mỏng tự dưng chảy vào, lộ lộ cả bộ đùi nõn nà khêu gợi. Lão Điều vội gạt đôi chân ấy xuống đất, định bước qua, nhưng nó lại vẫn gác lên gối lão như cũ. Lần này bàn tay lão không gạt nổi nó nữa. Ngược lại, từ đôi chân trắng như nặn bằng sáp ấy, lại có một luồng điện truyền qua tay lão, khiến lão tê dại, bản thân ngồi xuống cạnh cô gái...

Có một mùi thơm, lâu ngày không gặp nên lão không rõ là mùi gì, nhẹ và thoảng. Thôi đúng rồi, mùi phấn và nước hoa tỏa ra từ da thịt con gái. Ngày xưa ở lính, lão lạ gì cái mùi này, nó ngào ngạt ở các cô gái làng chơi. Chỉ thoáng thấy bóng gã trung sĩ nhất này, là chúng ưỡn ẹo: “Thầy đội ơi... đêm nay em là của thầy... Thầy là ông hoàng đêm nay trên thân thể em...” Và đêm nào cũng thế, rượu sâm banh và gái đẹp ngập lụt đời trai lão...

Bây giờ có một ả như vậy ở đây? Không! Không thể nào! Bởi trông nó hiền khô thế kia? Ô!... Mà sao nom giống con Lương nhà lão quá. Lão cúi xuống gần mặt cô gái. Lương đấy hả con? Tội nghiệp con bé, nó làm y tá thôn, gan lì không ai bằng. Ở đâu có bom nổ, có nhà cháy, có hầm sập, là ở đấy có nó. Hai bím tóc ngắn cộc lúc ẩn lúc hiện trong khói bom. Ai cũng khen con bé được người được nết đáo để. Nó là con gái út của lão, mới mười bảy tuổi chớ mấy!

Nhưng nó chết rồi. Người ta nói bom đạn Mỹ chứa nó, thế mà không đúng. Nó vẫn chết vì bom Mỹ. Cánh đồng làng đã trở thành đại hạn, khi đập nước Đá Mài bị trúng bom. Người ta phải dùng cuốc tay, cùng phụ thêm với trâu bò cày kéo, gấp rút chuẩn bị đất gieo vãi cho kịp vụ mùa. Và nhát cuốc của nó đã cuốc phải một quả bom bi...

Đúng. Con Lương nhà lão đã chết. Mộ nó đặt trong nghĩa trang của xã ở xa kia.

Vậy thì đây... không lẽ...

Mà nó là gì đi nữa, thì có ảnh hưởng gì đến lão? Lão chẳng mất mát gì. Chắc chắn thế. Ngược lại, lão được nữa là khác! Mấy ai được chút may mắn này ở tuổi lão? Họa chỉ có vua chúa đời xưa. Đích thị là của trời cho. Mà của trời cho thì phải hưởng. Đời lão còn gì nữa đâu ngoài cái tuổi bảy mươi gần đất xa trời, cô đơn và tàn lụi? Chẳng còn gì nữa sất! Vậy thì, cái này ắt là một vật báu trời cho không dễ gì có được. Lão đưa mắt nhìn quanh bốn phía, chẳng có ai ngoài con chó chồm chồm trước lều, và hai con bù nhìn gật gật như tán đồng với ý nghĩ của lão. Tay lão bắt đầu rờ rẫm, sờ soạng trên thân thể người con gái. Ánh trắng sáng tỏ, động vũng trước cửa lều, phả lên làn da trắng ngà một màu linh ảo. Người con gái không phản đối gì, thậm chí cô ả còn ưỡn ngực, như dâng hiến, khiến lão một giây chột dạ. Hay là ma quỷ? Nếu có ma quỷ thật, thì ắt lão đã làm mỗi cho ma quỷ từ lâu rồi, bởi lão từng giết bao nhiêu mạng người! Vậy thì có lẽ đây là trong mơ?

Lão Điều dừng tay lại, véo vào cái đùi bọc da nhùng nhằng của mình. Chưa đáng tin, lão nắm vài sợi râu ở cằm giật mạnh. Lão nhắm mắt, đầu đến chảy nước mắt. Không! Không phải mơ, thật hẳn hoi. Đích thị là của trời cho. Ý nghĩ này lặp đi lặp lại trong óc, khiến lão bình tâm. Lão chỉ tiếc là tuổi đã già, không còn sức để mà tận hưởng của trời nữa. Lão bỗng nhớ chút rượu chôn ở chân lều, liền với tay ngựa cổ dốc cạn. Rồi gật gù, đích thị là của trời cho.

Nhưng trời chẳng cho ai đến hai lần đâu. Vậy nên phải hưởng. Chết cũng cam lòng! Mà lão chết cũng phải rồi, sống chẳng ích gì cho ai, con cái nó hắt hủi, nó bỏ rơi...

Thực ra, chúng nó bỏ rơi cho lão là may đấy, nếu không chúng giết lão lâu rồi. Khi bên kia chân đồi súng nổ sạt sạt, quân Pôn Pốt ào ạt tràn tới

gần, ngoảnh lại chúng thấy cha chúng từ bao giờ lòi ra bộ đồ lính thời Pháp cũ nát có gắn mề đay, bấy lâu cất kỹ ở đâu, bây giờ mang vào và ngồi xếp bằng tròn, chễm chệ rung đùi trong tư thế ngênh tiếp. Đôi mắt vằn những tia máu lóe lên cái nhìn khó hiểu, miệng lẩm bẩm một thứ tiếng bồi thì thào: “Bờ ra vô!... Bờ ra vô!...” Tất nhiên ba thằng con trai lão tóm lão, lột trần, ném bộ quần áo lính có gắn mề đay vào bếp, cho cái hy vọng cuối cùng của lão thành mây khói...

Với ý nghĩ chết bây giờ cũng đành lòng, lão Điều, gã lính về già, quyết định tận hưởng cái “của trời cho” ấy một cách từ từ, nhắm nháp như thể uống trà ngon. Nhưng lại lập cập với cái sức tàn tạ đói rét và thiếu ăn của tuổi bảy mươi vừa được tí men rượu khuấy lên. Con chó vàng chồm hồm trước lều, trố mắt không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Ngoài kia, hai con bù nhìn tuồng như khê giật mình, ngơ ngác...

Nhưng lão Điều đã không chết ngay như lão tưởng. Chúng có là, khi mặt trời lên, nắng xói thẳng vào mặt vào gáy, đôi tròng mắt lơ lơ ám mây của lão nhập nhèm mở ra. Rồi tiếp đến là các ống tay ống chân rần reo bắt đầu khê nhúc nhắc cử động. Cuối cùng thì lão cũng ngồi dậy được. Vật đầu tiên đánh thức bộ não già và mệt mỏi của lão, là mớ giẻ rách xỉn màu nằm trên cát, ngay trước mặt. Lão cầm lên và nhận ra đó là cái quần của mình. Cho đến khi đôi mắt lơ lơ như người sắp chết của lão bắt gặp nửa người trần truồng gớm ghiếc của mình, thì lão nhớ ra tất cả.

Không biết có một sức mạnh nào đã dựng lão dậy khi đôi mắt ngờ không còn sinh khí ấy nhìn thấy vườn dưa trống trơn, không còn một quả. Thần hồn nát thần tính, lão cầm cổ, lúp xúp chạy tắt qua vườn dưa, định về nhà. Nhưng chân vấp phải một vật gì tròn tròn, trơn tuột, khiến lão ngã té giúi, sấp mặt trên cát. Lão lồm cồm bò dậy, và nhận ra đấy là trái dưa. Không, vườn dưa của lão vẫn còn đây, tất cả lẫn lóc như đàn lợn con béo múp, nguyên vẹn. Lúc này có lẽ do hoảng hốt, và do nắng lóa, lão không nhận ra. Nhưng lạ chưa, chúng cứ như một mớ xương

đầu lâu, giương những mồm mắt hốc mũi hốc miệng sâu hoắm đen ngòm nhìn lão gườm gườm đến kinh hãi. Thêm nữa, hình ảnh người con gái hồi đêm cứ chập chờn, khi mờ khi tỏ, mà khi tỏ lão lại nhận ra đúng là con gái lão, khiến lão lợm giọng muốn ỏi lên ở cổ. Lập tức lão vùng chạy, té sấp té ngựa, có khi phải bò lổm ngổm, hót hải ra khỏi vườn dưa. Hai con bù nhìn đón đường gật gật, nghiêng ngửa, như ôm bụng rủ rượi cười giễu lão. Có thực đêm qua có một người con gái đã đến với lão? Hay đó là những bóng ma, những oan hồn hiện về trả đũa lão? Hoặc đó là chút trắng hoa cuối cùng sót lại trong người, đã thôi miên, huyền hoặc lão?

Lão chạy, đúng hơn là lão lủi, dọc theo bờ phi lao cần cỗi, mắt dớn dác trông chừng bốn phía, như sợ ai nhìn thấy. Theo sau, con chó vàng, còm côi và xơ xác, y hệt lão, cũng lò dò bước.

Lão lính già dâm dăng, bây giờ vừa hổ thẹn, vừa khiếp nhược, và vừa đói khát, nằm rũ như tàu lá chuối khô trên cái chõng tre ọp ẹp trong nhà mình. Thằng Duệ đi vào, tay xách cái ấm nhôm lão Điều quên lại ngoài lều, cất tiếng kêu từ ngoài sân:

- Ê, lão Điều! Làm gì mà chạy như ma đuổi thế, bỏ quên cả ấm đây này!

Hắn bỏ cái ấm vào xó bếp lạnh lẽo, rồi quay đến khom người, cù vào người lão Điều:

- Ô, lão ốm đấy à?

Lão Điều không nói gì, chỉ chậm chạp hấp háy đôi mắt lơ đãng. Thằng Duệ hiểu là lão nói “Phải!”

Mười hôm sau lão Điều chết. Người ta không hiểu lão chết vì bệnh gì!...

*Đồng Hới, 2/1988*

*H.P*

# Cún

(SH số 37/1989)

## I - GÂY CHUYỆN

Trong số người quen của tôi, tôi rất nể phục nhà nghiên cứu văn học K.. Anh am hiểu các vấn đề lý luận văn học ở ta (lĩnh vực mà thú thực tôi không hiểu gì mấy). Những bài viết của K. có thời được nhiều người ví như “ngọn roi” quất vào “con ngựa sáng tác văn học” giúp nó phi nhanh hơn và không trật đường.

K. đẹp trai, thông minh, đặc biệt nhạy cảm với những cái gì đau đớn, tủi cực. Nhiều lần đi chơi với anh, tôi thấy K. thường lảng tránh những nơi có người ăn mày hoặc tàn tật. Trường hợp không lảng tránh được, K. rất bối rối, tôi thấy mặt anh tái đi, anh dốc hết túi cho người ăn mày hoặc người tàn tật đó.

Với tôi và các nhà văn trẻ thuộc thế hệ tôi, K. rất nghiêm khắc. K. đòi hỏi cao điều mà anh gọi là tính người: tinh thần làm việc, đức hy sinh, lòng tận tụy, chữ “tâm”... và dĩ nhiên cả văn phạm nữa. Sự nghiêm khắc ấy làm cho tình bạn của 2 chúng tôi không phải là không sóng gió. Tuy nhiên tôi khâm phục K...

Nhiều khi lẫn thẩn, tôi nghĩ rằng phải có một lý do nào thật sâu xa lắm mới rèn nên được một người như K.. Có lần tôi gắng hỏi mãi, K. tự dưng buột miệng:

- Cha tôi là Cún. Cả một cuộc đời ngắn ngủi của ông chỉ có độc một khát vọng thành người thế mà không được...

Từ câu nói ấy, của K., tôi viết câu chuyện này...

## II - CÂU CHUYỆN

Cún biết cái chết sẽ đến với Cún chỉ vài phút nữa. Chân Cún đã lạnh, cái lạnh từ chân cú thể ngược lên, bao giờ cái lạnh ngấm đến đỉnh đầu là hết, là vĩnh biệt con người, vĩnh biệt cuộc sống...

Cún há miệng ra. Khát, khát... Cún thấy cổ họng mình se lại. Cảm giác bị dồn, bị đè bao phủ toàn thân. Cún biết lần này Cún không thể thoát nó. Nó đấy! Nó thò cái lưỡi vô hình, đen như đêm tối liếm vào đôi mắt Cún rồi...

Hơn chục năm trước, người ta thấy Cún ở một cái cống bên con sông đào ngoại ô thành phố. Con sông đen ngòm nước thải, đầy rác, giấy vụn và những đám bèo Tây lá đầy bụi bặm. Cái cống xi-măng vỡ nằm ngang con đường đất nhỏ, hứng gió cả ở bên phía bờ sông, cả ở bên phía cánh đồng. Cún nằm trong đồng tả rách hơi hám, cả đầu cả chân tím ngắt vì gió. Chẳng hiểu sao Cún không chết ngay khi ấy? Chắc vì lão Hạ. Nếu Cún không gặp lão Hạ, chắc Cún đã chết ngay rồi.

Lão Hạ là lão ăn mày ở chợ. Hôm ấy, không hiểu sao lão Hạ lẫn ra cống. Đứng trên đường, lão nghe thấy tiếng khóc. Tiếng khóc như từ dưới đất vọng lên, như từ âm phủ vọng lên. Lão rung mình hãi sợ. Chiều đang xuống, nắng đã tắt, ráng mây mờ gà ở phía chân trời hắt xuống mặt đất một vệt ánh sáng lạnh lẽo và kinh dị. Gió bắc đuổi nhau hun



hút quanh các lều chợ lụp xụp không bóng người. Lão Hạ run cầm cập. Quang cảnh này hồn ma rất dễ hiện hình. Đây là thời khắc xuất hiện ma quỷ. Gần cả đời người. Lão Hạ sống nhưng không sợ người, người chỉ làm lão yêu hoặc lão ghét, thích hoặc không thích, lão Hạ chỉ sợ cái gì không phải là người.

Lão Hạ sợ quá, bủn rủn hết cả chân tay. Tiếng khóc ngằn ngặt đúng là có thật. Lão giống tai nghe. Đúng là tiếng khóc trẻ con.

Lão Hạ cuống cuống chạy xuống vệ sông. Lão vừa chạy vừa ngã. Tiếng khóc nín lão lại. Lão nhìn lên đường và nhận ra đứa bé nằm ở trong cống.

Lão Hạ dần dần hoàn hồn. Hóa ra chẳng có ma quỷ nào cả! Hú hồn hú vía! Ma quỷ đã bỏ mất một cơ hội để rình chớp lão!

Lão Hạ bò về phía cống, thò tay kéo đứa bé ra. Chân tay nó lạnh buốt.

Lão Hạ ôm đứa bé về lều chợ. Lão đặt tên nó là Cún. Cún là tên chó không phải tên người. Đứa bé này thật cũng chưa phải là người, nó kỳ hình dị dạng, đầu nó to tướng, hai chân hai tay mềm oặt như chẳng có xương, chỉ hơi lệch trọng tâm là người nó ngã kênh ra đất. Điều kỳ lạ là Cún có khuôn mặt đẹp lạ lùng.

Cún ở cùng lão Hạ. Cún không chết bởi nó có 2 khả năng kỳ quặc. Một là đôi mắt, đôi mắt của nó làm cho tất cả mọi người chung quanh đều sợ hãi. Họ đi qua Cún mà không bỏ 1 đồng hào vào cái nón rách thì không an lòng. Ánh mắt Cún ám ảnh họ, hành hạ họ suốt đêm ngày. Khả năng thứ 2 của Cún là khả năng chịu đựng tuyệt vời: nó chịu được đói, được rét, nó sống trơ trơ như thân thể nó được tạo bằng thứ nguyên liệu siêu phàm.

Lão Hạ đâm quý thằng bé tàn tật. Có nó, lão kiếm tiền được dễ dàng hơn. Lão mang thằng bé đi khắp đó đây kiếm ăn. Chỉ trong một hội Phủ Giày, lão kiếm được bằng mấy năm lão đi ăn xin một mình. Cách làm của lão thật đơn giản. Lão cứ đặt Cún nằm ngửa một chỗ với cái nón mê

giữa đám đông người. Thế là xong chuyện. Cún sẽ cựa quậy và mắt nó sẽ làm việc, mắt nó sẽ hỏi mọi người:

- Nay ông, này bà! Ông bà là người, hãy nghĩ đến tôi là kẻ chưa được thành người...

Lão Hạ nấp ở đâu đấy, khi thấy nón đã khá tiền thì ra thu về. Thịnh thoảng lão đút cho Cún mấy miếng bánh đúc ngô tựa như người ta đút cho những con gà mang bán ở chợ.

Lão Hạ coi Cún như con. Tuy nhiên, lão cũng chẳng quan tâm nhiều lắm đến thằng bé. Lão có bao nhiêu việc phải làm. Con người của nghề nghiệp khác có bao nhiêu việc ở đời thì việc của lão ăn mày cũng nhiều như thế. Ở trong thế giới ăn mày, thân phận một đứa bé con què quặt chẳng đáng kể gì. Lão Hạ chẳng hề áy náy vì những lần để Cún đói lả, run người trong những trận sốt mê man để đi uống rượu hay đi đánh bạc. Bản thân lão cũng đã bao lần bị đói, bị ốm, bị rét như thế. Trong thế giới ăn mày, người ta có thể sử dụng một đứa bé con trong vài 3 tháng để làm cớ xin ăn. Khi đứa bé chết, người ta vứt nó ra ngoài đồng rác như vứt một thứ vật hỏng bình thường, như cái rổ, cái rế... Việc kiếm ra một đứa bé không khó. Chỉ cần vài 3 đồng bạc, 1 gói thuốc phiện, 1 bộ quần áo cũ là xong. Đời còn đói rét. Đói rét bất chấp tất cả, cả đạo lý, cả tình người.

Cún lớn dần lên, Cún dần ý thức được thân phận mình, buộc phải ý thức về hoàn cảnh mình.

Năm ấy, bấy giờ đang có chiến tranh, nhiều người chết đói. Trời rất lạnh. Cún và lão Hạ nằm cuộn trong 2 bao tải ở một hiên nhà cách chợ Mới ở ngoại ô thành phố chừng trăm mét. Lão Hạ ho đôn. Lão ta yếu lắm, đã mấy ngày nay lão không dậy được, thịnh thoảng lại ho ra máu.

- Cún này, mày đã lớn rồi... Tao sắp chết rồi... Mày sắp mất tao, mất chỗ dựa rồi... - Lão Hạ thều thào bảo Cún - Thực ra tao cũng chẳng phải chỗ dựa của mày. Cả tao và mày cùng sống... Sống như con giun, con dế, như con ong, cái kiến... - Lão ho sù sụ rồi khóc - con người sống khác...

Trời ơi, sao trời hành hạ chúng con như thế? Chúng con muốn sống như mọi người thôi mà không sống được...

Cún lắng tai nghe. Cún mặc kệ lão Hạ nức nở rên rầm một mình. Cún chẳng nói gì. Cún quen với cái cảnh này rồi. Cún lấy tay co cái bao tải rách che bụng. Cún thở dài... Cún mệt mỏi rồi. Hơn chục năm nay, Cún đi ăn mày, Cún cũng chẳng lạ gì cuộc sống con người... Ăn mày là ai, ăn mày là ta... Đói cơm rách áo hóa ra ăn mày... Cuộc sống con người đầy bất trắc và vô nghĩa, họ sống cũng như Cún, như lão Hạ, như con giun con dế, như con ong cái kiến... Cún chỉ đau đớn vì Cún khuyết tật. Cún chưa phải là người, cái gì mọi người làm được thì Cún đều thấy khó quá. Càng lớn, Cún càng thấy việc Cún đứng vững ở trên mặt đất thực chẳng dễ gì. Cún cứ lẩy bẩy, cứ đi ba bước là lệch trọng tâm, cứ thế ngã quay ra đất. 2 chân 2 tay của Cún không tuân theo được ý mình.

Gần đây, Cún tự dưng lo sợ, lo sợ một cái gì đấy vô hình. Cũng chẳng hiểu sao Cún lại hay nhớ, hay mơ đến Diệu, cô chủ nhà mà Cún và lão Hạ nằm ở hiên này. Cô Diệu bán hàng ở chợ, người lúc nào cũng thơm nức nước hoa, băng phiến. Cô Diệu có đôi mắt nhỏ và 2 cánh mũi mỏng dính phập phồng. Tính cô hay đùa, hay cười. Cô hay gọi Cún là “thằng hình nhân mặt đẹp”.

- Này thằng hình nhân mặt đẹp! Cho mày 1 hào, sáng mai mày ra đón cửa cho tao. Mày như ngôi sao Họa lục ở cái nhà này. Hôm nào đi chợ gặp mày là người thiên hạ xô vào mua bán như tranh như cướp...

Cún cười bên lên. Cún cúi xuống nhặt đồng hào nhưng lại chúi người ngã quay ra đất. Đồng hào cách bàn tay Cún ba hàng gạch. Cún nhòe dậy lấy một đầu gối làm trụ để giữ trọng tâm. Cún giơ tay với nhưng không giữ được, lại ngã nghiêng người sang phải. Đồng hào còn cách Cún một hàng gạch nữa. Cô Diệu cười như nắc nẻ trên bậc thềm nhà:

- Cái thằng hình nhân mặt đẹp này ngộ quá chừng...! Cố lên! Cố lên lần nữa xem nào!

Cún thích chí cười. Trời ơi, Cún đã làm cho nàng thích. Cún thấy sung sướng.

Cún nhồm dậy, cổ gập 2 đầu gối. Được rồi... Thế, thế... Chỉ cố thêm một tí nữa và nghiêng người sang trái là chạm được vào đồng hào rồi. Cún thở hổn hển, mồ hôi toát ra. Cún ước lượng, Cún cười. Đúng lúc Cún bật nghiêng người lên thì Diệu nhảy thụp xuống nhật đồng hào để nhích sang một hàng gạch bên cạnh. Diệu ré lên cười. Cún bị mất đà ngã xuống nền gạch. Cún đập trán xuống nền gạch, máu trong miệng Cún trào ra nhưng Cún mặc kệ. Cún hít vội vàng cái mùi đàn bà quyến rũ. Chưa bao giờ Diệu lại ở gần Cún như thế.

Cún cười sảng sặc. Nếu Cún biết hát thì Cún đã hát...

Lão Hạ ngồi yên trong góc tường vỡ thương hại nhìn Cún. Lão nhồm dậy chậm chạp đến cái chỗ đồng hào, lão lẳng lặng nhật đồng hào cho vào túi mình.

- Thằng già khốn nạn! - Diệu bật nụ cười, môi mím lại đánh đá - Đồng hào không phải cho mày đầu đấy! Rồi lại đi nướng vào rượu cho xem.

Lão Hạ đứng im ủ rũ như người có lỗi, vai lão so lại như chờ người đánh. Diệu đi khuất vào nhà, lão Hạ mới ngồi thụp xuống lau máu cho Cún rồi xốc nách Cún dìu về phía chợ...

Cô Diệu ấy len vào đời Cún từng ngày một. Cún cứ miên man suy nghĩ. Cún hình dung thấy cô Diệu đi lại, nói cười, Cún chẳng để ý gì đến những tiếng kêu ú ớ ghen ngào của lão Hạ nằm bên cạnh Cún. Mãi sau, lão Hạ học lên, những ngón tay sần sùi của lão bấu vào mặt của Cún rất đau Cún mới bừng tỉnh. Cún mở mắt ra. Cún giật mình thấy mặt lão Hạ biến dạng hẳn đi, mặt lão trắng bệch như sáp, nhân trung lệch sang một bên. Từ miệng lão, máu đen tràn ra ồ ạt. Lão cố ú ớ nói gì đó. Bàn tay lão cố ấn vào tay Cún một cái túi con nặng nặng. Cún bò nhồm dậy. Cún đã hiểu ra sự việc: cái chết nó đang hiện ra bằng xương, bằng thịt ở trước mặt Cún. Nó đấy. Nó nấp trong tròng mắt sâu hoắm và không thần sắc

của lão Hạ đây. Cún khóc nức nở, thế là Cún đã mất đi một chỗ dựa rồi, chỗ dựa để Cún khỏi lệch trọng tâm ở trên mặt đất mà chính Cún cũng chỉ hiểu rất lơ mờ...

Sau cái chết của lão Hạ, số phận Cún cũng chẳng đổi thay mấy. Vẫn đói và rét. Trong cái mùa đông khủng khiếp năm ấy, Diệu đi lấy chồng. Chồng Diệu là một gã trai đưa hàng. Gã có đôi mắt khô ráo hoảnh. Mắt gã chẳng hề xúc động trước một điều gì. Cún theo dõi từng ngày cuộc sống của người con gái. Cún linh cảm rồi cô sẽ chẳng được sung sướng gì.

Linh cảm không đánh lừa Cún. Ba tháng sau ngày cưới, gã chồng cô Diệu cuỗm sạch tài sản của vợ mới cưới trốn đi Nam bộ với cô tình nhân mới.

Cô Diệu như kẻ hóa rồ. Chỉ vì nhẹ dạ cả tin mà cô mất hết. Cô ốm đến hơn tháng trời, có lúc cô định tự vẫn. Ngày cô Diệu khỏi ốm, bắt đầu ăn giã bữa được là một ngày hè nắng dịu dàng. Cô ngồi trong buồng trông ra ngoài phố. Nắng rung rinh trên vòm lá bàng, cả vòm lá sấu và vòm lá đình lăng nữa. Nhà cô đi vắng hết, chỉ có tiếng một gõ gai cả người kêu ở góc chiếc tủ một rỗng không. Cô Diệu nhớ chợ, nhớ cửa hàng xén của mình. Liệu có bao giờ cô mới có được cửa hàng như thế?

Cô Diệu buồn bã trông ra ngoài phố. Cô chợt thấy Cún ngồi ngay thềm cửa nhà mình. Cún đang đưa tay thu thu cái gì trong túi. Cô quỳ xuống ngó ra cửa sổ, Cún đang giở bọc vải lão Hạ cho Cún, cái bọc vải gụ, khâu chỉ đen, bé xíu như cái mề gà. Cô Diệu bỗng giật thót mình vì thấy trong lòng tay Cún lóng lánh mấy chiếc nhẫn vàng. Cô thấy lạnh toát sống lưng. Chân tay cô run bần bật. Một ý nghĩ bất chợt lóe trong óc cô.

- Này thằng hình nhân mặt đẹp! - Cô vội hé cửa ngói thụp bên Cún - Mày có cái gì trong tay đấy?

Cún ngẩng mặt lên, Cún xòe tay ra rồi nói bằng giọng khoe khoang

hồn nhiên như đứa trẻ dại: - Nhẫn đấy! Đây là nhẫn vàng lão Hạ cho Cún... Vàng thật hay là vàng giả?

Cô Diệu chớp lấy tay Cún; trong tay cô có ba chiếc nhẫn, mỗi chiếc để đến hai đồng cân vàng.

- Để tao xem thử nào?

Cô Diệu cầm từng chiếc nhẫn và khê để rơi trên nền đá. Cô lắng tai nghe. Cô soi ra ánh sáng.

Cô cho vào miệng cắn. Cô xuýt xoa rên rỉ: Trời ơi, vàng thật đây rồi... Cả một gia tài đấy nhé... Cái Thằng hình nhân mặt đẹp này thật là giàu...

Cô tái mặt đi, cô cười, cô đấm thùm thụp vào người của Cún.

- Thực vàng chẳng phải thau đầu... Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng... Thằng chó con này! Sao đến bây giờ tao mới biết mày?

Cô Diệu hỗn hển:

- Có... - Vào đây... vào đây... Cái thằng chó con giàu.

Cô Diệu khép cánh cửa lại, ấn người Cún xuống ghế. Cô lồng nhẫn vào ngón tay rồi chắp hai tay ra phía đằng sau. Cô đứng sát trước mặt Cún, người hơi uốn ra phía trước như một cây cung...

- Thế nào? Tao mặc cả nhé! - Cô Diệu vừa nói vừa cười, ý nghĩ của cô rạch nhanh như những tia chớp trong đầu. - Mày hãy cho tao ba cái nhẫn này, mày không có nó cũng không sao... Mày vẫn là đứa ăn mày... Thế nào? Có đồng ý không? Mày muốn gì tao cũng nghe mày... Cún gật đầu, hai khước mắt Cún đầy lệ. Cún chỉ thấy sung sướng. Cún đã làm cho cô Diệu thích. Cô Diệu đã bình phục. Cô Diệu đã khỏe rồi. Cún như mê ngủ. Như người trong mộng. Thế nào? - Cô Diệu cúi người cọ trán của cô vào trán của Cún.

- Làm gì mà thần mặt ra thế?

Cô cười sằng sặc.

- Nói đi...

- Nói đi...

- Bây giờ mày muốn...

Cún đưa tay lên, Cún không chủ động được những sợi gân chẳng ở trong cánh tay, cánh tay Cún vẽ một cử chỉ vu vơ trong khoảng không. Những người chiêm hương trước bàn thờ cũng có cử chỉ vu vơ như thế...

- Hiểu rồi... Tao hiểu rồi. - Cô Diệu ngồi xuống bên Cún vuốt ve. - Mày cũng là thằng khốn kiếp lắm kia! Đàn ông chúng mày thế hết... Được đấy... Được đấy... Thế là phải giá... Được rồi... Tao chỉ sợ mày sẽ không làm được. Thằng chồng mất dạy của tao còn không làm cho tao chữa được nữa là...

Cô Diệu kéo Cún vật ra giường. Cún hoảng sợ. Cún nhắm mắt lại rồi úp mặt xuống cánh mũi phập phồng hơi ánh một màu xanh mờ của Diệu. Cún như người đang bay trên mây... Cún cảm thấy bao nỗi buồn trĩu nặng của cuộc đời Cún bỗng dừng được trút hết cả đi, khuây khỏa lạ lùng. Cuối cùng, Cún đã không hiểu Cún đã ngồi ở via hè từ khi nào nữa.

- Thế là chẳng có nợ nần gì nhé!

Cún nghe thấy tiếng nói của cô Diệu đâu đó và Cún hiểu rằng Cún vừa trải qua một điều gì đấy thật ghê gớm, thật to lớn. Cảm giác trống rỗng nhưng sung sướng tuyệt trần choán ngập trong lòng..

Cún không hiểu rằng đây là cơ hội duy nhất trong cuộc đời khốn nạn của Cún có cảm giác này.

Cơ hội đó, oái oăm thay, để chín tháng sau cho Cún một đứa con trai... Chín tháng sau cái ngày hè ấy, cô Diệu sinh con trai. Từ mấy tháng trước, cô đã báo Cún biết tin này:

- Nay thằng hình nhân mặt đẹp... Mày sắp có con rồi đấy! Tao cũng không ngờ có chuyện quái quỷ thế này!

Cún mừng rỡ. Cún như một người điên dại. Cún không ăn không

uống, người chỉ còn da bọc xương. Trời ơi, Cún sẽ có con! Một kẻ chưa được thành người lại sẽ có con. Cún đã hình dung về nó thật rõ ràng. Nó đi mạnh mẽ ở trên mặt đất, nó không bao giờ lệch trọng tâm, nó vừa đi vừa mỉm cười, xung quanh nó là một vầng ánh sáng đủ màu...

Cún sống trong trạng thái bất yên mấy tháng trời trong khi cô Diệu mang thai. Cún ốm nặng, Cún chỉ sợ nhất cái chết ập đến bất ngờ khi Cún chưa biết đứa con thế nào. Cún thỏa thuận với cái chết, Cún cầu xin nó từng ngày. Cái chết đồng ý cho Cún chờ đến cái phút con Cún ra đời. Nó sẽ thay thế Cún chạy tiếp chặng đường dài trên mặt đất.

Đúng đêm cô Diệu đẻ, Cún bò lê từ lều chợ đến cửa sổ nhà cô. Trời mưa phùn, cái lạnh thấm vào người làm Cún tê buốt. Đầu Cún nóng bừng, thỉnh thoảng Cún lại ngất đi mê man. Chỉ hơn trăm mét mà Cún thấy xa xôi quá. Cún cố gắng giành giật từng mét đường đi cùng với cái chết. Nó đẩy. Nó đen như là đêm tối kia rồi. Cún cứ nhích lên là nó lại kéo Cún ngã dúi xuống bùn.

Cún vừa lết đi vừa rên, máu từ trong tai rỉ rả chảy ra. Cún đến được hiên nhà bên cái cửa sổ sáng đèn thì ngất xỉu. Khi tỉnh lại, Cún có cảm giác như bị một vật gì mòng mênh đè nặng lên người.

Cún há miệng ra... Khát, khát. Cún thấy khát khô cổ họng. Cả đời ăn mày nhọc nhằn của Cún cũng chưa bao giờ bị khát thế này. Cún cố nín thở để giữ sức lực. Cún chờ tín hiệu của đứa con mình. Cún cứ hết mê lại tỉnh. Mãi đến nửa đêm Cún bỗng giật mình vì những tiếng kêu rối rít trong nhà. Có tiếng oa oa của trẻ sơ sinh... Tiếng khóc con trai. Cún biết nó đấy, đứa con mà Cún chờ đợi nay đã ra đời.

Cún cười sung sướng rồi lịm người đi. Có một làn gió rất chi mơ hồ lướt trên khuôn mặt bất động của Cún.

Cún đã chết. Cuộc đời thật ngắn ngủi, cuộc đời của kẻ chưa được thành người. Đây là mùa đông năm 1944.



### III - KẾT CHUYỆN

Sau khi viết xong chuyện Cún, tôi mang đến đọc cho nhà nghiên cứu văn học, giáo sư tiến sĩ K. nghe. Mặt anh tái đi theo diễn biến câu chuyện.

- Không phải thế! - K. giằng lấy tập bản thảo ở trên tay tôi - Cậu viết những điều bịa đặt! Cần phải tuân theo chủ nghĩa hiện thực. Hiện thực khác lắm! Cậu biết cha tôi như thế nào không?

K. lục lọi đầu đó ở trong tủ sách và anh lấy ra một tấm ảnh màu. Anh khe khẽ cười, hơi ngân nga nữa, bàn tay mềm mại chạm vào giữa huyệt Du chí ở tay tôi:

- Cha tôi là Cún nhưng không phải thế! Hiểu không? Ảnh của ông cụ đây này!

Trong ảnh, một khuôn mặt đàn ông to béo mặc áo the đen, cổ hồ cứng, có hàng ria đen xén gọn nhìn tôi mỉm cười.

*N.H.T*

P H A M   T H I   H O À I

# Người đoán mộng giỏi nhất thế gian

(SH số 38/1989)

Ngày mười lăm tháng hai năm một ngàn chín trăm tám mươi bảy, tòa án nhân dân thành phố H. mở phiên tòa xử một trường hợp đặc biệt. Bị cáo là một phụ nữ bốn mươi tuổi, độc thân, phạm tội hành nghề mê tín dị đoan có hệ thống, có tổ chức, quy mô lớn và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống xã hội, nổi tiếng dưới tên gọi “người đoán mộng giỏi nhất thế gian”. Phiên tòa không luật sư bào chữa, bị cáo khước từ mọi quyền lợi trước pháp luật. Bảy công tố viên thay phiên nhau như chạy tiếp sức, phóng viên và cảnh sát dày đặc hành lang, đám đông tụ tập ngoài sân tòa và tràn ra mặt đường mang theo bánh mì, bi đông nước, nhiều người mang cả chiếu. Phiên tòa kéo dài sáu tháng không kết quả và chắc sẽ chẳng bao giờ kết thúc, nếu bị cáo không đột ngột biến mất khỏi nơi giam giữ nghiêm ngặt. Những người đại diện cho công lý đã thầm cảm ơn giải pháp may mắn ấy và không quá nhiệt tình truy tìm kẻ mất tích. Suốt sáu tháng trước vành móng ngựa, bị cáo không hề lớn tiếng, trừ những lúc bắt buộc, nhưng trước khi mất tích để lại một bản khai, sau

này được báo chí công bố như thành tựu chính của phiên tòa gây nhiều dư luận nói trên. Phải nói thêm rằng bị cáo có sắc đẹp kỳ lạ, chưa gặp trong văn chương cổ kim, nhưng hoàn toàn không mê hoặc, đơn giản vì sắc đẹp ấy quá xa lạ với những gì người cùng thời có thể biết hoặc phán đoán về cái đẹp.

Mẹ tôi sinh tôi giữa đường chạy nạn, quây vôi cát thành cái lều, trên trời dưới cỏ, xung quanh ầm ào tiếng súng, người vật gọi nhau táo tác. Tín hiệu chào đời của tôi lạc mất địa chỉ, chẳng ai làm chứng, tất cả phụ thuộc vào bộ nhớ rất hữu hạn và quá nhạy cảm với thời gian tàn phá của mẹ. Có một chú dế nhỏ mục kích từ đầu chí cuối cuộc sinh thành, nhưng nếu có gặp lại, mẹ tôi cũng không dám chắc sẽ nhận diện được. Thế là tôi nằm trong chiếc lều cát, ngửa mặt nhìn trời, với một chú dế trong vành tai, tư thế lý tưởng để phát sinh mọi mộng mơ và tôi đã mơ ngay từ phút chào đời vô vàn giấc mơ mà lắm kẻ bạc đầu chưa từng nếm trải. Đó là hướng nghiệp đầu tiên dành cho tôi.

Ba năm đầu tôi lớn lên trong một chiếc thúng, bỗng bênh nhún nhảy theo nhịp quẩy của mẹ. Mẹ vừa chạy nạn vừa bán hàng rong, nửa gánh đằng kia là cả một thế giới nhỏ biến hóa vô cùng, nước mắm hóa thành muối, muối thành gạo, gạo thành gà, gà thành cá, cá thành nước mắm, nước mắm lại biến hóa vòng hai, cứ như thế luân hồi. Thoạt tiên, thế giới ấy nặng hơn tôi, mẹ phải an ủi bằng cách tặng tôi bằng hòn đá nhặt dọc đường làm đối trọng; sau này, thế giới đầu đòn gánh đằng ấy càng ngày càng nhẹ bỗng, tôi phải an ủi bằng cách nhượng lại dần cho nó số đá kia. Ngồi trong chiếc thúng đong đưa, tôi gục mặt nhìn đất, thỉnh thoảng ngẩng gấu quần thiên hạ để giải trí, và mơ tiếp vô vàn giấc mơ. Đó là hướng nghiệp thứ hai.

Sau đó là ba năm những giấc mơ chững lại. Các nhà tâm lý học trẻ em đã lầm to khi sốt sắng bày ra đủ phương tiện nhằm kích thích trí tưởng tượng và khả năng mơ mộng của trẻ nhỏ lúc tuổi ấy. Sự thật là đứa trẻ

đã mang sẵn một thế giới mộng mơ khổng lồ, bắt nguồn từ lòng mẹ, vút nhận hình hài khi chào đời, tự do phát triển theo những quy luật không thể nắm bắt, và đột nhiên bị thế giới ngôn từ thâm nhập như một trong những ngoại tố phức tạp nhất, vừa phá hủy, vừa định hướng và thường là một định hướng sai lầm.

Tôi chứng lại để tập, để thu nhận và khám phá một thế giới khác, thế giới có thực, thuần túy khám phá và thỏa hiệp, bằng cách gọi tên, bắc cây cầu ngôn ngữ, hoàn toàn không tưởng tượng hay mộng mơ gì hết, ví dụ đơn giản nhất là mẹ. Trước khi biết nói, tôi thường mơ về mẹ, như một con cá chép, bụng đầy trứng, trắng óng ánh và thích nằm một chỗ. Sau này, biết đó là người đẻ ra mình, biết ngoan cho mẹ vui lòng, không bao giờ giấc mơ ấy trở lại với tôi nữa. Suốt ba năm đó, hầu như chỉ có mẹ, và tôi. Mẹ ít nói, chỉ hay hát ru. Những lời ru lạ lùng, chẳng chuyên chở một ý nghĩa nào cả:

“đêm vòng vang rơi chiếc vòng vàng...”

Tự chúng cũng là một thế giới riêng, không áp đảo, mà có lẽ còn nâng đỡ những giấc mơ của tôi. Tôi không dứt đoán mộng mơ vì lẽ ấy.

Mười năm đi học, tôi lại được thời mơ tiếp vô vàn giấc mơ, vì đó là cách duy nhất vừa để giết, vừa để xứng đáng với thời gian khi người ta còn ngồi trên một chiếc ghế băng nào đó trong một ngôi trường nào đó. Tôi thường đứng trước lớp, thay vì biểu diễn các công thức mà đảng nào rồi người ta cũng sẽ quên, lại kể về những giấc mơ, trong đó có một đàn chim mổ vào mắt nhau, những con mắt lẩn lóc khắp nơi, tôi không biết trốn đâu cho thoát những con mắt, hay chuyện tôi bé bằng ngón tay, sau lớn dần, lớn dần, thành hẳn một quả núi, và lại nhỏ dần, nhỏ dần trở về ngón tay... Tôi trở thành trường hợp tuyệt vọng cho toàn trường. Giáo viên lúc đầu tò mò, sau bức bối, và cuối cùng để mặc tôi ở một xó bàn cạnh cửa sổ; sau này những người hâm mộ và cuồng tín kéo nhau về ngôi trường ấy, mua đấu giá chiếc bàn chỉ chút bút tích tôi.

Lời đoán mộng ứng nghiệm đầu tiên của tôi phát vào năm mười sáu tuổi, cho cô bạn cùng lớp xinh đẹp nhất. Cô bé không có chữ nào trong đầu, nên trông càng mê hồn. Đến kỳ thi tốt nghiệp, cô cài bông huệ gắn lên tóc, khoe đêm qua nằm mơ thấy toàn hoa huệ. Tôi rùng mình: “Đừng, sông sâu nước cả”. Chín tháng sau, cô bé sinh hạ, hai mẹ con ôm nhau ra sông tự vẫn, bố đứa trẻ là một trong số giáo viên về coi thi, và cô bé Hoa Huệ đỗ thủ khoa năm ấy. Tiếng đồn bắt đầu dậy lên. Chính quyền tìm đến tận nhà. Hai mẹ con tôi được yên ổn chỉ nhờ phép mầu của tấm bằng gia đình liệt sĩ phủ đầy bồ hóng và mạng nhện.

Nhiều năm trôi qua. Tôi làm đủ mọi nghề nuôi mẹ, có lúc cũng quấy hai cái thùng với những món hàng biến hóa vô cùng, giấu kín chiếc chìa khóa mà hình như chỉ riêng tôi có mở vào thế giới của những giấc mơ. Có giấc mơ nào tôi chưa quen? Tất cả như một mớ chỉ, khế rút sợi này là kéo theo hàng loạt sợi khác. Giải mộng chẳng qua là rút đúng sợi chỉ cần rút, đối với tôi đấy là chuyện vặt. Và khi lời đoán đầu tiên năm người ta mười sáu tuổi ứng ngay vào cái chết, thì tất cả các sợi chỉ rút sau quả là chuyện vặt.

Một hôm, có ông lão nốt ruồi mọc giữa nhân trung đến mua kim, ngồi bệt ngay bên gánh hàng của tôi, vừa run run díu lại mảnh áo rách vừa than phiền về một giấc mơ quái gở, toàn là mèo, con nọ cắn đuôi con kia thành vòng tròn vây chặt ông, không sao ra thoát, chúng còn đồng ca một bài nghe cũng xuôi tai. Tôi lại buột miệng: “Nhà sắp thêm người, cụ không phải vá áo lấy nữa.” Ông lão lầu bầu: “Tôi bảy mươi, mười một năm tám tháng hai chục ngày chỉ một mình với túp lều. Con trai thì núp vá vợ, con gái lấy chồng xa, bà lão trời bắt sớm, có ai mà thêm. Thêm ma à?” Rồi chống gậy bỏ đi. Chưa đầy tuần lễ, có người đàn bà chỉ ngoài bốn mươi, trông rất duyên dáng, lẳng lặng ôm tay nải đến túp lều lợp giấy dầu của ông lão, hỏi thế nào cũng không nói. Họ sống với nhau hai chục năm, rồi ông lão qua đời, được một con trai học hành rất tử tế. Người

mẹ vẫn cảm lạnh như một bóng ma, hiền và lạc đàn, tới lúc chết không hé răng nói một lời. Anh con trai bán túp lều chôn cất mẹ rồi bỏ làng đi. Sau này anh ta sớm thành tài, nổi tiếng thần đồng trong giới khoa học và là người bảo trợ đáng yêu nhất của tôi. Đáng yêu ở cái nỗ lực phi lý mong tăng cường chiều thần diệu cho mặt phẳng logic nhạt nhẽo của khoa học, bằng cách gán cho thế giới mộng mơ của tôi một vài yếu tố trí tuệ, và gán cho khoa học một vài sắc thái tâm linh. Các vị hãy giở lại hồ sơ tòa án. Anh ta là nhân chứng số một, một chàng trai dễ thương, có tham vọng thông thiên và ngoại cảm, lại còn làm thơ và thạo nhiều ngoại ngữ. Nhưng đáng tiếc, anh ta luôn xuất phát từ một điều gì đó và nhằm một điều gì đó. Còn tôi, tôi không xuất phát, không định hướng, tôi chỉ là một môi trường cho các giấc mơ đi qua, tôi chỉ rút các sợi chỉ.

Tiếng đồn lại dậy lên, người khắp thiên hạ truyền nhau tìm đến. Tôi không còn phải quấy gánh bán hàng rong nữa. Đây mới thật là một nghề gia truyền. Người đàn bà nào trong dòng họ tôi cũng biết cân đong, nhìn xuống đất và nhặt nhanh hào lẻ. Cái nghề thấm vào máu. Khi đã trở thành người đoán mộng giỏi nhất thế gian tôi vẫn nhìn tất cả như vòng luân hồi biến hóa vô cùng trong chiếc thúng nhỏ ở một đầu đòn gánh: giấc mộng đế vương, giấc mộng hoàn lương, giấc mộng vô thường, tất cả không ra ngoài miệng thúng.

Người ta lăm mộng mị, mộng ban đêm, mộng ban ngày, thậm chí ngủ gật dăm phút trong hội nghị, giữa buổi cầu kinh, lúc chờ người yêu, khi nghe bố mẹ giảng bài học hiếu đễ, giữa hai nước cờ của đối thủ lễ mễ, hay trên cầu tiêu... cũng mộng. Mấy chục năm hành nghề cho phép tôi phân loại và thuộc lòng mộng thiên hạ như nhà đông y làm việc với các ô thuốc.

Đứng đầu là mộng tiền bạc, từ mấy đồng xu rơi vãi ngoài đường, dăm chục đồng bạc lên lương, vài ba nghìn manh múnng cò con, đến hàng vạn quan tiền lộc ngoại quốc và triệu triệu tiền siêu hình, tiền âm phủ khoét

từ các vết thương chính quy của cái cơ thể duy nhất độc quyền sản sinh tiền bạc là nhà nước. Vì lẽ sống đó, còn ai trong cái thành phố bất lực mà hỗn nhiên này không tìm đến tôi? Nào là đám ăn mày chuyên nghiệp, tràn từ thành phố này sang thành phố khác như nạn giặc châu chấu, đánh đeo với thể diện xã hội và chứng minh sự bất hợp lý vĩnh cửu của ban phát và hưởng thụ. Nào là anh chị em viên chức mòn mỏi ngóng về một quá khứ trong đó con người còn dám cho mình cái quyền lãng mạn và nhàn tản. Rồi em bé hát rong, ông chủ hợp tác xã khéo tay vui tính, nhà viết kịch thời thượng, những chàng thanh niên hăm hở chiếm lĩnh đời sống bằng hai bàn tay trắng, các cô gái không của hồi môn, vị thủ trưởng trước bước về hưu ngơ ngác trước nhân tình thế thái... tất cả đều nghĩ sâu sắc rằng thiếu tiền họ sẽ chẳng là gì, sẽ không còn là một người con, một người cha hay một người dân nào đó, cùng lắm bằng vai loại vật đi hoang ngoài đường, và vì thế ham tiền chỉ là ham muốn là người thuần túy nhất. Mộng tiền bạc thường hiện lên cụ thể, máu, phân, răng rụng, lửa cháy, nước tràn, súc vật hỗn chiến.

Sau đó đến mộng tình ái. Tình ái cần đối tượng. Chồng bạn, vợ người, thứ nữa mới đến gái đồng trinh, quả phụ và kỹ nữ. Các giấc mộng tình ái đều hao hao giống nhau, hoặc gắn liền với ma, mèo, mưa, hoặc đầy rẫy các con số, các mã hiệu: nói chung là nhốn nháo.

Tôi rất ngạc nhiên thấy những giấc mộng sinh, lão, bệnh, tử chỉ đứng vào hàng thứ ba. Hay đây là dấu hiệu của sự tiến bộ của con người trong cuộc cạnh tranh muôn thuở với tự nhiên, luật của đấng tối cao đã lùi lại phía sau luật của con người áp đặt lên chính con người? Trong khi đó, đối với người giải mộng, những giấc mộng vô thường mang lại nhiều cảm xúc và ý thức nghề nghiệp nhất. Dường như ở đó, tôi rút những sợi chỉ như rút các dây thần kinh tủa về não tủy.

Cuối cùng là đủ loại mộng mị vật vãnh, bi, hài và vô thường vô phạt: chửi nhau với hàng xóm, mất trộm, chức trưởng phòng, ăn cỗ đĩa lệch, ra chợ mua hớ, của người phúc ta, không nên đi xa, ra đường tránh chó...

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm, tôi đã đoán cho hàng vạn người giấc mộng đoàn tụ. Năm một ngàn chín trăm bảy mươi chín, lại đoán cho hàng vạn người giấc mộng biệt ly. Đám số đề, cờ bạc bàn nhau mua phất một biệt thự kín cổng cao tường có vệ sĩ canh gác cho tôi ở, độc quyền khai thác lời giải những mộng寐 oái ăm, đại loại như bước chân trái ra khỏi nhà là số 57, nấc nghẹn giữa miếng ăn là đầu chấn, tự nhiên có người giúp đỡ là con số xui 13... Học trò đến kỳ thi đại học bao vây chặt cửa nhà tôi đoán đề bài. Các thiếu nữ đến mùa cưới cũng vây chặt cửa nhà tôi đoán tương lai cuộc hôn nhân sắp tới. Người đẻ đến đoán con gái con trai. Người ra đi đến đoán lòng người ở lại. Người già đến đoán kiếp sau. Người trẻ đến xem phải trả oán gì cho kiếp trước. Có cả những nhà tiểu thuyết nhờ đoán số phận các nhân vật của mình và những linh mục dẫn con chiên tới xem ngày phán xử cuối cùng bao giờ sẽ đến.

Cứ như thế, tôi phục vụ. Không vì danh tiếng, còn danh vị nào hơn “người đoán mộng giỏi nhất thế gian”?

Cũng không vì tiền bạc. Món tiền lớn nhất tôi cần đã dùng vào đám tang cho mẹ tôi, đơn giản chỉ để khoản đãi nửa triệu người đưa mẹ đến nơi an nghỉ cuối cùng. Chỉ có bà chúa ong mới được một đàn con đông đúc như thế. Ngày tang lễ thứ ba, tôi bị bắt. Hồ sơ về những hoạt động mê tín dị đoan của tôi chất đầy một căn phòng rộng hơn chính nơi tôi ở, đỉnh cao là đám tang phạm thượng náo loạn này. Tôi bị kết tội mê hoặc đám đông bằng phép bùa phù thủy. Người ta ngờ đằng sau là những mưu đồ tôn giáo và chính trị sâu xa. Một mạng lưới cảnh sát dày đặc chẳng ra truy tìm con át chủ bài giấu mặt. Báo chí bắt đầu cảnh giác. Giới khoa học được triệu tập cấp tốc. Chuyên gia nước ngoài cũng có mặt. Và ngày ngày, hàng trăm hàng ngàn rồi hàng vạn người chờ đợi trước cổng nhà giam, người nào cũng ôm ít nhất một giấc mộng chưa lời giải, ngóng qua đầu ruồi mũi súng anh lính gác về phía tôi. Bản thân anh ta cũng sẵn sàng đồng lõa.



Một tuần sau, tôi được tự do. Ân nhân của tôi là một quý bà sang trọng, đeo kim cương ở khắp những chỗ quần áo không che hết da thịt. Quý bà sang trọng thuật lại cơn ác mộng của bà đêm qua. Tôi khuyên bà nên đi tu, nếu không muốn để gia đình rơi vào thảm họa. Bà ta lẳng lặng về. Mấy hôm sau, cửa nhà giam mở ra. Tôi lặng người trước đám đông. Một biển hoa. Dàn đồng ca và giao hưởng thành phố cử khúc “*An die Freude*” nổi tiếng trong bản giao hưởng số chín của Beethoven. Nhưng trong tôi, nỗi hoài nghi đã thay thế niềm vui, và lần đầu tiên, ý nghĩ đoạn tuyệt với nghề xuất hiện.

Tôi tiếp tục hành nghề, bảy năm, như người tù khổ sai biệt xứ, bởi loài người đã phái tôi đến xứ mộng mơ để cày cấy gieo trồng và cung nộp toàn bộ thành quả lao động. Tôi là kẻ được chọn lựa, và giờ đây tôi không thiết tha gì tư cách của kẻ được chọn lựa nữa.

Các vị hãy giờ lại hồ sơ tòa án, nhân chứng số hai của tôi là một giáo sư bác sĩ nổi tiếng. Ngành y học quan tâm tới tôi thuần túy vì mục đích nhân đạo. Tôi nghiên cứu các giấc mộng, còn ông ta nghiên cứu tôi, con bệnh đầu đàn trong mọi con bệnh, giải pháp lâm sàng hứa hẹn ít nhất một Nobel. Theo sau ông ta là các nhân chứng khác. Một nhà thần học, thấy trong tôi sự giao lưu giữa con người và thần thánh. Một nhà phân tâm học, tự xưng là tín đồ duy nhất của Freud, Adler và Jung ở Đông Dương, khẳng định tôi là hiện thân của toàn bộ lý thuyết tâm lý học tằng sâu về mộng寐. Một triết gia lấy tôi là ví dụ cho tính năng động của ý thức trong tương quan với tồn tại. Một nhà nghiên cứu nghệ thuật hy vọng dùng tôi giải mã tranh của Bosch, truyện của Kafka và nhạc Stravinsky. Một nhà xã hội học quyết định suy từ phương pháp thống kê mộng寐 ra thực tế vốn khó tiếp cận hơn nhiều. Và một nhà sử học tìm kiếm chứng tích của các nền văn minh chìm trong những hoạt động vô thức. Họ đến với tôi, và giờ đây, ra trước tòa, đặt tay lên ngực thể khai sự thật và không gì khác hơn ngoài sự thật. Nhưng toàn bộ sự thành khẩn

của họ và của đám đông khổng lồ mà tôi đã không tiếc công phục vụ chỉ càng chứng minh rằng tôi, người đoán mộng giỏi nhất thế gian, đã có mặt vô lý với tư cách kẻ được chọn lựa. Loài người bao giờ cũng chọn một kẻ nào đó để đặt tất cả lòng tin, và để đem ra trước vành móng ngựa.

Một hôm, những người trước đây đã kết tội tôi dùng phép bùa phù thủy đích thân đến mời tôi cộng tác. Khoa học hình sự đã phát triển tới mức đủ sức liên kết với mọi lãnh vực tri thức khác. Tôi từ chối. Tôi chỉ là một môi trường cho những giấc mơ đi qua, tôi chỉ rút các sợi chỉ. Và ngay cả việc ấy tôi cũng không thiết tha nữa. Người ta mời tôi tới các hội nghị. Người ta đưa tôi ra nước ngoài. Người ta vờ tôi vào nơi cung cấm. Người ta trao vào tay tôi vận mệnh quốc gia. Người ta đặt tôi dưới một chế độ ăn uống và bảo quản nghiêm ngặt. Và trong tôi, ý nghĩ đoạn tuyệt với nghề chín dần. Phải, giấc mơ nào cũng ứng vào một điều gì, từ chuyện cho mèo mẹ sẽ đẻ mấy con nhĩ thể, mấy con tam thể, đến chuyện chiến tranh và nạn hồng thủy. Còn giấc mơ ứng vào chính nó, mộng mơ như một dạng tồn tại, không biểu tượng, không ám chỉ, như hai vạn năm trước từng là lối sống duy nhất của một chủng tộc nào đó, thì đồng loại tôi chưa bao giờ gặp. Trong trường hợp này, không thể dùng những khái niệm đã biết để hình dung điều chưa biết, nên người làm một động tác xóa sổ đơn giản, bảo đó là trò chơi dễ dãi của ngôn từ.

Tôi quyết định chọn ngày sinh lần thứ bốn mươi của mình làm ngày hành nghề cuối cùng. Hôm đó, thành phố bãi bỏ toàn bộ hoạt động, người nào cũng tranh thủ có một giấc mộng trọng đại cuối cùng. Rõ ràng tôi không đủ sức thỏa mãn từng cá nhân trong vòng hai mươi tư tiếng đồng hồ ấy, chỉ còn cách phân loại và giải đáp từng nhóm mộng to, mộng nhỏ. Có nhóm được nghe lời phán định về sự suy sụp của cả một chế độ. Có nhóm biết mình sẽ đứng ra tiêu diệt đời sống xã hội trong mười năm sắp tới. Có nhóm được quyền nhân bản thung dung bất chấp mọi đổi thay của thời cuộc. Và biết bao nhóm khác sẽ quần quanh trong những biến cố nho nhỏ của trái tim.

Rồi việc phải đến đã đến. Đám đông gào lên, kẻ tung hô tôi, kẻ đòi tôi không được từ chối, kẻ đe dọa tự thiêu ngay tại chỗ để phản kháng lời giải mộng về một số kiếp chẳng ra gì, kẻ phát cuồng về một tương lai vượt quá mọi mong đợi. Cuộc náo loạn lần này đẩy tôi ra đây, trước vành móng ngựa. Các vị đã tự giằng co sáu tháng trời, không quyết định nổi nên tiếp tục đặt tất cả lòng tin vào tôi, hay đành sống không điểm tựa. Đây là phiên tòa dành cho các vị. Hãy kết tội niềm tin đi, nếu nó không còn cần thiết nữa, và thay vào chỗ nó những quy chế nghiêm ngặt của cộng đồng. Để tiện cho các vị, tôi, người đoán mộng giỏi nhất thế gian, xin vĩnh biệt. Tôi không có môn đệ. Các vị hãy yên tâm.

*P.T.H*

H O À N G T Ồ M A I

# Ước mơ của chị

(SH số 43/1990)

“**T**a muốn nhìn bông hoa đen nở nụ, trên cánh mỏng là đường diêm trắng gấp khúc uốn lượn. Giá mà ta được nhìn thấy”.

Thỉnh thoảng chị tôi viết mấy dòng chữ này vào những mẫu giấy bất kỳ nhất là khi trời đổ mưa phùn rỉ rách. Lúc ấy ngoài trời vắng tanh, ở đâu cũng đầy bùn và mùi ẩm ướt. Chỗ nào cũng đầy mùi ẩm ướt. Trời càng lạnh.

Năm nay đợt mưa kéo dài và đến từ tháng mười. Chị tôi nằm bẹp trên giường cả ngày, đôi lúc ngồi than:

- Đến cả hơi thở cũng bị vẩn đục. Miền khí hậu ải mục sinh ra mọi điều khổ sở. Sao không tạnh hả mưa?

Khó có thể nói khi nào trời tạnh. Ngột được một lúc rồi mưa lại đổ xuống. Chỉ còn cách giải trí là đọc sách. Trong nhà còn mỗi cuốn “Đôi gió hú” của ai để quên. Chị tôi đọc lại nhiều lần và đọc to lên những đoạn mình thích. Bây giờ tôi vẫn nhớ mang máng, đây là những dòng tả về giấc mơ của Lỗchút. Trong giấc ngủ nặng nề anh ta nghe thấy cảnh linh sam đập vào cửa sổ. Lỗchút đập vỡ cửa kính thò tay bẻ nó đi nhưng

anh nắm phải bàn tay bé nhỏ lạnh buốt. Một giọng cực kỳ ảo não cất lên nức nở:

“Để cho tôi vào... Để cho tôi vào!”

“Người là ai?”

“Cathorin Lincon”... “Tôi đang về nhà. Tôi đã lạc trên đồng hoang”.

Và trên cửa sổ lơ mờ một khuôn mặt trẻ thơ. Lỗchút kính hoàng cửa đi cửa lại cổ tay bé nhỏ cho đến khi máu chảy ướt đầm khăn trải giường.

“Đã hai mươi năm rồi đấy” giọng nói sâu thẳm. “Hai mươi năm. Tôi là một linh hồn bơ vơ hai mươi năm ròng”.

Chị tôi còn đọc vài đoạn tả đồng hoang tàn tạ. Tôi đồ chừng việc đọc sách có gì không ổn, sau mỗi trang da mặt chị thêm tái nhợt rồi trở mình mệt mỏi. Thế là tôi cất luôn nó vào tủ.

Cuộc sống của chị em tôi không chỉ đơn điệu như vậy. Thịnh thoảng tôi có gọi vài đứa trẻ con sang cho vui, con của ông thợ gần đấy. Con chị lên bảy, đứa em lên ba. Mỗi khi chúng nó sang không khí ấm áp hẳn. Ở đây xa đô thị ồn ào nên vẻ ngây thơ trong trẻo của hai đứa trẻ dường như nguyên vẹn. Những đôi mắt một mí mở to đầy ngạc nhiên trước bất cứ chuyện gì. Chúng nó có vẻ e dè và kính nể chị tôi hơn. Chị có trò chơi dường như phù phép, có thể hái những bông hoa vẽ trên bức tranh cổ làm bọn trẻ sợ đến mức không dám cầm nữa (cũng dễ hiểu vì vườn nhà tôi trồng loại hoa này). Khi hứng lên chị còn kể chuyện cho tôi nghe, giọng kể thật kỳ lạ, nghe trăm lần không chán. Andecxen chắc cũng ngạc nhiên khi có người kể chuyện của mình hay như vậy. Một hôm con chị chẳng biết làm sao thốt lên đầy hào hứng:

- Chồng của cô giáo cháu bị đau tim.

Tôi rất buồn cười nhưng chị nhú mày vờ ngạc nhiên.

- Sao cơ?

- Chồng của cô giáo cháu bị đau tim - con bé thì thầm nhắc lại.

Chị cười ngật nghẻo rồi nghiêm túc.

- Đây có thể là đầu đề một bài thơ hay.

Tôi cũng nhận thấy là như vậy.

Những buổi tối như vậy dần dần thưa đi, bọn trẻ lớn lên không còn cả tin như trước. Riêng chuyện cổ chẳng bao giờ chán được, chẳng bao giờ.

Gần đây chị yếu đi, trong giấc ngủ thảng thốt bông hoa đen nào đó. Chỉ còn cách đắp thêm chăn và sửa tư thế nằm cho chị.

Buổi sớm, tôi lặng lẽ ra vườn hái một nhánh cẩm chướng trắng muốt rồi cắm vào lọ mực tàu. Lúc sau cánh hoa hằn lên vài vết đen nhỏ như vết xước. Bây giờ bông hoa mang vẻ đẹp kỳ lạ. Tôi nhẹ nhàng đặt nó vào chiếc cốc sành khô ráo và mang đến đầu giường:

- Em đưa đến cho chị điều mơ ước, có điều hơi đảo ngược. Những bông hoa ấy đây.

Chị nhìn rất lâu bông hoa rồi nhẹ nhàng:

- Đây là quà cưới, cô dâu trinh bạch đây về u sầu và hồi ức đượm màu u ám.

Nói xong chị trở mình ngủ tiếp, tới chiều thì mất. Ngoài trời mưa phùn đổ mù mịt, tiếng rơi nhẹ nhẹ mênh mông.

Buổi tối, ông thợ mộc bê sang cỗ quan tài mới sơn, bấy trẻ cầm theo thẻ hương đỏ. Những đôi mắt tò mò sợ hãi.

Hôm đưa đám thì mưa dút. Bầu trời quang quẻ, mây đã lùi xa. Mặt đất bùn se lại đọng trắng xóa bụi cúc tần xanh ngắt. Đi trong ngày khô ráo, chị có mừng không? Một bà già lại gần tôi an ủi.

- Chị mày đau tử trong bụng mẹ, làm sao trường thọ được! Ráng chịu nghe con.

Tất nhiên là vậy, tôi còn làm gì được hơn.

Tháng mười trôi đi nhanh, tôi quyết định chuyển nhà và phát hiện một

chuyện bất ngờ. Khi soạn lại va li quần áo cũ tôi tìm được một quyển sổ tay mỏng. Trong ấy kẹp vài tờ bản thảo, có cái đã in rồi, tác giả là chị tôi hồi mười tám. Có khá nhiều thư của độc giả gửi theo cả ảnh làm quen. Cô gái đầu tiên trông trắng trẻo, đôi mắt nhìn thiếu nảo.

“Em đã buồn đúng mười năm!”. Một dòng chữ thẳng tắp.

“Thế ư?” Nét chữ nghiêng ngả của chị tôi trẻ nải. Những ảnh khác đều phẳng phất dáng vẻ bệnh hoạn, cô đơn. Cũng có người trông nghiêm túc, bình thường như nhà giáo. Những trang bản thảo chép tay chữ xấu không đọc nổi, lật đến trang cuối tôi đọc được mấy dòng này.

“Ta đã nhìn thấy bông hoa đen nở nụ, cánh nổi mờ đường điểm trắng mọc trên đồng mệnh mông. Gió lùa nhẹ và bầu trời màu chì cao xa vợi vợi. Cuối cùng thì ta đã nhìn thấy”.

Thấy cái gì nhỉ? Tôi không chứng kiến giấc mơ cuối cùng của chị. Tôi còn tìm được một băng nhạc cũ có in hình nhóm “Beatles”. Đêm đến tôi bật máy, đấy là những bài ca hay tuyệt gọi hồi ức đầy màu sắc. Màu vàng, màu đỏ, có cả màu gì đó nâu xỉn và hoen ố. Tôi không thấy màu nào hồng cả, không hề thấy.

Khi băng nhạc tắt lịm, có tiếng cười khanh khách vang vọng: “Quá khứ đấy, em thấy sao?”. “Đáng kể lắm, em chẳng có gì như vậy”...

Bao giờ tôi cũng mơ ước những điều giản dị, đơn sơ như đôi mắt mở to của bọn nhỏ. Hay người lớn có tâm hồn đồng điệu cho dù là kẻ phạm tội hay con sói già tru gào thảm thiết khi bầy đàn bị tiêu diệt không một con sống sót trở về.

11-1989

H.T.M

Đ O À N L Ê

# Niết Bàn bốc cháy

(SH số 40/1990)

Cây lá héo rũ. Hơi nóng bốc rung rinh trên một mỏm lá xám. Cả hoang đảo say nắng ngất ngư tới tận khi mặt trời đỏ nẫu sắp rụng xuống gốc biển.

Lúc ấy ngọn gió đầu tiên trong ngày nổi dậy từ khơi xa, ủa vào đảo, trườn theo sườn núi bốc lên cao.

Cũng là lúc đạo sĩ rời hang đá, lần bước xuống núi. Ngọn gió táp vào ngài làn bụi nước ẩm ướt, nồng nồng, với chút mát mẻ xoa dịu. Nhưng ngài không nhận thấy điều đó. Làn da nâu sạm khô héo của ngài đã lâu rồi không còn cảm giác về sự nóng lạnh. Ngọn gió chỉ được một việc: làm bay phất phật những dải giẻ lướm bướm, chúng đeo dính trên tấm thân gầy như lửa lò của đạo sĩ.

Những dải giẻ rách ấy hơn hai chục năm trước vốn là cái áo cà sa gấm vàng thêu chỉ bạc, có dính một trăm hai mươi hạt bảo ngọc rực rỡ, tượng trưng một trăm hai mươi vì tinh tú. Chính tay nhà vua đã dâng tặng đạo sĩ tấm áo vô giá này lúc ngài bước chân xuống thuyền ra đi. Trong mười năm đầu, kể từ khi ngài vượt biển cả tới đây, những hạt bảo ngọc theo nhau rơi rải đều đó trên hoang đảo. Mười năm sau đến lượt những sợi chỉ bạc bung nốt. Tấm áo cà sa nhanh chóng biến thành những dải giẻ



rách bạc phếch gió sương. Sở dĩ chúng còn đeo quần lằng nhằng trên mình đạo sĩ chỉ vì ngài đã lãng quên chúng như lãng quên từ lâu tấm thân tứ đại của ngài.

Đạo sĩ thông thả bước. Gương mặt ngài trầm tĩnh, phảng phất niềm sung sướng thoát tục. Đôi mắt ngài đầy ân ưu, lấp lánh ánh sáng, giá quý dữ nhìn vào đó cũng phải mềm lòng quy phục. Và mái tóc dài lòa xòa xám xỉn tôn thêm dáng vẻ siêu phàm của một đấng chân nhân thiện sư.

Theo sau đạo sĩ chừng dăm bước là mười con vọc đầu trắng, vài chú chồn nâu, chúng lom còm nhảy nhót giữa đám sơn dương. Bầy thú hỗn hợp ấy ào ào theo ngài như bị một mãnh lực khác thường cuốn hút. Những đôi mắt thú của chúng cũng mê man rực sáng giống hệt mắt đạo sĩ. Khác chẳng ngài hướng vào cõi thiêng liêng hư ảo, còn chúng hướng vào ngài.

Ráng chiều đỏ lừ nhuộm cho cảnh tượng thêm phần kỳ dị ở nơi hoang đảo.

Con đường xuống biển phải qua một bãi đá lởm chởm. Hết bãi đá sẽ tới bờ cát trắng trải dài tít tắp, không hề gợn vết chân người. Ở giữa ranh giới bãi đá với bờ cát có cây du cổ thụ cao ngất, bóng trùm rợp một vùng, suốt đêm ngày rì rào gió. Dưới gốc du ấy đạo sĩ thường ngồi phổ thuyết, giáo hóa đệ tử, hoặc ngài tọa thiền nhập định.

Chiều nay cũng vậy, khi đạo sĩ vừa ngồi kiết già dưới gốc du, bầy đệ tử của ngài liền chen chúc nhau phủ phục trước mặt. Đạo sĩ đưa mắt âu yếm nhìn chúng. Từ lâu ngài cảm nhận rõ mỗi sinh vật nhỏ nhoi kia là mỗi duyên cớ cho người đồn trút thương yêu. Ngược lại, chúng cũng sống bằng niềm vui lẫn ước nguyện của vị chúa tể chúng. Giống như ngài ăn hoa quả do chúng hái lượm, còn chúng sống nhờ bầu nước ngài hứng từng giọt ngày đêm trên nhũ đá của động. Hay nói cách khác, ngài đã hòa với chúng, phân thân vào chúng, qua con đường tình yêu thuần phác chúng dâng hiến cho ngài.

Vậy mà chúng đâu biết ngài sắp rời bỏ chúng. Bỏ cả hoang đảo, trời xanh, biển biếc gốc du... Sẽ ra sao nếu mai đây ngài ra đi? Biển, núi chẳng mấy đổi thay, nhưng còn bấy muông thú yêu quý của ngài? Chúng trở lại mông muội như khi ngài chưa đặt chân lên hòn đảo này chẳng?

- Hỡi các con, mấy bữa nay ta biết các con bồn khoăn thấy ta chất củi khô trên đỉnh núi. Để làm gì ư? Ta chẳng giấu nữa. Giàn hỏa thiêu đó. Ta sắp rút bỏ hình hài ô trọc để lên cõi Niết bàn tịch diệt. Đức Vô thượng Từ tôn há chẳng dạy rằng vòng luân hồi tử sinh, ly hợp, thay đều là vô thường niệm đó sao? Nay nhân duyên phối hợp nên cái thân ảo hóa của ta đã hết, ta sẽ dứt bỏ nghiệp chướng, các con chớ lấy thế làm phiền muộn...

Tiếng ngài ngân nga, đầy sức ru rín mê hoặc. Tựa hồ nó mang theo một làn phấn nhẹ, thấm qua thính giác gây ngây ngất. Bởi khi ngài cất tiếng nói, cả đàn thú lìm lìm, gió bỗng lặng tờ, sóng biển đang dôn dập cũng dịu xuống. Chỉ nghe mơ hồ trên thính không từng âm hưởng đang tan dần...

Đạo sĩ chợt ngừng lại. Một lát sau bấy đệ tử của ngài bừng tỉnh. Chẳng rõ bằng trực cảm bí ẩn nào chúng lĩnh hội được lời ngài: *Ngài sắp vĩnh viễn rời bỏ chúng*: Chúng liền cất tiếng kêu thê thảm. Lũ chồn nhảy dựng lên, thả rơi mình vật vã. Sơn dương đập sừng vào nhau gãy gĩa. Những con voọc dứt từng túm lông róm máu trên thân thể chúng. Thật khó tưởng tượng được cảnh cả bấy thú điên cuồng tự hủy diệt trong nỗi đau đớn man dại đột ngột.

Đôi mắt đạo sĩ rung rung cái tình của thú mà quá đổi sâu sắc. Ngài vội cất tiếng tụng niệm:

- Nam mô Kim-cương bát-nhã ba-la-mật...

Bấy thú liền ngừng ngay lại. Thoạt đầu chúng nằm im lìm, chống đỡ đứng lên nhau thoi thóp. Dần dà tiếng tụng niệm thấm vào chúng từng giọt thần dược. Hơi thở chúng mỗi lúc một hiền hòa, những thân hình động đậy nhúc nhích... Và kỳ lạ chưa, chỉ lát sau bấy thú đã hội sinh trong

giọng mơn man tụng niệm của đạo sĩ. Từng con một nhóm dậy, lặng tới bên ngài, áp mình vào những dải giẻ rách, hướng lên ngài ánh mắt đắm thắm dịu dàng, vẻ như đã hoàn toàn quên sự biến động vừa xảy đến tâm hồn chúng.

Truyền thuyết nhà Phật có chuyện đám ốc nhồi xúm lại đỡ một bộ kinh bị rơi xuống nước nên sau chúng được Phật độ. Năm trăm con dơi bị lửa thiêu chết vì do mê mãi thụ pháp, sau chúng đều thành Bồ tát ngồi tòa sen. Mười ngàn con cá nghe kinh A-tỳ-đạt-ma, kiếp sau đều sinh vào ngôi thiên tử. Mới biết muôn loài chúng sinh đều có thể thành Phật.

Đạo sĩ băn khoăn rất nhiều cho đám đệ tử. Liệu chúng có giữ trọn thiện duyên, tu thành chính giác được không? Trước khi bước lên giàn hỏa thiêu chuyện đó sẽ không khỏi bận lòng ngài.

Trời thẫm tím và đêm xuống. Đêm cuối tháng không có trăng nhưng một thảm sao óng ánh đầy trời. Đầy trời những tia sao run rẩy xanh biêng biếc.

Nửa đêm về sáng tự nhiên có trận mưa sao. Chúng rớt xuống thành từng dải cháy rực.

Sau đó tất cả lặng ngắt. Đạo sĩ nhắm mắt chìm vào cõi đạo; bấy thú ngoạn ngoạn phủ phục bên chân ngài. Tiếng sóng biển thật nhẹ xa vời...

Khoảng canh năm, đạo sĩ bỗng mở mắt bối rối. Ngài vừa cảm thấy một ánh sáng lạ xuất hiện đâu đó cứ khuấy động cái tâm an tại của ngài trong lúc thiền định. Điều đó thật phi lý. Ngài chưa một lần để tâm mình bắn loạn vào những giờ phút hành đạo thiêng liêng.

Mới hừng sáng. Cảnh vật chưa hoàn toàn thức giấc. Đàng chân trời tia mây hồng đầu tiên đang lan rộng thành những rё quạt.

Đạo sĩ đứng hẳn dậy, quay nhìn tứ phía. Ồ, kia rồi, nó kia, cái ánh sáng quá lạ tỏa ra từ một vật gì nằm khuất sau mũi đá lớn. Mũi đá nhô sát tận bờ biển bên trái. Vật lạ hẳn dị thường vì nó phát quang ngay cả khi chưa gặp ánh mặt trời. Có ngôi sao nào rớt xuống biển, trôi dạt vào bờ chẳng?

Đạo sĩ bước nhanh về phía mũi đá.

Khoảng cách càng rút ngắn, đạo sĩ càng bị hút vào điểm phát quang. Ngài nhanh chóng vượt qua núi đá. Và ngài đứng lại trước cảnh tượng đột ngột bày ra trước mắt. Nấp dưới mũi đá như dưới mái che, ba thân hình đàn bà xiêm áo gấm vóc rực rỡ, đang ôm nhau ngả dài trên nền hang. Mùi thơm son phấn ngan ngát tỏa lên. Cả ba người mê man trong giấc ngủ sâu thẳm. Ngỡ như ba tiên nga vừa qua cuộc chạy trốn mỗi một khỏi thượng giới.

Ánh sáng lạ phát ra từ bầu ngực phập phồng của nàng thiếu nữ trẻ nhất, nằm hơi tách riêng trong dáng điệu của tuổi thơ. Đạo sĩ nhận biết một viên ngọc quý trong túi lụa thêu, lồng vào sợi dây vàng đeo trên cổ thiếu nữ. Túi thêu lại được che trong lần xiêm the trắng, mắt phàm tục khó ai biết được. Nhưng với đạo sĩ ánh sáng viên ngọc lồ lộ, lấp lánh bảy sắc cầu vồng đến nhức nhối con mắt. Ngài không còn để ý tới ba người đàn bà, không băn khoăn về sự hiện diện của họ, ngài chỉ bị viên ngọc quý thu hút. Từng bước nhích dần như người mộng du, đạo sĩ tiến tới viên ngọc, đôi mắt mở không chớp. Bằng nhỡn quang của người quen phép thiên nhãn thông, nhìn suốt không gì trở ngại, đạo sĩ đọc được lai lịch viên ngọc trong quá khứ. Đó là viên ngọc ma-ni của sư tổ Thuyền Chân thuở xa xưa. Tương truyền sư tổ mang viên ngọc báu trong mình, nhảy vào một lòng khe sâu trên núi cao, hóa thân biến mất. Đã hàng ngàn đời nay, giờ viên ngọc xuất hiện trên cõi trần thế nhưng mấy ai nhận ra nó.

Đạo sĩ vẫn dăm dăm nhìn viên ngọc. Cho tới lúc làn vải the trắng trên ngực thiếu nữ âm ỉ cháy, tỏa lên làn khói lam nhẹ, rồi tới sợi dây vàng đứt rời, túi lụa thêu cũng bị ngọn lửa vô hình biến thành bụi trắng, tàn tro theo gió bay đi, cả một khoảng ngực hồng mơn mớn lộ ra cùng với viên bảo ngọc... Đạo sĩ sực tỉnh, vội đưa bàn tay che trước mặt, ngăn luồng tuệ nhãn. Ngài không ngờ trong lúc vô tình đã để lộ thần lực.

Người thiếu nữ vẫn ngủ ngon lành. Phép lạ không hề làm tổn thương đến da thịt nàng.

Đạo sĩ thông thả quay trở về. Ngài tư lự đi qua gốc du, qua bãi đá, lần theo con đường mòn lên núi. Bầy thú theo chân đạo sĩ tới cửa động, quanh quẩn một lát, uống nước trong cái bầu chứa, rồi chúng tản vào rừng cây, hang hốc như lệ thường.

Mặt trời chói lọi nhô lên khỏi mặt biển. Người thiếu nữ có viên ngọc ma-ni chợt tỉnh giấc. Sau những ngày đêm đầy kinh hoàng, khung cảnh bình yên buổi sớm mai bên bờ biển, cảm giác thoát nạn, đã tràn vào tâm hồn nàng một sức sống ngọt ngào.

- Mẫu hậu! Xin mẫu hậu cùng Vương phi hãy tỉnh dậy. Xin hãy tỉnh dậy mà xem điều kỳ diệu đã xảy ra...

Nàng kêu lên đánh thức hai người đàn bà. Nước mắt tràn xuống miệng cười, gương mặt xinh đẹp của nàng chẳng khác đóa huệ trắng ướt đầm sương sớm...

Cần phải nói qua về tai biến xảy ra trong triều đình khi ấy. Hoãn quốc công đã ngầm liên kết với giặc ngoại xâm. Nhân dịp đức vua vừa rời kinh đô ngự giá xuống phương Nam hội kiến với vua láng giềng, Hoãn quốc công khởi binh, kết hợp với ngoại bang cướp ngôi. May thay có viên võ tướng họ Trương, người sắp trở thành phò mã của công chúa An Thường, chàng đã kịp cứu Dương hậu, Vương phi cùng công chúa xuống một con thuyền nhỏ chạy trốn.

Lênh đênh trên mặt biển hai ngày liền, cuối cùng đêm ấy họ giạt vào hoang đảo. Sau khi đã bàn bạc, an ủi ba người đàn bà, viên võ tướng họ Trương từ biệt họ. Chàng sẽ phải cầm binh hợp lực với đức vua kéo về kinh đô, không thể trì hoãn. Trước khi quay thuyền ra khơi, chàng trao cho công chúa An Thường một chiếc túi lụa nhỏ, đeo bằng sợi dây vàng, nói rằng:

- Công chúa ở lại cung dưỡng quốc mẫu, xin giữ gìn mình vàng. Chưa biết ngày nào là ngày hậu hội. Tôi có viên bảo ngọc tổ phụ truyền cho từ lúc mới sinh, vẫn giữ hơn tính mạng, tôi xin đưa công chúa làm của tin lúc tái ngộ. Nếu nhờ hồng phúc hoàng triều xả tắc qua khỏi cơn nghiêng ngửa, sẽ có thuyền ra nghênh rước.

Công chúa khóc mà nhận lấy. Liền đeo ngay vào cổ mình... Thuyền võ tướng họ Trương phút chốc mất hút.

Ba người đàn bà ôm nhau than khóc vật vã. Tối quá nửa đêm họ thiếp đi.

- Tàu mẫu hậu, con đang cố thoát khỏi những giấc mộng hãi hùng, bỗng nhiên con mơ màng thấy một vị đạo sĩ hiện ra trước mặt. Con những muốn kêu gọi cầu cứu ngài, nhưng không sao tỉnh được. Đạo sĩ cúi xuống gần con. Con định vùng dậy cho khỏi thất lễ mà chân tay nặng trĩu. Khi ngài xòe bàn tay ra, con bỗng chìm vào một niềm hân hoan yên tĩnh khó tả... Sau đó... cho đến lúc này... xin mẫu hậu tha tội cho con, không hiểu sao con thấy lòng con sung sướng khôn cùng.

Những giọt nước mắt, những lời ghen ngào niềm vui của An Thường khiến Dương hậu ngỡ nàng mê sáng. Bổng Vương phi kêu lên.

- Kia, công chúa!

Vương phi chỉ vào ngực áo bị cháy loang một mảng của An Thường. Ngạc nhiên nàng cũng đưa tay lên xem xét. Sau đó cả ba người đều kinh hoảng. Họ nhận thấy viên ngọc đã gắn chặt vào làn da mịn màng trên bầu ngực tròn của công chúa. Không còn túi lụa bọc ngoài, sợi dây vàng thì đứt rời từng đoạn, rơi dưới đất. Công chúa không tài nào dứt được viên ngọc ra. Nó giống hệt một nốt bấm sinh ở thân thể nàng.

- Hẳn vì con một lòng nguyện ước sống chết cùng Trương tướng quân nên viên ngọc linh ứng thế. Nếu vậy con xin cảm tạ trời đất đã cho con ơn nhuan này. Vị đạo sĩ trong giấc mơ con là một Bồ tát hiển hiện tới ban phép lạ chăng?

Giọng công chúa nhỏ lại, nét mặt nàng trở nên rạng rỡ. Hoàng hậu trầm ngâm suy nghĩ. Bỗng nhiên bà kêu lên:

- Vị đạo sĩ? Hãy khoan... Có thể chính ngài đó?

Thuở Quốc vương mới từ tiềm đế lên ngôi, trời làm hạn hán ròng rã ba tháng. Cây cỏ, súc vật kiệt sức chết đầy đồng, dân tình kêu khóc ai oán. Vua xuống chiếu, hứa sẽ chia nửa vương quốc cho ai cứu được đất nước. Nhưng không người nào dám nhận. Đột nhiên có một vị đạo sĩ xin lập đàn cầu đảo, dâng lên chư Phật mười phương lời phát nguyện của mình. Ngài nguyện rằng: nếu trời thấu tình làm mưa, ngài sẽ xin xa lìa hẳn nơi trần tục, ra giữa biển khơi, trọn đời khổ hạnh.

Lời phát nguyện khiến mọi người xôn xao thương cảm. Quả nhiên hai hôm sau trời mưa như trút nước xuống.

Đến ngày đạo sĩ ra đi, dân chúng khắp nơi nô nức kéo nhau về kinh đô đưa tiễn vị thánh. Đầu trần, chân đất, một cây gậy trúc, ngài đi trước đám rước khổng lồ trong tiếng tụng niệm vang rền. Quốc vương, Hoàng hậu, cùng trăm quan đứng cả hai bên cửa Tây môn làm lễ tiễn biệt. Nhà vua khóc mà dâng lên đạo sĩ tấm áo cà sa gấm vàng, đính một trăm hai mươi hạt bảo ngọc. Đạo sĩ lay tạ nhà vua, đọc một bài kệ rồi thung dung xuống thuyền, một mình ra chốn mịt mù biển cả.

Ít lâu sau ngư dân tâu lên Hoàng đế rằng có thấy đạo sĩ tu hành trên một hoang đảo rất nhỏ. Không thuyền bè nào bén mảng tới được nơi đó. Bốn bề nước xoáy thành một vành đai hiểm hóc. Đã có kẻ táo tợn muốn xáp gần hòn đảo nhưng sấm sét bỗng nổ xé tan con thuyền. Kẻ kia bám được vào mảnh ván, trôi nổi sóng sót nhờ gặp một thuyền đánh cá vớt lên. Kể từ đó không ai dám lại gần, thậm chí không ai dám nhắc tới hòn đảo nữa...

Bàn bạc một chặp, Dương hậu, Vương phi cùng công chúa An Thường đều tin đây chính là nơi thánh địa ấy. Họ vội rập đầu lay tạ. Hẳn trời Phật

đã ra tay cứu sinh cho ba nhân mạng khốn khổ nên giúp họ cặp bờ bình yên. Họ được an ủi phần nào.

Với nơi ẩn nấp này, chắc chắn họ sống qua cơn binh lửa. Cảnh vật hoang đảo lại tựa tựa những thắng cảnh họ thường du ngoạn, không có gì ác hiểm rình rập... Cả ba người lấy thể làm may mắn, vỗ về an ủi lẫn nhau, cố bình tĩnh lại. An Thường làm việc đó dễ hơn. Bởi nàng vừa tròn mười bảy. Tuổi trẻ cộng với tình yêu khiến người ta bay được qua tất cả những hố sâu của sự tuyệt vọng.

Lần theo đường mòn xuyên giữa bãi đá, ngã đường có dấu chân con người qua lại, họ đi tìm vị đạo sĩ. Quanh co mãi cuối cùng đường mòn đưa họ tới một động đá lớn. Dây leo xanh biếc rủ xuống. Hoa nở rộ. Tiếng chim hót thánh thót. Rõ ràng một chốn hành đạo của thần tiên. Ba người dùng dằng không dám bước chân vào, bảo nhau quỳ sụp xuống phiến đá ngoài cửa động. Họ chưa kịp cất tiếng cầu khẩn đã nghe một âm thanh trầm bổng từ trong động vang vọng khiến họ giật mình.

- Hoàng hậu, vương phi cùng công chúa đừng quá lo lắng. Bản đạo đã biết những biến cố xảy ra cho vương triều. Kẻ tu hành tiếc không giúp gì được, thật đắc tội. Chỉ mong ba vị bình tâm, chờ qua cơn hiểm nạn. Bản đạo sẽ hết sức chu toàn.

Ba người đàn bà rập đầu xuống phiến đá, khóc mà lạy tạ.

- Bản đạo đã cho đệ tử dâng trái cây, nước uống ở nơi ba vị trú ẩn đêm qua. Thức nhặt dụng trên đảo chỉ có thế, xin thứ lỗi. Tạm thời ba vị hãy về nghỉ ngơi, bản đạo chưa thể ra mắt.

Đạo sĩ không truyền bảo thêm điều gì nữa. Ba người đàn bà len lét lui xuống núi.

Về tới hang đá bên bờ biển quả nhiên đã thấy trái chín chất đầy, một bầu nước trong mát đặt đó. Họ mừng rỡ khôn xiết.

Sáng hôm sau những người đàn bà nóng ruột chờ gặp các đệ tử của



đạo sĩ. Họ muốn hỏi han tìm hiểu đôi chút về ngài. Nhưng thay vì bóng dáng con người, họ kinh ngạc chỉ thấy một đàn voọc theo nhau đội quả, bung nước xuống cho họ. Những con khỉ rất ranh mãnh, dè dặt. Chúng đặt hoa trái, nước uống trên những mỏm đá cách nơi trú ẩn của ba người không xa, rồi lặng lẽ biến mất. Công chúa An Thường liền ra lượm về, dâng lên Hoàng hậu cùng Vương phi.

Từ đó cuộc sống thành nếp. Mỗi ngày qua tuy họ rầu rĩ hơn, cầu nguyện nhiều hơn, nhưng đỡ khốc lóc hơn. Họ quen dần hoang đảo, quen dần đàn voọc. Riêng với đạo sĩ họ chỉ thấy ngài thấp thoáng từ xa. Bao giờ cũng vậy, không để họ kịp quỳ xuống cất tiếng lạy mừng, ngài đã lẩn tránh. Chưa một lần ngài cho phép những người đàn bà được tiếp kiến. Vì lòng tôn kính vị thánh tăng cao cả, ba người không dám tò mò tìm hiểu đời sống của ngài nữa.

Dù vậy than ôi họ không biết rằng đã làm đảo lộn một đời sống thánh thiện. Đạo sĩ về phía ngài, ngài chẳng còn dám đặt chân tới gốc du, chẳng dám đưa bầy đệ tử của ngài lang thang khắp nơi thuyết pháp như trước. Bỗng dưng sau hai chục năm sống thoải mái giữa hoang đảo, ngài lại thấy hổ ngươi vì sự trần trụi, lại nhận ra thân thể mình có những thứ cần phải che đậy. Tính e thẹn của một anh trai già đồng trinh nổi lên. Tu luyện đến nhường ấy, ngài vẫn là người đàn ông trước những người đàn bà. Tạo hóa thật bí ẩn!

Việc lên giàn hỏa thiêu cũng đành tạm gác. Đạo sĩ không thể bỏ mặc ba nhân mạng tội nghiệp cho hoàn cảnh. Bằng con mắt nhìn suốt ba cõi, ngài biết ngại vàng nhà Tống đã suy vong. Thân phận ba người đàn bà giờ phụ thuộc tất cả vào ngài. Nhưng ngài biết làm gì cho họ? Họ không thể sống cuộc sống tu hành khổ hạnh như ngài, trọn đời trên hoang đảo, cũng không thể thoát khỏi đây. Họ như những cành tầm gửi yếu đuối bất lực, chỉ biết than khóc! Đã bao ngày ngài loay hoay buồn bực tìm không ra giải pháp cắt khỏi gánh nặng trách nhiệm. Phật đã dạy “cứu một người

phúc đẳng hà sa...”. Chưa cứu được họ, ngài không được phép bước chân lên cõi Niết bàn.

Nhưng nào đã hết phiền phức. Một hôm ma đưa lối quỷ dẫn đường, đạo sĩ tới một hồ nước kín đáo bên mạn núi phía Tây để tìm sự yên tĩnh khuây khỏa, tưởng rằng nơi ấy cách xa những người đàn bà nhất. Ngài ngồi đầu bước ngoặt khốn khó cho cuộc đời ngài đang rình rập ở đó.

Hồ nước trong vắt, soi lung linh từng viên cuội trắng dưới đáy, những nhánh rong non tơ và lẫn cả màu trời xanh bần bật trên cao. Khi đạo sĩ tới nơi, bảy đệ tử của ngài liền cao hứng ủa xuống bờ hồ nô giỡn. Một mình ngài thông thả dạo bước.

Mãi nghĩ ngợi, đạo sĩ bỗng giật mình lúc đôi mắt ngài “vấp” phải tấm xiêm y rực rỡ đang được hong khô trên một phiến đá lớn. Cách đó chừng dăm bước, An Thường nằm mơ màng buồn rầu, đôi chân buông dưới mặt nước, thân thể rười rượi trắng ẩn trong bóng lá rợp mát. Đã định ninh hoang đảo chẳng có bóng người, nên mỗi khi tới đây tắm, nàng thường trút bỏ bộ xiêm y duy nhất để giặt phơi, chờ khô mặc lại. Đêm qua ngoài bờ biển gió đứng im, oi nồng, nàng trần trọc suốt. Sáng nay trời nóng gắt, cái nắng cộng với nổi bồn chồn khiến An Thường văng vất mệt mỏi. Sau lúc đắm mình trong làn nước hồ, nàng ngả người trên phiến đá, thấy dễ chịu lạ.

Đột nhiên An Thường cảm nhận một sự êm thiếp xâm chiếm, đẩy nàng vào giấc ngủ không cưỡng lại được. Nàng hoảng sợ thiếp đi với nỗi kinh dị trong lòng.

Giữa vùng ánh sáng tỏa dịu của viên ngọc ma-ni, đạo sĩ thấy nàng tinh khiết trắng lệt. Một tòa thánh đường ngời ngời! Ngài đứng sững đó, bị mê hoặc choáng váng. Rồi đôi gối ngài khuỵu xuống, cả người run rẩy. Ngài quỳ trước phiến đá, như một tông đồ cuồng tín quỳ trước vị minh chúa vừa hiển hiện...

Bữa ấy An Thường vô cùng thắc mắc về giấc ngủ đột ngột kéo dài tới

quá trưa của nàng. Nhưng khi tỉnh giấc, chung quanh nàng êm ả yên tĩnh khiến nàng hết mọi điều nghi ngại.

An Thường bản chất đảm đảm, mới lần đầu biết rung động. Cái lần đầu kỳ diệu dù ở công chúa hay cô gái tiện dân cũng đều nồng nàn như nhau. Nỗi lo lắng khắc khoải về tính mạng người tình khiến lòng nàng tựa có lửa đốt. Đã bao lần nàng một mình đánh liều lên núi tìm vị đạo sĩ, van xin ngài giúp nàng. Ngài có thể nhìn thấu ba cõi, thông tỏ mọi chuyện, hẳn ngài nói cho nàng biết đôi điều về số phận của họ. Nhưng lần nào cũng vậy, đi được nửa đường nàng lại sợ hãi rút lui.

Sang ngày thứ chín, An Thường không còn chịu đựng nỗi nỗi đau đớn giày vò, nàng quyết định tìm tới động đá, cho dù có sao đi nữa.

Tuy vậy khi đặt chân lên phiến đá của động, nàng không khỏi ngập ngừng một chút. Chung quanh thật im lặng, không có cả tiếng chim. Đạo sĩ đi vắng chăng? Tính tò mò xui nàng bước đến qua tấm vách đá dựng đứng... An Thường đột ngột bị chìm vào một không gian lạnh lẽo, ánh sáng mờ mờ hư ảo. Sau một phút định thần, công chúa nhìn thấy đạo sĩ. Nói đúng hơn, nàng nhìn thấy cái lưng trần trụi gầy guộc màu sạm nâu, mái tóc dài màu tro xám của ngài mà thôi. Ngài không khác hình ảnh thoáng hiện trong giấc mơ đêm đầu tiên nàng lạc tới đây nên công chúa nhận ra ngay. Đạo sĩ ngồi kiết già, quay mặt vào vách đá, im phắc như chính ngài cũng hóa thành đá vậy. Lòng rung động bàng hoàng, công chúa sụp xuống vái lạy.

- Lạy đức thánh tăng, xin hãy tha cho con tội làm kinh động tới ngài ở chốn thiêng liêng. Ôi con biết trông cậy ai ngoài đức thánh tăng?

- Công chúa muốn biết tin tức của Trương tướng quân ư?

Tiếng nói trầm trầm u uẩn của đạo sĩ cất lên. Ngài không quay lại nên tiếng nói tưởng chừng như từ vách đá vọng ra.

- Vâng, lạy đức thánh tăng, con ngửa trông vào lượng hải hà...

- Nhưng ta không được phép tiết lộ thiên cơ, công chúa biết chứ?

- Hỡi trời đất, một điều nhỏ nhặt nhất về chàng cũng đủ cho con khỏi chết vì tuyệt vọng...

Công chúa chợt có ý nghĩ: nàng sẵn sàng quỳ tại nơi đây mà van xin tới tận lúc trút hơi thở cuối cùng, tới lúc thành một bộ xương khô mục. Công chúa bỗng thấy bủn rủn.

Sau một lát im lặng, đạo sĩ bảo công chúa như thể ngài đã đọc được ý nghĩ nàng muốn biết...

Đạo sĩ vẫn không hề quay lại. Nhưng tiếng nói ngài chưa dứt, công chúa An Thường đã chìm vào một giấc ngủ đột ngột. Mí mắt nàng nặng trĩu, cả vầng trán thanh tú cũng vậy. Nàng áp luôn khuôn mặt còn đượm vẻ ngạc nhiên vào nền đá, thiếp đi...

Không biết nàng đang ở nơi nào, An Thường nhìn rõ cảnh tượng xảy ra tại một nội phủ. Hoãn quốc công đội vương miện, ngồi giữa tiền sảnh mặt đằng đằng sát khí. Ngoài thêm, hai hàng quân sĩ gươm tuốt sáng lóe. Bỗng một người tù mình loang đầy thương tích bị điệu tới. Công chúa những muốn hét lên khi nhận ra võ tướng họ Trương. Chàng giận dữ chửi mắng quân địch hết lời, chỉ toan lao đầu vào cột đá, tỏ rõ khí tiết. Hoãn quốc công đập bàn thị uy. Theo lệnh quốc công, những tên thủ hạ kìm giữ từng cử động nhỏ của người tù, không cho chàng có cơ hội tự sát. Rồi sau vài lời dụ dỗ lẫn đe dọa Trương tướng quân, Hoãn quốc công truyền tống ngục...

Cửa ngục thất sập xuống. Trương tướng quân gượng đứng dậy giữa bốn bức tường âm u, vết thương trên đầu khiến chàng choáng váng. Chàng khẽ kêu một tiếng, ngã gục xuống lần nữa. Trước lúc mê man bất tỉnh, chàng thầm thì gọi: “An Thường!”

- Trương tướng quân...

An Thường muốn kêu to nhưng tiếng kêu ấy nghẹn lại, chỉ đủ cho nàng tỉnh giấc.

An Thường bàng hoàng không biết mình vừa mơ hay vừa trải qua những giây phút có thật. Khi đôi mắt hốt hoảng của nàng đã nhận ra động đá, nhận ra thân hình bất động của đạo sĩ phía trước mặt, nàng chợt hiểu tất cả. Nhờ pháp thuật huyền bí của đạo sĩ, An Thường đã tận mắt chứng kiến những sự cố đang xảy ra ở kinh đô.

Khiếp sợ lẫn đau đớn tuyệt vọng, nàng vùng dậy chạy lại xấp mình dưới chân đạo sĩ, nức nở.

- Trời ơi, lạy Đức vô thượng Từ tôn, nhân danh Người ngài hãy ra tay cứu mạng chàng. Hãy cứu chàng cho con. Con không thể sống được khi biết chàng đang quằn quại nơi ngục thất. Lạy thánh tăng toàn năng, chàng sẽ chết mất. Những vết thương rạch nát cả thân thể chàng...

Nàng ghen lời, hình dung nỗi đau đớn thể xác chàng đang chịu đựng. Nước mắt công chúa tuôn như mưa.

- Đi đi, công chúa hãy đi ngay khỏi đây!

Đang ngất ngư khóc lóc, An Thường giật bản mình nghe tiếng quát nghiêm khắc, dữ dằn vang lên tựa sấm sét khiến cả động đá cũng rung chuyển. Luồng ớn lạnh bởi sự kính sợ làm tê buốt chân tay nàng. An Thường hải hùng lùi dần, lùi dần ra cửa động.

- Hãy nhớ lấy, từ nay công chúa không nên tới đây, ta nghiêm cấm! Đi ngay đi!

Công chúa vụt bỏ chạy.

Cớ sao ngài trở nên giận dữ như vậy? An Thường không thể hiểu nổi. Cái nguyên nhân bí ẩn có lẽ chỉ ngài biết, nhưng chính đạo sĩ đang muốn che giấu, muốn tiêu diệt nó đi.

Từ buổi tới hồ nước bên mạn núi phía Tây, đạo sĩ như người mất thăng bằng. Đó là lần đầu tiên, phải, lần đầu tiên ngài thấy *một người đàn bà* đúng với ý nghĩa quyến rũ của hai chữ đó. Cái thân thể thanh xuân mềm mại lúc nào cũng chập chờn trước mắt ngài, nó làm u ám chân tâm

thanh khiết. Đến nỗi ngài phải dắt bảy đệ tử sang mãi bên sườn Đông hòn đảo ngồi tọa thiền định tĩnh suốt một ngày ròng.

Thế nhưng vào lúc đạo sĩ lấy cái tịnh mà soi chiếu lại bản tâm năng quán, đạo sĩ bỗng cảm nhận một niềm hứng khởi trời dậy. Ngài mừng quá. Xưa nay những khi như vậy ngài thường thấy đức Bồ tát Quan Thế Âm hiển hiện cứu độ. Lòng tràn đầy ơn thiêng, ngài thầm niệm. “Nam mô cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ tát...”

Quả nhiên trong không gian thoảng hương thơm, Bồ tát hiện ra trong ánh mây lành. Bồ tát nhúng cành dương liễu vào bình cam lồ, khê rảy những hạt nước óng ánh ra bốn phía... Đạo sĩ nghe thấm mát da thịt, nghe mình hòa tan với cái nhân gian mung lung vô thường...

Đã hàng ngàn lần đạo sĩ sống với ảo cảnh đó. Ngài chưa bao giờ dám nghĩ rằng Bồ tát hiển hiện trong thế giới thiền tịnh của ngài thực ra cũng chỉ là vọng niệm.

Nhưng đáng lẽ sau đó Bồ tát cười mây ngũ sắc thung dung bay về Tây thiên và tà áo trắng muốt của Người phơ phất xa dần... Lần này lại không diễn ra như mọi bận. Đạo sĩ thấy... ngài thấy... kinh khủng chưa, Bồ tát mỉm cười tiến tới gần, gần sát đến độ đạo sĩ sợ chạm phải tà áo thiêng liêng của đức Phật, ở một độ gần đến thế, Bồ tát bỗng đột ngột rút bỏ cành dương liễu với bình cam lồ, dang hai cánh tay mũm mĩm trắng nuốt, vẻ chờ đợi, mời mọc. Gió, ngọn gió nồng nàn mùi hương hoa huệ bỗng cuốn tung tà áo trắng mỏng tựa mây khói của Bồ tát, để lộ tấm thân hồng hào đầy đặn, một tấm thân đàn bà tuyệt tác...

Rú lên một tiếng, đạo sĩ choàng mở mắt ra. Tiếng rú của ngài khiến bảy thú đang lim dim phủ phục dưới chân ngài vùng chạy tào tác. Quá sợ hãi, chúng giẫm đạp lên nhau, chạy quẩn thành một vòng tròn. Vòng tròn mới đầu thật rộng rồi từng tý thu hẹp dần, cuối cùng chúng quây lại quanh ngài ở một khoảng cách xa gấp đôi lệ thường, giương cặp mắt tò mò nghi ngại hướng vào từng cử động của đạo sĩ.

Còn ngài, sau tiếng rú buột thốt, ngài ngồi ngẩn người tê tái. Rồi ngài trở về động, quay mặt vào vách núi đá sấm hối năm ngày năm đêm liền.

Tới trưa ngày thứ sáu, công chúa An Thường tìm đến.

Thoạt đầu ngài mũi lòng thương hại cô thiếu nữ đang đau khổ vì tuyệt vọng ngài chấp nhận lời thỉnh cầu của nàng. Dùng pháp thuật, ngài cho nàng hay những gì đang xảy ra tại kinh đô với người tình của nàng. Song sau đó ngài bỗng thấy thân thể rã rời, chân tâm bấn loạn. Ngài vô cùng ngạc nhiên. Chưa bao giờ ngài suy sụp tinh lực như thế khi phải dùng một chút pháp thuật tầm thường. Chao ơi, không nghi ngờ gì nữa, chính vì nàng, chính vì cái nghiệp chướng trắng trong yêu kiều kia, cái thứ có tên gọi là “đàn bà” nó khiến ngọn lửa tam muội trong ngài lụi tắt, phép thiêng trong ngài suy giảm.

Chuyện xa xưa có Độc giác Tiên nhân. Ngài do hươu sinh ra, hình hài người nhưng trên đầu còn lưu dấu tích một cái sừng hươu. Tiên nhân tu thiền định đã tới bậc đại giác, nhìn xa được ba đời, lậu thông sáu phép. Xem vậy kể đã kỳ công tu luyện. Sau chỉ vì tiên nhân ở gần một am sư nữ, ngài mắc phải vòng tình lụy đến nỗi mất hết phép thiêng, đành phải hoàn tục.

Thật đáng kinh sợ giống ma quái ẩn náu trong đàn bà.

Nghĩ tới đó đạo sĩ liền nổi cơn thịnh nộ. Thịnh nộ cho cả Độc giác Tiên nhân lẫn cho ngài. Ngài quát lên, xua đuổi công chúa.

Sau lúc An thường sợ hãi bỏ chạy, đạo sĩ cũng rời khỏi động. Mùi phấn thơm, mùi da thịt đàn bà cứ lẫn quất giữa những nếp đá rêu phủ, khiến ngài đành phải chạy trốn.

Như lệ thường, khi đạo sĩ rời nơi ngài ở, các đệ tử đã châu chực ngoài cửa động, sẵn sàng theo chân ngài. Hôm nay cũng vậy, ngài vừa xuất hiện chúng đã từ những vòm cây, ngách đá, ào ào tụ tập ngay thành một bầy. Nhưng quái chưa kìa, chúng không dám lại gần đạo sĩ. Mặt chúng lấm lét, sợ hãi vô cớ.

- Kia các con, có điều gì con bối rối vậy?

Lấy làm lạ, đạo sĩ tiến về phía bầy đệ tử. Đáng lẽ chúng sẽ chạy tới quần quýt vào chân, vào những dải áo ngài, nhưng hôm nay chúng lại lảng tránh.

- Ôi các con của ta!

Đạo sĩ giật mình bừng tỉnh cơn mê, với nỗi cay đắng. Cả đến bầy thú cũng biết người thầy toàn thiện toàn mỹ của chúng đã bị ma quỷ ám ảnh ư?

Biết bao tủi thẹn!

Bỏ ý định dắt bầy thú đi thuyết giáo, đạo sĩ lặng lẽ tới nơi ngài chất giàn hỏa thiêu. Dọc đường ngài bẻ thêm những cành khô, gửi theo trên lưng một bó lớn. Ngài quyết chí hoàn tất giàn hỏa thiêu sớm nhất để về cõi tịch diệt. Cõi ấy thật an toàn. Dù ngài nấn ná ở lại, ngài cũng không giúp gì cho ba người đàn bà, lại thêm nguy hiểm cho ngài. Lạy đức Vô thượng Từ tôn, để tránh khỏi cái họa như Độc giác Tiên nhân con không có cách gì khác!

Đạo sĩ mãi miết với công việc tới tận xế chiều. Giàn củi đã khá cao. Bữa đó nắng dịu hơn nhưng trời oi nồng, báo trước cơn giông bão.

Hơi mỗi mệt, đạo sĩ ngồi tựa mình bên giàn củi. Với giàn củi chất ngất này, có thể đủ thiêu cho ba người, ngài rất hài lòng. Chợt nhớ sáu hôm nay chưa hề dùng một trái cây, ngài bỗng nao nao thèm một chút vị ngọt mát của chúng. Thèm ghê gớm. A, giá ngài có thể trở về... Đóng trái cây vẫn chất đầy bên cửa động... Nhưng ngài quyết không trở lại nơi đó nữa, nơi mùi son phấn đàn bà làm cho uế tạp. Ngài sẽ qua đêm tại mỏm núi này đọc kinh dọn mình tới sáng mai... Sáng mai cùng với ánh sáng bình minh, ngọn lửa do ngài nhóm lên sẽ bốc cao, ngài muốn như vậy.

- Lạy đức thánh tăng. Xin ngài cứ ra tay trừng phạt, nhưng ngài đừng xua đuổi con...



Đạo sĩ giật mình. Ngài không ngờ An Thường liễu lĩnh lần mò tìm tới đây. Thì nàng còn làm gì khác được nữa? Xiêm áo nàng lấm bụi, đôi mắt rực lên ngọn lửa quyết liệt.

- Ngài đã ban phúc cho con một lần được tới ngực thất với chàng, vậy ngài nữ nào không đưa con trở lại đó? Con nguyện chết cùng chàng, ngài hãy mở lượng nhân từ giúp cho con trọn đạo. Để chàng thấy con lấy máu hòa với máu chàng, lấy nỗi đau đớn của con hòa nỗi đau chàng đang chịu vì con.

Muốn những lời van nài thống thiết của mình thêm sức thuyết phục, nàng hé mở vạt áo cho lộ hạt ngọc ma-ni, nàng dần lại tính e thẹn thiếu nữ bởi nàng đã sẵn sàng vượt qua tất cả để tới ước nguyện cuối cùng.

- Lay thánh tăng, chẳng phải người đã ban phước cho viên ngọc này gắn bó với thân thể con hay sao? Vậy trời đất cùng thánh tăng đã chứng cho chúng con, đã biết con thuộc về chàng mãi mãi. Xin ngài đừng để chúng con phải chia lìa nhau lúc vĩnh quyết.

Thật tội nghiệp công chúa. Nàng cứ nghĩ trước mặt chỉ có con người thánh thiện siêu phàm, đâu có con người trần tục xấu xa khiến nàng phải dè dặt. Nhưng nàng quá lắm. Vào lúc ấy đạo sĩ không còn nhìn thấy ánh sáng rực rỡ của viên ngọc ma-ni ngài chỉ thấy trái ngực tròn đầy tinh khôi của nàng mà thôi.

Đạo sĩ thoáng một chút kháng cự, lùi lại, tựa mình vào giàn củi khô, giơ tay che mặt...

Ngỡ đạo sĩ tỏ dấu hiệu từ chối lời cầu khẩn An Thường hoảng hốt chạy tới níu bàn tay đạo sĩ đang giơ ra, tưới lên đó dòng nước mắt tâm tã với những cái hôn van xin của nàng:

- Ngài nữ từ chối lời nguyện ước cuối cùng của những người sắp lìa đời hay sao? Ôi, hãy nghe con. Đã bao giờ ngài biết tới tình yêu, đã bao giờ ngài có một người đàn bà yêu ngài tha thiết như con yêu chàng chưa? Ngài ngỡ con sẽ sống thiếu chàng được ư? Ôi không phải như vậy...

- Công chúa hãy đi đi. Ta không thể giúp gì nàng. Nàng có nhìn thấy giàn hỏa thiêu đây không. Sáng sớm mai ta về cõi hư vô. Công chúa nên rời khỏi nơi này, đừng làm vương bận ta nữa.

Nhìn giàn củi khô, An Thường thấy hết nguy cơ. Thất đảm nàng thét lên:

- Không, ngài không thể... Con van ngài. Sao ngài lại nghĩ tới chuyện khùng khiếp như thế? Con sẽ trông cậy vào đâu? Không, lạy đức thánh tăng, ngài không thể bỏ mặc những kẻ khốn khổ mà bước lên giàn hỏa được.

- An Thường, vậy nàng muốn ta phải làm gì?

Giọng ngài yếu đuối, giọng của một người đã nao núng.

An Thường nhận ra điều đó bằng trực cảm đàn bà của nàng. Gương mặt còn đầm đìa nước mắt bỗng bừng sáng nụ cười tươi tắn, chứa chan hàm ơn lẫn chút dịu dàng làm duyên.

- Cầu trời Phật chứng cho lòng từ thiện của thánh tăng. Con biết ngài đâu nỡ hắt hủi kẻ bất hạnh. Con sung sướng biết bao. Lát nữa đây con được thấy lại chàng, được giải bày với chàng những lời yêu thương chưa kịp nói. Trước lúc chúng con nhắm mắt, tay trong tay, con sẽ kể cho chàng nghe về nỗi xúc động âm thầm khi chàng dâng cho trái táo chín trong vườn thượng uyển... Con sẽ làm cho chàng quên mọi vết thương đang rỉ máu để cùng con bay về cõi vĩnh hằng mà không cảm thấy đón đau...

Nàng không nhớ từ lúc nào đã quỳ xuống trước đạo sĩ, ôm lấy hai gối ngài, kể lễ muôn vàn lời lẽ thắm thiết từ trái tim nồng nàn và tin cậy của nàng.

Ngồi im lìm tựa vào giàn củi, đạo sĩ mệt mỏi nhắm mắt lại. Từ một vùng xa xôi của tiềm thức, ngài chợt nhớ đến tuổi thanh xuân, nhớ cánh tay mát rượi của cô gái nghèo quét lá vườn chùa... Một hôm cô gái đánh

bạo ôm siết lấy vị sư ông trẻ tuổi, nhút nhát, vẫn thắm lén đưa mắt nhìn cô xao xuyến. Cây đại thụ trùm bóng tối, che chở giây phút biến động âm dương. Cô gái áp má vào cổ sư ông thốn thức. Đôi má rúm nâu nắng gió sao thật mịn màng và trong bóng tối tỏa ra mùi lá hoắc hương...

Nghĩ tới đó, cảm xúc sống dậy mãnh liệt đến nỗi đạo sĩ bỗng gai gai người, ớn lạnh. Ngài vội định thần lại. Trong thoáng chốc ngài chợt hiểu ra. Duyên do bởi nàng công chúa với vòng tay mềm mại cứ áp mình vào đôi chân khẳng khiu của ngài đã làm thức dậy mọi nhạy cảm xúc giác... rồi mùi thịt da ngậy ngất... khoảng ngực áo trẻ trắng để lộ những gì vốn được giấu kín... tất cả đã làm tỉnh giấc đột ngột những ham muốn hoan lạc trần tục mà suốt một đời ngài cố công tiêu diệt... Hóa ra con quỷ xấu xa như nhục vẫn sống trong ngài, hơn thế, nó đang chiến thắng tất cả những vị thánh tăng!

Bản chất con quỷ vốn có một sức mạnh ghê gớm. Sức mạnh nọ càng ghê gớm hơn khi nó bị kìm lại cả đời rồi bỗng bộc lộ trong một lần duy nhất. Bởi thế đạo sĩ đã quên cả bài niệm chú đức Quan âm, vị Bồ tát chuyên cứu khổ cứu nạn để trấn áp quỷ dữ. Ngài chịu quy phục nó hoàn toàn. Chả mấy chốc đầu óc ngài ngùn ngụt ngọn lửa u ám. Ngài chấp nhận buông thả với nỗi khoái cảm của một kẻ sống tù. Chao ôi, ngài chưa được yêu người đàn bà nào trọn vẹn, chưa ai dâng hiến cho ngài cái quả ngọt tận cùng. Suốt đời ngài chỉ những diệt dục, nhưng dục ra sao ngài đâu đã biết tường tận? Giả dụ trước khi người ta từ bỏ nhân gian bước lên giàn hỏa thiêu có một lần được nếm cái quả ngọt tận cùng thì điều ấy cũng giống như ơn thiêng chứ sao?

- An Thường... An Thường... Hãy nghe ta nói đây... Ta đang là nô lệ của nàng... Hãy thương lấy ta... rồi ta sẽ làm tất cả vì nàng...

Với đôi tay run rẩy, đạo sĩ nâng An Thường dậy. Thoạt tiên chưa hiểu rõ, nàng vẫn ngược cặp mắt chứa chan hy vọng và gương mặt ngời ngời hướng vào đạo sĩ. Nhưng dù mê muội trong đau khổ đến đâu, nàng cũng

nhận ngay ra cái nhìn nóng bỏng thêm khát. Nàng giật mình lùi lại, hai tay khép chặt vạt áo, kinh hoàng ấp úng:

- Đức thánh tăng... Ngài...

Đạo sĩ tiến tới. Không một lời nào, *nhưng thân thể ngài, sự đòi hỏi quyết liệt ở ngài đã phơi bày.*

- A, đạo sĩ!

An Thường thét lên. Giờ đây nàng ý thức được cảnh ngộ mình. Trước mắt nàng không còn vị thánh tăng chí thiện, chí đức, chỉ có một lão già bản thủ, ma quái, thân thể lỏa lồ đầy dục vọng, trông thật ghê tởm.

- Dừng lại! Ta cấm người không được lại gần ta.

Đúng như phẩm cách các nàng công chúa kiêu hãnh với quyền lực, An Thường nổi giận thét lên dữ dội.

Nhưng đạo sĩ không còn nghe biết gì nữa. Ánh mắt của ngài đã trở nên mê dại, cuồng ngộ...

An Thường hoảng sợ, nàng bỏ chạy, đạo sĩ đuổi theo nàng. Cuộc đuổi bắt vòng vèo quanh giàn củi khô, giữa những tiếng thét thất thanh và ánh mặt trời đỏ tựa máu.

Vào lúc An Thường sắp kiệt sức, Dương hậu cùng Vương phi hướng theo tiếng kêu của nàng, tìm được tới. Cũng may hôm đó hai người thấy thái độ công chúa rất khác thường, họ để tâm theo dõi nàng. Nhưng vừa nhìn cảnh tượng cuộc đuổi bắt chút nữa họ cũng chết ngất. Rồi chưa kịp đứng vững họ đã bị chính đạo sĩ, hai mắt ngầu đỏ như con quỷ điên dại, đuổi theo. Họ đâu biết rằng trong con mắt ấy đạo sĩ nhìn cả ba người đàn bà áo xiêm lộng lẫy giống hệt ba cánh bướm chấp chới bay lượn. Ngài cần lựa con bướm nào gần nhất để chụp lấy.

Không hiểu vì sao rốt cuộc ba người đàn bà chạy túm lại với nhau ở mỏm đá chon von sát mép vực thẳm. Và đáng lẽ cả ba người hợp sức chống cự, họ lại chỉ ôm siết lấy nhau run như dế.

Bằng những bước chân chậm chậm, đạo sĩ tiến tới trước những cặp mắt khiếp sợ tột cùng...

Như một ảo ảnh đột ngột, cả ba người đàn bà dang tay cùng nhảy xuống vực thẳm. Họ lơ lửng giữa không gian, xiêm áo xòe rộng tựa những đoá hoa khổng lồ rung rinh, rồi tan biến trong chớp mắt.

- A...

Đạo sĩ rú lên một tiếng man dại...

Có cuốn sách ghi chú về sự tích *Càn Hải tử* ở Quỳnh Lưu, Nghệ An như sau: Khi Tống Độ Tông bị mất nước, Dương Thái hậu cùng hai người con gái lên thuyền chạy ra biển tránh nạn. Truyền rằng thuyền đắm, xác trôi vào cửa Càn, được người ta chôn cất và lập đền thờ.

Không biết có phải họ đấy không. Nếu đúng thì những xác người giạt vào cửa Càn chỉ có Dương hậu cùng Vương phi. Bởi suốt đêm đó đạo sĩ đã lặn ngụp khắp vùng biển tìm vớt những người đàn bà. Song sóng biển quá lớn, cuốn họ ra ngoài khơi. Riêng một công chúa An Thường mắc vào hốc đá ngầm nên sáng hôm sau đạo sĩ tìm thấy.

Đúng khi mặt trời vừa hừng, đạo sĩ bỗng xác người con gái đặt lên giàn hỏa thiêu. Lúc đó ngài đã không còn đủ sức nhóm lên ngọn lửa bằng phép thần thông, đạo sĩ dùng hai viên đá như thuở con người còn hoang sơ. Khi ngọn lửa bùng cháy rừng rực, ngài dang đàn một mình cầu nguyện.

Khoảng hai giờ sau lửa cháy cao ngất trời. Đạo sĩ rời giàn hỏa thiêu tới mỏm đá chon von, nơi những người đàn bà đã nhảy xuống... và ngài nhảy xuống.

Vào giây phút rơi chông lằng, người đàn ông khốn khổ đó đành ninh rằng: con đường lửa kia đưa người ta lên Niết Bàn còn con đường vực biển sẽ đưa thẳng xuống địa ngục.

Làng Lũ, tháng 4-1989

Đ.L

T A D U Y A N H

# Dịch quỷ sứ

(SH số 43/1990)

Một hôm viên chánh án của Tòa án nọ nhận được lá đơn kiện kỳ lạ chưa từng có. Để đọc giả đỡ sốt ruột, người kể xin miễn miêu tả nét mặt viên chánh án khi đọc xong đơn. Nội dung lá đơn như sau:

*Kính gửi Tòa án nhân dân!*

*Tên tôi là Bùi Bằng Hữu*

*Nghề cũ: Thư ký cho ông Bùi N. (viên chánh án gạch dít chữ nghề cũ).*

*Thành phần giai cấp: Kẻ thù của bọn bóc lột.*

*Tôi khẩn thiết yêu cầu quý tòa giải quyết cho tôi một việc, nếu không thì vì lý do đó tôi vô cùng căm ghét chính bản thân tôi (viên chánh án gạch dít cả câu). Nguyên sự việc thế này. Trước đây tôi làm thư ký cho ông Bùi N, một nhân viên nổi tiếng ở huyện C, người tình tuyệt vời của bà A-Q (tôi xin mở ngoặc A-Q của cụ Lỗ là đàn ông).*

*Ở với ông Bùi N. vài năm tôi thấy rõ mình có triệu chứng của bệnh câm. Cần phải nói rõ rằng tôi luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, vượt lên trên vai trò của một thư ký. Trong lý lịch của tôi do đích thân ông Bùi ghi, là những dòng sáng choang về năng lực, nhân cách. Nghĩa là tôi được giáo*

đục rất tốt những phẩm chất tối ưu của một người luôn luôn phải biết thủ trường của mình cần gì. Giữa lúc đang nổi tiếng thì tôi thấy có triệu chứng của bệnh câm. Lúc đầu tôi chỉ thấy yết hầu to dần ra, lưỡi tuồng như đầy cả khoang miệng. Cho đến ngày tôi không còn tự đánh lừa được tôi nữa. Bệnh câm - kẻ thù của những cái miệng nói hay - đã đẩy tôi vào một tình thế tuyệt vọng (ở đây xin hiểu khái niệm câm rộng hơn, bởi vì đúng ra tôi vẫn nói được nhưng loài người thông thường không hiểu tôi nói gì!). Nhờ ơn ông Bùi N. tôi được chuyển đến những bệnh viện mà dân thường thì đứng hàng được vào (mặc dù có cảm tưởng ai cũng vào được). Nhưng ngay cả bác sĩ, những chuyên gia nổi tiếng nhất cũng đành lắc đầu trước bệnh tình của tôi. Cuối cùng một ông già dạy thú - kẻ phải chịu trách nhiệm trước luật pháp bởi những lời tố cáo này, kẻ không bằng cấp, làm nghề dạy thú... đã tự nguyện đem tôi về chạy chữa. Kết quả là lão gàn dở suốt đời mơ ước truyền lòng yêu thương cho hổ, báo... lại chữa khỏi cho tôi. Nhưng từ khi tôi nói được trở lại, tôi chẳng biết mình đang nói những gì. Ngôn ngữ loài người đã tiến quá xa trong thời gian tôi lâm bệnh. Càng ngày tôi càng cảm ghét chính tôi. Tất cả đều do lão già tai ác kia. Xin luật pháp bắt lão ta trả lại tôi quyền được câm và trừng trị nghiêm khắc kẻ đã xúc phạm đến nhân phẩm người khác.

Bên dưới lá đơn có dòng ghi lại địa chỉ của ông già dạy thú.

Ngày hôm đó, một cuộc họp bất thường của ba ngành: tòa án, viện kiểm sát và phòng công an được triệu tập. Chưa bao giờ có cuộc họp nào vô tư đến thế. Chủ tọa thả mặc cho các thành viên thoải mái tranh luận. Cuối cùng biên bản ghi dòng kết luận: “Đây là loại vụ việc phức tạp không chỉ đơn thuần về mặt hình sự. Gạt đi những tình tiết kỳ lạ, có thể dự đoán một âm mưu nguy hiểm của gã dạy thú kia với đồng loại. Biến một người từ câm thành biết nói và vì điều đó anh ta có ý định tự tử, về mặt tính chất cũng giống như kẻ gieo rắc bệnh ma túy. Một tiểu ban những người am hiểu tội phạm được thành lập. Tiểu ban này có nhiệm

vụ nghiên cứu để gọi thật đúng tên của tội phạm. Tuy nhiên theo luật định, trong trường hợp xúc phạm nhân cách nhau, bị can sẽ được miễn tố nếu người bị xúc phạm tự động rút đơn.”

### ***Lời khai của nguyên đơn***

Anh ta dong dong cao, mặt mũi nhợt nhạt, thiếu đường nét có thể đâm thủng những tâm hồn dễ xúc động nhất bằng ấn tượng. Anh ta rất sợ tiếng động, tâm thần dễ hoảng loạn. Bệnh nghề nghiệp còn in đậm trên cơ thể anh ta ở dáng đi hơi khom về phía trước. Vừa trông thấy con chó Nhật, anh ta liền bị dị ứng mạnh đến nỗi miệng méo đi. Tuy vậy vẫn có thể nhận ra chút sức mạnh của quyền lực còn sót lại chứng tỏ một thời anh ta từng là nỗi khiếp sợ của nhiều người.

- Anh Hữu, anh có tỉnh táo không?

- Tôi hoàn toàn tỉnh táo. Xin cho bắt đầu ngay.

- Chúng tôi đã đọc rất kỹ đơn của anh. Trước hết xin hỏi, anh viết đơn có bị một áp lực nào không?

- Hoàn toàn do tôi ý thức được quyền lợi công dân của mình.

- Điều đó... rất tốt. Luật pháp có bốn phận làm sáng tỏ mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của công dân. Ở đây quyền được cảm của anh bị xâm phạm, trái với ý muốn của anh, đúng thế không?.

- Đúng thế!

- Và anh kiên quyết đòi cho được điều ấy?

- Đúng thế!

- Tại sao anh lại không thích được nói như mọi người?

- Bởi vì lão già dạy thú nham hiểm đã chỉ dạy cho tôi những ngôn ngữ thuộc loại sơ khai mà không dạy tôi những ngôn ngữ hiện đại. Thế thì thà cứ để tôi cảm còn hơn.



- Thôi được rồi, xin anh kể sơ lược về bản thân.

- Vâng! Thừa ông, tôi xuất thân từ con nhà tử tế. Bố tôi tham gia cách mạng rồi hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ. Được hưởng tiêu chuẩn con liệt sĩ, tôi tiến thân khá dễ dàng. Tôi học hết phổ thông rồi qua đại học không mấy khó khăn...

- Xin lỗi, anh có thể giải thích kỹ hơn, tại sao anh học đại học không mấy khó khăn?

- Đơn giản thôi. Nếu do tôi học kém, mà ông thầy nào đó bảo tôi học kém, rèn luyện kém... lập tức sẽ bị gán cho tội không quan tâm đến con liệt sĩ. Chuyện đó đầy rẫy không chỉ trong các nhà trường. Vì vậy bất luận thế nào tôi vẫn phải là người tốt.

- Ở trường đại học anh học ngành nào?

- Ngành Ngoại giao.

- Hiểu rồi. Anh tiếp đi!

- Tôi đang nói ở đoạn nào nhỉ, à sau khi tốt nghiệp đại học tôi được tự đi liên hệ công tác. Ông Bùi N. lúc đó vừa nhận chức bí thư huyện, sau khi cấp trên xét thấy trưởng phòng công an không thuộc sở trường của ông, ông cũng thuộc diện được “hất lên”.

- Xin lỗi được ngắt lời - Cán bộ xét hỏi cau mặt - Anh có ý thức được điều anh nói không.

- Tôi có cần phải nhắc lại tôi hoàn toàn tỉnh táo không đấy.

- Vậy anh nghe đây, vụ khống người khác là phạm điều 117 luật Hình sự.

- Nhưng tôi vụ khống ai mới được chứ?

- Anh vừa nói ông N. thuộc diện “hất lên”, phải chăng anh muốn hàm ý người không có năng lực ở cấp thấp, lại nhảy tót lên cấp cao hơn là điều trái với lẽ thông thường ở chế độ ta? Anh không thấy anh vụ khống ông N. hoặc cao hơn là vụ khống thể chế đó sao?

- Ô, tôi tưởng đã ở cương vị anh thì không nên lạ chuyện đó. Tôi có thể kể cho anh từ sáng đến tối về số lượng người được “hất lên” trong đó có tôi. Nhờ đó mà tôi và anh có biết bao nhiêu ông thủ trưởng để ta tha hồ muốn làm gì thì làm. Tôi thấy thương hại anh đấy!

Người đại diện cho công lý đỏ mặt.

- Được, tạm gạt sang bên vấn đề còn phải tranh luận. Anh trở lại việc chính đi. Đến đoạn ông Bùi N. bị “hất lên”.

- Vâng, cầu trời cho ông ấy “bị” hất lên lần nữa để về hưu là vừa. Lúc ấy, ông Bùi N. đang ra tay điều hành cỗ xe cả huyện. Vụ tai tiếng giữa ông trưởng phòng công an với trưởng ban nữ công huyện, bà A.Q, còn đang rùm beng. Có khối kẻ muốn nhân việc ấy lật đổ ông Bùi N. Vì vậy hàng ngày ông đích thân la cà đến gần quần chúng để nghe ngóng. Một bận thấy tôi lơ vơ ở cổng huyện, ông Bùi N. vẫy tay lại hỏi: “Anh công tác ở đâu?”. Tôi nói rõ hiện tình của tôi cho ông ấy nghe. Ông Bùi N. lại hỏi tôi: “Anh ở giữa quần chúng anh thấy người ta nói gì về tôi?”. “Thưa có cả khen lẫn chê”. “Ừ, đã là lãnh đạo làm sao toàn bích được. Anh thấy người ta khen sao, chê sao?”. “Họ chê ông bí thư huyện ăn mặc quá tuềnh toàng; họ chê ông bí thư huyện không chịu để mắt đến cái xe đạp từ thời Pháp; họ chê ông bí thư quá nghiêm khắc với đám giúp việc; họ chê ông bí thư chẳng đoái gì đến chị và các cháu, chỉ cứ toàn lo việc thiên hạ; họ chê ông bí thư mỗi lần về xã cứ lôi hết cái yếu kém của họ đặt lên bàn...”. “Thôi được rồi, còn họ khen sao?” “Dạ thưa họ khen ít lắm, không bằng nửa phần lời chê. Họ bảo ông bí thư huyện chỉ được “mỗi” cái thương dân, quên cả mình. Họ chỉ khen có thể thôi ạ!”

Nghe tôi nói, ông Bùi N. nghiêm nét mặt: “Tôi coi anh như người đại diện cho một bộ phận dư luận rất lớn nên tôi thành thật nhận những lời chê bai của bà con và hứa sẽ khắc phục dần. Anh có ý định ở lại huyện này không? Anh cần phải giúp tôi nghe được tiếng nói từ quần chúng”.

Thế là tôi bước vào phòng làm việc của ông Bùi N. trong muôn vàn

ánh mắt thán phục và tức tối. Tôi trở thành người có đầy quyền lực. Tôi là cái gạch nối giữa ông Bùi N. với quần chúng bên dưới. Ngay sáu tháng đầu, tôi đã giúp ông Bùi N. “làm sạch” gần mười đối tượng có quan điểm lệch lạc về ông Bùi N. “Anh xem, so với mười lăm vạn dân cả huyện thì số đó quả là nhỏ bé nhưng tác hại thì lớn không biết là nhường nào” - ông Bùi N. luôn nhắc điều đó. Tuy thế cũng có lần suýt nữa tôi tự tay giết tôi. Ấy là lần tôi tò mò muốn biết mặt bà A.Q. Bà A.Q hóa ra còn rất... lẳng lơ. Chồng bà, thấy bảo ghen lắm, luôn sai đứa con đang học lớp tám, bám chặt lấy mẹ. Tuy nhiên trẻ con làm sao đủ tế nhị để cư xử trở lại trong trường hợp chính nó thấy có người thay vào vị trí chỉ có bố nó được phép. Thế là thằng bé kêu toáng lên. Không ai đại hơn tôi khi từ trong nhà lao bỏ ra để suýt nữa chạm trán với vị thủ trưởng khét tiếng nghiêm khắc. May mà sau đó gặp ông, tôi lại nhanh trí hỏi ngay:

- Chẳng biết chị A.Q đi thanh tra trường hợp ông D đã về chưa mà để thằng bé sợ chuột hét toáng lên.

- Cậu vừa sang bên ấy à?

- Em còn thời gian nào mà ngẩng mặt lên chứ nói gì chuyện ra khỏi phòng.

- À, mà trường hợp anh cu D này - ông Bùi N. nổi tiếng diễn xuất - đến đâu rồi?

- Theo báo cáo của chị A.Q thì anh D là đại úy về hưu tự động lẫn ruộng công cấy lúa cho gia đình mình.

- Muốn làm địa chủ hay sao? Cậu thay tôi chỉ thị trở lại giữ nguyên quyết định kỷ luật.

- Ngộ nhớ anh ta lên tỉnh, lên báo Quân đội thì sao.

- Lên báo Quân đội hả! Cớ đừng dính với giới báo chí. Còn lên tỉnh... bà A.Q sẽ lo. Giá trước còn cụ Thụy thì tỉnh là huyện mà huyện cũng là tỉnh.

Tôi vờ úp tay lên mặt, nấc lên...

- Cậu làm sao thế?

- Thủ trưởng nhắc đến cụ Thụy làm em thương cụ quá. Cụ vì em mà đi gặp Diêm Vương sớm hơn kỳ hạn. Chả hiểu Diêm Vương có hoạch hợ gì cụ không?

- Cậu đa cảm quá. Cụ Thụy công đức thật nhưng cụ thế cũng đẩy thuyền mãi quá rồi. Vấn đề là lo cho người sống đây này - ông Bùi N. giao cho tôi một tập báo cáo kêu như chuông bạc từ hơn ba chục xã, yêu cầu tôi tổng hợp, điều chỉnh để ông báo cáo lên tỉnh. Tôi có đầy đủ kinh nghiệm để làm việc này. Có những đoạn báo cáo rất hay nhưng không dùng được vì nó thông tin những vấn đề nhỏ nhặt. Ngược lại đôi khi chỉ một câu làm như người viết vô tình mà khiến cấp trên phải hiểu đến những kết quả to lớn khác do cơ sở làm được. Ví dụ báo cáo về đời sống cứ việc tha hồ tràn giang đại hải hàng lô cái mà người ta biết thừa, để gây ấn tượng trung thực. Thiếu ăn, hạn hán, sâu bệnh thì ở đâu mà chẳng có. Tội ấy của trời nên chẳng ai việc gì. Nhưng một dòng “vấn đề an ninh chưa tốt lắm, trong năm còn xảy ra một vụ cháy nhà và nhiều vụ xích mích”, cấp trên sẽ phải hiểu, so với hiện trạng chung, con số ấy là lý tưởng với một nền an ninh của cái huyện bán sơn địa. Cụ Thụy chết vì một lần đọc bản báo cáo do tôi viết. Hôm ấy cụ Thụy từ tỉnh về kiểm tra vấn đề khiếu tố của dân. Cụ già lồm khồm, đi lại khá vất vả. Tuy ở tỉnh cụ chỉ là nhân viên giúp việc, nhưng ở cơ sở cụ lại rất có tiếng, trước hết ở những lời tuyên bố đổi mới. Nghe bảo có một tay bộ đội đi khiếu nại cho bố, bị cụ dạng háng ra tru tréo cho một hồi: “Bố mày đồ cổ thì chết là đáng số”. Cái thằng thanh niên lắc xắc, ít được giáo dục theo các tiêu chuẩn nhà trường kia dám bảo rằng “Ông là lão quan hoạn Hoàng Hạo đời Tam quốc” (cái thằng ấy mà cũng thuộc điển cố đáo đẽ). Hôm về huyện, việc đầu tiên là cụ đòi xem huyện đổi mới đến đâu. Chính cụ tận tay bưng bát tiết canh đánh với sụn nướng cho lão ăn mày cứ thấy huyện

có khách là mò đến. Giọng cụ ứa nước mắt mọi người: “Tôi là đây tớ của dân, được dân nuôi béo để phục vụ dân được nhiều mà thôi”. Lão ăn mày thấm cái ơn ấy đến nỗi nghẹn không nuốt được. Thế rồi chẳng hiểu quỷ thần nào đưa đường khiến cụ Thụy đòi xem báo cáo của huyện. Hỡi ôi, tôi có ngờ đâu tôi thành kẻ giết người từ đấy! Bởi vì mới đọc được hai phần ba bản báo cáo do tôi viết thì cụ Thụy lấy bẫy chân tay và chỉ kịp than lên: “Trời đã sinh ra Thụy lại còn sinh ra Hữu!” Rồi cụ tịch!

Tất nhiên không ai ghép tôi tội giết người. Nhưng giá con người đừng có tí ti lương tâm nào sẽ đỡ khổ khi làm những việc như vậy. Đàng này tôi sinh ra đã là con người, vì vậy tôi cũng có tí ti lương tâm đủ phân biệt với loài cầm thú. Tôi bắt đầu sống với những giấc mơ đẫm máu. Có đêm một đôi vợ chồng rất trẻ dắt nhau đến đòi nhà tôi. Tôi chỉ sang phòng ông Bùi N. nhưng chúng nhất loạt xông vào cấu xé tôi. Lại có hôm tôi thấy bốn, năm tên tù lù lù bước vào phòng tôi đòi công lý. Tôi chỉ sang phòng ông Bùi N. nhưng họ đồng thanh hét lên: “Vì cái “tuyệt vời” vì cái “công bằng” của mày mà chúng ông mục xương trong tù. Trời thì cao chúng ông kêu làm sao được”. Sau những lần sống với ác mộng, sáng ra tôi lại thấy vết hằn to ra một tí. Dần dần tôi mất khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ bình dân ngoài mấy cặp từ “liêm khiết” “tốt nhất” “nhân đạo”... đã in thành rãnh vào trí não tôi. Và thưa ông, cái kết cục bi thảm đã đến, tôi cảm hoàn toàn. Nhưng kỳ lạ làm sao, từ khi tôi chỉ ú ớ trong cổ họng, tôi thấy lương tâm đỡ bị cắn xé hơn. Tôi thấy thanh thản hơn khi tôi chỉ “cảm” mà không phải diễn lại điều đó, bằng thứ ngôn ngữ trái ngược. Nhưng cuộc đời đâu có hiểu cho tôi điều đó. Tôi bị đem đi khắp nơi, chịu mọi thí nghiệm, xét nghiệm, luyện khí công, thậm chí bị đánh vì mục đích nhân đạo đến tơi bời... cho đến khi lão già nham hiểm kia, chẳng hiểu sao lại biết được cách chữa tôi khỏi cảm. Nhưng lão ta chỉ chữa sao cho tôi nói được rồi bỏ mặc tôi. Làm sao tôi sống nổi khi lão già làm mất hẳn ở tôi cái đường mòn trước đây, trong khi đó xã hội của chúng ta bị dị ứng bởi những lời nói không theo một lối mòn nào đó.

## **Lời khai của ông già dạy thú**

Ông già quăng sáu mươi tuổi, thân hình tao thoát. Ông có khuôn mặt của một triết gia cổ La Mã với bộ tóc trắng như mây và cặp mắt thấu suốt vũ trụ. Ông đi lại nhanh nhẹn, sẵn sàng chế riễu tất cả bằng sự linh hoạt có một không hai của khả năng dùng từ chính xác.

- Ông có biết ông bị đưa đến đây vì việc gì không?
- Thưa ông, điều đó còn phụ thuộc vào tính sáng suốt của công lý.
- Đừng có lập lờ. Tên?
- Ông Văn Thiệp.
- Nghề nghiệp?
- Truyền nhân tính cho loài thú.
- Ông nói gì? Có phải ông muốn nói ông là nhân viên dạy thú?
- Vâng, chỉ là hai cách gọi khác nhau.
- Ông dạy được bao nhiêu con thú?
- Một trăm con cộng một!
- Nghĩa là một trăm linh một con. Khả năng cảm biết của những con thú do ông dạy?
- Điều đó còn phụ thuộc từng con. Có con thông minh thì biểu lộ thái độ coi thường con người. Con nào chậm phát triển thì biết tỏ ra ân hận khi phạm lỗi.
- Ông dạy thú vì mục đích gì?
- Để con người đỡ cô đơn.
- Ông có thể nói hết chi tiết trường hợp con thú một trăm linh một của ông được chứ?
- Thưa ông, trước hết ông phải tuyệt đối tin tôi, bởi sự kỳ lạ của những điều rất khó tin. Tựa như nói thật ở thời buổi này dễ làm người ta phì cười.

- Tôi chỉ tin vào công lý.

- Vâng, thưa ông, tôi theo nghề dạy thú vì một câu chuyện ngẫu nhiên. Một bạn có cậu bé dắt theo một con chó ra đường. Cậu bé vừa đi vừa trao đổi với con chó như người lớn ta vẫn trao đổi với nhau. Nghĩa là họ rất hiểu nhau. Chợt ở giữa đám đông cậu bé nhìn thấy gã thanh niên đeo kính trắng, người ra vẻ thư sinh đang lén rút ví của một bà ăn mặc cũng rất sang trọng. Cậu bé vội kêu to khiến đám đông nhốn nháo cả lên. Ngay lập tức người ta thấy gã kính trắng túm chặt cổ áo cậu bé, vừa mắng té tát, vừa dấm đá vô hồi kỳ trận vào người cậu.

- Đồ ăn cắp! Ông đánh cho mày chừa cái thói tắt mắt?

Đám đông (ôi cái đám đông!) xúm vào, không nể gì cũng té tát mắng cậu bé và nguyên rửa kẻ giời đánh đã đẻ ra cậu. Bà già có chiếc ví suýt bị móc còn đòi xé xác chấm muối vị công dân trung thực của chúng ta. Bà ta túm tóc cậu, dí vào cái nơi theo ý bà ta cậu bé từ đó mà ra, ngụ rằng đẻ ra những thằng ăn cắp cho thêm rát! Chỉ duy nhất có con chó là biểu lộ tình cảm ái ngại với ông chủ bị oan ức. Nó không hiểu những hành động của loài người diễn ra trước mặt nó. Cậu bé biết mình không đủ sức thanh minh, bèn cúi xuống nói với con chó:

- Giá mày cũng biết nói thì tao đâu đến nỗi khổ!

Lập tức con chó thay đổi thái độ. Nó cứ ngờ loài người quá thông minh để cư xử công bằng, cần gì đến nó. Bây giờ nó hiểu rằng nó đang giữ vai trò người làm chứng. Lương tâm nó đòi nó không được để xảy ra tình cảnh bất công như vậy. Nhanh như cắt, con chó lao thẳng vào gã đeo kính, ngoạm chặt lấy cổ tay anh ta. Ông có biết điều gì xảy ra không? Từ lòng bàn tay anh chàng kia tuột ra một dụng cụ hành nghề chỉ bọn kẻ cắp chuyên nghiệp mới có và mới thủ trong lòng tay khéo như vậy.

Tôi đã chứng kiến cảnh đó và thuộc về đám đông mù quáng kia... Tôi theo nghề dạy thú từ đấy. Tôi dạy đủ loại. Ở đâu có thú dữ là tôi đến. Rồi một hôm tôi nhận được thông báo có một bệnh nhân kỳ lạ, mất khả

năng giao tiếp bằng ngôn ngữ. Nếu chỉ có thế tôi sẽ coi như một trường hợp cảm thông thường. Đằng này bên dưới thông báo có mấy dòng chú thích: chưa xác định được chủng loại người. Có thể do ai đó thích đùa nên ghi thêm vào. Nhưng dòng chú ấy khiến tôi phải tìm đến anh bệnh nhân cảm kia.

Không, anh ta thuộc hệ người thông minh, tức là người cùng thời với chúng ta. Sau khi nghiên cứu bệnh án, hồ sơ cá nhân, tôi đã biết ngay điều đó. Sở dĩ các nhà khoa học bó tay vì họ chưa được thấy những thực tế của cuộc đời chúng ta. Ở đây hoàn cảnh đã làm biến đổi những đặc tính sinh học, điều chỉ xảy ra ở châu Phi hai, ba triệu năm trước đây. Điều mấu chốt của tôi là phát hiện ra bệnh nhân đã từng làm thư ký dài ngày cho ông N.

- Ông có thể giải thích kỹ hơn - viên chánh án xen vào.

- Vâng, đơn giản thôi. Trước hết cần phải sơ qua về cuộc đời ông N. Ông N. xuất thân từ anh phò cối. Nghề nghiệp đã dạy ông ta phép ăn gian nói dối từ hồi còn trẻ. Rồi ông ta trúng “số đỏ” bằng hàng loạt nấc thang: chân chạy loong toong, phụ trách nhà khách, tiếp phẩm, cán bộ văn hóa, thư ký văn phòng... Ở nấc nào anh ta cũng nổi tiếng quyền biến. Đến khi anh ta nhảy lên làm trưởng công an huyện thì phép quyền biến được hun nóng thêm bằng tham vọng và quyền lực. Anh ta loại bỏ đối thủ, đẩy vào tù... những nhân vật biết rõ về anh ta. Trong lĩnh vực danh vọng, ông N. là kẻ ăn cắp có nghề.

Phát hiện đó của tôi giống như Ac-si-met phát hiện ra định luật về sức đẩy của nước. Các nhà khoa học, vì quá trung thành với nguyên tắc nên đều phạm sai lầm. Nhà sử học thì chú mũi đi tìm một loại người tương tự như anh chàng cảm kia trong các pho sách cổ. Họ đều nhất trí chưa có thời nào tồn tại một đơn vị sinh vật như thế, kể cả các thần và quỷ sứ trên núi Ô-lăm-pơ. Từ Va-ti-căng, Giáo hoàng cũng huy động các tiến sĩ thần học nổi tiếng để tìm xem Chúa có bỏ quên con chiên nào chưa hoàn thiện trên trần gian?



Cuối cùng họ kết luận: nếu đây không phải Giê-su hiện hình, không phải thiên sứ nhà trời, không phải quỷ sứ dưới địa ngục thì chỉ có thể là một sản phẩm thí nghiệm Chúa sáng tạo lần đầu, nghĩa là rất mới đây thôi. Lại có người đưa ra phán đoán có thể một hóa thạch cổ nào đó tự dung sống lại? Vậy thì tốt nhất là mời các nhà nhân chủng học đến. Các nhà cổ sinh học cũng lập tức có mặt. Sau khi đo kích cỡ hàm, mặt, chiều cao cơ thể đặc biệt là ở bộ phận sinh dục, kết hợp với phương pháp huyết tương, các nhà khoa học thuộc hai bộ môn này nhất trí ghi vào hồ sơ kết luận:

*Bùi Bằng Hữu*

*Da vàng.*

*Mũi tẹt.*

*Thuộc hệ Homo Sapiens<sup>(\*)</sup>*

Nhưng tất cả số họ đều chỉ dám phán đoán Homo Sapiens này mắc một loại bệnh chưa từng gặp, tạm gọi là bệnh “phòng thí nghiệm”.

Lúc ấy tôi cũng có mặt tại đó và như đã nói, tôi phát hiện ra điều kỳ diệu kia. Việc đầu tiên là tôi đòi ngay được có tập hồ sơ bệnh nhân. Sau biết bao thủ tục, cuối cùng tôi cũng đạt được như ý muốn. Đây là loại hồ sơ màu đỏ, bìa bọc giấy bóng cứng, được lưu giữ khá cẩn thận trong các cơ quan bảo vệ tuyệt vời của chúng ta.

Nhưng sự việc mới chỉ bắt đầu. Vấn đề là làm thế nào hiểu được phản ứng của Homo. Khi thấy hai người đàn ông vác dao xông vào nhau, tự nhiên Homo hớn hở như được của! Thấy đám ăn mày nhếch nhác, anh ta bập bẹ thốt lên “tuyệt vời!”

Như vậy, do sự đào luyện của môi trường, Homo này đã thay đổi cơ chế phản ứng, nghĩa là trái ngược hoàn toàn với những biểu hiện tâm lý

---

\*. Homo Sapiens: Người khéo léo.

thông thường. Tôi bám chắc vào kết luận này và tuyên bố chữa khỏi cho bệnh nhân.

- Xin phép ngắt lời - người đại diện cho luật pháp công lý và lẽ công bằng xen vào - Nghĩa là những gì ông Bằng Hữu tố cáo ông đều có thật.

- Vâng, tôi xin xác nhận.

- Thế là đã rõ. Ông sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự về việc này.

- Sao cơ? - Ông già dạy thú ngạc nhiên. - Sao cơ? Tôi phải chịu trách nhiệm hình sự trong khi hàng chục tờ báo nước ngoài mời tôi viết bài. A ha! Đất nước chúng ta thật tuyệt vời!

- Ông lầm rồi. Có thể hàng chục tờ báo nước ngoài mời ông viết bài, nhưng trong lĩnh vực nhân quyền ông đã vi phạm. Ông đã gây cho người khác cái điều cá nhân ông ta không muốn.

- Nhưng tôi nhân danh khoa học và con người. - Ông già dạy thú kêu lên.

- Đây là những khái niệm trừu tượng. Cũng giống như ông nhân danh Chúa thôi. Ông phải nhân danh một cái gì cụ thể hơn còn có cơ bào chữa được. Ông khai tiếp đi.

- Tôi còn gì để khai?

- Chẳng nhẽ cứ thế mà ông Hữu nói được trở lại?

- À, vâng! Thật là một tai họa với tôi, cả lúc ấy và bây giờ. Hôm đầu tôi nhốt chung Homo vào với bầy thú đã có trí khôn...

- Thêm một vi phạm về nhân quyền và cả đạo đức nữa mà ông không thể chối cãi được. Tiếp đi!

- Sở dĩ tôi làm thế vì tôi trung thành với kết luận quan trọng trên kia. Nghĩa là Homo cần phải được dạy lại những khái niệm chính xác đơn giản nhất. Lúc đầu bị sư tử tát, Homo phản ứng như tiếp nhận một điều tuyệt vời. Nhưng cứ bị cào cho xước mặt thì lẽ *tự nhiên là đau*; phải vực mặt xuống ăn máng Homo kêu nhục, tôi hoàn toàn tin rằng phán đoán

và phương pháp chữa của tôi là đúng. Ở đây có sự liên hệ rất lý thú. Con người ta cũng thế, khi anh ta cố tình gọi sai tên các sự vật, hiện tượng, lập tức cơ chế sinh học thay đổi và về mặt nào đó anh ta bị tước mất tư cách sinh vật người. Vấn đề còn lại khá đơn giản: Chỉ việc đặt anh ta vào vị trí của đứa trẻ mới tập nói. Tức là buộc phải *giết chết ba mươi năm làm người* của anh ta. Theo hướng đó, mỗi ngày tôi dạy anh ta dăm ba từ. Kết quả thế nào thì các ông đã biết. Ông Hữu đã nói lại được để viết đơn kiện tôi.

Hồ sơ vụ án không có mâu thuẫn giữa các bên đối kháng.

### ***Chức thư của ông già dạy thú***

Kính gửi đồng loại của tôi,

“Ngày mai tôi phải ra tòa về tội đã cứu một đồng loại của chúng ta khỏi lạc sang thế giới loài thú, ngoài ý muốn của ông ta. Căn bệnh của ông ta rất đơn giản: Nói dối thành đường mòn trong não. Phản ứng sinh học tiếp theo là yết hầu sưng to. Điều này đúng như dân gian thường nói “Nói dối sưng hầu sưng cổ”. Bởi vì dân gian ở thời nào cũng đầy trí tuệ, sáng suốt. Bài thuốc của tôi cũng cực kỳ đơn giản: phải bằng mọi cách xóa đi đường mòn tai hại ấy. Như vậy sẽ có người tồn tại hàng hơn nửa thế kỷ nhưng không sống thực sự mấy ngày. Di hại của nó là tiêu diệt tận gốc, có khi hàng thế hệ, tư cách tồn tại của mình và sẽ cho ra đời hàng loạt quái thai”.

Ông già đặt bút xuống, im lặng ngồi suy ngẫm. Có nên nói hết ra không nhỉ. Ở tuổi của ta, sống chết không còn là vấn đề khủng khiếp nữa. Chỉ mong sao khi nằm xuống ta được yên giấc. Tự dưng ông già thấy buồn khôn tả. Mắt ông thấu vào cõi vô biên như đang tìm kiếm một điều gì vốn có sẵn từ vĩnh hằng. Lẽ nào mơ ước một đời của ta chỉ là điên rồ? Ông thương lớp con cháu thảm hại, sẽ còn lang thang chán mới tìm

được tư cách tồn tại của mình. Chỉ cốt sao chúng đừng đào mả ta, bắn vào bộ xương khô là được. Nghĩ thế ông viết tiếp:

“Dù thế nào, nếu một lần chết vì con người, - thì hãy thanh thản mà chết”.

\* \* \*

Thưa độc giả ngàn lần đáng kính trọng bởi vì các vị thuộc về dân gian! Để chép lại được câu chuyện này, tôi cũng phải đánh vật với một số khái niệm tưởng chưa hề xuất hiện hóa ra đã có từ thời thượng cổ. Chính tôi cũng ít nhiều mắc cái bệnh khủng khiếp kia. Chỉ xin thông báo ngắn gọn: Ông già dạy thú không phải ra tòa. Đúng hơn ông được thả ngay khi phiên tòa chưa kịp mở vì lý do rất đơn giản: Có quá nhiều người mắc cái bệnh cần ông chữa, tới mức người ta đã nghĩ đến một nạn dịch.

*Hòa Bình - Hà Nội 1989*

*T.D.A*

# Qua sông

(SH số 46/1991)

## 1.

Dòng họ Trần Liêu vào định cư ở bờ Bắc sông Thu một thời gian lại gặp chuyện chẳng lành. Mấy năm liền, mùa hè như trong lò thiêu, mùa đông như băng giá, khí hậu khắc nghiệt, khắp nơi bị lụt lội, hạn hán, mưa đá, bão tố; lúa đang bông bông sâu bọ ăn hết, kiến vàng làm tổ trong măng tre măng trúc; giếng nước có rắn, dọc bờ sông cá sấu phơi mình trên cát; giữa trưa khô khốc từng bầy voi lang thang đi tìm nước dọc bờ sông trắng. Gió rao truyền những tai ương, và biển bủa sóng báo hiệu của hoang phá điêu tàn.

Về mặt nhân văn, con người không tin vào những điều thực tế; nhưng những cảm ứng tâm linh không còn chân chính; nó bị tác động, xua đi theo dấu chân tà thuật. Đó đây mọc lên lời kinh cầu, sấm truyền. Những phù thủy dạy cho con người những u muội, xuyên tạc, đẩy đạo lý đến cửa ngõ của dị đoan mê tín. Người ta thờ những con rắn hai đầu, gà bốn chân, cua mặt người, cọp biết nói. Tin đồn loan truyền, những đồng dao, những mẩu chuyện châm biếm cứ mọc cánh bay đi, tụ hội với trăm

ngàn hoang tưởng, làm cho xã hội hôn ám càng nhuộm màu hoang đường. Bọn đồng bóng có nơi ăn chốn ở, quân ma mãnh giàu sang, kẻ trí thức thất sủng sống âm thầm thui chột. Ốc tim tẩm độc.

Trần Liêu vay nợ Phú Hào nhiều năm vốn lãi chất chồng không sao trả được, Phú Hào đòi cào nhà và cùm gông Trần Liêu giải lên quan huyện. Trần Liêu đành đem cô gái Út xinh đẹp - Cô Giao Châu - mười bảy tuổi gả làm hầu cho Phú Hào trừ nợ. Kỳ hẹn mười năm Hào trả Giao Châu lại cho Liêu. Nào ngờ, sau đó Phú Hào đem Giao Châu nộp cho quan Huyện, gọi là món lễ vật quý giá. Quan Huyện mê mẩn Giao Châu đến quên cả vợ, nên người vợ tìm cách giết Giao Châu bằng thuốc độc.

Mãi mấy năm sau Liêu biết chuyện, tới huyện đường kêu oan. Huyện phán, “Người đem con gái nạp cho Phú Hào trừ nợ. Vậy, con gái người là món hàng, ai dùng chẳng được. Hàng đã dùng thì có hư hao, sao đòi?” Liêu kêu oan mãi, lại khóc nức nở vì thương con gái. Quan tức giận sai quân lính nọc Trần Liêu ra giữa sân nắng mà đánh ba mươi hèo, rồi đuổi về. Quan Huyện bày trò nhân từ cho Liêu tiền, Liêu không nhận.

Mang một cái đầu cằm uất và một cái lưng máu về nhà, Liêu nói cùng vợ con: “Bỏ xứ mà đi thôi”. Vợ Liêu can ngăn: “Mình là dân, phải biết nhịn nhục mà sống, sao bỏ làng nước ra đi. Đi đâu, về đâu?”. Cậu con trai cả của Trần Liêu nói: “Quan hà khắc thì giết lũ quan ấy đi!”. Cậu Út nói theo cách huyền mộng của mình: “Ta sống không cần vua quan có được không?”.

Rõ ràng bốn người bốn quan điểm khác nhau. Liêu muốn từ bỏ một nơi chốn khắc nghiệt để tìm đến một miền đất lành, như vượt sông Thu vào phía Nam chẳng hạn. Người vợ tòng quyền, nhưng không muốn rời bỏ nơi có mồ mả cha anh; nghĩ về những lao lung của dĩ vãng, bà rất sợ những cuộc ra đi tìm đất Hứa. Cậu con trai cả rõ là muốn nổi loạn, dù đâm máu, nhưng nó làm sạch triều đình. Cậu Út có khuynh hướng vô chính phủ: “Ta sống với ta, vua quan là cỏ rác”.

Đi? Ở? Giết quan? Hoặc không cần vua quan? Song, trong gia đình ấy có một sợi dây vô hình và bí ẩn: bàn luận thì rộng rãi, cuối cùng vẫn theo lời cha. Họ sẽ ra đi. Nơi họ định đến vẫn trên xứ sở thân yêu của họ, nhưng là bên kia bờ sông Thu. Phải là Bên-kia-Bờ. Bên kia bờ con sông mà định mệnh đã trót cho nó cái tên sông Thu.

Bây giờ đang là mùa đông. Thời tiết năm ấy giá lạnh kinh hoàng, bão khô thổi xao xác làm rừng núi khô vàng như chờ nhóm lửa. Sông Thu có dòng chảy rất xiết, xoáy bờ Nam, phá bãi Bắc, tạo ra những bãi phù sa cồn cồn lớp lớp, hoặc những vịnh nước mênh mông. Ngày ngày mặt trời như một cục máu đỏ hỏn trôi lên một chút là bị mây đen vây phủ. Bầu trời mang máng xám rộng, khi con sông Thu tràn tỏa, sóng reo như biển.

Ngày ấy, bờ Nam sông Thu hãy còn ít di dân tới định cư. Bờ Bắc còn lúa thừa xóm làng. Chen lẫn giữa những xóm lá hiu quạnh là rừng thưa hoặc núi đồi, đầm lầy. Từ làng tới huyện phải mất mấy ngày đường. Quan đi lại có ngựa, kiệu, dân cuốc bộ. Quan có lính hầu bảo vệ, dân phải mang giáo mác phòng khi đâm chém với voi răn, heo rừng. Nông phu đi làm rầy chạm mặt với thú dữ là thương. Cọp thấy người trước tức thì phóng về người xé xác mà nhai. Người thấy cọp trước thì đập giết cọp mạng về, thịt ăn, da cọp làm áo hoặc làm phen vách quanh nhà. Đôi khi cuộc chiến đấu ngang bằng, cọp người găm gù rời nhau, cọp mang máu me chạy vào núi, người mang thương tích về nhà vợ con băng bó. Cọp găm người vì bản năng, người giết cọp vì ý thức sinh tồn.

Trần Liêu có vóc dáng to khỏe như gấu. Cậu Cả giống bố, ngày ăn bốn bữa, mỗi bữa nổi cơm bự, luôn có ý tìm giết Phú Hào cùng quan Huyện. Trong Cả có dòng máu muốn đứng lên giữa trời, cây đao phơ mà quật “cò đại”. Cậu Út, người mảnh mai, da trắng trẻo, mắt sâu mũi thẳng, cách đi đứng nói năng thanh tú, sính chữ nghĩa thơ văn, có tính khinh đời nhưng lại sợ chuyện đâm cọp giết người. Với cậu, thế gian này chỉ là cõi tạm; trong cuộc hành trình miên viễn của cậu, nơi đây chỉ là cuộc ghé chơi, ngẫm nghĩ xa xôi làm chi cho u hân thể phách.

Thuở bé, có lần Út đi chơi sao đó mà lang thang vào một hang cộp. Liêu và Cả vác giáo đi tìm. Lúc tới nơi, người ta thấy cậu Út đang ngồi thu mình bên chú cộp con lảng vảng màu nhau. Liêu ẳm Út ra khỏi hang cộp. Cả lăm le ngọn giáo. Liêu can ngăn: “Đừng giết cộp con!”. Khi xuống núi, ba cha con gặp cộp mẹ trở về. Lần nữa Liêu nói với Cả, “Hãy tự vệ, đừng giết nó. Nó còn con nhỏ trong hang”.

## 2.

Cha con Liêu xẻ gỗ đóng thuyền. Lại rèn thêm vũ khí.

Việc qua sông chỉ cần một chiếc ghe nhỏ là vừa nhưng họ đóng một chiếc thuyền khá lớn: như để vượt biển. Liêu giải thích rằng phải chở cả bàn ghế tủ giường, cối xay, chày giã gạo. “Ra đi, chỉ đi một lần không lui lại, có chi thì chở hết”. Và lại qua bên kia sông đã chắc gì tìm được cái sống lúc ban đầu dễ dàng.

Bà mẹ chuẩn bị lương thực, áo quần. Bà hái lá rừng phơi khô, những loại có thể là những món thuốc Nam, phòng khi chưa hợp thủy thổ. Hôm dọn bàn thờ, người mẹ thấy cái hộp đựng cuốn gia phả đã bị mối mọt ăn, tượng Phật cũng vậy. Để yên thì thần là tượng, mà tháo ra ráp lại không được. Chúng rã tan. Như lớp bụi vô nghĩa. Như một cái gì rất đáng sợ, giữa niềm tin sâu mọt.

Bà mẹ đem chuyện này nói với chồng. Liêu nói nghiêm chỉnh, tuy có một thoáng bàng hoàng: “Cái gì hư mọt thì vất đi, không cần sơn phết làm gì nữa, cha mẹ Phật, Tổ ở lòng ta”.

Mùa đông rồi cũng trôi qua. Nhưng mùa xuân năm ấy kỳ lạ. Gia đình Liêu ăn cái tết từ biệt để chuẩn bị ra đi thì mưa lê thê kéo dài, gió Bắc khô lạnh. Khắp nơi, mai không nở. Cây rừng trụi lủi. Núi đồi hắt hiu bát ngát. Bầu trời luôn màu chì. Giữa tháng giêng sâu bọ bò rào rạt, hàng



ngàn triệu con, san bằng đồng lúa. Cào cào châu chấu, kiến cao cẳng đầy nhà đầy vườn. Những luống cải hoa vàng trở thành màu nâu đen vì ruồi nhặng bu quanh. Bướm ong màu sắc tươi xinh chết đầy đất. Chuột chù chuột cống bò khơi khơi trong vườn ngày. Trong trái chín sâu giòi ngổn ngang. Nước đồng ruộng có màu đỏ loãng. Trên mặt nước có đóng ván ngũ sắc, phản chiếu ánh mặt trời chiếu trông hoang đường đến nhức mắt. Ánh chiều mong manh như tơ lụa mỏng trở nên gợn ghê: “Một mùa xuân ma”.

Một hôm, quan Huyện đi thăm dân tình, gọi là chúc xuân, nhân tiện ghé Phú Hào đánh chén cùng hăm hiếp kín đáo gái quê. Cậu Cả nghe tin ấy, mang giáo ra đi, định giết chúng. Liêu can ngăn con: “Chưa có tòa xử chưa nên giết người!”. Cả cãi lại: “Bọn chúng không còn là người. Mà ai ngồi tòa? Ai xét xử?” Người mẹ vừa khóc vừa sợ hãi van xin: “Dù sao con gái mẹ cũng đã chết rồi, gây ra oan trái làm chi nữa”. Cả giận dữ: “Trừ kẻ có tội, trả thù cho Giao Châu mà là gây oan trái à?”. Cậu Út nói: “Thôi, xin mọi người hãy dẹp cất dĩ vãng đi”. Hôm đó Cả bỏ ăn, nói với cha: “Suốt đời cha chỉ dạy con điều nhin nhục, chịu đựng. Cha làm tê liệt ý chí con người.”

Thời gian dần qua, mọi việc chuẩn bị xong, ngày ra đi sắp tới. Liêu mang màu vẽ mắt con thuyền. Cả rửa thuyền. Dưới sức nắng mùa hè, con thuyền bạc thếp vì nước lũ có bùn non phủ qua những ngày mùa đông. Trong lòng thuyền một lớp bùn nhão, ở đó một con rắn nằm khoanh tròn. Cả chặt một phát. Con rắn cụt một phần đuôi, vùng thoát, trườn mình hướng về phía đầm lầy. Cả nói vui: “Ngày xưa Lưu Bang chém rắn, ra đi rồi làm vua”. Trần Liêu nhìn con gằn giọng: “Chỉ toàn chuyện vấy máu”. Cả nói: “Nhưng máu của chính đạo thì cũng cần thiết phải đổ ra lắm chứ”. Cha con cùng cười. Nắng mùa hè chói chang. Dãy núi hùng vĩ phía Tây như ngàn ngọn sóng bát ngát trong trời xanh. Mây trắng chập chùng, trôi dạt cả dưới lòng con sông Thu xa xa.

Con thuyền được kê lên cao bởi hai cái đà gỗ. Trần Liêu lập bàn hương án, ăn vận chỉnh tề rồi cầm cọ chấm màu vẽ mắt cho thuyền. Cả nhìn cha vẽ, lại hỏi: “Người có mắt đây mà nhìn không thấy hết phương hướng, lạc mãi chốn vô minh, cha vẽ mắt lên gỗ đá mà chi?” Liêu giải thích: “Mắt người ta là mắt thịt. Mắt gỗ đá mới hiển linh con trai ạ”. Liêu không là họa sĩ nhưng điểm nhãn cho thuyền rất đẹp. Sau đó, họ lắp bánh lái, lợp mui.

Bà mẹ rất lưu luyến chốn cũ nhưng cuối cùng cũng đành phải xuống thuyền cùng chồng con. Hôm ấy người mẹ buồn lắm. Bà khẩn vái tổ tiên. Đôi mắt ươn ướt, nhìn hun hút về nương rẫy rừng núi. Liêu đứng ở bờ sông quay mặt về hướng Bắc lạy ba lạy, lại dạy về hướng Nam bái ba bái. Thấy lạ, Cả hỏi: “Sao cha lạy phương Bắc mà chỉ bái phương Nam?” Liêu giải thích: “Phương Bắc là tổ tiên linh hồn giống nòi ta”. Út nói: “Theo con thì cha phải lạy phương Nam. Phải lạy cái tương lai. Còn quá khứ thì xá xá nó là vừa!”. Liêu cúi mặt, thở dài, nhìn con.

Từ lâu Cả thắc mắc một điều nên gạn hỏi cha: “Này cha! Nghe rằng chúng ta là hậu duệ của vua Trần?”. Liêu nói nghiêm chỉnh: “Đúng vậy, chúng ta là con cháu chính thống vua nhà Trần, vì suy mạt mà ra đi”. Cả lại hỏi: “Cùng một dòng họ nhà Trần sao một thời đẩy dẩy anh hùng, nhưng Hưng Đạo, Quang Khải, bây giờ lại toàn một lũ gian manh trộm cắp, hoặc đói khổ đoạ dày như chúng ta?”. Liêu than thở: “Đó là vận nước. Cũng một dân tộc, một thời có thể rất anh hùng, một thời rất bòn khùng lũ điên. Thời hưng thịnh thì một người cày ruộng cũng giữ luân lý riêng mình và đạo đức giống nòi. Thời suy vi thì cũng dân quan đó nhưng là lũ ti tiện, coi trọng vật chất, xem thường đạo lý, vì cái sống thấp hèn, vì địa vị, có khi ám hại nhau không nương tay. Trong nhân loại, nước nào cũng có trường hợp đó, vận hạn mà. Nhưng chớ có buồn mẩn chi. Ở chỗ cùng kiệt, anh hùng lại sẽ xuất hiện, minh quân ra đời. Cuộc nhân sinh sẽ được vun quén trùng tu.”

### 3.

Thuyền hạ thủy vào một ngày rực nắng. Bầu trời xanh ngát không một áng mây. Liều và cậu Cả ăn vận gọn gàng, giáo mác bên hông, đai lưng bằng da thú, nón mây. Trông Út như một đạo sĩ trong lớp áo trắng phơ phất. Người mẹ nhìn bờ Nam xa tắp, dấu hiệu đất Hứa hãy còn mịt mờ nơi cái tường thành lau trắng xa xa, chưa một bãi dâu, chưa một làn khói bếp nhà. Bơi theo thuyền của họ là một đàn cá sấu vùng vẫy. Cả định phạt một giáo. Liều can ngăn: “Ta có đường đi của ta, đừng chọc vào lũ sấu xà”. Người mẹ tụng kinh. Tiếng lòng chan hòa sông nước, giữa cái nóng của mặt trời cùng sự reo thềm của lũ cá sấu dưới lườn ghe.

Họ cho thuyền ngang qua bờ. Sông mênh mông không cầu. Cầu quan lộ xa xa dưới kia năm ba ngày chưa thấy một bóng ngựa trạm.

Trước đây gia đình Liều từng nghe người bơi thuyền qua sông, đi Nam về, kể lại những gì đã từng mắt thấy tai nghe. Câu chuyện khá hấp dẫn đối với Cả và Út khi được biết cách đó không xa có một con đường rẽ về hướng Tây, dẫn sâu vào núi. Một con sông chảy bạt ngàn trên đỉnh núi liền núi. Như một con sông huyền thoại, nhìn nó người ta tưởng nó chảy ngược, vì mắt ta quen nhìn sông xuôi về biển. Đó là hướng Tây của Quảng Nam - mở rộng về phương Nam - mà dòng họ Trần Liều, con cháu vua tới lập nghiệp. Núi trùng điệp sừng sững. Những thung lũng trầm mặc, bí ẩn. Nơi miền xuôi, những tháp Chăm hiện lên như những cánh xương rồng khổng lồ. Đất đai hãy còn là những thảo nguyên hoang dã.

Người ta kể lại rằng ở đó, miền núi Tây của Quảng Nam, có một kinh đô bị chôn vùi trong lòng một ngọn núi. Một dân tộc đã vùi chôn kinh đô của mình trước khi ra đi, bằng cách đắp núi lên đó. Người ta nghĩ rằng lòng đất là nắm mồi sẽ giữ cho kinh đô vĩnh cửu. Núi đó là Nhân Sơn - mộ địa sâu bi, đầy huyền bí. Ngày nay, cái chất thơ hùng đó không chỉ

bằng bạc trong sử lịch mà nó hiện hồn băng khuâng trong từng từng cỏ lau trắng như khăn tang lưng chừng núi. Lúc bình minh, núi chìm trong sương mù biển khói, và hoàng hôn núi lặng im một cách lạ thường, khi cả trời rục lên cái ráng chiều máu pha. Sau đó, núi chìm trong đêm im lìm, tìm cách đầu thai trong bóng tối.

Thuyền đang trôi an bình thì mọi người bỗng thấy dòng nước chảy xiết. Cùi khô, bèo giạt ở đâu trôi về đây. Mặt sông đen ra, mịt mù. Liều đổi tay chèo cho Cà cầm bánh lái. Mọi người đang vui vẻ bỗng lo lắng. Con sông cứ như có thần linh làm cho nó càng xa thăm hai bờ. Càng chèo chống, vướn tới, hướng về, mong qua, thì bờ Nam cứ dần dần xa tít. Bãi bờ phương Bắc hun hút với đầm lầy rừng thưa. Bầu trời nắng gắt giờ đây mây phủ, gió rạo rạo huyền hoặc không còn nữa. Một cơn bão đã tới, gặt, giạt, rung chuyển nghìn vạn âm thanh cuồng nộ. Gió khoét nước từ mặt sông tung cao lên không trung. Mưa không thể nào kể hết mưa. Từng tảng nước dội phủ lên thuyền. Người ta cảm tưởng bị rách thịt da, mặt, vì từng cây nước trắng như bạch kim châm vào.

Cả vuốt mặt và nói: “Chúng ta bắt đầu chơi với quỷ thần rồi đây. Bọn âm binh bắt đầu lộ mặt. Ta trốn xa lũ quỷ mặt người hóa ra giờ đây...”. Út phất tay áo nói: “Đúng là định mệnh chúng ta đang có ma vương thọc tay vào”. Liều răn dạy: “Hãy bình tĩnh các con. Lúc này mới là lúc thử sức người”.

Trong cuộc chinh phục thiên nhiên, con người vừa muốn tiêu diệt nó, vừa muốn hòa bình, nhân hóa nó. Con người cần lưu giữ thiên nhiên một phần nơi sợ hãi. Cuộc chơi đó lắm khi gay gắt, không thiếu phần mĩa mai tàn nhẫn, là một bên vẫn cứ muốn tiêu diệt một bên. Nhân loại có nảy sinh nhưng lần lượt đi vào mộ; thịt da mãi bốc làn khói đen trong trời xanh. Con người tiêu diệt vì trùng nhưng định mệnh cỏ cây cứ nảy sinh ra nghìn nghìn vi trùng mới, lạ lắm và khôn ngoan hơn. Những cánh rừng vẫn cứ bị chặt phá, ao hồ khô kiệt, không gian thấm độc, vậy

mà con người cứ đào biển phá núi, lấp le đào xói những vì sao, tính tuổi mặt trời. Cho nên, trong qui luật đó, gia đình Trần Liêu đang được treo trên sợi dây bảo tố, để thiên nhiên dày vò. Người ta có thể không tin vào thiên đường hay địa ngục nhưng quả thật những mặc khải tâm linh đó không trù tượng - ít ra về mặt biểu trưng: nghĩa là chúng ta đang ở trong nhau, bảo tố thường trực mang thai trong khí hậu an lành.

Đối với gia đình Trần Liêu, con sông Thu giờ đây là một côi lương nghi hỗn độn: bờ Bắc thì mờ mịt, bờ Nam tím xa ngàn dặm. Dứt bỏ dĩ vãng mà không có tương lai. Rồi một đám khói mịt mù để mơ tới một bờ sương vô vọng. Trần Liêu đã dâng hiến một niềm tin sắt son cho bảo tố. Cuộc trùng phùng chừng như giấu mặt, bôi vôi. “Trần Liêu? Người có đau lòng chẳng khi từ bỏ một quá khứ dị dạng buồn nôn, để hòa mình cùng một thực tại rách nát bão giông?”

Cả và Út không chèo thuyền nữa, mà gác mái chèo trong lòng khoang. Trời đất vẫn lòi cái mặt nạ xám xịt trong cơn thịnh nộ. Con thuyền rằng rắc muốn bức làm đôi. Mũi thuyền trước như con thú chồm lên vỗ mũi, mũi sau như con kinh ngư chực lặn sâu xuống đáy nước. Nó đâm ngang, rẽ dọc, lại quay tròn, khi lao vào Nam khi trở ngược phương Bắc. Thuyền tự do theo hướng vô phương Phật của nó, sẵn sàng nghiêng hất cha con Liêu giữa dòng. Rồi, rất một cái, bánh lái gãy. Liêu mất thăng bằng bổ nhào vào lòng thuyền. Người mẹ cúi mặt vượt nước, miệng tụng kinh. “Một lời kinh nguyện nhỏ nhoi mà dám van xin đất trời an bình?”. Nhưng người mẹ cứ tụng kinh, vì mẹ nghĩ rằng trời đất có lỗi tai để nghe những lời van xin hèn mọn nhỏ nhoi nhất trên thế gian.

Lạ thay, rất lâu, qua nhiều thử thách, thuyền không chìm mà cứ trôi mãi. Lại có vẻ càng lúc càng bình an khi sóng gió đã lặng. Đêm lên. Mảng trăng lười liềm vắt vẻo xa xôi. Bầu trời trở nên sâu lắng huyền ảo. Lúc đầu mọi người còn tỉnh táo, sau họ không định được mình đang ở đâu. Thậm chí họ không còn cảm giác ở trên sông hay biển khi mọi người

bắt đầu mê dần. Không gian như có mùi hương tinh khiết. Một bàn tay huyền bí nào đó giữ cho chiếc thuyền không còn bánh lái cứ trôi mãi đi. Một ngày đêm liền, thuyền không qua được sông mà trôi ra biển. Cuối cùng rất may măn thuyền dạt vào một hoang đảo.

#### 4.

Cậu Cả là người tỉnh dậy đầu tiên sau một thời gian dài mê xủ. Anh nằm dài trên cát ngơ ngác nhìn chung quanh và nhận ra cái nắng rất mặt của buổi trưa nơi hoang đảo. Mùi biển tanh nồng hòa trong gió. Sóng vỗ tràn lan qua bãi trắng phẳng lì. Xa hơn, những mỏm đá cheo leo chồm ra vịnh biển. Rừng rất xanh kéo lên tận đỉnh đảo. Một vài cánh chim chao liệng trong trời.

Cả cố đứng lên, lại mệt mỏi ngồi xuống. Chiếc thuyền còn nguyên vẹn, nằm trên cát, cách nơi nằm của cha anh và cậu Út không xa. Mẹ anh trong khoang. Đầu tiên với cây giáo, Cả đào một cái giếng nhỏ trên cát, dùng tay vốc nước uống, lại bốc một nắm gạo sống mà nhai. Sau đó anh tới lay thức mọi người.

Họ đi dần vào chân đảo, tìm một cái hang trú ngụ qua đêm.

Về đêm, khí hậu đảo rất lạnh, sóng đánh rì rầm, tiếng chim và tiếng rú gầm của muôn thú quanh quất. Một hôm sau, Liêu và Cả vác giáo đi thám thính quanh vùng và trở về cho người mẹ biết quanh đây không có làng xóm nương rẫy, nghĩa là không có dấu hiệu rằng con người đã từng sống hoặc từng qua đây. Người mẹ hiểu rằng gia đình đang rơi vào một tình thế hiểm nguy. Lương thực đã hết, vì trước kia bà chưa hề nghĩ tới ngày lạc vào hoang đảo.

Ngày qua ngày, người mẹ chôn giấu sự lo sợ tận đáy lòng. Bên ngoài bà cố vui vẻ, làm những việc giúp chồng con như khâu vá áo quần, quơ

nắm củi, hái rau rừng, lấy nước từ giếng xa, sát vực biển, bằng cách khoét một vài lớp cát. Bà tìm một chỗ bằng phẳng sạch sẽ, trong hang đá - để thiết cái bàn thờ tổ tiên. Mẹ vái lạy hàng đêm, khấn nguyện người khuất mặt - tiền linh giống nòi, ông cha, chú bác, anh em thương; cả những oan hồn cô quạnh, những kiếp chết linh hồn nát mẫm thành cô hồn của quỷ ma - để mong chờ phút giây cứu rỗi.

Một hôm Cả đâm được một con thú, xẻ thịt ăn. Con người ăn thịt mãi cũng khó thành người. Những đám rau rừng dần dà cũng mòn tịt đi, vì bốn miệng ăn. Ở chốn sỏi cát, cũng có thể trồng lương thực rau quả, ngặt vì không có hạt giống. Rất may, nơi đây vẫn còn ít loại rau và hoa quả nuôi người. Nhưng người đâu là khi, núi rừng cho chi ăn nấy. Nên, thời gian lấy dần thịt da máu tủy người.

Một buổi chiều xám, ba cha con Liêu vắng nhà, người mẹ ngồi thu mình trong hang đá bỗng nghe tiếng động ngoài cửa hang. Mẹ rừng mình hiểu rằng loài thú rừng cũng đang tìm một cái hang ấm áp. Chúng đang ngấm nghĩa cái hang của mẹ. Đêm nằm mẹ mơ thấy những điều không vui. Trong thế giới hoang đường của giấc ngủ mẹ nghe cả tiếng cười vui, nhưng rất đau lòng, của chồng con. Họ đang chống lại một định mệnh cay đắng. Những con người khỏe mạnh dũng cảm ấy đang bị biến thể, trở nên những bộ xương.

Nhiều hôm trời thanh nắng tốt, mẹ đứng trên mỏm đá cao nhìn mông lung, cố tìm dấu hiệu của đất liền. Mẹ theo dõi cánh chim, mong thấy vệt xám xanh ở chân trời, hay một cánh bướm nào đó qua đây. Mẹ tuyệt vọng cùng tháng ngày, vì trong cái mông lung xanh ngắt kia không một dấu hiệu bến bờ.

Mùa đông lạnh giá lại về. Những mảnh áo tấm quần rách nát. Trần Liêu là một bộ xương có mái đầu bạc: một cái đầu lâu có tóc, có cái nhìn, có tiếng cười, và sự bất trắc vẫn còn đeo đuổi.

Đêm đêm, người ta đốt đồng lửa hồng là để cho ấm, để trò chuyện với

nhau như ma trong mồ nhớ dĩ vãng trần gian. Lửa ấy ít đun nấu một thứ gì có chất gạo. Da người thiếu chất bột đã trở thành màu da bụng của rắn mối, pha một chút xanh lơ bệnh hoạn của thiếu máu, của mong chờ đất liền, của một ngày về đang chìm trong sương biển. Mọi người trong gia đình Liêu rất thương yêu đùm bọc bảo vệ nhau. Nhưng chính sự khăng khít can đảm đó, trong cảnh khốn cùng đặc biệt, cũng là một hoàn cảnh mĩa mai: Họ đang dần dà biến thành vượn để hoàn chỉnh cái sống của kiếp người.

Một hôm bà mẹ nói - đúng hơn là một bộ xương nói:

- Nếu tôi chết, rất mong mình và các con hãy ăn thịt tôi để sống qua ngày.

Liêu cắn môi, rít qua kẽ răng:

- Đừng nói điều vô đạo.

Bà mẹ nghiêm chỉnh, nói lời nguyện cầu; như một sấm truyền đầy cảm ứng thần linh, như máu trong mẹ nói:

- Sao lại vô đạo? Tôi là vũ trụ tạo ra chúng. Lúc nằm trong bụng tôi, chúng chẳng từng hít máu tôi, thở trong tôi, ăn hút tủy xương tôi đó sao? Khi là bào thai lại hoang vu ăn thịt người, lúc thành người lại mang đạo đức ra trá hình đối với những dằng hiến cuối cùng.

Người Mẹ, sau đó, kể cho hai con nghe một câu chuyện đầy ẩn dụ rằng ngày trước có một đám tù vượt ngục từ một trại tù nơi một hòn đảo lớn - địa ngục trần gian. Họ lênh đênh trên biển - với một chiếc bè rách tạm - rồi trôi dạt vào một hoang đảo. Đói lạnh bệnh tật, nhưng là những người tù chính trị chân chính, họ không hề tuyệt vọng, rất can đảm và minh sáng trong hoàn cảnh hiểm nghèo. Thế là một trong đám người họ quyết định tự tử. Để làm gì? Để những người anh hùng kia lấy thịt mình mà ăn. Con người kiên cường kia biết rằng những người cùng chí hướng với mình sẽ giải quyết cái thân xác tạm thời của mình để tiếp tục làm cái việc muôn đời cho muôn người.



Nghe xong, Cả và Út lặng lẽ kinh hoàng. Họ cúi mặt khóc. Ngọn lửa hồng vẫn tiếp tục cháy giữa dòng đại hồng thủy. Sự nghịch lý tàn khốc kia hóa ra vẫn là một xúc tác trong sinh tồn. Tập tục thường hằng lắm khi phải lùi bước trước những điều cao cả: sự tan vỡ cùng cực của đại biến để mở màn cho một kết thúc.

Từ trong hang động mẹ nhìn ra biển lớn. Lúc đầu bầu trời thanh thản một cách lạ thường. Bầy chim biển sà trên mặt nước xanh. Sóng bạc đầu xua vào bờ hàng nghìn cánh bạc, lấp lánh nắng. Một lúc mẹ nói, giọng rất ảm:

- Các con nghe mẹ bảo. Nơi đây không thiếu thịt thú rừng. Nhưng các con hãy ăn thịt mẹ. Không là thịt người. Không bao giờ mẹ là thịt người. Mẹ là thiên nhục.

Lời Mẹ quả là điểm gở. Hai hôm sau Mẹ qua đời trong cái hang đá lạnh lẽo ấy. Cả nhà khiêng Mẹ ra đặt trên một phiến đá cao bằng phẳng. Biển bao la thanh thoát. Bầu trời rất cao xanh. Tinh tú như tỏ rạng ngay giữa ban ngày. Bầy hải âu bay, những cánh thiên đường. Rất xa, một chiếc cầu vồng bảy màu hiện ra chênh chếch, nơi đó đang có thể là mưa trong nắng, tụ hội thần linh, nơi có thể sẵn sàng đón một linh hồn tinh khiết nhất, cao cả và thẳng hoa nhất.

Không ánh đèn, không nhang khói, không kèn đưa trống thổi. Chỉ có sóng trắng bủa xa xa. Chỉ có tiếng rừng của đảo trở nên âm thầm ray rứt. Và chỉ có cậu Cả cầm cây giáo múa như điên trong không khí. Cả muốn đâm mặt trời, muốn chém mây trắng, muốn chặt gió đang vi vu, muốn lấy máu của đá.

Sau cùng, Cả cầm pháp ngọn ngọn giáo lên nền cát rồi gục khóc nức nở.

## 5.

Trần Liêu chôn vợ một cách trầm lặng, dưới chân viên đá tảng. Đầu người quay về hướng mà người ta tin rằng có đất liền nơi quê nhà. Liêu cảm giận nói với hai con:

- Giao Châu con gái ta bị chết thảm dưới tay cường quyền. Nay, vợ thân yêu của ta cũng chết thảm thương lúc ta bôn đào. Nếu ta gặp cái thằng Số Mệnh ở đâu ta chặt đầu nó ở đấy, nếu quả thật có một thằng Số Mệnh bằng xương bằng thịt.

Vài hôm sau, kể từ lúc Mẹ nằm yên trong lòng đất, buổi chiều, không gian bỗng huyền hoặc lạ thường. Màu trời vàng lênh láng, mây trôi chập chùng, gió nhẹ, biển lặng. Xa xa, vẫn cái cầu vồng màu sắc hiện lên, như một chiếc cổng trời đầy hào quang. Thế gian như gột đẽo thần tốc để có một phong diện kỳ ảo. Theo sóng biển, một con nhà táng trôi dạt vào, kề bên nó là một chiếc thuyền buồm loại nhỏ. Vào bờ được vài phút, cá nhà táng đã chết. Cha con Liêu tìm thấy trên ghe có rất nhiều lương thực, thực phẩm, thuốc men, áo quần, những loại giống ngũ cốc có thể gieo hạt. Lại có một ít vũ khí, một la bàn và một bản đồ hải hành. Năm người trên ghe đã chết, máu me đầm đìa. Có những bịch gạo thấm máu tươi như xôi gấc.

Thời gian trôi đi.

Đã hơn mười năm cha con Liêu sống nơi hoang dã. Họ xây nhà, gieo hạt, trồng cây. Họ biến một phần đảo có hồn người. Họ khắc đá dựng bia trên mộ người Mẹ. Họ tìm cách để lại trong hang đá những ký hiệu, những lời dẫn dò mong hướng dẫn những kẻ không may sau này lạc vào hoang đảo như họ. Từ lâu, rất nhớ đất liền, cha con Liêu thể tìm mọi cách trở về. Chim có tổ, nước có nguồn, cha con Liêu mong một mảnh quê hương, được nghe tiếng nói của đồng bào mình.

Họ tự học cách sử dụng la bàn, bản đồ hải hành, cụ bị lương thực,

xẻ gỗ đóng thuyền. Thời gian đó, may mắn thay, một vài chiếc thuyền buôn ghé đảo. Họ được tiếp xúc với những người thủy thủ da trắng mà họ cho là man di - một loại người rừng đẹp đẽ. Rút kinh nghiệm của lần ra đi năm xưa, bây giờ họ chuẩn bị kỹ lưỡng hơn; bàn bạc với nhau tìm phương cách đối phó nếu gặp hiểm nguy.

Trần Liêu nay đã là một cụ già, giàu kinh nghiệm nhưng sức sống không còn mãnh liệt như xưa; niềm tin cũng mòn mỏi. Liêu không dám khẳng định một may mắn có thể chuẩn xác trong tương lai. Cả đã là một gã đàn ông rần rỏi, cương nghị. Những ngày cô đơn, gian khổ, tuyệt vọng đã dạy Cả, nung đúc Cả thành một con người gan dạ, có chí hướng. Riêng cậu Út có khác, Út thường trực ưu tư, có dấu hiệu tâm thần. Đi đâu về đâu, Út vẫn thấy những bất hạnh vây quanh. Những ám ảnh siêu hình, những suy niệm duy tâm luôn đè nặng lên tâm cảm cậu ta. Có lẽ Út sẽ trở thành một nghệ sĩ cô đơn, ca ngợi cái đẹp trong đau xót riêng mình; dành lòng nơi một cõi trú rất phi lý mà phải tha thiết với nó, vì nó. Út rất viễn mơ nhưng lại không tin vào điều tâm nguyện, rất khinh đời, khuynh hướng vô chính phủ, thiếu óc tổ chức. Với cậu, hy vọng chỉ là một sự phiền muộn, mong ước là dấu hiệu của xót đau riêng tư. Út cho rằng con người tự kéo sợi tơ tham vọng quanh mình như con tằm nhả kén chung quanh, sau cùng, đành chết giữa lòng tơ.

Sáng hôm ấy trời quang mây tạnh. Sau khi kiểm điểm “quân mã”, cha con Liêu bái biệt hoang đảo, xuống thuyền giong buồm ra đi. Ra đi? Có nghĩa là tìm về.

Lúc rời khỏi mái tranh nhỏ, nhìn mộ vợ dưới chân viên đá tảng, những nương rẫy hãy còn mầm xanh, những hoa vàng quanh bờ dậu, những con dê được mở cổng chuồng cho chúng về đỉnh đảo, bấy dê lại đi quanh quẩn trong vườn, như nhớ ai, chúng đi dọc bờ rào gặm những đợt xanh; Liêu động lòng nói: “Hóa ra đây là quê hương thứ hai, đã có máu và mồ hôi chúng ta!” Cả nói: “Sau này thế nào chúng ta cũng trở lại đây. Có lẽ đây cũng là một hòn đảo quê nhà”.

Ngồi trên sóng bạc đầu, Trần Liêu nghĩ miên man về con sông Thu, về Giao Châu, cảm giận bọn Phú Hào, quan Huyện. Liêu nhớ ngày tuổi nhỏ cùng cha vượt đèo vào bờ Bắc sông Thu lập nghiệp. Một đoàn người biệt xứ ra đi, từ đâu đó, tới đâu đó. Có dấu chân người là có con đường, có xóm làng; những dây thân ái cùng khổ đau nối kết, giăng tơ; và có những tên tuổi để gọi danh cho nó. Con người đã làm ấm đất đai vốn nghìn xưa tẻ lạnh.

Thuyền buồm trôi dạt được hai đêm ngày thì bọn họ thấy đất liền mờ mờ. Rất vui mừng, nhưng ba cha con Liêu lo ngại rằng có phải mình đã đi đúng cái hướng mình muốn tới, hay sẽ lạc vào một vùng người xa lạ, phải đâm chém vong mạng mình mới tìm được chốn nương thân.

Cả đề nghị không nên cập bờ ban đêm. “Tối trời nguy hiểm lắm”. Liêu nói: “Cập bờ ban đêm sẽ tránh được sự dòm ngó của dân địa phương”. Đòi mắt cứ đăm đăm nhìn vào mớ vũ khí, nghĩ tới một cuộc đụng độ với người xứ xa lạ, Út nói: “Lần này chúng ta gặp một hoang đảo nữa, ắt thành tiên thành Phật”.

Lúc bình minh rưng rưng ở Phương Đông, vạn vật còn chìm trong lớp sương mờ ảo, thuyền của cha con Liêu cập bờ an toàn. Trước mặt họ là một vùng nhấp nhô những đồi cát, rừng phi lao thưa thớt. Vượt qua những đồi nương, mặt trời đứng bóng, cha con Liêu gặp những cánh đầm lầy, nước xâm xấp. Rồi những khoảng rừng tràm gần như vô tận. Chưa thấy nhà, chưa thấy khói, chỉ thấy bóng chim bay, tiếng sóng vỗ về sau lưng. Đêm đầu tiên cha con Liêu ngủ dưới một tàng cây da lớn, chim chóc về đây. Họ vui mừng vì trong tiếng chim lao xao có một cái gì tuy xa vắng nhưng quen thuộc. Có khi chỉ gặp bóng dáng thiên nhiên đã nhận ra quê hương mình. Có khi chỉ thoáng thấy màu núi xanh lơ đã nghe lòng nao nức mùi vị quê nhà.

Cha con Liêu cuộc bộ hai ngày đêm thì gặp một cánh đồng khô, sau khi tìm cách vượt qua một con sông rộng. Từ phía hữu ngạn đi lên, trong

nặng chiều, họ bắt gặp hình ảnh xa xa một tháp Chàm. Cái khối xương rồng khổng lồ ấy hiện lên nền trời xanh, làm rực cháy trong tâm cảm cha con Liêu một niềm tin quen thuộc. Họ mừng rỡ nắm tay nhau. Lần đầu tiên những nụ cười của họ có màu sắc, sau nhiều năm xám xịt âu lo.

Họ bắt gặp một con đường mòn. Vậy là đã có dấu chân người. Vậy là da thịt người đã làm mòn mặt đất, cát bụi đã bắt gặp mồ hôi người, người và đất hơn một lần trò chuyện. Sau cùng cha con Liêu đi vào một vùng đồi thấp. Cả bảo: “Hãy gắng đi lên cái ngọn đồi cao nhất kia kìa”. Ý của Cả là nhân đó có dịp quan sát chung quanh, tìm phương hướng cho ngày mai tiếp tục hành trình.

Lúc lên tới ngọn đồi cao nhất là lúc mặt trời sắp lặn. Hoàng hôn tím tím, nhãn quang của cha con Liêu bỗng rực rỡ một không gian thoáng rộng khi xa xa bên dưới là con đường quan lộ - có lẽ là xuyên Bắc Nam - những ánh đèn leo lét của vài xóm nhà, những rặng cây bóng tối. Con sông ngoằn ngoèo dẫn về Nam, không một cây cầu. Tất cả hãy còn nhuốm vẻ hoang sơ, đầy đậm chất huyền ảo, của miền đất một dân tộc bỏ đi và một đám di dân chưa kịp tới. Bóng tối thì luôn luôn giống nhau nhưng cái màu sắc nhân văn, cái ẩn số thần linh hãy rất là khác nhau. Ở những cực điểm của hoàn cảnh, con người luôn luôn bị vò xé bởi tâm cảm khó định hình. Mỗi cha con Liêu rơi vào một trạng thái tinh thần hoàn toàn khác nhau. Cậu Út rất ngợp trước những cơn gió không biên cương nơi đỉnh đồi. Cậu lại ngạt thở trước tình huống tự do, mà theo cậu, không đáng tán dương gì. Cậu muốn chết ngay tức thì.

Đêm đó, cha con Liêu ngủ trên một khoảng đất trên sườn đồi phía Nam - hầu hết những xóm làng trên sườn đồi hay sườn núi Việt Nam đều nằm ở phía Nam. Vì sao vậy? Vì họ tránh gió mùa đông tanh lạnh, từ phương Bắc thổi vào. Mọi người mệt mỏi, không ai nói với nhau được điều gì. Mỗi người ôm ấp một an lành riêng tư, nhắm nháp cái hương vị đất liền sau nhiều năm xa cách. Dấu hiệu phục sinh được họ nhận ra

trong tiếng chim rừng quen thuộc, trong mùi cỏ, và trong từng lá cỏ đầm nhói - dưới bờ lưng không mềm chiều.

Khuya, trời lạnh buốt. Trần Liêu tìm cách đốt một đồng lửa. Cha con ngồi vây quanh sưởi ấm: những bộ xương hồng. Liêu nói: “Chúng ta lập nghiệp tại nơi đây được rồi các con ạ”. Cả nói: “Hãy đi thêm nữa. Ngày mai có khi chúng ta tìm được một vùng đất phì nhiêu lý tưởng hơn”. Út nói: “Chúng ta là những người trồng kiếp người cho mai sau chứ không phải trồng cây măng cây lúa”.

Không gian như đượm hương. Đêm một màu đen tuyền, muôn nghìn mắt tinh tú. Cách đó không xa, sóng bờ Bắc sông Thu vây bủa, và những bầy voi trăm mặc đi, những con cọp vỗ người vẫn còn giấu mặt chờ sáng. Đã đổi quan huyện mới, nhưng Phú Hào đã xây cất thêm được những dãy nhà mới. Cuộc sống vẫn tiếp tục đồng bộ đi tới bằng những bước chân ác quỷ trá hình; và trong hiện thực màu xám hãy còn nhiều đầu lâu khoác mặt nạ.

Đám lửa giữa cha con Liêu bùng lên, và những đám hồng reo nổ - do những thanh cây có chất dầu. Cậu Út dõi đôi mắt vào đêm, như tìm cái tiền kiếp của cậu, hay cái gì đó mà cậu vẫn cứ mơ màng là một phần hồn đang cất cánh bay đi. Một số những con nai con sóc thấy ánh lửa chạy tới nhưng thấy người chúng lại phóng mình đi, với chim chóc, cọp, beo, cả chuồn chuồn châu chấu trên ngọn đồi này, trong khu núi thấp triền miên là rừng này, đêm nay, bọn chúng nhận ra rằng đã có bọn người đặt chân tới; nghĩa là rồi ra, chúng sẽ tìm nơi nương thân khác. Giữa đêm tịch mịch, trong ánh hồng soi mặt, Liêu nhìn hai con rồi đột nhiên nói; giọng đầy âm sắc ngọt ngào:

- Các con, hãy vui sống để làm lại tất cả. Chúng ta đang, và sẽ bắt đầu. Dầu là trong đêm tối mịt mùng, nhưng trên quê nhà, hôm nay ta đã đốt được một ngọn lửa hồng.

\* \* \*

Ngon lửa hồng ấy được đốt lên cách đây gần sáu trăm năm, ngày Quảng Nam thuộc về đất Việt, những cư dân đầu tiên đã tới. Ngon đôi xưa kia cha con Liêu tới đốt lửa nay là Nồng Ông Tào. Ngày nay quanh đấy đã đầy những nương rẫy, xóm làng, cuộc sống cứ mãi đổi thay và tiếp tục. Những dấu vết xưa, nay có xóa nhòa, tà huy hay bùng sáng, hy vọng nổi hy vọng, khổ đau chồng chất khổ đau, máu pha máu, mồ hôi cặn dần trên mỗi xác thân lương thiện, cuộc sống con người có khai mở, sự lạc hậu tối tăm có thể bị đẩy lùi; nhưng không phải thế, vì vậy, mà những manh tâm nơi con người cứ tuần tự phai tàn đi. Mỗi một con người sớm mai đẩy cửa ra đường đã nhanh chóng có một thằng bản ngã của nó huênh hoang và lếu láo bước theo, và con người lương thiện ấy vẫn tưởng nó - cái phần phân thân kia - đương nhiên phải có như một chiếc bóng của ta trên mặt đường, dưới bóng mặt trời. Ngày ngày chúng ta phải cứ hòa nhập với kẻ thù, chung cùng một trái tim.

Thuở bé tôi từng nghe cha tôi kể câu chuyện trên - vẫn buổi tối trăng lên ở ngọn cây gòn đầu ngõ, tiếng chuyện trò văng vẳng của các thôn nữ ở vườn bên; tiếng chim đêm cùng trái rụng; gia đình quay quẩn bên mâm cơm, trên cái sân gạch lung linh ánh trăng, lót dưới mâm cơm là chiếc chiếu trải nền. Và lót dạ thêm cho những bữa ăn thiếu chất là các truyện cổ tích, giai thoại, những câu đồng dao, những câu tiểu lâm. Cái hương vị quê mùa thơ mộng ấy làm câu chuyện về cha con Trần Liêu thấm đậm trong tôi. Đầu óc trinh bạch của tôi thuở ấy giữ mãi câu chuyện trong một thần thái an lành.

Câu chuyện Trần Liêu không phải là chính sử, chẳng là chuyện thần thoại, cổ tích, thậm chí có người cho rằng đó là một câu chuyện không thể có thật. Tôi không nghĩ như thế. Bị một đau khổ đích thực còn hơn có một niềm vui giả tạo. Bằng vào tính chất trong sáng, nhân bản, không xa lạ với hiện thực, tôi tin rằng câu chuyện Trần Liêu có thật. Nếu không, chúng ta để Tình Người đi đâu, khi ngày nay nhìn mặt, gọi-là-mặt-người.

Ngon lửa kia đã tàn trong thiên thu. Con cháu Người-Đốt-Lửa hãy còn. Lửa ấy không chỉ là một thứ ánh sáng vô cảm, trong một xã hội máy móc, lạnh lùng. Lửa ấy cũng không siêu nhiên xa lạ, cũng không nằm chết trong ý nghĩ hạn hẹp hiện thực của lửa. Nó có thể đã biến thành một dạng ánh sáng khác: đậm đà như ca dao, rục rờ như lời ca hạnh phúc, hay ngậm ngùi như tiếng hát gọi nát lòng của những thân phận hẩm hiu của Mẹ, của Giao Châu.

Ngon lửa thiên thu kia đã có một linh hồn và một tác động vĩnh cửu. Chúng ta ghi nhớ lại, cũng có nghĩa là sẽ đốt lên.

Và, chúng ta chẳng hề quên câu nói tiềm vọng của Liêu: “...Chúng ta sẽ bắt đầu làm lại tất cả. Dầu rằng trong bóng tối mịt mù, nhưng trên quê nhà, hôm nay chúng ta đốt một ngọn lửa hồng”.

C.T.B



## Giếng trăng

(SH số tháng 2 - 1993)

**h**ọc hết bậc tiểu học trường làng tôi lên phố học tiếp, thi thoảng có phương việc chạp giỗ mới về. Năm tôi học lớp Đệ tứ (tức lớp 9 bây giờ) chiến tranh bắt đầu lan rộng, gia đình tôi lãnh nguyên trái bom nửa tấn. Cha, mẹ, em trai, em gái, cùng cái nhà rường bằng gỗ kiển kiển đen bóng, truyền từ đời ông cố nội tôi, biến mất hút dưới cái hố sâu hoắm. Tôi trở thành kẻ tứ cố vô thân, từ đó càng ít trở về làng. Cũng từ đó cuộc sống cuốn tôi phiêu bạt xa dần nơi chôn nhau cắt rốn. Quê nhà trong ký ức của tôi là bếp lửa thơm mùi rơm khô, là những chiều trốn học đi tát cá bầy chim ngoài đồng nội, là tiếng trống xao động lá vòng đồng vàng trên sân trường mùa thu, là mái đình làng có hai con rồng uốn cong dưới bầu trời khoáng đãng, là tiếng ve râm ran dưới bóng mát khu vườn ấu thơ vào một mùa hè thanh bình xa lắc, là tiếng hò ru em vừa cay cực vừa nhân hậu, là những bữa cơm đầm ấm dưới mái gia đình... Năm 1982 tôi mới trở về quê cũ.

Làng tôi vốn là một miền quê trù phú. Với bàn tay cần mẫn và óc cầu thị của dân làng, đất làng dù nằm trong vùng khí hậu khắc nghiệt và chiến tranh cày qua xới lại nhiều phen, lúa vẫn hai mùa tươi tốt, vườn

tượng vẫn đầy hoa trái thơm lành. Dấu tích ý đồ điện khí hóa nông thôn một cách duy ý chí trước đây còn để lại những cột điện bê tông bị chiến tranh chém gãy ngang lưng, trơ cốt thép ra với đất trời nhân thế. Những mảng nhựa đường nằm bên những ổ gà trơ nền đá học của con đường nối từ quốc lộ I dẫn vào làng, nhắc ta nhớ lại cái thời nó được rải nhựa phẳng phiu.

Nhờ trời, tôi có được một ông chú đi tập kết về làm phó chủ tịch kiêm công an xã, nên tôi không bị rắc rối như những kẻ đồng cảnh ngộ, ngược lại còn được phép mở quán sửa xe đạp sống qua ngày. Chú tôi còn hứa nếu tôi “phấn đấu tốt” ông sẽ nhập hộ khẩu và cho làm cán bộ thống tin xã. Tôi không khoải làm cán bộ lắm, chỉ ậm ừ cho chú tôi khỏi giận.

Quán mở cạnh đường cái, thường vắng khách, bên kia là con hói nhỏ quanh năm nước đục ngầu nổi váng phèn ngũ sắc, chảy lờ đờ. Đêm khuya thanh vắng, tiếng chuông chùa ngân lên lẫn trong tiếng những con chó sủa trắng nghe não nuột.

Chú tôi ít mặn mà với tôi còn tôi cũng không khoải gặp ông để nghe những bài học chính trị ngộ nghê từ nhận thức của một ông cán bộ thất học. Tôi cũng không dám đem sách vở ra tranh luận với ông sợ ông nổi xung lên rồi qui kết chống lại nhân dân thì nguy.

Biết tôi là cán bộ một phòng của công ty bề thế, chỉ do “đấu tranh cực đoan” - theo ngôn ngữ của ông - mà phải bỏ về quê không mảnh giấy, ngoài cái chứng minh nhân dân, ông câu lắm:

- Cha mi nuôi cho mi ăn học đảng hoàng mà mi ngu quá - ông nói - Ai làm chi không đụng chạm tới quyền lợi cá nhân mình thì thôi, làm răng mi chống nổi lãnh đạo, mi thấy cả cái tập thể nhân dân trong xã ni có dám chống lại tau không? Một mình mi có đúng mười mười thì đối với tổ chức cũng chẳng có nghĩa lý chi cả. Tập thể sống được thì mình sống được, thời buổi ni xin đi làm công nhân nhà nước để thoát khỏi cái anh xã viên còn khó, nói chi là cán bộ phụ trách. Sướng không ưa sướng lại

ua khổ. Với lại gia đình mình có truyền thống cách mạng, mi làm tau cũng nhớ nhứt theo...

Thời phong kiến, bọn quan lại cũng không muốn con cháu mình làm dân thường như chú tôi. Với ông, kiếm được cái biên chế để được nhà nước bao cấp suốt đời là mục tiêu duy nhất của mọi người trong chế độ này. Với tôi, tôi chưa bao giờ coi cơ quan nhà nước là một trại cứu tế. Hồi chú tôi theo kháng chiến cũng như hồi tôi xuống đường trong phong trào sinh viên học sinh tranh đấu, chắc hẳn không vì mục đích được làm “quan cách mạng” hay được nhà nước bao cấp suốt đời.

Về đây tôi chỉ mong được yên thân. Ngoài công việc sửa xe kiếm sống hàng ngày, tôi ít giao du với ai, tránh xa những cuộc tranh cãi luận bàn thế sự. Lúc rảnh đọc sách, đánh cờ, đi câu cá hoặc viết lách lãng nhãng.

Rồi mùa hè đến. Khoảng mười cô cậu người làng vừa tốt nghiệp trường sư phạm về quê chờ phân bổ công tác, nghe đồn tôi là một “ăn sĩ” liền kéo đến quán sửa xe lân la kết thân. Các “kỹ sư tâm hồn” mới ra lò ấy rất khoái chuyện đời do tôi kể.

Có lần trong cuộc vui, cánh thầy giáo giới thiệu cho tôi một bạn học cũ, do thi rớt đại học nên ở nhà luôn. Cậu ta tên là Hoàng Thiên Lâm (cái tên nghe đầy cao vọng, chắc do ông già xưa đặt cho).

Câu chuyện của Hoàng Thiên Lâm xứng đáng làm cốt truyện cho cuốn tiểu thuyết diễm tình hay tuồng cải lương mùi mẫn:

Vào một đêm trăng sáng bên giếng làng, Lâm tán tỉnh được cô nàng Thanh (tên cúng cơm là Nguyễn Thị Địu) ở làng bên - bên kia con hói - thuộc loại hoa khôi của xã. Cái giếng làng này từng xe duyên cho bao đôi lứa qua nhiều thế hệ. Có cặp nên đôi, có đôi gãy gánh, nhưng chưa có cặp tình nhân nào yêu nhau nồng thắm quyết liệt, bất chấp cả gia đình và chính quyền như Lâm và Thanh. Nhất là trong thời buổi đói kém chạy cho ra cái ăn đã xanh mặt, ít ai dám bạo gan làm trái ý cán bộ xã, trai gái hẹn hò nhau ban đêm để bị du kích trói gô đem về nộp cho chú tôi.

Lâm là con một nhà giàu. Thanh cũng là con một nhưng sinh ra trong gia đình bần cùng. Dân làng, ngoại trừ số ít người (trong đó có ba Lâm), không ai đặt nặng chuyện môn đăng hộ đối. Khi những chiếc máy đa dụng tiến vào đồng ruộng thay cho sức người sức trâu, khi những chàng học trò nghèo có thể làm nên danh phận rõ ràng, khi sách báo phim ảnh bành vạc cho tình yêu tự do được phổ biến rộng rãi, và nhất là khi chính quyền cách mạng được thiết lập thì quan niệm cổ hủ về hôn nhân bị lung lay tận gốc rễ. Dân làng chỉ ngại một điều: Xưa nay gái làng kia không thể về làm dâu làng này được, vì ngạch đất hai làng xung khắc nhau ở cung tình duyên. Chẳng ai chứng minh có thật vì “cái ngạch đất” mà bao cặp uyên ương đành gãy cánh, nhưng cũng không có chính quyền nào có thể làm suy suyển niềm tin tư biện kia. Có một sự thật hiển nhiên là làng bên này con hói có rất nhiều người làm quan to cả bên “quốc gia” lẫn bên cách mạng, còn làng bên kia con hói thì có người mới leo lên được quan hai (trung úy) là đã chết trận. Tình duyên trắc trở của Lâm và Thanh thêm một bằng chứng sống nữa cho lòng tin dân làng. Hối mới giải phóng, chú tôi cũng kiên quyết xóa đi sự mê tín ấy, nhưng dần dà những tập quán, tín ngưỡng ăn sâu từ bao đời trong lũy tre làng sống dậy nơi tâm hồn con người sinh ra và lớn lên ở đó, lặng lẽ đánh bật quan điểm vô thần (đối với chú tôi cũng chỉ là niềm tin tự biện) ra khỏi tư duy của ông. Có điều chú tôi khôn lắm, ông biết cách chứng tỏ “lập trường duy vật” của mình trước đám dân làng ưa xoi mói, lý sự nhưng lại cầu an.

Mẹ con Thanh không phải là loại nhác nhớm vụng về tay chân, cả hai đều miệng bằng tay tay bằng miệng, chỉ có cái tội là vụng tính nên làm được ngả trước tiền của chạy liền ngả sau. Làm đồng nào xào đồng nấy, không biết dành dụm tích lũy, tới lúc chẹt chân hả miệng thì tới vay tiền góp nhà giàu, vay tám chục góp mười ngày một trăm, không có mười đồng góp từng ngày thì phải vay mỗi tiền góp khác, nợ mẹ đẻ nợ con, chỉ nuôi lãi nhà giàu còn hơn nuôi thêm hai ba miệng ăn không ngồi rồi

trong nhà. Thành thử miệng bằng tay tay bằng miệng mà cứ mạt. Người trong làng gọi đó là kiểu sống “đoản hậu”.

Ba của Lâm thì khác hẳn. Từ một anh lính “quốc gia” bị què chân được giải ngũ về quê với số vốn ít ỏi, cha mẹ đã mất, bà con cô bác góp miệng thì ai cũng sẵn lòng nhưng góp của thì không. Ba Lâm nghiên cứu kỹ, thấy mở quán sửa xe là ngon ăn nhất. Trong làng người ta đều biết ba Lâm là thợ “trời sinh”, nhưng được cái ông ham học hỏi, cần cù kỹ lưỡng và khéo tay, nên chẳng bao lâu một anh thợ khác trong làng (thợ thứ thiệt có học nghề hẳn hoi) đành phải chuyển ra đường quốc lộ I để hành nghề. Từ khi ra khỏi làng không còn kiếp sống rày chết mai, ba Lâm bỏ thuốc bỏ cả phê bỏ rượu, chí thú làm ăn. Trời chẳng phụ lòng người, chẳng bao lâu ba Lâm phát lên như điều gặp gió, ông mua xe đạp cũ về sửa lại cho thuê giờ (hồi nhỏ tôi cũng từng thuê xe đạp của ông một giờ một đồng để tập đi). Rồi ông nhắm mẹ Lâm, cô gái đẹp nhất làng, con nhà nghèo nhưng nét na sắc sảo. Khi có số vốn kha khá, ông mua máy nước chạy dầu cặn (diesel) về cạnh tranh với những máy chạy bằng than tưới nước cho ruộng, đang hoạt động trong làng; rồi ông mua máy cày cày thuê; đặt máy xay xát gạo. Đến lúc có được cơ ngơi đồ sộ như thế ông mới tính chuyện hưởng thụ, cải lương xi-nê, chiều thứ bảy đi ăn thịt dê bảy món dưới phố.

Tạo hóa phú cho ông khả năng sử dụng đồng tiền một cách mẫn cảm. “Đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn” lần hồi ông biết cách len lỏi vào kế hờ của nhà nước để làm ăn. Và trong lúc phần đông người trong làng phải treo xe đạp lên phen nhà vì không có tiền sửa thì ông vẫn ngự lên yên xe Vespa mỗi lần xuống phố.

Khi biết Lâm có quan hệ tình cảm với Thanh, ba Lâm bảo:

- Mi ưa chi cái thứ khổ rách áo ôm đó? Với lại trông cặp mắt sắc như dao lam của con đó thì không buồn chồng người cũng lấy trai. Mua heo xem nái mua gái xem tông, cái tông đường con Địu thì cả làng cả xã này ai không biết!

- Ba thì khi mô cũng tương số với tông đường - Lâm cãi - Quan niệm vợ chồng thế hệ tui còn mô có giống thế hệ của ba. Con gần gũi Thanh con hiểu Thanh hơn ba hiểu. Tụi con đã trưởng thành rồi, ba cho con tự do quyết định đời mình.

Ba Lâm khoát tay:

- Đừng dài dòng lời thôi. Tau không ưa là không ưa. Tau cho mi ăn học không phải để bất hiếu với cha mẹ, mình là con nhà gia giáo, giấy rách còn giữ lấy lề huống chi gia đình mình chưa suy vi đến nỗi con cãi lời cha. Tau nói như đinh đóng cột, gia đình này không chấp nhận con đó làm dâu.

Thuyết phục ông không xong, Lâm dẫn Thanh ra ủy ban xã xin đăng ký kết hôn theo pháp luật hiện hành, chẳng cần cưới hỏi theo tập tục. Nhưng xã không cho đăng ký. Lâm thắc mắc thì chú tôi tuyên bố:

- Ba mi nói với tau đừng cho hai đứa bây đăng ký. Tau hứa với ông rồi!

Vốn là thanh niên có học, lại là đoàn viên thanh niên, Lâm lý sự:

- Luật hôn nhân gia đình qui định...

Chú tôi xua tay:

- Ở đây chỉ có tau qui định. Tau báo trước, chính quyền đã không cho đăng ký mà hai đứa bây lén lút ăn ở với nhau là tau cho đi cải tạo liền!

Lâm chưa chịu thua:

- Cháu nghĩ rằng chính quyền ta phải ủng hộ cái tiến bộ chống lại cái lạc hậu phong kiến...

Chú tôi lại xua tay:

- Mi khỏi dạy chính trị cho tau, tau đi làm cách mạng từ khi cha mi còn thò lò mũi xanh... - ngừng một chút để suy nghĩ, ông nói tiếp - Thăng địch cãi còn chưa lại tau chú đồ cái thú tụi bây trúng đòi khôn hơn vịt. Mi nên nghe lời cha mi thì sướng cái thân.

Lâm cầu cứu tổ chức Đoàn thanh niên. Tay bí thư lắc đầu cười cười:

- Các ông đã quyết thì trời cũng chịu!

Túng thế cô cậu dẫn vào “đất thánh miền Nam” xây tổ uyên ương. Đi lòng vòng đầu được bảy tháng mấy ngày, cô cậu lóp ngóp xách bị rỗng về làng, mặt cắt không ra hột máu, xác bất xan ban như chạy giặc về. Duy cái bụng của Thanh thì đã phình lên.

Lâm liễu mạng trình diện ông già xin chịu tội, đồng thời đặt ông trước một việc đã rồi. Lâm nghĩ dù sao ông cũng không thể bỏ rơi đứa cháu đích tôn trong bụng Thanh. Nhưng ông bảo:

- Cho hẳn ít tiền sinh nở rồi bồng con về, còn mi ở đây tau lo vợ con ở chỗ đảng hoàng. Thiếu chi con gái đẹp, chỉ sợ không có tiền.

*Nhưng thưa, đâu dễ quên nhau, dẫu cho tơ tóc nát nhầu gió mưa.* Cô cậu bằng lòng trả giá cho tình yêu tự do: Từ bỏ gia đình, chấp nhận tai họa giáng xuống từ mọi phía, kéo nhau ra cư ngụ ở đình làng. Lâm cuốc thuê làm mướn, Thanh buôn bán vặt ở chợ để nuôi nhau. Cũng may chú tôi chưa thể “quốc hữu hóa” mọi sự nên Lâm và Thanh còn đất sống, đất làm ăn. Gần tới ngày Thanh sinh nở mẹ Thanh liền gọi hai người về nhà mình. Có lẽ bà không nỡ để con gái mình sinh đẻ ở đầu đình xó chợ. Bà nói:

- Ai ăn ở không phải thì có trời, hai đứa bây cứ về nhà mà ở, no cùng no đói cùng đói. Ai nói chi mặc kệ miệng lưỡi thế gian.

Khi đám thầy giáo giới thiệu Lâm làm quen với tôi thì Thanh đã sinh được chú bé bảy tháng rất kháu khỉnh. Ba Lâm thì vẫn cương quyết không đón con dâu dẫn cháu đích tôn về nhà mình. Tình cảnh vợ chồng Lâm thật là bi đát. Thanh buôn bán không dễ dàng như xưa vì ngay ở cổng chợ, xã cho kẻ cái khẩu hiệu to đùng “Bớt chợ thêm đồng thâm canh tăng vụ”, mà đồng ruộng thì ngay cả xã viên còn khó nhai huống chi vợ chồng Lâm là người đã bị gạch tên khỏi sổ nhân khẩu từ dạo trốn

vô Nam. Đó là chưa kể tới những thế lực vô hình lẫn hữu hình thường xuyên đè nặng lên hạnh phúc mong manh của họ. Thiên hạ đoán già đoán non thế nào Lâm cũng phải đầu hàng số mệnh hoặc mẹ con Thanh cũng không còn kiên nhẫn. Dân làng càng tin vào sự linh ứng của thế lực vô hình. Và có lẽ chú tôi và ba Lâm càng tin cuối cùng thắng lợi sẽ về phía họ. Hình như cả trời đất lẫn lòng dạ con người đều không muốn điều quen thuộc bị phá vỡ.

\* \* \*

Mùa hè đã qua. Tốp giáo viên dù có bằng lòng với sự phân công của tổ chức hay không thì cũng đã lên đường đi nhận nhiệm vụ. Chẳng ai cả gan bỏ bực dạy để nhận cái chân xã viên hợp tác. Tôi trở lại cuộc sống đơn độc của mình và cũng không còn lưu tâm tới thiên tình sử của Lâm và Thanh. Dù đối với tôi, tình yêu của hai người là sự đúc kết ước mơ đẹp nhất từ ngàn xưa tới nay của dân làng. Nhưng người ta còn phải sống với hiện thực nữa.

Họ hàng tôi người thì chết kẻ thì phiêu linh xa xứ, chỉ hai chú cháu tôi còn lại trong làng. Chú tôi (vừa trúng bí thư xã trong đại hội vừa rồi) không thể bỏ tôi và tôi không thể thọc gậy bánh xe vào công chuyện của ông. Người làng cũng nhìn tôi bằng cặp mắt e dè, chẳng ai đại dột phoir lòng tỏ dạ với cháu ruột của bí thư. Ngay cả Lâm, Lâm cũng dè dặt khi nói về chú tôi trước mặt tôi. Tôi tự nhủ, như thế cũng hay. Thời gian gần đây Lâm không ghé lại chỗ tôi nữa, vì chiếc xe đạp của cô nàng Thanh đã bán. Nhưng Lâm vẫn không quên tôi.

\* \* \*

Một buổi xế chiều tôi đang đóng cửa quán thì Hoàng Thiên Lâm tới rủ đi uống cà phê. Tôi hơi ngạc nhiên trước sự hào phóng của anh chàng



từ lâu không còn biết tới cà phê thuốc lá, ngay cả những đám cưới bạn bè Lâm cũng tránh vì không có tiền mua quà mừng. Cả Thanh cũng thế, vốn là cô gái xinh đẹp đằm dáng nhưng đã sớm thành một thiếu phụ lam lũ vì chồng con. Tuy vậy nhan sắc nàng vẫn rực rỡ đúng với câu ca “gái một con trông mòn con mắt”. Nhiều anh cán bộ hãnh tiến, lắm kẻ mới phất còn độc thân ở trong làng ngoài huyện đã để mắt gắm ghé tán tỉnh cô nàng có anh chồng công tử đang biến thành anh nông dân vai u thịt bắp thô kệch lại chẳng có đám cưới đám hỏi hay giấy tờ kết hôn với nhau. Nhưng Thanh chửi thẳng thừng vào những lời ong bướm kèm theo những miếng mồi vật chất. Dẫu rằng, lắm khi cả hai vợ chồng phải nhịn đói. Đôi lần nhìn con quá thiếu thốn, Thanh nói với chồng liều quá xin ông nội một ít tiền, cháu của ông ăn chú phải hai vợ chồng ăn đầu. Nhưng Lâm từ chối, anh ta nói: “Con mình không còn là cháu nội của ai nữa”. Thấy chồng quá cương quyết Thanh cũng không ép. Hai vợ chồng đều hy vọng tới một ngày nào đó tình thế sẽ đổi thay. Mẹ của Thanh thì vẫn giữ im lặng, có lẽ bà vẫn ngại “miệng lưỡi thế gian”, chứ không phải mặc kệ người đời.

Thời gian gần đây nghe làng nước xì xào mẹ con Thanh bắt đầu đối xử tàn tệ với Lâm. Theo “miệng lưỡi thế gian” thì mẹ con nhà Nguyễn Thị Địu thấy khó nuốt trôi cái gia sản của ba Lâm nên trở mặt. Trò vờ vịt yêu thương rộng lòng tốt dạ không đánh lừa nổi con mắt tinh đời của ba Lâm nên mẹ con nhà Địu hạ màn lột mặt nạ. Chỉ có Lâm là càng ngày càng đắm say vợ. Người ta đồn khi Lâm mới quen Thanh, hai mẹ con đã toa rập cho Lâm uống bùa mê thuốc lú nên tâm thần Lâm trở nên mê mẩn. Người ta còn kháo ầm lên, Thanh vừa cặp bồ với tay lái xe bốn để theo tay này đi buôn đường dài. Tôi cũng định bụng nếu gặp Lâm sẽ hỏi cho rõ thực hư.

Quán cà phê duy nhất trong làng do một ông cán bộ hưu trí làm chủ, nằm cạnh ngã ba đường rẽ ra quốc lộ, trông tối tàn dư bản, đầy ắp các

thứ âm thanh bị biến dạng do cái máy cassette quá tã, cứ léo nhéo chửi vào tai người ta chứ không phải là hát. Thanh niên thời nay ít được giáo dục về thẩm mỹ nên không tỏ ra khó tính với nghệ thuật, thanh niên ở nông thôn thì hiếu càng dễ dãi và dung tục hơn. Các chú choai choai trong làng cũng không ghiền cà phê, họ tụ tập ở đây để tán dóc, chơi bài, đấu cờ... vì chẳng có trò giải trí nào khác. Không biết sao, chú tôi thường gào thét: “Mặt trận văn hóa tư tưởng là mặt trận hàng đầu” nhưng ông chẳng cho lập một thư viện hay phòng đọc báo - tất nhiên ít tốn kém hơn một cuộc liên hoan và xã hoàn toàn có khả năng làm được nếu muốn, - phim ảnh thì vài tháng mới chiếu một lần, sân khấu càng hiếm hơn (chú tôi không muốn bà con thức đêm coi hát vì sợ ảnh hưởng tới sức khỏe làm giảm năng suất lao động), còn phong trào thể dục thể thao do chú tôi phát động rầm rộ đều được ít bữa rồi xẹp xuống như trái bánh xì hết hơi vất lăn lóc trong kho văn hóa thông tin xã.

Tôi vốn ghiền trà hơn là cà phê. Thứ cà phê bán ở đây thì càng làm cho tôi xa lánh. Có trời mà biết bọn bắt lương tạo ra thứ bột màu nâu mà ta gọi là cà phê bằng thứ nguyên liệu gì. Khó mà gọi cái thứ nước đắng nghét, hăng hắc, nhấp vào muốn nôn mửa là cà phê, dù nó được bán trong quán cà phê. Vì vậy, khi nể lời ai phải ra đây, tôi chỉ gọi một ấm trà ngon rồi đem vài cái ghế ra tít ở góc vườn, dưới rặng tre xào xạc gió lay động những đốm nắng, để thưởng thức hương vị của đồng quê, tránh xa cái không khí nhốn nháo của thứ “đô thị hóa” nửa mùa ở trong quán.

Lúc tôi và Lâm bước đến thì chiếc loa thùng bịt bằng bao bố đặt ngay cửa quán đang léo nhéo lời tình ca suốt mướt, nói về tâm sự của một anh chàng vô tích sự nào đó dường như được sinh ra cõi đời này mà sầu thảm và thất tình. Đây là loại nhạc dành cho giới bình dân được sáng tác ở miền Nam trước ngày 30 tháng 4 năm 1975. Ban đầu bị cấm gặt gao và nhiều người cũng đã bị chú tôi tổng giam vì cái loại nhạc này. Nhưng dần dà nó được tái sinh bởi nhiều lễ tế nhị (chính chú tôi cũng mê loại nhạc này).

Một tốp thanh niên xúm xít quanh chiếc bàn để sâu trong góc quán, được chiếu sáng bằng ngọn đèn dầu. Tất cả đang chú tâm vào ván cờ domino đang hồi quyết liệt. Một tay thanh niên tóc dài chấm vai, hành nghề buôn đường dài theo tàu Thống Nhất, chợt ngẩng lên nhìn thấy Lâm. Hắn đưa bàn tay nắm lấy mấy quân cờ lên chào Lâm và chằm chọc:

- Ê, Rô-mê-ô! Nghe nói con Juy-li-ét đá mi để cặp bồ với xe bồn phải không?

Lâm đỏ mặt nín thính. Tay thương nhân cười đều:

- Trai ở nhà vợ như chó ở gầm giường, sức mảy mà dám nết vợ. Đ.m. phải tay tau, tau tặng cho em cái bầu tâm sự rồi là cho em gái số de. Đ.m. giàu như ông già mi mà đã chịu làm thân trâu ngựa cho nó đến nỗi ông già cũng từ mặt mà còn bị nó đá đít thì nhục quá!

Lâm cúi tiết định xông tới. Mẽ người bạc nhược như tay du côn vườn ấy thì Lâm cho một thoi là đo ván, nhưng tôi can ngay. Lúc này tốt nhất là tránh việc rầy rà. Dịp khác sẽ dạy cho thằng lưu manh tép riu bài học về phép xử thế. Thấy không thể ngồi nói chuyện ở quán, tôi mua gói thuốc thơm rồi kéo Lâm đi.

Tôi và Lâm thả những bước chân hoang trên những con đường làng ngợp bóng tre, trong ánh chiều tà sắp tắt và ánh trăng non bàng bạc tỏa xuống xóm thôn. Bầu trời mùa thu yên tĩnh và thanh bình đến lạ lùng. Vì sao hôm lấp lánh chân trời xa như ước mơ muôn thuở chói sáng và xa xôi. Bếp lửa rơm tỏa khói hòa quyện mùi hương hoa trái trong vườn.

Vừa đi Lâm vừa kể tình cảnh hiện nay của vợ chồng Lâm. Thì ra điều dư luận đồn đại cũng chẳng sai mấy tí. Tôi nắm bàn tay đen đúa chai sần của Lâm. Bàn tay một thời mềm mại lướt trên đàn ghi-ta xòe ra những âm thanh bay bổng của khúc tình ca, giờ đây chính tình yêu biến ngón đàn thành vụng về do phải nuôi sống hạnh phúc đôi lứa trong thời buổi nghiệt ngã, rất nhiều giá trị tinh thần trở thành vô dụng. Tôi lo lắng nghe trong mạch đập của Lâm tình yêu cuồng nhiệt dành cho vợ. Nếu ai chưa

được may mắn nắm trái một tình yêu nồng thắm cuồng si trong đời, thì chỉ có thể tin Lâm bị bỏ bùa mê thuốc lú như dân làng đồn đại. Hình như ba Lâm thời thanh niên chỉ trai gái mèo mả chứ chưa yêu ai say đắm, cưới vợ với tính toán khôn ngoan hơn là yêu thương. Còn chú tôi cũng chẳng có dịp lắng nghe tiếng “thỏn thục con tim” trong cuộc kháng chiến khốc liệt, ông cưới vợ theo ý đồ của tổ chức hơn là ý ông chọn lựa.

Đi ngang giếng làng thấy chẳng có ai, tôi và Lâm ghé lại ngồi trên thành giếng ngắm trăng. Đêm đã lên đều khắp tràn trề. Đêm bao la dịu ngọt. Thưa rằng thế sự hỗn mang? Triệu vì sao lấp lánh từ cõi vô cùng. Trăng khoác cho bầu trời đêm ánh sáng huyền diệu. Tiếng hò ru em đầu đó vừa thắm thiết vừa cay cực. Tôi nhìn xuống giếng. Đáy nước in bóng một vũ trụ huyền hoặc cùng mảnh trăng rạng ngời. Tôi nhìn sâu vào mắt Lâm: Một vầng trăng kỷ niệm buổi hẹn đầu lung linh tỏa sáng trong đó.

Chúng tôi im lặng một lúc lâu. Sau đó, Lâm tiếp tục câu chuyện:

- Anh cũng biết Thanh rất thương em, vì em mà chịu khổ nhiều điều, chịu cả tai tiếng nữa. Nhưng sức chịu đựng con người có hạn. Đã là con người ai mà không ham tiền, Thanh lại bị bà già thúc ép mãi nên mới chịu đi buôn với thằng lái xe bốn. Nhưng nếu muốn giữ Thanh ở nhà thì em phải làm ra tiền để nuôi gia đình. Mà anh nghĩ thời buổi này khả năng em biết làm gì cho ra tiền? Phải chi có cưới hỏi hoặc có hôn thú đảng hoàng thì em còn mạnh thế, vì dù gì Thanh và mẹ Thanh cũng ngại miệng tiếng làng nước chê trách là bỏ chồng. Còn đảng này tụi em sống với nhau như vợ chồng hờ, chẳng có luật pháp hay lễ cưới xin ràng buộc. Bà già vợ em thì nói thẳng với em: “Ba anh khinh gia đình tôi là thứ nghèo hèn nên không chịu cưới con tôi làm dâu, anh sống với con tôi cũng chẳng có hôn thê hôn thú, vui ở buồn đi. Lỡ sau ni anh ưng ai bỏ con tôi thì mẹ con tôi biết kêu kiện nơi mô. Thôi thì coi như con tôi lỡ đại chữa hoang để cho hãnh đi kiếm tương lai”. Em thấy bà nói cũng có cái lý của bà. Ai mà dò được lòng người. Phận gái phải lo mà giữ mình. Bây

giờ chỉ còn một cách là nói cách nào để ông già em chấp nhận đưa Thanh về nhà em sống, sau đó ông nói với xã cho chúng em đăng ký kết hôn là êm đẹp mọi bề. Mà phải làm gấp trước khi Thanh sa chân vào tay thằng xe bốn thì mới cứu vãn được tình thế. Anh đã biết ông già em rất khó lay chuyển. Em biết ông già em rất nể anh, anh thuyết phục giùm em.

Quả ba Lâm có nể tôi thật, nhưng điều đó không có nghĩa ông sẽ nghe tôi thuyết phục. Đã tiếp xúc nhiều lần với ông (và cũng từng nêu ra vấn đề của Lâm) tôi hiểu con người ấy. Ông có thể nghe tôi nhiều chuyện, nhưng về chuyện “đạo lý thánh hiền” thì ông coi lớp người như tôi nói chung đã mất gốc. Tuy nhiên không muốn đánh mất hy vọng cuối cùng của Lâm nên tôi đành nhận lời làm thuyết khách, hứa hôm sau sẽ đến nhà ba Lâm.

\* \* \*

Thú thật từ lâu tôi vẫn tin tưởng vào tài hùng biện của mình. Chỉ đến lúc ấy, khi định mệnh trao vào tay tôi một sứ mệnh nghiêm trọng, không chỉ liên quan tới số phận của Lâm và Thanh cùng đứa con của họ, mà còn liên quan tới việc đánh đổ một thứ thành kiến, một trật tự cổ hủ đang ngăn chặn sự tiến bộ và làm tha hóa con người, thì tôi mới thấy mình chỉ là thằng bất tài, thích ba hoa bịp đời dối mình, tôi mới chua chát nhận ra mình là loại người đang bị đào thải chứ không phải là thứ ẩn sĩ ẩn siếc gì cả.

Phòng tiếp khách của gia đình Lâm là căn giữa ngôi nhà rường ba gian lợp ngói. Bộ salon gỗ đặt trước tủ thờ cẩn xà cừ, ti-vi đặt trên chiếc tủ nhỏ dán đầy ảnh các cô đào cải lương, radiô cat-sét đặt trên tủ búp phê (khi tôi đến nó đang phát tuồng cải lương “Máu nhuộm sân chùa”). Tường treo đầy lịch ảnh và mấy bức sơn mài mô tả phong cảnh hữu tình bằng bút pháp của một họa sĩ nhà quê, trông rối mắt như rạp hát. Trên cao là cái trang thờ bốn mạng của mẹ Lâm, dưới đất là ông thần tài

phưỡn cái bụng phệ cười toe toét (không hiểu sao chú tôi không tịch thu ba cái món mê tín ấy, trong lúc ông không ngần ngại bẻ mấy vị được thờ trong đình làng đi chỗ khác chơi để biến nơi ấy thành kho chứa lúa của hợp tác xã). Ở một bức tường khác treo trang trọng tấm bằng liệt sĩ của chú ruột Lâm, lồng kính nghiêm chỉnh. Một giấy chứng nhận “Gia đình có công với cách mạng” cũng được lồng kính treo bên cạnh; có lẽ xuất phát từ mấy tạ gạo được ba Lâm ủng hộ một cách không tự giác lắm cho bộ đội hồi Mậu Thân và do công lao giúp đỡ của chú tôi. Đối với ba Lâm, hai tấm giấy ấy là tấm lá chắn khá quan trọng trong công việc làm ăn. Gia đình chính sách mà!

Ba Lâm tiếp tôi bằng thuốc thơm, rượu ngâm bìm bịp và nụ cười khó đoán biết được lòng dạ trên khuôn mặt hồng hào tinh quái của ông. Ngoài cái chân thọt xem ra không đáng kể (nhất là khi ông ngồi trên xe Vespa), trông ông rất phong độ ở cái tuổi năm mươi, với dáng hào hoa phong nhã của kẻ có tiền và biết cách dùng tiền, ông có vẻ lười cuốn được đàn bà con gái hơn cả chàng công tử Hoàng Thiên Lâm đã trở thành một anh nông dân thô tháp trong túi không có một xu. Sau khi thay băng nhạc theo gu của tôi và vặn nhỏ âm lượng, ông ngồi đối diện với tôi nâng ly, nói:

- Thăng Lâm mà khôn ngoan như chú mi thì bà choa đỡ khổ thân biết mấy. Hắn được cha mẹ lo cho từng li từng tí rồi sinh ra hư đốn. Chú mi quá biết mẹ con con Địu ưa cái gia tài của tôi là chính. Xin lỗi. Bà choa đỡ mồ hôi sôi nước mắt tạo nên cái sản nghiệp này đâu phải để cho cái bọn khố rách áo ôm nó nhảy vào hưởng.

Tôi nói:

- Theo em thì tình yêu có lý lẽ riêng của nó.

Ông cười ruồi:

- Lý lẽ cái chó chi, thằng Lâm mà tứ cố vô thân... Hình như ông cảm thấy nói như thế đụng chạm đến tôi nên ngừng lại. Suy nghĩ một chút

ông nói tiếp - Sự đời mô có đẹp đẽ như trong sách chú đọc, sự đời nó chó má lắm. Bà choa mà như thằng Lâm thì bây chừ bị lừa ra đồng cuốc đất rồi. Tình cảm ai cũng có, nhưng muốn có tình cảm thì trước hết phải có tiền.

Chú mi có hiếu với cha mẹ mà không có đồng xu thì cũng thua cái thằng lâu lâu về chơi vất ra một nắm tiền. Chú mi thấy đó, trong gia đình đứa con mô làm ra tiền là đứa đó được cha mẹ quý trọng. Muốn yêu đương hẹn hò thì cũng phải có chục bạc mời con người ta vô quán uống nước chớ không lẽ đi xan khao ngoài đường mãi?

Tôi nói:

- Hiển nhiên đồng tiền có giá trị của nó. Nhưng chỉ có đồng tiền thôi thì cũng không đem lại hạnh phúc.

- Chú mi nói chơi đó chứ? Chú mi chỉ cho bà choa thấy ai giàu có mà khổ còn ai nghèo rớt mồng tơi mà sướng coi thử?

Tôi bí. Thì ra cái đầu óc vốn tự hào thông hiểu triết lý duy tâm lẫn duy vật biện chứng và không biện chứng, cộng với tài hùng biện của tôi đem ra thực hành ở đây chẳng đắc dụng chút nào. May sao lúc ấy ông chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp ló vào. Ông chào chủ nhà rồi ban cho tôi nụ cười thân thiện. Dù ngu ngốc đến mấy tôi cũng hiểu nếu tôi không có ông chủ đang làm bí thư xã thì tôi chẳng bao giờ vinh dự nhận được nụ cười ấy, mà ngược lại.

Ông chủ nhiệm hợp tác chắc định bàn riêng với anh “tư sản dịch vụ” làm ăn gì đó (dân làng đều biết hai tay này liên kết làm ăn với nhau dưới sự bảo trợ ngầm của chú tôi. Tuy nhiên không ai hiểu được nội dung hoạt động của cái liên minh này ra sao). Sự có mặt của tôi làm cho cả hai kệt khàn, đưa mắt nhìn nhau đầy ý nghĩa. Sau đó ông chủ nhiệm ngồi xuống ghéech cả hai bàn chân đất lên mặt ghế. Ông đón ly rượu từ tay bà Lâm nốc một hơi rồi nói:

- Cái thứ này mà nhắm với lòng lợn là nhất hạng.

Khi chưa làm chủ nhiệm, ông ta vẫn gọi heo là heo chứ không gọi là lợn như dân tập kết. Ba Lâm không quan tâm tới điều ấy, ông quan tâm tới ý thích của ông chủ nhiệm. Trong lúc ông chủ nhiệm đưa tay chùi mép thì ba Lâm bảo mẹ Lâm ra chợ mua lòng heo. Ông chủ nhiệm nói:

- Thôi anh để khi khác, kéo quần chúng nhân dân họ lại phê bình.

Ba Lâm khoát tay:

- Họ có sức cứ nói, tôi có tiền tôi muốn ăn uống với ai quyền của tôi.

Ông chủ nhiệm nhìn tôi nói:

- Dân họ ưa xoi móc lắm. Chú anh với tôi khổ với họ từ miếng ăn cho tới cái nhà. Anh thấy chú anh đi cách mạng qua hai cuộc kháng chiến mà đã hưởng được chi bao lắm.

Tôi không biết nói sao cho phải, đành gật đầu ừ ừ cho qua chuyện, rồi tính đường chuẩn. Nhưng ba Lâm nhất quyết giữ tôi ở lại nhậu nhẹt.

Trong cuộc rượu lòng heo khá xôm tụ, tôi chỉ đục mặt ra nghe ba Lâm thuyết phục tôi nên động viên Lâm biết “cải tà qui chánh”, bỗng con trở về nhà sau đó ứa con nào ông cười cho con nấy. Ông chủ nhiệm cũng hòa vào nói tuổi trẻ cần phải thức thời, biết nghe lời người trên thì sướng cái thân. Tình trai gái như lửa rơm, cháy đó rồi tàn đó. Đợi khi con Địu nó theo trai rồi mới chịu ôm con về thì quá ê mặt. Tiếp đó hai ông nói chuyện thể sự, nói chuyện làm ăn và khuyên tôi nên tích cực tham gia lao động để chú tôi dễ bề đưa tôi lên làm cán bộ thông tin xã. Ông chủ nhiệm còn nói, đảng ủy xã và chi bộ hợp tác đã nhất trí rồi, nếu Lâm chịu về nhà thì cũng sẽ được cho làm cán bộ xã. Ba Lâm nói thêm, hẳn ứa làm cán bộ huyện tôi cũng lo được, miễn hẳn chịu nghe lời tôi. Đến lúc tổng tiền “nhà thuyết khách” bắt tài ra cửa, ba Lâm còn hứa sẽ làm một châu ra trò nếu Lâm bỗng con trở về nhà để “làm lại cuộc đời”.

Lâm đợi tôi ở ngoài ngõ. Thấy tôi lắc đầu, Lâm rũ xuống như tàu lá chuối non gặp lửa. Chẳng nói chẳng rằng, Lâm thất thủ bước đi như



người mất hồn. Sợ Lâm quẩn chí làm liều, tôi chạy theo an ủi Lâm, hứa sẽ có cách vận động cả chú tôi nữa, thế nào cũng có kết quả, phải kiên nhẫn kéo hủ việc. Lâm tỏ vẻ không tin tưởng lắm và chính tôi cũng chẳng tin sẽ có phép lạ nào có thể xoay chuyển được tình thế.

\* \* \*

Tôi về tới quán thì gặp chú tôi đang đợi tôi với chiếc xe đạp có mang bảng số từ ngoài Bắc đem vào. Ông đập ngay:

- Mi vừa mới tới nhà cha thằng Lâm năn nỉ ông cưới con Địu cho hần phải không? Làm ăn không lo làm ăn đi lo chuyện bao đồng. Lại còn túa rượu vô nữa - ông tháo cái cặp đen to tổ bố ra khỏi xe rồi nói tiếp - Mi thay bộ bi trục giữa, vô dầu mỡ hai bánh xe, xiết lại cặp dây phanh, tau ra xả một chút rồi quay trở lại lấy.

Thấy ông quày quả bỏ đi, tôi vội nói:

- Cháu muốn bàn với chú chuyện này...

- Thôi lo mà sửa xe đừng có mà xen vô chuyện của người khác - Chú tôi khoát tay - Đã từ một anh cán bộ phụ trách bị hất ra làm thẳng sửa xe mà không thất kinh. Bỏ cái thói ăn cơm nhà đi vác ngà voi, lo tu tỉnh làm ăn cho nên người. Mi làm cái chi, nói năng ra rằng, tau đều được báo cáo đầy đủ, liệu cái thần hồn. Không có tau thì mi vô trại cưỡng bức lao động chứ không được ngồi đây mà sửa xe mô, đừng có múa mặt. Cố tu tỉnh đi rồi tau cho làm cán bộ văn hóa xã, sau đó phấn đấu tốt tau cơ cấu làm trưởng ban.

Làm cán bộ hay trưởng ban văn hóa xã có lẽ là tiêu chuẩn nên người nhất mà chú tôi dành cho tôi. Nhưng lúc ấy tôi không quan tâm tới chuyện đó. Tình cờ gặp ông ở đây tôi thử liều một phen. Biết đâu số phận phiêu bồng, bồng dừng lại thuận theo lòng ước mong?

Ông vừa nói xong tôi tung ngay một đòn quyết định:

- Thằng Lâm đồn vào chân tường nó có thể tự tử, trước khi chết nó có thể viết thư tố cáo chú làm sai pháp luật lên huyện lên tỉnh. Công an sẽ về điều tra. Lúc đó là lời thôi to.

Chú tôi gắt:

- Cái chi mà sai pháp luật? Cái chi mà lời thôi to? Mà ai lời thôi? Còn luật pháp mô cho hấn tự tử?

- Luật pháp không qui định về việc tự tử, nhưng luật pháp truy tố kẻ nào bức bách người khác đi đến chỗ phải tự tử. Nhất là do hành vi cố tình làm sai luật pháp dẫn đến. Thằng Lâm với con Thanh đăng ký với nhau hoàn toàn đúng với luật hôn nhân, đáng lý ra chính quyền phải ủng hộ cái đúng cái tiến bộ...

Chú tôi nóng nảy cắt ngang:

- Chúng có mô mà nói tau làm sai luật pháp? Mà luật pháp thì cũng phải được lãnh đạo chớ mô phải ai muốn tự do vô chính phủ cũng được. Mà tau làm theo ý gia đình hấn chớ có chèn ép khi mô?

Thấy ông xuống câu cuối với giọng điệu hơi nao núng, tôi tấn công tới:

- Cháu thấy chú có bao nhiêu việc trong xã cần phải giải quyết thì không nên vì chuyện thằng Lâm mà tạo ra rắc rối. Chú làm như thế dân làng nghĩ chú bị đồng tiền của ông già thằng Lâm mua chuộc thì còn thể thống gì? Ai mà lường được hậu quả sẽ ra sao nếu thằng Lâm phần chí tố cáo tùm lum rồi liêu minh? Cái họa lớn nhiều khi do một nguyên nhân nhỏ nhặt gây ra. Con chó đồn nó vào đường cùng thì nó phải cắn. Cháu biết chú thừa khôn ngoan, thừa bản lĩnh nhưng trong việc này chú hơi chủ quan. Trước kia những ông quan khôn ngoan bao giờ lột hết tiền của người khác họ cũng ném lại vài đồng bạc lẻ để xoa dịu bớt sự phẫn uất dẫn tới chuyện làm liêu...

Không biết sao vừa rồi với ba Lâm tôi lọng ngọng như một thằng đần mà lúc ấy tôi lại hùng biện một cách lưu loát vậy. Tôi tiếp tục vừa đánh vừa xoa. Cổ chứng minh cho ông thấy không phải mọi pháp luật đều bị

ông vô hiệu hóa ở trong xã này. Và nếu có một sự cố xảy ra người ta sẽ bối mớ bao nhiêu là chuyện. Tôi cũng cố chứng minh cho ông hiểu dù sao tôi cũng là cháu ruột của ông, tôi cũng có bốn phận giúp ông bảo vệ sự nghiệp chính trị của ông, ông mà bị hể gì thì tôi cũng chẳng yên thân mà sửa xe chứ đừng nói tới làm cán bộ cán biếc.

Dù không thích ông lắm nhưng trong thâm tâm tôi vẫn quý ông. Khi gia đình nội tôi sa sút, nhờ chút ít chữ nghĩa ba tôi kiếm được một việc làm khá nhàn nhã; còn ông phải làm thuê cuốc mướn và bị bọn nhà giàu, bọn cường hào ác bá nó làm tình làm tội đủ điều, rồi còn gánh chịu tai họa chiến tranh...

Chú tôi có vẻ hơi ngạc nhiên thấy thằng cháu làm mình “nhơ nhuốc theo” nói vanh vách chủ trương đường lối của Đảng, trích dẫn rành mạch lời dạy của các lãnh tụ cách mạng vô sản, lại tỏ ra có quan điểm lập trường vững vàng. Đồng thời nghe tôi quy đủ thứ “chịu trách nhiệm” ông cũng hơi run. Tôi đã đánh trúng điểm yếu của ông. Người thiếu năng lực nhận thức thường rất sợ gánh chịu trách nhiệm. Thấy có mòi thắng lợi, tôi kết luận:

- Bây giờ, giải pháp tối ưu nhất là chú bảo ông già thằng Lâm cưới con Thanh cho nó. Ông phải nghe theo lời chú: Thứ nhất ông không đại gì mà chống lại chú, nhất là khi chú làm đúng pháp luật, thứ hai là ông còn nương nhờ chú trong công chuyện làm ăn lâu dài. Tính ra chú chẳng mất gì mà còn để tiếng tốt. Ông già thằng Lâm phải biết rằng nếu con Thanh đi theo thằng lái xe bốn có khi ông mất cả cháu lẫn con trai.

Xem ra chú tôi đã nghe ra. Nhưng ông vẫn nói nước đôi:

- Để tau coi lại... Mi qua nói thằng Lâm đừng làm liều.

\* \* \*

Giao xe cho chú tôi xong tôi qua ngay chỗ Lâm. Chỉ có mình Thanh ở nhà. Độ rày cô nàng như trái cây vừa chín tới, đẹp một cách sắc sảo. Dù

ở nhà, Thanh vẫn đánh phấn tô son một cách kỹ lưỡng, ở đó toát ra một vẻ gì đó làm người ta nghi ngờ lòng chung thủy. Tôi hỏi Lâm, Thanh trả lời cay đắng:

- Anh ấy bỗng con đi rồi.

Hình như tất cả đã chậm trễ. Tôi nói:

- Anh cần gặp cả Lâm và Thanh để nhắc lại lời của chú anh.

Thanh rơm rớm nước mắt:

- Vô ích thôi anh ạ. Chẳng mấy ai muốn tụi em nên đôi mợ. Chẳng qua ông bí thư và ba anh Lâm bày mưu tính kế chi đó.

Tôi giải thích:

- Không phải vậy đâu. Anh vừa nói chuyện với chú anh - thấy cần tạo lòng tin nơi Thanh tôi nói dối - Chú anh nói sẽ bàn chuyện lại với ba Lâm, ông bảo anh sang gặp Thanh và Lâm nói cứ yên tâm. Thanh đi tìm Lâm về đi.

Thanh nhìn tôi tỏ ý nghi ngờ, nhưng rất nhanh Thanh lắc đầu:

- Em không còn tin ai nữa cả. Anh không biết chớ em với Lâm sống với nhau, Lâm xin nhận ruộng khoán hợp tác cũng không cho, còn em đi buôn đậu thì thuế vụ xã rình bắt cho bằng được. Anh thấy đó, người ta buôn đậu cả làng thì được còn em đi ba giờ sáng cũng bị bắt, hết vốn hết liếng. Các ông tìm đủ cách o ép cho Lâm và em phải bỏ nhau. Em mang tiếng chịu lời mà miếng cơm manh áo cũng không nên thân. Nếu mà em chỉ ham giàu như ba anh Lâm nói thì chán vạn chi mỗi, gia đình anh Lâm mười họ cũng được tám chín. Nhưng chừ có thương anh Lâm cũng đành chịu, anh Lâm cứ bỗng con về nhà rồi cưới vợ khác, còn em thì lo phận em. Chiều manh thì theo phận chiều manh.

Những lời nói xé lòng lại được phát ra từ cái miệng tô son trên khuôn mặt điểm trang rực rỡ, và cái nhìn sắc như dao, gây cho tôi cảm giác bút rút. Tôi không tài nào đoán ra được lòng dạ của Thanh. Lời nói của

Thanh và những tình cảm cô dành cho Lâm mà tôi biết được, khiến tôi không thể tin Thanh có thể ngồi tỉ mỉ trang điểm nhan sắc mình khi Lâm vừa ôm con ra đi. Thế nhưng điều đó đang ở trước mắt tôi đây. Phải chăng ở trong Thanh tình yêu nồng thắm, đức tính hy sinh và sự lạnh lùng tàn nhẫn phản trắc đều mạnh mẽ như nhau? Phải chăng cả chú tôi lẫn ba Lâm đã bẻ gãy mầm thiện lương xanh tươi đang may mắn phát triển trên cây đời của Thanh, để rồi do bản năng tồn sinh cây đời ấy nhú ra những gai nhọn ác độc?

Tôi bỗng cảm thấy một nỗi chán chường mệt mỏi. Tuy nhiên, trót “xen lo vô chuyện người khác” tôi cố lựa lời thuyết phục Thanh. Cuối cùng tôi nói:

- Thôi để anh đi tìm Lâm coi.

Thanh nói giọng như có pha giấm:

- Anh khỏi tìm chi mất công, tối chi “ông” cũng mò về!

Câu nói của Thanh làm tiêu tan trong tôi tất cả niềm hy vọng.

\* \* \*

Ba ngày sau, chú tôi mời ba Lâm lên trụ sở ủy ban xã làm việc. Khi về ba Lâm ghé chỗ tôi nói:

- Nhờ chú qua nhà con Địu nhắn thẳng Lâm về nhà tôi nói chút chuyện.

Tôi bảo:

- Bữa trước em có qua chỗ Lâm thì Thanh nói Lâm bỗng con đi rồi.

Ba Lâm nói:

- Hắn không xa nổi cái lưng quần con Địu mô. Chú đi giùm choa.

Thú thật tôi đã chán ngấy chuyện này. Nhưng vì thương Lâm nên tôi cũng đóng cửa quán qua nhà Thanh.

Chỉ có mẹ Thanh ở nhà. Thanh đã đi theo anh xe bốn hành nghề buôn

chuyến từ tối hôm qua. Lâm thì mới tảng sáng đã bỗng con ra đi sau khi nói với bà là từ nay Lâm không trở về đây nữa. Thanh tự do ứng ai thì ứng. Bà kết luận:

- Thôi thế cũng xong!

Tôi trở về nhà Lâm thì mẹ Lâm nói: Trong lúc ba Lâm lên làm việc với chú tôi ở ủy ban thì Lâm bỗng con về gọi cho bà rồi đi ngay. Bà cố giữ chờ ông về nhưng không được. Ba Lâm cũng vừa về biết tin Thanh đã đi theo anh lái xe bốn, ông hăm hăm nói: “Sinh cái thằng con ngu quá mức, làm thiên hạ cười thúi đầu cha hấn”, mẹ Lâm nín nhịn từ lâu nay gào lên: “Chính tự ông mà ra, tự ông hại con hại cái. Thời buổi ni mà cứ đòi môn đăng hộ đối. Chừ biết con tui ở mô mà tìm”. Nói xong bà khóc lóc kể lể một tràng. Ông cau sườn quát: “Bà có câm cái miệng không, thứ con bất hiếu có chết tui cũng không tiếc”. Tôi không muốn chứng kiến thêm bi kịch gia đình Lâm nên thối lui, trở về với cái quán sửa xe của mình.

\* \* \*

Tôi định ninh Lâm buồn đời đi lang thang một thời gian để xóa vết thương lòng rồi sẽ trở về. Tôi thầm hy vọng vào thời gian dù thật ra cũng chẳng biết hy vọng về điều gì trong dòng đời trôi chảy mịt mù.

Thời gian cứ trôi đi. Thời gian có thể làm lành vết thương nhưng cũng có thể hủy hoại tâm hồn tan nát.

Đi đâu chừng hơn hai tháng, Lâm trở về (sau này mới biết Lâm đi tìm trầm quyết làm giàu để lôi vợ ra khỏi vòng tay của thằng lái xe bốn). Đêm ấy trăng mười ba. Lâm về làng nhưng tránh không gặp mặt ai, kể cả cha mẹ mình. Lâm kín đáo mang đến cho con một đồ chơi điện tử, loại không có đĩa bé nông thôn nào vào thời ấy dám mơ ước; để lại cho con một cái hộp đựng xấp ảnh Lâm và Thanh chụp chung với nhau. Sau một tấm ảnh màu chụp Thanh bỗng đứa bé ngày đầy tháng đứng cạnh Lâm (hình như do một anh thợ ảnh ở thành phố vốn là bạn học cũ ghé thăm

chụp tặng hai vợ chồng), Lâm ghi: “Gởi lại con kỷ niệm của ba mẹ với con. Cầu nguyện ơn trên cho thể hệ con không chịu nổi bất hạnh như ba và mẹ đã hứng chịu. Lớn lên con có một tình yêu chân chính con sẽ hiểu và tha thứ cho ba”. Lâm gởi lại cho cha mẹ mình một lá thư, nội dung xin ba mẹ tha thứ cho tội bất hiếu. Nhưng cũng xin ba mẹ cho phép Lâm quyết định số phận đời mình vì dẫu sao Lâm cũng đã trưởng thành. Lâm nhấn mạnh rằng, xin cha mẹ đừng dùng tình thương lẫn sự cứu mạng của mình để biến con cái thành kẻ nô lệ vào điều mà cha mẹ tự cho là tốt đẹp là hợp với lẽ phải. Lâm còn nhờ người bạn thân của Thanh chuyển cho Thanh một lá thư (lúc đó Thanh đang buồn chuyển với tay xe bồn chưa về), nội dung nói gì thì tôi không biết.

Cũng đêm mười ba ấy có người trông thấy Lâm đứng hàng giờ bên giếng làng giữa đêm khuay thanh vắng một mình.

Đêm hôm sau (tức là đêm mười bốn), tôi và một tay du kích xã ra cái giếng định mệnh đó tắm, nửa chừng thì gàu đứt. Tay du kích phải lặn xuống giếng để vớt gàu lên. Mới hụp xuống tới đáy, hắn đã trôi lên hét lác cả giọng:

- C... ó... có... có... người chết!

Chúng tôi vội đi báo cho xã đội. Xã đội cho du kích lặn xuống vớt cái xác lên. Người chết là Hoàng Thiên Lâm.

Một tay du kích nhận xét:

- Thằng ni hắn quyết tâm chết nên cột luôn hai cục bờ-lô rất chắc vô người.

Người ta đặt Lâm nằm ngửa mặt lên trời. Tôi cúi xuống vuốt mắt cho Lâm bằng những ngón tay run rẩy. Trong đôi mắt ấy có cả một trời trăng huyền ảo.

Vỹ Dạ 1989-1992

D.T.V

T R Â N   D U Y   P H I Ê N

# Ngõ đạo miền hoang dã

(SH số tháng 4 - 1993)

## 1.

Thầy Năm trở lại miền Tây với ba đồng sự và một nhóm nhỏ giáo dân. Trước ngày lên đường, thầy đã nói với họ bên kia những chóp núi ngợp mắt ấy có một thung lũng mầu mỡ bạt ngàn. Nhưng nửa tháng qua, chỉ có núi cây mây nước. Miền Tây còn bao xa? Họ hoang mang.

- Trước Chúa, ta không dám lừa dối một ai - Thầy đặt tay lên ngực, giọng khản đặc.

Họ cúi mặt lên đường. Đến bờ một con sông, thầy cho đoàn dừng lại. Họ lặn xuống mé nước, vục đầu uống như một bầy thú. Sáng hôm sau, họ đốn cây làm bè sang bờ Bắc.

- Đây là nơi ta hứa với các con - Thầy nói lớn, dang rộng hai tay như ôm lấy đất trời.

Đoàn người lặng đi mấy giây rồi reo lên, nước mắt trào ra. Một thung lũng bao la còn giấu mặt!



## 2.

Mấy hôm sau, giao giáo dân cho ba đồng sự dẫn dắt, thầy Năm đi sâu hơn nữa vào miền hoang dã.

Gói muối trên tay, thầy tìm đến nhà người bản địa xin làm đầy tớ. Một bà già đứng trên sàn hiên ra hiệu cho thầy leo lên thang độc mộc. Bà nhận quà, nếm thử, gặt đầu rồi quay lại cười với mấy người nhà. Rồi bà ưỡn ngực, trưng ra hai cái vú dài thông lông. Bối rối, thầy muốn tháo chạy nhưng bà vội đưa tay ôm lấy, ghệt đầu thầy vào ngực mình. Một gã đàn ông cỡ tuổi thầy lanh lẹ ập vào, há to miệng ngậm lấy một đầu vú. Thầy liêu lĩnh làm theo, ngậm đầu vú còn lại.

- Chúng mày là anh em - về sau học được tiếng, thầy mới hiểu bà ta nói thế.

Sau đó, người nhà mang chiêng ra, gõ một điệu rất lạ, tất cả nhún nhảy quanh thầy. Một cô gái bê ra một chiếc ghè buộc vào trụ nhà, cắm hai cái cần cong cong. Bà già và một người đàn ông hút uống trước. Rồi họ ra dấu cho thầy làm theo. Rượu! Thầy làm cạn. Tất cả tỏ ra phấn khích trước lòng thành của khách và mời thầy cùng uống tiếp. Rồi họ lại gõ chiêng và nhảy một điệu khác... Thế là thầy Năm yên tâm ở lại.

Thấy thầy da trắng tóc suôn mày sắc, mắt sáng, người thì dài mà xương nhỏ, bà già giao cho thầy chăn bầy heo nhà gầy trơ xương và mỏ dài như chó.

## 3.

Mùa khô năm sau, thầy Năm vận khố trở về thăm bạn và giáo dân. Họ đã dựng lên một nhà thờ nhỏ, mái nhọn thấp bè, thánh giá đầu hồi là hai cây gỗ sần sùi buộc treo bằng mây.

Nhìn lại giáo dân, thấy thấy sau khi che tạm mấy túp lều cỏ, họ đã lao vào rừng kiếm sống. Họ đi từ sáng đến tối, để lại đám con nhỏ dại nheo nhóc. Có mấy gia đình không chịu ở quanh nhà thờ, đưa vợ con qua tận bên kia sông. Đời sống du canh du cư đã bắt đầu mạnh nha! Thấy lo ngại, đề nghị với các đồng sự kêu gọi giáo dân lập làng. Chỉ có làng mới chống lại sự mời gọi của hoang dã.

Làng mới chưa hoàn chỉnh, thầy Năm lại ra đi. Vừa làm vừa học, lần hồi thầy Năm nói được tiếng nhà chủ, mở rộng giao tiếp. Qua đó, thầy soi sáng trở lại và biết được nhiều điều. Thì ra, thầy xin làm đầy tớ nhưng vì ngôn ngữ bất đồng, chủ nhà nhận thầy làm con nuôi. Mẹ nuôi tên Mir, cha tên Biung, anh là Diao, chị dâu là Gyung, em gái là Hlick, cháu trai là Klim. Tôn tộc theo mẹ. Ông Biung không phải là cha đẻ của Diao và Hlick, bà Mir mới lấy kế ông cách nay ba mùa bằng lăng.

Thầy Năm đến nhà bà Mir đương lúc Gyung có mang lần thứ hai, bụng phình to như cái thúng, vú căng như hai trái bầu đang, mười hôm sau, Gyung ra suối đẻ, không một ai theo giúp, nửa khuya mang con về.

Sáng sớm, bà Mir ra rừng đào một thứ ngải củ giống như hành hương cho Gyung ăn để cai đẻ. Một bữa, thầy Năm tò mò hỏi thứ thuốc lạ ấy, Hlick mắng:

- Chuyện đàn bà, không biết xấu hổ à? - Cô ta nhỏ nước bọt xuống đất, chà chân lên rồi hậm hực bỏ đi.

#### 4.

Gyung vượt cạn gian khổ cực như thế nhưng không hề hấn gì. Còn Diao, chừng ba tháng sau, đang khỏe mạnh nhuộm bệnh nửa ngày lẫn ra chết nhanh như ngủ. Cả nhà than khóc. Người trong buôn mang rượu ghè tới, uống và khóc suốt buổi.

Người ta buộc xác Diao vào trụ nhà. Nhưng một ông già đến, gửi khắp xác chết, hách xì mấy cái thật to rồi bắt tháo ra. Ngay sáng hôm ấy, người ta đặt Diao lên một cái bằng tre, ông Biung, thầy Năm và hai thanh niên khiêng chạy như bay ra ca - tu. Bà Mir buồn theo vừa té vừa khóc. Gyung đi con nhỏ sau lưng, đẩy con lớn đi trước. Đám tang không mấy người đưa.

Đến nơi, người ta đặt lên cang bên ngoài nhà mồ, bốn góc chỉ chít tượng gỗ đầu người. Ông già chui vào nhà mồ, vừa gào thét vừa giẫm chân lên nắm mộ cũ. Ngay lúc ấy, hai thanh niên dùng yếm đào tới tấp, mang theo một chiếc ghè với mấy thứ vật dụng của Diao. Bà Mir đang ngồi khóc ri rĩ bất chợt hét to:

- Nó kia!

Thầy Năm cúi xuống chỉ thấy bày ra súc gỗ hòm, một thanh niên dùng yếm đập nắp, mùi thối bốc lên. Nín thở, thầy Năm nhìn vào bên trong súc gỗ, lộ lộ một cái đầu lâu và bộ xương ngực. Ông già gào toáng lên thôi thúc. Ruột gan cồn cào, thầy Năm lùi ra ngoài, úp mặt vào cỏ non thốc tháo rồi trở lại ngay. Thầy muốn phụ vào một tay nhưng không thạo nên đứng ì. Ông Biung áp người xuống, cho tay vào lòng súc, lùa các thứ tới một đầu.

- Tao không hiểu đang làm gì ở đó? - Thầy hỏi Hlick.

- Còn Diao vào ở chung với Ngơnh - Hlick nói.

- Ngơnh là ai?

- Ngơnh à? Nó là anh của Diao, chồng của Gyung, cha của Klim.

Thầy Năm cau mặt đứng im.

Như đã quen việc từ lâu, hai thanh niên đưa cái xác Diao áp miệng súc, cố nhét vào nhưng không lọt. Ông Biung nhìn quanh tìm kiếm. Vớ được tảng đá dưới chân tượng gỗ. Dùng cả hai tay, ông đập bẹp dí vỏ cái xác, một thanh niên rút con dao ngắn ở thắt lưng lạng bớt bắp mông.

Cuối cùng, cái xác cũng nằm gọn trong lòng súc. Người ta vội vã đập nắp, lấp đất. Hlick đặt cái ghè lên mộ, dùng mũi yết đâm vỡ đáy, rải các thứ vật dụng lên lớp đất mới.

- Làm gì thế? - Thấy Năm ngó ngán hỏi.

- Cửa nó mà! - Hlick nói, đưa tay gạt nước mắt.

Thấy Năm theo người nhà trở lại buôn. Ngang qua một con suối, không ai bảo ai, tốc hết váy khố, họ lăn xả xuống tắm. Thấy Năm cũng miễn cưỡng làm theo.

Ba hôm sau, thấy Năm mới hiểu ra, Ngơnh chết chưa đến kỳ bỏ mả, già làng quyết chắc Diao chết vì một bệnh dễ lây lan, phải chôn gấp. Ở rừng, thừa gỗ thiếu dụng cụ, làm được cái hòm lâu lắm, đó là một trong những lý do Ngơnh và Diao ở chung một cỗ áo quan.

Năm ấy, thu hoạch mùa xong, theo lệnh già làng, họ đi lập buôn mới cách nơi cũ một ngày đường.

Một số người trong buôn, đặc biệt cánh đàn ông cho rằng Diao chết do sơ suất để lửa cháy lan qua nhà rông trước ngày anh ta có vợ. Nỗi ám ảnh lan rộng, thúc giục mọi người làm gấp nhà rông cho buôn mới.

- Nhà rông là cái gì? - Thấy Năm hỏi, Hlick cười không nói.

Rồi thấy cũng hiểu, nhà rông tựa tựa như cái đình của người miền xuôi, ở đó, người ta nhóm họp quyết định việc chung. Và thường đêm, trai gái đến ngủ. Bà Mir buộc thấy Năm ra nhà rông, thấy ngại nhưng không dám chống lại.

Ở giữa nhà rông có một bếp lớn, ai đã nhen vào lúc chiều xuống. Thấy Năm có cảm giác ở đây thoáng hơn, nhộn hơn và tự nhiên hơn. Trai gái quần tụ lắm chuyện vui đùa. Thấy Năm nhờ thế mà học tiếng nhanh hơn nữa. Một cô bạn Hlick dạy thấy gõ đàn. Đêm đầu thấy thức đến gà gáy, không phải vì lạnh, cảnh trai gái ngủ chung từng cặp khiến thấy rối tung cả tâm trí.

- Tao thích ngủ với mày - Một bữa vừa lên tới cầu thang, Hlick gợi ý, thấy giả bộ không nghe.

- Tao thích mà! - Hlick bồi thêm khi lửa bếp tàn ngọn. Thấy ngồi lặng thinh, Hlick bức bối bỏ đi.

Chúa ơi, biết nói với cô ta như thế nào đây? Thấy cúi gằm mặt, cho thêm củi vào bếp nhưng ai đó lòi trở ra ngay. Hlick tách mấy bạn gái đang cười khúc khích, đi lại, trải lên một tấm đồ rồi nằm xuống bên thầy.

- Ngủ đi! - Cô ta quay mặt vào bếp, giục thầy.

Nhìn phần đồ còn lại dành cho mình, thầy thu lấy hết can đảm, nhắm mắt. Một bàn tay nóng hổi rờ rẫm dọc theo lưng thầy. Hắt nó đi có nên không? Coi như không có? Thầy đọc thầm một bài kinh. Rồi những bài kinh tiếp nữa cho đến lúc bàn tay rút về. Nhưng thầy đoán chừng Hlick chưa chịu để mình yên. Ở xứ sở này, phái nữ chủ động tình cảm, cứ xem bà Mir thì rõ. Tóc ngả bạc, bà vẫn còn lấy kế Biung, nghe nói trước Biung, bà đã lấy kế Hduih. Vậy Hlick chọn thầy cũng là một ước muốn tự nhiên. Nghĩ đến đó, thầy run lên, đưa tay khều tro tìm lửa nhưng đã tan nguội cả. Dịch xa Hlick một khoảng, thầy quỳ thẳng người lên:

- Con xin dâng... - Thầy nhìn xuống, bắt gặp ánh mắt Hlick ngậy dại lóe lên trong bóng tối.

- Khuya rồi, ngủ đi! - Hlick dịu dàng nói.

Thầy vẫn quỳ, khẩn tiếp. Hlick gượng dậy vươn tay vắt qua người thầy vút xuống. Nỗi kinh hãi từ trong sâu thẳm khiến thầy yên nằm bên tấm thân nhỏ nhắn của cô, ra sức thu gọn người, hai tay bắt chéo lên ngực mình. Được một lúc Hlick xoay nghiêng người tựa đầu lên vai thầy, lặng im. Thầy cảm thấy tạm thời bình an khi nghe Hlick ngáy. Và cũng chính lúc ấy, thầy thừa nhận ra mùi tóc khao nắng, mùi da thịt khét nồng của cô.

- Xin tha tội cho con... - Thầy chống lại mê muội, mở hết mắt nhìn lên.

Qua mái tranh thưa, một vì sao lấp lánh. Thấy nhìn theo hướng đó và cố nâng mình lên giữa mây trời bao la.

## 5.

Bà Mir sai ông Biung đập chết một con heo, mời già làng tới cho Gyung nổi dây. Thấy Năm không hiểu, hỏi Hlick nhưng cô giận giữ mím chặt môi.

Người già và khách chỉ uống có một ghè. Phần thịt còn lại chia đều cho người trong buôn. Hlick bỏ vào rừng tối mới về rồi lại ra nhà rông ngay.

Đêm đó, Gyung đốt riêng một bếp và nằm với đứa nhỏ. Bà Mir không cho thấy Năm đi cùng Hlick đến nhà rông, buộc ngủ ở nhà nhưng không ai nhường chỗ quanh bếp cho thấy. Đắn đo một lúc, thấy chọn một chỗ cách xa - khoảng giữa ông Biung và bếp mới. Suốt ngày nhọc mệt, có tí rượu, thấy Năm ngủ ngay. Gà gáy đầu canh, thấy thức giấc, mở mắt nhìn quanh. Bên kia, Gyung ngồi khêu lửa một mình, lâu lâu ngoái lại nhìn thấy. Trong cái nhìn ấy như có tí lửa bay sang. Thấy nhắm mắt, cố ngủ tiếp. Bỗng sàn ván rung nhẹ, một bàn tay dằn lên bụng thấy Gyung? Thấy giận dữ gạt phẳng cánh tay ấy ra. Nhưng ngay lúc đó, hai bầu vú mềm nhũn ép xuống ngực thấy.

- Chớ! - Thấy găm khế, mở to mắt, đưa hai tay hất mớ tóc dài lòa xòa trên mặt mình.

- Nổi dây mà? - Gyung nói, bộ tịch ngỡ ngàng trước sự chống trả một việc đương nhiên.

- Nổi dây? - Thấy ngẩn ra mấy phút.

- Ngơnh chết, tao nổi dây với Diao, Diao chết, tao nổi dây với mày.

“Tao không thể chung đụng đàn bà” - Thấy muốn nói ý ấy ra nhưng

tim tiếng không được. Khoảng thời gian thấy lúng túng vừa đủ cho Gyung kéo được thấy qua bên kia, người chị nóng lên, hơi thở dồn dập. Xấu hổ như một kẻ đồng lõa, thấy quyết giữ mình bằng bất cứ giá nào.

- Tao không muốn - Thấy van xin.

- Con heo đập chết rồi mà! Mày không sợ à?

- Sợ mà không muốn.

Gyung trở nên mềm yếu, vực tấm mặt to ú vào ngực thấy rên rĩ. Thấy dùng cả hai tay đẩy chị ta ngồi lên, lăn người ra xa. Chống tay xuống sàn, Gyung đưa mắt nhìn tới... Bất chợt có tiếng chó sủa. Trong khoảng sáng mờ khung cửa, Hlick hiện ra, tấm đồ phủ từ đầu xuống gối. Cô chững lại, hướng mắt về chỗ thấy rồi nặng bước vào ngồi bên mẹ đang ngủ. Gyung ôm lấy con, nằm trở lại. Thấy Năm lần về phía Hlick, đứng thẳng dậy. Hlick vẫn ngồi im, cúi mặt, hai vai lắc lay do nỗi cảm hận rung chuyển.

- Không phải tao - Thấy nói rồi bước ra cửa.

Chân trời hùng lên một dải tím hồng trên nhũnẹ chớp núi đằng Đông. Thấy Năm quỳ xuống dưới mái nhà sàn, làm dấu thánh.

- Con chịu ơn cha... Con chịu ơn... - Thấy nói như khóc.

Lễ tạ ơn đơn sơ ấy làm tâm hồn thấy có phần thanh thản. Lăn nhẹ xuống thang, thấy đi vào chuồng gia súc.

Chiều ấy, thấy Năm trở lại nhà rông nhưng không khí ở đó không còn như trước nữa. Một người bạn gái mắng vào mặt thấy những lời thô tục. Tốp bạn trai không coi thấy là người cùng phái.

Đêm hôm sau, thay vì đến nhà rông, thấy ra thẳng nhà kho ở rẫy, sát chân núi. Âm thầm theo dõi, Hlick muốn đến đó nhưng cô sợ thấy sẽ bỏ qua bên kia núi. Từ đó, lòng cô khi ăn khi ngủ khi làm rẫy rút khôn nguôi.

Thấy Năm mơ hồ thấy mình đã sai phạm một điều gì vô phương cứu chữa. Và nếu mấy ngày sau không có lễ đâm trâu, hẳn thấy đã bỏ trốn.

## 6.

... Đến hồi khao vọng, theo một thói tục lâu đời, từng hộ đến nhận phần thịt con trâu vừa hiến tế, xiên vào que tre nướng ngay vào ngọn lửa tại bãi.

Trong cơn chấn choáng, bà Mir sai Klim chạy tìm thầy Năm. Khi nó lôi được thầy về, mặt thầy đỏ rực như ráng chiều nhưng bà Mir buộc thầy phải uống liền tù tì ba ghè.

Đến hồi không khí trầm hẳn, nắng xam xám xiên xiên, những người say đi ngất ngưỡng xuống suối vào rừng, những đứa trẻ nằm ngổ co quắp nôn thốc ra đất, những cô gái áo váy tả tơi phơi ra những bầu vú sần cứng... Từ trên gò cao, già làng đi xuống xách cái đầu trâu bê bết máu đặt giữa bãi đầm. Ông đứng thẳng nhìn khắp mọi người, mắt đỏ như hai hòn máu.

- Nghe đây! - Ông hét - Không phải trâu trắng!

Già trẻ lớn bé quay lại im phăng phắc, ông chỉ mũi giáo vào giữa đầu trâu:

Có một chấm đen!

Như ăn phải độc, những khuôn mặt phút chốc tái ngắt. Đám con nít tản ra chạy về buôn, gẫm réo như ma đuổi. Ngang qua mặt thầy Năm, Hlick vấp té, ôm lấy đầu lăn như vụn. Thấy đỡ cô đứng lên. Chỉ kịp nhổ phệt búng máu với hai cái răng cùn, cô ta chạy tiếp. Đám đàn bà ngồi tại chỗ, dấm tay vào mặt đất khóc than như có đám chết. Gyung vật vã ôm lấy bà Mir, đứa bé địu sau lưng sút lăn ra đất bầy nhầy cút đá. Đám đàn ông con trai xúm lại xầm xì chỉ trỏ vào đầu trâu. Già làng tiếp tục nói, dấm mũi dao xuống đất như khắc ghi lời nguyện. Ông Biung cầm lấy hai sừng đưa cao cái đầu con vật lên, xoay vòng cho tất cả đều thấy. Khi ngang qua tầm mắt, thầy Năm mới nhận ra ngay chỗ xoáy trâu, một vết đen như cái bớt ruồi bên dưới mảng khóm trắng đeo lưng lẳng vào mấy sợi lông.



- Giết! Giết! - Đám đông gào tướng lên.

Ông Biung đưa đầu trâu vào nhà rông. Đám đông tự động về nhà, vẫn còn váng vất cơn say, cảm hận và lo âu.

Có phải vì thế nên bà Mir bỏ ăn bỏ ngủ gầy rộc ra, tóc rụng từng vể, da trở màu xỉn và đôi mắt ngây dại như gỏi tặn đầu. Thấy Năm hỏi về bệnh tình của bà, ông Biung lắc đầu tuyệt vọng. Hlick và Gyung không ra rầy như thường ngày. Nghe nói bên kia những dãy núi cao, châu chấu bay qua từng đàn như mây đen, ngồn sạch tất cả những gì có màu xanh. Tin đồn buồn một lần nữa âm ỉ len qua mọi nhà.

Một buổi chiều, đám thanh niên lưng sục đầu đỏ đưa về một người đàn ông lạ. Ông Biung vui sướng báo tin ấy cho bà Mir rồi giục thầy Năm theo mình đến nhà rông coi xử tên phản bội.

- Hắn là ai? - sắp đến nơi, thầy Năm hỏi.

- Là thằng chủ con trâu trắng không trắng - ông Biung hý hửng trả lời.

Len qua vòng người bao quanh nhà rông, thầy Năm biết mình đã đến muộn. Xử rồi! Người ta lột truồng hắn ra, dằn sắp dưới trụ chính nhà rông ngay chỗ thất lưng. Ngực hắn trương phình, mắt trắng dã, đồng ruột túa ra bên hông, chẳng khác gì một con nhái bị cái đinh to tướng đóng thẳng xuống sống lưng. Đó là một lái trâu gốc người Khmer. Nhìn kỹ, thầy thấy hắn còn ngoi ngóp, lâu lâu, hắn đưa tay cào cấu vào đất, miệng ộc ra một búng máu.

## 7.

Sau ngày tên lửa đảo đến tội, bà Mir chết. Ngoài thầy Năm, người nhà đều sững sốt.

Thầy Năm theo tốp thanh niên vào rừng hạ cây làm hòm. Hlick và Gyung buộc xác mẹ vào trụ nhà gian giữa, mỗi ngày hai lần dứt thức ăn

vào miệng người chết rồi thay nhau gào khóc. Riêng ống Biung, để tỏ ra là người chồng can đảm hết lòng thương vợ, đêm nào cũng quỳ trước xác chết, tự cào cấu vào đốt ngực mình. Chiều lại, người đến phúng điếu mang theo rượu, vừa nhâm nhi vừa khóc than.

Đến hồi cái xác trương sinh, từ những khe nứt rỉ ra thứ nước đục như dầu tà - bang bốc mùi thối đến ngạt thở. Đống thực phẩm thừa mứa dưới chân cái xác mỗi bữa một cao hóa mố meo tỏa ra mùi chua lợm mửa.

Từ phía Tây Bắc, bên kia chóp núi cao ngập mây, đàn kên kên bay tới. Chúng liệng vòng rồi đáp xuống trên mấy ngọn cây trước nhà, chực chờ, hậm hực cắn nhau. Già làng ra lệnh bắn đuổi nhưng không mũi tên nào bay tới.

Khi súc cây lẩn về, cái đầu bà Mir gập xuống, thịt da tuột ra, vỏ sọ trắng hếu. Công việc khoét ruột súc cây vẫn tiến hành chậm mặc dù thấy Năm và mấy người phụ giúp không hờ tay. Để có thể tiếp tục mớm thức ăn cho mẹ, Hlick dùng dây rịt cái đầu lâu vào trụ. Hơi thối theo gió lên núi, đưa đường cho lũ cọp đêm đêm kéo nhau về buôn.

Buổi chiều, già làng tới, những người đàn ông vội vã đưa súc hòm lên sân nhà. Hlick và Gyung tháo xác mẹ ra khỏi trụ. Những con kên kên quạt cánh tới tập trên nóc nhà. Chợt như có gió ào qua cửa, một con kên kên lao vào, giương vuốt lấy cái sọ bà Mir đang trên tay Hlick, bay vút ra cửa. Hlick vội theo níu cứng lấy chân con ác quỷ. Nó kéo bổng cô lên. Tiếng kêu cứu của Gyung khiến những người đàn ông quay lại. Một thanh niên phóng theo một con dao đang cầm sẵn trong tay nhưng không trúng. Kên kên bay sà xuống, Hlick buông tay và rơi trên một lùm cây. Thấy Năm công Hlick vào nhà, cô chỉ ngất một lúc rồi tỉnh lại. Đám đàn ông dùng tất cả ngọn lao và cung nỏ trong nhà, mang luôn cả chiêng công theo phóng đuổi những con kên kên còn lại. Sau đó, họ lạnh lẽo rút

từng phần cái xác bà Mir nhét vào hòm, đẩy nắp lại, buộc nhiều vòng dây bao quanh.

Bà Mir là người đầu tiên nằm xuống ca - tu mới, ngay phía trên buôn - nơi có nhiều cây to và nguồn nước.

## 8.

Hoa bằng lăng nở rộ tím thắm núi rừng. Nhưng cơn mưa đá đầu mùa trút xuống trắng xóa đất trời, không khí oi bức. Người trong buôn suốt ngày ở rẫy, tranh đất gieo trồng. Những đám cháy bùng lên, cuộn cuộn tro than, vẫn đục bầu trời từ sáng sớm đến chiều tối.

Một đêm, ngồi trên sàn nhà, đưa mắt nhìn ánh lửa bên kia sông, lòng thấy Năm chùng xuống. Thấy chợt nhớ các bạn đồng sự, nhớ tốp giáo dân trung dũng cùng thầy. Đốt một cây ngo, thầy soi ngắm lại mình, đôi bàn chân nứt nẻ, da đổi màu nâu xám sần sùi, những ngón tay cùn đi chai cứng, râu tóc xồm xoàm, dài khố rách bươm. Khi lửa tàn, thấy ngồi im trong bóng tối, nghe đau đớn tự tâm can - nỗi đau của một con tim ứ máu. “Theo hướng mặt trời lặn mà đi! Hãy vượt qua bên kia Tây Trường Sơn! Đến đó, bám lấy đám người bản địa, cắm đức tin vào họ và rao giảng đạo của đấng Cứu thế” - Thầy bồi hồi nhớ lại. Thưa cha, con đã tới. Nhưng thánh giá còn mãi trên vai! - Thấy ghen ngào - Ngõ đạo đi đâu? Thấy trở vào, ngồi xuống bên bếp lửa.

- Tao muốn về? - Diao chết rồi, bà Mir chết rồi, bây giờ thầy yên tâm nói ra điều đó.

- Được thôi - ông Biung nói, lừ mắt nhìn Hlick.

Gyưng ôm con cúi mặt. Klim ngồi cạnh mẹ mở to đôi mắt ngó thầy.

- Mà có trở lại không? - Hlick hỏi, giọng sắc lạnh. Thầy im lặng.

Sáng sớm, thấy Năm từ già ra đi với bầu nước buộc ở thắt lưng, ống cơm trên vai. Gyưng ngồi ở bếp mình khóc như mưa.

Qua một đêm treo thân ngủ đói trên cây, trưa hôm sau thấy về tới làng mới. Trước mắt, những ô vườn nhỏ có rào dậu ngăn cách, những gian nhà cỏ thô sơ thấp bé, những tiếng gà vang vọng xa xa. Khấp khởi mừng thầm, thấy đi sâu vào đường; xóm, vẫn chưa gặp lại một ai. Đến trước cổng nhà thờ, tần ngần một lúc, thấy bước vào. Thánh giá trên cao le lói mấy vệt sáng. Những chiếc ghế đặt sai vị trí. Những gian buồng trống trơ. Những vật dụng nằm la liệt... Tất cả như hắt ra mùi ẩm lạnh thiếu vắng hơi người. Bất chợt, thấy thảng thốt đứng lặng nhìn quanh. Một lúc lâu, có tiếng động phía sau sát vách bàn thờ Chúa, một bà già xanh mét chống gậy lảo ra. Mở đôi mắt xám sừng sốt nhìn thấy.

- Sao hoang vắng thế này? - Thấy ngại ngần hỏi.

- Chết hết rồi! - Bà cúi mặt rên rỉ.

Thầy không tin cho đến khi theo bà ra tới bãi tha ma phía sau làng, có ngôi mộ như mới ngày hôm qua. Thấy quỳ xuống đọc một bài kinh cầu nguyện, nước mắt ứa tràn. Khi thầy đứng lên, bà già không còn dậy được nữa. Thấy bế bà trở lại nhà thờ đặt nằm lên bục giảng, ra sức sờ sờ cứu chữa với tất cả những gì kiếm được.

- Sao người ta chết? - Thấy hỏi khi bà ta hồi tỉnh.

Một cơn dịch ập tới - như chờ được nói điều đó từ lâu, bà gượng lên tiếng.

Vào lúc nắng chiều le lói trên ngọn cây, bà trút hơi thở cuối cùng. Bên đồng lửa vừa được đốt lên thánh giá, thấy Năm quỳ xuống ôm lấy cái xác lạnh cứng trong tay.

*Kon Tum 07-03-1993*

*T.D.P*

T H Á I Đ À O

# Loài hoa trắng

(SH số tháng 5 - 1993)

## 1.

Họ đã đi rồi. Những người từng cứu mang tôi một thời đã bỏ đi Mỹ theo diện HO rồi. Tôi một mình lang thang trở về lều chợ. Con Khờ đứng ở cổng chợ chờ tôi. Nó đưa tay vẫy vẫy. Bây giờ người thân thích còn lại của tôi là nó, con mắt nó cũng đờm buồn. Nó đưa mắt hướng về đường cái, quốc lộ. Tôi hiểu, nó cũng xót xa vì những người ra đi.

Con Khờ đưa cho tôi những củ khoai luộc chín. Tôi lắc đầu. Sáng nay dì tôi cũng bới theo những củ khoai luộc chín. Tôi thấy hai bàn tay chìa ra với những củ khoai sao mà giống nhau lạ. Có cái gì của nỗi u buồn và cay cực, có cái gì của sự hao hụt và cam đành. Cầm lòng không đậu, tôi nắm lấy tay nó đặt lên ngực tôi. Tim tôi đập trong nỗi thổn thức của bàn tay nó run run.

Đã sống lâu với con Khờ trên bãi chợ của phố huyện này nên tôi hiểu nó. Tôi thương nó. Nhưng chưa bao giờ tôi cảm thấy cần nó như sáng hôm nay. Sáng hôm nay tôi bơ vơ, lạc loài. Sáng hôm nay tôi thực sự chẳng còn ai ngay trên quê hương xứ sở của mình. Tôi chỉ còn mỗi con

Khờ là người thân thiết. Tôi nắm lấy tay nó mà mặt còn ngó tới đâu đâu. Ngó tới tí tấp con đường, nơi những người từng cứu mang tôi rũ bỏ xứ sở ra đi.

- Đừng có khóc, để tôi kể chuyện cho anh nghe.

- Ủ kể đi, lại chuyện đời xưa, đời xưa.

- Không. Xí quẹt vào chuyện đời xưa, đời xưa. Chuyện sáng hôm nay hay hơn nhiều.

- Ủ... kể đi.

Nó mím môi, ngoảnh đầu chỉ về phía ngôi nhà gạch bên hông chợ. Tôi hiểu nó nói đến thằng quân sư quạt mo chạy mảnh, kiếm rượu, kiếm thịt phường chợ búa.

- Hắn làm gì?

- Đổi một bộ tam sự bằng đồng có ba chục lon gạo của một người mới từ vùng ngoài chuyển vào. Bây chừ hí hửng trúng quả.

- Rồi sao nữa?

- Khi đổi lão chê đại nhưng người ta cúi đầu mà đổi. Bây chừ, hắn đang đánh bóng lại, hả hê đặt lên bàn thờ nhà hắn. Hắn gật gù ăn ý lắm.

Tôi cười ngao ngán mà không nói gì. Tôi biết con Khờ cũng ghét hắn. Cái thằng không biết nên nét. Cặp mắt dê cụ chăm nhìn đàn bà con gái thiếu đường muốn lột hết quần áo người tạ Bao nhiêu lần nó đã nhổ toẹt nước miếng vào mặt hắn, coi khinh. Thế mà hắn vẫn cười khề khề, thích thú ngắm nhìn cái thân thể nở nang mới lớn của nó.

- Hết chưa?

- Chưa.

- Thằng Hải Râu đồ tể lại vợ bỏ, mua rẻ mấy con lợn bị chác.

- Cũng của mấy người chuyển nhà...

- Ủ, bây chừ bọn chúng đang nhậu mừng trúng mảnh.

Tôi chọc nó.

- Em nhập hội trúng quả với nó đi!

Nó bấu môi dài thượt:

- Xí quẹt.

Tôi chăm chú nhìn nó. Nó mang tiếng là con Khờ nhưng bao giờ nó cũng sạch sẽ. Sáng nào nó cũng có mặt ở chợ này. Nó đón tôi. Cười với tôi. Thường kẻ chợ đã cặp đôi tôi với nó. Một thằng quét chợ và một con khờ sống giữa chợ. Điều đó cũng được thôi! Cái đáng nói là lai lịch của nó. Một lai lịch mịt mờ, khó lần ra gốc gác. Một lai lịch thâm u, buồn bã, khó để biết được cội nguồn.

Có lẽ nó là kết quả của một mối tình vụng dại nào đó. Hay là quả trái của một trận hứng tình nào đó của một thằng cha và con mẹ nào đó, để rồi bê nó ra vất bên bờ sông mặc kệ với cuộc đời trắng đen, trong đục thế nào. Nó được một mụ già ăn xin, cô độc nhặt được. Mụ già đem nó về nuôi. Và nó thừa hưởng của mụ ăn xin đó cái vốn liếng ăn mày, nghèo kiệt. Suốt từ tuổi thơ đến khi chập chững bước vào đời, nó vẫn chỉ là con Khờ đi giúp việc kiếm ăn giữa chợ. Mụ già chết. Nó tứ cố thân cô. Nhưng bãi chợ vẫn là quê hương xứ sở của nó.

Tôi nhìn nó. Nó cúi đầu bẽn lẽn. Tay nó vờ vờ cánh hoa trắng. Cái cánh hoa này tôi nhặt được ở cửa hàng bách hóa năm xưa. Không biết để làm gì, tôi đem cho nó. Và nó giữ mãi, nó đeo lên tóc, lên ngực cho đến tận bây giờ.

Nó nói nhỏ nhẹ:

- Cái hoa trắng này khi nào cũng đẹp.

Tôi gật đầu đồng ý với nó, dấu cái hoa trắng kia là hoa nhuệ.

Bỗng dưng nó đập nhẹ vào vai tôi, má ửng hồng lên rồi chạy vụt đi. Lòng tôi cũng có chút gì mang mang về nó. Tôi đưa mắt nhìn theo.

## 2.

Khi những người từng cứu mang tôi ra đi, tôi không còn ngôi nhà nào để trở về nữa. Làng quê tôi bên kia dòng sông, nơi bạt ngàn một màu lau trắng.

Ngày ngày tôi qua sông để lên bãi chợ bằng một con đò. Nhưng từ nay bãi chợ là nhà. Tôi không còn nơi chốn để trở về. Trước khi đi, dì tôi cho tôi hai chục đồng phòng khi có cơ sự. Bây giờ, tôi trở về khu bãi chợ của tôi. Thật khó có ai cứu mang, bao bọc được ai. Lòng đau nhưng phải đành lòng làm vậy. Tôi sống bằng nghề quét rác, làm vệ sinh chợ. Tự tôi nuôi tôi bằng những hạt cơm nghèo khó. Ai gọi gì tôi cũng làm giúp: bổ củi, gánh nước, lợp nhà, che quán, sửa quán, đắp nền...

Từ đây, đêm đêm tôi ở lại trên bãi chợ. Và tôi cũng cảm thấy thân phận mình cũng thuộc loài sống vô gia cư và chết vô địa táng. Hàng đêm, giữa những lều quán xiêu vẹo tả tơi, tôi nằm gác tay, ngửa mặt nhìn trời, đắm chiêu nghĩ ngợi.

Chợ một thời bị bỏ bê, thu hẹp cho nó tả tơi rách nát. Nhưng rồi người ta cũng phải chui vào đó để đổi trao, mua bán. Bởi vì, còn sống còn ăn, còn tiêu dùng, còn may mặc thì phải còn bãi chợ dù dưới dạng này hay dạng khác, cao cấp hay bần hàn. Còn khu chợ thì tôi còn sống được. Tôi cảm ơn nó và tôi thù ghét ai đòi phá chợ.

Chợ là nhà của tôi, là đất thánh của côi hồn tôi, là chốn vĩnh hằng của cuộc đời ghẻ lạnh, côi cút, đơn độc của tôi. Tôi ngồi ngậm điều thuốc phì phèo trên môi. Con Khờ mang tới cho tôi bát nước chè xanh với mấy củ khoai luộc. Nó lại mỉm miệng cười.

- Sao lại không ăn cơm. Ăn khoai mãi thế?

Nó lắc đầu:

- Không đủ tiền ăn cơm.



Tôi cảm thấy tôi nghiệp cho nó. Nó vừa đi hát dạo vừa đi xin, vừa phụ việc cho những người buôn bán giữa chợ. Đồng tiền nó kiếm được cũng ít ỏi như những đồng tiền tôi kiếm được. Nó hào phóng với tôi bằng tất cả tấm lòng nó. Nó khờ dại chốn chợ đời mà chân chất chốn trái tim. Tôi thương nó như thương một phần thân thể của tôi, một phần rách nát, tả tơi của số kiếp tôi. Tôi chụm đầu với nó, ăn những bữa ăn nghèo khó. Tôi thấy cay nồng mùi vị hạnh phúc góp nhặt giữa chốn trần ai. Tôi thấy thấm cỏ hạnh phúc của mình nhiều lắm cũng chỉ chừng ấy thôi mà bao la, bất tận...

- Cả ngày nay anh ngồi thừ... đau phải không?

Tôi gật đầu chỉ vào trái tim mình. Nó gật đầu và hiểu.

Ngôn ngữ của hai chúng tôi vốn vẹn chỉ có thể. Ngắn ngủi vài dòng mà bề dày, bề sâu thì vô kể. Con Khờ đưa cành hoa trắng trên mũi. Nó hít hà mùi hương tưởng tượng:

- Em giữ nó suốt đời em...

- Vì sao?

- Vì của anh tặng em.

Tôi lại lặng người đi và ngồi nhìn cái thân thể mới lớn của nó. Có lẽ cũng gần kịp tới hai mươi. Tuổi của một người con gái vào đời, ươm mộng. Nhưng mà với một con Khờ thì cái mà nó ươm là gì nhỉ? Có lẽ cũng như tôi thôi. Một thằng quét chợ, quét tàn hết rác rưởi một ngày rồi ngồi thở dốc, nhìn khói thuốc bay. Nó sẽ nhảy múa ăn xin, quàu quặt giúp việc cho những người buôn bán, tàn hết một ngày rồi thơ thẩn dạo bờ sông.

Tôi cười nắm tay nó.

Nó gật đầu và im lặng nhìn sâu vào trong mắt tôi.

- Thằng trấn lột đêm qua lại được mảnh.

- Vụ gì?

- Mấy người buôn lậu hàng Lào về, họ tắt đường qua khe Rú bị bọn thằng trấn lột mai phục cướp sạch hàng.

Nhắc đến thằng trấn lột là tôi nổi gai ở xương sống và khó chịu ở trong người. Nghe đầu xưa kia nó là võ sĩ, đã từng thượng đài, đấu đá mấy trận ở miền Trung và miền Nam. Sau một thuở kỳ hồ, lang bạt, bây giờ hắn trở về quê hương xứ sở của hắn. Người ta nể danh tiếng thuở xưa, mời hắn ly trà đá, chén rượu, bữa nhậu... Hắn đổ đốn bởi thói hoang đàng xưa cũ, bắt đại những thằng có máu mặt. Hắn mời vào quán nhậu, nhưng chưa một lần hắn trả tiền cho những mâm nhậu kiểu đó. Người ta kiêng mặt hắn mà vẫn anh anh, em em với hắn. Hắn xăm đầy mình những hình đàn bà ở truồng. Thỉnh thoảng hắn đánh quả áp phe hay trấn lột gì đó rồi trở về hiền từ ngồi bên gốc quán với be rượu nhìn đời mặc kệ trôi qua.

Tôi ghét cái bản mặt của hắn. Nhưng mà sợ hắn. Hắn có thể đâm một quả đâm đến tan xương nát thịt người ta. Hắn trấn lột ngay cả tôi. Thỉnh thoảng hắn rờ nắn túi áo, túi quần của tôi. Có đồng nào hắn bảo tôi đi mua rượu đãi hắn. Tôi thù hắn mà không làm gì được.

Nghe con Khờ nhắc đến hắn, tôi lắc đầu:

- Kệ chúng, đừng xí vào chuyện chúng mà chết!

Con Khờ lè lưỡi ra giễu tôi rồi cười khì khì.

### 3.

Vắng trăng như vỡ ra, xác trôi bênh bồng trên dòng sông lạnh ngắt. Tôi ngồi gục đầu bên dòng sông. Mặt tôi sưng húp bầm tím. Thân xác tôi rã rời, mệt lả. Cổ họng tôi khô đắng. Tôi ngó mãi dòng sông trôi...

Tôi ngó mãi xác con trắng bồng bênh. Cái màu vàng ối trôi lên dạt xuống như muốn tấp vào bờ, như muốn xô dạt ra xa làm tôi kinh hãi.

Tôi tưởng như xác con Khờ còn đâu đó trong dòng trăng tan nát. Nó chết rồi. Nó nhảy xuống dòng sông. Thân xác nó người ta vớt lên và chôn cất ngày hôm qua, nhưng mà với tôi, mãi mãi nó vẫn còn đâu đó trên bến chợ, trên bãi sông và dật dờ ẩn hiện trước mặt tôi.

- Khờ ơi? Tôi là thằng tôi. Tôi là một thằng không xứng đáng làm đàn ông.

Bỗng dưng tôi muốn khóc, khóc cho vơi nỗi buồn. Khóc cho dịu cơn đau...

Bọn chúng có ba thằng say rượu, đã thay phiên nhau hăm hiếp con Khờ ngay trước mặt tôi. Tôi là một thằng đàn ông không làm gì được để cứu nó. Tôi còn bị chúng đánh cho như tử để đến bây giờ những vết bầm vết tím vết sưng còn mưng mủ trên da thịt và ngay cả trong cõi hồn tôi.

Tôi vò đầu vào hai bàn tay chảy máu.

Hai hàm răng tôi nghiến lại. Tôi muốn cắn nát cả cuộc đời, cắn nát cái đêm ô nhục đau thương. Vù vù bên tai tôi tiếng gió. Tiếng gió đập lên lều quán xiêu vẹo tả tơi. Con trăng bị đám mây che khuất. Mưa phùn rơi lất phất. Tôi choàng thức dậy bởi tiếng la của con Khờ. Tôi vùng dậy chạy tới cái quán nước của người đàn bà què, bán nước chè xanh để sống qua ngày ở góc chợ. Hôm nay bà về quê để tiễn những người bà con thân thích đi vào Nam. Con Khờ ở lại một mình. Hồi hôm tôi đã ngồi kể chuyện đời xưa đời xưa với nó ở đó. Nó đuổi tôi về khi khu chợ đã vào khuya. Tôi băng khuâng ra về, và chui vào cái sập hàng của mấy mẹ hàng rong. Tôi nằm bên những thùng ruốc thùng mắm mà ngủ.

Tôi thức dậy và nghe rõ ràng là tiếng la của con Khờ. Nhưng bây giờ nó có vẻ khác lạ; như ai đó đã bịt mõm bịt miệng nó lại và nó cố chống trả. Tôi lao thẳng tới đó. Và kịp khi tôi xông vào, một cú đấm như trời giáng nện xuống vai tôi. Tôi ngã sấp. Mặt đập vào nền chợ. Máu mũi chảy ra. Tôi kịp nhìn lên và thấy bọn chúng. Thằng võ sĩ chuyên nghề trấn lột.

Thằng đồ tể mổ heo. Và thằng bán hàng rong lẻo mép, theo đóm ăn tàn chuyên tiêu thụ hàng gian phi.

Bọn chúng đang lột hết quần áo con Khờ ra. Bọn chúng dận khăn vào miệng con Khờ cho nó hết la hét. Bọn chúng, thằng cầm tay, đứa cầm chân dẫn ngựa con Khờ ra trên cái nền đất xám xịt. Tiếng con Khờ thở dốc, vùng vẫy. Tôi nghiêng rằng vùng dậy. Một cú đá làm tôi bật ngựa. Thằng võ sĩ giọng lè nhè mùi rượu:

- Nằm yên, nhỏ. Tao đập bể họng mày bây giờ.

Và hấn đập một chân lên cổ họng tôi đến nghẹt thở. Tôi đã biết giá trị bàn chân của hấn. Tôi đau đón phần uất. Cả vùng da thịt con Khờ phơi bày ra trắng toát, phỉ nhiêu như một vùng châu thổ. Ôi những đứa mất nết, đồn mạt, dâm bôn. Ôi những đứa phi luân, mất dạy. Một lũ cường đồ chè rượu. Nó phá nát cái thiên đường ngà ngọc của tôi. Nó biến miền đất hứa của tôi thành vũng sâu đọa lạc. Nó làm tôi điều đứng khổ đau. Tôi thà chết với nó. Tôi đập tung hai chân và vùng dậy. Nhưng lần này lại là thằng đồ tể. Nó đá ngược tôi với một tuyệt chiêu như từng vật bò, hạ heo. Nó dí vào miệng tôi mũi dao nhọn:

- Tao sẽ thọc hết con dao này vào miệng mày như thọc heo vậy.

Mồ hôi vã ra. Mũi dao dí vào miệng tôi đục tời bờ răng. Hấn là chuyên gia giết mổ. Có bao giờ ghê tay một cú đâm thọc đâu. Tôi trở nên bất lực, yếu hèn, nằm im thin thít và khổ đau nghe tiếng thở phỉ phỉ của bọn chúng và tiếng nấc tức nghẹn của con Khờ.

Sau cùng thằng bán hàng rong, loài theo đóm ăn tàn, giải quyết việc tôi, hấn nện vào mặt tôi một đấm. Bình thường hấn là thằng ốm o, nhu nhược, nhưng khi có cơ hội, theo bè, theo cánh, đánh hùa, đánh hôi thì hấn là một thằng ác độc, ti tiện nhất. Hấn đấm thẳng tay và liên tục. Hấn vừa đấm vừa lè nhè:

- Mày phải biết giữ kín chuyện này, lép bép là tui tao làm thịt mày không thương tiếc.

Tôi muốn rên lên mà không được, một thằng lấy giẻ bịt miệng tôi. Nó cũng lột hết quần áo của tôi và vắt nằm bên con Khờ, để cả hai trần truồng như nhộng. Đó là kế nhằm đánh lộn con đen, gây hỏa mù với thiên hạ.

Tôi biết được ý đồ đen tối của nó. Tôi gắng đau lết dậy khi chúng đi rồi. Trên vùng ngực hoen ố, nát tan của con Khờ tôi bỗng bật khóc, tấc tức như một kẻ mất hết gia tài vốn liếng của đời mình. Tôi đau xót lau chùi những vết máu lấm với đất bùn nhơ bẩn, hoài thương trình tiết một đời người.

Phương Đông hùng sáng. Tôi đắp cho con Khờ những manh áo còn sót lại. Nó khóc nức nở mà không nói gì. Tôi lẫn mò ra bờ sông, rửa mặt, rửa những vết thương bầm tím.

Ba ngày liền con Khờ im lặng không tha thiết gì đến chuyện ăn uống. Nó lảng tránh tôi. Nó không còn đem đến cho tôi những bát cơm, những củ khoai, những miếng kẹo, những bát nước chè xanh. Ba ngày liền nó thần thờ tìm kiếm trên khắp nền đất chợ, trong những đồng rác. Nó bươi cào. Nó lục lọi. Nó kiếm tìm cái bông hoa trắng mà trong cái đêm khốn nạn đó, lũ cường đồ đã làm tan nát và ném mất đi đâu. Nó rầu rĩ, lặng câm như người mất trí. Nó không còn hát, còn ca, còn ngửa tay xin tiền như mọi bữa. Tôi đau khổ ngồi nhìn nó. Tôi và nó không có đứa nào dám nghĩ đến chuyện thừa báo với chính quyền. Chúng tôi làm thế nào mà thừa kiện được chúng nó.

Tôi ngồi xua đuổi những con ruồi, con nhặng bay vo ve trên những vết mưng, vết mủ. Ba ngày liền tôi cũng không đói. Nhưng cái đang hành hạ tôi lúc này là tôi không biết làm sao an ủi được con Khờ.

Sáng hôm qua tôi lên cửa hàng bách hóa, tìm mua một cành hoa trắng đẹp nhất. Tôi tìm nó ở sau bãi chợ và trao cho nó, thế cái bông đã mất. Nó lắc đầu:

- Không phải cái bông này. Cái này là đồ “dỏm”.

- Cái kia cũng bằng nhựa mà.

- Nhưng anh đã cho em đã hai năm rồi. Hồi đó anh dễ thương và thương em lắm. Em giữ nó mãi. Không cái nào thế được đâu.

Tôi lặng người đi:

- Nhưng cái này cũng của anh cho em mà.

Nó lắc đầu:

- Anh bây chừ không phải anh hồi xưa. Có mỗi cái bông hoa trắng mà không giữ được cho em. Thằng đồ tể nó giữ cho con vợ béo ú của nó cả tòa nhà. Thằng thâu khoán nó giữ cho vợ nó cả áo đầm, xe cúp, tivi, tủ lạnh.

Tôi nói như phân bua, giải bày:

- Nhưng mà... Em cũng thấy anh bị chúng đánh đến tả tơi.

Nó gật đầu và ứa nước mắt:

- Tội nghiệp cho anh, nhưng mà cái bông trắng đã mất rồi!

Và nó bỏ đi. Tôi đứng sững nhìn theo. Nó tiếp tục tìm kiếm suốt ngày hôm đó. Nó như kẻ khát thực đi xin lại loài hoa trắng giữa thế gian. Nó sầu não. Nó đau thương. Nó hỏi thăm khắp phố chợ. Có ai bắt gặp được bông hoa trắng của nó không. Người ta ngỡ ngàng. Người ta ngạc nhiên. Và người ta hiểu rồi ái ngại cho nó, buồn bã cho nó.

Nó như kẻ hành hương cô độc, lặng lẽ tìm về xứ sở của loài hoa trắng.

... Cho đến buổi chiều, khi ráng chiều ối đỏ cả trần gian và mặt trời như đầm máu, nghiêng về phương tây chở dấn đỏ... thì nó nhảy xuống dòng sông. Nó tuyệt vọng vì sẽ không bao giờ tìm được cho mình bông hoa trắng của cuộc đời. Nó đã đi tìm bông hoa trắng trong dòng sông và trong cõi chết...

Bây giờ chỉ còn lại mình tôi giữa bãi chợ hoang vắng này.

Như một tiền oan nghiệt báo, như một số phận khốc liệt phải đeo

mang. Cái bóng con Khờ và đôi mắt buồn thăm thẳm, mãi ám ảnh tôi. Tôi như bị mê hoặc từ một cõi xa xăm. Tôi như bị một ma lực từ cõi chết dội về, hút lấy, tung vào một cuộc kiếm tìm hoài mãi...

Thế là tôi đi. Tôi đi mãi trong mỏi mòn, kiệt sức. Người tôi xiêu đổ trên đôi chân ốm yếu. Trí tôi hoảng loạn trong mịt mù sinh tử đời người. Nhưng không bao giờ tôi được quên. Loài hoa trắng và nụ cười bát ngát của con Khờ. Tôi phải tìm nó ở dưới vực sâu, ở trong đọa lạc, hay ở giữa trời cao...

Tôi đã kiếm tìm đến kiệt sức.

*T.Đ*

T Ô V Ì N H H À

# Hoàng hôn biển

(SH số tháng 6 - 1993)

**b**uổi sáng hôm đó, tôi đi coi thi lớp kinh tế du lịch Bốn. Với mười lăm năm thâm niên của nghề nghiệp, tôi thực hiện các thủ tục thi cử một cách máy móc và thành thạo. Thậm chí, đề thi khá hấp dẫn cũng chẳng hề làm tôi băn khoăn, dẫu chỉ một chút. “Trình bày những đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường độc quyền. Những đặc điểm đó ảnh hưởng như thế nào đến vấn đề quyết định sản lượng và giá cả của doanh nghiệp?”.

Chép xong đề thi lên bảng, tôi thả nhẹ mẫu phần vào cái hộp đựng phần ở góc bảng rồi xoa tay, đến tựa lưng vào cửa sổ. Công việc còn lại như: nhắc nhở sinh viên nói chuyện, ngăn chặn sự quay cóp v.v... tôi phó mặc cho cậu Hiệp, một cán bộ trẻ lo lắng.

Khoảng một giờ trôi qua, Hiệp lại gần chỗ tôi đứng, mời tôi hút thuốc lá và nói:

- Chiều nay liên chi đoàn sinh viên tổ chức đi biển, mời thầy đi với bọn em. Hình như lúc ấy tôi đã cố gắng mỉm cười, nghĩ nhanh trước khi trả lời: “Cậu quên rằng mình hơn bốn chục tuổi, già, yếu và sáng nay đi coi thi với cái bụng chẳng có cái chất gì đáng kể ở trong đó?”



Dù sao, thì sau khi rít xong một hơi thuốc dài, tôi đã nói:

- Cảm ơn Hiệp đã mời mình. Rất có thể là mình sẽ đi với các bạn. Còn xem xem đã...

- Em nghĩ thầy đi với tụi em sẽ hợp hơn là đi với hội gia đình sắp tới.

- Hiệp năn nỉ.

Nếu tôi không nhầm thì lúc này Hiệp mời tôi với giọng, kiểu “*How do you do*” của người Anh.

Còn câu sau thì ngược lại, giống với lời tâm tình của một người bạn.

Tự nhiên, tôi nghĩ “ừ nhỉ, tại sao lại không nhỉ? Mười một năm rồi mình chưa trở lại Thuận An, chắc bây giờ ở đó (một nơi cách chỗ tôi đứng coi thì mười hai cây số) đã đổi khác nhiều lắm”.

Sau buổi coi thi, tôi quên bém lời mời của Hiệp, về đến cư xá, bé Lan, con của bà chủ quán giữ xe đạp trước nhà tập thể bọn tôi, nói:

- Chú Tâm nhắn là mời chú chiều nay đi biển. Bốn giờ chiều xe chạy.

- Ô, cảm ơn cháu. - Tôi đáp, hơi tỏ vẻ thờ ơ.

Lời mời thứ hai này làm tôi bức mình vì tôi cảm thấy tự ái: dường như tôi đang được mọi người (lớp trẻ) quan tâm theo cung cách “Tội nghiệp quá!”. Có thể chúng nó thấy tôi đang cô đơn, đang có chuyện trục trặc trong gia đình. Có thể chúng nó biết tôi nghèo, đang buồn nên sẵn có xe trường và kinh phí tập thể, muốn có dịp cho tôi vui hơn? Và, cũng rất có thể là tôi hợp với chúng nó ở một vài điểm gì đấy... Ý nghĩ sau cùng này làm cho tôi dịu đi.

Trưa đó, tôi không ngủ được và cũng chẳng buồn ăn cơm nữa. Chiều đến, một mình tôi ra ngồi ở quán rượu trước cư xá. Khu tập thể Đồng Đa của tụi tôi giống như một thị trấn nhỏ nằm giữa thành phố Huế yên tĩnh. Buổi sáng, buổi chiều, tối rất nhộn nhịp, nhưng quảng hai, ba giờ chiều thì rất vắng. Mọi người đang ngủ trưa.

Trời rất nóng, nghe đâu là ba mươi tám độ. Ly rượu nồng trong một

buổi trưa oi bức làm cho bụng tôi sôi lên ầm ầm. Ruột gan như có lửa đốt, nó cứ tức tưởi, bức bối làm sao ấy.

Vừa lúc đó thì Nguyễn Hồng, bạn tôi, xuất hiện ở chân cầu thang với cô em gái, hai đứa cháu, cậu em trai vợ và cô vợ mới cưới. Cả đoàn lính kính với khá nhiều túi xách, chai lọ, bịch nước.

Nguyễn Hồng thấy tôi:

- A! Đi biển chứ?

Hồng có kiểu chào rất tự tin của một gã đàn ông rất điển trai, thông minh. Hắn ngoác miệng cười có vẻ khoái chí lắm. Tôi tin là cái quần bò soọc, áo pull màu tàn thuốc với dòng chữ đen to tướng “New Fashion” cộng với cô vợ trẻ, đẹp có làn da trắng nõn đã làm cho nụ cười của hắn tươi lên ít nhất là ba mươi sáu lần (!)

Tôi đáp lễ:

- Đồ ngốc. Chẳng có xu nào cả. (Tôi nói với hắn bằng tiếng Anh để cho chủ quán không biết tôi hết tiền, kéo mụ lại chẳng cho ký thêm).

Hồng cho tay vào túi. Chớ có ai nghĩ là hắn sẽ lôi tiền ra cho tôi “chộ” tận mắt như dân Nghệ Tĩnh vẫn thường nói. (Hồng là người Huế nhưng sống một phần năm thế kỷ ở Vinh).

- Có hai “xéng” đây. - Hắn nháy mắt nhìn quanh - Đủ đấy.

Hắn lại phẩy tay sau khi đã đặt phịch cái túi xách khá nặng xuống đất. Điều bộ Hồng như khẳng định rằng hắn đã tính kỹ: Bảy chúng tôi (kể cả tôi với hai chục ngàn, dư sức ăn chơi theo kiểu người Mỹ tới tận cửa Thuận (!)).

Tôi bật cười. Vui lây với niềm vui của Nguyễn Hồng. Tất nhiên tôi thừa hiểu cái khoản mà hắn làm cho kêu sột soạt trong túi là “tài khoản riêng” của hai thằng - có trừ đi chút ít chi phí “sô” khi cần thiết.

- Các chi phí “lặt vặt” khác đã có bà xã và cán bộ đoàn (hắn ám chỉ Tâm và Hiệp) lo.

Mọi chuyện coi như thế là xong. Tôi đã tìm thêm được một lý do để bào chữa cho cái sự đi biển của mình: Lời mời của Hồng như một đề nghị. Hấn ở khác khoa với tôi, hấn không muốn “ăn theo” khoa khác khi kéo theo cả một cái “rờ moóc” dài đến thế. Tôi có nghĩa vụ và trách nhiệm (!)?

Ngay bản thân tôi, tôi cũng không dám thú nhận với mình rằng, tôi rất muốn trở lại thăm của Thuận, rất muốn đắm mình trong biển, trong cát, nắng... Tôi, không mất tiền mà lại có đủ cả ba trong bốn thứ hợp thành tiêu chuẩn du lịch mà rất nhiều người phương Tây đòi hỏi khi đến một vùng đất mới...

\* \* \*

Thuận An không phải là bãi biển đẹp nhất của miền Trung, nhưng chí ít, nó cũng là địa danh được nhiều người biết đến. Trước hết, bởi nó gắn liền với Huế, trung tâm chính trị và văn hóa của Việt Nam trong gần hai trăm năm. Sau nữa, bởi người ta thường nhắc đến cái thời mà Huế, với đường ra biển qua cửa Thuận đã từng là...

Khi tôi tới đây lần trước, cửa Thuận là một bãi biển nghèo, người Huế và khách thập phương chưa có thói quen tắm biển. Có thể vì lý do kinh tế cũng có thể là vì dân cư còn ít ỏi. Thời đó, ra bãi biển còn bị công an biên phòng hỏi giấy vì sợ... vượt biên.

Còn bây giờ là một khung cảnh khác hẳn. Thay cho bến đò xưa là một cây cầu vững chãi vắt qua sông, nối liền đất liền với bãi biển. Qua cầu, bước đến bãi biển là cả một rừng lều, quán đủ màu sắc: bằng tre, bằng vải, bằng tôn... Lều quán ở đây không có cửa, tất cả đều hướng ra biển, rộng mở, mời chào. Cùng với sự đôn đả lỏng lẻo ấy là cả sự hứa hẹn chắc chắn: Bạn sẽ để lại đây cho đến đông cuối cùng, trước khi tạm biệt một lần được tận hưởng cái xa xỉ, dễ dãi của thiên nhiên: cát trắng và nước mặn; sóng và mặt trời chói chang.

Dù là một ngày giữa tuần, bãi biển cũng rất đông người.

Đoàn chúng tôi ngồi gần chặt cả chiếc xe Hải Âu, nhưng đến góp vui với bãi tắm chiều đó cũng chỉ là một nhóm người bé nhỏ. Vì phần lớn là nữ sinh nên chúng tôi tự nhiên đi xa mãi về phía cuối bãi. (Cũng có thể là vì nghèo nên chúng tôi muốn đi càng xa các quán xá càng tốt).

Cảnh nhộn nhịp, sống động của biển đã làm tôi khuây khỏa. Để mặc mọi người lo chuẩn bị, sửa soạn đồ tắm, tôi cởi nhanh quần áo ngoài rồi lội ào xuống biển. Sóng khá lớn, và vì thế tôi nhanh chóng có được cảm giác chao đảo, bồng bềnh.

Lúc đầu, tôi định bơi thật xa bờ, nhưng ngay sau đấy, sợ bị chuột rút nên vội quay lại. Tôi nhìn quanh. Xung quanh tôi là vô số những nụ cười rạng rỡ, thỏa mãn. Những thân hình rắn chắc, rậm nắng của các chàng trai, quần quýt bên những tấm thân căng tròn, mềm mại, trắng hồng của các thiếu nữ. Bất chợt, tôi tự ngắm mình: ngực lép, da bắt đầu nhăn và đầu gối đã đến độ đầy đủ hình dạng. Tóc tôi bết lại, dính sát vào da đầu (tại nước biển?) để lộ một mảng hói, lấy tay sờ vào thật chẳng dễ chịu chút nào.

Tự nhiên, một nỗi buồn vô cớ, không rõ hình dạng làm cho tôi không thích tắm nữa. Tôi đi dần vào bờ, cố tình lơ đi cái vẫy tay của Nguyễn Hồng đang chỉ vào cô em gái. Trên đường đi - hẳn đã tể nhị giao cho tôi “trông nom” ba mẹ con đứa em, “để đề phòng...” (Thực ra tôi hiểu đây không phải là lý do chính. Hẳn muốn cho tôi đỡ buồn, và để cho tôi có cớ mà sử dụng túi tiền của hẳn thoải mái hơn).

Tôi chọn một chỗ vắng cách xa lều của chúng tôi vài chục mét rồi nằm dài trên cát. Chưa bao giờ tôi thấy thấm thía đến cái tuổi xế chiều cô đơn và bất lực của mình. Tôi cố tìm xem ngoài kia, phía biển, có người đàn bà nào đó tắm một mình, nhưng chẳng thấy. “Minh lên là đúng” Tôi lẩm bẩm. Tôi nhìn xa về phía chân trời, mặt trời đang hắt vào mây những rặng đỏ cuối cùng. Chiều đang tàn.

Không biết tôi đã nằm như thế bao lâu, chỉ để nghĩ vẩn vơ, cho đến khi chợt tỉnh vì một giọng nói nhẹ mà tôi tin chắc đó là giọng của người Đà Nẵng.

- Mời thầy ăn dưa.

Tôi ngồi dậy. Trước mặt tôi là cô gái tầm thước, mặc bộ đồ tắm khá “độc” quần lửng, áo thun màu hồng bó sát thân hình đẹp. Nước biển đang rùng rùng đổ xuống cát dưới chân cô gái. Cô gái có cái nhìn gọi cảm và quyến rũ đến kỳ lạ.

Tôi quên mất là mình đã già:

- À, ờ... Cảm ơn... À... Tôi không muốn ăn.

- Thầy ăn một chút cho vui.

Cô gái nài nỉ. Mắt cô ta đen và lấp lánh những ánh nhìn tinh nghịch, thẳng thắn. Tôi cầm trái dưa gang cô gái trao, bàn tay vô tình đụng phải những ngón tay mềm, mát rượi. Tôi cố gắng bẻ đôi trái dưa sao cho phần của mình thật ít rồi đưa cho cô gái phần lớn hơn.

- Cảm ơn. Tôi bấy nhiêu đủ rồi.

Cô gái thoáng cười:

- Thầy cho phép?

- Ồ. Không sao mà. Em ngồi xuống đi.

Rất tự nhiên, cô nữ sinh ngồi xuống cát, hơi nghiêng người về phía mặt trời. Hai chân cô hơi co lại. Và không hiểu bằng cách nào, hầu như cả hai chân cô ta đều ngập trong cát ướt.

- Em học năm thứ mấy rồi? - Tôi hỏi, trước khi cắn một miếng dưa.

- Dạ em học năm thứ hai. À, em xin lỗi. Em thấy thầy có vẻ buồn. Tại sao ra tới biển rồi mà thầy lại không vui?

Tôi cười. Đây là lần thứ ba, thứ tư gì đó trong ngày tôi đã cố gắng cười:

- Theo em thì vì sao nào?

Cô gái cười khúc khích:

- Ôi, em đâu có biết. Có lẽ bởi không có cô và các cháu đi cùng nên thầy buồn đúng không?

- Đún...ng.

Cô gái nhướn mắt:

- Như vậy là còn một nguyên nhân nữa.

“Chà, với con bé này phải cẩn thận. Mình mới chỉ kéo hơi dài chữ “đúng”, hẳn đã nhận ra liền”. Tôi tự nhắc mình và lắc đầu, trả lời.

- Trên đời chẳng có cái gì có một nguyên nhân cả.

- Câu ấy của thầy Tần dạy triết đó thầy.

Bài đầu tiên, năm một cộng một cái nhìn lạnh một khuôn mặt nghiêm bằng thuyết phục và ghi nhớ.

- Cô “quái” lắm.

Cô gái lại mỉm cười:

- Quái là tên kèm của em đó thầy. Nó còn chính hơn cả tên chính trong khai sinh nữa cơ.

- Cô là công an chẳng?

- Ô, không. Tính em thế. Ai tìm cách nói chuyện thì em lảng ra và ngược lại. Em cứ thích bắt chuyện với những ai ngồi một mình.

- Cảm ơn em đã động viên. Con gái đầu của tôi năm nay mười một tuổi.

- Chính vì thế mà em đến đây. Bọn em ăn dưa, cái Vinh nó bảo: “Đứa nào đi mời thầy gì ở đằng kia ăn dưa”. Vậy là em đi liền. Thầy ạ, em rất thích nói chuyện với người lớn tuổi.

- Em có vẻ thích biển lắm nhỉ?

- Chà, khỏi chê, thầy. Em thích biển vô cùng. Tối biển em thấy mình thoải mái, tự do hơn. Cả tự tin và khỏe mạnh hơn nữa. Biển cho em

được cười không phải giữ ý, được nói to mà chẳng sợ mấy đứa cùng phòng nhăn mặt. Nhiều, nhiều nữa... Thế thấy có thích không?

“Nhờ có biển mà tôi được ngắm thân hình tuyệt đẹp của cô nữa”. Tôi tự thầm nói nhanh với mình.

- Cũng vừa vừa thôi.

- Thấy khách sáo quá à. À, mà em chỉ không ưa người lớn một chuyện: họ hay nói vòng vo, tránh đi thẳng vào vấn đề. Xin lỗi thầy. Thầy nghĩ thế nào về biển ạ?

Tôi hơi nhướn mắt, cố hiểu xem cô bé này muốn gì. Không lẽ chỉ đến gặp một lão già để nói chuyện cho vui thôi sao? Đằng kia thiếu gì các chàng sinh viên đẹp trai, khỏe mạnh.

- Tôi nghĩ gì về biển ư? Ồ nó giống như tình yêu ấy. Nó xô vào ta khi ta không muốn. Nó kéo ta ra xa khi ta muốn đứng lại. Nó dìu ta xuống đáy sóng khi ta cười và rồi, nó nâng ta lên, giũ cột ta khi ta bị ngập nước...

Cô gái vỗ tay, cười ròn rã. Còn tôi, sém chút nữa thì tôi tự đánh mất mình vì cái tội quên mất giới hạn thầy trò. “Vớ vẩn. Tôi tự trách mình - Chưa gì đã mở máy hát. Ca những giọng ca cũ rích sặc mùi tán tỉnh. Sao mày không biết xấu hổ? Sao mày dám nói với một cô gái ngây thơ những lời như thế? Sao mày đã từng bảo - mày căm ghét, ghê tởm khi nhìn thấy cảnh một con sâu róm già nua, mốc thối đang bò trên một chiếc lá rau diếp xanh non? Trời đất, thật là đốn mạt!”

Về mặt tôi lúc đó có lẽ trông khác lắm nên cô gái chột hời, với ánh mắt rất băn khoăn:

- Thấy làm sao thế? Cho phép em tò mò chút xíu. Nghe thầy nói về biển, em tin rằng hồi trẻ thầy đã yêu nhiều lắm.

- Ủ, đúng. - Tôi quên mất là đang bị cô bé ranh này dẫn chuyện, trả lời như một cái máy - thậm chí tôi đã không nhớ nổi những kỷ niệm thời tuổi trẻ của mình. Nói theo ngôn ngữ của Vương Hồng Sển - tác giả của

cuốn khảo cứu tuyệt vời “Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa” - Ngừng một lát để chờ cái gật đầu của cô gái, tôi nói tiếp - tôi đã có “nửa đời hư hỏng”...

Tôi hơi bối rối khi cô nữ sinh trẻ hơn tôi một nửa tuổi đời cứ mở to mắt nhìn tôi chăm chú. Tôi nói tiếp:

- Có một người tôi đã yêu tha thiết rất cục tôi phát hiện rằng cô ấy mắc bệnh đồng tính luyến ái. Một cô nữa tôi yêu không kém, nhưng lại chê tôi nghèo. Và có một người, tôi đã dành hầu hết cuộc đời mình cho cô ta, nhưng cô ấy có lần đã bỏ tôi đi theo một gã tài xế xe hỏa. Và tất nhiên cũng có vài ba cô gái yêu tôi nhưng tôi lại bỏ rơi họ...

Tôi chưa kịp tự trách mình đã nói chuyện vô duyên thì cô nữ sinh lớn hơn con gái tôi chừng 8-9 tuổi gì đấy xoay hẳn người lại, nhìn thẳng vào mắt tôi thật bạo dạn, rồi nói:

- Vậy em đã biết ai trong số đó là vợ thầy, ồ mà không. Cũng có khi không đúng. Có thể vợ thầy có cả ba tính cách cũng nên.

“Đây là một cô gái không bao giờ khuất tất trước bất kỳ việc gì; nhưng đồng thời cũng là một tiểu thư nhõng nhẽo có hạng”. Tôi nghĩ, hơi lắc nhẹ cái đầu vốn rất nhẹ vì ít tóc đen, nhiều tóc trắng của mình.

- Cô hiểu đời hơn tôi tưởng đấy. Lại còn tin và hay võ đoán nữa. Giả sử tôi còn nói đùa cho vui thì sao?

- Thầy yên tâm vì em sẽ không đem chuyện thầy kể cho cư xá nghe đâu. (Chà, con ranh. Tôi nghĩ. Nhưng cũng suýt phì cười vì cảm thấy mình đỏ mặt).

- Nhưng em không hiểu tại sao khi thì thầy gọi em là “cô”, lúc lại là “em” thế?

Tôi lúng túng:

- Ở kể ra cách xưng hô ở trường đại học cũng nên quy định mới phải. Thầy gọi trò lung tung cả lên: anh, chị, cô, em, bạn, đồng chí, các ông, các bà... Chà. Cái này tôi sẽ nghiên cứu sau. Tôi tìm cách thoái thác -



Trường hợp của cô đơn giản thôi. Khi tôi thấy mình già, tôi có thể gọi cô là em một cách thoải mái. Khi cần “tỏ thái độ” tôi gọi là “cô” cho có vẻ cách biệt.

- Thầy vẫn chưa trả lời em vì sao thầy buồn cả?

Cô gái nói, hơi cúi đầu. Cô đang như có vẻ mãi mê chuyển cát từ tay này sang tay kia.

Đến lượt tôi nhìn thẳng vào mắt cô gái:

- Thế này nhé. Một trong những nguyên nhân có thể nói được...

- Em xin lỗi thầy, nhưng mà chớ có giảng bài đấy.

Tôi bật cười, không giận vì cô gái đã cắt ngang lời tôi.

- Được rồi. Tôi quan niệm biển - tắm biển là đặc trưng của tuổi trẻ. Chỉ dành riêng cho lớp trẻ. Chỉ có tuổi trẻ mới có thể đem lại cho bãi tắm sức sống và sự mạnh mẽ mà nó đòi hỏi. Những người như tôi chỉ làm cho biển buồn thêm.

Cô gái nhìn như thể tôi sắp chết đuối:

- Em xin phép thầy. Hình như thầy hơi cực đoan. Thầy thử ra tắm một lần nữa đi.

Tôi xua tay:

- Cảm ơn. Rất cảm ơn em nữa là khác. Nhưng tôi không muốn và không thể. Biển bây giờ lạnh lắm. Em xuống tắm với bạn bè đi.

Cô gái đứng lên:

- Dạ, em xin phép thầy. Em...

Cô bỏ dở câu nói, hơi quay người và đi như chạy về với biển.

Bóng cô nhanh chóng chìm khuất trong chiều biển tím nhạt nhòa. Đến lúc đó tôi mới sực nhớ rằng, chúng tôi chưa hề biết tên nhau.

\* \* \*

Đêm đó, đoàn chúng tôi trở về trường muộn vì thiếu mất một người - một cô nữ sinh. Tôi không dám hỏi người con gái không cùng trở về với chúng tôi hôm ấy là ai. Tôi đã cố gắng nhìn kỹ từng gương mặt thiếu nữ xung quanh tôi để tìm xem có cô gái đã nói chuyện cùng tôi chiều ấy hay không, nhưng cuối cùng, tôi cũng không dám đoán chắc là không có. Nét mặt ai cũng nghiêm nghị, mệt mỏi. Không ai dám nghĩ cô gái “mất tích” đó đã chết đuối, trừ trưởng đoàn, cậu Tâm. Cậu ta lo lắng đi trình báo công an. Cậu trả lời là một lời an ủi: “Yên chí, biển ở đây cạn lắm, không sao đâu”. Có một người nào đó nói rằng, có lẽ cô ta đã gặp một người bạn trai và ở lại đêm trên biển. Hẳn rồi, chiều biển làm sao đẹp bằng một đêm trăng biển? Ai cũng muốn tin là thế. Còn tôi, tôi không dám nghĩ là mình hoàn toàn mong như thế.

Trước đây, tôi rất thích và rất tin vào tính chính xác của câu ngạn ngữ của người Pháp: “Phải có hai người mới có thể khen trời đẹp”.

Nhưng bây giờ, chỉ có một chiều ấy thôi, tôi vẫn mãi tin rằng, hoàng hôn ở biển thật là tuyệt vời. Dẫu chỉ có một người...

*Huế 30-6-1993*

*T.V.H*

# Bức tranh thiếu nữ áo lục

(SH số tháng 2 - 1994)

đó là một du khách đặc biệt, ông ta thường có mặt ở lăng rất sớm, không qua cửa chính, bởi người bán vé vào thăm lăng gần tám giờ mới làm việc, còn ông, bằng cách nào đó đã đi dạo trên những con đường rợp bóng thông, tùng, sù, nhãn từ sớm tinh mơ, khi cái hoàng cung u trầm, diễm lệ của vị vua đã khuất còn chìm trong màn sương. Có khi ông còn làm việc trong ánh sáng lò mờ, yếu ớt của đêm chưa hẳn qua, ngày chưa hẳn tới. Mắt mở căng, ông cố nắm bắt một chút lạnh lẽo, ẩm ướt, run rẩy, tái xám của thứ ánh sáng ma quái bằng những nhát cọ khắc khoải, buống bình cho đến lúc tóm bắt được nó trên lụa trước khi nó vượt vào rặng đông.

Khi hoàng cung của cõi chết bắt đầu hiện ra rõ ràng, diễm lệ dưới ánh dương quang, họa sĩ ngừng tay. Ông ngồi dựa vào thân cây, trang nghiêm, tĩnh mặc như một kẻ thiền tọa, lắng nghe như uống từng giọt âm thanh mê hồn tẩm đẫm hương sù của lũ chim sớm. “Ta trông nơi đây nhiều cây để gọi chim về...”, vị vua chủ nhân lăng từng ước muốn như vậy

ở văn bia. Đối với họa sĩ, khoảnh khắc ấy thật kỳ diệu. Nỗi đời tan biến và ông đắm chìm trong bản hợp xướng tuyệt vời của các chú chim bé bỏng. Chính giữa lúc ấy ông bỗng nghe một tiếng thở dài, ông giật mình nhìn quanh. Chẳng có ai ngoài ông và lũ chim.

Càng ngày họa sĩ càng cảm thấy ông không chỉ một mình trong sớm tinh mơ. Có ai đó luẩn quẩn quanh ông. Một tiếng chân, một tà áo mơ hồ như ảo giác đã làm ông mất thanh thản. Đôi khi ông tưởng như nhìn thấy một đôi mắt trong lùm cây trước mặt, một đôi mắt đen hơn màu đêm, nhìn ông chăm chăm. Bấy giờ ông không làm việc được nữa. Cây cọ vẫn mơn man trên nền lụa nhưng trái tim ông thì đang rình rập. Ông chơi trò cút bắt với một cái bóng. Nó thoát ẩn, thoát hiện, đằng trước, đằng sau... và bao giờ cũng đè nặng lên ông cái nhìn trĩu nặng và nóng bỏng. Thế mà chủ nhân cái nhìn là cô bé mười lăm mười sáu tuổi, một cô bé như bước ra từ một bức tranh cổ với vẻ đẹp lạc loài và y trang lạc thời, tay đẩy hoa sứ, người sực nức mùi thơm ngọt đậm. Ông đang túm vạt áo màu lục của cô, còn cô thì run rẩy như một cọng cỏ. Họa sĩ bất cười ha hả. Kẻ rình ông và ông rình lại chỉ là một cô bé đứng thấu ngực ông! Buông áo cô ra, ông ngắm cô từ đầu đến chân, lập tức cô bỏ chạy. Vệt cỏ sáng lung linh rồi khuất trong màu cây. Ông mơ hồ nghe vọng tiếng lục lạc.

Họa sĩ ra đi thật sớm từ ngày gặp cô. Ông ước ao thực hiện một bức chân dung về cô bé lạ lùng kia, cô bé như một mảnh cổ kính vỡ ra từ đâu đó quanh đây. Thức dậy cùng tiếng chuông chùa, ông có mặt ở lăng khi nó chưa tỉnh ngủ. Ông biết ông không chỉ một mình nhưng nếu ông quay lại lập tức ông chỉ thấy một ảo ảnh, một mảng lục non mơ hồ thấp thoáng trong sương. Càng ngày ông càng thiết tha được vẽ ảo ảnh đó. Có lần ông thử vẽ phác cô căn cứ vào khoảnh khắc đối diện lần đầu nhưng ông không thể nhớ nổi. Gương mặt cô nhạt nhòa và ông chỉ phác họa một cái bóng cũng nhạt nhòa như thể dưới cây đại nở đầy

hoa, giữa chòm lâu đài, miếu tạ nên thơ. Khi ra về, ông để phác họa lại. Sáng hôm sau, nó vẫn ở đấy nhưng được buộc bằng một dải lụa. Mở ra, ông thấy cô bé đã nhốt mình lại bằng một dãy tường thành lờm chờm gương nhon. Thỉnh thoảng, từ những viên gạch rêu phong ló ra một đầu người, khuôn mặt dữ dằn khắc nghiệt. Còn những công trình kiến trúc xinh xắn quanh cô thì bị bôi đen ngòm trông như những nấm mồ, ông sững sờ, cô bé chỉ đứng thấu ngực ông có phải là một cô bé không nhỉ? Tiếng thở dài, rồi bức tranh này nữa! Những gì ông thể hiện hoàn toàn đối nghịch với ông. Chốn lằng tểm nên thơ dưới mắt ông trở thành một mộ địa thực sự dưới mắt cô - lạnh lẽo, âm u, tàn nhẫn. Ông lại nhìn bức tranh gần hoàn thành trên giá. Lềnh bềnh trong sương, nom nó như được vớt lên từ cõi chết, nhợt nhạt trong ánh sáng yếu ớt rồi dần ửng hồng, rõ nét, rõ ràng khoe với ngày một vẻ đẹp tang tóc mê hoặc, cổ kính yên bình. Ông đã ra đi bao ngày trong sương sớm giá buốt, trong tờ mờ tranh tối tranh sáng để cố bắt kịp khoảnh khắc giao thoa giữa ngày - đêm, sống - chết, vui - buồn... Nhưng bây giờ nom nó chỉ là một tác phẩm cùng - kiểu - với - mọi người, tái hiện một vẻ đẹp được thừa nhận. Còn cô, tại sao cô lại phủ nhận.

Mấy tuần nay, cô đã dám thơ thẩn nhật hoa sứ gần ông. Thường khi ông vẽ thì cô ngồi chơi với đồng hoa rụng. Cô sắp chúng thành một con chim xoạc cánh, một dãy núi, một cây thông...

Ông nói với cô:

- Em sẽ vẽ được đấy.
- Nhưng em không vẽ như ông. Chán chết!
- Em muốn vẽ gì?
- Cỏ.

Họa sĩ lấy quyển sổ phác họa, vẽ cho cô một con đường mờ mịt, khuất lấp sau ngọn cỏ. Cô lắc đầu:

- Cỏ đám cưới kia.

Rồi cô chạy đi và trở về bên ông với đôi tay đầy hoa dại. Cô tung chúng lên cỏ.

Thế là ông vẽ cỏ - đám - cưới. Hoa tóc tiên rực rỡ màu nhưng thắm, hoa ngũ sắc đom đống. Hoa bâng khuâng mơ màng. Hoa lồng đèn ngộ nghĩnh... Chúng cưới nhau trên cỏ, khiêu vũ, đùa chơi, gối đầu trên cỏ. Hai mươi năm cầm cọ, họa sĩ chưa bao giờ vẽ một cái gì tươi tắn giản dị, rạo rực sức sống đường kia. Màu sắc cứ tuần tuột khỏi tay ông, chạy ào vào bức tranh, chúng tự tìm chỗ, hối hả reo vui trên nền cỏ rạo rực. Họa sĩ như lành bệnh hẳn sau đợt tranh vẽ cỏ. Ông theo cô vào thế giới cỏ bất tận, đầy bí ẩn giàu tưởng tượng của cô. Sau này khi ông mất, người ta tìm thấy rất nhiều tranh cỡ nhỏ vẽ cỏ. Chúng chẳng bao giờ giống nhau và cũng chẳng chỉ màu xanh. Họ đặt chúng sang một bên, chép miệng: “vớ vẩn”.

Đã đầu đông, trời có những ngày se lạnh, ông vẫn lên lảng, ông lên chơi với cô bé. Giữa họ không tuổi tác, khoảng cách, thời gian. Sáng nay, đứng cách nhau nửa sải tay, ông bàng hoàng nhận ra cô bé lớn nhanh quá. Cô thiếu nữ mười lăm mười bảy hai mươi và bây giờ, trước mặt ông, nom cô như một thiếu phụ héo hon, bất hạnh. Phải vẽ nhanh kẻo không kịp nữa, ông nhủ thầm.

- Này em, tôi muốn vẽ em trên cỏ và sau đó em đặt một cái tên gì đó tùy em. Nhưng phải mau lên, kẻo tôi vẽ bà già mất!

- Thì em “già rồi”! - Cô cười, hé những chiếc răng tựa ngọc.

Thiếu phụ biến mất. Trước mặt ông lại là cô bé, nom như cọng cỏ, một cô bé thơ ngây và xa lạ, cô đơn và lạc lõng, như đi ra từ một câu chuyện xa xưa. Ông bối rối ngơ ngác.

- Khi vui em trẻ, khi buồn em già. Ông đừng để ý.

- Bé như em có chi mà buồn?

- Em chẳng làm được chi theo ý em. Cô xịu mặt.

- Thế em muốn chi?

Cô nói lảng:

- Sáng nay cỏ rét đấy!

- Sao em biết?

- Chúng xanh ra.

- Em có rét không? Em mặc phong phanh quá!

Ông cởi áo khoác choàng lên vai cô. Cô rung mình. Bàn tay cô như muốn hắt ra, nửa như bấu chặt. Cô lắp bắp:

- Ấm quá... ấm quá... Em chưa khi mô ấm như thế ni.

- Cho em luôn đó.

- Em không được nhận. Em phải đi đây. Mai ông đến không?

- Nếu em chịu ngồi cho tôi vẽ?

- Nhưng phải sớm nữa kia.

- Sớm quá làm sao thấy em. Ngày mai em có muốn tôi đem gì cho em không? Kẹo, búp bê? Cho em đừng mau lớn quá.

- Không! Em chỉ muốn ra ngoài kia. Cô chỉ tay về phía núi xanh xanh

- và... đi với ông. - Em chưa hề đi với người đàn ông nào cả.

- Mai ta đi.

- Em không được phép.

- Trốn!

- Không trốn được.

- Tường thấp lắm. Tôi sẽ đỡ em trèo.

Nhưng cô sợ hãi thật sự. Mặt cô tái mét. Mắt nhìn ngược xuôi. Ông chợt nhớ những đầu người dữ dằn ló ra từ những viên gạch cô vẽ và sự khiếp sợ của cô như luồng gió tạt qua làm ông rung mình. Đó là buổi cuối cùng ông gặp cô trên lăng.

Khi cô đi rồi, ông trở về nhà, từ lã đến chỗ ông ngụ ở làng Dương Xuân Thượng không xa lắm. Người bác già càu nhàu: “Mi là thằng điên. Đi chơi sớm rứa có đi chơi với ma. Đi về sớm rứa có về người chết. Trời đất thì độc địa. Mấy chỗ đó thì đầy âm khí. Vua mô mắt cũng hàng chục tá đàn bà con gái theo hầu, suốt đời hương khói...”. Người bác bỏ lửng câu nói, vắn điệu thuốc Cẩm Lệ rồi bật luôn, đứng dậy đi ra vườn.

Ông vào phòng mở tung mọi cánh cửa. Sớm mai phảng phất mùi mít chín cây. Chiếc bàn nhỏ bừa bãi thuốc lá, sơn cọ. Góc phòng có một bức tranh đầy sùm sụp mảnh vải. Ông đến giật tấm vải phủ. Người đàn bà trong tranh trần truồng tắm nắng mai, mắt nhắm nghiền, gương mặt nhăn nhúm. Thoạt đầu ông chỉ muốn tái hiện gương mặt người vợ khi bắt gặp nàng trong tay “vị - cứu - tinh”. Mắt trùng trùng, những nhát cọ sắc như dao, ông rạch trên mặt vải những đường nét biến dạng của một gương mặt no nê khoái cảm để nó không còn trú ẩn trong tâm thức ông nữa. Mỗi ngày, ông đứng bảy đến tám giờ bên giá vẽ. Nhưng càng vẽ, nỗi căm thù, khinh bỉ càng biến mất. Chỉ còn ông và hội họa của ông. Người đàn bà trong tranh không còn là hình ảnh của vợ ông nữa, đó chỉ là một người nữ đang sống những phút mê đắm trần thế phù du, gương mặt nhăn lại như đau đớn. Một đợt sóng buồn âm u thương cảm trào dâng làm dịu dần những nhát cọ của ông, làm khinh phiêu những sợi tóc rối của người đàn bà, khiến nàng bơi trong làn ánh sáng dữ dội và mê hoặc.

Ngày cuối, khi đường cọ sau cùng, kiệt sức và trống rỗng, ông bàng hoàng nhận ra đó là một tác phẩm đẹp nhất của ông, ông đã trút cạn ở đó nỗi đắng cay và nguồn sinh lực, sự thống khổ và niềm đam mê. Từ lâu ông không làm việc như thế. Từ lâu ông đã vẽ - như ngủ. Đôi tay tài hoa của ông điều khiển lấy mọi việc. Chúng làm đủ trò ảo thuật trên vải. Kỹ thuật càng tinh tế, tranh ông càng toát ra cái vị vô hồn. Chúng không có những góc ngách bí ẩn. Không có nguồn sinh lực tiếp máu cho hình khối, màu sắc, đường nét. Những điều đó, dường như chỉ mỗi mình



ông nhận thấy bởi chúng vẫn thường được ca ngợi, ham chuộng và biến thành những chồng tiền rất dày. Chúng nhìn ông với vẻ ngạo nghễ, xa lạ. Tranh ông ngày càng có mặt ở nhiều gallery trong nước và nước ngoài. Cha đẻ của chúng thì không hề thấy. Chỉ người vợ gương mặt trang điểm kỹ lưỡng như đeo mặt nạ, nụ cười đông cứng chuẩn mực trên môi và một người đàn ông lịch sự, nói tiếng Anh như gió, luôn tràn trề vẻ xót thương và lòng tận tụy trong việc bồi đắp tiền bạc, danh vọng cho ông. Vợ ông gọi hắn là “vị cứu tinh”. Càng giàu có, người ta càng thấy họa sĩ lang thang trên đường phố, như một kẻ vô gia cư, áo quần lôi thôi, tóc tai bù xù. Có khi ông biến đi đâu cả hai ba ngày, đám bạn bè thừa thãi lời khen và bia bọt không thể nào thấy được. Chỉ có lũ chim sẻ biết. Ông cho chúng ăn, thì thăm trò chuyện với chúng. Sau hai, ba ngày, ông ló đầu ra, tóc tai đầy mạng nhện, quẳng xuống từ căn gác xép sát mái mấy bức tranh vẽ những mảng trời không yên tĩnh bé bằng manh chiếu, những bức tranh vợ ông cần nhả vì bán không chạy. Có lần bà bắt gặp ông ở họa phòng vào hai giờ sáng, ngọn nến trước mặt, lăm lăm trước một khung tranh trắng toát, còn những hình nhân trong bức tranh quanh ông thì như lũ âm binh, vàng vọt, dài thượt, leo lét nhảy múa dưới ánh nến. Họa sĩ cầm nến dí vào chúng với vẻ ghê tởm. Vợ ông hét lên. Từ đó ông trở thành bệnh nhân của bệnh viện tâm thần. Giới hội họa xôn xao bàn tán. Họ gọi đó là số phận thiên tài. Còn “vị cứu tinh” thì được dịp chúng tỏ lòng tận tụy.

Quả từ khi có hắn, tiền bạc vào nhà ông như nước và ngược lại, nước cuốn theo sự đói nghèo, yên bình, đam mê sáng tạo và cả hạnh phúc.

Vâng! Nếu không có “vị cứu tinh” xuất hiện vào một chiều mưa tám năm về trước, ở gallery tẻ lạnh của ông thì bây giờ ông không ở đây mà bên cạnh vợ con hoặc trong cái chòi nhỏ sau vườn, nơi ông đắm chìm trong đơn độc sáng tạo. Anh ta đến chỉ tình cờ núp mưa và chột rùng mình trước những bức tranh ế ẩm của người họa sĩ vô danh có vẻ mặt

đăm chiêu, khắc khổ. Vốn sống bằng nghề môi giới tranh, anh ta đánh hơi mình sẽ được gì từ cái gallery thừa thớt mấy người này. Anh ta trở lại với một trùm buôn tranh tầm cỡ quốc tế, đặc biệt sính tranh Á Đông. Ngày hôm đó, họa sĩ đem họ về nhà. Ông lôi ra từ dưới gầm giường, trên mái, trên vách những bức tranh chưa hề được triển lãm. Chúng nóng hôi hổi như những viên hồng ngọc thô mới lôi lên từ lòng đất. Hai vị khách ngồi chồm hổm, có khi gần như bò để xem tranh. Chúng nằm la liệt trên sàn nhà, chẳng khung, chẳng tên nhưng coi người nặng trĩu, ngọn gió hư vô xào xạc trong vô thanh cứ làm họ bàng hoàng. Tất cả ngồn ngộn một sức sống mãnh liệt ứ trào khỏi mầu sắc và hữu hạn.

Từ đó cuộc sống ông không còn là của ông nữa. Tiền bạc, danh vọng ủa vào trong nhà ông như một lũ xâm lăng. Chúng làm mất quân bình mọi cái, khuôn đi mọi cái, thay đổi mọi cái. Ngay cả ông cũng không còn nhận ra vợ con, bạn bè mình. Họ đẹp ra, sang ra, thân tình hết mực nhưng... hoàn toàn xa lạ!

Bây giờ ông ở đây sau khi li dị. Ra tòa vợ ông là kẻ thắng thế vì nghiêm nhiên ông là kẻ suy nhược thần kinh nặng trước mọi người và cả y học.

Thoạt đầu ông định nghỉ ngơi ở Huế vài tuần nhưng ông đã ở nửa năm và không muốn đi nữa. Ông không ngừng ngạc nhiên trước những tặng vật nho nhỏ của thành phố này. Một bông hoa đại hỗn nhiên nở trong bụi cỏ trên vỉa hè lát đá của một đại lộ. Ngôi nhà hoang phế liêu xiêu, cánh cửa rục rã, mái trấu thời gian vẫn tự tại có mặt bên cạnh những ngôi nhà kiến trúc kiểu mới như một đại diện của quá khứ. Ông lãng đãng mơ màng trong không khí trầm lắng, êm ả, trong nhịp điệu từ tốn, chậm rãi của thành phố đứng bên lề sự chuyển động chóng mặt của thời đại. Ông lang thang khắp chốn Huế từ tốn, lặng lẽ hồi sinh cho ông.

\* \* \*

Ông bắt tay vào việc thực hiện chân dung thiếu nữ áo lục lúc Huế thật

sự bước vào mùa đông. Không gian trắng xóa mưa buồn, lê thê giọt vắn, giọt dài suốt suốt. Trời lạnh như cắt. Người bác già co ro xuýt xoa bên cái lồng ấp nhỏ bằng tre ủ những cục than hồng. Còn ông, ông đóng cửa và bắt đầu vẽ.

Chưa bao giờ ông làm việc khó khăn đến thế. Mấy lần thay lụa, cô vẫn như cái bóng không nắm bắt được. Khái niệm về thời gian và tuổi tác không tồn tại nơi cô. Ông hình dung cô lúc mới gặp, cô thiếu nữ trẻ măng, bối rối thì cô lại hiện trên vải như một thiếu phụ, khỏe miệng cay đắng, đuôi mắt li ti vết chân chim. Có lúc người thiếu phụ ấy lại như cọng cỏ mùa xuân xao xuyến, áo mầu lục non, ánh mắt cháy bỏng... Cô hiện ra lung linh và bất định, lúc già, lúc trẻ, lúc buồn, lúc vui, lúc rõ như sờ nắm được, lúc nhạt nhòa mơ hồ như một ảo ảnh đến nỗi ông có cảm tưởng ông bệnh và cô chỉ là một ảo giác của người bệnh. Bức chân dung về cô mấy tuần rồi vẫn dừng lại ở cái nền và y trang. Buông cọng vì bất lực, ông mặc áo ấm và đi lên lảng. Từ sau buổi sáng ấy, ông không còn được gặp cô nữa. Lúc đó đã bốn giờ chiều. Trời thật rét. Chẳng có du khách, cũng chẳng có cô, chỉ có những tượng đá trầm mặc và ngàn thông rũ tóc khóc than. Sự quạnh vắng của cõi chết thật khủng khiếp. Ngồi một lúc ông đứng dậy ra về, và đúng lúc đó, ông trông thấy cô. Cô đứng trầm ngâm bên hồ bán nguyệt, lặng lẽ nhìn về phía núi. Trời lạnh mà cô vẫn phong phanh tấm áo mỏng. Mừng rỡ ông kêu lên. Ông vừa chạy vừa gọi. Tiếng chân ông dội vào hoang vắng. Tiếng gọi của ông loảng trong tiếng thông xào xạc. Ông chạy và cảm thấy khoảng cách giữa ông và cô không ngắn lại. Lật đật ông vấp té. Khi đứng dậy, cô không còn ở đó nữa. Tuyệt vọng, ông tựa vào bờ thành thở hổn hển. Hơi thở phả ra lập tức biến thành khói trắng tan trong lạnh giá.

Tối hôm đó ông bị ốm. Người bác già vừa nấu cháo hành giải cảm vừa lầm bầm gọi ông là thằng điên. Vui trong chán, ông mơ hồ nghe tiếng gõ vào cửa kính. Mưa đấy. Ông thăm nhủ. Nhưng không phải mưa. Một

que diêm, hai que diêm lóe lên và ông thấy một gương mặt nhòe nhoẹt nước áp vào cửa kính. Ông nhận ra đó là gương mặt ông đã hoài công tái hiện trong tranh. Run rẩy, ông ngồi dậy. Không kịp bật đèn, đi chân trần, ông đến mở cửa. Một tấm thân mảnh mai, sũng nước đổ áp vào ông. Ông dìu cô đến giường và bật ngọn đèn ngủ. Cô tươi tắn như một cành hoa trong mưa gió. Áo quần ướt đẫm, tóc bết dính, cái lồng ấp nhỏ trong tay cô cũng tắt ngúm và đầy nước; chỉ có đôi mắt cô là như hai hòn than rực cháy sự liễu lĩnh, thách thức. Ông lấy áo quần mình tự thay cho cô. Tay ông chạm vào làn da mịn bóng như sa tanh phảng phất hương trầm. Cô nhắm nghiền mắt, lả đi trên gối, phập phồng thốn thốc dưới tay ông. Thay áo cho cô xong, ông kéo chăn lên tận cằm, bước xuống tìm nệm. Ông tắt đèn thắp hết nệm lên và quỳ xuống bên cô, nâng gương mặt cô trong tay. Bây giờ ông có thể chạm nó như một thực thể, thấy rõ từng nét mày, khóe môi, cả nốt ruồi son bên cánh mũi. Dưới ánh nến, được rửa bằng nước mưa và nước mắt, gương mặt đó sáng rõ vì hạnh phúc, nồng nàn, trẻ măng. Ông kéo giá vẽ lại gần. Trong bức tranh gần hoàn thành ông vẽ gương mặt thiếu nữ áo lục. Ông làm việc mê man. Khi ông rời nó, cô đã ngủ. Trong giấc mơ, cô lặp bập những lời vô nghĩa đối với ông:

- Từ Cẩm thành... xin lửa... đêm đông chí...

Tắt những ngọn nến, ông nằm xuống bên cô.

Sáng hôm sau, họa sĩ dậy trễ. Người bác bưng ly sữa đến tận phòng. Ông cầu nhàu khi thấy cửa không cài. Cái thang đang trí đã để gió lùa suốt đêm. Ông đến lay đứa cháu còn nằm trong chăn ấm. Lập tức ly sữa lai láng trên nệm. Ông già meo máo kêu lên. Nhưng căn phòng rộng trong khu vườn mít chỉ có hai người. Một nằm đó, bình yên như ngủ, thân thể lạnh giá. Một đứng đó, meo máo cô độc. Bên cạnh họ là bức tranh chưa ráo sơn trên giá. Người thiếu nữ trong y trang mầu lục, cổ đeo kiềng vàng, tươi tắn như chiếc lá mùa xuân. Quanh cô, dờn dợn một biển cỏ. Trước mặt, một rặng núi xanh. Gió lạnh tạt vào phòng, gờn gợn

bức tranh lụa. Người đàn ông già kinh hoàng dụi mắt. Ông thấy một cái bóng nữa bên cô, nhạt nhòa, cao lớn. Cả hai sóng đôi chạy về phía núi.

Nhận được tin ông mất, người vợ cũ và “vị cứu tinh” ra Huế ngay lập tức. Họ không để ý người chết. Họ để mắt tới những bức tranh nhất là bức tranh thiếu nữ áo lục. Họ gói ghém chúng cẩn thận. Chúng sẽ theo họ về bằng máy bay.

Khi hai người thận trọng tháo gỡ giấy bọc để trình bày với giới mua tranh kiệt tác cuối cùng của họa sĩ tài ba, họ kinh hoàng nhận thấy thiếu nữ áo lục đã mất mặt. Gương mặt diễm lệ, tươi tắn dường kia chỉ còn là một khoảng trống không đường nét, không màu sắc, một khoảng trống thật tẻ hại trong bức tranh đáng lẽ thật toàn bích.

11-1992

Q.H

N G U Y Ễ N   Q U A N G   L Ậ P

# Đợi đến mùa hoa phượng

(SH số tháng 3 - 1994)

*Em không thể chờ anh*

*Mùa hoa phượng còn xa*

*Xa hơn một đời người*

*Em không thể chờ anh*

(Thơ của một nhân vật trong truyện)

Vẫn ông hiệu trưởng gõ cửa nhà chị vào lúc khuya khoắt thế này. Trên tay cầm xì rượu sẵn, ông chui qua tấm cửa liếp, đứng giữa nhà hô một hồi, đoạn cười cái xoẹt:

- Còn gì khả dĩ không cô Mị?

Câu hỏi muôn thừa về thực phẩm ông cần để đổ nốt xì rượu cuối cùng vào bụng, kết thúc một ngày bình an vô sự dưới đáy một thung lũng hoang tàn.

Tất nhiên là vẫn còn, không ít thì nhiều chị dành cho ông một đĩa cà muối, khúc cá kho hay một vài miếng da trâu nướng... Dù vậy, không khi nào chị đưa ngay cho ông.

- Thầy uống ít thôi. Rượu sắn chú bổ béo gì.

- Cuộc sống mà... - Ông cười cười - Cuộc sống thì có gì bổ béo đâu, thế mà ai cũng ham sống? Ha ha... Tôi *triết ní* đấy...

Mị cười. Đến chịu ông, khi nào cũng đùa vui nhí nhố được, kể cả khi lãnh đạo về thăm trường. Ở cái nơi khí ho cò gáy này, nếu không có ông chắc bốn chục nóc nhà trong thung lũng đều chết héo chứ chẳng riêng gì chị.

Ông làm hiệu trưởng một trường có năm lớp, gần năm chục học trò và bốn giáo viên nữ, ấy là trường tiểu học nhỏ nhất thế giới, như ông vẫn nói với mọi người. Ông là cán bộ xã được điều về phụ trách trường, đã ba chục năm nay ông vẫn phụ trách trường không có ai thay thế.

Điều đó làm cho ông cực kỳ thích thú. Mỗi khi có rượu vào, ông vẫn khua chân múa tay với mấy giáo viên nữ: “Tôi không biết dạy nhưng tôi biết làm hiệu trưởng. Và vì không có thằng đếch nào dưới xuôi ngu đến nỗi bò lên đây tranh chức hiệu trưởng của tôi, ha ha, thế là bố mày sẽ làm hiệu trưởng đến già! Bố mày không có trình độ nhưng bố mày biết *triết ní*. Cấp trên mà nghe bố mày *triết ní* là cú vỗ đùi đen đét!”. Ông cười khi khi khi, lại cười ha ha ha, rồi xua tay: “Các cô đi dạy đi! Dạy tử tế vào. Bố mày đi ngủ đây”.

Hết “tôi” lại “bố mày” và ngủ. Chiều chiều đi thăm phụ huynh, tức là đi uống rượu, rồi thế nào cũng xách được một xị rượu sắn mò về nhà chị vào lúc khuya khoắt thế này.

Chị đưa cho ông bát cá khô rang mỡ. Ông cười tít mắt:

- Tuyệt quá. Ở trường này không ai không thương thằng già này. Giá cấp trên cũng thương tôi như các cô thì...

- Thì vẫn thương đấy chứ. Thầy cứ nói....

- Ờ thì thương. Lãnh đạo không thương lãnh đạo thì thương ai? Thương, nhưng trả lương bằng tiền. Giá cứ trả lương cho tôi một ngày hai xị mẩy lại một đĩa mồi, thế có khả dĩ hơn không?

Ông nhấp từng tí một, thỉnh thoảng lại ngó xuống xì rượu xem còn “khả dĩ” là bao nhiêu. Ông sợ hết rượu, còn chị thì sợ ông về. Ở tuổi chị, không gì sợ hơn khi một mình đối diện với cái bóng của mình.

Mà cái bóng cũng chẳng còn ra cái bóng nữa. Nham nhở và dài ngoẵng. Thỉnh thoảng từ dưới đất mọc ngược lên, từ trên nóc nhà đổ ập xuống. Thỉnh thoảng bò đi bò lại trên vách như một con thằn lằn khổng lồ rồi bất chợt vo tròn rơi phịch xuống chiếu như một đồng giẻ rách. Thỉnh thoảng rung lên bần bật, tay chân khua khoắng như động kinh. Thỉnh thoảng cuộn chặt lấy cột nhà, hai tay vịn vẹo những ống tròn.

Làm sao chị có thể thừa nhận nó là chị? Chị vẫn thế này kia mà: bốn mươi tư tuổi, mập và trắng. Tóc hãy còn xanh, dù đã vơi đi khá nhiều. Và bộ ngực nữa, nó khẽ rung lên trong đêm, ngọt và ấm. Đối với chị, bóng tối luôn luôn nguy hiểm và đều cáng, nó tìm mọi cách dìm chết tuổi thanh xuân của chị. Trong khi chị như lửa. Đúng thế, như lửa. Nhưng không có gì, không cách gì để tỏa sáng.

Cuối cùng rượu cũng hết. Chị nửa muốn mua thêm rượu cho ông, nửa muốn ông về. Ông thì cứ chóp chép miệng hoài, nửa muốn uống thêm, nửa muốn nói với chị một điều gì. Họ rầu rĩ nhìn nhau. Chú và cháu. Thấy và trò. Đã ba mươi năm vẫn quan hệ ấy, không gì khác hơn. Trời xui đất khiến thế nào mà đến giờ trong thung lũng chỉ còn họ là độc thân. Tuy thế quan hệ ấy vẫn không hề khác đi, có khi còn ấm áp hơn bao giờ hết.

- Cô Mị này, tôi cần chút rượu nữa...
- Thôi, thấy...
- Một chút khả dĩ thôi.
- Chết vì rượu không hay hóm gì đâu, thấy.

Ông hiệu trưởng trợn mắt. Rất lâu sau, ông nói, giọng run run:

- Vậy cô bảo: chết vì cái gì thì hay?



Mị cúi xuống tránh cái nhìn của ông. Chị cầm lấy chai rượu chạy ào ra cửa. Chị sợ chị sẽ khóc òa trước mắt ông. Câu hỏi vô tình của ông khiến chị vụt nhớ đến kỷ niệm mười ba mươi năm về trước. Vẫn là kỷ niệm thôi, lại là kỷ niệm thừa thiếu thời, nhưng đối với chị nó nghiêm trọng như một tấm huân chương, phía bên này lấp lánh hào quang, phía bên kia là nỗi đau không bao giờ dứt.

Ôi tuổi thiếu thời nhiều mộng tưởng điên rồ và xuẩn ngốc. Có ai như chị không, mới mười bốn tuổi đã cả gan ngồi thu lu một mình sau tảng đá hàng giờ liền chờ đợi một người đàn ông. Suối R. hồi hộp chảy qua trước mặt chị, nước trong vắt, có thể nhìn rõ từng viên cuội nhỏ đang lúc lắc dưới đáy. Chị nghĩ là nó hồi hộp nhiều hơn chị, bởi vì anh ấy sẽ ngập vào nó, sẽ vùng vẫy trong nó và nó sẽ tha hồ vuốt ve anh. Còn chị chỉ được cái quyền duy nhất là nhìn trộm nó và anh từ phía sau tảng đá.

Thật không ra làm sao khi lần đầu tiên chị nhìn thấy... Chị không còn nhớ lúc đó chị có đỏ mặt lên không, hai tai có nóng rực lên không. Ấn tượng duy nhất chị còn nhớ được là sự kinh ngạc, không ngờ nó lại ghé góm làm vậy. Nhưng chị không cần nó. Không không không, chị không cần. Chị cần nhìn anh, cần ngắm vuốt anh mỗi ban mai anh vừa tắm vừa huýt sáo trong lòng suối.

Anh đẹp như các hiệp sĩ trong các sách tập đọc, một vẻ đẹp thần thánh dưới mắt cô bé chưa lần nào bước ra khỏi thung lũng. Mỗi tình của hiệp sĩ hào hoa với cô bé quàng khăn đỏ đi tìm hạt dẻ, tình cờ gặp nhau, yêu nhau, hẹn hò nhau bên bờ suối, một bờ suối có nắng có hoa có vượn hú chim kêu có sương rơi bướm đậu đã được vẽ ra trong trí tưởng tượng phì nhiêu của chị, khiến chị ngộp thở vì sung sướng.

Chị không biết anh là ai, từ đâu tới. Một buổi sáng đi kiếm củi, chị bất ngờ nhìn thấy anh từ phía sau tảng đá. Thế thôi, giản dị như cổ tích. Ròng rã mười ngày trời chị cố gắng tìm mọi cách để anh biết được chị. Nếu anh bất ngờ nhìn thấy chị, anh sẽ làm gì? Không biết. Nhưng khi đó thật tuyệt vời, chị nghĩ thế.

Chị thử ném một viên sỏi, thử bẻ một cành cây, thử ho lên mấy tiếng. Kỳ quặc, anh vẫn huyết sáo. Chị chuôi hai tay lên phía trước tảng đá, tiếng huyết sáo vẫn không ngừng. Chị nhô đầu lên, nhô thật cao, nhìn anh đắm đắm. Anh vẫn không hay biết.

Chị tức tưởi khóc cười sau tảng đá cho đến khi anh rời bờ suối mất hút trong rừng dẻ tím. Vậy là hết một ban mai, lại một ban mai khác, một ban mai khác nữa. Bây giờ trong lòng suối không chỉ mình anh. Không chỉ mình chàng huyết sáo trong lòng suối và nàng tức tưởi khóc cười sau tảng đá.

Bây giờ trước mặt chị là hai người: chú bộ đội và cô Diệp, cô giáo chủ nhiệm của chị. Chuyện cổ tích bốc cháy. Bốc cháy thảm hại trước mặt chị. Trước mặt chị họ đang ghì chặt vào nhau. Họ đang ghì chặt vào nhau trước mặt chị. Những tiếng kêu không rõ đau đớn hay hạnh phúc đập vào ngực chị liên hồi... Trắng và trắng và trắng quần đảo mù mịt. Mất chị hoa lên. Chị đập đầu vào tảng đá, nằm bất động cho đến quá chiều.

Cuối cùng anh ấy cũng ra đi, còn chị phải ngày ngày đối diện với cô Diệp. Cô vẫn vậy, vẫn tươi vui, vẫn thánh thót với bài giảng của mình. Chị không còn là chị nữa. Chị cảm thấy những gì cô Diệp nói đều phi lý và giả trá. Mỗi lần chị ngước lên bảng là chỉ thấy trắng. Trắng trắng trắng cùng với những tiếng kêu rên loạn xạ.

Chị bỏ học. Bỏ hẳn. Không ai khuyên can nổi chị. Cô Diệp cũng không ngờ cô bé thông minh và xinh xắn như chị bỗng dưng ra bướng bỉnh.

- Đừng nên thế, Mị. Nghe cô nói này...

Không dưới một trăm lần cô Diệp bắt đầu như thế, trong khi chị trằm kín chân nằm cứng đờ.

Sự kiên trì, đức hy sinh, lòng nhân ái hay những gì đại loại như thế thường vẫn được đền bù xứng đáng, cố nhiên không thoát khỏi những ngoại lệ đau đớn và nhục nhã. Buổi chiều cuối cùng cô Diệp đến nhà chị

là một buổi chiều yên tĩnh. Hình như có mưa hay sương mù gì đó mà tóc cô Diệp ướt đầm. Cô nhẹ nhàng lật tấm chăn và nhìn vào mắt chị. Một cái nhìn thật bao dung nhưng chị làm sao biết được. Chị chỉ thấy trắng, chỉ thấy trắng, vậy thôi.

- Nghe cô nói này...

- Nói cái gì?.

- Kia. Sao lại trả lời cô thế?

- Cô về đi.

- Em phải đi học, Mị... Cô khuyên em...

Chị chồm dậy, chụp lấy cổ áo cô day mạnh. Chị hét lên, không, chị nghiến răng tru tréo:

- Khuyên! Khuyên! Khuyên! Đồ hủ hóa, lại còn khuyên!

Một cái tát nẩy lửa giáng xuống mặt chị. Cái tát mạnh đến nỗi ba mươi năm sau mỗi lần nhớ đến chị lại giật mình oà khóc.

\* \* \*

Đêm chưa tàn, rượu vẫn còn, nhưng chị và ông đều đã say. Cuộc say không tính trước. Mà đã mấy ai tính trước những cuộc say.

Ông hiệu trưởng cầm đĩa gỗ bát liên hồi và hát. Vẫn bài hát nhăng nhít “tự biên tự diễn” của ông: *“Cuộc sống ơi, người quý giá biết bao nhiêu. Nhưng tôi chẳng biết sử dụng người vào việc gì”...*

- Có đúng thế không, cô Mị nhỉ?

Chị không trả lời. Đúng hơn chị không còn sức để trả lời. Chị đã uống quá nhiều. Một chén quên đi. Một chén nhớ hết. Một chén dối mình. Một chén dối người. Những chén sau là để bóc trần mình và người.

Cuối cùng là cảm giác muốn bay lên, muốn đập đổ tất cả để bay lên. Chị thấy mình nhẹ bỗng và vui, không biết vui về nỗi gì nhưng rất vui.

Cái gì cũng thấy buồn cười ngay cả cái mặt nhảm chán của ông hiệu trưởng chị cũng thấy buồn cười chết đi được. Nó như mặt trống phải dùi, cứ rung lên bần bật.

Ông hiệu trưởng cũng đang vui đáo để. Ông hát rất to, tuồng như rú gào chứ không phải là hát. *“Ai bảo rượu nguy hiểm, kẻ đó không thương ta. Kẻ đó coi cuộc sống là ô tô, là tàu hỏa. Một mai tất cả chết đi, ô tô không chết, tàu hỏa cũng không. Hỏi để làm gì, biết bán cho ai?...”*

Ồi chao thầy hiệu trưởng ơi? Thầy hát cái gì thế? Đến chết cười. Thầy đang khóc phải không? Đang khóc chứ không phải hát, có đúng không? Thầy cứ dối mình. Hết ngày này sang ngày khác thầy cứ dối mình. Chú còn gì nữa!

Chị bỗng ngửa cổ cười sằng sặc. Ông hiệu trưởng im bật. Ông trân trố nhìn chị rồi vỗ lấy chai rượu tu ừng ực. Cần phải say nữa. Mỗi ngày cần phải làm cho mình say thêm, sao cho toàn bộ ký ức ba mươi năm về trước ngập chìm trong rượu. Khổ thay, thứ gì ông cần nhấn chìm thì nó lại nổi lên, đập dềnh trong đời sống thường nhật của ông, làm cho ông không khi nào được thanh thản.

Một ông hiệu trưởng trẻ măng chưa vợ yêu một cô giáo trẻ măng chưa chồng. Thật tuyệt. Tất nhiên yêu được người đẹp nhất thung lũng không phải là chuyện dễ. Cũng phải mưu này mẹo nọ, cũng phải thơ ngắn nhạc dài, cũng phải sớm đưa chiều đón. Rồi thì ví von, rồi thì thư từ, rồi thì quà cáp. Đủ cả. Hai năm trời chứ không ít. Vậy mà xôi hồng bông không.

Diệp đã từ chối lời thỉnh cầu của ông, theo kiểu: “Em rất... nhưng mà...”. Có đến chục thằng đã được cô trả lời: “Em rất... nhưng mà...” chứ riêng gì ông đâu. Tuy thế ông vẫn cứ. Ông khác, mấy thằng đó khác. Ông phải có chút “đặc quyền đặc lợi” khả dĩ đối với Diệp chứ. Ông tưởng thế, hóa ra không. Thế mới cú.

Hôm người lính ấy trở về tìm Diệp, ông ngẩn người. “Công ông xúc tép nuôi cò...”. Mấy cô giáo trẻ cười sau lưng ông. Ông đã uống say. Rất

say. Đây là trận say đầu tiên của ông trong đời. Một cô giáo nào đó nhờ mồm khen “cặp ấy” đẹp đôi. Ông khùng lên, khua chân múa tay:

- Đẹp cái gì? Đang khi bom đạn đầy trời. Chỗ này dùng, chỗ kia dùng. Hẳn nếu chết thì thành liệt sĩ nếu sống thì thành anh hùng. Cả hai... đều không hợp với cô Diệp đâu!

- Thế yêu cái ông mất lập trường như thầy thì hợp à?

Mấy cô giáo trẻ cười ré lên và bỏ chạy.

Diệp vẫn cặp kè với người lính, trừ những giờ lên lớp còn thì không mấy khi họ rời nhau. Ông nghĩ ngợi suốt đêm về ba mươi lá thư tình ông đã viết, rồi sáng mai sai học trò mang ba chục quả trứng vịt đến phòng cô Diệp, nói là thầy hiệu trưởng mừng cô...

Một tuần sau, vừa bảnh mắt ông đã nghe tiếng vịt kêu dưới lưng mình. Ngó xuống gầm giường ba chục chú vịt con đang nhónng mỏ lên mũi ông kêu chirp chirp. Điền tiết ông đá bay rổ vịt ra sân và lập tức triệu tập giáo viên họp hội đồng khiến mấy cô giáo bày ra trò nghịch ngợm này, mặt cắt không còn hột máu.

Diệp không hề nhận được một quả trứng nào của ông nên cô ngờ ngác không hiểu sao cuộc họp hội đồng khẩn cấp, lại chỉ ngồi nghe ông hiệu trưởng giải thích vì sao hôn nhân gia đình không được tách rời luật pháp và vì sao Mác đã trả lời danh thếp: “Hạnh phúc là đấu tranh!”.

Chính ông cũng không hiểu ông nói gì nữa là Diệp. Chỉ đến khi Mỹ, cô bé học trò yêu của Diệp rêu rao cho toàn thung lũng biết chuyện “ghê tởm” của cô Diệp với người lính, chỉ đến khi trên cổ Diệp nổi lên một đường gân xanh thì cô mới rùng mình hiểu ra tất cả.

Ông đã gõ cửa phòng Diệp cũng vào lúc khuya khoắt như thế này. Ông đã nói gì với Diệp nhỉ. Nói gì nhỉ? Ô hay, vừa nãy đang nhớ, bây giờ đã quên. Mà nhớ làm gì! Hả? Nhớ làm gì! Quên đi, quên!.

Choang! Chai rượu vỡ tan. Rượu màu có khác, cứ chảy ra máu. Chị

nhìn chăm chăm vào vết rệu loang. Ổ như máu thật. Như máu chảy ra từ ngực cô Diệp khi người ta cõng cô từ “tọa độ lửa” trên đường 15 chạy về thung lũng. Cô Diệp đã chết, chỉ còn máu là vẫn cứ chảy ra hoài.

Ông hiệu trưởng nói với học sinh là cô đã hy sinh chứ không phải là chết. Chị cũng nói với học sinh như vậy mỗi lần kể về truyền thống nhà trường. Có điều chị không nói vì sao sau cái chết của cô Diệp chị lại cấp sách tới trường.

Ông hiệu trưởng cũng vậy, ông không nói vì sao cô Diệp có thể biết được một đoàn xe đang bị máy bay địch bao vây tại “tọa độ lửa”, cần phải có một ngọn lửa đánh lạc hướng, kéo bom đạn về phía mình, cho đoàn xe an toàn ra tiền tuyến, trong cái đêm ông gõ cửa nhà cô.

Dưới đáy va-ly của cô có một bài thơ cô gửi cho người lính. Bài thơ ấy đến giờ ông hiệu trưởng vẫn còn đang giữ.

*Trại sáng tác văn xuôi, Quảng Trị 1993*  
N.Q.L

N G U Y Ễ N    B Ầ N

# Tâm tã mưa ời

(SH số tháng 4 - 1994)

– Tặg H –

Nàng là người sau cùng bước lên xe và ngồi ở hàng cuối. Nàng giản dị trong bộ đồ đen, trái với những người đàn bà và cô gái khác trong đoàn. Đôi mắt buồn. Nàng không còn trẻ lắm nhưng hình như vì thế lại mượt mà hơn. Ít người chú ý đến nàng. Họ mãi chuyện về khu di tích và vùng suối sắp tham quan, và chẳng cùng cơ quan, hàng ngày nhìn nhau đã quen mắt.

Nàng tựa cửa xe, lông mày hơi nhíu lại, đôi mắt xa xăm. Nhưng nếu không có nét xa xăm, nàng sẽ bớt đẹp. Nàng đẹp một cách lơ đãng như thể chẳng cần tới sắc đẹp ấy nữa. Nàng đẹp khuê các, dịu thẳm. Phan tưởng như đang gặp một người đàn bà đẹp thời Hà Nội ba mươi sáu phố phường, mang máng như ai đó đã vẽ nàng hoặc ít ra cũng đã có một người đàn bà trong một chân dung nào đó giống nàng. Nàng vừa mơ hồ trừu tượng như bức tranh “Người đàn bà xa lạ”, vừa mộc mạc như một phác thảo ban đầu. Càng nhìn nàng càng xa lạ, càng sâu lắng, sâu lắng đến bồn chồn. Chốc chốc Phan lại phải quay đi, phần như không chịu nổi, phần sợ bắt chợt nàng bất gặp. Nhưng mỗi lần như thế, Phan lại gặp

phải đôi mắt sâu, mệt mỏi dưới hàng lông mày rậm, cách hai hàng ghe. Một bộ mặt thông minh, mũi thon nhỏ, bộ ria cổ tình cầu thả, phớt đời. Anh chàng xoay lưng dần để nhìn Phan nhiều hơn hay chỉ để quay lưng với cô gái trẻ ngồi bên. Cứ như muốn bắt quả tang Phan. Với Phan, trong cõi thế, chỉ có sắc đẹp là huyền diệu. Phan chẳng sợ quả tang.

Tuy vậy, mọi người trong xe lại hầu như thờ ơ với nàng. Có vẻ như nàng càng lơ đãng, họ càng thờ ơ. Họ cười nói, phô trương, tranh cãi, dè bĩu... về đủ chuyện. Họ tíu tít với mấy cô gái trẻ. Nàng giống ai, có thật mình đã gặp một người như thế hay không, tình cờ ở một ga xép, trên hè phố, trong tranh hay trong truyện. Nàng bí ẩn hay mình đang vô lý. Không hiểu sao, tự nhiên Phan có cảm giác như mọi người đang bác bỏ mình. Vớ vẩn, chúng tôi không mơ mộng, chúng tôi đa số, chúng tôi đã biểu quyết, xin miễn bàn, không có ý kiến bảo lưu, rằng anh đang nhầm lẫn, rằng hai cô gái, một đang bị quay lưng, một ngay trước mặt anh mới thật sự trẻ trung, xinh đẹp. Mà quả thật, về phía mình, các cô gái đang cười nói, tự tin, thậm chí thừa tự tin vì cổ và các ngón tay đều quá đủ vàng, tuy cổ hơi to và ngón tay thì ngắn, thỉnh thoảng lại mở ví soi gương thẩm định thị hiếu tập thể. Bình thường, nếu nàng không ngồi đó, anh sẽ ngoài cuộc, anh sẽ lơ đãng như nàng, ngắm cảnh vật đổi núi bên đường. Nhưng nàng ngồi đó, anh thấy ảm ức, nàng như cẩm thạch, vân nổi vân chìm, mấy cô gái kia, lau kem, rửa phấn, thay quần, đổi áo “hết phim” - theo cách nói bây giờ.

- Chị Liên này, tôi không ngờ cơ quan chị có người đẹp như thế. Người bạn gái đúng tuổi hướng theo mắt Phan hỏi lại:

- Nga ấy à? Ừ da nó đẹp thật. Thanh niên xung phong Trường Sơn đấy.
- Trường Sơn? Vô lý. Thời chống Mỹ hay sau này?

Người bạn gái không trả lời, quên phắt Phan, bắt ngay vào câu chuyện tham quan:

- Thác nước ở đây, thác Ao Vua gọi bằng cụ nhé.



Thế đấy, hỏi người đẹp, trả lời da đẹp, đang Trường Sơn lại thác nước. Da đẹp thì hiển nhiên rồi, và chẳng phải chiếc Hải Âu đang lắc lư đi tới cái thác nước ấy sao. Nhưng Phan cần gì thác nước. Thác nước, anh đã qua hàng chục, khuất vắng, hùng vĩ và thơ mộng. Đàn bà đẹp anh đã gặp nhiều, nhưng đẹp xa xăm, lơ đãng, mơ hồ như nàng thì hình như chưa bao giờ cả. Cứ mang máng rồi bỗng nhặt mờ, chợt níu được, lại tuột mất. Mang máng hay nàng chỉ là một ý niệm rút ra từ những nét khác nhau, lảng đi trong quá khứ. Bây giờ bỗng dừng thêm vào mấy tiếng Trường Sơn, như đánh đổ nhau.

Gái Trường Sơn, Phan gặp nhiều, có người còn là bạn văn chương, hầu hết đã ngoài bốn mươi, không ít vẫn còn dấu vết rụng tóc, màu da sốt rét, không thấy ai đẹp, tất nhiên, màn ảnh truyền hình hoặc trên sân khấu lại là chuyện khác.

Còn Nga, từ lúc ấy, anh biết tên nàng là Nga, cái dáng vẻ kiểu diêm khuê các kia lại có thể là thanh niên xung phong được ư? Và chắc chắn chi trên dưới ba mươi, chẳng lẽ vào Trường Sơn từ lúc mới hơn chục tuổi, theo mẹ, theo anh hay theo chị?

Gái Trường Sơn mà tóc cứ đen mượt trên gáy, trên cổ như tạc, như chuốt bằng ngà. Còn da, thì đấy, chị Liên nói rồi. Da nàng... Phan bỗng nghĩ tới một lớp men sứ cổ, rất trắng, rất trong, rất mịn, trên đó là những nét vẽ tài hoa, là khuôn mặt, là mắt, mũi, miệng nàng, là cảm nàng, thân thể nàng, chỉ vô ý quệt phải một tý kem phấn là mờ hết, hỏng hết bức tranh.

Có mấy lần, người ngồi ghế trên quay xuống hỏi nàng điều gì đó. Nàng chỉ cười e lệ, không nói gì. Một lần nữa, biết mình vô lý, nhưng Phan tin rằng nếu nàng nói, tiếng nói sẽ vô cùng êm ái, giống như, giống như...

Đêm đó, trời rất lạnh, Phan một mình trên gác xem ti vi. Chương trình chuyển sang phần tọa đàm thơ phụ nữ. Nói chung, anh không thích chương trình thơ, còn ác cảm với lối ngâm thơ đệm đàn. Anh thấy

rét, định bỏ xuống lấy thêm áo. Chợt một giọng nói rung lên. Một giọng nói xa lạ.

Xa lạ vì không quen biết, chưa từng nghe, nhưng lại ấm quá, đẹp quá, vừa sang lại vừa giản dị. Phan không bỏ đi được nữa và cũng không biết mình còn rét hay không. Khi hình nàng biến mất, bỗng mệnh mang một nỗi nhớ. Giọng nói ấy chợt vọng về trong ký ức Phan.

- Chị Liên này, chị gọi Nga một câu đi.

- Để làm gì?

- Thì chị cứ gọi đi.

- Nga ơi, Nga!

- Chị hỏi gì em?

Nàng ngược mắt hỏi, đôi mắt hơi cười và giọng nói của nàng, không được như đêm thơ ấy, nhưng lại có phần như giọng trẻ thơ.

Phan nhắc khẽ người bạn gái: “Chị cứ bảo tôi không tin Nga là gái Trường Sơn”.

- Chị bảo em là gái Trường Sơn, ông nhà văn này không tin đâu.

Nàng mỉm cười. Nhưng đúng lúc ấy, mắt nàng như chạm phải đôi mắt mệt mỏi của anh chàng để ria cầu thả. Nàng hơi nhú mày lại, rồi lơ đãng nhìn ra ngoài cửa xe.

- Chị Liên, anh chàng kia là ai thế?

- Kỹ sư Minh, phòng kỹ thuật.

- Là thế nào với Nga không?

- Không, cùng cơ quan thôi. Sao anh lại hỏi thế?

- À, không... - Phan hơi lúng túng - Vợ con làm gì?

- Trai tân nghiêm, chơi ghi ta rất hay, thường đóng chặt cửa khi chơi, không thích gần phụ nữ, mặc dầu sắp tứ tuần.

- Không thích gần phụ nữ hay phụ nữ không thích gần?

- Có lẽ cả hai và không có ngoại lệ, đang xin đổi đi nơi khác.
- Không có ngoại lệ, thật không? Sao nhìn mình và nhìn Nga rất lạ.
- Chị Liên này, hay là cậu ta mê Nga?

Người bạn gái phát vào vai anh:

- Khi, anh bịa chuyện gì thế? Nga nó có chồng con đang hoàng.
- Chồng làm gì?
- Họa sĩ.
- Thế thì nhất rồi. Vợ - người đẹp, chồng - họa sĩ, lý tưởng nhất thế gian.

- Nhưng họa sĩ truyền thần, chứ không phải họa sĩ ấy đâu.

Thấy Phan quá hào hứng, chị vội nói thêm cho rõ.

Phan tròn mắt:

- Họa sĩ truyền thần?
- Sao anh lại nhăn mặt? Chồng nó to, cao, đẹp trai.

Truyền thần, to, cao, đẹp trai. Truyền thần nàng ư? Nàng chỉ là một ý niệm, là sự hội tụ những hồi ức về vẻ đẹp khác nhau... và bất chợt ý niệm ấy, hồi ức ấy cụ thể hóa thành nàng. Truyền thần lại vẻ xa xăm, mơ hồ trong bức tranh “Người đàn bà xa lạ”, truyền thần lại giọng dẫn giải đêm thơ, truyền thần những kỷ niệm Trường Sơn ư? Chồng nàng sẽ kẻ ô, đánh số, dùng kính lúp truyền thần lại những ý niệm ấy, hồi ức ấy hay sao?

Phan nhớ lại câu chuyện mình chứng kiến:

- Giống thế này còn gì nữa. Đây mà so với ảnh đi.
- Nhưng đây là ai ấy, không phải bố cháu.
- Thôi được, thế cái gì không giống? Mắt, mũi hay miệng? Để tao chữa.
- Cháu không biết.
- Hừm, không biết. Thế bố mà chết bao giờ?

- Gần chục năm rồi.

- Chả trách, năm nay mày bao nhiêu?

- Cháu mười chín.

- Lúc ấy mày mới chín tuổi, nhớ con khi, đây mới đúng bố mày lúc ấy hiểu chưa?

Họa sĩ truyền thần, hiểu, hiểu chưa? Dầu nhớt gì mà hàng triệu xe tải, phi cơ... vua lớp... đệ nhất kiểm, Thăng Long... Bỗng dưng, ngân ấy tiếng nổi theo nhau nổi lên, ong ong trong đầu Phan.

- Qua phà, các vị xuống xe nhé.

Mọi người tản vào các hàng nước chờ phà. Nga đứng lánh một mình dưới lùm cây nhãn. Ta phải đến nói chuyện với nàng. Phan vừa động viên mình vừa lững thững đi về phía ấy. Trái với điều anh e ngại, nàng mỉm cười nhìn anh.

- Cô không nghỉ uống nước?

- Em đứng đây mát hơn.

Quả thật da nàng ửng hồng vì oi nóng.

- Ban nãy chị Liên bảo tôi không tin Nga đã ở Trường Sơn, bây giờ tôi vẫn chưa tin đâu.

Nga lại mỉm cười.

- Thế Nga vào năm nào?

- Năm 74, được gần một năm thì giải phóng.

- 74? Nhưng lúc đó mấy tuổi?

- Em sinh năm 59, vừa học hết cấp hai.

- Mười lăm tuổi đã thanh niên xung phong Trường Sơn, riêng thế cũng đáng phong anh hùng.

- Lúc đó vui lắm, trung đội có đến bốn, năm đứa tuổi em.

Nàng vẫn cứ giản dị như thế.

- Không bị sốt rét à?

- Có chứ, rụng gần hết tóc.

- Vậy mà bây giờ tóc mượt hơn tóc con gái - Phan vừa nói vừa sững sốt nhìn đôi bàn tay nàng: - Và bàn tay cuốc xẻng lại đẹp đến thế kia ư?

Nói xong anh cảm thấy mình không tế nhị, nhưng lại yên tâm ngay vì nàng lại mỉm cười nhìn xuống tay mình. Mà thật ra nàng luôn mỉm cười.

- Rồi 75, giải phóng thì về à?

- Bọn em còn vào Tây Nam, tận cuối năm 78 mới về.

Câu chuyện dừng ở đấy. Ô tô lăn bánh xuống phà. Suốt từ lúc qua phà tới lúc dừng bánh ở đền Hạ, Phan chỉ nghĩ đến đôi tay nàng, quên mất ý định ban đầu - quan sát và ghi nhớ cảnh vật miền trung du bán sơn cước này. Không, chắc nàng không nghèo chiếc nhẫn. Nàng biết tay mình đẹp, thế thôi. Nàng cũng không để móng, không tô. Những ngón tay trắng muốt, chỗ khớp nối với bàn tay, da vên lên, tròn hồng như tám mặt hoa. Có tay nào như thế nữa không? Phan cố ý quan sát bàn tay cô gái ghế trên mình. Anh mừng rỡ như người vừa thắng cuộc.

Lúc các bà các cô vào đền lễ, Phan cũng theo vào và mục đích chỉ để xem nàng lễ. Nàng lễ ngoài rìa chiếu. Hai bàn tay hình như chưa quen lễ. Nàng lễ vụng về, trinh bạch, không thạo, không dẻo, không xoắn xuýt như mấy người giữa chiếu. Nàng càng vụng về, bàn tay càng đẹp, Phan càng thấy buồn da diết. Bàn tay trần thế, tác phẩm tuyệt vời, hơi tạo hóa, sao đã dần hết say mê, lại bắt phải cúi lạy, van xin, như thế?

Có ai thì thắm vào tai Phan:

- Anh thấy thế nào, tay nàng có đẹp không?

Phan giật mình. Kỹ sư Minh đứng sát sau anh. Anh hơi bực mình:

- Tôi thấy từ lúc dừng chân ở bến phà kia.

- Còn tôi lại thấy từ ngày qua Trường Sơn.

Anh ta còn nói thậm hơn, như sợ nàng nghe thấy, và bỏ đi luôn. Thì ra thế. Nhưng tại sao anh ta nói ra điều ấy với mình, lại chọn đúng mình? Chị Liên chắc chưa biết, người khác chắc cũng chưa biết. Người tình cũ hay chỉ đơn thuần một kẻ đam mê cái đẹp như Phan?

Phan cũng bỏ ra ngoài, lòng vương bao nhiêu thắc mắc. Anh đi ngược lên. Dãy phố nhỏ lèo tèo vài chục nóc, nửa nhà nửa quán, mái ngói, mái gianh, mái trần xen lẫn. Có lẽ mới hình thành từ khi lễ bái tham quan thịnh hành. Anh rẽ vào một hàng nước. Chủ quán, một người đàn bà da mặt tái mét, đang than phiền với mấy người đàn ông trong đoàn ngồi đó trước anh:

- Điện ư? Còn lâu mới có, ở đây chúng em nghèo lắm. Mà các bác đi tham quan thường mang bia, nước khoáng đi theo, không để chúng em kiếm thêm chút ít.

Người đàn bà tiếp tục than phiền sự nghèo túng của dãy phố mà mấy con đường đi qua, đường ngắn, đường dài, đều xuyên vào núi. Phan không muốn nghe nữa, trả tiền thuốc nước đi ngược trở lại.

- Vào đây đã nhà văn!

Kỹ sư Minh trước chông quạ bên chiếc cầu bắc qua khe suối nhỏ, vẫy anh. Sao anh ta bỗng dưng thay đổi thái độ thế này. Phan lại gần. Cô hàng quán đang nhìn anh. Lại một người đẹp. Đẹp đến choáng váng chứ không thậm diệu như nàng. Đôi mắt tươi rói, trong vắt bỗng xua tan hết cảm giác đìu hiu, tẻ nhạt của dãy phố nghèo, xung quanh, ba bốn bề núi đất xanh rờn sim mua gai góc và cỏ dại.

- Anh uống với tôi chứ, nào cô giáo, xin cô thêm một chai.

Phan đang bàng hoàng, càng thêm bối rối, sao lại cô giáo, sao cứ đây rầy trở trêu.

- Không cô đừng mở vội, tôi uống ít thôi.

Cô giáo cũng bối rối, ngập ngừng đưa mắt hỏi Minh.

- Không cô cứ mở, anh ấy không uống hết, tôi uống hộ. Tôi không nghiện bia, nhưng tôi sẽ uống hộ, rồi anh ấy sẽ tiếc cho mà xem... Nào ta chạm cốc chúc sức khỏe người đẹp - cô giáo - cô hàng quán.

Giọng Minh chua chát. Nhưng hình như cô giáo - người đẹp, không nhận ra điều đó. Cô chỉ cười, mắt ngờ ngàng, cho là chuyện bông đùa, nụ cười hồn nhiên, hàm răng trắng bóng, lấp lánh, phản chiếu, những khía nhỏ đôi môi tươi mọng như cũng cười theo. Trái với Nga trầm kín, xa xăm, cô ngờ ngàng như nai rừng vắng. Nga trừu tượng bao nhiêu, cô cụ thể bấy nhiêu. Nga khuê các, còn cô quá chân phương. Nga biết mình đẹp nhưng lơ đãng với sắc đẹp của mình, còn cô, nếu biết mình đẹp chắc cô sẽ chăm chút, cô sẽ sung sướng, nhưng cô lại chẳng biết gì cả hoặc quên khuấy từ lâu vì những lo toan.

Không biết có phải tại uống bia trời nóng không - mọi khi có thể đâu - nhưng rõ ràng Phan đang chệnh choáng:

- Cô giáo có biết mình đẹp không? Đẹp lắm đấy! Sao người ta lại giấu cô giáo ở đây?

Cô giáo cười.

- Hai năm trước, em còn phải dạy mãi tận Lĩnh Sơn, toàn núi với rừng, cách đây mười lăm cây số kia. Xin mãi mới được về đây.

- Nếu tôi là giám đốc sở, tôi sẽ cách chức trưởng phòng giáo dục.

Minh cười:

- Cái nghiệp văn chương mà đi làm giám đốc là chôn luôn mình đấy, phải không cô giáo?

Cô giáo lại cười.

- Cô giáo dạy chiều à?

- Không, em nghỉ hè rồi, chỉ còn lớp năm cuối đang học ôn thi.

- Quê cô giáo ở đây?

- Không, quê em dưới Cẩm Sa, bên kia phà.

- Chắc lấy chồng ở đây?

Phan hỏi mà lòng chỉ mong cô giáo sẽ bối rối trả lời: “Không, em chưa có, chưa có...”, nhưng cô hơi cúi xuống, vắn về chiếc khăn tay lau cổ chén:

- Vâng!

Kỹ sư Minh không chờ anh hỏi tiếp, chen ngang:

- Chồng cô giáo làm gì?

- Ở nhà thôi.

- Làm ruộng à?

- Vâng.

Cô ngỡ ngác trả lời như mình đang hỏi mình, tại sao lại như thế, mình vừa “vâng” cái gì, sao lại vâng, không có tiếng nào khác nữa hay sao?

- Trời ơi quá!

Minh ném điều thuốc lá vừa châm, cầm quạt, quạt mạnh vào ngực như muốn xua đi nỗi bức bối. Trên trời, những đám mây xám đục ngầu, lúc mỏng, lúc dày, cây cối lặng như tờ, hơi nóng từ núi đất hấp vào ngột ngạt.

- Có khi trời sắp giông.

- Giông đi, mưa đi, thật to vào!

Nói rồi, Minh cất giọng buồn buồn ngân tiếp:

*Mưa đi tầm tã, mưa ơi*

*Cho đường phố của lòng tôi sạch giùm<sup>(\*)</sup>*

Từ lùm cây nhãn, một tiếng ve lạ khàn khàn họa tiếp giọng Minh. Chúng như đem hết sức mình cất cánh rung lên, được giây lát, rề dãn,

---

\*. Trong cuốn tiểu thuyết của Gioóc Amadô.



mệt mỏi, rồi tắt lịm. Rồi chúng lại cố thử cất cánh rung lên, lại rề dãn, tắt lịm. Chúng cứ cố thử mãi, hết như trước, như ngày hôm qua, ngày hôm kia, như thuở trời đất hỗn mang.

Dăm đứa trẻ từ trên cầu chạy đến, lú ra, lú rú. Đứa bé nhất, chừng hai tuổi, cởi truồng, nịu áo cô. Cô lấy đứa cho chiếc kẹo lạc. Nó cầm kẹo ăn, sung sướng, mắt sáng lên, dãi chảy xuống chiếc áo may ô màu vó cũ, thùng thình. Phan và cả Minh nữa lặng nhìn đứa bé. Cái đầu tróc, tóc cắt sát, nham nhở, mắt to, mi mắt mỏng, thái dương tóp lại, xanh xao. Thấy cả Phan lẫn Minh đều chăm chú nhìn đứa bé, cô giáo ra hiệu và giục chúng đi chơi. Chúng reo lên, chạy túa đi vui vẻ.

- Con em đấy à?

Phan không hiểu tại sao, lấy quyền gì gọi cô là em, gọi xót thương như gọi em gái, gọi như đòi lại cái gì đó bị tước đoạt.

- Vàng, con em.

- Em ra trường lâu chưa, bao nhiêu tuổi?

- Em ra trường năm năm, em sinh năm 69.

Cô trả lời, ngoan ngoãn như một thí sinh, đôi mắt càng ngỡ ngác như chẳng hiểu gì cả, mình đang thi môn gì đây, tại sao mọi sự lại như thế, cho đến hôm nay, lúc này mới như thế hay sao? Có thật mình mới hai bốn tuổi? Có thật anh ấy vừa gọi mình bằng “em” không? Mà không phải chỉ cô, Phan, cả Minh nữa cũng như đang ngỡ ngác, đang chẳng hiểu gì cả, chẳng hiểu gì về mình, về cô giáo, về cả lũ ve, tại sao chúng cứ rề dãn, lịm đi mà vẫn cố cất lên.

Có tiếng gọi hai người.

Minh bảo Phan:

- Tôi chẳng muốn đi nữa, tôi chỉ muốn về ngay... Cô giáo tính tiền đi, mấy điều à? Không, tôi lấy cả bao... Cái lũ ve khốn khổ này... Mà sao mãi chưa giông?

Hai người đi được mấy bước, Phan mới sực nhớ, suýt nữa mình bỏ quên cái sì đố, rất quý.

- Xin lỗi, tên em là gì?

- Tên em là Dậu.

- Cảm ơn em.

Cô giáo cười, nụ cười gượng gượng. Tại sao các anh ấy lại như có vẻ buồn. Cả lũ ve, mọi khi nó vẫn kêu, nhưng có buồn thế này đâu.

- Hai ông tướng đi đâu thế kia, đường dưới cơ mà, lạc bây giờ.

Minh lầu bầu:

- Thì tôi đang muốn lạc. Kiếp người khổn khổ, suốt đời lạc nhau. Hình như có những người sinh ra để lạc nhau. Tôi với anh lạc cô giáo từ khi chưa gặp.

- Còn Nga, gặp ở Trường Sơn rồi mới lạc phải không?

- Gặp được mấy phút rồi lạc ngay.

Ngừng một lúc, Minh tiếp:

- Lúc muốn lạc, lại không lạc nữa. Kia kia - Minh chỉ những người trong đoàn đi con đường dưới, rồi lại chỉ về phía xa - Đường trên, đường dưới, đến đấy lại nhập vào nhau, đâu có mỗi đường một nẻo.

Phan không hỏi gì thêm nữa, biết chắc hôm nay, sau khi gặp thêm cô giáo, kỹ sư Minh sẽ phải nói hết với mình:

- Lẽ ra hôm nay tôi không đi, nhưng thấy bảo tuổi đẹp lắm... Rồi như không ngăn nổi mình nữa, kỹ sư Minh giọng đều đều kể lại:

- ... Tôi đang học năm thứ hai Bách khoa thì nhập ngũ, rồi vào ngay. Lúc qua Trường Sơn, tôi không nhớ đoạn nào nữa, hai cô gái đang rửa tay dưới suối. Cô trẻ hơn, trẻ lắm, cũng mặc quần áo đen như hôm nay, đẹp quá. Tôi tách ra và rủ một cậu xuống suối. Nhìn đôi tay, tôi không chịu được nữa, bảo bạn, nhưng thực ra để nói với cô: “Ca dao nói: Có rửa

thì rửa chân tay, chớ rửa lông mày... Nhưng hôm nay phải đổi ngược lại mất rồi”. Cô gái rút tay lên như phải bỏng, nhìn tôi. “Kìa em cứ rửa đi, để anh được nhìn, anh sắp phải đi rồi, anh xin em đấy”. Cô gái lại nhìn tôi và cho tay xuống nước. Đồng đội đã cách một quãng xa, không kịp nghĩ ngợi gì nữa, tôi lật mũ, vực xuống chỗ cô gái rửa tay, bưng uống ừng ực, còn bao nhiêu dội cả vào đầu, “Kìa Nga, sao mày cứ tròn mắt ra thế, nói gì đi chứ” - bạn cô giục. Nhưng cô vẫn ngây ra nhìn tôi, cả Trường Sơn như thu lại trong đôi mắt. “Tạm biệt, anh sẽ tìm em, lời thề của lính. Em là Nga, nhưng còn tên đơn vị?”. Bạn cô phải nói hộ. Khi đã đi xa, chính bạn cô lại bắc loa mồm “Tên là gì?”. Và bạn tôi: “Minh... inh...inh, chưa tìm được, chưa lấy ai đâu... ầu... ầu”.

- Nhưng Nga, sốt rét, rụng hết tóc cơ mà?

- Đấy là về sau, khi tôi gặp, có lẽ mới vào, ngây ngô lắm, tóc đen mượt.

Vừa nói Minh vừa ngắt một bông hoa mua bên vách núi, hỏi Phan:

- Anh bảo hoa mua, hoa sim, hoa nào đẹp hơn?

- Như giữa Nga và cô giáo? Nhưng thôi, anh tìm Nga như thế nào?

- Chết ở chỗ tôi không hỏi quê. Tên đơn vị chẳng là cái gì. Nhiều đơn vị cũ giải thể từ lâu. Nga nào, thiếu gì Nga. Nga có đôi tay đẹp, người ta cười. Rồi cách đây năm năm, Nga tình cờ chuyển về cơ quan tôi.

- Hai người nhận ra nhau chứ?

- Tôi, tất nhiên, còn Nga ngờ ngợ.

Ngừng một lát Minh tiếp:

- Có lần Nga hỏi thẳng tôi “Anh Minh, thời bộ đội anh có qua Trường Sơn không?”. “Không, sao cô lại hỏi thế?”. “Không, à mà tôi từng ở Trường Sơn mà”. Một lần Nga hỏi: “Tôi có quen một người cũng tên là Minh hay Sinh gì đó?”. “Vì vách đá vọng theo, nghe không rõ, anh ấy hẹn tìm tôi...”. “Đã hẹn chắc thế nào cũng tìm, nhưng có thể anh ta không may”. “Tôi vẫn cầu cho anh ấy còn sống”. “Cô đã cầu, chắc anh ấy vẫn còn”.

Phan không chịu được nữa, ngắt lời:

- Anh Minh, như thế là độc ác.

- Tôi mà độc ác được ư? Có điều, được ích gì? Sẽ tốt hơn hay sẽ xấu đi?

- Chị Liên bảo chồng Nga to, cao, đẹp trai.

- To, cao, còn phải nói, như một con hải cẩu. Bơi trong rượu như trong nước biển, cạn một lít vẫn cười he hé như hải cẩu gọi nhau.

- Nga có hạnh phúc không?

- Quá đi chứ. Một con gái đẹp, da đẹp như mẹ, tay đẹp như mẹ, và một con trai, thằng em, một hải cẩu con.

- Chồng Nga tôn thờ người đẹp chứ?

- Tôi không biết... Tôi không biết, khi bơi trong rượu, người ta tôn thờ cái gì. Nhưng có lần... mà thôi, chuyện mộng mị nhảm nhí.

- Sao lại thế, hôm nay anh coi tôi là bạn rồi, thậm chí gần như đồng minh nữa.

- Nga chạy đến chỗ tôi, hai tay rộp bóng. “Trời, sao tay em thế này?”. “Chồng em say, hất cả nồi cháo nóng vào em”. “Thế thì anh phải bắn nó”. Tôi sờ tay dưới gối, tìm súng như hồi còn ở Campuchia, không thấy, chồm dậy mới biết mình mơ. Anh xem, suốt tôi thành kẻ sát nhân, dù trong mơ.

- Với tôi lúc đầu có gì tương tự không?

- Không, tôi đã đọc anh, muốn xem anh là đồng minh thế nào.

- Chị Liên bảo anh xin chuyển đi nơi khác?

- Vâng.

- Nếu được đổi, trước khi đi, anh nói hết với Nga chứ?

- Để làm gì? Biết đâu mọi việc sẽ xấu hơn. Như cô giáo ấy, cứ ngỡ ngác. Nhớ cô ấy thức tỉnh, tung hê tất cả thì sao? Nhìn đứa con trai, tôi xót xa, đau đớn. Giá như con gái Nga còn đỡ. Con đã già oái ăm, cho người ta thật đẹp, rồi đập vỡ hết gương!

- Đẳng này, tự mình đập vỡ vì, không cần gương nữa. Anh có tin lúc lễ trong đền, Nga vẫn cầu khẩn cho anh không? Tôi chưa bao giờ thấy bàn tay trần thế và trinh bạch như thế.

Minh ngược mắt nhìn “con đi già”, bất lực:

- Cẩm lòng vậy, đành lòng vậy.

Thác đền Thượng không đẹp lắm. Thác trên, thác dưới tách nhau ra, mỗi thác như bị uốn ngoẹo về mỗi phía, và nước không trong. Mặc dầu vậy, Nga vẫn xuống rửa tay, tìm một móm đá riêng ra ngồi rửa, rửa rất lâu, chờ đợi.

- Nga ơi, ra chụp ảnh.

Ở đây, những con ve lạ cũng kêu. Nó vẫn từng hồi, từng hồi, găng sức, rung lên đôi cánh nhỏ yếu.

Lúc về, qua khỏi bến phà một quãng, trời nổi cơn giông rồi mưa rất to. Kính xe mờ mịt. Làng mạc, đồng ruộng, hai bên như bị xóa nhòa. Phan hỏi Minh:

- Anh có biết làng Cẩm Sa ở chỗ nào không?

Minh lắc đầu.

Mưa đi, tầm tã, mưa ơi

Cho đường phố của lòng tôi...

Không nghe rõ gì nữa. Mưa mỗi lúc một to.

*Suối Hoa, tháng 6-1993*

*N.B*

# Mẹ

(SH số tháng 4 - 1994)

**b**ảo vệ xong luận án phó tiến sĩ thần học, Thuyết muốn gục ngay trên bục diễn đàn. Anh nhìn người nghe mắt nhòa đi như thể nhìn qua lăng kính. Cảm giác ấy không sao dứt ra được, họ như thể các vị thần mà giả thuyết của anh gọi. Tiếng vỗ tay của họ làm rung động cả giảng đường. Những tiếng của học trò làm anh tỉnh dậy:

- Tuyệt vời! Rất tuyệt vời!
- Nói nữa đi! Hỡi nhà thần học!
- Nói nữa đi thầy ơi!

Một cảm giác lâng lâng chạy khắp người anh. Như thể những lần đón nhận những tờ bạc tần tảo từ bàn tay mẹ đưa cho anh lúc ngồi trên ghế nhà trường. Bàn tay của thần linh nâng anh lên, đặt vào đám mây đẩy anh vào cõi vô biên. Nhưng rồi anh quay về với thực tại hoàn cảnh của mình. Anh muốn nói to lên ý nghĩ vừa hiện ra trong óc, ý nghĩ kỳ dị mà công chúng nghe được sẽ nhỏ toẹt đi công sức của anh hàng chục năm trời. Hỡi các người! Tôi là kẻ bị bỏ rơi! Tôi là thằng bé con đi từ phiếm thần đến đa thần. Nhờ người mẹ khốn khổ đã cho tôi khái niệm ấy. Các vị hãy nghe tôi đi, đó là sự thật.

Tất cả trở về vắng lặng. Thuyết không nói ra lời ấy. Không ai biết được những ý nghĩ quá quắt ấy. Những cái bắt tay nồng nhiệt. Những lời chúc mừng. Những bó hoa của học sinh làm anh ngây ngất. Bia rượu làm anh định thần trở lại. Thành công xoa bóp trái tim anh trở lại với đời thường. Và đường phố có hàng me, hàng sấu rì rả tiếng ve sấu kéo nhạc dẫn anh về gian gác xép nhọc nhằn kiếm sống... Ta đã là nhà thần học rồi!... Phải rồi, ta đã là nhà thần học chân chính có danh mà loài người biết đến. Ý nghĩ cao cả và thâm kín của ta đã được con người biết đến. Đã được trưng bày dưới dạng vật chất. Sáng lên bởi quan niệm sinh động. Trên kia, xa xôi lắm có muôn vàn vì tinh tú đang nhìn ta đầy trêu chọc. “Ông là nhà thần học”. Từ đó ta cảm được thế giới thần của quá khứ. Lấy được ở đó ý nghĩ toàn năng, giải bày cùng thế giới người. Hãy đừng xa lạ khi anh chọn cách diễn đạt cho dễ hiểu ý nghĩ và quan niệm làm cho loài người xích lại. Gần lắm, cái vốn có tích tụ ở mỗi con người. Trong sự hạn hẹp của ý nghĩ hay mở ra sự vô biên của Thế giới thần...!

Nằm vật xuống chiếc giường trống trải, cảm giác bỗng bệnh nơi giảng đường trở lại. Một dòng nước mắt trào ra, xóa đi ý nghĩ kỳ quặc mà Thuyết vừa nghĩ đến, muốn cho nó trở lại để thăm dò lại mình.

Thuyết vùng dậy khỏi giường đẩy cánh cửa sổ ra khuôn viên. Ánh sáng vàng vọt ủa vào gian gác hẹp. Bên hồ, những lá liễu rơi xuống như những giọt nước mắt vỗ vào mặt nước. Những cặp trai gái đi bách bộ bên nhau, môi họ mấp máy nhìn xa tưởng là vô cảm. Bóng những người hành khất lạc loài ngồi trên ghế đá, chờ màn đêm ập xuống lấy đó làm giường ngủ. Tất cả những cảnh đó đều quá quen với nhà thần học. Một tiếng thở dài như không đợi thoát ra từ lồng ngực Thuyết.

Có tiếng gõ cửa. Quái lạ vào giờ này còn ai đến đây. Còn ai đến để chúc mừng sự thành đạt của anh. Lời cảm ơn, một sự hoan hỉ chỉ làm trái tim Thuyết nặng buồn. Họ sẽ chất vấn anh, tại sao anh đam mê thần học. Anh biết bịa ra những gì cho vừa lòng họ. Rồi anh khi làm cho người hỏi vừa lòng, anh thấy lòng trống trải, rơi vào sự cô đơn.

Đêm lại đến. Đêm nào cũng thế, anh ngửa mặt nhìn lên bầu trời đầy sao, ở chốn ấy là quê nhà. Một cái gì khắc khoải cứ dào lên. Anh muốn đọc hết ý nghĩ, mà ý nghĩ đó như nhà thiên văn nói là tìm tên gọi sự vật. Ôi! Nếu mà tìm được và gọi lên được tất cả sự vật thì kỳ diệu biết bao. Thuyết sẽ bị đẩy lên cao, chót vót đến chóng mặt. Nhưng anh thấy bất lực, nhàm chán. Mỗi lần sự chán chường làm anh hụt hơi, lại có bàn tay giơ ra, kéo anh dậy. Nào sống lại đi, sống lại ý nghĩ của anh đi nào! Trong anh có chất thần linh đấy. Anh lao vào công việc một cách điên cuồng. Anh khát khao, hy vọng một ngày nào, như hôm nay...

- Cộc! Cộc! Cộc! - Quái lạ giờ này còn ai gọi.

Thuyết mở chốt cửa.

Hiện ra là cô bé, trên đầu là nón mê, tay gậy và bị dính vào nhau như một ký họa. Nó chào anh với giọng ấm áp không ra vẻ xin ăn: Chú ạ!

Thuyết đến gần kéo bàn viết, lục lọi cầm lấy tờ bạc năm trăm. Không hiểu sao anh lại thốt ra được những lời êm dịu cảm thông, mà chỉ dành cho người thân.

- Xin lỗi! Tôi chỉ còn ngân này và tiền ăn cơm chiều nay.

- Không! Không đâu! Cháu không lấy của chú!

“Quái lạ lại như thế kia đấy, có ai đi xin mà chê ít”.

- Sao cháu chê ít hả?

- Chú Thuyết! Chú không nhận ra, cháu là Nhị đây mà!

- Cháu Nhị! - Thuyết gọi như người có lỗi!

- Cháu là con mẹ Môn ở cạnh nhà chú ấy mà!

- Cháu! Tha lỗi cho chú! Ngồi xuống đây đã nào! - Thuyết kéo chiếc ghế đẩu nhất ra mời cô bé.

- Cháu không ngồi! Cháu ra đây vội lắm! Cô Đàm nhờ ra báo với chú, bà ốm nặng sắp mất rồi, chú về ngay đi.

- Trời ơi! Mẹ chú!



- Vàng! Bà yếu lâu rồi, có đi được nữa đâu chú.

Thuyết rụng rời cả chân tay. Nhị khẽ đập vào tay anh với giọng vỗ về của thiên sứ:

- Chú ơi! Đừng buồn... Ta về đi, còn chuyến tàu mười giờ đêm nữa thôi!

- Ừ phải! Cháu chờ chú một chút. - Nói rồi anh vội vã lục tung cả mớ giấy tờ, ngăn kéo ra tìm kiếm, may ra còn chút tiền sót lại. Như đoán được ý nghĩ của Thuyết cô bé kéo tay anh.

- Chú đừng lo! Trên tàu sẽ có nhiều cái ăn lắm. Cháu có tiền.

Đêm ập xuống. Con tàu hú lên một hồi còi buồn bã. Nhị dẫn anh đi theo một lối tắt mà chỉ nó và những người đi buôn mới biết được.

Kéo anh lên toa, Nhị chỉ cho anh ghế ngồi và dặn anh ngồi chờ, rồi biến vào dòng người chen lấn trên tàu. Toa tàu phút chốc trở nên chật người, rập rình chuyển động. Người soát vé tay xách đèn vuông đầy quyền lực nhìn xoi vào anh, chìa bàn tay ra. Anh hốt hoảng lục túi cho đỡ thẹn. Con bé như từ trên trời xuất hiện, đưa vé cho người soát vé. Nó quay lại mỉm cười với anh:

- Chú phải có vé, vì chú là người có học, còn cháu không cần vé!

Trời ơi! Sao câu nói đó giống lời của mẹ anh thế. Mẹ cũng đẩy anh ngồi vào chiếc ghế hạng nhất. Mẹ cũng nói, con là người có học, còn mẹ ngồi đâu cũng được...

Con tàu xập xình lao đi trong đêm. Con bé thoát đi rồi lại quay về, anh như kẻ vô tích sự. Nhị đặt vào tay anh bánh trái với giọng ngọt ngào:

- Ăn đi chú! Đừng buồn, vài giờ nữa là về đến quê thôi!

Mắt anh nhòe đi, có phải anh mãi loay hoay đi tìm kiếm thiên thần, mà ở trước mặt anh lại hiện diện phẩm chất của thần linh để sót lại?

Thuyết từng theo mẹ trên những con đường ở các làng quê. Mẹ vẫn hay có thói quen dừng ở lại bên những chiếc xe đầy sang trọng. Miệng

mẹ lấm bầm như người mắc chứng hoang tưởng. Được! Để mẹ lại xem ở trên kia có ai là con của trời không nào. Con đừng tưởng họ lịch sự cả đâu, ăn mặc như vậy mà keo bẩn ra phết. Họ chẳng bố thí cho xu nào mà còn chửi mắng mẹ là đồ lười nhác. Làm lấy mà ăn chứ. Sao mà cứ lì mặt ra xin xỏ, con xem mẹ còn lười gì nào. Cha con mất đi, mẹ phải lần mò nuôi các con... Mẹ thoát lau nước mắt, cười - Thôi con ạ! Một ngày nào con ngồi trên chiếc xe sang trọng, đưa mẹ đi một vòng quanh làng mình, cho mẹ quên đi nghèo hèn con nhé! Khổ cho đời mẹ, ước mơ đó anh nào làm được.

Anh từng theo mẹ khắp cánh đồng nắng chang chang cồn cát, cầm chiếc giỏ chờ mẹ bắt cua, bắt cáy. Quay mặt đi nơi khác giấu những giọt nước mắt, nhìn tấm lưng cháy nắng của mẹ. Nhưng không giấu được mẹ, mẹ giả vờ cáu giận:

- Thuyết! Sao con lại khóc, con đói hả?
- Không! Con không đói! Con chỉ thương mẹ!
- Ủ! Đời mẹ khổ cũng được. Nhưng đời con phải học, con có nhìn thấy những chiếc xe con đậu ở đầu làng ta không? Mẹ chỉ ước ao được đi một vòng quanh làng...

Mùa nghỉ hè anh theo mẹ đi khắp vùng quê xa gần ăn xin. Đi xin không xấu đâu con ạ! Kẻ giàu nứt đố còn muốn giàu, mẹ con mình đi xin có gì là xấu. Mẹ đi xin vì muốn cho con ăn học.

Những đêm hè nằm trên chiếc chõng tre, Thuyết thường gối đầu vào tay mẹ, nghe mẹ thì thào kể chuyện. Mẹ bảo trên trời có muôn triệu vì sao, mỗi ngôi sao cũng to và sáng, khi lìa khỏi cõi đời ngôi sao cũng vụt tắt.

- Thế ngôi sao nào mang số phận của mẹ và con?
- Mẹ không biết được! Nhưng có một ngôi sao của mẹ. Vì mẹ nghèo hèn nên ngôi sao đó nhỏ thôi con ạ! Nó cũng hay đi lang thang như

đời mẹ! - mẹ cười, rồi vỗ về Thuyết: - Còn ngôi sao của con thì sáng và to lắm!

Thuyết ngủ trong tiếng ào ào kể chuyện của mẹ. Anh muốn đi tìm ngôi sao của mẹ và của mình. Anh muốn vượt lên trên sự bất hạnh, bất lực của trí tuệ, giải đáp cho mẹ ngôi sao của kiếp người...

Làng anh thờ Thành hoàng một vị ăn mày. Cả làng quanh năm cày cuốc nhưng khi nông nhàn là bị gây ra đi. Ra đi tung hoành khắp đất nước. Hàng năm ra Tết, chọn ngày tốt lành, đi cầu sự may rủi, ở đâu có con đường và làng xóm là gặp người làng anh.

Mẹ bảo nghề ăn mày đâu có xấu. Trời hời, xin một chút lộc bé nhỏ, bố thí của người hơn mình. Người có cơ làm giàu, ném một chút xương xẩu có sao đâu. Người sang, đủ no say cho một bát gạo, chuộc lại lỗi lầm khi họ nhẫn tâm sát phạt đồng loại lúc giàu. Gạo, thịt, của cải, hoa cỏ trái cây là của lộc trời chứ của riêng ai? Hãy đừng xấu hổ con ạ! Áo xống có rách rưới nhưng gắn gũi với sự nghèo khổ của tổ tiên hơn. Trẻ thì lụi cụi, còn già thì nương nhờ vào chiếc gậy và bị, rách rưới xua được tà ma và quỷ sứ đẩy con ạ!

Họ đi rông rần và lũ lượt. Ai thềm trấn lột đứa ăn mày, màn trời chiếu đất.

Anh từng theo mẹ khắp mùa hè nóng bỏng. Để mùa cắt sách đến trường có manh áo mới tinh thơm, theo trẻ vào trường học chữ. Suốt cả thời thơ ấu anh chỉ có một ước mơ, làm sao tìm cho được ngôi sao số phận đem về cho mẹ. Còn của anh không tìm thấy cũng được...

- Chú ơi! Ăn đi kéo nguội rồi! - Nhị khẽ lay vào tay anh. Bây giờ anh mới kịp nhìn thấy nó, con gái mẹ Môn hàng xóm nhà anh. Cái lần mẹ anh ra thăm anh ở trường đại học, mẹ thì ào ào kể với anh:

- Mẹ nói điều này hay lắm con ạ! Nhưng con đừng ngắt mẹ, cho mẹ là mê tín nhớ! Đúng là trời cho của con ạ! Cái con mẹ Môn đen đúa là vậy mà cầu khẩn thánh thần hay sao đẻ ra một đứa con gái đẹp như tiên. Nó

bảo một đêm nó nằm ở hè cứ mở mắt ra nhìn sao. Thế rồi có mang. Chắc ngôi sao cho nó con phải làm quan to con ạ!

Lần ấy mẹ ép Thuyết phải lấy vợ, cho mẹ có cháu bông. Anh chiều theo ý mẹ. Nhưng nàng dâu của mẹ làm sao có thể chịu khổ được. Nàng đã viết thư cho anh lời vĩnh biệt. Em yêu anh và phục tài trí của anh. Nhưng em không thể sống ở Tổ quốc mình được. Nhà khoa học gì mà sống không bằng đứa ăn mày. Chả hiểu nàng nói thật hay mỉa mai anh. Nàng đã ở luôn nước ngoài khi bảo vệ xong luận án phó tiến sĩ.

- Kia ăn đi chú, kéo nguội! - Nhị khẽ lay vào tay anh.

\* \* \*

Những năm tháng học ở trường Đại học anh càng quyết tâm nghiên cứu về thần học. Anh muốn giải đáp cho mình và mẹ. Anh muốn đời mẹ được sung sướng, hạnh phúc vì có đứa con cho mẹ hiểu được cội nguồn của kiếp người. Anh muốn chỉ ra cho bộ óc ngây thơ, tốt bụng của người quê anh, nhận ra được bản ngã chân thực của họ. Hãy đừng coi thường những người tay bị, tay gậy kia, ở dưới hai bàn chân phồng rộp tóa máu là sức mạnh của đất mẹ. Trên đầu họ là bầu trời đầy sao, chứa đầy niềm lạc quan vốn có của con người. Họ sống với cây cỏ thiên nhiên. Họ đi nghiêng nghiêng lệch về trái đất, như ngã về cùng mặt trời. Đầu họ nghĩ gì nào? Chỉ biết họ gần gũi với ngày hôm nay... chẳng khát khao gì nhiều lắm, một cuộc sống no đủ, vui vậy...

Anh muốn đi theo dân làng ra quân. Mẹ bảo anh đã là người có học phải ở nhà mà học chữ, để mẹ và Đàm ra đi. Mẹ bảo anh phải học cho giỏi, cho mẹ đi một vòng xe. Mẹ bảo, anh ra đời vào cái ngày thẳng quan phủ xô ngã cha anh, vì ông đói rách đến xin ăn, vì ông cũng có ước mơ như mẹ, nghèo hèn nhưng muốn nhìn vào chiếc xe jeep của chúng...

Trường Đại học cho anh bao điều thú vị nhưng cũng dành cho anh

bao sự xót xa vì nghèo hèn, thiếu thốn. Nhưng trong anh chứa sự nén chịu, anh không học cho mình, anh học cho mẹ. Mẹ bảo thánh thần, chắc tốt hơn con người.

Anh đã mù đi trong thế giới của thánh thần. Anh nhìn nơi đâu cũng thấy sự lý giải cao siêu của tạo hóa. Có buổi trưa đói ăn không ngủ được, ra ngồi ở quán tán dóc cùng bạn bè, anh đã gặp mẹ.

Mẹ như một diễn viên có tài, bộ mặt tỉnh bơ của thiên thần vào quán. Anh sợ quá suýt buột miệng gọi mẹ. Mẹ như không nhìn thấy anh, giơ tay trước mọi người:

- Xin quý ông... quý bà bớt chút lộc trời!...

Anh cố kìm sự òa khóc. Nếu anh khóc anh sẽ ôm chầm lấy mẹ. Thảng thốt chạy đến gốc xà cừ cạnh trường ngồi thẩn thức. Chờ cho bạn bè đi hết, mẹ đến tìm anh.

- Con buồn lắm phải không?

- Vâng! Con buồn lắm mẹ ạ!

- Đừng buồn con ạ! Khổ mấy mẹ cũng chịu được. Mẹ chỉ mong con nên người...

Mẹ rũ nơi hầu bao ra đủ các loại tiền lẻ. Mẹ cười, dúm vào tay Thuyết.

- Mẹ ơi! Mẹ cầm lấy mà đi đường chứ!

- Con lo cho mẹ làm gì. Từ đây về nhà mẹ lại xin - Rồi mẹ ngửa mặt nhìn trời, giống như một nhà hiền triết - ở đâu gặp được người thì thần thánh cho mẹ niềm vui. Ở đâu có con người, ở đó có niềm thương mến. Mẹ tin đời sẽ như vậy con ạ! - Thuyết không thể trả lời cho mẹ.

Con tàu dừng lại ở ga xếp, anh và Nhị đi theo lối tắt về nhà. Trăm ngàn con đom đóm lập lờ, mẹ bảo đó là mắt của cô hồn đấy. Họ rủ nhau đi rong chơi trong đêm. Đừng đụng đến họ làm gì con ạ.

\* \* \*

Anh theo Nhị về đến nhà thì trời vừa sáng. Vẫn mấy gian nhà tranh trống trải ngày nào. Chỉ khác là người xúm đông xúm đỏ ra vào. Con Đám, em gái anh chạy ra ôm chầm lấy anh khóc tức tưởi:

- Khổ lắm anh ơi! Sao anh không rút quách đi mà về sống cho có mẹ có con... Giờ anh về thì không còn mẹ nữa rồi!... Anh ơi!

Anh không nói được lời nào. Phường bát âm đã tụ tập đông đủ. Theo phong tục của làng, một số người đàn ông và đàn bà ăn mặc rách rưới như lúc còn sống người đi ăn xin thường mặc. Mẹ anh nằm ngay ngắn trên giường, mặc bộ áo dài mà lúc sống chưa hề được mặc. Mắt nhắm nghiền như ngủ. Mọi người chờ anh về là nhập quan. Một ông già, dùng hai đoạn tre đập vào nhau hô lên.

- Ồ vía! Ba hồn chín vía bà Thống ở đâu về nhập quan...

Tức thì tiếng kèn, trống, thanh la nổi lên. Mấy người ăn mặc rách rưới xoa tóc ra khóc than, ai oán. Tiếng khóc làm cho người nghe ảo não. Cũ xưa... xa xôi và day dứt. Có lẽ đó là ngôn ngữ gần gũi của các sắc tộc, từ mông muội đến văn minh. Người hiền kẻ ác nghe đều hiểu được.

Anh như thấy mẹ, mặc áo quần xa lạ từ xe tang chạy ra. Mẹ đã nhập cùng Thế giới thần linh rồi con ạ! Chỉ thương con côi cút sống khổ trên trần gian này mà thiếu mẹ. Thuyết đi giật lùi. Con Đám ở phía sau khóc vống sang: ối mẹ ơi! a a a... à à à...! Sao mà mẹ khổ thế mẹ ơi! Cả đời mẹ nuôi thần thánh mà lúc chết mẹ không cháo cơm!

Anh muốn tìm kẻ nút mà chui xuống vì xót xa, bất lực. Tiếng quát làm cho im bật tiếng khóc và kèn trống:

- Dừng lại! Chuẩn bị hạ huyệt!

Anh đi cạnh những ngôi mộ đã được xây. Bọn trẻ con chăn trâu nghịch ngợm vẽ lên đó vô số hình người ăn mày. Thuyết giật mình nhớ lời mẹ dặn anh, khắc cho mẹ một tấm ảnh bằng đá ngọ nhớ lúc mẹ ra đi đột ngột. Anh chưa kịp cho mẹ một tấm ảnh nào...

Làm xong ba ngày cho mẹ, Thuyết vội vã ra đi. Anh cần phải hoàn tất thủ tục để lấy chứng chỉ học vị, và lại nếu kéo dài thời gian ở nhà, anh biết phân bua làm sao với em gái và họ mạc.

Anh men theo con đường mòn ra ga. Mừng rỡ vì kịp giờ tàu. Giật mình khi có tiếng gọi phía sau. Một cô gái ăn mặc giản dị nhưng không giấu nổi vẻ đẹp đang gọi anh. Anh không nhận ra con cái nhà ai, ngượng ngừng hỏi lại:

- Cô gọi tôi ạ!

- Kia chú Thuyết! Chú không nhận ra cháu ư?

- Kia! Nhị! Sao hôm nay nom cháu khác quá!

Xấu hổ, hai gò má Nhị ửng đỏ, miệng nói qua hơi thở:

- Chú đi... Ngoài đó khó khăn... cháu biết... cháu có chút quà gửi chú tiêu...

Bàn tay Nhị run run đặt vào tay Thuyết, rồi ù té chạy.

Anh không kịp cảm ơn Nhị một lời. Nhưng anh cũng kịp nhận ra khuôn mặt thánh thiện của Nhị, giống như nét mặt của mẹ mỗi lần gửi vào tay anh tiền ngày còn học ở trường đại học.

*T.N.T*

P H A M X U Â N P H U N G

# Mê-sa-li, câu chuyện bên hồ

(SH số tháng 6 - 1994)

**K**hoa chúng tôi không hiếm những căn bệnh lạ, nhưng đây là căn bệnh kỳ quặc mà tôi mới gặp lần đầu. Người bệnh là một người đàn ông luống tuổi, vốn là một thợ săn núc tiếng tài ba khắp vùng. Tôi nghe tên đã lâu nay mới gặp mặt. Trông anh ta không có phong thái của một người phong sương từng trải, cánh vạc đêm hè. Đôi mắt đăm đăm nhìn vào cõi xa xăm như đang dạo chơi trong miền ký ức. Tôi quyết định dùng trọn một buổi chiều nói chuyện cùng anh ta để mong tìm trong thâm sâu hoài niệm một sợi tơ nguyên khởi, hồng từ đó phăng ra căn nguyên của chứng bệnh kỳ lạ này. Người bệnh đáp ứng yêu cầu của tôi một cách nồng nhiệt. Anh kể rằng...

Trước đây, tôi là một chú ngỗng nhà. Một chú ngỗng đầy lòng sùng kính vô điều kiện với các vị ngỗng vào hàng cha ông. Tôi học từ dáng đi, điệu vỗ cánh, kiểu cách vươn cao đầu, giọng ca vang rền và những động tác mổ thức ăn thuần thục, diêm đạm. Với tôi, các vị ấy là mẫu Ngỗng lý tưởng. Tôi luôn luôn bị la rầy, thỉnh thoảng bị bác ngỗng đầu đàn gõ



cho một cái đau đặng vì những tội vớ vẩn do tính bộp chộp của tuổi mới lớn: mổ thóc văng tứ tung, đập cánh loạn xạ mù, cất giọng ồm ồm làm mất giấc ngủ quý giá của các thím ngỗng đầm đang. Trái lại, tôi luôn luôn kênh kiêu đúng kiểu của một bậc đàn anh trong giới thượng lưu khi đứng trước bọn gà, vịt, ngan choai choai cùng lứa. Mỗi lần như vậy, bao giờ tôi cũng vươn cổ thật thẳng, mắt ngược lên trời (nhưng thỉnh thoảng liếc xéo xuống dưới), bước đi khệnh khạng. Chốc chốc lại làm bộ xòe đôi cánh vỗ vỗ vài cái. Tôi không dám xòe hẳn vì bộ lông cánh cũn cỡn sẽ làm lộ blem cái tật “choai choai” của mình, càng không dám cất cái giọng thanh la bể dù trong lòng rất muốn. Bọn gà, vịt, ngan choai choai lúc nào cũng nhìn tôi lượn lờ trong sân với những đôi mắt đầy thán phục và ao ước khiến tôi sướng tê người, sướng rung từng thớ thịt. Cao hứng, tôi phi nước đại với cái cổ vươn thẳng về phía trước. Chúng khiếp hãi kêu chiêm chiêm, cảm cạp inh ỏi và chạy loạn cả lên. Khi ấy, tôi ngửa cổ lên trời, cười đắc chí: “Khà... khà, khoái thật!”

Theo lời bác ngỗng đầu đàn, họ nhà Ngỗng có biệt tài đánh hơi và nghe tiếng động. Ban đêm, nếu có bọn bắt lương mò vào thì lập tức cả họ nhà ngỗng sẽ thổi kèn báo động “cướp... cướp... kia!” đánh thức nhà chủ dậy. Thảo nào, chuồng tôi ở sát nhà chủ, chỗ sạch sẽ nhất, còn sân chơi thì rộng thênh thang, sát ngay đường cái, lớp hàng rào chắc chắn đủ ngăn bọn trộm ngày, khỏi lo. Chẳng bù cho bọn gà, vịt, ngan. Chuồng trại chúng nó bao giờ cũng lớp nhớp những phân rác, thức ăn rơi vãi làm môi cho bọn chuột cống con nào con nấy mập thù lù. Có những lão chuột cống già lụ khụ, lông rụng gần hết, mắt lơ đờ, trông mà phát tởm. Chúng ít khi dám léo hánh sang chuồng tôi vì sẽ bị bác ngỗng đầu đàn mổ chết. Không bao giờ bác mổ trật. Mổ xong, bác để đó không thèm ngó đến rồi đỉnh đạc kêu nhà chủ: “Dọn... chuồng”. Lớn lên, tôi cũng sẽ như bác. Chắc chắn tôi sẽ làm cho những tên chuột khiếp đảm vì cái mỏ bách thắng của mình. Có điều... có điều... bây giờ thì... tôi thấy

chưa cần giáp chiến với lũ chúng. Tôi còn phải làm nhiều việc khác có ích hơn, chẳng hạn phân xử các vụ tranh ăn ỏm xí tỏi giữa mấy cô cậu gà, vịt, ngan mỗi khi cô tiểu chủ quăng mồi. Cậu gà trống choai choai là phần tử phá đám nhất bọn. Bao giờ tôi cũng lấy tư thế hoàng đế nhún vai mà bảo chúng rằng: “Đừng tranh nhau. Hèn... hèn!”. Và tôi rất lấy làm kiêu hãnh về cái việc chẳng ai sai khiến này. Cho nên tôi cứ thấy đời vui phơi phới, mặc cho suốt ngày bên hàng rào có trăm con mắt dòm ngó, trăm cái mồm xì xào chê bai từ chút bùn đen dính trên lông đến bãi phân trắng dầy tí máu đỏ. Lại một điều những cái hay, cái đẹp của tôi chẳng thấy họ khen lấy một lời cho phải đạo. Có lẽ họ cho rằng ĐẸP là thuộc tính vốn có của Ngỗng tôi nên không cần khen phò mã tốt áo chẳng? Lũ trẻ con ông chủ thường ham chơi, chẳng bao giờ cho tôi ăn đúng bữa. Báo hại nhiều hôm tôi đói mờ cả mắt, phải lê bước kiếm mồi. Để trả thù, mỗi khi chúng lảng vảng sát hàng rào, tôi lại nhảy vọt lên dọa mổ vào mắt làm chúng khiếp hãi chạy tứ tán. Dĩ nhiên sau đó tôi phải khôn hồn rúc vào chuồng nếu không muốn bị ăn đạn ná cao su. Tuy vậy, tôi cũng chẳng ghét chúng lâu vì nếu là người, tôi cũng sẽ như chúng: tò mò, nghịch ngợm một cách tai quái nhưng hồn nhiên, vô tư. Cái trò tai quái nhất mà tôi luôn luôn đề phòng là bị tròng thông lọng vào cổ rồi xách bổng khỏi mặt đất. Thông lọng là cái thứ ít khi chụp được những cái đầu rụt cổ hoặc những cái đuôi cụp. Cách tốt nhất để thoát khỏi tai ương là không nên ngẩng đầu. Nhưng như vậy thì còn gì là cốt cách họ nhà Ngỗng bao giờ cũng ngẩng đầu mà đi, trừ khi bắt buộc phải cúi đầu để ăn theo lẽ sinh tồn. Một dòng họ mà tôi thường trầm ngâm đánh giá: “Đạt... đạt!”. Đôi khi thật cao hứng, tôi lại dài cổ hét tướng: “Tuyệt... vời!” Để đạt được mấy chữ ấy, dòng họ tôi đã chấp nhận sự hy sinh mỗi khi ông chủ cần thịt. Chúng tôi gọi đó là “sự tuân tiết”. Còn bác đầu bếp chỉ đơn giản gọi đó là “sự cắt tiết”. Nghe mà ớn thấu lông đuôi. Dù sao mặc lòng, đó chính là “đạo làm... Ngỗng” mà tôi sẵn sàng tuân theo nếu không có một ngày đẹp trời Mê-Sa-La bay đến. Lần đầu mới gặp, tôi

cứ ngỡ anh ở chuồng nhà bên. Sau này mới biết trên đời có một chàng ngỗng không ở... chuồng như tôi. Từ lần gặp ấy, tôi có tên là Mê-Sa-Li.

Bằng lời kể hấp dẫn, Mê-Sa-La đã đưa tôi bay qua muôn núi ngàn sông, qua bao đại dương trùng trùng sóng vỗ, bao cánh rừng bát ngát bốn mùa xanh, qua những lâu đài rêu phong như cổ tích, những thành phố ngời ánh điện mà từ trên trời cao nhìn xuống cứ lấp lánh như muôn vì sao trong đêm hạ tuần. Nhờ anh, tôi còn biết một điều bất ngờ hơn: tôi có hình dáng hơi khác với các bạn ngỗng trong chuồng. Tôi đem chuyện này hỏi Mẹ. Mẹ cười buồn: “Phải đấy con ạ! Mẹ chỉ là mẹ nuôi của con. Ngày ấy, ông chủ lượm ở đâu về hai quả trứng cho mẹ ấp. Mẹ chỉ giúp con và bạn gái của con chào đời bằng hơi ấm của tình thương, nuôi con lớn lên và dạy con trưởng thành bằng chính những tháng ngày cơ cực. Ôi! Đứa con côi cút của ta, ai đã nói cho con biết điều này? “Anh Mê-Sa-La đấy, Mẹ ạ!”. Mẹ không nhìn tôi mà chột quay đi chỗ khác. Trong mắt Người, một hạt buồn trong veo lớn dần lên rồi chảy dài như một dòng suối ngọc. Tôi hoảng quá, lặng im cúi đầu ân hận. Mẹ xòe cánh vuốt lên đầu tôi rồi khẽ bảo: “Nếu con không biết thì hay hơn!” Xúc động dâng trào khiến tôi không sao cất lời hỏi tiếp. Bây giờ dù tôi muốn biết điều gì cũng đành thôi vì không còn Mẹ trên đời. Mẹ nằm ở góc vườn, phần thưởng của ông chủ dành cho công lao của Mẹ sau nhiều tháng năm chăm mẫn tặng cho đời những quả trứng no tròn. Ngày rằm mồng một tôi vẫn đến đó trầm ngâm tưởng nhớ đến Người. Tôi còn nhớ như in đôi mắt buồn thương vô hạn của Mẹ nhìn tôi lúc sắp lìa đời. Nhớ đến nỗi buồn của Mẹ, tôi cạn ngay niềm mơ ước tung cánh trời mây. Nhưng nghĩ đến những điều đã biết và những phương trời xa, tôi lại dâng trào nỗi nhớ Mê-Sa-La, chàng ngỗng trời có bộ lông trắng như giấc mơ của tôi những ngày thơ ấu với cái cổ dài cong tuyệt vời tao nhã và một giọng ca trầm hùng mà thanh thoát lạ kỳ khiến các chị em nhà chúng tôi ngay phút đầu gặp mặt đã ngẩn ngơ nhìn rồi dúi vào nhau mà thì thầm: “Đẹp tuyệt!”. Tôi mong gặp anh không phải vì những điều ấy, bởi tôi cũng là đàn ông,

mà vì những buổi tập bay đầy hấp dẫn đã cho tôi được thấy những cảnh quan kỳ ảo mà khi đứng trên đất chẳng bao giờ tôi thấy được đâu. Cho đến nay, sau nhiều lần theo anh tập luyện, tôi đã tự mình vỗ cánh lướt qua mặt hồ mênh mông (mà trước đây tôi ngỡ là biển Thái Bình như bao đứa trẻ khác), qua cả cánh rừng bên kia hồ bạt ngàn cây trái. Anh hẹn: “Đến một ngày đẹp trời nào đó, anh sẽ đưa em vượt qua rừng núi mờ xanh kia. Bên ấy là một miền trời hư ảo, chưa bao giờ có trong đôi mắt những chú ngỗng nhà: miền trời của những cánh thiên nga phiêu lãng”. Tôi nghe mà thấy sợ, nhưng vẫn mơ hoài một chuyến viễn du...

Hôm ấy, tôi tưởng như bay lên tận đỉnh trời. Trước mắt tôi chan hòa muôn ánh ngọc. Quanh tôi, những nàng sao xoa tóc, chao đưa giọng cười trong gió mơn man.

- Chào bạn! Bạn là ai thế? - Một nàng sao cất tiếng.
- Tôi là Mê-Sa-Li. Còn bạn?
- Tôi là Sao-đêm-lấp-lánh.
- Tôi là Tinh-tú-lang-thang.
- Tôi là... Các nàng sao lao xao chen tiếng.

Chao! Họ mới đẹp làm sao! Ánh trắng tỏa ra từ họ làm tôi chột then thùng nhìn lại bộ lông trắng của mình mà đã bao lần tôi kiêu hãnh khoe cùng bầy ngan vịt. Đáng họ lướt bay giữa trời mây sao mà uyển chuyển mềm mại đến mê hồn. Mới trước đó ít phút tôi còn say sưa nhào lộn giữa tầng không, cứ tưởng như mình là vũ công đệ nhất. Còn bây giờ... Không hiểu sao tôi thấy buồn ngủ quá. Lại đói cồn cào. Chịu thôi, anh Mê-Sa-La ơi!

Hôm ấy tôi đành bỏ dở chuyến bay để quay về chuồng chén một bữa no bụng rồi lăn ra ngủ. Mấy ngày sau, Mê-Sa-La lại đến. Anh lặng nhìn tôi với đôi mắt đầy cảm thông xen lẫn một chút buồn buồn, một tia chế giễu làm tôi muốn hóa ngay thành Thổ Hành Tôn. Chúng tôi lại cùng

nhau bay lên, vượt qua những cánh rừng trập trùng huyền thoại! Ngày xưa, Kinh Kha một lần đi không trở lại. Còn tôi... trái mơ xa chưa chín, chén cơm gần còn thơm!

Một sáng kia, cả chuồng đều đang ngủ say vì ban đêm lo phòng thủ. Riêng tôi phải dậy sớm để trực nhật. Sau khi quét xong chuồng trại, tôi chạy ra trước cổng tập bài thể dục buổi sáng và luyện giọng ca. Xong việc đứng nhìn vãn vợ sang chuồng bên cạnh. Chẳng hiểu sáng ấy có chuyện gì mà nhiều cô cậu gà, vịt, ngan cứ nườm nượp đi ngang qua ngõ nhà tôi. Tôi toan hỏi nhưng chợt nhớ câu “im lặng là vàng” nên cứ đứng nhìn. Một chàng ngan có cái mào đỏ bầm xoăn tít thấy tôi đứng đó bèn nhanh nhẩu hỏi:

- Bác chưa đi thăm à?

- Thăm ai? - Tôi ngơ ngác hỏi lại

- Bác không biết thật à? Bà chủ bị cảm mạo phải vào bệnh viện mấy bữa nay rồi. Bác quả là vô tâm!

Ô hô! Bà chủ bị cảm mạo phong hàn (!), một cái tin chấn động địa... chuồng, một dịp để lũ gà, vịt nộp mạng. Bà chủ rất ghét thịt ngỗng vì hể động thấy... ngỗng là đỏ mặt, ngứa ngáy khó chịu vô cùng. Bà không còn ở độ tuổi thấy thịt là ham, bất cần hậu quả. Có lẽ vì vậy, chuồng ngỗng chúng tôi vẫn cứ bình an. Nhưng sao bọn này nom thần nhiên đến lạ! Đứa ngậm củ gừng, đứa kẹp dùm lá chanh, toàn thị những thứ ông bà chủ yêu thích cả. Phải cho bọn này một bài học, để trước khi chịu nạn phanh thây, chúng cũng biết cái gì là cái gì, ai là ai mới được.

- Đẹp... đẹp! Làm gì mà nặng xị cả đám thế? Bà chủ đã chết đâu? Thảo nào chúng mày cả đời không sao cất đầu lên nổi, cứ vục mỏ trong bùn ao. Đồ hèn!

- Bậy... bậy - Lão vịt già chống chế - Hoàng hậu ươn mình thì... nói chung thứ dân coi như... hèm..., nói chung phải lo đi thăm hỏi tặng quà... coi như đại thể là... hèm... hèm... bày tỏ lòng quý mến... Khả!

- Hơ hơ! Tao nghĩ rằng mấy ông chủ nhỏ đem tụi bây đi đặt cọc hoặc đấu thầu tình cảm với ông chủ lớn thì đúng hơn.

- Bậy... bậy - Lão vịt già lại cất tiếng - Chúng tôi nói chung... hèm... hèm... coi như thương xót...

Tôi nổi xung:

- Loại chúng mày thì biết thương ai. Đồng loại tranh ăn còn mổ cắn nữa là. Này! Bà chủ đích biết tấm lòng quý hóa của chúng bây đâu. May chẳng có lũ con bà thương thức phao câu đấu cánh. Chúng mày không biết xấu hổ một chút trước khi nộp mạng sao?

- Khà... khà! - Một anh vịt cổ đột nhiên cười - Xấu hổ giùm mấy ông chủ nhỏ thì có, chứ kiếp bọn mình chẳng tội gì mà xấu hổ. Bác cũng thế thôi, chưa đến lượt dao kẻ cổ thì còn đứng đó nói phét. Đến lượt thì cũng như bọn này chứ có hơn gì... khà... khà!

- Ủ nhĩ! - Tôi giật mình nghĩ thầm - Hắn nói có lý đó!

Tôi buồn rầu quay vào chuồng trầm ngâm suy tưởng. Buồn thay cho kiếp cầm sinh! Cũng may bà chủ không ăn được thịt ngỗng. Nếu ngược lại thì sao? Ai sẽ làm vật tế thần? Nghĩ đến đó, lòng tôi chột nao nao buồn, đôi mắt mờ sương...

Đang thiu thiu ngủ, chợt tôi nghe có tiếng người lao xao. Bưng mắt dậy, thấy lối nhỏ trước hàng rào những áo dài, quần cộc, tay có, tay không; che lấp hẳn một khoảng trời xanh trước mắt. Một ông người béo ị, mặc áo lương đội khăn xếp đang chấp tay sau lưng nghiêng người dòm vào chuồng. Dáng chừng một lão thầy lang. Trời nắng ấm mà bỗng nhiên tôi thấy ớn lạnh đến rùng mình.

- Bắt cho được con này - Ông ta chỉ tay về phía... anh tôi - còn thằng kia - Ông ta chỉ vào... tôi - để tuần sau. Mỗi tuần bà chủ cần ăn một cái gan ngỗng luộc, vừa trị bệnh vừa bồi dưỡng.

Ra thế! Bà chủ bình sinh không ăn được thịt ngỗng. Nay ông thầy lang “dĩ độc công độc” đấy!

“Vút”. Tiếng chiếc thòng lọng xé gió lao đến. Anh cả của tôi, người anh thật thà đôn hậu đã làm vật tế thần như sáng nay tôi vừa suy tưởng. Buồn thay cho kiếp cầm sinh! Dẫu biết rằng chủ nuôi là để thịt, đạo làm ngỗng làm gà cuối cùng đều thế cả. Nhưng sao tôi thấy vô lý quá chừng?! Cái đầu xưa nay vốn bệch tuệch của tôi, giờ phải làm việc hết ga mà vẫn không sao tìm ra nổi cái vô lý nằm trong mớ hỗn độn những cái tưởng như là có lý trên cõi đời quá ư phức tạp đối với một chàng ngỗng đục đang độ trưởng thành như tôi. Lâu nay, tôi vẫn thường thấy các đồng loại của tôi vừa trước đó còn thông dong trong bộ lông trắng, ít phút sau đã phơi mình đỏ hồng trên mặt thớt thâm sì. Ác thay, tôi cứ nghĩ lẽ đời là vậy, cứ ung dung chờ đến lượt mình. Tôi chưa hề phải dấn vật về cái chết. Chơi đã! Thế mà hôm nay không hiểu sao, trong đầu tôi những cái chết tưởng như là hợp đạo lý - nên mất đi tính chất thâm thúy - bỗng hiện về đầy trong nước mắt.

Hôm nọ, thằng ngỗng khoang - một thằng bạn trái nết, ngay cái khoang đen kỳ quặc cũng đã trái nết rồi - luôn mồm gào lên “thực... thực”. Gào mãi mà bọn tiểu chủ vẫn không hề động tĩnh. Điền tiết vì bị bỏ đói, nó lồng lộn cắn xé hàng rào. Bọn tiểu chủ đang vui trong bữa nhậu, điền tiết vì bị mất vui, vác gậy nện cho nó mấy cái vào đầu thật lực. Thương thay! Còn đâu nữa cái đầu luôn ngẩng cao kiêu hãnh! Máu nhuộm đào bộ lông trắng, máu nhuộm bầm cặp chân hồng. Trước khi chết, nó còn cố vươn cổ lên kêu một tiếng khàn khàn: “Chớ... lắm!”. Cả chuồng ngỗng chúng tôi và các bạn gà, vịt, ngan hôm đó đều bỏ ăn, cúi đầu tưởng nhớ một con ngỗng bất khuất. Trong giờ phút đau thương, chúng tôi như hòa làm một, không kể sang hèn. Ngỗng khoang ơi! Tiếng kêu khàn khàn của anh như tiếng chuông thức tỉnh, giúp chúng tôi nhận ra điều phi lý ở trên đời: “Trên trái đất này, CON NGƯỜI là sinh chủ. Nhưng trong vũ trụ bao la, họ cũng chỉ là một sinh kiếp như muôn loài khác, chứ có hơn gì?”. Anh Mê-Sa-La đã nói đúng. Hãy sớm giết mình đi, hỡi CON NGƯỜI luôn tự cho mình là động vật duy nhất biết tư duy.

Ngổng khoang ơi! Tiếng kêu khàn khàn của anh trong phút cuối đời, giờ đây đã trở thành bài ca thánh thót ngân mãi trong hồn tôi...

Thưa Mẹ kính yêu! Con biết rồi đây dưới năm mồ sâu, Mẹ sẽ đau buồn. Nhưng Mẹ ơi! Kiếp làm trai, con phải bay lên chín tầng xanh thăm, vườn xa khắp tám phương trời. Rồi sẽ đến một ngày thân con rửa nát chốn rừng sâu hay teo khô dưới nắng hè trên đảo vắng. Còn hơn làm miếng mồi cho lũ người chỉ biết há mồm ăn. Mẹ ơi! Hãy tha lỗi cho đứa con đang khát khao tìm đến Cái-Tự-Do trong giới hạn của VÔ CÙNG.

Chào em! Tôi phải ra đi tìm một cõi trời. Sẽ lại về cùng em chấp cánh. Nhưng không phải trong cái lâu đài tù ngục của tuổi thơ ngơ ngác dại khờ.

Chào các bạn và các em, những cậu bé, cô bé ngộ nghịch, hồn nhiên như ngỗng trắng với những đôi mắt ngọc bích trong huyền. Ước chi ngày gặp lại, những đôi mắt ấy vẫn trong tươi lay láy tựa ngàn sao!

Chào tất cả! Chào mảnh đất lành, nơi đã nuôi tôi những tháng ngày tuy cơ cực nhưng đầm ấm biết bao! Đã đến giờ tôi cất cánh bay lên về với thiên nhiên xanh vô tướng. Anh Mê-Sa-La, sứ giả của trời cao, kẻ đã cho tôi biết được cái giá trị lớn lao của đời ngỗng trời tự do đã đến kia rồi! Trời xanh, nắng mặt đang gọi mời tôi và anh sóng đôi vào cõi mới. Tôi vườn cổ thật dài rung một hồi kèn từ già rồi vỗ cánh bay lên...

Từ đó tôi hoàn nguyên làm kiếp ngỗng trời.

\* \* \*

- Đã hoàn nguyên làm kiếp ngỗng trời, sao còn lưu luyến nơi đây? -  
Tôi ngạc nhiên hỏi - Hay còn thèm thưởng mỗi thơm chuồng ả?

- Không! Ông lầm rồi, ông thợ săn ạ! Loài chim khi đã sổ lồng thì không mỗi ngon nào dẫn dụ nổi - Mê-Sa-Li điểm đậm trả lời.

- Vậy thì vì cái gì lớn lao hơn thế?



- Đúng. Loài chim thường sống có đôi, có đàn. Tôi đã tìm ra miền xanh mơ ước - Đôi mắt Mê-Sa-Li bỗng ngời lên xa xăm - Nhưng còn Bạch Ngọc... Giọng Mê-Sa-Li trở nên nghẹn ngào.

- Bạch Ngọc là ai? - Tôi ngờ ngác hỏi lại.

- Trái tim của tôi, cô bạn gái thuở thiếu thời cùng được Mẹ tôi nuôi dưỡng. Nàng cũng thoát thai từ giống ngỗng trời...

- Ô! Có phải là con ngỗng cái mà... Nói đến đó, đột nhiên tôi nghẹn cứng cổ và bất giác rung mình.

- Phải, chính là Nàng - Từ trong hai khóm mắt Mê-Sa-Li tràn lên hai hạt sương long lanh, đẹp nào nùng - Chính ông, chứ không phải là ai khác...

- Tôi? Có thật không? - Tôi thẳng thốt hỏi giạt.

- Chính ông! Nhưng ông đừng sợ. Bây giờ ông mới thực là một CON NGƯỜI với nguyên vẹn phần thanh cao nhất. Tôi chẳng oán thù ông, chỉ lấy làm buồn - Mê-Sa-Li từ tốn nói.

Tôi ngồi chết lặng ngắm chàng ngỗng trời. Vần bộ lông trắng muốt. Có lẽ nào?! Tôi lắc lắc đầu, cố quên đi hình ảnh khủng khiếp!

Trước lúc nâng súng lên tôi đã nhìn thấy chúng. Hai con ngỗng. Con ngỗng đực đang xòe cánh, mở ngậm vào cổ con ngỗng cái. Con ngỗng cái với chùm lông đuôi bị cắt cụt và một chiếc cánh bị sả đang tựa mình trên lưng con ngỗng đực. Đúng là một đôi uyên ương liều chết cố thoát vòng vây. Tôi giương súng ngắm cẩn thận rồi bóp cò...

Bỗng nhiên có tiếng chân người đạp trên lá khô. Tôi giật mình đứng lại. Bạch Ngọc - Trái-tim-của-tôi đang run lấy bầy. Tôi khẽ nói: “Bình tĩnh đi em, kéo bọn người độc ác nhìn thấy”. Nàng vẫn run bần bật từng hồi. Trời! Có phải tôi đã làm hại Nàng không? Nếu tôi không trở về gặp lại? Sau hai lần trốn khỏi chuồng để theo tôi tập bay, Nàng đã bị bọn chủ trừng phạt như thế đó. Loài chim khi đã bị thảm hình cắt lông cánh, chặt lông đuôi thì làm sao bay lên được?

- Mê-Sa-Li, anh bay đi đi. Em đành chịu xa anh một kiếp này - Bạch Ngọc run rẩy nói.

- Không! Nếu em không bay được, anh sẽ đưa em đến một nơi nào đó vắng bóng người. Anh sẽ tìm mỗi đêm về cho em như hồi nhỏ chúng mình vẫn thế.

Chúng tôi dìu nhau đi. Từng bước, từng bước chúng tôi đang rời xa chốn ngục tù. Chỉ còn vài bước, rừng cây âm u sẽ che chở chúng tôi thoát khỏi những đôi mắt đục ngầu tội ác.

Một tiếng nổ. Lồng ngực tôi rung lên. Tôi gục xuống, tai còn nghe một tiếng thét xé lòng, xé cả miền xanh mơ ước! Ông thợ săn, chắc bây giờ ông hiểu vì sao chỉ cần một phát đạn, ông đã hạ được cả đôi rồi chứ?

Mê-Sa-Li ngừng lời. Trên mặt cỏ ven hồ còn đầm sương mai, tôi ngồi như tượng đá. Không biết tự bao giờ, khẩu súng săn của tôi đã nằm yên trên mặt đất. Và Mê-Sa-Li đang đậu trên đó, hồn nhiên như đậu trên cành cây. Ánh mai vừa ló dạng soi vào đôi mắt nó làm ánh lên đôi hạt sương trong. Trước mắt tôi hiện hiện một bầu thiên nhiên thu nhỏ. Bầu thiên nhiên ấy nghiêng đầu soi bóng dưới mặt hồ xanh...

Rồi nó ngẩng lên nhìn trời, đôi mắt ngời lên ánh biếc. Nó quay lại nhìn tôi dăm dăm rồi gục gặc đầu: “Xin chào!”.

Trời ban mai không một áng mây đen. Mê-Sa-Li-của-tôi đang bay mãi miết. Đôi cánh trắng loang loáng ánh trời, đẹp như giấc mơ của tôi những ngày thơ ấu. Tôi đứng lặng nhìn theo, chờ cho đến khi Mê-Sa-Li chỉ còn là một chấm trắng hòa tan trong nắng lưng trời.

Một tiếng nổ. Lồng ngực tôi rung lên. Trên trời cao, đốm trắng thiên thần bỗng bị xé tan ra, rơi lả tả thành từng mảnh trắng. Nắng đột nhiên tắt. Trời tối sầm. Kẻ nào... kẻ nào đã bắn chết Mê-Sa-Li-của-ta? Đồ độc ác!

\* \* \*

- Này! Mơ thấy gì mà la hét ghê thế? - Một giọng khê đặc xói vào tai tôi.

Tôi uể oải ngồi dậy, trừng trừng nhìn kẻ đánh thức mình. Người chủ trại với khuôn mặt bánh đúc, má nhầy mỡ, đang nhìn tôi cười. Anh ta nắm tay tôi, giọng hể hả:

- Tiệc sẵn sàng rồi. Xin mời!

Tôi thần thờ bước theo anh ta. Dù sao, anh ta cũng đã đưa đủ số tiền đã hứa. Trên bàn bày la liệt, nhưng tôi chẳng nhìn rõ món gì!

- Nào xin mời! - Anh ta khề khà - Các món khác, thường thôi. Duy món này - Anh ta chỉ vào giữa bàn - đặc biệt để mời bác.

Tôi nhìn theo tay hắn. Giữa bàn đặt một đĩa thuyền Trung Quốc. Trên đó có một đôi chim trắng. Con chim đực đang ngẩng cao đầu nhìn tôi. Trời ơi! Mê-Sa-Li, sao em rơi xuống chốn này?

- Đồ man rợ! Ăn cả thịt sống - Tôi nổi cáu quát lớn rồi xô ghế đứng dậy. Người chủ trại bặm mặt nhìn theo tôi.

Tôi chạy vội về nhà rồi gác cây súng săn lên tường. Từ đó, không bao giờ tôi cầm đến nó. Cũng từ đó, mỗi khi ngồi vào bàn tiệc mặn, tôi lại thấy Mê-Sa-Li của tôi đang nhìn...

Người bệnh ôm mặt, đôi vai rung từng hồi. Một lát sau, anh ngước lên nhìn tôi. Một vầng mây hối tiếc phủ dày trên đôi mắt.

- Thưa Bác sĩ, kẻ nào đã bắn chết Mê-Sa-Li-của-tôi? Có phải là tôi không? - Anh chờ dẫn hỏi.

- Không! - Tôi trả lời - Mê-Sa-Li không chết.

- Thật không? Mê-Sa-Li còn sống à? Nó bay đi rồi phải không?

- Đúng thế! Không ai giết nổi...

- Láo! Chính mày! - Người bệnh găm lên một tiếng, đôi mắt trắng dã vô hồn - chính mày đã bắn chết Mê-Sa-Li-của-tao.

Vào thời điểm gay cấn này, nếu không biết cách ứng xử phù hợp, người bệnh dễ gây ra những hành động cực kỳ nguy hiểm bởi anh đã rơi vào trạng thái bị kích thích tột cùng. Tôi nhẹ nhàng đứng dậy và vươn hai tay ra.

- Anh nhìn này! Mê-Sa-Li của anh đây.

Đôi vai người bệnh giật nhẹ. Ánh mắt đầy lửa đỏ đang hướng vào tôi. Chiếc áo bờ lu trắng phản chiếu vào đôi mắt làm tan đi quang lửa. Trong đôi mắt ấy, hiện dần lên niềm tin trong trắng, lấp lánh như đang vỗ cánh reo mừng.

Chúng tôi ôm chầm nhau. Người bệnh vuốt đầu tôi một cách dịu dàng, âu yếm. Tôi nghe giọng anh trầm thì:

- Mê-Sa-Li! Ngõng trời xinh đẹp của ta! Em lại bay về...

\* \* \*

Buổi nói chuyện với người bệnh làm tôi mệt nhoài. Tôi kê tạm vài loại thuốc bổ cho anh rồi hẹn hôm sau tái khám. Bữa cơm ngon do vợ tôi nấu đang chờ, có lẽ đã nguội cả.

Tôi sung sướng ngồi vào bàn. Nhưng không ăn nhẩn nha như mọi khi. Mà nhai nghiền ngấu. Đĩa thịt rô ti đầy tràn cứ vơi đi nhanh chóng trước đôi mắt tròn xoe vì ngạc nhiên và thích thú của vợ tôi. Chưa có bữa cơm nào, món ăn ngon đến thế. Có lẽ vì cơn đói cồn cào...

Bỗng dưng, có một cái gì đó vương vướng bên mép. Đưa tay gỡ ra xem, bất chợt tôi rùng mình: một túm lông mao, thường có ở phần ức của các loài chim trắng.

Huế-1993  
P.X.P

# Lời hẹn hoa đào

(SH số tháng 8 - 1994)

Sau khi tôi kể câu chuyện này cho Cẩm, cô em gái của tôi nghe, Cẩm nói dường như em đã đọc đâu đó, hình như đó là một câu chuyện ngoại quốc về mối tình của pho tượng khỏa thân với anh chàng nặn tượng lãng mạn. Còn tôi, tôi chưa hề đọc được câu chuyện đó - nhưng đôi mắt đang dõi theo từng trang viết của mình. Lời hẹn hoa đào sẽ mãi là một kỷ niệm mà tôi không thể nào quên được.

Đó là một ngày tháng sáu. Tôi nhớ rõ như thế vì ấn tượng của tôi về những chùm phượng vĩ đỏ thắm nở rục khắp những con đường ở Nha Trang và buổi hẹn cuối cùng với Thủy, người con gái mà tôi yêu dấu nhất trần đời. Tôi đã trở về phòng mình, xé tờ lịch màu đỏ mang theo nỗi buồn của tôi ép vào trong trang sách. Thủy đã khóc trên vai tôi, trong khi ngoài xa, lấp lánh những ngọn đèn của các con tàu đánh cá. Trong khi sóng biển vẫn dịu dàng trườn mình vỗ dịu êm lên bờ. Tôi biết rằng không riêng gì với Thủy, mà tôi sẽ không bao giờ đem đến hạnh phúc lại cho bất cứ một người con gái nào. Em đã hét trong tai tôi:

- Huy, anh là thằng hèn.

- Vậy anh sẽ làm gì bây giờ? - Tôi hỏi lại nàng như thế.

- Anh dắt em đi đi, đi bất cứ nơi nào cũng được, miễn là mình được mãi mãi ở bên nhau.

Tôi im lặng, lòng tôi đau đớn khi thấy rõ sự bất lực của mình. Tôi biết ở bờ bên xa lạ mà em sẽ đến, em sẽ yên bằng. Tôi biết nếu em theo tôi lao vào những tháng ngày không điểm tựa, chính em sẽ lìa xa tôi. Tôi đã nói trong gió gào:

- Anh cũng muốn mang em đi, muốn có em mãi mãi. Nhưng anh biết anh sẽ mang lại cho em nỗi đớn đau và bất hạnh...

- Huy, vĩnh biệt anh.

Em chạy trong trăng vàng, em chạy xa tôi. Và tôi ngồi lại một mình. Khi sức tỉnh cơn mộng, tôi chạy theo em. Nhưng tất cả đều đã muộn màng. Sáng hôm sau em đã theo gia đình đi sớm. Đêm hôm đó cửa nhà em khép kín, mãi mãi khép kín với tôi.

Tôi đã uống bao nhiêu rượu cho nỗi đau của mình nơi căn phòng nhỏ, chật chội và thiếu vắng của mình. Tôi biết, một thằng họa sĩ quèn thì không thể nào giữ nổi mối tình của mình.

Rồi tôi quyết định lên Đà Lạt theo lời mời của một người bạn cũ. Đó là thằng bạn thân ngày xưa có thời gian ở trong ban kịch Anh Đào khi chúng tôi học ở Đại học Đà Lạt. Lúc đó Lê là đạo diễn, còn tôi là họa sĩ chuyên vẽ phong màn. Giã từ đại học, Lê ở Đà Lạt, lấy vợ, hai vợ chồng mở một cửa hàng mỹ phẩm ngay khu Hòa Bình. Mảnh bằng Đại học được treo trong phòng khách như là một chứng tích thời sinh viên không hơn không kém, nó không hề là phương tiện để câu cơm. Nghe nói cho đến nay, mặc dù lấy nhau đã lâu nhưng hai vợ chồng Lê vẫn chưa có đứa con nào, đó là điều bí mật. Lê hoàn toàn đã quên đi thuở còn ngồi ở giảng đường, nó vẫn mơ sau này sẽ trở thành đạo diễn, để trở thành ông chủ. Thì tôi vẫn lặn hụp trong cái đam mê mình là họa sĩ thiên tài

chưa gặp thời cơ. Thời ở đại học, tôi có nghe câu chuyện tình của Lê với cô bé tên Duyên, con gái ông chủ nhà hàng Mimosa. Duyên rất đẹp và hát hay. Hai người cảm phục nhau vì ngoài nghề đạo diễn bất đắc dĩ, Lê còn có đôi tay tài hoa, chỉ cần mẩu đất trong tay, cậu ta có thể nặn thành mẩu tượng theo ý mình. Một thời Lê mất ăn mất ngủ vì Duyên. Hàng ngày cứ gặp hai người lang thang hết đôi Cù đến hồ Than Thở. Làm như Duyên và Lê sinh ra để cho nhau. Chúng tôi vẫn mong mối tình đó kết thúc tốt đẹp. Thế rồi không hiểu vì sao Duyên ngã bệnh đột ngột, chỉ ba ngày sau thì qua đời. Lúc đó chúng tôi bận rộn ngày ra trường, sau đó thì tôi về Nha Trang nên không rõ câu chuyện. Dĩ nhiên là không thể trách Lê được vì ai lại đi ôm mãi vết thương đau với người đã chết.

Giờ đây thì tất cả là quá khứ. Những chàng sinh viên nhút nhát ngày xưa chỉ là chút tưởng nhớ trong những lần bạn bè họp mặt. Tôi thất bại trong tình yêu và cả trong mộng ước của mình. Với Lê thì mọi điều đều ở trong tầm tay của nó. Và tôi trở lại Đà Lạt như một người đi xa trở lại. Vẫn thông xanh ngút mắt, vẫn những cô gái má hồng tung tăng bên những vệ đường xanh cỏ. Tôi chỉ tiếc một điều là tôi không có chút tình xưa nào để mà tìm tới, ngoài địa chỉ nhà Lê.

Đó là một căn nhà xinh đẹp như hiện ra từ trong các chuyện cổ tích. Căn nhà phủ quanh rào bằng những chùm hoa thiên lí. Lối đi đủ loại hoa đang nở: hồng, forget me not, bướm bướm, xác pháo và bao nhiêu loại tôi không biết tên. Liên, vợ Lê mở cửa, đây là lần đầu tiên tôi gặp Liên.

- Anh Lê dặn em lo chỗ ăn ở cho anh. Anh ấy đi săn ở Prenn, có lẽ tuần sau mới về được. Anh Lê dặn là anh cứ nghỉ ngơi cho khỏe, ảnh về sẽ bàn công việc. Anh Lê có nói về anh với em, hai người ngày xưa thân nhau lắm...

Tôi cười, thâm tâm tôi lại hoảng sợ về sự xinh đẹp của người đàn bà và cả sự sang trọng và vắng vẻ của ngôi nhà.

- Vậy tôi ra khách sạn ở tạm tiện hơn...

Tôi chưa nói hết câu, Liên đã cướp lời:

- Không. Anh Lê nói anh là khách mời của anh nên không có đi đâu hết. Em đã lo phòng cho anh rồi.

- Cảm ơn, vậy có tiện không?

Tôi hỏi một câu hỏi ngu ngơ như thế, rồi không đợi câu trả lời. Đi sau lưng người đàn bà xinh đẹp của Lê mà ngạc nhiên khi cảm thấy lòng mình nổi lên sự ham muốn trần tục: được ôm ghì cái nhan sắc tuyệt vời ấy vào trong lòng mình. Mùi nước hoa dịu nhẹ lan tỏa khắp các ngõ ngách của ngôi nhà. Rồi tôi dừng lại nơi căn phòng dành riêng cho mình. Tôi cười: "Cảm ơn". Và tôi bắt gặp trên đôi mắt người đàn bà một nỗi buồn.

Căn phòng dành riêng cho tôi có cửa sổ nhìn ra vườn hoa, tôi có thể nhìn thấy những chú bướm đủ màu bay lượn trên những bông hoa, tôi thèm muốn được vẽ, nhưng giá vẽ và màu tôi đã để lại ở Nha Trang, và lại chuyển đi này là ngoài dự đoán của tôi. Tôi đâu biết ngày mai hay một tôi sẽ trở về. Khi tôi đã lãng quên Thủy?

Tôi vào toilette tắm rửa xong, ngả người lên chiếc giường nệm trải drap xanh êm ái, thì đôi mắt tôi bắt gặp trước mặt mình một bức chân dung khổ lớn. Tôi nhú mày khi nhận ra đó là một bức chân dung quen. Tôi reo lên thảng thốt: Duyên. Phải rồi, đó là bức vẽ Duyên mà Lê đã nhờ tôi vẽ để anh chàng tặng người yêu làm kỷ niệm. Tôi sững sờ như vừa bắt gặp cái gì rất lạ lùng. Có thể kỷ niệm cũ vẫn còn trong lòng Lê, nên Lê đã mang theo cả hình bóng người yêu cũ về nhà dù đã có vợ? Tất nhiên, đó chỉ là suy đoán của tôi, còn câu trả lời thì chỉ đến khi gặp Lê tôi mới biết được.

Tôi vỗ nhẹ giấc ngủ sau chuyến đi mệt nhọc. Tôi ngủ ngon lành cho đến khi có tiếng gõ cửa. Bên ngoài, trời đã tối tự bao giờ.



Liên đang đứng trước mặt tôi, mỉm cười giữa vùng sáng vừa được bật lên:

- Anh ngủ ngon quá nên em không dám kêu anh dậy. Bữa cơm tối đã dọn xong, xin mời anh.

Bữa cơm chiều chỉ có hai người. Tôi và Liên, tôi ngại ngừng hỏi:

- Những lúc Lê đi xa thì chị ăn cơm với ai?

- Một mình, và thường xuyên một mình.

Giọng nói trầm xuống như có điều gì đó. Một mình? Trong câu chuyện, tôi được biết đối với Lê, việc đi săn như vậy là sự đam mê hơn là ở nhà. Quanh quần bên Liên là người giúp việc già. Căn nhà không trẻ nhỏ dường như thiếu hẳn cái sinh khí mà nó cần phải có. Tôi hỏi:

- Hai ông bà lấy nhau bao nhiêu năm rồi?

- Bảy năm.

- Bảy năm nay vẫn thế thôi sao?

- Đó là lí do anh Lê mời anh lên đây. Có thể ngày mai em sẽ đưa anh đi Prenn. Anh Lê sẽ kể cho anh nghe.

- Rồi tôi sẽ giúp gì được cho ông bà? tôi hỏi thế.

- Có thể giúp được và có thể không thể nào giúp được.

Một câu nói tối nghĩa. Tôi cố không tìm cách hiểu. Tôi lại tình cờ bắt gặp nơi Lê sự tuyệt vời, cảm nhận ấy làm tôi sợ hãi. Ngày mai, dù muốn dù không tôi cũng phải đi tìm Lê.

\* \* \*

Lê đã đợi tôi từ bao giờ nơi thác Prenn. Giữa cái sân rộng trên đỉnh thác, cạnh một ngôi nhà cổ là hai chiếc chuồng nhốt thú, trong đó có hai chú khỉ đang chạy nhảy đùa giỡn, bao quanh là những hoa cỏ và những hàng thông cao vút. Liên đã trở về Đà Lạt sau khi đưa tôi đến đây. Trên

chiếc bàn đá, Lê đã dọn sẵn một bữa tiệc nhỏ. Một chai rượu ngoại và vài món nhắm. Như vậy Lê đã biết sự có mặt của tôi, thậm chí biết sáng nay tôi sẽ tới đây. Mọi chuyện đều không có sự ngẫu nhiên.

Lê rót rượu tràn ly. Lê đã đổi khác quá nhiều sau khoảng thời gian hai đứa không gặp nhau.

- Huy. Cạn ly đi, cạn ly thằng họa sĩ không bao giờ thành đạt.

Tôi nâng ly lên, rượu sóng sánh tràn đầy.

- Tao không ngờ lại được mày tiếp đón long trọng như thế.

- Uống đã, trước khi nói chuyện với mày, tao cần được say.

- Ừ thì say.

Khi rượu đã lũng chai, Lê bắt đầu câu chuyện.

- Mày có biết tại sao tao mời mày lên đây không?

- Tao không biết, nhưng tao hi vọng mày sẽ giúp tao tổ chức triển lãm một phòng tranh.

- Không những một, mà tao sẽ tạo điều kiện để mày có thể bán được tranh.

Tôi cười, đã từng là bạn với nhau, tôi biết tính Lê, nó nói là làm cho bằng được. Tôi lại nâng ly.

- Hãy bắt đầu câu chuyện của mày đi.

- Thì đây. Đây là câu chuyện của tao. Mày hãy nhìn quanh nơi đây và cho tao biết mày đã thấy gì?

Tôi nhìn quanh, rồi trả lời:

- Có hai chuồng khỉ, một vườn hoa và một pho tượng nữ khỏa thân.

- Đúng, và câu chuyện bắt đầu từ pho tượng khỏa thân ấy. Mày có thấy trên vành tai pho tượng có một bông hoa trắng không?

Tôi lại nhìn, nhưng tôi không thấy đóa hoa.

- Không.

- Đúng. Chỉ có mình tao nhìn thấy được đóa hoa ấy. Câu chuyện ấy xảy ra từ thuở đó, tao tưởng chỉ là một trò chơi. Nào ngờ lại phải nhận lấy hậu quả đến bây giờ.

Lê khui một chai rượu mới. Tòe tin rằng mình đã say. Chưa bao giờ tòe uống nhiều rượu đến thế. Trong tòe là hình ảnh lẫn lộn giữa người đàn bà là vợ của Lê, bên cạnh đó là bức chân dung của Duyên.

- Màe đã gặp Liên, màe có thấy Liên đẹp không. Tao dám đảm bảo đó là người đàn bà đẹp nhất thế gian mà tao thấy được. Nhưng để làm gì khi tao không thể cho nàng một đứa con.

Tòe im lặng. Có phải chăng Lê đã không còn khả năng làm chồng. Và những chuyến đi săn như thế này cũng chỉ là một cách chạy trốn.

- Tao biết màe nghĩ gì trong đầu rồi, Huy ạ. Tao có thể cho bất cứ người đàn bà nào trên đời này một đứa con. Chỉ trừ một người, đó là Liên.

- Liên?

- Câu chuyện bắt đầu từ pho tượng mà màe thấy đó.

Tòe ngoái đầu nhìn pho tượng. Tòe bỗng giật mình khi nhìn thấy một đóa hoa trắng ngấn trên vành tai pho tượng.

- Màe còn nhớ Duyên không. Tao cố tình để màe ở trong phòng, nơi tao treo bức chân dung nàng mà ngày xưa tao nhờ màe vẽ. Câu chuyện xảy ra vào một ngày mưa, mưa tầm tã. Hôm đó là ngày cuối cùng chúng tao gặp nhau. Tao không ngờ là chính mình lại quyết định đi thác Prenn chơi, một ngày thật tuyệt vời. Duyên đùa giỡn bắt mệ, rồi hai đứa leo lên chỗ này nghỉ chân. Trời bỗng dừng chuyển mưa đột ngột, lúc đó thì vừa hái một cành hoa trắng, định tặng Duyên. Duyên lại cố tình núp sau bức tượng. Tao nghịch ngợm cắm cành hoa trên lỗ tai bức tượng, nói với Duyên: “Em thấy không, đây là người yêu của anh”, tao mới kể mệ lên bức tượng mà hôn. Màe tin không, tao có cảm tưởng như vừa hôn lên môi một người con gái. Duyên tự dưng nổi giận, chạy dưới mưa, không

chịu dừng lại như có ai đuổi. Hôm đó về nhà thì Duyên bệnh, ba ngày sau thì nàng chết, mang theo một lời nguyện.

- Lời nguyện?

- Trước khi nhắm mắt, Duyên trối lại là sẽ theo tao đến trọn đời, cho đến khi nào có ai đó tặng lại cho pho tượng một cành hoa khác.

- Chuyện khó tin.

- Nhưng đó lại là chuyện có thật. Từ đó, nỗi ám ảnh luôn theo tao mỗi khi gần Liên, là gần như tao bị một quyền lực nào đó ngăn cản.

- Liên biết điều đó không?

- Biết.

- Vậy tao sẽ giúp mày giải lời nguyện à?

- Tao chỉ kể câu chuyện cho mày nghe. Vì ai giải lời nguyện này người đó sẽ rơi vào tình trạng như tao, có nghĩa là mãi mãi không có vợ được, hoặc có vợ cũng như không.

- Tao không tin.

Tôi nói thế, nhưng lòng tôi chợt nao núng. Tôi nhìn pho tượng, đóa hoa trên tai vẫn tươi tắn. Đó là bông hoa mà Lê đã gắn lên như lời hẹn ước vào một ngày mưa? Tôi linh cảm như đôi mắt pho tượng đó nhìn theo tôi.

Tôi bước tới vườn hoa, cúi xuống hái một bông hoa. Giải lời thề có nghĩa là việc gắn bông hoa này vào chỗ bông hoa kia? Và đặt cả nụ hôn của mình lên đôi môi đá lạnh ngắt đó ư? Tôi không tin vào những chuyện hoàn toàn chỉ có trong trí tưởng tượng của con người như thế này, nhưng lạ kỳ, bước chân của tôi tự động run rẩy lạ thường. Khi tôi sửa soạn gắn đóa hoa lên chiếc lỗ tai bằng đá kia, thì chân tôi dường như vừa vấp té bởi một hòn đá dưới chân. Tôi té nhào. Văng vẳng bên tai tôi như có lời ai nói: “Không được đâu”.

Chiều hôm đó tôi quay về Đà Lạt. Lê vẫn còn ở lại Prenn. Liên đã ngồi

ở phòng khách như đợi một tin lành. Có lẽ Liên đã đoán câu chuyện giữa tôi và Lê. Có lẽ Liên kỳ vọng rằng tôi đã giải hộ giùm cho Lê lời nguyên kia? Tôi mỉm cười với Liên, nụ cười chắc đã cho Liên biết rằng tôi chưa thực hiện được việc mình làm tưởng giản dị mà vô cùng quan trọng đó.

Nhưng tại sao mình lại hành động như một kẻ hoàn toàn không biết gì? Tôi nhìn sững gương mặt Duyên trên bức tranh. Vẫn chỉ là những vệt sơn, chỉ thế thôi. Và có phải chăng trong tôi đang có sự thèm muốn đến tội lỗi người đàn bà xinh đẹp trong căn nhà này?

Tôi tiếp đi trong cơn mơ đầy mộng mị. Trong cơn mơ, tôi thấy bức tượng bên thác Prenn bước ra nói: “Tại sao anh không gắn bông hoa trắng lên em chiều nay. Anh sợ à, anh sợ gì?”. Tôi thấy mình chạy thực mạng dưới mưa, chạy như điên không ngoảnh lại.

Tôi thức giấc, ngọn đèn phòng khách còn bật sáng. Tôi nhón gót đi ra.

Trước mặt tôi Liên đang ngủ ngon lành trên salon. Chỉ chiếc áo ngủ bật nút, chưa bao giờ tôi nhìn thấy vẻ đẹp nào hoàn mỹ như thế. Tôi bắt gặp trên gương mặt xinh đẹp xiết bao ấy dáng dấp hình ảnh của bức tượng ở Prenn.

Không hiểu tại sao tôi lại bước đến lọ hoa. Nhón rút một cành hoa trắng. Tôi đặt cành hoa giữa trái tim ấy. Tôi cúi xuống giữa đôi môi đang hé nụ, và tôi cảm thấy một nhu cầu mãnh liệt của đôi môi này.

Mưa to. Mưa đêm phố hoa đào sẽ qua nhanh. Còn tôi, tôi vừa mắc phải một lời nguyên?

K.V.T

N G U Y Ễ N   V Ầ N   V I N H

# Đất sau mưa

(SH số tháng 11 - 1994)

Miên mập hồng, gái mười chín bồng ngoại hình những đường cong hấp dẫn, làn da Miên ngấm hương biển mặn mòi, khuôn mặt chữ điền sáng láng, cánh mũi hếch thoáng đấng làm tăng vẻ ngang bướng. Thắp lên trên khuôn mặt ấy một đôi mắt ướt ươn ướt. Miên đứng trước gương nghiêng đầu, gỡ từng lọn tóc rối cuốn đêm qua, nheo mắt cười như chớm dậy thì nên tập làm dáng!

Dòng nắng xuyên tán vú sữa lốm đốm hoa nắng nhàn nhạt trên cát. Dì Quyên đã đi chợ, tôi và Hải em trai Miên dọn bàn ghế dùng vào lễ ra mắt họ hàng bên vợ, hôm qua chưa kịp dọn. Lễ đơn giản, chỉ một khách đến chia vui là ông Chủ tịch xã. Tôi và Miên được công nhận vợ chồng.

Ngoại Miên, ngồi lọt trong chiếc chõng tre, bên chái bếp, vẫy tay gọi tôi, bà bảo:

- Coi chừng trễ tàu đó mấy đứa.

Nhìn vào mắt tôi, bà tiếp:

- Em nó hu lắm, lớn xác rửa chớ chưa biết chi mô con, chỉ cho em từ từ nghe. Tội nghiệp! Ngày cưới không cha không mẹ...

Nói ngang đó, mắt ngoại rơm rớm, bà cầm xấp tiền dúi vào tay tôi dặn:

- Cầm ít tiền mà tiêu, mẹ bòn có chừng ni thôi, khi mô mẹ bán thơm mẹ gửi tiền lên thêm cho tui bây.

Miên ôm túi xách căng phồng đi đến, thấy ngoại cho tiền liền nhoén miệng cười nịnh mẹ, nói:

- Thôi mẹ cất đi, tui con có rồi.

Tay Miên lấy xấp bạc nơi tôi nhét vào túi xách. Ngoại cười hiền, đẩy mắt còn ngấm nước, mắng yêu cháu:

- Thôi đừng làm bộ nữa o, lên nói với mẹ gia mi mai mốt rảnh mẹ lên thăm.

- Dạ, con lên nghe mẹ - giọng Miên chùng xuống buồn buồn - Thôi đi anh.

Đường làng rục rặc nắng, chúng tôi gặp những cô gái miền biển hối hả trong công việc thường ngày. Tôi đùa:

- Con gái biển ngực tấn công, mông phòng thủ em hỉ?

- Còn em?

- Cũng rửa, đi cứ rung rung tể.

- Kệ tui, ai biểu ngó.

Ra tới bến tàu sát vách đình chợ. Chúng tôi hòa nhập vào đám người nhộn nhịp.

Chiếc tàu nước ừng ực chạy ra vùng đầm phá mênh mông, bỏ lại đằng sau bãi cát trắng miệt mài và những rặng tre dần xám dần. Một vùng quê yên ả chìm vào chân mây.

Tôi và Miên sống chung với nhau mấy tháng mới về thăm nội Miên, tôi mới biết Huyền em Miên, em kế Hải. Sau giải phóng chị em Miên tú tán người một nơi, sống nhờ nội, ngoại, Miên kể:

- Nhà mẹ nội giàu lắm anh, nhưng rằng ở không thương tui em mô.

Mạ em làm dâu cực lắm! Mạ làm tôm tiếc không lật đầu, nội cũng chửi: “Con nhà ai không dạy”. Sáng nấu nước nóng cho mẹ súc miệng, phải đứng chờ mẹ phun phù phù xong và khoanh tay nghe mẹ chửi: “Nóng quá muốn giết tui chắc”, nước ấm lại chửi: “Tê cả răng”. Mạ em nghe ba có bồ, mạ nhảy sông tự tử, em đứng trên bờ khóc hu... hu, người vịn đỡ cứu mạ lên đó. Mẹ cũng chửi: “Muốn gieo họa cho tau”. Ba em ít khi về thăm nội, vì quê nội “bất an ninh”, chỉ một lần về bằng trực thăng, cả xóm bu lại coi, lính nghĩa quân xã tự chạy ra gác máy bay. Làng nội cách làng ngoại mười lăm ki-lô-mét.

Về thăm Huyền, Miên dắt tôi ngủ lại nhà bà con trong xóm biển. Tối thăm Huyền, Huyền đang phơi củi sau bếp, thấy chị mừng không dám chạy vô. Miên chào mẹ:

- Thưa mẹ, chồng con nì.
- Tau có nghe mấy đứa nói - Bà nhìn tôi hờ hững - Ở lại ăn cơm hủ?
- Dạ tụi con lên mẹ nợ. Cho con thăm mấy đứa em chút.
- Tụi hần sau ơ tề.

Miên ra vườn, chị em ôm nhau ngồi bệt xuống cát, khóc! Tôi và Miên lội bộ lịch xịch trên cát ra bến tàu. Miên nhìn lui thấy Huyền đi chân trần lê đéo theo sau, Huyền đòi ở với chúng tôi. Miên dỗ em: “Anh chị chưa có việc làm, mần răng nuôi em được, từ từ đã rồi chị về đem em theo”. Tôi cũng hẹn: “Khi mô anh chị ổn định, Huyền lên ở với cháu và anh chị nghe”. Huyền cứ lì lì đi theo. Miên mấy lần dỗ em trở lui, Huyền lẳng nhẳng không chịu. Miên bẻ roi dương liễu dọa Huyền, rồi...đánh thiệt. Miên quay lui, Huyền chạy lui. Miên đi tới, Huyền lê đéo theo cho tới bến tàu.

Tôi đứng tần ngần ở bến chợ, nhìn hai chị em ôm nhau khóc. Bé Huyền mười bốn tuổi da ngăm ngăm nắng gió miền biển, nhiều vết xước trên cánh tay trần đen nhẻm, vì hàng ngày lủi thủi trong rừng dương



kiếm củi, chúng tỏ em ở với nội chẳng sung sướng gì!? Huyền tựa tựa Miên. Cặp lông mày vòng nguyệt, như nét vẽ nhuyễn của họa sĩ tài hoa đặt xênh xếch trên đôi mắt nhay nháy đen, đang lòa luyện nước mắt. Miên năn nỉ em:

- Em cố ở với mẹ thời gian nữa, anh chị sẽ về đưa em theo.

Miên nhắc hai ba lần. Huyền vẫn lúc lắc mái tóc hoe nắng, nói trong nhịp nấc:

- Em không chịu m... ô ô... hóc..., mẹ đập... hóc... em hoài...

Tàu nước nổ máy. Tôi nâng má Huyền hôn vào đỉnh trán nụ hôn ruột thịt sao lòng ngấm đầy vị mặn của em? Huyền khóc to, lũng thũng đi ra mép nước. Bóng bé nhỏ của Huyền chơ vơ trên bến vắng, nhòa trong mắt tôi. Tôi hứa giữa thình không: “Anh sẽ cố gắng làm có tiền để đón em theo”.

Miên sinh con đầu lòng, Huyền lễ mễ nách thúng gạo chiêm xay lúc, phẩn gạo hồng hồng. Huyền từ trắng cát quê ngoại, đưa quà ngoại cho Miên ăn trong tháng còn ở cũ. Tôi lén ngấm trộm cô em vợ sớm lăm tằm cảnh nghèo, nổi u hoài trong đáy mắt mười lăm cứ rưng rức trong lòng tôi niềm xao xuyến không nguôi. Miên len tay, vén những sợi tóc mai vương trên hai má trắng mịn của Huyền, âu yếm nói:

- Nhẹ tay cho cháu ngủ, hành chị cả đêm đó. Coi, cặp lông mày giống dì Huyền như tạc chưa tề.

Huyền thơm má cháu, rạng rỡ:

- Giống chi tui mà giống.

Bổng Miên nghiêm mặt, hỏi:

- Nì, bữa em theo chị ra bến đò, rồi đi thẳng về nhà ngoại luôn à? Nghe mẹ nội chửi chị dữ lắm, nói chị cù em theo.

- Em đi bộ lần lần, tới tối mới tìm ra nhà ngoại, mẹ ngoại giữ em ở lại luôn, không cho em về nội nữa.

Mẹ Huyền mất năm bảy hai. Ba Miên có con rơi trong Vùng hai chiến thuật! Ảnh ông chụp thời làm tiểu đoàn trưởng bộ binh, trông thật oai hùng, đường bệ. Bông mai bạc lấp lóa dưới khuôn mặt nần nẩn, lưng đeo khẩu Colt 45 xể xệ, ngang tàng. Tháng ba năm bảy lăm ông bị đồng đội bắn lầm khi chiếm tàu vượt biển, bỏ đàn con dại chưa biết kiếm ăn, tan tác giữa đời.

Ba tôi từ ông lao công làm đường, được lái xe ru-lô cán đường thăm nhựa. Mẹ tôi, buôn thúng bán mẹt nuôi tám anh em tôi ăn học đủ ngát thở. Tôi lấy vợ, gia đình tôi thêm miệng ăn, ba tôi thường cẩu bản:

- Cha cô bà, to đầu rồi còn bắt thằng già ni nuôi báo cô...

Tôi và Miên thín thít trong buồng riêng, đợi ông đi làm mới dám chui ra.

Đất nước thống nhất. Đâu đâu cũng hùng hực không khí dựng xây. Đạo ấy, gia đình tôi nhung nhúc miệng ăn nên túng quẫn. Cái khó bó cái khôn, ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng tôi, ít khi được phẳng lặng, lâu lâu nổi lên cơn bão. Hạnh phúc chúng tôi như bếp lửa mùa đông vừa nhen giữa vùng gió xoáy. Tôi, chàng thanh niên hai mươi ba tuổi, non dại và ngủ ngờ giữ lửa, lại mắc căn bệnh trầm kha của lòng hẹp hòi, để ngọn lửa tình khi bùng khi tắt...

Tôi quen Miên trên chuyến tàu chợ. Miên liến thoắng, tự nhiên, có giọng ca quyến rũ. Tôi khoe Miên những bài thơ đã được đăng báo, cắt sẵn. Miên rót những bài ca “Không tên” vào tai tôi trên chặng đường dài Huế - Đà Nẵng.

Lấy nhau rồi, tôi bỏ hẳn làm thơ để đi buôn dòn xe đạp. Có tiền dấm dúi cho Miên ăn. Chúng tôi quấn quýt thương yêu nhau và gây gỗ. Giặt khăn lau cho Miên, nhìn da thịt nuốt nà lòng tôi lại lịm đi khi nghĩ quá khứ của Miên. Đôi mắt Miên phiền muộn khi nghe tôi hỏi:

- Cô hãy kể cho tôi nghe!

Tôi chở Miên ra bến sông khi trời chập choạng. Chênh chênh nguồn sông những áng mây chìm ửng, mặt sông nhả nhúm muôn con sóng, chuyển từ màu tím hoa cà sang màu lam lam rồi xám đen, bóng tối ngổn đần những vùng sáng le lói cuối ngày.

Miên dõi mắt vào hư vô lục tìm dĩ vãng... Miên kể:

- Đại úy Phong dưới quyền ba em đã có vợ, năm con. Phong xưng chú gọi em bằng tên. Mẹ em chết, ba em lấy vợ. Em thường học hặc với bà kế mẫu. Ba em phải đưa em vào đơn vị ở với ba. Ở đó em yêu Phong.

Phong đẹp hoang dã, mái tóc bông bênh mùi lửa đạn, trầm ngâm hằng giờ bên tách cà phê ở câu lạc bộ. Ba em ít quan tâm đến tụi em, ông thường la cà ở các vũ trường, hoặc về nhà ngủ với bà kế mẫu và các em nhỏ của em. Cơm nước của em và Hải do mấy chú lính lo, thậm chí áo quần hai chị em em mấy chú lính cũng giặt.

Em ở trong trại lính ăn học và vui chơi rất tự do.

Hôm ấy, Phong từ ban 3 hành quân ghé dặn em “tối anh qua”. Em lí nhí “dạ”. Tối ấy em thức khuya chờ Phong, dù Phong đi dép im re em vẫn nhận ra bước chân quen thuộc. Phong vào ngồi im lặng ngắm em, em học bài lòng hồi hộp, những dòng chữ cứ nhảy múa lung tung. Phong cầm tay em dắt em qua giường, vì biết ba em đã về nhà và Hải đã ngủ say, còn chú lính gác Phong cho phép đi chơi. Em như bị thôi miên mặc cho Phong nhẹ nhàng cởi áo... Phong về lén ngó trước ngó sau như tên trộm.

Sáng mai, khi em đi học, em xoay một vòng trước gương, em vẫn tròn trặn đến lớp vui đùa cùng bạn gái không hay mình đã mất...

Giải phóng, em và Hải về ở với ngoại. Em học lớp mười hai, em yêu thầy Đỗ. Cứ mỗi lần sắp hàng vào lớp, lòng em sung sướng, khi thấy thầy mặc áo quần do em giặt, ủi. Thịnh thoảng chủ nhật thầy về nhà ngoại, có khi ngủ lại. Ngoại em trọng người có học, biết em thương thầy, mẹ cũng ngầm tác hợp. Nên ngoại thường giữ thầy ở lại ăn cơm chung.

Với Phong, em là con bé ngu dại, vì nhiễm một yêu cuồng sống vội thời chiến. Qua cơn đau em chín chắn nhận định: Biết xúc động trước sự khổ khổ của người khác, em thương thầy Đỗ vì thầy nghèo mà có nghị lực vượt khó, không biết ăn chơi đàng điếm và bản chất lãng mạn nơi em. Tình yêu giữa thầy và trò có gì đó chênh vênh ngoài phạm vi lễ giáo, nhuộm màu bí mật, chơi vơi giữa vùng trời lung linh bảy sắc cầu vồng huyền ảo. Em dễ nuôi trong mối quan hệ trai gái vì không còn trong trắng. Em thích tính cách mô phạm của thầy Đỗ, khi đùa Đỗ định nghĩa mô phạm là “mô cũng phạm”, thầy đã phạm với em!

Nhưng than ôi! Đỗ không dám lấy con bé vụng dại, lắm lỗi. Đỗ lóa mắt trước sự giàu có của một nữ đồng nghiệp xấu xí. Đỗ đột ngột lấy vợ, quên lời hứa: “Năm sau anh cưới em!

Em tan tác giữa mùa gió cát!

Em đi dự tiệc cưới bạn gái làng em, em nghĩ đời em sẽ không được lần mặc áo cưới lên xe hoa. Em uống rượu trút buồn... rồi thẫn say. Dân bạn cùng lớp với em, ngồ ngổ bởi chớp mũi hay đỏ khi xúc động. Dân có thời sẵn đón em, khi ấy em thương thầy Đỗ nên chỉ thương hại Dân thôi. Tiệc cưới tàn, em say, Dân dìu em về. Ở làng giáp biển thì anh đã biết, bao la rừng dương, Dân dìu em về phía ẩm ào tiếng sóng, ngan ngát hương đêm, hương cây và hương cát. Nằm trên cát em tưởng mình đang phiêu du trên sóng biển khơi. Em cảm nhận thấy hơi ấm mơn trớn quanh em, thì Dân đã... Em vùng dậy, chạy lảo đảo vì bản năng sức nhớ lui tìm cái... mình quên. Có Dân đỡ quanh quẽ. Dân muốn cưới em làm vợ, em không chịu, em nghĩ em sẽ chóng thành bà nhà quê lam lũ vì cực, tàn tạ vì lũ con.

Em không thể sống với ngoại, nơi vùng đất em có nỗi buồn bồng rất. Em vào đoàn thanh niên “Làm đẹp quê hương”. Cùng với bạn bè trong lao động, em tìm được nguồn vui và nét tươi tắn ngày nào vốn có. Gặp Siêng, anh ruột Thúy, Thúy bạn học với em thời lớp chín. Siêng là tay du đãng khét tiếng.

Siêng cao lớn dênh dàng, mặt ngầu hung dữ, vô học. Em nằm viện, Siêng thuốc thang tận tình, bán cả dây chuyền cho em tiêu, hết tiền Siêng bán máu. Em suýt thành vợ Siêng vì nghĩa cử ấy. Nhưng đi chung với Siêng em còn ngại tai tiếng. Nghỉ việc, em bán cà phê cho dì Quyên, dì cũng đáo để, dùng em để câu khách, nhưng tủn mủn sự tiêu dùng của một người con gái cần có. Siêng lui tới giúp đỡ em. Em lại lui tới thăm Thúy, có bữa gặp Siêng. Nhà vắng, Siêng rủ em đàn hát chờ Thúy. Bỗng Siêng vật em xuống giường và la lên như Chí Phèo... Em chống cự không nổi...

Đời con gái em như cái phao mãi lênh đênh trong dòng giông gió! Em về thăm ngoại, gặp Vân làm xí nghiệp trên phố. Vân lù khù mà có cái xảo quyết học mót ở thành thị, dù không điển trai nhưng Vân có tiền. Lúc này, em nghiệm ra đồng tiền cần thiết, có thể bọc nhung cho đời mình, che giấu được dĩ vãng tan hoang. Vân đưa em lên phố chơi, đến nhà bà con Vân ngủ lại, giới thiệu em là vợ, em lừng khừng không tiện đính chính. Tối ấy Vân chun qua mừng em, hùng hục như chó rồi bỏ về!

Sáng sớm Vân chở em ghé đồ xăng, nói: “Miên cầm lấy mà về xe, anh hết tiền rồi”. Cầm hai đồng bạc Vân đưa, em đăng trong lòng, lang thang giữa phố, em tủi thân vô cùng. Chiều, em tạt nhà chú Tư ngủ nhờ. Em thù thằng Vân nhất!

Đêm vắng sâu, lòng tôi như nhấp rượu nhạt, không đủ làm say để xua đi nỗi buồn. Miên tựa vai tôi, người thăm lạnh, ngược đôi mắt vô hồn, đắm lệ!

- Hết rồi đó anh!

Tôi bỗng hối hận khi đã nghe Miên kể, mâu thuẫn nói:

- Sao em không nói dối, em kể dối hay hơn, anh ít tủi phận và buồn.

- Khi yêu, em không thể dối lòng.

- Em yêu anh thật hay em muốn nương tựa?

- Anh có gì cho em nương tựa, ngoài lòng chân thật và độ lượng nơi anh? Em yêu anh vì dám lấy em làm vợ, chịu sự hư đốn của em. Nhưng, anh ác với em nhiều lắm, cứ bắt em kể quá khứ của em hoài. Anh ơi! Em đã bỏ tất cả để về với anh, em không còn gì nhưng còn tấm lòng chung thủy trao anh. Hãy chiều và nhịn nhau mà sống nghe anh! Đó rồi, cùng chia nhau những gian nan sắp tới, còn lo cho con chúng ta nữa. Chúng ta hứa thương nhau đến hơi thở cuối cùng nghe anh! Hãy thể cho em tin.

Tôi và Miên cùng chấp tay trước ngực:

- Xin thể...

- Xin thể...

Vùng trời phương Đông cuối nguồn sông ừng đỏ dần. Ánh sáng lan nhanh, rút màu đen xám đang phủ trùm vạn vật. Mặt sông rõ dần những mẻ sóng lăn tăn, dòng sông vô tình trôi xuôi, không biết trên bến vắng có đôi vợ chồng vừa qua cơn bão, vừa yêu nhau hoang dã Tabu!

\* \* \*

Tôi đạp xe đạp thổ về nhà. Dắt xe ngang cửa bếp thì thấy Miên lui cui che miệng thổi lửa. Miên đón tôi với hai má ửng hồng vì lửa, ánh mắt sáng sảng niềm vui:

- Anh, em nói đây nè.

- Chi rửa?

- Con máy.

Miên kéo tay tôi vào phòng, nằm xuống vén bụng lùm lùm cho tôi áp tai vào nền bụng mát rượi của Miên, lắng chờ nghe... Tôi nghe rung động nhẹ trong bụng Miên. Miên tròn xoa mắt sung sướng.

Hai vợ chồng tôi xuống bếp. Nồi cơm khô khét tự bao giờ.

Đứng trước trách nhiệm làm cha, mẹ. Chúng tôi ao ước có ngôi nhà riêng, nên bỗng con đi kinh tế mới.

Đứa con đầu lòng mở cánh cửa mùa xuân cho người mẹ bước vào mùa thu để chín tới độ ngọt ngào. Miên bớt những đường cong thô mộc, nhen lên nét thon thả mặn mà. Chúng tôi, như đôi chim non, tung cánh bay vào vùng trời ước mơ, hy vọng.

Rừng núi đại ngàn thâm nghiêm, hùng vĩ, phảng phất huyền thoại. Đất bazan tươi đỏ. Nhưng sự non yếu lao động của chúng tôi, quả không biết làm sao đảm bảo cuộc sống ổn định. Tôi khả dĩ tồn tại một mình, hưởng chi gánh thêm vợ đại con thơ, trong khi quanh chúng tôi còn bộn bề vất vả, hiếm nghèo. Tôi và Miên bỗng con trở về. Can đảm lắm chúng tôi mới dám dứt mặt về nhà cha mẹ tôi. Ngày ngày lại nghe ba tôi chửi: “Cha cô bà, đồ ô nhi Nam thực”. Cầu viện chút vốn liếng ở mẹ tôi, chúng tôi lại ra đi.

Vất vưởng các sân ga, nhờ vả bà con ở Sài Gòn. Miếng ăn đã khổ, miếng ở còn khổ trăm bề! Nhờ vả đôi bữa đã chạm cái bản mặt sưng sía của họ hàng. Người sống lâu ở thành thị phồn hoa, đa phần nhạt nhẽo tình người, cung cúc tư hữu một cách ích kỷ. Vợ chồng tôi gồng gánh về vùng đất mứt phương Nam, từ lâu nghe miệng đời ngợi ca, tính cách phóng khoáng, giàu lòng nhân ái của người Nam Bộ, và vùng đất trù phú cũng ưu đãi con người.

Miên bỗng con đứng trước hiên nhà chờ tôi. Bé Đoan Cơ mười tháng tuổi bụ bẫm, bé đang xòe hai tay trắng xinh ra với từng giọt nước từ mái hiên rơi xuống. Miên nhướn người nâng con nghịch nước, dễ chừng mồi. Bé lật mình bá cổ mẹ. Tôi, vác chài, xách thùng đầy tôm cá đi nhanh tới khoe vợ. Nhìn tôi với ánh mắt tha thiết, Miên hỏi:

- Nước nay ròng sát anh hì?

- Ừa, nên anh mới chài được nhiều chưa nì.

Hơn nửa năm rồi tôi lam lũ trong cuộc mưu sinh cực nhọc mà thoảng đạt, trở thành ông chài cá rạch rồi cồn bãi. Cư dân địa phương thường bảo: “Thằng Hai y chang dân trong bưng dzậy”. Tôi chung sống với người

miền Trung, miền Nam lưu lạc tụ về, chia nhau nổi hiu quạnh sông rạch và nổi buồn tha hương ngun ngút trong lòng. Tất cả cái gì ở đây cũng khang khác, dần rồi cũng quen. Ở cồn hoang, muối mè vì thiếu tiện nghi thành phố, đôi dép nhựa, người kẻ chợ về đổi cá tôm khô do chúng tôi làm được, cũng thành vật xa xỉ phẩm, hai ba tháng còn mới nguyên, đi chợ huyện, chợ xã mang vào đằm cần chân. Ngày chống cự với bù mắ, đêm tiếp tục với đám muối như trấu, đến lợn phải treo màn. Gì rồi cũng quen, có cụ bà hơn chín mươi tuổi, sống ở vùng cồn này hơn nửa thế kỷ. Thích hợp với môi trường là điều tất nhiên để tồn tại. Chúng tôi không hề ăn độn như ở quê, độn chẳng là độn tôm cá. Vợ tôi đẩy ra, bé Đoan Cơ trở thành bé ‘nặng’. Có bữa tôi đi xa về. Bé Đoan Cơ lăm chằm trên bờ đê đón tôi và méc mẹ:

- Bà zề mà ơi... má ồ ồ... má ồ...

Tôi giật mình, con gái tôi rất quê đến vậy, mai mốt con học hành ra sao ở chốn cồn hoang này.

Tôi quan hệ bên đất liền. Chúng tôi từ già vùng cồn nơi một thời xao xác phận làm thuê.

Vợ chồng tôi được ông bà Nam Thanh nhận làm con nuôi, cho ở căn nhà lá của con gái ông bà theo chồng bỏ hoang. Tôi làm cỏ lúa, cỏ mía, đi ruộng cho ông bà và tập đi lễ nhà thờ. Miền gốc Công giáo, chỉ cho tôi cách làm lễ, đọc kinh, để vui lòng bố mẹ nuôi là gia đình sùng đạo. Rồi rảnh, tôi trở về với cây bút bỏ quên, viết những bài thơ cũ và mới gửi lên Phòng Văn hóa huyện, biết Phòng Văn hóa ít khi dùng thơ, nhưng tôi có ý khác.

Ông Thanh thứ năm, gần sáu mươi tuổi. Ông bà giàu có nhờ bền bỉ, chịu khó làm ruộng, lập vườn. Ông Năm Thanh đích thị là nông dân cần cù ham việc, suốt ngày lúc thúc trong vườn, trên ruộng không ngơi nghỉ. Bàn tay ông chai sần, nói lên cả thời thanh niên khổ ải. Tôi gặp ông rượt



con chuột trong bồ lúa, bắt được, ông bóp một cái, con chuột trào máu chết queo. Hôm tôi đi sạ lúa giống về, Miên háo hức báo tin:

- Có cô phóng viên Phòng Văn hóa về tìm anh. Trời mưa bất chợt, nhà dột, ướt hết, cô cảm động lắm, cô hẹn lần sau có dịp về xã cô sẽ ghé thăm mình. À, cô nói Phòng khen thơ anh hay. Anh coi thu xếp lên huyện thử xem, biết đâu...

Tôi mừng những bài thơ của tôi gửi đi đã có tín hiệu tốt.

Tôi được nhận vào làm hợp đồng Phòng Văn hóa huyện. Khi trao quyết định cho tôi, ông Ba Phương trưởng phòng nói:

- Ở cái huyện hơn hai trăm ngàn dân này, mười bốn xã một thị trấn, vốn vẹn có ba mươi vị cử nhơn, nên chúng tôi rất cần người có “dẫn hóa” mà thiếu “dẫn hóa” thì không làm được “diệc”, chú em giỏi tôi đề nghị lên lương và cho vào biên chế. Tôi chọn người miền Trung làm thủ quỹ, làm “dẫn hóa”, cần người bảo vệ tôi chọn người Nam.

Tôi đã có công việc ổn định, nhớ lời hứa với Huyền tôi cho Miên ra quê đưa em vào.

Miên bỗng con đi hơn nửa tháng rồi!...

\* \* \*

Trời qua cơn mưa đêm, nắng hừng lên. Quang cảnh thị trấn sạch sẽ, óng ả. Tôi đang ngồi làm tờ tin bên cửa sổ. Chợt thấy một cô gái vén quần bước qua vũng nước ngoài đường, cô mặc bộ áo quần màu đen càng tôn làn da trắng mịn mịn, mắt cô ngơ ngác và huyền hoặc như mất nai rừng. Khi tôi mừng tượng ra Huyền, đã thấy Miên bỗng con đứng bên kia đường, chỉ tay nói với bé Đoan Cơ:

- Tề, ba nơi tề.

- Anh - Huyền duyên dáng chào.

Lòng tôi như mở hội... Chiều nào cũng trông mau hết giờ hành chánh,

lội bộ đường đất ven sông về ngủ chung với vợ con. Huyền vào, chưa sắm thêm giường, tạm ngủ chung với anh chị và cháu gái. Có đêm tôi nằm chỉ cách Huyền là bé Đoan Cơ, làm tôi không ngủ được... Nơi đất khách quê người người vợ tôi sinh đứa thứ hai. Tôi một phen xót bất.

Huyền chớm mười tám tuổi, hùng hực và cuốn hút. Tôi làm bài thơ tặng Huyền mà không dám tặng, lén nhét vào túi áo Huyền. Có mấy câu mà tôi tâm đắc:

*“... Ta bỗng đứng thành người có tội  
Say hương em trong giông bão của tâm hồn...  
... Ta đã đi qua trăm ngàn bất hạnh  
Nên hiểu nỗi buồn trong đáy mắt em...  
... Em trong sáng như làn nắng mới  
Đi vào đời bằng những bước thơ ngây  
Trên mái tóc nhiều lần ta hôn vội  
Choáng ngợp hồn như đứng trước trời mây...”*

Hôm sau chuẩn bị đi làm, bé Đoan Cơ cầm bài thơ chạy đến đưa tôi, bé nói:

- Dì nói ba qu..ên..n nè.

Bóng Huyền chạy khuất sau vườn dừa, còn rưng lại vào tai tôi tiếng cười khúc khích thơ ngây.

Tôi xin cho Huyền vào bán cửa hàng ăn uống huyện. Xin được căn hộ cho gia đình tôi tá túc. Huyền làm có tiền, ăn diện lộng lẫy, thành trung tâm chú ý của các chàng trai trẻ.

Thị trấn nhộn nhịp, ôm vào lòng các ban phòng huyện khang trang. Có nước máy, có điện chạy bằng máy nổ, có khu chợ và thị tứ sầm uất. Lớp trẻ áo quần sang trọng mà sầm mùi cải lương, đua đòi ăn chơi. Từng đêm nhập nhằng những cặp trai gái ngồi du dương bên vệ cỏ, trên con đường nhập nhoạng bóng tối dẫn vào các sóc Miên.

Theo chồng về ở huyện, Miên bị cảm đồ vật chất mà thời con gái thụ hưởng thừa thãi. Miên bắt đầu thích ăn ngon, mặc đẹp, siêng soi gương và thả hồn mộng lung. Trong đám thanh niên làm quen với Huyền có Hoàng. Anh ta đến nhà tập thể của tôi chơi, lúc nào cũng đẩy nhóc tiền, hào phóng đưa tiền cho Miên sắm đồ nhậu với tôi. Huyền, Miên cảm kích tính rộng rãi của Hoàng. Tôi mến sự từng trải nơi Hoàng. Hoàng tâm sự về nghề thầu khoán của anh:

- Nghề Hoàng làm ra tiền cũng khổ lắm anh, xem bản vẽ có chỗ không đồng ý vẫn làm theo. Căn phòng rộng thì không gian rộng, chủ nhà là người làm văn nghệ, khi ông đặt cái bàn làm việc quá nhỏ vào thì thấy mệnh mỏng, không tập trung được, lại ì xèo cần nhằn. Trước đó ông ta đã bằng lòng với bản vẽ của kiến trúc sư rồi. Hoàng chỉ tuân theo thôi mà, vậy lại tiền bạc lằng nhằng với Hoàng.

Tôi góp ý:

- Mình cũng thích nhỏ thôi. Ngồi trong phòng rộng quá như có ai đang xâm phạm không gian của mình. Khi cao độ suy nghĩ, đầu óc căng như sợi dây ai đụng vào làm giật thột cả người. Miên nhiều khi không tế nhị, thông báo chuyện không đâu: “Anh ơi, con gà chết rồi...”, thế là mình tan mất điều đang nghĩ, hiếm tìm lại được.

- Nì, nói xấu chi tui đó.

Miên cầm đôi dưa, nghênh nghếch hỏi trông tôi và Hoàng. Tôi hơi khó chịu vì thái độ Miên không hợp với người đàn bà đã có con và cố tình gây cho Hoàng chú ý. Hoàng xun xoe với Miên:

- Không dám nói xấu người đẹp đâu, anh khen chị thì có - Nhấp hớp rượu xây qua tôi Hoàng tiếp - Sau khi xây dựng xong, mình thanh thản ra đi, tiếp tục nhận mỗi lo toan khác. Hoàng đi khắp Lục Tỉnh, tiền chỉ là giấy, tình cảm mới quý phải không anh? Đôi khi Hoàng cũng trở lại thăm ngôi nhà mình đã bỏ công xây cất, ít khi được đón tiếp nồng nhiệt.

Tôi đồng cảm với những khó khăn của Hoàng. Hoàng đến với gia đình tôi ngày càng gần gũi, thân quen. Bỗng một hôm Miên đòi đi buôn:

- Cho em đi Cần Thơ mua tạp hóa về bỏ cho các sạp ngoài chợ. Cô Hường không làm lương thực nữa, đi buôn mà khá lên đó anh.

- Người ta có sạn trên đầu, em biết chi mà buôn với bán.

- Việc chi cũng phải tập chứ anh, em muốn làm giúp anh.

Thế là Miên đi buôn, một chuyến đôi ba ngày có khi cả tuần. Tôi lủi thủi với công việc của Phòng Văn hóa, cùng Huyền chăm sóc hai con. Ngày đêm gần gũi với Huyền, hai chị em giống nhau, đôi khi tôi lầm tưởng Huyền là Miên, tôi phải... luống cuống chứng lại. Có lần tôi thử cô em vợ.

- Huyền đưa cháu cho anh bồng chút.

Huyền ẵm người đưa cu Lượng, tôi choàng tay kéo eo rệu của Huyền và con trai vào lòng. Huyền thả cháu rơi xuống, tôi hốt hoảng cúi người chụp con, ôm con vào lòng thì Huyền đã lấp ló dưới cửa bếp cười... Nhiều đêm Huyền nằm đó, tôi nằm đây, hương con gái dâng lên ngào ngạt. Biên giới nhỏ hẹp làm bằng khoảng không ước lệ mà kiên cố thay. Bao lần tôi muốn bức phá khỏi ý niệm thánh thiện của chính mình nhưng rồi... thao thức mãi...

Đến khi tôi gặp người bạn lớn tuổi hơn tôi làm tài xế báo tin:

- Thằng Hoàng còn thấy đây không mấy?

- Hình như chuyển đi đâu, lâu rồi em không thấy.

- Ừ hé, sao thấy... à... à... mà mày đừng làm ồn lên không hay đâu mấy.

- Chi vậy anh? - Tôi nhìn anh bạn tài xế, lo lắng.

- Ờ... ờ tao thấy con vợ mày cặp tay thằng Hoàng đi vào khách sạn Hoàng Cung.

Tôi như bị cú đâm vào mặt, tá hỏa. Dù chưa nốc ao như đủ dúi dúi trong nỗi buồn... Hôm sau Miên về, tôi nhìn bờ mông căng cứng và trắng

nhể nhại của vợ khi vừa tắm xong vào phòng thay áo. Niềm hoài nghi lóe trong mắt tôi như có lửa, đọc niềm run rẩy trong đáy mắt Miên. Tôi chất vấn:

- Hôm qua cô làm gì trong khách sạn Hoàng Cung?
- Thì... thì, em ngủ lại đó. Em thường trọ đó mình ên.

Bốp!

Tôi tát Miên một cái cật lực, dần giọng:

- Thăng Hoàng đâu? Hừ, hừ đừng có nói một mình.

Đêm ấy chúng tôi không ngủ. Tôi và Miên thỏa thuận sống dựa vào nhau vì con. Tôi ngày ngày vác cái mặt lừ lừ đi làm, đêm quần quai với nỗi đau luân phiên. Tính cách ngây thơ, trong sáng của Huyền ám ảnh thường xuyên trong tim tôi. Tôi chăm sóc Huyền nhiều hơn, đi chơi đâu về cũng có quà dành cho Huyền và hai con.

Tôi thích tắt hết điện, ngồi trong bóng tối hút thuốc, ôm vòng khói ngấm ngấm nỗi bất hạnh đời mình, buồn lòng sự lang chạ của Miên, không thể dứt ra được vì sự bé bỏng của các con đang cần sự nuôi dạy thiêng liêng của người mẹ. Huyền thập thò ở cửa phòng, rụt rè hỏi:

- Anh, Huyền bật điện lên được không?
- Cứ việc.
- Sao anh phải tắt điện mới hút thuốc?
- Anh cần bóng đêm để tìm chút khuây khỏa nỗi lòng.

- Em nghĩ anh hãy vì con, tha thứ cho chị Miên, tạo cho chị có cơ hội phục thiện, anh sẽ tìm được sự quân bình trong cách đối đãi độ lượng kia. Em tin, không có roi vọt nào bằng sự im lặng của anh. Chính sự im lặng ấy đang nghiền và hành hạ trái tim lầm lỗi của chị Miên. Chúng em không cha không mẹ, nhờ tài trí và sự khéo léo của anh mà chúng em được như hôm nay, anh đã thương thì thương cho trót.

Tôi thầm khen Huyền ăn nói chín chắn, tôi hỏi:

- Em còn nhỏ mà ăn nói biết điều ghê. À... nì Huyền... em có thương anh không?

Tôi hỏi một câu hỏi bất chợt mà từ lâu chưa có cơ hội thuận tiện. Huyền đã chuẩn bị sẵn, trả lời tôi chóng vánh:

- Có thương, thương anh như anh Hải em.

- Không anh muốn em thương anh khác kia.

- Giá như em... gặp anh trước chị Miên thì... thôi em đi ngủ đây.

- Khoan! Chỉ có em là nguồn vui của anh, em là người có quyền lực nhất trong ngôi nhà này, anh không dám mắng Miên khi em xụ mặt xuống. Em... cho anh hôn.

- Anh đừng gây chị Miên, thì em... em... em hy sinh vì hạnh phúc của anh chị.

Tôi thơm lên má luôn hờm hờm của Huyền và hỏi:

- Em thương anh khác chưa?

Huyền im lặng cúi đầu...

Miên sinh đứa thứ ba, gia đình tôi thêm khốn đốn. Tôi, Huyền, Miên mỗi người một góc ưu tư riêng. Riêng tôi cố nén cơn bão chực nổ trong lòng...

Hăm ba Tết năm ấy tôi bỗng hai con lớn về ăn tết với ông bà Năm Thanh. Miên không đi, viện cớ không ai giữ nhà và chăm sóc con thơ. Mừng bốn tết tôi lên, biết ngay tin: “Đêm mừng một tết Miên ngủ với Hoàng ở ngoài đập bị du kích bắt được, nhờ tết nhất nên họ đã thả ra...”. Bận bè, anh em các cơ quan, ai ai cũng nhìn tôi bằng ánh mắt thương hại.

Huyền trao cu Lộc cho tôi:

- Chị Miên bận quá, bữa em nghe tin chị bị bắt em muốn độn thổ luôn.

Hai người trốn đi rồi, anh. Tết nay, em không dám ra đường, dị bắt chết đi! Hơn nữa cháu nhớ mẹ khóc mãi. Em tính về nhắn anh lên, thì anh đã lên đỡ cho em. Đừng buồn nữa anh, chị Miên sẽ trở về thôi.

- Về làm chi nữa Huyền. Miên gửi cháu cho Huyền lúc nào?

- Dạ gửi cho em chiều mừng một tết, em tưởng chị đi chút việc thôi. Ai ngờ cơ sự như vậy, em không giữ cháu giùm chị mô anh.

- Anh đưa các cháu về quê Huyền ạ. Ở đây anh chịu không nổi.

\* \* \*

Tôi ôm ba đứa con thơ trở về quê sau chín năm lưu lạc. Từ bến xe Sóc Trăng ai hỏi tôi cũng nín lặng. Bé Đoan Cơ thay tôi trả lời:

- Mẹ bỏ ba dôi.

Họ gom ít tiền cho bé, bé nhét vào túi tôi, tôi mới hay.

Tôi thần thờ dẫn con xuống bến xe Cần Thơ để chuyển xe đi tiếp Thành phố Hồ Chí Minh. Vùng đất này còn đỏ mà hạnh phúc của tôi nơi đâu? Bé Đoan Cơ đặt tay tôi:

- Đi ba!

Thằng con nhỏ thấy người đông, hàng quà bánh tràn lan, vói:

- Ba, con ói bụng dôi...

- Lên xe chị mua cho - Bé Cơ dỗ em.

Tôi bồng con nhỏ trên vai, tay dắt con, vai lủng lẳng túi hành trang. Bé Cơ chạy theo sau. Những kỷ niệm hiện về chơi vơi, hụt hẫng. Tôi bật khóc và gục đầu vào đứa con trai nức nở... Bé Đoan Cơ bây giờ mới khóc, làm thằng em kể nó cũng sụt sùi...

Chín năm đứng giữa bão. Chín năm sau lại tới, và đất nở sau mưa.

\* \* \*

Huế vào thu nắng nhạt vàng. Những cơn mưa đầu thoáng về bất chợt. Đoan Cơ đã mười bảy tuổi, cô kế thừa nét sắc sảo của mẹ, tính nhân hậu và cẩn trọng của cha, cô có vẻ đẹp khỏe khoắn, thông minh, đôi mắt nhưng miên viễn, xa xăm.

Cô học bài rất khuya. Bỗng cơn bão ập tới ầm ào gió giông. Cô nhoẻn miệng cười với chính mình trong cái gương con. Rồi đứng lên đi đóng các cánh cửa gió, vén màn sửa chăn cho hai em. Xong cô vào phòng học tiếp. Cô lại mỉm cười tươi rạng như thể vừa đẩy cơn bão về phía xa hơn.

N.N.A



N G U Y Ề N   Q U A N G   H À

## Người bán mai vàng

(SH số tháng 2 - 1995)

Ngay cả ở đất Cổ Đô, không mấy ai biết ở chân núi Ngũ Tây có một vườn mai vàng. Chủ vườn mai ấy là hai cha con ông già mù. Vườn mai có từ bao giờ không nhớ. Gốc cây sù sì, nổi u, nổi cục, rêu xanh bám từng đám, loang lổ, cổ kính. Khi nghe gió đông về, ông già mù rờ rờ từng cành cây bút hết lá: “cho cây tụ nhựa”. Những ngày giá lạnh nhất, mặc chiếc áo dạ sồn, mái tóc bạc ghé tai vào gốc mai, ông nghe rõ cả dòng nhựa đang chảy âm thầm trong gốc mai cổ. Đôi bàn tay nhăn nheo, khô khăng lằn sờ từng mắt mẫm, xem mẫm đã nứt nanh đến đâu.

Những chùm nụ xanh lớn dần nôn nao hay chính lòng ông nôn nao. Tay ông mân mê, vuốt ve từng núp nụ không biết chán, cái lảng lẩy của da nụ làm những ngón tay mê mẩn. Như không biết gió lạnh, suốt ngày ông quanh quẩn với từng gốc mai. Núp nụ đầu tiên, mới nhú màu cánh vàng hé nở, ông biết liền. Ngón tay ông đặt đúng vào cái nụ ấy. Ông nhận ra bằng hương thơm của hoa mai dẫn đường hay bằng linh cảm ông cũng không biết, chỉ biết rằng, ông đã đến đúng nụ hoa cần đến. Rồi mừng rỡ gọi con:

- Ra mà xem, Mai ơi, hoa sắp nở rồi! Người con trai dù đang ăn, đang

uống cũng bỏ, chạy nhào ra với cha. Lập tức anh cũng bị cái màu vàng óng ả vừa nứt hé ra kia hút hồn. Cả hai cha con không biết ai mê mãi hơn ai. Cái tên Mai ông đặt cho con bắt đầu từ nỗi si mê ấy.

Tương truyền rằng cụ cố tổ của Mai xưa là tiểu phu của rừng mai Tú Tây, Ngũ Tây này. Mỗi mùa xuân về, rừng Tú, Ngũ Tây mai nở rực vàng. Cụ vào rừng chặt mai bán từ khi dân Huế thích chơi mai ngày Tết. Ngôi nhà tranh, lợp lá mây của cha con Mai bây giờ là lều tranh xưa của cụ cố tổ sống giữa rừng. Vườn mai hiện đương còn đây là hậu duệ cuối cùng của rừng mai thuở trước. Có thể gọi đó là mảnh rừng duy nhất còn lại của Tú, Ngũ Tây sau hai cuộc chiến tranh.

Phải chăng vì thế, hai cha con già Mai không dứt được mảnh đất khô cằn này để ra đi. Đã có lúc quần bách, tính ngược, tính xuôi, ông bảo con:

- Người Huế còn yêu hoa mai, thì cha con ta còn sống được con ạ.

Ngay cả khi bị mù, gần với sự cùng đường, ông cũng không chịu bỏ vườn mai. Mai nhìn đôi mắt chỉ còn một vạch đỏ bởi những tia máu chi chít của cha chớp chớp ngăn ngăn nước mắt, thương cha quá, nên anh chẳng bao giờ dám trái lời.

Không bao giờ anh quên mùa xuân năm ấy khi Tết đã qua, Xuân sắp tàn, chậu hoa uốn thế, vật gia bảo của cha con anh, hoa vẫn nở rực rỡ. Cuộc hành quân của sư đoàn Một lính ngự trần qua. Gặp chậu hoa đẹp, tên thiếu tướng ngự ngăn người. Chưa bao giờ hắn gặp một dáng cây kỳ quái cổ kính đến vậy. Hắn cứ đi vòng quanh chậu hoa, không dứt nổi chân tách ra cái quỹ đạo ấy.

- Ai là chủ nhân của chậu hoa này? Hắn hỏi.

Cha Mai trả lời:

- Chủ của chậu hoa ấy là cụ tổ ba đời của tôi.

- Ta muốn ông bán cho ta chậu hoa này với bất kỳ giá nào - Hắn gõ gõ chiếc ba toang bịt bạc lên miệng chậu hoa.

- Dạ không, tôi không thể bán.

- Không bán cũng được. Ta đổi cho ông ngôi nhà lầu ba tầng ở đường Tuệ Tĩnh được chứ?

Cha Mai lắc đầu:

- Dạ thưa tôi sống heo hút quen rồi.

Kẻ quyền hành thường thế, không vừa lòng, không đạt được ý thích thì dùng quyền hành để đập đổ, chà đạp. Theo lệnh của cây ba toong, mấy can xăng được đưa tới đổ vào chậu mai. Chính bàn tay mũm mĩm của viên thiếu tướng quăng cây diêm cháy xòe lửa vào. Chậu mai thành chậu lửa. Không nhìn thấy cây mai đâu, chỉ thấy lửa. Cha Mai lao người vào cứu chậu mai, ông bị xịt hơi cay thẳng vào mặt. Ông ngã bật ngửa ra phía sau.

Bọn lính đi rồi. Cha Mai mù từ đó. Không biết hơi cay quá mạnh, hay do vật gì va chạm vào đầu, đụng vào thần kinh thị giác. Lời nguyện của kẻ có quyền thật kinh hồn: “Vây, ta sẽ để cho các người không bao giờ còn nhìn thấy được cây mai nữa”. Mai mang nỗi hận đời từ đấy. Nếu không có người cha mù, không biết anh đã trôi dạt phương nào.

Mai không quên nét mặt dờ dẩn của cha, khi tỉnh dậy, câu đầu tiên ông hỏi:

- Chậu mai? Chậu mai?

Ông lập cập bò dậy, lồm cồm lật hai đầu gối, tới rờ rẫm từng mảnh chậu tan tành. Hai cha con ôm lấy nhau khóc. Ông khóc thành tiếng như cố nuốt vào trong: “hực! hực! hực!”. Đây là lần đầu Mai thấy nước mắt cha. Lúc mẹ chết Mai còn nhỏ quá, không biết gì. Mẹ chết vì sản hậu. Cha ở vậy, cun cút gà trống nuôi con. Cứ nghĩ thế Mai không bao giờ xa cha được. Lớn dần này rồi, đêm ngủ Mai vẫn thèm được vòng tay cha ôm ấp. Trên chiếc giường ọp ẹp, thấy con của mình trần trọc, ông chỉ cần vòng tay ôm bụng con, chỉ lát sau Mai đã ngủ yên. “Mai ơi, đừng bao giờ

để cha phải buồn vì mi”. Mai tự nhủ thế. Anh biết mình cần làm gì. Hái sim, bẻ chổi, bút lá nón rồi chặt củi, đào măng.

Mai không từ nan việc gì. Ông già Mai càng thương con. Một đêm cả hai cha con trần trọc, Mai nhắc cha:

- Ba gắng ngủ một chút, ba.

Ông thở dài thườn thượt:

- Cha nghèo thì con khổ. Đã đến lúc con cần có một gia đình, khôn nổi ba nghèo quá, không có tiền để cưới vợ cho con.

Ông nói xong nằm lặng đi.

Mùa xuân năm ấy hai cha con chặt mai đem bán bên vỉa hè trước cổng Thương Bạc. Hai cha con ngủ lại giữ mai. Đêm hai mươi tám tết cuối năm đó, Mai gặp cô bé dốt mẹ đi ăn xin, bà mẹ bị cảm lạnh chết. Cô khóc đứt hơi. Ôm xác mẹ lăn lộn dưới mái ni-lông che bên cột đèn vườn hoa. Tiếng cô khóc kéo Mai lại. Nhóm từ thiện đường phố chôn cất cho bà mẹ. Cảm cảnh, Mai nói với cô bé:

- Lan ơi - tên cô bé - đời ăn mày khổ lắm. Anh biết. Nhà anh rất nghèo, em có muốn về nhà ở với cha con anh không?

Trong lúc khốn cùng, có một bàn tay dặt, còn gì hơn. Lan đứng bán mai cùng cha con Mai, đến gần giao thừa mới về nhà. Tết ấy, nhà Mai vui hơn. Mai gắng sức nuôi thêm một người. Chỉ một năm sau, Lan đã có thể góp sức cùng anh nuôi nổi mình. Ba năm sau Lan trở thành một thiếu nữ xinh tươi. Hoàn toàn khác cô gái Mai nhặt được ở Thương Bạc. Hai người yêu nhau từ lúc nào. Già Mai bằng lòng cho hai người thành vợ thành chồng. Vườn mai vàng bên núi Ngũ Tây chứng giám cho đám cưới của họ. Ông già Mai thấp bó hương, quay khắp bốn phương trời đất:

- Xin trời đất hãy thương lấy chúng con.

Tình thương yêu trong gia đình vượt lên được cái nghèo. Già Mai

chiêm nghiệm cả tối, nói được một câu với con dâu: “Đời không gì bằng chữ Tâm, Lan ạ. Con nhớ điều ấy cho ba”. Lan sinh con trai. Ông nội lấy chữ Tâm đặt tên cho cháu. Cu Tâm ra đời vào những năm gian lao. Năm đầu trời đại hạn. Nước mặn trên sông Hương tràn lên tận bến Tuần. Lúa cháy. Từ thành phố xuôi về Thuận An, toàn thấy xe đi bán nước ngọt. Con suối chảy quanh năm trước vườn mai cạn khô. Xuôi xa một cây số dòng suối mới bắt đầu có nước lại. Mai và Lan cùi cùi suốt ngày gánh nước tưới mới cứu được vườn mai. Tết ấy mai mất mùa. Năm sau trời lạnh buốt. Ba cha con già Mai cắt cỏ ủ gốc, qua Tết mai mới chớm nụ. Lại thêm một năm trời giạt mất miếng cơm. Mai thương cha, thương vợ. Trong nỗi quẫn trí, anh bật nảy một điều trong óc: “Những người trồng hoa ở Huế, họ sống bằng cách nào?”

Ý nghĩ ấy kéo anh đi. Già Mai ở nhà trông cháu. Lan vào rừng kiếm củi, hái lá nón. Mai lần mò đến các gia đình trồng hoa. Lâu nay anh sống cam chịu, sống bó mình. Tự ti cũng có, buông thả cũng có. Anh bằng lòng sống đạm bạc ở một gia đình con con. Nhiều lúc không hơn người đi ở ẩn. Những vườn hoa của đồng nghiệp làm anh bưng tỉnh. Song tỏ tường rồi thì anh buồn.

Anh mang theo nỗi niềm ấy về nhà. Lan lựa lời, lúc có cha chồng, Lan mới dám hỏi:

- Răng anh buồn rứa?

Hết bữa cơm chiều, Mai mới nói được với cha và vợ:

- Mai vàng quý. Song chẳng ai sống được bằng vườn mai. Họ trồng cúc, trồng hồng, trồng tùng, trồng bách và cả trồng mai trong chậu nữa mới sống nổi bằng nghề hoa. Những người có vườn rộng họ trồng huệ, trồng lay ơn. Nghĩa là họ phải trồng tất cả những gì trồng được. Cách trồng, chúng ta đi học. Nhưng cái chúng ta thiếu là không có vốn. Không có vốn thì không thể nói mạnh được điều gì.

Không khí gia đình chùng hẫng xuống. Nỗi bất lực đè nặng lên họ. Bực

đọc như con chó nhìn thấy miếng thịt nhưng treo cao quá không thể nào nhảy tới được. Ông già Mai lặng thinh. Vừa cõng cháu trên lưng, vừa lang thang trong vườn mai. Ông đếm từng cây mai một. Bàn tay xương xẩu rờ rẫm, vuốt ve chúng, như bàn tay già rờ rẫm đứa con xa lâu ngày gặp lại. Gió lạnh và mưa bay. Ông già đã nhận ra mùi hoa mai nở. Ông ngồi tựa cột ngửa mặt lên nhìn trời hít ngửi mùi hoa ngây ngất. Ông như nghe rõ từng tiếng lách tách của mỗi cánh hoa xòe nở. Ông tự nói với mình: “Đời mình sắp qua rồi. Đã đến đời con cháu. Vườn mai này sẽ là của chúng”. Nghĩ thế, ông nói với vợ chồng Mai:

- Nếu có vốn, các con định làm gì.

Mai không hy vọng. Nhưng anh nói với cha như nói về một mơ ước:

- Con sẽ mua xi măng làm chậu. Cúc, hồng, tiểu quỳnh bán vào dịp tết là chính, để thêm phần sống qua ngày. Sau đó con sẽ trồng mai uốn thế, phải có thời gian dăm bảy năm đợi chờ. Mai uốn thế mỗi ngày một có giá ba ạ. Dăm mười năm nữa chúng ta có thể nên người được. Con muốn cháu Tâm không phải sống lay lắt như cha con mình.

Ông nói:

- Cha bằng lòng cho con cửa nửa vườn mai, cửa cả cây, những cơ quan giàu có họ chẳng thích mua kiểu mai cây của mình đó sao. Ba bằng lòng cho các con, để các con có vốn ban đầu.

- Thật chứ ba - Mai reo lên.

- Miễn sao vợ chồng con có hạnh phúc. Ngần ấy cũng đủ làm niềm vui tuổi già của ba rồi.

Đúng ngày cửa mai, ông già Mai dắt cháu lang thang khắp đồi núi Ngũ Tây. Ông kể cho cháu nghe, xưa kia, không phải đồi trọc như bây giờ, mà là những cánh rừng, mùa xuân về nở đầy hoa mai. Thằng bé nghe chẳng hiểu gì. Nó dắt ông hết mỏm đồi này sang mỏm đồi khác, còn ông già cứ kể. Đi thật xa và kể để ông khỏi nghe tiếng cửa đang cắt những cây mai có từng mảnh đời ông hóa thân trong đó. Sau đó là những đêm không

ngủ. Ông lần ra vườn mai. Đặt bàn tay mình nơi nhát cây bị cắt. Nghe nhựa mai dính dính nơi bàn tay. Ông chết lặng đi và âm thầm khóc một mình. Ông những tưởng mình sẽ gục ngã cùng những cây mai bị cắt kia, song sức ông đã hồi sinh nhờ sự năng nổ của vợ chồng Mai, bắt được cái nhịp của cuộc sống mới bằng chính những cánh mai vàng.

Thắt lưng buộc bụng, đúng năm năm sau vườn mai uốn thế của Mai bắt đầu nổi tiếng. Người ta nói đến thị trường và chơi hoa như một cái mốt. Người chơi hoa từ Hà Nội, từ Sài Gòn cũng tìm tới Huế. Mai được coi như một chuyên gia sành mai uốn thế. Các chậu hoa của anh được lên máy bay, bay về phương Nam.

- Anh cần mở rộng thị trường - Khách nói - Chúng tôi sẽ giúp anh có đại lý mai uốn thế ở Sài Gòn. Đã đến lúc đời anh phải sang trang rồi, anh Mai ạ. Những người tài năng như anh không phải lép vế nữa.

Đêm vợ chồng Mai nằm với nhau, họ nghĩ tới chân trời xa hơn, nghĩ tới ngôi nhà cao tầng, nghĩ tới bé Tầm cắp sách đến trường. Nhìn hàng ngàn chậu mai của mình, Mai thấy lòng lâng lâng. “Cái thời vận đã đến với mình rồi chẳng?”. Khát vọng thúc ép. Anh bằng lòng cho vợ đi Sài Gòn. Lần thứ nhất Lan về, trao tay anh cả túi tiền. Lần thứ hai Lan về, cô là một người hoàn toàn khác. Giống như một bà hoàng. Áo quần, son phấn, rục rờ hằn lên, không thua một hoa hậu nào. Nhìn chồng ngỡ ngàng, cô nói nhỏ: “Đã đến lúc vợ chồng mình chen vai sát cánh cùng thiên hạ được rồi anh ạ”. Ở ngôi nhà khang trang, ngăn nắp một tuần, Lan lại đi. Nhưng lần này cô đi, không quay lại nữa. Chỉ có một lá thư thay mặt cô trở về:

“Anh

*Khi nhận được thư này, em không còn ở đất Việt nữa. Em đã cùng một bạn Việt kiều đi Mỹ. Đừng trách em, nghe anh. Em đã cùng khổ rồi. Em không muốn mình khổ nữa. Em muốn đến một chân trời mới. Hãy tha thứ cho em”.*

Đọc thư xong, Mai kêu “học” lên một tiếng.

Suốt những ngày dài cha con, ông cháu không nói với nhau một lời. Người cất tiếng đầu tiên là cu Tâm. Nó hỏi Mai:

- Răng mẹ con đi lâu rứa. Bao giờ mẹ về, ba?

Mai không trả lời con. Ông già Mai ôm cháu vào lòng, nói với con trai:

- Ba nghĩ kỹ rồi. Thời thế nó thế. Nhưng còn da, lông mọc, còn chồi, xanh cây con ạ. Con có buồn hơn nữa cũng không ích gì.

Ông nói tiếp:

- Ba nghĩ, với bọn giàu có ấy, vợ con có là cái gì với chúng đâu. Chúng cần vợ con là cần cái nghề trồng hoa của chúng mình. Chúng chỉ muốn dùng bàn tay của vợ con để làm giàu cho chúng thôi con ạ. Không sớm thì chầy vợ con sẽ hiểu ra điều ấy. Hết đại nó sẽ khôn ra. Nó không dứt nổi thằng Tâm, dứt nổi con đâu. Hãy tin ba, thế nào cũng có ngày Lan sẽ trở về.

Đôi mắt ông chớp chớp. Những giọt nước mắt tròn xoe lăn ra từ cái vạch đỏ nằm ngang mắt ông.

Đúng ngày lập xuân giữa tháng chạp, Mai nằm liệt giường. Anh đau về nỗi sự đời. Chỉ ông già Mai hiểu được. Nhưng ông cũng hiểu mọi sự rồi sẽ qua đi. Mùa mai tết năm ấy, ông thuê người tới cắt những cành mai ở giữa vườn mai còn lại, chở tới vỉa hè dọc đường Trần Hưng Đạo, đúng chỗ trước cổng Thương Bạc ngày xưa, hai ông cháu ông già đứng bán mai.

Mai tràn về Huế như rừng. Người đi muôn hồng nghìn tía. Mùa xuân đã lại về trên từng cánh hoa.

- Ông ơi có người mua hoa - Tâm bảo.

Tiếng một cô gái dịu dàng:

- Cành này bao nhiêu tiền hả ông?



Vừa hỏi xong, trông thấy ông già mù đứng bên đứa cháu nhỏ, lòng cô gái mua hoa se lại.

- Mời cô mua hoa giúp tôi nào.

Giọng ông bình thản, bình thản đến lạnh lùng. Vừa nói, hai mắt ông vừa chớp chớp, hai giọt nước mắt từ lằn mắt vạch ngang đỏ dọc lặn ra, vậy mà miệng ông vẫn mỉm cười...

*N.Q.H*

N H Ắ T   L Ầ M

# Kinh thành bỏ ngõ

(SH số tháng 7 - 1995)

Cánh rừng âm u một ngày mùa heo lạnh đã sắp tàn, chỉ còn lại vệt nắng yếu ớt đọng lại trên những đợt cây đại thụ. May mắn ở mấy thửa ruộng bậc thang của người Thổ những gốc rạ mà hôm kia vừa cắt lúa còn đọng lại giọt nắng cuối ngày. Nơi mảnh ruộng tiếp giáp bìa rừng là một khoảnh đất mà không hiểu sao cây rừng không mọc, ở đó là một bãi cỏ.

Chiều lay lắt trên ngôi mộ mới chôn. Một tráng sĩ ngồi ủ dột trong nốt cùng của nỗi đau khổ. Cách đó không xa, một con ngựa lông trắng cực đẹp đứng gõ móng. Nhìn con ngựa, người ta biết chủ nhân của nó không công hầu thì cũng khanh tướng. Trên cái yên da quý giá, còn phủ một tấm nhung đỏ.

- Nàng ơi! Ta đến đây không phải là vì mối tình ngắn ngủi mà ta đã dành cho tuyệt thế giai nhân. Mà ta đến đây để nói với nàng rằng: Nhà Mạc thực sự đã hết rồi, đất đã không còn có mà dung thân, trời cũng đã chẳng thương chi thì nay một người con gái, một công chúa như nàng...

- Tiếng thở than của người tráng sĩ nghẹn lại.

Dưới chân đèo Bông Lau này ngoài người dân bản địa và thú rừng, chả ai dám mò đến. Và lại, giờ đây đang là cái thời trong Nam chúa

Nguyễn, ngoài Bắc chúa Trịnh, nhà Mạc cát cứ Cao Bình xa xôi, là lúc mà đất nước đang rên xiết bởi sự giành giật thế lực dai dẳng, liên miên.

Vừa lúc đó, con ngựa chiến của tráng sĩ hí lên vang động cả cánh rừng. Nó là giống ngựa vùng Nước Hai to cao, chạy khỏe, rất khôn ngoan khi xung trận.

Tiếng hí của con tuần mã kéo tráng sĩ ra khỏi cơn mộng. Thì đã thấy xuất hiện một con ngựa chiến khác lông màu tro xám, đang nước kiệu tới. Người ngồi trên lưng bận áo giáp màu đỏ ghìim cương, nhảy xuống ngựa, đặt tay lên đốc kiếm:

- Bớ Đinh Hùng, ta với người quyết phen ni...

Đinh Hùng ngoảnh lại, thông thả, không hề tỏ ra nghevnh chiến, trong khi con tuần mã của chàng tức tối lồng lộn như giục chủ ngồi lên mình mà lao vào kẻ thù. Giọng chàng trầm, đượm buồn, xót xa. Song không vì thế mà không vang lên cái sắc thái của vị tướng đã quen nơi trận mạc giữa ba quân...

- Nay Trịnh Đổ! Hôm nay ta đến đây là để nói cho Mạc Tuyết Lan biết rằng ta đâu oán hận nàng vì mối tình riêng. Mũi kiếm của ta gây nên cái chết của nàng là ta đã lãnh ý của vua Mạc khi ra đi. Nếu người ở vào địa vị của ta thì cách xử sự cũng không khác ta. Nhà người khoan trách ta đi phò một dòng họ không được lòng người. Các dòng họ vua chúa nào Nguyễn, nào Trịnh, nào Mạc và cả nhà Lê nữa... người dân nào có ưa thích... Nhà người phò Trịnh, ta phò Mạc. Trịnh hay Mạc thì cũng chỉ là tai ương của mọi thống khổ của người dân mà thôi. Người hãy tra kiếm vào vỏ đi. Đừng nên đổ máu trên ngôi mộ chưa lên cỏ của một hồng nhan đa truân. Nhà người muốn quyết tử thì ngày mai mang gươm lên ngựa ra chiến trường với ta. Đó mới là cách của con nhà tướng. Trong hai ta, nếu có ai chết thì không phải bởi giai nhân mà vì võ thượng!

Nghe dứt lời, Trịnh Đổ tra kiếm vào vỏ rồi chẳng nói chẳng rằng, chàng nhảy lên ngựa phi về hướng Nam.

Đinh Hùng ngồi lại. Người ta chẳng biết chàng nói gì thêm nữa với người nằm dưới mộ. Hoàng hôn đã liếm dần cánh rừng. Cái lạnh của miền núi phương Bắc càng về đêm càng tê buốt...

\* \* \*

Câu chuyện thê thảm về cái chết của cô công chúa Mạc Tuyết Lan khá éo le. Đinh Hùng là dũng tướng nhà Mạc. Vua Mạc đã hứa gả công chúa cho chàng khi nhà Mạc chiếm được Thăng Long. Đó là thời kỳ ảm đạm của một dòng họ mà vị vua sáng lập đã có hành động hèn hạ lên ả Nam Quan tự trói mình để được một vương triều phương Bắc không quấy rầy. Biết không sớm thì muộn mình sẽ bị quân Trịnh tiêu diệt, vua Mạc bèn cho kẻ tâm phúc đến gặp Quan Trạng, một nhà trí thức vĩ đại đã về ở ẩn tại quê nhà. Quan Trạng tiếp kẻ đến xin kể không niềm nở, quà cáp không nhận. Ông chỉ nói vắn vện một câu:

“Cao Bằng là đất hiểm yếu, có đèo Bông Lau, có sông Bằng. Nếu biết vỗ về dân bản địa người Thổ, người Nùng thì cũng giữ được vài đời...”

Nói xong, Quan Trạng sai tiểu đồng tiếp nước hầu chuyện còn ông thì bỏ đi câu.

Đinh Hùng ràng buộc với triều Mạc như một định mệnh, bởi thân phụ chàng là tả tướng dưới triều Mạc Đăng Doanh. Sau này trở thành dũng tướng, Đinh Hùng kết thân với Mạc Kính Khoan. Vị trí của chàng ngày càng cao. Nhất là từ khi Mạc Kính Khoan trong một cuộc kịch chiến đã bị quân Trịnh đóng cúi đưa về Thăng Long. Vua Mạc rất yêu mến viên tướng trẻ đầy tài hoa. Và hứa khi Mạc Tuyết Lan 16, 17 tuổi thì sẽ chọn chàng làm phò mã. Vua Mạc cho thám tử trà trộn vào quân Trịnh, do thám kinh thành thì được biết Mạc Kính Khoan không những không bị giết, bị hành hạ, mà trái lại chàng còn được một công chúa họ Trịnh đem lòng yêu mến, đòi chúa cho nàng lấy làm chồng.

Thám tử còn báo cho vua Mạc hay rằng: quân Trịnh gần như tập trung vào hướng Nam, một cánh do Trịnh Đồ thống lĩnh chuẩn bị đánh Cao Bằng. Và Thăng Long, kinh thành gần như bỏ ngõ.

Nhưng khốn nỗi vua Mạc lấy đâu ra quân mà kéo qua mạn Sơn Tuyên theo hướng chính Bắc để đánh úp một trận, cướp lại kinh thành. Nhà vua cho vời tướng Đinh Hùng đến nghị bàn, Đinh Hùng tâu bày:

- Ta đưa quân đi, không thể không nghĩ đến thành Nguyên Bình mà nhà vua đang giữ. Chỉ cần một đạo quân nhỏ thì Nguyên Bình sẽ lọt vào tay họ...

- Vậy... theo Khanh? Vua Mạc hỏi Đinh Hùng.

- Tàu bệ hạ. Kế của thần là làm sao vừa giữ được Nguyên Bình, vừa đánh tan đạo quân Trịnh Đồ đã kéo lên Kinh Bắc chờ ngày xuất chinh.

Đinh Hùng nói đến đây thì ra hiệu ngầm vua Mạc. Hiểu ý, vua Mạc bái triều. Và tối hôm đó, một vua một tôi bàn kế. Kế ấy lập tức được thi hành.

\* \* \*

Khi chiều tà thì bọn họ lọt được vào nơi đóng quân của Trịnh Đồ. Tên lính canh phòng dẫn Thanh Nhàn nạn nữ vào gặp chủ tướng. Ăn mặc tiểu tụy, nói năng sợ sệt nhưng nhan sắc của nàng khiến Trịnh Đồ như bị choáng ngợp. Sắc đẹp này trời cho, thật có một không hai, ngay ở kinh thành nơi chàng có dịp quen biết nhiều con nhà trâm anh quyền quý, cũng chưa có một bóng hồng nào làm chàng xao xuyến.

- Tướng quân ơi! - Thanh Nhàn nói. Thân phụ thiếp chán đời từ quan về dạy học rồi đi giao du với cụ Nghè, cụ Bảng lấy túi thơ bầu rượu làm vui, lấy non xanh, sông biếc làm nhà ở. Thiếp vâng lệnh mẹ già cùng gia nhân là tên đầy tớ cam này từ bé đi tìm thân phụ. Mong tướng quân mở lượng hải hà cho tiện thiếp lên đường kéo nơi đây thì thiếp biết dựa vào ai...

Trịnh Đỗ quát tháo coi bộ nghiêm khắc:

- Các người là thám tử quân Mạc đến đây dò xét quân ta. Ta phải xem xét các người...

Chàng hạ lệnh cho lính hầu giam hai người khả nghi lại.

Trại lính chìm trong đêm, tiếng chim từ qui từ cánh rừng vọng đến. Trịnh Đỗ không ngủ được, sai lính hầu dâng rượu. Nhưng cũng chỉ vài ly là chàng ưu tư không thiết uống nữa. Hình ảnh Thanh Nhân nạn nữ khi ẩn khi hiện trước mắt chàng. Đôi môi hồng, hàm răng đều đặn, làn da ngọc ngà, và đôi mắt như khước thu ba... Chao ôi con người này mà đất nước không tao loạn thì số phận sẽ đưa nàng vào phủ chúa cung vua, công hầu khanh tướng chỉ là gang tay. Trịnh Đỗ nghe rằng vua Mạc có công chúa là Mạc Tuyết Lan vừa tròn 17 là giai nhân tuyệt thế. Chàng đã tính nếu đánh chiếm được thành Nguyên Bình, bắt được vua Mạc thì việc đầu tiên là chiếm nàng. Nếu chúa Trịnh không cho lấy thì ta trả hết áo mũ gươm báu quyền bính để được sống với nàng. Nếu chúa khếp ta vào tội thì chúa hãy ghép tội công chúa lấy kẻ thù là Mạc Kính Khoan trước. Nếu cần, ta bỏ chúa Trịnh mà đi miễn là ta có nàng cùng bên mình là được. Nhưng Mạc Tuyết Lan thì ta chưa thấy, còn đây Thanh Nhân nạn nữ đã làm cháy bỏng trái tim ta...

Chàng thúc cho đến khi chim rừng chào đón bình minh, cánh rừng sau lá vàng như tơ tằm đã phủ một lớp sương mỏng bắt đầu tan.

Ngày hôm sau tên đầy tớ câm của Thanh Nhân được sung vào tạp dịch quét dọn chăm sóc đàn ngựa trận, còn nàng được Trịnh Đỗ cho theo hầu, chờ ngày về quê mỗi khi chàng thắng trận trở về.

Ngày lại qua ngày, thời gian là bóng câu trước cửa. Trịnh Đỗ không thiết gì việc đưa quân đi lên Cao Bằng, Thanh Nhân thì được lòng và sự cảm mến của viên tướng. Nàng dần dần quên đi sứ mệnh của vua cha giao phó. Trái tim nàng đã rung cảm trước một tuấn tú nam nhi.

Chỉ khốn nỗi cho tên đầy tớ câm trung thành cõn cào ruột gan muốn mưu sự nhanh chóng mà chưa thể giải bày cùng ai. Đêm đêm khi có dịp đến tàu ngựa, chàng sờ lên thanh đoản kiếm mà chàng đã bí mật giấu kín, chờ giờ khắc hành sự. Thế rồi ngày ấy đã đến. Trớ trêu thay, lưỡi kiếm đã không dính máu Trịnh Đồ, lại đâm vào công chúa Mạc Tuyết Lan.

Đó là một ngày không lấy gì làm ảm áp ở nơi xa xôi miền sơn địa. Sau khi dò biết Trịnh Đồ ngày kia sẽ lên đường, lợi dụng thời giờ eo hẹp, chàng đã chuẩn bị sẵn một con ngựa trong đàn ngựa mà chàng chăm sóc. Lặn thanh đoản kiếm vào mình, chàng ra hiệu cho một tên lính xin đến gặp cô chủ. Chàng giả bộ ngờ nghếch đóng kịch đến không ngờ. Chỉ ít phút sau là có mặt nơi trưởng màn Trịnh Đồ, đồng dặc.

- Hôm nay, một là chúng ta chết, hai là Trịnh Đồ chết, xin công chúa lựa chọn!

Sau ít phút ngơ ngàng, Mạc Tuyết Lan - Thanh Nhàn chính là nàng - như tỉnh mộng. Nàng đâu ngờ tên đầy tớ câm - tức Đinh Hùng - xuất hiện bất thần ở giờ phút này.

- Thế nào công nương, thời giờ không cho phép ta trì hoãn nữa, và chỉ ngày mai thôi, thành Nguyên Bình sẽ bị phá tan tành, vua, hoàng hậu và gia quyến nhà Mạc sẽ thịt nát xương tan.

- Ôi tướng quân, sao tướng quân lại nói những lời ghê sợ vào lúc này để dày vò ta, trong lúc ta nhớ mẹ ta khôn xiết.

- Vậy thì công chúa chỉ còn một cách là hành thích tên Trịnh Đồ gấp. Nàng rơi nước mắt và nấc lên:

- Tướng quân ơi ta đâu không biết cơ sự này. Ta là đứa con bất hiếu đã không thương nhớ cha mẹ, quên đi những lời mà phụ hoàng căn dặn khi theo chàng xông pha nơi miệng cọp ngà voi. Và còn nữa, mối tình giữa ta với tướng quân mà phụ hoàng đã kỳ vọng nơi chàng là trụ cột. Triều

đình nhà Mạc sắp đổ trước cơn bão mù trời. Tướng quân ôi! Làm vua phải chịu mệnh trời, khi trời đã dứt một dòng họ rồi thì ta chống chọi liệu ích gì? Ta nghiệm lời Quan Trạng, thì nhà Mạc ta đến đây coi như là tận cùng số mệnh...

Nàng còn định nói tiếp thì Đình Hùng đã gầm lên như con mãnh hổ:

- Không! Mệnh trời nhưng cũng ở lòng người. Đất Cao Bằng còn mền nhà Mạc ta. Chính bọn Trịnh mới là kẻ thoán nghịch không hợp với ý trời. Ta có bổn phận diệt trừ chúng để trở về Thăng Long, thu phục giang sơn về một mối.

- Thì tướng quân cứ việc mà hành động đi. Còn ta, ta thấy việc làm này chỉ là giọt dầu trong đĩa dầu đã cạn mà đêm tối thì còn mông lung. Dù có sáng lên thì chỉ là chốc lát, chờ đến bình minh thì còn quá dài...

- Đừng dài lời, ta không có thời gian nữa. Trước khi hành động, ta quyết vì nhà Mạc mà trị tội một kẻ quay lưng với dòng họ!

Đình Hùng rút đoản kiếm thì cũng là lúc Trịnh Đỗ và đoàn tùy tùng trở về. Trong giây phút ngàn cân treo sợi tóc, chàng đưa mũi kiếm vào bụng Mạc Tuyết Lan rồi chạy như bay đến bên con tuấn mã mà chàng vỗ về, nhảy lên lưng phi như gió lên hướng Bắc trước sự ngạc nhiên của quan quân Trịnh Đỗ. Đến khi định thần, Đỗ sai quân lính đuổi bắt thì đã muộn... chỉ là trò lặn biển mò kim!

Trịnh Đỗ cho thầy thuốc băng rịt vết thương cho nàng, rồi hỏi nàng có sự làm sao.

Biết mình không thể qua được, nàng bảo quân hầu của Trịnh Đỗ đỡ dậy và thì thào:

- Tướng quân ôi!... Chính thiếp là công chúa Mạc Tuyết Lan đây...!

Trịnh Đỗ liền quỳ xuống nắm lấy tay nàng... Ôi Mạc Tuyết Lan, Mạc Tuyết Lan...! Ta thế phải phanh thây tên đầy tớ khốn kiếp đó, nàng phải sống!



Tuyết Lan thì thảo:

- Không phải đây tớ đâu. Mà đó là dũng tướng Đinh Hùng!

Trịnh Đỗ hét lên như bị đâm cổ.

- Tướng quân ơi! - Tướng quân ơi, ta cùng Đinh Hùng được Mạc hoàng giao phó đến đây để giết chàng. Nhưng khi lọt được vào đây, được ở gần chàng, thì lòng ta đổi khác... Nói đến đây nàng ứa nước mắt, nắm tay Trịnh Đỗ:

- Ngày mai hay ngày kia chàng cất quân lên Cao Bằng, ta chỉ xin tướng quân cho ta một ân huệ.

- Được, ta sẽ làm theo lời nàng.

- Xin tướng quân hãy tha tội chết cho mẹ thiếp, cho dù mẹ thiếp là hoàng hậu Mạc. Người đàn bà dù là gì đi chăng nữa thì cũng chỉ là nạn nhân của các thế lực binh đao. Còn ta, khi ta chết, tướng quân hãy chôn ta bên cánh rừng, để ta được nghe tiếng chim hót, tiếng suối reo. Thế là ta vui lòng. Ta sinh ra trong nhung lụa, song công chúa hay người đàn bà chốn cửu môn thì có gì khác nhau lúc đã nhắm mắt... Nói đến đây nàng tắt thở.

Trịnh Đỗ cho làm đám nàng trọng thể. Từ đó chàng không thiết gì đến việc quân nữa. Ba ngày sau, khi đã có chén rượu, ngắt ngưỡng một mình một ngựa, chàng lững thững đến cánh rừng nơi có ngôi mộ người tình. Thì đâu ngờ lại chạm trán với Đinh Hùng...

Bây giờ ai có dịp qua lại chân đèo Bông Lau thì thấy ở đó có một xóm nhà người Thổ, trong đó có gia đình ông Mạc Ma Tò. Ông ta quả quyết rằng ông là dòng họ nhà Mạc, quê quán ở tận Hải Dương...

*Huế tháng 10-1994*

*N.L*

N G U Y Ê N    Q U Â N

# Chuyện từ thời chiến

(SH số tháng 12 - 1996)

Anh ngưng ngang câu chuyện đang kể, với tay lấy chiếc bật lửa đốt điếu thuốc. Ánh lửa mong manh nháng lên cũng đủ cho anh nhìn thấy hết từng khuôn mặt quanh chiếc bàn, trong căn phòng nhá nhem tối. Có vài cái nhú mày khó hiểu, vài nét xót xa lẫn giận dữ. Mọi biểu hiện ấy của họ không làm anh ngỡ ngàng. Bởi nó đều nằm trong dự cảm của anh khi quyết định nói sự thật của câu chuyện xảy ra từ thời chiến. Con đường đất đỏ cứ dài ngút mắt dưới cái nắng hạ khắc nghiệt của miền Trung. Sau một chuyến tàu lửa, một chuyến xe khách và thêm một ngày lội bộ, vẫn chỉ là con đường nham nhở đất đá chạy qua nhiều mái núi vắng lặng. Anh tưởng chừng con đường này dài đến vô tận trên mỗi bước chân dừng dằng nửa muốn đến nơi cái địa chỉ đang nằm sâu trong túi áo, nửa muốn quay về ngôi nhà có đủ đầy vật chất mà anh phải khó khăn, vất vả mới tạo lập được, có lẽ sự giằng co ấy mới thật sự làm anh thấm mệt. Qua hết thêm một khoảng đường bị che chắn tầm nhìn bằng một mái dốc cao, anh dừng lại lục túi xách du lịch đeo lệch bên vai lấy chiếc khăn lau những dòng mồ hôi nhễ nhại, nhóp nhóp bụi đất trên mặt. Đứng nghỉ một lúc anh cảm thấy dễ chịu hơn, từng ngọn gió dịu dịu thổi từ

phía chân đồi lên. Những ô ruộng đều đặn như cái bàn cờ màu xanh. Xa hơn chút nữa, lẫn khuất sau hàng tre là những mái ngói đỏ sẫm dưới ánh nắng xế chiều. “Chắc hẳn trong đó có ngôi nhà mình tìm”, anh nhủ thầm khi đeo lại túi xách lên vai.

- Mời bác nghỉ chân uống nước.

Chị chủ quán đơn giản chào mời lúc anh đứng tần ngần muốn hỏi nhờ. Anh cười thân thiện với chị rồi khom người bước vào dưới mái tranh được gá tạm trên những chiếc cọc tre. Gọi là quán cho đúng nghĩa chứ thật sự chỉ có vài cái bát nằm ngổn ngang trên bộ bàn ghế đóng thô, còn bốn phía trống toang. Cơn khát nóng suốt cả ngày dội nắng xui anh nốc cạn bát nước mới rót ra từ chiếc ấm nhôm trước mặt. Bát nước chè đậm đắng làm bụng anh cồn cào rồi nhanh chóng chuyển thành cơn choáng váng xây xẩm... Con đường đất đỏ lớn dần, nhòe dần... Anh thấy dòng máu thấm nhanh qua lớp vải và biến thành ngọn sóng vỗ đập cuốn hút anh trong một xoáy ốc màu đỏ.

- Bác bị say nước chè rồi.

Bên tai anh thoảng thoảng âm giọng nặng nề của người đàn bà chủ quán. Anh giật mình cố gượng người qua khỏi ảo giác.

- Chẳng sao đâu chị, có lẽ tại hồi sáng đến giờ tôi chưa ăn gì, lại uống quá nhiều nước chè nên hơi choáng... À quán chị có bán thức ăn không?

- Không... hay bác dùng tạm cái này xem có đỡ chút nào chẳng. Chị nói ngập ngừng và tỏ vẻ ái ngại đặt xuống bàn mấy chiếc bánh quy làm bằng bột sắn vừa khô vừa cứng. Anh trệu trạo nhai cố nuốt nghẹn... Phong lương khô trong chiếc ba lô ngày cũ. Cũng như mấy chiếc bánh chiều nay đều có công hiệu giống nhau. Bụng anh hết cồn cào xót xa, anh lại nghĩ đến đoạn đường cần phải đi.

Theo sự chỉ dẫn tận tình của chị chủ quán, anh hiểu mình chỉ còn một khoảng thời gian rất ngắn nữa thôi để chọn lựa quay về hay đi tiếp.

Ý tưởng mâu thuẫn xung đột nhau trong đầu không cho anh được một quyết định nào cả. Và anh cứ bước đi giữa trạng thái mù mờ biên độ ấy.

Ngôi nhà dễ tìm nhờ nó mới hơn, kang trang hơn và còn nhờ nó có thêm dòng chữ “nhà tình nghĩa” sơn màu đỏ chói, anh ngần ngại gõ cửa. Mở cửa là một người đàn ông trạc tuổi anh. Tóc cũng đã bạc quá nửa mái đầu song vạm vỡ rắn chắc với nước da sẫm nắng. Màu da dầy dầu ruộm đồng, nường rầy không che nổi nét nghiêm nghị sắc sảo trên khuôn mặt vuông vắn. Cả giọng nói của ông ta cũng gãy gọn mạch lạc.

- Ông cần hỏi chi?

Anh lúng túng:

- Anh cho tôi hỏi thăm đây có phải là nhà cụ Linh?

Người đàn ông chăm chú nhìn anh rồi gật đầu.

- Vâng! Mời ông vào nhà. Hình như ông mới ở trong kia ra.

Anh cảm ơn và bước vào phía trong. Dù biết trước anh vẫn cảm thấy hồi hộp khó thở theo nhịp tim bất thường khi đối diện khuôn mặt từng dày vò, ám ảnh anh đang bị đóng cứng trên lớp thủy tinh trong suốt vô tư. Chính bức ảnh này bỗng nhiên tái hiện sau nhiều năm tháng tưởng chừng như đã lãng quên được. Chẳng mấy khi có mặt ở nhà vào giờ khắc định mệnh ấy. Mà cho dầu có nhà cũng chẳng mấy khi anh được rảnh rỗi ngồi xem truyền hình. Thú vui duy nhất của anh là công việc. Nó cuốn hút thời gian, tư duy anh theo một dòng xoáy tự nhiên. Tất cả với anh bây giờ là làm thế nào để củng cố cái vị thế đang có và nỗ lực vươn cao hơn nữa. Trầy trượt qua bao gian nan, phải tận dụng hết năng lực, sự khôn khéo mới được như hôm nay.

Từ một sĩ quan bại trận của chế độ cũ, sau thời gian cải tạo tốt, anh trở về nhà, được trả quyền công dân. Anh xin vào làm việc ở một hợp tác xã mua bán. Nhờ bản tính cần cù siêng năng và quá trình phấn đấu không mệt mỏi, anh vươn lên dần theo bước phát triển của xã hội. Sự đổi mới kinh tế như chắp thêm đôi cánh cho anh.

Từ một hợp tác xã luôn thua lỗ, thành công ty liên doanh với nước ngoài. Cả thời gian lẫn quan niệm đổi mới xóa dần cái quá khứ và anh nghiêm nhiên trở thành giám đốc công ty doanh nghiệp cỡ lớn đó. Một ông giám đốc luôn hòa nhã rộng lượng với kẻ dưới quyền. Với cấp trên hay chính quyền sở tại anh là người có khả năng, trong sạch, tôn trọng luật pháp và nghĩa vụ... Chắc chắn những điều kiện đó sẽ còn nâng anh bay cao hơn nữa, nếu như hôm ấy anh không tình cờ bắt gặp khuôn mặt đó và giọng nói trầm buồn của người xướng ngôn viên dội vào mắt, vào tai đúng lúc anh bước đến định lấy gói thuốc lá nằm bên cạnh chiếc máy truyền hình. Đến bây giờ anh chẳng hiểu nổi tại sao chỉ nghe qua một lần anh lại nhớ được cái địa chỉ để liên lạc dài ngoằng tên huyện xã lạ hoắc như vậy...

- Mời ông dùng nước.

Người đàn ông đẩy nhẹ tách trà về phía anh kèm theo ánh mắt dò hỏi.

- Cám ơn! Bà cụ có nhà không anh? - Vừa bưng tách trà anh vừa hỏi.

- Mẹ tôi đang ở vườn sau. Ông cảm phiền chờ một lát tôi ra gọi bà vào.

- Anh là con trai của cụ?

- Là con rể thôi. Bà chỉ có một con trai, cậu ấy hi sinh hồi chiến tranh rồi.

Anh ta trả lời rồi xoay người bước ra phía cửa sau ngôi nhà. Anh nhìn theo, qua khung cửa mở rộng dẫn ra vườn. Mặt trời đã khuất sau dãy núi cao mù chỉ còn vương lại chút nắng nhàn nhạt. Người anh cần gặp bỗng nổi bật lên giữa vắng sáng cuối cùng của ngày ấy.

Anh đứng dậy đỡ bà cụ ngồi xuống ghế. Bàn tay nhăn nheo của bà bám chặt khuỷu tay anh. Cái già nua mòn mỏi đang hướng nhìn đau đáu chờ đợi. Bà cụ chùng như linh cảm được điều anh sắp nói. Giọng anh run lên vấp vấp trong một câu chuyện không đúng như nó từng xảy ra... Thế là chính ông chôn cất con tôi. Ông có còn nhớ được đỉnh đồi

ấy không? - Bà cụ ngồi nín lặng nghe hết câu chuyện anh bịa ra, xong bà mới nhe răng nói. Anh ngạc nhiên trước thái độ bình thản của bà cụ. Không chút vỗ vập tỏ lộ mừng rỡ hoặc đau đớn khóc than khi anh vừa mang đến một nguồn tin mà bà nấn tìm và chờ đợi nhiều năm tháng dài. Sự trầm tĩnh khác thường của bà cụ vượt quá trí tưởng tượng làm anh lúng túng, không chắc chắn lắm nhưng cũng có thể...

Bà cụ bỗng quay sang phía người con rể.

- Tối nay con thu xếp chỗ nghỉ cho khách và chuẩn bị ngày mai đi mang nó về...

Vừa lạ chỗ, vừa mãi suy nghĩ để lý giải tâm lý của bà cụ Linh nên anh cứ trần trở không ngủ được.

Đêm ở vùng quê vắng lẽ mênh mông đến rợn người. Tiếng thở dài thường thượt của bà cụ bên trong căn buồng chốc chốc lại vọng ra càng thêm rối trí anh. “Bà cụ không ngủ được, cũng trông trời mau sáng như mình” - anh lầm bầm trong tiếng gà dồn dập gáy sáng.

Mất hơn năm ngày đi đường và quanh quẩn giữa vùng đồi núi chập chùng, anh vẫn chưa xác định được vị trí, tuy trí nhớ anh rất tốt nhưng hai mươi năm là quãng thời gian quá dài đủ để biến những ngọn đồi tro trọi vết cháy, thành um tùm lau lách. Vừa ngán ngấm phải băng rừng vượt suối, vừa chẳng tin tưởng lắm vào những điều anh kể lại, nên đoàn người đi cùng anh cũng thấy nản lòng. Nhất là mấy anh chàng thanh niên do huyện đội địa phương này cử theo giúp đỡ, dẫn đường. Họ nản cũng phải vì nếu dựa vào câu chuyện...

Anh là một sĩ quan chế độ cũ giữa cơn hoảng loạn rút chạy. Gặp một xác chết của quân Giải phóng mà chịu khó dừng lại chôn cất và chỉ nhìn thoáng qua bức ảnh căn cước nhỏ xíu đã mù nử nước thuốc, của hai mươi năm về trước đến chử còn nhớ rõ thì thật khó tin nổi. Hơn nữa dầu có đúng như vậy, anh ta cũng chẳng tài nào xác định được địa điểm ấy giữa vô số ngọn đồi ở vùng này. Chỉ có người đàn ông con rể của bà

cụ - người mẹ đã nhấn tin tìm mộ con trên chương trình quân đội, là vẫn giữ niềm tin.

- Tôi nhớ mang máng mình cũng từng vượt qua ngọn đồi có tảng đá lớn nằm bấp bênh trên đỉnh như anh đã mô tả. Nó chỉ quanh quẩn đầu đây thôi, chắc chúng ta sẽ tìm được mộ Tuấn.

Anh không ngạc nhiên trước sự quả quyết của Hùng - tên người đàn ông. Qua mấy ngày tiếp xúc anh mới biết Hùng nguyên là cấp chỉ huy trực tiếp của Tuấn. Hùng cũng có mặt trong trận đánh hôm đó. Giọng Hùng trầm buồn:

- Sau khi chiếm được đỉnh Ba linh hai, chốt cuối cùng để mở đường xuống thành phố theo kế hoạch hành quân, Tuấn lại bị lên cơn sốt rét phải trở về trạm quân y ở tuyến sau. Đơn vị cử một người đi cùng, song Tuấn không chịu. Cậu ấy biết ai cũng nóng lòng được về tiếp thu thành phố. Hơn nữa toàn bộ các đơn vị lính Sài Gòn chốt đóng ở đây đều đã bị quét sạch, hay rút chạy, không ngờ Tuấn mất tích luôn từ buổi ấy... Tội nghiệp! Tuấn tốt nghiệp Sư phạm. Nghề cậu ấy yêu thích mà chẳng được một ngày làm thầy...

Anh cũng mới qua bốn năm đại học Sư phạm, cũng chưa có một ngày chính thức đứng trên bục giảng. Năm bảy tư, cuộc chiến đột nhiên trở nên khốc liệt. Anh bị động viên vào trường sĩ quan Thủ Đức. Học chưa đủ chín tháng đã cho ra trường để kịp bổ sung cho các đơn vị tác chiến đang thiếu hụt quân số trăm trọng. Được điều về một đơn vị bộ binh đang trú đóng ở đây. Vùng tương đối yên tĩnh, nên hơn một tháng làm lính chiến anh chưa hề nếm thử mùi lửa đạn.

Trận đánh xảy ra tới đột ngột như giọng nói hỗn hển, dứt quãng trong ống liên hợp truyền từ bộ chỉ huy hậu cứ đóng dưới thành phố vọng lên “các đơn vị hãy tùy nghi di tản”. Thế là mạnh ai nấy chạy giữa tiếng súng lớn, súng nhỏ bất chợt thi nhau nổ giòn.

Đỉnh 302 nơi anh trú đóng chẳng xa thành phố bao nhiêu. Nhưng vì

quá hoảng loạn anh chạy không định hướng, thay vì cùng đồng đội rút về phố, anh lại chạy sâu vô rừng vùng kiểm soát của Giải phóng quân. Đến lúc bớt hoảng sợ mới thấy mình đại. Không dám theo các lối mòn, anh phải cắt rừng, nhắm đỉnh 302 mà đi, chỉ cần bình yên về lại được ngọn núi cao nhất vùng đó. Anh sẽ nhớ đường. Mò mẫm một ngày đêm anh cũng tới đích... “Băng qua ngọn đồi này nữa thôi”. Anh sung sướng nhủ thầm khi gắng sức trèo lên... Đứng chỗ này rồi.

Anh hét lớn xuống chân đồi có toán người trong đoàn ngồi nghỉ.

Trước khi họ lên đến, anh và Hùng dùng dao rừng phát quang khoảng đất được đánh dấu bằng vô số viên đá mà hơn hai mươi năm trước anh bỏ công gom nhặt, chất chồng thành nấm mộ. Bên cạnh đó còn cả chiếc cuốc xếp quân đội, nó đã sét mục chiếc lưỡi thép để lại cái cán nhôm chơ vơ, giữa đám lau lách. Từng nhát... từng nhát cuốc xuống sâu.

Anh nói với đám người đang khai quật “khoảng chừng năm tấc đất”. Họ tìm thấy liệt sĩ Tuấn nhưng không ai dám khẳng định bộ hài cốt bọc kín trong tấm pon-so của quân đội Sài Gòn kia có đúng là một chiến sĩ Giải phóng đã hi sinh hay không. Dựa theo các hiện vật còn lại từ chiếc xẻng đến tấm áo đi mưa đều là quân dụng cá nhân của lính ngụy. Nếu người điểm chỉ là đồng đội trước kia của đồng chí Tuấn thì còn có thể chấp nhận được.

Chủ tịch ủy ban huyện, một người còn khá trẻ nói với cụ Linh cùng tất cả mọi người có mặt trong căn phòng tiếp khách của huyện. Lập luận của ông ta chuẩn xác hợp lý, có tính thuyết phục cao. Ngay cả Hùng, người luôn vững niềm tin trong những ngày dò dẫm kiểm tìm, người đã chứng nhận sự hy sinh và mất tích của một chiến sĩ thuộc cấp trên vùng này cũng bị tác động. Hùng chiếu ánh mắt ngờ vực về phía anh, chờ đợi một lời minh chứng. Bà cụ vì tuổi già phải ở lại nhà khách ủy ban suốt mấy ngày qua. Không có mặt lúc khai quật nên nửa tin nửa ngờ, song bà cụ khẳng khái đòi mang hài cốt tìm được về bên bà. Vẫn biết đồng



chí Tuấn hi sinh trên vùng này và cũng đã được nhà nước công nhận liệt sĩ. Chúng tôi rất cảm thông nỗi đau khổ và ý nghĩ của mẹ. Nhưng đây là vấn đề... Ông chủ tịch ngập ngừng chọn từ thích hợp; có lẽ ông ta hiểu không thể nói trắng rằng bộ hài cốt tìm được là một binh sĩ ngụy trước hi vọng mong manh của bà cụ. Tôi biết và rất cảm ơn thành ý của ông. Song với tôi, bây giờ dù có được một phần trăm tin tưởng đây là hài cốt của con vẫn hơn mất hết hy vọng. Tôi chờ nó quá lâu rồi! Mọi sự điềm tĩnh, cứng rắn của bà cụ oằn gầy theo sức chịu đựng cuối cùng. Bà bật khóc ngất, dòng nước mắt tuôn trào trên đôi mắt hút sâu, mờ đục làm anh quặn thắt, nhói buốt...

Không đủ sức nhìn nỗi khổ đau cùng cực của một người mẹ đang hoài nghi nhìn nhận hình hài đứa con từng cắt ruột sinh thành, anh đứng dậy bước đến bên bà cất giọng chậm rãi nói:

- Bà hãy bình tâm. Tôi có chứng cứ chắc chắn đây là hài cốt của Tuấn. Chính tôi đã giết chết anh ấy...

Đúng! Chính anh đã giết chết Tuấn. Vừa bò lên tới đỉnh anh gặp Tuấn đang nằm trên chiếc võng. Có lẽ sự xuất hiện của anh quá đột ngột nên Tuấn chỉ kịp “á!” một tiếng đẩy kinh ngạc. Đúng lúc ấy anh siết cò khẩu súng trên tay theo phản xạ tự vệ chả kịp nhìn chả kịp nghĩ gì... Tuấn nẩy bật người, thả bàn tay bất lực giữa lưng chừng khoảng không chưa vươn tới cây AK báng xếp gác trên chiếc ba lô để bên cạnh. Máu thấm nhanh qua bộ quân phục. Đôi mắt Tuấn mở lớn tuyệt vọng nhìn và đục dần. Ông chủ tịch lên tiếng phá vỡ bầu không khí bản thân đang đè nặng trong căn phòng bằng giọng nói khô lạnh:

- Ông cứ kể tiếp.

Anh rút dài hơi thuốc rồi dụi mẩu tàn vào cái gạt. Sau vài giây chết sững, anh chợt nhớ đến hoàn cảnh nguy hiểm của mình. Tiếng súng nổ sẽ kinh động những đồng đội người lính Giải phóng này, anh chụp lấy khẩu AK rồi nhanh chóng tìm chỗ ẩn trốn. Có hai khẩu súng bên

người, anh thấy bớt đi rất nhiều nỗi cô độc, sợ hãi. Thời gian hồi hộp chờ đợi bao giờ cũng chậm trôi. Anh đang cầu mong trời tối, ban đêm khó bị phát hiện và cũng dễ chống trả, lẩn trốn. Nặng nhật dần lòng anh lại càng thấp thỏm tự hỏi: “Hay người lính này cũng đi lạc đơn vị như anh”. Thắc mắc ấy cùng anh thao thức trắng đêm. Đến khi trời sáng hẳn anh mới dám khẳng định rằng chung quanh nơi này chẳng còn ai ngoài anh và xác chết trên đỉnh đồi. Bây giờ cơn đói cồn cào mới nhắc nhở, thúc giục anh nhớ đến chiếc ba lô. Trong ba lô của Tuấn ngoài vài bộ quần áo tôi còn tìm thấy một phong lương khô, xấp thư cùng tấm hình bán thân. Tôi vẫn giữ đầy đủ. Dù chẳng bao giờ nghĩ hay mong có ngày hôm nay.

Anh lục túi du lịch luôn đeo bên người, lấy ra những vật chứng đặt lên bàn. Những thứ mang theo với dự định trao lại cho gia đình Tuấn sau khi êm xuôi mọi việc: trao mà không phải tự tố cáo tội mình trước mọi người như bây giờ. Một lời tự thú sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống và con đường công danh của anh. Cho dù bây giờ những người đối diện không tin rằng anh trong tình cảnh hiểm nguy, bấn loạn đó vẫn chịu khó đào đắp, chôn cất một người lính khác màu cờ áo trận chỉ để cầu mong linh hồn người chết tha thứ, hay vì đồng cảm với một người có chung sở thích gõ đầu trẻ, điều anh phát hiện khi đọc những bức thư... Trong chiến tranh, trên trận địa những điều anh nói như chuyện huyền hoặc khó tin. Biết thế nhưng anh vẫn say sưa nói vì tất cả đều là sự thật. Nói vì nỗi ám ảnh, dày vò suốt 20 năm. Hình như có rất nhiều câu gạn hỏi chất vấn quện lẫn tiếng nấc nghẹn trong căn phòng dần sẫm đậm bóng tối phụ đệm trên từng khúc đoạn anh kể...

- Vàng tôi quàng Tuấn bằng tấm pon-so của tôi vì chiếc võng dù của anh đã rách lỗ chỗ vết đạn không bọc kín thi thể... Đúng! Chiếc xẻng cũng của tôi... cây AK của Tuấn... Sau đó nhờ phong lương khô tôi mới đủ sức băng đường về thành phố.

Anh trả lời chẳng cần tính toán lợi hại tới người phải chết để anh được sống.

Với niềm tin đang dần đông đầy ánh mắt cảm thông của Hùng - người có mặt trong trận đánh hôm ấy, đông đầy trong ánh mắt người mẹ đã khắc khoải chờ đợi sự trở về dù chỉ là nắm xương của một đứa con...

N.Q

N G U Y Ễ N   C Ắ M   H Ư Ớ N G

# Hoàng hôn không yên tĩnh

(SH số tháng 10 - 1996)

Thành phố buổi lên đèn thật ồn ã đông đúc. Mặt đường ken dày đủ loại phương tiện đi lại. Chị ngồi sau xe máy chóng mặt vì tay lái điệu nghệ của con gái. Sau một hồi căng thẳng, chị cũng tới được sân ga. Con gái dập chân chống xe máy rồi trút tiếng thở dài.

- Mẹ buồn cười thật, bố đã nói chú Thăng ngày mai đánh xe đưa mẹ về tận quê rồi.

Chị mỉm cười, đặt bàn tay lên vai con gái cứ ngỡ như đang đặt lên vai một cô gái xa lạ nào.

- Mẹ muốn đi tàu.

Đứa con gái nhún vai:

- Con thật không hiểu!

Chị lột thỏm trong cửa ga rộng thênh thang. Quay lại, con gái đã hút trong dòng người cuốn cuộn. Vẫn cái giọng nghệt mũi của phát thanh viên nhà ga:

“Chuyến tàu Thống Nhất S5 đã được lệnh chuyển bánh, để nghị quý khách khẩn trương lên tàu...”

Chị xoay người trên ghế. Tàu từ từ trôi trên đường ray. Bên ngoài, Hà Nội đang lùi lại. Dòng người cũng hối hả lùi (thực ra là họ đang tiến). Với chị họ đang trở thành dĩ vãng.

Người đàn ông ngồi ghế bên cạnh tỏ vẻ ngạc nhiên. Nhìn chị như nhìn một người nhà quê ra tỉnh.

- Xin lỗi, chị nên đóng cửa lại. Gió lạnh lắm. Mà chị cứ ngó đầu ra để cảm lạnh đấy.

Chị chấp nhận lời đề nghị. Bên ngoài đã là những cánh đồng mờ mịt chìm trong bóng tối. Trong toa, mọi sắp xếp đã ổn định. Tiếng chuyện trò rì rầm dưới ánh đèn đỏ quạch.

Người đàn ông thỉnh thoảng vẫn liếc sang chị, có lẽ muốn bắt chuyện nhưng ngại về thờ ơ của chị dành cho anh. Anh ta lấy thuốc ra hút phả khói nhẹ nhẹ nhưng gió từ cửa sổ phía bên kia tạt lại, làm chị phải khịt mũi quay đi. Người đàn ông được dịp làm quen.

- Ấy chết tôi xin lỗi. Anh ta vội vàng dụi ngay điều thuốc vào cái gạt tàn. Chị không ưa mùi thuốc lá, tôi thật vô ý quá. - Chị xuống ga nào?...

- Ô, thế là bạn đồng hành rồi, tôi cũng xuống ga đó, chị ra Hà Nội chơi hay ra công tác.

- Tôi thăm người nhà.

- Chắc chị ít ra Hà Nội lắm nhỉ. Hà Nội bây giờ khác xưa nhiều lắm.

Người đàn ông trạc tuổi chị. Phỏng biết gì hơn chị về Hà Nội?

Thấy chị nhếch mép cười, anh ta hào hứng toan rút thuốc nhưng kịp thời ấn trả vào chỗ cũ.

- Tôi công tác ngay Hà Nội.

Gồm, cái giọng thật mãn nguyện. Chị nhớ cách đây 15 năm, chị cũng trả lời y hệt như vậy.

- Mỗi năm về quê có một lần.
- Thế mà còn ít? Chị thì đã...
- Tôi chưa có cách gì để xin về cho gần nhà.
- Anh định về quê?
- Vâng, vì còn bà xã ở quê mà.

Chị quay nhìn người đàn ông với ánh mắt lộ vẻ ngạc nhiên khiến anh ta chột hiều.

- Tôi và nhà tôi lấy nhau trước khi tôi ra công tác ở ngoài này. Nhà tôi là giáo viên cấp I, tôi thì bên quân đội. Sau giải phóng mới đi học Đại học, ra trường lại về một cơ quan quân sự.

Người này mà lại là lính? Trông dáng cán bộ “thời cơ chế mới” thì đúng hơn. Đã có tiếng ngáy đều trong toa. Người đàn ông được dịp bắt chuyện, vui vẻ đến nỗi quên cả lại rút thuốc ra hút. Một nhân viên phục vụ đẩy chiếc xe hàng linh kính bánh kẹo thuốc lá nước ngọt đi qua, anh hỏi chị có uống gì không, chị lắc đầu. Anh rút một thanh kẹo cao su đưa chị.

- Nhai cái này một chút cho đỡ buồn ngủ.

Chị vui vẻ cầm, mặc dù biết rằng chẳng cần đến nó thì chị cũng không tài nào ngủ được.

- Bên quân đội chúng tôi không được thoải mái như các cơ quan khác. Thành thử chỉ thương bà xã ở nhà.

Anh rút thuốc, nhả khói bừa bãi, duỗi dài đôi chân. Chị nhăn mũi nhưng cảm thấy dễ chịu với những cử chỉ đó. Nom anh ta cũng dễ mến đấy chứ.

- Chắc chị có bạn là lính, hoặc người thân là lính, chị hiểu chúng tôi, chinh chiến bao nhiêu năm, bây giờ chỉ muốn làm một cái nghề sinh sống chứ chả muốn dính líu gì với súng ống đạn dược làm gì.

Anh cười vô tư như gặp được người bạn tri kỷ, chả để ý gì đến vẻ trâm tư của chị.

Bạn ư? Chị không có người bạn nào là lính cả. Hồi học phổ thông chị cũng từng đưa tiễn một vài bạn trai đi bộ đội nhưng họ ra đi như bóng mây xa xôi, chị không còn nhớ về họ nữa. Đoàn tàu vẫn lắc lư chở những giấc ngủ chập chờn. Thấy chị im lặng, người đàn ông cũng ngoe đầu gà gât. Sương chắc dày nên thành tàu buốt lạnh. Lúc này chị mới thấy cô đơn, một nỗi cô đơn tự do. Thực ra thì chị cũng đã cô đơn từ lâu rồi, nhưng tự do thì không. Lá đơn li hôn nằm lại trên bàn, chống chị đọc nhưng không ký. Khi thấy chị chuẩn bị ra đi, anh ta chỉ nói gọn lỏn: Tùy, thậm chí còn nói nếu chị cần ở riêng thì anh ta sẽ mua hẳn cho chị một căn hộ đang hoang. Nhưng còn con gái? Chẳng lẽ chị mất nó? Mà nó đã bao giờ thuộc về chị đâu nhỉ. Từ khi sinh ra, nó đã thuộc quyền sở hữu của cả gia đình nhà chồng. Con gái chị vẫn kiêu hãnh về dòng họ bên nội. Chị không có quyền trách nó và cũng không muốn nó phải từ bỏ ngôi nhà cao sang ấy. Nhưng chị thấy mình lẻ loi. Chồng chị, chàng sinh viên đẹp trai thuở nào bây giờ đã là một gã đàn ông béo múp, quyền thế và giả dối. Chị phát hiện ra người đàn bà kia khi họ có với nhau đến hai đứa con.

Đêm bủa vây con tàu, tiếng còi hú nghe rờn rợn như tiếng thú giữa rừng.

Chị không có bạn là lính? Chị không dính líu gì tới cuộc chiến tranh mà đáng lẽ ra lớp người như chị phải tham gia? Không, chị nhớ chị có một kỷ niệm với một người lính. Nhưng lẽ nào đó lại là lời bào chữa?

Hồi đó, cũng chuyến tàu đêm như hôm nay. Chỉ khác là chuyến tàu đêm chật chội ngột ngạt giữa tháng 7. Vào kỳ nghỉ hè, sân ga Hàng Cỏ đông đặc sinh viên. Kiếm được một chiếc vé vào ga không khó bằng kiếm được một chỗ len chân trên tàu. Cô sinh viên tỉnh lẻ cũng theo dòng người chạy ngược chạy xuôi rồi len nháo nhào lên một toa hàng. Chẳng biết trong toa có gì nhưng tối om và người thì đã chật ních, hơi hám, ngột ngạt. Nhưng với cô, bước được lên tàu là tốt rồi, mặc cho dòng

người tiếp tục xô đẩy, cuối cùng cô cũng tìm được một chỗ ở yên chân. Thế mà vẫn chưa yên, thỉnh thoảng vẫn bị những cú va đập trời giáng vào người. Chỉ khi đoàn tàu ì ạch lăn bánh cô mới thở phào nhẹ nhõm. Con tàu như con ngựa già chở quá tải phì phò hắt ra những làn hơi mệt nhọc. Dù sao thì khi chạy nó cũng lắc lư cho đám người ai vào chỗ nấy. Lúc này cô mới để ý thấy khoảng nửa toa có phần ổn định hơn. Dù trong toa tối om cô vẫn nhận ra đây là toa quân sự. Vậy ra, cô và dòng người lộn xộn đông đúc đã chen bữa lên toa dành riêng cho bộ đội. Bỗng có ánh đèn pin từ phía đó loang loáng rọi qua.

- Xinh lắm chúng mày ạ.
- Xi cũng thường thôi, không bằng người yêu tao.
- Chắc sinh viên, nom điệu ghê!
- Cô bạn ơi, cho biết tên đi nào, để chúng tôi còn viết thư.

Cô chẳng còn chỗ để giấu khuôn mặt nóng bừng nhể nhại. Không có gì để tự vệ những lời trêu chọc. Mà tự vệ để làm gì. Điều cô quan tâm lúc này là đôi chân bắt đầu tê dại. Một bàn tay ai đó vỗ vỗ vào bắp chân cô, kèm thêm tiếng gọi nhẹ nhàng.

- Cô bạn, bước sang chỗ này mà ngồi.

Như chết đuối vớ được cọc, cô bước đại theo hướng cánh tay, dầm bữa cả lên ai đó, một vài giọng ngái ngủ làu nhàu càu kỉnh. Bàn tay ai đó lại kéo giật cô xuống. Cô biết mình đã được ngồi lên một chiếc ba lô, tuy không êm ái nhưng cũng đủ giải phóng được đôi chân. Vẫn cái giọng dịu dàng ban nãy.

- Cô bạn làm ơn cho tôi ngồi một nửa, tôi còn phải đi xa lắm.
- Ấy chết, tôi xin lỗi.
- Không sao, ngồi xoay lưng lại là chúng ta đều có chỗ dựa.

Cô chấp nhận, lúc này thì còn hơi đâu mà xấu hổ, vả lại đêm tối lắm, chẳng ai biết mặt ai.



Hai tấm lưng áp vào nhau, đúng như lời anh ta nói, cô thấy thoải mái như được dựa. Mà có lẽ anh đã nao người cho cô dựa, khi cô cố ý nao người về phía trước ngỡ ý cho anh dựa thì cái khoảng trống giữa hai tấm lưng vẫn không được khỏa lấp. Cơn buồn ngủ đã níu kéo và cô lại dựa vào anh lúc nào không hay. Khi giật mình tỉnh giấc, cô đã thấy mặt mình úp vào khuôn ngực của chàng trai, ở đó có tiếng trái tim đang đập gấp gáp. Cô định vùng ra nhưng bàn tay đã dịu dàng xiết lại:

- Cô bạn, cứ ngủ đi đừng ngại.

Lại còn thế nữa, cô phải xử lý ra sao với chàng trai táo bạo này. Vẫn là bóng tối mù mịt và xung quanh mọi người đang ngủ say như chết. Khuôn mặt chàng trai chỉ như một cái bóng đen sẫm. Cô quàng tay lên và để yên cho anh bế lên đùi. “Có lẽ như vậy anh sẽ được ngồi thoải mái hơn”. Cô tự bào chữa cho sự xấu hổ của mình, tin rằng giấc ngủ sẽ làm cô quên hết. Song, tiếc thay, cơn buồn ngủ không đến nữa.

- Anh để tôi ngồi như thế này bất tiện quá, anh không buồn ngủ sao?

- Ngủ ư, tôi mà ngủ được lúc này?

- Các anh là tân binh phải không?

- Chẳng tân binh thì là cựu chiến binh? Chúng tôi còn chưa kịp học xong khóa huấn luyện ở Hà Bắc thì đã được lệnh phải lên đường ngay. Nghe đâu đang tổng động viên cho một chiến dịch lớn.

- Đúng rồi, trường tôi cũng đi đông lắm, có người vừa mới vào học mấy ngày đã nhập ngũ rồi.

- Bạn học ở trường nào?

- Trường Tổng hợp.

- Nghe tên đã thấy oai rồi, chắc là năm thứ nhất phải không?

- Anh đã thi vào đại học chưa?

- Tôi chưa kịp thì đã có lệnh nhập ngũ.

- Thế anh có định vào Đại học không?

- Có chứ, hết chiến tranh tôi sẽ tiếp tục thi vào Đại học. Đời sinh viên chắc vui lắm nhĩ.

- Vui lắm, nhưng...

- Nhưng sao?

- Vẫn còn chiến tranh, các bạn trai đã lần lượt ra đi hết.

Không biết chàng tân binh nghĩ gì mà cô thấy anh im lặng. Còn cô, cô bỗng thấy buồn, chuyến tàu này có bao nhiêu chàng trai nữa ra đi. Họ cũng đều 18 tuổi. Cô ngả đầu lên đôi vai mảnh khảnh của người lính trẻ, nhận thấy hơi thở của anh ấm áp bên vành tai, rồi một làn môi nóng bỏng lướt trên má cô.

- Em, em cho anh...

Cô không còn biết phải cự tuyệt thế nào và chấp nhận ra sao. Cô áp vào môi anh, cái hôn đầu tiên trong đời. Sau này mỗi khi nhớ lại cô vẫn cảm thấy bàng hoàng. Có điều lạ là cho đến sau này khi cô hôn người mà cô yêu sao vẫn không gặp được cảm giác của cái hôn ban đầu ấy. Cái hôn giữa chạt chội ngọt ngào trong toa tàu tối om lại mang một niềm say mê dâng hiến đến vậy.

- Quê anh ở đâu?

Cô chỉ kịp hỏi anh như thế khi tàu đã vào ga.

- Bình Lục, Nam Hà.

Họ vội vã ôm chặt nhau giữa đám người đông đúc đang xô đẩy xuống tàu.

- Có đợi anh không?

- Có, học xong Đại học em sẽ trở về quê công tác. Hết chiến tranh anh trở về cứ đến ga này tìm em. Em sẽ đợi anh vào mỗi buổi chiều.

- Thật nhé, anh sẽ đến, sẽ về tìm em.

Câu tạm biệt cuối cùng của anh chìm lấp trong tiếng ồn ào của sân ga. Cô quay lại cố nhìn cho rõ gương mặt anh trong ánh đèn yếu ớt, nhưng

chỉ thấy một cánh tay giơ lên vẫy vẫy. Gương mặt anh nhòa lẫn bao gương mặt ló ra ở cửa toa.

Cô đã không chờ, cũng không về quê công tác như đã hẹn. Cô yêu và lấy được người mình yêu, được làm việc ở một nơi mà khối người mơ không được. Cô hài lòng với những gì cô đạt được. Cô không có lỗi gì cả.

Ngay bây giờ khi nhớ tới kỷ niệm đó, cô vẫn thấy mình có lý “Không ai tin một lời hứa vu vơ với một người không quen biết”.

- Ô, sắp đến ga rồi, chuẩn bị xuống thôi chị.

Người đàn ông vươn vai, tưởng chị ngủ quên nên vỗ vỗ lên tay chị.

- Anh ngủ say thế mà tỉnh giấc thật đúng lúc.

- Ô, tôi đi tàu nhiều nên thành phản xạ rồi.

Đoàn tàu từ từ đỗ lại trên sân ga. Nhà ga khang trang hơn trước nhiều nhưng người thì vắng hơn, không còn cảnh chen chúc hỗn loạn như thời nào. Hành khách đã nhanh chóng xuống tàu. Nghe nói tàu đỗ rất ít phút. Ông bạn đồng hành của chị cũng nhanh tay xách luôn cho chị chiếc túi du lịch trong khi chị còn mãi cài dây giày. Chiếc túi của chị khá nặng, thế mà anh ta vẫn cứ đi băng băng. Một thoáng hồ nghi, thời buổi này biết ai ngay hay giả mà tin, chị vội vàng đuổi theo nhưng vẫn không kịp với bước chân khỏe khoắn của ông bạn đồng hành. Thiếu một chút nữa là chị hô hoán khi thấy anh ta đã tới cửa ga. May sao, anh dừng lại, đặt túi xuống chờ chị, bắt gặp nét mặt hốt hoảng của chị, anh hiểu ý cười xòa.

- Tôi làm chị lo phải không? Nào bây giờ tôi nhường chị xách dùm qua cửa soát vé để chị yên tâm.

Chị cười bẽn lẽn, không biết nên xin lỗi hay cảm ơn. Bên ngoài cửa ga, đám xe ôm và đám xích lô đã vây kín nhao nhao chào mời. Chị ngỡ ngàng lúng túng trước cảnh tượng lạ lẫm như thế này.

Người bạn đồng hành đỡ chiếc túi trên tay chị rồi kéo chị ra khỏi đám “phu xe”.

- Trời còn tối lắm, chị về bây giờ không tiện. Ta ra quán nước một lát rồi chờ sáng. Tôi cũng chưa cần phải về ngay đâu.

Lúc này, chị cũng chẳng còn ai ngoài anh để mà tin. Đỡ chén trà nóng trên tay anh, chị thấy ân hận cho những ý nghĩ xấu về người bạn đường.

- Chị về còn xa không?

- Gần thôi, ngay trong thành phố.

- Ô, thế thì yên tâm rồi, tôi còn phải đi hơn chục cây số nữa mới tới nhà cơ.

- Vậy ra mỗi lần về anh cũng vất vả nhỉ?

- Ăn thua gì, duyên số mà chị. Tôi có phải người tỉnh này đâu.

- Chắc anh phải nặng nghĩa nặng tình với mảnh đất này lắm.

- Vâng, kể cũng buồn cười, thật ra tôi nặng nghĩa nặng tình là bởi cái ga này kia. Sau chiến tranh, tôi đã chờ đợi ở sân ga này không biết bao nhiêu ngày. Cuối cùng tôi đã gặp được nhà tôi - người mà tôi không chờ đợi. Cũng may trời đã cho tôi gặp được người vợ tuyệt vời. Ô, chị sao thế, lạnh phải không, uống chén nước nữa cho ấm bụng, sang tháng tư rồi mà trời còn buốt thế.

Một chiếc xe ôm đỗ trước quán, anh xua tay nhưng chị chạy theo.

- Anh cho tôi đi.

- Ở kia chị, để tôi gọi xích lô cho. Sao chị vội vàng thế?

Chị nhảy lên xe ôm giục người lái xe, quên cả nói một lời chia tay với người bạn đường.

“Có thể không phải là anh? Trên sân ga này đã từng có biết bao nhiêu lời hò hẹn, những lời hò hẹn không được thực hiện vì chiến tranh, và vì...”

Lại bào chữa rồi, bao giờ chị cũng tìm được lí do để bào chữa cho mình. Trời rạng dần, lâu lắm chị mới được trông thấy một buổi bình minh thực sự như thế này.

N.C.H

T R Ầ N   T H A N H   H À

# Sông ơ

(SH số tháng 11 năm 1996)

## 1.

Khởi thủy dòng họ tôi là một chuyện tình yêu. Ông tôi kể, họ Trần tôi gốc gác tận ngoài Bắc, ở một làng có tên là Hải Thượng. Nghe nói Hải Thượng có long mạch chạy qua, địa linh nhân kiệt, nhiều người đỗ đạt làm quan, danh tiếng một vùng. Ông tổ tôi học rộng biết nhiều, tính tình phóng túng, ngoài bảy mươi, đã con đàn cháu đống, vẫn đem lòng si mê một thôn nữ làng, quyết cưới bằng được về làm thiếp. Chẳng dè cô này với anh con út - tức ông tổ họ Trần làng Hạ tôi - tên là Trần Văn Nhượng, vốn có tình ý với nhau từ trước. Không dám can gián cha, ông Nhượng chỉ biết than trời. Bà thiếp biết ý bèn rủ ông Nhượng, bàn mưu tính kế trốn đi. Mưu trước bại lộ, ông Nhượng bị nọc đánh trăm roi. Bà thiếp bị nhốt trong buồng kín, đêm đó cắn lưỡi tự vẫn. Ông Nhượng hay tin, đau đớn định chết theo, may có người khuyên nhủ, rồi chỉ đường cho vào Nam. Thuở ấy chúa Nguyễn bỏ đất Bắc, trên đường Nam tiến, du nạp hết thấy những kẻ phản nghịch trong thiên hạ. Trong đám tôi tớ ấy, có mặt ông Nhượng. Chúa Nguyễn khi vào Nam chọn nơi đóng đô đầu

tiên ở vùng bán sơn địa đất Minh Linh, bắt nguồn Bến Hai (chỗ ấy ngày nay vẫn còn, gọi là Hồ Diện). Nghĩ đến an dân làm gốc, Chúa sức quân lính dụ dân lập làng, rải khắp vùng Ô Hóa. Ông Nhượng bấy giờ xuôi dọc sông Bến Hai gặp đoạn sông uốn cong thơ mộng bèn dừng chân, chiêu dân lập đất. Thương nhớ quê cha đất tổ, nghĩ làng mới cũng hình bóng làng cũ, ông đặt tên làng là Hải Hạ, về sau dân quen gọi tắt thành làng Hạ; sau còn đoạn sông trước mặt làng, bởi xinh đẹp hiền hòa nên có tên là sông Hiền.

Ông tôi bảo, họ Trần từ thuở khai thiên lập địa ấy đến nay đã tám đời. Tám đời, dân làng chuyên chú một nghề cày cấy, sông nước đầy nhưng tuyệt không ai chài lưới. Ông bảo thêm: “Sông nước như hồn của làng, phải biết giữ cho trong, cho sạch. Người họ Trần sinh ra, biết soi xuống sông, ắt thành người”. Tôi nói “Dưới sông nhiều cá”. Ông bảo: “Đến phải vấy đục sông để kiếm cái ăn thì tận diệt”. Cha tôi ngồi trong cuộc chuyện hôm ấy góp lời: “Làm gì cũng được, miễn đừng đói, đừng nghèo, đừng dốt. Hai bàn tay trắng mà bươn chải với đời, nhọc lắm”. Tôi ngơ ngẩn nhìn đồng đất trắng dưới nắng hạn, cầu mong cả những dây muống hoang cũng đừng chết để chiều không phải cấp rổ không về nghe bà thờ dài. Bao nhiêu đời kiếp cầm cùi làm ăn gắng giữ hồn làng trong sạch, sao làng không khỏi đói. Bà kể, ngày bà về làm dâu ở làng, nhà giàu nhất làng, gia sản nghe nói cũng chỉ mấy cái ghế đá chạm hình nghè hình rồng là đáng giá. Thời hợp tác hóa, mấy cái ghế này được sung công để trong nhà ủy ban, chuyên dành cho khách quý ngồi. Học lớp bảy, lần đầu tiên khai lý lịch để kết nạp Đoàn, tôi hỏi cha: “Thành phần gia đình con ghi thế nào” Cha bảo: “Cán bộ công nhân viên chức”. Tôi thắc mắc “Thế con khác cha à? Cha là bản nông?” Cha ừ rồi bảo: “Đừng hỏi. Không nên biết làm gì!”.

“Thế bà thành phần gì?” tôi hỏi. Bà cốc đầu tôi chửi: “Cha mày, tao dân ngu khu đen”. Mỗi lần về thăm bà, bà lại gói cho chị em tôi ít khoai

ngô hay đậu quả. Nhà tôi ăn gạo số, không đủ, bà cũng phải cho thêm gạo. Bà bảo: “Bần nông nuôi công nhân, thế đấy con ạ! Mai mốt có là ông nọ bà kia thì cũng nhớ mày từ bần mà nứt ra”.

Bấy giờ còn trong ký ức là những ngày hội làng. Hai năm một lần, tổ chức vào dịp đầu xuân, ở bến Ông Cả, bến nước lớn nằm ở đầu làng, sát cạnh cái cống thoát nước của thủy nông. Một năm đầu tắt mặt tối, lúa gạo, hơi sức đem dành hết cho một dịp hội, mà cười, mà reo, mà nổ pháo. Trước ngày hội, trai đình trong làng họp nhau, phái nào theo phái ấy lên Gò dầy mả, sửa sang thế giới của người chết. Xưa nay người làng chết đều được đem ra gò; chôn quanh một ngôi mả to tục truyền là Mả Tổ, mâm cúng được đặt trên mả tổ, gồm xôi, gạo, muối và thủ lợn, năm nào được mùa thì thêm xôi, thêm thịt để cúng xong chia lộc cho con cháu. Lộc là năm xôi miếng thịt gói trong lá chuối bà tôi mang về chia cho chị em tôi, không đủ ăn thềm. Ngày đó, ông tôi mở nắp chiếc thùng gỗ lấy ra một bộ áo chùng đen, xuyt xoa ngấm vuốt rồi mặc để ra Gò lễ cúng. Chưa bao giờ hương khói nhiều và thơm đến thế, hương bay tỏa khắp ruộng, khắp đồng khắp mặt sông, nhiều ngày sau tưởng còn lẫn quất trong áo, trong tóc. Rồi dựng cổng chào, rồi quét tước đường ngõ. Trẻ con chúng tôi chạy quăng quít từ nhà này sang nhà khác, từ làng ra Gò, lại từ Gò vào làng, thích làm thích ăn gì cũng được, chẳng bị mắng. Ngày chính hội có đua thuyền, theo từng đội sản xuất, mỗi đội một thuyền, thuyền xông trầm hương nung nức. Dân làng tụ tập cả dọc bên bờ sông, đánh chiêng gõ mõ, hò reo náo động. Thuyền về nhất được thưởng một dải vải đỏ cắt chéo ở giữa có thêu chữ “Giải nhất”, kèm theo một tút thuốc Đà Lạt hay Mai gì đó, chủ yếu cho thanh niên hút xả hơi. Những cô gái làng từng ngồi thêu cờ giải cầu mong cho người thương mình về nhất. Người ta cổ vũ cho đội mình, cho xóm mình. Bọn học trò vỗ tay mừng cho thằng bé tát nước trong thuyền nhất, và suốt năm đó, nó được trọng nề giống y một vị anh hùng vậy.

Năm tôi học xong đại học, không xin nổi việc làm, thỉnh thoảng tôi về làng nằm trên cái chòi cá của anh Dương ngắm sao trời. Anh Dương con bác Nhẫn, đi bộ đội, đánh giặc tận bên Campuchia, nhờ lập nhiều thành tích mà được thăng sĩ quan. Ra quân anh về làng sắm lưới sắm thuyền, giăng khắp một khúc sông, thành người đầu tiên ở làng sống nhờ sông nước. Tôi hỏi: “Sao anh không ở bộ đội mà về?” Anh bảo: “Thời chiến chẳng cần trình độ cũng thành anh hùng, thời bình văn hóa thấp, ở được cái khi”. Tôi kêu nhớ những hội làng xưa, tỏ ý tiếc lâu lắm không được xem hội, anh nhếch mép: “Con khi! Lo làm ăn, chả ai dư công. Thời này nghèo, nhục thế!”. Tôi giật mình, sao anh nói giống cha tôi, thuở cha còn sống. Năm sau gặp lại anh Dương, thấy anh về về chiếc Dream II mới cứng, tôi khen: “Anh khá thật, chài lưới cũng đủ sắm xe!”. Anh cười: “Chài con khi, tao với bọn thanh niên cắt đường biên qua Lào làm thợ xây thợ nề, kiếm được ít bạc, luôn tiện vác chiếc xe về chạy chơi. Vượt biên cũng hời bỏ mẹ!”. Rồi anh chỉ chiếc xe. “Có năm triệu, bèo lắm! Lậu trăm phần trăm”. Tôi hỏi: “Anh đi xe lậu, không sợ à?”. Anh nói: “Phép vua thua lệ làng. Đây có luật riêng”. “Cựu chiến binh nói hay nhỉ!” - tôi đùa. Anh phẩy tay: “Trước đây lính tráng tao thuộc về nhân dân, bây giờ dân đen, tao thuộc về tao”. Tôi nghĩ, thế hẳn anh đã bớt đi cảm giác nhục vì nghèo, nhưng hình như không phải, vì sau đạn ấy không trở lại nghề chài lưới nữa, anh đi đào bom tháo lấy kíp, thuốc bom: “Hàng thời thượng, cao giá, dễ ăn hơn cả thuốc phiện” - anh bảo. Anh xây bằng được cho bác tôi cái nhà, định bụng sắm thêm cái máy tuốt, nhưng chưa kịp làm thì anh bị nạn, mất mù, tay trái cụt. Từ đấy anh ngồi nhà, hai bác lại phải nuôi. Không biết giờ đây anh khát vọng gì...

Hồi cha mẹ tôi dọn nhà ra phố huyện, để tôi ở lại với ông bà, tôi hay nằm cuộn trong chăn nghe ông kể tích làng. Ấy là những ngày mưa lụt nước trắng băng cả đồng không làm gì được. Trong câu chuyện của ông, làng hiện lên với bao đình chùa miếu mạo, với cảnh sông bến tuyệt đẹp. Kể xong ông ngồi bần thần: “Bom đạn thằng Mỹ phá nát hết rồi” -



ông nói, như là để thanh minh cho cái sự thực ở làng bây giờ không có hình bóng đình miếu, nhà thờ. Tôi hỏi: “Không có đình miếu thì sao, hở ông?”. Ông trả lời: “Thì linh hồn làng không biết trú vào đâu, nhất là của người chết”. Tôi nhớ vì lẽ đó mà họp họ, ông đề nghị họ Trần dựng cái nhà thờ họ, lấy chỗ thờ cúng, họ nhất trí, nhưng bàn để chờ có tiền làm tường gạch ngói liệp luôn. Bàn thế mà lúc ông tôi mất rồi, cho đến bây giờ, vẫn chưa thấy họ dựng nhà thờ họ. Biết đâu trong cơn hấp hối, ông vật vã mãi không nhắm mắt được cũng bởi điều đó?...

Ông tôi là người thuộc nhiều tích, tục. Thời trẻ ông đi bộ đội Nam tiến đánh Tây, hòa bình về làng làm xã viên hợp tác xã, về già chuyên mỗi việc cúng tế. Ông bảo cúng tế là việc trọng, không được coi thường. Năm nào xuống vụ ông cũng bảo cấy hẳn một sào lúa nếp để dành cúng quảy. Có năm, nhà hết cái ăn, bà và tôi đi đào khoai mọt sót ở ngoài đồng, ông vẫn không cho ăn chỗ lúa nếp trong sạp. “Hương hồn làng nước là ở cái gốc, mất nó là mất tất” - ông dạy thế. Cũng theo lời ông thì người làng chết xuống, hồn lẩn quất nơi trần gian dôi theo người sống, bắt tội những ai không theo tục làng, lệ nước. “Bắt chết hở ông?” - tôi hỏi. Ông trả lời: “Mà chết bất đắc kỳ tử”.

Sau này người ta bảo cha tôi chết bất đắc kỳ tử. Không biết có phải là do người âm bắt không?

## 2.

Cha tôi mất khi mới ngoài bốn mươi. Chiều đó xới đất cho gốc ổi xong, kêu mệt, cha đi nằm rồi ngủ luôn, không dậy nữa. Tôi từ trường về, nhà đã đông người lắm. Mẹ bảo tôi vào nhìn mặt cha lần cuối. Tôi lật tấm khăn che, thấy gương mặt cha thanh thản, như vẫn nở một nụ cười. Tôi khóc, ước cho lòng cha thật được thanh thản như thế.

Bà sinh cha đúng năm đói bốn bốn. Hai năm sau sinh tiếp chú tôi. Bà kể, chú chưa đầy tuổi, bà bị bắt vào đồn Tây vì tội có chồng đi bộ đội, đang ngoài đồng không kịp gửi con. Ở nhà đói cha lê ra bên, cứ thế bốc đất sét ăn, rồi ngủ quên ngoài bờ tre. Hai hôm sau bà hốt hải chạy về, gặp cha vẫn ăn đất thế. Chú thì được bà hàng xóm bế đi xin sữa, nhưng vắng hơi mẹ, cứ khóc lạc cả tiếng, hôm sau nữa lên cơn sốt, được ba ngày thì mất. Bà bảo không biết cha tôi thì phải mệnh đất không mà hễ đói thì ăn đất bù cơm, lớn rồi hễ mụn nhọt hay đứt tay đứt chân cũng bôi đất đắp vào, cũng lành, chả cần thuốc thang. Rồi bà thung thình: “Đất thiêng lắm, nhất là đất mỡ đất tổ như làng ta”. Tôi nghĩ thầm, hèn gì cái nhà tôi ở phen là phen đất cái bếp bằng đất, cái nổi bằng đất, cái cốc ngoáy trâu của bà cũng bằng đất. Một buổi ngồi trong góc lớp võ lòng, tôi cạy đất ở trường lớp cho vào miệng, ông giáo Khóa nhìn thấy, ông phạt tôi đứng úp mặt sau lớp hết buổi hôm đó, tối về tôi còn bị mẹ phết ba roi vào mông. Tôi khóc vì đau thì ít mà vì tủi thân thì nhiều.

Cho đến bây giờ, cha tôi là người học cao nhất làng. Từ cha trở về trước, đời thứ ba thứ tư gì đó, chỉ có mỗi ông Trần Văn Tài là học đến tú tài, thi đỗ về làng, làng vống lọng đón tiếp ghê lắm. Lớp trước cha, duy có ông giáo Khóa được học chữ quốc ngữ, xong được thành chung, về sau dạy bình dân học vụ, sau nữa dạy trẻ con học võ lòng. Ông giáo Khóa lấy bà cô họ tôi nên tôi gọi ông bằng dưỡng, đi học ông gọi tôi đọc bài, tôi đứng dậy vòng tay cúi đầu, nói: “Dạ thưa dưỡng!” Cha cũng học chữ với ông Khóa, rồi lên cấp hai, cấp ba, rồi vào đại học. Nghe nói cha phải hai ba lần thi mới được gọi đi học, lần đầu cha thi Tổng hợp Văn nhưng vì thanh niên giới tuyến thành ra xã cất cái giấy gọi để cha ở nhà phục vụ chiến đấu; năm sau cha thi Kinh tế quốc dân, đỗ nốt, may nhờ có người bà con làm trong ủy ban rỉ tai bà tôi mới biết. Bà chạy lên ủy ban đòi xem cái giấy cho bằng được, xem được rồi bà đòi ủy ban xã ký giấy cho cha đi. Bà viện lý nay mai thắng giặc không có người học kinh tế thì làm sao

để kiến thiết đất nước. Vậy là xã cho cha tôi đi. Người xã xì xầm rằng bà thiếu tinh thần yêu nước, bà đứng ngay giữa sân nói: “Bà mà đẻ được thì bà cho con bà đi bộ đội ngay”.

Năm đó Mỹ leo thang chiến tranh, đánh nổng ra miền Bắc, cha lần hồi ra được thủ đô, trẻ mất một tháng học. Mãi tới năm ngoài đây tôi mới đến trường Đại học kinh tế, nơi ngày xưa cha tôi học. Tôi ngồi trong một quán nhỏ trông ra đường Giải Phóng, uống nước sấu và ngắm người qua đường. Tôi nghĩ Hà Nội từ ngàn xưa người ta đã thích nước sấu như thế này rồi, và trên những con đường tôi đi, người ta cũng từng đi nhiều rồi.

Cha ra trường đi làm ở ủy ban huyện mới quen và lấy mẹ tôi. Mẹ người cùng xã nhưng khác làng, thời trẻ nghe nói cũng nhan sắc, có thể mới lấy cha tôi. Theo như mọi người nói thì cha là người sớm thành đạt, vì đến khi mất cha đã làm đến giám đốc công ty rồi. Ngày nhỏ sống ở ngoài làng, tôi đã thấy cha tôi oai hơn những người khác. Tuần cha tôi về một lần, đi chiếc xe đạp Thống Nhất có biển số, đài ra-đi-ô khoác bên vai, về đầu làng chưa thấy người đã bắt tiếng. Buổi tối cả xóm tụ tập tại nhà tôi nghe thời sự, cái gì thắc mắc thì hỏi cha tôi. Ngày chủ nhật cha loay hoay giúp mẹ ít việc, nặn cho tôi con tu huyết đất, sáng thứ hai khoác đài lên vai, lại đi. Tôi học lớp ba, mẹ về làng mang tôi ra phố, không để ở với ông bà nữa. Mẹ hay mắng tôi đần, vì mẹ cắt đặt việc nhà tôi hay quên, không làm, suốt mấy năm trời mỗi bảng cửu chương tôi cũng không thuộc. Chỉ mỗi trò theo đuôi bọn trẻ xóm dưới ra đồng là tôi thích. Cha thỉnh thoảng nhìn hút gương mặt tôi, thở dài. Tôi sẫm soi gương mặt mình trong gương, thấy buồn vì cha có lý, tôi không giống cha, không giống mẹ, vậy tôi giống ai? Sau này tôi mới biết một cách thấu đáo, tôi chỉ là tôi, bản thể là sự cô đơn, mọi gắng gỏi làm đổi thay đều vô ích và nực cười.

Tôi càng lớn càng thấy cha mẹ xa cách. Tôi viên trong thế giới của sách vở và những giấc mơ. Tôi lục tìm trong sự nhần nại của mẹ và sự

im lặng của cha căn gốc cái sự không - giống - ai đã thành một ám ảnh. Trong góc buồng đầy mạng nhện cha tôi kê một chiếc rương nhỏ cũ kỹ khóa cứng và không bao giờ mở được. Điều đó kích thích trí tò mò của tôi. Giờ thực hành hóa học, nhân lúc thầy giáo mãi làm thí nghiệm và bọn bạn đang chăm chú xem, tôi đã đánh cắp một ít a xít để mang về đổ vào lỗ khóa. A xít dính vào ngón tay cái tôi thành một vết bỏng sâu làm tôi đau đớn suốt một tháng sau, và dấu ấn vết sẹo cháy thì còn mãi đến hết đời. Tôi chờ từng khắc nhà vắng để đọc mớ giấy của cha. Trong cuốn nhật ký, như chứng tích của những tình yêu không thành và những mưu tính đường đời, những mưu tính bạo liệt từ thuở thành niên của cha. Thứ hấp dẫn tôi nhất là một tập thư dày viết bằng giấy pơ-luya màu hồng, nét chữ mực tím nghiêng nghiêng, nhiều bức đã ố màu. Đây là một thứ tình cảm da diết, nồng nhiệt, đam mê và đau đớn. Chữ ký không biểu lộ một cái tên, nhưng tôi biết đấy không phải là mẹ, mẹ chỉ có khả năng nhẫn nại và cam chịu. Tôi bắt đầu hiểu lơ mờ về cái gọi là tình yêu, cũng bắt đầu hoài thai một giấc mơ mới...

Cha đánh tôi đến lúc những vết roi hằn bầm trên da. Tôi không khóc, chỉ ngạc nhiên. Cũng như sau này tôi thỉnh thoảng lại giật thột ngạc nhiên trước cái nhìn trong tấm ảnh cha chụp thời trẻ đặt trên bàn thờ.

Vào thời trẻ, người ta tự tin biết bao, chỉ khi thất bát mỗi tình đầu, và cùng với nó là nhiều nhiều những thất bát khác, người ta mới biết cam lòng.

Lần yêu đầu tiên tôi cũng nhiều kỳ vọng, nhiều ảo tưởng, khi đổ vỡ tôi tưởng mình có thể chết đi, nhưng mọi sự vẫn tiếp diễn dưới một con mắt nhìn có chuyển đổi về chất, ngày mỗi thấy những chuyện đại loại như thế ít ý nghĩa hơn. Tôi vẫn tự cho rằng mình thuộc lớp đại chúng vô thần. Vô thần hay không niềm tin, hai khái niệm này không chắc liên quan gì nhau, có điều tôi đã tin rằng chính ra cả cuộc đời tôi, tôi luôn dẫn bước trong vòng cương tỏa của cái nhìn cha thuở tôi bé bỏng. Cõi

nhân gian rộng lớn, lòng người thăm thẳm. Tôi rùng mình nhận ra cái kết cục hư vô của mọi khát vọng dẫn thân là có thực.

Sáng đó tôi ngồi cùng cha trên thềm đất trước biển. Ngoài khơi xa lác đác vài cánh buồm mỏng manh. Ấy là lần đầu tiên tôi biết biển. Cha mang tôi theo trong kỳ an dưỡng sau khi đã thôi làm giám đốc công ty vật tư. Cha ngồi trầm ngâm, buồn bã. “Phận người mỏng lắm!” - cha bảo. Tôi nhìn mãi mặt biển, nghe lòng mang mang. “Vậy cái gì an ủi con người” - tôi hỏi. “Ảo vọng” cha trả lời, rồi nói thêm: “khi không biết ảo vọng nữa, cuộc đời thật đáng buồn”. Tôi muốn khóc quá, sao biển rộng rãi, sao biển xanh đến thế mà không thể an ủi được tôi?

Trong mạn mòi và hoang vu tình yêu đầu, tôi cũng nghe âm vang tiếng sóng trần tục, da diết, y buổi sáng hôm ấy, trước biển...

Cha ơi! Tôi gọi. Cha không giữ gìn được tôi, không bảo ban được tôi khi tôi đặt chân vào cõi miền ảo vọng...

### 3.

Cha tôi mất rồi, bà hay ra ngồi ở bến sông, nhìn đắm đắm ra mặt sông. Mặt sông trống rỗng, chỉ lấp lóa ánh mặt trời được phản chiếu. Mẹ nài nỉ bà lên ở với mẹ con tôi, bà thở dài: “Chết quay đầu về mả tổ. Đừng nài”, thế là bà vẫn ở ngôi nhà cũ sát bến sông, thỉnh thoảng chị em tôi về ở với bà ít hôm, lại đi. Sang năm sau bà mất. Mộ bà đặt chếch về hướng tây, trên gò Mả Tổ. Tôi nhớ ngày xưa bà cũng hay ngồi trên bến sông, và hát. Bà hát thế này:

Chèo đò bẻ bắp trên sông

Bắp chưa có trái bẻ bông chèo về...

Nghe bà hát, tôi cũng hướng mắt sang bờ bên kia. Bên kia sông, lờ mờ một bờ cây lá xanh thăm rậm rịt. “Bên kia sông có gì?” - tôi hỏi. Bà bảo:

“Chẳng có gì!”, xong trở gót vào nhà. Tôi không tin lời bà. Tôi hình dung bên đó là một miền khác hẳn làng tôi, rực rỡ hoa lá, một miền vạn bờ hoa non tơ ngào ngạt hương, và ong và bướm và lời ca, réo rắt, rộn ràng. Đêm đêm tôi ngộp thở, thấy mình bơi sang bờ bên kia, trần truồng, không xống áo, lạc trong biển hương thơm sắc màu, da thịt, tóc tai đắm quện phấn hoa. Cứ thế tôi đi, đi mãi, đi mãi, xa làng xóm, xa những mùa hạn hán lụt bão, xa những tiếng reo hò về trưa trên bến sông...

“Giá mà mình biết bơi” - một trăm một ngàn lần tôi ước ao thế. Bao nhiêu ban trưa tôi theo đám trẻ ra sông tắm, nhìn chúng nó quẫy lộn hụp lặn như chạch mà phát thèm. Tôi không hiểu tại sao mình cũng sinh ra trên sông nước như chúng nhưng tôi lại không biết bơi. “Bơi như tao đây này” - thằng Phúc bảo, tôi hụp nhanh xuống nước. Tôi nằm xuống, chống hai tay xuống bùn, cả hai đầu gối cũng chạm bùn. Cứ thế tôi bò quẫy trong nước, làm bùn nện quặn lên, đục ngầu. “Ê, ê...” - những đứa trẻ khác gọi. Tôi nín thở: “Bơi này!. Bơi này!” - tôi nghĩ, và tiếp tục bò đến lúc nước ngập cổ, ngập đầu. Hụp! Bờ đất hẫng. Nước sặc vào mồm, vào mũi. Tôi chơi vơi, rồi rơi ngay vào một hố thẳm đen ngòm, không định hướng, không chạm đáy, cứ hun hút, hun hút. “Ê! Ê!” - long bong những tiếng gọi nhằng nhịt, như ma lực, như ám ảnh.

Bà khóc lóc chạy theo ông Phiếm. Ông Phiếm vác tôi trên lưng, vác ngược, chạy quanh làng.

Tôi không chết đận ấy, nhưng từ đó bà cấm ngặt, không cho tôi bước xuống bến sông nữa. Tôi khóc thầm trong những giấc mơ đêm. Ôi bờ cây xanh thắm của tôi...

Làng tôi bên lở. Mỗi năm mùa lụt xong, đất cứ sụt từng tảng lớn, có lúc sụt luôn cả tre pheo. Con đường chạy men sông, nhiều đoạn nước xói vào, há vòm đất giống y hàm con sư tử. Tám đời dựng làng, không biết sông đã ăn vào mặt làng bao nhiêu... Tất cả nhà cửa trong làng thành nếp xưa nay đều quay ngổ ra sông hứng gió nổi. Thường nhà nào cũng

có bến, bến nhỏ, khuất nẻo dưới tán tre. Bến mang luôn tên người chủ nhà như bến nhà tôi gọi là bến ông Vực, vì ông tôi tên Vực. Hai chục năm bây giờ tôi trở lại, sông nước làng mạc đã đổi thay, vậy mà bến vẫn cứ lưu giữ cái tên của người khuất núi, tưởng chừng như một sự kỳ thác.

Sông ơi, nơi đó tôi bắt đầu ảo mộng đầu tiên...

Tôi nhớ ngày học vỡ lòng, tôi ngồi cạnh một đứa tên là Phúc. Nó là một đứa con trai rất đen có cái bụng tròn và to. Nó hơn tôi một tuổi, con ông Đạo ở sát cạnh nhà tôi. Ông giáo Khóa xếp tôi ngồi cạnh hẳn cũng chỉ vì thế. Từ nhà sang trường cách một khúc đường, có băng qua con giao thông hào đào từ hồi chiến tranh. Chỉ thế bà tôi cũng lo. Cứ ăn cơm trưa xong là bà gọi vợ sang nhà ông Đạo: “Phúc ơi, mày sang dẫn em đi học với!”. Thằng Phúc tí tóe chạy sang, cầm chặt tay tôi: “Đi!”. Không ngờ chính thế mà bọn trong lớp cặp đôi tôi với nó, hể thấy nó dắt tay tôi đi là chúng gào: “Vợ chồng! Vợ chồng!” Tôi mách bà, bà mắng: “Láo, mày với nó bà con, nó gọi mày bằng cô”.

Thường buổi học nào không học, thằng Phúc phải đi chăn vịt. Nó đội cái nón mê, cầm con sào dài có buộc một túm ni lông phất phơ phía trước, đi lúp chúp như cái nấm. Cuối buổi từ đồng về nó đứng ngoài bờ rào gọi. Tôi chạy ra. Nó đưa tay, thả vào lòng bàn tay tôi một con đũa đã bị bẻ càng. “Thích không?” - nó hỏi. Tôi vừa gật vừa chạy biến vào nhà. Thằng Phúc đứng lại một lúc bên bờ rào rồi mới lúp chúp trở lui.

Sau buổi tôi suýt chết nước, ban trưa nó không ra sông nữa. Nó vạch bờ rào dâm bụt, bẻ lá xếp thành một chỗ ngồi rồi rủ tôi ra đó chơi. Nó làm những chiếc lồng đèn bằng hoa dâm bụt đỏ tía, treo lủng lẳng trên một cái que, lắc qua lắc lại trước mặt tôi. “Làm vợ chồng, thích nhì!” - nó nói. Lúc sau nó lại bảo: “Hay tao với mày chơi trò vợ chồng đi!”. Tôi bảo: “Cần gì bà con”. Tôi xăng xái chạy vào nhà hỏi bà xem liệu tôi với nó có thể chơi như thế được không. Bà hét: “Khốn nạn!”, rồi rút phất sợi mây trên chái bếp xuống, quật cho tôi một trận và cấm tôi chơi với nó. Tôi đã

không chơi với nó nữa thật, cả khi mẹ về mang tôi đi, tôi cũng không từ biệt nó. Sau này thỉnh thoảng tôi có gặp nó, thường là trong đám chạp họ, nó già cằn, mặt lấm lì, mắt lơ đờ động một nỗi cam chịu u mê. Vậy mà nó là thằng bạn trai đầu tiên của tôi, là đứa con trai đầu tiên và duy nhất nói với tôi về trò chơi vợ chồng một cách nghiêm túc. Mười chín tuổi, tôi yêu lần đầu, gã con trai cũng đồng trình như tôi chiếm đoạt tôi như một lẽ thường, không cần biết tôi có thích cho hay không, như thế, mãi mãi. Nhiều năm tôi ôm nỗi cay đắng mù mẫm trong biển tình mệnh mông hư ảo, thành ngôi nhà tù thiện giống một tất yếu khi đã mở rộng cửa cho người lũ khách thứ nhất trú ngụ. Tình yêu là gì? Sơn bảo đó là một thứ xa xỉ phẩm. Sơn và tôi khác gì nhau? Chúng tôi giống cây đèn cù, quay quay, quay quay, mỗi lần trở về gặp nhau mắt động thăm một nỗi hoang vắng. Hoài vọng không được, chúng tôi quay ra khinh bỉ nhau. Sơn đòi hỏi tôi cái điều tôi đã không giữ được trong một trò chơi, thuở nhỏ.

Đó là lần tôi bị ốm. Bà bảo: “Mày ở nhà để bà đi kiếm lá xông”. Tôi ngồi bên cái chõng của ông trong căn buồng tối lò mờ. Bà dặn tôi ngồi thế để nhờ ông gọi sai gì thì làm. Mà ngồi trong buồng tối, cạnh một người ốm hơi thở nóng rẫy, buồn biết bao nhiêu. “Cháu đi chơi đi, mặc ông” - ông nói. Tôi chạy ra ngoài, vườn vắng, đường vắng, bến vắng. Tôi trở vào, bắc hai con ghế đầu dài và chơi trò cạp kênh. Cắc! Tôi lạng người, nhưng rõ ràng là không hề đau. Nhưng có một thứ gì âm âm bò giữa hai đùi, nhột nhột. Tôi cứ ngồi mãi ngoài gốc ghế không dám vào nhà vì sợ. Chiều bà gọi tôi ra giếng tắm. Tôi lẩn khân mãi. “Lột quần ra!” - bà giục. Tôi vừa lột quần, bà đã nhìn chằm vào chân tôi. Giữa hai đùi, hai vệt máu đỏ chảy ngoằn ngoèo. Bà tái mặt, chộp lấy vai tôi: “Chuyện gì hả?” Im lặng. Bà vỗ bộp vào mông tôi, hét: “Nói ngay, đứa nào?”. Tôi òa khóc, vừa khóc vừa kể. Bà ôm lấy tôi, cũng khóc: “Xong rồi! Hết rồi! Con ơi!” Tôi không hiểu sao bà phải khóc, tôi có đau đâu, hoàn toàn không đau.



*Chèo đò bẻ bắp bên sông...*

Sao bà hát mãi câu ấy?

“Sinh ra làm đàn bà là đủ đốn mặt rồi, con ạ!” - bà xoa lưng tôi nói thế, với tôi, một con bé con. Bà cũng nói thêm khi tôi vênh tai nghe lũ trẻ hò reo ngoài sông: “Sông trong thì để thế mà nhìn, mà không biết bơi, quấy đục lên, lại bắn cả mình”. Chẳng lẽ bởi thế mà bà không hề tắm sông? Cả làng đã lớn lên từ đấy, trẻ con sinh ra từ đấy. Và tôi, nhớ lời ông, vẫn rình chờ nước lặng để soi bóng mình trên mặt nước.

Bà tôi vốn người làng Thượng, ở mạn trên. Thuở con gái bà nổi tiếng sắc nước hương trời. Ông bà cố tôi có cửa có nả, thành ra bà đắt giá nhất vùng. Vừa lớn, Tây về đóng đồn, ít nữa mọc ra cái nhà dòng Phước Sơn. Bà theo người làng đi nhà dòng, trước vì bị ép, sau thành mê. Ông cố đạo Tây còn trẻ, nói tiếng Việt như người Việt, ngày ngày gióng chuông giảng đạo. Bà nhìn lên thánh đường, hướng vào tượng Chúa chịu nạn mà cầu nguyện. Bà cầu cho ông cố đạo Tây thấu lòng bà, nhưng ông cố đạo chỉ nhìn lướt trên đầu bà, như nhìn lướt trên đầu hằng bao nhiêu con chiên khác. Cho đến ngày ông bà cố quyết gả bà sang bên kia sông. Bà trốn vào nhà thờ, quỳ giữa thánh đường cao rộng mà xưng tội. “Con có trách nhiệm thực hiện bốn phận” - cha linh hồn của bà phán. Bà trở về, gói đồ đạc và chạy trốn cùng một anh học trò xưa nay theo đuổi bà. Ba tháng sau, anh học trò đi biệt, sau khi đã tiêu hết đồng chinh cuối cùng của bà. Bà quay ngược đường về nhà, chịu một trận đòn rách da rách thịt, nhin đói trong buồng kín. “Tao gả mà cho thằng ở” - ông cố nói, thằng ở mười lăm tuổi ghẻ lở đầy mình chuyên cúi mặt dưới nhà ngang là ông nội tôi...

Từ đấy bà làm dâu làng Hạ. Từ đấy bà ngồi nhìn sông và hát...

## 4.

Tôi về ngày chạp họ. Ông Phiếm thấy tôi về mừng lắm. Bây giờ ông Phiếm là người già nhất trong họ, người thay ông cúng tế. Ông dắt tôi ra ngõ, chỉ lũy tre bị đốn trụi phơi những nhát rựa sắc giòn, nói: “Mày là đứa chữ nghĩa, mày nói cho rõ ràng. Chặt tre thế này nên không?” Tôi bảo, thế là để khỏi vướng dây điện, tránh nguy hiểm. Quả là làng tôi mới tiếp lưới điện quốc gia tháng trước. Ông Phiếm buồn rầu: “Hết tre hết pheo thì hết làng”. Rồi ông than thở chuyện người ta kéo điện ra sông đánh cá đèn, cá chết chim chóc biến sạch. Tôi khen nhiều nhà xây đẹp lắm. Ông hỏi: “Đẹp cái gì”. Tôi bảo: “Nó thay đổi hẳn bộ mặt đời sống”. Ông bảo: “Mày ra sông mà xem!” Tôi ra sông, thấy sông giăng mắc thuyền bè. Không phải thuyền đánh cá, mà là thuyền chở cát sạn. Thì ra thanh niên làng bây giờ sống chủ yếu bằng nghề khai thác cát sạn, trên các bến cát sạn chất đống, nhăm vết bánh xe ô tô. Ông Phiếm lại hỏi: “Đào mặt sông lên để kiếm tiền thì mày cũng bảo nên à? Hết, hết tất!” - nói rồi ông khua cây gậy bỏ đi.

Tôi đứng lặng, ngẩn ngơ. Gió lao xao, mơn man sóng nước, mơn man trên da thịt. Tôi nhớ sớm nay, cầm nắm hương đứng trước gò Mả Tổ, tôi đã không biết sở nguyện của mình là gì, cũng như không biết xa xưa kia, ông tổ Nhược kỳ vọng điều gì ở con cháu...

*Chèo đò bẻ bắp bên sông...*

Giật mình. Tưởng như bà ngồi hát đò đây trong nắng gió chiều nay. Vặt đổi sao dời mà trước tầm mắt, cái bờ cây phía bên kia sông vẫn một màu xanh thắm. Hai chục năm mang khát vọng ra đi, từng cười từng khóc, vẫn chưa bao giờ tôi bơi được qua con sông ấu thơ để chạm môi lên phiến đá đầu tiên của bờ cây xanh thắm. Ôi bờ cây của tôi...

*T.T.H*

## Thế cờ đi hậu

(SH số 3 - 1997)

Ngôi nhà của tôi không đẹp, không tiện lợi. Sương lạnh, cổ kính, nó giấu mình như một người mắc bệnh trầm uất. Khi thì lãng đãng phả ra từ mấy gốc tùng lãnh cảm. Khi thì dồn nén đến tuyết phủ vô ngôn tự chén trà của cha tôi.

Cha tôi là một người trầm uất. Tôi thương cha, đặc biệt là kính trọng sự uyên bác của cha. Cha ít nói. Ghét giải bày. Cả trong lần chú tôi dùng đòn từ miền Nam ra dựng cha dậy trong đêm thách đánh với cha một ván cờ, không thắng được, sớm hoét đã la làng đòi cha nhường một nửa khoảnh vườn của ông tôi để lại, cha chỉ hơi cau mày nhìn chú, gật: - Được! Mặc cho mẹ ngồi rấm rút, thỉnh thoảng liếc đôi mắt buồn như mảnh vườn nhà trầm uất mưa bay nhìn cha.

Từ bé, tôi đã ít khi dám vòai cha một điều gì. Các học trò cũ của cha tôi lâu lâu đến thăm cha, ngả mũ cầm tay, cũng chỉ nói thật khẽ. Quà của họ để lại, cha sai tôi đem cho mấy nhà bên cạnh, tặng chú. Cha chỉ giữ lại, nâng niu mấy cuốn sách cổ.

Mẹ đôi lúc nhân khí sắc cha tươi tỉnh, ẩy nhẹ tôi vào lòng cha, đùa như trách móc: - Con nhà tông... con này rồi cũng lạnh tanh như cha nó!

Những lần ấy, những lần hiếm hoi nắng ấm của tuổi thơ tôi ấy, nhân quan của cha rục lên rộp cả mắt tôi.

Lẽo đẽo, gót chân tôi tần mẩn tỉ mỉ nhắm theo dấu chân cha trên khắp nửa mảnh vườn nhà còn lại. Tôi chấp tay sau lưng, đứng đĩnh, thoáng nhìn trời, thở dài nảo ruột như cha. Tôi muôi một ám ảnh trời buồn. Nghiêm trang, kính cẩn đến đau xé, tôi tần ngần trước mấy cội tùng, căn rặng lạnh lùng giải mã bao ánh mắt cha còn quán quýt lại. Bởi cha đã sống, đã yêu những phút giờ lặng thình bão nổi với chúng. Tôi đam mê chúng. Những đam mê không bằng có, không biện luận. Ấp về như một chớm lạnh sững sờ, sớm ra, xóm làng đã đầy những áo bông, khăn quần. Cây cỏ hoang trở màu xanh đậm. Con đường làng cứng hơn.

Rồi cũng thân nhiên. Tôi là cái bóng của cha. Cái bóng thân nhiên trầm uất của cha. Tôi là đứa con muộn mắn của gia đình. Tôi ra đời khi chị Hương của tôi đã mười lăm tuổi. Ấn tượng của tôi về chị là những nghèo nghèo chớp bể của một ký ức xa mù. Chị ham học. Tôi bước vào thời thơ ấu thì chị đã đi học xa, rồi đi làm và lập gia đình ở xa. Cha chỉ im lặng. Nhưng mẹ có lần vừa lau nước mắt vừa bảo là tôi còn có một người anh. Người anh của tôi chỉ kịp ở cuộc đời này mấy ngày tuổi. Có lẽ tôi ra đời trong một phút nguoi ngoai và thiếu thốn tình cảm của cha mẹ về một người đã mất.

Phòng của cha là cả một thế giới lạ lùng, lạnh lẽo cả tuổi thơ tôi, tôi chưa một lần đếm nổi cha có bao nhiêu cuốn sách. Một lần, không hỏi mẹ, đem chiếc áo lạnh còn mới của tôi cho con một bác bán cháo trong xóm trở về, bắt gặp tôi đang lang thang lơ lảo trong phòng, cha bế bổng tôi lên nói nhỏ vào tai tôi một câu làm tôi càng sợ cha - Con chưa vào đây được!

Cha nghiêm lạnh. Với học trò. Với bản thân. Với những người có cương vị. Người trong vùng còn kể lại lần cha lên Ủy ban huyện xin được cùng một số bạn bè mở lớp học đêm miễn phí cho con em các bà

con nghèo và bị tù chối. Cha kiên nhẫn thuyết phục. Vị đại diện huyện đập bàn: Tôi biết trong Ủy ban này có nhiều người là học trò cũ của ông. Nhưng riêng tôi chưa có vinh dự là học trò của ông. Ông nhớ cho!... Cha tôi chỉ cúi chào: - Tôi không biết ở đây có ai là học trò của tôi không. Nhưng tôi biết ở vùng này có những người thầy của tôi. Ông không phải là học trò của tôi. Ít ra, điều đó cũng làm tôi đỡ cần rút!

Cha say cờ. Những lần không có bạn cờ, cha đánh với sách, cha đánh một mình. Ngồi thẳng người, lúc lắc, trầm tư, rạng rỡ. Mẹ đùa: - Đánh một mình thì đánh làm gì cho mệt! Muốn bên nào ăn chẳng được!... Cha nhìn tôi đang nấp nom, nói với mẹ: - Không phải. Đánh cờ một mình khó gấp hai lần đánh hai người vì phải phân thân, phân thân một cách tuyệt đối, thành tâm. Vừa biết trước tất cả mà vừa không chuẩn bị gì cả... Mẹ gặng: - Vậy thì cuối cùng ai thắng?... Cha thản nhiên: - Thường thì cũng có người thắng!... Cha nổi tiếng đệ nhất kỳ thủ vùng tôi. Phòng cha có một bàn cờ tuyệt đẹp có khắc sẵn phần khai cuộc của thế trận bình phong mã đối đương đầu pháo. Bên dưới là một bài thơ thất ngôn viết thảo bằng mực tàu bóng lộn:

*Vườn xuân kỳ ngộ tứ hải giai  
Cờ tiên rượu thánh giữa trời mây  
Kìa ai gỡ cuộc đương đầu pháo  
Để mã bình phong trấn ải dài*

Bên dưới là một lời đề tặng: Quân Tử Kỳ

Mỗi ngày, cha dạy tôi về chữ nghĩa, về kỳ lý. Mẹ rầu rầu: - Ai con gai lại tập đánh cờ!.... Cha nhìn tôi: - Con thích không?... - Dạ thích!

Cha quý cờ. Hình như cha không chỉ giảng cho tôi về cờ:

- Lòng con phải rộng, dẹp tạp niệm, diệt háo thắng thì mới đạt đến cái vi diệu của cờ tướng!

Nhập môn cờ, lòng tôi lung linh những mã nhật, tượng điển, xa liên,

pháo cách. Ngựa hí, voi gầm, xe chạy, pháo bắn đi đùng huyên náo cả tuổi thơ tôi. Cha dạy tôi từ khai cuộc này đến khai cuộc khác. Có lần tôi thắc mắc:

- Sao cha không bày con phần khai cuộc như trong bàn cờ cha được khắc tặng?

Cha đỏ sẫm, lo âu, ngạc nhiên nhìn tôi như ngắc ngứ. Chiều đó, bước chân cha khi thì phiêu hốt, khi thì trầm trọng. Cha loay hoay lang thang mãi trong vườn. Cơm nước xong, mặc mẹ ngạc nhiên, cha xoa đầu tôi:

- Đúng mười hai giờ khuya đến phòng cha!

Đúng 12 giờ khuya của tuổi 12 tôi, tỉnh táo, nghiêm trang, tôi đến phòng cha. Cha ngồi như thiền giữa thềm gạch lạnh, chỉ cho tôi chỗ đối diện.

Cha ngồi đó gần gũi mà cao xa, thân quen mà lạ lùng, giản dị mà không với tới. Khi căn phòng ngẹn ả hương trầm và bạch lập, cha giảng:

- Con nay đã có căn bản về cờ. Con có thể tự nghiên cứu thêm về trung cuộc và tàn cuộc. Cả đời cờ của cha, chỉ có một thể trận cha cho là không học được, không dạy được, mà phải do tâm mà chọn, do duyên mà đến, đó là thể trận bình phong mã. Hai con mã lên giữa phủ kín như bức bình phong. Để đánh được thể trận này con phải tinh thông các thể trận khác. Phòng thủ bao giờ cũng khó...

Từng lời cha dội thẳng vào tâm hồn tôi vừa thông tuệ phức tạp lại vừa rõ ràng dễ hiểu: - Con ơi! Bình phong mã thiên về đi hậu. Cả đời mình không lẫn ai, cha chỉ thích con tập thể cờ đi hậu. Bình phong mã mượn sức người đánh người. Không đánh không trả, không bị công không trả đòn, lại không hại ai cả. Con nhớ lấy nghe Quỳnh! Mình đi nghỉ đi!

Tôi giật mình. Tiếng rón rén thở dài của mẹ ngoài hiên. Hình như có cả nước mắt tôi trong đêm tuổi thơ 12 đầy xáo động. - Không được khóc!

- Dạ... Tôi trợn mắt, nuốt một nỗi lo lắng ứ nghẹn mơ hồ. Không bị ép thì không trả đòn, không đánh không trả, không hại lại ai cả.

Cha bỏ tôi và mẹ ra đi vào một cõi không tôi trong một ngày giáp tết. Trút xong tâm nguyện với mẹ, cha ôm mặt tôi, thì thầm: - Cha không được nhìn Quỳnh nở... Nở cho ai Quỳnh ơi! Mẹ khóc héo cả mắt. Tôi cắn răng, cắn răng nuốt từng cục buồn. Không được khóc. Lui cui, tôi hái mỗi thứ mỗi hoa, mỗi khóm từng một nhánh lạnh nghiêm mang đến mộ cha. Nhặt nhẽo, xì xèo ngọn bạch lạp trắng giữa bụi phùng ngày tết, tôi tâm sự với cha... Cha, cha còn nợ con bài thơ trên bàn cờ. Con không biết cha đã gặp ai, đánh cờ với ai trong buổi kỳ ngộ đó. Nhưng con biết cha đã đi hậu. Dứt khoát cha của con đã đi hậu! Cả đời cha không bức hiếp ai, cũng không chịu để ai làm nhục. Cha đã dạy con làm người kỳ đạo. Cha là một Quân Tử Kỳ. Con không khóc đâu. Con không khóc đâu.

Con Quỳnh kiêu hãnh trong tôi tách ra, tò mò nhìn con bé 12 tuổi áo tang lạnh trắng côi cút thảm thê đang tạc thỏm giữa tấm phông xuân bẽ bàng một hình nhân đi hậu.

Con trai của tôi bây giờ đánh cờ với máy vi tính nhiều hơn là đánh với tôi. Nó có mặt ở đoàn cờ tướng trẻ của thành phố. Một lần, tôi hỏi:

- Con nghiên cứu sâu về các thế cờ thủ không?

Nó nhìn tôi lạ lùng:

- Con chỉ tập trung vào những thế trận tấn công. Tiên hạ thủ vi cường. Phòng thủ là xưa rồi!

Tôi nuốt nước bọt. Không biết tôi có nên kể cho nó nghe câu chuyện về một Quân Tử Kỳ suốt đời đi hậu không. Tôi bản thân:

- Có bao giờ con thấy có sự liên quan giữa cờ và người, giữa cờ và đời không?

- Mẹ đa cảm quá! - nó cười tự tin - Phải phân biệt giữa trò chơi và cuộc đời mẹ ạ! Nhập nhằng là thua cuộc mà lại làm khổ mình!

Lạnh lùng, tự hỏi: Tôi khóc cho ai đây? Nó? Tôi? Người cha Quân Tử Kỳ của tôi?

Hít hà hương bạch lập, thơm ngát mùi trầm, nghẹn thở, run run, tôi thử đẩy một quân cờ đi tiên. Giữa lúc mùa xuân đang lạo xạo rũ bớt sương giá, gió lạnh bước lên thêm hiên...

T.V.T.A



L Ê T H I H O À I N A M

## Người đàn bà chờ đợi

(SH số tháng 3 - 1997)

Chị là người đàn bà đẹp. Ai cũng bảo một người đẹp như chị thì cần gì phải chờ đợi ai. Người ta chờ đợi chị thì có. Được chị cho phép chờ đợi quả là một ân huệ trời cho. Chỉ cần chị ban phát một nụ cười, một cái nhìn là người đàn ông sẵn sàng chờ đợi chị suốt đời. Đêm đêm, chị thường lãng vãng đi về trong những giấc mơ của họ. Chị là *Pretty Woman* - một vẻ đẹp siêu phàm. Tạo hóa trong một thoáng xuất thần đã tạo ra tác phẩm tuyệt vời là chị. Một vẻ đẹp làm người ta sững sờ choáng váng. Làm người ta lịm dần vào thế giới của hoang đường. Chị là một vẻ đẹp thần thánh một vẻ đẹp quý hiếm, đẹp đến mức đáng phải phỉ nhổ và xa lánh. Kể cùng giới phỉ nhổ chị đã đành, kẻ khác giới cũng ngoác miệng la lối. Họ phỉ nhổ chị một cách dối trá. Họ nói trước mặt các phu nhân khả kính của họ rằng chị là thứ đàn bà hư hỏng chả ra gì. Họ sợ cái ma lực của chị sẽ không che giấu nổi những dục vọng đang táo tác lên trong họ. Được chị quan tâm là một hạnh phúc khó tin. Vậy mà trên thực tế, trở trêu thay chị là người đàn bà sinh ra để chờ đợi. Ba mươi bảy tuổi đời, chị lập kỷ lục về chờ đợi. Chị thường an ủi, được chờ đợi còn hơn chẳng có gì để chờ đợi. Bao nhiêu lần chờ đợi chị không thể nhớ,

nhưng cũng có những lần đầu muốn quên đi cũng không thể. Nó như chạm như khắc vào thời gian, càng muốn quên càng bị ám ảnh.

Lần chờ đợi đầu tiên là lúc chị mười hai tuổi. Mười hai tuổi, cái tuổi con gái đã bắt đầu biết nấu cơm đi chợ và sẻ chia buồn vui với mẹ. Chị chờ ai, một cậu bé hàng xóm cùng trang lứa? Cha mẹ, bạn bè hay một ông tiên có phép toàn năng sẽ ban tặng chị chiếc áo đầm voan đỏ đẹp nhất để chị có thể trưng diện với bạn bè trong dịp sinh nhật?

Kẻ được chị chờ đợi là một con ma. Chuyện thật khó tin. Con ma ấy không ai xa lạ mà chính là cái lão hàng xóm của chị.

Hồi nhỏ, chị chúa sợ ma. Buổi tối chị không dám đi đâu ra khỏi nhà. Chị sợ bóng tối khủng khiếp. Mỗi lần cha mẹ chị bảo chị xuống bếp lấy một cái gì đó là chị phát hoảng. Dưới bếp tối om, biết đâu sẽ có một con ma xó rập rình đâu đó lôi tuột chị xuống chín tầng âm ty địa ngục. Nhưng chị cũng rất thích nghe chuyện ma, một sự hấp dẫn khó cưỡng lại được. Đêm nào, chị cũng bị ám ảnh bởi những con ma và con ma nào cũng mang khuôn mặt góm ghềnh của lão hàng xóm. Đây là chị hình dung thế chứ chị đã trông thấy lão bao giờ đâu. Chị vừa sợ vừa thích gặp lão. Nhà lão cách nhà chị một dãy chèo tàu cả đời không xén tia. Cái cổng bằng gỗ thông tấm đầu của nhà lão cũng bị phủ kín cả một giàn hoa ti gôn xoắn xuýt. Sân nhà lão rộng, nhơn nhọt đầy rêu. Những mảng tường của ngôi nhà lợp bằng ngói liệt đen xỉn nham nhờ một màu vàng hoe ố, búng beo. Nhà lão suốt ngày đóng cửa bịt bùng, im im như một nấm mồ, đến ban ngày ban mặt nhìn vào cũng rợn cả người.

Chị không hiểu sao cha mẹ chị lại chọn nơi này trú ngụ. Ngay từ ngày đầu mới dọn đến, bác hàng xóm đã lon ton chạy sang rí tai mẹ, nhà lão có ma đấy. Lời cảnh tỉnh làm mẹ con chị xanh mắt. Nhưng cái nhà chứ có phải tấm áo manh quần gì mà dễ thay đổi. Mẹ chị ân hận, tự trách mình đã không tìm hiểu cận kề ngôi nhà trước khi mua. Nhưng trên thực tế lão cũng không ghê gớm như mẹ con chị vẫn tưởng. Bằng chứng

là gần hai năm dọn về, mẹ con chị chưa thấy lão ám nhập vào ai bao giờ. Lão chỉ cắt đứt với mọi quan hệ của thế giới bên ngoài. Nhà lão nội bất xuất, ngoại bất nhập.

Người ta hầu như không thấy lão đi đâu và cũng chẳng thấy ai bèn mắng đến. Lão sống thế nào, ăn ở ra sao chỉ có trời biết.

Đã có lần chị cùng mấy đứa trẻ lối xóm trèo lên cây ổi sát nhà lão. Sự tò mò còn lớn hơn cả nỗi sợ, cả lũ vờ hái ổi nhưng thực ra là để nhòm vào khung cửa sổ khép hờ của nhà lão hàng xóm. Một cái hốc đen ngòm đó là tất cả những gì chúng nhìn thấy được. Bọn trẻ thất vọng và từ bỏ ý định tìm kiếm. Thế nhưng, trong một lần không chủ định, chị lại được ngấm nhìn lão. Bao giờ, người ta cũng đạt được điều mình mong muốn khi không tìm kiếm sẵn đuổi nó. Đó là một buổi chiều nắng nhạt lặng gió, chị đang nhổ rau má ngoài vườn. Bỗng chị thấy một cái bóng áo trắng lấp ẩn hiện mé sau nhà lão hàng xóm. Ma! Ý nghĩ phóng đến như một mũi tên. Chị định vút rễ rau má để ù chạy nhưng không sao nhúc nhích được. Chị như bị cái bóng trắng ấy thôi miên. Lão hàng xóm! Đúng lão rồi chứ còn ai vào đây. Định thần, chị thấy ngoài bộ đồ trắng có vẻ ma quái thì lão cũng là con người bằng xương bằng thịt có đủ chân tay mặt mũi. Lão đứng bên ảng nước. Cặp mắt u buồn chụp lên khóm quỳnh cái nhìn tàn tạ. Lần ấy, chị tha hồ ngấm nhìn lão. Hóa ra lão hãy còn trẻ, rất trẻ so với cái chúc lão mà người ta vẫn quen gọi. Lão không góm ghieếc như chị vẫn hình dung. Lão có khuôn mặt thật đẹp, thanh tú với nước da trắng xanh tái. Lão đứng đó, trong ánh nắng chiều nhòa nhạt, trông lão giống một pho tượng Hy Lạp được tạc bằng thạch cao.

Thực ra, người ta cũng biết lão sống sờ sờ ra đấy. Lão không phải là ma. Con ma chính là người đàn bà xinh đẹp đã treo cổ tự tử ngay trong ngôi nhà của lão. Người ta đồn rằng, cha mẹ lão ngăn cấm không cho lão cưới người con gái xinh đẹp nhưng thân phận chẳng mấy danh giá. Khi người con gái chết, lão quàn tại gia hơn tháng rồi đem chôn ở khóm

quỳnh. Lão chẳng là ma nhưng linh hồn trinh nữ ấy sinh ra là để dành cho lão, quần lấy lão, ăn nằm với lão, trò chuyện bầu bạn với lão thì lão cũng chẳng khác gì ma. Sau lần trông thấy lão, nỗi sợ hãi trong chị đã thay thế cho một niềm thương cảm mơ hồ cứ len vào trái tim bé bỏng của chị. Lão cũng là kẻ đáng thương, hẳn lão cũng buồn và cô đơn lắm. Và từ đó, chiều nào chị cũng ra mé vườn kiểng chân nhìn về phía khóm quỳnh. Chị còn được trông thấy lão vài lần nữa. Không biết, lão có cảm nhận được tình cảm và sự ngóng trông của cô bé không? Có lẽ không. Lão không biết, không cần biết. Rồi lão không xuất hiện nữa. Mãi mãi không bao giờ. Nghe đâu lão bị ho lao rất nặng.

Còn chị, như một quán tính, chiều nào, cũng vào giờ ấy, chị lại ra mé vườn nhìn về phía khóm quỳnh mà ngóng trông chờ đợi.

Lần thứ hai là năm chị tròn mười bảy tuổi. Bắt đầu, sự chờ đợi ập đến như một cơn giông không báo trước. Cuộc chờ đợi không được định hướng làm chị hoang mang. Bao nhiêu câu hỏi được đặt ra nhưng không có câu trả lời. Chị đem tâm trạng bồn chồn ấy chia sẻ với cô bạn gái. Bạn chị nghe xong, nhìn chị rất lâu, thế đàng ấy nháy mắt trái mắt phải gì không? Không, à hình như là có. Mắt nào. Mắt trái. Cô bạn gái vỗ tay đôm đốp rồi dí ngón trỏ vào trán chị. Một hoàng tử đẹp trai ngỏ lời cầu hôn mày đấy - Tao không đùa. Đùa là thế nào, cuộc mày chầu chè chịu không. Chịu. Nhớ không được gian đấy. Không thêm gian với mày. Cho đến khi anh xuất hiện. Người trai nói với chị rằng, mấy tuần nay anh cũng có cảm giác chờ mong một ai đó mà không lý giải được chị mới hiểu rằng cả anh và chị đều ăn phải trái cấm ở vườn địa đàng.

Cho đến bây giờ, chiêm nghiệm lại cuộc đời chị rút ra kết luận đó là những ngày tháng kỳ diệu và hạnh phúc nhất đời chị. Nhưng giá của nó quá đắt. Đánh đổi nó, chị đã tự nguyện hiến ngôi vị nữ hoàng sắc đẹp của mình thành kẻ nô lệ ái tình. Có anh, chị dị ứng với tất cả tình cảm với những người đàn ông còn lại. Đôi mắt đẹp của chị nhìn những chàng

traí như những con thiêu thân với dáng vẻ dũng dưng thơ ngây. Anh là ai. Đau khổ vì lẽ gì kia chứ. Chị trở thành kẻ sát nhân hồn nhiên nhất, vô tội nhất, dễ thương nhất và chính vì vậy chị càng quyến rũ họ. Nhiều gã si tình đã chọn cho mình một cái chết đầy an ủi, được chết trong mắt người đẹp. Anh như một đấng quyền uy, toàn năng dẫn dắt chị vào mê cung của tình ái. Mọi khiếm khuyết trên con người anh đều trở nên đầy ấn tượng. Nó như những chiếc đinh ghim nhỏ xinh xẻo neo giữ tình yêu của chị. Rồi hôn nhân. Trước ngày cưới, anh đưa đi sắm sửa. Chị riu rít, anh nhớ cho kỹ nghe, khi nạp lễ phải vái Phật ba lạy, Tổ tiên bốn lạy, còn cha mẹ thì hai thôi. Nhớ không lẫn như ông Dũng nhà con Hạnh đấy, ai lại đang làm lễ, lại đứng ngẩn ra hỏi con Hạnh lạy được mấy cái rồi, làm cha mẹ con Hạnh buồn thầu chết. Ừ, anh không quên, nó khác, anh khác. À, khi nạp lễ là phải áo dài thụng khăn vành rồi. Nhưng màu gì. Em thích màu vàng chấy trông quý phái lắm. Tóc em không nên cầu kỳ quá, hơi cách điệu thôi, tự nhiên em đã đẹp rồi. Ờ ờ, em không uốn đầu, cứ để tóc thế thôi, còn áo dài thì em chọn màu tím, ngày thường em thích màu tím mà anh cũng thích nữa. Ôi, nói năng chi dễ ghét, gở mồm, gở miệng vừa vừa, màu tím là màu buồn ai lại mặc trong ngày cưới. Anh ngẩn ra, thế à. Còn buổi chiều tiếp bạn thì phải xoa-rê ba cái anh nhé, trắng, lam, hồng tro được không; nó rất hợp với em. Em sẽ chọn một chiếc xương xám, trông cũng dễ thương lắm đó anh. Họ đi, tay trong tay, ai thấy cũng bảo, trông chúng mới đẹp đôi làm sao.

Nhưng một ngày trước khi làm lễ cưới, chú rể biến mất không để lại dấu vết, không một lời từ tạ. Cô dâu tương lai chết lặng, khóc không thành tiếng ngã gục trên đồng áo cưới đang phồng lên như một đồng bọt biển. Về sau, nghe đâu chú rể tương lai đã thoát tục. Chị đi xem tử vi, thấy bảo chị có sao đào ba chiếu mệnh lại gặp địa không, địa kiếp nên tuyệt thế giai nhân, sắc nước hương trời nhưng lại hồng nhan bạc phận tình duyên trắc trở.

Và lần này chị lại chờ đợi. Sự chờ đợi nảy sinh trong chị như một dấu hiệu của tình yêu. Chị chẳng còn trẻ, ba mươi bảy tuổi đời và góa bụa, cô con gái duy nhất mười sáu tuổi là kết quả của cuộc hôn nhân bất đắc dĩ giữa chị với ông bác sĩ quân y nhân đức hơn chị hai chục tuổi có lẽ. Ông ta là ân nhân của gia đình chị. Một ông bác sĩ Việt cộng cứu sống vợ một thiếu tá cộng hòa đã trở thành sự kiện đáng ghi nhớ vào những ngày đầu mới giải phóng. Chị chấp nhận lời thỉnh cầu của cha mẹ làm cô Kiều của thời đại. Rồi ông bác sĩ qua đời sau hai tháng phát hiện ung thư máu. Chị mồ côi chồng năm tròn ba mươi tuổi.

Nhưng chị vẫn còn đẹp lắm. Người ta bảo chị còn xinh đẹp, duyên dáng hơn cả thời con gái. Cái đẹp của người đàn bà ba mươi tuổi, đầm thắm ngọt ngào. Một vẻ đẹp hoàn thiện giàu nội tâm chứ không ngố như bọn con gái chíp hời. Không ai có thể đoán định được chính xác tuổi tác của chị. Chị như con biển sắc, lúc người ta bảo chị đôi mươi, lúc lại bảo chị bốn mươi. Chị đẹp từ khuôn mặt đến vóc dáng. Đôi mắt to đen láy ẩn dưới hàng mi cong vút, ít khi người ta thấy sự can thiệp của mỹ phẩm trên gương mặt. Có thể chị ý thức được nhan sắc của mình không cần gì phải tô vẽ thêm nữa. Sự cầu toàn nhiều khi lại trở nên lỗi bịch. Trong đời, chị đã gặp những người đàn bà xinh đẹp và giàu có. Họ thường tía tốt, trang điểm đến từng chân tơ kẽ tóc. Đồ trang sức không thiếu thứ gì trên người vậy mà chẳng đẹp thêm tý nào. Chị chúa sợ nhất vẻ đẹp không tự nhiên. Thực ra, chị cũng là người rất thích trang điểm. Chị trang điểm có khi mất hàng tiếng đồng hồ để có được một gương mặt không trang điểm. Đó quả là một nghệ thuật trang điểm bậc thầy.

Con gái chị cũng thừa hưởng nhan sắc của chị. Mười sáu tuổi, nó rục rịch như một bông thược dược, nhưng thiếu cái mận mà đầm thắm. Có lẽ nó hãy còn quá trẻ. Ai khen con gái chị đẹp chị cũng hãnh diện sung sướng. Nhưng sau đó lại chếp miệng, đẹp thì khổ. Có lẽ chị chiêm nghiệm từ cuộc đời mình.

Đẹp, giàu, có, độc thân là những điều kiện tuyệt hảo làm chị nổi tiếng và tai tiếng. Tai tiếng đến mức khó hình dung. Những người đàn bà xì xào rằng mẹ con chị đua nhau mỗi chài tán tỉnh cánh đàn ông. Rằng chị là kẻ trẻ không tha, già không buông, rằng trong cái ví nhỏ xinh màu da lươn của chị có đến hàng trăm cái card của những nhân vật tên tuổi, thương gia có, chính trị gia có, nghệ sĩ, học giả, học thật, rằng, rằng, rằng... Vào đúng ngày khai mạc “Uyên Nhi gallery”, anh xuất hiện như một kẻ đối cực với tất cả. Khách mời tham dự phòng tranh ngót nghét cả trăm. Toàn tài tử giai nhân. Những nhân vật tiếng tăm lừng lẫy. Những thần tượng, những nhà tài phiệt và tất nhiên không thể thiếu bóng dáng của phái đẹp. Chị điểm đủ những nhân vật tai mắt, hầu như không vắng ai. Không ai lại bỏ lỡ một dịp gặp gỡ hiếm có như thế này. Những bộ cánh đẹp nhất được phô diễn một cách hợp lý. Những chiếc com lê đóng cứng, những cà vạt đủ màu, những váy cạp váy xòe ngoe nguẩy và những chiếc áo cổ rộng phủ đầy đăng ten. Người ta chào hỏi chúc tụng và ngắm nghía nhau. Tất cả đều say mê trước vẻ đẹp kiều diễm của nữ chủ nhân. Trang phục ra mắt của chị là chiếc áo dài truyền thống màu cổ đồng bằng lụa tơ tằm. Loại vải chỉ dành cho những kẻ sành điệu. Chiếc áo dài được cắt may theo model mới nhất, cổ cao, tà rộng, chít eo tứ phía, dài phủ đến tận gót. Loại mốt này được thịnh hành từ mấy thập kỷ trước, giờ lại tái xuất giang hồ.

Người ta đọc diễn văn, người ta tặng hoa và nói những lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Có vị còn ví phòng tranh của chị như một người tình chung thủy làm sang giá cho thành phố cổ kính này. Người ta nhắm nháp những ly rượu khai vị màu hồng sớng sớng và xem tranh. Kẻ lúi ra, người nhỉnh vào, người voóng cổ, kẻ nhướn mày. Có vị còn dùng cả kính lúp để nhắm nháp từng chi tiết thú vị để soi tìm cho được hình bóng mình, hình bóng đời được gửi thân vào các hình tượng. Ở đây tụ họp đủ các trường phái. Nhưng nhiều nhất vẫn là trừu tượng - một trường phái thời thượng của

nền văn minh thị giác. Phòng tranh không rộng nhưng xinh xắn, hài hòa cân đối, giàu tính thẩm mỹ. Tất cả đều được xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng đến mức người ta nghĩ rằng những tác phẩm sinh ra là để đặt vào vị trí ấy không thể khác được. Nếu chỉ cần lệch một chút, xê dịch một chút là có thể làm đảo lộn cả bố cục.

Nữ chủ nhân mỗi lúc một thêm rạng rỡ. Cặp mắt chị sáng sủa niềm vui vừa trẻ thơ vừa già dặn. Chị nhìn tất cả để không nhìn ai cả. Chị ban phát cho tất cả nụ cười mê hồn. Đã lâu lắm rồi, chị mới có một ngày hạnh phúc tràn trề như hôm nay. Công việc làm ăn của chị đang mở ra một hướng mới không chỉ là triển vọng về lợi nhuận mà nó đang biến đổi chị, chuyển dịch chị từ thương trường thuần túy sang lĩnh vực văn hóa. Rồi đây, chị sẽ có thêm những người bạn mới đầy thú vị. Không phải là gương mặt nháo nhác, cau có, căng thẳng mà là những gương mặt đầy cá tính hóm hỉnh và ý nhị. Họ bảo với chị rằng, chính chị chứ không ai khác là Mạnh Thường Quân cho cánh nghệ sỹ và cho cả xứ sở này. Chị hoàn toàn không hiểu được những vẻ đẹp, nhưng ẩn ý được gửi gắm vào tác phẩm. Sự đoán định của chị chỉ dừng lại ở những cái tên của các tác giả. Chị chân thành tin rằng, những nhân vật tầm cỡ như thế không thể để ra những đứa con tinh thần xoàng xĩnh. Chị tin ở họ, tự hào về họ cũng như họ đã tin cậy trao gửi những đứa con tinh thần vào tay chị. Nhưng kìa, hắt đến. Mô Phạt, mình đang có hân hạnh được đón tiếp ai đây. Chị nhú mào, có lẽ hắt nhầm địa chỉ. Trông hắt có vẻ như gã tâm thần, vẻ nhàu nát trên khuôn mặt và bộ áo quần jean được lôi ra từ thế giới second hand làm chị buồn nôn. Nhưng hắt không chút tỏ vẻ gì là đã vào nhầm cửa. Hắt lững thững bước vào giữa hành lang hẹp chưa đầy hai mét mặt tiền. Ánh sáng vọt ra từ mọi phía như truy đuổi hắt, ép hắt trông hắt lại càng nhỏ nhoi, lạc lõng. Hắt không chào hỏi ai và cũng không ai chào hỏi hắt. Rõ ràng hắt là vị khách không mời. Giá như ngày thường chị đã tìm cách đuổi khéo hắt, nhưng hôm nay thì không thể.



Thôi, không thèm để ý đến hần nữa, hần tò mò thôi mà. Nhưng mồ hôi cứ rịn ra trên vầng trán xinh xẻo, trong lẫn áo bó chặt sẫm lại một mảng hình chữ u phía sau lưng. Chị cầu mong hần sẽ thông minh một chút để nhận ra rằng nơi này không phải dành cho những kẻ như hần. Nhưng rõ ràng hần không có ý định đó. Hần quét cái nhìn vào đám đông bằng con mắt vô cảm rồi lún mình trong chiếc ghế xa lông nhả khói thuốc mù mịt. Như một kẻ bị động, chị vô tình bị hần kéo vào cuộc chơi, chị không rời mắt khỏi hần. Một ý nghĩ lóe lên, phòng tranh trị giá vài trăm triệu, biết đâu...

Rồi hần cũng trở nải đứng lên. Hần xem tranh cũng lúi ra thụt vào. Có cái hần xem lướt, có cái hần đứng ngẩn ra suy ngẫm. Vừa xem hần vừa vẩy tàn thuốc xuống nền gạch men trắng lấp. Người đầu mà vô ý. Hần là một trong những vị khách ra về sau chót. Thế là thoát, hú vía! Nhưng hần lại đến. Lần này hần đến vào buổi sáng khi chị vừa trang điểm xong và xuống lầu dùng điểm tâm. Chị ngả người trên chiếc ghế xa lông mềm mại, những luồng sáng trong veo của ánh mặt trời chiếu rọi vào căn phòng - Chào một ngày tốt lành!

Hần đến một mình, vẫn quần tử nhất bộ. Lần này, hần có hạ cổ nhếch mép chào chị.

Chỉ là cái nhếch mép thôi không hơn không kém. Khó khăn lắm chị mới mỉm cười đáp lễ. Hần dướn cặp kính nhìn lướt qua chị từ đầu đến chân, không ga lăng không dừng lại điểm nào trên cơ thể chị. Hần lại xem tranh, cứ như từ thuở cha sinh mẹ đẻ hần chưa thấy phòng tranh bao giờ. Hay hần cũng là họa sỹ? Mấy ông họa sỹ cũng lập dị, bắn thủ nhếch nhác như hần. Hần hút thuốc loại ba con mèo rẻ tiền, ngón tay út lấy tàn xuống nền gạch men trắng trông rất điệu nghệ. Lộn ruột, một ngày xúi quẩy.

Thay thế hần là một đoàn khách ngoại quốc. Dẫn đầu là cô hướng dẫn viên du lịch, tóc thể, áo dài tím, nón bài thơ rất Huế. Khách theo trường

phái tự nhiên chủ nghĩa. Cả đàn ông, đàn bà chủ yếu quần soọc, áo khoét nách ba lỗ không không lách từng tấm thân ngoại hạng vào chiếc hành lang hẹp. Họ là người Mỹ, không thể gọi là chính hiệu. Họ xem tranh, trao đổi cứ như cãi vã. Kết quả ba bức lớn: *Bi kịch - Hài kịch, Tĩnh vật, Chơi diều*, được gỡ xuống. Giá cả chủ khách thỏa thuận ước tính vài chục vé. Chủ mặt mày rạng rỡ *thank you* rồi rút. Khách trầm trồ *what a lovely girl! what a lovely girl!* Khách ra về, chị mỉm cười một mình, hóa ra vía hần trông thế mà nhẹ. Một vị khách may xưa không tôi đấy chứ. Chị nhìn ông Thần tài ngồi bệt dưới đất đang phưỡn bụng cười. Chị thấp hương lạy tạ, và không quên cầu xin hần trở lại.

Hần lại đến thật. Lại những ngày mua bán của chị diễn ra thuận lợi ngoài sự mong muốn. Những đồng đô la cứ trôi tuột vào két chị không mấy khó khăn. Có ngày tiền lãi lên đến bạc triệu. Chị cười, đúng hần là thần tài rồi. Chị phất lên là nhờ cái vía của hần. Chị ân hận vì đã có lúc nghi oan cho hần. Xem ra cái nhàu nát của hần không làm hại ai. Cái nhàu nát bên ngoài có thấm vào đâu cái nhàu nát của nhân cách. Khỏi kẻ cứ bóng lộn lên mà lương tâm thì chấp vá, tả tơi thảm hại. Chị cảm thấy nợ hần, bất công với hần. Tại sao lại không tử tế và bầu bạn với hần: Hần là thần tài của chị cơ mà. Đến con chó ghẻ lết được vào nhà còn sướng rơn lên hưởng chi thần tài của chị là một con người. Và thế là chị chủ động ban tặng hần một nụ cười mê hồn. Chị còn mời hần dùng trà. Hần vừa nhấp trà vừa hút thuốc. Trông hần không ra vẻ trí thức mà cũng không là kẻ đầu đường xó chợ. Hần giống kẻ chán đời nhưng không có ý định từ bỏ nó mà nhờn nhơ nhấm nháp nỗi chán chường của chính mình. Chị thấy hần thật buồn cười, ngộ nghĩnh. Bẵng đi cả tháng trời hần không đến. Chị có ý trông ngóng và tẻ hại hơn chị ngạc nhiên thấy mình có vẻ như là nhớ hần. Chị bối rối với chính mình và ngụy biện rằng, chị nhớ là nhớ cái vía của hần. Rằng chỉ vì hần rất được may xưa. Đành rằng, chị cũng không lấy liền bạc làm mục đích. Nhưng chị là một

thương nhân. Tiền bạc nhiều khi là niềm vui của chị - Chị cũng như mọi người, biết thế nào là đủ. Cho nên khi trông thấy hần, chị đã mừng quýnh lên. Nhưng chị không biểu lộ. Chị cố nín kéo giữ một khoảng cách giữa hần và chị nhưng vẫn lộ ra ở cái thần sắc, ở cái ánh nhìn sóng sánh ở ngũ diệu ngọt ngào mà chị dùng để đối thoại với hần.

Không biết tự bao giờ, chị đâm ra nghĩ ngợi nhiều về hần. Hần như một kẻ cao thủ tiếp tục dẫn dắt chị vào cuộc chơi. Chị thấy thương xót hần. Đáng lẽ hần phải khá hơn kia. Trong thâm tâm chị rất muốn làm một điều gì đó cho hần vui lòng, tặng hần một bộ áo quần, hoặc mời hần dùng cơm chẳng hạn. Tệ hơn, nhiều đêm chị còn mơ thấy chị chung chăn gối với hần. Một cảm giác thèm muốn lạ lùng đang lên khắp cơ thể chị. Hần đã ám nhập vào chị. Căn phòng ngủ mười bốn mét vuông bỗng trở nên mênh mông không có giới hạn. Máy điều hòa chạy rù rù, chiếc đèn ngủ Hồng Kông tỏa ra màu xanh dịu, chiếc váy mỏng dính kết đầy đăng ten không làm chị dễ chịu nữa. Chị lôi sổ sách ra tính toán, đếm tiền. Những tờ đô la xanh nhạt còn mới khắc lên con số trăm không còn là niềm vui dịu dặt, mơn trớn chị vào giấc ngủ. Hình ảnh hần cứ lớn vồn trong đầu chị. Giá lúc này hần xuất hiện chắc chị sẽ vứt bỏ bộ mặt nữ hoàng của mình để sẵn sàng dâng hiến. Bản năng thèm muốn được ve vuốt xoa phủ lên khắp cơ thể chị. Chị nhìn khắp căn phòng, bóng lộn lên đến mức trơ trẽn. Giá hần cứ vẩy đầy tàn thuốc xuống nền gạch men trắng có hơn không. Giá mùi thuốc lá ngai đắng thay thế cho loại nước hoa Revlon thượng hạng chị vẫn thường dùng có phải dễ chịu hơn không. Chị nhìn xuống tấm ra trải giường, phẳng phiu đến vô duyên, ước gì nó cứ nhàu nát ra, đảo lộn lên thế có tuyệt vời hơn không. Chị vật vã, thở hổn hển, hai đầu vú nhức buốt, chị đưa tay vuốt ve bộ ngực, vuốt ve khắp cơ thể. Chị nghĩ đến hần trong cảm giác được quần riết. Chị úp mặt xuống tấm ra trắng buốt, rên hừ hừ như một con mèo cái và tấm tức khóc như một đứa trẻ.

Hóa ra, cuộc sống bình yên mà chị tự nguyện lựa chọn chỉ là sự vờ vĩnh giả tạo. Ngọn lửa lòng đã thiêu đốt chị, hỏa táng chị và tái sinh chị. Có thể, sự đánh giá vờ vĩnh là quá nặng nề với chị - công bằng mà nói chị cũng không biết đến sự vờ vĩnh đó. Mấy ai hiểu được chính mình. Hoặc giả chị là người đàn bà điên. Những kẻ có chút nhan sắc thường bị trí tuệ ruồng bỏ, xa lánh đến nỗi không nhận ra cái nghịch lý trong mỗi con người. Trước kia, chị chân thành tin rằng, không ai có thể xen vào giữa chị và người đàn ông thoát tục kia. Nhưng bây giờ thì đảo lộn cả, chống lại nó là trái tự nhiên. Lần đầu tiên chị lập quan tòa xét lương tâm để ngụy biện cho những đột biến tình cảm mà đã có lúc chị cho là phi lý. Ừ thì yêu, nhưng tại sao chị lại chọn hắn. Điều này mãi mãi là một bí mật đối với chính chị. Bởi vì trên thực tế, hắn cũng chưa bao giờ ban tặng chị một cái nhìn mơn trớn ồm ờ nào. Nhưng tình yêu thì cần gì phải anh nói trước hay em nói trước. Nhất định ngày mai chị sẽ mời hắn dùng cơm và chị sẽ biểu lộ tình cảm với hắn rằng, rằng, rằng...

Cả đêm ấy, hắn đến với chị trong giấc ngủ ngọt ngào dê mê - giấc ngủ của một kẻ biết tin có ngày mai.

Nhưng hắn không đến, không bao giờ nữa.

Chị không vui, không buồn. Thỉnh thoảng lại nhìn ra bóng nắng trắng lóa mà vẫn vợ nghĩ về lão hàng xóm thuở nào.

*L.T.H.N*

# Vua rắn

(SH số tháng 3 - 1998)

Ông Điền đen như củ ấu, người sắt lại như tre già gác bếp. Mỗi khi ông dùng hai ngón tay kẹp vào đầu con rắn hổ mang bành trông chẳng khác gì cái kìm của thợ rèn kẹp thỏi sắt đưa vào lò nung đỏ. Ông có nghề bắt rắn gia truyền. Nghề tổ có từ bao giờ ông không rõ, ít nhất đến đời ông cũng là năm đời. Riêng ông nội, ông thân sinh và ông Điền cùng sống trong một mái nhà, cùng làm nghề bắt rắn.

Theo ghi chép của gia đình, ông nội tên là Thiện, bắt được đúng 500 con rắn, cứu được 50 người khỏi chết vì bị rắn cắn. Nhưng ông nội bị mất một ngón tay, ngón trỏ. Số là trong một lần đi rừng, vô ý cụ Thiện thọc tay vào một hốc cây, bị rắn độc mổ đúng vào ngón tay trỏ. Vì không mang theo thuốc giải bên mình, cụ liền rút dao chặt đứt ngón tay ngăn cho nọc độc không chạy vào tim. Nhưng nọc độc của rắn thật là ghê gớm. Không đủ sức làm cho cụ chết, nó vẫn đủ sức làm cho cụ hỏng một cánh tay. Ông thân sinh của ông Điền tên là Tích. Ông Tích cũng bắt được đúng 500 con rắn, cứu được 50 người thoát chết khỏi rắn độc cắn. Trông gương ông Thiện, ông Tích đi đâu cũng bọc theo thuốc giải bên

minh. Vì vậy cho đến lúc qui tiên, thân thể ông vẫn lành lặn, dù có hàng chục lần bị rắn độc cắn trúng.

Ông Điền được chân truyền, vừa giỏi bắt rắn vừa giỏi trị rắn độc cắn. Dòng họ ông Điền lập nghiệp ở làng Hạ Đan, chuyên bắt rắn bán cho thiên hạ làm thịt, ngâm rượu với những bộ tam xà, ngũ xà, cửu xà, tiếng tăm lừng lẫy một vùng. Riêng ông Điền đặc biệt được mọi người biết đến, sau khi cứu sống một cô gái 16 tuổi bị rắn độc cắn chết, gia đình sắp đưa đi chôn.

Mọi người còn nhớ rõ, đó là mùa Thu. Anh thanh niên Điền có việc lên tỉnh. Từ Hạ Đan, muốn lên tỉnh phải đi bộ hơn chục cây số tới ga tàu hỏa, rồi ngồi tàu hết gần nửa buổi mới tới thị xã. Hôm đó anh đến muộn nên bị lỡ tàu. Chờ chuyển sau phải đến nửa đêm. Anh quyết định đi bộ, cứ xuôi dọc bờ sông mà đi, theo như cách dân Hạ Đan thường nói: “Cứ đi rồi đến!” Anh đi qua một làng, rồi hai làng. Đó là những làng ven sông, mìn đất phù sa, cây cối tốt tươi. Đến đầu làng thứ ba thì anh nghe có tiếng người khóc. Tới gần, Điền được biết, người chết là một cô gái trẻ. Hỏi: “Vì sao mà chết?” Đáp: “Rắn cắn!”

Điền rẽ đám đông bước vào nhà. Người ta đang chuẩn bị liệm cho cô gái. Anh hỏi người đàn ông có vẻ là bố nạn nhân:

- Thưa ông, cô nhà bị rắn cắn khi nào?

Ông bố gạt nước mắt đáp:

- Buổi sáng, cháu đi ra vườn, thấy nhói ở gót chân, ngỡ bị gai đâm. Đến khi biết là bị rắn cắn thì không chữa được nữa.

Người mẹ chột tru lên khóc:

- Ôi con ơi! Ôi Ly ơi! Mới 16 tuổi đầu mà con đã vội ra đi, bỏ bố mẹ lại ở với ai, con ơi!

Điền thấy vô cùng thương cảm, động lòng trắc ẩn. Anh nói với bố mẹ nạn nhân và mọi người:

- Tôi là cháu cụ Thiện ở Hạ Đan. Xin các ông các bà cho phép tôi được xem lại vết thương của cô Ly.

Mấy người lớn tuổi nghe tên cụ Thiện thì à lên một tiếng, đồng thanh nói:

- Cụ Thiện ở Hạ Đan chữa rắn độc căn nổi tiếng cả vùng ai chả biết. Để cho chú ấy xem, biết đâu số con bé chưa hết.

Nạn nhân được đặt nằm trên chiếc giường buông màn kín nơi góc phòng tối om. Diễm bảo mọi người mở cửa sổ. Anh vén màn lên coi. Dưới sự chiếu rọi của nguồn ánh sáng mặt trời, cô gái lộ ra như đang thiêm thiếp ngủ. Anh vành mi mắt cô gái. Một cảm giác lạ lùng chạy qua trái tim anh. Không phải tử khí mà là chút lửa le lói của sự sống! Cô gái không muốn chết, không cam tâm chịu chết. Diễm quay ra nói nhanh để mọi người yên tâm:

- Xin các ông bà nói rộng ra! Tôi cam đoan chữa khỏi cho cô gái này!

Diễm dùng tất cả sức lực và tâm trí của mình, cả nguyên khí hấp thụ từ trời đất, sức nóng trái tim mà cha mẹ hun đúc cho để khởi động lại trái tim của cô gái, trái tim quá mệt mỏi đang lịm dần, để vun vén lại chút lửa cuối cùng, giữ và nuôi nó bùng lên. Cô gái ơi! Em hãy vững tin, sự sống bao giờ cũng mạnh hơn cái chết.

Nửa giờ sau, trái tim cô gái yếu ớt đập trở lại.

Diễm bước ra khỏi căn buồng, mồ hôi đầm trán. Anh nói với bố mẹ cô gái, hãy nấu cho cô ăn một bát cháo đậu xanh, để cô nằm nghỉ. Hôm sau cô sẽ khỏe như bình thường. Rồi anh ra đi, không ai có cách nào giữ anh lại được.

Nửa năm sau, bố mẹ cô gái dẫn cô đến làng Hạ Đan, hỏi thăm nhà cụ Thiện.

Cụ Thiện khi ấy đã già lắm rồi nhưng vẫn còn tinh mắt. Diễm đi vắng. Bố mẹ cô gái thưa với cụ Thiện rằng, Diễm đã cứu sống cô gái, coi như

cho cô cuộc sống thứ hai. Bố mẹ cô xin đem cô tặng cho Điền làm vợ. Nếu Điền có vợ rồi thì làm vợ lẽ. Nếu Điền không ưng lấy thì xin làm người hầu.

Ông nội Điền ngẩng nhìn cô gái thấy xinh đẹp, phúc hậu thì nghĩ có lẽ do trời xếp đặt. Cụ nói:

- Thằng cháu Điền nhà tôi chưa thành gia thất. Nom ra chúng đẹp đôi lắm. Mời ông bà ngồi chơi, chờ cháu về ta sẽ nói chuyện tiếp.

Điền về, nghe mọi người thuật lại chuyện, đưa mắt nhìn cô gái, lấy làm ưng ý. Thế là họ thành vợ thành chồng.

Cô gái trẻ là của báu trời cho, sinh cho Điền một mạch 5 đứa con, ba trai hai gái. Đứa nào cũng phổng phao, khỏe mạnh. Thật là một gia đình hạnh phúc.

Cụ Thiện sống đủ một trăm tuổi, ra đi thanh thản. Hôm đó ngày rằm, cụ ăn chay, tắm rửa thay quần áo, lên giường nằm rồi đi. Ít lâu sau, ông Tích cũng mất. Điền thành chủ gia đình, vẫn tiếp tục nghề của ông cha. Các con Điền lớn lên đi học xa, lấy vợ, kiếm việc trên tỉnh. Hai cô gái lấy chồng, theo chồng về nhà chồng. Chỉ còn mỗi thằng út là quyết định ở lại làng, theo nghề bố, bắt rắn và chữa rắn cắn.

Năm mươi tuổi, ông Điền lên lão, gia nhập hội bảo thọ. Sổ sách gia đình ghi rõ, đến ngày 31 tháng 12 năm x.x. ông Điền đã bắt được 500 con rắn, cứu được 60 người thoát chết vì rắn độc cắn.

Lúc đó tỉnh rộ lên phong trào nuôi rắn lấy nọc xuất khẩu. Một giọt nọc độc rắn đổi được cả một khối vàng. Có vàng có thể mua được nhà máy, xí nghiệp. Vì vậy tỉnh hạ quyết tâm thành lập trại nuôi rắn. Cần có một chuyên gia bắt, nuôi rắn. Người ta nghĩ ngay đến ông Điền. Ông trại trưởng đem thư của tỉnh về tận Hạ Đan, mời ông Điền về trại công tác. Thằng út không muốn để ông đi. Nó bảo:

- Bố già rồi, hà tất phải vất vả. Bố đi để mẹ ở nhà một mình sao được.



Nhưng những đứa anh, chị lại muốn ông Điền đi. Về trại nuôi rắn làm việc, được trả lương cao, chúng có thể nhờ vả ông được. Chúng nói:

- Người ta vời bố về làm chuyên gia, trả lương cao, thế chả vinh dự à? Mẹ ở nhà đã có chú út. Một thời gian nhất định, bố được chia nhà đón mẹ lên ở, thế chả hay ư?

Thế là ông quyết định về làm việc cho trại nuôi rắn.

Trại rắn mới thành lập. Công việc đầu tiên là bắt rắn về nuôi.

Ngay tháng đầu, ông Điền đã bắt được 250 con rắn. Rắn bắt về được thả vào lồng, thả vào hầm, quấn vào nhau từng búi. Ba tháng sau ông Điền bắt thêm được 351 con nữa. Cơ ngơi của trạm nom đã khá. Người ta tuyển thêm nhân viên. Ông Điền kiêm thêm việc dạy nghề. Một năm sau trại có hàng vạn con rắn, tiếng tăm lừng lẫy. Ngoài nọc rắn xuất khẩu, trại còn lập xưởng chế rượu rắn, cao rắn và nhiều thứ chế phẩm quý hiếm khác. Nghe đầu lãnh đạo trại rắn còn định mở một trung tâm sản xuất đồ trang sức bằng da rắn.

Khách tham quan đổ về trại rắn nườm nượp.

Ông Điền giống như hiện vật sống của bảo tàng.

Các nhà báo tới thăm trại, vây lấy ông Điền, moi hết chuyện nọ đến chuyện kia. Cuộc đời của người chuyên bắt rắn này quả là một huyền thoại. Mỗi chuyện ông kể đều nhuộm màu truyền kỳ. Theo cách tính của các nhà báo, trên cơ sở những dữ liệu mà họ thu được thì từ thời cụ Thiện, qua ông Tích đến ông Điền, thì gia đình này đã bắt ít nhất 2101 con rắn và cứu được 160 người thoát khỏi lưỡi hái của thần chết. Riêng số rắn ông Điền bắt được là 1101 con hơn hai lần số rắn cụ Thiện với ông thân sinh đã bắt.

Trên thế giới, hình như bắt đầu từ nước Mỹ, người ta quen, nếu ai đứng đầu một ngành gì đó, một môn gì đó thì gọi là Vua: chẳng hạn Vua dầu lửa, Vua sắt thép, Vua lốp, Vua bóng rổ... Vì thế, theo tập quán thế giới, các nhà báo phong vua cho ông Điền, gọi là Vua Rắn.

Và nhiều chuyện ly kỳ được thêu dệt xung quanh ông Điền.

Người ta nói, cái đêm ông Điền ra đời, cả làng Hạ Đan tối đen như mực, riêng nhà ông Điền có hào quang bao quanh. Những người hàng xóm nhìn ra thì thấy vầng hào quang do một con rắn trắng sinh ra. Con rắn bò quanh nhà ông Điền bảy vòng. Vào đúng lúc ông Điền chào đời thì con rắn biến mất, vầng hào quang tụ lại một lúc lâu trên nóc nhà rồi mới tan. Thừa nhỏ, ông Điền được mẹ địu sau lưng khi đi làm đồng hoặc làm nương. Đôi lúc bà trải một cái ổ cỏ ở đầu nương, đặt ông Điền nhỏ nằm dưới bóng cây. Người làm nương tình cờ đi qua, ngó vào thấy cậu bé nằm ngủ, hai tay ôm một con rắn trắng. Người này lấy làm lạ, lúc vui chuyện mới mở miệng định kể cho bạn bè nghe, không ngờ lưỡi bị cứng lại như trúng gió. Lần thứ hai, cũng thế nên đành im lặng.

Người ta còn kể, cái cách chữa rắn độc cắn của ông Điền cũng rất lạ kỳ. Thuốc giải độc gia truyền của nhà ông không biết được chế từ những thứ cỏ cây gì, nhưng chắc chắn là những thứ cây cỏ ở xung quanh ta mà ta không biết. Người bị rắn độc cắn, trừ phi chết hẳn rồi, còn ông đều chữa được. Người nhà kẻ gặp nạn mời ông đến, rình xem ông chữa như thế nào. Nhưng chẳng thấy có gì đặc biệt. Không thấy ông làm các thủ thuật như rạch vết cắn cho rộng, hút máu độc ra rồi làm thuốc. Tuy nhiên, dường như mọi người đều thấy, sau khi xong việc, trước khi rời nhà nạn nhân ra về, bao giờ ông cũng ra góc vườn, tiểu một bãi, hái một nắm lá gì đó nhét vào túi. Một lần, có kẻ tò mò theo dõi, thấy ông Điền hái mấy cái lá nhót, ngớ lá nhót chính là thuốc chữa rắn cắn. Bất ngờ kẻ ấy bị rắn cắn, bèn lấy lá nhót nhai nuốt nước, còn bã thì đắp lên vết thương. Tưởng khỏi, dè dặt, mấy giờ sau người tím tái, co giật, suýt chết nếu ông Điền không đến kịp.

Những chuyện đại loại như thế khá nhiều.

Riêng chuyện sau đây đặc sắc không thể không ghi lại tỷ mỉ. Đó là chuyện ông Điền nghe được tiếng rắn, hiểu được những chuyện rắn nói

với nhau. Thừa nhỏ, ông Điền là một đứa trẻ hình dáng đen đui xấu xí. Cậu bé không thích chơi trò chơi gì ngoài ham rắn, thích chơi với rắn. Một buổi sáng, hình như cũng vào cuối mùa thu, cậu bé lang thang vào rừng. Trời đầy sương mù, con đường rừng quen thuộc nhòa đi và bắt đầu chơi trò ú tim. Trước mắt cậu thoát ẩn thoát hiện một cánh áo hồng. Và ở đâu đó thoảng đến một mùi thơm quyến rũ. Không phải mùi thơm hoa trầu dấp dính. Cũng không phải mùi thơm hoa trà núi mơn man. Càng không phải mùi thơm hoa linh chi huyền hoặc. Một mùi thơm ngớ có thể sờ nắn được mà vô hình. Cậu bé Điền bị (hay được cũng thế) mùi thơm ấy dẫn dắt. Cậu đi qua những lùm cây diu dặt tiếng chim, đi qua những bãi cỏ non ẩn hiện bóng dăm ba chú thỏ trắng. Cậu bé không nhớ đã đi như thế bao lâu, cho đến khi dường như sương mù bất chợt tan loãng và chói chang một cột ánh nắng dựng lên. Ngược nhìn trên đầu, đôi mắt cậu tròn xoe như hai hòn bi ve. Cậu bắt gặp hai con rắn trắng đang cuốn nhau trên đỉnh cây lim cao vút. Hai con rắn đang làm cái công việc duy trì nòi giống mà tất cả các loài vật khác đều làm. Nhưng đối với cậu bé Điền, thì đó là một điều ngạc nhiên lớn. Cậu ngắm cái sự lạ ấy một cách say mê. Thoạt đầu đôi rắn vờn nhau như múa. Điệu múa rắn cuộn lên một cơn gió, phát ra những âm thanh chí chát, lúc nhanh lúc chậm, nhẹ như mưa bụi, sầm sập như mưa rào. Rồi chúng cuốn vào nhau như hai nhánh của một sợi dây thừng. Những âm thanh rất mãnh, run rẩy. Cơn hứng tình làm cho đôi rắn say đắm. Sau đó là sự im lặng. Đôi rắn vẫn còn cuốn lấy nhau, mệt mỏi một cách thỏa mãn. Bất chợt cậu bé Điền nghe thấy có tiếng thì ào như tiếng người. Ai vậy nhỉ? Nhìn khắp không thấy một bóng. Tiếng thì ào vang lên ở trên đầu.”Thiếp có một viên ngọc, có phép cải tử hoàn sinh. Chỉ cần cho người chết ngậm viên ngọc đó là người chết sống lại. “Một giọng khác trầm thấp: “Nàng để viên ngọc đó ở đâu?” “Dưới gốc cây gạo!” Giọng trong hơi cao đáp. Cậu bé Điền chợt hiểu, đó là tiếng nói của đôi vợ chồng rắn. Ai xui cho cậu đến đây để cậu gặp cơ duyên này?

Như trên đã nói, Hạ Đan là một làng nằm lọt ở một vùng rừng núi trùng điệp, miên man kéo dài ra tận bờ sông Thao. Trong cái vùng rừng mênh mông ấy có bao nhiêu gốc cây gáo? Viên ngọc rắn mà cặp vợ chồng rắn lỗ mồm nói ra khi cảm thấy quá sung sướng không gì có thể để trong lòng được nằm ở gốc cây gáo nào? Ông Diên nghe được chuyện ngọc rắn lúc vừa mười ba tuổi. Mặc dù còn nhỏ, nhưng linh tâm mách bảo ông, đó là cơ trời, phải giữ kín. Năm năm sau, khi cậu bé Diên trở thành một chàng trai mười tám, thì trong một dịp hết sức tình cờ đã tìm được viên ngọc. Người ta nói chắc như đinh đóng cột rằng, nhờ có viên ngọc ấy, ông Diên mới cứu sống được bà Ly, từ đó mà nên đôi lứa, vợ chồng. Người nghe thắc mắc hỏi người kể chuyện: “Viên ngọc ấy có còn không?” Người kể chuyện đáp: “Mạng người vô cùng quý giá, một viên ngọc rắn chỉ cứu được một mạng người mà thôi!”

Trại rắn là doanh nghiệp của tỉnh, có nghĩa nó là doanh nghiệp nhà nước. Mặc nhiên những người làm trong trại trở thành công nhân viên nhà nước, phải chấp hành đầy đủ nội qui của trại. Nội qui chính là pháp luật. Một trong những điều quy định của nội qui là tất cả các nhân viên làm việc thường xuyên tiếp xúc với rắn phải đội mũ, đeo găng tay và đi ủng. Nhưng đối với ông Diên, không áp dụng những điều khoản đó. Đơn giản vì ông là Vua rắn.

Ông Diên được “phong” Vua, tiếng tăm vang dội. Để làm vừa lòng khách tham quan, trại xếp cho ông ở vào một căn hộ tập thể. Có nhà, ông về Hạ Đan để đón bà Ly lên ở cùng. Nhưng bà ngần ngừ, nói:

- Chẳng lẽ ông sẽ sống hết đời với cái trại rắn ấy? Thằng út đang cần có tôi ở bên cạnh. Lá rụng về cội, có đi đâu rồi cũng nên về làng. Mồ mả ông bà ở Hạ Đan cả. Thôi, tôi ở lại làng.

Đúng thế! Ông Diên nghe có lý. Rồi cũng tới lúc ông phải rửa tay gác kiếm, lui về quê, truyền những bí quyết của nghề bắt rắn, chữa rắn cắn cho thằng út, con ông. Do vậy ông để yên, không giục già, nài ép bà theo ông lên trại nữa.

Tuổi ngoài năm mươi, mắt kém, tay chân cũng chậm chạp, trí nhớ của ông Diên giảm sút. Một lần, đám học trò của ông đi rừng bắt được một con rắn lạ, mầu sắc óng ánh, chỉ nhỏ bằng chuôi con dao ăn, đầu bẹp và nhỏ. Quá nửa đời người, ngỡ rằng không còn loại rắn gì mà ông không biết. Vậy mà, cứ theo cách mô tả ấy, thì hình như ông Diên chưa hề nghe thấy chứ đừng nói nhìn thấy con rắn nào thuộc loại như thế. Nhưng đại phàm những con rắn mầu sắc sặc sỡ thì bao giờ cũng là rắn độc. Đã mầu sắc sặc sỡ mà lại nhỏ thì phải thuộc loại cực độc. Nhưng do mấy ngày đó, khách tham quan quá đông, ông Diên quên bẵng chuyện con rắn ấy.

Ngoảnh đi ngoảnh lại, đúng vào dịp đám học trò của ông Diên bắt được con rắn lạ, tính ra thì ông cũng đã làm việc ở trại rắn được năm năm. Thời gian như vó câu vút qua cửa sổ. Người đời vẫn nói thế. Đối với một ông già thì năm năm đúng là một món quà quý mà trời ban tặng, không thể không lấy làm vui. Do đó đám học trò quyết định tổ chức một bữa tiệc nhỏ để mừng thầy dạy nghề. Tiệc đầy rượu và đầy hoa. Ông Diên lấy làm mãn nguyện lắm. Ông nói, ông lấy làm tự hào về nghề của mình. Lãnh đạo trại phát biểu, ca ngợi ông là người lao động tận tụy, giỏi nghề xứng đáng với danh hiệu Vua Rắn mà báo chí phong tặng cho.

Bữa tiệc sắp tàn thì bất ngờ có một vị lãnh đạo tỉnh tới thăm. Ông trại trưởng yêu cầu ông Diên dẫn khách đi tham quan. Giới thiệu với vị lãnh đạo, ông trại trưởng nói:

- Báo cáo đồng chí, ông Diên của chúng tôi được báo chí tặng cho danh hiệu Vua rắn rất xứng đáng. Một tay ông đã bắt cả ngàn con rắn, cứu ngót trăm người thoát chết do rắn độc cắn. Cơ ngơi của trại được như ngày nay, có công đóng góp rất lớn của ông Diên.

Vị lãnh đạo tỉnh gật gù:

- Ông Diên không phải của riêng trại rắn các đồng chí, là của chúng ta. Ông là vốn quý của tỉnh nhà. Trong công cuộc làm giàu cho đất nước, còn rất nhiều những người như Vua Rắn!

Ông Điền nghe vị lãnh đạo cấp cao khen, thấy nở nang cả gan ruột. Cái danh hiệu Vua Rắn mà báo chí phong tặng, ông nghe mãi quen tai. Những chuyện thêu dệt quanh ông, người này truyền người khác, đến tai ông, lâu dần đến mức ông cũng tin đó là sự thật. Phải, đất Hạ Đan đâu chỉ có phát trạng, còn phát Vua nữa chứ!

Lòng dạ lâng lâng, ông Điền lảng xảng dẫn vị lãnh đạo tỉnh đi một vòng xem hết các loại rắn mà trại có. Ông giới thiệu tỉ mỉ, với loại rắn nào thì cho ăn thức ăn gì, cho ăn vào lúc nào thì nó phát triển nhanh, lấy nọc vào lúc nào thì được nhiều nhất và chất lượng nhất.

Vị khách đội mũ, đi ủng, đeo găng tay nặng nề bước theo ông Điền chân trần, tay không, lượn đi lượn lại giữa những hầm, những lồng mà rắn thi nhau phô diễn đủ các tư thế bò, nằm, leo, bám, cuốn lấy nhau từng búi. Vị lãnh đạo có vẻ ngượng vì mặc cảm bé gan hơn cái ông nông dân đen đúa như củ ấu gai. Ông quay lại nói với trại trưởng:

- Đồng chí trại trưởng này, đồng chí nên làm đề nghị khen thưởng cho Vua Rắn, gửi lên tỉnh tôi sẽ giải quyết sớm.

Vị lãnh đạo nói riêng với trại trưởng, nhưng nói to cho cả ông Điền cùng nghe. Ông Điền thấy lãnh đạo tỉnh đánh giá cao mình, thì cảm thấy dường như có thể bay lên được chín tầng mây.

Bất ngờ vị khách cất tiếng hỏi:

- Ông Điền, con rắn kia thuộc loại gì nhỉ?

Ông Điền đưa mắt nhìn, bấy giờ mới phát hiện ra con rắn lạ. Con rắn nhỏ bằng chuôi con dao ăn, đầu bẹp và nhỏ xíu, màu sắc óng ánh. Ông bước tới gần, với tay định nhấc cái lồng sắt, thì bất ngờ thấy mu bàn tay bị nhói buốt. Tiếp liền đấy, nhoáng một vệt sáng lao xuống đất, biến mất giữa những cỏ và lổn nhổn đá. Sự việc diễn ra trong nháy mắt, những người đi cùng ông Điền không ai hay biết.

Linh tính và cảm giác nghề nghiệp cho ông biết, ông vừa bị con rắn đực, bạn của con rắn bị nhốt trong lồng cắn.

Ông Điền cảm thấy như quả tim ông vừa bị va đập mạnh. Ông rửa thắm: “Đồ rắn độc khốn kiếp!” Nhưng nét mặt ông Điền không hề biến sắc. Ông nói:

- Thừa đồng chí thủ trưởng, loại rắn này rất hiếm, đi đâu cũng có đôi. Nếu bị nó cắn là cầm chắc cái chết.

Vị khách cười phá lên bảo:

- Đây là không gặp được Vua Rắn, đúng không?

Ông trại trưởng hòa theo:

- Thừa thủ trưởng, đúng như thế đấy ạ!

Ra khỏi khu vực nuôi rắn, vị lãnh đạo cao cấp còn dừng lại hỏi han về gia đình, con cái ông Điền, hứa sẽ bố trí cho ông Điền đi ra nước ngoài một chuyến để tham quan xem người ta nuôi rắn lấy nọc như thế nào.

Ông Điền đứng mà chẳng nghe thấy gì hết. Ông có cảm giác, tim ông đang run rẩy. Tiễn khách đi rồi, ông Điền loạng choạng về phòng, nguệch ngoạc viết thư cho vợ con, sau đó leo lên giường đắp chăn, nhắm mắt.

Ông ngủ một mạch không bao giờ dậy nữa.

Tin Vua Rắn chết làm chấn động cả tỉnh, nhưng chẳng ai biết rõ nguyên nhân. Bởi vì trước khi lên giường, ông Điền đã khóa cửa ở bên ngoài. Hôm sau, hôm sau nữa, không thấy ông đi làm, mọi người cứ nghĩ vì việc gì đó gấp, ông về quê, không lên kịp. Ngày thứ ba thì mọi người phát hiện Vua Rắn đã chết. Kì lạ, ông chết rồi mà dung nhan vẫn còn tươi tỉnh. Trại rắn vội cử người về Hạ Đan đón bà Ly và các con ông lên. Gia đình một mực xin đưa thi hài ông về mai táng ở quê, cự tuyệt việc giải phẫu khám nghiệm.

Vị lãnh đạo tỉnh cứ tiếc rẻ mãi, không được ký quyết định khen thưởng Vua Rắn. Ông nói với trại trưởng:

- Người xưa nói, nước một ngày không thể không vua, ngày nay làm

nghề gì cũng phải có vua nghề ấy. Trại rần không thể thiếu Vua rần. Đồng chí nên đón cậu út con ông Diên về trại, cậu ấy sẽ kế tục Vua rần!

Vị lãnh đạo tỉnh viết thư, ký tên, đóng dấu để ông trại trưởng cầm về Hạ Đan mời cậu Út. Đi lại năm lần bảy lượt, cho đến nay, cậu Út vẫn chưa trả lời.

*Trại sáng tác Đà Lạt 30-10-1997*

*H.P.P*



# Bãi nước bọt

(SH số tháng 11 - 1998)

Tiếng khóc thét lên, giấy đành đập giữa đêm khuya của đứa bé làm náo loạn cả đại gia đình cụ Phấn. Cụ Phấn ông tuy đã gần 80 tuổi, tay phải chống gậy rồi nhưng lại là người đầu tiên đến bên giường đứa bé để cùng bố mẹ nó dỗ dành cháu. Một lúc sau, các bác, các anh chị của đứa bé ở quanh đó cũng lục tục đến. Người ta tìm đủ mọi cách để làm cho đứa bé nín khóc, từ những lời nịnh nọt đến những hành động cụ thể như ra vườn vặt cam, mò lên chuồng gà bắt con gà con kêu chiếp chiếp, phóng xe máy ra phố huyện mua kẹo, bánh đưa cho nó nhưng đứa bé vẫn hất hết đi, đuồn người khóc to hơn. Tiếng khóc của nó chẳng những phá tan giấc ngủ của người lớn mà còn khuấy cả những đứa trẻ trạc tuổi nó thức dậy. Chúng cũng ọ ọ khóc, nhưng chỉ được vài tiếng, sau mấy cái vát vào đít hay sau tiếng quát của bố mẹ: Mày có cảm mồm đi không thì bảo thì hết thấy đều cảm bắt và chỉ một lúc sau chúng lại lăn ra ngủ, lãng quên cả tiếng khóc đã làm chúng thức giấc.

Trong gian nhà của cụ Phấn dành riêng cho vợ chồng Thực, đứa bé vẫn khóc, mọi người tiếp tục dỗ dành nó. Đứa bé càng khóc to, người ta càng tỏ ra xót xa, thương cảm, không hằn cho nó mà chỉ cốt để lấy lòng

cụ Phấn và bố mẹ nó. Có cảm tưởng như ai đó làm cho đứa bé nín khóc, cụ Phấn và bố mẹ nó sẵn sàng móc túi ra bạc triệu để trả công. Một trăm ngàn đã là quá to, đủ cả một gia đình sống một tháng đằng này lại những một triệu! Số tiền quá lớn, nếu rơi vào tay chị Cả, chị sẽ đong ngay ngót tấn thóc; vào tay chị Tư, chị sẽ sửa sang lại cái chuồng lợn bị đổ và thả vào đó một con lợn nái để nó sinh sôi nảy nở!

Ấy là nghĩ vậy thôi chứ chắc gì vợ chồng Thực dám bỏ ra dăm chục ngàn! Tiếng là giàu có nhưng vợ chồng Thực kẹt lắm. Tiền nuôi bố gửi về cho chị Mùi hàng tháng, vợ chồng Thực tính chi ly đến từng mớ rau muống. Dăm thì mười họa hai vợ chồng mới về quê nhưng chả khi nào cho các chị, các cháu được lấy bộ quần áo ra hồn. Toàn quần áo hàng thùng bán đầy rẫy ở các vỉa hè Hà Nội, vợ chồng Thực mua về làm quà! Biết là hàng Si-đa đấy nhưng mới khi nghe vợ Thực ngọt ngào: Nhà em mới đi công tác ở nước ngoài về, có bộ quần áo tặng chị, tặng cháu là ai nấy đều hăm hở để làm vui lòng vợ chồng Thực.

Chả phải đến tận bây giờ, những người chị của Thực mới biết chẳng bao giờ nhờ vả được gì vào cậu út mà ngay từ khi Thực còn là đứa trẻ hay đá dấm trên lưng các chị, họ đã hiểu rằng Thực là một con người ích kỷ và hiếu thắng. Bất cứ cái gì Thực muốn, các chị đều phải làm theo, nếu không Thực chỉ cần lặn ra đất ăn vạ là cụ Phấn lại găm lên: Con chết trôi, chết dịch kia, mày trông em thế hã!. Thực là đứa con nổi dỗi tông đường, Thực phải được hưởng tất cả những quyền lợi đặc biệt, đó là lời dặt bảo quan trọng mà cụ Phấn thường xuyên nhắc nhở vợ và sáu người con gái. Trong cuộc sống hằng ngày, lời chỉ giáo này của cụ Phấn được thực hiện một cách triệt để. Sáng sáng khi các chị chỉ được hưởng định mức mỗi người ba củ khoai lang để lấy sức đi nhổ mạ, đi cấy, gánh phân, vạc bờ, cuốc góc thì Thực lót dạ hai bát cơm nóng với cá bống kho rồi đi đánh đáo, chơi diều. Bữa trưa và tối, các chị ăn cơm với rau muống luộc, mắm tép kho mặn thì Thực ăn thịt nạc rim với nước mắm. Như một thói quen

cổ hũu, sự cung phụng và nhường nhịn của những người chị cho đến tận bây giờ, khi mà Thực đã giàu có, đã công thành danh toại vẫn không mất đi. Mỗi lần về quê, mời cơm vợ chồng Thực, con gà giết ra, bao giờ họ cũng dành cho Thực cặp đùi đã lột da - món ăn mà Thực ưa thích nhất.

Từ lúc lọt lòng mẹ, Thực là con người của sự an nhàn, sung sướng. Khi còn sống với bố mẹ, Thực được nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Khi bước ra xã hội, Thực có biệt tài nịnh hót hơn người nên con đường công danh cứ lên như cánh diều no gió ngày nào Thực hay thả ở cánh đồng xóm bãi. Nhưng mà đời cũng công bằng lắm, chẳng cho ai hết hạnh phúc cũng chẳng làm ai toàn bất hạnh bao giờ, Thực sung sướng về bản thân nhưng đường con cái lại gian nan lận đận. Lấy vợ từ năm hai mươi tuổi, mãi đến năm bốn mươi Thực mới được mụn con trai. Vợ chồng Thực vui mừng khôn xiết, mở tiệc ăn mừng suốt hai ngày liền. Đứa bé hay ăn, chóng lớn, được nuôi dưỡng theo chế độ đặc biệt còn hơn cả ngày xưa mà bố nó được hưởng. Hạnh phúc của vợ chồng Thực kéo dài được gần hai năm, đúng lúc đứa bé biết nói, biết đi thì đâm ra khó tính khó nết. Đêm đêm đứa bé hay thức giấc khóc giẫy lên đành đạch như bị ma làm, không ai có thể thí được, chỉ đến khi kiệt sức nó mới tự nín và chìm vào giấc ngủ. Đứa bé đang hồng hào béo tốt, sau mười ngày, tiêu tụy đến thảm hại. Vợ chồng Thực bàn nhau bế con về quê hy vọng không khí trong lành của làng quê sẽ làm đứa bé khỏi bệnh quấy khóc.

Đêm nay, đêm đầu tiên của đứa bé ở quê, đi đường xa, nó mệt và ngủ ngay từ chập tối, mọi người đều hồi hộp chờ đợi, ai cũng cầu mong cho nó ngủ một mạch đến sáng nhưng than ôi, đúng một giờ mười lăm, nó đạp hai chân mấy cái rồi khóc thét lên, gằn một tiếng đồ dành rồi, ai nấy đều lắc đầu bất lực. Bỗng huych! Cái thân hình cao to của thằng Muôn con chị cả Mùi đổ đánh huych xuống chiếc giường trải đệm ga trắng muốt của vợ chồng Thực mới mua hồi chiều. Thằng Muôn, mắt trợn ngược, chân tay co giật liên tục, mép sùi đầy bọt. Chị Mùi chạy lại chỗ thằng Muôn, lấy khăn lau nước dãi cho con, miệng sợ hãi:

- Con ơi! Sao lại ngã ra giường cậu thế này hả con ơi!

Vợ Thực trông thấy đám nước dãi của thằng Muôn chảy lều phều ra ga, mặt mày cau có, liếc xéo chồng một cái rất nhanh. Thực sa sầm mặt, miệng tru lên:

- Hừ động kinh. Lại động kinh! Sao chị không kiểm cái xích mà xích chân nó lại!

Chị Mùi nghe Thực nói, lòng quặn lên đau nhói, chị nói với Thực như van xin:

- Cậu ơi! Cháu nó lỡ rồi, sáng mai tôi sẽ giặt đên cậu. Số nó khổ nên mới bị bệnh chứ ai muốn vậy cậu ơi!

- Không xích nó lại - Tiếng cụ Phấn hỗn hển - Thì cũng có ngày nó lộn cổ xuống ao chết mất xác thôi!

Sau lời cụ Phấn, nhiều tiếng ồn ào nổi lên ủng hộ sáng kiến của Thực và cụ Phấn. Đâu chỉ có đại gia đình cụ Phấn mà cả làng, cả xã này ai chả biết đến bệnh động kinh của thằng Muôn. Cứ hai, ba ngày là thằng Muôn lại lăn ra ằng ặc. Vào mùa hè, trời nóng nực có khi ngày mấy bận. Vì bố mẹ phải xuôi ngược kiểm cái ăn, các em phải đi học, đi làm đỡ đần bố mẹ, không có ai trông giữ, mấy lần thằng Muôn lên cơn ngã xuống ao nhưng số nó chưa chết, mỗi lần ngã xuống ao đều có người nhìn thấy vọt lên. Không ai phát ngôn thành lời, song trong ý nghĩ mọi người, thằng Muôn coi như đã chết, vì thế có xích chân hay nhốt thằng Muôn lại cũng chẳng sao!

Cơn động kinh của thằng Muôn đang vào lúc cao trào, cái giường của vợ chồng Thực rung lên, làm rớt cả chăn và gối. Vợ Thực không nhìn được nữa, bế đứa bé đang khóc ngằn ngặt đi lại định nhặt chăn và gối ném lên mặt bàn thì tự dừng đứa bé nín khóc, tròn hai mắt nhìn thằng Muôn. Trong lúc thằng Muôn đang đau đớn vì những cơn co giật thì đứa bé thấy thích thú trước cái trò mà nó chưa bao giờ được chứng kiến! Nó

chỉ tay về phía thằng Muôn và nhoẻn miệng cười. Mọi người hân hoan cười theo. Cụ Phấn bảo:

- Thằng động kinh hôm nay được việc, giỏi, giỏi lắm!

Đó là lời khen duy nhất mà cụ Phấn dành cho thằng Muôn - đứa cháu ngoại mà cụ chối bỏ từ khi nó còn nằm trong bụng mẹ. Năm chị Mùi mười chín tuổi, chị yêu một người con trai xóm trại, cụ Phấn tuyên bố từ mặt nếu chị không chấm dứt quan hệ với thằng con hoang không cha đó. Vì quá yêu chị Mùi liễu có thai trước để buộc cụ Phấn vào thế đã rồi. Cụ Phấn uất ức lắm nhưng cơ sự đã thế, không cho cưới, dân làng biết được sẽ làm ô nhục danh giá gia đình. Khi thằng Muôn ra đời, cụ coi nó là nguyên nhân gây nên tội lỗi, cụ hắt hủi xa lánh nó. Chị Mùi biết rõ điều này, khi thằng Muôn đã lớn, chị thường khuyên con ít sang nhà ông ngoại, nhưng thằng Muôn động kinh, người dờ dờ ương ương nào có biết được nguyên nhân, phùng má, trợn mắt quát lại mẹ: Mẹ không yêu ông ngoại thì để con yêu, đừng có mà dờ hơi! Giờ đây người mẹ dờ hơi của nó khi nghe cụ Phấn khen nó được việc thì lòng rộn rạo một niềm hân hoan.

Đêm hôm sau công trạng của thằng Muôn lại được ghi nhận, khi vào tầm một giờ kém năm, đứa bé lại giật mình khóc thét lên. Mọi người có mặt tại nhà cụ Phấn đêm qua lục tục kéo đến trừ có thằng Muôn vẫn nằm kéo gối ò ò ở bên nhà. Dĩ nhiên không được, anh con rể thứ ba rẽ mọi người ra bảo:

- Để tôi thử làm thằng Muôn xem nào!

Nói xong, anh từ từ nằm ra nhà, chân tay cào cào vào không khí như thể mình đang lên cơn động kinh. Trong kịch trường, các diễn viên có thể hóa thân vào các nhân vật một cách xuất sắc, khiến người xem tưởng như thật nhưng họ phải có tài, trải qua khổ luyện. Trong cuộc đời, kẻ này có thể lập vai kẻ kia y như bản sao nhưng phải biết giỏi mưu mẹo. Đảng này đảng anh con rể của cụ Phấn chỉ có biết cày, cuốc, cơm no bò cưỡi

nên nhập vai thằng Muôn quá gương gao, đến nỗi các đạo diễn vây xung quanh phải chỉ đạo toáng lên:

- Chân tay giật mạnh vào!

- Ối giờ ơi! Động kinh gì mà mắt lại nhắm tịt thế kia? Trợn lên, trợn lên!

- Miệng cũng phải giật, phải méo mó vào! Vợ Thực bế đứa bé lại, nó nhìn người dưới đất một lúc, nín được một tý rồi lại lăn ra khóc.

Bồng cụ Phấn nói như ra lệnh:

- Thằng động kinh! Đưa thằng động kinh đến xem thế nào!

Chị Mùi tất tả chạy về nhà lôi thằng Muôn đến. Mắt nhắm, mắt mở, thằng Muôn cau có nhìn mọi người. Không thể bắt thằng Muôn lên cơn động kinh thật được, ai nấy đều giục giả thằng Muôn làm động kinh giả để cho cho đứa bé nín khóc như đêm qua. Thằng Muôn ngượng ngùng lắc đầu, nó chưa làm thế bao giờ. Mọi người lại giục, nịnh hót thằng Muôn, mẹ nó van lơn, chấp hai tay lấy nó như tế sống. Vì thương đứa trẻ và thương mẹ, thằng Muôn chấp nhập vai động kinh. Không làm theo kiểu từ từ nằm xuống như anh con rể thứ ba của cụ Phấn, thằng Muôn đang đứng, ngã đánh huỵch xuống nền nhà, người giật lên đùng đùng. Chẳng biết có phải do cái bệnh động kinh đã ngấm vào máu thịt hay vì thương đứa bé, thương mẹ mà thằng Muôn vào cuộc thành công đến nỗi đứa bé cười lên như nắc nẻ. Mọi người hân hoan, vỗ tay reo lên: Giải lắm! giải lắm! Thực cầm tay cụ Phấn kéo lại cửa sổ nói nhỏ.

- Con sẽ đưa thằng Muôn lên thành phố!

- Để chữa bệnh khóc cho thằng bé hả? - Cụ Phấn ranh mãnh nói - Được, tôi sẽ bảo con mẹ nó nhưng anh nhớ nói là đưa thằng Muôn lên đấy chữa bệnh động kinh chứ đừng nói...

- Con có ngu đâu - Thực cắt ngang lời - mà nói ra sự thật.

Sáng hôm sau đích thân cụ Phấn dẫn Thực sang nhà con gái bảo gửi

thằng Muôn lên thành phố cho vợ chồng Thực chữa bệnh, chị Mùi tái mặt, chị biết chẳng bao giờ vợ chồng Thực hảo tâm đến mức đưa cháu lên ở với mình để chữa bệnh cho cháu. Thằng Muôn lên đó, chỉ là thứ thuốc sống chữa cái bệnh khóc đêm của đứa bé, con vợ chồng Thực mà thôi. Thằng Muôn tuy bị động kinh, dở người nhưng lại là đứa con mà chị thương yêu nhất trong bốn người con của chị. Mỗi lần đi chợ về, chị đều mua dấm dúi cho nó khi tắm bánh nếp, lúc thì quả chuối tây to như cái bắp tay. Những lúc thằng Muôn lên cơn động kinh, chị ngồi cạnh lau nước dãi cho con, đôi mắt nhòe lệ. Phải xa con để nó lên sống lạc lõng một mình trong ngôi nhà sang trọng của cậu nó ư? Không thể thế được, thiếu tình mẫu tử, thằng Muôn có thể không bị chết vì bệnh động kinh mà sẽ chết bằng sự lợi dụng, ngược đãi của vợ chồng Thực. Chị từ chối thiện ý của vợ chồng Thực. Cụ Phấn găm lên, cụ bảo nếu không cho đi để chữa tiết cái bệnh động kinh, lỡ ngộ nó chết ở đầu đường, xó chợ, người ta lại chả bôi tro trát trấu vào mặt cụ. Nếu không cho đi cụ cứ lao đầu xuống giếng chết quách đi cho thiên hạ khỏi ỉa vào mặt cụ! Vì sợ cụ Phấn tự vẫn, chị Mùi đành nén nỗi đau để vợ chồng Thực đưa thằng Muôn đi.

Lên thành phố, thằng Muôn ở chung căn phòng với bà Thoại, người đàn bà mà vợ chồng Thực thuê để cơm nước, giặt giũ quần áo. Để phòng thằng Muôn động kinh nhổ nước bọt vào đồ dùng, trang thiết bị trong gia đình, vợ chồng Thực bảo bà Thoại xích chân thằng Muôn vào chân giường bằng đoạn dây xích mà trước đây vợ chồng Thực vẫn xích chó Nhật. Bị xích chân, vướng víu và khó chịu, thằng Muôn không hề phản ứng, trong cái đầu ngơ ngẩn của nó, vẫn còn một phần giúp nó nghĩ đến mẹ với tình thương mãnh liệt. Mẹ bảo nó lên ở nhà cậu, cậu mợ sai bảo gì phải vâng lời, không được cãi lại. Nó đã gật đầu, như một sự thỏa ước. Và trong ý nghĩ của thằng Muôn, việc để cậu xích chân có nghĩa là nó đã thực hiện thỏa ước với mẹ. Cũng như đêm đêm thằng Muôn phải nhập

vai động kinh một cách xuất sắc, có nghĩa là nó đã thực hiện thỏa ước với mẹ. Bệnh khóc đêm của đứa bé giảm đi rõ rệt, sau hai tuần từ ngày có thằng Muôn, nửa đêm thức giấc, không cần phải thấy thằng Muôn giẫy lên đành đạch mà chỉ cần nhìn thấy thằng Muôn ngồi bên cạnh, tay chân khua khoắng mấy cái là đứa bé nhoẻn cười. Và một lúc nó lại chìm vào giấc ngủ. Vợ chồng Thực vui, mừng khôn xiết. Công lao của thằng Muôn là hết sức to lớn và rất có thể nó sẽ làm xoay chuyển tình cảm của Thực, buộc vợ chồng Thực phải đưa thằng Muôn đi chữa bệnh động kinh một cách nghiêm túc chứ không phải nhờ một tay bác sĩ tư quen biết, lập bệnh án kèm theo một loại thuốc an thần rẻ tiền, để khi có trả thằng Muôn về quê, thì cũng có cái cớ để nói là đã tận tình chữa bệnh cho cháu! Thế nhưng thằng Muôn đã vô tình gây lên một việc làm kinh thiên động địa đến gia đình Thực.

Đó là một chiều chủ nhật đẹp trời, vợ chồng Thực mời ông Hoàn đến nhà ăn cơm. Ông Hoàn là thủ trưởng của Thực, sắp tới ông được điều lên Bộ. Hai người mà ông dự kiến thế chỗ ông là Thực và ông trưởng phòng Tổ chức. Để lấy lòng ông Hoàn, cả Thực và ông trưởng phòng Tổ chức đều ra sức mua chuộc ông. Ông Hoàn là người đam mê tửu sắc; sắc thì Thực vừa tuyển cho ông một cô thư ký đẹp và quyến rũ mê hồn, còn tửu thì cách một tuần, Thực lại mời ông về nhà để thưởng thức những loại rượu ngoại mà trong một lần vui miệng Thực đã ví chai rượu tương đương với một năm tiền ăn của người nông dân quê Thực. Rượu làm cho ông Hoàn hưng phấn, ông bảo nếu số ông làm được quan to, lên đến chức Thủ tướng thì ông sẽ làm mọi việc theo kiểu này, kiểu kia. Thực gật đầu lia lịa. Ông Hoàn gấp miếng dôi chó, quên cả chấm mắm tôm, bỏ tọt vào mồm nhồm nhoàm nhai, ông chưa kịp nuốt thì lãnh trọn một bãi nước bọt to tướng vào giữa mặt. Nhận ra thằng Muôn cười cười nhìn mình, ông Hoàn hăm hăm mặt, nghiêng răng: - Anh là thằng đều, anh định coi tôi là chó phải không? Mặc cho Thực thanh minh là thằng Muôn bị động kinh không biết gì và ra sức van lạy ông Hoàn, nhưng



ông và cô thư ký vẫn bỏ ra về. Thăng Muôn bị động kinh, lại đúng lúc bà Thoại lơ là quên xích chân nó nên cơ sự mới xảy ra. Theo thói quen, mỗi lần động kinh xong, nằm ngủ khoảng hai mươi phút, thăng Muôn tỉnh dậy và đi lang thang không có định hướng, vừa đi nó vừa nhổ nước bọt lung tung. Những lúc đó, thăng Muôn không hề nhận thức được gì nên ông Hoàn mới bị một bãi nước bọt. Thăng Muôn bị động kinh thật nhưng ông Hoàn lại cho rằng Thực chơi xỏ mình, định rửa nhục mình sau cái lần ông dở tỉnh dở say lừa tay vào ngực vợ Thực ở chỗ cầu thang. Vụ ấy vợ Thực không nói cho chồng biết, sợ Thực làm âm ỉ lên, ảnh hưởng đến đường công danh. Thậm chí nhiều lúc nhớ lại, vợ Thực còn cảm thấy râm ran cả người. Khiếp cái bàn tay mát lạnh như bàn tay con gái ấy, nhoeang một cái đã làm người ta nghẹt thở! Bãi nước bọt của thăng Muôn làm Thực mất ăn mất ngủ. Thực tìm mọi cách để thanh minh, sau khi đã tốn với bà vợ ông Hoàn và cô thư ký của ông khá nhiều tiền, Thực mới được ông Hoàn tiếp chuyện nửa tiếng tại nhà riêng. Thực dẫn cả thăng Muôn đi theo. Thực trình bày với ông Hoàn về bệnh động kinh của thăng Muôn, đưa cả cho ông xem bệnh án. Ông Hoàn nghe một cách thờ ơ. Thực nhìn về phía thăng Muôn nháy mắt một cái, nhận được ám hiệu, lập tức thăng Muôn đang ngồi trên ghế lộn nhào xuống đất giãy lên đành đạch. Thực hoảng hốt:

- Chết, chết, nó lại bị nữa rồi!

Nhìn thăng Muôn chân tay co giật, miệng méo xệch, mắt trợn ngược, ông Hoàn khiếp vía. Không khéo nó chết thật ở đây thì rầy ra to! Ông đi lại cúi xuống xem, cất giọng vừa bực vừa lo:

- Bị động kinh thật à? Thăng Muôn tưởng ông Hoàn hỏi mình, sự nhớ tới lời Thực dặn: Đến đây phải lễ phép, gọi dạ, bảo vâng, họ hỏi bị động kinh thì bảo cháu động kinh từ nhỏ, nó ngẩng đầu dậy cung kính:

- Dạ, cháu bị động kinh từ nhỏ ạ! Ông Hoàn trợn tròn mắt. Hiểu được sự thật, ông cười phá lên:

- Tôi vẫn biết, muốn bon chen được với đời, người ta phải đóng kịch với nhau, nhưng chưa bao giờ tôi lại gặp màn kịch kiểu này đây!

Thực cứng lưỡi, không thể mở mồm nói được câu gì, cầm tay thằng Muôn lúi đi. Từ đấy, đặc biệt là từ ngày ông trưởng phòng Tổ chức lên thay ông Hoàn và vô hiệu hóa Thực, bãi nước bọt trên mặt ông Hoàn ngày đêm ám ảnh Thực, Thực có cảm tưởng như nó chui cả vào miệng mình. Thực lợm giọng nhỏ đi, lâu thành thói quen. Bây giờ xem ra Thực còn nhỏ thiện nghệ hơn cả thằng Muôn trong những lúc nó động kinh thật.

V.Đ

N G U Y Ễ N   K H Ắ C   P H Ề

# Chuyện tâm tình bên sông

*Lời Tòa soạn trên SH số tháng 4 - 1999:*

Trong cuộc đời viết văn ai cũng có trang đầu tay nhưng không phải trang viết đầu tay nào cũng thành công, tuy nhiên có trường hợp trang đầu tay đã báo hiệu nghiệp văn, đã dọn đường cho nhà văn đi suốt cuộc đời viết văn của mình. Truyện ngắn “Chuyện tâm tình” của Nguyễn Khắc Phê là một trường hợp như vậy.

Sáng lâu rồi nhưng mặt trời vẫn chưa lên. Một thứ ánh sáng vừa mát dịu, vừa trong trẻo bao phủ bầu trời. Dãy núi Vân phía xa trắng mờ sương sớm. Dưới sông, hơn chục chiếc thuyền đánh cá quây lại thả mề lưới đầu tiên trong ngày. Xa xa, một cánh buồm căng đầy gió ban mai.

Trên chiếc phà nhỏ giữa dòng sông, Hoan, Tý, hai nữ xã viên hợp tác xã số 4 sang làm ở công trường, vẫn đều tay bơm hơi cho thợ lặn Bổng đang làm việc dưới đáy sông.

Trong số các cô gái đến làm ở đây, Hoan là người được công trường chú ý nhiều nhất. Hoan có mái tóc không uốn mà hơi cong, có nước da thấm ánh nắng mặt trời và ngậm mùi lúa chín, hồng hào, khỏe mạnh, có cái miệng xinh xắn, ít cười nhưng rất có duyên. Hoan được nhiều người chú ý còn vì cái tính “say mê” công trường của Hoan, vì một vấn đề chưa có ai trả lời được: “Có đúng là Hoan yêu Bổng không?”

Điều nan giải đối với mọi người lại chính là điều Hoan biết rất rõ. Hoan biết mình đã yêu Bồng, nhưng nếu có người hỏi: “Vì sao Hoan yêu?” thì đó lại là điều nan giải đối với Hoan.

Bồng không có tài gì đặc sắc lắm, cũng không đẹp trai. Bồng và Hoan lại chưa lần nào ngồi trò chuyện tâm tình cả. Thế mà Hoan đã yêu. Có thể vì đôi mắt có cái nhìn xa vời, mơ mộng của Bồng; cũng có thể vì những bài hát không trọn vẹn nhưng làm rung động lòng người mà Bồng hay cất lên trong những sáng tinh mơ. Có thể vì tinh thần làm việc say mê của Bồng. Có thể vì... những điều mà chưa có người nào giải thích được.

Hoan vẫn đều tay bơm, mắt nhìn mãi tận phía xa. Cô mong mặt trời lên, mong những chiếc thuyền kéo lên mẻ lưới lấp lánh màu vẩy cá sáng trắng. “Sao mãi anh ấy chưa lên?” Hoan cúi nhìn mặt nước lòng tự hỏi lòng. Một ý nghĩ khá thú vị nhưng rất khó diễn tả đến với cô. “Mình ở trên này có bầu trời rộng không thước nào đo được. Dưới đáy sông, “bầu trời” của anh ấy chỉ là cái đầu đồng tròn xoe ôm vừa đủ cánh tay. Ở dưới, anh ấy thiếu thốn không khí. Nếu mình ngừng tay bơm là mặt sông sẽ thôi không cuộn lên nữa. Cái mặt nước phẳng lặng đó báo hiệu là anh ấy đã ngừng thở, tim anh ấy ngừng đập... Ồ! Chỉ nghĩ vẩn vơ! Tim mình còn đập thì cánh tay mình vẫn bơm, vẫn chuyển hơi thở cho anh ấy...”

Hoan nhìn chăm chăm vào mặt nước và bỗng nhiên bơm nhanh hơn. Tất cả những cái đó, Tý đã nhìn thấy.

- Hoan! Làm gì mà mà bơm nhanh thế!

Như vụt tỉnh cơn mê, Hoan ngoảnh vội đi chỗ khác để giấu đôi má tròn trĩnh vừa biến màu.

Bồng mặt nước rung động mạnh. Hoan nói trong hơi thở dồn dập:

- Anh ấy lên rồi!

Một cái đầu bằng đồng nổi lên. Trên bờ, người đứng tụ lại. Nhiều ngón tay chỉ xuống sông. Nhiều tiếng bàn tán.

Thoát khỏi cái đầu đồng nặng chịch, gò bó, Bồng hít một hơi dài thoải mái. Bồng nhìn Hoan, Tý và nở một nụ cười cảm ơn.

Hoan bắt gặp cái nhìn đó, mặt đỏ bừng làm Bồng đâm bối rối. Bồng nói, giọng mệt nhọc:

- Chà! Kẹt lắm! Tưởng không ra được nữa. Lại dây thép gai...

Tổ trưởng mộc Bé vừa từ trên bờ chạy xuống, vội vàng hỏi:

- Thế bắt xong mấy cái bu lông chưa?

- Rồi!

Hoan, Tý dắt Bồng lê lên thang rồi cởi vòng cao su ở tay cho anh. Cũng là bàn tay của người con gái như Tý mà sao Bồng cảm thấy của Hoan nóng rực và run run. Một cảm giác như vậy cũng đến với Hoan.

Thấy Bé ra lệnh cho tổ Mộc làm việc, Bồng hết hoảng:

- Khoan! Chờ một chốc nữa! Còn một con bu-lông vì mắt cọc không chun vào lọt. Cha! Chút nữa chết! Dây dẫn hơi vướng cọc gấp lại...

Bồng thôi không kể nữa vì thấy lông mày Bé nhíu lại. “Mình không làm tròn nhiệm vụ để bạn bức bối còn huênh hoang nổi gì. Một con bu-lông... chịu thua à? Không được!”

Tiếng reo hò của đoàn thuyền đánh cá đằng xa đã làm nẩy ra trong óc Bồng một dự định táo bạo. Những ngày lặn lội trên sông Trà Kiệu vừa vụt hiện trong tâm trí anh.

Trà Kiệu, quê hương Bồng. Sông Trà Kiệu, người bạn chí thân của Bồng từ thuở bé. Trên sông Trà Kiệu, Bồng đã lớn lên, đã chiến đấu, trưởng thành. Tháng 10 năm 1953, một mình Bồng đã nhận chìm tên lý trưởng gian ác xuống sông theo chỉ thị của chi bộ xã. Cũng trên dòng sông này người cha nghiêm nghị, kính yêu của Bồng đã bị ca-nô tuần tiễu của địch bắn chết trong một đêm trăng đẹp. Bồng ra Bắc, mang theo nhiều kỷ niệm êm đềm, đầm thắm, nhiều nỗi đau đớn nhớ nhung, mang theo bên mình nhiệm vụ của người lính đang tiếp tục chiến đấu...

Mặc mọi người can ngăn, Bồng cởi áo quần nhảy tùm xuống sông “lặn bộ”. Tiếng Bồng nói tan vào trong tiếng nước bắn lên:

- Lo chi! Chỉ hai hơi thôi!...

Nghĩ đến nét mặt nhợt nhạt của Bồng, đến cổ tay sưng vù vì làm việc quá nhiều, Hoan thấy lòng mình xao xuyến. Hoan nhìn mặt sông, lo lắng, hồi hộp, chờ đợi.

Kểng nghỉ rồi nhưng bên chiếc giếng xây xinh xắn ở lối vào xóm, Hoan và Bồng vẫn mãi mê làm việc. Hai người nhỏ nhẹ nói chuyện với nhau:

- Cô có biết tại sao phải đem áo lặn về giếng giặt không?
- Em chả biết!
- Vì sông nước mặn, không giặt lại, áo chóng hỏng lắm!
- Anh Bồng! Anh về nghĩ đi! Em giặt một mình cũng được mà!
- Nhưng một mình vác cái áo này về nổi à?

Hai người vụt ngừng lên nhìn nhau bật cười thú vị. Cười rồi Hoan mới thấy ngượng. Hoan chẳng dám nhìn Bồng nữa.

Nụ cười thoải mái và duyên dáng của Hoan như làm Bồng thấy rõ hơn điều mà bấy lâu nay anh thường nghĩ tới trong đêm vắng. Nét mặt Bồng phút chốc trở nên thần thờ, nhưng ánh mắt lại sáng một cách lạ lùng. Anh mắt ấy nhìn chăm chú vào đôi cổ tay tròn lẳn, vào đôi chân khỏe mạnh của Hoan và đã phát hiện ra một điều mới mẻ: ở cổ Hoan có một nốt ruồi!

Sau mấy phút im lặng, Bồng nói một cách khó nhọc:

- Thôi! Ta về đi!

Hoan đi trước, Bồng đi sau, mỗi người một đầu sào khiêng chiếc áo lặn về công trường. Họ không chuyện trò gì cả nhưng cứ muốn đi chậm chậm, cứ muốn quãng đường kéo dài ra.

Việc đó cùng với những lời bàn rất phong phú đã nhanh chóng đến tai bà cụ Bảo - mẹ Hoan. Bà cụ hoảng hốt đến ngay nhà Tý để hỏi chuyện. Bà cụ hỏi dồn mãi nên Tý phải nói thật ý nghĩ của mình:

- Bác à! Chưa có chuyện gì đâu, nhưng cháu cũng thấy là Hoan với anh Bồng...

- Thế nào? Sao mà biết hở?

Tý bật cười:

- Cháu biết nói thế nào với bác được. Cháu chỉ cảm thấy thế thôi!

- Thế nó không nói gì với mày ư? Rõ khổ! Người ta ở xa biển biệt, đi hàng chục ngày không đến nơi thì bao giờ mẹ con mới gặp nhau.

Tý lại bật cười:

- Bác đến là dớ dẩn! Cứ lo xa, sau này máy bay chỉ vù một cái là đến thôi!

- Ôi! Mày nói như thật ấy!

Bà cụ quay về với ý định dứt khoát: cấm Hoan không được lằng nhằng với anh thợ lặn ấy nữa.

Bà cụ về đến nhà thấy Hoan đang mơ màng nhìn ngọn lửa rơm rần rật cháy dưới nồi cơm sôi. Cho mãi đến lúc bà cụ đến ngồi cạnh, Hoan mới biết mẹ về:

- U đã về!

- Sao hôm nay mày về muộn thế?

- Còn dở chút việc, con phải làm nốt.

Thế rồi hai mẹ con im lặng. Tiếng cơm sôi, tiếng những hạt lúa sột lại nổ trong bếp nghe như to hơn, giòn giã hơn.

- Hoan à, người ta bảo mày phải lòng cái anh miền Nam thợ lặn có đúng không?

Bà cụ hỏi một lần, hai lần, rồi ba lần nhưng Hoan chỉ trả lời độc một câu: “Không! Không có gì đâu u ạ!”

Bà cụ khuyên, bà cụ mắng nhưng Hoan chỉ im lặng cúi đầu. “U ơi! U lạc hậu lắm rồi! Yêu nhau thì có kể gì Bắc - Nam, có ngại gì xa ngái. U không nghe tin Mặt trận Giải phóng đấy ư? Bây giờ khó khăn là thế mà vẫn còn tin tức được, hưởng chi sau này...”

*“... Hôm nay làm việc có kết quả nhưng tôi rất buồn. Chiều nay trong lúc đi giặt áo lặn với cô Hoan, tôi đã có ý nghĩ, thái độ thật xấu xa. Từ trước những ý nghĩ đó vẫn được ngụy trang bởi những lời đẹp đẽ nhưng giả dối: “Tình bạn, tình anh em...” Cho đến nay, lương tâm không cho phép tôi lẩn trốn trách nhiệm nữa. Tôi thu hết can đảm viết những điều này lên trang nhật ký và hy vọng là Lâm sẽ tha thứ và hiểu cho tôi. Tôi không muốn giảm nhẹ tội mình, nhưng quả thật Hoan là một cô gái mà ở gần ai cũng phải thấy mến yêu...”*

Từ ngày ra Bắc, việc ghi nhật ký đã trở thành thói quen của Bồng. Trong trang đầu của quyển nhật ký đầu tiên, Bồng ghi: “Làm được những gì, học được những gì, nghĩ những gì, tôi sẽ ghi tất cả vào quyển sổ này để ngày thống nhất báo cáo với những người thân...”

Thói quen đó đã tạo cho Bồng đức tính nghiêm khắc với bản thân mình và luôn suy nghĩ về những việc làm của mình.

Nhưng với Hoan, không chỉ một lần tự kiểm điểm mà Bồng dút được những ý nghĩ sai lầm; nó vẫn dai dẳng bám làm Bồng khổ sở. Ngay sáng hôm sau, Bồng có một cảm giác trống trải chỉ vì anh nghĩ việc phải xa Hoan. Bồng liền đảo một chuyến khắp công trường. Bồng đã thấy Hoan ở chỗ đào đất, nhưng anh không đứng lại. Chỉ thoáng thấy một chút thôi, Bồng đã yên tâm rồi. Nhưng liền theo cảm giác khoan khoái đó, Bồng cảm thấy mình như đã phạm tội. Bồng thần thờ quay về phòng hành chính, tiện tay cầm tờ báo *Nhân Dân* xem. Bức thư từ miền Nam gửi ra đăng trên báo đã lôi cuốn Bồng, làm anh quên hết nỗi băn khoăn vừa qua. Nhưng đọc xong, một cảm giác nặng nề đè lên tâm trí Bồng. “Ôi! Thật xấu hổ! Bà con mình sống chết đấu tranh mà mình lại nghĩ toàn những chuyện lãng nhãng...”



Tối đến, Bồng lại ghi những dòng chữ rất nặng nề trong quyển nhật ký. Buồn, giận, Bồng chậm bước dạo quanh lán và đi vào phòng ban chỉ huy công trường lúc nào không biết.

Trong phòng, sức nức mùi nước trà, mùi thuốc lá thơm và rộn tiếng cười. Hôm nay thứ 7, đồng chí đội trưởng Năm lại vừa nhận được thư của đứa con gái từ nước Cộng hòa dân chủ Đức gửi về nên một số anh em tập hợp ở đây. Một bác miến Nam buột ra câu chữ:

- Đù mẹ nó! Từ bên Đức thơ về dễ như chơi mà sáu bảy năm trời mong một bức thư của mấy đứa con ở trông mà không có. Không biết chúng nó sống chết ra sao?

Bồng vừa vui lên một chút nhờ không khí ấm cúng của căn phòng, nghe câu chữ của bác miến Nam lại thấy buồn day dứt. Đã mấy năm rồi, Bồng chờ một bức thư của gia đình, của Lâm, người vợ yêu, người bạn chiến đấu, cô lái đò hiền lành nhưng dũng cảm trên sông Trà Kiệu. Cưới Lâm được 12 hôm, Bồng đi tập kết. Trước đó, có người khuyên Bồng không nên cưới. Bồng không nghe. Bồng đã yêu, yêu say đắm. Bồng tin, tin mãnh liệt. Niềm tin đó đến nay vẫn không thay đổi dù rằng một cô gái trẻ đáng yêu đang duyên dáng bước lại gần Bồng. Bồng khao khát biết tin nhà. Gia đình, làng mạc có nguyên vẹn như ngày Bồng ra đi nữa không? Ngày ra đi có lẽ Lâm có mang? Không biết trai hay gái?... Những ý nghĩ có khi viễn vông nhưng vẫn làm Bồng day dứt, đau khổ, mong đợi.

Bồng rời phòng Ban chỉ huy về nằm vật trên giường. Bồng vớ một quyển sách, nhưng không đọc được một chữ nào. Anh ngồi dậy rút chiếc sáo ra thổi. Bồng không hút thuốc, không uống nước trà, chỉ thích xem chuyện, thích thổi sáo, thích hát. Bồng thổi bài “Chim ơi nhẩn giúp” rồi “Tình ca”. Bồng như vội vã, thổi nhanh nên nhiều lúc tắc lại. Bồng hát, tiếng hát trong đêm có tiếng vang rất rộng, nó thấm tận tim... “*Ta át tiếng gió mưa thét gào cuộn dâng phong ba. Em ơi nghe chẳng lời trái tim vọng xa...*”.

Ngoài cửa có một người chăm chú nghe Bồng hát: đồng chí Năm. Đợi Bồng hát hết bài, đồng chí bước vào. Bồng gấp vội vở hát lại, nét mặt lộ vẻ lúng túng. Bồng không muốn để ai biết mình buồn. Đồng chí ngồi lại gần Bồng, tay giở vở hát:

- Bồng hát nữa đi.

- Thôi! Em hát mệt rồi!

Đồng chí Năm vẫn đều tay giở vở hát như chẳng quan tâm gì đến Bồng cả:

- Bồng buồn lắm à?

- Không, em vẫn vui.

- Bồng giấu làm gì. Anh biết Bồng nhớ Lâm. Phải thôi, có gì là xấu hổ. Bồng biết chuyện anh Long chứ? Chỉ như thế mới là đáng xấu hổ thôi!

Bồng ngồi im, không dám ngừng đầu lên. Bồng thấy mình muốn nuốt nước bọt nhưng lại cố nín. “Có lẽ anh ấy biết chuyện mình rồi! Nhưng không; mình không thể như Long được. Long nói dối tổ chức rằng vợ trong Nam đi lấy chồng để lấy vợ khác, nhưng rồi chuyện vỡ ra vì một đồng chí cùng xã Long đã viết thư cho Năm biết vợ Long nay đã trở thành người cán bộ xuất sắc của phong trào xã N. Không! Mình không thể nói dối ai được. Càng không thể dối Đảng, dối Hoan.” Nghĩ như vậy, Bồng thấy lòng mình nhẹ nhõm. Giọng đồng chí Năm bỗng trở nên vui vẻ nhưng vẫn kín đáo:

- Bồng này! Anh nghĩ chẳng bao lâu nữa đâu! Không biết chúng mình còn làm được mấy cái cầu trên đất Bắc nữa?

Đồng chí Năm đã đưa Bồng ra khỏi thế bí:

- Đó! Anh nghĩ thế mà cứ bắt em chơi hoài. Ngày mai, anh cho em làm việc gì đi thôi! Công trường chờ có phải viện điều dưỡng đâu!

- Không được! Bồng phải nghỉ, phải dưỡng sức rồi còn phải lặn nhiều.

Bồng định phản đối thì đã thấy đồng chí Năm đứng dậy, xua tay, giọng nghiêm khắc:

- Không lôi thôi chi hết! Chế độ quy định thế rồi. Thôi, nghỉ đi, anh sang bên hợp tác một tí.

Bồng nhìn theo bóng người chỉ huy rất đáng kính mà nhiều lúc cũng rất đáng thương. Anh có đứa con luôn đem lại những tin vui, những tình cảm rộng lớn nhưng chẳng thể nào bù đắp lại nỗi đau buồn, cảm giận vẫn nhức nhối ngày đêm. Bọn Mỹ - Diệm vừa giết hại vợ đồng chí, giết người mẹ của đứa con ở phương xa. Người chỉ huy đó, trong đêm thứ bảy vẫn lo lắng đến công trường, vẫn nghĩ đến những bà con ở hợp tác xã xung quanh, vẫn để tâm đến chuyên tâm tình sâu kín của một công nhân với lòng thương vô hạn. Bồng thấy lòng mình dịu hẳn đi, không phải vì buồn nản, mà vì tỉnh táo hơn, vì một tình cảm mới mẻ đang đến với Bồng.

Bồng chậm bước ra phía bờ sông. Trong đêm, dưới ánh trăng mờ, dòng sông như trong mát hơn, đẹp hơn, êm dịu hơn. Một ngọn đèn từ chiếc thuyền đậu ven sông tỏa vùng sáng nhỏ trên mặt nước. Tiếng ru con buồn buồn, chậm rãi và hay đứt quãng làm Bồng ngơ ngẩn. Giữa sông, một chiếc đò dọc ngược dòng. Tiếng sào cọ vào mạn thuyền hút hết cả tâm trí Bồng. Bồng như nghe cả tiếng bước chân trên mái thuyền, tiếng nước chảy róc rách đầu mũi, tiếng bánh lái “bát cạy” phía sau. Những tiếng động quen thuộc trên dòng sông làm Bồng nhớ Trà Kiệu day dứt, nhớ đến khổ sở...

Trà Kiệu, nước sông trong hơn, có bãi dâu xanh mượt chạy dài suốt hai bờ. Trà Kiệu, những cô gái mặc quần đen, áo cộc tay trắng mịn trải những lá dâu mềm, kiên nhẫn bên nồi tầm chờ ngày được vớt những sợi tơ vàng óng ả. Trà Kiệu, mùa dâu tằm, trong bữa ăn thường có đĩa nhộng béo ngậy, thơm ngon, Trà Kiệu, nước vẫn còn trong xanh hay đã có lần thấm máu đỏ như Hướng Điền, Duy Xuyên, Phú Lợi...

“Về Nam, mình lại tung lưới trên sông Trà Kiệu. Lâm sẽ nấu nồi cháo cá thơm ngon như trước ngày đi tập kết. Còn thằng con? Bao giờ? Chắc không lâu nữa đâu... Kế hoạch 5 năm lần thứ hai chắc sẽ làm lại cầu Trà Kiệu. Phải làm như cầu Trường Giang...”

Những ý nghĩ vụt hiện, vụt mất làm người Bồng không yên. Bồng chỉ muốn nói, nói thật to tất cả những ý nghĩ đó với bất cứ người nào, nhưng quanh Bồng chẳng có ai. Bồng đi lên mố cầu.

Trên đó, Hoan và một vài người nữa đang ngồi nghe vở cải lương truyền qua đài phát thanh. Hoan quay lại nhìn Bồng. Bồng nhìn Hoan nhưng không ai nói một câu nào. Như lúng túng ngượng nghịu và cả như lo sợ nữa, Bồng vội vã bước qua. Bồng xuống cầu phao thì gặp Tiến, Đạt - đôi thanh niên khá ngổ ngáo của công trường - bên kia sông về. Đạt kéo tay Bồng:

- Đi đâu ông anh? Vào đây làm chầu bia với chúng tớ!

Bồng như người mất hồn quay lại. Bồng Tiến vỗ vai Bồng:

- Này! Cậu có thấy ai trên mố cầu không?

- À, đồng bào họ nghe phát thanh.

- Vờ nữa! Hoan nó mê tí cậu rồi đấy! Có gì tớ giúp một tay.

- Bậy nào! Tao có vợ rồi. Nói họ nghe thì chết đấy!

Tiến cười phá lên, cái điệu cười giấu cợt pha chút khiêu khích:

- Vợ gì! Sáu bảy năm rồi, ai chịu nằm không?... Con gái 19, 20 hơ hớ ra, ai để cho yên. Tớ mà... Hầy!

Tiến bật ra một tiếng kêu. Bất ngờ quá. Một cùi tay hích vào ngực làm Tiến loạng choạng suýt ngã. Giọng Bồng trở nên dữ tợn lạ thường:

- Cút! Tao không nói chuyện đùa với mày! Tao không cho mày nói vợ tao như thế!

Bồng tức giận đi nhanh về nhà. Đằng sau, Đạt bảo Tiến:

- Mày cú thói ấy! Không nhớ lần kỷ luật trước à?

Tổ Hoan di chuyển từ núi ra vệ đường để bốc lên ô tô. Chị em củ Hoan lại xe lấy nước.

- Cô Hoan đó phải không?

Cái giọng miền Nam chưa quen thuộc lắm phát ra từ dưới gầm xe. Hoan ngờ ngợ, rồi má thoáng ửng đỏ. Cô cúi xuống. Đúng anh Bồng rồi. Lúng túng mãi, Hoan mới nói được mấy tiếng:

- Em lại lấy nước... À... sao chuyển trước không thấy anh?

- Cậu phụ lại bị mệt. Không có ai, tôi tạm đi vài chuyến.

Hoan đã bình tĩnh hơn. Xung quanh không có ai. Đồng chí lái xe đang ở chỗ chuyển đá. Chỉ có ông mặt trời đứng núp trên mũi xe.

- Anh làm gì ở dưới thế?

Bồng ló đầu ra ngoài:

- Tôi rửa “tay chân” cho xe. Lắm bùn quá.

Bồng nói được vài tiếng lại “pụt” một cái, đất ở môi cứ muốn chui vào miệng. Hoan nhìn Bồng, bật cười:

- Ôi! Anh rửa “tay chân” cho xe, nhưng người anh lại như con ma lem. Anh Bồng, hai ngày nay anh đi đâu thế?

Hoan nhìn Bồng và nở một nụ cười rất duyên dáng. Ôi! Cái nhìn và nụ cười của một cô gái đang yêu, một tình yêu thầm kín nhưng sôi nổi. Cái nhìn cầu khẩn, thiết tha và nụ cười trẻ trung, sung sướng của Hoan suýt nữa làm Bồng quên trách nhiệm. Bồng như vụt tỉnh, nói một lèo:

- Tôi đi mấy công trường bạn hỏi mua sắt giúp các ông vật liệu. Gặp anh em bạn cũ chỉ thêm nhớ nhà. Mấy năm rồi chẳng nhận được tin gì. Cha mẹ, vợ con... không được một tin gì. Chậc! Ít lâu nữa thống nhất thì tha hồ...

Hoan sững sốt đến ngây dại đi. Để che giấu, Hoan vờ cúi xuống xoay xoay thùng nước. Tưởng Hoan chưa hiểu, Bồng nói thêm:

- Các cô ở ngoài này sương quá! Không biết vợ tôi lúc này đang làm gì trông? Nghĩ mà tội nghiệp!...

Hoan ấp úng:

- Anh chẳng đem chị ấy ra. Thôi, em đi đây...

Hoan bước vội, mặt cúi gằm xuống. Thùng nước va vào chân sành ướt nửa ống quần. Bồng nhìn theo buông tiếng thở dài rồi lại thụt đầu vào làm việc. Nhưng rồi Bồng lại ló đầu ra.

Lý trí của Bồng đã chiến thắng tình cảm. Bồng đã giữ được tình bạn đẹp đẽ đối với Hoan. “Một đứa con miền Nam được mọi người yêu mến”. Ý nghĩ đó làm Bồng thấy khoan khoái, dễ chịu. Bồng vẫn nhìn theo phía Hoan vừa khuất. Một chiếc xe đạp vừa ra khỏi đoạn đường vòng. Đồng chí Năm đi huyện về. Bồng cảm thấy hơi lúng túng, bối rối. “Có lẽ anh Năm biết hết... Ồ, nhưng có gì là xấu đâu!” Bồng nhảy hân ra gọi:

- Anh Năm! Anh Năm! Đợi một chút rồi về xe ô tô luôn.

Thế rồi trên quãng đường vắng, Bồng đã nói tất cả những ý nghĩa vừa rồi với đồng chí Năm. Đồng chí không trách Bồng mà còn nói một câu làm Bồng ngạc nhiên:

- Có cảm tình với Hoan là chuyện thường thôi! Cậu thờ ơ với cô ta mới là chuyện lạ...

Buổi tối, “Tiếng nói thi đua” của công trường biểu dương tinh thần làm việc của Bồng, nhân dịp anh lên đường đi tương trợ đội bạn.

Không biết là lần thứ mấy nữa, Bồng sắp sống cảnh chia tay. Một dòng sông chưa quen thuộc, một công trường chưa quen thuộc, chiếc giường, lớp học mới lạ đang chờ đón Bồng. Đôi lúc Bồng cũng cảm thấy ngại ngùng, nhưng những lời chúc tụng của anh em, cái tình cảm đầm ấm đã làm Bồng hết băn khoăn. Bồng chỉ còn ngơ ngẩn một chút vì nhớ thương. Nhớ dòng sông, nhớ tập thể, nhớ đồng chí Năm, thương cô gái trẻ đang buồn.

Lúc đi chào anh em, Bổng nói nửa đùa nửa thật mà giọng nghe rưng rưng:

- Chúng mày ở lại, tao về Nam làm cầu Trà Kiệu đây! Có thằng nào nhần chi không?

Công trường Bổng sắp đến ở trên đường vào Nam cách chiếc cầu có cô gái trẻ hay ngồi nghe phát thanh hơn 300 cây số.

*Tháng 12-1961*

*N.K.P*

C A O    H A N H

# Bài ca lý chuẩn chuẩn

(SH số tháng 6 - 1999)

Tôi sinh ra ở làng quê, lớn lên cũng ở làng quê. Tôi là hạt máu đỏ rơi xuống bùn đất mọc lên một thằng người cùng với ngọn cỏ lá rau, cây lúa và những sinh linh khác. Tôi cùng chịu đựng chia xẻ với chúng ngọn gió Lào cát trắng và những trận mưa dầm dề của xứ miền Trung khắc nghiệt.

Nhìn trên bản đồ Việt Nam tôi biết quê tôi chỉ là cái chấm xanh rất nhỏ, không biết so với toàn cầu thì quê tôi còn nhỏ tới đâu nữa. Vì quê tôi chỉ có ba trăm héc ta đất thôi. Nhưng dù nhỏ đến bao nhiêu, quê tôi vẫn là một cộng đồng có mặt trên địa cầu từ thuở hồng hoang với những nét văn hóa riêng góp vào cuộc sống nhân loại.

Đứng trên cầu Sa nhìn xuống thấy một vệt xanh kéo dài từ chân núi Tá đến hồ Mây, đó chính là nơi tôi đã cất tiếng khóc chào đời. Mẹ ru tôi bằng điệu Lý chuẩn chuẩn. Ôi điệu ru suốt một đời khắc khoải giữa hồn tôi. Sau này tôi lớn lên được nghe lại điệu ru ấy từ núi Tá vọng về - nơi bố con lão Sáu mù ngồi đàn hát giữa chín tầng mây. Người con gái ấy tên là Sen có nước da nõn trắng và đôi mắt như hai giọt nước, nhìn tôi với cái nhìn thanh khiết đến lạ thường. Cứ mỗi buổi chiều khi mặt trời sắp tắt,



tôi thường lên ra ngồi dưới chân núi Tá để nghe tiếng đàn rơi buốt trong mây và giọng ca cô gái nhỏ chuốt giữa không trung, lúc vút lên đến vô cùng tưởng như đẩy cả trời xanh lên cao vời vợi, có lúc rơi hẫng đến tận cùng khiến nước hồ Mây lẫn lẫn gợn sóng.

Mẹ tôi nói: “Thằng này phải lòng con bé của lão Sáu mù rồi, phải đi ăn hỏi gấp không có để sinh chứng si tình”. Phải lòng hay không thì tôi chẳng biết tôi chỉ biết mình rất thích nghe đàn hát, ngắm cảnh hồ Mây và núi Tá bốc lên hòa quện vào nhau để lũy tre làng chìm trong sương khói đẹp như ảo ảnh.

Các cụ xưa nói đó là nguyên khí của đất và nước. Nguyên khí mạnh thì làng quê vững “Đá trôi mà làng không trôi”. Sau này vào nghiệp văn chương, đọc sách cổ tôi mới biết được nguyên khí có giá trị như thế nào. Tôi biết ở Trung Quốc nhờ có đỉnh Kailash (phía Ấn Độ) mang nguyên khí vào hồ Rakastal và được dòng sông Hoàng Hà và Dương Tử mang đi để tạo nên nền văn minh Trung Hoa. Chẳng biết cụ tổ làng tôi có thạo sách pháp địa không mà chọn nơi đây dựng xây cơ nghiệp. Các cụ nói quả không sai, quê tôi trải qua bao biến động thăng trầm của thiên nhiên và lịch sử, màu tre xanh ấy có lúc tàn lụi, tàn lụi rồi trở lại xanh rức tạo thành một tấm màn xanh dựng ở chân trời. Tấm màn xanh ấy đã mở ra cho bao nhiêu cuộc đời, bao nhiêu số kiếp, người ở, người đi sinh tồn cùng nhân loại. Và dù đi đâu, ở đâu sung sướng đến mấy, người quê tôi vẫn không mất đi cái chất trần ai khắc khoải của điệu Lý chuẩn chuẩn. Đất này là đất trăm họ. Mỗi dòng họ có gốc gác khác nhau, nhưng người quê tôi có chung dòng máu thượng võ pha chất phóng đảng của thi nhân. Hùm beo không sợ, giặc giã không kiêng chỉ sợ điều nhân nghĩa.

Thuở xưa quê tôi có nghề bắt cộp. Nguyên nhân sinh ra nghề này cũng đơn giản thôi. Chả là thời bấy giờ làng tôi nằm trên cánh rừng từ chân núi Trường Sơn chạy dài về biển. Hồ, báo nương theo cây cối lau lách tìm về, lấy làng tôi làm nơi trú ngụ. Người buộc ở chung với hồ. Cuộc sống

hằng ngày xảy ra bao cảnh chết chóc tang thương. Không chịu đựng nổi, người làng tôi phải tìm mọi cách để trừ khử chúng. Đó là luật sinh tồn. Họ đã vào rừng lấy vỏ cây làm dây bện lưới, xuống suối mài sắt làm dao, vát lỗ ô làm mác! quyết liều một phen với loài hung thú. Cuộc chiến đấu làm cho biết bao chàng trai phải chết, cuối cùng thì họ cũng bắt được hổ. Từ chỗ bắt được một con, đến hai con dần dần trở thành kinh nghiệm truyền kiếp. Tiếng gầm lồng lẩy khắp nơi, lan đến tận cung đình, nhà vua bèn sai các quần thần về xem xét, thấy có thật, từ đó nhà vua có chiếu chỉ sai làng tôi đi bắt hổ nộp triều đình. Chuyện được vua sai đi bắt hổ, người làng tôi chẳng lấy gì làm vẻ vang, họ chỉ sung sướng một điều là đuổi được hổ ra khỏi làng...

Thời chiến tranh, dù là chiến tranh chống Pháp hay chống Mỹ thì làng tôi vẫn là mục tiêu hủy diệt của kẻ thù. Nhưng người làng tôi “một tắc không đi, một ly không rời!” họ quyết bám làng bám đất. Giặc đến là đánh! giặc đi lại tiếp tục sản xuất. Cuộc sống thời chiến bộn bề công việc làm người ta có khi quên ăn và phải dồn hết sinh lực. Nhiều lúc đang làm đồng, máy bay đến ném bom, mọi người phải tạm gác cuốc cày vào vị trí chiến đấu. Cha vác đạn, mẹ tải thương, con bám chặt bộ pháo. Máu cha đầm trên ngực con, máu con đầm trên tóc mẹ. Gian khổ đau thương là thế mà người ta sống vẫn lạc quan. Đêm đến, anh đàn chị hát, tiếng hát vượt lòng đất bay lên lung linh cả sao trời.

Điều lạ thay sau ngày giải phóng, cuộc sống quê tôi không còn được sôi động như trước nữa. Sau buổi hò reo mừng chiến thắng, nét mặt người ta dần dần trở nên ỉu xiu. Họ sống trong tâm trạng tính toán lo âu. Hàng ngày thấy họ thơ thẩn trên các mảnh vườn, hoặc rải rác trên các đôi hoang ngó ngang tìm kiếm, cầu nhặt được một cái gì đó, một tí mảnh bom hay một cái ống liều đem về đổi gạo. Công việc nhà nông một năm sản xuất hai vụ lúa, chỉ thực hiện hết một phần hai quỹ thời gian còn lại họ chẳng biết làm thêm việc gì để tăng thu nhập, buộc phải lao

vào những việc không tên, bận bịu suốt mà chẳng có hiệu quả kinh tế gì. Ông Sáu mù là người suốt một đời cào cấu với đất đai, kết quả vẫn hai bàn tay trắng. Những ngày đó tình tình ông thay đổi hẳn.

Từ một người vui vẻ sảng khoái ông trở nên trầm buồn. Nghe nói có đêm đang nằm ngủ, ông vùng dậy đốt đèn hút thuốc than thở một mình “Đất nước đã hòa bình rồi, người dân đã trở thành ông chủ - Nhưng ông chủ không biết làm gì để mà ăn... Tức thật”. Ông dấm tay vào trán dần vật cho đến sáng. Hàng ngày người ta thấy ông lang thang trên các ngọn đồi, tối đến leo lên núi Tả ngòi khóc dưới trời. Mấy năm sau ông đổ bệnh mù cả hai mắt. Ông sai đứa con gái dắt ông lên núi Tả đàn hát giải sầu “Chiều ơi chiều... chiều ơi chiều...”. Mẹ tôi nói đó là tiếng gọi hồn. Cha con nhà ông Sáu đã điên không khéo lại làm cho nhiều kẻ điên theo. Mẹ chỉ tay ra ngọn đồi nơi có mấy người đang ngó ngang tìm kiếm mẹ bảo: “Con thấy chưa, nó hút hồn người ta bắt người ta phải thất thểu bơ vơ, lẫn quẩn khắp đó đây, cả sương khói cũng cuốn tròn theo”. Từ đó mẹ sinh ra thù ghét bố con nhà ông Sáu, tuyệt đối không cho tôi gần gũi với cô Sen. Buồn chán tôi bỏ nhà ra đi.

Lũ chúng tôi gồm bốn thằng: Tôi, thằng Khánh, thằng Kha, thằng Công. Chúng tôi xuyên rừng vượt suối mà đi vào tận “thâm sơn cùng cốc”. Những nơi mà chưa hề có ai đặt bàn chân đến.

Mọi sinh vật ở đây chưa hề được tiếp xúc với con người. Tôi nhìn thấy lũ bướm bướm đủ các loại đen tím vàng đậu kín bờ khe, nghe động bước chân người, chúng khua nhắng cả lên làm chúng tôi rối cả mắt. Bốn đứa chìm ngập trong đàn bướm bướm.

Ếch nhái và những loại côn trùng khác cũng kêu lên inh ỏi. Hình như chúng tôi đã vi phạm đến thế giới của chúng. Bỗng thằng Kha kêu lên “Ồi giời ơi”. Nó chỉ tay vào bờ đá. Một con rắn có mào đỏ như mào một chú ngan đục vồng cao đầu, xia xia cái nọc độc về phía chúng tôi. Bên cạnh nó là một chú ốc sên bình yên vằn mình trên tảng đá một cách

chậm rãi. Luật rừng rất dữ dội, nhưng chắc cũng có một độ mềm để cho những sinh linh nhỏ tồn tại. Chúng tôi vừa đi giật lùi vừa đưa cao gậy thủ thế, hễ con rắn kia lao đến là quật liền. Nhưng chú rắn thấy chúng tôi rời xa, nó ngoắc ngoắc cái cổ mấy cái rồi rút lại trong hang im ỉm. Thằng Kha lại cười lên sằng sặc khi nó nhìn thấy một chú khỉ mù ngồi mức nước uống bên khe. Chú khỉ này có thể do bệnh tật hoặc do chiến tranh, hay bị chất độc hóa học mà mù. Ở rừng té ra cũng có những số kiếp đáng thương như vậy. Một tiếng quát to làm chúng tôi giật mình. Một gã tóc quăn mình mẩy trần truồng, mặt mày đen nhẻm như người thị tộc da đỏ, từ suối rượt lên, hai tay lăm lăm hai hòn đá chực ném, mắt trợn dọc nhìn chúng tôi “Đứng lại! ai cho các cậu vào đây”.

Thằng Công tái mặt giọng ú ớ “Khu... vực... này cấm hờ anh?...” “Cấm! Đây là địa bàn của chúng tao khai thác mày hiểu chưa?”, gã kia nói như hét. Mặt thằng Kha đỏ phừng. Tôi biết nó đang điên tiết vội liếc mắt ra hiệu cho nó phải dừng. Ở rừng, chỉ cần chạm lòng nhau một tý là có thể xảy ra chuyện binh đao ngay, tốt nhất là chịu nhịn. Tôi ôn tồn bảo hẳn “Xin lỗi, bọn em bị lạc đường sa vào địa phận của các anh, bọn em sẽ đi ngay”. Gã kia ngoảnh lại, lăm lũi xuống suối. Chúng tôi ghé mắt nhìn theo. Thấy gã ngồi xuống bên hai người đàn ông cũng trần truồng như gã. Hình như bọn chúng thịt một con gù. Nhìn kỹ té ra đó là một thầy ma. Họ lấy dao xẻ từng miếng thịt vút xuống suối, lấy xương bỏ vào bao tải. Tôi biết số phận của những người đi trẫm, không may bị chết thì đồng bọn không còn cách nào khác là phải phân thầy xẻ thịt lấy xương đem về mai táng. Vì đường xa xôi, cây cối chằng chịt, làm sao mà khiêng xác về được. Trông thấy họ mà chân tay chúng tôi cứ bủn rủn, tâm thần hoảng loạn, găng nhắc từng bước. Chúng tôi đi chệch về phía tây, leo lên một ngọn núi cao. Trên đó chỉ thấy những cây to chết đứng. Dưới gốc của một cây già nua có một chồng dây mây khoanh tròn, tưởng như có một bàn tay ai buộc chặt. Ba thằng ngạc nhiên, phán đoán. Thì ra, cây mây kia leo lên cây đa, lâu ngày nó không còn độ bám hàng năm cứ rơi

xuống một vòng và cứ như thế sắp thành một đồng, như buộc chặt lấy cây kia. Chúng tôi leo dần lên. Đói. Mệt. Dưới chân chúng tôi đá tai mèo lởm chởm. Xương trắng rơi đầy xương nhỏ xương to. Xương của động vật vừa mới chết. Xương đã cách đây hàng trăm năm bạc phếch màu vôi. Bước chân chúng tôi cứ rú lại, không còn đi được nữa. Cả bốn đứa ngã kênh xuống đá chẳng kể gì hôi hám bẩn thỉu. Vừa nằm được một lúc thằng Kha kêu nhức đầu, lát sau nghe nó rên hừ hừ. Trán nó nóng hầm hập, miệng mồm khô rát, chân tay cứ co rúm lại. Tôi nghĩ số phận thằng Kha không khéo cũng sẽ như thầy ma nọ. Tôi bật dậy “Thôi về bọn bay!” Thằng Công hòa theo “Nửa tháng trời rồi, trăm trà chẳng có cóc xơ gì, lại đau ốm nữa... Thôi về!”

Chúng tôi dìu thằng Kha xuống núi lúc chiều tà. Bỗng tôi nghe văng vẳng đâu đây bài ca Lý chuẩn chuẩn. Không rõ bài ca từ đâu vọng đến hay là từ hồn tôi văng ra mà nghe sao da diết buồn thương:

*“Chiều ơi chiều... chiều ơi chiều...”*

*Dắt ơ bạn...*

*Đèo qua đèo*

*mà là đèo qua đèo...”*

Chị Bảy tôi nói: Em ra Hà Nội với chị, chị sẽ nuôi em ăn học. Nghe chị nói tôi như mở cờ trong bụng. Tôi biết từ hôm chị về thăm nhà đến nay, đêm nào mẹ cũng trầm trồ: “Con phải bằng mọi cách đưa thằng Huỳnh ra Hà Nội để thoát khỏi cha con Sáu mù. Mẹ thấy từ dạo nó đi trộm về đến nay, chẳng chiều nào mà không ra đứng ở hồ khe Mây để nghe cha con lão kia đàn hát, mặt mày nó cứ trông ngây ngô, cứ ngơ ngơ ngác ngác, nó si tình thật rồi con ơi”.

Tôi chẳng nghe chị trả lời. Tôi biết hoàn cảnh chị đang rất khó, vừa mới theo chồng ra Hà Nội một năm, kinh tế gia đình chưa ổn định lấy đâu ra mà nuôi tôi. Bây giờ chị nói với tôi như vậy, có lẽ chị đã đắn đo, tính toán kỹ rồi. Tôi gật đầu với chị tỏ vẻ thái độ rất mừng. Mặc dù ra

Hà Nội sẽ xa Sen, nhớ nhưng vô vàn, nhưng tôi phải đi vì tương lai sự nghiệp.

Trước ngày ra đi, tôi tìm mọi cách để gặp Sen. Tôi đi lại thăm thơ dưới chân núi Tả đến nửa tiếng đồng hồ mà chẳng thấy em đến. Một lúc sau thấy có một bàn tay hồng đưa lên trong sương, tiếp theo là một tiếng gọi “anh Huỳnh”. Em từ trong sương chạy ra, mặt mũi tóc tai còn đầm đìa sương lạnh nở một nụ cười trông thánh thiện ngây thơ:

- Nghe nói anh đi Hà Nội hả?
- Ừ
- Đi ở lại hay đi rồi về.
- Ở lại để học nghề.
- Học nghề xong anh ở luôn ngoài đó à?
- Chưa biết nữa.

Nghe tôi nói, nụ cười trên môi em vụt tắt. Đầu em cúi xuống. Tay khẽ vạy vò cái đuôi tóc đang xoa xuống trước ngực. Tiếng em khe khẽ:

- Thế... chuyện của chúng mình sao?
- Anh cũng chưa biết tính thế nào. Nhưng tóm lại tình cảm vẫn như cũ.

Em hất mái tóc ra sau lưng, cầm tay tôi.

- Anh phải ở lại đi. Ở lại với em,... em đã lớn rồi, từ nay em không dắt cha đi hát nữa... Em sẽ đi làm việc... và... nếu như anh thương em thật lòng thì chúng mình sẽ cưới nhau, sẽ làm ruộng, sẽ đẻ con, xây dựng tổ ấm gia đình mình.

- Anh cũng ước mơ như thế. Nhưng Sen ạ, anh phải ra đi, đi... trước hết để giải thoát cho mình sau đó là cho em.

- Em không tin.
- Tin hay không thì tùy em, nhưng việc anh đã quyết.

Sen ngoáy về phía núi. Khói sương từ trên cao òa xuống như hút lấy bóng em. Tôi chỉ thấy đôi gót chân hồng đặt lên phiến đá, nhấc từng bước, từng bước, nhòa dần và mất hút.

Em chẳng để lại một tiếng khóc, một lời chào. Mãi đến khi tôi lầm lũi bước ra về, nghe tiếng đàn ca từ trên núi vọng xuống, da diết một nỗi buồn. Tôi biết đó là lời giã biệt

*“Lòng ơi lòng... Lòng ơi lòng...*

*Trách ơ bạn... Trách ơ bạn*

*Đành sao đành*

*mà là đành sao đành”*

- Cậu cố gắng mà học đi chú. Cậu có biết không? Mẹ đang lo cho cậu lắm đấy...

Tính chị tôi là thế, hay cáu gắt, được cái thương em. Từ ngày tôi ra Hà Nội đến giờ, chị cứ bám sát một bên bày cho tôi học. Anh Nam chồng chị đi làm đến tám chín giờ đêm mới về. Tôi hỏi chị “anh là nhà thơ sao chẳng mấy khi thấy anh rảnh rỗi thành thơ?” Chị cười “từ ngày có chị ra đến giờ, anh phải tranh thủ viết thêm nhiều bài để lấy tiền nhuận bút, ngoài ra còn phải quan hệ với các nhà xuất bản, để lấy bài viết về cho chị đánh máy”. Chị còn kể: Lúc đầu chị mới ra gia đình cũng chật vật lắm. Con gái nhà quê học hành chẳng đến nơi đến chốn ra thành phố chẳng biết làm gì, hàng ngày chỉ ngồi nhìn ra đường thấy xe đi như nước chảy, để đêm về bút rút tâm gan. Thấy chị buồn anh mua cho chị cái máy chữ, bắt học đánh và nhận bài về cho chị nhập. Một tháng các nhà xuất bản trả cho chị đến ba trăm ngàn đồng như vậy cũng bằng tiền lương cán bộ. Nếu quy ra thóc thì đã hơn một tạ so với nông dân thì sướng quá. Tôi có ao ước trở thành như chị. Trong lúc nhân loại đang tiến xa mà tôi chỉ muốn được như chị tôi thôi, thế mới biết tôi thấy mình bé nhỏ đến từng nào. Hàng ngày tôi lao vào công việc học tập, gõ lên các phím

đến đau nhức mười đầu ngón tay, thế mà có lúc còn nghe chị quát tháo om sòm. Mặc kệ, tôi chẳng tự ái phải cố gắng học. Học để có tương lai, để có được ba trăm ngàn đồng như chị. Ôi! một tạ thóc! một tạ thóc chỉ cấy bằng phím máy, cấy bằng con chữ chứ đâu phải vất vả một nắng hai sương trên đồng...

Khi tôi thành thạo công việc, cũng là lúc một cái tin sét đánh đến với chị tôi, rằng anh rể tôi bị tông xe ngoài ngã ba đường phố. Chúng tôi chưa kịp chạy ra, thì có người đã dìu anh tôi về. Đó là hai người đàn ông đáng vẻ trần ai. Một người dìu anh còn một người dắt chiếc xe bảy tám của anh đã vỡ hết mang. Họ đặt anh xuống giường mặt mày anh xây xát đầu tóc bù xù trông thiếu náo. Chị tôi chạy vào buồng mở tủ lấy cồn xoa vào các vết xước cho anh, hỏi anh có làm sao không. Anh lắc đầu: “Chẳng việc gì”. Hai người đàn ông cho hay rằng: Anh là bạn xe thô với họ, thấy anh mắc nạn giữa đường họ đem anh về. Chị tròn xoe mắt hỏi: “Làm sao lại có chuyện này”. Anh chẳng nói chẳng rằng, nằm ngửa xuống giường thở dài thườn thượt.

Sáng hôm sau anh mới nói chuyện anh đi thô là có thật. Vì thấy chị không có việc làm buồn bã suốt ngày nên anh phải đi thô để kiếm tiền mua máy chữ cho chị đánh giải khuây. Và số tiền ba trăm ngàn đồng hàng tháng là anh trả cho chị, chứ không phải nhà xuất bản nào trả cả. Nghe nói, chị bàng hoàng, vừa bức tức vừa thương chồng tốt bụng. Chị cúi mặt vào vai anh khóc rưng rức. Chị khóc như mưa lũ. Còn tôi tròn xoe mắt nhìn hai người. Thế ra anh tôi thương chị tôi đến mức như vậy? Thế ra lâu nay tôi hoài công đi học với một người không có việc làm? Bao nhiêu nỗi chán chường bi quan, lo lắng ập vào lòng tôi. Đêm ấy tôi không thể nào chợp được mắt. Sáng mai tôi quyết định ra về. Anh chị tôi phải níu kéo mãi, bắt ở lại. Nhưng tôi nhất quyết không nghe. Chị tôi cúi vào tay tôi một trăm ngàn đồng rồi vít đầu tôi xuống khóc nức nở. Tôi ra ga một mình. Bây giờ thì tôi cũng không biết đi đâu về đâu. Nếu về



quê thì thật hổ mặt mà đi nữa thì không khéo thành kẻ giang hồ. Tôi la cà ở sân ga suốt một buổi sáng. Trong lúc đang buồn, nhìn thấy mấy ông cưỡi vạ càng buồn thêm. Họ mặc áo lính bạc màu, đầu đội mũ cối, ngồi chờ chực trên sân ga, hễ ai gọi người làm là tất cả bu đến. Phần lớn họ là người Thanh Hóa, cũng miền Trung quê tôi cả đấy. Nhìn họ tôi chạnh lòng nhớ đến điệu ca:

*“Chiều ơi chiều... chiều ơi chiều...”*

Sài Gòn, đêm mùa đông lạnh vắng hơi sương. Sương rất mỏng vừa đủ để người ta có cảm giác đến mùa đông. Ánh điện sáng rõ làm cho mảnh trăng bạc phếch, đứng vô duyên giữa trời. Nhìn trăng, tôi nhớ quê. Chẳng hiểu sao, ông cụ tổ làng tôi thời đó không vào đây lập nghiệp. Ở đây không thấy một tí nguyên khí nào cả sao người ta tấp nập đến vậy? Phải chăng thời bấy giờ ông cụ không đủ điều kiện để vào đây, hoặc đã vào nhưng lại bỏ ra thì thật là điều quái gở. Ở đây địa hình cũng chẳng có gì bằng phẳng. Những con đường như gồng mình lên với hàng vạn người xe. Cuộc sống xô bồ như một cuộc đuổi bắt. Tôi nhìn thấy bên góc sân ga có ba người cứ lò dò ngó ngang khắp nơi. “Thằng Khánh! đúng là thằng Khánh rồi cả thằng Kha thằng Hợi nữa, cái dáng người làng tôi lẫn vào đâu được, đi trên thành phố dò dẫm theo lối bước ở đối hoang... Tôi la lên: “Khánh, Kha, Hợi! bọn chúng mày đó hả?”. Chúng nó nhìn ra tôi mừng rơn “Huỳnhh!...” Chúng tôi ập vào nhau.

- Mày vào đây từ bao giờ?
- Đi một mình hả?
- Từ Hà Nội đi tuột vào đây chứ?

Chúng hỏi rồi rít làm tôi không trả lời kịp, chỉ gật đầu. Tôi vỗ vai thằng Khánh:

- Các cậu làm nghề gì ở đây.
- Đủ thứ, bốc vác hàng thuê, xách giùm hành lý, kiêm cả cò mồi.

Chúng tôi cười rộ. Thăng Khánh nhảy tưng tưng hoan hô người làng. Người làng vạn tuế! vạn vạn tuế! Cả bọn lại được một trận cười tức bụng. Chúng nó vào đây mới một năm mà nom thăng nào cũng ngáo. Thăng Khánh từ một đứa lém lỉnh chuyển sang xạo. Thăng Kha lúc ở nhà thật thà ít nói bây giờ tọa thành vẻ lăm lì. Còn thăng Công to khỏe đẹp, bây giờ để tóc để râu dài, ra tay võ biển. Chúng nó đều đóng vai hợp cả. Tôi vỗ vai thăng Công: “Chúng mày làm gì mà nom mặt mày đứa nào cũng ngổ ngáo?” Thăng Khánh cười toe toét, chỉ tay vào từng đứa:

- Công là đại ca, Kha là đệ tử, còn mình là quân sư. Đố thăng nào dám động.

Thì ra chúng phải dị dạng đi như thế mới làm ăn được. Tôi nhớ những lúc đi rừng thăng Khánh bảo phải sống cho ra người thì hung thú nó mới sợ. Còn bây giờ chúng nó phải làm cho ra thú thì con người mới sợ. Cuộc sống bắt người ta xù lông xù cánh ra là thế.

- Thôi đi nhậu. Thăng Kha nói như ra lệnh. Chúng tôi cầm tay nhau rào bước trên đường. Đêm đã khuya, Sài Gòn vẫn nhộn nhịp. Hàng hóa trưng đầy. Tôi để ý đến những biển hiệu có ghi: “Hương đồng”, “gió đồng”, “đồng nội...” v.v...

Chao ôi! đồng quê sao bị người ta lạm dụng đến thế những hương sơ tinh túy của đồng quê đều được đưa ra để khêu gợi lạc thú người đời.

Thăng Khánh bảo: “Lâu ngày mới gặp nhau, hôm nay nhân dịp có thăng Huỳnh vô, cả đời nó chưa nếm mùi thành phố, hôm nay chiêu đãi một bữa bia ôm cho nó đã” Công và Kha gật đầu tán đồng. Chúng kéo tôi vào một quán trong hẻm, gọi là quán “Hương sen”. Bên ngoài cửa quán ánh điện sáng trưng, bên trong nhấp nháy ánh sáng màu tím hồng. Chúng tôi như lạc vào chốn bồng lai. Những cô gái từ trên cầu thang bước xuống như những nàng tiên đi trên cầu vồng bảy sắc mồm đơn đả chào mời những đôi mắt trống hoang lạnh lẽo. Mùi phấn son thơm ngậy tỏa ra từ da thịt các cô. Chưa nói đến chuyện ăn uống gì ba cô gái đã sà

vào lòng của ba chàng trai. Thấy tôi đang cô đơn thằng Khánh bảo: “Ông yên tâm lát nữa sẽ có một cô đặc biệt phục vụ ông”. Có lẽ nó bám với chủ hàng rồi. Tôi hồi hộp đợi chờ. Lại trên cầu thang kia một cô gái có vóc người thon nhẹ. Khuôn mặt trái xoan của cô làm tôi hơi ngỡ ngàng. Cô dừng lại trước mặt tôi cúi đầu chào. Cô ngược nhìn tôi, đôi mắt cô như hai giọt tối ngủ quên dưới đôi lông mày rậm bóng sáng bùng lên, hút vào tôi hết thấy một linh hồn. Đúng là em rồi. Tôi chưa kịp thốt lên thì em đã quay đi, bước tất bật lên cầu thang. Tôi thẳng thốt gọi theo:

- Sen! Sen!

Em luôn lúi vào bóng tối không quay lại. Tôi nói với bọn bạn: “Đúng là cái Sen làng ta. Các cậu có nhận ra không?”

- Có. Đúng là nó.

- Chẳng biết nó vào đây từ bao giờ?

Mấy thằng đều ngơ ngàng nhìn nhau. Tôi như kẻ mất hết linh hồn, người chìm sâu trong im lặng. Em đúng là em của tôi rồi. Người con gái có vóc người thanh thoát, và khuôn mặt trái xoan hiền lành. Thuở ấy tôi yêu em lúc em mười sáu tuổi. Em đẹp và hiền như một nồn sen. Chúng tôi nguyện thề là sẽ lấy nhau sẽ sinh con để cái trên cái làng quê này. Đứa con đầu lòng của chúng tôi phải là đứa trẻ nồn nà, và thơm như hương lúa. Thế mà bây giờ, giấc mơ ấy không còn nữa. Cuộc sống đã làm tôi mất em.

- Phải đưa người đẹp của làng mình về lại thôi.

Thằng Kha đập tay xuống bàn nói, làm tôi sực tỉnh. Ba cô gái kia bĩu môi:

- Có mà của trời. Ở đây người tứ xứ, biết ai người làng ai không?

- Biết chứ, nó là con ông Sáu mù người làng tao rõ ràng.

- Ở đây chỉ có làng chơi, chứ không có làng xóm đâu! cho xin tiền.

- Bao nhiêu?

- Hai trăm ngàn đồng.  
- Mấy chai?  
- Hai mươi chai.  
- Cứa khiếp thế.  
- Còn miễn tiền bo đấy.  
- Này cầm lấy. Thôi đi ăn thịt chó bọn mày. Uống bia ôm gặp người làng thật xui xẻo, đi ăn thịt chó vậy!

Chúng tôi kéo nhau vào quán thịt chó ở ngay bên cạnh. Thằng Công gọi hai đĩa và một xị. Thịt thơm ngậy, nhưng tôi không nuốt nổi. Thấy tôi buồn thằng Khánh bảo tôi: “Ăn đi mày. Không việc gì phải buồn phiền cả. Lúc nhỏ, thịt nó đang thơm tho mà không hôn được, bây giờ bấu lăm đấy à? Mày có ưng ngửi mùi nước hoa tí nữa tao mua cho mày một lọ”. Cả bọn cười tóe. Tự nhiên tôi thấy ghét thằng Khánh. Nó là thằng thực dụng, chẳng hề có chút tình gì.

Ăn nhậu xong chúng tôi tìm về chỗ sân ga trải ni lông nằm ngủ. Thằng Khánh gác chân lên tôi nằm thủ thỉ:

- Bọn tao sắp về rồi mày ạ.  
- Về à? Tôi chột dạ hỏi.  
- Ở đây cũng chẳng biết làm gì. Về quê còn có ruộng nương mà cày cấy.  
Nghe nó nói, tự nhiên tôi thấy mình hăng hụt chẳng khác nào một người từ trên không rơi xuống vực thẳm. Chúng nó mà đi thì tôi còn ở lại đây làm gì. Nhưng còn em, liệu em có về với tôi không?

Sáng hôm sau tôi quay lại nhà hàng. Tôi đợi suốt một buổi để được gặp em. Có lẽ thấy tôi đứng mãi ngoài hành lang đến tội nghiệp nên nàng phải ra.

Bây giờ nàng không còn được như xưa nữa. Ngày ấy nước da nàng nõn nà thơm như cánh sen, bây giờ son phấn không che lấp nổi sự vàng võ của thịt da nàng. Nét mặt nàng u buồn và đôi mắt khắc khoải một

niềm đau, nàng nói trầm buồn: “Cho em xin lỗi chuyện hôm qua” Nàng vịn tay vào cửa mà khóc. Tôi bảo nàng: Hãy về với anh đi.

Nàng lắc đầu: Em không thể nào về được nữa rồi... Tiếng nàng tắc nghẹn rồi lại òa lên:

- Em đã trở thành một con quỷ. Em không muốn anh trở thành một con quỷ nữa. Anh hãy về đi, về một mình ở nhà có con Quyên em gái em đang đợi. Em đã viết thư cho nó rồi... Đôi bờ vai nàng run lên lấy bầy. Tôi nghe lòng tê buốt như có ngàn kim châm. Tôi khẽ khàng nắm tay nàng kéo vào mình: “Không... về với anh đi. Dẫu thế nào anh vẫn thương em...”

Nàng buột tay tôi chạy ù vào phòng. Bóng đèn màu nhấp nháy, và tiếng nhạc xập xình nổi lên loạn xạ.

Chúng tôi lên tàu. Con tàu rúc lên một hồi còi dài rồi khẽ rùng mình chuyển bánh. Thôi tạm biệt nhé Sài Gòn - mảnh đất phồn hoa, tạm biệt em, người con gái tôi yêu có thể mãi mãi không bao giờ gặp lại...

Con tàu vun vút lao đi trong nắng sớm, qua bao nhiêu cánh đồng, bao nhiêu làng mạc. Ở đâu chúng tôi cũng thấy hình bóng những người dân cặm cùi một nắng hai sương trên đồng. Chẳng biết những nơi ấy có bài ca Lý chuẩn chuẩn như ở quê tôi không?...

Ba ngày sau chúng tôi ra đến ga Rong. Làng tôi kia vẫn lũy tre xanh như tấm màn nhung buông xuống chân trời vẫn hồ Mây núi Tả mờ trong sương khói. Cái nguyên khí ngàn đời không thể nào mất được như các cụ xưa thường nói. Ngược nhìn lên núi, tôi thấy một người con gái đang dắt tay một ông già rẽ sương khói đi lên. Tôi biết đó là Quyên em gái nàng đang thay chị dắt cha lên núi đàn hát. Ngày mai, người con gái ấy có thể cùng tôi xây dựng tổ ấm hạnh phúc, sinh con đẻ cháu trên mảnh đất này. Dẫu đói no, vui buồn, sướng khổ tôi vẫn có một làng quê để lúc chết được khóc thương. Nhưng còn em... em đã rời lũy tre xanh, đã đi khỏi đời tôi...

“Chiều ơi chiều... Chiều ơi chiều”. Lòng tôi như con cuốc kêu thương, quay quắt gọi hồn em. “Chiều ơi chiều... chiều ơi chiều”. Bài ca ấy lại tiếp tục cất lên với điệu ngân ai muôn thuở. Trước mắt tôi mọi cảnh vật như đang chuyển động theo. Sương khói cuộn tròn, lũy tre xanh nhẹ lướt, những con người trên vạt đất mới vỡ họ cũng cặm cùi bước theo điệu hát “Chiều ơi chiều... chiều ơi chiều” có lẽ họ đang tía hạt. Thôi thì nắng hay mưa cũng chưa biết nữa, nhưng dẫu sao cũng có một mùa hạt đã gieo. Tôi quỳ xuống cầu trời: xin hãy thương đến hạt giống của người nông dân.

C.H

## Rửa tội

(SH số tháng 1 - 2000)

**B**à Anna Nhữ đứng dóm dó cạnh cha Sinh trong menh mông tiền sảnh đông người của khách sạn bốn sao Marytus. Cha Sinh hơn năm mươi tuổi, có họ xa đàng ngoại với cụ bà Nhữ, đã hơn mười năm là cha chánh xứ của giáo phận.

Buổi sớm nay, sau lễ rửa tội con bé Kun (tên con bé được gọi ở nhà). Tổng giám đốc Vũ là bố của con bé, mặc dầu hai đầu gối mỗi nhừ nhưng vẫn quì, nài nỉ cha Sinh. “Lạy Chúa, dù sao cha cũng là ông trẻ, xin cha cho chúng con một ngày vui trọn vẹn”. Cha Sinh lưỡng lự nhìn cụ bà Anna Nhữ, bà cụ sụt sịt cặp mắt nhăn nheo cầu khẩn, cha khẽ gật đầu. Cha Sinh đưa bàn tay khô gầy, xoa nhẹ vài giọt nước từ cái bình sứ mà cậu phụ lễ đang nghiêng, làm dấu lên vầng trán hồng của con bé. Chắc là hơi lạnh, nó mở cặp mắt nhay nháy đen ngơ ngạc nhìn. Hồi Vũ hai tháng tuổi cũng đã được rửa tội. Ông ngoại Vũ là cụ trùm Hậu làm cha đỡ đầu. “Nhân danh Cha và Con và Thánh thần ta rửa cho con, Giuse Vũ”. Bà Nhữ lúc ấy xinh và còn trẻ, quì một mình dưới bàn thờ Đức Mẹ, lẩm nhẩm cầu nguyện cho người chồng đang ở xa. Bố Vũ là một trong những

sĩ quan cấp tá miễn Bắc đầu tiên, đi ngược vào chuẩn bị cho những trận chiến sau này.

Lễ rửa tội cho con bé Kun của Vũ vào một ngày cuối tháng âm và là ngày thứ hai sau lễ chủ nhật Đức Bà lên giờ. Vợ Vũ nhờ thầy đồng Toàn, nổi tiếng bói toán ở Láng Hạ chọn ngày. Cha Sinh chiều ý, tò mò nhìn cái phong bì mà vợ Vũ trình bày là của ít lòng nhiều. Vợ Vũ yêu chồng, có học nhưng nông nổi, con một ông quan rất to đang đương chức. Khi xin phép ra về, bỗng quì xuống hôn ngón tay út cha Sinh, rồi vung tay trái quơ quạng phía trên trán của mình. Hình như vợ Vũ muốn làm dấu. Phim *Ngày lễ Thánh* đạo diễn cũng bắt nhân vật nữ hành động tương tự. Cụ bà Anna Nhõ và cha Sinh đi dự tiệc sau lễ rửa tội bằng cái xe riêng của Vũ, Peugeot 505. Cha Sinh mặc áo sơ mi thẫm cho trong quần tây, cụ bà Anna Nhõ mặc áo dài gấm màu sáng. Cả hai loanh quanh gần nửa tiếng không thấy có ai quen. Mọi người đi qua tương đối giống nhau. Đều béo tròn, đều sang trọng và nồng nhiều mùi nước hoa. Cha Sinh rất sợ mùi nước hoa. Có một ấn tượng rất ghê từ rất lâu hồi cha còn ở Chung viện Vinh. Hôm cụ bà Anna Nhõ dắt con trai vào trình cha, bộ comple của Vũ cũng đậm mùi nước hoa. Có tới gần hai chục năm Vũ mới lại vào Nhà Chung. Cha Sinh tiếp ở phòng khách nhà xú với nhiều xã giao. Cụ trùm Hậu là chú họ gần của cha Sinh, bà Anna Nhõ có tiếng là ngoan đạo nhưng hồi Vũ cưới, chiều theo đảng vợ, không làm lễ ở nhà thờ.

“Con còn nhớ kinh nào không”

“Dạ thưa, kinh *Lạy Cha* với kinh *Kính Mừng ă*”

Vũ đột ngột làm dấu, cha Sinh khẽ mỉm cười.

“Thế vợ con có tin đạo không”

“Dạ thưa cha, vợ con nghĩ nếu được cha rửa tội cháu nó sẽ hên”.

Cụ bà Anna Nhõ luống cuống giật tay áo thẳng con giai vốn dĩ rất được chiều, cha Sinh hiền từ chăm chú nhìn Vũ.



“Thế con cũng nghĩ như vậy à”

“Thưa cha, con là trí thức”

Hồi Vũ thi đại học được báo đài nói nhiều. Vũ là con liệt sĩ duy nhất chưa cần cộng điểm ưu tiên, đã vượt quá qui định đỗ tuyển tới mười điểm. Vũ bảo vệ luận án phó tiến sĩ ở Nga. Những năm ấy, thông thường các sinh viên ưu tú đều được gửi đào tạo ở Đông Âu, Vũ hỏi mẹ.

“Cha còn nói gì về con không”

“Người nói Người cảm tình với mày”

Vũ hơi ngạc nhiên và cũng chiều thứ bảy tuần đó, Vũ bỏ hẹn với cô bé thư ký, một mình đi bộ dự lễ ở nhà thờ.

Giàn nhạc sống ở phía góc khách sạn chuyển từ rầm rầm điệu Rock sang chơi bản *Ave Maria*. Một thanh niên mặc áo vét thắt nơ đen tiến lại gần cúi đầu hỏi “Thưa, chúng tôi có thể phục vụ gì cho quý ông bà”. Cụ bà Anna Nhỡ hơi hoảng, lập cập núp vào sau lưng cha Sinh. Cha cũng ngơ ngác. Tay Receptionist nhắc lại câu hỏi bằng tiếng Anh. Cha Sinh vội vàng trình bày tất nhiên không dám bằng tiếng Việt. Hai người được dẫn đến một phòng ăn rộng, các cửa sổ đều treo rèm hồng, chạy viền phía trên là nhiều chữ Song Hỷ cắt bằng giấy đỏ. Ngọt ngào là người trong ẩm áp rượu và đủ loại món ăn nóng nguội. Khách sạn nổi tiếng với những món Tầu nhưng làm tiệc đúng kiểu Tây vì vợ chồng Vũ muốn vậy. Từ phía quầy rượu, Vũ hơi chệnh choạng thơm mùi Hennessy chạy đến, khua tay trịnh trọng.

- Thưa toàn thể quý khách, đây là bà của cháu và đây là ông trẻ của cháu.

Mọi người ào ào vỗ tay đồng thời hô “Dô, dô, dô”. Mọi thói quen của nền văn minh bóng đá. Vợ Vũ mặc đầm đen, cổ đeo dây Platine có viên kim cương hai carat nách cặp con bé Kun đang ngằn ngặt khóc vì không có thói quen được mẹ bế. Vợ Vũ biết tiếng Anh nên cai sữa sớm. Vợ Vũ đọc tạp chí Mỹ thấy quảng cáo nuôi con tốt nhất là bằng sữa hộp. Cụ bà

Anna Nhõ cần nhẫn, vợ Vũ nói với người ở là mẹ chồng vô học. Hôm Vũ nhận quyết định lên làm Tổng giám đốc thì vợ sinh con gái đầu lòng. Vậy là hai sự vui, thấy đồng Toàn dặn hôm nào làm khao phải treo nhiều chữ Song Hỷ. Cô bé thư ký tốt nghiệp trường Tổng hợp đang tập tọng viết văn, hôn Vũ lâu hơn bình thường nửa đùa nửa thật “Nếu anh nghe em chúng mình đã có con giai”. Cô bé thư ký thật hồn nhiên, nói yêu Vũ nhưng vẫn thân với vợ Vũ. Chắc đấy là tuổi trẻ còn Vũ bắt đầu thấy mình già. Vũ chọt băng quơ uống rượu giữa đám đông. Sau lần đi lễ lại, trong sâu xa Vũ ngập đầy nghi hoặc. Cảm quan tôn giáo là gì. Hồi Vũ đi chơi núi Yên Tử, mới leo núi đến Hoa Yên đã nằm vật ra sân chùa tưởng đứt hơi. Bà cụ hành hương tám mươi bảy tuổi nở nụ cười móm khuyên Vũ vừa trèo vừa niệm A di đà. Lúc trước Vũ trượt chân, bà cụ đang bò phía dưới kê vai đỡ cho Vũ. Bà cụ nhăn nheo nặng khoảng 39 kilô và có vẻ là trường chay. Vũ chơi tennis đều nhưng vẫn còn 66 cân. Tháng hai lần nhậu thịt rắn, một lần thịt chó còn thịt gà thịt chim thịt thú rừng thì không nhớ xiết. Giữa mùa Phục Sinh, tan buổi ngắm mười lăm sự thương khó, Vũ vào tận phòng thay áo tìm gặp cha Sinh.

“Lạy cha, con có một việc muốn được trình cha”

“Đạo này cha cũng hay thấy con ngồi phía hàng ghế dưới”

“Lạy cha, con muốn có một đức tin”

Cha Sinh làm dấu thánh giá “Chúa ở cùng con”. Tại sao mẹ Vũ lại tuyệt đối tin vào nhà thờ. Những người đơn giản rất hay mê tín. Liệu cha Sinh có thật sự thuần khiết như mẹ Vũ hay kể không. Vũ nao nao người suốt cả chiều ngồi lì ở cơ quan mông lung nhìn bảng kết toán tài sản. Cô bé thư ký cũng nũng nịu ôm cổ Vũ. “Anh đợi em à”. Vũ lầm nhảm đọc kinh *Tin Kính*, cố đừng vấp.

“Anh làm gì vậy”

“Anh vừa đi gặp một người thánh thiện”.

Cô bé thư ký cười khanh khách, Vũ nhăn mặt.

“Anh đừng cẩu, em và anh thuộc người loại ba mà. Trí giả nhạo thủy, Nhân giả nhạo sơn còn đều giả thì nhạo báng. Trên đời này làm gì có Thánh”.

Vũ gục đầu vào trũng ngực cô bé thư ký, khi mệt vì phải nghĩ nhiều Vũ có thói quen thư giãn như vậy. Đêm ấy, Vũ mất ngủ nhưng những đêm kể thì ngủ được.

Cha Sinh và cụ bà Anna Nhõ được mời vào phòng VIP có bàn tròn dành cho sáu người. Vũ xếp cha Sinh ngồi giữa hai trung niên. Một giới thiệu là giám đốc kiêm nhà thơ hội viên Hội nhà văn Việt. Một nữa là phó của Vũ phụ trách về hành chính tự xưng tên là Trần Công Thắng. Đối diện cha Sinh là cô bé thư ký của Tổng giám đốc Vũ. Cụ bà Anna Nhõ được cậu con giai dìu gần như đặt xuống ghế mắt hấp háy quáng gà vì nhiều chớp lóa trắng từ đèn flash của các loại máy ảnh. Vũ xin phép mọi người ra ngoài tiếp khách, trước khi ra Vũ nghiêm nét mặt khẽ liếc Trần Công Thắng. Phó tổng giám đốc phụ trách hành chính trịnh trọng quay sang cha Sinh.

- Thưa, để dễ nói chuyện trong một bữa tiệc có nhiều tục khách, xin cho phép một cách xưng hô.

Cha Sinh cười. Đài truyền hình Hà Nội có làm một phóng sự dài về việc giáo xứ quyên góp quần áo cho đồng bào bị lũ lụt. Anh chàng phóng viên hai mươi tư tuổi loay hoay chọn đại từ để bắt đầu phỏng vấn “Thưa tôn ông, xin tôn ông cho biết quan điểm của mình về từ thiện” Chắc anh ta chưa bao giờ đi đến nhà thờ. Trong diễn từ mới đây của Đức Thánh Cha một trong những quan tâm lớn nhất của người là thế hệ trẻ. Ông nhà thơ thâm thúy.

- *Nee no men Deoquacras, Deus no ment est.* Đừng tìm hiểu danh hiệu của Chúa. Chúa là danh hiệu. Thưa cha, tôi nói thế có đúng không ạ.

- Thưa ông, vâng.

Một anh chàng gầy lêu đêu đi vào cầm camera với đèn rọi quét sáng trưng bàn ăn. Vợ Vũ đã dặn kỹ, phải “dum” ống kính đặc tả món vịt quay Bắc Kinh. Cô bé thư ký nũng nịu nhìn ông nhà thơ cất giọng oanh.

- Nếu nói như vậy thì em có thể gọi cha đây là ông, là anh cũng đều được chứ ạ.

Cặp mắt đen thêm sẫm bởi hàng lông mi giả dây cong long lanh nhìn cha Sinh. Cha nhấp ngụm rượu nhỏ khẽ gật đầu. “Thưa cô, vâng”. Cụ bà Anna Nhỡ đang chấp chuôi nhai bật khe khe “Lạy Chúa”. Ông phó tổng phụ trách hành chính khéo léo tiếp một miếng vây cá cho cụ bà Anna Nhỡ rồi quay sang ép mọi người cạn hết tuần rượu. Cha Sinh đã có vẻ lâng lâng. Ông phó tổng chạm mạnh cái ly không vào ly rượu mới của cha Sinh và của nhà thơ kiêm giám đốc.

- Thưa quý ngài, khách sạn có hai món nổi tiếng thì cả hai đều hiện diện trên bàn. Người ta thường nói linh mục và nhà văn thì ăn rất sành, vậy tôi đổ hai quý ngài đó là hai món nào.

Kể cả sau mùa chay, cha Sinh cũng rất hiếm khi ăn thịt. Có những chuyện đơn giản là thể tạng, đâu có phải là chuyện giữ gìn lễ luật hay đạo đức. Ăn đồ nhiều đạm cha thấy nặng mình. Chúa đã chọn vậy thì đành phải vậy. Nhà thơ kiêm giám đốc tiếp tục thâm thúy.

- Nếu đúng theo văn hóa ẩm thực thì linh mục mới sành ăn còn nhà văn chỉ được cái sành mồm. Sách quý cũng như đồ ngon không thể biết một sớm một chiều. Thưa cha, về điểm này tôi xin nhường cha.

Cha Sinh sẽ sàng nhấp môi vào ly rượu vẫn nhỏ nhẹ “Thưa ông, vâng”. Cụ bà Anna Nhỡ co người lại trên chiếc ghế ăn rộng, trông cụ càng nhỏ thó. Vũ từ ngoài vào khẽ liếc chai rượu với chùng hơn nửa sẫm mặt nhìn Trần Công Thắng. Ông phó tổng lật đặt rót một tua đầy các ly, khăn khăn bắt mọi người phải cạn mừng sức khỏe con bé Kun. Việc đạo việc

đời nhiều lúc cũng giống nhau. Một linh mục ngồi giữa hai giám đốc. Trên đôi Sọ, kẻ dũ cũng đóng đinh câu rút Chúa Jésus giữa hai thằng kẻ cướp. Hôm nay đâu phải là một bố cục ngẫu nhiên mà đây là ý của Vũ.

Cách đây hai tháng, Vũ bắt gặp vợ đang nức nở trong phòng ngủ, bừa bãi trên giường là những kiểu ảnh Vũ chụp với cô bé thư ký ở khách sạn Hạ Long Plaza. Vũ quì xuống xin lỗi vợ, vòng vèo gần ba tiếng mới biết mỗi bức ảnh vợ Vũ mua lại với giá 100 đô. Hôm sau đến cơ quan, Vũ vừa đập cửa phòng làm việc riêng vừa hét vào mặt cô bé thư ký.

“Đúng là giống đàn bà, tham như chó”

“Em đâu có làm chuyện gì”

“Người bán ảnh là bố cô, tôi biết cả rồi”.

“Em yêu anh, em muốn anh là của em”

“Tôi là người có đạo, đừng hy vọng tôi nghĩ chuyện ly dị vợ”

Cô bé thư ký chột cứng người nhìn Vũ rồi đột nhiên cười khẩy.

“Anh là đồ đạo đức giả”

Vũ cay cú nhìn lại. Thi thoảng đọc báo công an Vũ có gặp vài vụ trọng án mà những gã vũ phu thường bóp cổ người tình.

“Anh tưởng tôi không biết đạo này anh uốn ẹo đi lễ nhà thờ lại đây à. Đàn ông các anh có bao giờ hết tội đâu mà mong rửa tội. Mười thằng thì như cả mười”

Vũ dằn mặt. Cô bé thư ký bỗng khinh khách cười, mở tủ lạnh lấy lon Tiger kể nhẹ vào miệng Vũ.

“Thôi, em xin. Thế anh có muốn cá không”

“Cá cái gì”

“Anh cứ bố trí đi để hôm nào em sẽ lột truồng tay linh mục mà đạo này anh ra sức khen là thánh thiện”. Vũ nhắm mắt trầm ngâm nghĩ và vô thức gật đầu.

Cha Sinh bị ép thêm cốc nữa mặt nhợt nhạt thấy rõ. Trần Công Thắng dìu cụ bà Anna Nhỡ ra ngồi nghỉ xa tiếng ồn ở tít cái ghế dài phía ngoài tiền sảnh. Vũ chợt nghĩ là mình đang chơi ác và trong sâu cũng mong cha Sinh đứng dậy. Nhưng cha có vẻ lưỡng lự khi cô bé thư ký chuyển sang ngồi cái ghế sát cạnh mà nhà thơ cố ý nhường. Bộ ba tiền đạo này đã phối hợp với nhau nhiều lần và họ luôn thất bại. Vũ đột ngột thở dài, chợt nhiên như mộng du lang mang đi qua đám đông thực khách vào sâu trong hoa viên khách sạn có cái ghế đá vắng dưới ngọn đèn mờ. Vũ không có thói quen trách mình nhưng vẫn thấy thật nhiều băng khuâng. Chợt có ai ngồi cạnh, Trần Công Thắng vẽ đặc ý thông báo

- Lừa được lão vào phòng Karaoke rồi. Đề-pa bằng bài *Mừng Chúa giáng sinh*.

Vũ nhỏ nước bọt, rất nhiều lần Vũ nằm mơ thấy mình đọc quyết định cách chức phó tổng giám đốc. Giấc mộng đẹp nhưng cũng chỉ là mộng. Đường quan sự của Vũ hanh thông theo đường ngoại. Trần Công Thắng là đệ tử ruột của bố vợ Vũ. Những chiếc ghế Vũ đã và đang ngồi đều ấm mùi mông nhạc phụ. Vũ nặng nề đứng lên, đã quá nhiều lần Vũ chứng kiến những người đạo mạo từng làm gì trong phòng hát. Thượng đế đã chết. Vũ ngược mắt nhìn mẹ mình đang loay hoay ngơ ngác đi ra đi vào ở phía cổng khách sạn. Vũ lê lét bước bỗng thấy đau hai vai. Công thập giá chẳng bao giờ là lao động nhẹ. Vũ đẩy cửa phòng Karaoke. Màn hình đang chạy ca từ của Trịnh Công Sơn. Nền minh họa sau là cảnh nhà thờ Đức Bà. Giám đốc kiêm thi sĩ, chắc quá say đầu chúi xuống gầm salon, một vệt nôn đậm bò vòng quanh cổ. Cô bé thư ký đang khóc, úp mặt vào hai tay nức nở. “Xin Người tha tội cho con”.

Không thấy có cha Sinh. Vũ đột ngột quỳ và vụng về làm dấu thánh.

3-7-99

N.V.H

# Lễ hội ăn mỳ

(SH số tháng 7 - 2000)

## 1.

Người đàn bà choãi hai chân ra sau, nhúi đầu xuống, tay trái vẫn ôm chặt đứa con nhỏ giữ cho mũi mồm nó vẫn trôi trên mặt nước, tay phải khoát một nửa vòng tròn, rướn tới... Cùng lúc với nhịp lấy đà theo để bơi tiếp, chân chị bỗng chạm phải đất. Chị mừng rỡ kêu “òì” một tiếng khê, đạp dần chân kia xuống, đứng thẳng người dậy, lội... Nước ngang cổ, ngang ngực rồi ngang lưng quần... Thế là thoát, là đã sắp vào bờ, cái bờ mà gần suốt đêm chị vừa mong đợi lại vừa lo lắng không biết sẽ phải làm gì khi bước cái bước đầu tiên lên đó. Chị vỗ vỗ bàn tay ướt nhèm vào má đứa con gái nhỏ; cô bé lắc lắc đầu, ngo ngoáy cổ, làm nước trên người văng ra hai bên thành những tia mát lạnh bắn vào lườn lưng bên trái chị. Chị mỉm cười lẩm bẩm: “Rõ là con nhà đầm phá!”. Vậy là hai mẹ con chị đã hơn một nửa đêm dầm mình trong nước. Chị thì không nói làm gì, đã bao năm sống trên mặt phá bao la, chị có thể lặn cả ngày dưới đáy đầm cũng như ở trên cạn, chỉ ngại đứa con nhỏ mang theo. Khi quyết định bỏ trốn vào bờ, rời bỏ vĩnh viễn vạ thuyền, chị đã tính để con gái nhỏ ở lại. Song nó còn bú, lại có đứa con trai đầu lên năm ở lại với cha nói

rồi. Nó sẽ lớn lên, sẽ thành một chàng trai đâm phá giỏi giang để tiếp nối cái nghề vạ chài truyền thống của cha ông nó. Đó là của quý nhất chị đã để lại cho chồng, trả cái tình nghĩa vợ chồng ăn ở với nhau lâu nay, mặc dầu cái tình nghĩa đó lúc đầu chỉ là sự ép buộc. Thôi, tôi đành phụ anh, chắc anh cũng hiểu cho tôi, tôi còn cha mẹ, quê hương làng xóm nơi chôn nhau cắt rốn, đã bao năm rồi tôi chẳng biết ai còn ai mất! Cuộc đời tôi không phải là cuộc đời trên đâm phá xa lạ, hải hùng này. Lạy Trời, lạy Phật, lạy ông Hà Bá, lạy bà Thủy Vương phù hộ cho vạ thuyền anh, phù hộ cho anh chóng lấy được vợ khác...

Chị vụt nhớ lại hoàn cảnh của mình. Đã lâu lắm rồi, chị gần như quên lãng, giờ đây hiện về mồn một trong đầu. Ngày đó, một buổi chiều tối, sau bao ngày lang thang kiếm ăn, cha mẹ chị dắt chị vào nghỉ ở cái lều tranh góc chợ bên đường. Bấy giờ là năm đói kém, làng quê chị ở bên bờ sông Hoàng Long đói xơ xác, bà con thất tán người lên tận rừng sâu, người xuống tới biển rộng để tìm nguồn sinh sống. Nhiều gia đình bỗng bế nhau, bị gậy ra đi. Cứ đi, nơi nào có thể xin được là đi, không ai tính lấy đường về. Gia đình chị cũng trong tình cảnh bi thảm đó. Cứ đi... nhắm hướng Nam mà đi, nơi nào có chợ búa là đến, kiếm miếng cho vào bụng đỡ đói, không còn nhận biết ra phương hướng nữa. May mà ông trời còn có ngày có đêm, buổi sáng mặt trời mọc, buổi chiều mặt trời lặn. Cứ đi... đi cho đến ngày hôm đó. Buổi chiều chị được ăn một nắm xôi to để bằng quả dưa diếp và mấy con tôm rim, do nhà chủ nợ có kỳ cúng giỗ mà cha mẹ chị dắt chị tình cờ bước đúng vào ngõ. Đó gần như “bữa tiệc” chia tay mãi mãi của chị với những người ruột thịt của mình.

Đêm càng lúc càng sâu, càng vắng vẻ. Cả nhà chị chìm vào trong giấc ngủ say sưa trên nền lều chợ mát lạnh. Gió từ đầm xa hiu hiu thổi vào như ru giấc ngủ thêm ngọt thêm muối. Chị thấy mẹ nhẹ nhàng nâng đầu chị lên, dứt cho chị ăn như hồi mới lên hai lên ba. Ôi mẹ, con đã no căng bụng rồi đây này! Mẹ nói cơm thương chứ ai thương, hãy cố mà ăn con ạ,



no rồi cũng cứ ăn thêm, bù vào những lúc không có cả một cái dây khoai để nhai cho khỏi buồn cái chân răng. Mẹ ấn củ khoai luộc ép chị ăn thêm nữa. Củ khoai bùi quá, làm cổ họng chị đặc cứng, tắc nghẹn, muốn kêu mà không kêu được. Rồi bỗng mẹ buông tay. Chị thấy như được ai bỗng bế, người nhẹ hẫng rồi bay đi, lượn lờ như con bướm trong vườn cải nhà chị hồi nào. Con bướm có đôi cánh lốm đốm vàng xanh cứ dập dềnh rồi chao chát, long bong, rồi phấp phập, phấp phập rất lạ. Con bướm cứ chúi đầu xuống ao, hai cánh giấy run, cố cất lên nhưng cứ rũ xuống dần, lướt thướt trườn đi một cách tuyệt vọng...

Chị giật mình thức giấc, hoảng hốt ngồi nhồm dậy, hai tay bưng lấy mặt, chưa biết chuyện gì đã xảy ra vừa rồi.

- Đừng sợ! Đừng sợ nghe con!

Tiếng ồm ồm đùng đục của ai thế? Tiếng cha sao nghe lạ lùng! Mẹ, mẹ đâu rồi? Chị khẽ lách các ngón, nhìn qua kẽ tay. Trời ôi! Chị bỏ phắt hai tay xuống, rên rĩ, ngơ ngác, hãi hùng nhìn quanh. Hai người đàn ông, một già, một trẻ đang ngồi trước mặt chị. Dáng họ cao lớn, vạm vỡ, có vẻ bặm trợn nhưng nét mặt thì hiền khô, trên môi anh chàng trẻ còn in một nụ cười nữa. Họ đều cười trấn, quần đùi, da nâu bóng...

- Trời hỡi! Đây là đâu thế này?

Họ không trả lời. Chị nhìn quanh, nhận biết mình đang ngồi trên một chiếc thuyền đã được neo lại giữa dòng, bập bênh bập bênh phồng lên xẹp xuống theo hơi thở của sóng. Trên đầu là trời cao, chung quanh bốn bề là nước. Thăm thẳm... mịt mù...

Chị òa khóc. Hai người đàn ông im lặng. Họ không hề làm gì chị cả, cũng không dỗ chị, kệ cho chị khóc, hình như họ cho là cần phải như thế. Ông già đưa mắt cho người con trai. Chị rú lên một tiếng. “Họ sắp làm thịt mình!”. Anh con trai đứng lên, im lặng chui vào khoang. Chị nhắm mắt lại, nghĩ nhanh: “Mình tới số rồi, trời ơi là trời!”. Chị đợi một nhát dao hay một cú búa, hay một cái gì tương tự như thế. Có tiếng lẹt

xẹt trước mặt chị. Chị mở mắt ra, một bát cơm đầy tú hụ đặt trên một khúc cá kho khoanh tròn hình quả trứng to được đẩy tới.

- Ăn đi! Ăn đi kéo đói con! - Ông già lại ồm ồm lên tiếng, giọng trầm mà nghe nhẹ nhõm. Chị vụt hiểu tất cả. Chị đứng bật dậy, mặt ráo hoảnh, ương bướng:

- Các người bắt tôi về đây làm gì, hả?

Ông già sắc mặt không hề thay đổi nhưng giọng điệu thì thay đổi, dõ dằn:

- Không làm chi đâu con ơi! Bắt con về làm dâu thôi mà! Con sẽ là vợ thằng trai lão đó, con nhé?

Đưa hai tay chống nạnh, chị nhìn cha con ông già, mắt long sòng sọc:

- Các người có thả tôi ra không hả?

Chàng trai cười rất tươi, rủ rủ:

- Không thả! Mà có thả em biết đường nào mà đi, làm chi mà sống! Ở đây, trên trời dưới nước thế này, em có thấy không?

Tiếng “em” của chàng trai làm chị thoát diệu lại:

- Tôi còn nhỏ, tôi không lấy anh đâu!

Chàng trai lại cười, nụ cười lần này thì như nụ cười của ông chủ, thỏa mãn và đầy tự tin:

- Thì tôi đợi em lớn đã mà! Có gấp gáp chi!

Chị gần như ngã ngồi xuống lòng thuyền, hai tay buông thõng, thở dài não nuột. Chị không muốn khóc nữa mà nước mắt cứ đầm đìa. Chị biết thế là cuộc đời chị đã được quyết định do những người xa lạ và hoang dã giữa vời phá bao la này. Chị đứng vụt, kêu xé lên một tiếng, nhào người xuống nước. Chàng trai nhanh như chim cắt, kịp túm tay chị lôi lại, đẩy chị vào trong khoang.

Bấy giờ chị mới là một con bé mười ba tuổi...

## 2.

Gần như kiệt sức, chị nằm lăn ra bờ đầm hoang, mắt ngược nhìn bầu trời đang sẫm sệt như màu trứng cá. Đứa con nhỏ đang quờ tay tìm vú. Chị áp con vào người, xốc cho nó bò bên bụng. Con bé chẳng khó khăn gì để trườn một cái rồi ngoạm lấy vú mẹ. Chị nghe nhồn nhột, giật mình sức nhớ là mình trên để trần. Đàn bà vùng đầm phá chuyên sống trên mặt nước vẫn thường như vậy, không mấy khi mặc yếm áo, để khỏi vướng víu khi chài lưới cá tôm, trừ khi phải lên bờ đi chợ mua gạo, mua dầu... Chị tự trách mình lúc đêm gấp quá và cũng hoảng quá, quên khuấy mất. Vạn thuyền nhà chị ngày hôm đó trúng mẻ lưới cá bầu. Người chồng tự thưởng một chầu rượu. Bạn nhậu là cô vợ trẻ và cậu con trai nhỏ. Thật ra chỉ một mình anh ta uống, vợ con chỉ ngồi cho vui mâm rượu mà thôi. Họ ngồi với nhau đến khuya thì anh chồng say lê lết, nằm xoài ngáy như sấm. Chị dọn dẹp xong, nhìn chồng, nhìn nước. Ý định trốn đi vụt đến. Thời cơ có một không hai đây rồi! Chị đã tự liệu sức mình, cái sức mà chồng chị không thể lường trước được, hoặc đã tin cậy nên không muốn lường. Không có người đàn bà nào, dù đàn bà ở trên đầm phá, lại có thể bơi từ giữa phá vào bờ, xa có đến sáu bảy cây số!

Nằm nghỉ một lát lại sức, chị xốc con ngồi dậy, nhìn quanh để xác định phương hướng. Đây là trắng cát, vậy bên kia là bờ biển, dọc sát biển là làng. Chị nhắm hướng trước mặt, chạy gằn. Chị cần tìm một cái gì để che thân trước khi gặp người thứ nhất trên cạn. Đứa con gái đã bú no, ngủ ngật nghêu trên tay, hơi thở của bé phả âm ỉm chỗ xương bả vai chị. Có tiếng gà gáy xa xa. Trời xem chừng đã hơi loang loáng, sắp sáng rồi. Chị chạy gấp thêm, nhắm cái vệt mờ mờ xám xám của xóm làng đằng xa mà băng tới. Đôi vú trần trẻ trung của chị nảy từng từng. Trước mắt chị là một chiếc cầu và phía bên kia, chị đã nhìn rõ ánh đèn le lói trong ngôi nhà ai đó khuất lấp qua một khu vườn rậm rạp cau dừa. Chị đoán sau xóm này chắc là chợ làng. Ở cái chợ này, ngày mai chị sẽ kiếm vài thứ cần

thiết và đi tiếp, đi tiếp. Lẩn hồi, hồi han... thế nào cũng có ngày chị sẽ về đến quê hương làng xóm, gặp lại cha mẹ, bà con xóm giềng của chị. Bố mẹ của chị ngày đó mất chị, chắc họ cũng đã quay về, lòng dạ đâu mà đi tiếp nữa, chị chắc chắn như thế...

Một vật ngáng làm chị bỏ ngựa người ra sau, suýt nữa thì hất đứa con gái xuống đất. Chị định thần nhìn. Thì ra mãi suy nghĩ chị đã không kịp thấy những thanh chắn của một khu vườn. May mà chúng chỉ là những thanh tre tròn, không có gai mấu gì. Vừa lúc chị đứng dậy phủi bụi cho con nhỏ thì một giọng đàn bà cất lên thông thả, thản nhiên:

- Ai đó? Đi đâu sớm thế?

Chị luống cuống chưa biết nói gì. Từ trong nhà, người vừa hỏi đã xách cây đèn bão nhanh nhẹn đi ra. Chị co rúm người lại, ngồi nép vào bóng tối của bụi chuối. Ánh đèn đã soi rõ mặt chị. Người vừa hỏi là một bà già chừng sáu mươi. Thấy hai mẹ con chị trần như nhộng, lại run lên vì sợ hãi, nhìn khuôn mặt còn quá trẻ của chị không có vẻ gì dối gian, bà bỗng động lòng hỏi:

- Chị ở đâu đến đây? Ai đuổi bắt chị hả? - Bà nhìn đứa bé gái bụ bẫm

- Con của chị đó à?

- Dạ thưa bà... thưa bà...

- Chị đừng sợ, nói đi nào! À mà khoan, hãy vào nhà cái đã. Cháu nhỏ đã lạnh run cầm cập lên rồi kia kìa. Vào nhà, tôi lấy áo quần cho mà mặc!

Linh tính cho chị biết rằng chị đã gặp may. Chị như bị hút theo bà già. Bà mở toang cánh cửa khép hờ. Đặt cây đèn bão xuống góc nhà, bà vặn to ngọn đèn tọa đăng đặt trên sập. Ánh sáng lan tỏa khắp gian nhà. Bà đi vào gian trong. Chốc sau bà mang ra một mớ áo quần, nói như ra lệnh:

- Chị mặc vào ngay kẻo lạnh. Ra sau hè mà thay!

Chị bàng hoàng như trong giấc mộng, rùng mình như đang sống trước cảnh bực hiện. Bà già đứng đó, mỉm một nụ cười thương cảm nhìn

hai mẹ con chị giờ đã áo quần tinh tươm, mái tóc đốm bạc của bà phơ phất, phơ phất...

Tự bao giờ, có lẽ lúc mẹ con chị thay áo sau hè, một mâm cơm có cá kho, dưa chua đã đặt bên phản dưới. Bà già đến ngồi lên sập, chân co chân duỗi, nhai trầu chóp chép:

- Cơm khi tối còn lại đó, nguội cả rồi, nhưng tạm ăn đi cho đỡ đói. Ăn có sữa cho cháu nó bú. Chuyện chi nói sau. Trời sắp sáng rồi đó!

Bây giờ chị mới thấy bụng cồn cào ghê gớm. Con bé chị gần như suốt đêm ngâm mình dưới nước, giờ được mặc ấm liền chuôi khỏi tay chị lăn ra ngủ, đầu ngoẹo về một bên, hai tay khuỳnh vuông góc, hai chân chạng ra, ống hơi khấp vào, nom như con ếch đang bơi...

- Cha cha. Con nhỏ ngủ “dễ ghét” chưa? - Bà nắc nỏm.

- Được mấy tháng rồi?

- Dạ thưa bà, cháu được chín tháng rồi ạ.

Chị nhìn bà. Trong thoáng chốc, chị tưởng trước mặt mình là mẹ. Mà phải, giờ đây nếu mẹ còn sống, chắc mẹ cũng bằng gần ấy tuổi như bà. Ôi mẹ ôi...! Nước mắt chị lã chã rơi xuống bát cơm. Chị vừa ăn vừa kể lại...

Trời sáng rõ lúc nào không ai hay. Bà già khẽ thở dài, thông hai chân xuống quờ tìm dép, ngoảnh mặt vào bên trong gọi to:

- Quý! Quý! Dậy con! Dậy rửa mặt, ăn uống rồi đi học kéo trẻ giờ con!

Chị luống cuống, ngại ngùng đứng lên. Bà già nói:

- Chị cứ nằm ngủ đi một chập cho lại sức. Con Quý là đứa con gái út của tôi, đang học lớp nhì trường tổng. Nhà chỉ có hai mẹ con. Có thằng anh nó nữa, nhưng vắng nhà, đang học trên tỉnh, thỉnh thoảng mới về thăm. Thôi nằm ngủ đi!

- Dạ thưa bà, cháu không ngủ. Cảm ơn bà đã giúp đỡ mẹ con cháu. Giờ xin phép bà cho mẹ con cháu đi...

- Đi đâu?

- Dạ thưa, đi...

Bà già nhú trán, im lặng một lúc rồi thủ thỉ tâm sự:

- Ông nhà tôi mới mất năm ngoái, nhà giờ đây neo đơn lắm, vắng vẻ lắm. Tình cảnh của chị nghe thật thảm thương, đường ra Bắc lại xa xăm mù mịt, mẹ con chị thân gái dặm trường, làm sao đi tới nơi về tới chốn cho được yên bình? Tôi nói thế này coi chị nghe có được không: giờ mẹ con chị cứ ở lại đây với tôi, giúp tôi coi ngó việc trong nhà ngoài vườn, chờ lúc nào thuận tiện, chắc ăn, để xem đường sá xe dò ra sao đã rồi hãy lên đường. Tôi coi chị như con, bé gái nhỏ như cháu...

Chị ngẩn người, nghe có cái gì chẹn ngang cổ họng, cứ nghẹn ngào nhìn chăm chăm vào bà già mà không nói được câu nào. Không ngờ câu chuyện lại xoay sang hướng này, cái hướng mà chị chưa bao giờ nghĩ tới. Số phận của chị ông trời đã định như thế này chăng? Ôi bà ôi...

### 3.

Truyện trở về nhà khi trời vừa chạng vạng. Anh chuyển va ly qua tay trái, lấy tay phải nhẹ nhàng đẩy các ống tre then cài vườn, bước vào.

Trời vừa mưa giông lúc chiều, những giọt nước còn đọng trên các sợi dây thép chẳng làm dây phơi giăng hàng long lanh như những dây cườm. Truyện nhìn quanh, bỗng thấy có điều gì lạ vương vấn đâu đây. Những vệ lan tóc tiên hai bên sân dường như được vun vén lại, cả những sợi cỏ râu mèo mọc len vào các gốc của chúng cũng được nhổ sạch sẽ. Bờ chè tàu làm hàng rào ngăn cách nhà với vườn cũng được cắt xén bằng bần và phẳng phiu như có thể nằm lên trên được. Cái lu đựng nước đầu hè kia hình như cũng được bắt thêm một cái máng nhỏ bằng những chiếc mo cau chằm rất khéo đặt vát vào miệng, để hứng được nhiều nước mưa

từ hàng giọt tranh chảy xuống. Còn đặng này, cạnh cửa sổ nơi anh vẫn kê chiếc bàn ngồi học thì mọc lên ở đó từ bao giờ một khóm dạ hương đang kỳ lấm tấm...

Một giọng hát khe khẽ cất lên khiến Truyến giật mình:

*Ồ... hờ hơ... ngó lên Hòn Kẽm Đá Dừng*

*Thương cha nhớ mẹ quá chừng bạn ơi!*

Ồ... hờ... hờ...

Anh lắng nghe và lấy làm lạ rằng sao cô em gái nhỏ của mình mới đó mà đã hát được giọng người lớn và đôi âm sắc đến thế. Anh hèm một tiếng, cất giọng gọi:

- Mẹ ơi!

Tiếng hát ngưng bật. Mẹ anh bước ra, tay bồng đứa con gái nhỏ:

- Con đã về đó hả Truyến? Nghỉ hè rồi ư?

- Dạ. Ủa cháu bé con ai thế mẹ?

- Ồ ờ - Bà mẹ vỗ vỗ vào má đứa bé, nựng - Cháu bà đây mà! Cháu ngoại cưng của bà đây!

Truyến đặt va ly xuống sập, trở mắt ngạc nhiên nhìn mẹ, nhưng lại hỏi chuyện khác:

- Quý đi đâu hờ mẹ?

- Nó đi qua chơi với con bạn bên xóm. Nói để mượn sách đọc, dặn nhà đừng chờ cơm.

- Khi nãy ai hát thế mẹ?

Bà mẹ gọi với xuống nhà dưới:

- Đào ơi! Lên đây! Anh con đã về này!

Một khuôn mặt hiện ra cùng với vòng tay lễ phép khoanh lại trước bụng:

- Dạ thưa cậu. Cậu mới về nghỉ hè!

Người con gái da ngăm ngăm, vẻ mặt mà in rõ trên cánh môi hơi đầy và đôi mắt mở ra tròn to màu nâu cháy vừa chân chất lại vừa như chứa đựng điều gì bí ẩn, làm Truyến bỗng cảm thấy nửa như yên ổn nửa như hoang mang. Anh không biết nói gì, chỉ gật đầu nhẹ để đáp lễ, nhìn mẹ như chờ đợi sự giải thích.

Bà mẹ mỉm cười:

- Em Đào người ngoài Bắc, lỡ vận sa cơ, mẹ mới nhận làm con nuôi hồi đầu năm. Thôi nói chuyện sau, bây giờ xuống dọn cơm ăn cái đã!

Đào xuống bếp. lát sau cô bưng mâm cơm lên:

- Mời mẹ và cậu xơi cơm! Con để phần cho cô Quý rồi ạ.

- Ngồi đây ăn cơm luôn đi con. Cậu, cậu cái gì. Gọi bằng anh nghe chưa?

- Dạ, xin phép mẹ, con còn cháu nhỏ, sợ nó quấy. Để con chờ chút, ăn sau cùng cô Quý cũng được ạ!

Truyến rửa ráy, thay quần áo xong, đi ra.

Hai mẹ con ngồi vào mâm.

Suốt từ lúc về nhà đến giờ, Truyến không sao xua được cái cảm giác lạ lùng là vừa thanh thản lại vừa phấp phồng như sắp có điều gì xảy ra. Người thiếu phụ trẻ nọ có mặt trong nhà anh mà mẹ anh - qua lời kể lại cùng với thái độ đối xử của bà - đã như là một sự hiển nhiên, đã xảy ra rồi, dù anh có muốn hay không cũng vậy. Từ bé đến giờ, và có lẽ mãi mãi về sau - chừng nào mẹ anh còn sống - anh vẫn có thói quen nhìn nhận những việc làm của mẹ đều xác đáng, đều như là của chính mình, phải vậy chứ không thể khác. Vậy thì điều gì sẽ xảy ra sắp tới, ít nhất là đối với anh, trong kỳ nghỉ hè này?

Truyến hình dung lại mọi sự việc. Anh không thể nào tưởng tượng cô gái mới hai mươi mốt tuổi nọ đã là mẹ của hai đứa con, là vợ của dân chài đâm phá mà người trong vùng anh vẫn thường gọi một một



cách vừa sợ hãi vừa khinh khi là “bọn mọi đâm”. Dĩ nhiên, gia đình anh là gia đình Nho học, biết tôn trọng và thương yêu con người; anh lại là dân Tây học, anh không bao giờ chấp nhận cách đánh giá đó. Trường hợp này, trường hợp Đào, liệu bà con hàng xóm có nghĩ rằng mẹ anh đã mua chuộc người con gái vạ đâm kia để biến cô thành người làm công không? Điều này khó xảy ra vì chuyện chạy trốn của cô không ai hay biết. Và tấm lòng nhân hậu của mẹ anh, của gia đình anh, thì trong làng không ai nghi ngờ. Rồi về phần cô gái, một ngày nào đó phải ra đi, lúc bấy giờ tình cảm của cô và những người trong gia đình anh đã sâu nặng, liệu mọi người trong cuộc có đủ sức để thu xếp làm sao cho trọn nghĩa vẹn tình...?

Bao nhiêu ý nghĩ đồn dập làm Truyến trần trọc, không sao ngủ được. Cô em út đi chơi với bạn học xóm bên về khuya, đang thủ thỉ rúc rích chuyện gì đó với mẹ con Đào nhà dưới làm cho lòng anh thêm xoắn xang, bứt rứt. Anh ngồi dậy, đi ra vườn. Mảnh trăng non thượng tuần lai láng, trải một lớp ánh sáng như màng tơ màu vàng chanh trên cây lá...

## 4.

Ngày tháng qua nhanh.

Truyến trở lại thành phố với những dự cảm ngọt ngào êm ái. Chỉ còn năm học cuối cùng nữa thôi, anh sẽ tốt nghiệp tú tài toàn phần.

Ba tháng hè tưởng như dài hóa ra quá ngắn. Khác với các kỳ trước, kỳ này Truyến không nhấp nhòm về ngày lên trường sớm với bạn bè, với đèn sách. Anh cũng tự hỏi lòng mình vì sao. Câu trả lời vừa mơ hồ vừa rõ rệt thoáng qua trong óc làm anh mỉm cười băng quơ. Anh bước lên đò đúng lúc đò đã khẳm, người lái đò nhẹ nhàng xô ra, nhảy lên. Gọi là đò ngang nhưng dòng sông ở đây rộng ngút mắt. Đó chỉ là một trong

những nơi eo thắt lại của cả một dải đầm phá chạy dài từ cửa Thuận đến cửa Tư có đến dăm chục cây số, và chiều rộng của nó thì có nơi phình ra mênh mông như biển cả, chẳng biết nơi đâu là bến là bờ. Đây là vùng giang sơn riêng của các vạn thuyền quanh năm sống trên các mặt nước, với bao nhiêu chuyện huyền bí, bao nhiêu tập tục lạ lùng của người dân quanh năm ở trần ở lỗ như con cá con tôm, kể cả đàn bà con gái. Đây cũng là nơi mà từ xa xưa đã là nỗi kinh hãi cho những ai mới lần đầu đặt chân tới hay phải vượt qua:

*Thương em anh cũng muốn vô*

*Sợ trường nhà Hồ sợ phá Tam Giang*

Câu ca dao dân gian đó kể từ lúc xuất hiện cho đến bây giờ và mãi mãi về sau, luôn luôn được chấp nối phần tiếp theo cho hợp với tình cảnh từng lúc từng nơi, từng con người từng số phận...

Ngồi trên đò, Truyền miên man suy nghĩ. Chuyện dân đầm phá đi bắt vợ, anh đã từng nghe kể, tuy chưa được nhõn tiền, nhưng cũng như bao nhiêu người khác sống trên cạn, anh tin là có thật. Bởi nếu không, thì trai vạn đầm chỉ có thể chết già mà thôi, gái trên bờ không ai dám lấy họ cả. Rằng ban ngày họ rời thuyền, lảng vảng các chợ búa quán lều, dò la đàn bà con gái thất cơ lỡ vận, ăn mày, ăn xin để dễ nhập bọn, dễ hòa đồng. Rồi đêm tới họ vác bao tải đi, nhét một củ khoai hoặc cục cơm vào mồm cô gái định bắt, trùm bao vác về, chèo thuyền ra giữa vời phá bao la. Người bị bắt về, bất kể lớn hay nhỏ đều trở thành vợ của họ, còn nhỏ thì họ muối cho lớn; dạy cho thành người đầm phá chính hiệu, đợi đến ngày nở nang có thể làm vợ được...

Người dân đầm phá tin rằng Hà Bá đã cho phép họ làm như vậy, cho họ được cái quyền tạo ra người nối dõi, gìn giữ nghề truyền thống của cha ông họ, tiếp nối giòng máu riêng của dân đầm phá.

Truyền thoáng mỉm cười nhớ lại. Một hôm đang ngồi đọc sách Truyền thấy cô gái cứ lấp ló, thập thò, chốc lại vén màn nhìn ra, chốc lại đi vòng

ra sau cửa sổ cúi xuống làm cái gì đó như nhỏ một cây cỏ chẳng hạn, nhưng mắt thì liếc trộm anh. Anh thấy hơi khó chịu, gấp sách lại, cầm bút viết vài câu bằng quơ, bắt chợt, gọi là cho có việc làm và cũng để có một khoảng lặng trong đầu nghĩ xem chuyện gì đang đến đây. Một cái chạm lướt đằng vai sau làm Truyền hơi giật mình quay lại, cái chạm mà anh biết chắc không phải là bàn tay mà chỉ là tà áo hoặc cái gì nhẹ mềm tương tự. Anh hơi quắc mắt:

- Em làm gì vậy hả Đào?

Đào như bị bắt quả tang, đứng khựng hơi cúi mặt, đôi má bừng đỏ, tay mân mê chéo áo.

- Dạ... Dạ thưa!

- Chuyện gì thế, em nói đi!

Đào ngẩng nhìn lên, nói một hơi như sợ chạm một giây thì không nói nổi:

- Anh Truyền! Anh dạy em học chữ với. Đời em khổ cực dốt nát lắm anh ơi!

Truyền như bị bước hụt. Anh nhìn cô gái đứng trước mặt như một kẻ chịu tội, vẻ khẩn cầu van xin toát ra từ dáng điệu chưa quá tuổi ngây thơ làm anh thương cảm quá đỗi. Đã hơn một tháng từ ngày gặp gỡ, đây là lần đầu tiên anh nhìn kỹ cô em nuôi. Trời! Thời gian nhanh như vậy ư? Da dẻ cô không còn ngăm ngăm nữa mà nó mịn màng hẳn lên, cái màu hồng pha chút nâu thoáng làm cho khuôn mặt có những đường nét hơi đầy đặn của má và môi bỗng trở nên sang trọng một cách xa vời. Bộ quần áo mà mẹ anh sắm cho cô bằng lụa màu trái cây ôm khít lấy tấm thân với bờ vai tròn trịa và bộ ngực như ngực thiếu nữ con nhà lành, thì rõ ràng thời gian và cuộc sống bao năm chèo kéo trên mặt đầm với một ông chồng và hai đứa con, chưa hề chạm tới được.

Truyền hơi sững sờ, giọng dịu hẳn:

- Em muốn học chữ à? Em không hổ người đấy chứ, Đào?

- Dạ không! Anh dạy cho em nhé, anh...?

- Vậy thì được. Ngồi xuống đây! Nhưng trưa nay mẹ về, em phải thưa lại với mẹ và xin phép mẹ.

- Dạ.

Cô gái sáng dạ một cách cũng kỳ lạ như chính quãng đời đã trải qua của cô. Gần hai tháng hè còn lại, Truyến đã biến Đào thành một cô gái đọc thông viết thạo, biết làm phép tính thuần thục. Bây giờ Đào có thể đọc truyện cho mẹ nghe mỗi khi rảnh rỗi, các cuốn truyện ấy chất một rường đầy của Truyến gom góp từ hồi còn học tiểu học ở trường tổng. Những ngày chưa lên tỉnh học, công việc ấy là của Truyến. Giờ đây là Đào thay thế...

## 5.

Ba năm sau khi Đào bị bắt về vạ thuyền.

Cô bé ngày nào còn đuồn đuồn như con cá kìm nay đã trở thành một cô thiếu nữ dậy thì, đầy đặn và mỡ màng như con cá đối.

Ông già chăm bẵm Đào chẳng khác gì con đẻ. Vạ thuyền không phải lúc nào cũng đầy đủ, có ngày kiếm được mớ cá, mớ tôm để đổi lấy gạo, củi cũng cực nhọc vất vả. Song ông già không bao giờ để cô con dâu tương lai phải thiếu đói. Mọi thứ ngon vật hiếm của đầm phá, vạ khác không kiếm ra thì vạ ông vẫn tìm được. Cá dià hoa thịt dẻo bùi như hoài sơn tươi, thơm như trâm. Tôm sú rần con nần nần bằng cổ tay, ăn một con no suốt buổi. Cá buôi lườn béo như thịt mỡ, béo mà không ngán, bụng no rồi mà miệng vẫn thèm... Tất cả những thứ đó, ông già không bao giờ kho nấu, hoặc chiên rán lôi thôi, mà bắt dưới đầm lên đang giẫy đành đạch, liền thả vào nồi nước sôi sắn trên bếp. Muối ớt là

thức chấm duy nhất. Cái món nước luộc cá tôm tươi rói đó ngọt lừ, thơm lừng, bỏ hết chỗ nói, húp một bát, người đang sốt gầy gầy lập tức tỉnh ra, nhẹ thênh. Ông già nói những thứ này là của Thần Phá ban phát, thần diệu hơn cả thuốc tiên. Ông già ép cô con dâu nhỏ ăn ngày ngày.

Đào mười sáu tuổi đã nở nang gấp mấy con gái cùng lứa trên bộ, đôi vú suốt ngày để trần rám màu bồ quân, căng căng trên ngực, hai cái núm hồng hồng cứ chóc lên như thách thức cả trời đất, sông đầm.

Anh con trai ông già suốt ba năm không lúc nào tỏ ra thô lỗ với cô gái, bỗng một hôm nhìn xoáy vào ngực cô, anh ta không chịu nổi, cứ dấm thụi tay, chân vào ván thuyền huỳnh huých, côm cốp. Anh ta như bị lửa đốt, toàn thân rùng rục cháy cả tim gan phổi phèo...

Ông già nom thấy, hô:

- Được rồi! Bày lễ cúng Bà Thủy!

Nghe lệnh cha, người con trai hú lên một tiếng sung sướng.

Lễ hợp cần lập tức được tiến hành. Một thau nước có hai con cá được bung ra, một chai rượu đặt cạnh. Ông già bày bát hương đầu mũi thuyền, chọn hai cây hương to và một nạm hương nhỏ. Thắp hương khấn vái xong, ông già lại hô:

- Xuống đầm!

Đôi trai gái đến nhót từ trong thau ra mỗi người một con cá ngậm ngang mõm, trút bỏ áo quần, trần truồng dắt tay nhau xuống nước. Hai con cá ấy là lễ vật dâng Thần Đầm. Chúng sẽ chứng kiến cái giờ phút thiêng liêng hòa nhập làm một của đôi vợ chồng mới cưới, ngay trong lòng nước...

Cuộc giao phối xong, đôi trai gái mới được há miệng. Hai chú cá liền bơi đi. Thế là kết thúc buổi tân hôn.

Ông già nhìn con trai và con dâu từ dưới đầm lên, ướm giẫm giề. Cô con dâu từ nỗi kinh hoàng ban đầu giờ đã hết sợ. Cô xấu hổ, một tay che

một tay khéo vội chiếc quần mặc vào. Còn anh con trai thì rạng rỡ, nước từ tóc tai chảy tong tong xuống ướt cả một vạt thuyền, mặt mày cứ đồ dẫn ra.

Ông già gật gật đầu mãi nguyên. Ông vợ lấy chai rượu cúng, ngựa cổ dốc ừng ực. Hết chai, ông nằm xoài ra sập.

- Cha đã già lắm rồi, việc đánh búa trên đầm cũng đã hết hơi, chết là được! Hai con phải lo mà làm ăn, sinh con đẻ cái, gìn giữ vạt thuyền, thờ cúng Thần Phá cho phải, cho đúng, nghe!

Và từ đó, ông đi luôn.

Hai vợ chồng chôn cất cha già tử tế. Người chồng trở thành chủ vạt thuyền từ đó. Anh đã ngoài ba mươi nhưng sức vóc, lực lưỡng, chài lưới bơi lặn có tiếng trong vùng. Và cũng như cha anh, anh không bao giờ chịu thua bất cứ người đàn ông đầm phá nào. Anh hiền như sợi rong đầm, chiều cô vợ trẻ như chiều vong. Để xong thằng trai đầu, anh nói với Đào:

- Em đẻ tiếp mấy thằng nữa, nghe!

Đào nguyền:

- Đẻ nhiều không đủ sức, rồi ốm đau bão gió, một bầy con lộn chộn như cua rạm, một mình anh chài lưới, nuôi sao nổi?

Anh chống toe toét:

- Tôi nuôi được! Em chớ lo. Tôi khỏe như ông voi, tôi đánh bắt như con rái mà!

- Không được! Giờ em mới sinh, con còn non, anh không được...! Khi nào em bảo, anh mới...

- Ở ờ phải! Thôi, tôi nghe em rồi. Đừng buồn đừng lo nghe, em!

...

## 6.

Chợ Cồn là một khoảnh cát rộng, bụi cây lúp xúp, mô đất rải rác. Gọi là chợ nhưng người ta không họp ở đây mà họp ở nơi khác. Nơi đó mới thực sự là ngôi chợ của làng, nơi hàng ngày người dân trong vùng vẫn đến mua bán, trao đổi các thứ. Còn chợ Cồn là nơi để mỗi năm chỉ họp một lần vào ngày mồng hai Tết. Những người được đến chợ Cồn vào ngày đó là những người ăn mày. Ngoài ra, không ai được đến đó. Bởi vậy, dân làng gọi ngày đó là ngày “lễ hội ăn mày” một cách trịnh trọng. Bất cứ ăn mày trong vùng hay từ đâu đến đều được dự lễ hội. Ai đến trước dự trước, ai đến sau dự sau, không ai phải chờ ai. Nhưng thường không ai đến sớm hơn hoặc muộn hơn giờ quy định. Đó là giờ Thìn. Thìn là rồng, dân làng tin rằng chọn giờ đó sẽ đem lại may mắn, cầu được ước thấy cho những người nghèo đói bất hạnh, phải lâm vào cảnh ăn mày ăn xin.

Từ tinh sương, các gia chủ trong làng, mỗi nhà một mâm cỗ, to nhỏ tùy theo hoàn cảnh và lòng thiện của từng nhà, bưng ra bày ở chợ Cồn, để ở đấy và về. Kèm theo mâm cỗ là những vật chúc phúc khác - cũng tùy ý tùy tâm từng nhà - như pháo, câu đối viết trên giấy hồng điều, bộ bài thẻ ghi phúc lộc thọ hoặc phú quý an v.v... Ăn mày tứ xứ tối mồng một đã kéo về, tụ tập quanh chợ Cồn, nhưng chưa ai được vào, phải đợi giờ hành lễ. Hiệu lệnh bắt đầu do chủ lễ hội gióng lên. Chủ lễ do dân làng cử ra hàng năm, thường là một cụ già. Cụ già khăn áo tràng hoàng làm nhiệm vụ khấn vái thổ thần và gìn giữ trật tự suốt lễ hội.

Cụ già tay cầm chiêng, chiếc dùi đầu tròn bọc vải đỏ.

- Ủ... ù... ù... bù rù... bù rù! Bù rù!!!

Một hồi chín tiếng chiêng vừa dứt. Lễ hội bắt đầu. Mọi người ăn mày vào mâm. Muốn ăn gì thì ăn, muốn ngồi mâm nào cũng được, vừa ăn vừa hò hát bất cứ bài gì, câu gì mình thích. Lại một điều là trong suốt quá trình lễ hội, những người ăn mày, già trẻ, con nít... họ đều từ tốn không

hề tranh ăn cướp uống, đàng hoàng và đỉnh đặc như ăn cỗ ở nhà mình vậy. Rồi đốt pháo, rồi khoác lên mình nhau những vật cầu may đầu năm mà dân làng đã dành cho họ, rồi chúc tụng nhau mong cho nhau được mạnh khỏe được mau chóng thoát khỏi cảnh đầu đường xó chợ, sống có cửa nhà, có cái ăn có cái để... Người lớn thì vậy còn trẻ con ăn mỳ thì tụ tập lại một góc, chơi nhảy lò cò, kéo co, chồng búp chồng bông, tập vòng vòng tay không tay có... Những trò chơi dân dã, bình thường mà bất cứ trẻ con nào cũng có quyền được chơi...

Chờ cho người ăn mỳ cuối cùng no nê rời khỏi bãi chợ Cồn, cụ già chủ lễ mới gióng một hồi chiêng báo hiệu tan hội. Lúc bấy giờ, các gia chủ trong làng mới ra dọn dẹp mâm bát của mình mang về.

Từ tối mồng một, gia đình mẹ Truyền - người làng đều quen gọi là bà Hương, theo chúc sắc của chồng bà - đã sửa soạn cho mâm cỗ lễ hội ăn mỳ. Bà sai Đào và Quý, hai chị em sắp sửa mọi thứ để gánh ra chợ Cồn. Là gia đình vào loại vai vế, giàu có trong làng, năm nào cỗ ăn mỳ của bà cũng to nhất nhì làng. Chợ Cồn cách phía sau khu vườn nhà bà không xa. Đứng ở cuối vườn, có thể thấy khá rõ người đi lại, ăn uống, vui chơi.

Sau khi gánh cỗ ra bày biện vào mâm xong, hai chị em Đào, Quý về nhà. Nghe tiếng chiêng gióng, Đào rủ Quý ra vườn sau.

Lần đầu tiên trong đời thấy quanh cảnh lễ hội ăn mỳ diễn ra, lòng cô gái chột bùng lên một cảm giác khó tả, bàng khuâng, buồn nhớ, thương tiếc... Những hồi niệm xa gần hiện về trong đầu cô, cái đêm hãi hùng giữa mệnh mông đẫm phá, rồi lễ cúng Thần Đầm, hợp hôn dưới nước với người chồng vừa như bắt buộc vừa như tự nguyện, rồi sinh nở, rồi thật sự gắn bó với đẫm phá, tưởng như không thể di dời... Vậy mà... ôi cái đêm bỗng con bơi vượt phá, vừa liêu lĩnh vừa hy vọng, rồi lên bờ gặp được bà Hương, rồi cuộc đời bỗng rẽ ngoặt, thực mà ảo, đời như tiên, nào mẹ nào em gái anh trai, con nuôi mà chẳng khác chi ruột rà, chẳng máu mủ mà con hơn máu mủ...



Đang miên man thả lòng theo dĩ vãng, Đào bỗng giật thót. Bỗng một người ăn mày dắt theo đứa con trai đang lách đám đông đi vào giữa lễ hội. Anh ta đội chiếc nón cời, đóng khố lá tọa trước bụng, chiếc bao gai đã rách mướp quàng trên người, tay chống chiếc gậy cong cong sần sùi. Trời, cái lưng khòm khòm như lưng rùa kia thì không thể lẫn được, còn ai vào đó nữa trời! Thằng con trai như có lớn hơn một chút, trần truồng, nhem nhuốc đang nắm tay cha vừa đi vừa ngó nhìn đây đó. Khác với những đứa trẻ con khác, nó không hề nhìn vào các mâm cỗ mà lại lia đôi mắt von vót hình đuôi cá chình xoi mói vào mặt người này, người nọ như thể đang tìm kiếm cái chi.

Đào ôm ngực, một mũi kim nhọn như đang ngo ngoáy trong tim cô, cô bước vào nhà lòng rung lên dữ dội.

- Chị Đào, chị làm sao vậy? - Quý gọi giật.

- Không sao cả, chị hơi nhức đầu. Quý cứ ở đó xem, chị vào lấy dầu xức, chốc sẽ ra!

Đào loạng choạng như người say sóng. Bước thấp bước cao, cô vội vàng nhào tới ôm chập lấy đứa con gái đang nằm chơi trên sập với bà, bế vào buồng trong. Bà Hương ngơ ngác:

- Có chuyện gì vậy con?

- Dạ không có chi. Con hơi nhức đầu chóng mặt một tí thôi!

Trong lúc bà Hương như linh tính mách bảo, bước vội ra góc vườn sau thì trong buồng Đào nằm vật ra, nước mắt đầm đìa mặt gối. Cô ư ử rên: “Con ơi! Anh ơi!... trời xui đất khiến thế nào mà cha con giả làm ăn mày lẫn mò được đến đây? Con ơi! Con nhớ mẹ, trách mẹ lắm phải không? Mẹ lầm lỗi rồi, mẹ nỡ bỏ con mà đi, trời Phật ôi... Trên mặt đầm phá kia, mẹ đã qua bao nhiêu đắng cay ngọt bùi, bao nhiêu nước mắt mẹ đã đổ xuống, bao nhiêu nụ cười mẹ đã vớt lên, vậy mà mẹ đành đoạn, mẹ nhấn chìm... Thuyền nốc đâu rồi, chèo lưới đâu rồi, sóng nước đâu rồi... anh

oi! Mẹ Hương ơi! Em Quý ơi, anh Truyền ơi, em biết làm sao bây giờ, sao anh không về bảo cho em biết với...?”

Đào quần quai, giăng xé, nổi niềm rối như tơ vò. Cô nằm liệt giường sau đó.

## 7.

Người già thường yêu trẻ con, con bé gái của Đào quả đã làm cho bà Hương thỏa mãn tình cảm bà cháu. Bà chăm sóc, dạy dỗ và sửa chữa cho con bé đủ thứ, quần áo đồ chơi, kể cả những thứ đắt tiền phải gửi mua tận trên phố tỉnh, mặc dù con bé mới chập chững biết đi. Hai bà cháu cứ ríu rít cả ngày trong nhà ngoài sân, tiếng cười, tiếng nựng cả già trẻ như không lúc nào vắng.

Vậy mà lâu nay, sau lễ hội ăn mỳ, bà bỗng đâm ra tư lự. Không biết bà suy nghĩ điều gì mà thỉnh thoảng bà đi ra đi vào, ra chiều bứt rứt không yên, có lúc bà nhìn hai cô con gái một đẽ, một nuôi chăm chăm như thể đang so đo, lượng định, rồi bà nhẹ nhẹ thở dài, vừa lấy cau trầu ra giã vừa nhai chậm chậm. Vô tình bà ngược nhìn lên bức hoành phi treo trên xà: Truy viễn đường. Bức hoành phi này được để lại từ thuở ông nội của chồng bà. Tìm nhà xa! Có sự ngẫu nhiên huyền bí gì đây chăng? Tìm nhà xa! Ôi! Bà chạnh nổi lòng, gọi:

- Đào ơi!

- Dạ!

- Con dọn dẹp xong chưa, lên đây mẹ bảo!

- Dạ rồi, con lên ngay đây.

Quý vừa đi học về, chạy vào nhà, quăng ra ván một cuốn vở, nói ào ào:

- Chị Đào! Chị làm bài luận này thử coi! Mà chị dạo này nhác lắm nghe, không chịu học, viết gì cả, anh Truyền về em mách, anh mắng cho!

Đào tay nách con tay cầm cuốn vở giở ra xem, mỉm cười gật gật:

- À đề ra cũng khó đấy. Nhưng được rồi, chị sẽ làm. Rồi Quý chấm cho chị nghe!

Bà Hương nhìn thấy quang cảnh ấy, cảm thấy cay cay nơi sống mũi. Điều bà định nói với Đào bay đâu mất. Bà chợt nghĩ đến Truyến. Đường như anh con trai bà không dừng đứng với quãng đời trước đây của cô gái đầm phá này, và càng không bỏ qua những gì thay đổi nhanh chóng của cô. Có điều chi đó khác lạ trong tình cảm, nếu không thì tại sao lại chịu khó dạy chữ cho cô, việc mà cô có thể nhờ Quý, người gần gũi hơn, thuận tiện hơn? Và bà nữa, điều gì khiến bà đồng tình với việc làm của con trai bà đối với cô gái? Phải chăng chỉ là tình thương con đơn thuần của một người làm mẹ?

Bà day dứt với tình cảnh hiện tại của Đào. Một cô gái bỏ chồng con ra đi, dù thế nào đi nữa, cũng là chuyện không nên, ít ra là chuyện bất đắc dĩ. Một ngày là nghĩa, một đêm là tình! Nhưng còn bố mẹ cô, quê hương cô, có lẽ nào đó lại không phải là con đường hiếu nghĩa mà cô phải tìm về, phải báo đáp? Giữ cái nghĩa này, bỏ cái nghĩa kia đâu phải là chuyện hay ho. Phải làm sao cho vẹn cả đôi bên chứ!

Đã mấy lần bà thu xếp nhưng rồi lần lửa không muốn để Đào ra đi. Cũng là vì mẹ con cô ấy nữa. Không biết rồi có tìm được quê không, hay lại sa cơ lần nữa. Đường đời bất trắc biết đâu mà lường!

Tự sâu trong lòng, bà yêu thương Đào như con đẻ, phải dứt bỏ tình cảm đó, bà thấy đau đớn như mất đi người ruột thịt. Nhưng cứ giữ mãi cô ở lại, liệu bà có được yên ổn trong lòng, mặc dù vậy, cuộc đời cô gái sẽ có thể được đảm bảo hơn, sung sướng hơn, hạnh phúc hơn. Lâu nay bà để ý thấy mẹ con Đào hay tha thẩn ở góc vườn sau, lòng mẫn cảm của người mẹ đã đoán định được rằng tâm tư Đào đang bị dày vò, giằng kéo bởi đi hay ở, mà đi thì đi đâu?

Trở lại với chồng con vạn thuyền đầm phá hay tìm về nguồn cội cha

mẹ để xây dựng lại cuộc đời đã một lần cơ nhờ? Trong hai đường ấy, đường nào thuận lẽ hơn, hợp với nhân nghĩa hơn, trọn vẹn hơn. Nhưng mà, trong hai đường ấy phải chọn một, không thể chọn đường thứ ba là ở lại với bà. Nghĩ đến điều này bà Hương thấy lòng đau nhói...

## 8.

Truyện tốt nghiệp vào loại ưu. Qua giới thiệu của một ông chú họ công chức lâu năm trong ngành đường sắt, anh được bổ đi làm ở một nhà ga tại Quảng Bình. Anh về quê nghỉ một tuần trước khi trở lại thành phố, lên đường đến nhiệm sở.

Trên con đường cát dẫn từ bến đò, nơi thắt lại của dòng sông nổi lên với giang sơn đầm phá mênh mông và kỳ bí, Truyện rảo bước để kịp về nhà trước khi trời tối. Lòng anh hồi hộp như mỗi lần về quê thăm mẹ thăm em sau những ngày đêm chúi đầu vào đèn sách. Nhưng lần này anh tự phát hiện trong sâu thẳm lòng riêng, còn có một cái gì thoát ắt thoát hiện làm anh gần như chơi vơi một cách dịu ngọt. Người con gái lạ lùng hơn một năm trước đây xuất hiện gần như bất ngờ ở nhà anh như một ngọn gió, một ngọn gió vừa quen thuộc lại vừa hoang vu như ngọn gió chướng thường thổi trên mặt đầm vào tiết chớm xuân. Ngọn gió ấy làm cho người ta thốt rùng mình vì hơi lạnh xa xôi nó mang về, vội khép lại tà áo. Cùng lúc là một nỗi khát khởi gần như hy vọng về những ngày sắp tới tràn trề nắng ấm dịu trong sự nấn ná của cái rét mùa đông.

Truyện bước vào cổng vườn quen thuộc có những thanh chắn bằng ống tre khô đã nhẵn bóng. Anh chăm chú nhìn như thể thấy được dấu tay người thiếu phụ trẻ vừa lạ vừa quen bao năm nay đã in lên đó. Bất giác anh mỉm cười, nhớ lại những cảm giác trong kỳ nghỉ hè vừa qua. “Không, không phải như thế!”. Anh tự nhủ lẩm bẫm mà không biết mình

đang nghĩ gì nói gì. Như một ánh chớp lóe lên trong đầu, Truyền ngừng bước, mắt anh chạm phải cảnh dạ hương bị gió đánh gãy rũ xuống bên cửa sổ. Không biết vì sao anh vụt nhớ đến một thiên truyện cổ bằng tiếng Pháp mà anh đã đọc đâu đó không còn nhớ tên nhan đề và tác giả của nó. “Một hoàng tử trong một buổi đi săn trong rừng gặp một người con gái điên. Chàng thương xót, đem về dinh riêng. Giấu vua cha, hoàng tử nuôi nấng chăm sóc người con gái điên với tất cả tấm lòng nhân hậu quý báu của mình. Người con gái tưởng tượng hoàng tử là người tình của mình đã bị chia rẽ bao lâu khiến nàng trở nên điên dại. Hoàng tử do muốn đưa lại cuộc sống bình thường cho người con gái nên cũng không nỡ nói lên sự thật. Một ngày kia người con gái hết điên, cũng là lúc người tình của nàng xuất hiện sau bao nhiêu năm chàng ta lang thang khắp chốn tìm kiếm bóng dáng người yêu. Nhưng hỡi ôi, chàng ta bây giờ đã trở nên ngớ ngẩn do bị bọn dã tâm chia rẽ hai người đã hành hạ. Người con gái nửa muốn trở về với người yêu nửa muốn ở lại với hoàng tử, lúc này hai người đã chớm nở tình yêu. Hoàng tử biết chuyện, hết lời khuyên nàng trở về, mặc dù trong lòng chàng đau như dao cắt. Người con gái một ngày nọ ra đi với người yêu cũ, nước mắt nàng dài theo bước chân tiễn đưa của hoàng tử. Hoàng tử trở về dinh đau đớn và ngạc nhiên thấy nơi những giọt nước mắt nàng rơi xuống đất bỗng mọc lên một hàng cây có những cành lá mềm tươi nhưng cứ rũ xuống, thốt tha mỗi khi làn gió lướt qua. Người ta sau này gọi cây đó bằng cái tên “cây liễu rũ”.

Truyền bước vào nhà. Cảnh tượng đập ngay vào mắt anh là mẹ và em gái mỗi người ngồi một góc, đang trẽ tràng làm gì đó, mẹ tằm trầu một cách bản khoắn, bốn chồn, còn em gái thì đưa những nhát lược lên mái tóc với vẻ lười biếng, nhát gừng. Hai mẹ con lơ đãng đến mức không nhìn thấy anh xuất hiện, bóng dáng cao và hơi gầy của anh che tối cả khung cửa ra vào. Anh lên tiếng:

- Mẹ, mẹ mệt à? Có chuyện gì phải không?

Quý ngược lên, òa khóc, chạy đến níu khuỷu tay anh trai:

- Ối anh đã về, chị Đào đã đi rồi, anh ơi!

- Đi đâu, hả. Đi đâu? - Truyến giật giọng.

Bà Hương thở dài, ra hiệu cho con trai ngồi xuống rồi điềm tĩnh, thể thọt, bà nói:

- Mẹ con nó về quê tìm lại bố mẹ anh em. Vậy là đã thấm thoát gần mười năm trời lưu lạc. Mẹ đã suy nghĩ nát nước nát cái ra rồi, Truyến ạ. Gia đình ta hơn một năm qua đã coi nó như là một người cùng dòng máu. Không ai muốn cắt chảy dòng máu của mình. Nhưng mà không được, con ơi. Trước sau gì rồi cũng phải lo liệu cho tròn đạo lý. Đã nhiều lần, nó cũng muốn thưa với mẹ, nhưng rồi tình cảm ngày một gần bó, nó cũng lẩn lữa, đi không dứt, ở cũng không đành, dằn vặt, khắc khoải đêm ngày. Mẹ và em Quý cũng vậy, chuyện chưa tới thì chưa nên bàn, nhưng mà phần con, con đâu có phải như gió thổi ngoài đầm, mây bay trong núi... Nó ra đi mà bước chân nặng trĩu. Đêm qua bốn mẹ con bà cháu đã khóc hết nước mắt đó con ơi! Nó vừa đi lúc trưa. Phải chi con về sớm một buổi thì anh em đã gặp nhau rồi...

Truyến im lặng ngồi nghe, lòng buồn rười rượi. Hồi lâu, anh đứng dậy:

- Thưa mẹ! Cô ấy tìm về quê là phải. Con cũng biết thế nào cũng có ngày đó, con đã dự định rằng: Con về sẽ đưa cô ấy đi. Từ đây ra Ninh Bình đường xá xa xôi, biết điều gì trắc trở, khó khăn dọc đường sẽ xảy ra? Nhưng muộn rồi, tầm cá bóng chim, biết đâu...

Truyến ngừng, đi đi lại lại. Bỗng anh chụp vội mũ lên đầu, xách quai va ly lên:

- Thưa mẹ, mẹ hãy cho phép con đi tìm cô ấy, thế nào cô ấy cũng lên Huế để từ đó kiếm cách ra Bắc. Con sẽ tìm được cô ấy! Nhất định sẽ tìm được!

Truyến gấp gáp, vội vàng luống cuống, khác với bản tính thường ngày của anh.

Bà Hương nhìn con trai vừa lắc đầu vừa gật gật, trong lúc Quý trở mặt tràn đầy những hy vọng nhìn anh rồi lại nhìn mẹ, mồm cứ há ra...

Ngoài sân, chiều đã sẫm. Những tia nắng cuối cùng trong ngày chiếu xiên từ các vòm cây vườn xuống, vẽ thành những đường chéo sáng vàng, run run theo làn gió nhẹ vừa lướt qua...

## 9.

Chị quán chiếc địu bà mẹ nuôi đã may cho thêm một vòng quanh eo lưng, buộc hai múi thắt lại. Có vẻ nhẹ hơn rồi! Con bé nằm trên lưng chị, y như nó nằm ngủ ở nhà, lúc nào cũng tay chân xoắn ra như con ếch đang bơi. Chị quay đầu nhìn chừng con. Nó đang liu riu ngủ theo nhịp chân mẹ dủng dảng trên đường về. Chị hình dung trong đầu khi chị bước chân vào mái tranh thân yêu ở quê nhà. Cha mẹ chị giờ chắc đã già thêm, nhà cửa ao vườn kỳ quái kém chắc đã trở lại xanh tươi mỡ màng. Gia đình chị không còn thất tán, lại trở về đông đủ sum họp như xưa. Dòng sông Hoàng Long quê chị vốn đậm đặc phù sa như đang vẫy gọi chị về.

Trời ngả về chiều. Đã qua một ngày chị rời mái nhà thân yêu không phải của chị mà còn hơn của chị. Ở đó, có biết bao kỷ niệm êm đềm, biết bao nỗi niềm sâu kín mà níu kéo, mà giằng co. Từ cái ngày lễ hội ăn mỳ nọ, bóng dáng chồng và con trai tưởng đã gửi lại, trả lại cho mù sương mặt đầm mỗi đêm dài thấp thỏm, cho trái nắng màn mây mỗi sáng mai đợi mong, bỗng trỗi lên trong lòng chị vừa tan loãng, vừa như có hình khối rõ ràng. Chị đã muốn xóa đi tất cả, lãng quên để bước vào cuộc đời khác, nhưng là cuộc đời của chị, do chị định đoạt. Oái oăm thay, không những chị đã không thanh thản mà còn bị xáo động, bị đánh thức, những ngày gần đây nó còn làm rối tung cả những ước mơ đẹp đẽ của chị nảy sinh từ những tấm lòng như của bà Hương, anh Truyền...

Phải chăng chị trốn khỏi đầm phá là một sai lầm, hơn nữa là một tội lỗi? Vạn thuyền chị, chồng con chị nào có lỗi lầm gì mà phải gánh lấy nỗi đau mất mát? Dù bị bắt buộc nhưng giọt máu của chị đã rơi ra, giọt máu ấy cũng thiêng liêng như bất cứ giọt máu của người mẹ nào, trên cạn hay dưới đầm cũng là người mẹ, cũng là nỗi đau và hạnh phúc, sao chị lại dứt bỏ nó, từ chối nó?

Đã mười năm nay chị chèo kéo trên mặt đầm, lớn lên cùng sóng nước, thở theo nhịp thở của thủy triều lên xuống, con tôm, con cá đã là bạn bầu của chị, trời nước bao la đã là tầm nhìn của chị, màu nước sắc mây đã là dung nhan của chị, sao chị lại dễ dàng đánh mất...?

Đang bước nhanh, chị thốt dừng như bị một bàn tay nào đó níu lại. Chị ngồi xuống bên một gốc cây, cởi giày, lấy nắm cơm mà Quý đã vắt gói trong bẹ tàu cau lụa, bẻ một miếng cho con ăn. Con bé cười toe, ngọng lú cái giọng tập nói: “Măm măm mẹ, ui!”

Đoạn đường dài với nỗi lòng lê thê suốt gần một ngày ròng rã đã làm chị mệt nhoài. Chị uống một hộp nước trong ống tre mang theo, hai mắt từ từ díp lại, chìm dần... chìm dần...

“... Lễ nhập vạn đồ của dân chuyên sống trên mặt đầm phá diễn ra trên lòng thuyền, đơn độc giữa vời phá mệnh mông. Bốn phía là trời là nước, nước và trời. Bến bờ chỉ là những sợi chỉ mong manh, mờ mờ tí tắp, tưởng như chèo hàng tháng hàng năm mới tới.

Người nhập vạn giờ đây là chị, một cô bé mười ba tuổi.

Một chậu nước đặt ở ván đầu mũi thuyền, nơi vẫn diễn ra các tập tục riêng biệt của người dân đầm phá. Trong chậu, lượn lơ một con tôm, tượng trưng cho bản mệnh người nhập vạn. Cá tràu hoặc cá ngạnh là tượng mệnh người trai. Con bống hoặc con tôm là tượng mệnh cho người gái. Trên mũi thuyền, con sào chống vát lên thành góc chéo trên chỗ bịt sắt buộc một dải vải đỏ bỏ thổng hai múi, tượng trưng cho sức



mạnh dân vạn đằm, hai mái chèo gác hai bên chia ra khỏi lòng thuyền theo hình vây cá, tượng trưng cho lòng chung thủy với nghề sông nước.

Cuộc hành lễ đơn sơ mà tráng lệ. Ông già cời trần, ngực quấn một vòng vải đỏ như dải trên đầu sào, cầm một bó hương nghi ngút khói cắm lên đầu mũi thuyền. Đoạn ông lui về sau, rạp đầu lạy hai lạy, đan hai bàn tay vào nhau khuynh lên ngang trán, khẩn xin. Xong, lạy tiếp hai lạy nữa. Bấy giờ chị - người nhập vạn, cũng cời trần như thân chủ - mới đứng lên đu vào hai cánh tay của ông già và anh con trai bện chặt lấy nhau như một sợi dây. Hai người đánh võng chị và hú: “Hu hầy! “Hu hầy! “Hu hầy!”. Đến nhịp thứ ba thì chị buông tay để toàn thân rời “sợi dây” rơi tự do xuống đằm. Người ta nghe tiếng rơi của người mới nhập vạn để biết lòng Thần Phá. Tiếng rơi càng to càng gọn là Thần Phá vui lòng. Tiếng rơi xòe ra, lọc bọc, lọc bọc... là Thần Phá không ưng, phải làm lễ khác vào một ngày khác.

Hai người vạm vỡ nên đánh võng mạnh quá làm chị sợ hết hồn co rúm cả bốn chân lại, người như một cục thịt tròn vo. Chị rơi như một hòn đá rơi. Mặt đằm bị chị khoét một lỗ thủng chui tọt xuống gọn gàng như không. Vậy là Hà Bá đã chấp nhận một người con mới của đằm phá. Thân chủ vái tạ. Bó hương cháy dở và các dải vải cúng đều được thả xuống đằm cùng với con tôm bản mệnh. Lễ tất...”

Cùng lúc, tiếng lao xao ới ới của người qua ngang gọi ò. Chị bừng tỉnh, chiếc ò ngang đã cập bến. Sang bên kia, dần thêm non nửa buổi nữa là chị sẽ đến ven thành. Chị như nghe rõ tiếng gọi: “Đào ơi... ời” cùng cái vẫy tay quăn quýt của mẹ chị trước mặt. Rồi chị thấy hai cánh tay như hai cánh chim non của thằng con trai lên nằm đứng trên thuyền cạnh cha nó với tấm lưng khòm khòm như mu rùa mốc thếch rong rêu đằm phá. Thoắt cái, chị lại thấy hiện lên bóng ông già cùng lời trối trăng của ông văng vẳng bên tai. Thoắt cái, chị mừng tượng hai cha con toi rách nón mê lùi lùi đi giữa lễ hội ăn mày, đôi mắt von vót đuôi cá chình

của nó không thềm liếc ngang mâm cổ mà lại liếc xéo lên mắt chị như trách, như hỏi, như cầu mong chị trở về. Có lẽ, hai cha con không chỉ một lần đó, còn bao lần nữa rạc cả người, hết cả hơi, đi tìm chị...

Từ đầu đó, một giọng hò cất lên, vô tình mà làm lòng chị như muối xát:

*Phá Tam Giang ngày rày đã cạn*

*Trông nhà Hồ nội tán cấm nghiêm*

*Tìm em như thể tìm chim*

*Chim ăn biển Bắc anh tìm biển Nam...*

Đang dợm chân bước xuống dò bóng chị rên “ôi ôi” một tiếng trong cổ họng, rồi vụt quay người, chạy lui. Con bé trên lưng chị bị ngật đầu một cái, khóc ré. Chị vừa chạy vừa vỗ vào mông con. Con ơi! mẹ con ta trở lại với vạn thuyền với sóng nước, con à! Đừng khóc con ơi! Con sẽ gặp lại cha con, anh con, con à...

Chị cứ cúi cổ chạy, như thể nếu quay đầu lại nhìn một thoáng thì không thể nào trở lại đâm phá được nữa...

## 10.

Đó là chuyện hơn ba mươi năm về trước. Sau Cách mạng tháng Tám, tôi là cán bộ lưu dung vẫn làm ngành giao thông ở nhiều nơi trên miền Bắc, năm hòa bình được chuyển về Tổng cục. Phải mấy năm sau, tôi mới có dịp hỏi thăm về tới cái làng nhỏ bé nằm cạnh bờ sông Hoàng Long, Ninh Bình, dò tìm được tung tích cha mẹ cô Đào. Ông bà cụ không may đã mất vì bệnh tình, vì suy sụp vụ mất con đạo đó. Lại một điều trong làng không ai chứng kiến được mẹ con cô Đào trở về quê hồi đó. Thế là biệt tin. Tôi trở về cơ quan với nỗi lòng nặng trĩu đau buồn. Không biết

cô ấy còn hay mất. Chuyện gì đã xảy ra với cô ấy sau khi từ biệt mẹ và em gái tôi ra đi, tìm đường về quê cũ?

... Rồi cuộc kháng chiến kéo dài, mọi chuyện riêng tư, mọi éo le của hoàn cảnh đều được gác lại một bên.

Cho đến ngày thống nhất đất nước, tôi mới có dịp trở về quê thăm lại những người ruột thịt và làng xóm nơi chôn rau cắt rốn, sau mấy mươi năm xa cách. Bấy giờ tôi đã là một ông già sắp bước vào tuổi “nhĩ thuận”. Mẹ tôi đã mất. Cô Quý vẫn ở ngôi nhà cũ với một đàn cháu rể con cháu đông đúc. Chồng cô ấy là học sinh, lớn lên lấy vợ và theo cách mạng, hoạt động ở nội thành Huế và hy sinh trong một trận vây lùng của giặc hồi Mậu Thân. Chính nhờ cô Quý mà tôi gặp lại được người cũ trong một buổi chiều tôi cứ ngỡ là hao hao buổi chiều nào trong ký ức.

Bà Đào bấy giờ không còn sống trên mặt đầm nữa mà đã định cư trên bờ, tại vùng cửa Tư Hiền cách làng tôi không xa, chỉ non nửa giờ chạy xe máy. Chồng bà, người con vạn dặm hiền như ngọn rong ngày đó cũng đã mất. Bà có đến sáu người con. Hai người con mà ta đã biết, cô gái thì đi lấy chồng buôn bán bên kia đường quốc lộ, thỉnh thoảng đáp ca nô hoặc tàu nước vượt qua đầm để về thăm mẹ bên này. Còn người con trai mắt vót đuôi cá chình ngày nào giờ vẫn theo nghề trên sóng nước, có điều giờ đây anh ta là chủ của một đội thuyền máy khá lớn, chuyên đánh bắt khơi xa. Những ngày không đi biển hoặc từ biển trở về, anh ta neo thuyền ở mép cồn hoang giữa đầm nơi hồi xưa bố con anh vẫn gắm thuyền mỗi khi nghỉ ngơi, rồi bơi xuống gần máy lên bờ, về nhà.

Tôi còn nhớ bà Đào thua tôi hai tuổi. Tóc bà không thấy bạc mà vẫn nhưng nhúc y như làn tóc tiên bà vẫn chăm sóc hồi nào ở nhà tôi. Vẫn cái nước da ngăm ngăm mần mẩn. Vẫn đôi mắt to màu nâu cháy vừa cời mở chân thật vừa bí ẩn xa xăm. Có điều đôi mắt ấy giờ đã nhăn rạn chân chim ở đằng đuôi, dấu vết của thời gian và cuộc sống gieo neo trên mặt đầm phá thời xưa.

Chúng tôi nhận ra nhau ngay trong phút đầu gặp lại sau bao năm dài bất tin nhau. Có lẽ hình ảnh của hai đã in sâu trong tâm khảm của mỗi người, thời gian và sự ngăn cách không thể xóa nhòa được.

Bà kể lại những gì tôi chưa biết sau đó.

“... Khi chị tìm về chỗ góc đầm hoang vu, nhìn ra cái cồn nhỏ giữa phá, chị không thấy tăm hơi vạn thuyền chồng con đâu cả. Chị những tưởng hai cha con đã rời chỗ, đi làm ăn nơi khác, tại một nơi nào đó của cái dải đầm phá mệnh mang chi xứ này. Một trên bờ, một dưới nước, bóng cá chớp chim... Chị cứ đi dọc đầm mà ới gọi, mà soi nhìn, nát cả chân, khản cả giọng. Ba ngày ròng rã như vậy, ba ngày dài như ba thế kỷ. Không khéo cha con vạn thuyền tan nát rồi, đã lưu lạc rồi, đã bị Hà Bá gọi về hầu hạ rồi...! Nghĩ như vậy nhưng chị vẫn chưa hết hy vọng. Chỉ mong sao cha con còn sống, có thể ngày nào đó chị sẽ tìm ra. Ngày đó, nếu như anh bắt được vợ khác, cũng là điều may mắn, cũng tốt, miễn là còn sống... Đến ngày thứ tư vẫn không thấy tăm hơi gì, chị định quay về nhà mẹ nuôi thì bỗng trong tiếng gió, chị nghe mơ hồ một tiếng chém nước phầm phầm đâu đó, rất xa... Tiếng chèo chém nước nhịp đôi một, ngọt và hơi ngậm của chồng chị thì tai chị nghe đã thuộc, không thể lẫn vào ai. Bao nhiêu năm sống trên đầm phá đã luyện cho chị một đôi mắt tinh như rắn nước, một đôi tai thính như vẹt trời. Chị nhìn lướt một vòng cung ra mặt phá, định vị nơi phát ra tiếng chèo mà chỉ có chị mới nghe được, mới phân biệt được. Và chị quay lui, hướng tầm nhìn về phía hòn Thúi Vân. Kia rồi, từ bên kia mép hòn, một chấm mờ xuất hiện, to dần, to dần. Đến khi cái màu nâu như gan cá của nó hiện ra, chị đưa cả hai tay lên khoảng không mà ngoắt, ngửa cổ lên trời mà réo gọi. Chị lội ra giữa dòng nước ngập ngang ngực rồi bơi đứng. Con bé trên lưng chị khoái quá, vỗ tay a á. Vừa lúc chồng chị lướt thuyền tới, nhận ra vợ con mình. Anh quăng chèo, nhảy xuống nước, như một con rái tơ, chỉ vài ba vòng rướn, anh đã xáp đến bên chị. Rồi một tay quặp lấy chị, một tay

giật con bé ra khỏi tay chị, ấp chập vào ngực, dùng hai chân quấy nước, bơi ngổi về thuyền. Thằng con trai đứng hai chân trên thuyền mới hơn năm tuổi nhưng đã ra vẻ ông chủ tương lai lắm; nó choãi hai chân ra, hai tay chống nạnh, mặt cứ ngất lên, nhắm tít mắt, cười hết cỡ... Mấy tuần sau đó, vợ chồng chị đánh được mẻ cá lớn, nách một rổ to đến thăm mẹ và cô em nuôi trên bờ để tạ cái ơn mà chị gọi là ơn “biển trời đầm phá”...

Tôi ngồi lặng phắc nghe bà Đào nói, lòng băng khuâng không bút nào tả xiết. Sau một tiếng cười dường như vô tư, bỗng bà trầm ngâm, nói như thì thầm:

- Ngày đó, tôi yêu ông lắm mà không dám thổ lộ, ông có biết không ông?

Tôi cố nén một tiếng thở dài, không trả lời. Mà thật, bà Đào hỏi có phải để mong câu trả lời đâu! Bà nói tiếp hỗn nhiên như không:

- Ờ mà ngày đó, tôi cũng lạ cũng liều ông nhỉ? Ai lại gái “mọi đầm” đã có hai con, lại dám đi yêu một ông Tú tài Tây, lại là ông anh nuôi của mình! - Bà cười khanh khách, tiếng cười nghe rất trẻ.

Lát sau bà chép miệng:

- Chuyện gần hết một đời người, ông nhỉ? À mãi sau này, vợ chồng tôi mới về Hoàng Long được, sau cái ngày ông đến tìm. Bây giờ thì đâu cũng là đất nước mình, tôi ở đây cũng được, cũng thuận, ông thấy có phải không?

- Vâng, cái hồi đó bà nghĩ sao mà quay lại đầm phá vậy bà? - Bất giác tôi hỏi một câu ngớ ngẩn.

Bà Đào im lặng một lát, thấp giọng lại, hơi xa xôi:

- Ông có nhớ về cái lễ hội ăn mỳ hàng năm ở làng ông không? Đấy, chuyện này chắc vừa rồi o Quý đã kể ông nghe. Có thể nói là bắt nguồn từ cái lễ hội đặc biệt kỳ lạ mà tôi được thấy tận mắt lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng trong đời. Bây giờ nước mình đâu có còn cái lễ hội nào như thế nữa. Đấy...!

Nói rồi, bà vào nhà trong để soạn sửa cơm đãi khách.

Tôi đứng lên, ra thêm ngoài. Ở đây, có thể nhìn vọi ra mặt đầm mà không bị cây cối bụi bờ che khuất. Bấy giờ, ráng chiều đã nhuộm. Cả một vùng bao la vốn ngun ngút xanh bỗng bừng lên, đổi sắc màu, đỏ ối cả trên trời dưới nước...

*H.N*

H A N H L Ê

# Thím Thoải

(SH số tháng 11 - 2000)

Sáng thứ sáu, mẹ vợ bảo “chiều nay con cố gắng về sớm lên thăm mộ ông Phương với mẹ”. Tôi gật đầu “dạ vâng” rồi dắt vợ xe ra cửa. Năm nào cũng thế, cứ vào ngày giỗ ông Phương, hai mẹ con lại chuẩn bị đèn nhang viếng mộ ông. Mẹ bảo ngày còn sống, món ăn ông thích nhất vẫn là cơm nếp đùm trong chiếc mo cau. Mẹ cũng không quên vào bàn thờ lấy cuốn nhật ký dã vàng ố bỏ vào tay nải. Mẹ bảo ngày còn sống cuốn nhật ký này ông quý còn hơn vàng. Có lần ông suýt chết vì nó. Ấy là lần đánh đồn Dốc Miếu. Đánh xong rút về ông mới hay là mình đánh mất cuốn nhật ký. Thế là một mình ông mò trở lại trận địa. Ở cương vị chỉ huy, ông vẫn biết là mình sai và phiêu lưu, nhưng mất cuốn nhật ký thì đời ông còn gì. Bao nhiêu năm tháng trận mạc buồn vui đời lính ông đã ghi lại vào đó cả. Mẹ bảo chuyện đời ông buồn và tội nghiệp lắm. Mấy chục năm trời, ông xem đơn vị là nhà, đánh giặc là niềm vui, cố giấu một nỗi đau riêng kiêu hãnh và thầm kín.

Ấy là năm 1965, làng Cổ Liễu bàn tán xôn xao chuyện đám cưới của thiếu úy Phương. Nhiều người kháo nhau đây sẽ là một đám cưới to và đẹp nhất làng. Cô dâu là bí thư xã đoàn, đẹp vào loại hiếm có. Còn chú

rể thì tốt nghiệp trường Lục quân. Hàm đeo thiếu úy. Cao một mét bảy mươi lăm, người như gỗ lim, mũi thẳng trán vuông, mặt chữ điền. Thời chiến đám cưới không có gì là to, nhưng đúng là thật đẹp. Đám rước đông như hội, Phương và Thoải đi sóng đôi sau họ hàng. Cô dâu vận áo dài xanh ngọc, cổ đeo kiềng bạc, tóc thả dài tự nhiên. Chú rể mặc quân phục sĩ quan mới cứng. Đôi giày lính đen bóng cộm lên loang loáng lồi đi bờ đê xanh rì cỏ. Cô dâu Thoải then thùa chỉ đến vai chú rể. Đám con trai con gái làng xầm xì ao ước đẹp đôi như Phương Thoải. Hôm ấy trời nhiều nắng. Lúa đang ở thì con gái xanh nhức mắt. Cò cũng về nhiều hơn mọi hôm, bay trắng toát cả cánh đồng Bàu Vá. Phương trông thật nghiêm nghị, anh có vẻ hồi hộp, mồ hôi rịn ra lấm tấm trên màu da như đồng hun. Còn Thoải thảnh thơi lại vấp, tà sau chiếc áo dài ghim đầy hoa trinh nữ màu hồng phấn. Chưa bao giờ Thoải thấy hạnh phúc như vậy. Thảnh thơi cô lại liếc nhìn Phương đi bên cạnh, lòng hồ nghi như rằng đây chỉ là một giấc mơ. Tim cô nhoi nhói một niềm vui với ý nghĩ Phương bây giờ đã là của Thoải. Đường như đám con nít chăn trâu trong làng đang chế nhạo Thoải. Trong số những gương mặt quen quen, Thoải chỉ nhận ra thằng Lô con nhà Bổng. Chúng nó xếp hàng dọc theo bờ đê và đồng thanh hô to “hông vợ chài là hai vợ chồng”. Thoải thấy mặt mình nóng ran ran, cô lại liếc nhìn Phương thấy anh cũng bối rối. Thoải có cảm giác là cả hai như đang bay lên. Cô khẽ nắm tay Phương và nhận thấy tay anh hơi run run.

Đó là những ngày tháng hạnh phúc nhất của Phương và Thoải. Căn phòng cưới của họ đầy ắp cổ cò, một loài hoa chỉ mọc ven bờ đê làng Cổ Liễu. Tuần trăng mật của họ đúng vào mùa trăng. Đêm nào, Phương cũng đưa Thoải ra bờ đê. Dưới ánh trăng vàng rõ, cánh đồng Bàu Vá như chìm trong sương mù. Tận phía bên kia cánh đồng, có tiếng bầy vạc kêu sương thảng thốt. Phương run run lần tìm cúc áo Thoải. Mùi hương bồ kết từ tóc Thoải thoang thoảng bay làm anh ngây ngất “lúc này em mơ



điều gì hờ Thoải?”. Nép vào vai chồng, Thoải bảo “em mơ một đứa con trai”. “Con trai đi lính như anh rồi không về thì sao”. Thoải đưa tay bịt miệng Phương “anh đừng có nói gở, năm tới em sẽ sinh cho anh một đứa con trai”.

Những ngày hạnh phúc qua mau như một giấc mộng. Đã đến lúc Phương phải về đơn vị. Hôm đưa Phương đi, Thoải may cho chồng hai chiếc áo mới. Cô cũng không quên gói theo một mo cơm nếp tám thơm để Phương mang về đơn vị. Thoải đưa chồng đi tắt qua cánh đồng Bàu Vá. Nắng sớm mai đỏ rực như máu. Ven bờ đê hoa trinh nữ còn say ngủ. Cả hai đều im lặng đeo đuổi những suy nghĩ riêng. Họ đi ngược con đường của ngày cưới. Thoải thấy tim mình lại nhoi nhói đau. Chiến tranh biết khi nào Phương về. Một người bạn thân của cô vừa mời có giấy báo tử. Đến đầu làng, họ chia tay. Thoải bật khóc nức nở. Cứ như có một linh cảm đau buồn nào đó làm rạn nứt trái tim cô. Như rằng sau cuộc chia ly này Thoải sẽ mãi mãi mất Phương. Âu yếm hôn vợ, nhưng miệng anh méo xệch. Nước mắt Thoải mặn đắng trên môi anh. Thoải không biết sau đó mình về nhà bằng lối nào. Cô chạy như bị ma đuổi, người tê dại vô tri. Một sự trống vắng ghê rợn xâm chiếm tâm hồn Thoải. Sau đó là những ngày chờ đợi. Căn phòng cưới cứ rộng ra và trống hoang hoác. Đêm đêm, Thoải ngủ trong nước mắt. Cô ôm chiếc gối của chồng để mặc cho lòng thổn thức. Tháng đầu tiên sau ngày cưới, Thoải lại có kinh. Đêm ấy Thoải khóc nhiều nhất. Thế là ước mơ của cô vẫn chưa thành. Chiều nào đi làm đồng về lòng Thoải cũng tràn đầy hy vọng, cô ghé ủy ban xã hỏi bác Tá đưa thư có ai gửi gì cho mình không. Suốt mấy tháng ròng, Thoải chỉ nhận được một cái lắc đầu với câu nói động viên “chắc là thư đang trên đường ra, vài hôm nữa thì đến. Trong ấy nghe bảo đánh nhau căng lắm”. Niềm hy vọng chột tắt, lòng Thoải lại rối bời.

Lá thư đầu tiên của Phương, Thoải nhận được nó trong một ngày mưa dầm. Tim Thoải đập thình thình. Mở lá thư, tay cô run run. Đường như

lá thư đã qua nhiều tay người, nó mềm oặt và nhòe mờ hời. Thoải đọc ngấu ngiến như một người đói lâu ngày. Thư không đề ngày gửi. Đúng là nét chữ của Phương. *“Anh vẫn khỏe. Đánh nhau hăng lắm. Hết đánh nhau là nhớ em. Đi rồi anh mới tiếc sao không ngủ với em nhiều hơn, em cố gắng giữ gìn sức khỏe”*. Tiếp đó là những đoạn nhòe Thoải không thể nào đọc được. Dường như là Phương viết có ai đó ở làng trên đã chết. Đoạn tái bút *“Em đã có gì chưa? Anh sẽ về. Chăm sóc mẹ giúp anh. Ngàn lần hôn em người vợ hiền chung thủy của anh”*.

Sau đó những lá thư cứ ngày một thưa dần. Thoải chờ đợi trong héo hắt. Cô lao vào công tác đoàn thể, xem đây như một niềm vui. Đã đẹp lại còn năng nổ giỏi giang. Thoải tiến vù vù. Ở cuộc họp nào Thoải cũng được mời phát biểu. Được tổ chức đánh giá là một cán bộ trẻ có nhiều triển vọng. Thoải xa nhà nhiều hơn và cũng đi họp ban đêm thường xuyên hơn. Mẹ vợ kể năm đó mẹ đâu chừng tám chín tuổi. Bà thường bảo mẹ cùng đi họp với thím Thoải cho vui. Sau này thì mẹ mới biết, ý bà muốn mẹ canh chừng thím. Đàn bà con gái đẹp hơn hớ, lại xa chồng, bao nhiêu cái dục vọng đưa đẩy, rất dễ sa ngã lầm lỡ. Nhưng đến cuộc họp đêm, mẹ chỉ biết có ngủ. Khi nào họp xong, thím lay dậy bảo “về Dục” thì mẹ lại thức dậy cùng về.

Vắng chồng, Thoải càng đẹp ra. Cô rực rỡ như một bông hoa đồng nội. Đêm đêm, Thoải phải hai ba lần đi tắm cho dịu nổi nhớ chồng. Trai làng nhiều đứa ồm ờ hay chặn đường Thoải chòng ghẹo. Táo tợn nhất là thằng Lô. Lô bây giờ phát mã, người cao lớn tổng ngồng. Thằng Lô hay bảo Thoải “nào, cho sờ tí”. Thoải chửi “đồ con nít” thằng Lô chỉ ngoay ngoáy cái miệng rồi nhả mặt cười hê hê.

Bước ngoặt đời Thoải bắt đầu từ hôm cô được lựa chọn đi dự đại hội chiến sĩ thi đua. Lần đầu tiên trong đời Thoải đi ô tô, cô thấy cái gì cũng lạ. Hà Nội thời chiến trong mắt Thoải, một cô gái quê, vẫn cứ to đùng và đẹp rực rỡ, Thoải thấy mình cứ bé nhỏ trước những con người lịch lãm

và sang trọng. Lần đầu tiên Thoải thấy mình không nhớ chồng. Trong bữa tiệc tối ấy, cô có uống một cốc rượu nhỏ. Thoải chẳng biết đó là rượu gì, chỉ nghe đầu lưỡi cay cay chua chua. Đêm ấy trời Hà Nội mưa rất to. Chiếc máng xối ngoài hàng hiên nhà nghỉ đổ nước ào ào. Thoải thấy người nóng rực và bức bối đến kỳ lạ. Có tiếng gõ cửa lẫn trong tiếng mưa. Thoải e dè rút then. Lấp lóa trong ánh chớp trời là gương mặt một người đàn ông. Phải một lúc lâu Thoải mới nhận ra đó là vị trưởng đoàn. Thoải không còn nhớ sau đó mọi việc diễn ra như thế nào. Cô thấy đầu óc mụ mị, chân tay tê dại. Cái bóng đen to lớn đổ ập lên người cô. Thoải thấy mình như đang bay lên trong ngày cưới. Chiếc áo dài màu xanh ngọc đính đầy hoa trinh nữ. Phương vừa khóc vừa gọi theo, nhưng không hiểu tại sao Phương cứ cầm cúi đi. Anh không hề ngoái đầu lại một lần nào. Thoải nghe loáng loáng có tiếng hô đồng thanh của bảy trẻ chăn trâu “hồng vợ chài là hai vợ chồng”.

Suốt đêm ấy Thoải khóc trong niềm ân hận. Cô để mặc cho những giọt nước mắt tủi hổ chảy đầm đìa.

Dự đại hội chiến sĩ thi đua về được hai hôm, Thoải nhận được tin chồng. Phương nhờ một người bạn viết hộ là anh đã ra Bắc, đang ở trại điều dưỡng E3 để điều trị vết thương. Thoải tức tốc thu xếp lên thăm chồng. Từ nửa đêm cô đã dậy, ra vườn nhặt mo cau và nhen lửa nấu cơm nếp. Bần thần nhìn ngọn lửa, nước mắt Thoải chảy ròng ròng. Thoải thấy người trống rỗng, cảm giác tội lỗi dày vò lòng Thoải. Thoải thoáng nghĩ đến một điều xa xôi như là cái chết. Chết là hết, nhưng Thoải sợ...

Thăm chồng về độ nửa tháng Thoải thấy người hay choáng, nôn khan và thèm chua. Thoải biết là mình có thai. Mẹ vợ bảo năm ấy thím Thoải độ chừng hai lăm hai sáu. Tóc thím dài, đen nhánh. Nước da trắng như trứng gà bóc. Khuôn ngực thay lấy cái độ chín của một người phụ nữ ngập ngừng ngưỡng cửa làm mẹ. Tin thím Thoải có thai làm cả nhà vui như hội. Ông ra vườn dẫn tre để đan nôi cho đứa cháu hiếm hoi mà ông

mơ ước. Còn bà ngày nào cũng tíu tít “Thoải ơi! con ăn gì bảo để mẹ mua. Ấy dà, phải là kiêng cử cho nhiều. Đàn bà chữa là cửa mả đấy”. Rồi thím Thoải bị động thai. Máu ra nhiều. Nửa đêm ông chạy đi tìm y tá. Bà thì chầu chực bên giường. Mẹ vợ bảo trong nhà chỉ có một mình mẹ vợ biết vì sao thím Thoải động thai. Buổi sáng hôm ấy, mẹ thấy thím lặng lẽ leo lên xà nhà. Từ trên cao thím Thoải bổ nhào xuống như một con chim bị đạn. Lúc ấy mẹ vợ không hiểu vì sao thím lại làm như vậy, chỉ kịp kêu lên một tiếng rồi dìu thím vào giường. Máu ra rất nhiều, chảy ướt cả quần và hai bàn chân thím Thoải.

Điều trị lành vết thương, Phương được phép về thăm gia đình. Anh dành ngày phép ngắn ngủi để chăm sóc vợ. Căn phòng cưới của họ lại đầy ắp hoa cỏ cò. Suốt ngày Phương ngồi bên giường vợ. Gương mặt Thoải xanh xao, gân xanh ở cổ nổi phập phồng. Cô đã ăn được một ít cháo trắng. Phương bồng ít nói hẳn. Ngày phép cuối cùng, Phương lặn lội đi thị trấn mua tặng vợ một mảnh lụa và mấy mét vải may áo quần sơ sinh. Anh tháo tấm ảnh cưới bỏ vào ba lô. Đêm ấy trăng cũng sáng như sau ngày họ cưới nhau. Không gian thanh vắng, đầy ắp thứ ánh sáng trắng như pha lê. Có tiếng cười vọng lại từ bờ đê của lũ con trai con gái làng. Phương nghe rõ hơi thở nặng nhọc và gấp gáp của vợ. Anh thấy cổ họng đau nhức. Bao ngày qua Phương đã cố nuốt một vật dằng vô hình. Đã đến lúc Phương phải nói. Anh hỏi vợ “Cái thai mấy tháng rồi?”. “Dạ ba”. “Của ai vậy? Thoải bật khóc nức nở. Gương mặt cô phù ra dưới ánh trăng. “Chỉ cần em nói của ai, anh sẽ tha thứ cho em”. Giọng Phương buồn bã, nghe xa xôi như tiếng con vạc lẻ bầy kêu khan ngoài cánh đồng Bàu Vá. Thoải nói trong tiếng nấc “Em van anh hãy tha lỗi cho em. Ngàn lần em van anh, em cần rơm cần cỏ lạy anh...”

Thoải sinh con trai. Phương gửi về một lá thư dài, kèm theo là một đơn ly hôn. Trong lá thư Phương viết cho gia đình anh cho biết đứa con Thoải sinh không phải là của anh. Cả làng Cổ Liễu bàn tán xôn xao. Có

người cho là Phương ở bạc. Người thạo tin thì xầm xì chuyện Thoải “đi đêm”. Cũng chẳng ai biết một cách tường tận sự việc nó thế nào. Sau ngày ly hôn, Thoải bị khai trừ khỏi Đảng, bị cắt tuột hết chức tước. Thoải ẩm con về nhà cha mẹ đẻ. Người làng ngày một ít thấy Thoải. Mẹ vợ bảo đời thím Thoải sa sút lận đận từ đó. Thịnh thoảng mẹ có gặp thím Thoải đi củi. Người gầy và héo hắt lắm, nhìn mãi mới nhận ra. Mỗi bận như thế, thím Thoải hay kéo mẹ vợ ra một góc rừng kín đáo “nì Dụng, chú có hay gửi thư về không con?” “Dạ có mà ít”. “Chú có khỏe không?” “Dạ vẫn khỏe”. Thím Thoải hỏi nhiều lắm, mẹ vợ không nhớ hết. Rồi thím khóc, hai con mắt đỏ hoe hoe. Thím bảo đời thím thế là hết. Chỉ tội cho chú Phương lỡ làng. Mẹ vợ bảo mỗi bận ông Phương về phép, bà Thoải hay thập thò ngoài hàng chè tàu. Có lần bà suýt bị chó cắn. Năm sau, thím Thoải đi bước nữa, lấy thằng Lô trong làng. Cũng là rồ rá cạp lại. Thằng Lô hay rượu, lại cả ghen. Nó đánh thím Thoải ngày một. Mà đánh tàn nhẫn lắm. Nó cột tóc thím Thoải vào chân chiếc giường tre, lột hết áo xống thím, vừa đánh vừa chửi rầm rĩ “Mày là con đĩ thú. Nghe ông nói chưa, mày là con đĩ... Phúc ba đời nhà mày mới được gặp ông”. Nghe tin này, ông Phương buồn lắm. Có bận về phép, ông ra tận chợ Tréo tìm bà Thoải. Bà đang lúi húi bán rau. Bất chợt thấy ông, mặt bà đỏ bừng, tim đập choi choi như thời con gái. Ông bảo bà “con có khỏe không? anh có chút quà này cho cháu”. Im lặng một lúc rồi ông thở dài “em đừng có cãi nhau với Lô làm gì, kéo nó đánh nhiều mà đau”. Hai người đứng giữa chợ, nước mắt bà Thoải chảy ròng ròng. Ông chỉ nói có vậy rồi ông lại đi. Tan buổi chợ về nhà, bà Thoải lại khóc. Đêm hôm ấy, mẹ vợ thấy bà đứng thập thò bên hàng chè tàu tay cầm một gói quà. Nhác thấy mẹ vợ, bà Thoải nhao ra khỏi chỗ nấp, giọng thăm thì “nì Dụng, mang cái này vào cho chú Phương giúp thím. Mai chú đã đi chưa hở con?” “Dạ con nghe nói là mai chú đi sớm” “rửa mai mi đừng nấu cơm nếp, để tau bới cho chú nghe”. Suốt đêm đó Thoải thức trắng. Trăng tháng tám giải lên thêm nhà những vệt sáng lấp lánh. Gió từ cánh đồng Bàu Vá thổi u u. Vẫn là

ánh trăng ngày ấy nhưng sao Thoải thấy nó nhợt nhạt và vô nghĩa quá. Thoắt mà đã mười năm rồi còn gì. Thoải nhen lửa nấu cơm nếp. Nhìn những tia lửa nhỏ lóe xanh nhảy nhót, Thoải nghe lòng bồi hồi. Nếu không có những vết đau nhức do buổi chiều thằng Lô đánh, có lẽ Thoải đã nghĩ rằng mình đang ở nhà Phương. Buổi sáng sau ngày cưới nắng đẹp lắm. Hôm ấy Phương trêu Thoải vì cô mặc áo trái. Ôi tiếng cười của Phương, sau bao năm tháng đau buồn Thoải vẫn thèm được nghe. Nó vang vọng như một ánh hồ quang, chói sáng rồi vụt tắt ở đâu đó trong lối đi mơ hồ của tiềm thức. Như buổi sáng hôm nào tiễn Phương đi, Thoải ra vườn nhặt chiếc mo cau. Cô dùng dao xếp cắt lấy phần bẹ, nhúng khăn ướt lau phần bụi ở mặt ngoài. Mặt trong chiếc mo cau cô lau bằng khăn mùi xoa, kỷ vật mà Phương tặng từ hồi họ mới yêu nhau. Bàn tay Thoải khéo léo đồ xôi vào ruột mo cau. Nhìn những hạt nếp dẻo dính trên chiếc khăn tay, bỗng dưng Thoải bật khóc nức nở.

Mẹ vợ kể sáng hôm sau, trời còn mờ đất, mưa đổ lâm thâm, đã thấy bà Thoải vận áo mưa sùm sụp đứng thập thò bên hàng chè tàu, trông hom hem và tội nghiệp lắm. Mẹ vợ ngạc nhiên: “Ủa thím không biết à! Chú Phương đã được xe đón đi từ hồi đêm. Hồi khuya chú bảo là sang thăm thím mà...”. Thím Thoải lấp bắp “thế à, thế à...” rồi thím ngồi sụp xuống đất, đặt mo cơm nếp bên vệ đường, moi ruột lấy ra một tờ giấy xếp nhỏ bỏ trong bao ni lông. Phúi mấy hạt xôi bám vào tờ giấy, thím đưa cho mẹ vợ, bàn tay thím Thoải run run “nì Dục, con gửi cái này gấp cho chú”. Mẹ vợ bảo “thím vô nhà tí đã”. “Thôi thím về, thím về đây, kéo không thằng Lô nó thấy, nó lại hành thím”.

Bỏ thằng Lô, thím Thoải đi thêm ba bước nữa nhưng bà không có lấy một ngày hạnh phúc, người chồng sau cùng của thím bị liệt, cả con chồng con vợ ông lại đến mười mấy đứa. Thím suốt ngày quần quật ngoài đồng. Người đen đúa gầy nhom. Tóc cũng đã bạc nhiều. Duy chỉ có đôi mắt là vẫn đen lay láy sâu hun hút, nhìn ai như thấp lửa bập bùng.

Năm 1975, miền Nam giải phóng, thiếu úy Phương ngày nào giờ đã là trung tá. Ông vẫn chưa có gia đình. Rồi chưa kịp nghỉ ngơi ông lại tiếp tục đi chiến trường K. Niềm vui của đời ông là đơn vị. Cánh lính trẻ tếu táo cứ gọi đùa ông bằng bố. Người ông thương nhất là binh nhất Sơn. Nó mồ côi cha. Mẹ Sơn còn rất trẻ và đẹp. Thịnh thoảng thấy thủ trưởng buồn, Sơn nghịch nửa thật “hay là bố về ở với mẹ con. Xin báo cáo với bố mẹ con ngày xưa là hoa hậu đấy. Bố muốn ăn cơm “lếp” thì mẹ nấu cơm “lếp” cho bố ăn. Thằng Sơn nói ngọng chữ “nếp” thành chữ “lếp”. Nói là làm thật, bữa nọ hai mẹ con vào. Chút nữa thì ông làm rơi chén. Mẹ Sơn giống Thoải đến kỳ lạ. Từ dáng đi cho đến khuôn mặt trái xoan, đôi mắt sâu hun hút những lúc vui lại nhấp nháy cười. Lâu lắm ông Phương mới có một ngày vui như vậy. Nhưng rồi tất cả chỉ dừng lại ở đó. Nhìn mái tóc búi gọn thành tó xanh đen trên bờ vai tròn trặn của mẹ Sơn, ông biết là mình chưa thể nào quên được Thoải. Thoải là tất cả những gì ông đã có và đã đánh mất trên đời này.

Ông Phương mất năm 1984 tại chiến trường K do bạo bệnh. Một tháng sau, mẹ vợ nhận được một gói bưu phẩm gồm có thư, cuốn nhật ký, bức ảnh ngày cưới ông Phương và một cuốn sổ tiết kiệm. Trong thư ông viết: *“Dụng thương yêu của chú! chú biết là mình khó có thể qua khỏi bệnh, nên chú viết thư này cho cháu. Cuốn nhật ký là cả một đời chú. Chú đã viết nó trong những ngày đau buồn nhất. Chú biết là mình không thể nào mang theo được. Bây giờ cháu hãy giữ nó giúp chú. Còn cuốn sổ tiết kiệm đó là chút tiền mọn mà chú đã cốp nhật mấy mươi năm đi lính. Không nhiều nhận gì nhưng với quê mình cũng là to lắm. Cháu hãy giúp chú, đưa cuốn sổ tiết kiệm cho thím Thoải, để thím đỡ vất vả trong ngày già. Chú gửi lời thăm Thuần và các cháu”. Tái bút “Chút nữa thì chú quên. Bức ảnh ngày cưới của chú giữ lại đừng gửi cho thím Thoải làm gì. Không khéo rồi ảnh hưởng đến người khác. Còn cuốn sổ tiết kiệm chú đã ghi tên của thím rồi”.*

Cuốn nhật ký của ông Phương rất dày. Dường như là nó đã được đóng thêm nhiều lần và đóng rất khéo. Tôi mở trang đầu, vẽ hình một đôi chim bồ câu đang bay. Trang tiếp theo “Ngày... tháng... năm, vừa đi đào công sự về thì nhận được thư Thoải. Đang mệt bả người bỗng đứng thấy khỏe lại. Thoải bảo là chưa có thai. Hơi buồn. Nhưng việc ấy thì vợ thế nào được. Mấy thằng quỷ sứ đọc lén chúng nó cười chuyện kín của vợ chồng mình. Thoải ơi! gắng lên em nhé. Anh nhớ em vô cùng. “Ngày tháng năm, suốt mấy hôm trời vẫn không ngớt mưa. Thằng nào cũng nhớ nhà mặt nghệt ra như ngỗng. Giờ này em làm gì? Ở quê chắc là đang vào vụ lúa. Chiều nay B2 chết ba đứa. Bao giờ anh mới được gặp em. Không biết là có còn được gặp em nữa không?” Ngày tháng năm. Tại sao em nông nổi vậy Thoải. Em bôi tro trát trấu lên mặt anh. Em giết chết đời anh mất rồi. Tại sao em lại làm vậy. Cái thai là của ai? Nếu em nói rõ có thể là anh sẽ tha thứ. Nhưng... “Ngày tháng năm. Mà đã thấy hả giận chưa. Bây giờ mày là thằng tự do, thằng chưa vợ. Nếu còn sống từ cuộc chiến này trở về mày sẽ là mìn chính cánh. Thì ra mày cũng làm như cái cách mà nhiều người khác đã làm”. Ngày tháng năm. Thoải có lỗi hay không? Tại sao mình lại làm như vậy? Liệu mình có vội vàng quá hay không? Có phải ly hôn là cách duy nhất hay không? Thoải ơi! thế là anh đã giết chết đời em mất rồi. Cái thằng người ích kỷ trong anh đã đẩy em vào con đường cùng...”

Tôi lật trang cuối để ngày 22-03-1984. Trước ngày mất hai hôm ông Phương viết “Càng có tuổi anh mới hiểu cái quý nhất trên đời là vị tha. Yêu em, nhưng anh đã không làm được điều đó. Nhìn em khổ sở anh ân hận vô cùng. Mấy hôm nay bác sĩ bảo rằng anh sẽ qua khỏi bệnh. Anh không tin điều đó. Anh chỉ tiếc là đã không gặp được Thoải trong ngày chia tay này. Trước cái chết, anh hiểu là con người ta đã có biết bao nhiêu lầm lỡ. Điều anh ân hận suốt cả đời mình là tại sao anh không thể tha thứ cho Thoải. Bây giờ anh mới biết hạnh phúc của đời người là gần gũi biết bao. Đã thế anh còn không biết giữ nó. Anh đã hắt hủi em. Tại sao anh



*làm vậy? Hãy tha thứ cho anh nghe Thoải. Anh không giấu giếm rằng suốt những năm tháng đã qua anh chỉ có em. Chỉ nghĩ về em, niềm hạnh phúc lớn nhất của đời anh. Nhiều lúc anh nghĩ số phận chúng ta có thể đi theo một hướng khác nếu như... Anh biết những năm tháng qua em đã bị khinh rẻ, khổ sở như thế nào. Điều đó khiến lòng anh đau đớn. Nhưng tất cả đã muộn màng. Hãy tha thứ cho anh nghe Thoải. Ngàn lần hôn em, người vợ hiền chung thủy của anh”.*

Cuối năm 1999, tôi về quê dự đám cưới của Hải, người anh vợ. Trước khi đi, mẹ vợ bảo “con về nhớ ghé thăm bà Thoải. Cho mẹ gửi lời thăm bà, nhân thể mẹ gửi cho bà cuốn nhật ký. Mẹ nghĩ là đã đến lúc bà Thoải cần nó”. Tôi gặp bà Thoải trong ngày cưới của anh Hải. Bà vẫn còn rất đẹp dù đã tàn tạ nhiều. Suốt đêm hôm ấy bà Thoải chỉ nói chuyện ông Phương. Thỉnh thoảng bà lại kéo chéo áo lau nước mắt. Bà bảo suốt một đời bà chỉ có ông là người tốt nhất. Nhưng bà đã để mất ông. Khi tôi đưa cuốn nhật ký, bà cầm tay nó run run, bảo “có mấy lần bà nài con mẹ vợ anh cho bà mượn vài hôm. Nhưng Dụng nó bảo chưa cho bà mượn được”. Mân mê tấm bìa nhựa cuốn nhật ký, bà hỏi “mày đã đọc chưa hả cháu. Ông có hận mạng bà nhiều không?”. Tôi cười bảo “bà cứ đọc rồi khắc biết”

Nắng đã lên. Sương mù tháng chạp giăng kín cánh đồng Bàu Vá. Gió mù mù thổi qua những vườn chuối, tiếng tàu lá đập trong gió xao xác như những tiếng thở dài. Xa tít tận trên cao, mảnh trăng muộn cuối năm nhợt nhạt như một gương mặt người thiếu máu.

*Trại viết Nha Trang tháng 5 năm 2000*

*H.L*

T R Ầ N   T H ù Y   M A I

# Trăng nơi đáy giếng

(SH số tháng 6 - 2001)

“Tôi xin mình. Mình dẹp giùm tôi mấy cái bàn thờ này đi. Chuyện mê tín dị đoan, đầu hay ho gì.”

Giọng thầy Phương vẫn từ tốn như thường lệ, nhưng đôi bàn tay liên tục gõ xuống bàn chứng tỏ tâm trạng thầy đang bức xúc.

Cô Hạnh chỉ lặng lẽ nhìn: người đàn ông này đã là người cô thương yêu, tôn thờ cho đến nửa đời người. Trước đây, mỗi cái nhìn của ông là mệnh lệnh đối với cô, vậy mà nay cô phải trái ý ông. Ý nghĩ đó làm cô rơm rớm nước mắt.

Hơn mười mấy năm, họ đã sống chung nơi căn hộ bé nhỏ này. Mỗi sáng, người trong xóm đều thấy cô Hạnh xách xô ra đầu ngõ mua bún cho chồng. Những hôm mưa lâm thâm, cái dáng gầy của cô co ro, tay cô cầm chiếc nón cổ che cho kín xô bún, chứ chẳng nhớ che đầu. Thấy Phương người nho nhã, mảnh mai, trắng trẻo. Vốn là con nhà dòng dõi, lại được cưng từ nhỏ nên thầy kén ăn, phải chăm từng li từng tí.

Nói là kén ăn, không phải là thầy đòi hỏi cao lương mỹ vị, mà chỉ cần những thứ đơn giản thôi, nhưng phải biết ý mới chiều được. Bữa ăn

không cần thịt cá, đôi khi chỉ cần đĩa bông bí chấm nước tôm kho đánh, nhưng nước tôm phải thật sánh, thật thơm, đồ rục. Thịt bò thì nhất định phải nấu canh với hoa thiên lý, tô canh dừ dừ mùi hương ngọt ngào. Đêm khuya ngồi đọc sách, chỉ cần ăn củ khoai bồi dưỡng, nhưng khoai phải ngọt, dẻo, hấp với lá dứa. Chiều thì vài lóng mía tiện thật sạch sẽ, ủng màu đỏ cầm rượu.

Căn nhà nhỏ, không có đồ đạc gì xa hoa, nhưng sạch như lau như li. Tính thấy Phương rất sợ bẩn. Trong phòng tắm, những cái chậu đủ màu được cô Hạnh đặt đúng vị trí của chúng, tất cả đều khô ráo, sạch sẽ. Cái chậu rửa mặt không lẫn với chậu tắm, cái chậu giặt áo không lẫn với chậu giặt quần. Giặt giữ phơi phóng xong, cô Hạnh phải tháo dây ngay, vì thấy Phương không bao giờ đi qua dưới dây phơi, cho dù quần áo đã cất hết.

“Ôi dào, thời buổi bây giờ mà sao ông ấy tinh tươm quá, này, coi chừng chứ... chậm con là vì quá sạch đấy”. Các bà hàng xóm đùa. Trong khu tập thể này, các bà đều là cán bộ, việc cơ quan, việc nhà cứ ùn lên, ai cũng bết bát, chẳng có thời giờ mà chiều chồng. Các ông chồng trong xóm nào là chẻ củi, đi chợ, đón con, chẳng từ một việc gì, chỉ riêng thấy Phương được hưởng ngoại lệ. Thực ra, đâu có phải vì thế mà hơn mười năm không có con. Cô Hạnh biết thừa điều đó nên nghe người ta đùa, cô chỉ cười...

Ở đầu ngõ, ngay cổng vào khu tập thể là nhà bà Thu, thư ký công đoàn trường Thuận Đạt. Ngày ấy, bà Thu đã hội ý xong với Ban chấp hành Công đoàn trường và quyết định đến thăm chính thức cô Hạnh. Vì lý do tế nhị của cuộc thăm viếng, bà đã cẩn thận chờ cho đến lúc thấy Phương đạp xe ra khỏi nhà được hơn hai mươi phút.

“Vì trách nhiệm, tôi buộc lòng phải thông báo cho chị Hạnh biết: Người ta đồn anh Phương có vợ nhỏ, Công đoàn và Đảng ủy đã tiến hành kiểm tra, thật đáng tiếc, việc này hoàn toàn chính xác”.

Cô Hạnh nghe, ngồi nhìn thẳng vào mắt bà Thu, không tỏ vẻ ngạc nhiên. Trái lại, bà Thu kinh ngạc đến hệt hẳng trước vẻ bình thản của người vợ bất hạnh: bà cứ tưởng cô Hạnh sẽ ngắt đi, hoặc ít ra cũng níu lấy bà mà hỏi vặn đủ điều. Nhưng không, cô cứ lặng lẽ, dịu dàng, dường như cố nén nỗi khó chịu vì bị quấy rầy!

Chờ mãi không nghe nói gì, bà Thu phát cáu: “Chuyện đến thế, chị tính sao? Chị phải có thái độ đi chứ? Hay chị là Phật đất?”

Cô Hạnh thở dài:

- Hoàn cảnh em không có con, dù anh ấy có thế, em cũng chẳng oán trách.

- Nói thế, nghĩa là chị đã biết anh ấy phản bội chị mà cố tình giấu giếm tổ chức?

“Anh ấy không phản bội tôi” cô Hạnh ngẩng phắt lên. Vâng, dù rằng ông Phương đã có một người đàn bà khác, có một đứa con không do cô sinh ra, ông vẫn là vị thánh sống đối với cô. Cô không cho phép ai nặng lời khi nói về ông ấy. Bởi tất cả những chuyện này là do cô: cô đã tự tay sắp đặt, chỉ vì không chịu nổi vẻ buồn thẳm lặng trên khuôn mặt ông.

“Không phải dễ dàng mà thuyết phục được anh ấy - Bởi vì anh ấy quá thương tôi. Hơn nữa, là người có chức trách, anh không dám. Tôi phải năn nỉ, ép uống, hứa giữ bí mật cho anh ấy...”

Bà Thu cau mày, “Sao chị lại làm thế? Chị có biết như vậy là phong kiến cổ hủ không? Chính chị đã đẩy anh ấy vào con đường hủ hóa!”

Cô Hạnh khóc. “Vâng. Có thể là như vậy, nhưng lúc ấy, tôi không nghĩ gì hết. Tôi chỉ muốn anh ấy sung sướng”. Vâng, khi người ta thực lòng thương yêu nhau, có điều gì mà không thể hy sinh. Một cô gái quê bỗng chốc được cô Hạnh chăm lo từng li từng tí: từng chục trứng gà, từng chai mật ong được chuyển về làng để tắm bổ cái thai mới thành hình. Rồi đến ngày cô được đền bù: Đứa con trai ra đời, cô Hạnh bế lấy nó, đỏ hỏn

trong lớp tã. Ông Phương quàng vai cô, vỗ về: “Con của em đó”. Nghe chồng nói, cô ứa nước mắt vì sung sướng...

Nhưng giờ đây, ngồi trước mặt bà Thu, cô mới thấy chuyện đời không đơn giản. Sắp đến kỳ bầu tín nhiệm hiệu trưởng rồi... Ông Phương bảo:

- Chúc hiệu trưởng là cái gì... Bỏ, bỏ hết. Với tôi, chỉ cần mình vui lòng. Tôi chấp nhận mất tất cả.

Ông nói thế, nhưng rồi không giấu được vẻ buồn. Lại cái vẻ buồn trầm lặng làm xót lòng cô. Cả đời ông sống nghiêm túc, không để ai nói tiếng nặng tiếng nhẹ bao giờ. Giờ đây, tưởng tượng tới khuôn mặt những người lâu nay vẫn đổ kỵ với ông... Họ sẽ hả hê biết bao trước cái tội lỗi rành rành của vị thủ trưởng đáng kính. Họ sẽ rung đùi, cười khẩy chờ ông đứng lên nhận tội... Để rồi khoái trá xúm lại tố khổ ông, như bây sói xúm lại xé con mồi...

Quả thật, cái tin “Ông Phương hai vợ” vừa được tung ra, đã có vài ba người rắp ranh ngấm nghe cái ghế ông đang ngồi. Cuộc bầu tín nhiệm được tổ chức vào đầu tháng ba, được dự kiến như là ngày chôn vùi luôn sự nghiệp của ông hiệu trưởng nổi tiếng quản lý giỏi, đã đưa trường Thuận Đạt thành một trường tiên tiến dẫn đầu tỉnh trong hơn năm năm. Người ta chờ ông Phương đứng dậy rút lui và tự kiểm điểm, nhưng sao lâu quá chẳng thấy động tĩnh gì... Sốt ruột quá, một vị đứng dậy cắt ngang lời ông Phương khi ông đang còn trình bày “chương trình hoạt động” mà ông dự kiến sẽ thực hành trong thời gian tới:

- Chuyện năng lực của anh Phương thì có gì phải bàn nữa, dài dòng làm chi mất thời gian. Chỉ có điều, dư luận đang râm ran chuyện gia đình anh, anh em tui rất hoang mang. Vì, lãnh đạo thì không chỉ có tài mà phải có đức...

Ông Phương không nói, chỉ lặng yên bình thản nhìn kẻ địch thủ đang hân hoan, đắc thắng, rồi lại bình thản nhìn cái vẻ hân hoan, đắc thắng đó xẹp xuống, nhả nhúm lại như một quả bóng xì thất vọng. Bởi vì cô

Hạnh đã đứng dậy đưa ra trước Hội đồng tờ giấy chứng nhận ly hôn giữa cô và ông Phương cùng tờ giấy đăng ký kết hôn giữa ông Phương với vợ mới. Lúc đó cả hội trường mới biết rằng, trên pháp luật, ông Phương chẳng có lỗi gì... Nghĩa là cái chức hiệu trưởng của ông, lấy búa tạ mà nên cũng không thể nào rung rinh nổi.

Không rung rinh nổi, nhưng người ta vẫn cứ tìm cách nên. Lòng người đầy ham muốn, đâu có buông tha cho ông Phương qua ải một cách dễ dàng như thế. Vì vậy, trọn năm sau, ông Phương quả là lao tâm khổ tứ, ở không yên ổn, ngồi không vững vàng.

Lại một lần, bà Thu phải đến thăm riêng cô Hạnh.

- Khổ thân chị, tôi tìm mọi cách trấn an dư luận để bảo vệ chị, nhưng mà người ta không thể thông cảm như tôi. Nói chị đừng buồn, hoàn cảnh chị rất gay. Chị đã phạm pháp mà không biết: Sống chung như vợ chồng với chồng của người khác!

Cô Hạnh sững sờ. Giờ đây ông Phương có còn là chồng của cô nữa đâu? Cô nhìn thằng bé đang thiêm thiếp ngủ trong tay, run rẩy. Cô biết, người ta đang lôi tuột ông ra khỏi tay cô. Cô sẽ phải xa ông, bất giác cô ôm chặt lấy cu Nhút, như cố níu giữ cái phiên bản của người đàn ông mà cô tôn thờ...

\* \* \*

Lại một lần nữa, tôi phải năn nỉ anh. Tôi không đành lòng thấy anh cứ gầy rộc đi, mắt trộm lơ, râu mọc xanh cả cằm. “Quân tử ú hự đã đau. Tiểu nhân dùi đục đập đầu như không”. Anh vẫn thường nói thế. Con người anh tinh tế, tự trọng, chịu sao nổi bao nhiêu lời ong tiếng ve. Đành lòng dốc hết tiền của góp nhóp trong mười mấy năm mua một căn nhà ở ngoại ô cho anh ấy đưa cô Thắm lên. Lúc ấy, Thắm lại đang có thai. Thương tôi, anh không chịu rời đi, tôi phải cắn răng làm mặt giận, cấm cửa nhịn đói suốt mấy ngày...

Anh đi rồi, căn nhà trống đến khủng khiếp. Đi làm về, tiếng mở cửa, tiếng bước chân tôi cứ vang lên lạnh lẽo như từ thế giới nào. Vào đến gian bếp, nhìn thấy chiếc may ô của anh còn sót lại trên giây phơi, tôi sụp xuống, nức nở khóc...

Thỉnh thoảng anh cũng về thăm tôi. Nhưng anh về một chút rồi lại đi. Tôi không dám trách. Sắp đến đại hội chi bộ, phải giữ gìn. Anh có muốn nấn ná tôi cũng giục anh đi cho được. Anh bảo: “Mình đừng buồn. Tôi nói với mình đình ninh từ khi chưa ly hôn. Nay cũng thế, tôi ở bên ấy nhưng thực ra chỉ có mình mới là vợ của tôi”. Tôi nghe, chỉ biết khóc. Vợ chồng mà gặp nhau lén lút như thế này, cái số tôi sao mà trớ trêu? Có hôm bị bệnh nằm một mình không dám nhấc chồng, tôi đành nhờ người mời bà đồng Thơi đến chích lễ giải cảm. Bà Thơi vừa nặn máu cho tôi vừa bảo: “Khí đen tụ ở giữa hai chân mày. Cái uất nén trong lòng mà thành bệnh”. Tôi lắc đầu: “Tôi không uất, không phiền. Chỉ vì mệt mỏi quá”. Cô Thơi sửa lại áo khăn thắt nén hương giữa trời. Hôm ấy rằm, trăng sáng. Cô Thơi niệm khấn rồi cầm chén nước trong bảo tôi uống. “Để tôi xin cho chị một quẻ Thánh.” Cô Thơi xủ quẻ rồi nói: “Quẻ của chị là quẻ lộng giả thành chân. Đêm trăng nơi đáy giếng, thấy bóng chẳng thấy hình. Cứ theo quẻ này giả hóa thực, thực hóa giả, giả thực thực giả khó lường”. Tôi cũng không tin mấy, chỉ cảm thấy dễ chịu vì có người quan tâm. “Việc gì thực hay giả, mà giả thực liên quan gì đến bệnh cảm của tôi?”. Cô Thơi nghiêng đầu như làm duyên, cặp môi son hé cười: “Lời Thánh sâu xa, nhiều khi đến việc mới hiểu”.

Đại hội chi bộ đã qua, anh lại được tín nhiệm cao. Tôi mừng. Tôi nhắc Thẩm săn sóc anh cho chu đáo. Không có ai khó chăm như anh. Cái gì cũng phải sạch, phải tinh tươm. Áo quần gấp xong nhớ đặt vào tủ, ngay ngắn, bộ nào sắp mặc thì đặt ở cuối giường chứ đừng đặt đầu giường. Chỗ anh ấy ngồi viết thì phải tinh tắn, ngăn nắp, đừng qua lại nhiều làm phiền anh. Tôi dặn gì, Thẩm cũng nhất nhất vâng dạ. Thấy Thẩm ngoan, tôi mừng.

Tết đến, tôi lo mua nếp gói bánh. Năm nay nhà đông phải gói nhiều. Đang loay quay tìm mua lá dong, chợt nghe nói bà Thu sắp có dịp về quê, tôi lật đật sang nhờ bà ấy mua giúp. Vào đến cửa, tôi chững lại khi nghe tiếng anh Phương, rồi tiếng Thắm. Một giỏ quà, ý chừng đồ đi tết, đang nằm trên ghế. Bà Thu cười: “Không có tôi thì anh chị còn mỗi người một nơi đến bao giờ? Nhưng mà nói vậy chứ không nhận quà này đâu nhé. Bày vẽ làm gì, cái tình với nhau là chính”. “Ày, chút quà xin chị nhận cho, của thảo lòng thành”. Tôi rưng rờ, không nhận ra được giọng của cô gái quê thơ ngây chất phác sáu năm về trước... Bà Thu ngọt ngào: “Cái cô Thắm này khéo thật, chả trách bà Hạnh cất công tìm tôi chọn lựa mãi”. Tiếng Thắm cười khanh khách: “Chị ấy tưởng thế thôi chứ thực ra trước khi bà thím giới thiệu thì anh Phương đã gặp em mấy lần khi về quê ăn cỗ”. “Quả là chồng khéo vợ khéo, trách gì chẳng thành đôi”. Họ cười, tiếng cười vui vẻ râm ran trong đêm yên ả...

Tôi rút lui, suy nghĩ khi xuống thêm. Rồi cứ đi trong đêm như người ngây, mãi đến lúc bước vào một ngôi nhà, ngửi thấy mùi nhang trong không gian, và nhận ra mình không hiểu từ lúc nào đã đến nhà cô đồng Thoi. Tôi ngồi sụp xuống nền nhà mà khóc, nhớ lại lời cô nói với tôi đêm trăng hôm nào. “Nín đi em. Em giỏi nín đi. Rồi cô soi cho, cho thấy hết tiền oan nghiệp chướng”. Cô Thoi dỗ tôi như dỗ trẻ con. Mãi thấy tôi cứ tí tê khóc, cô nạt: “Sao lại khóc? Mất gì đâu mà khóc. Cái mất, thực ra đã mất từ lâu rồi. Chừ còn ôm huyễn mộng mà kêu trời như con đười ươi ôm cái ống tre rỗng mà cười một mình giữa núi”. Lời cô Thoi làm tôi tỉnh ra. “Tôi sai rồi, còn oán ai. Người ta là vợ chồng, đã có con cái. Còn tôi... tôi chỉ là một vật thừa”. Cô Thoi hú một tiếng, đồng đánh: “Đã thương thì thương cho trót, đã vót thì vót cho tròn. Đã giữ thì giữ riết luôn, đã cho thì cho dứt”. Tôi bỗng ngượng ngùng, không khóc được nữa. Ừ, đã cho thì cho dứt luôn, sao tôi đã nói hy sinh mà còn tiếc nuối. Nhưng là người có máu có thịt, làm sao bỗng chốc cắt lia? Tôi đâu phải Thánh mà



một phút dứt bỏ nửa cuộc đời... Không, không phải nửa cuộc đời, anh là cả cuộc đời tôi...

Tết năm ấy, tôi sốt li bì, suốt ba tuần rụng gân nửa đầu tóc.

Chiều mồng ba tết, mở mắt ra, thấy anh Phương và Thắm ngồi trước giường. Tôi thở dài, se thắt. Tôi mong gặp một mình anh, một lần. Để tôi mơ ước được mạnh trở lại, được để dành cho anh cái thau sạch, cái khăn sạch, lựa cho anh củ khoai thật bùi thật thơm ăn khuya, đọc sách. Nhưng anh không dám đến đây một mình... Tôi ứa nước mắt nhìn hai vợ chồng - Vàng, họ mới là hai vợ chồng. “Tôi hiểu cả rồi. Hai người không phải lo cho tôi. Cho thằng cu sang đây với tôi là đủ. Có nó là tôi sống được”. Thắm giặt khăn lau mặt cho tôi. “Em thương chị lắm”. Tôi lặng lẽ. Anh Phương không nói gì, cũng chẳng dám tỏ thái độ gì. Tôi cố bình thản, che nỗi xót xa. Tôi mất anh rồi, sự thực đã như thế từ lâu mà giờ này tôi mới bề bàng nhận ra...

Tháng sau, Thắm sinh con thứ hai, lần này là con gái. Cu Nhút về ở với tôi, thằng bé bỗng về theo một con chó con. Căn nhà từng bùng lên vì tiếng trẻ con cười, tiếng chó gâu ăng ăng. Tôi như người sống lại. Thằng bé gọi tôi là mẹ Cả. Tiếng gọi thật ngọt ngào. Tôi rất muốn thằng bé gọi tôi chỉ là “Mẹ” thôi. “Như thế thì cu lắm với mẹ hai. Ba bảo cu: Mẹ cả, mẹ hai, hai mẹ đều là mẹ cả, mà!”. Tôi bật cười. Cu Nhút thông minh y như ba nó. Cái mắt sáng, cái da trắng, cái chân mày nét ngang, tất cả đều là của anh. Mặc thằng bé gọi tôi bằng gì đi nữa, nó vẫn là con tôi. Tôi lại trồng khoai, lại nuôi gà. Lại để dành từng quả trứng. Thằng bé ăn, tôi thấy ngon. Đêm nó ngủ dụi đầu vào lòng tôi. Tôi đã có con, tạ ơn trời, giờ đây tôi không cần gì hơn nữa...

Lại tháng chạp, tôi đến cô Thơi xin cho cu Nhút cái bùa đeo cổ để đeo đi chơi tết. Cô Thơi mới tạc pho tượng ông hoàng đứng trên mây, vừa rước lên bàn, thấp nhang xong thì quay ra thấy tôi. Đưa bùa cho tôi xong, cô bấm quẻ Dịch rồi bảo:

- Chiều lòng chị thì rước cho chị, chứ chị xin nhằm giờ không vong, vật tuy có nhưng mà vô dụng!

Tôi bần khoản về nhà. Ngày xưa, anh Phương thường trách tôi mê xem bói. Anh không biết đó là chỗ dựa tinh thần của những người đàn bà hay bối rối như tôi... Đến cửa, tôi giật mình khi thấy Thẩm. Cu Nhút quần lấy mẹ đẻ, cười rúc rích. Thẩm khẽ khàng thưa gửi:

- Trình chị, em đã cai bú cho bé, nay xin chị cho cu Nhút về ăn tết với em.

Tôi khựng lại, đau đớn. Một lát sau tôi đeo cái bùa vào cổ cho cu Nhút. “Đeo cho em kéo đi đường gió máy. Mà ăn tết xong mong mấy mới cho em về?”

Thẩm không nói, chỉ nhìn tôi, một cái nhìn khó hiểu.

Thằng bé đi rồi, còn lại con chó con luẩn quẩn với tôi. Đã một năm, giờ nó đã choai choai, lảng mướt. Cu Nhút dặn: “Mẹ cả nuôi cẩn thận cho cu”. Bao nhiêu thứ dành cho thằng bé, giờ xẻ hơn nửa cho nó. Thui thủi vào ra, chỉ có nó và tôi.

Từng ngày, tôi chờ con trở về, càng ngày càng trông càng ngóng. Nhiều hôm, nghe tiếng thằng Tèo nhà bên cạnh gọi “Mẹ ơi!” giọng trẻ con sao mà giống nhau, tưởng con về, đang làm gì tôi cũng vút hết chạy ra. Chỉ thấy sân hiên vắng lặng, không một bóng người...

Rằm tháng giêng. Con chó đột nhiên bỏ đi đâu mất. Tôi tìm ngất ngơ quanh xóm chẳng thấy. Lòng cồn cào lại càng nhớ, càng thương cu Nhút. Góp được một chục trứng gà, tôi lững thững đạp xe đi thăm con. Lâu lắm mới đến nhà mới, tôi ngạc nhiên vì nó lạ hẳn so với cái thời hai vợ chồng đến mua. Cây cỏ mọc xanh trong sân, một mái hiên rộng được coi thêm ra, thoáng mát. Tôi từ từ bước, phân vân như đi vào ngôi nhà lạ.

Cu Nhút đang chơi ở hiên sau. Vừa đùa với quả bóng, thằng bé vừa hát. “Trên trời cao có muôn ngàn ánh sao... Nhưng mặt trời chỉ có một mà thôi. Và mẹ em chỉ có một trên đời...”. Thấy tôi, thằng bé reo lên, chạy

ùa vào lòng tôi... Nhưng bỗng nó khựng lại, đưa mắt nhìn vào trong, rồi cầm tay tôi, thở thê: “Mẹ Thắm bảo con, thời này mà còn mẹ cả mẹ hai, nghe cổ hủ lắm. Vậy con gọi bằng gì?” Tôi ôm cái đầu nhỏ bé vào lòng, chỗ có trái tim phập phồng đau đớn. “Thôi thì... Con hãy gọi bằng bác... bác tệt quá, hôm qua đã làm mất con chó Cún của con”. “Ồ, không mất, bác ơi, nó đây này!”. Con Cún từ sau vườn chạy tới, nhảy lon ton, vẫy đuôi rối rít. Ôi, cả con chó cũng bỏ tôi tìm về đây mất rồi!

Bàng hoàng, tôi đứng dậy, bước đi. Rồi bỗng quay lui, tôi dạo một vòng sau nhà, như muốn nhìn tận mắt cái thế giới đang hút về tất cả những gì yêu quý nhất của một đời tôi...

Sau sân, anh Phương ngồi bên vòi nước, đang cúi húi giặt một đồng áo quần đủ loại, đánh đánh chà chà trên sân xi măng. Chưa bao giờ thấy anh trong tư thế như vậy nên tôi sững sờ, ngần cả người không sao nói một lời. Không hiểu sao đã chịu đựng bao nhiêu điều nặng nề, mà giờ đây tôi lại không kham nổi cái cảnh tượng hết sức bình thường thế này? Thắm đang ngồi dỗ con, thấy tôi vào chỉ cười, hất hàm về phía đức ông chồng: “Làm trai, học sầy học sàng. Đến khi vợ đẻ thì làm mà ăn”. Tôi ngần ngại như người mất hồn, lẩn thẩn nói: “Ngày trước ở với tôi, anh ấy chẳng phải động tay tới việc gì. Tôi đi vắng mà trời mưa, anh ấy cũng chỉ lôi giùm tôi cái áo trên dây phơi, chứ cái quần cũng để mặc không hề đụng đến”. Thắm khùng khỉnh: “Em thấy chị ở cũng sạch chứ đâu có bẩn. Mà người quân tử có sợ bẩn thì dùng khoèo mà khoèo, rồi dùng xà phòng mà rửa khoèo cũng được chứ sao?” Tôi cảm thấy như có quả đấm giáng vào giữa mặt, lão đảo, trời đất chung quanh tối sầm. Cố gắng về đến nhà, tôi lăn ra mà khóc, khóc thảm thiết. Láng giềng nghe tiếng hò trời hò đất chạy sang hỏi: “Ai chết thế?”. Tôi không nói được gì, không nghĩ được gì, trong tâm trí chỉ có mỗi một hình ảnh: thần tượng của tôi, vị thánh sống của tôi ngồi chò hỏ giặt đồ bên bể nước. Những bọt trắng xà phòng bay, bay tới tấp, nhận chìm tôi, tức tưởi, mê man..

Lại một lần nữa tôi ốm nặng, tóc rụng lá tả trên gối, nhưng không báo với ai để khỏi ai bận lòng.

Đấy là chuyện đời chồng trước của tôi...

\* \* \*

Người trong xóm cứ tưởng cô Hạnh phen này chết vì đã mấy lần cô bắt chuẩn chuẩn, cấm khẩu. Họ ngạc nhiên khi thấy cô không thuốc men gì mà lại đi đứng như thường. Cô xin về hưu non, cuốc đất, làm vườn, lại sống cái đời cần cù và đậm bạc như thuở nào. Sáng sáng, họ lại thấy cô mua bún bò bung vào ngược con ngõ, những bữa trời mưa lâm thâm cô kéo chiếc nón che tô bún, quên cả che đầu.

Rồi trước hiên nhà lại xuất hiện những cái áo nho nhỏ màu đỏ, màu xanh phơ trên dây. Ai đi ngang hỏi, cô cười hiền lành: “Áo thằng cu. May cho cu mặc tết”.

Nếu ai tò mò đi theo cô vào căn nhà vắng lặng, có thể thấy ngay giữa nhà một bàn thờ đồ sộ mà cô gia công trang hoàng như một cung điện rực rỡ vàng son. Giữa bàn thờ là tượng một người đàn ông đẹp đẽ phương phi, tay cầm kiếm, chân đạp lên mây tầng mây. Có hỏi thì cô thì thầm: “Ông Hoàng Bảy, trấn thủ tỉnh Thừa Thiên”.

Rằm, mồng một, cô chất hương hoa đầy thánh điện của cô, rồi ra nhà bà đồng Thơi lễ bái. Nghe đâu bà đồng Thơi bảo rằng số cô Hạnh không theo ông Phương được trọn đời vì có người âm ứng, mà người âm này vai vế lớn lắm, con thứ bảy của Đức Mẫu, quyền sinh sát cả một giang sơn. Lâu nay, ông với cô Hạnh đã được một con trai ở côi vô hình, mà cô Hạnh đâu có hay.

“Nhờ có Thánh cứu, chứ không thì mấy trận đau, hẳn đã chết trọc óc chứ mô còn tới chừ”. Bà Thơi nói. Cô Hạnh cười, vẫn cái cười dịu dàng, không còn buồn thảm như xưa, mà phảng phất một vẻ mơ màng - Vẻ mơ

màng thường thấy trên gương mặt những người lãng trí. “Sắp tới tháng ba rồi, phải không chị? Tháng ba ni chị cho em đi theo về châu điện Hòn Chén”. Bà Thơi nghe cô Hạnh nói, hài lòng gật đầu. “Ừ, tháng bảy giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ. Lễ hội tháng ba này em cũng nên về châu Đức Mẫu cho phải đạo dâu con”.

Đầu tháng ba, ông Phương bỗng về thăm vợ cũ. Từ đó, người ta thấy ông qua lại luôn. “Năm lần bảy lượt tôi nói với mình, mình dẹp cái trò mê tín đó đi giùm tôi. Vì cái chuyện đồng bóng lẽ bái của mình mà tôi mang tiếng nhiều lắm rồi, dù gì thì mình cũng là vợ cũ của tôi, một hiệu trưởng, một đảng viên...” Cô Hạnh chẳng nói gì, đang lo đặt đĩa khoai luộc nóng hổi lên bàn thờ. Trông dáng vẻ cô ân cần chẳng khác gì trước đây chăm chút cho ông. Cử chỉ đó làm ông Phương thêm bực tức.

“Mình muốn trách khéo tôi phải không? Mình biết là đâu phải tôi muốn thế, chính mình đã muốn hy sinh cho tôi... Tôi xin mình, hãy vì tôi lần nữa...”

Cô Hạnh đã đặt xong đĩa muối chấm khoai, thúng thỉnh ngôi xuống, nhìn ông Phương với đôi mắt rộng lượng như thể từ trên cõi tiên nhìn xuống thế giới nhỏ bé của loài người. “Hôm qua ông đã gặp bà Thơi phải không? Thảo nào bà ấy bảo tôi có muốn quay về với ông thì để bà ấy xin cho cái lễ chẻ đôi chiếc đĩa đồng tiền, li dị với ông Hoàng...”

“Mình đừng giận tôi, thuở ấy người ta còn khắt khe, mình cũng biết hơn ai hết. Giờ đây quan niệm về đời tư cũng cởi mở hơn trước, thỉnh thoảng tôi lại về thăm viếng mình. Để mình thui thui thế này tôi cũng chẳng đành lòng”.

Cô Hạnh nhìn ông Phương một lát rồi cười. Cái cười mơ màng lâu nay vẫn ẩn hiện trên gương mặt cô. “Ông à, thực ra tôi không giận ông. Nhưng chuyện ông nói thì không thể được. Tôi đã vì ông đến nửa đời người, nay ông yên phận rồi, hãy để cho tôi yên phận tôi. Xưa tôi là vợ mình, chỉ biết có mình, nay đã là vợ ông Hoàng, tôi chỉ biết có ông

Hoàng. Tôi đã nói với bà Thôi, tôi không cúng, không chẻ đũa, bẻ tiền chi hết, tôi không bỏ ông Hoàng, vì ông ấy đỡ dẫn tôi khi thập tử nhất sinh, ông ấy không bỏ tôi, không ruồng rẫy tôi bao giờ...”

“Nhưng làm gì có cái gọi là ông Hoàng, làm gì có cái bóng ma ấy, nó chỉ có trong trí tưởng tượng của bà thôi, bà có biết không?”. Ông Phương phát thịnh nộ, không tự chủ được nữa, đập mạnh tay xuống bàn mà nói như quát.

Cô Hạnh đứng bật dậy, run bần bật như bị xúc phạm nặng nề. Hai hàm răng cô đánh cầm cập vào nhau, rồi bỗng cô thình lình vớ lấy cả cái khay ấm chén trước mặt, ném vào người chồng cũ. Đến lúc ấy ông Phương vẫn không nhận ra rằng từ khi bị cô Hạnh bắt gặp ngồi giặt đồ bên ảng nước, trong mắt cô, ông chỉ còn là một tượng thần đã hết linh thiêng.

Người trong xóm thấy ông Phương phóng xe ra ngược con ngõ, áo và tóc ướt từng vạt nước trà vàng vàng, mặt bùng bùng lửa giận. Hai hôm sau, việc đến tai bà Thu. Bà lắc đầu an ủi: “Chị ấy tốt bụng nhưng lý trí không vững nên tâm nó loạn. Trước đã bày ra chuyện phong kiến cổ hủ, nay lại sinh ra trò mê tín dị đoan. Thôi thì mặc ý chị ấy, tôi cũng hết phép”.

Cô Hạnh chẳng quan tâm gì đến ai, cứ vào ra trong ngôi nhà vắng tanh với nụ cười mãn nguyện của một người đàn bà hạnh phúc. Chiều hôm ấy cô thung dung đi chợ chọn mua vải may chiếc áo dài mới để tháng ba này ngược sông Hương trải hội mùa xuân.

Huế, 3-2001  
T.T.M

N G Ô   T H !   Ý   N H I

# Đường chim bay

(SH số tháng 7 - 2001)

- Mẹ nếm thử xem. Con cho thêm một tý đường nữa nhé.

Tôi ngừng tay bên rổ rau sống xanh um cầm lấy thìa nước chấm nhắm nhấp lắng nghe vị vừa chua vừa ngọt vừa bùi bùi tan ra trên đầu lưỡi:

- Một thìa nhỏ nữa thôi con. Ngon rồi đấy.

Văng trán phảng mướt mồ hôi, chùm tóc cột cao gọn gàng, tay cầm thìa lúi húi bên bếp lửa, trông con bé ngoan và nền nã lạ. Tôi lại cúi xuống rổ rau xanh. Nhận không cho tôi mó tay vào món nước chấm. Nó muốn tự tay nó làm lấy kia. “Không, hôm nay con là bếp chính. Mẹ là phụ bếp.” Nóp tuyên bố như vậy khi xách giỏ ra đi với chiếc ví con và một tờ giấy ghi chép cẩn thận các thức cần mua sắm. Dưới vành nón tròn như một bông hoa, khuôn mặt Nhận ngồi lên rạng rỡ, khuôn mặt tỏa ra hào quang hạnh phúc. Tôi giữ đúng vị trí của mình, chỉ loanh quanh lật rau, cắt khế chua thành hình ngôi sao lớn nhỏ hoặc rang giùm con một mớ đậu phộng vàng giòn. Tự tay Nhận làm tất cả. Con bé đang thực tập món bánh khoai mà cả hai mẹ con và cả Nhân cùng ưa thích. Nhận tắt bếp quay sang tôi:

- Xong cả rồi mẹ ạ. Chờ anh Nhân đến mình đổ bánh cho nóng giòn mẹ nhé.

Tôi vẩy rửa rau:

- Con có dọn nó kỹ càng không? Dạo này nó lu bu lắm.

Nhận hơi hoang mang. Con bé thu dọn tất cả chén bát dơ vào cái thau xanh bên sàn nước rồi quay lại:

- Con gấp anh ấy hôm kia. Con dọn kỹ rồi mà.

- Thôi để đó mẹ thu dọn cho. Chạy lại nhắc chừng nó đi. Tiện thể con lấy chiếc cặp lồng về luôn. Chiếc cặp lồng tuần trước xách cháo gà đến cho nó đấy. Nhớ chưa?

Con bé căng môi bên lên quay đi. Tôi lúi húi với mớ chén bát dơ, chùi rửa sàn nước sạch sẽ, thu dọn căn bếp nhỏ gong gàng thơm tất rồi trở ra bày sẵn thức ăn lên chiếc bàn tròn. Ba chiếc ghế chụm vào nhau ấm áp và hạnh phúc. Ba chiếc ly thủy tinh xinh xinh có điểm những bông hoa nho nhỏ đặt cạnh bát nước chấm sóng sánh nổi bật màu men trắng, trên mép chạy một đường viền sắc vàng lấp lánh. Tôi quay sang mở tủ lạnh. Có lẽ hôm nay phải uống một chút bia. Lâu lắm rồi mới có một bữa ngồi lại với nhau ấm áp với nhau thế này. Nhân thì cứ đầu tắt mặt tối khổ sở vì công ăn việc làm. Chưa có gì ổn định. Vẫn những buổi dạy kèm, nhận tạm của công ty nào đó giải quyết những nhu cầu ăn ở chi tiêu trước mắt. Thằng bé tất tả ngược xuôi lo lắng đến phờ phạc. Càng nóng vội lại càng vấp vấp. Nhận chẳng biết làm gì hơn lặng lẽ chăm sóc, lặng lẽ ngồi lại bên Nhân sau những cú va chạm ngoài đời đầy căng thẳng. Bao nhiêu là khó khăn bất trắc khi phải đối đầu với cuộc sống này. Hai đứa quen nhau cũng khá lâu, từ khi Nhận là cô sinh viên năm thứ nhất ngơ ngác trước giảng đường. Nhân học trên nó hai năm nhưng lại hơn đến bốn tuổi. Con bé thủ thỉ giải thích với tôi:

- Tại nhà nghèo quá đó mẹ. Anh ấy đậu đại học ngay lần thi đầu tiên nhưng không có đủ tiền... phải xoay xở mãi.



Nhân cùng quê hương với mẹ con tôi, một thân một mình nơi đất khách. Một lần bệnh nặng sốt li bì tôi đã theo con gái vào ký túc xá thăm và quyết định đưa Nhân vào bệnh viện. Năm học cuối cùng của Nhân. Còn ba tháng nữa trình luận văn tốt nghiệp. Chắc thằng bé làm việc quá sức lại ăn uống quá kham khổ. Cứ nhìn khuôn mặt xương xương xanh mướt mà già trước tuổi của nó tôi không khỏi chạnh lòng. “Một chàng trai đầy nghị lực” tôi nhủ thầm như thế và trong thâm tâm hoàn toàn tán thành mối quan hệ hai đứa. Kể ra thì chúng đã nặng lòng với nhau. Cứ nhìn cách con gái lo lắng mọi thứ cho anh chàng kia nhập viện thì rõ. Kỳ lưỡng từ chiếc áo, chiếc khăn tay cho đến lọ dầu hộp thuốc, chiếc ly con đặt ngay ngắn trên đầu giường.

Nhận hai mươi tuổi... Hai mươi tuổi của tôi đầy nước mắt kia. Rời bỏ gia đình, quê hương một thân một mình đầu đón bơ vơ... Tuổi trẻ của tôi tàn lụi đi để bây giờ con tôi vươn dậy tràn trề sức sống. Tôi không ân hận, không tiếc nuối. Tôi đã mất tất cả để ngày nay có con trên cõi đời này. Và con tôi hạnh phúc. Tôi cũng đã âm thầm vun vén cho hạnh phúc của con. Đôi mắt biết ơn của con đã nhìn tôi đầm đẫm rồi quay đi giấu giọt nước mắt khi tôi quyết định đưa Nhân về giao hết căn gác cho nó lo chuyện học hành, chăm sóc từng miếng ăn giấc ngủ như lo cho đứa con thứ hai của mình. Nhận xuống nhà dưới ở với tôi. Bà con láng giềng đi ra, đi vô có người thắc mắc:

“Cô cho sinh viên thuê nhà?” Tôi chỉ ậm ừ qua quýt. Tôi không thể bỏ mặc Nhân trong tình trạng sức khỏe như vậy được. Phải có một điều gì vượt lên trên nền luân lý khắt khe. Đó là tình người. Chẳng phải nhờ vào tình người mà mẹ con tôi có được ngày hôm nay đó sao. Ngày ấy, khi tôi tứ cố vô thân bụng mang dạ chửa chính cái xóm nhỏ này đã mở rộng lòng ra bảo bọc mẹ con tôi. Vả lại, Nhân tỏ ra rất dè dặt và chùng mịch. Tôi cũng khá an lòng. Chỉ chừng một hai hôm sau khi tốt nghiệp Nhân đã thẳng thắn xin tôi đi ở chỗ khác. Mắt tôi chạm phải tia nhìn sáng lấp lánh của Nhân:

- Con nghĩ như thế tốt hơn cho cả hai đứa bác ạ. Con sẽ kiếm việc làm, một việc làm thật chắc chắn và bảo đảm tương lai. Hai năm nữa em Nhận ra trường, con đã vững vàng, khi đó ba mẹ con sẽ vào xin thừa chuyện với bác.

Tôi nhìn con gái. Khuôn mặt nó đỏ nhừ, đầu hơi cúi xuống, bàn tay mân mê chiếc nhẫn bạc lấp lánh trên ngón tay áp út. Tôi quay đi ứa nước mắt. Nhận đã có một tình yêu, một tình yêu đẹp như thế, trong sáng như thế. Một tình yêu mà thời con gái tôi đã không hề may mắn...

... Người ta đồn rằng trong thư viện có một “thiền sư”. Ngày ngày những ai đi qua khoảng sân rợp cây xanh đó, ghé mắt nhìn vào ô cửa sổ của phòng đọc sách đều thấy một bờ vai cúi xuống chăm chú miệt mài. Anh ta không hề chú ý đến ai nhưng lại bị người khác chú ý. Rồi không biết từ đâu, biệt danh “thiền sư” được gán cho anh. Một nhóm sinh viên năm thứ nhất, tập tễnh làm quen với giảng đường hỗn nhiên và nghịch ngợm đã ngầm anh làm mục tiêu cho những trò đùa cợt vô tư của mình.

Hồng tóc tím, răng khểnh, chóp mũi rất “tây” nổi tiếng nghịch ngợm và táo bạo đã nhận lời đánh cuộc sẽ cửa đồ “thiền sư”. Những ánh mắt chăm chú của phòng đọc sách lặng lẽ ngước lên ánh một nét cười khi Hồng đi qua tiến về chiếc ghế đối diện “thiền sư”. Hơn nửa tháng trời như thế. Đúng ra thì thỉnh thoảng anh chàng cũng có nhìn lên nhưng vẫn ánh mắt thờ ơ “nhìn mà không thấy”. Một bữa khi đánh bạo hỏi mượn cây bút vì “lỡ” để quên Hồng đã nhận được một dòng chữ: “Tôi chỉ có một cây duy nhất”. Thế này thì hơi quá đáng. Cả bọn phá lên cười khi hay chuyện và quyết định trả đòn bằng cách tặng anh ta một cây bút có khắc tên anh chàng hằn hoi. Hôm sau, vì phải loay hoay với món quà tinh quái kia Hồng đến muộn. Nhận vốn chui ra từ sách vở không hề hay biết gì về “chính sự” đang xảy ra ngơ ngác bước vào phòng đọc sách và tiến về phía chiếc ghế bỏ trống kia. Ngơ ngác vì đây là lần đầu tiên con bé vào thư viện. Chỗ ngồi với khung cửa sổ đối diện kia đã cuốn hút

Nhận. Một khoảng trời xanh lá xanh mượt còn non nẻo quá. Con bé cúi xuống trang sách. Cuối giờ, Nhận trả sách mắt thoáng buồn vì phí hoài một buổi sáng chẳng thu nhận được bao nhiêu. Khi quay người ra cửa con bé bắt gặp một nụ cười thân thiện:

- Cuốn sách em đang đọc hơi cao. Khó đấy, mới bắt đầu nên chọn những sách đơn giản hơn.

Nhận hơi ngơ ngác rồi bỗng mỉm cười vì chợt nhận ra đó là anh chàng ngồi đối diện với mình. Nhân, “thiền sư” đó chính là Nhân thân nhiên sống đôi cùng Nhận đi ra cổng. Và cũng rất tự nhiên như thế hôm sau Nhân chờ Nhận trước phòng đọc cùng lật thư mục, hướng dẫn, giới thiệu một số sách nhiệt tình thân thiết như một người anh. Nhóm bạn bè tinh quái kia ngơ ngác. Một cô rút ra kết luận như một triết gia:

- Chỉ là vấn đề tâm lý. Hẳn ta đã quá quen với sự có mặt của Hồng rồi. Rồi giống ông vua gì đó ngán ngẩm cao lương mỹ vị lại thêm thử mắm “đại phong”.

Hồng hơi nhường mắt:

- Nhưng có ai thích ăn mắm cả đời không?

Thật ra Nhận không hề biết điệu đàn sửa soạn. Trông con bé cứ hồn nhiên như từ sách vở chui ra rồi choáng ngợp trước mối tình bất chợt. Tim tôi hồi hộp theo từng bước đi của con gái...

Tôi liếc đồng hồ sốt ruột nhìn ra cửa. Anh chị chuyện vãn gì mà lâu thế nhỉ. Bước lên gác tôi định kiểm việc gì đó giết thời gian. Trên bàn học sách vở quăng bừa bãi lung tung. Thế này là chưa được đâu nhé cô con gái tập tành làm người lớn, tập tành làm phụ nữ đảm đang. Tôi thoáng mỉm cười bước đến tính giúp nó một tay nhưng lại ngần ngại. Giấy tờ bài vở của con. Đạo này căng lắm! Sắp ra trường đến nơi rồi. Một mẩu giấy nhỏ nào đó biết đâu lại vô cùng quan trọng đối với con nếu chẳng may lạc mất. Tôi ngồi xuống chiếc ghế Nhận thường ngồi tì tay lên

trang sách đang mở chống cằm ngó mông lung. Năm cuối cùng chấm dứt cuộc đời sách vở của tôi cũng thế. Một chiếc bàn con lung tung bài vở, một mớ chữ nghĩa vô hồn, tôi ngồi đầu óc mụ mẫn. Rốt tú tài, mọi ước mơ tan tành vì một mối tình đầu điên đảo.

Cúi xuống trang sách của con, những chữ, những số, những kí hiệu lẫn vào nhau làm tôi hoa cả mắt. “Anh ấy không nhìn thấy mình... không nhìn thấy mình...”. Cái gì thế này? Một góc giấy ló ra. Tôi vỗ lấy như người háu đói. Không phải nhật ký. Chỉ là một mẫu giấy ghi nhăng nhít. “mình đẩy cửa vào hiệu sách và mắt mình chợt sáng lên. Cứ giác quan thứ sáu. Anh ấy! chỗ nào có anh ấy mắt mình cũng sáng như thế đầu trong đám đông hàng trăm người hỗn độn. Hiệu sách cũng tấp nập đông đảo nhưng anh ấy vẫn tỏa sáng, vẫn chói ngời dưới mắt mình. Đầu anh đang đứng trong góc sau mấy quầy sách chất cao. Anh cúi xuống một bìa sách xanh đen, nhìn một lát, cho sách vào chỗ cũ rồi bước đi. Mình thích vỗ như lựa chọn. Cứ thế, tiến dần, tiến dần về phía anh. Để xem, cự ly bao nhiêu thì anh nhận ra mình nhỉ? Anh ngừng lơ đãng nhìn quanh như thần thờ như bận suy nghĩ điều gì đó. Có lẽ tính toán món tiền sắp bỏ ra chẳng? Tia nhìn ấy lướt về phía mình nhưng không nhìn thấy mình. Hơi buồn một chút. Những bước chân lại bước lần về về nhau bước... từng bước... trái tim mình đập rộn như buổi ban đầu hiểu được những gì ẩn chứa trong đôi mắt đắm say sâu thẳm thẳm ấy. Anh lướt qua mình. Mắt lơ đãng nhìn rồi lơ đãng quay đi. Anh ấy không nhìn thấy mình... không nhìn thấy mình... Không, đúng hơn là anh nhìn mà không thấy. Ánh mắt ấy... như ánh mắt anh đã nhìn Hồng ngày xưa. Sao thế? Mình cũng giống như Hồng ư? Không, ngay từ buổi đầu tiên trong thư viện không cần ngừng lơ anh ấy vẫn nhìn thấy kia mà. Trước mắt những cuốn sách đỏ xanh lẫn nào lẫn vào nhau như muốn nhòe đi... Mẹ ơi! Bây giờ con hiểu vì sao những lúc buồn người ta cứ phải viết ra...”

“Mẹ ơi!” tôi nghe nhói trong lồng ngực. Hai mươi mấy năm rồi lòng

tôi vẫn thèm. Tại sao những khi khốn khó con tôi cứ bật lên gọi mẹ? Những đứa trẻ có một mái gia đình toàn vẹn có gọi thế không? Tôi nhớ đến khuôn mặt trắng bệch của con với tiếng gọi thất thanh hết hoảng “mẹ ơi!” vào cái lần... Đó là lần đầu tiên ngồi vào máy may của tôi tập tành may vá. Nó lúi húi gò lưng đập từng đường chỉ. Trục máy quay đều và khi đưa tay lùa mép vải, cây kim vô tình hạ xuống đâm ngấp vào ngón trỏ.

“Mẹ ơi!” Tôi giật bắn người quay lại bắt gặp đôi mắt mở to bất động của con. Chẳng biết bằng cách nào cây kim được rút ra. Tôi nắm lấy ngón trỏ máu còn nhỏ giọt. Mái đầu con gục vào ngực tôi và chỉ khi hít một hơi dài mùi mồ hôi quen thuộc của tôi con bé mới bật thành tiếng khóc. Tôi đặt tờ giấy xuống bàn, chống lên trên một cuốn sách để xóa đi nỗi u ám đang đè xuống lòng tôi. Vớ vẩn! chỉ là trò vớ vẩn thôi mà.

Có tiếng mở cửa. Nhận đã trở về. Tôi bước xuống thang gác. Con bé không nói gì, mở tủ lạnh rồi đứng im sững sờ. Tôi lạ lùng nhìn con. Bóng đèn vàng nhỏ xíu trong tủ hắt ra một vùng sáng yếu ớt. Khí lạnh toát ra theo làn hơi mỏng manh. Nó tìm gì vậy? Tự nhiên một nỗi lo sợ tràn ngập cả lòng. Tôi run giọng:

- Nhận!

Con bé không quay người lại, đứng sững sờ như đã đóng thành băng. Tôi bước xuống đặt tay lên vai con xoay người nó lại:

- Chuyện gì vậy? Nhân đâu?

Trên bờ môi cong cong của nó lấm tấm mấy giọt mồ hôi, đôi mắt mở lớn ngơ ngác:

- Anh ấy không đến đâu.

- Nhưng chuyện gì? Chuyện gì?

- Con gặp... gặp... Con thấy... thấy...

Con bé khổ sở lấp bắp, hai tay xoắn vào nhau. Một bàn tay cứ mân mê,

vuốt ve mũi ngón áp út. Tôi nhìn xuống. Chiếc nhẫn bạc không còn ở đó. Giọng tôi đanh lại dứt khoát:

- Nó nói gì với con?

Một tiếng nấc khan không nước mắt. Nhạ nhìn sưng bức tường vô hồn trước mặt không trả lời tôi. Tôi cũng không chờ câu trả lời khủng khiếp đó. Tựa lưng vào tường tôi buông lỏng đôi tay. Sự uất ức bóp nghẹt trái tim tôi. Khi lấy lại nhịp thở điều hòa tôi thấy Nhạ không còn ở đó. Cánh cửa tủ lạnh đã đóng im ỉm tự bao giờ. Con tôi đâu? Từng bước một tôi leo lên gác ngập ngừng như người phạm lỗi. Phải chăng có một phần trách nhiệm của tôi trong việc lựa chọn này. Tôi đã theo sát con tưởng mình từng trải khôn ngoan lắm. Bên chiếc bàn bừa bãi sách vở giấy tờ, Nhạ ngồi kia, trang sách mở rộng. Một tay tì lên vầng trán. Tôi bước từng bước nhẹ nhàng. Nhạ vẫn lặng im bất động, đầu hơi cúi xuống như những đêm mài miết học hành. Nhưng trang sách mở rộng mà không hề được lật qua. Một trang sách vô hồn. Chỉ hơn tiếng đồng hồ trước đây thôi con tôi là người con gái tràn trề hạnh phúc. Tôi thêm được ôm con vào lòng. Tôi thêm được vuốt ve con. Nhưng cái dáng ngồi nghiêm nghị kia làm tôi chùn lại. Tôi quay đi, bước xuống nhà. Chiếc bàn ăn vẫn còn đó, gọn gàng và thơm tất. Ba cái ghế, ba cái ly, ba cái chén... Những lá rau xanh, những lát khế hình sao... Tất cả những hạnh phúc và đau khổ sao gần nhau đến thế? Con tôi! Liệu con tôi có chịu đựng nổi không? Thêm một lần nông nổi! Ngoài bốn mươi tuổi rồi tôi vẫn còn nông nổi. Và lần này tất cả đổ ập xuống con tôi. Chỉ còn mấy tháng nữa con tôi ra trường. Học hành, thi cử, làm sao con vượt qua? Lòng cồn cào như lửa đốt tôi lại leo lên từng bậc thang. Quay lại với mẹ đi con... gục đầu vào lòng mẹ đi... hay cứ hét lên “mẹ ơi” rồi bật khóc. Như thế sẽ nhẹ nhàng hơn. Con mau nước mắt lắm kia mà. Ngày xưa mẹ chỉ mới đưa roi lên mà con đã hoảng hốt giọt ngắn giọt dài. Giờ đây đành bất lực đứng nhìn cuộc đời thẳng tay quật xuống đời con những lần roi

chát chúa. Tôi cúi xuống gần con. Hơi thở tôi mơn man mấy sợi tóc sau gáy nó. Nhận quay người lại, ngược đôi mắt tội nghiệp nhìn tôi, đưa tay quạt những giọt mồ hôi lấm tấm trên vành môi cong cong của nó:

- Không sao đâu mẹ.

Tôi vội quay đi vì sợ chính mình sẽ là người bật khóc.

Khi đã ngồi yên trên tàu tôi vẫn không tin mình đang đưa con trở về quê hương. Ngày tôi bỏ Huế ra đi... Chiều hôm trước tôi thơ thần như kẻ mất hồn. Cành khế sau vườn lấm tấm hoa rụng vào thành giếng. Tôi soi bóng mình vén tóc ngấm một mảnh trời xanh và ngạc nhiên sao bầu trời có thể xanh đến vậy. Tôi gởi vào lòng giếng giọt nước của tôi. Giọt nước mắt của người con gái sắp bỏ nhà bỏ xứ mà đi. Lâu lắm rồi không trở lại. Quê nhà ra sao? Thành phố của tôi ra sao? Tôi thêm được trở về, bình tĩnh trở về ngủ một đêm thật an lành trong căn phòng nhỏ có ô cửa mở ra mấy cây măng cầu, cây khế, nằm nghe Huế thấm vào da, vào thịt, vào hơi thở ấm nồng. “Thấy chim hồng nhạn bay đi.” Hơn hai mươi năm rồi đêm đêm tôi nằm kể con nghe về vùng đất ấy, thành phố ấy. Tiếng ru hời ngọt ngào da diết lắng vào trái tim non nớt của con. Cho đến khi nó gặp... gặp... Đúng là giọng nói quê hương đã rót vào lòng nó. “Quê anh ở Truồi, em biết không, dẫu Truồi ngọt có tiếng.” Con bé đỏ mặt quay đi. Tội nghiệp con! Nhận đã tập tành mơ ước trở thành một chùm dâu Truồi ngọt lành thơm thảo. Từ vết thương đầu đời đó tôi đau đớn không dám nhắc với con về thành phố đắm chìm trong nỗi nhớ của tôi. Tôi nhìn con gái... Mấy tháng sau đó tôi cứ lén lén nhìn con sợ một cái gì ập đến, sợ sức chịu đựng của con nữa chừng không kham nổi. Sự im lặng đầy nhẫn nại của con đáng sợ hơn những dòng nước mắt. Nước mắt thường làm người ta nguôi đi dễ dàng. Nhận cứ đi về, lặng lẽ khô gầy dần như một cành giũa ngày đông tháng giá. Tôi âm thầm lo sợ khi thỉnh thoảng bắt gặp những phút giây ngơ ngác trong đôi mắt con. Cái ngơ ngác đến tội nghiệp như vẫn chưa tin những gì xảy ra là có thật trên cõi đời này.

Và từ đôi mắt ấy chảy ra những giọt nước mắt như những giọt ngọc trong veo lấp lánh khi con ôm chầm tôi nghẹn giọng: “Con đổ rồi, mẹ ạ.” Nó đã đổ, và là một trong những sinh viên đổ đầu của khóa. Nước mắt tôi cũng ràn rụa khi nhìn ngắm đến say sưa nụ cười như búp hoa đầu tiên báo tin xuân nở bùng trên khuôn mặt xanh gầy ấy.

Nhận từ tay lên ô cửa toa tàu nhìn mung lung như suy nghĩ điều gì rồi bỗng nhiên quay lại nhích gần tôi hơn. Nó cúi đầu, khuôn mặt đỏ lên nhỏ giọng:

- Bữa trước ôm hồ sơ đi xin việc con gặp Nhân mẹ ạ.

Một cái gì đó đâm vào ngực làm tôi quay quắt người lại. Nhận ngược lên nhìn vào mắt tôi:

- Tụi con đi uống nước.

Cái gì xảy ra đây? Con bé này điên mất rồi. Trắng đen đã rõ thế mà còn tiếp tục lao vào ư? Tôi chẳng biết phải nói với con thế nào. Nhận lúng túng một chút, ngập ngừng một chút:

- Buồn cười thật mẹ ạ. Anh ấy đưa con vào đúng cái quán nước ngày xưa ngồi đúng cái ghế ngày xưa...

Giọng tôi run lên hần học:

- Ngày xưa... ngày xưa... Con muốn nói ngày xưa nào? Ngày mẹ con mình cứu mạng nó hay ngày nó dứt tình dứt nghĩa với con?

Nhận im lặng. Cái im lặng nặng nề như đá tảng đè lên trái tim tôi. Đôi rèm mi cong cong khe chớp, con bé ngược nhìn tôi chậm rãi:

- Ngày xưa nào thì cũng đã là ngày xưa mẹ ạ.

- Thế thì hiện nay nó muốn gì?

- Anh ấy muốn xem con như một đứa em gái.

Tôi không tránh được một tiếng cười gằn khinh bỉ. À, ra thế! Tôi sinh con gái ra để khi thích thì người ta nói chuyện yêu đương thế hẹn, khi không thích thì chuyển sang tình cảm bè bạn anh em. Người ta có quyền



lột bỏ đi nhãn hiệu này để dán lên nhãn hiệu khác tùy lúc tùy thời. Mọi chuyện sao đơn giản dễ dàng đến thế. Rồi mai mốt từ bức bình phong anh em ấy ai biết gã con trai kia tính toán những gì. Nhận đặt tay lên đôi bàn tay khô gầy run rẩy của tôi. Làn da non nẻo mịn màng ấm áp của con làm tôi bình tĩnh lại:

- Anh ấy bây giờ vững vàng lắm, quen biết nhiều lắm. Anh ấy xem hồ sơ của con, đòi giữ lại để nộp cho một nơi mà anh hứa chắc là gọi gấm được.

Tôi nghe hơi thở mình dồn dập. Lòng cao thượng! Chưa chát thật! Hẳn ta cũng cao thượng đấy chứ. Sau khi thẳng tay đập vỡ tất cả ước mơ hoài bão của con tôi hẳn quay lại bằng thái độ ban ơn kẻ cả. Mấy ngón tay Nhận xiết lấy bàn tay tôi. Nó hất mái tóc từ tốn:

- Con bảo đâu cần phải thế.

Tất cả những dây thần kinh trong người tôi như cùng dẫn ra một lượt. Tôi thở ra nhẹ nhàng chậm rãi sợ hao hụt một phần niềm sung sướng đang dâng ngập hồn tôi. Nhận khẽ tựa đầu vào vai tôi. Tôi lùa tay mình vào mớ tóc xanh dày của con. Gần hai năm trời đối mặt với cuộc đời với bao bất trắc. Cầm tấm bằng đi xin việc trong thời buổi kinh tế khủng hoảng này. Chỗ này dăm tháng thì thay đổi nhân sự; chỗ kia ba tháng công ty giải thể vì thua lỗ. Các công ty lần lượt mọc lên rồi lần lượt biến đi. Chính cơn lốc việc làm này đã cuốn mất Nhân. Một đứa bạn của Nhận đến nhà đã to nhỏ kể tôi nghe rằng Nhân được bố của Hồng đỡ đầu để nhận một chỗ làm đầy hứa hẹn. Hai đứa đã chính thức đính hôn. Thế là cây bút có hàng chữ lấp lánh năm xưa lại trở về nghiêm nghị trên túi áo gã con trai như chứng tích một tình yêu chân chính. Tôi ngao ngán. Chẳng lẽ lớp trẻ bây giờ học hỏi hai chữ tình đời sớm đến vậy sao? Và cả Nhận của tôi. Nó băng mình vào thế giới xa lạ mà tôi không thể nào với tới. Tôi có cảm tưởng mình chẳng hơn gì bà mẹ quê mùa hai sương một nắng ngày ngày nhìn con cắp sách đến trường không hiểu người ta dạy những gì, con mình học được những gì và bị ai bắt nạt hiếp đáp trong thế giới xa lạ kia. Tiếng Nhận bên tôi thật gần gũi:

- Sách vở dạy con rằng đường thẳng là đường ngắn nhất. Bây giờ thì con hiểu với cuộc đời thì điều ấy không đúng đâu mẹ ạ. Đường thẳng không phải là đường ngắn nhất nhưng nó vẫn là con đường đẹp nhất.

Tôi xiết lấy con nhẹ nhẹ như nâng niu như mơn trớn. Trước khi nhận một việc làm mới Nhận đòi tôi đưa nó về quê ăn tết. Một chuyến đi tôi không hề nghĩ đến. Tôi nhìn con, chẳng hiểu những gì xảy ra trong lòng Nhận. Lòng vị tha, lòng kiêu hãnh hay chính niềm tin yêu vào tất cả những gì đẹp để vẫn hiện hữu trên cõi đời này. Và phải chăng tiếng gọi huyền bí thăm thẳm của quê hương vẫn khôn nguôi giục giã con tôi.

Tiếng người xôn xao làm Nhận bừng tỉnh. Con bé đưa tay vén tóc chợt nhớ ra chiếc cặp tóc đã để quên trong chiếc xách gác trên kệ. Tôi đứng dậy với tay kéo dây kéo, thò vào trong lục lọi. Cách ba dãy ghế ngồi tôi bắt gặp một vóc dáng quen quen cũng đang cúi húi xoay xở gác chiếc xách bằng da đen bóng. Khổ người cao, vai rộng, chiếc áo sơ-mi xám nhạt kéo căng theo cánh tay với. Một đầu tóc hót cao và cặp kính. Khi cặp kính quay lại hướng về tôi, bàn tay tôi tự buông rơi chiếc cặp tóc vào lòng Nhận. Tôi quay ngoắt đi để thấy khuôn mặt sưng sờ của con gái cũng đang hướng về phía anh ta. Tôi ngả người xuống ghế úp bàn tay lên khuôn mặt nóng bừng. Tiếng còi tàu thét lên. Toa tàu rung động nặng nề rồi chuyển bánh. Tôi nhìn ra ô cửa. Một bóng người vội vàng nhẩy xuống, chiếc xách da đen nặng trĩu trên tay. Vấp phải cái gì đó anh ta chúi mình suýt té rồi cứ thế, đầu cúi thấp hấp tấp lúi lũi như người chạy trốn. Tôi nghe mắt mình cay sè. Vóc dáng ấy quá quen thuộc. Dáng ngồi ngay ngắn trước trang sách mở rộng, bàn tay đỡ lấy vùng trán thông minh. Cái dáng ngồi của những người quen viết ngay số thẳng. Tôi quay sang con gái. Nhận tì tay lên thành tàu, mắt hoe hoe đỏ. Và trên rèm mi cong cong của nó ánh mặt trời mùa xuân chệnh chểch chiếu vào lấp lánh, lấp lánh giọt sương mai thuần khiết.

N.T.Y.N

# Nửa đêm về sáng

(SH số tháng 2 - 2001)

Mẹ tôi sinh tôi vào mùa nước cường. Sông Duêngh như chỉ còn mỗi một bờ. Sóng nước bập bênh vỗ vào bậc đá trước ngõ nhà tôi. Ban đêm nhìn qua cửa sổ bắt gặp những ánh lân tinh xanh rợn nháy nhót trên những bụi dứa dại có hình thù kỳ dị.

Tôi ở với người mẹ âm thầm trong căn nhà lá cũ kỹ, chứng kiến bao nhiêu là đêm sông Duêngh nước cường như thế cho đến ngày vào bộ đội. Vậy mà tôi trở thành một người sợ hãi sông nước.

Con người ta sợ hãi cái gì thì sẽ gặp cái ấy, cho dù anh cố tình tránh né. Có lẽ đó là sự sòng phẳng bí ẩn của cuộc đời. Câu chuyện tôi sắp kể xảy ra khoảng chừng 20 năm sau ngày nỗi sợ sông nước chiếm lĩnh tâm hồn tôi và trọn 49 năm kể từ đêm đầu tiên tôi nhìn thấy sông Duêngh đầy mảnh vụn lân tinh.

Cái nghề lái xe ôm cho tôi nhiều cuộc gặp ngẫu nhiên. Những cuộc gặp thoáng qua, nhạt thếch rồi biến mất, dành chỗ cho những cuộc gặp gỡ khác cũng thoáng qua, nhạt thếch rồi biến mất. Cứ thế... Có điều không có nó tôi không có tiền là một nhẽ, nhẽ khác cứ thấy trong lòng

trống hoang. Bởi thế, đêm ấy tuy người ngấy sốt tôi vẫn ra ga chờ chuyển tàu nhanh từ Hà Nội vào. Cánh xe ôm như một đàn ruồi bay vù vù đến trước cổng nhà ga khi còi tàu hú lên những tiếng thảng thốt.

Tôi là kẻ đến sau cùng. Nghĩ sẽ phải về không. Đang định quay xe thì có ai đặt tay lên vai tôi. Một bàn tay nặng trĩu, nóng hổi. Tôi quay lại. Cần phải nói thêm là đêm ấy se lạnh, lất phất mưa nhưng bóng đêm mịn màng trong trong còn nền trời thì sạch sẽ bóng bệnh một mảnh trăng lưỡi liềm nom nhợt nhạt đến phải rùng mình. Người đặt tay lên vai tôi to lớn, một màu đen, không nhìn rõ khuôn mặt vì cái mũ vải người ấy sùm sụp. Nghề nào cũng dạy con người biết phản xạ hợp lý, tôi vốn vã:

- Bác cho em phục vụ bác. An toàn, tiện lợi, giá cả phải chăng.

Giọng tôi mềm mại, ngọt xớt.

Người mặc đồ đen đó không đáp, nhìn tôi từ đầu tới chân. Tôi biết vậy vì hai đốm sáng dưới tán mũ vải chuyển động.

- Xe em nom xin màu, nhưng máy móc tuyệt vời - Tôi nói.

Người đàn ông đẩy vào vai tôi:

- Đi! Đi đến đâu biết đến đó, hỉ!

Tôi băn khoăn:

- Hành lý của ông đâu?

- Không có.

- Tức là...

- Sao lại phải có hành lý hả?

Giọng ông bức bối:

- Mà anh lắm lời thế. Tôi dặn không hỏi han trên đường đi.

- Mẹ kiếp! Tao đếch cần chuyện trò với mày, tao chỉ cần tiền.

Tôi nghĩ bụng và nói:

- Vâng. Tôi hiểu. Không chuyện trò, không hỏi han.

Thế là tôi im lặng leo lên xe. Đuôi xe trĩu xuống. Tôi nghe tiếng lò xo giảm xóc rên cọt két. Con người kia nặng biết bao nhiêu là ký lô. Tôi gài số 1 mà ì ạch mãi xe mới vào đà. Ánh đèn pha phát ra một luồng sáng trắng chảy dọc mặt đường nhựa loang loáng nước. Ra khỏi phố ga, bốn phía chung quanh tôi bóng đen dày đặc, mịt mù. Có khi tôi ngỡ như người ngồi sau tôi đang nín kéo xe, lại có khi cảm thấy người ấy đã biến mất. Tôi cất tiếng hỏi, cốt để nghe chính tiếng nói của mình:

- Ông làm nghề gì?

Hình như ông áp sát vào lưng tôi. Hơi thở ông lạnh lẽo phả vào tai tôi:

- Chèo đò ngang. Hai mươi năm có lẽ, chèo đò.

Gió đánh tiếng ông tan hút vào màn đêm, lúc này lờn vờn sương mù màu sữa.

Tôi băn khoăn:

- Chèo đò sao lại về Núi Đá?

Ông ta không đáp. Tôi im lặng. Máy xe khắc khừ hình như nó đang leo dốc.

Bây giờ trước mắt tôi sừng sững một dãy núi đá. Nhỏn núi cao nhất chọc thẳng vào mảnh trăng lưỡi liềm. Đường viền của nhón núi ấy và mào núi khắp khểnh của dãy núi ấy có màu tím tái. Sỏi lạo xạo dưới bánh xe. Thỉnh thoảng một viên sỏi bật vào ướm nhựa kêu tanh tách, hai bên đường loi phoi những cái ngọn cây màu đen run rẩy hết những bàn tay trẻ con. Trên sương núi có những hình khối kỳ dị. Đây đó le lói ánh lửa và tiếng cú rúc rờn rợn.

- Rẽ phải. Ông nói.

Tôi bẻ lái. Bên trái tôi là một dòng sông., mặt nước lóng lánh. Tôi giật nảy mình, mồ hôi lạnh toát lên ngực. Xe loạng choạng suýt ngã. Đúng lúc đó ông hét lên:

- Rẽ phải.

Tôi quành tay lá. Dòng sông biến mất. Chúng tôi lọt vào một con đường nhỏ, những tán lá cây, chẳng hiểu cây gì, đan cài thành vòm trên đầu. Có tiếng rì rầm như tiếng người trò chuyện trên vòm lá cây ấy:

- Dừng lại - Người đàn ông nói.

Tôi giảm ga, giảm phanh. Bánh trước của xe chạm vào cánh cổng sắt. Có tiếng bước chân đằng sau cánh cổng ấy nhưng không thấy bóng người nào. Tôi đặt chân lên mặt đất, cảm thấy cái ẩm ướt dưới đế giày.

Người đàn ông rút trong áo ra một chùm chìa khóa, không biết bao nhiêu là chiếc, rồi đi đến bên cánh cổng. Tiếng chìa khóa va vào nhau lanh canh.

- Mời vào.

Ông ta nói và kéo chiếc mũ vải xuống thấp hơn. Rõ ràng ông ta cố ý giấu mặt. Một cái gì ấy cứ cựa quậy trong tâm can tôi. Tôi muốn nó hiện thành hình hài nhưng vô ích. Tôi cẩn rằng dắt xe theo ông dọc lối ngõ lát đá. Hết lối ngõ là cái sân rộng, cũng lát đá. Ba phía sân cây cối um tùm. Phía còn lại là bậc tam cấp của một tòa nhà không biết bao nhiêu là tầng, cao hun hút. Bất ngờ một đốm lửa lóe lên trong nhà rồi cái gì đó sáng bùng lên như là bóng điện, như là đèn măng sông. Khoảnh khắc sau, cánh cửa của cái khung vòm mở toang và một con người, chắc là đàn bà vì mái tóc xõa tung xuống vai, hiện ra. Bộ quần áo màu trắng người ấy mặc trên người trong ánh sáng từ trong nhà chiếu ra, run rẩy như làn sương khói. Người đàn ông và người đàn bà nói gì với nhau tôi không nghe rõ. Đột ngột người đàn bà biến mất! Người đàn ông quay về phía tôi, nói:

- Vào nhà, uống với nhau chén rượu cuối năm.

Người đàn ông lăm lăm, tôi cảm thấy có cái gì đó bí ẩn, người đàn bà thoát ẩn, thoát hiện như một bóng ma và cái khoảng trống hun hút chập chờn ánh sáng trắng... gây nên trong tôi nỗi e sợ mơ hồ và từng chút một, nỗi e sợ ấy cứ kích thích trí tò mò của tôi.

Tôi bước vào nhà. Không khí lạnh như lòng núi đá và có mùi hương gì thơm ngọt như hương trầm. Ngoài một bộ bàn ghế căn phòng chẳng có một đồ vật nào khác. Phía trái nơi bức tường xiên xiên như sắp đổ có một ô cửa hình chữ nhật. Tôi giật thót hai bên mạng sườn bởi một cảnh tượng lạ lùng hiện sau ô cửa ấy. Đó là một khối sương mù dùng đục màu sữa đang tan loãng dần; ở những nơi sương mù tan loãng đó nhấp nháy ánh lân tinh xanh lè. Ngỡ như tôi đang nhìn qua ô cửa chiếc tàu thủy buông neo giữa biển khơi vậy.

- Đây là đâu?

Tôi thốt lên, giọng run rẩy vì nỗi e sợ đã biến thành nỗi sợ hãi dâng lên nghẹn cổ.

- Là cái hang đá. Anh không thấy nước rỉ theo vách đá đó sao? Không nghe tiếng vọng của giọng mình sao?

Tôi quay trở, rồi hỏi:

- Còn cái cửa kia?

- Mở xuống sông.

Tôi đứng phắt dậy, vội vã:

-Tôi xin ông được về.

Ông ta nhìn xói vào tôi, rồi móc túi lấy ra một xấp bạc dúm vào tay tôi. Tôi chạm vào bàn tay lạnh lạnh của ông và tôi đã rùng mình.

Thế rồi tôi đi như chạy ra sân. Ngồi lên cái xe máy quen thuộc của mình, tôi trở nên bình tĩnh hơn, cảm thấy máu trong người chảy rần rật. Tôi ngoảnh nhìn ông lúc ấy đang đứng như một bức tường trên thêm, nói:

- Cho tôi gửi lời chào bà.

Ông cười, tiếng cười va vào cái vòm cửa bằng đá nghe lạnh lạnh.

- Cô ấy đi rồi. Đã sắp nửa đêm về sáng.

Xe tôi chạy đến chỗ ngoặt đầu tiên thì dờ chúng. Máy khặc khừ rồi lịm đi. Và đáng ra phải tiến về phía trước thì nó lại thụt lùi. Tôi nhận ra mình đang đứng giữa một cái dốc ngắn dẫn lên con đường men theo chân núi. Tôi nhảy xuống khỏi xe, một tay cầm ghi đông, một tay bám vào sau yên, còng lưng đẩy. Xe lên hết tầm tay, tôi nhấc chân thì lập tức nó lại lùi xuống. Cứ thế, dường như tôi không tiến lên được tấc nào. Chán nản, phần như tuyệt vọng, tôi cho xe trôi, tính chuyện xuống chỗ đất bằng để kiểm tra lại máy móc. Tôi thở hổn hển, mồ hôi chảy vào mắt cay xè. Cuối cùng tôi cũng xuống được chân dốc, nghĩa là chỗ ngoẹo con đường dẫn vào nhà người đàn ông nọ.

Trong khi đó, đêm đang sáng dần; thấy được cả một cái mạng nhện rối rắm chằng trên cành cây, chẳng biết cây gì, sát chỗ tôi đang ngồi. Sẵn tay tôi quơ vào cái mạng nhện kia. Những sợi tơ nhện dính vào da thịt tôi gây nên giác bút rút không yên. Chắc đã quá nửa đêm. Máy giờ rồi? Tôi chợt nhớ cái đồng hồ quả quýt của thằng bạn hồi ở thành cổ Quảng Trị giao cho tôi trước khi trung đội làm lễ truy điệu sống nó, tôi lấy ra xem. Nó chết từ lúc 6 giờ của hôm qua? Của hôm kia? Hay của ngày nào đấy? Lâu nay tôi không xem giờ. Mãi sau này, tôi cũng không biết cái gì xảy ra trong tôi lúc ấy khiến tôi vung tay ném nó vào đêm. Nó lạng lẽ bay đi và phía nó bay đi ấy vang lên một tiếng “tùm”. Cái âm thanh ấy khiến tôi giật mình. Chắc chắn nó được phát ra từ mặt nước. Tôi cảm thấy tim gan đang bị xâm chiếm bởi một sự khuấy động bồn chồn kỳ lạ. Tôi mất vợ bắt đầu từ cái tiếng động gọn gàng mà thăm thẳm ấy. Chỉ khác là tiếng “tùm” ngày xưa vang to hơn, khủng khiếp và thảm thiết nữa. Vì nàng nhảy xuống sông từ độ cao 5 mét. Nếu rằng, tôi không cho nàng trông thấy cái đồng hồ quả quýt kia để nàng mãi mãi tin tôi là con người tử tế thì... Chủ nhân cái đồng hồ ấy, người yêu nàng và được nàng yêu trước chiến tranh ấy đã không chết. Anh chỉ bị giặc bắt đưa sang Ha-Oai. Tôi đã lừa dối nàng để thế chỗ cho con người tội nghiệp kia. Ký ức ấy hiện



lên làm cho tâm hồn tôi bồn loạn, tim đập thành thịch. Tôi quỳ chấp tay vái lạy bốn phía chung quanh. Xong, tôi đứng dậy, nghiêng rằng đẩy xe lên dốc. Đường như nỗi sợ hãi làm cho con người ta khỏe mạnh hơn để chiến thắng chính nó - nỗi sợ hãi ấy. Lúc sau tôi đã vượt qua con dốc, sau này trở lại, tôi nhận ra chỉ dài 3 mét và nghiêng nghiêng khoảng 20 độ. Đây là về sau, còn lúc lên được đường sỏi bằng phẳng, tôi thở phào, nghĩ mình vừa qua một lối dốc dài và cao ngun ngút. Tôi nổ máy, tăng tốc độ tối đa. Tôi thêm khát tốc độ, thêm khát được gào thét giữa sân ga. Một cái gì đó trắng nhợt đột ngột hiện lên trước mũi xe, nó tiến về phía tôi nhanh như chớp. Tôi chỉ kịp nhận ra mình bay vào bóng đêm và có những sợi dây mềm mại nào đó trượt qua mặt.

Người đàn ông và người mặc đồ trắng không còn ở trong cái hang đá kể trên nữa. Họ chuyển đi đâu không biết. Cái hang đá giờ đây trở thành một di tích lịch sử văn hóa. Năm nào đó vua Lê Thánh Tông trên đường vi hành đã nghỉ lại đây bảy đêm ngày. Nhà vua đã khắc thơ lên vách đá. Nghe bảo, đây chính là nét chữ của ông. Người ta chỉ còn đọc được mỗi bốn câu. Hai câu ở vách đá phía hữu: *“Nghĩa an hà địa bất an cư. Lễ phép thành giao lạc hữu dư”*<sup>(\*)</sup>. Hai câu ở vách đá phía tả: *“Đăng khiêu ngộ xúc nhân gian trái. Hoa lạc thủy thu thủy quốc hương”*<sup>(\*\*)</sup>.

Hôm đi khỏi hang đá, người đàn bà mặc đồ trắng đã lấy lá trầu không in sao từng chữ của bài thơ lên tấm vải lụa vàng. Nàng bảo người đàn ông lên thăm mộ bạn. Rồi nói:

- Hai mươi năm rồi, anh ta vẫn không biết em đã được ông cứu sống. Điều ấy hay hay dở cho cả ba chúng ta nhỉ?

---

\*. An tâm làm việc nghĩa, thì chỗ nào cũng ở an. Giao thiệp với nhau có lễ độ và thành thật thì vui thích có thừa.

\*\* . Khiêu đèn chơi bóng, làm mắc phải mối nợ nhân gian. Như hoa rụng rời cành khó vớt lại mùi hương bên nước.

Người đàn ông kéo cái mũ vải ra khỏi đầu để lộ một vầng trán nhăm nhít những vết sẹo có trên 29 năm tuổi. Ông tủm tỉm cười. Người đàn bà nhẹ như một cái bóng bước xuống con thuyền neo bên bờ sông.

Người đàn ông đội mũ lên đầu, tủm tỉm cười.

*Đ.B*

T R Â N   T H Ị   T R Ư Ờ N G

# Chút mộng kê vàng

(SH số tháng 5 - 2001)

Đã ba mươi mấy tuổi tôi mới cắp sách đến trường. Gọi là trường nhưng thực chỉ có một thầy và vài trò. Các trò đều còn rất trẻ chỉ có tôi là vợ đùm con rúm. Biết là đã muộn nhưng tôi không thể không theo, thậm chí cho rằng nếu không học thì coi như đời chẳng còn nghĩa lý gì. Lẽ ra tôi phải đi học môn này từ khi còn trai trẻ. Cha tôi là người mà tôi kính trọng, một người đã chịu đựng khá nhiều bi kịch cá nhân mà vẫn không bao giờ để mất niềm hy vọng, cũng là một người để lại cho anh em chúng tôi một tài sản đáng kể. Hầu hết những tài sản ấy đều có giá trị kinh tế, mà lại rất trang nhã. Chỉ cần bán một thứ trong đó như bản thư họa của Shoya Tofu của danh nhân Nhật Bản thì chúng tôi mỗi người cũng đủ tiền xây nhà cưới vợ. Nhưng bố tôi lại hy vọng là anh em tôi sẽ sống sung túc để không phải bán mà nếu có nghèo thì cũng không bao giờ muốn bán. Bố tôi còn hy vọng tôi sẽ theo học thư pháp. Bố tôi bảo học được nghệ thuật thư pháp thì con người giữ được cốt cách theo nếp thánh hiền. Cứ như bố tôi thì chỉ riêng cái việc giấy đốt đi hàng gánh, bút nghiên rửa đen mấy ao làng mới đến được với nghề cũng đã đủ để luyện ra người có chí.

Khi chúng tôi ai nấy đều có gia đình riêng thì bố mẹ tôi cũng đã qua đời. Tôi nhường các em nhà cửa, đồ đạc chỉ mang theo một bức thư pháp, một cái chổi nâu chạm rồng đến nhà tập thể được phân bên vợ. Vợ tôi bảo nếu không muốn ở tập thể thì bán đi một thứ trong di sản ấy mà mua nhà khác nhưng tôi yêu những thứ đó đến mức không thể làm thế được. Ở nhờ nhà vợ cũng nên nề vợ mà lo những việc cho vợ, mãi đến bây giờ mới cấp sách đến nhà thầy.

Một năm theo học, mỗi tuần ba buổi, mỗi buổi ba giờ. Lúc đầu mười trò, rơi rụng dần giờ còn sáu. Thầy bảo: “Các anh cứ theo được đến mười năm mà vẫn còn sáu thì thầy chẳng còn gì phải thẹn với trời”. Chữ thầy tôi đẹp lắm. Thầy viết được cả 6 loại: *Khảo, Triện, Lê, Chân, Hành, Thảo*. Nhưng đặc biệt ở chỗ thầy viết đẹp cả loại *Chân* cả loại *Thảo* trong khi có người viết đẹp loại này thì không viết đẹp được loại kia. Nếu thầy viết để tặng người bề trên hay để dâng đình, dâng chùa thì viết lối chữ *Chân*. Khi ấy, thầy đã trai giới bảy ngày, mặc áo the mới, đốt một lư trầm, quỳ trên chiếu hoa. Nghiên mực trước mặt, thầy nghiêm trang giẫm bút vào nghiên rồi nâng khỏi đầu kính xin thiên khí rồi mới hạ đề. Chữ nào chữ ấy trông như có hồn người quân tử phảng phất, trông như có khí thánh nhân ở bên trong. Nhưng nếu thầy viết cho người những tri kỷ, những nhà thơ hay đến đàm đạo văn thơ với thầy, đàm đạo nhân tình thế thái thì thầy viết lối chữ *Thảo*. Trông nét chữ trên mặt giấy khoáng đạt tưởng như có rồng bay trong mây, thanh thoát uyển chuyển như chim liệng trong gió...

Càng học tôi càng say mê, nhiều khi đắm chìm trong cái bầu không khí hăng hắc mùi mực, nhiều khi tha thần đi ra bờ ao. Nhìn xuống mặt nước cũng thấy hàng hàng chữ chữ hiện ra. Một hôm tôi đang nhìn xuống mặt ao như thế thì thấy nước dưới ao lay động. Dụi mắt nhìn lại thì thấy dưới đáy ao có hình một người con gái tóc tết đuôi sam. Không dám ngảnh lại nhưng đoán người đằng sau lưng là con gái thầy... Người

đâu mà cổ đến thế, cũ đến thế, suốt ngày ru rú trong buồng, chẳng mấy khi để ai trông thấy mặt. Bây giờ đúng đó làm chi.

Tần ngần một lúc đã định liêu quay lại nhìn thì thấy mặt ao phẳng lại như tờ, mặt người dưới ao biến mất. Chắc bước chân người ấy nhẹ tựa lông hồng. Không nhìn tận mặt đâm ra càng tiếc, càng hình dung là người đẹp và càng muốn hỏi cho thỏa nỗi lòng nhưng rồi không dám.

Hôm ấy nhà thầy có việc gì quan trọng mà tôi không biết nên vẫn đến để học như thường lệ. Thấy không tiện đang xin phép ra về thì thầy bảo ở lại. Nhìn ở phòng khách thấy có treo nhiều bức thư pháp thật tuyệt. Mỗi bức không chỉ là những bố cục biến đổi tài tình mà nét chữ lúc thanh lúc đậm, lúc vắn lúc trường, khi cứng cáp khi mềm mại, khi cương trực khi uyển chuyển nhịp nhàng. Nhìn mà tưởng tượng, mà muốn thấy được bàn tay, ngọn bút của người nho sĩ...

Thấy tôi đứng lâu ở trước những bức họa thư, thầy tôi bước đến:

- Anh thấy thế nào?

Tôi ấp úng, cảm động:

- Thưa thầy đẹp quá, đáng gọi kỳ phu, chắc phải là bậc kỳ tài. Thưa thầy của ai đấy ạ. Con rất ngưỡng mộ.

Thầy tôi im lặng không nói. Tôi cũng không dám gặng khi thấy gương mặt thầy u uẩn. Thầy bảo: “Có phải ngày gì quan trọng đâu... Đã tròn bốn năm anh học với thầy. Cái ngày anh đến có thể anh quên nhưng thầy thì nhớ. Thầy thấy anh khác người, thấy anh có chí thầy quý, thầy muốn uống với anh vài chén và cũng là để anh xem biết cái...”

Thầy nói dứt quãng, giọng buồn buồn, tôi không sao hiểu được một cách rõ ràng. Nhưng chấp lại dần dần thì cảm thấy, những bức thư họa ấy là của con gái thầy viết. Tôi a khan một tiếng trong lòng. Chao ôi, đàn bà con gái đâu có thể làm được việc này? Người ta vẫn bảo Nghệ thuật Thư pháp là thái cực quyền trên giấy là thần khí trên đầu ngọn bút. Đàn bà con gái làm thế nào được. Vậy đây là một... đại nhân.

Và tôi bỗng lập tức nhớ lại những ấn tượng lạ lùng khi lần đầu đặt chân đến nhà thầy. Những ngôi nhà kiểu cổ có nhiều câu đối và bình phong vốn thường toát lên vẻ u nhã sâu xa nhưng ở nhà thầy cái không khí u nhã ấy lại có gì nặng nề uẩn khúc, tất cả đều lạnh lạnh như thiếu hơi người. Cái vẻ đầu tiên tôi nhớ khi thấy mặt thầy là một nếp nhăn chua chát, nhỏ thôi nhưng hằn lệch một bên khuôn mặt. Và, đúng rồi, tôi nhớ có một câu đối dang dở chỉ có một vế, nét của thầy theo lối chữ Thảo “*Mộng trung nhân Hoàng Lương chi hà xứ*”... Lúc đó tôi không hiểu, chỉ thoáng nghĩ thầy độc thân hẳn còn in một bóng hình nào. Tờ hoa ấy sau thầy đã bóc đi. Nay nghe thầy kể thì ra không phải. Thầy thương và giận người vợ quá cố. Bà vợ thấy cảnh nhà đạo ấy quá nghèo, lén chồng mang bán một trong ba cái nghiên mực cổ cho tay lái buôn nào đó. Tay lái này, để tìm cách mua được báu vật, không biết bằng cách nào đã quyến rũ được vợ thầy trong một thời gian. Việc vỡ lở. Bà ân hận quyền sinh. Thầy vừa hận chưa có con trai vừa căm ghét bọn người ma giáo đầy rẫy ở đời nên rèn giữa con gái như một đấng nam nhi. Nhưng cô gái thì hình như đã đem lòng thầm yêu trộm nhớ một ai đó. Vốn hiếu thuận, lại nết na, hiếu lòng cha cô tự ép mình xa lánh người đời, bẩm sinh có khiếu lại học đến mức tài hoa, răn rỏi như trai cổ sống như cha muốn để cha đỡ tuổi. Có lẽ chàng trai của cô đã bỏ ra đi, còn cô thì âm thầm chôn thư phòng. Nhiều năm như thế mà lũ học trò chúng tôi cũng chỉ thoáng trông thấy bóng... Thầy nói đến đây, giọng thầy đã nặng nề ân hận xót thương nhưng mà... biết làm sao nữa. Xuân đã qua ngẩn ấy thì, vẫn thiếu nữ mà không còn xuân sắc... Tôi nghe, lặng đi thấy trong chén rượu gương mặt đầy ao ngày ấy...

Mồ hôi ướt đầm lưng áo mặc dù đang tiết trời đông. Tôi tự trách mình bốn năm đầu có ít ngày mà sao tôi lại vô tình đến thế, không biết ở đây, trong nhà này có người tài. Hay không phải tại tôi, mà tại thầy tôi một người quá chú trọng đến lễ nghi, đến trắc trở ở đời mà làm cho con gái mình bỏ lỡ cơ hội góp mặt với đời như người thiếu duyên cuộc sống.

Người cũ đã một đi không trở lại, tôi thì đã có gia đình vợ con nhưng ở đời còn bao nhiêu người đàn ông xứng đáng, thầy ơi.

Bất giác tôi nhìn sang phía tường bên trái, bên cạnh một chữ *Tâm* tuyệt đẹp là một chữ *Duyên* (trên nền giấy bồi trong khung gỗ) đã bị rách làm hai, treo ở khuất ở góc ngoài cùng. Nét chữ và cách đặt chữ là chung với một kiểu của thư bản nọ. Không phải của thầy.

Tôi liếc nhìn thấy, thấy làm như không biết, nâng chén một lần, mỗi lần là mỗi tiếng thở dài nén lại. Lòng tôi nôn nao, tâm tôi xao xuyến. Tôi thầm nghĩ nếu thấy cho phép thì tôi gỡ chữ *Duyên* bị rách kia xuống và đêm nay về tôi sẽ viết một chữ *Duyên* khác với tất cả tâm hồn tôi, tài hoa của tôi ngày mai đem đến thay vào.

Dù không biết mặt nàng nhưng nhìn chữ viết là tôi đã mê người lắm. Nhưng về nghĩ lại. Chữ *Duyên* thâm viết không biết bao nhiêu lần trong bóng đêm mà sáng dậy lại thôi.

Ước gì tôi có thể hiểu được ý nghĩ của thầy cái hôm thầy cho tôi cùng uống rượu. Nhưng bây giờ đã là gần trăm năm so với ngày người ta viết “giấc mộng lâu hồng”. Không biết người tài, người ở chốn u buồn có một chút nào nghĩ đến tôi chăng?

Tháng Chạp năm 2000

T.T.T

# Điều chưa tiện nói ra

(SH số tháng 6 - 2002)

Một danh nhân nào đó đã nói rằng: “Người đàn bà có hai lần dễ thương. Một lần trên giường cưới và một lần trên giường chết”. Riêng tôi, tôi thấy mỗi tháng người đàn bà có thêm một lần dễ thương nữa. Đó là kỳ nhận lương của chồng.

Nghiệm điều đó ở người vợ yêu quý của tôi mà biết. Mắt nàng ánh lên một niềm vui lạ lùng lắm. Dầu nó ánh lên một thoáng rồi lịm dần bởi những tính toán, lo toan, song, đó là giây phút hạnh phúc nhất của cái gia đình nho nhỏ này. Tính toán ra mà xem. Lương một thầy giáo văn học ngót nghét hai mươi tuổi nghề cộng với đồng lương hưu mất sức của vợ làm sao đủ cho một gia đình bốn miệng ăn... Đó là chưa kể chi tiêu cho trăm thứ bà rần khác. Làm sao bảo đảm cuộc sống cho cả gia đình, bảo đảm cho các con học hành đến nơi đến chốn? Đó là điều bức xúc đặt ra cho tôi trong hoàn cảnh này. Suốt một đêm thao thức, tôi cố vò nát óc để tìm cách kiếm sống. Dạy thêm ư? Để nâng cao đời sống cho giáo viên, cấp trên đã cho phép mở lớp dạy thêm hay dạy kèm. Công việc này làm cho ráo riết cũng kiếm thêm được vài trăm ngàn mỗi tháng. Trong thời buổi bắt đầu “chữ nghĩa thị trường” này, phụ huynh học sinh cũng



tin tưởng. Mấy ai cho con tiến thân bằng con đường văn chương mà học thêm môn văn. Cạy cho ra trên sống lưng học trò chục ngàn đồng mỗi em mỗi tháng cũng chưa chát lắm. Lấy uy của thầy chủ nhiệm, thầy bộ môn dùng cây gậy điểm ép các em vào học với mình như một số giáo viên khác thì tôi không làm được. Với cái nghề “dạy thêm” này không biết có thêm “chữ” không nhưng cái “nghĩa” thì mất thật rồi. Những công việc như làm nắm rơm, nuôi cá trê phi, chim cút... tôi đều điểm qua cả. Một người bạn nhìn tôi có vẻ thông cảm, tùm tùm cười mách: “đi xe đạp thổ”. Ý kiến ấy thoáng qua trong đầu tôi như một vật sáng trong đêm mùa hạ. Tôi ngẫm ý ấy với vợ tôi. Nàng trở đôi mắt u sầu ngạc nhiên nhìn tôi: “Thầy thổ”. Không đắn đo, bàn cãi nữa, “cơm áo không đùa với khách thơ”, tôi đã quyết định, xe thổ cũng là một công việc phục vụ chính đáng chứ sao? Người ta thường bảo nghề dạy học, nghề vinh quang nhất trong các nghề là nghề đưa đò đó sao. Mọi nghề lao động chính đáng phục vụ con người đều vinh quang. Không có nghề thấp hèn, chỉ có con người thấp hèn. Là một giáo viên văn học tập tễnh làm thơ, tôi cố gắng thi vị hóa cái công việc mà tôi sắp hành nghề: “xe thổ”. Sẵn chiếc xe đạp Vĩnh Cửu cà tàng, tôi cố gắng tu sửa lại cho dễ coi. Mặc dầu sao thì “cái sĩ” cố hữu trong tôi vẫn trời dậy. Từ xưa, trong lòng phụ huynh học sinh, ông thầy giáo cao lắm. Một ông thầy đồ nghèo kiết xác đi ra ngoài vẫn khăn đóng, áo dài đen, quần trắng, sang thì đi đôi dầy hạ, không thì đi đôi guốc mộc gỗ mắc trắng, sạch, dù đen cặp nách. Gặp thầy, người thì “thưa thầy”, kính cẩn hơn thì “lạy thầy ạ!”.

Một thầy giáo tiểu học cạnh trường tôi cũng xoay xở kiếm sống bằng đi xe đạp thổ. Một hôm, vừa đưa khách đến nơi thì cũng đúng lúc trống điểm vào lớp, thầy mang cả trang phục “thầy thổ”, mồ hôi còn nhễ nhại vào lớp. Người ngồi trong lớp nhìn ra ngơ ngác: “Ông xe thổ vào dạy bay ơi!”... Nhận ra thầy, các em sững sờ. Trong mắt thầy thoáng một nét buồn. Thầy phân bua:

- Các em ạ! Cháu Sông Hương của thầy ốm nặng không có tiền mua thuốc, tranh thủ trước giờ học, thầy đi xe thổ kiếm thêm vài đồng...

Cả lớp lặng im. Hôm sau, nhiều phụ huynh góp nhau được ít tiền giúp thầy mua thuốc cho Sông Hương. Thầy từ chối không nhận.

Tôi đã có cách riêng của tôi. Việc trước tiên là tôi tìm một miếng “mút” mềm, mỏng gắn vào một tấm ván ép bọc ni lông màu xanh lấp vừa vặn vào boóc-ba-ga. Trước giờ xe, tôi đặt chiếc ghế ngồi trẻ con phòng khi khách hàng có cháu nhỏ hoặc hàng hóa công kênh. Chiếc áo sơ mi màu cỏ úa, đôi dép nhựa Tiền phong, chiếc mũ lưỡi trai bằng vải bạt... trang phục của một hành nhân vừa có thể bước vào lớp giảng dạy, vừa ra đường lẫn được vào đám xe thổ. Hết giờ học, tôi chọn một nơi vắng vẻ tháo chiếc nệm “mút” cho vào nằm yên ổn trong cặp sách, lai quần được thả xuống, mái tóc được chải lại bằng chiếc lược con có sẵn trong túi... Thế là thầy giáo hiện ra chững chạc bước vào lớp trước ánh mắt trân trọng và kính mến của đám học trò vốn ngổ nghịch. Tôi chọn ngày lành, tháng tốt để khởi hành nghề. Sáng tinh mơ, tôi đã góp mặt cùng các bạn đồng nghiệp ở ngã ba đường. Biết tôi là một thầy giáo, họ không tỏ ý ty nạnh mà còn dành cho tôi chuyến khách cùng chiều về trường để kịp giờ vào lớp. Một người khách đến. Anh chủ chòm tóc dài chấm vai, người cao to phốp pháp, vể cái răng khờ, hoa tay nói như ra lệnh, nhìn cú tưởng như anh ta cười:

- Ê!... Thầy thổ, thuận đường về trường, đi.

Tôi đứng bật dậy:

- Rõ.

Đều đều như vậy, sáng nào tôi cũng có một chuyến khách, chiều vài ba chuyến kiếm được nhiều thì chín mười ngàn, ít thì vài ba ngàn. Có khi mười giờ đêm tôi mới về đến nhà. Vợ tôi cho các con ăn trước học bài rồi đi ngủ. Các con tôi không chịu, cố gắng học bài đợi ba về. Cả nhà quây quần bên mâm cơm ríu rít, vui vẻ. Bữa cơm có khá hơn mọi lần. Bên tô

canh nấu với tép đồng có đĩa cá kho, trái ớt tươi, đĩa rau sống. Vệt quầng trên mắt vợ tôi cũng nhạt dần đi. Đôi má vốn tái tái đỏ hồng hồng lên, trông nang trẻ ra và có phần đẹp thêm nữa là khác.

Một buổi sáng như mọi ngày, tiếng nhạc ở loa công cộng cất lên rộn ràng, tôi ra bãi đợi khách. Vài bạn đồng nghiệp túm tụm bàn tán. Vẫn “đại ca răng khòì” nói mà như cười ấy hoa tay nói oang oang:

- Ê!... Có biết gì không? Sở Công an vừa có lệnh cấm đi xe thô vào buổi tối từ hai mươi giờ đến năm giờ sáng.

- Ai nói rứa?

- Đài truyền hình vừa đưa tin.

- Mẹ ơi! Cái giờ ăn khách mà.

- Muốn đi phải có đăng ký giấy phép, có đèn sáng phía trước. Ai không có... Alê... hấp... - vẫn “đại ca răng khòì”.

Tôi không quan tâm đến cái tin đột ngột ấy. Cần cái đèn sáng phải tốn vài chục ngàn, chục buổi thô không công là đủ. Lại đăng ký nữa mới phiền phức. Chẳng nhẽ phiếu đăng ký ghi: “nghề nghiệp: xe đạp thô; trình độ văn hóa: Đại học”.

Thương cho các bạn tôi thật. Còn đối với tôi, cái lệnh đó cũng hay. Bởi lẽ, có thêm vài ngàn, khi được, khi không, phải lang thang đến khuya, vợ con chờ cơm, lo lắng, bồn chồn. Người tôi gầy xẹp hẳn đi, sao nhãng cả công việc soạn bài, đi thăm gia đình học sinh. Tám giờ tối, tôi thôi đón khách. Chiếc nệm “mút” được tháo ra cho vào cặp, ống tay áo xắn lên, lai quần thả xuống..., tôi vừa đạp xe vừa thả hồn theo những áng thơ hay những ý đẹp trong bài giảng, hoặc đi thăm gia đình học sinh.

Một buổi chiều, sau buổi học, trời mát mẻ, tiện đường tôi lượn xe một vòng đến sân ga.

- Xe thô! - Một tiếng gọi giật tôi lại.

Tôi dừng xe. Khách gọi tôi là một người đàn ông trạc dưới bốn mươi

tuổi, ăn mặc lịch sự, tay xách chiếc cặp da. Người khách nhìn tôi rồi ngơ ngàng nhìn xuống đất. Hai chiếc xích-lô lao tới. Bốn chiếc xe đạp thổ tiến vào. Người khách vỗ vào vai tôi:

- Đi chú... Dạ Lê.

Tôi phóng xe ra khỏi sân ga. Những ánh mắt của đồng nghiệp hắt theo tôi vừa nuối tiếc, vừa hằn học: “Mẹ kiếp”. Tôi hốt hoảng. Tưởng dạo chơi một vòng vào buổi chiều cho vui, tôi quên lời chỉ bảo của “đại ca răng khời”:

- Nghề kiếm sống của chúng mình như chim chia vườn, cọp chia núi. Chim lạc vườn, cọp lạc núi nếu không bỏ xác thì cũng xạc cánh, bươm đầu. Không xử sự như thế thì miếng ăn trên tay bị cướp mất.

Tôi còn có đồng lương dạy học, dẫu ít ỏi vẫn tạm sống qua ngày. Còn họ, họ sống bằng gì? Ngày nắng nung đầu, tóc vàng quăn khét như cháy, gió như ngọn roi quất, mưa như những mũi tên biêm bầm da thịt, tưởng như những khổ đau trên trái đất họ đã chịu hết rồi. Nắng cũng như mưa, ngày cũng như đêm, họ ngồi chờ đợi. Đói thì nhai miếng bánh mì khô rập, có khách nhét vội mẫu bánh vào túi vội vàng mời mọc rồi tắt tuỏi đẩy xe ra.

Vừa đi vừa nghĩ ngợi, vừa cố tránh những ổ gà và xe người qua lại, chẳng mấy chốc, tôi đã đến Dạ Lê. Chỉ về phía ngôi nhà thấp thoáng sau hàng cây, khách vỗ vai tôi:

- Đến rồi... Chú cho con xuống đây.

Tôi dừng xe. Khách khẽ khàng nói:

- Cháu đi xa về hết tiền, còn ít nhiều xin chú nhận cho - tiện tay, khách nhét tiền vào túi áo của tôi, mắt nhìn nghiêng đi nơi khác hình như cố tránh ánh mắt của tôi. Tôi cảm ơn khách rồi quay xe. Đối với tôi, khách cho chùng nào hay chùng ấy, không nói thách, không mặc cả. Đi được một đoạn, tôi dừng xe ngoái lại. Một thoáng ngơ ngợ trong trí nhớ của

tôi. “Ai trông quen nhỉ!” Tôi cố lẩn trong trí nhớ. “À! Dững, đúng rồi Võ Văn Dững”. Dững là học sinh của tôi cách đây gần hai mươi năm. Nó lớn và chững chạc quá, trông có vẻ là một cán bộ tầm cỡ. Em không nhận ra tôi hay cố tình không nhận? Tôi rút sổ tiền mà khách vừa bỏ túi ra đếm lại. Xếp tiền mười tờ năm ngàn mới tinh còn thơm mùi giấy. Tôi băn khoăn: “Sao lúc đó tôi không xem để trả lại cho khách”. Rồi, tôi tự an ủi: “Có lẽ Dững đã nhận ra thấy, muốn giúp thấy trong buổi khó khăn này. Ấu cũng là lộc trời”. Tôi yên tâm đạp xe về nhưng vẫn thấy mẩn mẩn trên môi. Tiệm đường, tôi vào quán mua ít quà cho các con và làm mấy ly thư giãn sau một ngày làm việc vất vả và nghĩ ngợi mung lung...

Ngon gió mát lành làm cho hơi men càng thêm nồng nàn, lòng tôi lâng lâng khó tả. Đêm nay trời được mùa sao. Thành phố về đêm vắng người. Cửa Ngăn hiện dần trong ánh đèn đường hiu hắt. Phu Văn Lâu, Kỳ Đài, Ngọ Môn trầm mặc dưới sương đêm. Những cổ đại bác lù lù những cánh tay hộ pháp vươn ra. Từ bên cổ súng, một người bước ra vẫy tay:

- Ba ngàn đi không?

Tôi giật mình quay lại. Từ quán ra, hồn còn lâng lâng tôi quên cất tấm nệm sau xe. Chắc khách gọi thổ. Không cần tôi đồng ý, khách đã nhảy tốt lên xe:

- Đi anh...

- Đi đâu?

- Thì tùy...

Trong tôi gợn lên một chút hoài nghi. Tôi đã nghe nhiều chuyện về các cô gái ăn sương. Sao cô ta lại đón xe thổ, không biết đi đâu lại ngã giá trước. Hay cô dùng tôi để làm ngựa người để cô đi làm người ngựa như trong truyện ngắn nổi tiếng của cố nhà văn Nguyễn Công Hoan. Không phản ứng gì, tôi cứ lặng lẽ thủ xem sao. Trăng thượng tuần như cặp môi người hài hước trong bức tranh hài cười giễu tôi.

- Đường này anh... Đường kia nhiều quái lắm!

Tôi chưa kịp phản ứng, cô đã níu lấy vai tôi giục rẽ phải quanh theo đường vòng rồi trở lại nơi cũ. Đường nào cô cũng bảo “nhiều quái”. Tôi lại lo lắng về cái lệnh “giới nghiêm xe thô”, xe tôi lại không có đèn, không có đăng ký. Đến bên một cây gội to lớn đứng sừng sững bên ngã ba đường, cô bảo tôi:

- Đây được rồi anh.

Vừa dừng xe chưa kịp phản ứng, tôi đã bị cô nắm tay kéo vào sau gốc cây gội. Cây gội to lớn che cả ánh đèn đường tạo nên một khoảng tranh tối, tranh sáng. Tựa lưng vào gốc cây, thở dốc một lát, kéo tôi sát vào người, cô khấn khoản:

- Anh chơi em đi...

Tôi giật mình. Giờ mới vỡ lẽ rằng “ba ngàn đi không” là để cô chở tôi chứ không phải tôi chở cô. Gạt cô ta ra, tôi quay đi. Cô nắm tay níu tôi lại. Vẫn cái giọng khấn khoản:

- Anh thương em đi mà!

Tôi đã nghe nhiều, đọc nhiều về loại nhân vật này, đáng khinh thì nhiều, đáng thương thì ít. Song trăm nghe không bằng một thấy. Cái máu nghệ sĩ trong tôi trỗi dậy. Tôi nghĩ: Trực tiếp với nhân vật này xem sao. Thấy tôi đang lặng nghĩ, cô gái lại tí tì:

- Anh có người yêu à! Hay anh sợ em có bệnh?

- Cô tên gì?

- Em là Lài. Em có bạn tên là Gái bị mổ ruột thừa không đi làm được.

Dưới ánh sáng nhợt nhạt của bóng đèn đường, tôi nhìn rõ cô gái nước da tái nhợt bởi được phết một lớp phấn trắng bệch tương phản với da cổ tái mét. Cổ dài gờ lên những đường gân. Đôi vai xuôi so lại làm hai cái xương quai xanh nhô lên tạo hai lỗ trũng sâu dưới hai bờ vai. Nếu không có chiếc áo lót đệm cho đôi vú nhô lên một chút chắc rằng bộ ngực sẽ

lép kẹp như ngực kẻ nghiện. Thỉnh thoảng cô thở dốc, đặng hắng làm cho lỗ trũng ở cổ giật giật thoi thóp. Tôi chạnh lòng muốn tìm hiểu đôi nét về cô:

- Làm nghề này cô có khổ lắm không?

- Sao không khổ được anh. Cực chẳng đã, ai muốn làm cái nghề này bao giờ?

Hình như câu hỏi thân tình của tôi đã khơi dậy nỗi niềm sâu kín trong lòng bấy lâu nay, cô thể thọt kể cho tôi nghe về nỗi khổ bị dày vò thân xác của một cô gái ăn sương. Người ta thường gọi những người con gái bán thân xác mình để kiếm sống là “làm đi”. Sau này người ta gọi cho dễ nghe hơn là “gái ăn sương” hay “gái bán hoa”. Gái bán hoa cũng có ba bầy hạng. Hạng thượng lưu có vẻ ngoài cao sang, đài các dành cho khách giàu có vùng tiền qua cửa sổ, bao lô hàng tháng, hàng tuần. Khách cần có Tú Bà, ma cô dẫn mối. Hạng trung lưu này không gọi là “gái bán hoa” mà gọi là “gái ăn sương”. Đón khách dưới sương. Mây mưa trên bãi cỏ, bờ thành, góc chợ... dưới sương. Gái ăn sương đón khách đủ loại giang hồ tứ chiếng. Khi con ma men đã nhập, gã đàn ông như một con ác thú xâu xé, chà xát, rĩa ráy con mồi. Hết nằm lại ngồi, hết ngồi lại đứng, lại nghiêng lại ngửa, bộ râu phún chôm chĩa vào má vào ngực nhói như kim tiêm. Mùi rượu phả ra nồng nặc, tỏi lợm. Thỏa mãn, chán chường, kẻ chịu chơi thì đặt vào nhân ngãi vài nghìn, kẻ đê tiện, hèn kém thì hăm dọa cuốn nhanh. Có khi đang hành nghề, có người đi qua hay dân phòng, công an tới, khách, chủ hốt hoảng chạy tán loạn. Thế là mất công một đêm đưa đón, không may lại bị bắt nhốt qua đêm.

- Cô bảo đường nhiều quái là sao? - Tôi hỏi.

- Khi khách đi, chúng em rã rời thì quái đến chia phần - cô gái thể thọt kể tiếp - quái lục soát, lấy hết tiền rồi chia cho chúng em phần ít. Quái chia vùng để làm ăn. Quái vùng nào làm ăn vùng đó, không được phạm vùng. Có những cuộc ẩu đả ghê rợn diễn ra bởi có quái phạm vùng.

Đứng đầu quái có một đại ca cỡ dao búa. Dẫu kiếm ít tiền nhưng chúng em được quái bảo vệ. Em bảo anh đừng qua đường kia là đừng phạm vào địa phận quái khác. Quái có nhiều kiểu làm ăn. Có kiểu làm ăn như em vừa kể. Có kiểu trấn lột. Khi gã đàn ông đang khoái cảm thì quái đến chìa dao ra tru tréo: “A! Mày cưỡng hiếp vợ tao à?”. Tiếng nói rít qua kẽ răng nghe rợn cả tóc gáy. Thế là, gã kia muốn sống, muốn yên thân phải ngoan ngoãn bỏ lại tiền bạc, áo quần, đồng hồ, giày dép, may ra chỉ còn lại cái quần lót che người chạy tháo thân.

Nghe đến đây, tôi rợn cả tóc gáy, tưởng như sau lưng có quái đang cầm dao chĩa tới. Với kẻ tay cò chân chiện như tôi đâu chỉ sợ quái. Chỉ cần có người đi qua đường thấy tôi trong đêm khuya đứng với một cô gái cũng là điều đáng sợ rồi. Ngày mai, cái lời độc địa “thầy cặp bồ” theo miệng những kẻ vô công rồi nghề ngồi lê đôi mách truyền đi khắp nơi. Phụ huynh học sinh, đồng nghiệp, bạn bè nhìn tôi bằng đôi mắt trách móc, ghê lạnh, khinh bỉ. Dẫu còn sống tôi cũng như bị tàn phế rồi.

- Anh chơi em đi... - Cô gái lại khẩn khoản.

Tôi vừa kịp trấn tĩnh. Rút từ túi áo trên ra một tờ năm ngàn đồng mới tinh, tôi nhỏ nhẹ nói:

- Tôi không làm thế được. Cho cô đây...

Tôi nắm tay cô gái, đặt gọn tờ bạc vào lòng bàn tay cô. Cô gái tần ngần nhìn tôi vẻ xúc động: “Anh tốt quá”. Rồi cô áp đầu vào ngực tôi, tay trái quàng qua hông, tay phải đặt vào vai tôi âu yếm vuốt ve từ vai xuống ngực rồi từ từ vòng qua phía sau nắm chặt lấy tay trái xiết tôi lại như cột tôi vào người cô. Tôi vội vàng kéo tay cô ra rồi dắt xe ra về. Cô gái tỏ vẻ ngạc nhiên tần ngần nhìn theo. Ba kim đồng hồ cùng nhập vào số mười hai. Vợ tôi vẫn tựa cửa đợi tôi như mọi lần.

- Anh về khuya thế? Em lo lắm. Các con chờ ba vẫn chưa ngủ. Anh uống rượu hay sao ấy?...



Tôi phân trần:

- À! thư giãn chút thôi mà...

Dắt xe vào nhà, rửa ráy qua loa, tôi vào phòng bật đèn ghi lại đoạn thơ vừa nghĩ thoáng qua trên đường về rồi hứng chí ngâm nga:

*Em đừng làm chi đó hờ em?  
Bên cổ đại bác khổng lồ  
giữa ngã ba đại lộ  
Đường thì rộng mà em thì bé nhỏ  
Đêm đặc dày mà em mảnh mai  
Em đứng chờ ai?...*

Vợ tôi trở mắt nhìn tôi:

- Khuya rồi. Mai còn đi dạy. Em, em nào nữa đây? Anh ăn cơm, em dọn?

- À, thôi... Em thơ đấy mà. À! Quà cho con và em đây.

Tôi lấy gói quà và rút xếp tiền đưa cho vợ, liếc mắt nhìn nàng một cách tình tứ - Bốn mươi lăm ngàn, gần tháng lương rồi đấy.

Vợ tôi cầm xếp tiền. Hai bàn tay áp những tờ giấy bạc vào lòng. Mùi thơm của tờ bạc mới làm nàng ngây ngất. Thế là tôi thêm vào câu danh ngôn người đàn bà có thêm nhiều lần dễ thương nếu có nhiều lần như hôm nay.

Lặng đi một lát, nàng có vẻ băn khoăn:

- Đâu mà bốn mươi lăm ngàn anh?

- Bốn mươi lăm ngàn chín tờ mới nguyên - Tôi quả quyết.

Nàng xòe ra mấy tờ bạc như xòe những con bài:

- Đây có sáu tờ...

- Ồ... Ồ... - Tôi ấp a, ấp úng...

Soát lại túi trên, túi vẫn rỗng không, đâu nhỉ! Tôi nhẩm tính: “Dùng đưa mười tờ năm ngàn, hào phóng hết năm ngàn, tiền mua quà cho con và làm mấy ly thư giãn lấy trong số dự trữ...” Tôi cố lẩn trong trí nhớ. Thôi đúng rồi! Cái bàn tay vẽ như âu yếm, vẽ như ngần ngại vuốt từ vai xuống ngực dừng lại ở túi áo một thoáng rồi vòng qua hông nắm tay kia thành vòng trối. Chà! Cú xoáy thật điệu nghệ. Sao cô ta không rút cả tập. Chắc tiền mới dễ rút, câu kẹp được tờ nào nhẹ nhàng rút ra tờ ấy... Tôi bực tức vò nát bài thơ rồi vút qua cửa sổ: Không phải cô gái sông Hương của Tố Hữu mà là Tám Bính của Nguyên Hồng. Nguyên Hồng nói đúng. Máu giang hồ vẫn là giang hồ”.

Đêm ấy, tôi thao thức không thể nào chợp mắt được. Lòng lại dằn lòng sống để dạ, chết mang đi, không bao giờ thổ lộ ra cái câu chuyện đáng xấu hổ này.

Mới tám giờ đêm mà đường vào Cửa Ngăn đã vơi người qua lại. Hoàng thành vẫn trầm mặc giữa trời đêm. Lá thu xào xạc rụng. Đêm thu trời mát ngọt. Cái không khí ban đêm ở Cửa Ngăn này đã gợi lại câu chuyện cách đây vài tháng mà tôi cố quên đi. Bỗng một bóng người từ cổ đại bác đen trũi bước ra như một bóng ma. Bóng ma lừ lừ đưa tay chặn xe tôi lại:

- Ba ngàn đi không?

Tâm thần bất định, tôi hét lên:

- Lại phải không?

Tôi chưa kịp trút lên đầu cái bóng ma ấy những lời tức giận dồn nén từ mấy tháng nay thì bóng ma đã quỳ xuống chân tôi. Không phải ma mà là một cô gái. Người tôi nổi da gà, chưa kịp vùng vằng đẩy cô ra thì cô đã nức nở:

- Em là em kết nghĩa của chị Lại, tên là Gái. Chị Lại bị bệnh lao... đã mất rồi... Đã hơn tháng nay, em tìm anh mãi mà không được gặp - Nghẹn đi một lát, cô lại kể tưởng chừng như nếu dừng sẽ không còn dịp nào để

trần tình nữa. - Bữa ấy, em bị mổ ruột thừa không có đủ thuốc kháng sinh nên nhiễm trùng. Suốt mấy đêm liền chị Lại đi đón khách chẳng có đồng nào. Hôm ấy, châu chực mãi chẳng được gì, chị định vào viện với em thì gặp anh. Thấy xe, chị biết anh đi xe thổ, thân phận chẳng hơn gì mình nhưng chị cũng liều được chẳng hay chớ. Vào viện thăm em, chìa cho em xem bốn tờ bạc mới, chị kể cho em nghe chuyện gặp anh. Chị bảo: “chị chưa bao giờ gặp một người tốt như anh”. Chẳng có cách nào khác, vì em mà chị làm điều ấy. Cứu mạng em là trên hết. Có ngày chị sẽ hoàn lại anh, cầu xin anh tha lỗi và xin kết bạn làm thân. Trước lúc lâm chung, chị bảo em bán đi tất cả tư trang dành năm ngàn gửi chị mang theo còn mười lăm ngàn nhờ em tìm trả lại anh. Chị nắm tay em lắc lắc: “Để chị đi cho thanh thản, nhớ nghe em”. Hai hàng nước mắt tràn trên hố mắt thâm quầng của chị.

Tôi bàng hoàng như đứng trên mạn thuyền chao đầu ngọn sóng. Câu chuyện tôi cố vui lấp náy chập chờn hiện như một đoạn phim quay nhanh. Kỳ Đài, Ngọ Môn, Hoàng thành... như chìm dần trong sương đêm.

Tôi cầm lấy bàn tay của Gái rồi nắm lại giữ cho những tờ bạc mới nằm gọn ấm áp trong lòng bàn tay cô, nói trong thổn thức:

- Gái ơi! Tôi nhờ Gái thay tôi mua hương hoa cúng trăm ngày cho Lại. Chắc cô ấy thanh thản rồi.

Tôi đạp xe lững thững trên đường phố. Tiếng nức nở của con chim ăn đêm lẻ bạn như cứ vọng theo...

L.G.N

N G U Y Ễ N   T H A N H   V Ầ N

# Một đóa hồng xưa

(SH số tháng 8 - 2002)

*“Làm sao em biết bia đá không đau...”*

Căn nhà có mái ngói cổ đã ố màu một thời là địa chỉ quen thuộc của bốn thằng trong nhóm chúng tôi. Mấy chục năm qua, đi khá nhiều nơi, tiếp xúc với bao nhiêu hạng người, tôi ngờ rằng những chủ nhân hiếu khách đến bậc đó hình như sắp tuyệt chủng. Những lúc Kiều tiếp chúng tôi dưới bóng mấy cây mận lớn ở góc vườn, hai cụ gần như biến mất đâu đâu. Thình thoảng mới nghe hai cụ gọi con gái. Tiếng cụ bà trong vắt, trẻ và nũng nịu y như cô bé mười bốn, mười lăm tuổi: “Diễm ơi! Lệ ơi? Tiểu Kiều à?... Đem mút ra cho mấy anh ăn, con!”. Tiếng cụ ông cao, ngắn gọn: “Diễm!”, “Lệ!” và bóng Diễm Kiều, Lệ Kiều lật đật chạy hầu bố, trông ngộ ngộ và rất thương. Chúng tôi đặc biệt thú vị khi nghe tiếng Tiểu Kiều - cô con gái út đang học tiểu học - sẵn sàng cự lại ba mẹ “Kêu chi mà kêu hoài rứa không biết... khó tính quá hà!”. Rồi tiếng ông cụ nổi tiếng khó tính thực cười ha hả, mắng “Nó dám chửi tui nè, mụ nó ơi”.

Một lần thằng Vịnh cận đặt câu hỏi:

- Vì rằng hai cụ chỉ gọi là Diễm và Lệ, mà phải gọi con gái út đây đủ là Tiểu Kiều?

Hùng đen lém lỉnh pha trò:

- Mi thử bỏ bớt chữ Kiều thì con bé út thừa kể chữ chi chi của ông bà già, hử?

Đại giáo sư Vĩnh Viễn ri gật gù:

- Chính xác?

Cả bọn bùm miệng cười nhưng Kiều đã trở lại, những bước đi nhanh, đầy duyên dáng, tay bưng một đĩa nhỏ xít, cổ ý nâng thật cao như đang bưng lễ vật vào cúng chùa, chắc để tạo sự ngạc nhiên cho chúng tôi.

- Hôm nay ông cụ đãi các anh bốn người bốn điều Philip thơm bạn ông cụ mới gửi tặng... nhìn nè!

Thế mà quan hệ của chúng tôi lúc ban đầu ở Trường Sư phạm không hoàn toàn êm thấm lắm. Còn nhớ hôm tôi vừa về quê lên, không kịp dự lễ khai giảng trước đó hai ngày. Nhóm bạn vừa mới làm quen, cũng cùng đến trường muộn, ra quán cà phê gần trường nghe nhạc và tán gẫu. Cái cát-xét ở quán chơi bài *Hạ Trắng*, tiếng kèn saxophon luẩn quẩn mãi trong không khí buổi sáng. Ngoài kia trên cánh đồng còn sót lại của thành phố nắng cũng đang rờ lên, dù trời đã sang thu. Giờ vào lớp bắt đầu lúc nào tôi không rõ. Có lẽ ở đoạn cuối ca khúc rạo rực thăm thiết của Lê Uyên Phương với linh cảm bàng hoàng một ngày sẽ mất hút bóng nhau, cũng có thể ở đoạn đàn bò của nhạc sĩ họ Trịnh đang chậm rãi nối đuôi nhau đi vào thành phố chiến tranh, vừa ngỡ ngàng tìm cỏ hoang...

Vị giáo sư có giọng nói sang sảng, từ cầu thang chúng tôi đã nghe tiếng, đang trình trọng phổ biến chương trình học, cho khiêng một cái ghế dài đặt ở hành lang để bốn thằng đi trễ chúng tôi ngồi “dự thính”, vì chưa xứng đáng được ngồi vào đội ngũ những con người mẫu mực tiên phong cho con em học tập trong tương lai. Đại giáo sư Vĩnh Viễn, biệt hiệu của thằng bạn học giỏi nhất lớp và hơi nhiều hạnh kiểm, có vẻ ân

hận thực sự. Nếu tôi không xì xạo nhắc nhở Vĩnh cận đã rút thuốc lá để sẵn trong túi ra mỗi, và có thể kết thúc luôn đời sư phạm.

Trong không khí mở màn không được thuận tiện đó, chúng tôi tỉnh táo hẳn khi trường lớp xuất hiện. Ôi, con gái nhà ai mà điệu đà đến thế này? Sau mấy giây thộn mặt ra, cả bọn chúng tôi chưa kịp trở lại bộ mặt khinh khỉnh cũ, đã nghe tiếng người đẹp:

- Vui lòng ở lại vào cuối giờ học để anh chị trong lớp có ý kiến... Tui là Trần Thụy Diễm Kiều, trưởng lớp VH1.

Suốt nửa năm thứ nhất, Trần Thụy Diễm Kiều cao kỳ, quyền cao chức trọng nhất lớp, người đã dám kiểm điểm đạo đức khi thậm chí chưa biết tên họ quý danh chúng tôi, đã trở thành “kẻ thù tập thể” của bốn thằng chúng tôi. Diễm Kiều nhiều phen đỏ hoe cả mắt vì bị chúng tôi chọc quê là chức trưởng lớp của cô bị thiếu mất bốn phiếu.

Dần dà, chúng tôi quên bằng chuyện cũ. Cả bọn cố gắng xóa đi hình ảnh tương đối phi thẩm mỹ lúc ban đầu bằng cách tích cực tham gia sinh hoạt trường lớp. Ngoài kiến thức “thông kim bác cổ” của Vĩnh Viễn, các bạn cùng khóa bắt đầu kháo nhau về giọng đơn ca của Vĩnh cận, song ca Hùng-Vĩnh và tốp ca Bốn Con Ma, tên cả lớp đặt cho chúng tôi. Tôi cũng được xem là một cây viết kịch thơ tài tử với những vở kịch thường có cốt truyện hao hao giống nhau. Một chàng trai trẻ xung phong đi dạy học ở vùng cao, dần dần ít dịp về thăm thành phố và gia đình. “Xen” tiếp theo là sự xuất hiện của một sơn nữ có vẻ đẹp liêu trai, siêng năng làm rẫy suốt mùa, nhưng không hiểu sao vẫn giữ được làn da trắng như trứng gà bóc, thuận tiện cho các tiểu thư thành nội nhập vai.

Mùa đông Huế lạnh thấu xương. Đêm đến chúng tôi thường ở lại nhà Vĩnh cận, khi thì ở nhà đại giáo sư học bài chung, sáng sớm phân công một đứa nấu nước sôi làm mì tôm, pha cà phê, rồi động viên nhau tới trường. Tôi thường nằm vật xuống sàn nhà trọ, vừa đợi cà phê vừa lắng nghe Vĩnh cận và Hùng đen hát. Vĩnh cận hát “*Suối mơ bên rừng*

*thu vắng...”?*, và “*Chiều ơi, lúc chiều về là lúc...*” Hùng đen hát “*Xác người nằm trôi sông treo trên gắm cầu...*” và “*Hát cho dân tôi nghe lửa cháy lên trại giặc thù...*”. Lạ lùng thật, hai đứa hai cá tính, hai giọng hát gần như nghịch nhau, mà lần nào tôi cũng lén quay mặt vào tường, ứa nước mắt. Còn đại giáo sư, thì lẩm bẩm “*Mẹ kiếp!*” rồi co giò đập bản cuốn tự điển Việt-Anh - Anh-Việt của Lê Bá Kông vắng xa mấy mét.

Những lúc được ngồi ở góc vườn của Kiều, nhìn mái ngói rêu phong, nhìn những tàn lá mận xanh xanh nổi lên giữa trời, và những đám mây trắng phau lũng thững trôi, tai nghe những âm thanh ríu rít, nũng nịu của mẹ con nàng Kiều, chúng tôi bồi hồi như đang được hạnh phúc cứu mang. Cả cái ý nghĩ sắp kéo bộ về nhà, băng ngang con đường vắt ngang hồ Tĩnh Tâm mát rượi, đi hàng ngang, tràn ra giữa con đường Đinh Bộ Lĩnh vắng ngắt, và bàn cãi đủ mọi chuyện trên đời, cũng làm cho chúng tôi phấn chấn hẳn lên. Ở cổng vườn, ngay dưới gốc ngọc lan hương hoa nồng nàn băng lảng, trưởng lớp VH1 dựa đầu vào thân cây, đưa tay vẫy vẫy và nhìn theo chúng tôi cho đến khi khuất dạng. Hùng đen trịnh trọng tuyên bố phải có một thằng xung phong vào Cao đẳng Mỹ thuật để ghi lại hình ảnh tuyệt vời này dành cho các thế hệ mai sau, rồi hẳn tự đặt tên cho danh phẩm là “*Dưới gốc ngọc lan*”.

Không có đứa nào trong chúng tôi thành họa sĩ cả. Nhưng giọng hát của Hùng và Vịnh sâu lắng hơn, và tôi cũng hoàn thành được tập thơ đầu tay, định cậy Mạnh Thường Quân giúp đỡ in ấn. Riêng đại giáo sư bỗng lười biếng đọc sách, chăm nghe nhạc hơn, thường tỏ ra bất an và biểu lộ tinh thần “*phản chiến*” bằng cách chửi thề nhiều hơn mỗi lần gục cái đầu tóc tai bù xù lên bàn học, theo dõi tin tức chiến tranh từ cái Philip cũ đã xuống cấp trầm trọng của Hùng đen.

Trong khi bè bạn trong lớp có vẻ ganh tị với tình bạn của chúng tôi thì thật ra chúng tôi thường cãi nhau đều hơn, vô cớ hơn. Sau khi xem phim *Vĩnh biệt tình em* của David Lean, chúng tôi cãi nhau ầm ĩ lên.

Đứa thích Omar Shariff trong vai Zhivago, đứa mê vai Strelnikov, đứa tội nghiệp cho bà vợ của cha bác sĩ đa tình, đứa mơ được gặp người tình Lara vĩ đại. Chúng tôi về nhà muộn hơn. Rồi quán cà phê, cả bọn lủi rủ bám vai nhau. Một đứa nhận ra nhóm bạn của nhạc sĩ họ Trịnh bên kia đường, cũng đang lảo đảo đi ngược chiều. Nghe có tiếng huýt sáo bài *Điểm xưa*, chàng nhạc sĩ trẻ đưa tay vẫy, cười hiền từ. Một cuộc tranh luận nổ ra quyết liệt giữa bọn chúng tôi. Đứa nào đó mào đầu có thể vừa khóc cho thân phận quê hương vừa đêm đêm uống rượu ngoại ngay giữa trung tâm thành phố không. Một đứa khẳng định thần tượng của mình đã làm xong nhiệm vụ nghệ sĩ. Đứa khác thì nhiệt tình tấn công cái hẳn gọi là nghệ thuật salon và bọn “outsiders”.

- *Outsiders, outsiders...* cái con khỉ mốc!

Một tên sốt tiết đắp lại ngay trước bộ mặt ngơ ngác như hoa lạc giữa rừng gươm của Điểm Kiếu. Rồi cũng chính hắn, sau đó mấy phút, ngăn ngừa hỏi nhỏ tôi:

- *Outsiders* là gì... Có phải là người đứng bên lề không mày?

Có tiếng trưởng lớp VH1 rụt rè nêu ý kiến - chắc vì sợ bộ mặt lạnh như tiền của hai đấu sĩ - liệu có thể có những cách dẫn thân khác nhau hay không.

- Thế giới sáng tác có mặt phức tạp của nó - Tôi đồng tình với người phụ nữ duy nhất trong nhóm. Âm nhạc Trịnh Công Sơn đang góp phần thức tỉnh lương tri bao nhiêu người...

Có đứa đang trầm ngâm đóng vai người hững hờ, bỗng vọt miệng nói giọng ray rét:

- Còn chúng ta đây... chúng ta cũng đêm đêm uống cà phê đen, nghe tiếng đại bác vọng về thành phố rồi ngủ thật ngon giấc. Có gì khác không! Liệu hòa bình có tự đến nhờ lời cầu nguyện thống thiết này không?

Cả bọn bất giác cúi đầu thật thấp, khi băng qua bóng tối dưới vòm cây long não ven đường, phân vân tìm câu trả lời.



Hình ảnh đậm nét nhất đọng lại trong tâm trí tôi là buổi chiều Kim Long bất hạnh đó. Cả bọn chúng tôi ngồi cả bên này, và Kiều một mình bên kia hố bom rộng bằng một cái ao nhỏ. Trong hố sâu và đất đá tan tác chung quanh, có lẫn xương thịt bà ngoại và mấy đứa em con bạn dì gọi Kiều bằng chị. Bom đã về tận thành phố. Đại bác không ru đêm từ cự li an toàn nữa. Buổi chiều chiến tranh với nửa vườn măng cụt mất đầu, những đám mít, dừa bặt gốc, xạm đen đè nặng lên ngang trái tim bất lực của lũ con trai chúng tôi. Cả bọn chờ một tiếng khóc, không, một tiếng thét thì tốt hơn, của đứa cháu cưng của ngoại để giảm bớt tiếng thét của chính mình đang ú ỉt ở ngực và cồn cào ở cổ. Nhưng Kiều vẫn ngồi thừ ra đấy, bất động, bé xiu, tóc tai rũ rượi và hoàn toàn mất an toàn giữa cảnh đổ nát tàn nhẫn chung quanh.

Chiều biến mất lúc nào, rồi thành linh tay ai lén treo một mảnh trăng non mong manh, dễ vỡ, giữa bầu trời Kim Long mờ tối, như muốn minh họa cho lời thơ thống thiết của ai “*Từ mái nhà tang chế - hiện một vầng trăng non*”. Mãi sau này, trong những ngày đằng đẵng xa quê, khi lục lại từng mảng ký ức tuổi trẻ tôi thường gặp lại bức tranh cũ lạnh lẽo và đầy tuyệt vọng này. Và lời đề từ làm nhân chúng vẫn là những con chữ thơ bằng máu cong queo, rúm ró quyết sống sót dù đã bị thời gian nhiều lần cố tình bôi xóa.

Diễm Kiều khóc thảm thiết ướt cả mẫu giấy có mấy dòng tạm biệt của Hùng đen. Nó đi bung theo ngõ Truôi. Chúng tôi chuyển tay nhau mẫu giấy đã ngả màu, nhỏ thêm mấy giọt nước mắt thương bạn lên non, trên hàng chữ đã méo xệch đi vì nước mắt Kiều. Ở cuối thư nó viết “Chào tất cả các bạn. Vĩnh biệt Diễm xưa”.

Cái thằng trực tính mà cộc cằn này chỉ có tài nói xúi quẩy... Sao lại vĩnh biệt? - Tôi gượng gạo nói.

- Mẹ kiếp! - Vĩnh cận chửi thề, nước mắt ràn rụa - nó phê Trịnh Công Sơn nát nước mà còn bày đặt hỏi “*Làm sao em biết bia đá không đau!*”.

Vĩnh Viễn đang ngồi loay hoay như con gấu trong chuồng, nói giọng gắt gỏng:

- Cỏ cây sỏi đá còn lên tiếng... thì những thằng người có bó chân, bó cẳng mãi được không, hứ! Tao muốn bỏ học. Tao muốn làm một cái gì đó. Tao sẽ làm ngay lập tức đây...

Hắn vùng lên, đi dần ra cửa, rồi quày quả trở lại, ngồi bệt xuống, mặt mày ngơ ngác.

Một buổi tối thứ bảy, ở quán Chiều, đợi khi vắng khách, Kiều rón rén mở một hộp giấy phong kín lộ ra một bó hoa hồng đã héo, mếu máo kể:

- Khuya đó... đang mất ngủ, Kiều nghe tiếng xe dừng lại ở cổng, cả nhà đã đi ngủ... Kiều lắng nghe, nhưng không có tiếng ai gọi cổng... Sáng ra tưới cây sớm, Kiều nhặt được bó hồng này... mười chín bông cả thảy. Có ai đó nhớ đúng ngày sinh nhật của Kiều. Xin lỗi dạo đó đang mùa thi, Kiều phải giấu chuyện sinh nhật... Có điều người ta đã tính lộn mất một bông. Sinh nhật này Kiều đã hai mươi...

- Thôi, chắc thằng Hùng đen rồi, cái chu đáo của người sắp đi xa! - Tôi nói ngay điều mình cần phải nói.

Kiều gục xuống bàn, đôi vai nhỏ rùn lại. Viễn lúng túng vỗ về bạn, khuôn mặt nghiêm trang, khổ sở y như bố già. Mới mấy năm mà sao mi già nhanh đến như thế, hử? Vĩnh cận ngơ ngác gỡ kiếng ra, lau lia lịa. Còn tôi tựa vào lưng ghế, cố hít càng nhiều không khí càng tốt. Lần đầu tiên tôi hiểu thế nào là trái tim tan nát!

*"Làm sao em biết bia đá không đau... trên bước chân em âm thầm lá đổ... chợt hồng xanh buốt..."*

Ai hát chi buồn, mệnh mang buồn đến thế! Bóng ai từng chìm mất tâm trong giông bão của thời cuộc, của tháng năm lạnh lùng trôi, bỗng rờn rợn thoáng hiện về trên bậc thềm xưa. Và tiếng xưa, y như dấu hài bé nhỏ giẫm lên bờ kỷ niệm, làm lộ dần những vết thương chưa hề lành lặn!

Tôi tránh ánh mắt hơi soi mói của Kiều, nhìn lảng về phía bóng tối, nơi phong kín tâm hồn u uẩn của thế gian, và u uẩn chút tình tôi...

- Mẹ nhắc chuyện chồng con. Mẹ nhắc con gái sắp ra trường lên non cao, về biển vắng khó lấy chồng vừa ý lắm. Nhưng Hiền... ời, liệu có phải anh Hùng đã tặng hoa sinh nhật cho Kiều không? Ời, anh Hiền biết không, Kiều không muốn giấu làm chi nữa, khi cầm bó hoa hồng vẫn còn tươi lên, Kiều đã khóc, đã tự hứa thầm rằng sẽ tìm cho được người tặng hoa...

Cả bọn đã ngủ vui, đứa trên giường, đứa nằm ngay trên sàn nhà trọ. Tôi rón rén giở bài tập ngày mai ra học rồi vớ tập của đại giáo sư ra dò một từ đọc không rõ. Ngay dưới đề bài, tôi lạng người nhìn mấy dòng chữ đã bị gạch bỏ nhưng vẫn còn đọc được của đại giáo sư Vĩnh Viễn *"Diễm Kiều! Anh yêu em, nhưng..."*.

Thôi, đại giáo sư ời, đừng nhưng... và nhưng làm gì nữa. Tớ hiểu, còn ai hiểu cậu bằng tớ nữa - Tôi thừa nhận, có lẽ cũng không dễ dàng gì - Thành Hùng xứng đáng hơn tất cả chúng ta. Tên nó xứng đáng được khắc lên trái tim đẹp nhất trần gian mà chúng ta từng biết. Vĩnh Viễn ời, đừng làm gì vẩn đục tình bạn mà Hùng đã dày công vun xới, hy vọng nữa. Đừng làm gì khuấy động, sứt mẻ kỷ niệm thiêng liêng về Hùng nữa! Tình yêu vẫn còn tồn tại nhưng với thế hệ chúng ta, có lẽ không còn chọn lựa nào khác. Dù muộn màng cũng sẽ có một bài ca chung, ghen ngào dành cho ngày mai gặp lại, và cả bài ca dành riêng cho những người yêu nhau phân vân dừng lại bên cầu...

Khoảng thời gian chuẩn bị thi tốt nghiệp, chúng tôi nhận được tin Hùng đen mất. Diễm Kiều mặc đồ đen hôm chúng tôi bí mật làm lễ tưởng niệm. Trông Kiều gầy, hốc hác đúng đáng thiếu phụ mà nao lòng. Hơn một nửa sinh viên trong lớp đến với chúng tôi. Không còn ai ganh tị với một nhóm bạn đã mất đi một thành viên thân thiết. Không ai muốn mình bé mọn trước người đã mãi mãi ra đi vì việc nghĩa!

Vĩnh Viễn không bỏ học. Ông cụ đã ra tay kịp lúc. Hẳn chịu trở lại “cày bừa” ở giảng đường và thư viện đại học, có lẽ để chuẩn bị cho sự nghiệp của một học giả tương lai chẳng. Nhưng sách vở và kiến thức không ngăn hẳn nhào ra đường mỗi lần có một đoàn biểu tình đi qua thư viện mà hẳn cho là có chính nghĩa, cần ủng hộ. Người thành phố quen bộ mặt ngơ ngác như vừa bước ra khỏi một trang tiểu thuyết Nga thế kỷ 19 của hẳn, nhưng khi nhìn ở cự ly gần, bên bàn cà phê, có thể nhận ra có cái gì lấp lánh y như những đốm lửa, đang chầm chậm di động trong đáy mắt của hẳn. Tử vi của hẳn là hoặc sẽ trở thành một tài năng, hoặc một thằng điên. Diễm Kiều và Vĩnh cận cầm giấy quyết định, gượng cười, vì cùng chia sẻ vai Lạc Long Quân và Âu Cơ. Kiều về một ngôi trường nhỏ ở miệt biển mà xưa nay chúng tôi chỉ thấy trên bản đồ. Có dạo tôi nghe tin Kiều sắp lấy chồng, và cả hai bác dự định sẽ ở với con gái, vì việc xin chuyển gần nhà cho Kiều bất thành. Vĩnh cận xách va-li rời thành phố. Nó mất hút đâu trên cao nguyên một thời gian, cho đến khi tình cờ tôi đọc lác đác mấy bài thơ của hẳn trên báo Sài Gòn. Hẳn có giải thích với Vĩnh Viễn chuyện từ bỏ dự định sáng tác ca khúc vì “Trời đã sinh Vĩnh, còn sinh Trịnh”. Thơ hẳn có cái lạnh lẽo, mông lung của khí hậu vùng cao, nơi mỗi sáng mờ sương, huyện lỵ nhỏ trên đồi thông như một ốc đảo chơi vơi vô định với đất trời. Trái tim nhạy cảm của thằng bạn, vốn được cả nhóm bạn chúng tôi dạo đó rất cứng, dường như tê dại hẳn vì cô độc và bị đột ngột tách khỏi cuộc sống thị thành đang hồi sôi động nhất. Sau những bài thơ loáng thoáng những “bể dâu” và “vô thường” ở tuổi đôi mươi, hẳn im tiếng hẳn.

Tôi cũng xách khăn gói về một trường huyện không xa làng cũ lắm, nhờ nhà trường chiếu cố cảnh con một và cha mẹ già. Trường tôi nằm gần ngọn núi cao nhất vùng, mỗi lúc đến gần cửa sổ, lại thấy đỉnh núi chót vót, cô độc trên cao. Vào những ngày nghỉ, tôi theo mấy đứa học trò người dân tộc lên bản chơi và tập tành sưu tầm văn học dân gian miền

núi theo gợi ý của các thầy hồi còn ở đại học. Có khi tôi theo mấy đứa học trò lớn lên núi lấy cây, thỉnh thoảng ở lại đêm để có cảm giác gần trăng sao hơn. Từ lưng chừng núi nhìn xuống thấy nhà cửa, làng xóm nhỏ bé hẳn, ngạc nhiên vì bao nhiêu vui buồn, thương ghét phức tạp lại xảy ra trong có chừng đó không gian!

Ba và mẹ tôi mất, người đầu năm, người cuối năm, tôi làm con điều đứt dây bay cao và xa hơn nữa. Tôi từng gặp những người vùng cao ngô nghê, cơ cực y như vừa từ hang động thời nguyên thủy bước ra, từng chiêm ngưỡng những ngọn cây cao vút muốn hút tầm nhìn, còn sót lại sau những đợt bom tàn tàn bạo. Tôi từng lặng người suốt buổi đêm đêm nhìn về phía một cánh đại bàng thỉnh thoảng bay bổng lên, chao mình và biến mất bên kia núi thiêng.

Một lần một ông già hơi mũi sừng sần về phía một ngọn đồi khuất sau sương mù, nói gì đó về những nấm mồ. Ông già nói tiếng Kinh pha tiếng dân tộc dù không hiểu rõ ràng lắm, tôi cũng đủ liễu lĩnh băng qua một loạt suối khe để thỉnh thoảng nhận ra tên của Hùng đen trên vách đá. Những dòng chữ nguệch ngoạc được viết bằng một thứ mù cây gì đó đỏ như máu. Tôi ngồi suốt buổi chiều ở đó, lặng người nhớ đêm cuối cùng Hùng đen đánh thức tôi dậy ra ngồi ngoài hiên nhà. Nó lặng lẽ, không nói một lời, ngón tay và điều thuốc Ruby hút dở run run trong đêm khuya. Tôi gọi tên nó, Hùng ơi... Hùng ơi! Nhưng không có tiếng trả lời. Đến chim rừng cũng bỏ núi đồi quê hương đi đâu mất. Kỷ niệm lãng mạn thời học trò sống dậy, cùng với Lamartine, tôi ồ ra khóc, thương những lóng xương khô dưới mô đất nhỏ, bơ vơ, bỗng thân thiết, gần gũi gan ruột với mình hơn bao giờ hết. Chiến tranh và thói quen đốt rừng của bà con vùng cao tạo ra một vạt đất trống và gió núi, không còn bị cây rừng cản lồng lộn quanh chỗ tôi ngồi suốt buổi...

Tôi viết mấy dòng vội vã gửi cho hiệu trưởng, gọi nhóm học trò thân tín lại, dặn dò, bàn giao tất cả mọi thứ linh kinh dưới núi. Mặc các em

nằm ôm nhau rì rầm, thút thít, tôi quay lại ghềnh suối, mò mẫm khắc lên thân cây thêm mấy chữ, hy vọng một ngày hòa bình, nếu còn sống sót, sẽ trở lại tìm cách đưa Hùng đem về phố cũ. Vĩnh biệt thời thơ sinh nghiên bút! Vĩnh biệt những ngày tháng trần trở! Vĩnh biệt Diễm xưa! Giữa khoảng tối đen mệnh mang trước mắt và xa vời vợi dưới kia, tôi giật thót mình nhận ra một quang sáng mờ mờ thoáng ẩn, thoáng hiện, y như một ảo ảnh: Huế - Huế của tôi! Hùng ơi, tao đang hiểu những gì sâu sắc, khắc khoải nhất mà mày đã ngăn ngừa không nói hết với tao. Tao đang đứng trên mảnh đất, có lẽ ngay đúng chỗ ngày nào mày từng đứng, đắm đắm vọng về phố xưa. Cái quang sáng mờ ảo, hư hư thật thật này là tất cả, là tình yêu và số phận của một đời người. Sự sống còn của quê hương lớn lao, kỳ vĩ và là DANH DỰ đối với những người đã ra đi vĩnh viễn và cả những người đã sẵn sàng cho chuyến đi xa nhất của thế hệ mình!

Tôi dừng ở cổng chờ Diễm Kiều, gật đầu cảm ơn lúc nghe một chị hàng xóm giải thích.

- Dạ ông muốn hỏi ni cô Tịnh Hồng à. Bây giờ trong khu phố người ta gọi chị Kiều là Tịnh Hồng!

Kiều bận đồ lam rộng thùng thình. Hai em đã theo chồng, Lệ Kiều đang ở nước ngoài, ông bà cụ lần lượt đi, sau nhau chỉ vài năm. Chỉ một đoạn ngắn từ cổng vào phòng khách, và mới nghe tôi hỏi thăm, Kiều đã kịp thông tin đầy đủ về toàn bộ thành viên gia đình. Có lẽ bắt gặp ánh mắt không được tự nhiên lắm của tôi, Kiều giải thích thật nhanh:

- Vườn rộng, neo người nên mình có sáng kiến biến thành Tịnh Cốc... vào dịp rằm, mừng một gặp bà con tín hữu quanh khu phố cho vui chứ tu hành chi mô!

Phải mất một lát, tôi mới hiểu đúng là mình đang ngồi trong khu vườn kỷ niệm, và trong những cái tên chủ nhà nhắc tới có người đã đi xa, có người đã khuất và ủ trong chiếc áo lam rộng thùng thình này đúng là cô bạn rượu của bốn thằng chúng tôi ngày nào.

Những chiếc bánh in Huế xinh xắn, bùi ở kẽ răng và lưng trà sen. Kiều nói năng càng lúc càng hoạt bát, tựa như từ lâu đã quen vị trí chủ thiển viên, và dường như không chút thắc mắc lúc suốt già nửa câu chuyện, khách chỉ ừ hử không trả lời câu hỏi nào của mình.

Rồi thỉnh linh có tiếng gì thoảng qua, y như tiếng lá rơi hay tiếng ai vừa thở dài.

- Ông mô cũng đòi thủy chung với Huế... rồi bỏ đi cưới người mô mô trên non dưới biển.

Tôi giật mình, loay hoay một lúc, rồi thử bắt chước giọng thời sinh viên:

- Nè, hai thằng Vĩnh cận, Vĩnh Viễn có lợi dụng lúc tụi này ở xa nói chi với Kiều không đó? Khai thiệt đi!

Tôi ra dấu sẽ đấm vỡ mặt kẻ phản bội vắng mặt.

- Nói chi là nói chi chi hề! - Kéo chéo áo lam lên che mặt, Diễm Kiều cười rũ ra. Khi ngẩng mặt lên, bóng nụ cười trên môi còn vương vấn, những chấm đỏ hồng trên má, cổ vẫn nấn ná chưa lặn, vẫn còn ngọt ngào quanh đây chút hương vị trần gian, có lẽ y như những con người tu hành chưa đắc đạo khác.

Chúng tôi trở lại câu chuyện một chiều như cũ. Chủ nhà nói, cười, kể chuyện, khách ầm ừ, lặng người đi. Cũng vẫn giọng nói riu rít, nũng nịu như ngày nào. Cũng những cảnh mạn la đà và một góc trời đầy mây trong. Nhưng trong tôi không còn cảm giác yên bình, hạnh phúc cũ, tựa như một cái gì đó mơ hồ, không rõ tên tuổi, đã gãy đổ. Có âm sắc hiu hắt gì thỉnh thoảng lẫn vào, dù cũng đúng khung cảnh này, không khí này và con người đó - có lẽ âm sắc của thời gian!

- Nè, có nghe chuyện ông Vĩnh cận của tụi mình sau ngày giải phóng làm trưởng phòng giáo dục huyện không? Thi sĩ cũng có khiếu hành chánh đó chứ!

- Tin lành! - Tôi trả lời - Nếu nó tiếp tục sản xuất thơ lục bát và trường ca mới là sự đại bất hạnh cho vợ con nhà nó.

Tôi không khỏi tủm tỉm cười khi liên hệ vẻ mặt ảo não của Vĩnh cận lần gặp sau cùng và dáng dấp đĩnh đạc nhất định cần phải có của một quan chức.

- Rúa mà ở Huế mình, vẫn còn khối người thủy chung với thơ ca y như ngày xưa đó!

Tôi ậm ừ nhắc qua chuyện ghé thăm Vĩnh Viễn nhưng không gặp, nó đang dự hội thảo gì ở Hà Nội.

- Có gặp vợ Vĩnh Viễn không? Nghe xinh xắn lắm mà!

Giọng Kiều trong, vui vui nhưng không hẳn hoàn toàn thoải mái.

- Tất nhiên phải trắng trẻo hơn vợ thằng Vĩnh cận rồi!

Lần đầu tiên chúng tôi cùng cười xòa với nhau, nhớ chuyện cợt thi sĩ phải lòng một cô học trò người dân tộc ngay ở năm dạy học đầu tiên.

Không biết vô tình hay cố ý, suốt câu chuyện Diễm Kiều không một lần nhắc đến Hùng đen. Và tôi cũng thầm quyết định tạm không đề cập tới chuyện trở về vào mùa hè này để thực hiện lời hứa với người đã khuất.

- Rúa Hiền định rằng chừ rời Huế?

- Vâng, ngày mai mình sẽ ra ga sớm... một mình trên sân ga...

Tôi định nói đùa nhưng nửa chừng mất hứng thú, nhỏ giọng lại, lúng túng cúi mặt trên tách trà đã cạn còn ngan ngát chút hương sen..

Không biết mấy phút đã trôi qua khi tôi nghe tiếng bạn, cũng hạ giọng thật nhỏ, như vừa lờ nói với chính mình:

- Ở khu vườn cũ này, mình cũng một mình...

Tôi ngẩng mặt lên một cách khó nhọc, sững sờ nhìn người đang lặng lẽ quay đi. Mấy phút trôi qua, tôi vẫn chưa thốt lên được một lời nào, và



Kiều vẫn trong tư thế cũ, hàng mi cong vút và sống mũi thanh tú nổi rõ trên nền vườn khuya. Người năm xưa năm xưa vẫn giữ mãi được vẻ sáng láng, đài các như đóa hồng kỷ niệm, đóa hồng đã từng cào rách tay tôi đến rướm máu, héo tàn dần với thời gian, chỉ riêng hồn hoa còn bùi ngùi mãi; đóa hoa hồng của một đêm thương đau tuyệt vời khi tôi đã vụng về bứt ra một đóa cho riêng mình, trước khi ném qua cái cổng sắt đóng chặt gần hai mươi năm trước!

Tôi rẽ xe, cố tránh nhìn Kiều, dù thật ra ở cổng vườn, bóng tối hoàn toàn che mất khuôn mặt chủ nhân của Tịch Cốc. Trái với việc huyền thuyên, nững nịu suốt cả buổi gặp, cái bóng nhỏ xíu của cữu hoa hậu trường Sư phạm dựa hẳn vào thân cây ngọc lan đã hoàn toàn hóa đá, như muốn cỏ cây cùng chia sẻ khúc vĩ thanh vô lường của những kiếp người.

Tôi chậm chậm đi dọc theo đường xóm, rồi rẽ vào con đường nhỏ bằng ngang qua hồ Tĩnh Tâm. Con đường tự dưng trắng bạch dưới ánh trăng khuya, y như một dải nón lụa cổ giấu bớt nét Kiều buồn rười rượi của các o tôn nữ. Dừng xe sát thành cầu tôi đi ngay đến bậc cấp xuống hồ, nơi mặt hồ ngày nào vẫn còn lổn lổn bóng trăng. Và như một diễn viên kịch câm, tôi nhẹ nhàng rút tay ra khỏi túi quần, xòe ra trước mặt, ngay giữa trời khuya và dưới ánh trăng nội thành càng lúc càng vắng vắng.

Máu - những giọt máu lấm tấm đỏ hồng! Vàng, những giọt máu rỉ rả từ những vết xước của kỷ niệm. Diễm Kiều ơi, đúng như em thường dần vật, hoài nghi, có một đóa hồng trong bó hoa dành tặng riêng em ngày nào đã bị vò nát. Sỏi đá muộn màng hẳn đang tự hỏi liệu còn cần tới nhau nữa không! Hồ xanh ơi, hình như em đã già cỗi thật rồi chẳng? Liệu ký ức của em còn ủ giùm tôi những cánh hoa của tuổi xuân? Những cánh hoa bây giờ phiêu dạt đâu rồi hay vẫn còn giấu mình dưới mặt hồ u uẩn này, thỉnh thoảng lung linh hiện về, thì thảo an ủi những mối tình câm!

N.T.V

H À K H Á N H L I N H

# Vĩ thanh màu hồng phấn

(SH số tháng 10 - 2002)

Tôi lần theo câu ca dao xưa tìm về làng Nam Phổ Thượng, nhưng gần như những vườn cau chỉ còn lại trong ca dao. Đây đó lác đác một số vườn vẫn còn cau, song không dày khít rậm rạp như tương truyền rằng ngày xưa người ta vít đốt cau để chuyển từ cây nọ sang cây kia, và làng nhiều cau đến độ vào vụ thu hoạch thì không những con trai mà con gái cũng phải trèo hái những buồng cau nặng trĩu, trái nào trái nấy no tròn. Còn chuyện “ở lỗ” có lẽ là cách ngoa ngôn có ý chọc ghẹo do các chàng trai ở những thôn làng kế cận sáng tạo ra? Ngang qua một khu vườn có hơn vài chục cây cau tán lá xanh mượt, thân thon thả thẳng đuột đang đung đưa hong mình trong nắng chiều màu vàng rơm, trên cánh cổng nhỏ có biển đề “Cơm chay An Lạc Viên” và kia cổng chính của khu vườn với đôi cánh gỗ to dày sơn màu huyết dụ đóng im lìm. Phía trên vòm mái cổ kính phủ đầy rêu xám có dòng chữ Hán đắp nổi “Phủ Vinh Quốc Phong”. Ra thế, trong phủ Vinh Quốc Phong có một khoảnh vườn nhỏ cho thực khách dùng cơm chay An Lạc. Chưa biết kỹ năng nấu nướng thế nào, nhưng được ngồi ăn dưới bóng lá của vườn cau này cũng đã có thể an lạc rồi. Tôi nghĩ vậy rồi mạnh dạn bước vào cổng nhỏ “An Lạc

Viên”, và cảm nhận ngay hương hoa cau đang mơn man ve vuốt lên tóc lên áo... của mình. Một người đàn ông râu tóc bờm xờm đang nằm thiêu thiêu ngủ trên cánh võng treo giữa hai cây cau đang trở bông nghe tiếng động vội bật dậy khoác áo bước ra đón:

- Xin lỗi, quý khách tới mà bốn quán không biết... Hôm nay vì nhà có việc nên quán nghỉ bán. Xin cáo lỗi cùng quý khách và mong quý khách lần sau lại đến.

- Chúng tôi trong đoàn văn nghệ sĩ đi thực tế sáng tác ở huyện nhà, trong lúc đi tìm xem những vườn cau Nam Phổ thấy cau nên dừng lại, bất ngờ thấy quán, quán nghỉ bán cũng không sao. Chẳng hay chủ nhân có thể cho tôi được ngồi lại đây một lát để ngắm cau?

- Hân hạnh quá! Rất hân hạnh! - Người đàn ông nói vừa kéo ghế mời tôi ngồi, rồi đi pha trà mời tôi uống, đoạn ông kéo ghế ngồi đối diện với tôi. Lúc này tôi mới có dịp nhìn kỹ đó là một người đàn ông chừng ngoài sáu mươi, râu tóc rậm rạp, da dẻ hồng hào, mắt to và sáng, nét mặt cương nghị, tia nhìn ấm áp và hiền lành, có một chút gì trẻ thơ trong đôi mắt lúng liếng ngơ ngác kia.

- Tôi yêu giới văn nghệ sĩ lắm, một phần vì bản thân tôi bất tài, chỉ dám đứng ngoài mà nhìn thôi! Trước đây tôi làm cộng tác viên cho một số tờ nhật báo ở Sài Gòn, chuyên mảng phóng sự xã hội - Người đàn ông nói về từ tốn và khiêm nhường - Chẳng hay tôi có thể hân hạnh được biết tôi đang tiếp chuyện với nhà văn, nhà thơ, hay nhạc sĩ...?

- Thưa, tôi là họa sĩ.

-Ồ thật tuyệt! Người đàn ông reo lên - Cái vườn cau này mà vào tranh thì... Nhưng theo chỗ tôi hiểu thì các họa sĩ thường vẽ cái họ nghĩ chứ không phải vẽ cái họ thấy. Có đúng vậy không chị? Chị cho phép chúng ta xưng hô như thế này cho thân mật nhé?

- Vâng, nên như thế. Lúc nãy anh nói hôm nay nhà có việc, vậy tôi ngồi chơi hơi lâu một chút có ảnh hưởng gì không?

- Ô không!... Người đàn ông xoa tay nói rồi đôi mắt trở nên đăm chiêu. Giọng ông bỗng chùng xuống như gửi gắm một tâm sự. - “Việc” là ở chỗ tôi không còn lòng dạ tâm trí đâu nữa để mà lo việc nấu nướng bán mua. Tôi sống một mình. Gần đây tôi ăn chay. Bạn bè lui tới cùng ăn với tôi khen ngon, mới xúi tôi mở quán bán cho vui. Mà vui thật. Tôi học được ở mẹ tôi tài nấu nướng. Nhờ mở quán cơm chay mà tôi có thêm được nhiều bạn hiền khách quý, như hôm nay là một ví dụ. Nhưng từ hôm qua đến giờ tôi đã phải trải qua những thời khắc cực kỳ đau đớn, một tình huống hết sức bi đát, cuộc đời tôi bị xô đẩy đến nước này là tột cùng rồi! Tôi... tôi...

Người đàn ông bỏ giữa chừng câu nói, nghẹn ngào tìm khăn tay lau nước mắt. Tôi cảm thấy mình có lỗi vì đã vô tình khơi dậy nỗi đau đớn trong ông, tôi định nói lời xin lỗi thì người đàn ông nói:

- Là họa sĩ chị có thể vẽ được nỗi đau này không?

- Cả nỗi đau và niềm hạnh phúc đều có thể vẽ được, một khi người họa sĩ cảm nhận được nỗi niềm ấy một cách sâu sắc, biến nó thành nỗi niềm của mình.

- Nếu chị chịu khó nghe, tôi sẽ kể.

- Ô, được vậy thật quá hân hạnh cho tôi - Tôi vừa nói vừa rót thêm nước vào tách đưa mời ông.

Người đàn ông đón tách trà trên tay tôi rồi đôi mắt trở nên mơ màng. Sài Gòn tháng Giêng 1968, buổi sáng sớm Vĩnh Tuấn thắng chiếc Honda từ nhà đến tòa soạn báo để gửi bài phóng sự anh vừa viết xong lúc hai giờ sáng - ưng ý lắm. Anh chuyên mảng phóng sự xã hội. Định gửi bài xong, nhận nhuận bút bài tuần trước rồi đi ăn sáng ở quán phở 86 trên đường Ngô Tùng Châu, sau đó ra ngồi nhâm nhi café ở nhà hàng Lapagode với một tờ báo, gần trưa sẽ ăn cơm tại một tiệm cơm bình dân trên đường Lê Thánh Tôn, rồi về nhà ngủ một giấc cho lại sức... Thế nhưng vừa bước chân vào tòa soạn cô thư ký đã trao cho anh một phong thư, thư của

Ngọc Mai - vợ anh. Bóc vội thư đọc lướt anh chợt bàng hoàng. Đến quán điểm tâm giải khát mở thư vợ ra đọc lại một lần nữa: "... Anh về thu xếp đưa mẹ con em vô Sài Gòn, kéo ở đây Việt Cộng sắp giết em rồi.."

Vĩnh Tuấn hiểu một khi Ngọc Mai đã nói vậy có nghĩa là tình thế gay go lắm rồi! Nàng vốn can đảm, có năng lực, ham làm việc, nên năm ngoái mới được bổ nhiệm làm trưởng đoàn Bình định nông thôn đặc trách hai quận Phú Vang và Phú Thứ. Tổ chức này là một biến tướng của mô hình xây dựng ấp chiến lược trước đây của Ngô Đình Nhu, nay các đoàn Bình định nông thôn có nhiệm vụ đi xây dựng lại những vùng quê đã bị lọt về tay cộng sản, chấn chỉnh bộ máy chính quyền cơ sở. Anh nhớ vợ anh sau mỗi chuyến đi công tác về mệt nhoài, đen đúa, nhếch nhác. Nghỉ ngơi vài hôm cho lại sức rồi kéo những thành viên trong đoàn bình định đến cùng làm món ăn dọn ra trên những chiếc bàn đặt dưới bóng cây lưu niên trong vườn cùng ăn uống vui đùa. Tham gia vào những cuộc này còn có mấy người bạn thân của Ngọc Mai là các ca sĩ tâm lý chiến như Thiên Hương, Nhã Lan, Hoàng Oanh... cô nào cũng trẻ măng, khá xinh, và giọng ca hết sức ngọt ngào. Vợ anh tuy không đẹp bằng các ca sĩ này, nhưng ở Ngọc Mai luôn toát ra một cái uy, một cái uy đầy sức quyến rũ! Những lúc Ngọc Mai đi công tác thì Ngọc Giao con gái của anh ở nhà với cô Công Huyền Tôn Nữ Anh Thi. Anh Thi em gái anh đẹp dịu dàng quý phái đoan trang. Những lần chị dâu đưa bạn bè về nhà, Anh Thi thường phụ giúp nấu nướng bưng dọn thức ăn xong liền rút về phòng riêng, nói là bận học. Chưa một lần Anh Thi tham gia vui chơi ăn uống ca hát với đám người kia. Vậy nên tướng Nguyễn Chí Thiện gặp là mê ngay, nhưng chẳng làm sao được, bởi Thiện đã có vợ con. Nhưng cái tình yêu dẫu mê đắm đơn phương không thể cất giữ mãi trong lòng nên có dịp là tướng Thiện bày tỏ với anh trai của Anh Thi ngay. Vĩnh Tuấn trở thành chỗ thân thiết với tướng Thiện là vậy. Ở Sài Gòn bạn bè trong giới báo chí thấy anh thỉnh thoảng cặp kè với vị tướng trẻ ba sao này có

phần nề phục anh lắm. Một số tin tức tài liệu moi được ở tướng Thiện đã làm phong phú thêm cho các bài báo của anh. Về phương diện này anh cũng cảm ơn tướng Thiện lắm. Đi đâu làm gì anh cũng nói cho tướng Thiện hay. Khi đứng lên bước ra khỏi quán đựng phải một thuộc hạ của tướng Nguyễn Chí Thiện, Vĩnh Tuấn nói:

- Nhờ anh thưa lại với tướng Thiện rằng tôi có việc phải ra Huế gấp.

Viên sĩ quan trẻ đứng chụm chân nói:

- Tôi e rằng ngài trung tướng sẽ phàn nàn, vì lúc này an ninh của Huế không tốt.

Vĩnh Tuấn vừa dậm bước đi nói:

- Chính vì điều đó mà tôi phải ra Huế ngay để kịp lo cho vợ con, kéo Việt Cộng sắp làm thịt vợ tôi rồi!

Nói xong Vĩnh Tuấn bước đi thẳng.

Về đến Huế thấy tràn ngập không khí Tết lòng Vĩnh Tuấn như ấm lại. Đi trên những con đường ngát hương hoa xuân về sớm, với những sắc màu tươi mới rực rỡ của các loại bánh trái hoa quả bánh mứt Tết - Vĩnh Tuấn nghĩ giá như không canh cánh bên lòng nỗi lo tính mạng vợ bị đe dọa, thì bây giờ đây anh là một con người rất đổi hạnh phúc - một đứa con xa xứ trở về giữa không khí rộn ràng đón mùa xuân mới trên quê hương yêu dấu.

Sáng mồng hai Tết từ phủ Vinh Quốc Phong, Vĩnh Tuấn vác đồ nghề đi lên phố. Vừa đến cửa Thượng Tứ bất chợt bên kia đường có tiếng gọi:

- Ê, tên ác ôn kia đứng lại không thì ăn đạn!

Nghe gọi là “ác ôn” không chắc là gọi mình hay gọi một ai đó, nhưng cái “ai” có vẻ Việt Cộng, Vĩnh Tuấn chột giật mình và chưa kịp có phản ứng gì thì một họng súng AK dương lên cách Vĩnh Tuấn chưa tới mười mét. Vĩnh Tuấn chỉ còn cách đứng thẳng buông xuôi hai tay không động đậy. Họng súng AK tiến lại gần Vĩnh Tuấn hơn. Và ngay lập tức các thứ

trên người anh: máy ảnh, máy quay phim, đồng hồ, bút, ví đựng các loại giấy tờ và một ít tiền bị tước mất. Khi mọi thứ kể trên chuyển từ Vĩnh Tuấn qua phía người mặc quân phục màu xanh lá cây, đi dép lốp, đội mũ tai bèo, mang súng AK xong - Anh ta hô:

- Quay mặt đằng trước, bước!

Tức là bước vô cửa Thượng Tứ. Vĩnh Tuấn răm rắp làm theo và luôn cảm nhận cái nòng súng AK cách lưng mình không đầy hai mươi phân! Vừa qua khỏi cửa Thượng Tứ bỗng thấy nhiều phụ nữ tay cầm cờ sao vàng trên nền vải nửa xanh nửa đỏ vừa đi vừa hô to:

- Huế đã được giải phóng rồi, đồng bào đừng sợ! Đừng sợ!...

Đồng bào thì có thể đừng sợ, nhưng Vĩnh Tuấn vừa được người ta phong cho “tên ác ôn” thì đừng sợ thế nào được?! Nghĩ vậy rồi sực nhớ tới vợ. Vợ chồng anh đang có kế hoạch ăn tết xong là dẫn nhau vô Sài Gòn, bỏ lại cái “Bình định nông thôn” cho ông Thiệu. Ai ngờ giờ đây Vixi vô đến tận nơi thế này, không chừng họ đã tới nhà bắt vợ con anh giết chết mất rồi! Nghĩ đến đây lòng anh như có lửa đốt. Bất chợt anh cất giọng hô to:

- Huế đã được giải phóng rồi! Đồng bào đừng sợ! Đừng sợ!...

Hai bên đường phố đồng bào ủa ra, quân Giải phóng ủa vào. Giữa làn sóng người đông đúc đó Vĩnh Tuấn gần như quên mất cái họng súng AK sau lưng mình. Về sau này Vĩnh Tuấn vẫn không biết cái họng súng ấy biến đi từ lúc nào. Có lẽ nó biến đi khi một anh Giải phóng quân nói:

- A, ông này to giọng, được đây!

Vậy là Vĩnh Tuấn vừa đi vừa hô hét mỗi lúc một to hơn:

- Huế đã được giải phóng, đồng bào đừng sợ! Huế đã được giải phóng...

Đoàn người mỗi lúc một đông hơn. Ngang qua chỗ Bộ Học Vĩnh Tuấn đi chậm lại, vừa đưa tay chỉ về phía thư viện Bảo Đại nói:

- Trong kia có thể có địch. Hãy coi chừng...

Nghe xong mấy ông chỉ huy tỏ vẻ thận trọng bảo đồng bào và chiến sĩ hãy dừng lại. Mọi người ngồi quây cụm bên nhau khi mấy ông chỉ huy đứng bàn bạc. Những khung cửa sổ hai bên đường lấp ló nhiều khuôn mặt và từ bên trong các cánh cổng không ngớt tuôn ra những chàng trai cô gái nhập vào đoàn người mỗi lúc một đông. Vĩnh Tuấn đi đến chỗ những nam nữ thanh niên này hỏi bằng quơ vài điều rồi lên vào một con hẻm nhỏ, tìm đường về nhà một người quen. Ngồi nghỉ ngơi nghe ngóng tình hình một lát rồi tìm đường về thôn Vỹ, qua Nam Phổ Thượng. Hồi ấy thôn Vỹ Dạ thuộc quận Phú Vang chứ không phải thuộc về Huế như bây giờ. Và cả hai phe đều lấy làng Nam Phổ, thôn Vỹ Dạ làm địa bàn chiến lược. Phía quân Giải phóng thì lấy nó làm một trong những đường rút quân thuận lợi, lại vừa là bàn đạp để tiến công Huế. Phía quân lực Việt Nam cộng hòa thì lấy nó làm vành đai phòng thủ, bảo vệ Huế, và là nơi cho các cán bộ Bình định nông thôn rút về nghỉ ngơi sau chiến dịch, là chỗ cho những ấp trưởng, xã trưởng, thôn trưởng cùng cán bộ các ban ngành thuộc các xã Phú Hồ, Phú An, Phú Thanh, Phú Mậu... tìm về ngủ lại đêm sau mỗi ngày làm việc. Thế nhưng nghe nói gần đây có ông quận trưởng ban ngày làm việc ở Hương Thủy, ban đêm về ngủ tại Nam Giao Huế, vậy mà quân giải phóng lọt vào tận phòng ngủ để giết. Bởi thế nên Ngọc Mai mới lo lắng sợ hãi. Vừa bước vào nhà thấy vợ vẫn bình an vô sự anh rất mừng. Nhưng Ngọc Mai đã túm lấy anh mà dẫn đến một góc nhà vừa nói trong hơi thở gấp gáp:

- Anh leo lên trên tra<sup>(\*)</sup> mà trốn ngay đi, lúc này có cậu Tâm Anh vào hỏi anh.

- Tâm Anh nào? Có phải Tâm Anh trong đoàn sinh viên Phật giáo quyết tử đạo nọ không?

---

\*. Lằm đưng lúa.



- Đúng rồi, sau đó nó đi Việt Cộng, à quên..., nó đi giải phóng, bây giờ về, coi bộ rần rỏi cứng cáp oai vệ lắm!...

Chưa để vợ dứt lời Vĩnh Tuấn đã leo tót lên tra. Hơi lúa nóng hùng hực quện với mùi phân mèo hăng nồng nặc. Con mèo tam thể đang ngủ vùi trong góc tối, anh bò tới cạnh con mèo và nhanh chóng chiếm lấy chỗ bóng tối ấy. Anh bồng con mèo vuốt ve và sức nhìn lên chỗ tay đeo đồng hồ mới nhớ đồng hồ không còn nữa. Anh gọi vọng xuống nhà hỏi mấy giờ rồi, đúng lúc đó Anh Thi bắc thang bưng một khay thức ăn đồ uống leo lên. Ngọc Mai trao cho anh cái chăn với tấm drap trắng, cái gối thêu.

- Hai giờ chiều rồi - Ngọc Mai nói - Ủa vậy chớ đồng hồ máy ảnh, máy quay phim... của anh đâu hết rồi?

- Thôi đừng nói nữa! Còn cái mạng mà về được tới đây là tốt rồi - Vĩnh Tuấn nói - Ngọc Mai cũng lên đây với anh luôn để anh bàn tiếp công chuyện.

Ngọc Mai đứng ở lưng chừng thang nói:

- Để một mình cô Anh Thi và bé Ngọc Giao ở dưới này không tiện. Phải có em để có gì em còn ứng phó. Đàn ông vẫn sợ hơn chứ? Còn em, nếu họ muốn làm gì em thì họ đã làm rồi.

- Nhưng cậu Tâm Anh là chỗ quen biết cũ nó còn nương tay, chứ gặp phải người khác thì em tính sao? Lúc này Tâm Anh đến nó không nói gì em à?

- Không. Cậu ấy biết anh ở Sài Gòn mới ra. Em nói anh đi chưa về. Nghe xong cậu bỏ đi ngay.

- Bây giờ em tính sao?

- Còn tính sao nữa. Chuyến này mà thoát chết thì cả nhà sẽ chuyển vô Sài Gòn hết. Đóng cửa nhà cửa vườn lại. Phòng phủ thờ cũng đóng cửa, rồi nhờ bên Tôn Nhơn phủ để mắt trông qua...

Ngọc Mai, Anh Thi tụt xuống rồi vội vàng đem cất cái thang vừa xong thì nghe có tiếng bước chân vào cổng. Tâm Anh hiện ra ở ngưỡng cửa với ba lô, túi xách, súng đạn cổng kênh.

- Nhờ chị gọi anh Vĩnh Tuấn trên tra xuống cho tôi gấp, ở chi trên cho ngọt? Cách mạng có việc cho anh đây - Tâm Anh nói.

Nằm trên đồng lúa Vĩnh Tuấn lắng nghe và lấy làm kinh ngạc. Chưa kịp để vợ con và em gái kịp có phản ứng gì, Vĩnh Tuấn đã ló mặt ra cửa tra:

- Tâm Anh đó à? Mình đây!

Nói xong Vĩnh Tuấn vịn tay lên vĩ kèo lấy thế tìm điểm tựa rồi cả thân hình cao to dềnh dàng của anh nhanh nhẹn tụt xuống khéo léo và nhẹ bồng như một chú vượn con. Vĩnh Tuấn đứng giữa nhà, tay buông thõng, tay kia đưa lên vuốt mớ tóc xõ ra trước trán. Tâm Anh vịn hai tay lên vai Vĩnh Tuấn nắm chặt vào lắc lắc, vừa ngắm nghía Vĩnh Tuấn từ đầu tới chân rồi nở nụ cười tươi rói:

- Khá lắm! là trang nam nhi cách mạng về thì phải hăng hái tham gia chứ sao lại trốn trên tra?

Vĩnh Tuấn guợng cười chưa tìm ra câu trả lời thì Tâm Anh nói tiếp:

--- Anh không cần phải đi đâu xa, cứ ở tại địa bàn này thu thập tình hình rồi viết bài, viết tin sẽ có người đến lấy.

- Nhưng... các phương tiện hành nghề của mình đã bị các ông lấy mất hết rồi! Vĩnh Tuấn dè dặt phản ứng.

- Không lo, có đây. Tâm Anh buông rời đôi vai vạm vỡ của Vĩnh Tuấn rồi đến bên bộ trường kỷ đặt ba lô túi xách, súng đạn xuống nói - Anh em trẻ họ không biết, họ đưa các thứ của anh về. Nhìn thấy giấy tờ tùy thân của anh cấp trên liền trao nhiệm vụ cho tôi đem trả về hết cho anh, đồng thời giao việc cho anh luôn. Nói đoạn Tâm Anh mở ba lô kéo ra máy ảnh, máy quay phim, đồng hồ, bút, ví da trao cho Vĩnh Tuấn bảo - Anh kiểm tra lại tất cả xem có thiếu thứ gì không?

Vĩnh Tuấn cười rạng rỡ vừa “kiểm” bằng cách lật xem tấm thẻ ký giả và thẻ kiểm tra rồi nói:

- Thấy cái bộ dạng của mình qua các bức ảnh này chắc cấp trên của cậu ngứa mắt lắm nhỉ?

- Ờ thì... Cái bề ngoài, trời phú cho mỗi người một vẻ. Vĩnh Tuấn dứt ví da vào túi quần nói:

- Dân Mác xít mà cũng nói “trời” vậy ta? Vĩnh Tuấn cười ha hả - Khi tớ bị gọi là “tên ác ôn” tớ hiểu ngay rằng cái vẻ bề ngoài của mình đã hại mình rồi!

- Coi vậy mà hiền khô hà! Vợ Vĩnh Tuấn nói vừa dọn lên bàn các loại bánh mứt trái cây mà Anh Thi và Ngọc Giao vừa mới mang ra.

Vợ chồng Vĩnh Tuấn không ngớt mời Tâm Anh thưởng thức những món do chính tay em gái Vĩnh Tuấn làm.

Tâm Anh nhón một thỏi mứt bí đao trong veo như ngọc đưa lên miệng cắn vừa nói:

- Anh viết bài xong đến đâu nhờ cô Anh Thi đánh máy ngay đến đấy cho nhanh.

- Nhưng nhà không có máy, máy chữ mình để trong Sài Gòn rồi.

- Tôi lo cho anh đây rồi - Nói đoạn Tâm Anh bước ra cửa xách vào chiếc va ly nhỏ đựng máy đánh chữ trao tận tay Vĩnh Tuấn.

Vĩnh Tuấn cười rơm rớm nước mắt.

- Như thế này là hiểu nhau lắm rồi. Tôi sẽ cố gắng hết mình.

Tâm Anh đi rồi, Vĩnh Tuấn hăm hở bắt tay ngay vào công việc. Anh viết bài báo phản ánh không khí sáng mồng hai Tết tại cửa Thượng Tứ. Tinh thần hồ hởi phấn khởi của đồng bào Huế đón chào quân Giải phóng, đặc biệt là giới trẻ. Buổi chiều khoảng 17 giờ bài báo vừa đánh máy xong ba bản liền có một anh lính trẻ đến lấy đem đi. Những ngày tiếp theo nhịp độ công việc mỗi lúc một tăng. Anh hăng say đi lấy tài liệu

về rồi viết ngày viết đêm. Viết xong đọc cho vợ con và em gái nghe xong rồi Anh Thi và Vĩnh Tuấn thay phiên nhau đánh máy. Có thể nói đó là những ngày sôi động hào hứng và thú vị nhất của đời làm báo của anh. Anh làm để đáp lại tấm lòng của cách mạng thông qua Tâm Anh, anh làm vì ham vui, và trong tận cùng sâu thẳm của tâm thức anh làm để gỡ tội một phần nào cho Ngọc Mai - vợ anh. Tưởng là quân Giải phóng sẽ ở lại luôn với dân, ai ngờ ngày thứ hai mươi lăm họ rút khỏi thành phố sau nhiều trận giao tranh quyết liệt với quân đội Sài Gòn và quân đội Mỹ. Đau lòng nhất là máy bay Mỹ ném bom loạn xạ làm chết nhiều thường dân và tàn phá nặng nề Hoàng cung Huế. Là hậu duệ của Hoàng gia Nguyễn Phước tộc chứng kiến những lâu đài cung điện vàng son nguy nga tráng lệ của cha ông để lại trong phút chốc biến thành những đồng gạch đá đổ nát khói bụi tiêu điều - anh rất đau đớn và căm giận. Anh đã khóc. Giữa cái chung và cái riêng ngổn ngang trăm mối tơ vò ấy, anh thu xếp đưa cả nhà vô Sài Gòn như dự tính. Lâu nay anh sống với con trai lớn Ngọc Quỳnh đang theo học dự bị Đại học tại Sài Gòn, nay toàn gia đình quay về một chỗ cũng hay. Nào ngờ đến phút chót Công Huyền Tôn Nữ Anh Thi mới nói:

- Em không muốn đi. Em phải ở lại Huế để học cho xong Cử nhân Văn khoa.

- Vô Sài Gòn em vẫn tiếp tục học được kia mà. Có gì khó khăn về thủ tục thì đã có tướng Thiện.

- Anh thì lúc nào cũng tướng Thiện! Anh cứ vô trong mà sống với ông tướng của anh! Em phải ở lại Huế để còn trông coi nhà cửa phòng phủ chứ?

Về sau Vĩnh Tuấn mới biết những ngày qua Anh Thi đã được tổ chức đưa vào hoạt động bí mật trong phong trào sinh viên. Cô phải ở lại Huế là vì thế. Vừa vào đến Sài Gòn thì Vĩnh Tuấn bị bắt, và di lý trở ra Huế để lãnh án tù hai năm tại lao xá Thừa Phủ. Như đã có sự sắp đặt từ trước,

Công Huyền Tôn Nữ Anh Thi giờ đây trở thành điểm tựa của anh. Cô đã chăm sóc thăm nuôi anh trai tận tình chu đáo, vừa động viện an ủi anh suốt thời gian anh bị tù đầy. Ấy là có sự can thiệp của tướng Nguyễn Chí Thiện - Nhiều bạn bè của anh nói vậy - Nếu không thì anh sẽ còn ở tù mục xương vì tội tiếp tay cho cộng sản khi họ về chiếm đóng Huế xuân Mậu Thân 1968! Ngày Vĩnh Tuấn mãn hạn tù muốn trở vô Sài Gòn ngay để gặp vợ con, nhưng Anh Thi khuyên anh hãy khoan. Thấy có ý tứ lạ trong lời can ngăn này, anh dò hỏi mãi cuối cùng mới biết một sự thật kinh hoàng là Ngọc Mai đã dan díu với Tần - cậu em con bà cô ruột. Ngọc Mai sa đoạ, loạn luân đến thế là cùng! Vĩnh Tuấn vào Sài Gòn thủ sẵn một con dao, định khử luôn cả hai đứa. Nhưng khi ngồi trên xe từ sân bay Tân Sơn Nhất về nhà anh chợt thay đổi ý định. Anh nghĩ mình vừa mới ra tù xong với danh nghĩa tù nhân chính trị, không lẽ bây giờ lại chui ngay vào nhà tù với tội danh giết người? Dẫu thế nào anh cũng phải giữ gìn cho cái thanh danh tù chính trị của anh chứ. Thôi mặc kệ con dâm phụ đó muốn làm gì thì làm, anh chỉ bắt hai đứa con đem về Huế nuôi riêng, hoặc là tổng cổ ả ta ra khỏi nhà, không cho ở gần các con nữa! Vào đến nơi thấy Ngọc Mai bụng kénh càng mệt mỏi đang chờ ngày sinh. Ngọc Giao và Ngọc Quỳnh mừng rỡ đón cha trong nước mắt. Ôm hai đứa con vào lòng Vĩnh Tuấn thấy cảnh nhà thật quá thê thảm! Khi nghe Vĩnh Tuấn nói phải đưa các con trở về Huế, cả Ngọc Giao và Ngọc Quỳnh đều bắn khoăn lo lắng. Rằng chúng con đã quen trường quen lớp, quen thầy cô và chúng bạn rồi, nhất là Ngọc Quỳnh chỉ còn hai năm nữa thì tốt nghiệp. Ngọc Quỳnh nói:

- Ba ơi, con ra trường sẽ xin việc làm đỡ đần cho ba và nuôi em con học đến nơi đến chốn. Dẫu ở Sài Gòn hay ở Huế thì chúng con cũng đã xấu mặt rồi, chạy đi đâu cho thoát? Với lại mẹ con đã gần đến ngày sinh, cha con mình dọn ra Huế ở hết không lẽ để cậu Tần ngang nhiên đến lo toan chăm sóc mẹ nữa sao?

Nghe con nói phải Vĩnh Tuấn cùng các con đành ở lại Sài Gòn. Vĩnh Tuấn giờ không viết báo nữa mà làm người phát hành báo. Những sạp báo ở Huế và các tỉnh miền Trung đều bán giá ba đồng một tờ. Riêng các sạp do Vĩnh Tuấn làm đại lý chỉ bán hai đồng rưỡi. Vì vậy báo bán chạy lắm, thu nhập cũng khá, đủ để nuôi con. Được vậy là nhờ tướng Nguyễn Chí Thiện can thiệp cho anh được chở báo hàng ngày bằng máy bay miễn cước phí.

Đến ngày đến tháng Ngọc Mai đi bệnh viện sinh con. Anh được tin trên đường đi gửi phát hành báo từ sân bay trở về. Anh đến ngay bệnh viện, gặp Ngọc Mai, nàng nói rằng con đã chết. Vĩnh Tuấn phải lo thuốc men chăm sóc vợ sau khi sanh gần 3 tháng mới cho mớ tay vào nhà. Nhưng giữa Ngọc Mai và các con luôn xảy ra xung đột. Đàn bà mâu thuẫn với chồng vẫn có thể gắng nhịn qua ngày được. Nhưng xung đột với con, bị con khinh rẻ ra mặt thì không sống nổi. Ngọc Mai về sau để nghị ly hôn. Rồi một mình đi qua Mỹ dịp 30 - 4 - 1975. Con cái dần trưởng thành không đứa nào chịu trở về Huế. Công Huyền Tôn Nữ Anh Thi đi du học ở Đông Âu về rồi xây dựng gia đình, sống ở nhà chồng. Phủ Vĩnh Quốc Phong cỏ mọc lút đầu, nhà cửa gần như bỏ hoang. Đám hoàng phái ở đây kêu trời, nhất là chú em họ Vĩnh Bảo. Vĩnh Bảo liên tiếp gửi điện và thư vô Sài Gòn bảo anh phải về quê ngay để lo giữ bàn thờ cha ông, coi sóc vườn tược nhà cửa. Vĩnh Tuấn phải lo thu xếp để trở về quê. Phải mất cả năm mới ổn định được cửa nhà vườn tược. Những cây cau này mới được trồng từ dạo ấy mà nay đã cao lớn như thế. Từ một hoàng thân, một nhà báo, lâu dần biến thành một người làm vườn thực thụ: nhổ cỏ, cuốc đất, dọn cành, trồng cây, chăm hoa, hái trái... Một hôm Vĩnh Tuấn làm lụng mệt đang đuổi chân ngồi nghỉ dưới bóng cây thì hoàng thân Vĩnh Bảo tới rủ đi chơi, vào quán bia ôm. Thói đời những thứ rượu chè thuốc phiện gái đẹp - khi đã qua một lần là cứ muốn lui tới gần gũi lần thứ hai thứ ba... Lâu ngày đắm nghiện, rồi dính với một cô

rất trẻ, yếu điệu, mơ màng, rất đổi quyến rũ! Giáng Tiên - tên người con gái. Quan hệ ngày càng khăng khít. Khi Giáng Tiên báo tin nàng mang thai Vĩnh Tuấn xin bảo lãnh đưa Giáng Tiên về nhà. Nàng sinh con gái. Vĩnh Tuấn làm khai sinh mang giòng họ của mình: Tôn Nữ Giáng Ngọc. Khi Giáng Ngọc vừa được sáu tháng tuổi thì các con của Vĩnh Tuấn từ Sài Gòn ra thăm cha mới hay cơ sự. Ngọc Giao khóc suốt mướn, còn Ngọc Quỳnh thì kịch liệt phản đối:

- Ba có muốn lấy vợ thì kiếm một người cho tử tế. Hết mẹ làm xấu mặt chúng con thời chúng con còn nhỏ nay chúng con lớn lên lại chứng kiến cảnh ba đem gái cave về làm kế mẫu của chúng con!

Trước áp lực quá nặng nề của các con Vĩnh Tuấn đành phải chia tay với Giáng Tiên. Anh muốn xin bé Giáng Ngọc ở lại với mình, nhưng nàng không cho. Vĩnh Tuấn gom góp trong nhà có bao nhiêu tiền vàng gói lại một bọc trao cho nàng. Nàng bỗng con đi biệt tăm đã mấy năm qua. Thời còn quan hệ với nhau những khi Vĩnh Tuấn hỏi thăm nhân thân quê quán Giáng Tiên nói ở Thuận Hải, khi thì nói ở Đà Lạt. Hỏi cha mẹ thì nói cha mẹ đã chết, lớn lên ở nhà người chú ruột. Nhiều lúc Vĩnh Tuấn cảm thấy cô đơn và nhớ bé Giáng Ngọc quay quắt, anh đánh bạo viết thư gửi về các địa chỉ nói trên, những bức thư đều bị gửi trả lại, vì không có người nhận. Đến lúc này Vĩnh Tuấn mới hiểu ra một điều là làm cái nghề như Giáng Tiên không cô nào nói đúng sự thật cả! Bỗng đúng trưa hôm qua Giáng Tiên bỗng con trở lại tìm Vĩnh Tuấn. Bé Giáng Ngọc đã lên năm tuổi, xinh xắn và có nhiều nét giống Vĩnh Tuấn. Nhưng Giáng Tiên không phải chỉ trở về với bé Giáng Ngọc, mà cùng đi với Giáng Tiên còn có Tần đứa em con cô ruột của Ngọc Mai. Vì hiểm muộn đường con cái nên Tần đã cất công đi tìm đứa con mà dạo nọ Ngọc Mai nói đã chết - thực tế đứa bé vẫn còn sống. Qua bao manh mối dò tìm mãi Tần đã tìm ra đứa con đó chính là Giáng Tiên!

- Chị ơi, làm sao tôi sống nổi trong tình cảnh này?! Dẫu là con riêng

của vợ, nhưng chính tôi cũng đã mắc tội một khi bản thân mình dấy vào đứa con đó...

Lời của Vĩnh Tuấn như tiếng kêu đau thương thống thiết cất lên từ trái tim rỉ máu - cứ bùng bùng vương vít mãi trong không gian xanh mướt bóng cau. Hương hoa cau giờ trở nên nồng nàn ngọt ngào. Tôi ngồi im lặng ngắm Vĩnh Tuấn - trong phút chốc người đàn ông trở nên già sọm, suy sụp, khác hẳn lúc tôi mới bước chân vào. Tôi cố nén xúc động lựa lời nói:

- Khi quan hệ với Giáng Tiên anh không hề biết nhân thân của cô, nên anh không có tội. Tội này là của Ngọc Mai vợ anh. Trong toàn bộ câu chuyện anh kể tôi thấy có một chi tiết rất hay, một suy nghĩ rất nghiêm chỉnh, một sự lựa chọn rất đúng đắn, đó là khi anh mới ra tù mang theo con dao từ quê nhà vô Sài Gòn định “khử cả hai đứa”, nhưng anh đã kịp thời dừng lại, không làm điều đó, vì sợ hoen ố cái thanh danh tù chính trị của anh. Giá như từ đó về sau ở đâu và làm bất cứ việc gì anh cũng luôn nhớ cái thanh danh kia. Như anh đã từng nói, anh có những ngày sôi động hào hứng và thú vị nhất của đời làm báo - là dịp anh tham gia công tác trong tổng tiến công xuân Mậu Thân 1968. Theo tôi, anh nên cộng thêm hai năm tù chính trị của anh vào với hai mươi lăm ngày đêm sôi động hào hứng thú vị kia. Chẳng đường đời ấy của anh sáng đẹp và hào hùng như một bài ca tuyệt vời về tình yêu quê hương đất nước, mà cái vĩ thanh của nó còn tiếp tục ngân mãi, là khi anh dập tắt ý định trừ khử kẻ tình địch và kẻ bội tình để bảo toàn cái thanh danh tù chính trị của anh. Rất tiếc vĩ thanh kia đã có lúc bị lịm tắt trong anh, đó là những lúc anh lui tới chỗ quán rượu, hộp đêm, đàn đúm với những người đàn bà buôn hương bán phấn... Nhưng dầu sao vẫn còn may là anh nghe lời các con mà không tiếp tục chung sống với Giáng Tiên, và may mắn hơn hết là giữa Giáng Tiên và anh không hề có liên hệ huyết thống gì, bé Giáng Ngọc nhờ thế mà về mặt sinh học chắc sẽ phát triển bình thường.



- Suốt đời tôi ít khi có được sự may mắn - Vĩnh Tuấn nói chậm, giọng khàn - giờ đây lại lâm và một tình huống hết sức bi đát, vậy mà vừa rồi chị đã dẫn ra đến hai lần may mắn, chị lại còn nói sự lựa chọn của tôi trước đây là đúng đắn và nghiêm chỉnh. Cảm ơn chị! Hóa ra tôi vẫn còn niềm tin, niềm an ủi để có thể tiếp tục sống.

Vĩnh Tuấn nói vừa dứt lời thì từ nhà trong một bé gái xinh xắn trong chiếc áo đầm trắng chạy ra sà vào lòng Vĩnh Tuấn:

- Ba! Ba!... Đứa bé nũng nịu gọi.

Vĩnh Tuấn xốc nách cô bé đứng dậy bảo:

- Con chào cô đi!

Cô bé ngoan ngoãn vòng tay cúi đầu:

- Cháu chào cô ạ - rồi quay lại dúi đầu vào ngực Vĩnh Tuấn, dang rộng hai cánh tay bụ bẫm nhỏ xinh ôm xoác thân hình Vĩnh Tuấn, mớ tóc ngắn mềm vung vãi trên chiếc cổ đầy những lông tơ.

- Đây là bé Giáng Ngọc - Vĩnh Tuấn nói. Giáng Ngọc thương ba lắm, gặp ba là quần quýt theo ba, không chịu rời ba ra nữa.

Tôi hỏi:

- Mẹ cháu đâu rồi?

- Cô hỏi kìa, con trả lời đi! Vĩnh Tuấn giục.

Cô bé vẫn giữ nguyên tư thế ôm xoác thân hình ba, chỉ hơi ngẩng đầu ngửa mặt lên trả lời:

- Dạ mẹ cháu đi với ông Tần mua vé vô Sài Gòn.

- Cháu có đi Sài Gòn với mẹ không? Tôi hỏi:

- Dạ cháu ở với ba - Cô bé đáp.

Vĩnh Tuấn nói:

- Thực lòng Giáng Tiên không muốn xa con, nhưng đây là quyết định của Tần mà tôi cho là khá hợp lý, và tôi cũng không mong gì hơn. Tần muốn gây dựng lại cuộc đời cho Giáng Tiên...

- Dững cảm, bình tĩnh nhìn vào sự thật để cùng bàn bạc và có quyết định đúng đắn như vậy là tốt - Tôi nói khi chào tạm biệt Vĩnh Tuấn - Nếu tôi phải vẽ lúc này thì không chỉ vẽ nỗi đau mà còn có cả niềm hạnh phúc nữa. Nhưng trước hết tôi sẽ vẽ cái vĩ thanh mà lúc này tôi đã đề cập, vĩ thanh màu hồng phấn...

*Trại sáng tác Phú Thuận, 7-9-2002*

*H.K.L*

# Cuộc đời không bán được

(SH số tháng 11 - 2002)

Ông già ngồi trên chiếc ghế bố làm bằng mảnh bao phía dưới bóng cây đa lão - trụ sở của Hội những người bán máu kia, sinh năm 1919, tròn 82 tuổi. Mái tóc quá lứa của ông vàng cháy màu khói ướn, đôi mắt sâu hoắm với hai con người nhờ ố, lẫn khuất trong cái màu xám đục nhợt xỉn của tròng trắng, hai cái má hóp sâu, hàm râu hoang dã xoắn cuộn rồi găm chệch vào vòm cổ như một cái lưỡi búa bị hoen rỉ.

Thoạt nhìn, ông như người côi âm đang can trường nhận chịu sự đọa đầy của âm binh dưới hỏa ngục vì món nợ tiền kiếp. Nơi gương mặt khô choắt hằn sâu những vết cắt của thời gian và sự nhọc nhằn, cả sự tàn nhẫn của số phận, ông hiển hiện như người đi lạc từ thế giới nào đến đây - giữa cái phố thị ồn ã, chật cứng những mối quan hệ mua bán văn minh này. Người ta gọi ông là ông Tám Ô. Có lẽ bởi cái thẻ đeo trước ngực được bệnh viện tỉnh cấp ghi hẳn ông là người thuộc nhóm máu “Ô”. Ông hành nghề này từ sau cái Tết Mậu Thân 1968. Tưởng là thất cơ lỡ vận, bán đỡ một vài lần cho qua cơn thắt ngặt rồi thôi, nào ngờ việc ấy lại thành nghề kiếm sống của ông từ bấy giờ đến nay. 33 năm bán máu!

Nhất nghệ tinh, nhất thân “vinh” (?). Câu nói của người xưa sao mà nghe đau trong lòng.

Ông Tám Ô đứng dậy rời ghế bố, chấp tay sau đít, ngóng mắt ra đường khi có người nào đi ngang con hẻm. Có người vừa được xe ôm đỡ xuống. Ông lón nhón bước theo người phụ nữ hốt hải tìm một người nào đó.

- Cô ơi, cô có mua máu, mua giùm tôi.

Người phụ nữ dừng chân nhìn ông từ đầu đến chân rồi lắc đầu:

- Tôi cần máu tốt, máu thanh niên.

- Có đây, tôi có máu A đây chị - Một gã thanh niên xằng xái chạy tới kéo thẻ trên miệng túi khoe với khách hàng.

- Tôi cần máu “Ô”.

- Thưa cô, tôi... tôi máu “Ô” đây. Không tin cô cứ nhìn lên thẻ của tôi.

- Ông già kia, lại ghế bố mà ngồi, ai kêu ông giành khách của tôi. Chị, máu “Ô” thanh niên, chị vào đây có ngay.

- Cô... cô...

Từ hồi sáng đến giờ không được mồi nào. Mặt ông già choắt lại trong màu nắng nhạt. Ông khỏ sở rê bước đến chiếc ghế bố cũ, rồi không yên trong lòng, ông lại dò dẫm đi về cái lò ổ chuột nằm khuất sau gốc đa cổ thụ để thăm thẳm cháu cố. Trên ghế bố còn lại tấm biển làm bằng giấy các tông, ngoằn ngoèo nét chữ: “*Tại đây có bán máu*”. Ông già vừa đi khỏi thì một tay cò bán máu có hình dáng nhớp nhúa không kém tay bụi đời đã nhanh nhẩu úp cái “bảng hiệu” tội nghiệp của ông lại. “Già hết máu rồi mà cũng đòi bán. Máu ông bây giờ còn thua máu cá. Bán với buôn cái gì!”. Gã đàn ông bữ môi nói với người phụ nữ vừa đẩy xe hốt rác đi qua, rồi quay phắt ra ngoài khi có chiếc xe ôm dừng lại. “A, E có không? 2 xị” - “Có ngay đại ca”. “Trả tiền cò hai bữa trước luôn nghe cha” - “Đại ca yên trí, đàn em chơi đẹp mà” - “Biết điều vậy là tốt. Không thì tui tao dặt mồi cho bọn ngoại khoa hết” - “Ậy, đại ca đừng chấp, và

cho tụi em. Đại ca chờ em chút”. Thoắt cái, gã cò đã dẫn ra cho anh lái xe ôm một người đàn ông ho khù khụ, mặt nhợt, tối như thịt cá nhám đông lạnh và một người đàn bà mặt xám xanh búng như người có bệnh hậu sản. Chiếc xe Suzuki rồ ga chở hai người bán máu đến bệnh viện, bỏ lại phía sau cái cười đắc thắng của tên cò và khuôn mặt méo mó khắc khổ của ông già vừa chạy ra đầu hẻm đứng trông theo.

- Sao chú đối xử với tôi như vậy, chú Thòn. Tôi cần tiền để lo cho thằng cháu cố của tôi... Nó sắp chết.

- Ông già kia ăn nói cho đàng hoàng không thì khổ thân. Ông biết bãi này là của tui tui chứ?

- Biết, nhưng dân trong nghề, mong chú thông cảm. Ở bãi đa khoa tôi cũng đã mất mỗi hết trơn rồi.

- Mất là phải, ông định lừa người ta hoài đó chắc. Máu ông là máu cá, ông biết không?

- Chú nói quá lời với già, tội chết. Cực chẳng đã tôi mới làm nghề này. Cùng cảnh, chú biết mà. Tôi muốn chú nhường cho tôi một mỗi kiếm tiền mua cho cháu mũi thuốc... Tôi xin chú...

Cái mặt chai của tên cò máu hóa ra cũng còn có chút để nhìn sau cái nhíu mày hiểm khi có được của hân.

- Ráng chờ. Bây giờ đến tối, có tôi sẽ để cho. Nhưng nhớ, phải biết điều, đất này có chủ, biết chưa?

- Dạ, đội ơn chú.

Ông Tám Ô lại chạy vào với thằng bé kêu ông bằng “ông cố” để báo với nó tin mừng. “Sắp có mỗi rồi Cún à! Ông sẽ mua thuốc cho con, sẽ mua cho con cái áo mới ăn Tết, một chiếc máy bay trực thăng như thằng cu Tý... Ráng mà khỏe lại với ông”.

Thằng bị bệnh nhũn não, bác sĩ chê, không còn nói được, thường xuyên trong trạng thái hôn mê, từ lâu đã không hé môi gọi nổi “ông cố”

để ông nó vui, vừa trở mình chừng nghe được lời thâm tình của ông nó. Từ đôi mắt khép hờ, vô cảm, mấy giọt nước mắt chậm chậm ứa ra. Ông Tám gật đầu: “Ừ, cháu của ông ngoan, rồi cháu sẽ uống sữa được, sẽ hết bệnh, sẽ đi học mẫu giáo như thằng cu Tỷ, cu Tèo... Thằng cha con mẹ mày... Ừ thôi, nhắc đến nó làm gì, nó tẻ lắm đánh đòn nó vì cái tội bỏ cháu ông”.

Tan một phiên chợ máu, ông Tám vẫn chưa thấy một mối nào đến. Cái ghế bỏ trống trơn bên gốc đa già gần ngôi miếu hoang. Ông già vét chút sữa cặn cho thằng cháu uống, dờ tăm tã ra xem thằng bé có tiêu tiểu gì không, đoạn ông vớ lấy mấy muống cơm nguội để dành từ trưa mớm vào miệng, cong người lại mà nuốt. Ông ân hận vì đã không giữ thằng cháu ở bệnh viện thêm ngày nào. Tiền đâu? Bây giờ ở bệnh viện mọi cái đều được tính bằng tiền, mà ông cháu ông thì đã hưởng chế độ ưu tiên trừ 80 viện phí phải trả rồi, muốn đòi nữa cũng đâu có chính sách cho riêng ông và cháu ông mãi được. Mà máu thì có tuần bán được, có tuần không. Nhiều khi ế ẩm cả nửa tháng trời mới bán được một lần với hai trăm bạc. Một mũi thuốc ngoại đặc trị cho thằng cháu đã hết trăm rưỡi. Còn phải mua sữa, hột gà, rau củ để mà tái xuất ra máu. Còn bao nhiêu là thứ đồ dùng, vật dụng cho đời sống nữa. Tất cả chỉ trông mong vào 3 xị máu vị chi trong tháng của ông. Đã vậy, còn phải thăm vợ chồng cha mẹ thằng cháu cố đang thoi thóp gật gật, lắc lắc đầu như thể làm mặt lạ với tử thần hay từ chối một tiếng mời gọi nào đó từ giới âm ti. Ôi thằng cháu của ông, chẳng lẽ nào nó vẫn sống đến vậy?

Lượm một miếng thuốc tàn, ông Tám rút miếng giấy báo quần lại để hút cho qua cơn ghiền. Một đám hút chích trong ngôi miếu hoang đang lòi nách giật lừng nhau, ồm tỏi tiếng chửi thề, văng tục. Có hai tên găm gù lao về phía ông, giọng vừa van xin vừa đe dọa. “Bố già, cho mấy đồng để kiếm một liều đen coi. Không thì liệu hồn!” - “Thông cảm, bữa nay “qua” không bán được các em à” - “Má thằng cha già... biến cho khuất mắt

đi!”. Lại tiếng la hét, tiếng gương giáo, mã tấu chạm nhau soang soảng. Những tiếng còi, những tiếng rượt đuổi. Đang định vác ghế bố lánh nạn thì một chiếc xe ôm sà lại. Thằng cò Lác đầu? Máu “Ô” một xì! “Dạ có đây, máu “Ô”. Già Tám kéo thẻ trên ngực đưa cho Tài xe ôm. Tài xe ôm thò lỗ mắt nhìn ông già, lắc đầu. “Thằng cò Lác đầu?” - “Nó trốn rồi. Tụi nó đang thanh toán nhau trong miếu hoang. Cảnh sát tới đông lắm. Lấy đỡ của ông già nấy đi. Tội nghiệp ổng, cả tuần nay không bán được”. “Thôi lên xe. Phải trả tôi phần tư nghe chưa?” - “Tội nghiệp tôi, chú... Tôi có thằng cháu...” - “Tôi cũng có vợ con. Ông ăn cơm thì cũng phải cho tôi húp cháo chứ? Không chịu thì thôi!” - “Dạ, dạ thôi được”.

Cổng bệnh viện đang chật ních người. Có cả cảnh sát. Thân chủ của ông Tám lòi sệch ông vào phòng cấp cứu. Ông được đặt lên giường. Ở bàn cấp cứu là một tên cướp vừa bị bắn trọng thương. Hắn ta cần có máu để được cứu sống theo yêu cầu của công an. Chưa đầy 5 phút đồng hồ mọi chuyện đã xong. Người ta đưa cho ông 200 ngàn và một túi đường, sữa. Gã xe ôm vừa chen vô đưa 2 ngón tay qua vai người nhà của tên cướp kẹp lấy tờ giấy 50 ngàn từ bàn tay run rẩy của ông già. “Người lao động thì tốt. Người nghèo không phải ai cũng tốt. Vẫn có chút máu trộm cướp trong người những kẻ lưu manh”. Ông Tám Ô sực nhớ đến lời giáo huấn của ông cán bộ quản giáo nói lúc ông đi thăm thằng cháu nội ở trong trại. Thay vì nằm nghỉ theo lời khuyên của y tá, ông Tám đập cái trứng gà nuốt trọng rồi xách túi đường, sữa chạy riết ra cửa hàng thuốc ngoài giờ. Xong, ông ghé tiệm bán đồ chơi trẻ con để mua chiếc máy bay trực thăng Trung Quốc cho thằng cháu cố. Rồi ông đi một mạch về với thằng cháu tội nghiệp của ông. Hai con mắt thằng bé lại có hai giọt nước mắt chầm chậm ứa ra khi ông cầm tay thằng bé lên, thở thẻ: “Nè con, thằng Cún của ông, ông mua máy bay trực thăng bay “tè tè” cho Cún của ông đây. Nào, hết bệnh để còn mặc áo đi học với thằng cu Tý, cu Tèo...”. Không biết thằng Cún của ông cười hay ông đã tưởng tượng ra nụ cười

của nó. Ông không biết rằng ông đang quan hệ với Cún bằng tiềm thức, cái thế giới đáng yêu đầu đời của một con người đã chìm sâu trong cơn bạo bệnh mà theo bác sĩ, nó cũng được bắt đầu từ sự nghèo nàn lạc hậu và một chút không may của số phận.

Ông ngả lưng xuống chiếc chiếu rách với cảm giác hài lòng về một buổi chiều kết thúc có hậu. Ông chập chờn được mấy chốc rồi sau đó lại thiu thiu nhớ tới ngày xưa. Ông cay đắng nghĩ rằng đời ông, số kiếp ông, chỉ có tre tàn mà không có măng mọc. Sau khi Bảy Viễn ra hàng Ngô Đình Diệm, Bình Xuyên dần dần tan đàn xẻ nghé, hạ sĩ già Tám Đen mới trở thành tay em của dân anh chị Cầu Muối. Sống lây lất với phận sự của thằng bảo kê già cho mấy vừa cá chẳng được bao lâu thì Tám Đen bị hội đồng một trận thập tử nhất sinh, nằm nhà thương thí sáu tháng trời mới lò dò về chốn cũ thì hơi ời, chả còn ma nào ra tay nghĩa hiệp theo đạo lý giang hồ. Mò vô cái gầm cầu Khánh Hội cũ, Tám Đen may mắn gặp được một ả gái điếm hết thời đang đi bán dạo xác thịt già nua chai chóc của mình. Hai kẻ tàn đời trôi dạt vào nhau, núp náu nhau vượt khỏi vũng đen của số phận. Đêm đầu họ tựa vào nhau vì ngoài trời mưa bão, lạnh thấu xương. Đêm thứ hai ả gái điếm đi đến khuya mới về chỗ trọ, có cả hai cái bánh bao và một gói thuốc lá Cotab. Đến khuya, sau cơn mưa ngập ngựa, ả hỏi Tám Đen: “Đằng ấy có ăn bánh không, đằng này cho một cái” - “Cám ơn cô” - “Đằng ấy có hút thuốc không?” - “Xin cô một điếu” - “Đằng ấy lấy mấy điếu mà hút” - “Đằng ấy có muốn làm kiếm cơm không?” - “Cô giúp giùm đội ơn” - “Nghề hốt cầu lấy phân!” - “Cô nói thiệt?” - “Thiệt, người ta mua về trồng rau, trồng bông... Chọn thì mai đi theo đằng này”. Sau khi đi làm cái nghề tận số ấy, Tám Đen kiếm được chút đỉnh tiền cơm cháo qua ngày. Tháng sau thêm đàn bà, nhưng thấy đồng tiền làm ra cực khổ quá, bụng thì cứ muốn nhưng cái đầu thì cứ “sợ” tốn tiền. Mãi đến một đêm khuya, lại vừa mới được khao một cái bánh bao, Tám Đen mon men thò tay đặt vào chỗ xuân tình của



cô ả. Mọi chuyện trót lọt đến không ngờ. Mấy đêm sau, tay chân quen đường, Tám Đen lại giở tiếp trò cũ. Chỉ tưởng chuyện êm xuôi, nào hay Tám Đen sắp lên thiên đàng thì ả gái điểm tăng hắng, gắt giọng: “Chưa dứt giá mà đảng ấy cứ muốn ăn bánh mà không trả tiền hoài hả?” - “Giá bao nhiêu” - “10 đồng” - “Được, tôi trả đủ cho cô” - “Tôi không bán một lần” - “Vậy chú bán làm sao?” - “Tôi bán chục có đầu như người ta bán xoài, bán đu đủ vậy” - “Nghĩa là...” - “Một trăm rưỡi cho một chục có đầu. Riêng lần trước là biểu không” - “Tôi làm sao mà có tiền mua nổi” - “Cho thiếu chịu trả góp. Chịu thì tính không thì xuống ngay!” - “Ừ... thì chịu...Nhưng bữa nay tôi chỉ có 10 đồng”. Một tháng sau, chủ hăng phân chưa trả tiền, Tám Đen lại quen ăn mà không quen nhịn thèm, đêm cứ mò máy trần trọc. Thấy Tám Đen thao láo mắt nhìn, ả điểm gặp lúc cũng ế ẩm, liền hạ giọng mở lời: “Đây cho thiếu. Nhớ đừng quýt!” - “Tôi thề!”. Tháng sau mới lãnh tiền, y đã ghé ngay sòng bài, dứt chến! ả điểm đòi tiền, Tám Đen đau khổ lắc đầu. Đã thế thẳng xếp cầu Ông Lãnh còn ghen ngược tìm đến nện cho Tám Đen một trận nện thân. Săn trốn Tám Đen trốn mất dạng. Tuần sau ả điểm lại lôi tên ăn quýt về ổ. “Tôi có bầu rồi! Đảng ấy liệu mà lo. Không thì em út đảng này nó khát nhượng” - “Xưa nay tôi có nghe ai vô nhà thổ mà có bầu đâu? Đừng có gạt tôi” - “Đây nè, sờ vô coi. Nó ba tháng rồi, tính từ cái đêm ăn bánh không trả tiền, cái bánh bao đó, nhớ không?”. Xuống bể chèo hư, ráp với nhau được khúc nào hay khúc đó. Vậy mà thành chuyện thật. Để cho Tám Đen một thằng con nhìn hoài không giống, ả giang hồ vương bệnh lao phổi, bảy năm sau qua đời... Một trống, một giò dất dúi nhau làm thuê vác mướn khắp các ga xe lửa, bến tàu, bến hàng. Năm thằng con hai mươi tuổi, bị bà bóng rỗi bỏ bùa mê, nó nằng nặc đòi già Tám Đen làm lễ thú phạt, khỏi cưới, khỏi tốn tiền. Để được đứa con, bà bóng trúng gió hậu sản, cốt chủ không về phù hộ, bóng qua đời ở tuổi ba mươi.

Thằng con trai “oa oa” dưới gầm cầu Khánh Hội kể thừa linh hồn ma

quỷ âm binh theo đám du đảng Cầu Muối, mấy lâu sau biệt tích giang hồ không thấy về cố quán. Nách thẳng cháu nội còn đỏ hỏn, già Tám Đen hồi đó về quê cũ những mong nuôi nó nên người. Nào ngờ lúc chiến tranh, đất nhão ra vì bom đạn, già lại công thẳng bé ra cái thị trấn nhỏ ven lộ Đông Dương mà sống. Thế rồi một ngày nợ trôi dạt đến cái thị trấn sầm uất đầy chật người tản cư, già Tám Đen mới được giới thiệu đi bán máu lấy tiền trị liệu cho thẳng cháu nhỏ. Đó là những ngày Tết Mậu Thân 1968. Tưởng chỉ bán một hai lần khi thất ngật, ai dè chẳng còn cách gì để sống nữa, ông trở thành người bán máu chuyên nghiệp để nuôi cháu nội từ ấy. Thật là oan ương. Mẹ nuôi con bằng sữa. Cha nuôi con bằng nước cơm. Còn ông, ông nuôi cháu bằng máu. Một tháng đến ba bốn lần lấy máu, mỗi lần một xi. Một người bán rồi cả phố bán máu. Chiến tranh càng ác liệt máu bán càng đắt hàng. Rồi hòa bình, nhận được vài lần cứu trợ, già Tám Đen bị quân quản phường điều tra lý lịch vì có vài người tố cáo. Hỏi ra mới biết già Tám Đen bị buộc tội bán máu cứu sống nhiều tên lính ác ôn có nợ máu với nhân dân. Cộng với thành phần bất hảo, trôi sông lạc chợ, già Tám Đen bị cưỡng bức đi kinh tế mới. Sau hai năm ăn củ sắn củ mài, già Tám bỏ thẳng cháu vô thùng đội về Sài Gòn, vất vưởng ở các công viên, chợ người, kiếm việc làm mưu sinh, đôi lúc phải đi xin cơm thừa cá cặn để hai ông cháu qua ngày. Rồi ông trở về thị xã ven sông với nghề bán máu như cái duyên nghiệp trở trêu này. Năm thẳng cháu hai mươi chín tuổi, ông trút hết hâu bao dành dụm bao ngày để cưới cho nó con vợ cũng chẳng hơn gì con vợ thẳng cha nó ngày xưa. Cô gái con bà thầy bói. Để được thẳng con chỉ mới có bảy tháng mười ngày ở trong bụng mẹ, hai vợ chồng đưa cháu nội dẫn nhau vào tù, vứt thẳng cháu cố cho ông nuôi từ lúc nó sáu tháng tuổi. Bao nhiêu là đoạn trường cảm cảnh.

Bây giờ thì, tre tàn, măng cũng đã tàn...

Ông bật dậy, bùng ngọn đèn đến bên thẳng cháu. Lạ lùng quá, dường như ông cảm thấy nó cười. Chiếc trực thăng vẫn nằm trong tay nó. Cái

áo mới ông mua hồi tối vẫn sắc sỡ trên ngực nó. Niềm vui ngày Tết chừng đã đến sớm hơn với thằng cháu của ông. “Ừ, phải vậy chứ. Thảo nào”. Cháu của ông sẽ qua được cái Tết này, sẽ chờ ông bán máu lần sau để mua thuốc chích và đồ chơi cho cháu. Hết bệnh rồi ông sẽ đưa cháu đi học với cu Tý, cu Tèo. Phải học để tìm đường thoát cái kiếp tai nghiệt của ông, của ông nội và của cha mấy. Có ai nghèo ba họ, có ai khó ba đời... Hãy cố mà sống với ông nghen con...

Bảy ngày sau, thằng bé cố sống đến lúc giao thừa cho ông vui mà không kịp. Nhưng dường như nó sợ ông buồn mà vẫn cầm chặt trong tay cái còng chiếc trục thẳng bằng nhựa của ông mua. Chiếc trục thẳng vẫn ngay ngắn trong tư thế cắt cánh. Và cái miệng nữa, cái miệng nó vẫn như cười để ông yên lòng. Rồi ông nó đốt nhang, mượn trời mượn đất của người ta mà chấp tay khấn thần khấn Phật. Ông mang nguyên ộp nhang thơm đến gốc đa già mà hương khói cho thần linh và lũ âm binh. Đến khi ông quay về thì... ông bế thằng cháu cố lên mà đi, mà chạy sau khi gọi mãi, gọi mãi mà cũng chẳng thấy nó trở xoay. Chiếc trục thẳng rơi xuống chống trờ ra đất. Thịt da thằng bé lạnh ngắt. “Ồi, bà con ơi... cháu của tôi...”. Ông chạy đến bệnh viện, miệng hét to: “Ai mua máu giùm tôi. Máu... ai cần máu... Hãy mua máu giùm tôi... bà con ơi...!”. Ông già Tám gọi nhều nhảo về phía mọi người. Rồi ông sụm sụ dưới chân bác sĩ. Bác sĩ lắc đầu. Một cô y tá chỉ đường ông xuống nhà xác. Người gác cổng nhà xác về nhà cúng giao thừa. Ông chạy đến chữ thập đỏ của phường gần nhất. Cửa đóng im ỉm. Ông lại đưa thằng cháu trở về ngôi miếu sập. Đặt thằng cháu xuống, ông khập khểnh chạy đến trại hòm mua chịu cái quách để gói thân thằng cháu. Quách chưa đóng. Ông năn nỉ đóng, lại không có thợ. Đến khi tìm được ông thợ tốt bụng thì ông chủ trại hòm đòi tiền. Ông Tám khoanh tay trước bụng như trẻ nhỏ: “Không nói gì ông... ông giúp giùm cháu tôi... ngày mai, ngày mốt tôi sẽ trả tiền...” - “Sao lại là mai mốt. Tết nhất ông già nầy tính chuyện không hay. Tôi không biết, tôi không có khai trương bữa nay và không có bán chịu đâu

năm đầu nhé. Mặt mày, cửa hiệu người ta như vậy, năm mới, năm mủ, đến đây mua chịu, có khác nào ông trừ ếm rửa xả tôi cả năm. Đi đi!”. Lát sau, ông thợ đóng hòm thương tình bán chịu cho ông Tám miếng ván cũ ở nhà rồi cả hai đi ra ngoài bãi đất thánh mà đóng quách (vì đóng ở trong nhà hoặc ngoài đường lúc sinh khí linh thiêng sẽ bị người ta kỵ). Xong cái quách, ông mang về, ngồi nhìn mãi thằng bé mà không muốn liệm. Có lý nào thằng Cún của ông lại vô nằm ở cái chỗ mà lẽ ra lão già tám mươi hai tuổi nầy phải vô nằm. Có lý nào trời Phật lại bất công vô lý như vậy. Rồi ông thợ đóng hòm tốt bụng cầm cái đèn cây bước đến giục: “Để cháu vô đi, mình còn đi chôn cháu sớm. Giấc nầy người ta đang ở trong nhà. Trễ không có chỗ đâu”. Ông Tám Ô khóc như ho khô trong ngực rồi nhẹ tay bế thằng cháu chỉ còn xương với da để vô cái quách rộng rình. Hai bộ quần áo cũ, cái áo mới, mấy thứ đồ chơi. Hộp sữa còn lưng một nửa, chiếc trục thẳng bằng nhựa. Ông mở chiếc máy bay ra xem hai cục pin còn không rồi đặt lại, vặn cho nó chạy thử, sau đó mới đặt cạnh tay thằng bé với mấy giọt nước mắt đỏ quạch trong màu nền đỏ. Hai ông già thay nhau vác cái quách ra đất thánh, chỗ nghĩa địa của những người Thiên Chúa giáo đang giải tỏa dỡ, kiếm chỗ cho thằng Cún nằm nhờ. Vừa chuẩn bị hạ huyệt thì một dân quân gác đêm đã nổ súng và xông vào bắt trộm. “Trộm! Trộm! Bắt nó...!” - “Chết, chạy!”. Ông thợ đóng hòm đông mất. Ông già Tám bịn rịn vác thằng cháu lên, rồi trong lúc hỗn phi phách tán đã co giò chạy riết ra bờ sông cái, chỗ có hang nước xoáy cuộn dữ dằn đầu ngã ba sông. Cái hang cá bống tượng chìm sâu trong đáy sông theo truyền thuyết há ngoác cái mồm rít riết đợi chờ ông, con mồi già tội nghiệp. Và ông... Thêm mấy dân quân được kích hoạt bởi những ly rượu đón giao thừa đã hùng hổ xông vào tên trộm “gậy guộc” vừa vác cái “rương vàng” tẩu thoát. Ông già Tám vừa lao đầu xuống dòng sông đen thui thì chú dân quân đi đầu trời tối và dững cảm nháy theo “tên trộm”. Ông già Tám và cái quách được mang lên. Mọi người yên lặng nhìn nhau. Ông già run đến xương hàm run lập cập. Vẫn

còn cái hạnh phúc cuối cùng cho ông: mấy chú dân quân thương tình đã cùng ông đưa thằng Cún lại chỗ cái lỗ huyết “ăn cắp” ấy để nó ấm thân.

Chôn xong thằng cháu, ông định về nằm mà khóc cho đã với nó trong ngày đầu năm thì có người tới hỏi mua máu. Có một thằng con nhà giàu có vừa mới đưa xe bị chấn thương sọ não, cần máu để sống tiếp cuộc đời đẹp đẽ của nó. Ông lắc đầu định không bán, vì thằng cháu đã bỏ ông đi, đã không cần máu của ông nữa. Nhưng rồi tiền miếng ván, tiền công đóng cái quách, tiền mấy ngày lấy thuốc, lấy sữa thêm, tiền cò mấy bạn chưa thanh toán xong đã giật cong chiếc lưng còng của ông dậy. Ông ra đến bệnh viện. Cô y tá hôm rồi nhìn ông. “Chưa đầy một tuần mà bác?”. Ông chống chế: “Tôi bồi dưỡng nhiều cô à” - “Máu bác chưa kịp đổ đây nãy ông cù ời!” - “Cô thông cảm. Có thể bớt ba phần tiền cũng được” - “Thằng cháu ông sao rồi?” - “Nó...ừ...nó... cô cứ lấy máu đi... Nó đang ăn Tết ở ngoài kia cô à...”.

Ra khỏi phòng lấy máu, ông Tám Ô xách cái túi đường, sữa, hột gà mà bước đi cứ nghiêng ngả, xiêu vẹo. Lạ nhỉ! Có khi nào cái chân của ông nó bướng bỉnh như vậy đâu. Mắt ông nữa, sao hôm nay nó tối sầm. Rồi ông mơ màng, thiếp đi khi nghe thằng Cún gọi: “Ông ơi, thằng Tý, thằng Tèo làm hư chiếc máy bay của Cún”...

Nắng như xé ra từng sợi để thành mưa trên sân bệnh viện. Mưa nắng. Ông già Tám cố mở mắt ra để nhìn cơn mưa ngộ nghĩnh của ngày đầu năm, nhưng thật là tệ hại, mắt ông cứ tối sầm. Thằng Cún lại gọi ông về cùng với nó. “Ông ơi... nhớ về nhanh với Cún... nghe ông...” - “Ừ... ông sẽ về mà đánh đòn thằng cu Tý, cu Tèo nó chọc cháu của ông. Ông sẽ về...”.

“Ông già... ông già...” (cô y tá chạy ra). Ôi, giá như ông bán được đời mình...

Ngoài đời, cuộc sống vẫn rộn ràng trôi theo nhịp của nó. Mùa xuân vẫn đến với mọi nhà và đến với mọi người.

T.P

# Vẽ ác

(SH số tháng 12 - 2003)

Chiếc hồ nhỏ nằm ngay dưới chân núi Tam Đảo. Nước phẳng lặng, trong xanh, màu xanh lẫn lộn của bầu trời tháng Tám và rừng thông mọc gần sát nước cả bốn phía, trừ phía đông, nơi có một chỗ thưa với con đường đất màu đỏ nhạt ngoằn ngoèo dẫn xuống hồ. Một vẻ đẹp thanh bình và cảm động, đến mức ông đứng ngây ra nhìn hồi lâu, dù ở cái tuổi năm mươi của mình, ông đã đi nhiều và được chiêm ngưỡng nhiều cảnh sắc thiên nhiên kỳ thú. Chốc chốc, từ sau những bụi cây rậm rạp lại lộ ra một vài chú hươu ngơ ngác. Hươu nhà, tất nhiên, nhưng không vì thế mà giảm phần nguyên sơ hoang dã. Cách đây không xa, cũng khuất sau những tán cây rậm, ông thấy lác đác có mấy ngôi nhà với làn khói chiều mỏng tang vấn vương trên mái. Một cảnh điển viên hiếm thấy. Khó tin rằng đâu đó chỉ cách độ mấy chục cây số là cảnh phố phường chật hẹp, ngột ngạt với trăm nghìn cái bon chen, lo lắng.

Cãi nhau với vợ, chán nản với công việc và bạn bè, ông bỏ Hà Nội lên đây tìm nơi yên tĩnh, và có vẻ như cái hồ này là chỗ lý tưởng. Ông là một họa sĩ đã đứng tuổi, có tài, học hành rất bài bản, vẽ nhiều và vẽ giỏi, đặc biệt sở trường tả thực. Tuy nhiên, khó có thể nói ông nổi tiếng trong giới.

Người ta biết ông, nể phục ông, nhưng chẳng bao giờ đề cao ông, có lẽ một phần vì họ không làm được cái ông làm, là vẽ rất tỉ mỉ, rất giống thật. Giữa thời nhố nhăng thật giả này, ông bị coi là cổ lỗ, là “thợ nhiếp ảnh”. Vốn hiền lành nhưng yếu bản lĩnh, có thể nói nhu nhược, ông đâm ra hận mình, hận đời, có khi đến mức độc ác. Ông thất vọng cả việc đến người thân duy nhất trong nhà là bà vợ cũng không hiểu ông nổi. Chính vì cãi nhau với bà (không phải lần đầu) mà ông lên đây.

Hôm qua bà đã dùng con dao thái thịt đâm mấy nhát vào bức sơn dầu khổ lớn ông mới vẽ xong, miêu tả vua Agamênôn, thống lĩnh quân đội Hy Lạp đang tự tay cầm kiếm dí vào cổ con gái yêu của mình là Iphighênia để tế thần trong cuộc chiến tranh T’roa. (Ông say mê thần thoại Hy Lạp, La Mã và vẽ rất nhiều tranh khai thác từ nguồn này. Đây cũng thêm một lý do người ta không thích ông lai Tây và xa lánh cuộc sống). Thành ra, theo truyền thuyết thì các thần ở đỉnh Ôlimpơ thương tình cứu sống Iphighênia, nhưng giờ đây nàng lại bị chính tay bà vợ ông đâm chết. Đúng tim. Khi đau xót nhìn kỹ, ông có cảm giác như trái tim nàng đang rỉ máu thật.

Bị căn vặn vì sao, bà vợ ông chỉ đáp:

“Kinh lắm! Tôi không chịu nổi!”

“Nhưng đây là tác phẩm nghệ thuật!”

“Nghệ thuật hay không thì cảnh chém giết cũng đáng kinh tởm! Ông không biết vẽ gì tử tế hơn à?”

Ông không đáp, chỉ lẳng lặng xách túi ra đi.

Quanh hồ chỉ có một xóm nhỏ, độ hơn chục nóc nhà, cũng sống yên bình, lặng lẽ như quang cảnh nơi này, bằng nghề nông và gần đây thêm nghề nuôi hươu lấy nhung. Ông dễ dàng tìm được nơi ông muốn. Đó là nhà một cặp vợ chồng già, con cái đã lên thành phố làm việc nên thừa một phòng trống. Họ bảo ông ở đấy, bao lâu cũng được. Nếu muốn, họ

nấu riêng cho ông, còn không, “mời bác ăn với vợ chồng tôi, thêm bát thêm đĩa cho vui. Chuyện tiền nong không quan trọng!”

Hai ngày đầu ông dạo lang thang quanh hồ và những khu rừng lân cận. Mọi cái tuyệt vời, chẳng ai quấy rầy, thế mà thật lạ, sau phút choáng ngợp ban đầu, chiếc hồ và quang cảnh nên thơ nơi này chẳng làm ông thanh thản chút nào. Hình như ông còn thấy khó chịu, giận dữ một cách vô cớ. Có thể vì nó quá tương phản với tâm trạng ông chăng? Nhưng trở về Hà Nội thì không muốn, vì ở đây còn khó chịu hơn.

Ngày thứ ba ông bắt tay vào vẽ. Hậm hực, cay cú và giận dữ. Lại đề tài khai thác từ thần thoại Hy Lạp. Ông vẽ cảnh Prômê-tê bị xiềng trên vách núi đá Cô-các-dơ, và một con chim khổng lồ màu đen đang xé ngực moi tim chàng. Tuy nhiên, đáng lẽ vách núi dựng đứng phải ở bên bờ biển sóng vỗ dữ dội, thì không hiểu sao ông lại thay vào đó bằng chiếc hồ con yên tĩnh, thơ mộng này. Mà lại vẽ rất giống, rất chi tiết, có cả mấy con hươu, cả mấy hòn đá xếp thành hàng từ ngôi nhà ông đang trọ dẫn xuống hồ. Con chim hung dữ màu đen là trọng tâm của bức tranh, được ông dành hết tâm sức miêu tả rất sống động. Trong tranh, nó đang bám chân vào ngực Prômê-tê, xòe hai cánh giữ thăng bằng, chiếc mỏ khoằm ngậm một miếng tim vừa moi từ lồng ngực khổng lồ của chàng. Ba giọt máu tươi rơi phía dưới. Màu đen lông chim và màu đỏ của máu thật tương phản nhau. Đôi mắt con chim tròn xoe, hau háu và hung dữ. Còn chàng Prômê-tê cao thượng bị thần Dớt bắt chịu hình phạt này vì tội dám lấy trộm lửa thần mang xuống cho loài người thì đang dửng dưng chịu đựng. Tay chân chàng bị xích vào vách núi bằng những sợi xích khổng lồ. Người cuộn cuộn các bắp cơ, đôi mắt mở to, kiêu hãnh, nhưng trong đấy cũng bộc lộ một nỗi đau ghê gớm. Nỗi đau của trái tim bị cái kim nhọn mỏ chim cấu vào, rút ra từng mẩu.

Tất cả những chi tiết này được ông vẽ rất giống, rất thật. Chính ông cũng tự hài lòng với nghệ thuật của mình. Ông có cảm giác như nghe



được hơi thở của Prômê-tê, ngửi thấy mùi tanh của máu và bị đôi cánh khổng lồ của con chim chạm vào tay áo. Trong khi đấy, phía dưới lại là chiếc hồ con yên ả quen thuộc, có thật và nằm ngay dưới chân núi Tam Đảo, nơi ông vẫn hàng ngày đi dạo. Tất nhiên ông biết sự trái khoáy của hai cảnh đó. Trong hội họa bố cục như vậy không chấp nhận được. Ông biết, nhưng đang bức mình, đang muốn phá phách ông bất chấp điều ấy. Thậm chí, ông còn lấy thế làm thích. Từ trong tranh, con chim đen nhìn ông tán thưởng. Còn đôi mắt của Prômê-tê thì đầy vẻ đau đớn. Ông không dám nhìn lâu vào đôi mắt ấy, vì hình như chúng oán trách ông. Cả chiếc hồ con cũng vậy.

- Ấy chết, sao tay bác đầy máu thế? Ông lão chủ nhà hỏi khi vào mời khách ăn trưa, cũng là lúc ông vừa thích thú ngắm bức tranh lần cuối và đang định bước ra ngoài.

- Đầu có, ông họa sĩ cười. Sơn vẽ đấy.

Rồi ông xòe cả hai tay cho ông lão xem. Trên các ngón tay ông quả thật máu chứ không phải sơn. Loãng hơn, tươi hơn. Ở đầu ngón trỏ tay phải có một giọt lớn sắp rơi xuống. Ông giật mình, vội chùi cả hai tay và chiếc tạp dề trước bụng.

- Bác vẽ gì mà trông kinh thế này? Ông lão chủ nhà lại hỏi. Sao để cho chim moi ruột gan người ta thế? Kinh quá!

Ông không đáp, chỉ gượng gạo cười, vì vẫn chưa hết ngỡ ngàng với bàn tay dính máu.

- Bác vẽ cả chiếc hồ của chúng tôi nữa đấy à?

- Vâng. Cụ thấy có giống không?

- Có. Giống lắm, nhưng... nhưng nó thế nào ấy. Nước ở đây bao giờ cũng trong xanh chứ không phải màu đỏ. Bác đã để máu rơi xuống hồ chúng tôi. Tôi sợ lắm.

Ông họa sĩ lại giật mình ngạc nhiên. Chỗ nước phía dưới Prômê-tê quả có màu đỏ thật, dù ông nhớ không hề vẽ như thế.

Chiều hôm đó ông dạo lâu hơn thường lệ, và do mệt, ông đi ngủ sớm. Trước khi lên giường, ông nhìn kĩ bức tranh lần nữa. Chỗ nước hồ đỏ ông vẽ lại mấy lần, cổ bơi xanh thật nhiều, nhưng không hiểu sao lát sau lại hiện lên màu cũ. Prômê-tê đang oán trách ông. Con chim đen trằng tráo nhìn ông với vẻ thích thú không che giấu. Nó là hiện thân của Cái Ác, do chính ông tạo ra, thế mà giờ đây ông cảm thấy sợ sợ nó. Cảm giác sợ hãi mơ hồ ấy cũng len cả vào giấc ngủ.

Trần trọc mãi hồi lâu mới thiếp đi, bỗng ông chợt tỉnh vì nghe có tiếng động lạ. Tiếng phành phạch như tiếng quạt nan đập vào tường, hoặc như tiếng cánh chim vỗ mạnh. Ông lấy làm lạ nhưng vẫn nằm yên. Hình như tiếng chim vỗ cánh, loại chim lớn, mà ngay bên cạnh. Sao lại như thế được? Chim nào vào đây, và vào cách nào khi các cửa đều đóng kín? Tiếng động còn kéo dài thêm mấy giây nữa rồi im bật, như thể con chim, nếu quả đúng là một con chim, đã bỏ bay đi.

Ông rón rén nhòe dậy bật đèn. Cái đầu tiên đập vào mắt là bức tranh sơn dầu khổ lớn mới vẽ. Nơi trước đây là hình con chim đen bây giờ tro toan trắng. Ông ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh, lặng người không biết phải làm gì, nghĩ gì. Nỗi sợ âm ỉ suốt ngày lúc này làm đầu óc ông tê cứng. Một chuyện phi lý, không thể tin nổi, nhưng cái chuyện phi lý ấy đã xảy ra trước mặt và ông không thể không tin. Ông ghé mắt nhìn lại, sờ cả tay vào lớp vải. Vâng, chỉ một lớp vải trắng thô ráp. Thân hình lực lưỡng của Prômê-tê bây giờ bị rách thêm một miếng to, trông càng dễ sợ hơn. Cuối cùng, như chợt hiểu ra điều gì, ông vội lấy bút, pha màu rồi cầm cúi vẽ. Bộ ngực lực lưỡng của Prômê-tê được chấp vá lại dần cho đến khi trên tranh chỉ còn lại mình chàng nguyên vẹn. Không có con chim Thần Ác, không có trái tim bị xé vụn và những dòng máu đỏ. Ông cảm thấy đỡ sợ phần nào. Prômê-tê cũng nhìn ông với đôi mắt biết ơn và ít đau đớn hơn.

Hôm sau, trời mới rạng, cả hai ông bà chủ nhà đã đến đập mạnh cửa phòng ông.

- Bác họa sĩ! Dậy đi! Bác họa sĩ! Đêm qua nhà chúng tôi mất hai con hươu!

- Việc này thì liên quan gì đến tôi? Ông khó chịu nói khi vợ ra mở cửa cho họ.

- Hay hai cụ nghi tôi ăn trộm.

- Ăn trộm thì không, nhưng liên quan thì có đấy.

- Tôi không hiểu...

- Tôi nghi con này! Ông lão bước thêm mấy bước, chỉ vào bức tranh. Con chim đen đã xuất hiện trở lại từ bao giờ trên chính bức tranh mới vẽ lại đêm qua.

Cố giấu ngạc nhiên, ông họa sĩ hỏi:

- Vì sao?

- Vì ở đây xưa nay chưa bị mất trộm cái gì. Vì đêm qua tôi nghe tiếng nó kêu, bay lượn quanh nhà. Vì bây giờ ngoài hồ còn sót lại ít thịt nó ăn chưa hết, in rõ móng vuốt của nó. Bác theo tôi ra xem thì biết.

Vẫn bộ quần áo ngủ nhàu nát trên người, ông họa sĩ theo họ ra hồ. Một góc hồ nước đỏ lôm vì máu của một phần ba con hươu chưa ăn hết, nổi lênh bênh trên mặt nước.

- Suốt đêm qua tôi không ngủ được, bà già luôn im lặng, bây giờ lên tiếng. Tim tôi đau nhói, cứ như bị ai lấy kim rút từng tí một...

- Cả bà cũng thế à? Ông chồng vội quay sang ngắt lời. Tôi cũng không ngủ được. Cũng bị đau ngực. Chính là do con chim đó! Chính nó!

Trưa hôm ấy, ăn cơm xong trở lại phòng, ông họa sĩ thấy bức tranh đã bị ai lấy dao cắt nát, đúng chỗ con chim đen. Miếng vải bị cắt gấp xuống, làm thân hình nó méo mó, cổ bị chém đứt cùng chiếc mỏ sắc nhọn và đôi mắt hấu đỏ, độc ác.

Ông họa sĩ đứng im nhìn tác phẩm của mình. Thờ ơ, không thương xót.

Một lúc sau ông già lại xuất hiện. Ông có vẻ bình tĩnh hơn, thậm chí hơi chút ngượng nghịu. Ông lúng túng ngồi xuống, tự tay pha ấm trà, rót vào chén đưa cho khách rồi hắng giọng hai lần, nói:

- Dân quê chúng tôi quen nói thẳng. Có gì không phải, bác bỏ quá cho. Nhưng thực tình chúng tôi không muốn bác ở lại đây thêm nữa. Xin bác dọn đi nơi khác thật xa, càng sớm càng tốt. Chả là, bác biết đấy, nơi này vốn yên bình, giản dị, thế mà bác đến làm xáo trộn hết bằng những cái khủng khiếp kia. Ông hất đầu chỉ về phía bức tranh.

- Vàng, hai cụ đã có ý thế thì tôi xin đi, tất nhiên. Tôi đi ngay bây giờ. Có điều, xin hai cụ hiểu cho. Tôi là người hiền lành, chưa làm ác điều gì với ai bao giờ. Tôi chỉ là anh họa sĩ, vẽ vờn nhăng nhít. Một việc làm thiết tưởng cũng vô hại.

Ông già trầm ngâm một chốc rồi nói, giọng buồn buồn:

- Nhưng ông vẽ ác. Vẽ ác cũng gần như làm việc ác vậy.

Leo ngược hết con đường quanh co màu đỏ gạch, ông dừng lại thờ, đưa mắt nhìn lần cuối chiếc hồ nhỏ xinh đẹp phía dưới. Nó đã lấy lại được vẻ thanh bình thơ mộng vốn có. Cạnh ngôi nhà nhỏ không xa mặt nước có hai chấm đen nhỏ. Đó là ông bà già đã cho ông ở nhờ nửa tháng qua. Có thể họ đang vẫy tay tiễn ông. Cũng có thể họ đứng đấy canh chừng có phải ông đã thực sự đi chưa. Rồi ông quay người, chậm chạp bước về phía đường nhựa để đi nhờ xe về Hà Nội. Trong đầu ông chẳng có gì ngoài nỗi buồn mơ hồ và cảm giác xấu hổ của người vừa làm điều xấu bị người khác đuổi đi. Bên tai văng vẳng câu nói chất phác mà chua cay của ông già:

“Nhưng ông vẽ ác. Vẽ ác cũng gần như làm việc ác vậy!”

*T.B.T*

# Bảng chữ cái

(SH số tháng 4 - 2004)

Có lẽ tôi đã ngủ rất lâu trước khi bị lay dậy một cách dữ dội. Tôi cố nằm thêm, mặc dù đó không phải là thói quen của một người lính cũ. Thường thì tôi bật dậy ngay. Trước khi tôi vào lính, cha tôi, một đại tá từng trải ba cuộc chiến tranh, chỉ dặn mỗi một câu: “Hãy chồm dậy ngay tiếng còi báo động đầu tiên!”. Lời dạy của ông tôi làm theo trong suốt thời gian tại ngũ và cả khi giải ngũ. Nhưng có những lúc ta không làm chủ được mình. Tôi thấy mình đau ê ẩm và phải một lúc khá lâu sau tôi mới chậm chạp mở mắt.

Đột nhiên tôi linh cảm thấy điều gì đó:

- Ai?

Một người đàn ông ngồi yên trên ghế từ bao giờ, ung dung như ông ta vẫn ngồi yên như thế từ lâu lắm, trên chiếc ghế đã tróc sơn mà ngày trước cha tôi vẫn ngồi khi đàm đạo với tôi. Tay ông ta thủ vật gì đó màu xám trên đầu gối. Tiếng quát thốt thanh của tôi cũng hoàn toàn không làm ông ta bối rối.

- Thế nào, tỉnh chưa? Xin lỗi vì đã đánh thức anh...

- Không, không có gì - tôi nói theo thói quen, mặc dù trong bụng vừa bực bội vừa đầy nghi ngại.

“Ai nhỉ” - Tôi tự hỏi và lúc đó mới nhận ra rằng mình đang ở trong thư viện. Tôi muốn nói cái thư viện cá nhân trên tầng xép với rất nhiều sách quý cha tôi để lại và tôi đã bỏ ra cả tháng trời để kiểm kê và sắp xếp. “Đó là một thư viện trật tự và chuyên nghiệp nhất Hà Nội” - tôi vẫn hãnh diện tuyên bố với bạn bè như thế. Thú thực, đôi lúc tôi cũng nói vớ số lượng của nó lên với một niềm tin ngây thơ rằng con số sẽ chứng minh cho sự uyên bác của chủ.

Thực ra ông ta vào nhà tôi không phải là điều khó khăn. Nhà tôi luôn mở cửa và cũng không có hàng rào. Tôi căm ghét các loại hàng rào. Tôi từng sống với người Dụcmi và tôi đem về đây quan niệm sống cao thượng của họ. Trong ngôn ngữ của họ không có từ hàng rào “Nhà tôi nhỏ nhưng không có hàng rào. Bạn hãy đến, rồi hãy đi, như gió”. Tôi có câu thơ như thế. Hành lang giữa nhà tôi nằm theo hướng đông-tây, trừ một khoảng thời gian ngắn ngủi giữa trưa, ánh nắng có thể rọi vào chói lọi.

“Ai nhỉ?” Tôi lại tự hỏi và kín đáo liếc nhìn ông già trong lúc ra kéo rèm cửa sổ.

Mặt ông ta rất dài, gầy, tóc thưa thớt, râu bạc trắng, mệt mỏi nhưng chẳng có vẻ gì là độc ác. Bộ pijama rất cũ, ố vàng, trông như may bằng những mảnh giấy xé ra từ một cuốn sách cũ.

Không gian hoàn toàn im ắng, bên ngoài trời tối đen như mực. Tôi ngược nhìn đồng hồ, nhưng nó đã chết từ bao giờ chẳng rõ.

Tôi quay lại, chưa kịp hỏi thì ông già đã nói:

- Anh mời tôi đến nói chuyện về bản thảo cuốn từ điển Việt-Bồ-La...

Ông ta nói chìa cái gói trên đầu gối. Thì ra đó là tập bản thảo. Ông lật trang bìa, lấy ra một lá thư.

Cả nét chữ lẫn chữ ký đúng là của tôi, nhưng tôi không sao đọc nổi. Sao mình lại viết một cái giấy mời cầu thả đến thế này nhỉ? Tôi cảm thấy ngượng ngùng. Mình đã gửi thư này từ bao giờ? Và quyển từ điển Việt-Bồ-La nào? Một ý nghĩ hài hước thoáng trong đầu: “Chẳng lẽ ông ta là Alexandre de Rhodes?”.

Nhưng tôi trấn tĩnh được ngay.

- À, cháu nhớ rồi - Tôi nói dối - xin lỗi, cháu đang ngái ngủ. Bác uống trà nhé...

Tôi pha trà thật nhanh nhẹn, cố kéo dài thời gian. Ông già nói:

- Nhưng xin lỗi anh, hôm nay tôi muốn bàn chuyện khác, tuy cũng ít nhiều liên quan đến cuốn từ điển. Anh cho phép chứ? Tôi xin trình bày ngắn gọn...

- Vâng, xin mời bác...

- Thế này, liệu chúng ta có thể bỏ trình tự hiện nay của bảng chữ cái đi không?

- ?

- Anh biết rõ đấy, có rất nhiều điều tai hại, hay thậm chí nhiều tai họa, chỉ vì bảng chữ cái bắt đầu bằng chữ A.

- Cái gì? Thay đổi trật tự bảng chữ cái?

- Đúng thế.

- Nhưng bác đang làm từ điển cơ mà?

- Từ điển có bắt buộc phải bắt đầu từ chữ A hay không? Và, từ điển chỉ là chuyện nhỏ...

- Chắc bác muốn nói đến chuyện tranh cãi về chữ E trong sách “Tiếng Việt” lớp 1 chứ gì? - Tôi cắt lời - Thú thật với bác, cháu ớn đến tận cổ chuyện chữ E chữ A ấy rồi.

Tôi đứng phắt dậy xô ra một tràng đầy phần uất:

- Các ông bà tham gia cuộc tranh cãi ấy hoàn toàn nhầm lẫn giữa trật tự của bảng chữ cái với việc dạy chữ nào trước. Dạy chữ E, D hay X trước thì có ảnh hưởng gì đến bảng chữ cái nào!

- Anh không hiểu ý tôi. Chính tôi cũng ớn đến cổ cuộc cãi vã đó. Tôi muốn kiến nghị việc khác hẳn. Tôi muốn thay đổi trật tự bản chữ cái. Nói đúng hơn, tôi muốn có một bảng chữ cái dân chủ hơn.

Tôi hoàn toàn không hiểu ông ta nói gì.

- Thế này nhé - ông ta nói - Nếu trong một đất nước mà anh làm vua cứ làm vua mãi, anh đi cày cứ đi cày mãi, thì có thể gọi là dân chủ được hay không?

- Xin lỗi, cháu không muốn nói chuyện chính trị.

- Không, đây không phải là chuyện chính trị. Đây là vấn đề dân chủ của các con chữ.

- Lại còn vấn đề đó nữa!

- Chứ sao. Tại sao chúng ta cứ phải trói buộc sự vật vào một trật tự nào đó. Tại sao...

- Thôi được rồi - Tôi tìm cớ hoãn binh - Mời bác uống trà đã. Chuyện đâu có đó.

Ông già vui vẻ đồng ý, hình như cũng định tìm cách nào đó giải thích rõ hơn.

Trong lúc chúng tôi uống trà, tôi hết nhìn ông lại nhìn cái thư viện được sắp xếp ngăn nắp của mình.

- Thưa bác, bây giờ cháu xin hỏi. Nếu không sắp xếp theo trật tự ABC thì cuốn từ điển Việt-Bồ-La bác định làm thế nào?

- Làm thế nào đâu phải là điều khó. Làm thế nào là câu hỏi tiếp theo của câu hỏi làm gì. Vậy chúng ta làm gì? Chúng ta phải thay đổi trật tự bảng chữ cái, hay nói đúng hơn là không được giữ một trật tự cố định



của bảng chữ cái. Điều đó vô cùng quan trọng nếu chúng ta ý thức được tác hại của việc cố định một trật tự của bảng chữ cái...

Một lần nữa tôi lại nhìn lên những giá sách. Chẳng hiểu tại sao lúc đó tôi bỗng nổi đóa.

- Nói thật với bác nhé, cháu không thấy có gì là tác hại trong việc bảng chữ cái có một trật tự xác định. Ngược lại là đằng khác. Không có nó thì làm sao có tất cả những thứ này? - Tôi chạy đến giá sách và lôi xuống cơ man nào là từ điển, bách khoa toàn thư, danh bạ điện thoại, danh sách hội đồng hương... - Làm sao, bác làm sao với tất cả những thứ này? Bác hãy gọi tên một tác giả đi, cháu sẽ lấy xuống trong chớp mắt!

Ông già ngừng lại, nhưng hoàn toàn không thất vọng. Đợi đến khi tôi ngừng, ông mới khẽ khàng:

- Anh ngồi xuống đi, tôi hỏi nhé. Anh ngày xưa đi tàu, có biết Tùng Quảng không?

Lúc đó tôi mới nhận ra sự bất nhã của mình, bèn ngượng ngịu ngồi xuống.

- Bác người Tùng Quảng à?

- Không, tôi người Sơn Hạ nhưng tôi có một kỷ niệm ở đó, thời Cả Then, chắc anh không biết.

Tôi có nghe nói nhiều đến tên Cả Then, nhưng chỉ biết đại khái ông là thủ lĩnh khởi nghĩa đánh Tây, bị bắt và giết một cách dã man. Nhưng những cái tên quen thuộc khiến chúng tôi trở nên thân tình hơn.

- Hồi đó tôi mới hai mươi bảy tuổi, - ông già nói - đang học trường Sư phạm, nhưng đã tập tễnh viết văn, làm báo và ngay từ hồi đó đã viết dở cuốn từ điển Việt-Bồ-La này. Năm ấy, sau khi nghĩa quân Cả Then định dùng cỏ khô tẩm nhựa thông đốt tàu Tây bị lộ, Tây cho người lùng sục dữ lắm. Cả Then về sau cũng bị Tây bắt, đem treo cổ. Đêm hôm đó, chúng tôi vừa lên giường thì nghe ồn ào rồi lính tráng ở đâu ập đến,

dụng dấy. Vừa bình tĩnh thì những cái báng súng đã thúc vào lưng đau đingking kèm theo những tiếng quát nạt, sùng sộ. “Thằng Cả Then đâu? Thằng Cả Then đâu, khai ra không chết cả nút”. Người ta trói cánh khuỷu đám đàn ông lại, sắp thành hàng giữa sân, còn đám đàn bà thì đuổi cả vào nhà bếp, khóa trái cửa. “Thằng Cả Then đâu?” - Họ dí đèn vào mặt từng người. Chúng tôi run như cây sậy, sợ đến vãi đái. Một anh sinh viên năm thứ nhất, chúng tôi gọi là dân “tò he”, đứng cạnh khóc lóc, van lạy như mưa. Nhưng chúng tôi nào có biết mô tê gì mà khai. Đánh đập chửi bới một hồi, họ lôi chúng tôi vào nhà ăn, chỗ đám đàn bà đang chúi vào một góc vì sợ hãi. Trên chiếc bàn đặt đèn bão, cuộn dây thùng và khẩu súng trường lấp lánh lưỡi lê, một người đàn ông to lớn giọng khàn khàn tuyên bố đếm đến mười, nếu không khai chỗ ẩn náu của Cả Then thì sẽ lôi từng người ra chém, “xem gan chúng mày to đến đâu”.

Những thời khắc sau đó căng thẳng và kéo dài như vô tận. Tim tôi đập thình thịch. Nhưng những tiếng đếm ngược khô khốc cuối cùng cũng chấm dứt. Người ta hạ lệnh đem danh sách cùng một thanh kiếm sáng loáng ra, đặt lên bàn cạnh khẩu súng và cuộn dây thùng. Người đầu tiên bị gọi tên là tôi. Chưa kịp định thần, tôi đã bị hai thanh niên lực lưỡng tóm chặt lấy tay, đẩy mạnh ra trước chiếc bàn đặt đèn bão.

Tôi muốn kêu nhưng cổ nghẹn lại. Nỗi uất hận dâng lên trong ngực. Rồi một cảm giác mát lạnh lướt qua sau gáy rất nhanh trước đầu tôi rơi xuống đất và tiếng đám đàn bà rú lên.

Đúng lúc đó cả nhà ăn nhốn nháo. “Bắt được rồi, bắt được rồi”. Hóa ra người ta đã bắt được Cả Then trốn trong hiệu đánh giày ở ngay đầu phố.

- Vậy tên bác là...

- “Cái tên không quan trọng...”, anh có một câu thơ như vậy đúng không? Quan trọng là từ đó tôi đành bỏ dở cuốn từ điển... Nếu như tên tôi không bắt đầu bằng chữ A...

Chẳng người làm thơ nào không xúc động khi có người thuộc thơ mình.

- Vàng, bây giờ thì cháu hiểu rồi...

- Thì tôi cũng chỉ cần có thể. Thống nhất được với nhau rồi, chúng ta sẽ có cách.

- Vàng, đúng là không thể xem thường được.

- Đúng thế, không thể xem thường được.

Ông già nói thế rồi đứng dậy.

- Dù sao thì cũng muộn rồi. Tôi để lại cuốn từ điển anh xem nhé. Lần sau ta sẽ bàn cụ thể.

Tôi đưa ông già xuống cầu thang. Ông đi rất nhanh.

- Anh khá lắm. Tuổi trẻ phải thế. Cũng như tôi ngày trước. *“Nhà tôi nhỏ nhưng không có hàng rào. Bạn hãy đến, rồi hãy đi, như gió”*. Có phải thơ anh không nhỉ?

Chẳng người làm thơ nào không xúc động khi có người thuộc thơ mình.

Tôi mở cửa cho ông già và rung mình vì lạnh. Mãi lúc đó tôi mới chợt nhớ rằng ông già đã chết.

“Không thể như thế được” - Tôi tự nhủ và chạy lên tầng mái.

Cuốn từ điển vẫn nằm đó nhưng đã cũ đến mức không còn đọc được chữ nào.

Trên bìa chỉ có một vết xám đen. Hình như là vết máu.

Tháng 8-2003

N.T.L

Đ Ồ K I M C U Ô N G

# Người đi xe máy một chân

(SH số tháng 7 - 2004)

**b**ây giờ bạn bè ít được gặp anh lang lang trên phố. Thảng hoặc dăm bữa nửa tháng, có khi hơn mới tóm được anh. Ấy là khi anh phải ra khỏi nhà đi nạp bài cho những tờ báo mà anh thường cộng tác, hoặc đi nhận nhuận bút một vài bài thơ lẻ in trên báo.

Vào lúc trong túi rủng rinh có tiền, gương mặt anh sáng hẳn. Tiện đường, ghé qua chỗ tôi thế nào anh cũng rẽ vào. Chưa thấy người, đã thấy tiếng. Chỉ cần nghe tiếng để giày của chiếc chân gỗ gõ vào từng bậc cầu thang, biết là anh đã tới rủ đi chơi làm vài vại bia. Tôi không uống được, nhưng anh vẫn cứ mời, có cái cớ để anh em được ngồi với nhau ít phút chuyện trò ba lằng nhằng. Những câu chuyện thường là không đầu, không đuôi. Giữa anh và tôi không có nhu cầu trao đổi công việc, hay bàn chuyện làm ăn, kể cả chuyện văn chương như anh nói “cũng nên cho vào sọt rác”. Nhưng lâu ngày anh và tôi không gặp nhau lại thấy nhớ, thấy thiếu, hết như cái cảm giác một người đã quen với ly cà phê sáng, vì một lý do nào đó băng đi một thời gian không được uống cà phê nữa. Mỗi buổi sáng anh ta trở dậy, thấy buồn buồn, bâng khuâng

và thềm có một ly cà phê, nói chuyện với bạn bè. Mỗi lần gặp tôi, cao hứng anh Hoàng còn đọc vài bài thơ mới viết. Giọng xứ Nghệ, lại sống ở Hà Nội nhiều năm, anh đọc thơ truyền cảm. Đôi mắt của ông thi sĩ đã ngoài sáu mươi vẫn lung linh sáng, quyến rũ. Tôi dám cược rằng giữa tôi và anh nếu gặp một cô gái đẹp thì chỉ ít phút sau câu chuyện của cô gái ấy và anh đã như ngô nổ. Tôi chỉ còn là một nhân vật phụ. Người nghe chuyện cứ ngỡ anh và cô gái là đôi bạn tri kỷ từ kiếp nào.

Vài tháng gần đây, anh Hoàng chết chệt trong ngôi nhà hai tầng vuông vức như cái hộp ở khu tập thể cách xa trung tâm thành phố. Đơn giản - anh đã lên chức ông ngoại. Bữa con gái anh đẻ, tôi đang mắt nhắm mắt mở tìm đôi giày đi đá bóng, nghe tiếng anh nói to trong điện thoại “Con T đã đẻ rồi. Tao đã trở thành ông ngoại. Ba ký rưỡi em ạ. Nó có cái trán rộng, giống hệt như tao... Good bye nhé... Hôm nào gặp nhau, khao”.

Cái hôm nào ấy của anh đã mấy tháng nay tôi chờ chưa thấy tới. Bởi vì anh Hoàng bận rộn với đứa cháu ngoại “dịch tôn”. Chị vợ anh Hoàng bỏ hẳn sạp hàng ngoài chợ để ở nhà chăm sóc con gái và đứa cháu ngoại. Anh đóng cửa ngôi nhà ngấm cháu và sẵn sàng nghe vợ và con gái sai bảo. Anh mua hàng đông sách dạy về ăn uống, chữa bệnh cho trẻ sơ sinh. Anh loay hoay đọc sách Tàu, sách Nôm để đi tìm chữ đặt tên cho cháu. Anh bỏ hẳn thú tập thể dục buổi sáng và niềm đam mê đánh cờ với các cụ hưu ở dưới gốc cây bàng trong khu tập thể để có thêm thời gian trông nom “con mèo bông yêu quý của ông”. Trẻ con mới đẻ ăn ít, mặc ít không đáng lo. Vả chăng cha mẹ chúng đều là kỹ sư, bác sĩ, tiền đâu có thiếu. Anh dâng tặng tình yêu con trẻ cho đứa cháu ngoại.

Một hôm, anh Hoàng đến chỗ tôi làm việc. Anh vắt bịch cái cặp xuống ghế, nhìn tôi không nói năng gì. Mặt buồn như người mất sổ gạo. “Có chuyện gì vậy anh?”. Tôi súc ồm, pha trà nhìn anh ái ngại. “Mất rồi... Đi mất rồi!”. “Ai mất, ai đi?”. Tôi sốt ruột. “Con cháu ngoại nhà nội sang đón đi rồi, em ơi!”. Anh nói mà như khóc. Tôi phì cười. “Cháu nội nhà người

ta, thì nó về ở với ông bà nội là đúng, chứ có sao?”. “Chị em buồn lắm. Còn anh cả đêm qua không ngủ được...”

Ở phòng khách có tiếng điện thoại reo. Lúc tôi trở vào đã thấy anh Hoàng ngủ, gối đầu lên thành ghế bộ sa lông ngáy ngon lành. Trông anh, ngủ thật tội. Mái tóc của anh luôn đen óng mượt, vài tháng nay không chải thuốc nhuộm đã thấy trắng lốm đốm nơi chân tóc. Gương mặt chữ điền, cương nghị hẳn rõ dấu hiệu mệt mỏi. Đôi giày da của anh, một chiếc nằm lăn lóc dưới đất. Chiếc còn lại bó chặt lấy cái chân gỗ màu nâu được chằng néo bằng những sợi dây da chắc chắn. Một bàn chân lạnh lặn của anh gác lên thành ghế. Còn chiếc chân cụt tới đầu gối nằm sõng soài, bất động giấu trong ống quần. Nhìn gương mặt hiền lành của anh lúc ngủ, không ai nghĩ anh là người nóng tính, dễ nổi giận. Vậy mà có lần, anh đã túm áo một gã lái xe con, chạy ẩu xô ngã một chị chở rau bằng xe máy, toan bỏ chạy. Anh lôi gã ra khỏi xe và bắt xuống xin lỗi và đi mua bông, thuốc đỏ băng bó cho người đàn bà nhà quê. Chị ta chưa tan cơn hoảng loạn sau một phen thoát chết.

Vào những năm “chín mươi” khi làm việc ở một tờ Tạp chí Văn nghệ, tôi mới có dịp gặp mặt anh Hoàng. Chẳng hiểu trời xui đất khiến thế nào, một lần tôi đi dự hội nghị ở Hà Nội. Trong đám giấy tờ người ta vất vào sọt rác, tôi lại lượm được một tập thơ của anh, bản photo, chữ nghĩa nhòe nhoẹt cả. Tôi cầm lên và đọc để cho qua quãng thời gian phải nghe những báo cáo, tham luận dài lòng thòng. Ngay từ những câu thơ, bài thơ đầu tiên của thi sĩ họ Hoàng đã cuốn hút tôi. Thơ của một người lính ra trận trở về xót thương cho người đồng đội đã mất. Thơ viết về mẹ, về Hà Nội. Rất nhiều bài thơ viết về tình yêu. Tôi đã mang những bài thơ ấy của anh về Nam chọn in vài bài trên tạp chí. Lần dò qua bạn bè, tôi cũng biết được anh Hoàng đang làm biên tập viên cho một tờ báo. Khi anh nhận được nhuận bút của những bài thơ và cuốn tạp chí anh có viết cho tôi vài dòng “Đã in thơ cho anh, lại còn gửi nhuận bút, thế là quý rồi.

Anh yêu biển lắm, nhưng chưa có dịp nào ghé Nha Trang”. Chưa gặp tôi bao giờ, chẳng thân quen, anh đã xưng hô như vậy.

Rồi một ngày anh Hoàng đến Nha Trang thật. Tôi và mấy cô ở tòa soạn được nhìn tận mắt, sờ tận tay một thi sĩ đã nổi danh với những truyện ngắn, bài thơ gây nhiều tranh cãi. Bữa cơm chiều tôi đãi anh món vịt Cầu Dứa. Ngồi lán la chuyện trò, tôi mới vỡ lẽ ra anh cũng là lính giải phóng thuộc Công trường 5, quân của ông Thân Trọng Một. Anh vào chiến trường năm 1966, lặn lội nhiều với vùng giáp ranh quanh cố đô Huế. Cái thứ lính bộ binh quân Giải phóng, quanh năm suốt tháng sống ở vùng giáp ranh mặc quần đùi, đi dép râu, đầu trần mang AK trước ngực, ăn dầm ở dễ với du kích địa phương, đi xây dựng cơ sở bám dân, giữ đất. Anh Hoàng đã từng nhiều ngày nằm hầm, chui bụi ở Hiền Lương, bãi cát Triều Dương, các mạ các o trong các làng kháng chiến đã nhiều người nhận anh làm con nuôi, anh nuôi và cả làm con rể hụt. Đánh xong chiến dịch Mậu Thân 1968 đại đội của anh hy sinh quá nửa. Đơn vị lại được điều sang vùng Hương Thủy, đêm đêm về các làng Thanh Thủy Thượng, Nham Biều, Thủy Dương vừa kiếm gạo ăn, vừa giữ địa bàn vùng giáp ranh xôi đỗ đầy hiểm nguy và phức tạp. Suốt ngày chốt gác theo dõi địch. Ba bốn giờ chiều trinh sát đã phải bám đường xuống đồng bằng mua gạo mằm, nắm tình hình địch. Nhiều đêm, vấp địch phục kích, bộ đội, cán bộ du kích cáng thương binh, liệt sĩ, ôm gùi rỗng trở về.

Anh Hoàng kể - Một lần về ấp Năm lấy gạo, chẳng ngờ tao bị dính mìn Claymo của tụi Mỹ “mũ lỗi xanh”. Vết thương ở bụng, nhưng không nguy hiểm tới mạng sống. Tao được cáng lên điều trị ở bệnh xá Nam. Chưa đầy nửa tháng, vết thương đã lên da non, những trận sốt rét lại ập đến. Cứ một ngày hai cử. CƠN SỐT ĐẾN VÀO QUĂNG CHIỀU VÀ ĐÊM. Ăn cái gì nôn ra cái ấy. Đạo đó Mỹ đang càn mạnh vùng giáp ranh Huế. Bộ đội đói vàng mắt. Thành ủy chỉ đạo các đơn vị phải ưu tiên cho thương bệnh binh đang điều trị tại trạm xá. Tiêu chuẩn cho thương bệnh binh cũng

chỉ đủ cho một người mỗi ngày nửa lon gạo. Gạo ít, anh chị em phục vụ trạm xá đành nấu cháo loãng cho người ốm, nấu lẫn với môn vót. Một thứ nước xanh rớt, ngại ngại đến người khỏe ăn còn khó nuốt, huống chi tao đang sốt rét thập tử nhất sinh. Quờ tay lên đầu, tóc rụng lả tả. Nhưng tao không muốn chết. Cố mà húp chút nước cháo cho có hơi gạo. Húp vào chưa ấm bụng lại nôn. Cô y tá chăm sóc cho tao trong những lúc đau ốm ở Trạm xá Nam tên là Lược, anh em hay gọi là o Lược. Cứ mỗi lần nôn, o Lược đã để sẵn một cái xoong dưới gầm sạp. O Lược vừa đỡ nhẹ vào lưng tao vừa nói: “Nôn chi mà dữ hè... Ráng chịu eng Hoàng...”. Khốn khổ càng ráng chịu càng nôn. Nôn cho tới khi ói ra mật xanh, mật vàng, người lả đi, miệng đắng nghét mới cảm thấy sung sướng, sáng khoái dễ chịu. Mồ hôi túa ra. Mệt rũ người và cơn sốt đã lui từ lúc nào. O Lược cho tao uống chút nước gạo rang để lấy sức “cho có chất gạo”. O nheo mắt cười “Ráng sống mai này thống nhất còn về quê lấy vợ nghe eng Hoàng”. Hỡi ôi, vào những năm “sáu chín”, “bảy mươi” khốc liệt ấy, mấy người lính có đủ tự tin, lạc quan để hy vọng mình còn sống để trở về quê hương. Ngày chiến thắng, ngày thống nhất như lời của các ông chính trị viên, mỗi khi xuống đơn vị làm công tác tư tưởng, giảng bài cho bộ đội đều khẳng định sẽ có. Nhưng trong sâu thẳm trái tim mỗi người lính như cánh tao đều hiểu rằng cuộc chiến này vẫn còn gian khổ, khốc liệt và số phận dành cho một người lính trong chiến trường như hạt cát giữa rừng bom lửa. Cả một đại đội bộ binh của tao vào chiến trường, sau hai lần tấn công về Huế, còn lại 18 người. Chậm tiến bộ, ngang ngạnh như tao cũng đã là trung đội phó. Những năm sống ở giáp ranh, quen biết nhiều cô du kích, cán bộ, nhưng tao chẳng thân với cô nào. Có người chưa kịp làm quen, họ đã hy sinh trước mắt mình. Chỉ một đêm đi đồng bằng mua gạo. Một trái mìn nổ. Một quả pháo bắn vu vơ vào hậu cứ. Lãnh đủ. Gần một tháng trời nằm ở trạm xá, được o Lược tận tình chăm sóc, chuyện trò... tao có cảm tình với o. O Lược người Vĩ Dạ, lên



xanh từ những năm 1965. Công bằng mà nói o không thật đẹp, nhưng có duyên, là một trong số những y tá, hộ lý thương lính ở Trạm xá Nam. Trạm xá tiền phương chỉ có một ông bác sĩ và gần chục cô y sĩ, y tá, hộ lý. Họ vừa phải lo cứu chữa trị cho bộ đội, cán bộ huyện xã bị thương tật, đau yếu dưới đồng bằng, giáp ranh chuyển lên trước khi chuyển tiếp cho Viện Quân khu, vừa phải lo cùi gạo cơm để đảm bảo bữa ăn cho mười mấy con người. Lúc bình thường không có địch thì không có vấn đề gì. Lo đào hầm cho chắc, chốt gác để phòng tụi thám báo, biệt kích. Nhưng căng thẳng nhất mỗi lúc địch càn vào hậu cứ, tất cả từ thấy thuốc đến thương, bệnh binh phải cầm súng để bảo vệ thương bệnh binh.

Mùa khô 1969, thật khủng khiếp. Khắp rừng núi Trị - Thiên đầu đầu cũng thấy lính Mỹ thuộc Sư đoàn Kỵ binh bay số I càn quét, chiếm đóng các điểm cao. Suốt dải giáp ranh bao quanh Huế, chúng đổ quân xây dựng nhiều cứ điểm phòng thủ. Quân Mỹ, quân nguy rải quân chốt chặt đường 12, càn lên cả đường tuyến vùng A So, A Lưới. Người Mỹ và chính quyền nguy đã thám thía với những đòn tấn công và nổi dậy của Việt Cộng. Chúng không muốn tái diễn một “Mậu Thân” nữa! Vào một buổi sáng mùa hè, một trung đoàn quân Mỹ và trung đoàn 54 nguy tổ chức càn lớn vào vùng rừng giáp ranh Hương Thủy, Hương Trà, Phong Quảng. Một tiểu đoàn lính biệt động quân nhảy dù xuống điểm cao dọc bờ sông Hương, chia thành ba mũi xộc thẳng vào khu vực hậu cứ của bệnh xá Nam. Địch chia cắt luôn đại đội vận tải, một đơn vị có nhiệm vụ bảo vệ cho khu bệnh xá. Các mũi tiến quân của địch tiến rất nhanh. Chúng đã phát hiện ra một vài căn hầm, kho quân lương. Một cô y tá và một anh thương binh đi lấy măng bị tụi biệt kích bắt sống ngoài Bãi Đá. Một anh du kích xã lúc địch tấn công vào hậu cứ, khiếp sợ quá đã ra chiêu hồi, chỉ điểm nơi đóng quân của các đơn vị. Pháo địch càn sẵn toạ độ, bắn cấp tập từng đợt để bộ binh tiến vào truy quét.

Bác sĩ Khuê trạm xá trưởng đã quyết định chia nhỏ số thương binh sơ

tán, tránh địch. Tao sốt rét chưa dứt, được o Lược và một cậu chiến sĩ bị thương nhẹ đưa vào rừng tránh địch. Tao bước đi không nổi, tay chống gậy, lưng đeo chiếc gùi lội dọc theo con suối Đá. Địch đã vào được khu trạm xá và nơi đóng quân của đại đội vận tải. Chúng bắn loạn xạ. Ném lựu đạn, đặt mìn giật hầm. Nghe rõ cả tiếng tụi nguy gọi nhau í ới truy bắt Việt Cộng... Gần hai tiếng đồng hồ, o Lược đã đưa được tao tới một hang đá gần bờ sông Hai Nhánh. Cậu bộ đội bị thương chẳng rõ đi lạc hướng nào, sau này biết rằng cậu ta đã nhập vào với trung đội vận tải. Bị sốt lâu ngày sức yếu tao mệt lử, chân cẳng rún ra. Nhiều lúc o Lược phải dìu đi... Đến được bãi đá bên sông, o Lược mới dừng lại. Chưa kịp mặc xong chiếc võng. Cơn sốt đã ập tới. Mắt hoa, đầu đau như búa bổ. Chỉ thấy nhói đau ở cánh tay. Người lúc nóng, lúc lạnh. Triền miên trong những cơn mơ. Lúc thấy tụi nguy đuổi. Lúc lại thấy con cọp vằn lông trắng đứng nhe nanh, chực vồ. Loáng thoáng nghe như có tiếng pháo nổ rất to ở trên đỉnh hang đá, ngoài bãi rẫy của đồng bào Vân Kiều. Đến khi tao tỉnh lại, thấy mình đang nằm trong một cái ổ được lót bằng cỏ tranh, lá đùng đình, lá nón êm ái. Không gian tối om. Râm rì tiếng côn trùng kêu trong đất. Mi có biết lúc ấy người đang nằm ép sát, ôm lấy tao là ai không?...

Anh Hoàng hỏi tôi và đưa một cọng hành tươi ngâm đá lên miệng nhai. Mãi nghe chuyện, đĩa thịt vịt luộc hai anh em mới chỉ ăn được vài lát.

“O Lược đấy! Anh Hoàng nói - chắc là thấy tao rét quá, chần mùng không đủ ấm, o Lược đã sưởi ấm cho tao bằng chính cơ thể mình. Tao nằm im bất động, nín thở để nghe nhịp tim của một người con gái. Hơi thở nhẹ, phảng phất cả mùi xà bông Mỹ trên mái tóc cô. Lâu lâu, o Lược lại lấy cái khăn mặt lau nhẹ lên trán, lên mặt của tao. Tao biết, o Lược cũng không ngủ được. Có lúc o cầm lấy bàn tay giá lạnh của tao. Bàn tay o mềm mại, nóng ấm.

Một lúc lâu, o Lược trở dậy, cời than. Lửa cháy bập bùng. Ngoài cửa hang o Lược đã dùng một tấm ni lông che bớt ánh sáng. O lật từng chiếc áo, chiếc quần đang hong quanh bếp lửa. Buổi chiều lúc luồn rừng, chạy giặc, áo quần đều ướt hết cả. Rồi o Lược khẽ nâng đầu tao dậy, kể miệng vào chiếc ca US cho tao uống chút nước cháo. O bảo “Ngủ đi ông tướng ạ. Mai còn có sức để leo núi. Mỹ vô càn đông hung. Chúng nó vào cứ đốt hết cả lán trại rồi... Eng mơ chi mà dữ rứa hè? Cứ la hét hoài à... Ngủ đi cưng, ngoan nào...” Thì ra, o biết tao cũng thức. Nhưng o giả đồ như không hay. Tao đã nói với o như ri: “Cám ơn em! Anh sống được đến lúc này là nhờ em... Mai ngày còn có lúc gặp lại, anh sẽ trả ơn...”. “Eng là bộ đội giải phóng, em là lính trạm xá... Biết lấy gì mà trả ơn cho nhau đây?” Nghe o Lược nói, nước mắt tao ứa ra. Ấm nóng hai gò má. Tao và o Lược đã sống với nhau ba ngày trong hang đá, cho đến khi tụi Mỹ, tụi ngụy rút khỏi hậu cứ”.

Anh Hoàng nhìn tôi: “Tao không còn cơ hội để trả ơn o Lược. Chuyện rồi cũng đến tai Ban chỉ huy trạm xá. O Lược là đảng viên, chỉ bộ họp kiểm điểm suốt một đêm. Tao được bác sĩ Khuê và anh chính trị viên trạm xá mời lên viết bản tường trình. Học theo tính cách của thủ trưởng Thân Trọng Một, tao chỉ viết một chữ “KHÔNG” to tướng vào tờ giấy kẻ xé ra từ tập vở Côgicô 100 trang của học trò. Hai ngày sau, tao được trả về đơn vị dưới giáp ranh. O Lược bị cách ly với kẻ “tình nhân nguy hiểm” bằng hình thức đưa vào trại sản xuất của Trạm xá cách hậu cứ hai ngày đường”.

Tôi gắp vào bát của Hoàng mấy miếng thịt vịt, bắt anh ăn. Thịt vịt nướng, chấm ruốc mắm gừng, nhậu với lade đặc sản của dân Cầu Dứa. Anh Hoàng ăn có vẻ khoái. Tôi hỏi anh. “Chị nhà có biết chuyện o Lược không?”. Anh nhìn tôi, tay vẫn cầm chiếc đũa vịt. “Biết, bà ấy cạo đầu... Mi là lính Công trường 5, tào mới kể cho nghe chuyện này... Bem đấy nghe!” Về cô y tá Lược ở Trạm xá Nam tôi cũng đã có lần được gặp chị.

Trong chuyến cáng thương binh vượt đường 12 sang giao cho chúng tôi chục lon gạo để ăn dọc đường. Sau ngày Huế giải phóng, tôi không bao giờ được nghe tin tức về chị nữa.

Tôi biết nhiều về người vợ anh Hoàng bây giờ. Trong con mắt tôi chị thực xứng đáng với danh hiệu người phụ nữ anh hùng. Anh Hoàng đã cho tôi xem tập album gia đình. Nhiều bức ảnh chị chụp từ thời con gái rất trẻ, đẹp, đầy sức sống và nghị lực của các cô gái sinh ra trong những năm đất nước có chiến tranh. Chị chưa bao giờ nói cho tôi lý do vì sao chị dũng cảm lấy anh Hoàng. Còn tôi đinh ninh cho rằng chỉ có sức mạnh của tình yêu, của tình mẫu tử, tình yêu con người mãnh liệt, một cô gái như chị mới dám vượt qua tất cả để chọn anh làm chồng. Một anh thương binh cụt một chân. Chưa tới bốn mươi tuổi đã ngồi chơi xơi nước, ăn theo vợ. Nghề nghiệp không có. Lại hay mơ mộng viễn vông là hy vọng sống bằng THỜI, chết vì THỜI. Lạ thật? Một kẻ không có tem phiếu, còng cọc sống bằng mấy đồng thương tật lại đủ sức làm một cô gái Hà Nội như chị xiêu lòng. Vậy mà anh chị đã sống rất vui vẻ, hạnh phúc! Nhiều lần tôi đi ngang qua khu chợ xép, lảng lảng đứng nhìn chị bán hàng. Cái gánh hàng ăn vặt vĩnh ấy, đã giúp chị nuôi chồng, nuôi cô con gái quý hơn vàng đủ sống và ăn học thành người. Trong những câu thơ của anh tôi đọc ngoài những ý tưởng cao xa, sang trọng còn ẩn náu cả vị mồ hôi mặn mòi của người đàn bà bán hàng rong, lẫn quất cái mùi nước tanh nồng bao quanh ngôi nhà mái lợp giấy dầu khi xưa của anh vào những ngày Hà Nội dầm trong mưa và úng lụt...

Bây giờ anh Hoàng đã được sống trong ngôi nhà tầng thoáng rộng. Cô con gái lập cho bố điều hòa. Anh làm thơ, viết báo bằng vi tính. Đi xe máy đến tòa soạn. Cuộc sống cơ cực, nghèo khổ đã bị đẩy lùi xa. Kể cả việc anh đã lần mò tìm ra tung tích của o Lược, người con gái đã vì anh mà chịu nhiều tai tiếng, đau khổ. Nhiều năm sau anh mới biết rằng o Lược đã có lần được đưa ra Bắc chữa bệnh. O không có ai quen biết ở

xứ Bắc, vậy mà o đã về tận làng quê anh ở miền Trung lần tìm tung tích người yêu. Làng quê anh bom đạn tàn phá hết cả. Cha mẹ anh đã mất, anh em ly tán. Anh Hoàng đi khỏi làng từ bé, chẳng ai biết anh ở đâu mà tìm. Có tin đồn anh đã hy sinh ngoài mặt trận. Chị Lược chán nản quay về trại điều dưỡng. Lúc ấy có đợt cán bộ đi Nam. Chị xin với cấp trên trở lại chiến trường. Trên đường giao liên Trường Sơn, ngày o Lược trở về Nam cũng là ngày anh Hoàng nằm trên vông cáng bị đạn tiện mất một chân, thương tật đẩy mình, ra Bắc. Giờ đã không cho o Lược được gặp anh. O Lược lại trở về sống với những cánh rừng hoang dã một thuở.

Ai nhỉ, ai đã nói câu này: ẩn khuất trong mỗi con người đều chứa đựng cả một pho tiểu thuyết. Anh Hoàng đấy, biết bao nhiêu là câu chuyện vui, buồn. Lâu ngày mới gặp lại anh, đến đây định chơi với tôi anh lại ngủ. Thật rõ chán! Mỗi chuyện còn con - đứa cháu ngoại được ông bà nội đón về bên nhà, đã khiến anh buồn đến vậy ư? Lạ nhỉ!

Tôi còn đang loay hoay với đồng giấy tờ, công văn, anh Hoàng đã trở dậy từ lúc nào. Anh thành thạo đút đoạn chân cụt vào phần chân gỗ đã xỏ giấy. “Chán nhỉ...”. Nghe anh than, tôi biết trong túi anh lúc này hẳn tiền. “Anh ở lại đi ăn cơm bụi với em” Tôi động viên. Anh nói quả quyết. “Không. Anh phải về ăn cơm với chị. Chị bảo hôm nay có món chả rán, ngon lắm. Hay em về nhà anh, ta làm vài vại bia”. Tôi không thể đi theo anh được.

Chỉ một loáng, anh Hoàng đã biến khỏi phòng. Rồi tiếng xe máy rồ ga. Thi sĩ một chân của tôi đã mất hút vào con đường rợp xanh bóng cây của thành phố.

Đ.K.C

# Những bước chân bên ngoài cái khe hở

(SH số tháng 9 - 2004)

**P**hòng giam chật chội, tối tăm... Gần trần có một lỗ thông hơi. Bên ngoài lỗ thông hơi là bức tường tôn xám xỉn. Khe hở dài chừng 10 mét, rộng chừng 3 tấc, nằm song song và gần sát với mặt đường bên ngoài. Đứng trong phòng giam, từ lỗ thông hơi nhìn qua khe hở của bức tường, chỉ có thể thấy những bước chân người đi.

Có bước chân của một người con gái, ngày hai lần sáng đi chiều về, đã bước những bước định mệnh vào trong tình yêu của một người đàn ông đang ngồi trong phòng giam. Tình yêu là gì? Có lẽ đây là câu hỏi ngu xuẩn nhất trong tất cả những câu hỏi ngu xuẩn nhưng con người vẫn cứ mãi mãi hỏi. Hỏi, bởi lẽ con người mãi mãi mang trong trái tim máu thịt một khát vọng là muốn siêu hình miễn thân xác bơ vơ của chính mình. Và như thế, không lý do, không nguyên nhân, người đàn ông ấy đã yêu thương một người con gái mà ông chưa từng thấy mặt. Cô ta là... những bước chân ở bên ngoài cái khe hở!

Ông vào tù vì một tai nạn giao thông. Đúng hơn là vì một thoáng lãng

trí mà chiếc xe ông đang điều khiển lạc tay lái đâm sầm vào một chiếc xe khác chạy ngược chiều. Cuộc đời rơi vào một ngã rẽ lạ hoắc mà ông không hề lường trước. Một vòng xoáy tối tăm, bí ẩn của dòng thác định mệnh. Song điều làm ông kinh ngạc không phải là những gì phi lý xảy ra từ một tai họa bất ngờ, mà là... tình yêu! Làm sao ông, một người đàn ông bốn mươi lăm tuổi từng trải việc đời, người đã già từ tất cả những ước vọng hư phù hoa thị để chuyên tâm vào một niềm đam mê duy nhất là nghiên cứu lịch sử của những nền văn minh cổ, lại có thể bị hệ lụy vì tình yêu? Và đó là một tình yêu quá ư kỳ dị! Bởi lẽ, làm sao ta có thể yêu thương một người khi mà ta chưa từng hay biết gì về người đó? Nàng chỉ là những bước chân! Những bước chân bên ngoài cái khe hở. Đôi lúc, ông tự phân tích tâm lý mình và tự mỉm cười chế giễu. Đó chỉ là một trạng thái của tâm tư bị ức chế, ông tự nghĩ, khi một người phải ngồi trong một căn phòng tối cách biệt với cõi sống bên ngoài, thì bất kỳ một dấu hiệu nào của sự sống cũng dễ mang lại một sự ngộ nhận rằng đó là tình yêu. Nhưng, những bước chân của người con gái đó, ngày hai lần sáng đi chiều về, như thách thức những suy nghĩ thuần lý của ông, như luôn lách theo những rãnh tối đen ngòm trong chính vùng ánh sáng lộng lẫy của sự phán đoán, để đi vào trong sâu thẳm tâm tư ông, gây cho ông một cơn đau bình thường nhất trên những gì vô thường. Ông mừng tượng những bước chân của cô ta mang tình yêu của ông mà trải dài theo con đường bên ngoài. Rồi những con đường... Những con đường bên ngoài cái khe hở. Những con đường cùng khắp thế giới quanh hiu.

Ông đã làm quen với những bước chân của cô ta đầu chùng ba năm thì cánh cửa phòng giam bật mở. Người cai ngục nói với ông: “Anh đã mãn hạn tù. Theo tôi, đi làm giấy tờ xuất trại”. Đó là một buổi sáng mùa xuân và khu vườn nhà ông vẫn trổ đầy hoa dẫu hơn ba năm qua không có người chăm sóc. Nắng vàng lóa xòa trên hai cánh cổng sắt xanh như muốn thức tỉnh niềm quên lãng đã đóng kín vào bên trong một vùng

không gian ngưng đọng trên những tầng lá mục rữa và bụi bặm. Hoa lá xôn xao dịu dàng. Cả đến những mảng rêu xanh trên bức tường bao quanh khu vườn, cũng trong suốt dưới nắng. Ông sống một mình. Niềm vui của ông là sưu tầm sách, trồng hoa và nghiên cứu lịch sử cổ đại. Song, điều ông quan tâm bây giờ không phải là hoa, là sách, hay là những tập bản thảo ông viết về lịch sử đã vàng bệch bụi mờ, mà là... con đường bên ngoài cái trại giam. Do đó, sau khi lo liệu cho những công việc đời thường đã bị gián đoạn trong suốt thời gian ở tù, ông vội vã đến một quán nước bên con đường đó. Vẫn còn sớm, chưa phải thời gian cô ta đi làm về, song ông muốn đắm mình trong nỗi niềm phấp phỏng chờ mong xôn xao mà ông đã đánh mất từ lâu lắm, gần 20 năm về trước. Con đường khá nhộn nhịp bởi xe cộ và người bộ hành. Và bất kỳ một người con gái nào đi bộ ngang qua quán nước, cũng làm nháy nhót lên niềm hy vọng về một cuộc hạnh ngộ trong lòng ông. “Nếu cô ta đã có gia đình - ông tự nghĩ - thì ta sẽ phải làm gì? Mà thế gian này chán vụn gì những kẻ thất tình. Lúc đó cứ để cho thời gian tự giải minh những sự kiện đã làm nên chính nó. Còn nếu còn độc thân, cô ta có yêu thương được ta không, một ông già 45 tuổi đời?”. Ông lại mỉm cười băng quơ như tự chế giễu - thói quen của ông. Tuổi trẻ ông đã trải qua nhiều cuộc tình. Rất nhiều cô gái yêu ông và điều này cũng làm ông khốn đốn không ít. Rồi hữu hạn tính của con người bộc lộ ra dần theo thời gian, ông chỉ còn yêu thích những gì đơn sơ tươi vui như hoa lá cỏ cây, những gì như nhiên an bình tựa những ý tưởng thanh thản trong những quyển sách xưa cổ... Gia sản của cha mẹ để lại cho phép ông khỏi phải bận tâm đến việc mưu sinh, và ông dành hết thời gian tìm hiểu những nền văn minh xa xưa mà ông yêu thích. Nhưng tai nạn xảy ra... Và giờ đây ông đang ngồi đây để chờ... những bước chân của một người con gái không quen biết!

Cho đến khi những cái đèn đường bật sáng như những đôi mắt đỏ lom lom chong lên nhìn một thứ bóng tối nhù nhòa đang còn vương vất



một vài sợi nắng cuối cùng của hoàng hôn, ông vẫn không nhìn ra cô ta. “Em đã không đi làm việc hôm nay”. Ông trầm nghĩ và tự an ủi niềm thất vọng của mình. Nhưng rồi, ngày hôm sau, ngày hôm sau nữa, và tất cả những ngày hôm sau của cả 3 năm sau, ông vẫn không tìm ra những bước chân của người con gái đó. Có khi, ông tự nghĩ, hình ảnh những bước chân của người con gái đó chỉ là sự tự ám thị của tâm tư ông trong cơn hụt hẫng của yêu thương và ác mộng, đang muốn vươn về một cõi thực đã xa cách giữa những tháng ngày định mệnh. Hay đó là một bóng ma từ trong dĩ sử vội vọi xa xôi đã tìm về gặp gỡ theo cơn đồng cảm hư linh nào đó, bởi lẽ, từ lâu lắm rồi mọi cảm xúc của ông dường như đã chia lìa với hiện tại? “Không. Cô ta là sự thật”. Ông tin như thế. Mãi mãi tin như thế. Bởi chính cô ta đã cứu sống ông trong những tháng ngày băng hoại đoạ đầy của cả tâm tư và thân xác. Ông phải tìm ra người con gái đó. Phải tìm ra cô ta đâu phải tìm khắp cả thế gian.

Rồi từ một người đàn ông lịch sự, đứng đắn, được mọi người quý mến và trân trọng, ông đã trở thành một người lảm cẩm dưới mắt mọi người. Có lần, một người bạn ngồi cùng ông ở một quán nước bên hè phố, đã ngạc nhiên vì thái độ của ông khi một cô gái xấu xí đi ngang qua, thốt lên: “Sao thế? Nhịp chân của cô ta trái nhịp với nhịp tim của cậu à?” Ông lạnh lùng nhìn bạn. Không một lời nói. Không một sự giải thích. Đứng dậy trả tiền và bước ra khỏi quán. Bạn ông chỉ còn biết há hốc mồm ra kinh ngạc. Hơn ba năm qua, dưới con mắt mọi người, ông có một thói quen quái dị: Hốt hoảng rồi sững sờ khi nhìn bước chân của những người con gái không quen biết.

Em! Thế là cuối cùng tôi cũng gặp lại em. Những bước chân của em đã lún sâu vào tiềm thức và vô thức của tôi đến nỗi, tôi có thể cảm nhận được sự hiện diện của nó không bằng ánh mắt mà bằng một giác quan khác. Nên chi, không gian chung quanh tôi như đặc quánh lại vì một niềm vui vĩnh cửu và một nỗi buồn vô hạn ngay trước khi có sự hiện hữu

của những bước chân. Những bước chân! Những bước chân bên ngoài cái khe hở định mệnh. Từ trong bệnh viện, tôi theo những bước chân em lang thang cùng khắp những con đường mật mờ phố bụi. Những bước chân như muốn đi về một nơi vô định. Những con đường rồi lại những con đường. Không gian như gãy đổ và thời gian như đang chảy ngược dưới những bước chân đi. Vâng. Thời gian triển hạn vùn vụt vào tương lai vô hạn hay quay ngược về quá khứ vô biên, để bỏ mặc mình tôi nơi đây với hình hài rách nát của định mệnh vô danh. Em! Tôi không có một con mắt thứ ba để nhìn em, chỉ những bước chân! Những bước chân bên ngoài cái khe hở. Những bước chân trôi nổi trong một thế giới mà tất cả mọi căn nguyên và nền tảng vừa mới sụp đổ. Những bước chân! Những bước chân! Tôi sợ nó lại biến mất như cái ngày tai họa mà cánh cửa nhà giam há ra như cái mồm của một con quái vật, để thả tôi vào trong một thế giới tàn bạo - tàn bạo vì không có em - còn hơn cả thế giới ở trong lòng con quái vật đó.

Đêm đã xuống. Em vẫn đi. Đi mãi. Đường phố thưa vắng người và em sẽ dễ dàng nhận ra có người đang đi theo mình. Song dường như em không lưu ý đến điều đó. Một niềm cô độc khủng khiếp và một nỗi tuyệt vọng lớn lao nào đó, chia cắt sự hiện hữu của em với thế giới chung quanh. Và chính vì cảm nhận được điều đó, mà bao lần tôi định tiến lên bắt chuyện với em nhưng rồi lại không dám. Đêm đã khuya. Em đứng bên bờ sông. Đối thoại với một ai đó vô hình. Rồi tôi bỗng rùng mình khi em quay lại nhìn tôi. Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy mặt em trong suốt cả buổi chiều theo em hôm ấy. Nếu như tập tính giống loài được di truyền qua nhiều thế hệ, thì cũng có thể gọi tập tính đó là kinh nghiệm, và tôi, lần đầu tiên trong đời tôi có kinh nghiệm rất rõ ràng rằng, có một cái gì đó thuộc về tôi nhưng không phải là tôi, nó ở bên ngoài tôi, nó có đã từ lâu lắm, lâu lắm trước khi tôi có mặt trên đời này, trăm ngàn năm về trước. Cái đó là em. Em quen thuộc với tôi đến nỗi, điều đó làm quận

thất trong lòng tôi một niềm đau chưa từng quen thuộc. Tôi bước lên mấy bước và bắt gặp ánh mắt em: Em không nhìn thấy tôi, em đang nhìn một cái gì đó ở bên ngoài hiện thực. Tôi sững sờ vài phút trước khi một ý nghĩa lóe sáng: Em đang muốn chấm dứt cuộc đời mình. Và khi em quay người lại thì tôi phóng mình lao đến nhưng đã không còn kịp: Em đã rơi tõm xuống dòng nước đen ngòm.

Có lẽ dòng nước đen đúa như bản kia đã hút tôi sâu vào trong lòng nó với một sức mạnh vô biên. Nó nhận chìm cuộc sống tôi từ khi đó. Tôi cũng không hiểu là tôi đã cứu sống hay đã giết chết em. Tôi đã bắt gặp em ở bên ngoài cả cõi sống và sự chết. Bởi lẽ, có một sự bi thảm nào đó vượt xa rất nhiều tất cả mọi tàn bạo mà ta có thể hình dung và chịu đựng được trong cả cõi chết và sự sống. Sự bi thảm đó hoàn toàn không có tên gọi. Bởi chỉ có những người sắp chết muốn thổ lộ tình yêu và van xin một lời tha thứ với người thân của mình, mà không còn hơi sức để nói nên lời, thì mới biết được tên gọi của niềm bi thảm đó.

Tôi không còn hay biết gì nữa. Chỉ biết rằng, sau cái đêm ấy chừng hai tháng, cái đêm mà em nhảy xuống dòng sông, tôi đã đi tìm em suốt 20 năm trời không gặp. Còn bây giờ...

Cô đắm đắm nhìn chồng.

- Em đã lấy hai người chồng trong một ngày.

- Sao cơ?

- Chồng em chết vì tai nạn ngay trong ngày cưới. Đó là mối tình đầu tiên. Anh ấy dường như đã lo lắng cho em mọi chuyện. Hoàn toàn tuyệt vọng. Với lại, không gia đình, không người thân, không công việc, không tiền bạc, em quyết định tự tử. Đêm ấy, bên bờ sông, một người đàn ông đã cứu em.

- Tình cờ ư?

- Không. Ông ta đi theo em. Đi theo em từ trong bệnh viện. Chồng em trút hơi thở cuối cùng trong phòng cấp cứu.

- Tại sao ông ta đi theo em?

Đôi mắt cô trùng trùng nhìn vào một cái gì đó không có hình thể.

- Những bước chân! Những bước chân! Những bước chân bên ngoài cái khe hở.

- Những bước chân... gì cơ?

- Ông đi theo chỉ vì... ngộ nhận. Đi theo chỉ vì bước chân của em giống với bước chân của một người con gái...

- Ai?

Cô bật khóc.

- Bản thân ông cũng không biết đó là ai. Chưa từng thấy mặt. Ông chỉ nhìn cô ta qua một cái khe hở từ trong tù ra, mà đâm ra yêu thương...

- Rồi sau đó?

- Em đã lấy ông, ngay đêm ấy. Em không còn biết mình là ai.

- Sau đó em sống không có hạnh phúc? Ý anh muốn nói là em không tìm thấy một tình yêu với ông ta?

- Hạnh phúc thì không. Nhưng... Em yêu ông. Chưa từng yêu ai như yêu ông. Và mãi mãi sẽ không bao giờ yêu ai như yêu ông.

- Vậy, tại sao em lại bỏ ông ta mà ra đi?

Cô lại bật khóc.

- Có những người chỉ có một tình yêu duy nhất. Phải. Tình yêu duy nhất. Ông là người như thế. Em đã lừa dối ông. Em giả vờ như chính em là cái người con gái đã đi bên ngoài cái khe hở tàn bạo đó. Anh hiểu không, lúc đó em hoàn toàn tuyệt vọng. Nhưng rồi, làm sao em có thể mãi mãi lừa dối tình yêu dường như cũng... duy nhất của đời mình! Em ra đi. Em ra đi sau khi để lại cho ông một bức thư, giải thích em không phải là người con gái bên ngoài cái khe hở.

Người đàn ông ấy đã chết trong tay tôi. Ông ta hoàn toàn không giống với những bệnh nhân đang sắp chết mà tôi từng thấy: Ông hoàn toàn

lạnh lùng vô cảm trước cái chết thật của mình nhưng lại vô cùng bồn chồn xao xuyến trước cái chết sẽ xảy ra với một ai đó đang còn sống. Ông ta chết nhưng ý nghĩa của cái chết lại là một cái chết khác. Nói khác đi, khi đang còn sống thì ông ta đã chết vào trong cái chết mờ ảo tượng của một ai đó cũng đang sống nhưng sẽ chết, còn khi đang chết thì chính cái chết giả dụ kia lại là sự sống cuối cùng của ông. Cái chết của ai thế nhỉ? Chắc là một người con gái nào đó. Những người yêu nhau vẫn thường không muốn chết trước người mà mình yêu đó sao. Họ sợ cho nỗi cô độc tuyệt đối của người yêu lúc chết! Họ muốn chia sẻ! Thật ngu ngốc! Cái gì tuyệt đối thì làm sao mà chia sẻ cơ chứ! À! Không hiểu sao tôi vẫn nhớ từng chữ câu nói dứt đoạn cuối cùng của ông ấy: “Em đã hiểu lắm! Hiểu lắm! Hiểu lắm! Trời ơi! Cái khe hở! Bên ngoài cái khe hở làm gì có một tình yêu! Anh chỉ biết em! Chỉ yêu em! Người yêu duy nhất của anh!”. Ông ta nói với ai thế nhỉ? Chao ôi!

Đạo này tôi đã sinh ra lắm cảm: Triệu chứng tâm thần sau những tháng năm cận kề cái chết. À! Mà ai đó lại để trên người ông một bó hoa hồng nhỉ? Thật vô duyên! Hoa hồng để dành cho tình yêu và sự sống. A! Mà có tình yêu và sự sống nào mà lại không chết? Tại sao tôi cứ nghĩ mãi về người đàn ông thế nhỉ? Quên ông ta đi! Đã hết ca làm việc. Tôi phải rời bệnh viện. Bệnh viện một ngày có thể có bao nhiêu người chết. Đã đến giờ tan ca.

H.T.Đ

N G U Y ỄN   T H Ế   T U Ờ N G

# Tiếng hú trên đồng

(SH số tháng 2 - 2005)

*C*hấp me? Che muống!/ Chấp me? Cuống sắc!/ Chấp me? Sắc cạnh?/ Chấp me? Hạnh bầu!/ Chấp me? Hầu nháy/ Ăn cơm ai? Ăn cơm cha! Uống nước ai? Uống nước mạ! Hú... Con mau về kéo quạ tha đi!

Một lũ trẻ nít chừng 11, 12 tuổi chân đất đầu trần, quần áo tóc tai xơ xác, túm tụm chơi trò “Chấp me - che muống” trên khoảng cỏ rộng có tên là Zạ Zàng. Nơi đó, ở giữa cánh đồng mênh mông ngập ngụa nước bỗng nổi lên một cồn đất cao rộng phủ đầy cỏ may, cỏ mật...

Bọn trẻ xúm quanh một con bé choai choai da trắng xanh, nét mặt thanh tú hiền hậu như Đức Mẹ có cái tên rất kỳ quặc: Ri. Con Ri giữa lòng bàn tay, bọn trẻ giơ ngón tay trở chap vào giữa lòng tay nó hát theo nhịp đôi: *Chấp me - Che muống - Cuống sắc...* đến chỗ *Hầu... nháy!* Nhanh như cắt bàn tay con Ri nắm lại, đứa nào chậm nhất bị túm chặt tay, bịt mắt, sẽ làm “quạ” săn đuổi bọn kia. Đến đây, câu hỏi đáp, lại nhịp ba: *Ăn cơm ai? Ăn cơm cha!* Lúc này bọn trẻ tản mát khắp bãi cỏ chỉ còn đứa làm “quạ” trả lời các câu hỏi: *Uống nước ai? Uống nước mạ!*

Bất chợt, con Ri buông thả thẳng “quạ”, rồi vang lên trong gió lạnh

quá chiều: “Hu...ú con mau về kéo quạ tha đi”. Đồng thời với tiếng hú, bàn tay nó giơ lên đón bọn trẻ lúc đó đang nháo nhác như một đàn chim luồn lách “quạ” chạy tới nấp bóng “mẹ”. Đôi tay con Ri giang ra lỏng lẻo, tiếng nó cười lạnh lạnh, đôi mắt lơ xanh dài dài đón những đứa trẻ sà vào...

Tôi ở trong số trẻ nít ấy. Và tôi, không biết nhờ một lực hấp dẫn nào, bao giờ cũng nhanh chân nhất tránh được “quạ”, lao đầu vào giữa lòng Ri, áp tai vào chính giữa đôi vú nhỏ mới nhú lên sau làn áo của nó, nghe gấp gáp những tiếng thành thịch mơ hồ xa xăm. Rồi, ngay sau đó là những khối thịt của lũ bạn chống lên tôi ngột ngạt và say mê.

Thực ra, Ri có một cái tên kép nghe rất lạ tai: Ma Ri! Cô rơi từ đâu xuống làng tôi không ai biết, cũng không ai tò mò hỏi. Một bà đi phiêu bạt từ đời nào bỗng về làng với một con bé xanh ngắt, mỏng tang như cánh chuồn, rụt rè như cái bóng. Nghe nói ông nội nó là người ngoại quốc. Cơm, gạo, cá và nắng gió đồng chiêm đã nuôi con bé lớn lên. Và khi chúng tôi, lũ trẻ mục đồng bao giờ cũng nghịch ngợm, chơi cái trò trên đây thì Ma Ri đã 13 tuổi. Kỳ diệu thay, không một ai ngoài tôi biết nàng đã vào tuổi dậy thì. Có lẽ đó là cái lý do duy nhất khiến tôi bao giờ cũng hăng hái nhanh nhẹn đến cuống quýt tránh bàn tay tử thần của “quạ” để lao vào khoảng không gian giữa vòng tay nàng, húc đầu vào chính giữa cái khoảng giao thoa đôi gò bồng đảo vừa rắn vừa mềm mới nhú lên.

Có điều tôi cần lưu ý độc giả là, trong thời gian ấy, dù cùng chơi chung một trò, trên cùng một bãi cỏ, thở hít chung một khoảng gió trời, thân phận lũ trẻ vẫn khác nhau. Chúng tôi được đi học còn Ma Ri thì không. Lạy Chúa! Em là con hoang, mẹ lại nghèo hèn nên luôn bị khinh rẻ. Thứ nữa, em lại đẹp một vẻ đẹp xa xôi gợi sự thương hại thì ít mà cảnh giác thì nhiều. Người đời thường đổ kỵ và bảo thủ không muốn ai đẹp hơn mình, không ưa những điều gì lạ. Em khổ mà không biết. Chiều

chiều trên bãi cỏ Zạ Zàng em vẫn hồn nhiên ưỡn bộ ngực mới nhú ra trước gió, giơ cao vòng tay lên vẫy hoàng hôn, hú lên một tiếng lãnh lót “... Con mau về mẹ kẻo quạ tha đi!”.

Sau này nhiều năm, khi đã trưởng thành trong học vấn, tôi được nghe nhiều về một khoảng giao thoa văn hóa hai dân tộc Việt - Chăm. Quê tôi ở miền Trung Trung Bộ, nơi chính cái vùng đất khô cằn châu Ô châu Lý mà sử ghi lại rằng, Chế Mân vua nước Chiêm Thành đã không ngần ngại cắt phẳng làm vật dẫn lễ, cưới cho được công chúa Huyền Trân nhà Trần.

*Quảng Bình là đất Ô Châu*

*Ai đi đến đó quảy bầu về không.*

Cùng với những dấu tích thành Lỗi, thành Nhà Ngo và các tích ma Le, ma Hời, cái trò chơi “Chấp me - Che muống” cùng tiếng hú dài ngút ngát của Ma Ri rất có thể là minh chứng cho cái sự giao thoa trên đây! Bắt tay vào viết luận văn tốt nghiệp về đề tài này thốt nhiên tôi nhớ tới nàng, nhớ đôi mắt xanh ngơ ngác, vòng tay mảnh mai. Tôi, khi lao đầu vào cái vùng “giao thoa” mềm mại kia, đâu có biết rằng, dưới lớp áo, dưới cả lớp da xanh mỏng kia, trong huyết quản là sóng giao thoa hai dòng máu Âu - Á, mà chiến tranh với bao biến động đã xô dạt một cánh chim nhỏ về quê tôi. Hồi đó, khi tôi lên đường đi học cấp III nàng cũng biến mất không một lời giã từ.

Ma Ri! Em ở đâu?

Đọc bức thư của một “sếp lớn” từ Hà Nội gửi vào gợi ý tôi làm luận án về “đề tài văn hóa địa phương”, ông anh họ tôi giã nảy lên:

- Đẹp, đẹp, đẹp! Phở nghề với chả hương cốm. Mẹ nó, bao nhiêu thằng có học hành chó gì đâu mà vẫn giàu nứt đổ đổ vách. Chỉ cần một chức vụ, một chủ tài khoản, chú hiểu chưa?! Chú không giương mắt lên mà nhìn vợ chú khốn khổ khốn nạn đến chỉ còn răng với mắt đó à? Mấy đứa con chú kia, nhìn đi, con Pơ-rô-phéc-xơ gì mà chỉ có mỗi thứ đồ



chơi là... đất cát, chẳng khác đếch gì con kẻ chài. Ba mẹ chú như chiếc bóng dật dờ hôm sớm ở quê, mỗi tháng chú gửi về được mấy đồng? Cả cái nơi chú ở đây có hẳn là cái nhà không? Cái thứ chú đập đi đập về đây có phải là cái xe? Giao thoa văn hóa là cái con mẹ gì?! Sao mấy thằng ở nhà lầu, ngồi xe lạnh, tắm bia lon không “giao thoa” cho cái đồng lương giáo khổ ở trường công của chú?!...

Và... đủ thứ văng ra đầy phần nộ.

Ông anh họ tôi làm báo, bồ bả vậy nhưng không ác. Bởi vậy mà rồi tôi vẫn nhận làm, vẫn đi Hà Nội nhiều lần để dự hội thảo xin kinh phí quốc gia cho cái đề tài tầm cỡ “quốc tế” này. Lần này cũng đi xin tiền nhưng có khác là với tư cách vệ sĩ, tháp tùng ông Phó Chủ tịch. Nhiệm vụ của tôi, một cử nhân cao học sắp bảo vệ luận án tiến sĩ là “Mua, đóng gói, bảo quản từ Quảng Bình ra Hà Nội và khi có cơ hội thì giao tận tay cho người có quyền một món quà đặc biệt lớn và nặng cân mà chỉ có ở đất phố biển Đồng Hới mới có, mới sầm nổi”. Đó là 10kg mực khô và... mẹ ơi! 5 can nước mắm ngon đặc biệt thơm nhức mũi.

Xe chạy dập dềnh, bấp bồng, ngoằn ngoèo qua hết miền Trung. Sau khi quay nhìn thùng xe để kiểm tra cho chắc chắn 5 can nước mắm không có nguy cơ bị đổ, tôi ngả người ra ghế mơ màng đến tiền đồ sán lạn. Chúng tôi sẽ xin được kinh phí nhờ vào món đặc sản của quê hương và lòng hảo tâm của một ông cục, vụ, viện trưởng nào đó ở Thủ đô. Rồi tôi sẽ viết về sóng giao thoa giữa hai nền văn hóa Việt - Chăm, sẽ đi điền dã khai quật những di chỉ, những thành Lỗi, lợi về gốc tích của những vùng tối đầy ma Hời, ma Le. Sẽ tìm ra cái cội nguồn Mũi Muống, Mũi Nhọn trong nghệ thuật đóng thuyền của dân đi biển Đồng Hới. Sao cái “bộ phận đàn bà” lại được biểu tượng bằng Mũi Muống của thuyền lưới nhai? Cái mũi Muống này có liên quan gì đến trò chơi “Chấp me, che muống” chứa đầy nội dung đấu tranh sinh tồn của cộng đồng kia không? Má tôi áp vào thành ghế đập dòn, mềm mại; cái cảm giác mềm mại quen

quen, như thể đã được thưởng thức ở đâu. Lại thật, đâu đây có tiếng tù và rúc, tiếng gù giống con chim le le kêu hay tiếng ghé ọ trên đồng. Tiếng ghé ọ sao lạnh lạnh như tiếng kêu, tiếng hú buồn bã tiếc thương của những thần dân vùng đất luôn là nơi giao tranh đối chác.

Chúng tôi đã lưu lại ba ngày ở Thủ đô chờ vị cứu tinh có thể ký ra tiền bạc. Có người bày vẽ và chỉ đường, cho nên tối hôm ấy chúng tôi có mặt ở dinh thự của vị “đại quan”. Tất nhiên quan “tham tri” vắng nhà. Tiếp chúng tôi là mệnh phụ phu nhân. Gọi là thế nhưng thực ra chỉ đồng chí Phó Chủ tịch kính mến của tôi là được ngồi trong sa-lon nói chuyện. Còn tôi và cậu lái xe thì xó rợ vòng ngoài “kính nhi viễn chi” nghe lỏm và khi có dấu hiệu “thông đường” thì chuyển tải số hàng hóa đặc biệt vào, sao cho mặt hàng gây được ấn tượng mạnh nhất, hiệu quả nhất.

Bên kia bàn là một thiếu phụ sang trọng. Từ góc nhìn qua bờ vai và một góc gáy của sếp, tôi lặng lẽ quan sát bà. Một vẻ đẹp sung mãn mà kín đáo, không thanh tao cũng chẳng dung tục, xa ngái, mơ màng và hơi uy nghiêm. Nhìn lâu hoa mắt tự dưng tôi liên tưởng đến một điều gì vời vợi như cái tháp chuông nhà thờ nơi thị xã tôi ở. Vào đó, khẽ hú lên một tiếng nhỏ, âm sẽ được khuếch đại phóng to mà thanh vẫn nét. Bà nói giọng Hà Nội, nhất là lại phát ra giữa đôi môi hồng hào, thanh thiết và cao cả kia.

- Nhà tôi đang về quê thăm mẹ ốm, về việc này tôi sẽ nói lại.

Tôi giật mình, sờ tay vào chiếc can nhắc thử. Được việc rồi đây. Trong những giây phút khẩn trương này không hiểu sao tôi vẫn bị một cái ác theo thói quen của người làm ngôn ngữ. Sao bà lại nói “mẹ” nhỉ? Người Hà Nội lịch lãm lắm, bao giờ cũng nói “bà cụ thân sinh”. Lại nữa, từ “mẹ” được phát âm hơi dài và nặng.

- Dạ thưa chị!... Sếp của tôi nhỏ nhẹ - nghe nói chị đã từng đi qua và ghé lại tỉnh chúng tôi một thời?

Đến lúc rồi, tôi quài tay cầm ôm gói mực, trong đầu phác nhanh một bài “đít cua” mà chắc chắn người trình bày bao giờ cũng lấp bắp.

- Về việc này... gì chứ văn hóa thì nhà tôi... vả lại đất Quảng Bình cũng chẳng xa lạ gì... - Tôi ngước lên nhìn bà như ngắm nghĩa một vị ân nhân. Tôi biết sức mạnh của phái yếu trong những cuộc này. Ổn trời, chúng tôi đã đến đúng chỗ. Sắc diện bà vẫn không đổi. Bà nói chậm rãi, hơi thấp giọng trong khi các ngón tay sắp tôi đan xen vào nhau. Còn tôi, một tay mực, một tay nước mắt chuẩn bị tiến lên. Cậu lái xe, một cựu sĩ quan thì đứng nghiêm như sắp ra trận.

Vào đúng cái thời điểm căng thẳng mà trên sân khấu người ta thường gọi là cao trào ấy bỗng vang lên một dòng nhạc. Cánh cửa phòng trong bật mở. Tôi ngước lên, và như một vầng hào quang sáng chói, dưới ánh đèn nê-ông xanh dịu toàn bộ nội thất tòa nhà hiện lên mà chỉ một phép monta nhỏ cũng đã thu hết vào góc nhìn đầy các cỡ cảnh: Toàn - Trung - Cận và Đặc tả. Tự dừng trong tôi dâng trào một cảm giác mệt mỏi đến rã rời. Tôi cúi xuống nhìn gói mực, can nước mắt và bộ điệu cóc cáy của hai chúng tôi: Tôi và cậu lái xe. Một thiếu nữ mặc váy đầm lướt tới gần thiếu phụ:

- Mẹ, con đi khiêu vũ.

Lại giật thột. Tôi như con thạch sùng đeo bám nơi trần nhà động một tý là tính nước quay đầu chạy trốn. Gương mặt cô gái giống mẹ nhưng trẻ trung và thánh thiện diệu kỳ. Một hạt bụi nào đó trong đáy sâu bộ nhớ của tôi chợt động cựa. Cái gương mặt xinh đẹp thoát tục này mình đã thấy ở đâu?!

- Tôi thầm văng tục để chấm dứt cho sớm cái ý nghĩa viễn vông - Cái thằng nhà quê xấu xí như mày thì làm sao có dịp gần với một thiên thần như vậy!?

Chiếc Dream II vụt qua, phả lại mùi nước hoa ngoại đắt tiền. Một lần nữa cái hạt bụi quá khứ lại động cựa nhẹ nhàng như mầm hạt nứt vỏ

kiên trì đội đá trời lên. Tôi không còn nghe cuộc đối thoại từ phía sếp, không còn cảm nhận sức nặng của gói quà. Như người mộng du cảm đèn ngược đường hầm mờ ảo đi tìm lại những hẻm nhỏ trong ký ức. Đâu đây có tiếng âm ào của chiến tranh, một góc tối, ngọn đèn hạt đỗ, con vật gì có đôi mắt xanh lè ngồi nghiêng rặng. Một vườn sản, một xóm nghèo. Những mùa giêng hai đối quay đối quắt. Một vắng sáng, giảng đường đại học đầy áp tiếng cười. Không, không thấy không có thiếu nữ này. Không phải đâu! Mày lắm rồi! Mày lắm rồi! Tất cả là ảo giác, một kiểu hội chứng “thấy người sang bắt quàng làm họ”. Cả cái bà mệnh phụ quý phái đang tiếp chuyện sếp mày kia, chắc mày cũng thấy phảng phất những nét quen thuộc trong chân dung đường nét và ngôn ngữ?! Đó chẳng qua vì mày đó thôi. Lẩn thần, trớ trêu quá đấy!

Tôi chợt tỉnh, nhìn lại, không còn thấy gói mực và can nước mắt đâu nữa. May quá, cảm ơn “trung úy sếp-phơ” đã rẽ làng chuyển vào bếp khi phát hiện bà quản gia thập thò phía trong. Sếp tôi đã đứng dậy. Người đàn bà đã đứng dậy đi ra giờ tay về phía tôi. Theo thói quen, tôi định giơ hai tay đỡ lấy tay bà nhưng chợt nhớ toàn thân mình rất có thể đã ám nặng mùi các sản phẩm của biển. Tôi lùi dần ra phía cửa, trong khi sếp tôi: ông Phó Chủ tịch hiền lành và nhân hậu, không biết ai móc miệng cho và vì mực đích gì đã nói được một câu xanh rờn nhưng thật đúng lúc:

- Thật - là - may - mắn - được - tiếp - chuyện - với - một - phụ - nữ -  
lộng - lẫy - như - chị.

Trong khoảnh khắc người đàn bà kêu lên một tiếng lanh lảnh, đôi tay để trần múp máp trắng ngần vươn ra trong một cử chỉ ngạc nhiên thích thú. Và tôi, một tay cầm cánh cửa ô tô, sững lại. Một tia chớp nhoáng lướt qua vùng tiềm thức kéo vút tôi về với tuổi ấu thơ xa lắc. Vun vút lướt qua những tầng mây chiều buồn bã rách bướm. Những cánh chim về núi muộn màng. Tiếng chim le le kêu, tiếng ghé ọ trên đồng. Tôi thờ

hào hển chạy ngược luồng gió đông bắc lạnh buốt, nương theo tiếng hú, nhòang nhòang lách qua thẳng “quạ”, lao đầu vào khoảng không giữa vòng tay, áp đầu vào khoảng giao thoa mềm mại, nghe xa xăm tiếng dội thỉnh thoảng, thỉnh thoảng...

- Ma Ri, Ma Ri! Tôi thì thảo.

Đằng kia sắp tôi đã một lần nữa cầm tay tạm biệt. Cảm ơn sắp đã vì quê hương, vì tôi mà nói được một lời có cánh kéo về cho tỉnh nhà “một số trăm triệu đồng” ngõ hầu giúp rập cho công cuộc gọi lại cái tên nguyên sơ của vùng đất ấy. “Trung úy sộp-phơ” đã nổ máy. Lạy Chúa! Cái số nhanh lên và tăng ga đi để tôi khỏi vỡ òa niềm cảm xúc thành một tiếng hú dài lạnh lốt ngay giữa đất Hà thành như một thẳng điên: Con - mau - về - mạ - kéo - quạ - tha - đi...!

Hình như có một cành cây lay động làm đổ xuống vô vàn những hạt nước mát lạnh: Mưa xuân.

N.T.T

# Biếm họa

*(SH số tháng 1 & 2 - 2006)*

Chuyện ghen tuông của phụ nữ ư? Có gì lạ đâu nhỉ? Vậy mà lúc nào cũng có thể trở nên những câu chuyện thời sự nóng hổi. Người ta túm năm tụm bảy; người ta quên ăn quên uống, quên cả công việc, nhiều khi cũng chỉ để ngồi mạn đàm tào lao quanh chuyện ghen bóng gió của ả A hoặc ả B nào đó.

Những năm gần đây, có một số tờ báo rất “chịu khó” in những mẫu chuyện nho nhỏ về phái đẹp. Chỉ nho nhỏ thôi, nhưng chẳng thiếu những chuyện tà trời do phái đẹp gây ra. Nhiều chuyện thật rùng rợn làm sao. Chẳng rõ thực hư thế nào. Mà ai dám bảo trong đó không có những chuyện thêm giấm thêm ớt. Vậy mà người tìm đọc cứ nườm nượp ở các quầy báo. Thậm chí có người chuyên mua một loại báo, cũng chỉ để đọc mấy mẫu chuyện về các nàng Hoạn Thư hiện đại. Đọc xong thì vứt luôn. Họ tìm cảm giác mạnh chẳng? Có lẽ như thế đấy!

Có một thời, chàng X. nọ hay la cà các quầy báo, cũng chỉ với mục đích săn tìm các mẫu chuyện giật gân như đã nói trên. Đọc hoài thành nghiện. Ngày nào không có đọc là buồn. Miết rồi bị nhập tâm, khiến có dạo cứ ra đường thấy phụ nữ là X. lại chờn chờn. Cô nào càng xinh đẹp

càng đáng sợ. X. luôn tự nhủ - hãy cẩn trọng, nếu có phải tiếp xúc với họ, và nếu như không muốn hết ngay một đời trai. X. tưởng tượng trong ví, trong bóp của họ lúc nào cũng sẵn sàng một chai a xít. Bóp càng phồng càng phải dè chừng.

X. là láng giềng của họa sỹ B.- người luôn tuyên bố suốt đời hy sinh để bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ trước nam giới. Họa sỹ B. chuyên vẽ tranh phong cảnh, bởi theo anh, thú nhất vẫn là đi săn tìm cái đẹp sẵn có trong thiên nhiên. Giả sử có ai đặt anh vẽ một bức tranh biếm họa, hoặc một cái gì na ná như vậy, anh sẽ hoặc lắc đầu, hoặc nhận rất ư miễn cưỡng.

Vào thời buổi mà ở Việt, nhiều họa sỹ đua nhau thể nghiệm theo lối vẽ của một số trường phái hiện đại châu Âu; với thế giới nó chẳng mới gì, nhưng nó lại lạ với Việt. Đó cũng là dịp cho một số họa sỹ trẻ mới ra nghề đã kịp tung bút mô phỏng theo các danh họa. Ấy là chưa kể cái mốt tranh “khai thác chất liệu dân gian”. Thôi thì đủ loại cóp nhặt, chấp vá, xào xáo... cho nó thành “dân gian”. Cần gì cảm xúc? Nhiều họa sỹ vừa mới nhập cuộc đã cho xuất xưởng tranh “dân gian” ào ạt như người ta đóng gạch vậy. Giá bán cực kỳ rẻ. Thị trường tranh cứ rối mù. Họa sỹ B. lảm lức hoa cả mắt bởi sự “thể nghiệm” của thiên hạ. Tranh phong cảnh dầu có đẹp, dầu có giàu xúc cảm vẫn trở nên khó bán, và bị lọt thỏm giữa cái thị trường tranh đủ loại bút pháp. Họa sỹ B. hay ngồi bó gối suy ngẫm sự đời.

Nhưng mà, cái nghèo, cái khó buộc người ta không thể bó gối ngồi yên mãi. Họa sỹ B. quyết định nhập cuộc. Qua mai mối của bạn bè, anh đã được cộng tác với một tạp chí văn nghệ và thêm vài ba tờ báo khác ở chuyên mục văn học. Công việc của anh là minh họa cho các truyện ngắn. Mới nghe qua tưởng đơn giản, họa sỹ B. say mê đọc và vẽ. Nhưng càng vẽ, anh thấy các bức minh họa của mình càng lơ lửng như bay trên mây. Anh càng gò mình, cố nắm bắt ý tưởng của các tác giả. Nhưng

mà... khó quá! Thế mới thấy được những chông gai, cùng quy luật đào thải khắt khe của nghệ thuật. Nhiều hôm đem những bức minh họa đến nộp cho tòa soạn anh cứ ngưỡng ngưỡng, lúng túng, chỉ sợ bị chê. Thực tình, truyện ngắn in trên các báo chẳng mấy khi làm họa sỹ B. rung cảm. Không rung cảm thì vẽ làm gì? Vẫn biết là thế, nhưng khổn thay, còn cơm gạo áo tiền ai lo cho. Cảm xúc không thể gọi là nó đến. Mà gọi làm sao được cái điều người ta không thể rao bán ngoài chợ giống như “khi ta cần là có, khi ta muốn là được”.

Hôm ấy, đã ngồi đọc hết một buổi chiều, đọc đến ba lượt một cái truyện ngắn mà họa sỹ B. vẫn chưa nắm được ý đồ tác giả. Gay thật, anh định chào thua, trả lại tòa soạn. Nhưng thế thì còn gì gọi là họa sỹ nữa. Chẳng lẽ cứ bôi quẹt cho nó xong chuyện? Không được, danh dự kẻ sỹ không cho phép. Thôi, nếu khó hiểu thì cứ hiểu theo ý mình. Anh bắt đầu hình thành đường nét trong ý tưởng, định bụng buổi tối suy nghĩ thêm rồi sẽ đặt bút. Quyết hoàn thành trong đêm. Tất nhiên ngay từ phút đầu đã mất hào hứng ắt không tránh khỏi gượng gạo. Nhưng mà, biết làm sao... làm sao?

Bước vào bữa cơm chiều, họa sỹ B. vẫn ngồi thần thờ. Chợt thấy vợ đặt cái gì xuống mâm cũng nặng tay. Linh cảm có chuyện chẳng lành, anh bỗng chồn lo lắng. Ừ, mà từ lúc đi làm về đến giờ, nàng chưa hề nói với anh một câu. Anh liếc mắt nhìn trộm vợ - mặt nàng hằm hằm, đằng đằng sát khí. Anh nghĩ bụng, cho thằng X. - cái thằng nhát gan ấy chúng kiến cảnh này chắc nó sẽ tè ra quần. Hai đứa con anh cũng đoán sẽ có việc không hay nên chúng im lặng ngồi ăn, chẳng dám nói gì với nhau. Gay rồi đây. Anh tự kiểm điểm việc làm của mình thời gian qua xem có gì sai phạm. Anh làm ngày, làm đêm, kể cả những công việc không hào hứng cũng chỉ vì vợ vì con. Được bao nhiêu tiền anh đem về hết cho vợ. Có mấy khi anh dám tiêu riêng. Cùng lắm thỉnh thoảng vài chai bia với bạn bè. Vợ anh chẳng bắt anh phải rậm rạp như vậy nhưng lương tâm anh nó bắt. Thế thì việc gì nhỉ? Anh suy nghĩ lung lắm.



Bữa cơm căng thẳng kết thúc nhanh gọn. Vợ anh bưng mâm xuống bếp. Rồi nàng ra lệnh cho hai đứa con: “Hai đứa bay đi chơi, để bố mẹ nói chuyện, nghe chưa!”. Hai nhóc chẳng băn khoăn vì lẽ gì mà chúng được tháo cũi sổ lồng. Chúng mừng rỡ, phóng ngay khỏi nhà, chỉ sợ mẹ thay đổi ý định, bởi có mấy khi mẹ chúng “kỷ” cái lệnh đặc biệt như thế. Họa sỹ im lặng lui vào góc của mình, ngồi cúi đầu chờ đợi. Rồi anh liếc mắt nhìn. Vợ anh đang uống nước. Có lẽ nàng phải dọn cho cái giọng thật trong trẻo. Họa sỹ giật bắn mình khi nghe: “Anh là kẻ vong ân bội nghĩa. Đồ bạc tình. Tôi ghê tởm anh...”. “Ồ, cái gì...?” - Họa sỹ cú ngớ người ra, chẳng hiểu nàng mới nói gì nhỉ? “Anh còn giả vờ nữa à?! Đừng có giả ngây giả thộn, giả đui giả điếc. Đừng có hòng đánh lộn con đen. Lần này bà cho chết một lượt”. “Ồ... cái gì?” Anh vẫn ngẩn ngơ chưa hiểu chi. “Ừ, nghệ sỹ à!... Kịch cợt à!...” - Nàng cố kéo dài giọng - “Nó trẻ trung, nó xinh đẹp, nó thơm tho, nó mỡ màng. Á à... đồ lừa đảo. Ngày ấy tôi tin anh mà cho anh đi theo đoàn kịch. Đâu có ngờ cái kịch cợt của anh. Rõ là no cơm ấm cật dậm giạt tay chân. Đồ rửng mỡ. Sao không đi luôn còn dẫn xác về nhà làm gì...” - Nàng càng nói càng hăng, giọng càng cong cớn.

Họa sỹ B. âu sầu gãi đầu. Chuyện đã qua từ lâu, anh rất sợ nhắc lại, ngay cả với bạn bè thân lúc vui. Anh đã chôn nó vào sâu thẳm ký ức rồi cơ mà! Thật là tai hại. Kẻ nào đã “chơi” mình. Anh nghĩ đến chàng kép diễn của Đoàn kịch nói. Thôi đúng rồi, tên kép này đã quậy ta. Một chút kỷ niệm ngọt ngào thoáng qua trong đầu họa sỹ. Anh rùng mình, vừa sung sướng vừa sợ hãi. Ngày ấy, vợ anh rất phấn khởi khi anh được Đoàn kịch mời. Số tiền trong hợp đồng nhận cả trước, cả sau anh mua tặng vợ chiếc xe máy, cùng một vài thứ khác. Nhưng nàng có biết đâu...

Cuộc đời thường rắc rối ở cái sự “biết đâu” ấy.

Khi vở kịch nói đã được duyệt đi duyệt lại kịch bản, chuẩn bị dàn dựng để tham gia hội diễn sân khấu toàn quốc, ông đạo diễn mới nháo nhào đi tìm họa sỹ thiết kế mỹ thuật. Nhiều họa sỹ dậm đơn xin cộng tác, bởi cái

hợp đồng quá béo bở. Nhưng đạo diễn vẫn lắc đầu, chưa dám nhận ai. Anh thì chẳng hay biết gì thế sự. Chợt một buổi chiều, đạo diễn cấp cấp đến tận nhà anh. Trong rất nhiều lý do ông chọn anh, có một lý do căn bản, là vở kịch dựng lại câu chuyện xảy ra tại quê hương anh, sát bờ Bắc vĩ tuyến 17 vào những ngày khói lửa ác liệt, khi giặc Mỹ điên cuồng dội bom xuống miền Bắc. Những năm ấy, anh liên tục có mặt ở Vĩnh Linh - nơi xảy ra câu chuyện. Ông đạo diễn tài ba quả đã không nhầm khi chọn họa sỹ. Hôm ấy, khi đọc kịch bản, anh đã khóc rưng rức cả đêm, bởi câu chuyện quá thật và cảm động, lại hết sức gần gũi thân thương. Ôi, những số phận khắc nghiệt của chiến tranh. Anh mừng tượng nhân vật chính là người mình đã từng yêu, từng chia sẻ với nàng mọi rủi ro cay đắng trong những tháng ngày bom rơi bão lửa.

Anh xuất hiện ở Đoàn kịch thật âm thầm, lặng lẽ, chẳng phù hợp với cái không khí luôn ồn ào, sôi động của các diễn viên trẻ. Ai sẽ là người thủ vai chính? Đó là điều anh quan tâm nhất. Người ấy sẽ thể hiện vai trò của mình ra sao? Có được như anh đã mừng tượng về nàng hay không? Ngược lại, cô diễn viên xinh đẹp, thuộc loại sáng giá của Đoàn, người mà đạo diễn đặt rất nhiều hy vọng trong vở kịch này, phút ban đầu lại chẳng để ý đến anh - một họa sỹ giản dị đến mức lùi xùi. Thậm chí nàng còn xem thường vai trò của anh. Anh tặc lưỡi - âu cũng là điều bình thường của các cô gái đẹp, bởi hàng ngày có quá nhiều chàng trai xoắn xuýt bên họ. Anh rụt rè khi mỗi lần phải tiếp xúc với nàng. Lâu nay anh vẫn có cảm giác sợ sệt trước các cô gái đẹp. Chẳng hiểu sự ám thị của phụ nữ với chàng X. láng giềng nọ có lây qua anh không? Chẳng hiểu anh có hay đi săn những mẩu chuyện giật gân trên báo như X. không? Nhưng mà, nói chung, anh hay sợ người đẹp.

Họa sỹ B. ngồi trầm ngâm hàng giờ xem các diễn viên tập. Anh mơ màng thả hồn trở về quá khứ. Anh tưởng tượng tiếng phản lực cơ của giặc Mỹ đang gầm rú. Ấm ì tiếng bom nổ xa, rồi gần, rồi lại xa. Lửa cháy.

Tiếng người gào thét. Đất trời mênh mông trong khói dày đặc. Khét lẹt mùi thuốc súng... Làng quê anh bởi bởi tan nát. Bao số phận oan khốc, những người dân vô tội đang rên xiết trước sự tàn bạo của kẻ thù. Những âm thanh ghê rợn tập hợp lại xoáy vào óc anh. Sau mỗi cao trào, anh lại mở mắt - Nàng vẫn còn sống đấy chứ? Một sự triu mến âm thầm anh dành cho nàng.

Nàng bắt đầu để ý anh từ sự nỗ lực cung cách làm việc của một họa sỹ mà ban đầu tưởng rất ư bình thường này. Sự đam mê nhiệt thành của anh chắc chắn xuất phát từ xúc cảm mãnh liệt tận đáy lòng, qua lối tư duy đầy ngẫu hứng và sắc sảo, để rồi đúc kết sự thể hiện luôn gây bất ngờ và giằng xé trong lòng mọi người. Từ những vật dụng đơn sơ, trần trụi, gai góc nơi chính diện sân khấu; đến những hình khối, những đường nét, những mảng màu trên những bức tường nham nhở dấu tích đạn bom; màu sắc trang phục của diễn viên khi nổi, khi chìm, mờ ảo trong lúc đậm, lúc nhạt của ánh sáng... tất cả quyện lại rồi được đẩy lên nhờ kỹ thuật âm thanh và khói lửa. Không khí chiến tranh tái hiện chập chờn trong mịt mù, ghê rợn, khiến người xem khó tránh khỏi cảm giác thắc thỏm, âu lo. Dưới bàn tay của anh, mọi vật trên sân khấu hình như đều biết nói, chúng như được đan xen, phụ họa với lối diễn của nàng, góp phần rất lớn tạo cho vở kịch một không khí dồn nén đẩy lên cao trào. Chẳng hề cố ý mà tâm hồn họ cứ đồng tình giao cảm, bởi chính trong những tháng ngày ấy, tuy còn niên thiếu, nhưng chiến tranh đã ăn sâu vào máu thịt nàng.

Rồi anh thấy ánh mắt nàng hay tìm anh. Anh tưởng tượng đến giây phút “tay trong tay, môi lần tìm môi”. Nàng hay chủ động gặp anh để trao đổi hết chuyện này qua chuyện nọ, mặc cho chàng kếp diễn chuyên đóng vai phụ cứ xoắn xuýt bên nàng. Lâu nay chàng kếp đã chẳng gây được ấn tượng gì cho nàng. Giờ thì chàng càng mờ nhạt đi. Chàng kếp tức lắm. Nhưng, anh có thả lời ong bướm nào đâu.

Một hôm, sau ba giờ căng thẳng của buổi diễn tập, anh mãi ngồi suy nghĩ, vì chột nảy ra phải thay đổi một vài chi tiết trong bố cục sân khấu ở ngay màn đầu, làm sao gây ấn tượng mạnh hơn. Nàng bước đến trước mặt anh. Vội vã, đứng dậy, anh giơ tay gỡ đầu. Nàng ấp úng nhờ anh một việc vu vơ gì đó. Nhưng, đâu có vu vơ đến mấy thì tối đó hai người vẫn cứ phải gặp nhau. Gặp để làm chi? Để làm cái việc vu vơ thôi mà! Phàm đã là đàn ông, ai chẳng thích được chiều chuộng người đẹp. Liệu có nên trách móc anh không nhỉ? Hơi thở gấp gáp của nàng đã ở gần, gần lắm rồi, lời nói thủ thỉ, đứt quãng đã ở sát tai anh. Cảm giác buốt nhói chạy dọc sống lưng, đầu óc anh tê dại. Tai anh nghe văng vẳng, âm u, những khối âm thanh vừa lạ, vừa quen, khiến anh nao nao không xác định nổi phương hướng. Anh thấy mình bất động vì không biết nên cử động theo hướng nào. Nàng đẹp quá mà! Anh không dám nghĩ sắc đẹp ấy lại dành cho mình. Nhưng, sự im lặng, căng thẳng chẳng thể kéo dài hơn. Tiếng sét ấy đã giáng xuống liệu ai có thể tránh nổi? Bất ngờ... đầu nàng gục vào vai anh, tưởng không bao giờ cất lên được nữa. Người nàng vượt lá trong cánh tay anh. Đôi môi nàng chín mọng, ngọt ngào, nóng hổi, nó đã mềm đi trong khắc khoải đợi chờ. Nhiều năm sau anh còn nhớ hẳn khi mỗi lần nghĩ lại. Nàng thốt thức nói rằng, ngoài anh ra không ai có thể tạo nổi bầu không khí khiến nàng thật sự đắm mình trong vai diễn. Anh không dám nói gì nhiều với nàng, bởi anh không phải là người hay hứa hẹn, thể thốt lung tung. Anh chỉ biết dang tay đón nhận, nâng niu cái điều mong manh ấy. Ba tháng trời, thời gian dần dựng vở kịch, cả anh, cả nàng đều thấy bỗng bệnh, lơ lửng, hình như họ không còn điểm tựa nào trên thế gian này ngoài sự nương tựa vào nhau. Lắm khi anh tự véo vào đùi mình - Tỉnh hay mê đây? Đôi lúc anh nghĩ lại hoàn cảnh hiện tại, nó đã vượt sang sự phiêu lưu. Lương tâm anh giằng xé. Hình như mọi ngã về của anh đều bị lưới tình vây bủa. Anh cúi đầu để mặc sự dẫn dắt của thể lực siêu nhiên vô hình nào đó. Ôi, những cơn mê tuyệt vời thôi thúc sự sáng tạo, mãi về sau anh vẫn thầm cảm ơn chúng.

Năm ấy, trong mùa hội diễn sân khấu toàn quốc, vở kịch mà cả anh và nàng với công sức đóng góp không nhỏ, thuộc một trong số rất ít vở được giải thưởng cao. Ngoài huy chương vàng chung cho vở, còn có bốn huy chương vàng cá nhân dành cho tác giả kịch bản, đạo diễn, họa sỹ thiết kế mỹ thuật và vai diễn chính. Nhiều người trong đoàn bật khóc vì sung sướng. Khóc nhiều nhất có lẽ là anh với nàng. Hai người đã thức trọn cái đêm cuối cùng ở Hà Nội. Khi mà không gian im lìm, hoang vắng. Những hàng cây hình như cũng biết nương tựa vào nhau trong giấc ngủ chập chờn. Anh thì chẳng cần hay biết chi ngoài những cái hôn vừa dài, vừa sâu, vừa tham lam khắc khoải, vừa mệnh mông vô tận. Cảm giác ngất ngây ngự trị lên tất cả. Họ cần phải nói với nhau lời gì nữa? Mọi sự giải bày bằng thừa. Còn ngôn ngữ nào đẹp hơn thế? Phải chăng đó chính là cái mà người đời gọi nó đơn giản là tình yêu....

Trên chuyến tàu trở về Huế, anh ngồi im tư lự hàng giờ. Anh sực tỉnh và buồn bã nghĩ đến ngày mai. Anh nghĩ đến trách nhiệm của mình, nghĩ đến cái hiện thực mỗi mòn của cuộc sống, khi anh sống không phải chỉ riêng cho bản thân. Có lẽ nàng cũng sẽ thông cảm cho anh thôi. Biết làm sao khi trong cuộc sống có bao điều người ta muốn mà không thể làm được, cũng như không thể lý giải, không thể cắt nghĩa. Hãy coi như một phút bông bột, xao lòng thôi nhé! Liệu có ai trách móc không?

Ba tháng trôi qua, sau khi giã từ đoàn kịch, họa sỹ B. vẫn như người mất thăng bằng. Hết đứng, lại ngồi, hết đi ra lại đi vào, anh chẳng làm được việc gì. Anh ít dám ra khỏi nhà, càng không dám đi ngang trụ sở Đoàn kịch nói. Trong lòng anh, cả một mớ hỗn độn những điều mâu thuẫn nhau. Anh vừa muốn gặp nàng, lại vừa sợ gặp nàng. Ngồi ở nhà, anh bồn chồn mong nàng đến, nhưng rồi lại sợ nàng xuất hiện. Anh sợ sự mềm yếu của cả hai người. Phải chia tay thôi, không thể kéo dài sự phiêu lưu được nữa - anh thầm nhủ. Rồi anh tự hỏi mình: Liệu có sớm quá không? Anh biết nàng đau khổ lắm. Nhưng anh nào có sung sướng

gì. Thậm chí anh còn phải sống trong tâm trạng dằn vặt gấp bội nàng ấy chứ. Anh tự trách mình bồng bột. Nhưng mà, đã bảo, giây phút ấy có một thế lực siêu nhiên vô hình dẫn dắt anh cơ mà. Ôi, cái “tiếng sét” ấy quả là ghê gớm.

Họa sỹ B. ngồi cúi đầu, tay chân bắt đầu bủn rủn bởi tiếng gầm rú của vợ mình. Anh cho tiếng phản lực cơ của giắc Mỹ năm xưa e cũng chỉ ghê gớm đến thế là cùng. Anh nguyên rửa tên kép diễn quái đản. Nhưng chàng kép lại cho anh là người quái đản hơn. Chàng kép diễn bất tài hay xun xoe với người đẹp đã bị anh vô hiệu hóa hoàn toàn trước mắt nàng, cho dù sau này anh không xuất hiện nữa. Chàng kép tức như điên, đã quyết định mượn tay đàn bà để “dạy cho anh một bài học về sự lễ độ”. Còn người đàn bà nào làm việc ấy tuyệt chiêu hơn chính vợ anh?

Họa sỹ lôi ra một tập giấy giả vờ ngồi làm việc. Anh bôi quệt lung tung trong inh tai nhúc óc của tiếng gào thét. Anh liếc mắt nhìn. Vợ anh đang xỉa xói vào mặt anh. Rồi nàng đứng hơi khom, một tay chống nạnh, tay kia giờ nắm đấm dứ dứ trước mặt. Trời ơi, họa sỹ xuýt buột miệng - Về kiểu diễn năm xưa của em biến đâu hết rồi? Vợ anh nhảy lên giường. Rồi lại nhảy xuống đất. Lại nhảy lên giường, tay nàng huơ tứ tung như mù phù thủy lên đồng. Nàng nhảy xuống đất chồm chồm gần anh như con sư tử chuẩn bị vồ mồi. Họa sỹ định la lên - ối, có ai cứu tôi với. Ai mà cứu được anh lúc này. Có vay thì có trả, đó là quy luật của muôn đời. Láng giềng của anh chỉ có tay X. là thân thiện, nhưng giờ này mà hần biết được thì cũng ngồi run như cây sậy ở góc nhà hần. Có một lần X. đã liều mạng nhảy sang cứu người bạn chí cốt trong tình huống tương tự. Lập tức X. bị vợ họa sỹ “chơi” cho một chương đúng vào chỗ hiểm, đau đến tím tái mặt mày, khiến cả tháng sau X. không dám lai vãng đến gần nhà bạn.

Họa sỹ giơ tay lên xem đồng hồ. Còn khá lâu đây, bởi anh biết “cuộc chơi” này sẽ không thể kết thúc trước 3 tiếng đồng hồ. Họa sỹ bôi quệt

trên giấy càng lúc càng dữ hơn để giết thời gian. Chợt anh nảy ra ý định tả lại vợ mình ở nhiều tư thế khác nhau. Anh bắt đầu vẽ - vẽ - vẽ - say sưa vẽ... vợ mình. Trong âm thanh lộng óc của một dàn nhạc điện tử cực đại, anh vừa nhịp chân, vừa mỉm cười, vừa vẽ. Anh tưởng tượng đến các ca sỹ nhạc rock vừa nhảy nhót, vừa hú hét như điên trên sân khấu...

Mọi âm thanh chợt ngưng bật. Khi ấy bức phác thảo thứ mười ba của anh đang đi vào những nét cuối. Họa sỹ thở phào, giơ tay vuốt mặt, tưởng tượng đến một cuộc trải nghiệm sáng tạo dưới địa ngục. Anh xem đồng hồ. Còn mười lăm phút nữa mới hết giờ. Anh liếc mắt. Vợ anh đang đi tìm nước uống. Chà chà, họa sỹ lòi thêm một tập giấy đặt lên bàn, chuẩn bị bước vào “cuộc chiến” mới. Nhưng không, nàng lại đến trước gương chải đầu. Nàng thay quần áo. Nàng mở bóp. Anh lăm lét theo dõi. Vợ anh lòi son phấn ra. Cái gì nữa thế này? Anh từng biết các diễn viên họ trang điểm rất kỹ khi lên sân khấu; những người đẹp cũng làm như thế trước khi bước vào cuộc thi hoa hậu, nhưng, người đẹp trang điểm để đi gây gổ, cãi nhau, anh chưa hề nghe nói đến bao giờ. Nàng mở cửa bước ra “-Tôi cũng đi bồ bịch đây! Anh đừng tưởng chỉ mình anh biết ngoại tình”. Họa sỹ lại thở phào, mở các bức phác thảo ra xem. Anh ôm bụng cười sằng sặc. Chợt vợ anh quay vào. Họa sỹ sợ quá, lấy vội quyển sách đề lên tập phác thảo. “Anh cười cái gì?”. “Ồ không, cười gì đâu?”. “Tôi hỏi thật, vì sao từ tối đến giờ, tôi nói mà không nghe anh nói lại?”. “Nói lại cái gì?”. “Còn cái gì nữa!”. Quả là người này nói, người kia không nói lại thì cũng không ổn. “Anh có biết gì đâu. Không phải em vừa mắng các con à?”. Đến nước này thật là quá thể. Vợ họa sỹ nhin không nổi đã phải phì cười trước vẻ mặt vừa ngây, vừa thộn của chồng mình. Vậy là hòa cả làng. Họa sỹ B. toàn thắng trong im lặng. Đêm hôm ấy, trong lúc ngủ, vợ anh đã ôm anh mà khóc tức tưởi. Nàng ân hận lắm. Nàng phong anh là người đàn ông tuyệt vời, người đàn ông số một thế giới, người đã biết hy sinh cho sự bình đẳng tối thượng của phụ nữ.

Sáng hôm sau, vào lúc vợ đi làm, họa sỹ B. ôm tập phác thảo nhảy sang nhà tay X. để kể lại câu chuyện đêm qua. Cứ mỗi trường đoạn họa sỹ lại giơ ra một bức minh họa. Quả là độc đáo. Người ta chỉ có thể thấy các bức minh họa trên báo, chứ chưa ai vừa được nghe kể chuyện lại vừa được xem minh họa. Chợt X. nảy ra ý định chuyển các bức phác thảo cho một tờ báo thân quen. Ở đây họ chuyên đăng các chuyện vụ án về phụ nữ. Quả nhiên thư ký tòa soạn của tờ báo K. nồng nhiệt đón tiếp hai người. Anh ta nói, chưa một họa sỹ nào có thể minh họa sống động như thế. Từ đó hàng tuần, giống như một người xoay cổ ru bíc trên tay, tờ báo K. cứ đảo qua tráo lại những bức phác thảo của họa sỹ B. để minh họa cho các câu chuyện đất tiền của họ. Báo K. không phải thuê họa sỹ nữa. Cũng từ đó hàng tuần, họa sỹ B. có thêm một khoản nhuận bút. Việc này anh giấu biệt vợ.

Chuyện chẳng dừng lại đó. Mặc dù trong cái đêm hải hùng hôm nào, họa sỹ B. đã thu toàn bộ âm thanh của nó vào hai cuốn băng, nhưng anh phải giấu kín vì để “bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ”. Một hôm đi làm về, vợ họa sỹ ném tờ báo giữa bàn - “Anh xem này. Đồng nghiệp của anh đấy! Nó đã bôi bác đàn bà, hạ thấp nhân phẩm phụ nữ. Thật là quá quắt. Tôi sẽ kiện. Tôi sẽ hỏi tòa soạn xem thằng họa sỹ láo toét ấy là ai...” Họa sỹ B. bủn rủn chân tay khi thấy các bức minh họa của mình trên báo. Một bức là người phụ nữ tóc xõa rối tung, hai tay chống nạnh, miệng há rộng tận mang tai, nước bọt phun phì phì. Bức kia là người phụ nữ đứng dạng chân theo thế trung bình tấn của các võ sinh thái cực đạo, mặt mày méo mó, một tay giơ nắm đấm, tay kia đang vỗ bồm bộp ở phía bụng dưới. Vợ họa sỹ chắc chắn nghĩ rằng, đàn bà không thể tồi tệ đến mức như thế. Gay rồi đây! Thừa lúc vợ xuống bếp, họa sỹ B. lấy xe phóng thẳng đến nhà thư ký tòa soạn báo K. quyết đòi lại mấy bức minh họa. Anh thư ký tòa soạn trả lời, nhờ có nó mà tờ báo của anh bán rất chạy. Hơn nữa sẽ bảo đảm tuyệt đối bí mật cho họa sỹ.



Vợ họa sỹ B. là người nói rồi quên ngay, nên chỉ mấy ngày sau nàng đã chẳng nhắc lại chuyện hai bức minh họa kia nữa. Nhưng họa sỹ B. lại liên tục theo dõi tờ báo K. Hôm nào đọc xong anh cũng thần thờ từ những câu chuyện động trời trên báo. Anh chẳng hiểu vì sao giây phút ấy mình lại có thể vẽ được như vậy. Một sự xuất thần chẳng? Có người bạn thân khi biết chuyện đã hỏi, liệu lúc ấy anh có cảm xúc thật sự để vẽ về vợ mình? Họa sỹ B. trả lời ồm ồm. Chẳng lẽ lại thừa nhận một cảm xúc ngược ngạo như thế! Điều đó khác gì mình có cảm xúc khi đi ca ngợi những kẻ bất lương. Nhưng dù sao vẫn cứ là cảm xúc. Họa sỹ B. không lý giải nổi việc này.

Cho đến một chiều, họa sỹ B. toát mồ hôi khi đọc một mẫu chuyện đánh ghen rùng rợn trên báo K. Không thể tin nó có thật ngoài đời. Anh xấu hổ nhìn bức minh họa của mình. Họ đã dùng cái thật để minh họa cho cái không thật. Anh trở thành kẻ tiếp tay cho họ. Không, không thể được, đó là danh dự của kẻ sỹ.

Họa sỹ B. lao ra khỏi nhà. Hôm nay quyết đòi lại những gì đã vẽ cho báo K.

V.H

T R Ầ N   H Ạ   T H Ắ P

# Thế trận linh xà

(SH số tháng 6 - 2006)

## 1.

Trong một lần lên Tây nguyên đã lâu... Câu chuyện dọc đường vẫn làm tôi thao thức mãi. Đây là lần xe hỏng. Lùi lại Quy Nhơn hoặc tiến tới thị xã Plây Ku đều phải mất nhiều tiếng đồng hồ. Bấy giờ, chỉ mới tắt mặt trời nhưng không hy vọng tiếp tục cuộc hành trình. Mọi hành khách đành phải qua đêm ở lưng chừng đèo An Khê.

Nơi đây gần như hoàn toàn hoang vắng. Chỉ thấy lau lách ngàn xanh, chập chùng núi dựng. Cảnh vật vừa âm u vừa hùng vĩ. Không phải bận bịu hàng hóa gì trong xe, tôi thong thả bước xuống giữa gió chiều lồng lộng.

Ngày xưa, từng là chỗ bí mật luyện quân của người anh hùng áo vải đất Tây Sơn, Nguyễn Huệ. Ráng đỏ trời chiều tưởng như oai linh còn hiển hiện đến bây giờ.

Có tiếng động lạ lòng khó hiểu đầu đây. Thì ra, là tiếng... lạc bò. Một khoảnh đất rộng, khá bằng phẳng bên sườn đèo. Đàn bò chừng dăm, mười con đang bình thản tới lui gặm cỏ. Từng vỏ lon bia bị bóp méo một đầu,

đeo ở đùi mỗi con. Bên trong thả cuội sỏi gì đó, khi lúc lắc loại lục lạc này vang lên âm thanh khô khan gây chú ý từ xa. Đây rồi... Một ông già đen đui, rắn chắc ngồi lặng lẽ sườn non. Một cây roi quấn queo và chiếc nón rộng vành để ngửa...

Thấy tôi tìm cách lại gần, ông già gật gù:

- Xe cậu ngoài kia. Xe hỏng?

- Vâng. Chào cụ.

Tôi tìm tảng đá, ngồi gọt chuyện cho qua thời giờ. Ông cụ chừng bảy mươi rất mạnh và cô độc. Tôi nghĩ, một nơi thế này quá buồn. Ông cụ ít nói, có lẽ năm thì mười họa gặp người lạ chuyện trò nên thế. Đến khi vừa nghe tôi tự giới thiệu vài câu chiếu lệ, về công việc mình đang còn theo đuổi... Ông cụ bỗng sáng mắt lên và lộ vẻ vui mừng rất đột ngột:

- Tôi rất mong gặp những người như cậu. Xin cậu... giúp tôi.

Chưa hiểu ông cụ muốn gì, tôi lại tần ngần nhìn quanh. Ông cụ lại nói ngay khiến tôi càng ngẩn ngại hơn vì sự thân mật sốt sắng này:

- Mời cậu về nhà tôi nghỉ lại hăng hay. Bây giờ thì xe chưa thể chạy được đâu. Sáng mai, liệu sao không để cậu trật chuyển là được. Cứ tin tôi đi. Không việc gì bất trắc cả. Nhà tôi ở...trạm nghỉ của nhân viên quản lý đường đèo An Khê này đó. Gần đây thôi. Mái lá kia kia...Thấy tôi vẫn im lặng. Nét vui biến mất trên khuôn mặt ông cụ. Không hiểu sao, tôi lại nhận lời nhưng thật tình bày tỏ:

- Không phải lo gì, thưa cụ. Chỉ vì chuyện gì đó của cụ chưa biết rõ làm sao hứa giúp? Vả lại việc viết lách báo chí như cỡ cháu chỉ là hạng xoàng. Nhưng, thì thôi. Cũng đến cụ vậy. Cứ coi như được tá túc nhà cụ đêm nay. Xin cảm ơn cụ trước.

Trở lại xe báo cho mọi người đồng hành xong, tôi đeo xách tay nhẹ nhàng lên vai đi theo ông cụ chặn bò. Loong Koong... Loong Koong. Hướng thấp dần vào thung lũng ẩn khuất, cỏ lau xào xạc. Tiếng chân của

người và thú bên nhau đồn dập đều hiu. Núi vùi vùi vây quanh trùng điệp với lối mòn đất đỏ cheo leo. An Khê, nơi một thời ngoạ hổ tàng long.

## 2.

Con rể ông cụ là nhân viên trạm đèo vùng này. Là một trạm nghỉ tạm thì đúng hơn. Ông cụ cho biết thực ra nhà của họ dưới chân đèo chứ không phải ở đây. Công việc cụ được tập thể trạm giao cho là phát triển chăn nuôi. Loại kinh tế linh động, tận dụng môi trường đặc biệt vùng đèo. Dăm mười hôm cụ mới về thăm nhà một bận. Khi nghe tôi tỏ ý ái ngại về sức khỏe người già như cụ lại phải lên xuống núi mỗi ngày. Quả là công việc khó khăn. Ông cụ bấy giờ rất vui, nói như đùa:

- Trẻ mỗ luyện quyền. Già leo núi. Không đồ chút mỗ hôi ăn cơm không biết ngon. Các cậu ngày nay - Ông cụ phá ra cười, bỏ lửng câu nói thật lâu. Hình như không tiện với kiểu nói ấy, ông cụ bỗng nghiêm nghị hơn - Tuy chăn bò tập thể trạm để làm vui. Nhưng mà riêng tôi, còn thêm một ý nghĩa rất...thiên liêng, vẫn canh cánh bên lòng. Thật đấy.

Trạm vắng người. Qua loa xong bữa tối đạm bạc thì trăng hiện ra đầy huyền ảo giữa núi đèo. Ông cụ bước tới gian giữa thấp nhen nhang cắm vào liếp phen. Ba róng cây chắc nịch, gác ngang làm giàn treo bỏ đồ đạc. Bên trên có tấm vải điều đã quá cũ, bạc màu. Trịnh trọng vái xong mấy vái, ông cụ cẩn thận cất tấm vải đi. Hiện ra... Cái gì? Một phiến đá Thanh lớn nhưng đã... vỡ thành mấy mảnh. Tất cả chúng được đặt khớp vào nhau theo thứ tự nguyên hình. Phiến đá chừng sáu tấc dài, bốn tấc rộng, dày non tấc hơi mảnh mai theo hình khối hộp. Viên khung được tạc chung quanh. Ở ngay giữa lòng nổi lên ba chữ Hán chạm chân phương nét vô cùng sắc sảo. “Linh Xà Miếu”. Đây là loại biển chữ bằng đá Thanh xa xưa. Vua chúa vẫn thường cho chạm trở gắn vào tiền đường các kiến

trúc tôn quý. Tôi nhắm mắt... Để chắc rằng mình vẫn chưa hề nghe, đọc thấy về một ngôi miếu như thế này bao giờ cả. Niên đại nào? Ở đâu?

- Thì ra, cậu cũng đọc được tên miếu.

- Cụ thu giữ vật này làm gì? Bây giờ thì miếu ở đâu? Thưa cụ, nói thực kiến thức cháu cạn hẹp - Tôi lơ mờ đoán hiểu ý muốn của ông cụ - ắt khiến cụ lại nhọc công. Cháu chưa từng nghe, biết đến miếu này.

- Ô, không - Ông cụ lắc đầu xua đi - Làm sao cậu rành được chuyện bí ẩn dòng họ Bùi nhà tôi. Cậu chỉ nghe là... đủ. Là coi như giúp tôi. Còn tin hay không tùy cậu. Ngày xưa... Chùng vào thời Hậu Lê. Dòng họ Bùi nhà tôi vốn từ một tỉnh phía Bắc vào đây.

### 3.

Cụ tổ họ Bùi di cư vào Nam sinh cơ lập nghiệp. Cụ chỉ ở quanh quần vùng đất ngày nay là Bình Định - Quy Nhơn. Đến cụ tổ đời thứ hai sinh toàn gái, sau mới có một út trai nối dòng. Đời thứ nhất đốt than quá vất vả. Cụ tổ đời thứ hai chuyển sang nghề buôn muối biển lên rừng, đổi lấy hàng hóa đem về. Thời bấy giờ không phải ai cũng làm được việc này vì không chỉ gian lao mà còn vô cùng nguy hiểm. Cọp dữ đã nhiều, giặc cướp còn nhiều hơn. Bà cụ tổ đời thứ hai là gái Bình Định, võ nghệ rất cao cường. Khi lấy chồng, bà chọn nghề buôn muối để mưu sinh.

Mỗi chuyến đi thường nửa tháng xa nhà. Khác với người ta, họ đem theo cậu út trai khi vừa lên chín tuổi. Cụ tổ Út, khi ấy đã tạm thông thạo vài thứ côn quyền nhập môn. Các cụ đem theo con để khỏi nhớ, đồng thời gọi là khỏi trễ nải việc truyền nghề bên lưng. Đoàn buôn muối cứ thế... Một thời chẳng biết sợ ai. Cuộc làm ăn ngày càng nên sự nghiệp.

Đó là lúc Chúa Nguyễn ở Đàng Trong bị quyền thần Trương Phúc Loan làm hại. Dân tình ta thán. Giặc cướp như ong.

Một hôm, đoàn buôn muối qua đây - nay là đèo An Khê - thì phát sinh sự cố. Hai kẻ đón đường xuất hiện, đưa ra thách thức hết sức lạ lùng buộc các cụ phải bỏ đường buôn. Hễ bất kỳ ai, dùng vũ khí nào... Họ vẫn tay không giao đấu. Miễn thắng được cứ ngang nhiên qua lại. Nếu không, cấm lai vãng từ đây! Cụ tổ họ Bùi rút đao nhảy ra nhưng chỉ chớp mắt bị kẻ ấy cướp lấy đao lập tức. Kinh hoàng, bà cụ tổ ra tài múa roi vùn vụt xông lên. Vẫn không hạ được con người ấy. Ngược lại, hẳn không làm gì đoạt nổi ngọn roi gia truyền. Tưởng chỉ có vậy, bà ngừng tay cười bảo như chẳng có việc gì:

- Chưa thắng được nữ nhi, nam nhân cứ kể là...thua cuộc. Mau tránh đường ra, ai lo phận nấy. Đừng trái lời giao ước.

Tên chặn đường này quay sang người đi theo nãy giờ vẫn còn đứng lặng lẽ bên đường. Hẳn cung kính thưa:

- Thuộc hạ e phải rút kiếm ra thôi, không thì bọn họ chưa phục. Thế thì trái lời thực. Xin Nhị gia ra tay thu phục một phen.

- Đúng lắm. Việc nhỏ chưa phục, ắt đại sự ít người tin. Kẻ đi bán buôn còn giấu cọt tất anh kiệt phải khinh khi rồi đó. Lui ra mau. Còn chư vị - người ấy quay sang đoàn thương buôn - Ta một lời nói ra không hề thay đổi. Ai là người chưa phục, cứ việc bước ra. Ta cùng chư vị cũng đều dân nước Nam cả. Kẻ có thể không lộng hành vô đạo. Người vô lực, chớ vì thế mà hèn mọn, a dua. Nếu không, vị tất xứng gọi kẻ anh hùng. Xin chỉ giáo...

Người ấy mặt chữ điền, mắt sáng mày xéch ngược như cánh đại bàng đang bay. Giọng nói âm vang lồng lộng. Chỉ chờ có thế, bà cụ tổ múa roi xông vào quyết một lần sinh tử. Thật kinh hồn. Không thấy người ấy dùng thế võ gì, chỉ đảo người vài vòng thì ngọn roi đổi chủ. Bà cụ tổ tay không!

Thất vọng, đoàn buôn muối đành phải quay về. Trước khi ra đi các cụ hỏi rằng:

- Xin để lại một vài lời. Mong nói rõ nguồn gốc võ nghệ, ắt về sau tất có ngày tái ngộ? Chúng tôi chỉ hận mình học nghệ chưa tinh.

- Hay đấy. Nghe đây. Ta chẳng phải quan binh, cũng không hề là giặc cướp đón đường mãi lộ. Xét các người đều là võ sĩ, không ngờ chỉ biết đem công phu tổ truyền mưu cầu hai chữ “lợi, an” riêng lấy nhà mình. Đâu rồi? Những lời thề lúc bái tổ nhập môn. Vì nước quên thân, anh hùng thượng võ. Các người vốn là chỗ nương nhờ của dân. Nay lúc cần, quay lưng miễn an ổn gia cơ là xong đấy phỏng? Thế cũng biết đến câu sĩ diện dám hỏi tên ta ư? Lập tức quay về nói lại lời này. Bảo, nếu ai đã coi là hào kiệt trong đời cứ đến chân núi này. Để xem thử là chân tài hay chỉ là giả mạo. Tuy cùng một môn phái Tây Sơn - nhưng rất khác với ta đấy - Các người có biết đang làm tổn hại oai danh của môn phái đến nhường nào? Nguyễn Huệ là danh tánh của ta. Mong các người nhớ lấy lời này. Cáo biệt.

Về sau cụ tổ Út truyền lại rằng, trong khi người lớn uất ức nát cả tâm can. Cụ là thằng bé con chẳng ai để ý, lắng nghe hai kẻ chặn đường kia to nhỏ cùng nhau. Người trước nói với người sau:

- Cái cơ thu phục nhân tài của Nhị gia quả thực là diệu dụng khôn lường. Đừng nói thuộc hạ mà ngay Đại gia hay Tam gia... e rằng không dám đảm đương. Kế “Khích tướng” chỉ chừng ấy cũng đủ khiến đại sự của chúng ta sớm được cáo thành. Nay mai...

- Thấy ta từng dạy bảo. Ít Đức thì vị tất người Trí đã theo về. Còn kém Tài sao thu phục kẻ Dững? Kế An Dân ở đó! Chỉ tiếc rằng người sớm vắn du như hạc nội mây ngàn. Bao giờ lại được nghe lời giáo huấn?

Cụ tổ Út nói, võ nghệ con người ấy cao thâm đến độ khôn lường. Mà đến việc cơ trí, mưu lược... cũng không ai đoán nổi. Người có một không hai trong thiên hạ bấy giờ.

## 4.

Ấm nước sôi sùng sục. Ông cụ chặn bò dừng lại chế một bình trà.

Nhang đã gần tàn nén trên gian thờ. Ông cụ lại đốt, lại vái. Tôi tưởng như không còn nhớ đến chiếc xe lỗ chuyển trên đèo. Câu chuyện đi vào hồn tôi bao giờ như gió cứ uốn lượn ngoài kia, trên những rừng lau dấy sóng.

... Trên đường về Quy Nhơn, đoàn buôn muối chán nản vô cùng.

Nổi hận, nổi buồn đeo nặng. Cụ tổ họ Bùi đời thứ hai dừng ngựa. Với trách vụ của người trưởng đoàn, của người chồng, người cha, người môn sinh võ phái, cụ nói lời tối hậu:

- Ai giúp ta xóa được mối nhục này? Chỉ còn lấy cái chết để tạ tội không tròn được đạo nghĩa với anh em. Ý ta đã quyết. Sau này con phải đứng trên cha. Đừng để nhục phải ghi nhớ lấy hôm nay. Một lời, xin bái biệt...

Mọi người sững sờ cúi mặt nhưng không hề ngạc nhiên vì lời báo tử ấy. Đất võ Bình Định có câu “Mất mạng còn danh. Mất mặt vô dụng”. Lời khuyên trong lúc này là xúc phạm. Để đúng câu “Anh hùng mã thượng”, cụ tổ đời thứ hai vẫn ngồi trên mình ngựa. Khi cụ rút đao nâng lên thì trời cũng đã về chiều. Cụ tổ Út, bấy giờ còn nhỏ chưa thông luật lệ khóc run bắn bật. Người cha nổi giận quát mắng:

- Im ngay. Ta phải tạ tội để giữ sạch võ phái. Chết vinh, sống nhục

- Đáng phục. Lợi, thì chia với mọi người. Lỗ, nhận thay cho tất cả không cầu an sợ chết mới là người võ sĩ chân chính. Biết tự nhận nhìn ra lẽ phải ấy là kẻ Trí. Khó, nhưng sửa được mới đáng gọi người Dũng trên đời. Hà tất phải uống đi mạng sống. Buông đao xuống!

Đột ngột lời nói vang lên như một lệnh truyền. Một tiên ông ư? Kẻ đang bước ra từ sườn núi. Không. Đây là cụ già quắc thước tướng mạo



phi phạm. Râu bạc chùng trước ngực, người phục sức như nông dân. Một cây trượng trúc kỳ dị, ngoằn ngoèo - hết như đường uốn ở giữa “Vòng tròn Thái Cực”. Lạ lùng hơn, thân trượng trúc như dát bạc lấp lánh màu kim tuyến sáng chói lên trong tia nắng trời chiều. Đây là một con rắn nhỏ đang quấn quanh trượng trúc.

Đoàn buôn muối giật mình nhìn nhau sửng sốt. Họ biết con rắn bạc ấy là một linh vật, tuy nhỏ bằng ngón út nhưng cực kỳ quý hiếm. Một loại Quốc bảo nước Nam mà các vua Tàu từng ra sức chiếm đoạt...

Gọi là Kim Tuyến Linh xà hoặc Kim Tuyến xà hay ngắn gọn hơn là Linh xà cũng thế... Người đi núi nhiều năm cũng chỉ được nghe mà chưa tận mắt bao giờ. Sở dĩ gọi thế vì truyền thuyết bảo rằng, Linh xà không nọc độc. Ngược lại, còn có chất giải độc trong nước miếng rắn này. Bởi thế mọi nọc độc kinh hồn nhất đều trở thành vô dụng trước Kim Tuyến Linh xà. Chính nó là “Đại khắc tinh” của mọi loài độc vật chết người...

Gặp nó, dù là Hồ mang Bành chúa cũng lập tức tránh xa. Từ ngàn xưa, người Trung Hoa bắt dân Giao Chỉ cống nạp ngọc trai, sừng tê giác - đặc biệt nhất - Kim Tuyến Linh xà. Vì Giao Chỉ là nơi duy nhất trên thế gian linh vật này sản sinh và cư ngụ. Nó chỉ thích hợp thủy thổ của vùng rừng núi Trường Sơn đầy linh khí. Ai thu phục và nuôi dưỡng được Linh xà, đấy phải là bậc kỳ nhân trong thiên hạ.

Vảy bạc của nó thay ra, làm bảo vật cứu mạng. Bất kỳ hổ mang, rắn rết cực độc nào cắn phải chỉ cần đắp vảy vào đấy. Vảy bạc hóa đen, lấy ra đem ngâm vào rượu tốt. Vảy đen hóa bạc như ban đầu. Kẻ đeo vảy trong mình ra vào hang động, tay không bắt hổ mang đều chẳng hề gì. Gọi là Linh xà Thần dược. Cứu mạng trăm người...

Các cụ tổ họ Bùi ngờ ngàng nhìn người mới đến, biết là bậc kỳ nhân. Tất cả xuống ngựa thi lễ, cúi mình xin chỉ giáo. Cầm cây trượng trúc trước mặt mọi người - chỉ thẳng vào đấy - bậc kỳ nhân nói những lời chí cốt:

- Ngaoàn nghèo như thế kia, cũng là hình thể nước Nam ta. Đây là “Tượng” của Linh xà, tinh vi huyền diệu khôn lường. Nhờ vào đây, các anh hùng ngộ ra cách gìn giữ vững chắc sơn hà. Binh pháp đời Trần gọi là “Linh xà Trận pháp” hay “Thế trận Linh xà” cũng thế... Rất khác với “Trường xà trận” của binh pháp Trung Hoa (do Tôn Võ Tử sáng tạo ra, lừng lẫy thiên hạ từ thời Đông Chu). Linh xà Trận pháp của nước Nam ta rất uyển chuyển và vô cùng bí hiểm. Không hề bị phá vỡ vì lối dụng binh thần tốc, vũ bão của “Ứng trận” hay là Thế trận Chim Ưng, vốn là khắc tinh chuyên chế ngự Thế trận Trường xà, nhất là khi Trường xà biến hóa thành Trường xà Quyện địa.

Linh xà, tuy sống ở núi rừng nhưng sinh sản ở những miền cửa biển. Chính vì thế mà có đủ “Khí linh” của núi sông, thủy hỏa. Nước Nam ta với hình thể như một “Đại Linh xà” có Trường Sơn làm “Sống lưng”, lấy biển Đông mà vùng vẫy sinh hóa. Thế trận ấy trên đời không có chỗ thứ hai. Đó là hình thể hết sức đặc biệt. Uốn lượn linh động như “Lượn sóng nhấc nhô”. “Sức Nước chính là sức Dân” vậy.

Linh xà Trận pháp lấy núi để công, dựa nước mà thủ. Núi thì kiên cường, nhìn xa thấy rộng. Nước thì nhu hòa mà bền vững. Không ai phá nổi núi, vì núi tự bền. Chẳng thể ngăn xẻ nước, vì nước vốn tụ. Tổ tiên ta ngộ lấy Thế trận Linh xà có một không hai này mà bảo vệ đất nước đến bây giờ. Qua bao thăng trầm, bao tàn độc xâm lăng của những kẻ thù cường bạo nhất, sau cùng nước Nam vẫn vượt lên mà trường cửu...

Bậc kỳ nhân nói tiếp:

- Nay đất nước đang hồi quốc nạn, ngoại bang luôn lợi dụng dòn ngó không yên. Biết sự an nguy trong phút giây này là trọng, nên ta vân du khắp cõi trời Nam tìm người đủ tài đức để bí truyền Linh xà Trận pháp... Nhân qua đây, gặp cơ duyên nói đôi lời chí cốt. Chư vị vẫn còn chấp mê chưa tỉnh ngộ? Võ học của cha ông để lại nhằm giúp dân, chống giặc.

Hà có gì đem dùng vì mưu lợi cá nhân? Nếu những lời nói của người đã chặn đường trên núi kia là đúng. Là lấy làm nhục nhã thì liệu có rút đao tự xử... Cũng đã để lại tiếng xấu muôn đời. Sống hay chết đi liệu rằng sẽ thay đổi được gì không? Cái tiếng “khi sư, diệt tổ”.

Tất cả đoàn buôn muối không biết tự bao giờ, đều đã quỳ xuống trước cây trượng trúc. Cụ tổ họ Bùi tâm hồn sáng tỏ, bái lạy tạ ơn xin chỉ cho con đường chính đáng. Thì ra Linh xà Trần pháp đã được trao truyền cho con người siêu quần Nguyễn Huệ.

Sau đó không lâu, tất cả đều trở thành nghĩa quân Tây Sơn. Nghe nói lại rằng, Nguyễn Huệ lập tức đến nơi thấy xuất hiện. Bậc anh hùng xúc động bái vọng giữa không trung, nói cùng chư tướng sĩ:

- Tuy lánh mặt nhưng thầy vẫn sống giữa lòng dân. Người... âm thầm giám sát, giúp đỡ, thử thách ta. Đệ tử nguyện đến hơi thở cuối cùng không để mai một đi lời dạy của thầy. Vì nước quên thân. Vì dân phục vụ.

Về sau, Quang Trung Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh. Xã tắc lại an bình. Thêm lần nữa, “Ung trận” bị Thế trận Linh xà chế ngự. Sau khi ca khúc khải hoàn, Hoàng đế lập tức truyền cho dựng lên Linh Xà Miếu ở ngay tại nơi đã từng có trượng trúc quần Linh xà xuất hiện. Hằng năm, vua thân chiêm bái. Kỳ lạ thay, từ đó mười dặm chung quanh miếu không tìm ra hổ mang, rắn độc. Tự mọc đầy cây thuốc Nam trừ rắn là Bách-Xà-Thiện-thảo. Loài cây lá như rau “Răm”, có những đóa hoa nhỏ như nút áo, màu vàng đậm xinh xinh.

## 5.

Ông cụ ngừng kể. Tấm vải điều lại được nâng lên lưng chừng. Mắt ông cụ chú mục nhìn vào khoảng... xa vời. Tội kính trọng hồi ức của con

người ngồi trước mặt. Gió đỉnh đèo An Khê vút qua như ngựa sỏi trên lau lách về khuya. Một đám mây bay qua. Trăng chìm vào trong vùng tối.

... Cho tới khi Gia Long lên ngôi... Linh Xà Miếu bị đập phá tan tành, tiêu vong tông tích. Ai lai vãng nơi này thì bị tội. Cụ tổ đời thứ ba, còn gọi là cụ tổ Út nghĩ ra cách giả làm tiểu phu. Cụ lén thu lượm được mấy mảnh đá Thanh này, đem chôn vào nơi kín đáo. Dặn rằng, sau phải hàn gắn cho nguyên lành mà thờ phụng trong nhà. Riêng nền miếu ấy nên lai vãng để trông chừng. Mấy đời sau... Có cách gì thuận tiện thời thế, là lúc cố tu bổ lại mà thờ. Quan trọng hơn, vẫn là ý nghĩa của Linh Xà Miếu. Con cháu không được quên, phải nhắc nhở lưu truyền câu chuyện ấy...

Lời dặn dò, hết một đời thì bảo lại đời sau. Cứ thế. Đời cụ nội của lão chăn bò này - Cụ ấy là chất gọi cụ tổ Út bằng ông cố - rời đất Quy Nhơn, ngài về dưới chân đèo An Khê này cốt gắn nền miếu hơn để trông chừng cho thuận lợi. Mãi đến hôm nay, lão chăn bò này đã có thêm đời con và đời cháu. Như vậy dòng họ Bùi kể từ khi vào Nam lập nghiệp đã đến mười đời, đều nghèo cả. Hóa cho nên chỉ làm được có thế. Thật đáng buồn. Đời tôi, sức tôi chẳng còn bao lâu nữa... Lòng dạ xốn xang.

Ông cụ nói đến đây, đưa cánh tay xương xẩu quệt ngang khuôn mặt răn reo đầy những vết chân chim. Tôi xúc động không biết nói gì hơn:

- Thì ra các cụ đều chịu... sống nơi đây vì lời di chúc của tổ tiên để lại. Đến từng ấy thế hệ vẫn không vì nghèo mà bỏ đi xứ khác.

- Cậu thấy rồi. Một công hai việc. Tôi xin chăn nuôi bò của tập thể trạm đèo này để làm vui. Để nhẹ đi phần nào gánh nặng con cái phải lo toan. Ngày nào hay ngày ấy. Ngoài ra, cái chính là để sớm hôm còn lai vãng với cái nền miếu ngày xưa. Những mảnh đá Thanh kia được cụ nội tôi quật lên, đem về nhà hương khói. Tôi mang theo chỉ để tạm nơi đây, tiện bề tưởng niệm. Mai chiều, hết đời tôi thì giao cho thằng con cung thỉnh về nhà. Đây... Cái nền Linh Xà Miếu chính là chỗ cậu với tôi gặp gỡ lúc ban chiều. Một khoảnh đất bằng cheo leo bên sườn

đèo An Khê. Nơi ấy vẫn có thể tìm ra nhiều gạch đá xưa bị đập vỡ và vùi chôn bên dưới...

Bàng hoàng... Tôi nào ngờ, nhờ vào tiếng... lạc bỏ mà chân đã từng đặt lên nền Linh Xà Miếu. Trước mặt tôi là hậu duệ đời thứ tám của dòng họ Bùi. Cụ không làm người chăn nuôi theo nghĩa thông thường. Cụ đang chăm coi và lưu giữ linh thiêng. Cảm ơn cụ - Tôi thầm nói trong lòng - Dù văn hóa vật thể, có khi theo định luật thời gian mà tàn lụi nơi nào... Thì cứ vẫn còn những giá trị phi vật thể để bảo lưu, bổ khuyết. Miến sao, có những người như cụ. Những người thật đơn giản, vô danh thoát tưởng như chẳng có gì để nói, để bỏ chút thì giờ đồng cảm, lắng nghe...

- Cậu nghe xong câu chuyện dòng họ Bùi nhà tôi rồi đấy. Không có cơ hội nói ra, lòng tôi vẫn khắc khoải chưa yên. Dù sao, thì cậu cũng là người lấy chữ nghĩa viết lách làm trọng. Từng đã có vài người biết rõ câu chuyện này. Kết quả, họ đều cười tôi không giữ cái đáng tiền. Họ lấy làm bực mình, phiền toái khi đã phải tốn công sức ngồi nghe một người chăn bò... ngớ ngẩn như tôi.

- Nhưng đấy là ai? Họ có... ý kiến nào không. Thưa cụ?

- Có lẽ những kẻ chuyên bán buôn đồ cổ. Hoặc là người chỉ muốn tìm cơ hội cầu may. Nhìn thấy từng mảnh đá Thanh đã vỡ ra, họ vừa ý bảo nếu không, chẳng biết bên trong còn có bí mật nào? Họ chỉ mơ vàng bạc, hay gì đó miễn đem bán mua đắt giá. Họ chả cần gì ý nghĩa cha ông.

Tôi chia sẻ nỗi lòng bằng một câu hỏi chẳng lấy làm hy vọng:

- Có khi chúc trách, nơi thẩm quyền này nọ... sẽ giúp đỡ cụ không chừng. Nếu chịu khó đi một vài nơi đâu đó?

- Chẳng ai tin những việc mà sách sử đến bây giờ không tìm ra căn cứ. Sẽ không có thời gian và tốn kém cho các việc này. Đi lại nhiều nơi chỉ tổ phiền hà lắm khi tai tiếng. Tôi muốn hương linh được yên nghỉ hơn là để các ngài bị xúc phạm vì thiếu sót đời sau. Nếu có sai lầm, tội lỗi ấy thuộc về ai... Các ngài hay chính của chúng ta? Thôi thế...

- Không đâu, thưa cụ. Lỗi ấy thuộc về cả một triều đại nối theo sau nhà Tây Sơn. Triều Nguyễn. Khi mà người viết sử làm quan. Họ có nhiệm vụ hiểu “chính đáng thay vì là chính xác”. “Chính” đồng nghĩa với đương triều. Còn “đáng” mà lắm khi chưa “xác”. Việc thực, vẫn rất có thể không “đáng” ghi vào, đôi khi lại còn nên phủ nhận. Thế nhưng, dù “đáng hay là xác” mới chỉ là quan niệm riêng ở một Nguyễn triều kia. Bởi “lịch” thì vẫn phải luôn tiếp tục trải qua để được xét soi, phê phán do còn nhiều thời đại khác về sau...

Sử đúng nghĩa - ngoài chính sử từ các sử quan ấy - vẫn còn song hành phần “ngoại sử”, phần “truyện” để bổ khuyết gấm suy và nhận định. Chính sử là chính đáng, song ngoại sử chẳng kém phần quan trọng với đời sau. Thưa cụ những lời kể và chứng tích đang có này... Nền miếu, đá Thanh kia. Kể cả cụ lẫn kẻ đang lỡ độ đường này... Đủ để làm nên nơi đây một thiên ngoại sử về ngôi Linh Xà Miếu.

Vâng, thưa cụ. Dẫu chính sử đối với cụ là chỗ không còn trông mong gì nữa... Vẫn còn đây phần ngoại sử ngay trong con tim và khối óc. Nơi ấy không giấy tờ, không chữ nghĩa. Không cả đắn đo gì mà những kẻ viết chính sử kia thường canh cánh bên lòng... Phải thông cảm cho các sử quan cụ ạ. Đây là những con người khốn khổ. Không như chúng ta, chỉ bận trí “công hay tội của triều đại” mà thôi. Họ đồng thời phải tự trả lời câu hỏi “công hay tội cho ngay chính bản thân mình”? Một câu hỏi không thể né tránh trước triều đại đang sống. Khác với câu hỏi từ phía lịch sử đơn thuần. Câu hỏi trước triều đại - dù chưa mang tính vĩnh cửu bao giờ - luôn khắc nghiệt vì không đợi kẻ viết sử nằm dưới nắm mộ sâu mới ban hành phán quyết về chức năng một con người từng cầm bút... Lẽ ấy, mọi ngành đều không thiếu vĩ nhân. Duy sử gia thì thưa cụ, thử hỏi có bao nhiêu Tư Mã Thiên ở dưới gầm trời?

Ông cụ gật gù, trên mặt đã có lộ sắc vui. Tôi không dám coi thường những người như cụ. Không dám bỏ ngang lời tâm tư kia, hoặc bắt buộc

lòng mình nói theo cách đơn giản... để một người chăn bò thu nhận. Không. Vì ít ra chính tôi cũng đang tự nhắc nhủ bản thân mình. Rằng, mớ chữ nghĩa quá nhỏ bé mà tôi viết ra - chưa bao giờ ngờ nổi - vẫn còn được một người như cụ thật sự mong chờ và trân trọng. Một món nợ nặng trĩu không biết mấy linh hồn... Là tiếng kêu ghen tặc của chín, mười thế hệ. Hoàn toàn không đơn giản như hai bữa cơm rau để tôi cú ung dung... rồi quên lãng.

## 6.

Kiểu biệt vào sáng hôm sau, tôi trở về xe đang khởi động trên đèo để ra đi. Ông cụ dậy sớm hơn. Bếp lửa bập bùng. Một bóng lặng lẽ ngồi bên ấm trà bốc khói. Đồi ba trái bắp nướng lóe lòng. Hạt cứng to, hồng tím như màu “ba zan” muôn thuở nơi đây. Bên lối mòn lau lách xào xạc, đàn bò đứng đợi sẵn bao giờ lưng đẫm ướt sương đêm.

Cho đến khi yên vị chỗ ngồi, tôi vẫn thấy rõ hình ảnh cây roi toe tua ông cụ còn hươ hươ trong màn sương mây vây bủa. Xe chạy vào eo núi khác che khuất...

Từ đó đến nay có một thứ tiếng mãi theo tôi, còn đeo đẳng bên lòng. Loong Koong... Loong Koong. Mười năm đã qua đi. Tôi chưa hề trở lại đất An Khê. Mười năm tôi lặn lội theo đời... Vẫn dặn mình đừng để mất chút niềm tin nơi những người như cụ. Tự nơi lòng tôi còn món nợ qua đèo.

Xin cụ cứ an tâm về ước vọng cao quý của đời mình. Thừa cụ, nếu cụ còn sống - Tôi tin thế - khi đọc thấy những dòng này chắc cụ có chút ít vui lòng. Cảm ơn cụ đã tin tôi. Niềm tin mà tổ tiên cũng đã từng trao cho cụ...

T.H.T

# Bức tranh thay đổi thế giới

(SH số tháng 2 - 1994)

**h**ọ là đôi bạn thân kể từ thời còn học ở đại học Sorbonne, sau đó, cùng chọn chuyên ngành khảo cổ học. Jabindu, người Népal; Robinson, người Mỹ. Thời trẻ, cả hai đều say mê công việc khô khan và vất vả của mình. Dấu chân của đôi bạn đã giẫm khắp những di tích lịch sử ở hai bờ sông Nile, sông Hằng, Trung Á, Con Đường Tơ Lụa và cả Nam Mỹ...

Họ thuộc hai nền văn hóa khác nhau. Jabindu yêu những dãy núi băng giá sừng sững như muốn thi gan với trời đất; yêu đàn trâu Yark lang thang trên đồng cỏ; yêu thiên nhiên hoang sơ chưa có bàn tay con người uốn nắn, cải tạo; yêu con đường mòn nhỏ quanh co cùng những mái lá bình dị, xanh xanh khói bếp thanh bình; yêu những câu ca, điệu hát hồn nhiên, vô tư của các cô gái từ các nương rẫy và đồng quê yên ả... Robinson thì khác thế. Ông ta yêu những phòng nghiên cứu tối tân có đầy đủ dụng cụ khoa học hiện đại; yêu những siêu thị mát mẻ, bóng lộn, phong phú, đáp ứng đủ mọi nhu cầu thiết thân của đời sống; yêu những đại lộ thênh thang, những cao ốc chọc trời và những quy hoạch vườn cảnh sạch đẹp, phẳng phiu, ngay hàng thẳng lối; yêu những tiện nghi ăn, ở, mặc; những bảo hiểm và an toàn về y tế, ngân hàng, nhân thọ...



Chẳng rõ nhân duyên hoặc do suy nghĩ thế nào, đột nhiên, Jabindu từ bỏ gia đình, bằng hữu, từ bỏ sự nghiệp nửa chừng, từ bỏ phố thị và phòng nghiên cứu rồi mất tích nhiều năm trong những dãy núi hùng vĩ ở Himalaya. Còn Robinson thì vẫn đắm chìm, mê man giải mã các nền văn minh cổ xưa qua những dấu vết của các hiện vật và di chỉ lịch sử bất cứ ở đâu trên thế giới. Bây giờ niềm say mê ấy không còn nữa, ông đã mệt mỏi lắm rồi.

Hôm kia, thật là ngạc nhiên, Robinson nhận được thư của Jabindu do một du khách người Mỹ - vốn là sinh viên cũ của ông - trao lại, sau cuộc hành hương từ Népal và Tây Tạng trở về. Thư của Jabindu có một đoạn nội dung như sau: *“Từ biên giới Népal, theo đường bộ hiểm hóc, cheo leo lên Tây Tạng, chừng ba trăm ki-lô-mét - đi bằng xe trâu kéo - sẽ gặp một ngọn núi thơ mộng màu ngọc bích, có một cây đại thụ lá đỏ chừng hai ngàn tuổi đứng ngạo nghễ một mình... Từ đó, về hướng Tây chừng vài ba ki-lô-mét, gặp một con suối; bạn cứ đi mãi lên thượng nguồn... Hãy nhìn vào các vách đá liên lạc kéo dài, chỗ những mặt phẳng nhẵn bóng, nơi nào có những ký tự thuộc ngữ hệ Pàrkrit cổ; bạn luồn sâu vào một vài hang động: tôi đang ở đây và đang thọ hưởng hạnh phúc từ “nền văn minh” của mình. Bạn hãy đến đây, sau mùa xuân, khi tuyết đã tan, tôi sẽ tặng bạn một bức tranh vô giá được hoạch đắc từ xứ sở lạc hậu này.”*

Cầm lá thư ố vàng và nhàu nát trong tay, Robinson phân vân với nhiều nghi vấn. Jabindu đã là một tu sĩ rồi chẳng? Và sao lại là một bức tranh? Ông bạn kỳ quặc này trao câu đố như thế là có ý nghĩa biểu tượng gì? Nó có liên hệ chút nào đến sự bất an và vô vàn câu hỏi bức xúc hiện nay của ta? Ôi, đã lâu lắm rồi, người bạn châu Á ấy: Ông ta có đôi mắt sâu hun hút của những huyền sử, của những vấn nạn triết học, của những thắc mắc siêu hình cùng những cực đoan tâm linh khi nhìn về nền văn minh Tây phương tân tiến, mà ông ta coi là quá đồi hời hợt và còn quá non trẻ. Ông nói nguyên văn là, *một vị-thành-niên tri thức chưa có độ chín!* Họ

đã tranh cãi với nhau rất nhiều lần. Và lần nào cũng bế tắc, cùng đường. Ví như Jabindu nói:

- Nền văn minh của các bạn *đã đi ngược đầu* hơn hai nghìn năm kể từ thời Aristote. Ấy là con đường của lý trí khôn ngoan nhưng chẳng minh triết chút nào. Là lộ trình của điên đảo và hủy diệt...

- Không. Nền văn minh nào cũng là sự kế thừa của những thành tựu khoa học. Là chất xám đặc như keo, là sự thai nghén khổ hạnh của những tế bào não, là tiếp truyền trí tuệ đỉnh cao của loài người qua nhiều thiên niên kỷ. Chính nguyên nhân đói nghèo, lạc hậu... của Đông phương các bạn là do tự mãn, do quay lưng với khoa học và còn do coi thường vật chất nữa... Một kiểu tự mãn tâm linh cố chấp và kỳ quặc!

Jabindu cười to:

- Tự mãn là đúng - vì nền văn minh hiện đại của các bạn có nguyên động lực bên trong là *dục vọng và bản ngã chiếm hữu*. Đây là tâm thức sơ khai, gần với bản năng, biểu hiện một loại người chưa được tiến hóa về tâm linh cho lắm.

Robinson cũng cười. Lại nhạo:

- Đói nghèo, cơ cực, tối tăm và bệnh tật... là thực trạng của nền văn minh tinh thần của loại người tiến hóa cơ đấy.

Jabindu trả miếng:

- Chiến tranh, hận thù, khủng bố, bất an, động đất và bão lụt...; bất an giữa các giá trị đức lý, xung đột giữa các chủ thuyết và rối loạn giữa những ý thức hệ... Tất cả những hiện trạng đó đưa đến bất hạnh, thống khổ và điêu tàn... Đây chính là thành quả do nền văn minh vật chất ưu việt mà các bạn hiến tặng cho loài người!

Robinson cười nhạo:

- Vì là ưu việt nên chúng tôi có đời sống cao sang, tiện nghi vật chất phong phú và choáng lộn. Còn các bạn... thì được núi rừng, được thảo

nguyên hoang sơ, được các thôn ấp, nhà cửa tối tăm với gián với chuột với muỗi mòng...; đi đâu cũng thấy phân và rác, những vũng nước tù đọng...; đến nỗi không có cả một công trình vệ sinh tối thiểu... Đây không phải là sống, là đời sống - *mà chỉ là cách thức để tồn tại* - của những bộ lạc tiền sử thời còn săn bắt hái lượm...

- Đúng, đúng... Jabindu gật đầu lia lịa - Nói chung, Đông phương là như thế, nhưng đâu phải là tất cả, bạn đừng vợ đũa cả nắm! Vì tri túc với cái ăn, cái mặc, cái ở... nên họ mới xuất sinh được các bậc hiền triết, có sinh hoạt tâm linh phong phú, có đời sống chan chứa nhân văn, thiên nhiên và tình người; có nội tâm khiết đạm, thanh bình; không có những cuộc cạnh tranh khốc liệt trên mọi lãnh vực sinh hoạt xã hội; không có bóp óc, nặn trán, tính toán chạy theo lợi nhuận, năng suất, bạc tiền hoặc những mục đích trục vật hư dối ở bên ngoài. *Hạnh phúc của họ là ở bên trong*, Robinson!

- Bên trong! Làm gì có cái gọi là hạnh phúc bên trong nếu không do các điều kiện tối ưu ở bên ngoài quyết định? Ảo tưởng đấy, Jabindu!

- *Nó tự có. Nó có thật*, Robinson! Bạn không thể hiểu nỗi đâu!

Robinson vuốt vuốt mũi, châm chọc:

- Khi nào *bí* là bạn *tung hỏa mù siêu hình* rồi chạy trốn, giỏi lắm!

- Bạn chưa bước vào ngưỡng cửa lãnh địa của sinh hoạt tâm linh thì nói gì cũng như đối thoại với người điếc. Bạn gọi nó là siêu hình hay là gì thì tùy thích. Còn tôi thấy nó rất thực tế. *Nó là cái thực nhất*, Robinson!

Cuộc tranh luận, đấu khẩu nào cũng đưa đến nhị nguyên, hai đảng cố thủ hai biên: Bên này và bên kia; bên trong và bên ngoài; vật chất và tinh thần... Người phát triển chiêu thức biến hóa. Người huân công nội lực tiềm ẩn. Không bao giờ ai chịu thua ai. Không bao giờ họ chịu ngồi chung một chiếu màn đàm. Và rồi họ châm chọc nhau, đả kích nhau rất gay cấn, chua chát nhưng không kém phần thú vị, vui vẻ. Tuy

nhiên, Robinson vẫn luôn cho rằng, Tây phương ưu việt là nhờ phát triển khoa học, nhờ thông tuệ, nhờ không ngừng tìm kiếm và sáng tạo. Đông phương đói nghèo và lạc hậu... cần phải mượn chiếc đuă thần khoa học của Tây phương. Cần phải được khai hóa. Jabindu thì bảo là chúng tôi không cần sự ưu ái của các bạn: Sự khai hóa ngược đời, ngu ngốc ấy! *Trăm tư và thiên định mới là hạnh phúc đích thực của chúng tôi.*

Mặc dầu quan điểm đôi bên không dung hợp được nhưng tình bạn giữa họ với nhau thì thật vô cùng thâm thiết. Cứ hể xa nhau là thấy nhớ, như âm với dương. Có một thời hai người còn liên lạc khẳng khít với nhau. Trong lá thư cuối, cách đây hơn mười năm, Robinson cảm nhận là dường như bạn mình đã có lối thoát, đã có con đường nào đó rất sáng tỏ. Còn ông, càng đi sâu nghiên cứu các nền văn minh cổ xưa chừng nào thì những lý luận ngoan cố, phản khoa học của Jabindu càng trở nên thuyết phục. Qua những kết quả tìm thấy trên những đồng tro tàn đổ nát của lịch sử, dù bia mộ bí mật, chữ viết tượng hình hay các ký hiệu, biểu tượng thần, thánh, người, vật phức tạp... Robinson đều đi đến một hệ luận chung quyết, một kết quả giống nhau: Sau cái khuôn vỏ hào nhoáng của văn minh, thời nào cũng thế, thường tồn tại những thảm trạng đen tối, những phản ứng phụ nguy hiểm! Cũng như sự thực của nền văn minh đương đại: Con người ngày nay, ngày càng trở nên máy móc và tha hóa. Mọi giá trị nhân sinh, mọi nền tảng đức lý đều điêu đảo và rệu rã. Trái tim và tâm hồn của công dân thời đại hạ nguyên tử đã trở nên khô cứng vì họ phát huy hết công suất tối đa cho cái cỗ máy lý tính. Những tệ trạng xã hội tung rải mầm độc cho tuổi trẻ và các thế hệ tương lai. Chiến tranh và nạn khủng bố đe dọa mạng sống của cư dân trái đất. Người ta đã hủy phá thiên nhiên một cách tàn bạo, không thương tiếc; môi trường của hành tinh xanh bị ô nhiễm, bị vấy bẩn thối tha do hóa chất và rác thải công nghiệp. Khói, bụi, vi trùng, siêu vi, khí độc... đầy đặc trong không gian, máu huyết, óc não, trong hơi thở và cả trong trái

tim người! Tất cả đấy không được gọi là sự điều tàn thê lương của nợ tính, của hố thẳm, của huỷ diệt là gì? Nền văn minh hiện nay - *niềm tự hào của ông* - kết quả cuối cùng sẽ bi thảm như thế, như nó đã từng diễn ra trong lịch sử. Robinson chợt nhớ bạn một cách da diết. *Jabindu đã có lý*. Đúng là ông bạn của mình thuộc loại người tiến hóa bậc cao. Bậc thầy siêu việt. Hay là những tiên tri thời đại?

Lá thư với những dòng chữ vẽ một địa chỉ mơ hồ, nhưng Robinson có bốn phận phải tìm cho ra. Và ông đã tìm ra. Những vách đá và những hang động huyền bí, hoang sơ dường như chưa có vết chân người. Nắng, bụi, mồ hôi, dốc cao, vực sâu... như trò chơi oái ăm, gian lao muốn thử thách ý chí và nghị lực của Robinson từ ông bạn già Đông phương tinh nghịch. Từ từ, chậm rãi, Robinson luồn sâu mãi vào các hang động. Đây rồi! Một hình hài gầy khô như que củi đang tọa thiền trong ánh sáng nhờ nhờ, nhưng Robinson vẫn nhận ra vóc dáng quen thuộc của Jabindu. Ông đứng lặng rất lâu. Lẽ nào đây là cứu cánh của kiếp sinh tồn? Lẽ nào đây là hình ảnh của người đã tìm ra niềm bình an vĩnh cửu? Trong không gian tịch mịch, lắng đọng... thời gian như lùi lại cả hàng ngàn năm, tri giác ông chợt như khói như sương, mỏng manh và bất thực. Những ký tự không phải Pali, không phải Sanskrit đầy đặc nơi những vách đá cho Robinson hiểu rằng: Jabindu đã thâm ngộ một điều gì đó rất phi thường ở đây. Có lẽ là một phép luyện tâm của một nền văn minh cổ xưa nào còn lưu lại.

- Rồi bạn sẽ biết chúng nói gì! Jabindu đứng lên từ trong bóng tối, phá tan sự yên tĩnh - Chúng là một loại cổ ngữ pha trộn phức hợp, chưa hoàn chỉnh, sau này thành ngôn ngữ Pàrkrit. Tôi đã đọc được chúng. Hóa ra là kinh Phật. Nếu muốn nghiên cứu, bạn sẽ có những tấm đập âm bản tương đối rõ ràng. Nay Robinson! Bạn khỏe chứ?

Cả hai ôm lấy nhau, siết chặt. Jabindu dìu bạn mình đến một hóc hang động có ánh sáng, đốt thêm một ngọn đèn từ mỡ trâu Yark. Trong không

gian yên tĩnh, cổ sơ... Jabindu đái “*người bạn văn minh*” của mình nước mưa và trái cây rừng. Bây giờ, Robinson mới nhìn thấy rõ Jabindu hơn: Khuôn mặt queo quắp, răn đanh, gầy ốm, xương xẩu, tóc râu lún phún muối tiêu...; quàng trên người một tấm vải màu cứt ngựa quệt thổ hoàng. Đặc biệt là đôi mắt cực sáng, biểu hiện một sức sống nội tâm mãnh liệt. Trước mặt Robinson là hình ảnh một đạo sĩ sống cách đây vài nghìn năm... Như cổ tích. Như huyền sử...

- *Mừng cho bạn đã được bình an!* Jabindu đọc được điều đó và cảm thán mở lời.

Jabindu cười nhẹ:

- Còn hơn thế nữa, Robinson! Tôi đã không còn bất cứ một câu hỏi nào. Tất cả trí và tâm đều đã trở nên vắng lặng.

- Tuyệt- Robinson nắm chặt bàn tay xương xẩu và nhìn sâu vào mắt người đối diện - Hồi xưa, *bạn có lý*, Jabindu!

Vị sa-môn gật đầu chẳng khiếm tốn tí nào, rồi lại lắc đầu:

- Bây giờ, *không phải là cái lý*, dù *hữu lý* - mà là *cái thực* - Robinson!

Robinson tin bạn mình nói thật, nhưng ông vẫn chưa biết đó là cái gì, bèn nhích tới, có vẻ chăm chú, rồi hỏi:

- *Nó là cái gì?* Có phải là *hiểu và biết* không, Jabindu?

- Không phải thế. Phạm trù của cái *hiểu và biết* rất giới hạn. Nó luôn luôn có *điều kiện* và có *đối tượng*... Cái *hiểu và biết* ấy là *quá khứ*, là *thời gian và sinh tử*, Robinson!

- Tôi có thể chưa hiểu. Vậy nó có phải là *trạng thái* không?

- Lại càng không, Robinson! Trạng thái nào, dù an lạc tuyệt đỉnh, chúng cũng chảy trôi, không có một điểm tựa thực hữu, chỉ là sự hội tụ mong manh của các năng lượng!

Robinson nhăn mày:

- *Vậy nó là cái gì?*

Jabindu trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Dù tôi nói *nó là cái gì* - thì cả bạn, cả tôi cũng sẽ mãi đóng đinh chân nhau, không đi ra khỏi cái phạm trù của *hiểu và biết*. Chúng ta vẫn bị nó quy định và giới hạn từ khi bắt đầu có nhận thức. Lý do tôi biên thư mời bạn đến đây cũng vì lẽ đó...

Nói xong, Jabindu bước tới vách đá, thò tay vào khoảng hõ bèn trong, lấy ra một bức tranh rất cổ, lồng trong một khung gỗ đen sì được bọc kỹ lưỡng bằng một tấm da dê rất mịn... Bụi và màng nhện bám đầy. Vừa lau chùi khung hình, Jabindu vừa nói chuyện:

- Thầy tôi là đệ tử chân truyền của đức Mahà Kassapa, người đã duy trì mạng sống nhiều trăm năm nay chỉ với một mục đích duy nhất là bảo vệ Tam Tạng trên vách đá, đồng thời chờ đợi một người đệ tử có căn cơ để trao truyền sở học cùng kinh nghiệm tâm linh tu chứng. Tôi là người được chọn. Bạn tin hay không tin điều tôi vừa nói cũng chẳng quan hệ gì! Kinh nghiệm tâm linh tu chứng nhận được từ thầy, tôi đã trao truyền cho một nhóm đệ tử; hiện giờ họ đều đang ẩn cư, chờ lúc nào thuận duyên sẽ đi hóa độ nhiều phương. Còn lưu hậu và hoằng truyền kinh văn thì tôi sẽ trông cậy ở nơi bạn vậy...

- Tôi hiểu rồi. Tất là giải mã động kinh văn này rồi dịch nó ra tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, in ấn rồi lưu truyền. Việc ấy tuy khó nhưng không phải không làm được. Bằng hữu của chúng ta có rất nhiều học giả ưu việt và nhiệt tình. Họ làm việc rất khoa học và rất nghiêm túc...

- Tôi cũng tin là như vậy.

- Thế còn bức tranh này?

Jabindu dựng bức tranh ở chỗ có nhiều ánh sáng nhất. Tranh gần như là tượng trưng, ẩn tượng hay siêu thực? Trông thì rất cổ xưa mà cũng rất hiện đại. Khó biết chất liệu giấy. Mực màu thì dường như được mài ra từ các loại ngọc; còn nội dung thì chúng chìm ẩn, lấp lánh đa sắc với nhiều hình tượng xen lẫn rất khó cảm nhận, rất khó thông hội...

- *Nó là cái gì?* Robinson không dừng được, cất tiếng hỏi.

Jabindu nở nụ cười như hoa sen hé nhụy:

- *Nếu là gì* thì chúng ta lại loay hoay nơi cái chỗ *hiếu* và *biết* mất thôi!

Robinson cười xòa:

- Vậy tôi sẽ không hỏi nữa, chỉ nghe thôi!

Jabindu chậm rãi nói:

- Tác giả bức tranh này là ai thì thầy tôi không nói, nhưng người đã cất giữ như một bảo vật. Nghe đâu là của một nhà sư nghệ sĩ vô danh, trong cơn thiền định xuất thần, ông đã làm nên tuyệt tác ấy. Mọi ý nghĩa của nó nằm ẩn sâu hút bên sau mọi đường nét, mọi sắc màu biểu tượng. *Bức tranh phải quay mặt về hướng Đông*. Chính ánh sáng và dương khí của mặt trời chiếu dội và tác động vào thì màu sắc của các loại ngọc mới ứng lên, mới hiển hiện đúng sắc độ cần thiết, đúng đích thực cái điều mà bức tranh muốn nói... Còn nếu không, bức tranh chỉ còn là một bức tranh đẹp, cổ xưa và quý báu, vậy thôi... Bạn có thể bán nó với giá mấy triệu Mỹ kim!

Jabindu dí dỏm. Cả hai cùng cười xòa. Sau đó, Jabindu cốt giữ một khoảng lặng để cho Robinson sẫm soi nhìn ngắm bức tranh; và cũng để cho ông ta tha hồ cảm nhận, tha hồ tưởng tượng...

Thời gian trôi qua... trôi qua... Robinson phát biểu:

- Thật lạ lùng. Khi tôi nghĩ nó là một bức tranh phong cảnh thì nó hiện ra đúng là một bức tranh phong cảnh. Một phong cảnh kỳ tuyệt, dường như là không có thật ở trên đời: Một cảnh thần tiên nào đó, mà, các nàng Apsara và hoa và lụa với những vũ điệu dập dờn, uyển chuyển, nhẹ nhàng trong khúc hát nghe thường vô cùng thanh khiết. Nó thanh khiết... đến từng hạt bụi, hạt sương... Khi tôi nghĩ nó là một biểu tượng tôn giáo thì tôi thấy cả hăng sa Đức Phật và Thánh Chúng giữa những vầng mây ngũ sắc, trên những bảo tọa hoa sen... tất cả đều tịch lặng, thanh trong và vô nhiễm...



- Đúng vậy! Jabindu tiếp lời - Còn nữa, còn nhiều nữa... Cứ hể chúng ta nghĩ là gì thì nó sẽ hiện ra như thế, *đúng như tâm và tưởng của chúng ta vẽ ra*. Hằng trăm, hằng ngàn cảnh... nhưng vẫn chưa hết, chưa đủ... Tuy nhiên, tất cả chúng chỉ là ảo ảnh, cái do ta tưởng tượng mà nên. Còn *cái thực* thì bức tranh phải được *quay mặt về hướng đông*. Rồi, cứ thế mà nhìn ngắm, chẳng rõ thời gian bao lâu, một lúc nào đó, trong một sự tình cờ thế nào đó, *cái thực* sẽ hiện ra, *đúng như mà nó là*.

Robinson trầm tư giây lâu, thắc mắc:

- Tôi tin lời bạn. Nhưng *cái thực* ấy để mà làm gì? Nó ích dụng gì cho tôi, Jabindu?

- Lúc ấy bạn sẽ không còn một câu hỏi nào nữa. Bạn sẽ khai mở được mọi bế tắc, *sẽ vượt qua phạm trù của hiểu và biết*.

Robinson tự nghĩ: “Nền văn minh tin học hiện nay dựa trên những ký hiệu, mã số tạo nên muôn trùng sinh hoạt ảo, sẽ rơi vào hố thẳm, đấy là điều chắc thật. Sự tìm kiếm của thời đại *hạ nguyên tử* cũng đang hoang mang, cùng đường. *Hạt* hay *sóng* cũng chỉ là năng lượng. Thực thể tối hậu là gì thì khoa học cũng đang còn ngỡ ngác. Điểm tựa cuối cùng của nhân loại vẫn đang còn là ẩn số. Nhưng bây giờ, ở đây, trong không gian cổ sơ này, *sự bình an của bạn ta rõ là một sự thực không cần bàn luận, lý giải...*”

Jabindu nắm chặt hai vai bạn, lay mạnh:

- Hãy mang bức tranh này về phương Tây, Robinson! Chỉ với một yêu cầu duy nhất: *bức tranh phải được quay mặt về hướng Đông*. Đấy là sở nguyện của tôi như để đáp tạ tình bạn cố tri, và đồng thời, tri ân bạn trong công trình kinh điển gian khổ sau này.

Ông thở một hơi nhẹ nhõm rồi tiếp:

- Sau khi trao bức tranh, tôi chẳng còn việc gì để làm trên cuộc đời này nữa. Mong rằng, bạn sẽ được bình an. Đây có thể là lời vĩnh biệt, Robinson!

Lưu luyến chưa vội từ già, nấn ná suốt mấy ngày, Robinson mới bùi ngùi cất bước ra đi. Khi máy bay lên độ cao, nhìn xuống những dãy núi trùng điệp, hoang sơ, mây, tuyết và khói sương dật dờ... Robinson vẫn chưa tin là vào thế kỷ hai mươi mốt này, lại còn có những bậc minh triết ở ẩn, khước từ dường như tuyệt đối ánh sáng văn minh, sống an nhiên và tự tại với nhu cầu thanh bạch của một cánh chim rừng, dường như không cần một đòi hỏi vật chất nào! Cái gọi là đời sống tâm linh thuần túy không phải là hoang đường và phi thực! Khi đã ở trong ngôi biệt thự cao sang với những tiện nghi hiện đại nhất ở Los Angeles, Robinson còn mang cảm giác như mình đã từ mấy nghìn năm lịch sử trở về. Việc đầu tiên là ông mở vội bức tranh huyền bí, kiểm tra lại xem việc vừa xảy ra là *thực* hay là *mộng*. Bức tranh sờ mó được, là có thực. Nhưng câu nói cuối cùng của Jabindu thì đúng lời trần trối có *cánh* và có *lửa*. Chúng hàm tàng nội lực tu chứng cùng nhiều ẩn ý. Việc phiên dịch toàn bộ Tam Tạng là một công trình dài hơi, nhưng chưa phải là cấp bách. Tìm một vị trí thích hợp để tôn trí bức tranh là việc quan trọng, ông không thể phụ lòng Jabindu được. Lại nữa, nó là sự bình an của chính ông.

Mang bức tranh bước vào thư phòng, Robinson nhìn hướng mặt trời rồi ngẫm ngía. Một lúc, ông bước tới, bước lui, nhìn từng cửa sổ, nhìn các phòng ốc kế cạnh, nhìn ra vườn... Lát sau, ông lấy la bàn ra xem, đo đạc, tính toán... Robinson chột suy nghĩ rất lâu. Ông như đắm chiêu, bất động...

Suốt hai ngày, Robinson không muốn ăn, không muốn ngủ; ông như ở trong trạng thái không phải tỉnh, không phải mê. Ngày thứ ba, Robinson vùng dậy, lấy điện thoại đăng ký máy bay trở lại Népal...

Dường như Jabindu biết trước việc xảy ra, nên lần này ông đón bạn từ dưới chân núi với nụ cười rất lạ. Jabindu dìu bạn từng bước một, thân thiện, ân cần... Nhưng Robinson thì rất nóng vội:

- Không thể được, Jabindu!

- Bạn nói cái gì không thể?

- Bức tranh mà bạn cho, không thể treo ở đâu được cả!

- Tại sao?

Đợi cho đến khi trở lại hang động, Robinson mới nói rõ lý do:

- Này nhé, Jabindu! Đầu tiên, bước vào thư phòng, tôi nhắm hướng Đông để tôn trí bức tranh. Muốn chính xác phải cần đến la bàn. Nếu đúng là hướng Đông thì thư phòng phải quay chênh một góc gần ba mươi độ. Cũng được, không sao. Nhưng nếu thiết kế lại phòng sách thì phòng ngủ, phòng bếp, phòng nghiên cứu, phòng khách, phòng ăn... hoàn toàn phải thay đổi, phải vẽ lại hết. Giả dụ mất nửa triệu đô la để làm việc ấy thì cũng xứng đáng. *Thấy được cái thực với giá ấy thì quá rẻ.* Tuy nhiên, khi nhìn ra vườn thì tôi mới thật sự bối rối, hoảng kinh. Nếu toàn bộ hướng nhà thay đổi thì khu vườn cũng phải thay đổi. Thay đổi khu vườn của mình, hy sinh được, nhưng ảnh hưởng các căn nhà và những khu vườn bên cạnh thì phải làm sao! Có thể thương lượng với họ được không? Rất khó. Nhưng khó hơn là con đường trước mặt- *lối chính vào thành phố*- sẽ biến thành kỳ quặc. Ông thị trưởng, hội đồng kiến trúc sư, các nhà quy hoạch cũng như dân chúng, không ai cho phép *một người bất bình thường* hoặc *một gã tâm thần* làm việc điên rồ đó...

Nghĩ lấy hơi một chút, Robinson tiếp tục:

- Càng nghĩ, tôi càng bàng hoàng, Jabindu! Nếu *tôi treo được bức tranh hướng mặt về phía Đông thì tôi phải thay đổi cả thành phố Los Angeles...*

Jabindu có vẻ ngạc nhiên:

- Kinh khiếp đến thế cơ à?

- Chưa đâu, Jabindu! Nếu thay đổi thành phố Los Angeles thì các xa lộ, đại lộ, đường cao tốc Bắc, Nam, Đông, Tây đều phải thay đổi. Theo đó, cả nước Mỹ phải thay đổi...

Jabindu gật đầu, nhú mày:

- Đúng là như thế thật!

- Chưa đâu, Jabindu! Khi bản đồ nước Mỹ mà được vẽ lại thì các sân bay, những trạm, những ga, những bến tàu sẽ tìm chỗ khác thích hợp hơn. Và thế là sự rối loạn sẽ như đĩa xúp hùm-bà-lăng. Nước Mỹ sẽ có chiến tranh. Thế giới chiến tranh: Chiến tranh kinh tế, chiến tranh thương trường, chiến tranh dầu hỏa, chiến tranh xây dựng, chiến tranh thủ đoạn, man trá và lọc lừa... Nói tóm gọn một câu: *muốn treo được đúng hướng bức tranh quý quái này thì phải thay đổi cả thế giới...*

Robinson thở dài, đưa cả hai tay lên trời như đầu hàng, bỏ cuộc. Sau đó, trân trọng trả lại bức tranh cho Jabindu:

- Món quà trân quý này, tôi không có duyên phần, xin hoàn về cố chủ!

Jabindu hững hờ đặt tay lên bức tranh, nhìn thẳng vào mắt Robinson, cất giọng trang nghiêm:

- Cũng tương tự thế là *cái thấy*, này Robinson! *Cái thấy làm thay đổi thế giới, thay đổi toàn bộ thế giới...*

- *Cái thấy ấy...* làm sao?

- Là *thay đổi cách nhìn*. Nó vượt qua phạm trù của *hiểu và biết*. Nó chính là *tuệ giác*. *Cái thấy của tuệ giác...*

Robinson tròn xoe mắt, ngơ ngác với những dấu hỏi tận cuối chân trời. Giọng nói của Jabindu từ miền chân không của ý tưởng, vẫn an nhiên, trầm ấm rót nhẹ vào tai:

- Chính *tư, tưởng và thức* là thủ phạm làm cho *cái nhìn* của chúng ta bị sai lệch, đảo điên. *Cái hiểu và biết* của chúng ta về thế giới, nhân sinh... cũng từ đó mà phát sanh sai lầm, cục bộ... Triết học, các hệ thống tư tưởng, các ý thức hệ... từ xưa đến nay đã đưa ra những phán quyết chủ quan, tự thị... đã đẩy nhân loại đến chỗ tranh chấp, tương tàn và huỷ diệt... Nền văn minh cà rốt, bột mì, thông tin, điện tử, các giá trị ảo... không giải quyết nổi cái quẩn quại, đau khổ, bấn loạn của tinh thần

con người. Phải xoáy cái nhìn vào bên trong, Robinson! *Phải thay đổi cái nhìn ấy.* Một cái nhìn tràm nhiên, trong suốt, vô vi, mới mẻ... *không qua phân tích, lý giải, không bị nô lệ bởi tư, tưởng và thức,* này Robinson!

Robinson có vẻ trầm tư, nhưng vẫn nghe rõ mồn một lời của Jabindu vang vọng giữa động sâu, như ở ngoài không - thời - gian:

- Toàn bộ thế giới đang ơ nơi tâm trí bạn đều là sản phẩm của tri kiến quá khứ. Đã cũ kỹ. Đã ám khói. Đã úa vàng. Đã chết rồi. *Bạn không dám thay đổi thế giới, thì vĩnh viễn, không bao giờ có được cái thấy tự tại, giác ngộ, tỉnh khôi ấy đâu,* Robinson!

Huế, Huyền Không Sơn Thượng  
M.Đ.T.T.A

N G U Y Ễ N   N G Ọ C   L Ợ I

# Bản hợp đồng màu ô liu

(SH số tháng 5 - 2007)

Cửa mở. Nàng sống người. Một trung niên da đen trong chiếc quần tằm màu đỏ đứng lừng lững trước mặt. Một mái đầu xoắn tít, một nụ cười hấp dẫn đến mê hồn trên khuôn mặt cương nghị răn rỏi. Cái cổ to khỏe mạnh. Một vòng ngực rắn chắc nở nang. Đôi cánh tay cuộn cuộn bắp thịt và cặp giò cao cũng gồ lên những múi thịt như đang chuyển động dưới làn da nâu bóng như sa tanh. Trước mặt nàng như là một pho tượng. Những pho tượng thể hiện đầy đủ cho vẻ đẹp phái mạnh mà nàng đã thấy trong các viện bảo tàng cũng chỉ đẹp đến thế là cùng. Nàng chưa bao giờ được chiêm ngưỡng một vẻ đẹp sống động như thế... Đây mới chính là vẻ đẹp đàn ông hoàn hảo được mô tả trong thần thoại Hy Lạp mà bao lần nàng đã đọc đến mê mải.

Quá ngạc nhiên, quá đột ngột, nàng không thốt lên được một lời nào. Nàng cảm thấy nóng ran với nhịp đập gấp gáp trong lồng ngực. Các mạch máu đột ngột dồn nén khiến toàn thân nàng căng nhức. Một năng lượng bất ngờ tích trữ đang đòi hỏi được giải phóng. Cặp môi mọng đỏ hé mở, nàng cảm thấy khát ghê gớm...

- Xin lỗi, tôi nhầm... Người đàn ông tỏ vẻ lúng túng.

- Không sao...

Cả hai no nê thỏa mãn, rũ rượi bên nhau sau cuộc giao hoan kéo dài hàng tiếng đồng hồ, như lũ cuốn triều dâng, thì người đàn ông da đen mới ghé vào tai nàng thổ lộ. Anh dõi theo em đã mấy hôm nay. Hoa hậu cô đơn của anh. Anh biết em cũng đang chờ đón anh. Có phải không em yêu?... Còn lúc đó, khi mà định thần lại, nàng đã đọc được những gì trong mắt người đàn ông trước mặt. Nàng nói như bị hụt hơi. Nếu không ngại tôi sẽ mời ông vào uống một tách cà phê... Và họ không kịp uống cà phê với nhau như lời nàng đã hứa. Khi người đàn ông da đen bước qua nàng thì cánh cửa đã đóng sập lại sau lưng. Nàng được đôi cánh tay khỏe mạnh bế xốc lên và lao vụt vào phòng ngủ. Nàng ghì siết cái cổ vững chãi và như đu mình trên vồng ngực căng tràn sức lực. Môi gấn chặt môi. Những tiếng thở hổn hển. Cả hai quay cuồng hết trên giường rồi xuống sàn nhà... Nguồn năng lượng mà người đàn ông giải phóng ra mới ghé gớm làm sao. Nó như đẩy nàng lên tít tầng mây, có lúc như hạ nàng xuống đáy sâu của vực thẳm...

- Bao giờ chồng em về?

- Anh đừng lo, có cửa thông lên sân thượng. Nàng chỉ lối thoát hiểm cho người tình.

- Em sẽ treo chiếc khăn choàng lên cửa sổ lúc nào ông ấy ra khỏi nhà. Nàng thì thắm vào tai tình nhân.

Và thế là họ gặp nhau thường xuyên theo ám hiệu đã qui ước.

Chiều nay vẫn như mọi chiều, vẫn những đàn hải âu tao tác chao mình trên mặt vịnh. Vẫn bóng chiều đỏ vàng trên nóc những biệt thự nằm dọc lối đi sát mép nước. Vẫn những hàng dừa quây lá rào rạt trong trời chiều. Sau những phút giây vỗ vập giao hoan nàng lại nằm duỗi chân, phô thân hình ngọc ngà trên chiếc ghế vải ngoài ban công mà tận hưởng giây phút mê mê hã hã còn dào dạt đâu đó trong thân xác. Người tình của nàng mới mạnh mẽ làm sao. Hơn mười năm làm vợ, giờ đây nàng mới cảm nhận

được niềm sung sướng đã bị bỏ phí. Bất chợt nàng buông tiếng thở dài nhìn ánh nắng cuối chiều phủ lên người thứ ánh sáng yếu ớt khiến nàng như một xác chết. Nàng để thân hình lười nhác thả lỏng hết mọi tế bào vừa bị căng lên trong mấy chục phút hưng khởi. Chẳng có gì mà nàng phải vội. Chồng nàng vẫn chưa biết lúc nào về. Lâu nay nàng không có thói quen đợi chồng. Lâu nay nàng vẫn ăn tối một mình. Nghỉ một lúc nữa rồi nàng sẽ vào nhà tắm. Ngâm mình trong nước thơm độ ba mươi phút. Vừa ngâm mình nàng sẽ vừa gọi hầu phòng mang thực đơn mới nhất lên... Đang tính toán thời gian biểu cho tối nay, bỗng nàng bật dậy. Có một điều gì đang thu hút sự chú ý của nàng. Đó chính là những viên gạch lát nền ban công. Nàng nhìn kĩ những viên gạch. Cả vùng những viên gạch quanh chỗ nàng nằm tự đứng từ vàng chanh biến sang màu ô liu từ lúc nào không biết. Chỉ một vùng quanh chỗ nàng thôi. Kỳ lạ quá, sao ở đây bao nhiêu ngày mà nàng không nhận ra điều này. Nàng nhìn mãi, nhìn mãi mà quên cả thời gian đang trôi chậm chậm trên mặt vịnh, đang trôi trên những mảng tường của các biệt thự ngoài kia. Những viên gạch đổi màu từ lúc nào nhỉ. Nàng đứng dậy bước đi mấy bước. Quảng màu ô liu cũng chuyển động theo. Đầu độ vài chục phút sau thì nền gạch trở lại màu vàng chanh như vốn có.

Mãi tới tận chín giờ đêm chồng nàng mới trở về. Vẫn chưa hết bàng hoàng, nàng hỏi ông chuyện ăn tối. Nàng vẫn giữ được thói quen chăm sóc chồng theo bốn phận. Ông bảo với nàng rằng đã ăn ngoài phố với bạn bè. Ông xin nàng để yên cho ông nghỉ. Và nàng cũng chỉ mong có vậy.

Sáng hôm sau, chờ cho chồng hôn tạm biệt, nàng lại vội vàng đi ra ban công. Những viên gạch lát nền kia vẫn là màu vàng chanh. Nó như chưa từng có màu ô liu như nàng đã thấy chiều qua. Phải chăng nàng đã hoa mắt, phải chăng đó là ảo ảnh. Chỉ đến lúc, như thường lệ, khi người đàn ông da đen mệt mỏi lê bước ra về, nàng lại ra ban công. Và... một vùng



quanh chân nàng bỗng lại chuyển hẳn sang màu ô liu như chưa từng có màu khác. Đứng thử người một lúc, trong óc nàng vụt sáng, lóe lên một điều gì đó mà nàng chưa thể định hình.

Ngày hôm sau, trước lúc lao bổ vào nhau nàng làm như vô tình kéo người đàn ông ra đứng ngoài ban công để bí mật tìm sự đối chứng từ màu của những viên gạch. Té ra chỉ sau lúc họ ân ái, gạch mới chuyển màu. Không chỉ riêng nàng mà với người đàn ông mới của nàng cũng vậy. Quanh chỗ anh ta đứng cũng xanh thắm màu ô liu. Họ đứng thêm độ một tiếng đồng hồ sau thì gạch lại trở về màu vàng như cũ. Thật may là người tình của nàng không để ý đến điều đó. Như vậy là đã rõ. Có những lần người tình của nàng sang nhưng họ chỉ âu yếm nhau. Anh ta bảo vừa mới chiều vợ nên không thể, và tất nhiên gạch nền không chuyển màu.

Nàng cố ghìm tiếng reo lúc này đang muốn bật ra. Phát hiện của nàng thật kì lạ. Chẳng biết điều này có áp dụng được với chồng nàng hay không.

Hai ngày sau nàng giao hẹn với người tình rằng hãy xa nhau tạm mấy ngày. Người đàn ông da đen cũng chẳng khó khăn lắm khi gạt đầu. Và nàng bí mật đi gặp những người đàn ông mới quen. Chẳng khó khăn gì để nàng có những cuộc ái ân với họ. Lâu nay họ đang rất thèm khát nàng và bằng nhiều cách họ cho nàng biết rằng lúc nào đó, nếu nàng cần, họ sẽ... Những cuộc ái ân thử nghiệm đã cho nàng sự thành công như dự đoán.

Sáng hôm sau chồng nàng bảo, hôm nay sẽ ở nhà cùng nàng. Nàng reo lên rồi lao vào âu yếm chồng. Nàng tìm mọi cách để khơi dậy sự hứng khởi nơi ông. Nàng nhắm mắt và cố tưởng tượng bên cạnh nàng đây là người tình da đen và những người đàn ông mới gặp đã làm thỏa mãn cơn hứng tình của nàng. Kỳ lạ thay, hôm nay chồng nàng cũng tỏ ra cuống quýt đáp ứng một cách nồng nhiệt sự khao khát của nàng. Xong,

dù chồng đang mệt mỏi, nàng vẫn cố dìu tay ông và bảo rằng ra nhìn mặt biển thoáng đãng sẽ dễ chịu hơn... Nàng để ý nền gạch và thấy rằng chẳng có gì khác. Chồng nàng kêu mệt và đi nằm trước, một mình nàng nán lại một lúc, nền gạch cũng vẫn chẳng có gì khác. Nhận định của nàng đã được kiểm chứng. Phát hiện của nàng thật quan trọng. Nàng sững đến phát điên nhưng không thể nói cho ai biết. Dù đó là người tình da đen của nàng.

Hôm sau chồng nàng ra đi từ lúc mặt trời chưa nhô khỏi mặt biển. Và nàng lại treo áo choàng lên gần cửa sổ. Màu gạch ban công lại chuyển từ vàng sang ô liu. Buổi chiều chồng nàng trở về, và cũng chính chỗ ông đứng màu gạch cũng đã chuyển. Tối đó ông kêu mệt đi nằm sớm... Các ngày tiếp đó, nàng nói đúng chuyện hôm nào ông có đàn bà, hôm nào không. Nàng nói chính xác đến độ ngài tì phú già không thể hiểu nổi tại sao lại như vậy. Thành phố này khá rộng. Hơn nữa ông từng đến Băng Cốc, từng lên Chiềng Mai... Những ngày sau ông luôn kiểm tra cặp, túi áo túi quần, kiểm tra rất kỹ mỗi lúc lên xe cơ mà. Tại sao? Tại sao? Chẳng lẽ vợ ông có đôi mắt thần. Đôi mắt thần gắn chặt sau gáy ông? Ông cảm thấy căng thẳng, căng thẳng đến nghẹt thở. Mặc dù nàng cư xử với ông vẫn bình thường như mọi ngày. Thậm chí nàng còn tỏ ra dịu dàng, có lúc còn pha chút hài hước khiến ông khó xử...

Chờ cho ngài tì phú lên xe lướt ra khỏi cổng khách sạn, nàng mới lững thững bước xuống tiền sảnh. Như vô tình dạo chơi, nàng đi loanh quanh khu nhà. Đây là khu biệt thự mới được xây dựng chưa lâu. Dấu vết là một số ít vật liệu thừa hãy còn chất đống trong cái kho khá xa phía sau, nơi có con đường mòn dẫn vào rừng cây. Nàng nhặt một mảnh đá, loại đá lát nền khách sạn. Vẫn là cái màu vàng chanh được đánh bóng lộn đến độ nàng vẫn thấy được khuôn mặt kiêu diễm của mình. Nàng ghè lấy một mảnh nhỏ. Đây đúng là một loại đá quý, chỗ vỡ ra của viên gạch cho thấy cấu trúc mạng tinh thể của nó. ánh sáng phản chiếu từ vết vỡ tạo nên

một vùng giao thoa nhỏ thật lung linh và huyền ảo. Vội vàng bỏ mảnh đá vào túi xách, nàng thong thả trở về phòng nghỉ. Việc trước tiên là nàng bước lại cửa sổ treo lên đó chiếc áo choàng thường ngày. Người tình của nàng lại đến. Và điều như mọi khi đã xảy ra đối với mẫu đá. Tất nhiên nàng không để cho người đàn ông da đen biết việc nàng làm. Chiều đến ngài tỉ phú về và nàng cũng phát hiện ra điều tương tự. Rõ ràng chồng nàng hôm nay đã có một người đàn bà nào đó chỉ cách biệt thự chưa tới một giờ xe chạy. Ông ta không cần ý tứ ngượng ngập, uể oải vào buông tẩm rồi ra đổ mình ngay xuống giường ngủ.

Nàng kín đáo mỉm cười và có một tối thao thức.

Sáng hôm sau nàng đòi ông trở về nước mà không cần phải đưa ra lý do.

Về nước, việc trước tiên là nàng đề nghị ly hôn. Ngài tỉ phú biết rằng không thể cứu vãn được tình thế. Vợ ông đã biết được quá nhiều chuyện bẽ bối tình ái của ông.

Vụ ly hôn đã đưa lại cho nàng món tiền khổng lồ đúng như dự định.

Nàng quay trở lại đất Thái và mua lại toàn bộ khách sạn có năm tòa biệt thự cùng mấy chục mẫu khuôn viên bao gồm nhà kho, thảm cỏ, tường rào và cả rừng cây phía sau đồi. Tưởng rằng qua trận sóng thần khủng khiếp vừa xảy ra, giá bất động sản ở đây sẽ hạ. Nhưng không. Chỉ sau thời gian ngắn, khách du lịch khắp nơi đã lại đổ về đây. Và cái giá nàng phải trả để có cả khu nhà nghỉ này chẳng phải nhỏ. Nhưng có hề chi so với số tiền nàng có. Khi thủ tục mua bán đã xong, nàng thuê một ekip điều hành và quản lý mới. Điều nàng quan tâm lúc này không phải là thu từng đồng tiền còm qua việc cho thuê phòng và các dịch vụ khác. Nàng chỉ muốn bảo quản không được sơ sẩy bất cứ điều gì cho toàn khu vực. Một người đàn ông đã được nàng chọn và được nàng trả lương rất cao để làm việc đó. Ông ta cho nàng biết rằng loại đá có màu vàng chanh

dùng lát sàn nhà được nhập từ Việt Nam khi nàng như vô tình đưa ra những lời nhận xét.

Nàng có một chuyến đi Việt Nam cấp tốc. Tất nhiên chẳng ai biết được người đàn bà có sắc đẹp đầy quyến rũ này đang âm mưu điều gì. Rõ ràng chưa một ai phát hiện ra bí mật của nàng, cũng như chưa ai biết được bí mật từ loại đá được mua từ Việt Nam đó. Nàng đã được khảo sát toàn bộ khu vực mỏ đá lộ thiên ấy từ trực thăng. Đó là một vùng núi đá nằm giữa một vùng heo hút và cằn khô phía tây. Chưa thể xác định chính xác trữ lượng của nó nhưng rõ ràng đủ cho mọi dự tính của nàng. Ký kết sơ bộ xong với phía đối tác, nàng quay trở lại đây.

Và chiều nay, vẫn trên tiền sảnh của tòa nhà. Tòa biệt thự mà nàng và người tình da đen đã có mối tình sét đánh và những cuộc mây mưa nghiêng ngả đất trời. Khi mọi việc đã được thu xếp ổn thỏa, vẫn trên chiếc xích đu cũ, nàng nằm ườn mình và phơi ra tấm thân lồ lộ mà ngắm nhìn trời biển. Mới đó mà gần một năm trời trôi qua. Khi phát hiện ra điều bí mật từ những viên đá kì diệu này và hối thúc ngài tỉ phú trở về thì nàng phải trải qua nỗi sợ hãi đến thót tim. Toàn bộ khu vực này đã bị một trận sóng thần khủng khiếp và rồi tưởng chừng như không còn ai dám bén mảng tới đây, ấy vậy mà... Chúa đã phù hộ nàng. Nàng mỉm cười. Khung cảnh của cái phòng nghỉ sang trọng này đang nhắc nàng nhớ tới cuộc tình ấy. Chính người đàn ông da đen tội nghiệp đã vô tình mang lại cho nàng món lợi kếch xù trong tầm tay. Giờ này anh ta ở đâu. Đã từng trải qua những mối tình chớp nhoáng nhưng có lẽ người da đen ấy vẫn để lại ấn tượng mạnh mẽ nhất trong nàng. Nhưng hãy tạm dẹp anh chàng da đen tội nghiệp và đáng thương kia sang một bên. Nàng đang tính toán cho bước đi tiếp theo. Không thể để cho nguồn đá quý giá ấy vào tay kẻ khác trước khi nàng sử dụng chúng để sinh lợi. Nguồn vật liệu quý giá ấy nhất định phải là của nàng. Nhất định là thế. Nguồn tài chính của nàng cho phép nàng thực hiện bất cứ điều gì nàng muốn. Bất

chợt một nỗi lo sợ choán ngập trái tim nàng. Biết đâu điều bí mật từ loại đá kia cũng đã được phát hiện. Không, không thể như vậy. Nàng được biết rằng lô hàng đầu tiên được chế tác từ loại đá đó chỉ duy nhất được xuất sang đây. Còn lại được bán trong nội địa. Nàng không tin là người Việt Nam sẽ phát hiện ra điều bí mật ấy. Người Việt Nam không có thói ngoại tình. Mọi người đều đang lo vật lộn với cái ăn cái mặc. Họ đâu có thì giờ, tiền bạc mà trăng hoa... Hơn nữa, nếu cần nàng sẽ trả họ giá gấp đôi, gấp ba...

Trong cơn phấn chấn, nàng bật dậy, miệng huýt sáo điệu Tăng-gô quen thuộc. Chà, giá như bây giờ lại được treo lên cửa sổ cái áo choàng nhũ... Chia tay nhau, chưa một lần nàng liên lạc với anh ta. Giờ đây nàng cảm thấy hối hận. Có thể anh ta đang quanh quẩn đâu đây... Tiếng chuông cửa đột ngột vang lên, cắt đứt luồng suy nghĩ của nàng. Có lẽ nào... Cố ghìm cơn hồi hộp, nàng lê bước ra mở cửa. Ngài tử phú đứng chờ nàng đã khá lâu. Bên cạnh ông là một thiếu nữ xinh đẹp, trẻ trung. Ông như trẻ ra cả chục tuổi bên cạnh cô vợ mới. Nàng há hốc miệng quên cả việc mời khách vào nhà. Không đợi nàng định thần, ngài tử phú đến báo cho nàng một tin chẳng vui về gì. Té ra cái bí mật của nàng đã được ông phát hiện từ dạo đó. Ông cho nàng biết rằng người Việt Nam cũng đã phát hiện ra điều đó từ khá lâu. Những mặt hàng mà họ chế tác từ loại đá đó hiện giờ đang ế ẩm trên thị trường thế giới. Bởi một điều mà nàng không hề nghĩ tới. Sự đổi màu của đá không những tố cáo đàn ông mà nó còn tố cáo cả đàn bà.

Nói xong điều đó, ngài tử phú khoác tay người vợ trẻ quay bước.

Trên tiền sảnh, nàng cựa hoa hậu đứng như trời trồng.

Ngoài kia, ánh chiều vẫn đang trôi chậm chậm trên nóc các biệt thự. Và những cặp tình nhân cũng như một lũ, đang lại diu nhau trở về.

*Tháng 1-2007*

*N.N.L*

H Ư Ớ N G     D Ư Ờ N G

# Khách sạn đá trắng

(SH số tháng 6 - 2007)

Mùa đông năm ấy tôi phải đi công tác tại một thành phố nhỏ ven biển. Khách sạn tôi trú chân nằm trên một ngọn đồi, nó không sang trọng, bề thế như nhiều khách sạn khác. Nhưng bù lại, nó hướng mặt về phía đại dương. Địa điểm này thật sự lý tưởng cho khách du lịch vào mùa hè, còn mùa đông thì chỉ có những người đặc biệt hay những công việc đặc biệt người ta mới tìm đến đây nghỉ lại. Một người bạn thân đã cho tôi địa chỉ của nó. Tôi khá hài lòng nếu như bạn hàng của tôi không bắt tôi chờ bão tan rồi mới đáp máy bay đến ký hợp đồng.

Bận rộn thường xuyên, bây giờ ngồi đếm thời gian trôi, tôi mệt mỏi, chán nản. Sau hai ngày lội mưa đạo bộ, cái thành phố bé tẹo đã được tôi khám phá. Công việc hàng năm phải chật vật là chọn quà Giáng Sinh cho vợ con, tôi cũng đã hoàn thành xuất sắc.

Mưa lớn giam chân tất cả các khách du lịch tại nhà hàng trong khách sạn. Tôi tìm đến một cái bàn khuất sáng, gọi một chai vang và một con cá hồng nướng cho bữa ăn chiều. Vừa nhâm nhi tôi vừa đảo mắt quan sát những người có mặt. Gần quầy rượu là hai người đàn ông, tôi đoán là thương nhân, trước mặt họ là chai Rémy. Bàn phía bên phải chắc là

một gia đình, có một người đàn ông, một phụ nữ và hai đứa trẻ. Gần họ là bàn của một đôi trai gái, vừa ăn vừa nhìn nhau say đắm - Một cặp tình nhân hay đôi vợ chồng mới cưới - Vừa nghĩ, tôi vừa mỉm cười một mình. Sôi động nhất là bàn đối diện, một đám phụ nữ vừa ăn vừa nói chuyện rôm rả.

Bữa ăn của tôi diễn ra buồn tẻ và tôi không thấy ngon miệng chút nào. Kêu tách trà kết thúc buổi chiều, tôi dợm đứng dậy về phòng thì phải ngồi xuống vì đèn đột nhiên tắt ngóm. Vài phút trong bóng tối, không ai lên tiếng, chỉ có gió mưa rền rĩ trên mái nhà. Một giọng đàn ông phá tan giây phút ngán ngùi ấy:

- Thắp đèn lên!

Một vài đốm lửa lóe lên. Sau đó có 3 cây nến được đốt sáng. Cô phục vụ chậm rãi từ phía sau quầy mang đèn tiến ra phòng ăn.

- Mỗi bàn 1 cây! Giọng nói vừa nãy tiếp tục.

- Thưa ông, sợ không đủ. Cô gái đáp lại rất nhỏ.

- Mang ra bàn khách! Khỏi để trên quầy! Tìm tiếp nến đi! Bão này mất điện lâu đấy!

Cô để hai cây nến ở bàn rộng nhất, còn một cây cô để lên cái bàn trống giữa phòng. Tôi thầm nhủ: cô bé khéo ra phết! Trở lại sau quầy rượu, cô gái loay hoay một hồi nhưng không có thêm cây nến nào được thắp. Giọng ông chủ không giấu nổi bức dọc:

- Chậm như rùa!

Có lẽ để khỏi khó xử, một phụ nữ lên tiếng đề nghị:

- Mọi người lại ngồi với chúng tôi cho sáng.

Tiếng ai đó đáp lại:

- Một ý kiến hay đấy!

Những phụ nữ nhanh nhẩu lấy ghế xếp quanh bàn mình. Hai người đàn ông cầm theo chai rượu, ly uống, bước sang. Bọn trẻ bưng đĩa thức

ăn đã vui đi một nửa đến bàn lớn. Cặp tình nhân chắc đã ăn xong nên chẳng mang gì, đi qua bàn giữa phòng, chàng trai bưng luôn cây đèn sang bàn chung. Tôi ngồi im, quan sát. Người đàn ông mặc áo dạ đen, trạc tuổi trung niên hướng về phía tôi:

- Anh ở phòng 201 đến đây cho vui, được không?

Bấy giờ tôi mới biết một trong hai người đàn ông ngồi gần quầy rượu là chủ khách sạn. Trước đề nghị của ông tôi ngần ngừ, chợt hiểu rằng nếu mình về phòng có nghĩa là sẽ chiếm đoạt một trong ba cây nến đang thấp sáng nên tôi thấy tốt nhất là ở lại, miễn cưỡng, tôi bước tới ngồi cùng mọi người.

Không khí buổi tối mùa đông trở nên ấm cúng lạ thường. Tất cả đều có cảm giác như đã quen biết nhau từ lâu lắm rồi. Sau những câu chuyện phiếm, người phụ nữ mặc áo len tím quay về phía ông chủ khách sạn:

- Nghe nói dưới vực Đá Trắng có nhiều ma lắm phải không anh? Cô vừa hỏi vừa mỉm cười duyên dáng.

Hai đứa trẻ nghe có ma, vừa co rúm người vừa tròn mắt hoảng sợ như nhìn thấy ma thật. Người mẹ cúi xuống thăm thì điều gì đó với chúng mà tôi không nghe rõ. Thấy vậy, ông chủ cười lớn và quay sang nói cho chúng an lòng:

- Làm gì có ma, toàn là đồn đại bậy bạ của mấy đứa cạnh tranh vốn thối mồm, thối miệng.

Người phụ nữ vừa lên tiếng hỏi tỏ ra đã đến đây không chỉ một lần hoặc đã tìm hiểu khá kỹ về khách sạn này nên cãi lại:

- Tôi nghe nói có nhiều người chết mà!

- Ủ! Ông chủ gật đầu xác nhận. Chắc chỉ đợi có thế, cô ta nở một nụ cười đắc thắng. Còn người đàn ông tiếp lời: vì vậy tôi đổi tên khách sạn này.

Chàng trai góp chuyện:



- Thời đại bây giờ, cái tên cũng quan trọng lắm đấy!

Nghe lời nhận xét của anh ta, ông chủ vội cải chính:

- Không phải tôi theo thị hiếu chuộng tên ngoại đầu mà việc đổi tên có liên quan đến người đã chết.

- Thật vậy sao? Tự tử hay giết người... có kinh khủng không? Một phụ nữ ngồi sát cô áo tím quay hỏi ông chủ.

- Ôi! Biết thế ai mà dám tới nữa. Giọng một người đàn bà rên rỉ và pha chút ân hận.

Người đàn ông nhận diện được người vừa nói và quay về phía ấy.

- Ngược lại thì có, chắc chắn nếu chị nghe câu chuyện chị không chỉ đến đây một lần.

Trí tò mò của đám phụ nữ nổi dậy, họ thi nhau mở miệng yêu cầu người chủ kể chuyện người chết. Tôi hơi buồn cười nhưng không có ý kiến gì về những việc tầm phơ, tầm phào. Song, biết làm gì khi mất điện như thế này. Tôi nhìn ông chủ khách sạn. Ông xoay ly rượu trong tay, nhìn thật lâu vào thứ nước vàng sánh, tợp một ngụm lớn. Ông ngước lên, nhìn mọi con mắt đang đổ dồn về mình. Rồi ông khẽ cúi đầu và kể.

Cách đây năm năm tôi chỉ là người quản lý của khách sạn này. Các vị thấy đấy, nó có to lớn, hoành tráng gì cho cam, tôi kiêm nhiệm đủ việc. Ông chủ tin tôi vì nhiều lẽ, nhưng ông ấy khoái nhất là khả năng thuộc mặt khách của tôi, dù có lúc đông tới gần năm chục người. Sở dĩ tôi có được điều ấy là vì ngay lúc khách đến thuê phòng tôi cố tìm một đặc điểm nào đó để ghi nhớ. Nhưng người mà tôi muốn nói với các vị lại rất bình thường. Một phụ nữ trung niên hiền lành, nhân hậu. Bà ta sẽ bị tôi quên ngay nếu như không đến đây nghỉ đông một mình và trả trước tiền phòng một tháng. Tôi ngạc nhiên về việc ấy và được bà giải thích rằng do công việc nhiều khi phải giải quyết đột xuất sợ không kịp thanh toán. Tôi chấp nhận vui vẻ và nghĩ rằng bà sẽ bận rộn vô cùng. Nhưng thật ngạc

nhiên khi tôi thấy bà ít khi ra khỏi phòng hoặc xuống dùng bữa cũng chẳng chuyện trò với ai. Điều ấy làm tôi hoài nghi và tôi nói với ông chủ. Ông dặn tôi phải theo sát bà ấy hơn và khi thấy có hành động mờ ám phải báo ngay cho cảnh sát. Tôi tìm cách gần bà nhiều hơn khoảng cách của một người phục vụ với khách hàng. Bà không mấy may một chút nghi ngờ mà dường như còn cảm kích trước thái độ của tôi. Có một lần bà ra ngoài đi dạo, dù trời mưa, tôi bí mật đi theo. Bà đến vực Đá Trắng đứng một lát rồi về, không gặp ai và cũng không mua sắm gì. Việc đi dạo chắc khiến bà ta mệt mỏi, tôi thấy bà ta thở dốc, thần thờ, vào đây kêu một tách trà gừng. Tôi mang trà đến và chủ động bắt chuyện:

- Mưa quá chị nhỉ.

Người đàn bà không đáp lại lời nhận xét của tôi mà chỉ cảm ơn về tách trà nóng. Con bé phục vụ rảnh rang ngồi bên bàn mở mồm rên rĩ:

- Mưa với gió mãi, não cả ruột, chán cả đời!

Tôi ngồi xuống chiếc ghế đối diện với nó nhưng cũng gần bà ấy và trách:

- Than vãn suốt ngày. Sống chỉ có than thở thì sống làm gì?

Tôi nghe bà ta lẩm bẩm một mình: “Cuộc sống đâu chỉ có lời than...” Dĩ nhiên là bà không thể biết tôi đang theo dõi bà nên không nghĩ là tôi lắng nghe lời bà nói. Được thể tôi vừa trách con bé vừa quay sang nói với bà ấy:

- Chị thấy không, nó than vãn suốt mà trời có bớt mưa bớt lạnh và khách có tăng thêm đâu nào! Ích gì, chấp nhận có phải tốt hơn không?

- Anh nói đúng. Bà đáp lời tôi và gật đầu tán đồng.

Con bé bức bối đi vào bếp nhưng tôi vẫn vói theo nó, tỏ ra là người từng trải, thạo đời:

- Có biết bao nhiêu điều xảy ra mà ai lường trước được, không chấp nhận không xong. Ai cũng có giây phút oán trách cuộc đời nhưng mấy ai dám từ bỏ nó đâu.

Con bé phục vụ không muốn tôi lên lớp nữa nên tự động mang đến một bình trà đặt trên bàn của người đàn bà nọ, dỗ ngọt tôi:

- Thôi, ông lại đây dùng trà cùng khách. Em nghe đủ rồi.

Bà tự nhiên nhìn tôi, đồng tình bằng cái gật đầu nhẹ. Tôi kéo ghế gần bàn hơn và rót trà, vừa nhấp vừa nhìn mưa rơi. Bà ta cũng thế. Một lúc sau, bà quay sang hỏi tôi một cách kỳ lạ:

- Theo anh, người ta sinh ra để làm gì?

Tôi buột miệng:

- Để chết đi... À! Để sửa soạn cho cái chết một cách đàng hoàng. Tôi nhớ mình đã nghe ai nói như thế và muốn chứng tỏ mình là người có học thức.

Bà mỉm cười, trầm ngâm bảo:

- Đàng hoàng hay không thì ai cũng chết cả. Có khi cái chết lại là một ân sủng?

- Tùy, không phải ai cũng thế. Dù cái chết là tất nhiên.

Bà gật đầu, im lặng. Đột nhiên, tôi nhìn vào đôi mắt của bà ấy. Đôi mắt mở to không chứa một vật cụ thể nào mà nó đang định hướng ở một nơi thật xa, rất xa. Đó là một thế giới mà tôi không hiểu nổi. Trong đôi mắt ấy chứa đựng biết bao hạnh phúc, khổ đau, cô đơn và tuyệt vọng... mà lại rất thanh thản... nó như một sự chờ đợi. Tôi chợt hiểu nó không phải là đôi mắt bình thường mà là đôi mắt chứa bóng dáng tử thần. Dù là linh cảm nhưng tôi tin chắc vào điều ấy.

Tôi hoảng sợ nên an ủi:

- Con người không nên tuyệt vọng. Dù gì thì cuộc sống vẫn là điều đáng quý nhất!

Bà cúi đầu thấp xuống, thăm thì:

- Tôi hiểu và hiểu rõ hơn anh. Nhưng cái gì có vay thì phải trả. Bất giác bà nắm tay tôi, xiết mạnh. Bàn tay đang chờ lưỡi hái của định mệnh, lạnh tanh.

- Chị... chị có cần gì không? Tôi hết hoảng hốt.

Bà bình tĩnh đứng dậy, nhìn tôi như thương hại, rồi nói:

- Không, tôi có sao đâu. Tôi về phòng đây.

Bà bỏ đi nhẹ nhàng, khoan thai mặc dù tôi ngồi lặng im, nhìn theo. Bóng bà khuất dần sau lùm cây nhưng tôi thật sự bị ám ảnh. Nếu có chuyện gì xảy ra thì tôi sẽ bị đuổi việc ngay, mà đó là điều tôi không muốn. Đến giờ ăn chiều, bà ta không xuất hiện. Lúc ấy tôi lo hãi quá. Lấy ít thức ăn và một chai nước tôi tìm đến phòng bà ở. Vừa đi vừa cầu nguyện run rẩy, hồi hộp gõ cửa, suýt nữa cái khay rơi khỏi tay. Bà mở cửa, bật cười trước hành động lóng ngóng của tôi. Trông bà xanh xao đến tội nghiệp. Như thanh minh cho hành động đường đột này, tôi nói:

- Tôi sợ chị mệt nên mang thức ăn đến cho chị.

Bà bước vào phòng, ngồi ở chiếc ghế gần cửa sổ, nhìn tôi:

- Cảm ơn anh, tôi không đói.

Thấy tôi vẫn đặt thức ăn lên bàn, bà mời:

- Anh ngồi chơi, nếu có thể...

Trông hoàn cảnh của bà ta, tôi không đành lòng bỏ đi. Và lại bà ấy kích thích trí tò mò của tôi cực độ. Một sự bí hiểm lẫn xót thương. Tôi ngồi xuống, hỏi thăm:

- Hình như chị đang chờ ai đó?

- Vâng tôi chờ con gái tôi... và tôi chỉ sợ nó đến muộn...

Rõ ràng, ở tuổi này bà ta không còn đi làm nữa. Bà nói thế là có ý gì? Lẽ nào người ta có thể biết trước giờ chết của mình? Hay bà định làm một chuyện rồi đại... Suy nghĩ rối bời và tôi nhìn bà soi mói. Thấy ánh mắt ấy, bà cười:

- Con tôi sống ở nước ngoài, bảy năm rồi.

À ra thế! Tôi thầm nghĩ. Nhưng đợi con về thì việc gì phải tìm đến đây

thuê phòng cho tốn tiền. Trong căn cước dưới lễ tân thì bà sống cách đây hơn 600km. Là thật! Phải chi là mùa hè thì còn có lý.

Bà định nói tiếp một điều gì đó thì một cơn ho bất thần kéo đến. Nếu các vị trông thấy một người ho như thế thì không thể cầm lòng được. Đó là chuỗi dài của âm thanh thoát ra từ lồng ngực như kéo theo cả tim, phổi, ruột, gan ra ngoài. Nước mắt, nước mũi rùng rùng, toàn thân bà run rẩy. Tôi phải đến an ủi bằng cách vỗ nhẹ nhằm làm giảm cơn ho lại. Bà cúi gập mình, một tay ôm ngực, một tay ôm miệng và lấy khăn lau vệt vãi. Tôi nhìn xuống chợt nhận ra từng vệt máu loang lổ chiếc khăn tay. Đợi dứt cơn ho tôi mới lên tiếng:

- Chị nằm nghỉ đi, để tôi đi tìm bác sĩ.

Người đàn bà xua tay, ngẩng đầu, nhìn tôi van lơn:

- Không, tôi không sao, khỏe ngay thôi mà.

Bà cố nở một nụ cười, nụ cười méo mó đón đau, để trấn an tôi. Tôi dìu bà lên giường và kéo chiếc ghế gần sát giường hơn rồi ngồi xuống. Nhận ra cử chỉ ấy, bà thì thào:

- Thật làm phiền anh quá!

Tôi cuống quýt trả lời:

- Chị cần gì, tôi sẽ giúp chị, chị cứ nghỉ cho khỏe đi.

Mắt bà long lanh nhìn tôi, đầy vẻ hàm ơn. Rồi bà với tay lên đầu giường lấy một chiếc bóp nhỏ. Mở ra và đưa cho tôi một tấm danh thiếp đã cũ. Vừa đưa cho tôi bà vừa nói:

- Tôi chỉ sợ không kịp đưa cho con gái tôi cái này. Nhờ anh chuyển giúp và nói với nó rằng: Đây là địa chỉ của bố nó.

Ngạc nhiên, tò mò, tôi hỏi lại:

- Con gái bà chưa biết mặt cha sao?

Bà đáp lại, đượm buồn:

- Cả bố nó cũng không biết sự hiện diện của nó ở cõi đời này. Nó là món quà của Chúa.

Tôi cầm tấm danh thiếp đã sờn, nét chữ đã không còn thấy rõ, địa chỉ lại càng không thể. Vả lại, quái lạ là bà ta có một đứa con với một người đàn ông, ông ta không thừa nhận mà bà ấy nói là món quà của Chúa. Thật không hiểu nổi. Nhận ra vẻ hoài nghi ở tôi, bà trầm ngâm:

- Cảm ơn anh về mọi việc. Anh... anh có nghĩ rằng... có những điều con người không thể giữ một mình... suốt đời... Câu cuối cùng bà nói khó khăn trong cơn thở mệt nhọc.

- Vâng, tôi gật đầu thừa nhận. Rồi nói tiếp: có những điều nói được thì nói xong sẽ nhẹ lòng biết bao.

Bà nhìn sâu vào mắt tôi, hỏi nhỏ:

- Anh nghĩ thế thật sao?

Tôi gật đầu lần nữa. Bà trở mình và ngồi dậy, lưng dựa vào thành giường... Rồi bà bắt đầu nói, không phải với tôi mà nói với mình hay với một bóng hình nào đó. Tôi ngồi im, không dám thở. Giọng bà trở nên rành rọt, xa xăm như tiếng vọng về trong cõi hư vô...

Anh có tin rằng, có những người ngay từ lúc chào đời đã mang trọng tội không? Rất nhiều năm tôi đã tin vào điều ấy. Và tôi đã bị đóng đinh bằng những lời nguyện. Khi mẹ có mang bà nội tôi đi xem bói và được ông thầy báo cho biết tôi xung khắc với nhiều người trong gia đình. Nếu sinh tôi cha mẹ sẽ gặp chuyện chẳng lành. Mọi người đều không muốn có tôi, trừ mẹ. Mẹ đã đánh đổi cả mạng sống của mình, ngay sau khi sinh tôi một ngày mẹ đã qua đời. Ai cũng tin rằng sẽ còn nhiều chuyện xấu xảy ra nên nói bố gửi tôi cho ông bà ngoại. Sau đó, bố tôi lấy vợ khác. Chắc chắn mẹ là một người tuyệt vời nhất trên thế gian này nên mọi người không thể quên được. Còn tôi lại trở thành kẻ tội đồ trước mắt họ. Tôi muốn xóa đi những thành kiến của mọi người bằng tất cả sự nỗ lực, ngoan ngoãn, vâng lời... Bà ngừng một lát rồi nói trong suy tưởng... Con

người thật lạ, bao nhiêu kỷ niệm êm đềm không nhớ mà những lời rửa nguyên lại như tạc trong lòng. Vậy nên, tôi chỉ chờ lớn lên để không là gánh nặng của ông bà, dù có lúc, tôi đã tìm đến cái chết. Nhưng lần nào cũng vậy, khi tôi bắt đầu huỷ hoại mình thì mẹ lại hiện về. Mẹ bảo tôi rằng: “Mẹ đã cho con cuộc sống. Con không thể huỷ hoại nó được. Đó là một tội lỗi không thể tha thứ...” Có thể tôi đã quá ích kỷ và nhỏ nhen khi không biết bỏ qua tất cả?

Tôi khẽ lắc đầu phủ nhận câu nói của bà, nhưng bà không để ý. Bà vẫn tiếp tục câu chuyện...

Ông tôi mất năm tôi mười chín tuổi, di đem bà về ở cùng và tôi phải lấy chồng. Chữ “phải” nghe buồn cười, nhưng thực sự là như vậy. Con gái ở thôn quê qua tuổi hai mươi mà chưa có ai dòm ngó thì ế suốt đời, trong khi đó, mọi người đang muốn bán nhà. Tôi lấy chồng hồn nhiên và đơn giản. Anh ấy là người hiền lành, ốm yếu. Lúc bấy giờ tôi mới thấy cuộc sống bớt nặng nề. Nhưng sống được ba năm, chồng tôi đột ngột qua đời. Chuyện về tôi từ ngày xưa, không biết ai nói ra mà nhà chồng xem tôi như là nguyên nhân của cái chết bí ẩn ấy. Họ đối xử một cách tệ bạc, tôi cắn răng cáng đáng mọi công việc để đổi lấy một chốn nương thân. Sau đêm giỗ đầu cho chồng, cả gia đình họp lại và mẹ chồng tôi bảo:

- Con hãy đi kiếm một người để tái giá. Con không hợp với gia đình này. Với lại, em con chuẩn bị cưới vợ.

Tôi không nghĩ đến điều ấy và bày tỏ rằng tôi muốn ở lại với họ đến cuối đời. Nói qua lại một hồi, không chịu đựng được nữa mẹ chồng chỉ tay vào mặt tôi và bảo:

- Cô muốn ở đây hết đời mà báo hại nhà tôi sao? Cô hại mẹ cô, chồng cô chưa đủ chắc, cô còn định bỏ bùa cho cả nhà tôi chết hả? Thử “gái độc không con” chả khác gì yêu tinh!

Tôi sững sờ, chết lặng, rồi hiểu ra, đành gật đầu chấp nhận. Họ đưa

cho tôi ít tiền và tôi ra đi. Tôi đi lang thang một ngày trời mà vẫn không hiểu điều gì đã xảy ra với mình. Đêm đó tôi ghé vào một quán trọ nghỉ lại. Sức nhớ đến lời hứa của mẹ chồng, tôi lôi chiếc bùa ở cổ ra xem thử. Đó là chiếc bùa bà ngoại bảo mẹ đã quàng cho tôi từ lúc tôi chào đời. Chiếc bùa là một bộ phận trong cơ thể tôi, người ta không bao giờ mở bùa ra xem vì như thế sẽ mất thiêng. Nhưng tôi vẫn quyết định tháo bùa ra xem thử. Anh có biết trong đó có gì không? Không phải là những dòng chữ loằng ngoằng của mấy thầy cúng mà trong túi vải điều là mảnh giấy báo gói hai chiếc nhẫn. Không phải vàng, không phải bạc... và tôi không hiểu vì sao mẹ có nó. Tôi không vứt đi vì đó là kỷ vật duy nhất, quý nhất mà mẹ để lại. Tôi không tin những điều bất hạnh xảy ra cho tôi lại liên quan đến kỷ vật của mẹ.

Đời có nhiều cái trở trêu thật. Bà nói và cười thành tiếng, khi đói khát người ta thèm có tiền. Vậy mà khi có tiền người ta chẳng biết làm gì với nó. Tôi cầm tiền mà chẳng thiết ăn uống gì, chợt một ý nghĩ lóe lên trong đầu và tôi quyết định tìm đến một nơi thật đẹp, thật sang trọng để chết. Tôi đã tìm đến khách sạn này, căn phòng này...

Tôi ngắt lời bà ấy vì không giấu nổi ngạc nhiên:

- Chính nơi đây ư?

- Vâng, tại đây hai mươi năm trước. Bà nói chậm, giọng quả quyết. Tôi nhìn bà, một dòng nước mắt âm thầm chảy dài nhưng đôi môi lại nở một nụ cười rạng rỡ. Giọng bà nghẹn ngào:

- Định mệnh. Mỗi con người chúng ta đều nhỏ bé dưới bàn tay của định mệnh. Giấy giụa, đáng thương, khốn khổ... Tôi nhắm tính số tiền mình có và thấy rằng mình sẽ trả được tiền phòng trong bốn ngày còn lại ăn uống thoải mái. Tôi gọi những món ăn đắt nhất, mặc dù tôi không biết nó tên là gì. Thuốc ngủ tôi đã mua để sẵn. Đêm thứ tư tôi quyết định sẽ uống. Và chiều hôm ấy, khi xuống thanh toán tiền phòng tôi chợt nảy ra ý thích đi dạo. Mưa nhỏ, trời khá tối và se lạnh. Bước chân tôi vô định



theo con đường mòn dẫn đến vực Đá Trắng. Tôi đứng lặng im bên bờ vực và giơ tay cầu nguyện xin mẹ tha thứ. Đột nhiên một bàn tay chắc như gọng kìm giữ lấy vai tôi. Đó không phải là một phụ nữ. Tôi quay người lại và gục đầu trên vai người đàn ông xa lạ khóc nức lên như một đứa trẻ. Tất cả nước mắt cuộc đời khổ hạnh lần đầu tiên được tuôn ra... Hình như rất lâu tôi mới nguôi ngoai rồi là người trên tay anh ấy. Bàn tay anh vỗ nhẹ lên tóc tôi như an ủi và dịu tôi về. Tôi đổ gục, mê man. Khi tỉnh lại, anh ấy, tôi biết chắc đó là người đã dịu tôi về, đang cúi xuống chăm những giọt mồ hôi trên trán tôi. Anh khẽ cười và nói:

- Em làm tôi lo quá, mê man hơn một ngày trời.

Tôi lặng im, khép mắt như kẻ biết lỗi. Tiếng anh vẫn rất nhỏ nhẹ:

- Đừng làm điều dại dột. Em bị cảm rồi, tôi đã mua thuốc để trên bàn. Tôi đã ghi cách dùng, ăn xong em nhớ uống thuốc nhé. Anh vừa dặn vừa chuẩn bị đứng lên.

Lần đầu tiên trong cuộc đời, tôi cảm nhận được tình yêu thương. Anh thân thiết, nhân từ như hình ảnh về mẹ mà tôi ao ước, tưởng tượng trong trí óc. Bất giác tôi vít cổ anh xuống hôn lên khắp mặt anh bằng tất cả lòng biết ơn. Thế nhưng chính lúc đó, tôi lại thấy trong mình dâng trào những cảm giác khác, những xúc cảm tôi chưa biết đến bao giờ. Tôi đã kéo anh xuống thật sát bằng một sức mạnh mà không ngờ tôi có thể có trong khi tôi đang vật vờ, ốm yếu. Anh ở bên tôi suốt đêm ấy. Sáng ra, anh không có trong phòng. Nếu không nhìn đám gối chăn nhàu nát thì tôi tưởng tất cả chỉ là giấc mơ. Tôi muốn chạy đi tìm nhưng tôi không nhớ rõ khuôn mặt anh ấy, trong khi đó lại đang mặt rã rời.

Đèn điện sáng lóa cả mắt khiến ông chủ dừng câu chuyện. Bây giờ chúng tôi mới để ý đến hai đứa trẻ đã gục ngủ trên bàn từ lâu. Bố mẹ chúng bế lên phòng, tôi cũng về phòng, chỉ còn đám phụ nữ ở lại. Họ háy mắt với nhau và cười rúc rích như những con chuột nhắt. Bước chân tôi chậm rãi theo điệu nhạc nhà hàng vừa bật lên, từng chữ của câu hát

xao xuyên hồn người: “Mưa vẫn mưa bay trên từng tháp cổ/ Dài tay em mấy thửa mắt xanh xao/... Nhỡ mai trong cơn đau vùi, làm sao có nhau...”.

Đêm. Biển rì rào không ngủ. Thỉnh thoảng từng đợt sóng đánh vào bờ đá rồi bất thần đổ ụp xuống như một thân người. Gió rin rít ngoài cửa chớp. Vốn làm nghề kinh doanh nên những câu chuyện lãng mạn không làm tôi thích thú. Nhưng tự nhiên tôi khó ngủ, tôi cố kéo chăn trùm kín đầu. Một bóng trắng nhờ nhờ xuất hiện đầu giường tôi. Đó là một phụ nữ khá xinh đẹp, cô cúi xuống bên tôi thật gần; trong bóng đêm, tiếng cô thì thầm, thổn thức: “Đâu chỉ có niềm vui mới gọi là hạnh phúc, phải không anh? Cảm ơn anh đã đến với em trong cuộc đời này. Anh yêu! Xin anh hãy nhớ rằng: Đã có một người yêu anh hơn yêu bản thân mình, ơn anh hơn ơn cuộc sống này... mãi mãi và mãi mãi...” Một bờ môi nóng bỏng áp chặt môi tôi làm tôi ngộp thở. Tôi quấy đạp và kêu gào. Giật mình tỉnh ra thì chợt biết chỉ là mơ thôi. Tôi nhóm dậy bật đèn, ngồi hút thuốc và lắng nghe biển thét gào như những lời ca tuyệt vọng của kiếp người.

Hôm sau tôi dậy quá muộn và đâm bổ ngay xuống nhà hàng. Mọi người có mặt đầy đủ nhưng ở những bàn riêng biệt. Không thấy ông chủ đâu. Ai cũng ngơ ngác nhìn nhau như muốn hỏi về một điều gì mà lại không dám mở lời. Cuối cùng chàng trai trẻ cũng lên tiếng hỏi cô phục vụ và được trả lời ông chủ đi công chuyện, chiều tối mới về.

Chẳng ai bảo ai, sau bữa chiều, mọi người đã tự xếp ghế quây lại thành vòng tròn như đêm trước. Ông chủ đãi chúng tôi một bình trà ngon rồi tiếp tục câu chuyện bằng một câu hỏi:

- Hôm qua, tôi kể đến đâu rồi nhỉ?

Một phụ nữ vừa trả lời vừa cười thành tiếng:

- Đoạn hấp dẫn nhất!

Ông gật gù, khẽ cười, giọng trầm ngâm:

- Tôi hỏi bà ta có tìm thấy ông ấy không. Bà trả lời là ngày hôm sau bà có nhờ một người dọn phòng hỏi thăm về người đàn ông có tên trong danh thiếp. Và anh ta cho bà hay rằng ông đã mang vợ vào bệnh viện vì bà ấy lên cơn đau tim. Bà lại tiếp tục một cơn ho kéo dài, kiệt quệ cả sinh lực. Tôi khuyên bà ấy nằm nghỉ nhưng bà không để ý đến sự lo lắng của tôi. Giọng bà vẫn thủ thỉ: khi biết anh ấy đã ra đi tôi bàng hoàng và hụt hẫng kinh khủng. Tôi thấy mình bơ vơ và lạc loài giữa cuộc đời, không còn nơi để về, chẳng còn gì để yêu thương. Song, chính lúc ấy tôi lại không nghĩ đến hai hộp thuốc ngủ nữa. Tôi muốn sống và thêm được sống. Tôi rời khách sạn tìm đến thành phố lớn xin việc. Làm nghề rửa bát tôi đủ sống qua ngày. Tôi định bụng sẽ cố dành dụm ít vốn liếng rồi trở về quê mua một căn nhà gần mộ mẹ để sống nốt phần đời còn lại - Rồi bà bật cười - Đến lúc cái bụng phình to ra bà chủ bảo tôi có mang tôi mới biết. Quả thực 3 năm lấy chồng không con tôi đã bị nghiễm là “tiệt đường sinh đẻ”. Ai ngờ, trời lại mang đến cho tôi niềm hạnh phúc lớn lao ấy. Bây giờ cuộc đời tôi, sinh mệnh tôi không chỉ là của riêng tôi nữa. Lúc ấy, tôi mới thấu hiểu vì sao mẹ đã không bỏ tôi theo lời khuyên của mọi người.

- Chị đã sống thế nào? Sao không về quê hay tìm anh ta? Bà lặng đi vài phút, trả lời:

- Về quê ư? Tôi mà mang cái bụng về quê thì chỉ có con đường chết. Anh đã biết rồi đấy, đàn bà chữa hoang thì chỉ có đào đất mà chôn. Mà thật ra tôi đâu có tiền để tìm về quê hay tìm bố đứa bé. Ngay cả khi rời khách sạn này tôi cũng đi nhờ một chiếc xe du lịch... Còn bố đứa bé thực ra tôi cũng tìm đến một lần. Khi trao tấm danh thiếp cho tôi, anh bảo: “Khi nào cần giúp đỡ thì hãy tìm đến địa chỉ này!” nên khi có số tiền vừa đủ tôi đã đến tìm anh, như lời anh nói. Nhưng khi đến đó, chứng kiến sự sang trọng, êm ấm của họ tôi không muốn phá vỡ. Tôi không muốn anh khó xử và cảm thấy có lỗi với người thân. Tôi trở lại chốn cũ.

- Con chị lớn chị cũng không về quê à?

- Có, cũng chỉ một lần và tôi bảo với mọi người đứa bé là con nuôi của tôi. Bà tôi đã qua đời lâu rồi, dì cậu tôi cũng đã già. Hơn thế, bây giờ tôi đã có một cửa hàng nhỏ để buôn bán.

Bà quay về phía tôi, giọng trở nên sôi nổi khác thường:

- Tôi đã làm tất cả để nuôi con khôn lớn. Giờ nó đã trưởng thành. Tôi mắc bệnh năm năm rồi nhưng không muốn cho nó biết. Song đến lúc không thể giấu được. Phải không anh?

Tôi cầm tấm danh thiếp cũ nát, lòng phân vân:

- Nhưng địa chỉ này đã lâu, liệu con gái chị có thể tìm ra không?

- Có chứ, bà khẳng định và ngồi hẳn dậy, lôi trong chiếc bóp nhỏ túi vải điều. Vừa mở túi vừa nói với tôi:

- Tôi luôn tin sẽ có ngày anh ấy trở lại đây. Nó chỉ cần nhờ người trong khách sạn để ý người đàn ông có tên trong danh thiếp và mang một chiếc nhẫn như thế này.

Bà lấy chiếc nhẫn trao cho tôi, chiếc nhẫn cũ mòn hình một nửa trái tim lỗi lổm như một vết cắn. Lòng tôi quặn thắt, mặt tái nhợt, thật may làm sao là bà không nhận ra. Bà vẫn tiếp tục dòng hồi ức:

- Tôi đã muốn đến đây nhiều lần vì tôi luôn tin rằng sẽ có ngày gặp lại anh ấy. Nhưng tôi đợi, tôi đợi đến lúc con gái tôi thành đạt nên người tôi sẽ dắt nó đến trước mặt bố nó và nói rằng: Anh yêu thương, em đã nuôi dạy con nên người vì lúc nào bên em cũng có cả anh và em. Anh đã ở bên em từng phút một...

Bà nhìn sang, thấy tay tôi cầm chiếc nhẫn run rẩy, liền hỏi:

- Anh có sao không? Trông anh xanh quá!

Giọng tôi lắp bắp, lặc đi:

- Hình như... hình như tôi đã có... tôi... tôi đã thấy...

Đôi mắt bà ánh lên những tia sáng lấp lánh. Bà đứng dậy rồi cầm đôi tay tôi, van nài:

- Có thật anh thấy không? Một chiếc nhẫn như thế phải không? Nói cho tôi đi, vì sao anh có?... Vì sao anh có?

Tôi bối rối vô cùng. Nhìn bà xót xa, an ủi:

- Hình như... có một người đàn ông đã đưa nó cho tôi...

- Thật vậy sao? Anh để nó ở đâu? Anh ấy có nói gì với anh không? Anh ấy như thế nào?...

Bà hỏi cuống quýt như sợ tôi bỏ chạy hay nói dối, đôi mắt bà đau đáu như trong cơn mộng du. Tôi lưỡng cuống tìm lời giải thích. Một ý nghĩ chợt lóe lên:

- Bà hãy đợi tôi về phòng tìm xem có đúng không đã.

- Ôi! Vâng, thật tình xin lỗi. Anh đi đi... đi tìm đi... Bà nói và đẩy tôi ra khỏi phòng.

Về đến nơi, tôi không biết phải làm gì. Tôi lấy trên kệ bình tro và hộp đựng chiếc nhẫn một người đã gửi tôi... Một đêm cách ba tháng trước, tôi bị những tiếng cầu cứu đánh thức. Một cô gái đẹp đẽ, hấp dẫn đến nhờ tôi tìm giúp người nhà. Nếu cô gái không đẹp như thế thì tôi cũng chẳng nhận lời. Bố cô ta đang bệnh và đi lạc, người nhà đã đi tìm khắp mà không thấy. Họ lo sợ ông đang yếu sẽ bị ngã xuống vực vì nghe nói dốc vực luôn gắn với những hồn ma, năm nào cũng có người trượt chân, chết mất xác. Tôi trấn an cho cô yên lòng rồi đi về phía vực Đá Trắng. Đêm lạnh và tối. Dốc đá vọng tiếng sóng vang vào hốc núi tạo thành thứ âm thanh ma quái tựa như tiếng hú dài của hồn người. Đá lởm chởm chông chênh thật khó nhận dạng, những khối đen lù lù trong bóng sáng mờ na ná hình người. Tôi nhìn quanh thật lâu mới phát hiện có ánh sáng phát ra từ đầu điều thuốc. Tôi tiến về phía ấy. Người đàn ông chắc đã cảm nhận được sự có mặt của tôi, ông nói:

- Ngồi xuống đây, anh bạn.

Giọng trầm ấm, mạnh mẽ của ông buộc tôi ngồi xuống. Trong khi đó, suốt đoạn đường tìm kiếm tôi đã không ngừng chửi rửa người hành hạ tôi trong đêm lạnh thế này. Tôi định bụng khi nào tìm ra tôi sẽ chửi cho sướng miệng. Tự nhiên, tôi cảm như hén. Ông đưa gói thuốc và trao cho tôi điều thuốc của ông để mỗi lửa. Rồi ông hỏi:

- Con gái tôi lại làm phiền anh phải không?

Tôi chột nhiên đáp lại một cách hiền lành:

- Vâng, sợ ông bị sao, chúng tôi lo quá!

Bất ngờ ông quay sang tôi:

- Chắc anh có gia đình lâu rồi?

- Vâng, tôi đã có hai cậu con trai. Đứa mười hai, đứa tám tuổi.

- Anh có hạnh phúc không?

Tôi ngập ngừng trước câu hỏi kỳ lạ ấy. Bởi hạnh phúc là điều rất mơ hồ. Tùy theo mỗi người. Còn tôi, tôi hài lòng với những gì tôi đang có. Nghĩ thế, tôi trả lời:

- Có thể gọi là hạnh phúc. Còn ông? Chắc khi hỏi tôi câu ấy ông thấy mình bất hạnh phải không?

- Không, anh nhầm rồi. Cuộc đời tôi có thể là mơ ước của nhiều người... Công danh, tiền bạc, con cái... tất cả đều suôn sẻ, mỹ mãn.

Vừa hứng thú khi bắt bẻ ông, giờ nghe ông nói thế tôi thấy mình ê mặt. Song tôi búng bình:

- Ông chưa thật lòng. Một người hạnh phúc không bao giờ tìm đến bờ vực này giữa đêm. Tôi nói và tự cười trong bóng tối vì thỏa mãn với triết lý của mình.

Rít một hơi thuốc thật sâu, ông nói:

- Tôi là người thành đạt nhưng thỉnh thoảng ngồi một mình tôi lại có

cảm giác như đã quên một điều gì đó, đánh mất một cái gì đó trong cuộc đời. Tôi lục vấn mãi mà không hiểu đó là cái gì. Tôi cười mình lẩn thẩn và công việc bận bịu làm tôi quên đi. Nhưng đến lúc về hưu, hai đứa con đã có cuộc sống riêng của chúng thì cảm giác ấy trong tôi càng đậm đặc. Tôi ngồi một mình nhiều hơn và suy nghĩ thật lâu về quá khứ. Tôi lật Album ảnh ra ngắm từng người và ôn lại những câu chuyện về họ cùng vợ. Song vẫn không rõ được cảm giác tiếc nuối, buồn phiền...

Tuần trước cháu tôi ghé chơi thấy tôi đang mở vali cũ xem ảnh, nó cũng ngồi xuống phịch. Bất ngờ nó lục lại ở các ngăn nhỏ trong vali. Anh biết mấy cái ngăn đó chứ? Cái ngăn ít ai để gì được. Nó lôi ra một vật, hỏi tôi:

- Cái nhẫn của ông có mặt hình gì vậy?

Tôi lấy chiếc nhẫn trên tay đứa bé và nhìn thật kỹ, một nửa trái tim lõm. Chợt nhớ ra, đó là chiếc nhẫn của một người phụ nữ tặng. Và lúc ấy tôi đã hiểu nguyên nhân của cảm giác lạ lùng luôn bám riết lấy tôi. Sau đó, tôi đã đến đây.

- Bà ta ở đây sao?

- Tôi không rõ, nhưng lần ấy có một đêm tôi đang cô đơn và đến dốc Đá Trắng ngồi ngắm biển rồi gặp cô ấy.

- Hai người yêu nhau? Mối tình đầu của ông à?

- Không, tình yêu chưa đủ... Đó là một điều gì đó thật khó gọi tên... Bất ngờ, ông quay sang hỏi tôi:

- Đã có phụ nữ nào thả mình trước anh chưa?

Tôi ngạc nhiên: - Thả mình là sao?

Ông cười lớn và giọng thật trầm:

- Anh hỏi như thế tức là anh chưa biết gì về tình yêu. Không phải ai trên đời cũng được hưởng ân huệ ấy.

- Nhưng, ông bảo không phải là tình yêu kia mà!

- Đúng, khi ôm cô ấy trong vòng tay tôi không nghĩ đó là người đàn bà xa lạ.

- Thế tại sao ông lại quên bà ta và chiếc nhẫn?

- Tôi nhận chiếc nhẫn cô ấy trao vì không muốn cô ấy tổn thương. Xin anh đừng cười hay trách tôi, bởi vì lúc nhìn qua chiếc nhẫn tôi thấy nó không có giá trị gì, vả lại đàn ông ở tuổi tứ tuần ai lại đeo chiếc nhẫn hình như thế. Khi trở về phòng, chắc tiện tay lấy đồ thay tôi đã nhét vào vali và quên mất. Sáng hôm sau, bệnh tình vợ tôi tái phát nên tôi phải đưa vào bệnh viện. Đến một ngày sau, tôi mới sực nhớ người phụ nữ đêm ấy với một cảm giác thật kỳ lạ...

- Hạnh phúc? Nuối tiếc?? Ân hận??

- Không. Điều này cao hơn hạnh phúc hay đau khổ. Đó là cảm giác đầy nam tính mà chỉ người đàn ông mới cảm nhận hết tâm trạng ấy. Tâm trạng được sống và được yêu hết mình bởi một phụ nữ vừa tận hiến vừa khao khát, vừa hy sinh vừa đòi hỏi, vừa yêu thương vừa đam mê... Một sự tận cùng, thiêng liêng và đẹp đẽ. Họ có thể nói tốt hoặc xấu về nó nhưng phải đến lúc cảm nhận được cội nguồn của sự sống mới có được giây phút ấy...

- Có thể vợ ông bệnh tật nên ông mới có cảm giác ấy chăng? Tôi nhận xét một cách ý nhị.

- Chưa hẳn? Thực ra, tôi gặp người phụ nữ ấy khi cô ta đang tìm đến cái chết. Còn tôi thấy mình quan trọng và cần thiết. Tôi vừa là người ban phát vừa là người tận hưởng. Khi rơi vào tâm trạng cô đơn ta mới nhận ra niềm yêu thương giữa con người với con người sao thiết tha, triu mến và dịu ngọt đến như thế... Tôi băng khuâng mất một ngày với cảm xúc ấy. Trước khi về nhà, tôi có ghé lại khách sạn, họ cho tôi hay người phụ nữ ở phòng 201 đã đi rồi. Cuộc sống tất bật, công việc, tiền bạc, chức vụ, con cái... làm tôi quên tất cả... Bây giờ, tôi đến đây để cầu nguyện và tạm biệt cô ấy.



Chúng tôi ngồi im, hút hết gói thuốc rồi tôi diu ông về khách sạn. Trước khi chia tay, ông đưa chiếc nhẫn cho tôi và nói:

- Anh giữ lấy giúp tôi một linh hồn.

Hơn hai tháng sau, con gái ông quay trở lại, mang theo bình tro và đến tìm tôi. Cô ấy nói với tôi rằng: trước khi mất bố cô ta chỉ nhắn lại là hỏa táng ông và mang đến vực Đá Trắng thả tro xuống đó. Tôi đã giữ bình tro lại vì tin ông ta sẽ phù hộ cho tôi và tin sẽ có người tìm bình tro ấy...

Khi người đàn bà lấy chiếc nhẫn cho tôi xem, tôi nhận ra ngay. Vì đêm nào tôi cũng thắp hương cho người đã khuất và ngắm chiếc nhẫn thật lâu. Thế nhưng, tôi không biết trả lời bà ta thế nào khi bà ta hỏi về ông ấy. Tôi cầm chiếc nhẫn người đàn ông đã tặng trở lại phòng bà và một quyết định được hình thành - có lẽ là sáng suốt.

Người đàn bà đã chờ tôi trước cửa. Chúng tôi đi vào. Bà cầm chiếc nhẫn tôi đưa. Nước mắt giàn giụa. Chưa kịp nghe bà hỏi gì, tôi nói như một cái máy:

- Người đàn ông đưa tôi chiếc nhẫn này vì nhờ tôi tìm bà. Năm nào ông ta cũng ghé đây hỏi thăm tôi về một phụ nữ khá xinh đẹp có đeo một chiếc nhẫn giống thế...

Bà rên rỉ trong nước mắt và ngắt lời tôi:

- Phải rồi, phải rồi... khi tặng cho anh ấy tôi đã nói là luôn đeo nhẫn trên tay để nhận ra nhau... Sao tôi lại không đến đây sớm hơn nhỉ?... Rồi bà ngước nhìn tôi, cầu khẩn:

- Hãy nói cho tôi biết anh ấy đang ở đâu? Tôi muốn gặp anh ấy, tôi muốn gặp anh ấy... Bà kêu lên rồi ngắt xủ theo cơn ho dài ập đến. Tôi đỡ bà lên giường xong chạy đi gọi bác sĩ.

Sau năm ngày mê man bà ta ngừng thở, tay cầm hai chiếc nhẫn và trên môi là nụ cười mãn nguyện.

Chúng tôi làm thủ tục hỏa táng. Một tuần sau, con gái của họ mới tới nơi. Tôi trao cho cô bé hai bình tro và cặp nhẫn mang hình trái tim.

Cái chết của bà ta khiến ông chủ sợ ế khách vì những lời đồn đại. Còn tôi thì ngược lại, tôi sang khách sạn này để kinh doanh và đổi tên cho nó. Cái tên Valentin hay đấy chứ?

Người kể chuyện hỏi, nhưng không ai trả lời. Chúng tôi im lặng. Ngoài kia, bóng đêm bao trùm. Mưa vẫn rơi đều nặng hạt, biển vẫn thỗn thức không yên...

24.12.04

H.D

P H Ạ M   N G Ọ C   T Ú Y

# Nơi thường trú của mùa xuân

(SH số tháng 8 - 2007)

đó là một cặp vợ chồng trông rất đẹp đôi và hạnh phúc. Chàng cao lớn, mặt vuông. Nàng mảnh khảnh, xinh xắn. Khi lấy nhau, họ ở nhà tập thể của cơ quan. Sau khi cơ quan dời đi chỗ khác, người được phân đất, kẻ được chia nhà, lần lượt dọn đi. Chỉ trừ chàng. Chàng vì cô mà ở lại.

Chỗ này thuộc miền cao, xa phố, xa mọi tiếng ồn. Nó mang khung cảnh của núi đồi. Họ mua lại nửa quả đồi và ngôi nhà nhỏ, trả góp nhiều năm. Trên đường vào nhà chàng trồng thêm hai dây bạc hà. Và tha về khoảng sân hẹp một số cây kiểng mà cô ưa thích, có những chậu cây chàng không biết là cây gì. Trồng cây cũng chiều theo ý thích của cô. Một số do cô trồng. Ngoài giờ dạy, cô tỉ mẩn chăm chút mảnh sân nhỏ. Thú vui của cô là làm vườn, đọc sách. Nhà rất nhiều sách vở. Họ ngồi trong ghế dựa bên cây thiết mộc lan ngắm cảnh mặt trời lặn. Thuận vợ, thuận chồng, cả ngày không nghe tiếng cãi vã. Không ít người bạn đến chơi ao ước cuộc sống của họ. Họ không có con. Y Sao là đứa con của núi rừng từ A Lưới dạt về đây trong một dịp tình cờ. Mẹ Y Sao được đưa về Bệnh

viện Trung ương Huế để mổ. Ngày hôm đó cô sang thăm một người bạn cũng bị đau. Y Sao năm ấy lên mười. Con bé có mái tóc đen chưa cháy nắng, làn da mật ong, chiếc mũi nhỏ xinh giống mẹ, đôi mắt đúng là đôi mắt của núi rừng. Mắt ông A Sinh: đen và sâu nấp dưới hàng lông mày thanh. Người mẹ, ngạc nhiên thay là người Kinh. Người phụ nữ mà có lẽ thời trẻ khá đẹp, cầm tay cô, giọng run run: “Xin cô thương nó. Tôi cũng là người Thừa Thiên”. Những gian lao vất vả khiến người đàn bà già trước tuổi. “Vâng, tôi nhận nuôi nó. Tôi không có con. Tôi là giáo viên. Tôi...”. Cô nói một hơi, chỉ sợ ông A Sinh đổi ý. “Được cô thương, chúng tôi mừng lắm”. A Sinh nói tiếng Kinh sõi, da ông ta trắng chứ không đen. Tối hôm ấy mẹ Y Sao mất.

Thoạt nghe cô trình bày ý định, chàng đã giãy lên. Chàng đã nhận cô nhiều chuyện, mà không phải đây là lần đầu tiên cô mang về nhà một đứa trẻ. Ngay cái việc sang lại khu đất, sửa lại ngôi nhà, chuyên chở đồ đạc, sách vở đã khiến cả hai phờ phạc. Bây giờ lại chuyện gì nữa đây?

- Nuôi một con... một đứa trẻ dân tộc ít người? Sao em không... không lên xin cô Minh Tú?

- Em đã xin nhiều lần, mà có đứa nào ở Cô nhi viện về đây ở lâu với chúng ta đâu.

Một tháng một lần cô ghé Cô nhi viện. Cô yêu trẻ, cô cần có một đứa cho vui cửa vui nhà. Chàng trái lại, không thích nuôi con nuôi. Họ đã cãi nhau và bây giờ, cô không muốn làm chàng phật ý thêm. Cô chỉ nói:

- Lần này em phải nuôi Y Sao, mẹ nó chết rồi và em đã mua nó.

Chàng không nói không rằng. Sau cùng, mọi thủ tục nhận con cũng hoàn tất. Có con bé, ngôi nhà sống động hẳn. Nhưng dù dễ dàng mấy nó vẫn không chịu gọi cô bằng mẹ. Cô đành vậy. Y Sao mười tuổi, vóc dáng không đến nỗi nào. Nó được cô giáo cho đi học dưới Trường An. Ngoài giờ học, về nhà nó cũng siêng. Cô dạy Y Sao học, bày cho nó cách

may vá thêu thùa, trồng cây. Mái tóc Y Sao dần dần mượt mà hơn, da nó trắng ra. Cô thỉnh thoảng lại vuốt tóc nó:

- Đồi mắt và mái tóc của núi rừng sẽ quyến rũ thị thành đây.

Tuy được thương yêu, Y Sao khôn nguôi nỗi nhớ rừng. Nó nhớ cả tiếng chim kêu khi chiều xuống. Cô giáo cắt tóc, cắt móng tay, gội đầu, tắm rửa, làm đẹp cho nó. Cô yêu nó ngay cái nhìn đầu tiên.

- Mày ở lại đây, học cho xong bậc trung cấp rồi về.

Con bé nước mắt ngắn, nước mắt dài:

- Con nhớ nội, nhớ cha lắm.

- Ta sẽ cho con về, có ai bắt cóc con đâu.

Thế mà điều ấy lại xảy ra trước khi cô kịp nghĩ đến. Từ lâu họ đã có với nhau một thỏa thuận: chàng luôn chiều theo ý cô, còn cô không can thiệp vào chuyện chàng làm. Khi sửa lại ngôi nhà này, chàng nghĩ bụng sẽ bán lại. Chàng đâu có thích ở đây. Ý thích quái gở của vợ rồi sẽ phai. Hai cây thiết mộc lan cô trồng trước nhà là thứ cây chàng rất ghét. Chàng muốn thay vào đó hai cây tùng tán. Cô không chịu. “Thứ hoa gì mà mùi hăng quá”. Hoa thường nở lúc xế chiều, chàng đã về nhà đâu. Chàng chỉ về nhà sau mười giờ, có khi khuya hơn, người nồng mùi rượu bia. Thời sinh viên cô yêu và ngưỡng mộ chàng. Mười năm lấy nhau, giữa họ không xảy ra điều tiếng gì, trừ một điều chàng khám phá ra ở cô: Cô khác với mẫu người chàng muốn. Những năm đầu họ đã cãi nhau. “Em là vợ anh, chứ không phải là cái điều anh muốn, phải thế không?”.

Lẽ ra điều ấy xảy ra muộn hơn. Trong vườn, hai cái lá nhiều chuyện nhất là lá sapuchê và lá bạch đàn. Chúng thi nhau rụng. Con bé thường chịu khó quét tấp vào gốc cho bụi Trà đến hết. Chiều hôm đó cô đang ngồi nhặt những bông hoa trắng rơi trên vồng cỏ thì bụi Trà đi vào:

- Người ta thì làm cỏ không hết, cô lại đi trồng cỏ.

Cô đứng lên, chột xiêu người lão đảo. Mụ Trà ném cái cào xuống, kịp đỡ cô vào hai cánh tay.

Đó là một chứng bệnh y học đành bó tay. Bệnh phát ra mạnh khi lượng hồng cầu trong máu giảm đi, lượng bạch cầu tăng nhanh. Chàng đưa cô vào bệnh viện không hiểu cô mắc bệnh gì. Con Y Sao cũng đi theo. Đã nhiều lần cô ngất như vậy (thường chàng không có nhà). Nhăn nhó như khi ăn phải ớt, chàng nói:

- Em giấu anh, lâu nay em giấu anh. Tại sao?

Thái độ của chàng là vô lí, nhưng cô không giận. Chàng trái lại, bức tức vì vẻ thản nhiên của cô.

“Giá như anh ở nhà vào buổi tối”. Cô chỉ im lặng.

Khi các cuộc thăm viếng của bạn bè người thân lắng xuống và thừa hãn, chàng thôi giận vợ, hiểu ra sự thật. Bác sĩ bảo tốt hơn cô không nên đến trường nữa.

Ngày mẹ chết, Y Sao ôm cái áo chàm xanh mà ngủ, đêm nào cũng dậy khóc. Bây giờ nó bắt đầu trở mã, cao lớn hẳn ra. Ngực nó lớn hơn những đứa trẻ bình thường. Ông A Sinh có về thăm nó một lần, tặng cô giáo chiếc lồng nhốt con chim lông xanh mỏ đỏ biết nói. Một con chim biết hát, giọng trong trẻo như chim hoàng anh. Món quà ấy khiến cô tưởng chừng mình dứt hẳn cơn bệnh. Từ hồi lấy nhau, chàng cũng chưa mang lại cho cô niềm vui lớn như thế. Những món tiền cất trong tủ, gói ngân hàng, những đồ nữ trang; tiền, công việc, cướp đi người thanh niên vui tánh cởi mở ngày nào. Niềm đam mê của chàng không phải là của cô. Và cô thầm biết ơn A Sinh!

Để nguôi nỗi nhớ rừng, Y Sao nuôi một con gà trống. Con gà có cái mào đỏ tía, bộ lông màu đỏ thắm pha vàng. Chân cao, cựa lớn, ức nở. Con gà oai vệ quá. Y Sao nói, gà rừng cao hơn, oai hơn. Chim núi nhiều hơn. Ba năm qua, Y Sao lớn bộn. Người nó đã mang dáng dấp thị thành chút đỉnh. Nó học ăn, học nói, học hát. Chỉ có điều nó hơi trầm mặc.

Từ ngày cô ở nhà, không thể làm việc như trước, chàng thuê mụ Trà đi chợ nấu nướng giúp. Mụ Trà là một phụ nữ da ngăm đen, khuôn mặt ưa nhìn. Mụ bán rau cải dưới chợ. Quanh đây nhà nào cũng có vườn. Người ta tận dụng đất, trồng cây ăn quả. Giống sapuchê núi trái dài mà to, vàng rộm, ngọt lịm. Với vài quả mít, chục quả dưa, một quả bí đỏ bỏ trên xe đạp, hoặc cho vào đôi quang gánh là đủ đi chợ. Ở ngã ba đường rẽ lên làng Tự Đức, Cầu Lim có một cái chợ. Đối diện với khu chợ ấy mười người đàn bà họp thành một cái chợ nhỏ ven Đàn Nam Giao. Những vui buồn, những phụ gia của cuộc đời ấy cô không thấy nữa. Bán xong hàng (thật ra mụ Trà chỉ bán kết quả lao động của ông chồng), mụ Trà mua thức ăn cho cả hai gia đình, mang về nhà những âm thanh chợ búa.

- Bữa ni mít đắt như vàng. Một nghìn một lát mỏng như lá lúa. Con mẹ Vàng bán trứng gà so, đòi cho được một cái một ngàn. Quên nữa, hết rốc. Con Y Sao thật vô vị, mi phải nhắc tao chú. - Chỉ mình mụ Trà nói - chết cha ông nội, đứa mô đổ rác trên vồng cỏ Nhật của cô nè trời!

- Thấy đó, hồi hôm thầy đem bạn về nhậu. Y Sao đáp.

Cũng có một lần, mụ Trà nổi hứng ngồi xem cảnh mặt trời lặn với cô.

- Ai cũng bận kiếm sống, cô nói với mụ Trà - chỉ trừ tôi, ngồi xem cảnh mặt trời lặn. Nào ai biết thưởng thức hương vị mật ngọt của mùa xuân, trừ người nghệ sĩ. Mà thấy mặt trời đang chuyển màu không, Y Sao?

- Tui có thấy, mụ Trà đáp thay.

- Mặt trời có nhiều màu! Con bé la to. Màu đỏ, vàng, tím, đẹp quá.

Trên nền trời thẫm dần, màu tím, màu vàng chói lọi. Mặt trời bùng lên ánh sáng cuối cùng trước khi đi vào đêm tối.

Những lúc như thế không bao giờ có chàng ở cạnh.

Con gà cất tiếng gáy dứt, tiếng con hoàng anh đã hót trước hiên nhà. Mùa xuân nồng hương loài hoa cỏ, mùa hè đầy ứ hương thơm và mật

ngọt. Núi đồi tắm đắm trong một không khí tinh khiết lạ kì. Trong không gian thơm nức loài hoa lan, hoa huệ, hoa râm trắng, hoa hồng. Hai cây mộc lan nở hoa. Tiếng con suối róc rách sau nhà. Trong khoảng sân hẹp, hai cây sapuchê đang đơm nhánh, tỏa lộc non. Mùa xuân, cây lá đẹp vô cùng. Khi ngồi nhỏ cỏ dưới gốc, nhìn lên cô thấy vô số lá non, chồi biếc, xanh như ngọc. Định gọi một người nào đó đến chia sẻ thì không có ai.

Ngoài đồi sương tan dần, mặt trời từ từ nhú lên sau rừng cây, rọi xuống khe nước lấp lánh ánh bạc. Bình minh đến với tiếng chim hót ríu rít, tiếng con sơn ca trong trẻo, con hoàng anh hót một tràng dài. Con chim mỏ đỏ gật đầu:

“Xin chào, chào bình minh, chào mùa xuân” Mỗi ngày đến với những thúc giục, xao xuyến. Tiếng gọi thao thiết ấy không biết có tự bao giờ. Có lẽ đó là những gì rục rủa xôn xao trong cô.

Cả điều ấy chàng cũng không hề biết.

Cô đặt ấm nước sôi lên bếp, găm điện nấu xôi đậu. Từ ngày cô ngã bệnh, chàng ăn sáng ở nhà. Con Y Sao đã dậy. Nó đến bên cô, lằng xằng giúp đỡ vài việc như rửa ấm chén. Bảy giờ mù Trà sẽ đến với một gánh đầy rau cải. Từ sau cơn lũ tháng mười một, rau cải rất đắt. Mụ sẽ ra tay dọn nhà, lấy tiền đi chợ cho chủ.

Mùi xôi đậu chín, mùi muối mè thơm phức. Y Sao lau chén bới xôi.

- Em uống thuốc chưa? Chàng thay quần áo ngồi vào bàn.

- Uống rồi. Cô đặt chén xôi trước mặt chàng. Sao em thèm nghe một tiếng trống tự trường đến thế?

Cô lấy cặp sách kiểm tra lại vở, chải đầu cho Y Sao. Nom nó vừa có duyên vừa xinh. Đôi mắt thật giống mắt người Ấn Độ, đôi mắt của núi rừng.

- Này em, chàng nói trước khi rời bàn ăn - trưa nay có chú Quân ở Đà Nẵng ra, anh sẽ về.



Không đợi nghe câu trả lời, chàng xách cặp đi ra.

Cô ăn vài miếng chiếu lệ, uống cạn li sữa hột gà rồi bước ra ngoài. Lát sau, Y Sao chào cô đi học. Mùa xuân trời ấm áp dễ chịu, tuy sáng nào cũng có sương, có bữa đến chín giờ mới nắng. Tiếng quang gánh kiu kịt, mụ Trà le te cầm trái dưa leo đi vào:

- Trời..., vô nhà đi chứ, răng đứng đây? Giọng mụ oang oang. Bữa ni sương nhiều, e có cá biển. Tui mua cá thu nấu cháo cá cô ăn nghe. Đã bệnh, thì bớt ăn đồ chua, đồ sống.

- Trưa nay có khách, bà mua ít thịt bò khoai tây, để cho tui ít xà lách. Còn nấu cho tui món cháo chay.

- Xì, đã đau còn ăn chay!

Làm xong một số việc, mụ Trà ra chợ. Xế trưa, có tiếng xe Dream chạy từ con đường bên ngoài, đi thẳng vào cổng. Người vừa đến là một thanh niên vạm vỡ điển trai, tóc bông. Anh ta xuống xe, đi thẳng vào nhà với những bước mạnh bạo.

- Chị ơi.

Cô đang dọn phòng, lật đặt đi ra.

- Kia, chú. Ra khi nào?

- Em nghe chị đau, bữa ni mới rảnh ra thăm. Chị đau ra sao? Nặng lắm không?

Quân nhìn chị dâu, làn da cô trắng, trắng lạ lùng. Màu phấn hồng ở má không che được làn da trắng xanh ấy. Cô mỉm cười nhẹ nhàng:

- Tôi không sao cả.

- Không sao mà nghỉ dạy. Quân ngồi xuống ghế. Anh ta xin phép hút thuốc.

- Có lẽ chị sẽ đi dạy lại, nhớ trường nhớ lớp ghê.

Quân trầm ngâm một lúc:

- Chị có nghe anh nói về việc xây lăng ông cố không?

Cô nghe mẹ chồng nhắc chuyện này lâu rồi. Mẹ chồng cô là người hiếu thuận. Bà xây lăng cho cha chồng, nay muốn góp thêm chút ít để xây lăng cho cụ thân sinh ra cha chồng.

- Số tiền có nhiều không chú?

- Dạ, nếu làm lăng cho hai bà thì độ bảy triệu.

Quân muốn ám chỉ mộ của hai bà cố, ông cố lấy hai chị em ruột.

Cô băng khuâng nghĩ đến mẹ chồng. Bà ở trong Thành nội, từ ngày ngã bệnh, cô ít xuống thăm bà. Bà là người hiếu thảo. Bà vừa nuôi chú em (cha của Quân), nuôi em gái chồng, nuôi cháu gọi bằng cô. Nhưng số bà bạc phận. Chú Khang ở với bà đến lúc ra trường, chú trả lui chiếc xe đạp cha chồng cô mua cho. Trả lại là hết? Không ai hiểu ý chú Khang, từ đó chàng và Quân không mấy hợp nhau. Ba đứa cháu trai sang Mỹ, trong mấy năm đầu bận làm ăn, mấy năm sau nữa vẫn bận làm ăn. Và như vậy mười năm trôi qua, mẹ chồng cô không buồn chờ ở họ một tấm thiệp chúc mừng ngày Tết nữa.

Quân nhìn quanh. Căn nhà nhỏ mà ngăn nắp, sạch sẽ, sách vở rất nhiều. Buổi trưa, chàng về. Mụ Trà ở lại nấu nướng, giết thịt con gà gô trong chuồng. Bia lon có sẵn ở tủ lạnh. Y Sao lăng xăng gọt khoai tây, cà rốt, nhặt rau. Hai người ngồi vào bàn ăn, bàn chuyện xây lăng.

- Làm cho nguy nga ắt tốn nhiều tiền.

- Chú đừng lo thiếu tiền, tôi sẽ góp thêm vào.

- Ba em dặn chỉ nên làm chừng bảy triệu trở lui, nếu như có thiếu thì...

Quân đáp cho vui lòng người anh con ông bác. Anh ta gấp một miếng thịt gà bỏ vào chén chị dâu vì thấy này giờ chị dâu không ăn gì cả. Cô đang ăn chén cháo chay.

- Làm cho nguy nga, tráng lệ vào, chỉ lo không có người hương khói. Chàng ngựa cổ uống cạn cốc bia. - Mà tôi có nói phải làm to, làm cho lớn không nhỉ?

Cả hai cười vang. Chú Khang đã đi Mỹ, diện HO từ lâu. Chàng chỉ biết vậy vì ông chú không hề liên lạc với chàng. Quá một giờ rưỡi, chàng vào phòng tắm rửa mặt, sau đó phóng xe đến sở. Quân nằm ngủ trong phòng kế, nguyên trước là khu nhà tập thể nên căn hộ có đến ba phòng ngủ. Cô hiểu rằng việc xây lằng đắp mộ thường chỉ dương danh cho người sống, ngoài mục đích đó là lòng hiếu thảo. Những năm tháng khó khăn mẹ chồng cô đã dành dụm tiền bạc, xây lằng cho cha chồng, mà chú Khang và cô Thi, chẳng ai góp đồng nào.

Tiếng xe chàng chạy xa ngọn đồi. Hồi trưa Quân khen chỗ này quá đẹp. Ai sống ở đây thì chết chôn ở đây. Đôi khi mẹ chồng đến rầy la chàng không quan tâm đến vợ. Thật ra chàng còn thì giờ đâu mà để ý chăm sóc cô, chàng đi làm thêm ngày chủ nhật, làm thêm ngoài giờ ở một công ty ngoại quốc. Rồi liên tục đi Thái Lan, Singapore. Thậm chí hồi nãy, tưởng cô đã ngủ chàng cũng không nhìn cô. Thói quen của chàng là ngồi vào bàn để ăn chứ không phải để ý đến người khác. Đời sống của chàng là kiếm thật nhiều tiền. Chàng nói, chàng đang mua một khu đất dưới phố, nay mai sẽ làm nhà ở để tiện việc đi làm. Phần còn lại cho thuê. Họ không tranh cãi với nhau quan niệm sống nữa. Đã qua thời tuổi trẻ với những ngày ngày thơ lăm lăm, những sôi nổi ngồng cuồng.

“Cũng may, mình còn kịp trở về nhà” đôi lần cô thầm nghĩ. Tâm hồn họ như hai con đường, tuy có thể cùng về một hướng, nhưng điều ấy quá mong manh.

Vô tận mùa xuân, bao la đất trời. Đứng trên đồi thông phía sau nhà, cảm nghe cái im lặng giữa bên này đồi và bên kia núi. Chàng có ở gần đâu mà nói điều đó, có nói chàng cũng cho là vớ vẩn, không muốn nghe. Tìm đâu ra chàng trai thuở mới lớn, tập vở nhét túi quần sau, đôi mắt rực lửa đam mê, nắm tay cô giẫm lên cỏ mùa xuân nữa?

Quân ngủ một giấc dài, dậy đi quanh vườn. Mâm chè đậu xanh mù Trà nấu dậy lồng bàn để giữa bàn.

4 giờ con Y Sao đi học về, mặt mũi nhẵn nhọt:

- Thưa cô con đi học về!

- Ủ, mà sao mặt mũi bí xị thế?

Hồi trưa, Quân đã để ý đến con bé. Khi nghe cô nói nó là con của Vòng A Sinh, quê ở A Lưới, Quân đã tròn mắt khen nó đẹp.

Cô theo Y Sao vào phòng, vuốt tóc nó. Đôi má nó hây hây vì đoạn đường khá dài. Da nó đang trắng ra, hồng hào hơn. Một lúc nữa trôi qua. Nó là một đứa trẻ trầm mặc và nhạy cảm.

- Mấy đứa... nói con là... con hoang.

Cô kéo Y Sao vào lòng, hôn lên má nó.

- Thôi mà con. Tụi nó nói, đừng chấp. - Con là con của Vòng A Sinh cũng là con của ta.

Rồi cô ôm chặt Y Sao vào lòng, nhưng nó vùng vẫy thoát ra.

Ở nhà ngoài, Quân đang ngồi xem sách. Anh ta tự hỏi, vì sao một người như thế lại có thể đọc được chừng ấy sách, và cũng không có vẻ gì đang mắc chứng bệnh trầm cảm. Cô bước ra, lấy chè mời Quân. Chú em chống ăn một lúc hai chén, rồi hỏi chuyện chị dâu đau như thế nào, bao giờ, chữa chạy ra sao... 5 giờ, anh ta lên xe đi, bảo tối sẽ về ăn cơm và ngủ lại. Mai về làng lo việc xây lăng.

“Đêm Nguyên Tiêu, tất cả lửa trong hoàng cung đều tắt. Mọi người từ ngự y tới thái giám, các phi tần cung nữ, đều mang đèn lồng đến cung vua xin lửa. Người ta cho rằng việc xin lửa đêm Nguyên Tiêu, được coi như một ân huệ vua ban. Đó là nỗi ước mơ, hi vọng, là sự sống. Lửa biểu trưng cho sự sống, cho tình yêu, cho tất cả.”

- Lửa là sự sống?

- Ủ, thế trên đó, những buồn ít người, họ không đốt lửa cầu thần linh vào ngày lễ hội sao con?

- Người ta nhảy múa. - Thế còn làm vườn, trồng cây, có cần đến lửa không cô?

Cô cười to, cười ngật nghễ. Từ ngày mang con bé về đến giờ, đó là tràng cười sảng khoái nhất.

- Ủ có..., cô băn khoăn không biết nên giải thích như thế nào cho Y Sao hiểu việc thần dân đến cung vua xin lửa là biểu trưng cho niềm hi vọng tin tưởng vào tương lai còn trồng cây, làm vườn thì nó lại mang một ý nghĩa khác nữa. Đó là mưu sinh, và cũng cần có niềm say mê...

Đôi mắt Y Sao dường như xa xăm hơn. Nó thường nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ rừng. Ở trên núi cái gì cũng cao, cũng vĩ đại.

- Y Sao con lại nhớ núi rừng à? Cô cốc lên đầu nó - ở đây có tất cả, có thông, có suối, có rừng và có mùa xuân. Nào, bây giờ thì đi làm bài tập đi nhé.

Cô bước ra vườn. Tháng giêng, cỏ non lá mạ, những búp lá thon thon hình thuyền rung rinh trong gió nhẹ. Nơi hàng hiên, con chim hoàng anh hót một tràng dài. Cô bước đến gần, cho con chim ăn chút lòng đỏ trứng còn lại. Tiếng xe chàng chạy từ con đường vòng bên ngoài làm cô ngạc nhiên. Chàng về vào giờ này là điều ít khi xảy ra.

- Y Sao! Y Sao đâu rồi?

Chàng dừng xe lại, nhảy xuống xe về cầu kính.

- Chuyện chi thế? Cháu nó đang quét rác.

- Mau gọi nó ra đây. Chàng nhảy xuống xe đi vào nhà. Chàng không ghét Y Sao, nhưng tánh nó trầm mặc quá, chàng lại ít trò chuyện với nó. Thật ra ngay từ đầu, việc nuôi Y Sao là quyết định của cô. Chàng chiều cô một cách miễn cưỡng, với ý nghĩ Y Sao sẽ đỡ đần việc nhà khi cô đau ốm. Chàng chưa hề nghĩ tới chuyện cô cho nó đi học. Nó học dưới Trường An, đi khá xa.

Một lát sau Y Sao bước vào, trán nó rịn mồ hôi.

- Nè, con phải nói thật, con có lấy tờ đô la trong cặp chú không?

- Không. Y Sao ngơ ngác.

- Thế, cái chi đây? Chàng ném cái khăn mouchoir có thêu hoa hồng, cô thêu cho nó ra trước mặt. Vì sao cái khăn này nằm trong chiếc cặp của tao hả? Chàng đưa tờ bạc màu xanh ra, dí vào mặt nó: Có lấy không thì nói?

Có một lần nó lấy tiền của cô khi cô còn đi dạy. Cô giấu chàng. Nguyên nhân: Y Sao muốn mượn một số tiền đi xe đò về A Lưới. Nó không dám xin, sợ cô giáo không cho đi. Dỗ dành mãi nó mới nói ra sự thật. Nó nghĩ, sau này Vùng A Sinh sẽ mang trả cho cô. Từ đó, không bao giờ nó tái phạm nữa.

- Con... con không lấy. Con không biết tiền. Con thấy cái hình... con đưa cô...

Anh tức tối: - Đồ... Mày đi luôn đi, tao không muốn thấy mặt mày nữa.

- Khoan đã, - cô gạt tay chàng ra, chàng định đánh nó.

Cô đi vào phòng ngủ rồi bước ra. Cô đưa tờ bạc xanh cho chàng. Chàng có vẻ bị bất ngờ:

- Em lấy à?

- Phải.

- Rõ thật là.

Chàng lưỡng lự một lát, không biết nên nói gì với cô, rồi bực mình vì đã nghi oan cho Y Sao. Chàng quay lưng, lên xe chạy vù mất. Cơn giận làm cô mù mẫm, lao đảo tựa vào cánh cửa. Y Sao dìu cô vào phòng. Chàng không thích trẻ con. Mỗi lần cô thử nuôi một đứa nhỏ, đều không đứa nào ở quá hai năm. Chàng không ác, nhưng ích kỉ. Chàng không hẹp hòi, nhưng hay ghen. Cả với một đứa trẻ, chàng cũng cho rằng cô dồn hết tình cảm cho nó. Và cô bỏ bê chồng (!). Hôm qua, cô tìm ít tiền cho Y Sao nộp tiền học thì mới hay, ví tiền trống rỗng. Cơn bệnh quái ác lấy đi

sức khỏe và tiền bạc của cô. Thấy cái cặp của chàng để trên bàn làm việc, cô vào mở cặp coi kiểm ít tiền. Rồi sẽ nói sau. Không ngờ, chàng đi tìm cái cặp. Tánh chàng nóng nảy, kiêu ngạo. Cô vội đóng lại, tờ bạc xanh rơi ra. Lúc chàng đi rồi, Y Sao nhặt đưa cho cô. Chuyện phi lí nhất là chuyện bỏ quên cái khăn. Cô nhớ ra, Y Sao đã đưa cho cô vì cô bị chảy mũi. Từ ngày ngã bệnh, đây là lần sau cùng những cố gắng của cô trở nên quá tải. Vấn đề đâu phải lỗi ở Y Sao. Câu chuyện hôm nay làm hỏng tất cả. Cô vẫn định đề nghị chàng mua cho nó chiếc xe đạp đi học. Chàng ít về nhà buổi trưa, nếu có về, chàng cũng chưa chắc chịu đi đón nó.

Con chim mỏ đỏ cất tiếng: “Chào bình minh, chào mùa xuân” Ở dưới bậc cửa, con Y Sao ngồi tựa lưng ngó những con chim, đôi mắt nó tối lại. Trong nhà vọng ra tiếng tụng kinh gõ mõ. Vị sư mặc áo vàng cùng hai đệ tử cầu kinh, đó là kinh cầu an, Y Sao nghe nhiều người nói thế. Nó nghĩ những người nghèo mới bệnh, chớ cô chủ mà lại đau ư? Đã hơn tuần nay Xuân Hoa không dậy. Cô nằm đó, không hẳn là mê, không hẳn là tỉnh. Chập chờn giữa hai trạng thái, cô nằm nghe và thấy được những gì đang xảy ra. Cha mẹ, anh em không còn ai. Cô còn có mẹ chồng. Bà là người hiền đức. Những ngày đó, bà ở lại với con dâu. Y Sao nhớ cô giáo có lần nói: “Có mây, tao đỡ nhớ lớp, nhớ trường. Ở đây tao có tất cả. Có tuổi, có rừng, có hoa, có lá. Ở đây luôn có mùa xuân”.

Bàn chân ai khế đá vào người nó. Đó là mẹ Trà.

- Mau vô coi thấy có sai chi không, còn ngồi đó hả? - Con không vô - Y Sao bướng bỉnh. Nó nghe giọng đọc ê a trầm bổng, tiếng cốc cốc cheng cheng, những âm thanh chỉ làm nó buồn thêm. Mẹ Trà nói, thấy là sư trụ trì một chùa lớn, không dễ gì mời được. Thế mà mẹ chồng cô Hoa đã mời được. Trên núi cao, người ta nhảy múa quanh cái ma trước khi đặt xuống hố.

- Mi bỏ cô nằm trong nớ à?

- Cô biểu con ra đây.

Mụ Trà bực dọc bỏ đi. Trong phòng, cô đang nằm một mình. Chàng đang bận cúng. Cúng ư? Con Y Sao đâu rồi nhỉ? Sau này về núi, nó có còn nhớ chút gì của Nguyễn Du và Bà Huyện Thanh Quan? Những vần thơ cô dạy nó, để nó quên bớt nỗi nhớ rừng. Bốn mùa xuân hạ thu đông, người ta tranh giành, ganh ghét nhau vì quyền lợi, vì miếng ăn. Nhưng để tồn tại, còn phải dựa vào cái khác. Con bé là nguyên nhân ư? Kể ra nó cũng cần được về lại núi rừng. Nó không hợp với miền xuôi. Lỗi tại ta, chiếc áo chàm xanh của mẹ, nó khư khư giữ như một vật quý. Làm như vậy là phụ lòng người đàn bà Quảng Điền. Bà ta còn có quê ngoại kia mà, sao không mang nó về quê ngoại?

Cánh cửa phòng mở, chàng bước vào. Từ ngày Xuân Hoa bình, chàng có vẻ ăn năn, tự cho mình đã gây ra nông nỗi.

Chỉ có Quân là ngạo nhiên trước vẻ điềm tĩnh của chị dâu.

- Em đỡ chút nào không?

- Em không sao.

Chàng cúi xuống cầm tay vợ, tay cô lạnh ngắt - Anh đã biết, cho dù là một Phật tử em không đủ can đảm nghe kinh, dù chỉ một giờ.

- Thôi em, nghe một chút cũng chẳng sao. Đó là ý của mẹ. Ngày mai không cúng nữa, anh không mời thầy đọc kinh nữa.

Bao năm nay cô luôn nhượng bộ. Bây giờ khác. Một ngày không còn xa, trái tim không đủ sức bơm máu về nuôi chính nó, chuyện gì tất yếu sẽ đến, chàng biết rõ. Hai lần chàng nghe lời mẹ, mời thầy tụng kinh cầu an. Bà làm thế chỉ vì cô. Cô không bao giờ chống lại bà. Bà là một người mẹ. Nhưng cô không muốn chàng phải làm như thế. Đến bây giờ họ vẫn không hiểu nhau thì thật là buồn. Hai lần tụng kinh cầu an, mỗi lần cách nhau bốn tháng. Chùng ấy chưa đủ sao? Khi mời thầy đến tụng kinh, nghĩa là người nằm đó sắp ra đi.

Nếu chết, là chấm dứt ngay hôm nay mọi đau khổ, chết là dứt luôn



mọi si mê, ganh ghét, tham lam, là đoạn tuyệt hẳn với những gì xấu xa, tội lỗi của ngày hôm qua. Để sống lại một đời khác, hoàn toàn mới mẻ, trong sạch, hòa mình với cỏ cây, đất nồng hương mới xới. Thế thì ta nên chết theo kiểu ấy. Trong mấy mươi năm cô đã nhượng bộ chàng. Một sự nhịn chín sự lạnh. Bây giờ mọi điều đã khác. Chàng đã khác, tình yêu đã khác. Tôi có chi để anh phải lo lắng cầu an? Bao năm qua chàng không chịu nhìn nhận một sự thật, là cô đã cần chàng biết bao! Giờ đây, cô linh cảm mình sắp được an trú ở một nơi chốn yên bình và cô thật sự buồn cho chàng. Nếu biết trước, cô đã cho Y Sao về với núi rừng của nó. Ra đi quá sớm, cô đã phụ lòng người đàn bà bất hạnh.

- Em nằm nghỉ, anh sang thăm mẹ.

- Dạ. Anh nhớ bảo mẹ Trà coi nấu món gì cho mẹ ăn.

Cô luôn mang ơn bà. Bà quảng đại và đáng kính quá. Mẹ Trà bung khay cháo bước vào. Con bé theo sau. Mẹ Trà đặt khay cháo xuống bàn, bóp tay chân, rờ trán cô chủ.

- Can đảm lên bé. Cô đặt tay lên mái tóc rối bù của nó. Mấy ngày có bà mẹ, nó đỡ bị chàng la mắng, tuy bị mẹ Trà sai vặt. Cô nói:

- Mẹ đừng la con bé, nó là con tôi đấy, nó là con người tự do.

- Xi, ngon dữ - Thôi ăn cháo đi, bà ăn rồi. Sáng tui đi chợ sớm, mua cá về quết chả.

- Cám ơn. Cô đỡ tô cháo và cái muỗng.

- Khổ thân cô. Thấy thì nóng nảy, con ni thì chậm, mẹ già, mà cô thì...

- Thôi đi, bà khi mô cũng ưa thêm mắm dặm muối.

Cô ăn ngon lành hết tô cháo. Có lẽ đây là bữa ngon nhất từ hôm đó đến giờ.

Một giờ sau chàng trở về. Lúc lâm nguy người đàn ông dễ trở thành đáng anh hùng cái thế. Khi đứng trước sự mất mát của người thân, người đàn ông trở nên mềm yếu. Mẹ Trà bung khay cháo đi ra với con bé.

Chàng ngồi ghé xuống giường nhìn kĩ mặt vợ. Lâu lắm rồi hôm nay họ mới có dịp gần nhau, tự hỏi điều gì đã ngăn cách, giết chết tình yêu thừa ban đầu của hai người. Giọng cô rành rọt, cân nhắc từng chữ một:

- Em đã lo cho Y Sao trong chừng mực cái mà em có. Tiếc là... em không thể lo cho nó nhiều hơn. Hãy hứa với em, chăm sóc bảo vệ cho Y Sao cho tới ngày nó vào được trung cấp. Mình nuôi, nhưng không nên chiếm hữu. Nó còn bà ngoại, ông nội, còn cha. Đưa nó lên A Lưới một lần, đừng xử tệ với nó, anh nhé.

- Anh hứa!

Chàng hồi hận. Chảy trong giòng máu của chàng, từ thừa ấu thơ niềm đam mê công việc. Một ít cản trở của cha, chút tàn nhẫn của chú Khang chẳng? Nhất là người ta còn trẻ khỏe, còn năng lực cống hiến cho đời - hay đúng hơn, thu góp của đời càng nhiều càng tốt. Làm sao chàng có thể thấy cùng cô, cuộc sống vô cùng phong phú, khi tiền bạc mạnh hơn tình yêu? Chàng chưa một lần ngồi lại với cô, lắng nghe tiếng suối chảy róc rách quanh nhà, tiếng gió reo trên đỉnh ngàn thông. Sao đến bây giờ chàng mới nhận ra cô mỏng manh và nhỏ nhoi. Chàng nằm xuống bên cô, ôm cô vào lòng.

- Anh yêu em.

- Hãy dừng lại. Có đi thì cũng có lúc dừng. Anh chẳng đã quá giàu rồi sao?

Mất một lúc chàng mới hiểu cô định nói gì.

- Dừng mang em lên núi cao làm chi, để em nằm lại nơi đây, bên con suối nhỏ.

Mất chàng trào lệ. Cô hôn trả lại chàng, tưởng như bây giờ chàng mới nhận ra cô là ai.

- Chúng ta sẽ làm lại. Anh sẽ gần em hơn, không làm thêm nữa. Cô mỉm cười.

Vào đêm giao thừa năm sau, chàng cúng tiến năm cũ. Giao thừa không có pháo nổ. Trong im lặng của đêm trừ tịch, chợt tỏa ngát mùi hương một loài hoa chỉ nở lúc về chiều. Chàng nhìn ra, dưới ánh sáng lung linh của ngọn nến, những chùm dạ hợp nở trắng xóa trong đêm. Vào lúc ấy, chàng có cảm giác cô đang ở thật gần, đôi mắt ẩn sau vòm lá nhìn chàng tinh nghịch. Xuân Hoa! - Chàng ngẩng lên gọi nhỏ. Chỉ có những chùm hoa thiết mộc lan nở bung trắng xóa. Mùi hương trầm, mùi nến cháy, hương hoa lan, hoa hồng tỏa ngát không gian. Tiếng chân ai nhè nhẹ giẫm lên lá khô xào xạc.

Ngoài xa, tiếng con suối vỗ róc rách thật thanh bình.

*Đầu xuân Canh Thìn*

*Huế tháng 2-2000*

*P.N.T*

Đ Ồ    H    À    N

## Ở thuê

(SH số tháng 12 - 2007)

Đống nhận được việc làm. Một công việc mà anh không thể tưởng tượng nổi. Hàng ngày đến, ngồi đọc báo cho cô chủ nghe, bật ti vi cho cô chủ xem, làm vài việc vặt vặt nhẹ nhàng, tán mấy câu chuyện về tình yêu, tình báo rồi về. Lương tháng 2 triệu đồng. Cơm nuôi cả ngày. Có mơ cả đời, Đống cũng không thể tưởng tượng nổi mình lại “hên” đến vậy. Đã gần 3 tháng nay chạy đôn chạy đáo xin việc, chẳng đâu nhận anh. Cái thành phố đang trong thời kỳ trở mình, vừa được “phong” từ thị xã lên thành phố chỗ nào cũng cần người làm. Nhưng chỗ nào cũng khó xin việc đối với Đống. Nhìn tấm bằng Trung cấp Thể thao của anh, chỗ nào cũng lắc đầu. Khối doanh nghiệp càng khó xin hơn. Anh đành xoay sang xin làm thuê ở các gia đình đang cần gia nhân. Giờ được việc làm như thế thật bằng vớ được vàng mười.

Cô chủ vốn là gái làng chơi. Cô không giấu giếm điều đó. Ngay những ngày đầu cô đã kể hết cho Đống nghe những năm tháng cô đã từng hành nghề, những thành phố cô đã từng kiếm sống. Cô kể: 15 tuổi, cô bỏ học theo bạn ra thành phố, tìm gặp được ca sỹ mà cô hâm mộ. Cô lèo đèo theo anh ta đi biểu diễn khắp nơi. Gia đình không biết đâu mà

tim. Được ba năm anh ta đuổi cô như đuổi một con chó ghê. Hận đời, hận tình, cô theo một nhóm bạn vượt biên sang Trung Quốc hồng tìm sự đổi đời. Sa chân vào chốn đèn hồng. Cô mặc kệ đời. Chán chương khi Phúc Kiến lúc Quảng Đông, cô trở về nước mang theo một số vốn kha khá. Bị công an cửa khẩu lột sạch. Tã tưởi, cô về các khu du lịch hành nghề. Nghe chuyện của cô chủ, Đống thấy ghê ghê. Nhìn cái thân hình mềm mại, tươi rói rọi thế kia, ai ngờ đã vật vã trên giường với hàng trăm thằng đàn ông! Nhưng cô là chủ, cô có quyền sai khiến. Trong lòng Đống tuy có ý khinh khinh. Nhưng anh vẫn phải cúc cung phục dịch theo ý cô ấy. Hiện cô sống với một tay ngoại quốc. Một anh chàng mắt xanh mũi khoằm chính hiệu. Đặc biệt anh ta có bộ lông ngực quăn tít như râu ngô. Anh này là đại diện của một hãng sản xuất và kinh doanh điện tử xuyên quốc gia. Anh ta phụ trách kinh doanh khu vực Đông Nam Á. Anh ta đến với cô ào ạt như cơn lốc đồng tiền quay cuồng trên thị trường chứng khoán. Khi ấy, cô là “bồ nhí” của một tay Giám đốc Bưu điện tỉnh. Không ngờ ông ta đột tử khi đang đương chức. Ông ta chết trên giường ở một khách sạn khi đang trên bụng một cô “bồ”, sau một vụ nhậu say quắp cần câu! Chuyện võ lữ, ông ta có tới 3 “bồ nhí” ở 3 tỉnh khác nhau. Lũ con bà cả làm om lên. May mà mảnh đất ông ta mua cho cô đã có bìa đỏ mang tên cô. Chỉ tội cái nhà đang xây dở tầng hai. Tay ngoại quốc vốn là đối tác của ông Giám đốc Bưu điện, hần liền tung tiền ra bao toàn bộ công trình, bỏ tiền ra thuê 4 người giúp việc. Một cô sen tuổi sồn sồn, da bánh mật, khỏe như một con trâu, phụ trách nấu nướng; một cô bé mũm mĩm chuyên giặt quần áo và lau nhà; một lão nông ít nói như câm lo việc tía cây làm vườn. Và Đống, người giúp việc vật kiêm vệ sỹ bảo vệ khi cô ra ngoài.

Cái biệt thự nằm ở ngoại ô thành phố, giữa vùng đồi trung du, có tường rào kín bao quanh, mua bán thì thuận lợi, mấy khi cô chủ đi đâu xa mà bảo vệ? Nhiều lúc rồi việc quá, Đống bảo “Cô nghĩ ra việc

gì cho tôi làm, chứ nghỉ ngơi mãi thế này, ươn người!”. Cô chủ trẻ môi giả giọng nghiêm: “Tôi thuê người ở chứ có thuê người làm đầu mà anh phải lăn tăn!”.

Mà cô thuê người ở thật, chứ việc làm thì có là bao? Ông lão làm vườn mỗi ngày làm độ 2 tiếng đồng hồ buổi sáng rồi nằm khểnh chờ cơm trưa, đến chiều mới về. Con sen đi chợ 1 buổi, nấu nướng cả ngày. Con bé lau nhà, giặt giũ đã có máy hút bụi, máy giặt chạy ro ro một lát là xong. Tất cả mọi người đều nhàn nhả mà ai lương cũng từ một triệu rưỡi đến hai triệu đồng một tháng. Có gì đâu, tay ngoại quốc mỗi tháng bỏ ra hơn một ngàn đô cho cô chủ tiêu xài. Hơn ngàn đô vị chi là gần hai chục triệu đồng tiền ta. Thuê cả 4 người làm vẫn chưa hết 8 triệu, còn hơn mười triệu cô chủ chỉ việc chi ăn, mặc, tĩa tóc và “nhảy múa hát ca”, nằm chờ hần về mà thôi!

Mà cũng lạ, cô chủ bảo cô đã hơn 30 tuổi, nhưng với nước da trắng như trứng gà, khuôn mặt trái xoan đầy đặn, đôi mắt lúng liếng và nhất là cái răng khểnh nhòn nhọn nép bên mép trái, mỗi khi cô cười, cái miệng duyên đến ngẩn ngơ! Trông cô như chỉ vừa quá tuổi trăng tròn. Đổng 40 tuổi, cái tuổi mà các cụ bảo là “Tứ thập bất hoặc”. Nhưng nhìn cô chủ đi như rắn lượn phía trước, Đổng cũng cứ ngờ ngợ rồi tự hỏi: “Cô chủ làm thế nào mà trẻ đẹp thế không biết! Chẳng bù cho vợ mình, cùng tuổi 30 đấy...” Cô chủ đã có 10 năm lăn lộn kiếm sống, 5 năm làm “bồ nhí” của tay Giám đốc Bưu điện, tưởng phải tã như mớ giẻ. Thế mà trông cứ như trái đào vừa hái. Mỗi lần tháp tùng cô chủ đi siêu thị hay lên chùa, Đổng đều phải đứng ở xa, không dám gần quá mức. Một lần ở chùa Hà, có sư thầy lại bảo: “Hai cha con thí chủ vào chùa đều đặn và thành tâm cúng dường như vậy, Tam Bảo sẽ chứng cho lòng thành của thí chủ, cháu gái của ông sẽ sớm đặt chồng”.

Trời ơi! Nhà chùa từ bi vậy mà vì mấy đồng tiền cúng Phật, cũng làm các thầy tu lóa mắt rồi sao?

Mỗi lần đi đâu về, cô chủ lại gọi Đống vào phòng riêng nói chuyện. Cô đi đến đâu, gặp ai, nhìn thấy gì... Cô đều có những câu chuyện cần chia sẻ. Có buổi gặp cô bạn học cùng hồi cấp 3, giờ đang bán mỹ phẩm ở chợ, cô đã ngồi nói chuyện với Đống đến 3 buổi sáng không hết chuyện về cô bạn ấy! Phòng cô - một căn phòng thơm tho và ấm áp. Mọi sự bài trí và vật dụng đều một màu tím nhạt gợi một sự lâng lâng trong lòng khi người ta bước vào.

Mỗi lần nói chuyện, cô chủ đều pha hai cốc nước hoa quả cho hai người. Cô ngồi trên giường, hai tay cầm cốc nước, co 2 chân xếp bằng mà riu rít nói. Đống lóng ngóng ngồi trên chiếc ghế sofa kê sát giường. Trông vào, như người mạnh khỏe ngồi hỏi han người vừa ốm dậy. Cô chủ vốn hiền, nhưng thời gian bươn chải giữa cuộc đời ô trọc cũng làm tính khí cô thất thường. Có hôm, vì một chuyện không đâu, cô ôm vai Đống khóc nức nở đến nửa tiếng đồng hồ rồi lại vùng lên the thé chửi rủa mấy tay công an phường đã làm cô khổ, cô nhục... với câu chuyện cách đây đã 10 năm!

Rồi một lần, Đống ngồi uống cạn cốc nước cam vắt mới thấy cô chủ từ phòng tắm đi ra. Cô nhẹ nhàng, thơm tho và mong manh như một thiên thần từ trên núi Olimpia vừa bay xuống. Bộ cánh mỏng tang như cánh tiên, bên trong không một đồ lót. Cặp vú tròn căng. Cô nửa nằm nửa ngồi, đầu kê lên cái gối bông to, nhìn Đống không chớp. Đống tê dại cả người. Cô gọi anh “Lên đây với em!”. Đống bối rối: “Thưa cô chủ... như thế...”. Cô duỗi một chân ra, một vùng bụng dưới trắng như tuyết và một vết đen nhờ nhờ như mực nho mời gọi, thách thức. “Có việc gì đâu! Lên đây... anh không nghĩ rằng cái tay Jon Cactơ ấy nó bỏ đi hàng tháng. Vài tháng nó mới về vài ba ngày, em làm sao chịu nổi”... Rồi cô vung tay như lên đồng... “Nó bỏ tiền ra, nó thuê anh giữ cái lỗ cho nó! Nó chỉ cần cái lỗ để sẵn đấy khi nó về nó đút vào. Nó có cần biết em sống ra sao, em cần gì, em yêu gì đâu...”. Cô run lên bắn bọt. “Lên đây... em rét quá...”. Đống

lập bập đi tìm chăn! “Không!... anh cơ... anh mới đắp cho em được...”. Cô bật khóc nức nở...

Đống đổ ập lên người cô chủ. Một thân hình đang nóng như hòn than. Những cánh tay ghì riết cuống quýt, những cú thọc sâu oằn mình, anh như tan ra trong sự khát thèm.

Chuyện làm chăn đắp cho cô chủ trong căn phòng luôn có máy lạnh để ở mức 20°C đã trở thành thường nhật. Ngày nào, Đống cũng phải ít nhất có 1 lần lên giường với cô. Cô chủ đang tuổi bốc lửa, mỗi lần như thế, cô quần quai, rên rỉ đến hết cả buổi.

Nhiều hôm ngồi ăn cơm trưa, Đống nhìn mọi người cùng làm thuê với ánh mắt ngái ngái. Nhưng mọi người đều cắm cúi ăn. Ai cũng biết bốn phận của mình. Nhất là lão làm vườn, với bản chất nông dân, lão trệu trạo nhai cơm, mắt nhìn cô chủ đầy hàm ơn. Suốt bữa lão không nói lời nào, trông vẻ thỏa mãn với cái bụng đầy cơm!

Cô chủ ngày càng phây phây. Mà càng phây phây thì Đống càng phải đáp ứng. Có những buổi chiều rời nhà cô chủ về mà anh cứ nôn nao. Là chủ, cô tỏ ra rất sòng phẳng với gia nhân, nhưng cô còn mang nhiều nét của thời quá khứ. Một thời làm mưa làm gió trên tình trường, Cô hướng dẫn Đống đủ các kiểu làm tình. Ngồi, nằm, đứng... khi trên giường, lúc trên ghế sofa, lúc trong bồn tắm, lúc ở ngoài vườn. Những ngón nghề làm cho Đống mê, điên dại trong sung sướng. Ban đầu Đống còn ngượng, về sau trở thành nghiện. Mấy hôm không được cô chủ gọi vào, người Đống cứ hằm hập cứ như lên cơn sốt. Nhất là những khi Jon Cactơ về.

Hắn về, chào mọi người và chia quà xong là hắn vào ở tịt trong phòng cô chủ liền 7 ngày 7 đêm. Những khi cô chủ ló mặt ra gọi con sen mang đồ ăn vào phòng, nhìn mặt cô chủ ngời ngời, lòng Đống sôi lên. Có buổi Đống bỏ cơm trưa, ngồi uống cạn 24 chai bia Heineken. Rồi, vật ra phòng khách ngủ mê man.



Tuy vậy, cô chủ cũng rất thoáng. Những hôm phấn khích cô thường đưa cho Đống mấy trăm ngàn đồng và bảo: “Minh đem về mua thêm đồ ăn cho chị ấy và lũ trẻ, mà mình cũng phải bồi dưỡng thêm vào chứ. Yếu quá là tôi sa thải đấy!”. Những khi chỉ có hai người họ thường xưng “mình” và “tôi”.

Có những ngày cô chủ mệt hoặc “đến tháng”, cô lại đưa cho Đống mấy trăm ngàn rồi tinh nghịch ghé tai bảo: “Minh vào mấy khách sạn trong phố mà xả xú páp”. Đống ngượng ngịu: “Ai lại làm thế? - rồi dần dỗi: “Minh làm như tôi là cái máy ấy! Khinh tôi quá thể!!!”. Lúc ấy cô chủ cười tươi như hoa, cái răng khểnh lóe sáng cả khuôn mặt trắng xanh, cô nguyệt một cái cháy tóc Đống: “Đừng sỹ hão, người ta biết tổng rồi. Mấy hôm nhịn, cái mặt cú thần ra! Thôi đi đi...”.

Cô chủ có dị ứng đặc biệt với tiếng mèo kêu. Những ngày có tiếng gào của con mèo đực nhà nuôi đi tìm mèo cái, là lúc cô chủ run lên bần bật. Cô vội kéo Đống lên giường và quần quai như ma ám. Tiếng mèo càng thê thảm, ghê rợn, cô càng cuống say, càng cong mình lên, đòi hỏi. Mấy lạnh chạy ù ù mà cơ thể hai người nhom nhóp mồ hôi như xoa một lớp dầu. Sau những lần như thế, mắt cô chủ sáng long lanh như có lửa. Riêng Đống thì mềm uột ra như lá rau sau trận mưa đá. Có đợt vừa nhìn thấy con mèo về đến vườn, Đống lập tức vác gậy đuổi đi ngay, làm cho lão già làm vườn cú ngậy ra chẳng hiểu mô tê gì.

Liên tục làm tình với cô chủ như thế, nhiều đêm nằm ôm vợ, Đống giật mình thảng thốt. Lâu lắm không “yêu” vợ một lần thì cũng không phải. Nhưng gần đây, đã mấy lần anh òa lên người vợ, hoặc bế hẳn nàng lên người mình mà sao lòng cứ trơ khấc.

Anh thương vợ đến thất lòng. Vợ anh là cô giáo Tiểu học, dạy ngay ở làng. Nàng lại còn nhận mấy sào ruộng khoán. Lo cho 3 con ăn học, lo ruộng đồng, lo công việc trường lớp, lo cho bố mẹ chồng... người nàng cứ quắt đi như thanh củi khô. Nàng cao chưa đến 1m50 mà cân nặng

chưa bao giờ đến 37 ký lô. Nhìn vợ nhỏ thó nằm cong như một dấu chấm hỏi trên giường, nước mắt Đồng cứ chực trào ra. Thấy Đồng có biểu hiện của sự mệt mỏi, vợ anh lại càng lo. Nàng mua đủ các thứ bồi bổ cho chồng. Có đêm nàng xoa tay lên mặt chồng rồi hỏi “Công việc của anh thế nào? Vất vả lắm phải không?” Đồng âm ừ” “Cũng bình thường... chỉ tội ít được ngủ, nó thế...” Nói rồi anh quay lại ôm chặt vợ vào lòng. Chờ sự cương cứng để động viên nàng. Nhưng người anh cứ thuôn ra.

Đồng lo lắng cho sự rạn nứt tất yếu đối với chuyện chăn gối, nó sẽ dẫn đến rạn nứt tình cảm và đe dọa hạnh phúc gia đình.

Anh vốn là một người to khỏe, trầm tính nhưng ăn nói rất có duyên. Xưa hai vợ chồng lấy nhau cũng vì cái tính rất đàn ông ấy. Bố anh là một lão nông vạm vỡ, có sức ghì vẹo đầu trâu mộng. Anh lại còn hơn bố ở cái thân hình tròn lẳn như cá trắm. Trong một vụ xô xát, mấy bạn gái cùng lớp bị bắt nạt dọc đường, Đồng ra tay dùng mấy đường quyền của phái võ Tây Sơn Bình Định đánh bạt lũ thanh niên choai choai. Chúng nể phục, mang quà đến để nghị anh dạy võ. Anh cũng không giỏi giang lắm về nghiệp này, chỉ học mấy miếng võ phòng thân. Giờ một đàn em lố nhố đòi học. Đồng phải dùng đến miếng võ miệng, nói chuyện đầy lời cuốn về các môn phái võ trên thế giới, trên đất nước Việt Nam, làm lũ trẻ cứ mắt chữ U mồm chữ O lắng nghe, phục “thầy” sát đất. Trong những cuộc nghe diễu võ ấy có vợ anh, cô gái nhỏ nhắn học cùng em gái Đồng. Cô kém anh 10 tuổi. Họ rất yêu nhau và tự nguyện làm lễ cưới. Giờ đã 3 mặt con, anh chưa bao giờ cảm thấy chán yêu đối với vợ. Giờ, không thể vì sự kiếm ăn mà anh có thể lạnh lẽo với nàng.

Đồng tìm đến các bác sỹ, ngượng ngùng kể bệnh tình của mình. Anh kể hết chuyện bất lực đối với vợ, riêng chuyện về cô chủ thì anh không dám! Các xét nghiệm, rồi nội soi, rồi điện não đồ... được tiến hành. Các kết luận đưa ra đều giống nhau: Anh khỏe mạnh, không có bệnh gì!

Lo lắng và buồn rầu Đồng tìm đến những người bạn, tìm sự chia sẻ.

Trong những bạn bè học cùng phổ thông, có Bính. Bính vốn là cán bộ ngành Tài chính trong thời kỳ bao cấp. Khi bước vào cơ chế thị trường, Bính bung ra ngoài tìm đường làm giàu, nhưng không thành. Lối tư duy kinh tế kiểu “trông chờ, nhờ vả” của một thời đã làm hại anh. Mấy lần công ty của anh đổ bể, Bính chán nản tìm vào cửa Phật. Cái thân hình dài ngoẵng của Bính lùnh bùng trong chiếc áo nâu sồng, trông đến tức cười.

Thấy Đồng buồn rầu quanh chuyện chăn gối vợ chồng, Bính ngồi bán kiết già, hai tay chắp trước ngực, mắt nhắm nghiền, lẩm bẩm: “Tình do tâm ta mà sinh. Có khi tình mất mà tâm còn đồng vọng. Đến lúc tâm bình an thì tình kia cũng đoạn nổi...” Bính từ từ mở mắt rồi thủng thẳng:

- Ông phải học quán tưởng thôi!

- Quán tưởng là gì? Ông nói tôi nghe?

- Quán tưởng là một phép tu thân theo phái thiền tông của nhà Phật. Điều cơ bản là phải kiên trì!

- Để giữ được hạnh phúc gia đình và giữ được việc làm ổn định trong thời buổi này, tôi sẽ cố! - ông nói rõ tôi nghe đi? - Đồng cầu xin bạn. Bính chắp hai tay trước ngực, ngồi kiết già mà thủng thẳng:

- Nói nôm na, quán tưởng là một phép luyện tinh thần. Dùng tinh thần, dùng ý chí để vượt qua những gì đang vấp phải trong cuộc sống hiện tại - Thế rồi như nhập đồng, Bính dào dạt tuôn ra: “Quán tưởng có nhiều thức ví như quán Từ bi, quán Xổ tức, quán Bất tịnh, quán Buông... Tôi nói đơn giản để ông hiểu, như “quán Từ bi” chẳng hạn: Đó là thức quán mà lấy Từ bi làm chủ đạo. Ông đứng trước một người phạm tội. Ông không vội quở trách, xử phạt gì. Ông phải tự hỏi “Sao người ta lại phạm tội này? Nếu mình đứng vào vị trí người ta, mình có phạm tội như vậy không? Người ta phạm tội như vậy, đáng phải xử như thế nào? Nhìn ở góc độ pháp luật là thế, nếu nhìn ở góc độ khác sẽ ra sao? Như chuyện của ông, có phải ông phạm tội ngoại tình không? Ông có mang tiền nhà

đi chơi gái không nhĩ? Không! Đơn giản ông đang làm thuê cho người ta. Người khác thì kẻ dùng chân tay để làm, kẻ dùng trí tuệ để kiếm tiền, còn ông, ông dùng cái của ấy làm dụng cụ lao động. Xét về mặt nào đó, ông là người lao động chân chính. Nhìn như thế, ông sẽ có một cách xử lý đầy chất nhân văn, có lý có tình”.

Ngẫm nghĩ một lát, Bính nói tiếp: “Như quán Bất tịnh chẳng hạn. Khi ta sờ tay vào những thứ bẩn thỉu, ta không nghĩ nó là bẩn thỉu, ta coi nó là bình thường. Khi ta ăn một thứ ngon, ta không coi nó là ngon, khi ta ăn một thứ có lẫn cát, sạn: ta không coi nó là bẩn; miễn là ta đạt được mục đích ăn no! Khi cứu người bệnh, người thầy thuốc không còn nhìn thấy người đó là ai, nam hay nữ, già hay trẻ, xinh xắn hay xấu xí. Lòng chỉ hướng về việc trị cho được con bệnh mà thôi. Như thế, khi ta chú tâm đến mục đích thì ta không còn nghĩ đến phương tiện nữa! Luyện phép này thường dùng cho những người làm công việc bẩn thỉu, ghê rợn. Như người bốc mộ chẳng hạn. Khi ấy, họ nhặt xương người nhưng họ quán rằng: Đây không phải là xương cốt, không hôi hám, không ghê sợ, cũng như nhặt những thanh gỗ quý mà thôi. Thế là họ không ghê sợ, họ sẽ vượt qua được!

Đồng kêu lên: “Ồi giời!!! Ông nói khó hiểu quá! Cụ thể việc của tôi, tôi phải làm gì?”. Bính lim dim hai mắt, lắc lắc cái đầu vẫn cắt húi cua, rồi ề à:

- Ông không phải làm gì cả! Khi ông phải làm một việc với một người mà ông rất muốn làm, nhưng không làm được. Vấn việc đó, ông lại làm dễ dàng với một người mà ông không định làm, thậm chí ông còn ghé thăm? Ông phải luôn nghĩ rằng hai người đó cũng giống nhau mà thôi! Khi ông làm tình với người mà ông có trách nhiệm, có nghĩa vụ - đó là vợ ông! Ông không thể làm được vì ông không còn hứng. Khi đó, ông hãy nhắm mắt lại, quán về một hướng khác. Ông hãy tưởng tượng ra mình đang ôm ấp, đang mê đắm người mà mình yêu mến hay người

mà mình khát khao. Nhiều lần thế, sẽ thành công. Cuộc sống thiếu gì chuyện ta phải hòa đồng chỉ vì trách nhiệm hả ông?”

Đồng về áp dụng ngay với vợ mình. Quả nhiên sau vài lần xoa tay lên bộ ngực lem lép của vợ, anh nhắm mắt nghĩ về đôi bầu vú tròn căng, mây mây của cô chủ thấy giữa hai đùi từ từ nóng bừng lên... Anh thấy lại tiếng rên khe khẽ của vợ, cái lưỡi ram ráp, âm ẩm của nàng day day trên núm ngực anh...

Việc đi ở thuê của anh lại êm đềm và ổn thỏa. Đồng vẫn thảnh thơi trả nghĩa với vợ trong việc chăn gối. Được cái, vợ anh yếu và cũng là người hiểu biết nên không đòi hỏi gì lắm. Anh vẫn hoàn thành cái công việc đặc biệt mà cô chủ yêu cầu. Có khi anh còn chủ động đòi hỏi rồi vạy vò cô như chính anh là chủ ngôi biệt thự. Thậm chí, có đêm, Jon Cactơ lỡ hẹn không về, cô chủ có vẻ bồn chồn. Nằm trên bụng cô, Đồng thầm chửi mấy con mèo chết tiệt, chúng đi đâu mà mấy hôm nay, không con nào kêu lấy một tiếng! Thấy cô chủ còn thần thờ, anh dựng cô dậy, làm lại những kiểu làm tình mà cô đã truyền dạy cho anh. Lại những cái cong mình hối hả; những cú thúc ngược lên cấp tập, điên loạn.

Tháng này qua tháng khác, Đồng như con thuyền đi đi về về giữa hai bờ một con sông. Một bên màu mỡ sóng sánh phù sa, mơn mớn chồi non; một bên xơ xác đất cằn, heo hắt bóng cây. Nhiều lúc anh bỗng nghĩ vẩn vơ! Không biết đến bao giờ mình mới hết cái kiểu sống chấp chạng thế này! Cái kiểu sống mà vừa nhận tiền, vừa ôm ấp, đê mê, với người này nhưng lòng cứ đau đau, xót xa nghĩ về tình nghĩa với người khác. Và khi ôm ấp, nâng niu cái trách nhiệm làm chồng lại phải mơ tưởng đến cái tươi mát, hùng hực của cô gái trẻ không phải vợ mình?

Đồng nằm nghỉ trưa ngoài hành lang, trước phòng cô chủ. Đầu vừa miên man nghĩ, vừa đắm đắm nhìn ra cổng, nóng lòng chờ cô về. Sáng nay cô đòi đi chợ cùng con sen, hẹn về sớm. Thế mà...

Vừa lúc ấy, có bóng con mèo đen chạy vụt vào vườn. Nó vừa cất tiếng

“ngoao” tìm bạn. Cô chủ đứng khựng lại trước cổng nhà. Mặt cô bỗng đỏ rựng, đầu chao đi chao lại. Con sen béo tốt buông vôi túi xách hàng, kịp chìa cánh tay nắm nắm đỡ vai cô chủ. Đồng vôi nhào ra, kịp nâng thân hình đang hăm hập của cô. Lòng anh bỗng chộn rộn nhớ đến cái dáng tất tả, cái thân hình gầy guộc của vợ ở nhà...

*Đ.H*

# Kịch độc

(SH số tháng 1 - 2008)

Chiếc giường cọt két như tiếng kêu rên quá tải, không át nổi bản nhạc chuông báo có cuộc gọi đến của chiếc máy di động để ở đầu giường. Buông cả hai tay đang ôm vai người đàn ông nằm trên, một tay với máy di động, tay còn lại, Thuần đặt dọc ngón trỏ vào giữa đôi môi ông ta, ý ra hiệu im lặng để cô đàm thoại, kịp chặn đứng một câu lẫu bầu vì bị mất hứng, suýt văng ra từ miệng của ông khách.

- Chịu khó chờ em một tí - Thuần khấn khoản - Ai mà lại vô duyên thế nhỉ, gọi đúng vào cái lúc...!

Tuy không bật loa ngoài, nhưng tiếng nói của người đàn ông trong máy khá rõ, làm cho ông khách nẩy sinh tò mò rồi nằm im.

Như sợ tổn tiền, người đàn ông phía đầu dây bên kia nói gấp gáp:

- Thuần đấy à, bố đây! Tối nay con về nhà ngay nhé! Chú Định đòi bồi thường vết thương đủ hai mươi triệu mới rút đơn kiện! Chú không thèm nói chuyện với ai trong nhà mình, kể cả bố, mà chỉ khẳng khẳng đòi gặp con! Thế nhé, về ngay con nhé!

Ở đầu kia, bố Thuần cúp máy, không để Thuần nói lại lời nào. Thuần thẩn thờ, vất chiếc máy di động xuống giường.

Ông khách, một người đàn ông ngoài năm mươi tuổi, đủ kinh nghiệm cảm nhận được Thuần đang bị “choáng”, thân thể Thuần lúc này khác gì một cục thịt thiu. Chính bản thân ông ta cũng bị phản cảm. Có cổ kính vận động trở lại, thì cuộc vui đơn phương ấy cũng chỉ làm ông thêm mệt. Ông trườn khỏi bụng Thuần, nằm vật ra bên cạnh, cúi kính:

- Sao em không tắt máy!

Câu nói khó chịu của ông khách buộc Thuần phải trở lại công việc. Thuần lật người, áp môi vào má và quàng tay qua ngực ông khách thủ thi:

- Em xin lỗi! Chuyện buồn gia đình ấy mà! Cố lên, em chiều...!

- Thôi, mất hứng rồi! - Ông khách ầm ục.

Đối với Thuần, đây không phải lần đầu tiếng chuông di động vang lên làm gián đoạn cuộc bán mua. Biết vậy, nhưng cô không thể tắt máy, dù điều đó dễ làm khách bức mình. Thường thì, tiếng chuông vang lên có lợi cho Thuần, bởi nó là tín hiệu mà bà chủ quy ước, nhắc cô bằng kinh nghiệm trong nghề, vô hiệu hóa ý đồ kéo dài cuộc chơi của khách, tranh thủ thời gian để tiếp nhận ngay một “ca” mới: một ông khách mới đến đang nôn nao, nhấp nhồm ở quầy bar, chờ đến lượt, hoặc chạy xô sang quán bên cạnh, khi bà chủ bên kia điện sang mượn người vì thiếu tiếp viên.

Ông khách đã ngồi dậy, rời khỏi giường và mặc quần áo. Biết ông này là người hiền lành, mất hứng cũng không quát tháo nhặng xị, Thuần ngồi dậy theo, ân cần cài giúp ông mấy khuy áo, kéo lại cái thắt lưng da để khuy cài nằm đúng giữa bụng, rồi an ủi:

- Thiệt cho anh quá! Lần sau đến, em bù!

Thực ra, Thuần rất thích những ông khách trung niên. Giữa cuộc chơi, khi khoái cảm đã lên đến đỉnh, họ cũng không ngẫu nhiên, ghì xiết như muốn bóp bẹp cô ra một cách thô bạo như lũ thanh niên trai trẻ. Không cò cừ, mè nheo bớt xén đắt rẻ. Thậm chí có người còn cao hứng, “bo” thêm cho Thuần cả một phong bì còn dán kín, mặc dù cô không xin.



Ông khách vuốt lại mái tóc, ngắm nghía cân chỉnh tác phong của mình trước gương rồi giơ tay với chiếc cặp da để trên mặt tủ đầu giường. Thuần vội mở cửa phòng, đặt thêm lên má ông ta một cái hôn, nói vuốt đuôi:

- Nhớ nhé, lần sau đến, em *khuyến mại*!

Còn lại một mình, Thuần ngồi tựa lưng vào thành giường, hai bàn tay đan vào nhau ôm lấy hai đầu gối, tập trung ý nghĩ để phán đoán, đặt ra những tình huống mà cô sẽ phải đối mặt với ông chú ruột, qua thông tin từ cuộc điện thoại của bố. Không buồn lên quầy bar để nhận tiền “bò”, mặc chăn gối rơi tóe loe dưới nền nhà.

Cái việc thằng Tâm em trai Thuần, dùng dao rựa chém chú Định hai hôm trước, tưởng giải quyết đã ổn. Chính Thuần, khi nhận được tin dữ, đã cầm ngay một triệu, vốn là số tiền đi khách gom góp từ đầu tháng, đến thẳng bệnh viện chi trả tiền chiếu chụp, khâu vá, bông băng. Thậm chí cả xe tắc xi chở chú Định đi về. Những việc còn lại, như bố Thuần nói, thằng Tâm còn đại, chú cũng như cha, việc trong nhà, chắc chú Định không chấp. Yên tâm, Thuần trở ra phố kiếm tiền.

Ai ngờ bây giờ chú lại đề cháu ra dọa kiện cáo, lại còn ra giá hai mươi triệu bồi thường mới chịu rút đơn. Mà chú thừa biết nhà Thuần, một dạng dân quê kém cỏi, đào đâu ra hai mươi triệu để đền cho chú.

Thuần thoáng giật mình: đã bốn năm, bố mẹ và người làng chỉ biết Thuần ra phố làm công nhân giày da, một công việc khá hấp dẫn với những gái quê như Thuần. Liệu có phải tháng trước, cô cho tiền bố mẹ lảng lại cái sân đất lầy lội, mố meo bằng xi măng cát, thay nền nhà bằng đá hoa Trung Quốc và lắp một máy điện thoại cố định hết ngót chục triệu. Những chi tiêu đó của Thuần phải chăng đã mách bảo cho mọi người biết rằng: cô làm ra nhiều tiền. Dân quê hay soi mói, mới vài năm đi làm cho một công ty ẩm ương, vài trăm nghìn đồng lương tháng, lại nhờ việc luôn luôn, Thuần lấy đâu ngần ấy tiền cho bố mẹ làm được

ngần ấy việc trong một lúc. Không khéo chú Định đã biết cô ra tỉnh làm gái, quyết ra tay điểm huyết, mượn có ăn vạ, khẳng khẳng bắt bố gọi cô về, để cô bịt miệng chú bằng 20 triệu. Nếu đúng vậy thì Thuần sẽ tính chuyện với chú sao đây?

Chẳng biết may mắn hay vô duyên, chỉ cách thành phố chưa đầy 15km, làng quê Thuần vẫn giữ được sự yên ả, kiểu làng quê Việt Nam mấy chục năm về trước. Cho dù đất nước mở cửa đã lâu, chẳng có một công ty liên doanh liên kết nào tìm về đất này toạ lạc. Mỗi lần về quê, đến gần cổng làng, Thuần thường đạp xe chậm lại. Cô muốn nhìn thật lâu biểu ngữ “Làng văn hóa”, chữ vàng nền đỏ, căng ngang cổng chào. Chỗ ấy, thời niên thiếu, Thuần cùng đoàn học sinh, váy xanh, áo trắng, cổ tung bay khăn quàng đỏ, bước đều trong tiếng trống ếch nhịp ba, giữa rừng cờ hoa, cùng cả làng ra đón biểu tượng cao quý này. Niềm tự hào về quê hương mình còn mãi trong lòng Thuần, nghĩ đến là tim cô đập nhanh hơn, người râm ran như kiến đốt. Chả thế mà mỗi khi “thấy tháng”, không đi khách được, Thuần thường về quê, tránh được mấy ngày nhộn nhạo của thành phố, giúp đỡ bố mẹ vài việc đồng áng, tích lũy sức lực, chuẩn bị cho những cuộc vật lộn hai mấy ngày sau.

Thuần dự định, khi kiếm được một số vốn, con người cô đã rạc dài, Thuần sẽ bỏ nghề, về quê sinh sống. Dưới lũy tre xanh làng Thuần là một vùng đất thanh bình, tàng ẩn trong đó là một lớp thợ cày có học, được tôi luyện trong thời kỳ hợp tác hóa, cơ mưu và bản lĩnh.

Ngày Thuần đang học lớp 5, một hôm thím Định đi vắng. Một bà buôn sắt vụn đi qua. Chú Định gọi vào, chỉ góc vườn khuất sau nhà nói: dưới đất có chôn vỏ nửa quả bom, vốn là cái keng thời hợp tác xã quê Thuần còn đang hùng mạnh vào loại bậc nhất tỉnh nhà, chú ăn cắp và chôn tại đó. Tưởng thật, bà sắt vụn cầm cuốc bổ cật lực. Khi đào rộng bằng lỗ huyết và sâu cỡ hai gang tay, bà chè chai thấm mệt, chống cuốc đứng thở. Bất ngờ, chú Định từ đằng sau xông tới, vật ngựa bà ta nằm gọn trong lỗ

vừa đào, một tay lột quần. Cũng may, bà chè chai khá khỏe, mặc dù nằm dưới bà ta vùng vẫy bổ ngược cái cuốc vào mông chú, miệng la làng kêu cứu. Vài người xúm đến, bà ta được giải thoát. Việc này sau trở thành giai thoại. Bất cứ bờ tre, gốc đa người làng ngồi túm năm tụm ba, thăm thì to nhỏ với nhau, thỉnh thoảng lại đồng thanh phá ra cười rữ rươi. Chuyện này lan sang các làng lân cận, trở thành nỗi sỉ nhục của họ tộc nhà Thuần, đến nỗi, mỗi khi đến trường, mấy đứa bạn cùng lớp ồ lên, “đi buôn sắt vụn nào”, Thuần đã thấy chàm nọc, liền tìm có lủi bịt.

Một thời gian sau, vào lúc nhá nhem tối, chú Định đi làm về, ngang qua bờ dâm bụt của nhà hàng xóm, bỗng nghe thấy tiếng dội nước ào ào. Chú vạch bụi dâm bụt nhìn vào: cái nhà tắm được quây tạm bờ bằng cốt, thủng một lỗ như cái rá, phơi ra toàn bộ phần kín đáo nhất của thân thể bà hàng xóm. Người rạo rức như phát sốt, chú lách bụi dâm bụt bò vào. Không may cho chú, con chó lai Nga ngồi thấy hơi người lạ, từ trong nhà phi thẳng ra bụi dâm bụt sủa ngấu lên. Chú Định lồm cồm lùi dần, rồi chạy. Con chó đuổi theo ngoạm một miếng chỉ mạng vào bắp chân chú, kéo xoạc một mảng quần. Ngày hôm sau, nhìn chú tập tễnh vác cày ra đồng, bà hàng xóm nổi đóa, chõ thẳng vào chú, cứ “Định dê” mà chửi, rồi cho chú “ăn” no nê, thoải mái, những thứ mà đàn bà, con gái một tháng mới chiết xuất ra được một lần. Cái tên “Định dê” bắt đầu từ đó.

Lại một thời gian nữa, cái con điên đầu tóc bù xù, dính cả lá bánh, cọng rơm, giấy gói kẹo, quần áo cũn cỡn, rách tua rua như bị cá rô đớp, phơi ra cái rốn lõi, đen nhẻm như lỗ loa, ngày ngày xin ăn ở chợ làng, tối về thì chui vào miếu thổ thần mà ngủ, bỗng nhiên mang thai. Nhiều người phát hiện dạo này chú “Định dê” lại sầm đèn soi ếch, đêm đêm thường đi về hướng miếu, cả những đêm không mưa. Người làng lại túm năm tụm ba, bàn tán xôn xao tác giả bào thai đích thị là chú Định của cô.

Cái máu chơi gái kiểu “ma bùn” của chú Định có đất dụng võ, khi cái thị trấn cách làng Thuần hơn cây số mọc lên mấy quán karaoke và thư

giãn đám lưng, thực chất là những nhà chứa trá hình, nhằm phục vụ cho con em nông dân của các làng lân cận. Để phỉ chí tang bồng, chú Định bỏ ruộng lên thị trấn thuê nhà, bên ngoài bán nước, bán đồ, bên trong mở mấy chiếu bạc cho các cụ trong Hội người cao tuổi thị trấn, có nơi kín đáo mà sát phạt nhau sau những cuộc hội họp, để thu hồ. Có tiền, chú thả sức ăn chơi. Mấy chục ả ca-ve của những quán quanh đó chú đã “xài” hết. Thèm “hàng” mới, một tuần đôi ba lần chú phóng xe ra thành phố, vô tình mò cả đến quán Mỹ Duyên, nơi Thuần làm gái từ ngày ở quê ra.

Một lần, sau khi đi khách xong, cô cầm tiền bo định đi lên quầy bar thanh toán với bà chủ, bỗng Thuần khựng lại bởi tiếng nói ngàn ngạt của người bị bệnh hen mãn tính nơi phòng chính. Qua cửa sổ, Thuần thấy chú Định đang ngắm nghía, bẹo má mấy chị em cùng làm. Mặt Thuần xanh lét, thân thể nhũn ra như cây mùng héo, cô nín thở, lùi vội vào cái buồng bỏ không, nơi chứa mấy cái giường gãy và mấy bộ đệm rách. Chờ cho chú Định đưa gái vào phòng, Thuần mới lên ra, nói dối bà chủ quán là có việc gấp, rồi dắt xe phóng thẳng về nhà trọ, nghỉ hẩn, không dám bén mảng đến quán Mỹ Duyên cả ngày hôm đó.

Rất may cho Thuần, mấy ngày sau đó, sỏi bạc chú Định bị công an phục kích bắt quả tang. Ngoài nợ nần chồng chất, chú phải chịu cái án phạt tù một năm rưỡi. Con đường ăn chơi trác táng của chú Định tạm thời khựng lại.

Ra tù, chú Định đi thẳng về nhà mình, ngủ đẫy một đêm. Sáng hôm sau chú lấy ở góc bếp một con dao rửa đã han rỉ. Chú mang ra bờ ao, nơi có cái thớt trên của cái cối xay bột bị vỡ vẫn dùng làm đá mài, hùng hục mài suốt một buổi sáng, cho đến lúc sáng loáng mới thôi. Chú xách dao đi thẳng sang nhà Thuần, đứng sững giữa cửa, trong lúc bố Thuần đang ngồi bên bàn nước, tuyên bố một câu xanh rờn:

- Việc chia đất của các cụ ngày xưa là bất hợp lý, không lẽ nào vì cái

chuyện anh chui ra trước tôi, đã được ở phía ngoài lại còn được thêm hai mươi mét bờ tre chạy dọc đường làng. Tôi lấy lại năm mét để mở cái quán kiếm ăn.

Chẳng đợi bố Thuần đồng ý, chú Định đi thẳng ra bờ tre, xắn tay áo vung dao như múa, cành tre, lá tre bay toí tả như gặp gió to.

Dù hiền lành, bố Thuần cũng không thể nào chấp nhận được sự xấc xược vô lối của thằng em trai. Ông nhào ra bờ tre, đứng chặn trước mặt chú Định quát lên:

- Dừng tay!

Không đếm xỉa đến lời ông anh, con dao trong tay chú Định vẫn vung lên, hạ xuống liên tục, ánh nắng lấp lóa phản chiếu từ con dao như nhảy múa, như trêu ngươi bố Thuần.

Biết tiếng quát của mình không đủ uy lực chặn tay thằng em ngang ngược, bố Thuần lựa thế nhảy vào, dùng cả hai tay nắm chặt cổ tay cầm dao của chú. Hai bên giằng co xô đẩy nhau, cuối cùng con dao rơi đánh “keng” xuống đường làng bê tông, vừa lúc thằng Tâm đạp xe về.

Nhìn bờ tre bị chặt nham nhở, nhìn con ngõ ngổn ngang những tay tre, nó không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Hất cái xe đạp vào bờ tre, nó nhảy tới, trong lúc chú Định đã gỡ tay cầm dao của mình khỏi tay ông anh. Một tay túm chặt cổ áo bố Thuần, tay kia co lại, dùng miếng võ điêu luyện chú học được trong tù, thoi một quả đấm chí mạng vào mặt ông anh. Máu mũi, máu mồm bố Thuần ộc ra.

Thằng Tâm chụp con dao dưới đất, nhảy đến chỗ hai người, vung lên, quát:

- Buông bố tôi ra!

Đang say máu, chú Định co tay, định bồi tiếp cho ông anh một đấm nữa. Không may, bắp tay phải của chú lúc thu về bén đúng lưỡi dao mà thằng Tâm vừa dứt. Một mảng áo rách toạc, một mảnh thịt bắp tay bị lật, máu đỏ tủa ra.

Thuần về đến nhà lúc trời sắp tối. Cô cẩn thận dắt xe đạp vào góc nhà rồi ngồi xuống mé giường kê bên cửa sổ, vốn là chỗ ngồi thân quen từ ngày còn thơ ấu, cô thường ghé môi qua song cửa trêu chòng chú Định, mỗi khi chú ra ao rửa rau.

Thấy Thuần về, khuôn mặt dúm dỏ của bố Thuần như nở ra, lấp lánh nét vui mừng vì đã có cứu tinh. Biết Thuần còn mệt, ông không vội nói ngay, mà chỉ ngồi bên bàn lẳng lặng nhìn con gái. Trong lòng ông trào lên một sự xót thương vô hạn thẳm trách cứ sự đốn hèn của mình. Không biết giải bày lòng mình thế nào, cuối cùng, ông nói.

- Con Lan xóm trên, bạn học với mày, để đứa thứ hai rồi đấy! Lại con trai!

Câu nói của bố có hàm ý nhắc nhở đến duyên phận của Thuần không đạt hiệu quả mong muốn, mà chỉ làm rối thêm những suy nghĩ trong lòng cô. Thuần bực mình cấm câu:

- Bố nói chuyện ấy ra lúc này làm gì!

Bố Thuần ở ra, mặt quắt lại trước phản ứng của cô. Biết mình lỡ lời, cô đưa mắt lăm lét nhìn bố đang dùng bàn tay đen đúa, lúng túng đưa lên xoa cằm, cô bỗng chạnh lòng. Đã không biết bao nhiêu lần, Thuần đã dùng bàn tay nhỏ nhắn của mình, giữ chặt bàn tay của những ông khách, không cho họ tiến sâu hơn nữa, trong lúc họ đang cuống đại. Những bàn tay mịn màng và mềm dẻo biết bao, khác hẳn bàn tay chai sần của bố cô. Cũng là đàn ông, nhưng so với họ, bố cô cả đời chỉ biết lội ruộng, ngoài mẹ Thuần, không biết đến người đàn bà nào khác. Thuần muốn chạy đến ôm lấy bố mà gào lên một tiếng thật to: “Bố ơi!”

Thuần sẽ sàng hỏi bố như chuộc lỗi:

- Chú Định đòi con sang hả bố!

- Ủ - Bố Thuần đáp - Chú ấy không thèm nhìn mặt bố, không thèm nhìn mặt ai trong nhà này. Đào đâu ra hai mươi triệu bây giờ hả con! - bố Thuần rên rỉ.

Thuần bản khoản:

- Sao lại phải là con? Việc này là việc của cha chú cơ mà!

- Bố cũng không hiểu! - Bố Thuần ngập ngừng - Hay chú biết mày làm công nhân giày da lắm tiền...!

Thuần cười khẩy, đưa mắt nhìn ra mảnh sân tối thui, rồi quả quyết:

- Cứ để con sang!

Thuần quảy quả đi thẳng ra ngõ. Đến cổng nhà chú Định, cô ngập ngừng dừng lại, hít một hơi thật sâu cho không khí căng đầy lồng ngực rồi kiên quyết đẩy cổng bước vào.

Chú Định đứng sững giữa nhà, mặt bặm trợn như một con thú chờ con mồi.

- Mày đã sang đây thì tao nói thẳng. Giữa tao với gia đình nhà mày từ bây giờ không còn anh em, chú cháu, máu mủ ruột rà gì hết! Nó chém tao gần lìa cánh tay ra thế này - chú Định giơ cánh tay băng bó vào mặt Thuần, rồi ông ta cúi xuống găm bàn, cắm lên một vật dài bọc ngoài bằng một tấm giẻ rách bẩn thỉu. Ông ta bỏ tấm giẻ, cầm con dao rựa dí thẳng vào mặt Thuần:

- Tang chúng đây! Muốn cứu nó khỏi tù thì “nôn” hai chục triệu ra!

Bị đòn phủ đầu, mặt Thuần tái mét, định phân trần vài câu thì người chú giơ cánh tay còn lành xua lia lịa:

- Khởi trình bày! Tao thừa biết mày có tiền, nhiều tiền là khác! Cả nhà mày, cả làng này chỉ biết mày làm công nhân giày da, nhưng tao biết mày ra tỉnh làm điểm. Mỗi ngày tiếp hàng chục khách, kiếm mấy trăm nghìn... Có thể mày mới có tiền sửa nhà, lắp điện thoại cho bố mày chứ!

Thế là đã rõ, cái điều mà Thuần nơm nớp lo sợ bấy lâu đã được nói ra từ miệng chú cô. Hẳn rằng những lần đến chơi gái ở quán Mỹ Duyên, dù cô đã trốn, vẫn không sao thoát khỏi cặp mắt rình rập của chú mình. Nó như một đòn chí mạng, đập tan hy vọng của Thuần hòng kêu gọi tình

chú cháu, máu mủ mà giải cứu cho thằng Tâm khỏi tù và cô khỏi mất tiền. Chú đã biết Thuần làm gái, vậy mà chú còn nhẫn tâm và đố kỵ, chớp lấy cơ hội, cướp lại những đồng tiền nhơ nhớp ấy của cô. Thuần lão đảo quỵ xuống, phản xạ tự nhiên như những ngày đầu đi khách còn xấu hổ, cô giơ cả hai bàn tay lên che mặt, gào lên, khản đặc:

- Chú ơi!...

Chú Định cong người, giơ cánh tay lành giật phẳng hai tay đang ôm mặt của Thuần, chỉ vào mặt cô xỉa xói:

- Mày vừa sướng, vừa được tiền, thì mày phải biết tiêu tiền đúng miếng - Chú Định dần giọng, tiếng nói rít qua kẽ răng - Mày chi ra, không thiệt đâu! Ngoài việc cứu em mày khỏi tù, tao thể sẽ giữ kín, không hé răng để một người nào làng này biết mày ra tỉnh làm phò! Sướng chưa, *nhất chi lương việc*, còn gì.

Thuần bị điểm huyết. Cô ệp xuống, dúm dỏ như một con gà nhép trước bóng tối của đôi cánh con diều hâu từ trên cao chớp xuống. Cái điều cấm kỵ, tuyệt đối cấm kỵ, hòng giữ thể diện cho bố mẹ và dòng họ mà cô ém nhem trong dối trá mấy năm nay, không khéo bị ông chú ruột lật tẩy, phô bày ra giữa làng nước. Trong cái mùi hương của đời làm đi, cái phương duy nhất còn để lấy chồng, có nguy cơ bị người chú vô lương tâm của cô đóng lại. Thuần đang trở thành vật hy sinh cho một chuỗi sai trái mà những người ruột thịt với cô gây ra, và đích thân chú ruột tổng tiền Thuần, những đồng tiền mà ông chú quý hóa của cô cho là từ sướng mà ra.

Ôi, chú của cháu ơi! Đâu rồi cái ngày cháu học võ lòng, chú hôn hờ khoác lên người cháu cái áo phin hoa cổ cánh sen, mua bằng tiền bán lúa rau đầu tiên trong vườn nhà, rồi bỗng cháu lên vai, đi không không, trước con mắt ước ao, thèm muốn của những đứa trẻ cùng lớp...

Cô ngẩng đầu nhìn thẳng vào mặt người chú như tìm lại gương mặt



ngày xưa. Dưới ánh đèn vàng quạch, khuôn mặt chú Định xù xì, nham nhở với mớ tóc dựng đứng, tựa gốc cây bị bật bên đường.

Lo sợ đến đặng hòng, làm cô như tắc thở. Thuần trợn trừng nhìn chú Định đang lồng lộn như một con sói mà nước mắt cứ tràn ra trên má. Trời ơi, lẽ nào như thế! Đành rằng là người, Thuần phải kiếm tiền, nhưng chỉ bằng cách của mình thôi, không làm hại ai khác. Còn đây: bậc cha chú đáng kính của cô lại kiếm tiền bằng cách đánh trúng điểm yếu của người thân, của con cháu. Vì tiền mà chà đạp cả tình, cả nghĩa, thậm chí đến vô nhân như thế này.

Không! Không thể nào như thế! Chút hy vọng yếu ớt ngọ nguậy trong lòng Thuần, làm sáng rõ một dự định trắc nghiệm về sự còn mất của tình ruột thịt trong con người chú Định, mà cô manh nha từ lúc ngồi một mình trong cái phòng của quán Mỹ Duyên. Thuần cũng linh cảm được kế hoạch mà cô vạch ra để đối phó với chú Định là cực kỳ nguy hiểm, bởi con người và thành tích bất hảo của chú. Nhưng, mặc, cứ phải hành động đã! Nếu chú Định thực sự súc vật, cô sẽ tự giải cứu mình, không bao giờ để việc ấy xảy ra. Hất thẳng mớ tóc rũ rượiбет nước mắt ra sau gáy, Thuần đứng vụt dậy, sấn đến trước mặt ông chú. *Là phụ nữ, nếu buộc phải đánh trả sự vô nhân, thì nên dùng biện pháp vô loài!*

Cách người chú cỡ bước chân, Thuần dừng lại, cố nén uất ức, cô thề thọt:

- Chú ơi! Chúng cháu bé đại tội nghiệp, cầu xin chú nghĩ lại...

Không để cô nói hết câu, chú Định trừng mắt:

- Im đi, khỏi nhiều lời! Tao nói rồi! “Nôn” hai mươi triệu ra đây!

Thuần rên rỉ:

- Nhưng chú biết rõ mà, những đồng tiền của cháu...

- Mặc mẹ mày, tao không cần biết! Tiền nào cũng là tiền. Có chịu “nôn” ra hay không thì bảo!

Biết có cầu xin thêm nữa cũng vô ích, nổi cay đắng đẩy đến mức không còn chỗ chứa, Thuần đảo mắt quét một cái nhìn lên thân thể chú Định, cái nhìn nghề nghiệp, dùng mắt sờ nắn và đoán định chính xác độ cứng mềm của người khách lạ lần đầu tiên vào phòng với cô, trước khi họ trút bỏ quần áo. Việc ấy đối với Thuần quen rồi, cô chưa hề ngăn bất cứ một loại đàn ông nào, từ những ông với trọng lượng cơ thể nặng ngót một tạ toàn thân thơm nức mùi rượu Tây hảo hạng, đến những thằng nghiện còm nhom, hôi hám, cả lưng, bụng, chân, tay xăm trổ vằn vện đầy những hình rắn, rết, chồn, cáo, hổ, báo, đại bàng. Thuần đổi giọng, nói rành rọt:

- Được, ông nói thế, tôi hiểu. Nhưng tôi vẫn chưa tin là ông lại tuyệt tình!

Không để chú Định kịp phản ứng, Thuần bồi tiếp, như cảnh báo với chú, đối thủ của ông ta là ai:

- Tôi làm điểm là đã tuyên thệ với mình, chấp nhận đàn ông toàn thế giới. Già, trẻ, lớn, bé, da đen, da trắng, da đỏ, da vàng. Sẵn sàng xuyên lục địa bán thân! Còn ông, đẹp tốt cái nỗi gì! Từ ngày đất nước mở cửa, ông sa đoạ trác táng, không từ một loại đàn bà nào, thậm chí đến con điên ở chợ ông cũng không tha, trở thành một loại dĩ dục, chơi gái thành thần.

Phóng những tia mắt rực lửa như muốn thiêu cháy ông chú đang loạng quạng, chao đảo, quờ tay ra sau tìm cây cột để dựa lưng, Thuần đưa tay luồn vào áo ngực, rút ra quyển sổ tiết kiệm, quảng lên bàn, chỗ sáng nhất:

- Đây là hai mươi triệu! Cộng với lãi suất sáu tháng của ngân hàng!

Chú Định chộp vội quyển sổ, đưa lên sát mắt kiểm tra.

- Để có nó - Thuần tiếp - Ông có biết tôi phải vắn trên bụng bao nhiêu thằng không? - Thuần vung tay xò cả năm ngón trước mặt người chú - Năm trăm thằng! Ông biết đếm chứ, năm trăm thằng! Gấp đôi đàn ông cái làng này!

Không để người chú cảm nhận hết tầm con số, Thuần đồng dặc:

- Tôi sẽ viết giấy ủy quyền! Nó là của ông với điều kiện: ông chứng minh được chúng ta là người dùng!

Bằng một động tác thuần thực, trong tích tắc, toàn bộ quần áo trên người Thuần tuột xuống đất, lỏa lồ thân thể trẻ trung với bộ ngực đầy đặn của cô. Chỉ một bước, Thuần lên giường, nằm ngửa ra, khép hờ đôi mắt u buồn bên sống mũi thẳng và cao như mũi Đức Mẹ, rồi duỗi thẳng cặp giò trắng như ngó cấn, ngay cạnh người chú đang đứng chết trân, hất hàm:

- “Của lạ” đấy! Chứng minh đi!

Chú Định ngây ra, không hiểu đứa cháu gái định giờ trò gì. Sau hiểu ra mới biết mình đã lâm vào một tình huống khốn nạn. Mọi kế hoạch vạch ra để tổng tiền Thuần bị bẻ sang hướng khác, đặt ông ta vào một tình thế trớ trêu. Đang ở thế tiến công, phải quay về lúng túng chống đỡ. Trong đời, nhiều lần đứng trước những người đàn bà khóa thân do mua được, hay “chim” được, khi họ đã nằm trên giường, ông ta bình tĩnh và lộc lỏi thỏa mãn nhục dục của mình, không chút do dự. Còn bây giờ, cái thân thể trắng trẻo đầy ma lực kia là cháu ông. Hai mu mắt sụp xuống, chú Định vượt một cái nhìn trộm lên thân thể Thuần.

Như đọc được ý nghĩ trong đầu ông chú, Thuần nheo một bên mắt, khẽ nhếch môi kiêu nửa miệng, nét mặt hết sức khinh nhờn:

- Sao, không dám bước qua ngưỡng à! Bản lĩnh người hùng của một thời soi ếch đâu rồi!

Chú Định đảo mắt nhìn vội ra sân. Thuần giục:

- Làm đi, được hai thứ đấy! *Nhất chơi lưỡng lợi*. Đại lộ còn gì!

Câu nói đều cang mang đậm tính chuyên nghiệp kiểu dĩ điểm thị thành của đứa cháu gái, như một mũi dao sắc lạnh đâm suốt vào trái tim tự tôn bề trên vẫn còn trong tiềm thức của người chú, làm ông ta đau

nhói. Toàn thân ông run lên, đôi môi dày mím chặt, mắt long lên trắng dã, hai tròng mắt trối ra như hai viên đạn sắp bay ra khỏi nòng súng. Cái con nhãi ranh trời đánh thánh vật không chết, nằm thưỡn trên giường kia, mới có mấy năm ra tỉnh, lẩn lộn, vật vã giữa trường đời, đã kịp trang bị trong mình một loại vũ khí là một chất kịch độc. Mượn gió bẻ măng, ông những tưởng âm mưu của mình đã thâm độc, nhưng so với nó, chất độc của ông ta chỉ như nọc của một con ong so với chất độc của một con bọ cạp.

Vút “bẹt” quyển sổ tiết kiệm vào mặt Thuần, chú Định cúi xuống, bốc nắm quần áo ném thẳng vào người cô. Tiện tay ông vớ cái điều cày dưới chân bàn, vung ngược lên trước mặt Thuần, nước điều ông ọc đổ xuống nền nhà, hôi khai nồng nặc.

- Cút! Cút ngay. Cút khỏi nhà tao!...

Nắm chặt trong tay quyển sổ tiết kiệm, Thuần ấp vội mớ quần áo lên ngực, xộc xệch vọt ra khỏi giường.

Đến bụi tre cô còn nghe tiếng chiếc điều cày nhảy còong còong trên nền sân gạch. Thấm đôn, chú Định gào lên, tiếng gào đau đớn, ê chề, vang vọng trong đêm tối, giữa làng quê thanh bình...

Sáu giờ sáng bố Thuần mới lay cô dậy. Tối qua khi thấy con gái thất thần chạy như ma đuổi từ bên chú Định về nhà, leo lên giường trùm kín chăn khóc dấm dức, dù gạn hỏi thế nào cũng không nói, ông đành bấm bụng chờ đến sáng nay. Biết Thuần còn ngái ngủ, ông không hỏi ngay. Cả hai cứ ngồi trên giường nhìn qua cửa sổ quan sát nhà chú Định. Có tiếng kệt cửa, chú Định từ trong nhà đi ra bờ ao, cánh tay lành xách con dao rựa sáng trắng. Bố con Thuần nghệt thở. Họ không hiểu chú Định sẽ giở trò gì nữa. Đến bờ ao, nơi có hòn đá mài vốn là nửa thớt trên của cái cối xay bột bị vỡ, ngày xưa vẫn dùng xay bột cho đám trẻ của hai nhà, chú dừng lại rồi lảng lạng phi con dao ra giữa ao. Một tiếng “chút”, con

dao cắm xuống nước theo cạnh dọc. Mặt nước loang ra vô số vòng tròn rồi yên tĩnh trở lại.

Chú Định lẹp kẹp lê dép quay vào nhà. Bố Thuận thở một hơi dài rồi quay sang cô thẩm thì:

- Hôm qua con thừa chuyện với chú thế nào mà bố thấy như việc đã xong. Con cứ đi làm kéo muộn, người ta lại đuổi việc! Thời buổi này, ở ngoài phố, có được việc làm như vị trí của con là quý lắm đấy!

*Trại sáng tác văn học Đại Lải*

*Tháng 8 năm 2007*

*L.V.C*

N G U Y Ễ N   Đ Ặ N G   M Ừ N G

# Về làng

(SH số tháng 2 - 2008)

*Những người thất đáy lưng ong  
Vừa khéo chiều chồng lại khéo nuôi con*

(Tục ngữ)

**h**àng năm cứ vào tháng chín âm lịch, bà con ở xa thường về làng *chạp mả*. Nhiều khi ở cả tháng trời cũng chưa *chạp* xong mộ bên nội bên ngoại. Làng có tám họ tộc, mấy chục đời gả qua lấy lại gần như bà con cả. Nhớ cho ra bà con thế nào, nội ngoại ra sao, ai anh ai chị, ai chú ai bác, ai o ai dì là một chuyện không dễ. Có những trường hợp tôi vừa là ông vừa là cháu của một người nào đó, nếu theo giai bậc của cách gọi bên này và ngược lại bên kia. Phải nhớ để khỏi bị trách là điều thiệt khó đối với những người ở xa về. Từ ngày xa quê tôi thường ghi chép để khỏi bị các chú bác cô dì trách: “*Ơn say chưa*”.

Nghĩa địa gọi là rú, là những đồi cát thấp có nhiều cây đại. Hồi còn nhỏ, rú là nơi bí ẩn linh thiêng đối với chúng tôi. Năm lên mười, lần đầu được vác cuốc đi *chạp mả* ngoại, được các cậu chỉ bày đâu là mộ ngài nhất thế tổ, đường kính cả hàng chục mét, đâu là ngài khai khẩn, khai

canh. Khi cuộc phải một cái om đất nào các cậu bảo đó là của người Hời để lại. Người Hời đối với chúng tôi như là người âm phủ. Chuyện về ma Hời một lần nghe ai kể là đêm ngủ đứa nào cũng tranh nhau nằm giữa. Lòng vòng một chặp chẳng nhớ ngôi nào là thế nào, chỉ trông mau nghe tiếng phèng la giục để kéo về nhà thờ họ ăn xôi thịt. Trời cuối thu, mưa lay phay lành lạnh mà ăn xôi thịt là nhất. Một mâm gồm xôi một bên, thịt một bên, gọi là *tả xôi hữu thịt*. Có ít chuối chát, khế và nhất là nước mắm mụ Cung nữa thì phải biết.

Lần này nhân khánh thành đình làng mới xây hàng tỷ đồng, phần lớn của những đại gia xa xứ đóng góp, bà con trong làng về nhiều, tôi cũng thế. Lâu rồi mới được một lần sum họp bà con vui thế này. Đúng mùa chạp mả nên trên rú đông như ngày hội. Mổ mả không còn phải chạp như xưa. Không ai cần mang cuốc, chỉ thắp nhang. Nghĩa địa được xây như một “thành phố âm phủ”. Họ ni phái tề ganh đua xây dựng. Những lăng mộ “hoành tráng” thi nhau mọc lên. Đứa ở Mỹ phải hơn đứa ở Pháp. Con nông dân mới phát phải hơn con địa chủ ngày xưa. Thế là... ông bà được một phen... hãnh diện, “nở mặt nở mày”. Thằng Thi hướng dẫn tôi đi thắp nhang mộ chú Gàn, chú Rìu và các ngôi mộ của những người ngày xưa cùng đội sản xuất.

Nổi bật lên trong đám phụ nữ là một bà quý phái, tay che dù, có vài “tiểu đồng” đi theo. Tôi hỏi thằng Thi “Ai đó”, hần cười, “Con mụ Nị chớ ai, nghe nói nó ở trong Sài Gòn, giàu lắm”, “Nhớ rồi, con Nhan phải không”, “Chớ ai nữa. Hôm ni khánh thành lăng mụ Nị”.

Tên tuổi có khi cũng vận vào đời người, không *số phận* thì cũng hình dạng bên ngoài. Ví dụ làng tôi có chú tên Rìu thì cả đời làm thợ cạo. Chú đeo cột tròn nổi tiếng cả một vùng. Những cột mít cong qua tay chú cũng trở thành thẳng. Hay chú Gàn thì... gàn không chịu nổi. Nghe nói thời Ngô Đình Diệm, thôn trưởng, xã trưởng nghiêm lắm. Thế mà có lần chú dám cãi với cả cấp quận. Số là làng tôi có con hói mới đào để

chống úng, nước lụt lên cá nhiều lắm. Lúc nước rút chú Gàn đem *dạ* ra đơm làm cản dòng nước chảy. Quan huyện đòi phạt, chú trả lời tỉnh bơ: “Nước chảy thì con đơm, con không đơm nước cũng chảy”. Mạ tôi kể có ông Chậm một đời chưa đi mòn đôi guốc *Mức*, nơi xa nhất ông đã từng đi là chợ Kê Diên cách làng bảy cây số. Đi đâu ông cũng chân đất, kể cả đi ăn kỵ, ông treo đôi guốc trước móc dù, đến trước cổng nhà người ta rồi mới mang vào. Nghe nói khi chết đôi guốc của ông vẫn còn mới.

Nhan cũng thế, “*Hồng nhan đa truân*”.

Ngày đầu về làng “tham gia sản xuất”, tôi đứng gần bên Nhan để thi cuộc đất *thải* giữa các thanh niên của các đội sản xuất trong làng. “Đấu trường” là ruộng “Quá Giang”, một dãy ruộng có bờ thửa rộng và dài. Đích đến là lá cờ, sau lưng là loa phát thanh hát bài “Tiến về Sài Gòn”. Chúng tôi dàn hàng ngang. “Một hai ba... cuộc”. Anh chi hội trưởng phất cờ, thế là cú đấu cuộc. Tôi cuộc đúng kỹ thuật nên cùng bề ngang năm lát cuộc, càng lúc tôi lại càng bị lùi về phía sau. Nhan kêu lên “Chú cứ cuộc một lát, thả một lát, nhanh lên”, tôi làm theo trong hăng say phải thắng. Cuối cùng đội chúng tôi về nhất. Báo hại mùa *trái* đó, đám ruộng chúng tôi lập “thành tích” khỏi gặt, vì chẳng có chẹn lúa nào. Cờ thi đua của thanh niên đội tôi vẫn “khí thế” treo lên trên “văn phòng” thanh niên phân chi hội.

Văn phòng phân chi hội là nhà của mạ con Nhan, cô làm phân chi hội trưởng. Chồng chị Nị (Ba của Nhan) là hạ sĩ quan tiếp liệu (chế độ cũ), những năm sau bảy lăm còn ít vải vóc, áo quần. Nhan lúc nào cũng sạch sẽ gọn gàng, áo lụa hoa, quần Mỹ Á, xa tanh. Ba Nhan chết lúc xuống tàu ở cửa Thuận An, do mang nhiều tiền nên bị cướp giết chết.

Mạ Nhan hay bệnh, những chiếc áo hoa, quần Mỹ Á, xa tanh của Nhan cũng phải bán đến cái cuối cùng, mỗi cái được tính bằng lúa, cái cao nhất là cái quần xa tanh được ba thùng lúa, ngày bán cái quần xa tanh, gánh lúa về, Nhan vừa chạy vừa khóc.



Nhan hòa đồng với những cô gái quê mười tám đôi mươi thiếu ăn rách rưới. Mới mấy năm mà trông xác xơ đi, nhưng vẫn đẹp. Suốt ngày ngoài ruộng đồng. Mỗi lần xắn quần bước xuống ruộng làm cỏ, đôi chân thon hồng làm chạnh lòng bao chàng trai, cũng làm khó chịu những bà sồn sồn trong đội.

Một chiều trời mưa lớn, Nhan đứng ngoài ngõ nói với vào: “Chú Bình ơi, khoai sau rú ngập hết rồi, mai sớm chú cháu mình đi lặn, được củ mô hay củ nấy chớ nhà cháu hết gạo rồi”. Tội hơn Nhan bốn tuổi, không biết bà con thế nào mà gọi tội bằng chú. Thấy tội thân thiện với Nhan ba tội nghiêm giọng: “Coi chừng ba không làm sui gia với con Nị mô nghe”.

Cơn lụt cuối tháng ba gọi là tiểu mãn, khoai đất cát mới hai tháng bị ngập trong nước. Cả làng già trẻ lớn nhỏ lặn nước moi khoai. Nước ngang ngực, ngang cổ. Mỗi lần lặn xuống kéo lên một vài dây khoai có dính vài ba củ bé tẹo như trứng gà so. Mấy ngày mưa hôm nay lại có nắng. Tội và Nhan lội cả cây số mới tới nơi những vồng khoai hai *chú cháu* trồng hôm đầu tháng hai.

Tháng hai, mùa giáp hạt.

Nhan qua nhà tội thật sớm, để gánh phân chuồng có cột cái cuốc rãnh trước sân. Cả nhà đang ăn cơm độn khoai, mạ tội xới cho Nhan một chén, rưới lên chút nước ruốc. Nhan ăn ngon lành, tự nhiên, xong gom hết chén bát đi rửa. Nhan nói “Hôm qua đội chia rồi, chú cháu mình được chia lô trồng khoai sau *động* Mai Đường, chú chưa lấy phân phải không, để cháu lấy cho”, đoạn ra chuồng lấy đầy hai thùng phân, một ngàn ngọn để lên trên. Mạ tội đưa Nhan gói khoai khô nấu, bảo để chú cháu ăn bữa lợ.

Nhan gánh phân chạy trước, đòn gánh nhịp nhàng, chơi vơi dáng người thon thả. Nhan chạy chân trần, gót chân nứt nẻ, áo bộ đội ngắn ngang thắt lưng, lộ mông tròn lắc qua lắc lại.

Nghe kể khi làm cỏ lúa mấy đứa con trai cố tình làm chậm lại để lên

nhìn mông Nhan chống lên, căng lẳng trong chiếc quần Mỹ Á. Thằng Thi hôm đó mang quần xà lỏn vải mỏng làm cỏ lúa sau lưng Nhan, khi hết lối đứng bờ không đứng lên được, nó giả đồ đau bụng ngồi bệt xuống bùn. Chú Gàn biết tông nó đang thế nào, kêu lên: “Bà con ơi, tới bắt cá tràu...”. Thằng Thi đứng dậy bụm “cá tràu” chạy về, không làm cỏ được nữa. Cả đội cười bỏ lẩn trên bờ ruộng, các cô gái chưa chồng đỏ mặt thẹn thò. Chú Gàn lại hò: “Bởi em thương ruộng thương đồng, mặt úp xuống lúa chống mông lên trời”. Ngày đầu tôi thấy hình ảnh này, vừa tội nghiệp vừa thương xót các cô. Tham gia một ngày làm cỏ, tối về chân tay muốn rớt.

Buổi sáng bà con vừa gánh phân vừa khoe với nhau là trồng được mấy ngàn ngọn rồi. Đất cát vùng trũng còn nhiều, chưa vô hợp tác nên mạnh ai nấy trồng. Khoai là lương thực chính, lại còn “sản xuất cá thể” nên bà con dồn hết tâm sức vào chuyện chăm bón. Muốn trồng nhiều khoai phải nuôi heo để có phân, có nhà dùng cả phân người. Đất cát trắng tinh (sau này tôi đi nhiều nơi chưa thấy cát ở đâu trắng như thế; bạn tôi ở Bắc Mỹ có lần viết thư bảo tuyết ở đây trắng như cát quê mình), dùng cuốc răng cào lên một mái, rải phân chuồng dọc theo luống, cào mái còn lại để lấp phân, rồi trồng ngọn lên. Ngọn khoai gục xuống mấy ngày, nhờ ăn gió ăn sương đến ngày thứ ba thì ngóc đầu dậy... Một tháng sau khoai bỏ vôi gọi là “xây bàng thang”, thường rất ít cỏ, chỉ cào lại một lần cho tới đất rồi chờ ngày thu hoạch. Khoai đất cát củ nhỏ, vỏ mỏng, ăn rất bùi.

Khu vực tôi và Nhan cào khoai là một miếng đất trũng, bốn phía cao lên những nong cát. Đứng cào khoai chỉ thấy trời xanh và cát trắng. Trời càng trưa càng nóng. Nhan cởi cái áo bộ đội khoác ngoài, bên trong là chiếc áo cánh bằng lụa màu hồng cài nút bóp. Chiếc quần vải chéo màu đen bạc phếch, có vá một miếng sau mông. Hồi trước ngực Nhan lớn, giờ thấy nhỏ lại, có lẽ tại không mặc áo ngực. Đồ lót phụ nữ khan hiếm, trong cửa hàng hợp tác không có, ngoài thị trường thì quá đắt đỏ.

Mỗi lần có vải phân phối về là vui lắm, hy vọng ngồi lên trong mắt bà con, nhất là các cô các chị. Áo quần vải vóc được chia thành từng phần, rồi bốc thăm như xổ số. Trước khi bốc thăm thường có cán bộ ban ngành nào đó phổ biến “chủ trương đường lối”. Hôm đó chị Mịn hội trưởng phụ nữ thôn nói về kế hoạch hóa gia đình, sau khi “kính thưa”, chị bắt đầu “đi vào vấn đề”. (Chị có thói quen nói dai, bà con thì nóng ruột trông mau hết để bắt thăm). Chị thường “triển khai” bằng câu “Một là...”, rồi hai là, ba là... rồi trở lại “một là... hai là...”. Lần này bà con tưởng xong chờ đợi, chị lại tiếp “Bốn là...”. Bà con ồ lên, chú Gàn đưa tay có ý kiến, chị Mịn trình trọng: “Mời chú Gàn”. Chú đứng dậy nói cộc lốc: “Bốn là bá l...”. Cả đội cười nghiêng ngả. Chị Mịn mặt găm găm.

Oái oăm là các cô ít khi được trúng quần vải chéo đen, có khi lại bắt trúng quần xà lỏn. Có lần cái Bê con mụ Nậy không trúng được quần đen khóc tức tưởi. Thằng Thi lại trúng luôn hai cái. Tối hai đứa về cùng đường, thằng Thi đề nghị: “Cho tau rờ một cái tau đổi quần đen cho”. Con Bê “Xì” một cái, sau đó nghĩ lại, tiếc, bước lên chặn thằng Thi lại, nói “Đó, mần chi đó thì mần”, thằng Thi không làm chi cả. Rúa là con Bê giật cái quần chéo đen trên tay thằng Thi. Thằng nhỏ mất tiêu cái quần trị giá hai thùng lúa.

Mồ hôi làm áo dính vào lưng của Nhan, thấy rõ cả đường ao. Mạ tôi hay bảo những đứa “thắt đáy lưng ong” như con Nhan hiếm lắm, thế nào cũng làm mệnh phụ. Tôi ngừng cào ngẫm xem cái lưng ong nó làm sao. Nhan không để ý, hỏi:

- Chú có ý định hỏi vợ mô chưa?
- Ai ứng mà hỏi.
- Cháu có người sắp đi hỏi rồi đó.
- Ai rúa?
- Ông Thệ.
- Ông Thệ lùn bên làng Q. phải không?

- Dạ. Cháu không ứng mà mạ cháu cứ ép hoài, cháu khổ lắm. Mạ cháu nói ông Thệ hiền, lại làm phó chủ nhiệm hợp tác, khỏi lo đói.

Tôi biết lão Thệ. Hăn mập, lùn tịt, da trắng bệch, đội chiếc mũ cối, mang cái đài mở oang oang, hay đạp xe qua làng tôi. Hình như hăn có bà con nội ngoại với ai đó ở xóm Tả. Vợ hăn chết, có hai đứa con gái đã học cấp hai.

Đến lúc này mới hiểu lòng mình, tôi dừng cào loạng quạng ngồi xuống trên vòng khoai. Nhan chống cuốc, khom người nhìn tôi, mồ hôi lấm tấm trên má trên cằm, đôi mắt mở to dưới vành nón lá, ái ngại: “Chú mệt à, nghỉ một chút nói chuyện rồi cào tiếp, chắc trưa cũng được vài ngàn ngon”.

Nhan thân thiện ngồi xuống bên. Tôi nhìn sâu vào mắt Nhan, ngập ngừng: “Tôi thương Nhan”. “Chú thương hại cháu”. “Chú thế”...Lưỡng lự một chút, Nhan ôm chầm lấy tôi khóc hu hu. Nhan khóc cho thỏa, rồi thút thít: “Ông (ba tôi) không cho mô, ông chê nhà cháu không xứng.”

... Nhan nằm lên đùi tôi, hàng nút bóp trật ra lộ lộ ngực trần trắng ngần, loang loáng cát. Tôi hôn lên đó. Tôi hôn lên những nong cát hoang hoải quê nhà.

Nước ngập ngang ngực, trong đèn độ thấy những lá khoai xanh tái rung rinh. Hai *chú cháu* bắt đầu thấy lạnh. Môi Nhan tái đi. Nhan bưng cái rá còn tôi lặn. Lặn một hơi kéo lên được vài ba dây có dính những củ khoai màu trắng ngà, nhỏ như trứng chim trứng gà. Nhan *lấy* cho vào cái rá, đẩy rá thì bưng lên nong cát đổ vào bao. Đến gần trưa được hai bao 50 ký. Tôi lặn một hơi dài, khi trồi lên thấy Nhan té xuống, nước ngập đầu, tóc lòa xòa lao chao trong sóng nước. Tôi hốt hoảng bế Nhan lên khô. Nhan ọc ra một búng nước, mặt tái mét, môi run run: “Cháu đói, sáng ni chưa ăn chi hết, nhà cháu hết khoai rồi...”. Tôi chao mấy củ khoai bảo “Cháu nhai đi cho đỡ đói”. Nhan nhai khoai ngon lành. Tôi bảo cháu cởi áo ra đi, mặc áo khoác khô vào cho đỡ lạnh. Nhan ngoan

ngoân quay lưng cởi cái áo cánh, dưới nắng trưa, tấm lưng gầy màu trắng xanh như dài ra tội nghiệp. Đường ao cạn đi tro những đốt xương sống. *Lung ong, mệnh phụ* gì ở cái xứ này!

Để hai bao khoai lại, cống Nhan về, tôi cũng đói rồi, chân run từng bước.

Mùa màng năm đó thất bát, cánh đồng đến mùa gặt bạc phếch, “chuột chạy không bén lông”, lo lắng lộ rõ trên khuôn mặt những người lớn tuổi. Người ta bàn tán, kể lại chuyện đói năm Thân Dậu. Mạ tôi xay lúa, hò ư ử: “*À... ơ... ờ, được mùa chó phụ môn khoai, hà ơ...i...đến năm rồi... Thân Dậu,...À ơ... biết lấy ai... bạn cùng*”.. Tiếng hò nghẹn lại trong tiếng lao xào của cối xay. Trong làng chẳng ai còn môn còn khoai để làm *bạn*. Năm này năm Thân, sang năm là năm Dậu. Chú Gàn đôi mắt lim dim ngậm nga “*Thân Dậu niên lai kiến thái bình. Thái bình chết đói thấy mà kinh...*”. Chú Riu thất nghiệp dọn quán hớt tóc, từ sáng đến chiều không có khách nào, chú nhấp kéo nghĩ lại cái thời cầm rìu ngang dọc, được ăn ba bữa còn chè cháo hai bữa lỗ, rúa mà... chừ đói thất ruột gan.

Tháng mười. Qua bốn trận lụt làng xóm xơ rơ, không còn tiếng chó sủa, heo kêu, gà gáy. Những cây đu đủ, cây chuối gục xuống vàng khè. Trong làng chỉ còn cây tre là sống nổi. Bùn đóng váng lên cây cỏ màu phù sa tái nhách.

Một trưa tôi đang lơ mơ ngủ nghe Nhan gọi: “Chú Bình ơi, đi chia thịt trâu”. “Trâu mô rúa”, “Con trâu Ve chết rồi. Nghe nói mỗi nhà được hai ký, còn mấy nộp cho hợp tác xã”. Con trâu Ve cày hay nhất đội bốn chân chổng lên trời, bà con vây xung quanh, mặt ai cũng ngời lên sung sướng. Chia thịt trâu về xong Nhan lại kêu: “Chú Bình ơi đi chia bo bo”. Bà con nháo nhác bên chiếc xe vận tải chở đầy bo bo. Chú Kha bí thư chi bộ trình trọng “*Kính thưa bà con, Đảng ta luôn quan tâm tới bà con, anh em các nước xã hội chủ nghĩa không quên chúng ta, Liên Xô vừa viện trợ cho chúng ta hàng triệu tấn bo bo, đây là loại lương thực rất bổ dưỡng...*”. Bà con vỗ tay quá chừng.

Đêm đó có rất nhiều sáng chế từ món thịt trâu già dai nhách nấu với bo bo. Sáng mai có hàng chục người được gánh ra trạm xá vì bội thực.

Tháng chạp trời rét cắt da, mặt ai cũng vàng đi vì đói. Riêng mẹ con Nhan thì không, Nhan phồng phao lên thấy rõ. Chị Nị đã đi lại được, bắt đầu đỏ da thắm thịt. Lão Thệ buổi tối thường ghé nhà Nhan, chờ sau xe đạp khi thì tùm gạo, khi thì cân thịt. Có lần tôi qua nhà Nhan mượn mấy lon gạo về cho mẹ nấu cơm tối, Nhan đang phơi áo, tấm lưng ong nuốt nà trong chiếc áo lụa mỏng, phơn phớt đường cong. Khi cúi đóng gạo, tôi liếc thấy hai bầu vú Nhan căng hồng, lớn hơn hồi tháng hai nhiều. Nhan đóng thêm một lon, gói riêng trong tờ báo cũ, bảo “khuya chú nấu riêng một lon gạo không độn khoai sắn mà ăn, lâu rồi chú chưa được ăn một bữa cơm không độn, gạo ni ngọt lắm”. Về, tôi nói với mẹ ý con Nhan, mẹ nhìn tôi ứa nước mắt.

Có lần đi họp chi hội sớm tôi hỏi Nhan: “Cháu tính sao”, Nhan thần nhiên: “Ăn no rồi tính, chú có tính chi được cho cháu mô”. Nghe Nhan nói tôi the thắt trong lòng, đúng rồi, tôi có tính gì được đâu. Tôi không trách Nhan, cũng không trách tôi. Khi đói con người ta chỉ còn nghĩ đến chén cơm.

Đám cưới Nhan và lão Thệ sẽ được chi hội thanh niên tổ chức vào ngày chủ nhật hạ tuần tháng chạp. Chiều thứ bảy phân chi hội lo làm rạp, cắt khẩu hiệu, cờ xí. *Hôn trường* lờ lợt nhiều màu. Chiều xong việc đám thanh niên ai về nhà nấy. Đến gần tối, Nhan nói nhỏ, “Tối ni khoảng mười một giờ chú ra ngoài ngõ cháu có chuyện ni nói với chú, nhớ nghe”. Tôi hỏi “Chuyện chi rứa”, Nhan nghiêm mặt “bí mật”.

Nhà tôi còn vài thùng lúa, mẹ tôi mỗi bữa nấu một lon sữa bò, còn bao nhiêu là độn sắn lát. Những hạt cơm dính trên những lát sắn thừa như lúa giống lúc vãi mạ. Mỗi người chỉ được hơn chén. Thức khuya cơn đói cồn cào. Mười giờ đêm cả xóm chìm đi trong bóng tối mùa đông. Tôi đi tha thẩn trước sân, trùm cái mền dạ mà cứ run cầm cập. Lạnh từ

trong ra ngoài, từ trên xuống dưới. Chưa bao giờ tôi đói như thế này. CƠN ĐÓI HỒI CHIỀU CÒN HY VỌNG VÀO BỮA ĂN TỐI, CÁI ĐÓI TRONG ĐÊM KHÔNG CÒN HY VỌNG ĐƯỢC ĂN, QUAY QUẮT LÀM SAO. NHÀ NHAN LEO LÉT TÍ ÁNH SÁNG. TÔI CỨ NHẮM HƯỚNG NHÀ NHAN MÀ BƯỚC. NHÌN QUA KHE CỬA SỔ THẤY NHAN ĐANG XẾP QUẦN ÁO, MẮT LIẾC CHỪNG VỀ PHÒNG CHỊ NỊ. TÔI GỌI KHÈ “NHAN”, CÔ GIẬT MÌNH NHẹ RỒI CÚI SÁT VÀO CỬA SỔ THÌ THÀO “Đã dặn mười một giờ mà”, “Nhưng chú đói quá, có chi ăn không”. Nhan đưa cho tôi bịch bánh quy (có lẽ để ngày mai dọn đám cưới), thì thào: “Chú đi ra đầu cầu, cháu ra liền”. TÔI CẦM BỊCH BÁNH QUY ĐI NHANH RA PHÍA CẦU, VỪA ĐI VỪA NGOẠM MỘT MIẾNG CẢ CHỤC CÁI, CHỜ NHAN. TRĂNG HẠ TUẦN LÊN MUỘN TRONG MÂY, LỜ MỜ CHÚT ÁNH SÁNG. NHAN TRÙM ÁO MƯA TỪ ĐẦU ĐẾN CHÂN, HÌNH NHƯ CÓ ÔM THEO CÁI BAO CÁT ĐỰNG ÁO QUẦN TRONG ĐÓ, NGHIÊNG SÁT VÀO NGƯỜI TÔI NÓI NHỎ:

- Chú về lấy xe đạp đưa cháu ra ga, một giờ tàu chạy.
- Nhan đi mô?
- Đi trốn.
- Rứa còn đám cưới ngày mai?!
- Mặc kệ, một là đi hai là chết!
- Nhan suy nghĩ lại đi...
- Không suy nghĩ chi hết. Hôm qua ông Thệ hun cháu, cái miệng hôi đến muốn mửa. Cháu thà chết chứ không lấy ông Thệ mô. Chú có chở cháu đi không thì nói, cháu đi bộ.

Nhan khóc nức lên, quày quả bỏ đi. TÔI HẰNG ĐI MỘT CHÚT RỒI CHẠY VỀ NHÀ LẤY XE ĐẠP ĐUỔI THEO. ĐÈO NHAN ĐOẠN ĐƯỜNG TÁM CÂY SỐ KHÔNG MỘT BÓNG NGƯỜI. NHAN ÔM VÀO EO TÔI THỦ THỈ: “Cháu vô trong nớ kiểm được việc làm, biên thư ra chú có vô không”. TÔI KHÔNG TRẢ LỜI, MÃI MIẾT ĐẠP.

Tàu còn hơn tiếng nữa mới đến ga. Khách đợi chỉ non chục người. CHÚNG TÔI LÙI NHANH VÀO GÓC TỐI ĐỂ TRÁNH NGƯỜI QUEN, HAI ĐỨA NGỒI LÊN

chiếc ghế đá cuối hành lang. Nhan cởi áo mưa xếp lại cho vào bao, xong nói rành rọt:

- Số cháu nó rứa, tình chú cháu mình cũng ngang đây. Cháu chỉ nhờ chú săn sóc mạ cháu lúc ốm đau. Hằng tháng cháu sẽ gửi tiền về cho mẹ (mạ tôi) để đưa dần cho mạ cháu. Tính bà nó rộng rãi, không mấy cho đủ. Đây là hai chục ngàn ông Thệ cho, chú giữ gìn cho mạ cháu, nhớ là đừng đưa một lần. Tốt nhất là nhờ mẹ cho mạ cháu ăn cơm và làm chi đó bên nhà chú cũng được. Ý chú rằng?

- Đáng ra chú cũng trốn đi theo cháu nhưng chú chưa có quyền công dân, chưa có chứng minh nhân dân. Thôi số phận chú cháu mình như rứa thì cùng chịu. Chúc cháu đi chân cứng đá mềm. Biết đâu ông trời thương lại gặp nhau trong nớ.

Tàu chuẩn bị vào ga, hai đứa đứng lên. Nhan ôm chặt tôi hôn lên má, tôi cúi đầu nhận nụ hôn chia biệt, nhìn theo chiếc lưng - ong - mệnh - phụ đi khuất, nước ứa mắt ra.

Tháng Giêng lại đến. Tôi lại cùng dân làng gánh phân đi trồng khoai sau rú. Chị Nị vừa trồng khoai vừa hò, giọng hò như những mũi kim đâm vào lòng tôi: *“Mẹ già cuốc đất trồng khoai, con đi mua ngọn nghe ai chưa về”*.

Tôi đùa với thằng Thi: “Mi nhớ chuyện cá tràu không”. Hắn đắm vai tôi, cả hai cười nắc nẻ.

Nhan đứng khấn trước mộ mẹ, tay cầm bó nhang run run. Tấm lưng ong thiếu phụ có đầy đà hơn xưa, vẫn kêu gọi trong chiếc áo dài đen quý phái. Khấn vái xong quay lại, Nhan và tôi nhìn nhau lặng đi một chập. Nhan đưa hai tay ra trước như muốn ôm chầm tôi, kêu lên:

- Chú Bình phải không, *ơn say chưa*... Bữa ni ở mô rằng không nghe ai nói chi về chú hết.

- Ở vùng kinh tế mới tuốt trên Ban Mê Thuột, rừng rú mần chi có địa chỉ.



- Vợ con chi chưa, rằng khi mô đời chú cũng...

- Cũng dói... run tay run chân.

Nhan cười nhẹ, đôi mắt u hoài xa xôi nhìn về phía *động* Mai Đường, quay lại nói với người nhà:

- Thôi chờ ri nì, mầy o cứ về dọn cho bà con ăn trước, tui và chú Bình phải đi thăm lại *động* Mai Đường cái đã.

Không hỏi ý kiến tôi, Nhan nói tỉnh bơ: “Chờ chú Bình phải đi với cháu ra *động* Mai Đường thăm lại...”. Tôi thấp nhang vái mộ chị Nị, xong cùng Nhan bước đi.

Nồng cát bao quanh chỗ chúng tôi trồng khoai ngậy dương liễu lên cao, vi vu trong gió nhẹ. Trời mùa thu, từ trên cao nhìn xuống nước trong vắt, những ngày mưa vừa qua làm nước dâng lên cao. Nắng trưa vừa đủ ấm, mặt nước khuất gió, không xao động.

Hai đứa ngồi xuống trên lá mục, dưới bóng mát dương liễu. Nhan kể:

- Lên tàu vào thẳng Sài Gòn, may mắn cháu xin được phụ bán cà phê cho một chị gốc quê mình, chị Lan. Chị Lan bảo là nghe ba mẹ kể lại thế chứ chưa thấy quê lần nào. Chị Lan học cao lắm, có bằng cử nhân văn chương Sài Gòn trước giải phóng. Gia đình chị ngày xưa giàu có, năm bảy chín bị cải tạo công thương nghiệp, chỉ còn quán cà phê sống qua ngày. Quán gần một cơ quan cấp bộ, là nhà cũ của gia đình chị. Chị Lan nhận cháu làm em tinh thần.

Cán bộ cao cấp ông nào cũng trịnh trọng bên ngoài, nhưng ông nào cũng mê gái. Mỗi lần uống cà phê cháu tính tiền là họ “bò” nhiều lắm. Cháu sắm áo quần, son phấn rồi “lên đời”. Chị Lan nói “phải biết đánh bóng mình”. Quán nhờ cháu mà khách đông lên. Chị Lan ngày càng tin tưởng, giao hẳn cho cháu quản lý.

Có ông thứ trưởng tên Lê chết vợ, tuổi cỡ ông Thệ, mê cháu, rảnh là ra quán ngồi suốt ngày. Một hôm chị Lan nói có thích làm vợ ông ấy không.

Cháu suy nghĩ mấy bữa rồi đồng ý. Chị Lan bảo cháu ra điều kiện phải có nhà mặt tiền để cháu mở quán cà phê. Ông ấy chịu. Nhà hồi đó còn dễ, với chức vụ của ông Lê chỉ trong tháng là xin được ngay. Ngày cháu và chị Lan đi coi, đứng trước căn nhà sang trọng cháu cứ run lên. Chị Lan bảo “nhà của thiên hạ chớ nhà chi của tay Lê mà em sợ”. Rồi chị làm cố vấn cho cháu ra điều kiện trước ngày cưới phải sang tên và có hộ khẩu thường trú. Người lớn họ có kinh nghiệm. Rứa là cháu được làm chủ một căn nhà mặt tiền ở quận Ba. Đám cưới chỉ có chị Lan là người thân và một số bạn bè chị ấy.

Ở với ông Lê được năm năm. Một sáng chị Lan điện thoại báo chuẩn bị đi đánh ghen, lão Lê đang có vợ bé bên quận Tám. Chị thuê một chiếc xe mười hai chỗ ngồi, qua quận Tư kêu thêm mấy bà đầu gấu nữa. Chị bảo em cầm cái máy chụp hình, lên phim sẵn sàng để bấm, chị bố trí hết rồi. Theo sắp xếp của chị Lan, cháu chụp được hầu hết những cảnh tượng gian phu dâm phụ... Rồi chị thuê luật sư, ra tòa và cháu thắng kiện. Sau đó ông Lê bị đi tù vì một vụ án tham ô khác. Rứa là cháu có căn nhà trị giá cả mấy trăm cây vàng, chị Lan bảo “của thiên trả địa”. Nói rứa chớ tháng mô cháu cũng bối xách cho ông Lê trong tù, một ngày cũng đạo ngôi vợ chồng.

Chị Lan lại bảo bán căn nhà đi để làm ăn. Những năm mở cửa, chị em mua đất mô trúng nấy. Hiện giờ hai chị em có công ty địa ốc, chị bảo “chà đi xát lại chị vẫn là tư sản”. Cháu không nghĩ rứa, cháu là nông dân. Có nhiều tiền cũng vui, nhưng nghĩ đến những ngày đói rét cơ cực cháu khóc hoài. Có điều kiện là cháu gửi tiền về làng giúp đỡ bà con. Nghĩ đến ông Thệ cũng tội, những ngày ông đau ốm cháu gửi tiền lo hết. Năm ngoái ông chết cháu có về lo đám đình, xây lăng cho ông. Giờ thì cháu không thèm lấy chồng nữa, chỉ cần có một đứa con. Cháu năm ni ba tám tuổi, còn sinh được.

Nhan nói giọng Sài Gòn, thỉnh thoảng cổ tình pha giọng quê.

Chúng tôi ôn lại chuyện xưa, khi cười khi khóc. Đến đoạn bị xỉu vì đói, Nhan khóc hu hu như con nít, rồi đột nhiên cười ha hả, nói như hét lên theo tiếng cười: “Chú Bình ơi, tắm đi” “Có đồ tắm mô”. “Có chi tắm nấy”. Không chờ tôi phản ứng, Nhan nắm tay tôi kéo ùm xuống nước. Nhan lặn một hơi sâu rồi trồi lên cười khanh khách, “cứu với, đói quá sắp xỉu rồi nì”. Lại lặn nữa, áo dài và tóc của Nhan chập chờn trong nước. Lại trồi lên cầm tay tôi nói như ra lệnh, “Cởi áo cho cháu”. Tôi như cái máy; lại “Cởi quần cho cháu, nhanh lên” tôi hụp xuống nước, tuột luôn quần Nhan. Áo quần của Nhan cái sẫm cái sáng nổi bập bênh như hồi xưa người ta thả vàng mã cho người chết trôi. Nhan cười ha hả, “Coi cháu bơi nì”. Nhan bơi vòng quanh hồ nước, kêu lên “Chú Bình ơi, đói sắp xỉu rồi nì, cứu cháu, cởi áo quần ra mới cứu được, nhanh lên không thôi cháu chết thiệt đây”. Nhan lặn một hơi dài. Tôi luống cuống cởi áo quần bơi đến gần. Nhan ôm chặt lấy tôi thở hổn hển: “Khi mô chú cũng ngơ ngơ như vịt đực”.

Nước ngang bụng, xao động lúc nhanh lúc chậm, rồi lao xao cuộn sóng, rồi lặp lại nhanh, chậm, rồi âm ào... Nhan rên lên, tiếng thở phì phào ngắt quãng: “Chú ơi... no... rồi, hết... xỉu... rồi”...

Chúng tôi vơ vội áo quần, trần truồng lên bờ, vắt khô rồi phơi lên hành dương liễu. Hai đứa nằm trên lá mục như hai đứa trẻ vừa được bú no. Nhan nằm nghiêng, chống tay lên cằm nhìn xuống hồ nước mờ màng. Tầm lưng ong cong một đường trong ráng chiều quê rục rĩ.

Sài Gòn, Đêm 14-11-2007

N.Đ.M

# Người trong cuộc

(SH số tháng 2 - 2008)

**b**ão tố thường nổi dậy từ biển khơi hùng vĩ và kể cả. Những hút gió sấn sổ tấp xuống mặt đất bao la quảng dãi, tàn sát điên cuồng cho hả những cơn giận dồn góp lâu dài.

Mặt đất biết trước cơn thịnh nộ cuồng bạo ấy, biết từ khi những trận mưa rào gió bắc như tiếng người thoát khóc thoát cười dồn dập tấp vào cơn oi nồng bức bối hăm hập tình ái. Khí trời ngùn ngụt. Nắng vàng rợn dãi vào nền trời nhếch nháo, kẻ vẽ muôn tín hiệu kỳ quái như hăm dọa lẫn nhau của đôi kẻ si tình. Mặt đất hồi hộp nín đợi những cơn cuồng phong sẽ trút tới bất kể lúc nào. Đối với mặt đất nhẫn nại và trầm mặc thì bão táp chính là chuyển động kỳ vĩ, nguồn hứng khởi bất thường hiếm hoi bao giờ đến và đi cũng đột ngột. Hai người mệt mỏi rã rời... Sau trận bão thì họ lạc nhau. Nàng và anh, mỗi người một thân phận, mỗi người một con đường đến với cái chết tươm tất và khác biệt. Thế mà họ đã là một lứa đôi, là hai nửa của tạo hóa sinh ra, hợp lại, lại tách ra cương quyết, lạnh lùng cho khớp với những truyền thuyết thường tình về nhân thế và tình yêu

Ba mươi năm trước anh trẻ trung và giàu khát vọng. Anh lặn lội giữa

cuộc chiến bùng nổ. Lúc ấy, Việt là một bãi chiến trường, một cuộc hỗn chiến đẫm máu. Người ta đánh nhau ở rừng là chủ yếu, để giấu mặt, để thủ miếng nhau. Rừng già sâu thẳm ẩn chứa sự cam lạng huyền thoại, sự lừa lọc tinh tế và trắng trợn, những định mệnh khắc nghiệt, vô phương cứu chữa, đầy rẫy bất ngờ. Tuyệt đối tự do. Giữa rừng già sâu thẳm, con người cất tiếng hát, hát bằng giọng lạnh của suối, giọng bỏng của thác và giọng vô thanh thâm trầm của đá núi. Tiếng hát xoa dịu khói bom, nhắc nhở khát vọng sống, át vía cơn im lặng nham hiểm của đại ngàn. Con người hát để xích lại gần nhau, không hận thù, ướt đẫm cơn mưa không chiến tuyến. Anh đã gặp nàng hát một mình, như một định mệnh trong chuyến thám báo dãy Trường Sơn nam

Mùa xuân năm Mậu Thân - cuộc chiến đến hồi cực lực. Chiến tranh xô đẩy anh. Chiến tranh đào huyết anh, phay chặt anh. Chiến tranh bỏ mối cho anh gặp nàng, cô văn công Bắc Việt bên kia trận tuyến. Nàng không nhận ra anh. Nàng hát một mình say sưa, hoàn toàn tin cậy rừng xanh, giọng trong mà mượt, vừa thất vọng vừa khát vọng, tự do đến độ anh quên phút mình đang sa bẫy. Đáng lẽ phải vòng lại hướng thì anh lại nhắm theo nàng lên hướng Bắc. Thế đấy, tuổi trẻ vốn chân thành, mạnh mẽ. Anh đi miết, đi miết, chân quẩn theo nàng dù anh biết trăm phần mình lạc bước. Niềm si mê lột xác anh thành con thú nhút nhát, yếu đuối, do dự. Cả đời anh thành kiếp thú, lẩn lút, thâm thiết, đau đớn đến chảy máu cả tâm hồn... Mà anh không hề hối tiếc. Anh phải lòng nàng, nàng vẫn công xinh nức, giọng cười mê sảng đánh đắm mọi trái tim quả cảm gan góc nhanh nhậy nhất. Yêu yêu là cái cổ kiêu ba ngấn đáng điệu nuốt nà, mặt trái xoan sắc hồng mơn mớn tựa hoa mai hoa đào. Có bao nhiêu vẻ đong đưa đã thỏa đều phô cả ra ngoài. Anh không thiết súng đạn. Anh bị rịn đôi con mắt loang loáng buồn, lúc nào cũng ướt ướt như chan nước. Ngay từ lần đầu anh đã bị đổ điệu, bị sóng đánh, bị bắt sạch vía vái. Tâm hồn phút chốc tan nát, trống rỗng, quái gở, băng tuyết

không từng. Bao nhiêu cái đầu cẳng, tục tằn, nhăng nhít của thằng đàn ông đều lộn đi đâu mất cả. Một cái gì như thể đê mê, như thể nhói đau êm đềm len dậy. Anh say đắm đôi môi nàng chúm chím như hoa nở. Anh đắm say mái tóc dài và bí ẩn như con đường mòn lún vào đêm đen huyền bí. Anh sôi nổi níu chặt tay nàng và làm thơ. Thơ anh tràn đầy dũng khí, nảy nở niềm kiêu hãnh của mãnh thú. Thơ đó không có khói lửa. Thơ đó không máu me. Thơ đó tịnh không có dấu vết của tính dục... Anh vẫn chưa dứt được cơn si mê nàng. Mỗi lần bất chấp và lén lút đến với anh, anh đều phảng phất nhận thấy nàng mới là cái hang sâu thật sự. Nàng còn là núi lửa, lũ quét, là bóng đêm, là tử thù. Anh nhốt mình trong hang sâu suy nghĩ rất lung. Anh cố tìm cho bằng được một cái định nghĩa ra hồn về người đàn bà ma nhân quái dị ấy. Anh thấy: thấy nàng sôi sục, ngào ngạt chẳng khác nào nổi nước lá 100 độ, dội vào ai người đó thơm tho cho tới chết. Nàng ào ạt hơn một cái thác nước đổ phăng phăng từ chín tầng trời, dội vào ai người đó sạch sẽ cho tới chết. Nàng là cái chảo nhuộm, nhúng ai vào cả thể xác và tâm thần sẽ đổi màu, tỳ vết cho tới chết. Nàng lại là âm nhạc. Âm nhạc xoa dịu, tưới tắm không ngừng, vừa mê đắm vừa tỉnh thức. Tương tự thế nàng là văn chương. Văn chương vô bổ mà độc địa nhân ái khôn cùng, ai dấp vào người đó cảm thành con hến. Nàng là chiến tranh, những vũng máu lớn, trò hề lớn, tấn hài kịch bi thảm mà tất cả đạo diễn, nhà sản xuất lẫn diễn viên đều chết tươi tỉnh, nhằng nháo, chết thô tục, khả ố và nực cười... Anh có thể đào ngũ, bội tín, lừa bịp, trác táng hay biến thủ công quỹ, có thể lờm lại pháp luật, khinh rẻ luân thường nhưng tuyệt nhiên không dám xỏ xiên cô nàng. Nàng ta là cái tế bào không tự huỷ đi được trong cơ thể anh, nó nảy mầm ung bướu, nó đeo đẳng để ép anh phải chết rũ rượi, vạt vĩa đầy ải. Bởi thế lần nào chạm vào mắt nàng, anh đều thấy rùng mình, thấy hạn hán và lũ lụt, thấy bão lốc và sóng thần chen lẫn những khoảng bình yên mơ màng, non nớt đầy tin cậy; thấy khát máu, thấy đất trắng phơi xương khô, thấy bóng tối mịt mù, dai dẳng, dày đặc. Những vết

buồn ở đó loang ra thấm tháp, chan chứa, cứ mông lung dâng lên, dâng lên nở thành nụ cười lưu luyến không nở rời. Tịnh không có dấu vết của tính dục. Anh hiểu anh không thể đấu lại nàng. Thế nào anh cũng bị cầm tù, bị nô lệ, bị tai biến. Anh vùng dậy nhắm về hướng. Anh rắp tâm bỏ đi, lòng khôn nguôi yêu dấu. Ít lâu sau anh bị đuổi khỏi cuộc chiến. Anh bỏ chạy khỏi chiếc cối xay thịt khổng lồ đi vào đấu trường mới. Gã lính đánh thuê cô đơn và ngốc nghếch quyết từ già giặc mơ súng đạn. Tên đồ tể đáng thương ghê tởm đòi tay mình vấy máu. Thế đấy, tuổi trẻ dám chân thành và mạnh mẽ. Anh muốn sống chân chính, sạch sẽ, có khát vọng. Anh muốn làm người. Anh chạy về quê lòng tràn ngập hận thù và ngờ hoặc. Anh quyết tâm lấy vợ - một con quạ già đen thui, nhếch nhác cũng được, miễn là ngu dốt, cam chịu, không dính dáng tới chiến tranh. Ngày cưới, bố dắt anh sang gian từ đường, thắp ba nén hương khấn tiên tổ, khóc mà nói: Thân nam nhi chí ở bốn phương. Sao phải trốn chạy cầm súng? Mày tài mà nhục. Mày thiệt vì chí đoảng. Âu cũng vì ba mẹ mày cuốc đất vất vả. Mày có cái nguồn gốc thương tâm của nông dân con ạ. Dứt lời thì cơn giông ập tới. Khoảng không rung mình bằng một đụn sáng chớp nhoáng hẫ hửng. Sét nổ vang rền là lời quát tháo, lời gầm gừ, rạch nát bộ mặt bình thản giả tạo của bầu trời. Không gian căng và tức. Mây bay đảo đảo. Gió bùng bùng hót cát bụi vãi mù mịt tứ tung. Phong vân rối bời. Tiếng sấm nện ình ình như tiếng bom. Anh ngửa mặt lên trời tru lên mấy tiếng thảm thiết, tiếng ú ớ như gió mưa, tiếng u u của oan hồn đòi nợ. Đáp lại anh chỉ là những chớp sáng khan vĩa, nối nhau chói lòa như pháo sáng, như ngọc cháy, rờn rợn lửa bom na-pan. Gió lùng mưa. Gió gào lên như hàm oan. Mưa vẫn không rong lệ, nền trời láng một lớp mỡ vàng hoe. Giông khan! Anh tuyệt vọng với đôi mắt mờ dần lên không trung xa thẳm, nơi chất chứa những uất ức lớn, những khát vọng lớn, những câu thúc bí ẩn vô vọng vào lòng đất nhẩn nại vô biên. Âm vang kéo dài hằn học ặc ặc như đạn rốc két văng ra trên hòng súng tức tối. Gió rít nhẹ nhẹ là tiếng lầu bầu, cấu xé nghiêng ngả của

thình không. Một loáng thì trời quang mây tạnh như chưa từng hiện giông tố. Tự nhiên quả có khả năng xô dạt kinh hoàng. Hôm ấy nhằm ngày rằm tháng bảy xá tội vong nhân.

Trong đời ta nếu nhất định phải sống để gặp lại một người thì thế nào cũng được tròn tao ngộ. Đây là một phép đố, một sự đánh tháo rộng lòng của tạo hóa, cũng là phép báo oán thâm khốc. Anh sống đeo đẳng, tận tụy lần theo mọi mối liên hệ dù mong manh nhất, rốt cuộc cũng dun dủi tìm được nàng. Nghe đồn nàng làm nhân viên phục vụ những người bị phong hủi trong một khu trại hẻo lánh miền Bắc. Có dạo lại nghe đồn nàng buôn đồng nát, hót phân trâu, hoặc đi nấu cơm thuê cho dân đào vàng mạn ngược. Nàng không chồng mà chữa hoang, không may đứa con lại nhiễm độc da cam, không hiểu còn sống hay đã chết. Nghe đồn, anh mừng phát khóc. Anh lao lên con tàu tốc hành ra Bắc đi tìm nàng, trong lòng như có nước dâng, lửa đốt. Nhập nhạong tối thì đến được bến đò Sa. Vài sợi nắng thừa thớt rớt xuống bờ cỏ hoang vu không đủ làm cho buổi chiều ảm đạm hơn được nữa. Anh lẫn vào đám buôn về chợ muộn đang ngồi ngáp vặt và tán gẫu, mặt mày ủ ê như ế hàng. Con đò khệ nệ ghé sát mạn bờ. Ai nấy gồng gánh đun đẩy mau mãi bước lên sạp thuyền cũng là lúc bóng chiều sụp xuống ủ rũ, mỗi mẹt, lăm lụi. Tiếng sóng ì ọp thúc vào lòng đất ấy con đò sang bến. Thân đò oằn đi, chòng chành dạt đến tim sông mà anh vẫn ngờ ngợ như nó không hề dịch chuyển. Thế mà nó đã lén lút trôi quá một nửa quãng đường. Cần phải vượt qua vài vụng nước xoáy nữa là cập bến. Anh bị những hút nước cuộn tít, xoáy lộn kích động: Hay là chuyến đò buôn người, anh giắt mình theo thói quen của kẻ dạn mặt giang hồ. Nghi hoặc dỗi theo dòng nước, bỗng phát hiện ra nó không hề phẳng lặng, đơn điệu mà quán xiết nghiêng ngả, những suy diễn của anh, một cách tự nhiên cũng trôi chảy như dòng nước. Ủ, ở đây không hề gặp núi đồi ghềnh thác, đây có lẽ là khúc quanh êm đềm, sự lượn vòng mộng mị tinh tế nhất của sông Hồng. Chỉ việc hướng về phía biển... Dòng sông mềm như một nét vẽ mơ màng



chìm khuất, cứ rẽ đôi bờ ra mà chảy thao thiết đắm đắm. Nước sánh hồng như máu, từ từ chìm mặt trời đỏ ối chết chìm dưới đáy sông đục ngầu. Thoắt một cái đã sang sông. Đâu đó vang vọng đều đều tiếng cầu kinh tha tội và cứu vớt linh hồn. Nước chảy tiếng mõ lốc cốc bình thần xuôi về cuối nguồn xa thẳm. Anh lên bờ nhằm thẳng hướng cầu nguyện đi tới. Anh đi rất mỏi miết, qua một nương dâu, qua một nóc chùa, lại qua một cái miếu hoang có cây đa chết nỏ lạng lẽ khua những nhánh gãy chơ vơ, đen đúa lên trời cao. Anh hỏi vội đường vào trại hủi. Một bà buồn thóc chỉ đường, lanh chanh dắt anh đi xiên xẹo qua những cung đường ngoằn ngoèo, ngang những dãy nhà lúp xúp, tươi tắn. Bà ta vừa đi vừa hỏi liến láu như lấy cung. Tiếng người đàn bà lanh lảnh xói vào bóng chiều trầm tĩnh khiến cả khu trại ồn lên trong giấy lát. Những người đàn ông, đàn bà què cụt dựa trên ghế đá cất đầu trông ra. Trên vô khối gương mặt đờ đẫn, tẻ nhạt, nửa sáng nửa tối đang nhìn vây lấy anh, những nếp gấp cũ kỹ, cổ lỗ muôn năm của thời gian không hề biến chuyển. Bước chân anh xô dịch bóng tối im lìm. Tới cuối đường anh phải dừng lại hỏi thăm lần nữa. Một bà già cùi chân, mặt cũ nát như phủ rêu, gõ cái nạng vào cánh cửa, đánh tiếng: “Anh muộn rồi. Thằng con nhà Nẫu đi đã tiêu bảy bảy bốn chín ngày. Nhà Nẫu đang phải cấp cứu nằm liệt ở bệnh xá trên kia. Anh là người nhà sao giờ mới tới?”

Anh rùng mình một cái, người nổi toàn gai ốc. Mắt mờ đi, tai ù đặc, toàn thân anh lạnh toát ngay khi đặt chân lên bậc thềm thứ nhất. Trong vuông nhà rộng không quá ba sải chân, một nắm hương đỏ rực nổi lênh bênh trên cái bàn thờ kê tạm. Mọi vật biến dạng, giọng anh cũng méo đi, thiếu thào không ra hơi, chân tay luỳnh quỳnh, cuống cuống như có ai lôi kéo. Anh trân trối nhìn... Khói hương mờ tỏ quần quýt quanh tẩm ảnh thờ dị dạng. Anh không thể nghĩ ra trong ảnh là người hay thú, trẻ nhỏ hay thanh niên, quen hay lạ. Cái đầu bẹt giùm dó xù ra như củ ấu, đỉnh đầu chành ra hai góc nhọn tựa hồ như cái gai. Khuôn mặt tách thành hai nửa, một nửa toàn thịt, một nửa toàn xương. Đôi con mắt không ra

khôn ra đại, không ra vui ra buồn, không ra sợ sệt, không ra giấu cợt, không hiểu lành hay ác. Ngay lập tức đôi mắt ấy bám riết lấy anh giăng mắc, luyến láy, như thể nó biết anh đã lâu năm, nhớ anh rất lâu năm. Nó nhẩn nha, mài vào vầng trán nứt nẻ, miết nhẹ nhàng khoé mắt, cánh mũi anh rồi sụt theo tai thông thả vuốt ve tấm ngực căng phồng, hai cánh tay thông thạo xò ra trắng tinh, đổ xuống tận gót chân. Nó ghì chặt lấy anh chậm rãi, bướng bỉnh, vằn vè, không hiểu sao anh thấy nó mỉm cười long lanh... Anh chết sững, ngợp trong sợ hãi. Anh muốn lên cơn sốt rét. Anh ngột thở, đau tức như bị ép hơi bom, bất giác cảm thấy tuổi ấu thơ lộn lại. Anh đau đớn, lê lét như bị chôn vùi, tim óc có gai đâm muối xót. Cây rẫy thấp lên ba nén hương anh vãi lấy vãi để khuôn mặt người nhoè nhoẹt trong làn khói. Một cơn gió bất thần thốc vào giặt tung cái ảnh thờ rơi xuống đất vỡ tan. Đèn thờ cũng vụt tắt. Bóng tối bủa tới giăng vây. Gió càng bốc hương cháy đỏ ngùn ngụt. Đêm tối làm sao! Đêm tối làm sao! Anh đi như mò. Anh trôi lênh bênh trong bóng đêm dày đặc, khó nhọc vục đầu xuống lặn đi trong giờ khắc tận thế. Phút chốc anh mơ hồ nhận ra mình bị lôi tuột xuống hỏa ngục lửa cháy bùng bùng. Tiếng trực thăng, tiếng đại bác gầm reo như xay lúa. Đại ngàn ào ạt trút lá. Đại ngàn ngấm độc héo quắt, phờ phạc, khô cằn vít anh vào bóng tối mệnh mông. Họng sùng đen ngòm sấp hàng khạc lửa. Những gương mặt người lăm máu xô nhau đứng dậy quây kín miệng hố đất vùi thịt người sửa soạn bữa tiệc đêm. Nòng sùng lại dồn dập vãi đạn, người sống, người chết sấp la liệt đầy mặt đất hanh khô. Khói đen bốc mù mịt. Tiếng bom ình ình như sấm sét... Anh trúng đạn, tấm thân bốc cháy đen thui mà da thịt vẫn còn hăng mùi máu. Đạn xé nửa quai hàm của anh, đâm toạc một mảnh vai, cào tung lồng ngực. Anh ngáp ngáp vùi cái vôi vàng rồi chết đè lên người nằm cạnh. Hỏa ngục nườm nượp là người. Đêm tối mìn mịt. Anh đi như mò. Anh trôi lênh bênh trong bóng đêm xám xịt. Thân xác thối rữa thành một nắm xương. Ít lâu sau những tên quỷ sửa lùn tẹt thỏa thuận dựng anh sống lại, đuổi về trần gian. Anh trở thành huyền

thoại và dã sử. Anh lấy vợ, thăng tiến, bòn rút và đi miết tìm vàng. Lịch sử đã chừa anh lại là một viên lính già cô độc, tham lam, thất học, thứ vũ khí thô lỗ còn tồn đọng sau cuộc chiến đẫm máu. Anh bỏ nhào vào hỏa ngục, tìm kiếm quáng quàng đứa trẻ lưu lạc đương nằm im trong khung ảnh thờ. Giơ tay chạm vào thì mặt nhợt sắc, tan biến. Chỉ thấy vàng ở cuối con đường, xanh mét, trọc lóc, héo úa, im lìm như đại ngàn... Khói hương nghi ngút cháy đỏ bóng đêm. Anh rú lên một tiếng kinh hoàng. Anh đổ sập xuống như một bức tường, bị bóng đêm mịt mù nuốt chửng. Hôm ấy nhằm ngày rằm tháng bảy xá tội vong nhân

Giời mới tờ mờ sáng. Bệnh xá khua tiếng động mơ hồ. Ánh sáng chậm chậm loảng, dần lôi mặt đất ra khỏi bóng đêm đen xẫm. Một cơn gió lồi mùa hun hút đèo theo những cụm mây xám, mây đục từ hướng Bắc lục cục trôi về. Chờ mãi mặt trời mới hơi nhích lên được một tý đã lại sụt xuống vội vàng sau sự lấn lướt nhẩn nhở của mây. Mặt trời trơ ra vẻ thừa thãi, hèn nhát, vẻ kệt cớm thương tâm, chẳng ăn nhập gì với xung quanh. Gió bối rối thổi những hơi dài tiêu tụy. Cuối trời sắp dựng cơn giông. Em như người lồi ở trong sương ra, im lặng như một bức tường, im lặng hơn cả cái chết. Em muốn tượng ra tất cả. Những con đường vô tận em đã đi trong lạng lẽ, hạt bụi nào phai bạc áo em, giọt nước nào sâu tui về dâng qua đáy mắt. Tiếng con nói cười rộn ràng. Hồi ức tươi sống về anh... Ồ, nhưng là anh thật. Anh đang hiện ra trên khung cửa nhờ nhờ, mặt mày tằm tã, nhàu nát, dúm dỏ. Về lưu lạc tha hương. Về đần độn quần quai. Về lỗ mãng, đốn mặt hoang tàn. Yên lặng. Ánh mắt anh khẩn khoản: “Chúng ta là hai mảnh vỡ trần gian, hai mảnh bị người đời đập ra, nay xin chấp ghép soi chung tuyệt vọng?”. Em ngỡ ngàng mỉm cười. Ánh mắt rười rượi lảng tránh niềm ước hẹn long lanh. Anh thân yêu và bỉ ổi của em! Em đã có một trái tim bùng thức. Em đã có cả một định mệnh trăm năm vô tận để quan chiêm sự sống hạnh phúc no đủ của anh. Có những sai lầm mắc vào là tội lỗi, không bao giờ sửa sang được, không gột rửa được. Nó là vết nhơ của lương tri đóng dấu lên mặt.

Nó lộ trướng ra con người thật thà. Anh thật thà là một giấc mộng. Âm thầm giấc mộng một đời qua, một đời xa, gọi về thương nhớ ơi!... Ánh mắt anh lại khấn khoản: “Nhưng anh là kẻ bại trận. Anh là kẻ đào ngũ trốn chạy nhục nhã... Anh không dám mặc cả em chờ đợi... Anh không dám nghĩ tới ngày mai”. “Đợi à! Vậy mà em đã đợi anh ba mươi năm dằng dặc. Em thức đợi anh cho ngày mai mắt sâu lòng trĩu, tuổi gầy hao mòn vêu vao một câu mong chờ. Ngày mai tạ tình mà đi, ngày mai lần lửa trút lại cơn mê này. Sập sẽ đụn gió, phai lạt tình mơ, mọi điều tốt xấu đều đáng ngờ như nhau. Những câu hỏi ngược chiều về ngày đã qua và ngày chưa tới, thân phận và tình yêu, hiện thực và khát vọng, chiến tranh hay hòa bình... Anh à, cái chết đến rồi, nó đang rình tới bên em nhẹ nhẹ”... Đây là nước mắt, đây là lặng im. Em khóc vào bóng đêm, thịt da rỏ máu hồng. Mà nhớ anh. Nhớ anh. Muốn được sống thêm vài giây phút nữa, muốn xé ruột thêm một lần nữa để có tình yêu. Muốn chuộc những cơn mơ ấp iu về riêng anh, say những giấc say muôn tuổi về riêng anh. Anh ơi, dấu ân tình đời tôi! Có biết mây vẫn thương trời chiều. Trên đời này duy chỉ có tình yêu là cao thượng. Còn lại không gì hết... Ô, kia là bóng người đã rũ áo lìa chân.

Bên ngoài đã nổi tiếng gió, tiếng mưa dày xéo lạnh lùng hỗn loạn. Bệnh xá phủ một màu trắng xóa. Em nằm trơ ra là một cái xác chết! Em giấu mặt vào bóng tối, nhắm nghiền cả sáu giác quan. Em chết ửng chết ơ, ngộp lạnh như một khúc thịt. Bao nhiêu nỗi cực nhục lớn nhỏ ùa cả dậy vỗ sóng trong lòng, cào cửa ruột gan. Một chút rung động nhẹ nhẹ trong giấc ngủ trăm năm tỉnh thức và cô độc ép trái tim anh tứa máu. Nếu mở mắt ra em sẽ òa khóc và xin hàng. Em sẽ khóc oa oa. Khóc nghẹn ngào rấm rứt. Khóc tru tréo rã rời. Khóc cho cạn khô thác nguồn suối lũ, dây Ngân hà lặng lẽ dịch chuyển khỏi cao xanh. Khóc cho trăng ngà chín vàng rụng xuống bao la nở lại vẻ mong manh tươi lành. Khóc đến núi đồi khô cháy khói bom, những cô hồn đội mồ rời bỏ vô danh,

lạnh lẽo. Khóc tiếng rên rĩ của đạn pháo xay thịt người, vệt máu còn loang lổ xóm quê. Khóc đến tuổi em đẩy tay hao mòn mộng寐, cho tươi lại ngày xanh bị luy giữa trăm năm. Khóc cho mặt trời trốn chạy lạnh lùng nhợt nhạt, ưu phiền, tiêu tán. Khóc cho mặt trăng bùng cháy, quắt quéo, dơ dáy, tục tằn. Khóc cho anh lột mặt, tàn rữa, hoại mục ngay khi chưa ai kịp chôn anh xuống ba thước đất. Khóc cho từ rày mặt đất này không còn kẻ nào dám bội bạc, phản trắc, còn đồ. Khóc tan vỡ vũ trụ bao la.

Chiến tranh và tình yêu khắc nghiệt xé vụn niềm tin của ta quăng cho gió bốn phương. Ta nghĩ tới một phát súng, một bát thuốc độc, hoặc là thắt cổ hoặc là buông sông. Chết thế nào cũng là oan ức. Lòng bỗng nhớ khôn nguôi một người. Đắng ngắt. Héo quắt. Ta cần vượt qua người ấy. Ta cần vượt qua người ấy để có thể chết được, anh tự nhủ. Những chuyến tàu tốc hành ra Bắc rầm rập rời bến, lướt qua anh. Quả tình bây giờ anh luôn nghĩ về cái chết. Anh cầu xin cái chết và biết nó thừa nhận anh. Trong cơn mê sảng anh mơ màng thấy nàng Nẫu vẫn công xinh đẹp, cổ kiêu ba ngón, dáng điệu nuốt nà, cái nhìn bóng lửa. Đôi mắt loang loáng buồn như chan nước day vào da thịt anh thì vệt cháy thành tia đỏ rực, vóng lên nét hoang lạnh cô hồn, nét giàn giụa, ranh ma, đặc ý. Tiếng cười mê mẩn đột ngột cất lên vắt vèo, si mê dạn dò li biệt. Nàng cười như một con rắn hổ mang khạc nọc. Nàng cười như tiếng gió gào mưa dội. Nàng cười như cố tình để sống anh. Nàng lại cười tuốt xác anh ra. Anh có cảm tưởng khi dứt chuỗi âm thanh ấy anh liền chết quay tức khắc: chết tươi, chết ghê, chết tấm tức hần học, thoái hóa, chết gọn ghẽ êm thấm, chết vuông vắn, trắng tráo như một hòn đá tảng, chết hộc máu. Tắt lịm say sưa. Thanh âm xoắn xuýt, véo von dâng lên mãi miết kể lể với anh những câu chuyện dữ dội, xo xươi nhất trần đời. Anh biết sau phút điên cuồng ấy nàng sẽ ra đi như một cơn bão, bất thường, vô tâm tích. Sang một thiên đường khác. Sang một địa ngục khác. Không

bao giờ tao ngộ nữa. Anh nghiêng rặng lợi tận lực cất tiếng gọi nàng lần nữa. Bàn tay trắng tinh giùm những ngón gầy bất động hươ hươ rất khê bắt lấy bóng hình nàng đang tràn ngập trên cao. Cử động ấy làm anh kiệt sức và gục xuống, lặng lẽ trút hơi thở cuối cùng. Đất trời thăm thăm thốn thốn... “Ta tới đích rồi”, nàng lẩm nhẩm một mình trong bóng tối. Đâu đó phảng phất một bóng hình như thực như hư quanh quẩn ở bên. Một loáng lại thấy hiện ra, vạch màn nhìn nàng chăm chăm, không nói gì rồi vùn vụt bỏ đi. Nàng rột dậy chạy ngoài gọi ú ớ. Nàng như người bị nhập đồng lao một mạch lên chuyển tàu tốc hành vô, lòng như có nước dâng lửa đốt. *Anh ơi, người ta sẽ chôn anh ở cuối cánh đồng quanh quẽ, đất vui anh vào lòng diêm tĩnh mơn man. Em đã buông tha. Em đập xéo lên thói thường. Em đập xéo lên đau thương phong trần, đập xéo lên thân người trùng trùng may ra còn kịp đến bên anh... Mặt trời đuổi dẫn trong hoàng hôn lộng lẫy. Bước em đi như lũ cuốn. Bước em đi vùn vụt, bạt mạng như những chuyển tàu vạn lý cuối sân ga thiên đường hay địa ngục. Biển bạc, mây ngàn, non xanh thủy tận, trời trong ngấn lệ thảo ra nổi lòng của một người không có nước mắt. Em biết từ sớm mai, mặt trời sẽ không bao giờ còn thúc dậy với bao la. Nàng thấy bụng đau như dãn, đau như cắt, quặn quại, mủn nát. Chuyển tàu vẫn chưa tới sân ga... Đau xé xác, đau không khóc được, không tỉnh táo được. Một khúc ruột đứt rời ra, nàng từ từ gục xuống. Chuyển tàu vẫn chưa tới được sân ga thiên đường hay địa ngục...*

Đám ma nàng âm thầm đơn điệu và không có nhiều nghi lễ. Tiếng trống phách phụ họa với tiếng gõ mưa ảo não. Đám ma chuẩn bị cất đòn thì bên ngoài bỗng vẳng lên những tiếng lao xao như có giông tố. Ông bưu tá xộc vào chia ra một phong thư, nét chữ nguệch ngoạc, vắn vèo, khó nhọc rõ là của một người sắp chết: “Em hời, giữa ngàn vạn điều ta cần nói ra để được quên đi, có một điều chúng mình chưa kịp nói”... Không ai hiểu những lời mù mịt ấy ngoài cái người đang nằm sắp

trong áo quan. Nhưng người chết thì còn buồn hiều cái gì nữa. Trí lực, tiền bạc, dục vọng, quyền bính, đạo đức, pháp quy, xúc cảm. Thảy đều vô nghĩa. Nghĩa tử là nghĩa tận, trạng thái ấy minh bạch, thanh thoát, tiên bồng vô kể. Sau cùng người ta đành hơ ba lần cái phong thư lên ngọn đèn thờ, đọc to một lượt như khẩn rồi đốt rụi. Mong người chết hiều ra ngậm cười.

Đám ma đi. Lầm lụi đám ma đi, thừa thớt, ảo não, chìm khuất trong mưa mù trắng xóa trong ngậm cười. Cuối trời đã dựng cơn giông, lá trút vàng phủ ngập lối đưa ngậm cười. Mưa ào ạt xô tới té tát, tuế toá trượt sạch. Phủi sạch. Xóa bỏ dấu vết một kiếp người ngậm cười không khóc. Chiều rung lên muôn thanh âm thông thả, trầm tĩnh ngờ ngợ tiếng chuông ngân nga giục bước linh hồn.

Câu chuyện khép lại bình thản, khô khan không một giọt nước mắt.

Hôm ấy nhằm ngày rằm tháng bảy xá tội vong nhân.

G.C

K H Á N H P H Ữ Ờ N G

# Sóng ngoài khơi

(SH số tháng 4 - 2008)

– Để dành tặng em V., thủy thủ –

Tôi là một gã sói biển. Nhưng vì mới hai mươi một tuổi nên gọi sói non. Tôi thi đậu vào trường Đại học Hàng hải năm mười lăm tuổi và hai mươi tuổi thì xuống tàu làm thủy thủ. Lương tháng của tôi hai nghìn đô la Mỹ. Tôi yêu mẹ tôi. Tiền lương và các khoản thu thêm hàng tháng, trừ những chi tiêu cá nhân vặt vãnh, tôi đưa hết cho mẹ. Bố tôi là thuyền trưởng tàu HQ đã hy sinh ngoài khơi... Một năm tôi có từ sáu đến tám tháng lên đênh ngoài biển. Tôi có thi thoảng đánh bạc và chơi gái, nhưng rượu thì không. Các bạn đừng nghĩ thủy thủ là bê tha và nhất là say bí tỉ. Rượu chỉ đắt hàng trên các vùng biển xứ ôn đới. Đời sống trên tàu chúng tôi tuân theo kỷ luật và tổ chức rất nghiêm ngặt. Một mớ ngày rỗng chỉ thấy trời và nước mặn, chúng tôi dễ mắc chứng trầm uất, khủng hoảng nếu không có kỷ luật. Nhưng khi lên bờ, chỉ có cơ thể nồng nàn của phụ nữ, dù là bán mua đi nữa, mới khiến chúng tôi trở lại là con người thường. Tôi thích gái Đông Âu ở Vladivostock. Tàu chưa vào tới kênh đào Suez, chúng tôi đã được cảnh báo về Siren, các nàng tiên chuyên heroin và vi trùng lậu, mà thực chất là những tay đực rửa giả trang lưỡng tính rất



sành điệu, kiêm đạo chích. Đôi lúc, tôi có nhớ đến cô gái điểm gặp ở Osaka. Nó kém tôi hai tuổi, là sinh viên học viện công nghệ mang tên Thái tử Nhật Bản, tiếng Anh siêu, và là một quý cô xài hàng hiệu. Con bé đẹp đến từng đầu ngón tay. Tôi chưa bao giờ nghĩ tới chuyện quay lại Osaka tìm để cưới nó làm vợ, đơn giản vì thu nhập hàng tháng của nó cao gấp nhiều lần lương tôi.

Thằng Lãng đưa cho tôi cái gói. Tiền và quà gửi về cho bố mẹ, mà tôi phải thay mặt nó thực hiện bốn phận làm con. Nó theo tàu vào vịnh Thái Lan, cũng phải non nửa tháng nữa mới quay về Cảng. Chán ngấy biển, tôi lại phải vù về cái thị xã nhỏ chớm trên lưng núi, quay mặt ra suốt ngày nghe biển quát mắng. Mẹ thằng Lãng là cô giáo cấp hai nghỉ hưu, nhất định giữ tôi lại chơi hết ngày hôm đó. Thằng Lãng có một cô em gái mới vào cấp ba. Chiều, tôi đi dạo xuống bến. Bến cá vắng tanh. Đang đi vợ vẫn bắt chợt tôi suýt va phải một cái bóng đang lom khom phía trước. Chột dạ, tôi nhìn kỹ thì hóa ra là một người phụ nữ, hình dáng chị ta nổi bật với cái bụng bầu to tướng; chị ta đang khom lưng kéo một sọt to cá thu phần. Tôi rảo bước lại, “để tôi đỡ một tay”. Tiếng nói thấp thoáng phía trong vành nón, “Cám ơn”. Tôi cùng khiêng sọt cá với người phụ nữ một quãng dài, tới khu chợ, tôi cùng đi hẳn vào trong, nơi chị ta ngồi trong dãy hàng bán buôn. Lúc này người phụ nữ mới ngược nhìn tôi, cái nhìn không chút e dè, đôi mắt nâu mở to với một chút ánh mừng vui kỳ lạ. Té ra, cô gái này cũng chỉ trạc tuổi tôi, nếu có hơn cũng không đáng kể. Tôi chào cô rồi trở về nhà. Mẹ thằng Lãng đang nấu cơm. Cơm chiều có thịt gà và đầy món hải sản ngon lành. Cơm xong, mẹ Lãng giục tôi đi chơi, cái Thu em Lãng phải ở nhà. Nó đóng cửa ở lý trong phòng, làm gì không rõ.

Các quán bar mới chỉ lác đác người. Tôi chọn cái sành điệu nhất, cổng vào hẹp và thấp như chui vào nhà hầm đang là mốt hiện thời. Cậu nhạc công tóc quăn da màu đeo khuyên tai khuyên mũi đang vừa chơi organ

vừa ngược nhìn đám quý cô trên tầng gác. Hai vũ công mặc bikini vừa hút thuốc tán chuyện vừa hồ hởi kêu thét lên đáp lại lời chào của những người hâm mộ từ phía xa. Tiếng nhạc văng óc. Giai điệu lạ và nhạt. Tôi gọi một ly Whisky với đá, một chút soda, mặc dù không biết uống. Một chân dài tiến lại. Tóc màu huyết dụ, vành tai gắn đá trang trí, ngực tràn ra ngoài áo. Tôi mời cô một ly. Quán đã đầy khói thuốc. Khách nước ngoài ngồi tràn lên sát bậc sân khấu. Ai đó đề nghị chơi bài *Hollyday*. Rồi *Casablanca*. Không khí chột ngạt sắc lãng mạn cổ điển. Tôi buông chùng người ngồi nghe lơ đãng, chuyện trò lơ đãng. Đám đông rần rật lên với đoàn vũ công vừa tiến vào. Da đẹp môi đẹp. Trẻ măng và xiêm áo hồ hững. Cậu nhạc công tóc quăn khuyên mũi nhảy khỏi sân khấu, ngồi vào bàn bên cạnh. Tôi giơ ngón tay chào. Buồn chuyện bằng tiếng Anh.

- *'s lady is very beauty!*

- *'s people are more, more!*

Chúng tôi cười rộ. Cô gái ngồi cạnh cầm tay tôi lừa vào ngực mình. Sắp tới màn thoát ỷ. Tôi không muốn ngồi lại. Cô gái tóc huyết dụ bước ra theo tôi, khoác tay thân mật. Taxi chờ sẵn trước cửa quán bar. Tiện nghi và hoàn hảo, kể cả condom trong túi áo tôi, loại giá 1 USD một chiếc. Tôi chột bắt gặp một gương mặt quen. Tóc thẳng bay thốc lên trong gió. Mắt nâu dạn dĩ. Đôi hoa tai mặt đá hình giọt lệ cũ kỹ. Cô gái mặc jupe ngắn để lộ đôi chân trần rám nắng rất thẳng. Đúng là gương mặt gặp ở bến cá chiều nay, có điều chẳng tanh tao tí nào, chẳng lam lũ và an phận tí nào. Cô ta bước vào xe với một ông khách tóc vàng cao lớn.

Tôi về nhà muộn. Mẹ Lãng để hờ cửa cho tôi. Cổng ngõ và trong nhà tối om. Tôi lần công tắc điện. Chột thấy nhà dưới vẫn còn sáng đèn. Tôi không bật điện nữa mà chập choạng lần đi xuống theo hướng ánh sáng. Chỉ đi từ nhà ngoài qua phòng khách, phòng Lãng, phòng Thu để xuống bếp mà sao thấy như cả một đoạn đường dài. Đèn dưới bếp sáng choang. Không có ai cả. Tôi nhặt con dao làm bếp cầm trong tay, lảng lảng đi

quanh một vòng. Yên ắng như tờ, gió núi hất vào mặt tôi. Tôi trở lên nhà, bật hết mọi công tắc đèn trên đường đi. Cửa ra vào và cổng lúc này tôi đã chốt chặt. Có tiếng kẹt cửa. Cái Thu lộ đầu ra. Nó nhìn tôi nửa như tò mò, nửa như trách móc.

- Anh Thạch về muộn thế. Mẹ phần anh cháo gà trên bàn kia.

- Ủ. Anh tắm xong rồi ăn.

Tôi ngủ ngon. Sớm sau, tôi xin phép bố mẹ Lãng, chào cái Thu rồi lên xe trở về. Nhưng tôi không về thành phố. Tôi bí mật quay lại thị xã. Tôi muốn thử xem tài hoa nguyệt của cô gái gặp trong chợ cá đến đâu.

Tôi thuê phòng trong một khách sạn kín đáo. Cả ngày dài như có con vật nhỏ nào đang đùa nghịch trong ngực tôi. Tôi vận quần bò áo phông, bắt xe ôm vào thị xã, cẩn thận tôi đeo thêm cặp kính đen phòng khi bố mẹ Lãng hay cái Thu có nhìn thấy cũng không nhận ra ngay. Tôi vào siêu thị mua mấy thứ lặt vặt, đồ lót, dao cạo râu, thuốc đánh răng rồi lang thang vào mấy cửa hiệu bán đồ đi câu. Bước ra, tôi chợt sững người. Vẫn cô gái ấy, ngồi sau quầy bán giải khát trên vỉa hè. Chừng như nhận ra người quen, cô cười rạng rỡ chào tôi. Tôi bước qua đường, ngồi xuống ghế, balô đặt dưới chân. Tôi gọi một trái dừa. Cô vác cái bụng nặng nề đi chặt dừa cho tôi. Nước dừa ngọt và mát. Tôi gọi cô tới ngồi cạnh. Gương mặt cô chẳng biểu lộ chút mệt mỏi hay dấu vết trụy lạc của đêm qua. Da nâu trong vắt, mắt nâu trong vắt. Tôi hỏi:

- Cô không đi chợ cá nữa à?

Cô cười hồ hởi:

- Mấy hôm biến động, cá mú đắt quá anh ơi. Em dọn hàng giải khát bán cho bà con quanh phố đây thôi.

Cô lại cười, nhẹ nhõm. Nói chung là cực kỳ có duyên.

Tôi để tiền nước lên mặt bàn, cố ý “bo” thật hậu rồi trở về khách sạn. Tôi nằm nghe MP3 rồi lơ mơ ngủ lúc nào không biết. Giấc ngủ chập

chờn cạn cọt. Tôi mơ thấy mình ngủ với cái Thu em thằng Lăng. Con bé lúc nào cũng có vẻ buồn buồn, vẫn thường lên xem tạp chí Playboy thằng Lăng mang về. Tuy thế nó chẳng biết gì những trò hoa nguyệt. Tôi phải dạy nó từng tí một. Nhưng đến khi nó quay mặt lại nhìn tôi thì hóa ra lại không phải cái Thu. Gương mặt của cô gái tôi gặp ngoài bến cá, nhưng đôi mắt chỉ tuyến là màu đen như hai cái hồ nước đầy rêu không có đáy. Tôi thức dậy, ra sức tự vả vào mặt mình. Em gái của bạn tôi chắc là còn trinh, và ở xứ này các cô gái phải giữ gìn trinh tiết để lấy được tấm chồng tử tế.

Tôi chắc mình nhầm. Chắc cô gái ngoài bến cá có một cô em gái nào nữa. Buổi tối, tôi vẫn mặc áo phong quần bò đi tới quán bar hôm qua, dù thật tình trong lòng không còn hứng thú. Tôi chi thêm sáu mươi “đô” cho người gác cửa và dẫn mối để tìm được đúng cô gái da nâu ngày hôm qua. Tôi dẫn cô về phòng khách sạn của mình. Dọc đường đi, cô không nói gì, ánh mắt nhìn tôi như có chút mừng vui khó hiểu. Tôi hỏi: Chiều nay gặp em bán hàng ngoài phố, hả? Cô gật đầu, cười. Cái gật đầu chẳng xác nhận được gì. Bỗng dưng một nỗi căm giận vô cớ trào lên. Cô vừa cười vừa cởi áo quần tôi. Tôi gạt tay cô. Tôi thô bạo giằng chiếc jupe ngăn ra khỏi người cô, lột nốt manh áo hờ hững. Cô vẫn cười, nhẩn nại như một người tình, bắt đầu liếm khắp mình tôi. Tôi buông thả theo cô, rồi bất chợt ghì chặt cô xuống. Cô chỉ im lặng đợi cho tôi qua cơn nóng nảy. Nhẹ nhàng, kiên nhẫn, cô lại chiều tôi hết mức cho tới khi tôi hoàn toàn thỏa mãn. Cô điểm này thực là sành điệu, không chê vào đâu được. Tôi gần như chắc chắn cô chính là đứa con gái tôi vẫn gặp lúc ban ngày.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn:

- Em không lấy chồng à?

Cô đáp một câu khá có nghĩa và văn vẻ:

- Đêm nay anh là chồng em.

Tôi bảo:

- Làm nghề này kiếm tiền không bõ công khó nhọc em ạ.

Cô đáp:

- Nếu may gặp người tử tế, cũng được ấm no một đời.

Tôi bảo cô ở lại cả đêm, trả tiền cho cô, “bo” thêm khá hậu và bảo cô ngủ trong giường tôi.

Tôi đánh giá các cô gái khôn ngoan giữ gìn trinh tiết để “bán mình” một lần đủ sống yên ấm cả đời trong vai cô dâu thảo, những cô gái đại dột bán mình hàng đêm để cuối cùng cũng có cuộc sống khá giả, những cô gái làm nghề khác nhưng lại tiến thân chủ yếu bằng cách bán mình cho “sếp”, những cô gái ấy có trí thông minh ngang nhau. Nghĩa là họ đều rất thông minh. Thông minh hơn nhiều so với những cô lấy chồng do bốn phận và do lẽ tự nhiên.

Tôi ngủ mãi tới trưa. Dậy tắm rửa và thay áo quần, tôi đi kiếm một quán ăn ngon để làm bữa trưa. Vừa ăn, tôi vừa lơ đãng nhìn ra khoảng sân trống trước mặt. Và tôi thấy, vẫn là cô gái ấy đi qua. Cô mang cái bụng to nặng nề, gương mặt nhẹ nhõm tươi sáng chẳng một dấu vết gì của trụy lạc đêm qua. Cô cắp một cái rổ khá to trong đựng toàn rau cải xanh, đi về phía nhà bếp, tay cô vẫn còn mang đôi găng cao su dày dùng để rửa rau.

Tôi hiểu là có sự không thường. Tôi bỏ dở bữa ăn, bước theo cô. Tôi bảo cô đi theo tôi, việc nấu ăn tính sau. Tôi bắt cô đi theo về phòng tôi, ngay gần đó. Tôi bảo:

- Em có muốn tối nay anh lại bao em không?

Cô đáp:

- Có.

Tôi ôm lấy cô, hôn lên trán, rồi nhanh như chớp xé toạc chiếc áo cô đang mặc. Cái bụng tròn của cô lộ ra run rẩy. Cả cặp vú trĩu xuống, sậm màu nơi hai núm vú. Không giống như cô, lúc tôi nô giỡn đêm qua. Cô run run bảo tôi:

- Bây giờ thì anh rõ rồi chứ?

Tôi đứng như trời trồng. Tôi nhìn cô giả trang vào ban ngày còn ban đêm đi làm đêm. Nhưng quả tình việc này tôi không tài nào cắt nghĩa nổi. Tôi lột chiếc áo đang mặc trên người đưa cho cô. Cô lẳng lặng mặc áo, chào tôi rồi đi. Tôi gọi theo:

- Tối nay anh gặp nhé?

Cô không quay lại, không đáp.

Đầu tôi ong ong. Tôi chắc là do đêm qua vui quá trốn. Trở về phòng, tôi gọi một tô cháo nhỏ, ăn xong đánh răng rồi lên giường nằm. Tôi không sao ngủ được. Chiều, tôi trở dậy và đi xuống bến. Một đám người đang xúm đông. Có ai chết đuối. Người chết đã được phủ một manh chiếu. Bó nhang cắm phía trên đầu ngun ngút khói. Tôi nhìn những đầu ngón chân lộ ra dưới manh chiếu, vừa rờn rợn vừa như linh tính một điều gì. Tôi lật manh chiếu phía đầu lên. Tim tôi ngừng lại một giây. Là cô gái trẻ mà tôi làm quen chính ở bến cá này, cô gái điếm sành điệu mà tôi vừa chơi đêm qua. Cặp mắt nâu của cô vẫn mở trong veo.

Người đàn ông đứng tuổi, có vẻ như một dân chài đứng bên tôi bỗng rú lên. Ông ôm mặt rồi bỗng thụp xuống lạy như tế sao.

- Cô Lan, cô Lan, cô sống khôn chết thiêng đừng quay lại nữa. Rồi chúng tôi lại bốc bát nhang thờ phượng cô, cô đừng quay lại nữa!

Cả đám đông xôn xao. Người tò mò, người hốt hoảng. Tôi bám lấy người dân chài nọ hỏi thăm. Ông kể, cách đây hai mươi một năm, cô gái này đã giạt vào bến cá và được chôn cất. Sau này người ta mới biết cô vốn là gái điếm. Không rõ bằng cách nào, cô lên được một con tàu lớn, lúc đó đang đậu ngoài vùng biển quốc tế. Người ta thương tình cho cô ở lại trên tàu. Sau khi giải khuây cho các thủy thủ, cô đã lấy trộm đồ đạc quý của họ và bị phát hiện. Với người thường, tội trộm cắp có thể xử tù rồi tha. Nhưng cô lại còn là gái điếm. Có người kể rằng cô bị vớt xuống biển. Có người kể rằng cô bị một cuộc “báo thù” tập thể rồi được thả cho đi

theo cách mà cô đã tới được con tàu đó. Trên đường về xuống của cô bị lật. Lúc chết, cô đang có thai. Người bảo ba tháng, người bảo năm tháng. Sóng ngoài khơi đã đưa cô dạt vào bến cá này. Sau khi chôn cất cô, người ta lập một cây hương nhỏ nằm bên hữu điện thờ Cô Ba Thoải để hương khói cho mẹ con cô, vì cho rằng người chết trẻ như thế rất thiêng. Cây hương đó sau bị phá đi, vì “Ai mà thờ con điểm bao giờ”. Bảy năm sau đó, một xác phụ nữ trẻ rất đẹp lại dạt vào bến cá, cũng đúng chỗ này, những người đã chôn cất cô gái bảy năm trước nói rằng vì không thờ cúng nên cô quay trở lại. Họ lại lập một bát nhang thờ cô gái, rồi chỗ hương khói cho cô lại bị phá đi. Cứ bảy năm một lần, đây là lần thứ ba cô quay trở lại. Người đàn ông khẳng định với tôi, chính ông đã cùng chôn cất cô gái bảy năm trước, cô chết mà mắt vẫn mở to, nét mặt vẫn tươi tỉnh, không giống như người chết đuối đã vài ngày dập dềnh ngoài biển. Thân thể cô rất đẹp, tuy người ta vẫn nhận rõ cô đang có thai. Tôi tin câu chuyện này vì chỉ có câu chuyện này mới giải thích được sự xuất hiện lạ kỳ của cô gái tôi quen ngoài bến cá. Nhưng tôi không tin là mình lại từng ngủ với ma.

Tôi góp chút lòng thành để mai táng cô gái. Người dân trong vùng xác nhận đây là lần thứ ba họ chôn cất cô gái trẻ này. Nhà sư trong chùa Huyền Viên được mời tới để làm lễ siêu độ cho vong linh cô, và tôi thấy người ta gọi cô là cô Lan chứ không hề nhắc tới chuyện cô từng là gái điểm.

Anh Sáu máy trưởng quê Quảng, cũng có lần kể cho tôi nghe chuyện anh đi chơi gái gặp ma. Đang đêm, anh vừa thiếp đi được một lúc thì chợt giật mình tỉnh dậy. Anh thấy cô gái đang nằm bên mình thân thể bị xẻ làm ba khúc, không có máu me gì nhưng rành là bị xẻ làm ba, gan ruột lầy nhầy. Hoảng hốt, anh chạy vội ra ngoài, chạy tuốt xuống phòng trực khách sạn. Trên mình không có áo quần, anh phải mượn tạm của người trực đêm đó. Vậy mà sao vẫn còn kịp xỏ chân vào đôi dép mềm đi trong phòng! Người trực đêm vừa hãi vừa buồn cười. Lúc mọi người quay trở

lại phòng khách sạn, có anh Sáu dẫn đường, thì đã không còn thấy cô gái đâu nữa. Đồ dùng cá nhân, ví tiền của anh không suy suyễn. Chăn nệm vẫn còn nguyên dấu người nằm, nhưng cô gái biến mất không để lại một cọng tóc. Anh Sáu tin mình nhìn gà hóa cuốc. Mãi sau người ta mới kể, trong vùng đó có một cô gái điếm chết khi còn trẻ lắm, bị tàu cán chết không toàn thân. Hồi nghe chuyện của anh, tôi chỉ thấy rờn rợn, tôi nghĩ anh tưởng tượng ra câu chuyện đó cho phù hợp với một niềm tin, hay một điều gì cần cái trong lòng anh mà chưa thể có cách gì giải tỏa.

Hôm nay tôi đã lại lênhề đêngh trên biển. Thằng Lăng vẫn là chiến hữu cùng tôi chuyến này. Nó khoe với tôi một loại condom mới kiếm được ở Thái Lan, siêu mỏng và có thể làm tăng cảm giác gấp nhiều lần. Vẫn là Made in. Nó không thể biết được tôi lại từng mơ ngủ với em gái nó và từng ngủ với ma. Tôi vẫn giấu kín câu chuyện này cho đến khi kể ra đây. Trên tàu bao giờ cũng cô quạnh, tiếng máy đều đều đến phát bực. Những đàn chim biển trắng rợp cùng bay phía trên mũi tàu chốc chốc lại bay vụt lên cao như đám mây vỡ vụn bắn tóe ra chung quanh khiến người ta có cảm giác như con tàu đang chạy đuổi theo những đám mây bất tận. Tôi kê giá trên boong tàu để vẽ. Tranh của tôi bất chấp luật gần xa. Tôi vẽ những gì mắt thường vốn không nhìn thấy nhưng lại nấu nunggh đầudó sâu kín tận trong tâm trí, hình ảnh của cuộc đời phản chiếu trong giấc mơ tôi với những dạng thái kỳ lạ bất thường. Thái Bình Dương xanh mênh mông. Bồng đầudướcc mắt tôi dựng lên một manh buồm, vừa nâu sồn ngắmdầy muối mặn vừa rực vàng phản chiếu ánh mặt trời rạng rỡ, manh buồm ấy lúc tỏ lúc nhòe cứ chập chờn trước mắt chắn giữa tôi và đường chân trời xa hút...

K.P



V Ì N H   N G U Y Ê N

# Xôn xao làng Chẻ

(SH số tháng 7 - 2008)

Ngô - bạn tôi rủ tôi về làng Chẻ.

Đến thành phố H.H., tôi mượn chiếc xe máy của một người quen. Tôi chở Ngô về làng An Hải Trung.

Ngô nói: Mình có thằng cháu chết hơn năm rồi mà chưa về thăm thắp nén hương cho nó. Nó hơn mình đến chục tuổi nhưng trong họ nó thuộc phái nhỏ. Nó gọi mình bằng bác. Các con nó gọi mình bằng ông. Nghe nói làng nó giờ làm ăn khấm khá, lại có thêm món “tươi mát” nữa mà mình chưa kịp về thì nó bỗng lăn ra chết. Nhưng còn vợ nó với các con nó.

Nghe vậy, tôi dừng xe. Tôi nói phải ghé quán mua chút lễ mọn. Ngô đứng bên xe. Tôi vô quán. Tôi mua chai rượu trắng, hộp bánh, mấy thẻ hương. Bỏ các thứ vào giỏ xe, chúng tôi tiếp tục lên đường.

Ngồi sau xe, Ngô rí rả kể:

“Cánh lái xe giỏi thiệt. Gọi làng Chẻ mình tin là do cánh lái xe bày ra. Chứ làng này ngày xưa là An Hải Trung. Nay nó vẫn là An Hải Trung. Nhưng nghiệm ra nghĩa đen thì có thể cánh lái xe gọi hay lại ngắn

gọn. Bởi làng này chủ yếu làm nghề bán củi chẻ. Vài cây dương ngã xuống. Cửa ngán khoảng năm mươi phân. Một đầu cầm thẳng xuống cát. Người chẻ củi đứng dạng hai chân bằng vai, hai tay cầm rìu giơ cao giáng xuống. Khúc gỗ dương toác làm hai. Gỗ dương đang tươi, nó mềm mà róc như chẻ mía. Chẳng cần đàn ông, vùng này đàn bà, con gái đều chẻ được tất. Củi chẻ bó thành từng bó rồi chất từng thớt vuông. Củi dương thối đỏ, than đượm. Cánh lái xe thích mua củi ở đây chở về bán cho thành phố. Lãi gấp đôi. Mua củi thớt hay đếm bó theo chục, theo trăm đều được cả.

Ngày xưa vùng này khó đi lắm. Làng An Hải Trung chỉ vài chục nóc nhà tranh tre nứa lá cheo leo ở giữa một vùng cát trắng mênh mông. Mỗi gia đình chiếm vài ha đất cát. Chỗ cao trồng dương liễu. Chỗ trũng trồng sắn, khoai, cà, ớt hoặc được một vụ lúa mùa, lúa vãi. Lúa và khoai sắn là nguồn lương thực tự cung tự cấp. Năm hạn hán kéo dài mất mùa thiếu đói. Dân làng có đồng ra đồng vào chỉ dựa vào bán củi chẻ. Loại củi nhỏ không chẻ là để dùng, nhưng vẫn bó. Ai mua thì vẫn bán với giá rẻ. Nghề này là phận của chị em, con gái. Họ gánh củi băng qua bãi cát cả chục cây số về các làng biển An Hải Bắc, An Hải Nam hay An Hải Đông của Ngô để bán hoặc đổi lấy cá khô, mắm ruốc. Họ cũng gánh củi vượt qua bãi cát mênh mông đến bán hoặc đổi lấy lúa gạo những vùng đồng sâu. Hoặc họ chất củi thớt bên đường ô tô chờ cánh lái xe là bán được tiền hơn cả. Có gia đình mỗi ngày bán được hai đến ba thớt củi chẻ. Vận chuyển ba khối củi từ làng ra nơi tập kết đầu phải đơn giản. Đêm mát. Họ lấy đêm làm ngày. Không còn phương tiện gì hơn trườn qua được cát. Tất cả đặt trên đôi vai của các mẹ, các chị...

Đùng một cái, thị xã H.H. lên cấp thành phố. Thành phố H.H. mở rộng diện tích cũng chưa với tới làng An Hải Trung. Nhưng với uy thế của một thành phố biển, ngành du lịch cất lên hàng đầu. Người ta mở mang nhiều trục đường xương cá nối miền biển với đồng bằng, đặc biệt

là một đường cung biển thơ mộng vòng qua làng An Hải Trung kéo về thành phố. Làng cát An Hải Trung bao đời nóng bỏng rộp chân ngày hè giờ nằm sát bên con đường láng nhựa đẹp như mơ. Có con đường láng nhựa, nhiều gia đình làng biển trong huyện, có làng An Hải Đông của Ngô nhờ bà con thân thích nơi đây kiếm cho miếng đất rồi chuyển tới xây nhà. Có đường sá thuận tiện, chỉ sau một năm nhiều nhà ngói xây mọc lên thay gần hết số nhà tranh tre nửa lá. Và đã có mấy nhà lầu hai gác bề thế thấp thoáng dưới những rặng dương xanh.”

Ngô bảo tôi rẽ vào cung đường mới. Đã gặp mấy chiếc xe tải, xe đồ chở khách từ trong An Hải Trung chạy ra. Xe tải lên đầy củi chẻ. Xe đồ chở khách cũng chất đầy củi trên trần. Vòng vào cung đường biển mộng mơ thì có xa hơn trục đường cũ, nhưng nguồn hàng vô tận là trong làng Chẻ nên lúc đầu là cánh lái xe tỉnh này tới khai thác. Dần dà cánh lái xe thông tin cho nhau như kiểu xi-nhan bằng tay chỉ xuống, ngoáy tay xuống trên đường ngược chiều là xe phía kia bắt được để có sự tư duy mà đối phó với trạm công an kiểm soát an toàn giao thông phức kích. Dần dà các tài xế chạy đường Bắc -, nhất là xe tải đều đi cung đường mới làng Chẻ thơ mộng và đỡ nghỉ qua đêm để hưởng chút “tươi mát” là chuyện bình thường.

Chúng tôi đến nơi.

Mấy đứa con bà Tho reo lên: “Ông Ngô, ông Ngô mạ ơi!” Bà Tho từ trong nhà đi ra mắt rớm ướt ngùi ngùi. Chúng tôi vào nhà. Ngô đặt đồ lễ mọn lên bàn thờ cháu bên khung ảnh trùm mảnh vải đỏ. Tôi bật lửa ga thắp hương. Ngô cắm ba cây hương vào lư. Hai chúng tôi cùng lạy mấy lạy.

Bà Tho mời chúng tôi ra bàn kê trước hành lang uống nước.

Ngô chưa kịp hỏi han gì cô cháu gái và về cú ngã khi leo hái khế và sau đó đột ngột ra đi của Thời, bà Tho đã ngùi ngùi: “Út khổ quá hai ông ơi, cha các cháu đang khỏe mạnh. Hơn ông Ngô đến chục tuổi nhưng

còn khỏe mạnh lắm. Hàng ngày ông vào chăm nom một héc-ta dương, nay thêm cả héc-ta bạch đàn mới trồng. Ông gánh nước tưới cả ngày không biết chi đến mệt mỏi. Rửa rồi chiều về ông leo mấy trái khế. (Bà chỉ cây khế trước sân nhà.) Nói là để chấm ruốc nhấm rượu với mấy ông bạn quanh xóm. Thì cảnh khế lại. Nghe cái bịch. Út đứng... Út đứng ở chỗ ni đây nhìn ra. Út chộ ông bò dậy rồi đứng lên. Hai tay ông vẫn nắm chặt mấy trái khế. Rửa là không việc chi. Ông đưa khế vào rửa rồi xắt. Ông kéo chai rượu thuốc ra. Út bưng lên đĩa ruốc. Các ông bên xóm kéo qua. Họ vẫn uống với chắc như mọi khi. Rửa là không việc chi phải không hai ông nờ. Rửa mà ai ngờ đêm ấy ông ngủ một mạch luôn. Ông ra đi mà không truyền một lời với vợ con... Kể đến đây bà Tho khóc nức nức. Tay cầm khăn thấm nước mắt.

- Ủ, nó đột ngột quá, Ngô nói, ông biết, nhưng ở ngái quá ông không về đặng. Mà mọi việc đã có ông Khoai, (ông anh ruột Ngô) ông là trưởng họ.

- Dạ, Út biết. Út cảm ơn lắm. Không có các bác, nhất là bác Khoai, gia đình Út và các cháu lúng túng lắm. (Tác giả xin nói thêm điều này: vùng đây có tục lệ dù mình lớn tuổi hơn khách đến mấy vẫn xưng Út hoặc Tam là thứ bậc rất nhỏ trong gia đình để tỏ lòng quý trọng khách và người cấp bậc cao hơn trong dòng họ)

Cô con dâu bà Tho bưng ra đĩa cá khô nướng và chén nước mắm ớt đỏ au. Bà Tho vào bàn thờ cắm chai rượu, bà chêm thêm vào chén rượu cúng cho chồng rồi đưa ra bàn. Ngô rót ba chén rượu. Ngô bưng chén rượu lên nói: “Thôi ông chia buồn với các cháu.” Bà Tho không ngăn ngại bưng chén dứt liền.

Có chiếc xe tải dừng trước nhà. Cô con dâu bà Tho đưa tay vẫy vẫy. Anh tài xuống xe đi nhanh vô quán bên cây khế trước nhà. Cô con dâu niềm nở rót nước mời khách. Anh tài không ngồi uống nước mà mua mấy bao Jet rồi ra xe liền.

Ngô hỏi bà Tho: “Từ khi Thời ra đi, mẹ con mần ăn ra răng?” - “Có chi mô mà mần ăn ôông”, bà Tho nói. “Hàng quán người ta như quán A, quán B, quán C hay gọi quán Tăng, quán Tiến, quán Lợi là người ta thuê các o gái trẻ đẹp. Mùa hè các o để hở cổ, mùa đông các o khăn quàng đầu nhưng để hở rốn hấp dẫn nên khách vô đông. Đông đúc vẫn cánh lái xe. Còn quán của Út không phải thuê ai. Hai đứa con dâu cùng chung mở quán thì không để hở cổ hở rốn nên ít khách vô. Đó, vừa đó, bà vừa nói vừa nhìn ra đường, họ chỉ dừng xe mua bao thuốc, chai nước là đông liền.”

Phong thái bà Tho đã trở nên vui vẻ, hồn nhiên. Mặt bà hồng hào sau khi dứt chén rượu, không ngùi ngùi như lúc đầu chúng tôi vào. Ngô rót tiếp ba chén rượu. Ngô mồm: “Rứa năm tē nghe Thời nói nhà ta cũng có “tươi mát” là nghĩa ra răng?” Bà Tho mặt mày đã đỏ giờ đỏ thêm, bà nói không rụt rè: “Ừ thì người ta răng mình rứa ôông nờ. Có rứa gia đình mới có thêm thu nhập. Hai đứa con trai đi làm thợ nề, thợ đục dưới phố. Đứng rập ngoài nắng cả ngày mà lương phạn phạp phù chẳng ra chi. Túi về còn vô quán xin vợ chén rượu. Rõ dơ! Còn chuyện “tươi mát” thì cũng có. Nhưng từ ngày ôông ra đi thì để gượng đã. Chờ mần tang ôông rồi chúng nó sẽ đi kêu trở lại.”

Chúng tôi cạn chén rượu thứ hai. Bà Tho cũng dứt không còn giọt nào trong chén. Ngô tí mần hỏi: - Quán xá trống trải rứa thì “tươi mát” kiểu răng? - “À có cách mà ôông. Út đã nói là người ta răng mình rứa. Mình cứ làm theo người ta.” Đây, đây, vừa nói bà Tho vừa đứng lên đi ra sau lưng nhà. Chúng tôi đi theo bà Tho. Đó là một cái đại rất kín đáo. Mái đại lợp tranh lồng từ mái nhà kéo xuống. Ba phía xây tường. Mở một cửa có cài chốt trong. Trong phòng kê chiếc giường đơn, trải chiếu, đặt hai cái gối. Bà Tho nói: “Phòng “tươi mát” ta ri là loại khá. Nhiều quán không có giường mà lót ổ rơm bên dưới rồi trùm chiếu phủ lên. Khách tới hỏi cần “tươi mát” thì hai đứa con dâu đi kêu. Cũng chẳng xa ngại chi. Bên

các quán A, B, C ấy. Các o hồ cổ hồ rốn hấp dẫn chạy qua tập lự. Giá cả thì năm chục ngàn. Nhà mình hưởng hai. Phần các o ba.”

Hướng dẫn cận kề xong, bà Tho trở vô bàn nước. Hai chúng tôi nhìn lại cái nơi dùng để làm dịch vụ “tươi mát” mà như lời bà Tho kể thì bữa đầu lót ổ rơm mới tiến tới kê giường. Tôi nói: “Hơi ẩm ổ rơm” là nhan đề bài thơ khá hay của nhà thơ Nguyễn Duy. Nhưng ổ rơm của tác giả thơ là cảnh tình mẹ vùng quê trong sáng. Bộ đội hành quân qua làng dùng ngủ đêm nhà mẹ, trời rét quá mà nhà mẹ không đủ chăn ấm mới trải ổ rơm chống rét. Còn ổ rơm ở làng Chẻ là ổ đã chiến cho khách qua đường lạc thú chớp nhoáng. Nói đoạn, tôi và Ngô cùng tùm tùm cười rồi trở vô.

Ngồi xuống ghế, Ngô nói như tra hỏi cô cháu: “An Hải Trung, tên làng đẹp đại rửa răng không gọi mà cứ động tới là làng Chẻ, làng Chẻ là răng ca? Ai đặt ra rửa ca?”

- Thì ông ơi! Bà Tho kêu trời, giờ người ta cần ăn mau, nói mau, mất mau nên gọi chi tên cũ cho dài dòng. Gọi làng Chẻ cũng được mà. Cũng hay mà ẩn ý lắm! Cánh lái xe đặt ra cả đó. Ngừng một lát, bà Tho nói luôn một hồi như là sợ ai tranh: - Cánh lái xe rất giỏi, rất thông minh. Làng này cũng nhờ sập ấy mà khá lên. Nhưng họ thông minh đó rồi ngu ra đó. Chính cánh lái xe là bị sập bẫy hết ráo.

- Chúng bị những gì, ra rằng?

- Cứ để Út kể cho nghe. Ông mới ni là chưa biết còn ông Ngô thì tỏ tường rồi. Gia đình Út xưa cũng An Hải Đông với ông Ngô. Lấy nhau rồi gia cảnh đông đúc, chật chội dưới biển mới kéo nhau lên chốn hoang vu ni. Làng xóm thưa thớt lắm. Quanh năm suốt tháng chỉ một việc đào xới cát. Vẫn bươi cào như gà vẫn không đủ cái mặc cái ăn. Con cái ít học hành. Lớn lên chỉ lo kéo củi, chặt củi, chẻ củi. Không đi tới mô. Út trên sáu mươi tuổi rồi mà chưa một lần bước cẳng ra khỏi đồng cát. Văn hóa thấp, có biết chi văn nghệ văn gừng. Ấy mà giờ biết tất tần tật. Đây, Út đọc cho hai ông nghe coi. Hai ông đã nghe khi mô chưa?

“Không đi thì nhớ thì mong. Đi rồi thì lện Cù Mông, Ba Ngòi”. Và cánh lái xe giải thích cho tỏ tường: Cù Mông, Ba Ngòi là nơi đèo núi, suối khe nào đó phía trong miền Nam Trung Bộ. Hai nơi nó nghe nói ngành thuế vụ kiểm soát gắt gao lắm. Họ nắn bóp, lục lọi từng gói hàng nhỏ. Có khi tọc cả gói cóc-xê, xi-líp của chị em ra ngoài. Rõ dơ!” Có chén rượu ấm bụng, bà Tho hoạt bát hẳn lên, nói rất bốc. Lúc này bà hình như chẳng còn nhớ gì đến việc nhà mình đang có tang. - Để Út đọc tiếp cho hai ông nghe: “Không đi không biết Sài Gòn. Đi rồi mới biết chẳng còn một xu. Bây chừ mới biết mình ngu. Cái miệng ăn một cái cu ăn mười”... Ha... Bà Tho cười ngất. Chúng tôi cũng cười ngất. - “Đó là chuyện sập lái đi chơi gái Sài Gòn bị nó “chém” cho nhớ đời mới ra thơ phú như rứa... Rõ dơ chưa!”

- Rứa lúc nãy Tho nói cánh lái xe bị sập bẫy là cách rằng? Ngô hỏi.

- Dạ, để Út kể. Út đã kể hết mô. Làng ni nhà ai ở mặt tiền đều có mở quán. Hai mươi bốn chữ cái từ A đến Z đều được ghép cho các quán nên gọi quán A, quán B, quán C hay gọi ghép tên vợ chồng chủ quán như Tăng Tiến, Tiến Lại, Lợi Thu đều hay đại. Quán A được tính từ đầu làng. Đến nhà Út là hết chữ cái. Mà quán của Út là đồ cóc không ra chi nên chẳng cần đặt tên. Ở đây ai kẻ biển tên quán là quán xịn. Trong quán đầy đủ các loại tươi mát từ A đến Z. Ô Ông Ngô à, lâu ông không về nên không biết, còn ông Khoai là ông biết hết ráo. Rứa ông Khoai không tin cho biết làng An Hải Trung bầy Út giờ làm ăn xôn xao cắt mặt lắm rồi ca?

- Chưa- bạn tôi lúc này bị chất vấn trở lại. Ngô nói: Bởi năm tề Thời vô Huế khám bệnh gì đó có tới nhà thăm ông, Thời xì chuyện “tươi mát” là cú tưởng giỡn qua vậy thôi, mần chi biết chân tơ kẽ tóc như bây giờ?

- Phải, bà Tho tiếp, hai ông ơi, bây chừ làng Út có xảy ra một chuyện chi là cả làng đều biết tấp lự. Có chi báo hết cho nhau, không ai che giấu mần chi. Nên nhà mô, quán mô cũng kể lại như Út in tấp lự.

Mới tháng trước, chiếc xe tải mang biển số 52 từ trong đi ra. Anh tài xế chở theo một đôi “vợ chồng” mập ú. Họ cùng ngồi trước đầu xe nên gán vợ chồng vậy thôi, còn giả thật thời nay theo nhau đi buôn đường dài thì có trời mới biết. Mà không cần biết chuyện ấy hẳn chi. Chỉ biết chiếc xe 52 quẹo vô đầu làng, xe đang tiến, lùi tìm chỗ đậu có bóng mát thì lộn nhào vì sập hố. Ba người đều bị thương nặng. Đôi vợ chồng mập ú bật lăn xuống rãnh bất tỉnh, máu me đầy mặt. Anh tài nằm kẹt vắt ngang, đầu chảy máu đầm đề. Có tiếng kêu “cấp cứu, cấp cứu”. Tổ dân quân tự vệ làng vác cán, vác vông nhanh chóng đưa họ lên bệnh viện huyện. Dân làng vây lấy chiếc xe đổ. Chiếc xe tải có cửa sắt ô vuông khóa sau, trần vững chắc nên hàng không đổ ra ngoài. Một ông tò mò muốn biết hàng chi trong nó mới dùng đục nạy tấm trần ra coi. - Bọt ngọt, ông nói.

Không ai nói chi với ai. Mọi người ra về.

Nhưng nhá nhem tối, quang gánh, bao bì đã vây kín chiếc xe đổ.

Trưa hôm sau, đầu anh tài bị khăn trắng trở về trên chiếc xe ôm. Không cần đến gần xe, anh biết hàng đã mất. Anh vào cái quán cạnh đó. Cái quán có cô em gái trẻ hờn hờn hấp dẫn vẫy chào mời làm anh không kịp đập phanh mới ra nông nỗi ấy! Anh gọi ly nước chanh đá. Đoạn anh rút điện thoại di động trong bóp đeo nơi lưng quần ra bấm bấm bấm. Động tác đơn giản của anh đã có người “ghi nhận” và mau chóng truyền lan cho cả làng cùng biết mà đề phòng, chống đỡ.

Đôi vợ chồng “mập ú” thuê taxi về sau ông tài một chập. Đầu và miệng họ đang dán đầy băng. Chỉ đôi mắt là vẫn còn tinh anh. Họ biết hàng đã mất. Họ tới nói chi đó với anh tài rồi đi bộ ra đường cái đón xe đường dài.

Khoảng ba giờ chiều thì xe cần cầu tới. Hóa ra anh tài bấm máy di động là gọi xe cầu cấp cứu chứ không phải gọi công an. Cần cầu lớn. Xe lại nhẹ. Chiếc xe tải được đưa lên dễ dàng. Máy móc không việc chi. Anh tài cho xe thoát ra khỏi làng Chẽ trước khi trời tối.



Chuyện xe đò, mất hàng là bình thường. Nhưng hay là hay khi bà Tho bình luận như một phóng viên thời sự: - Các ông biết không, làng của Út đêm đó nhộn nhịp, kín đáo, mau lẹ vận chuyển hàng như một chiến dịch. Bốn tấn bột ngọt được tẩu tán trên bốn trăm hộ gia đình. Nhà út không có người tới chỗ xe đò cũng được 5 kí.

- Rửa chính quyền địa phương không can thiệp gì ca? Ngô hỏi.

- Chà ông ơi là ông - bà Tho kêu lên - của nước nổi mà ông. Chính quyền cũng từ dân ông nờ. Có ai kiện tụng chi mô mà ông lo!...Bà Tho kể tiếp:

- Có chuyện tưởng như xong om rồi, treo niêu rồi - bà Tho nhấn mạnh - Một bài báo trên tỉnh phản ánh “Phải chăng làng An Hải Trung là một ổ dịch HIV?” Công an tỉnh đánh xe về mần việc. Nhưng đầu vào đó êm re. Có chi khó khăn mô. Dễ ẹc! Ông thôn trưởng mời mấy eng đến quán E uống mấy chai chơi. Quán nớ có mấy o trẻ nhất, đẹp nhất. Mấy o đang chờ sẵn ở trong buồng. Mấy eng cứ hồn nhiên pheng màn mà vô thôi. Ông trưởng thôn vẫn nhấp bia ngồi chờ...

Lúc mấy eng trở ra, mặt mày hớn hờ. Mấy eng không ngớt ô kê. Mấy eng lên xe còn “bai bai” trở về thành phố. Mấy eng còn nói đến hẹn lại lên nữa chứ. Các o cố gắng diễn hoàn toàn, “tình cho không biếu không” hoàn toàn. Rửa là êm xuôi hai ông nờ...

- Cao mưu quá! Chúng tôi đồng thanh nói.

- Chưa hết mô, để Út kể tiếp, kì tài lắm, diễn kịch lắm. Hai ông đi tới các quán H, I, K hoặc V, X, Y họ cũng đều kể như Út in tập lự.

Có hai bố con ông tài lái xe tài từ Hà Nội vô. Bố khoảng 50 tuổi, cậu con khoảng 20. Chiếc xe tải bịt bùng phanh kít. Hai bố con xuống xe. Hai cánh cửa đóng đánh rầm, rầm. Vô quán, cậu con trai gọi chai khoáng 3 ngàn. Ông bố gọi chai bia 6 ngàn. Họ uống và hút thuốc ba số. Cậu con uống xong chai khoáng bỗng nổi cáu chửi: “Địt mẹ, xứ sở gì mà nóng

quá!” Áo vắt vai, ở trần, cậu đi ra xe. Ông bố đứng lên nói trả tiền. Ông đưa tờ mười ngàn đồng. Bà chủ quán E bảo khách vào phòng trong lấy tiền thôi. Bà vừa cúi vừa đẩy tấm kính bàn lấy tiền lẻ. Ông tài từ phòng ngoài bước vô phòng trong nhận tiền. Bỗng cánh cửa sập lại đánh rầm và ông chủ quán cài ngay chốt ngoài. Ở phòng trong, bà chủ quán la lối: “Bà con ơi, cứu tui với! Tui bị hiếp! Tui bị hiếp!” Trong phòng, bà chủ đã trần truồng như nhộng trên giường. Còn vị khách xe đạp cửa rầm rầm muốn thoát nhưng không thoát được. Phòng trong kê một giường ngủ vừa đặt tủ bán hàng có hai cửa trước và sau cùng lúc chốt chặt. Bà chủ không ngớt la lối: “Cứu tui với! Nó hiếp tui!” Bà con chòm xóm vây kín quán E. Ai nấy đều nghe rõ tiếng bà Xuân rống lên như điên, như cuồng: “Mau mau bà con ơi! Cứu tui! Khiếp quá! Tui chết, tui chết mất!”

- Mở cửa ra! Chụp lấy nó! Trói gô nó lại! - Nhiều tiếng hét lên đồng lòng cùng một lúc. Chốt cửa bật mở. Bà chủ quán vẫn trần truồng nằm sấp trên giường. Mấy cánh tay lực lưỡng chụp cổ, chụp đầu vị khách tài. Có người nhanh nhẩu nói: “Nó mặc áo quần lẹ thiệt hí!” Ông chủ quán E hô lên: “Xin bà con chứng kiến cho. Tui không có trong nhà. Hắn vào quán uống rồi lao vào buông hiếp vợ tui.”

- “Trói nó lại. Đưa lên xã giải quyết”. Nhiều người cùng hô lao nhao. Lúc này, mấy cánh tay lực lưỡng đã kéo vị tài già ra phòng ngoài. Ở đây đã có người viết biên bản bắt ông tài kí nhận tội hiếp dâm và phạt tiền mười triệu đồng. Không kí nhận, không đưa đủ tiền thì giữ xe lại chờ cấp còi xuống mần việc!

Nghe xong văn bản, mặt ông tài méo xệch. Cậu con đi vô đứng nhìn chỉ biết nhìn. Ông tài không chút đắn đo cầm bút kí cái rọc rồi rút ví đưa tiền. Ông cùng cậu con trai ra xe. Xe nổ máy. Ông tài thò đầu ra cửa nhỏ bãi nước bọt đánh toẹt xuống đất chửi thề: “Địt mẹ! Khốn nạn!”

Bà con làng Chẻ mở trận cười ê...ô... a... reo vui phía sau chiếc xe tài đang nhả đụn khói đen thui!

Trước lúc ra về, tôi cùng Ngô vào bàn thờ thắp hương cho ông Thời rồi chia tay bà Tho cùng các cháu. Bà Tho vỗn vĩa nói: “Chúc hai ông đi mạnh giỏi. Khi mô hai ông trở lại Út sẽ kể nhiều chuyện nữa. Nhất là chuyện về cánh lái xe. Va vấp nhiều nhưng họ có khôn mô”. Bà cười.

Đi được một đoạn, Ngô nói: “Con cháu mình ít chữ, ba cục một hòn, chưa đi tới mô mà kể chuyện hay hề”. Ngô lại rủ tôi: “Hết khó thẳng cháu, tụi mình trở lại làng Chẻ “tươi mát” sau cái đại còn gọi ổ rơm ấy thì rất an tâm bởi đã có Tho và hai đứa con dâu nó ngồi trước quán canh gác”.

Tôi không nói gì, bụng nghĩ: “Ngô, bạn tôi là người có nhiều chữ, đại học hẳn hoi, giờ lại muốn hòa theo đám con cháu làng xã quê hương thói làm ăn nhấp nhem, chụp giật lưu manh bất chính?”

*Trại sáng tác Đà Lạt, 4-12-2006*

*V.N*

V Õ T H ! X U Â N H À

# Quê nhà không có bệnh phấn hoa

(SH số tháng 11 - 2008)

Tập truyện thứ X bộ truyện “Những trang viết lạ” vừa phát hành, nhiều người đã gọi điện đến hỏi, cái truyện ngắn “Chuốc mấy nậm trường” moi ở đâu ra vậy? Tác giả Trần Sao là ai vậy? Nghe chừng có vẻ là tay viết trẻ mới xuất hiện? Hay thằng cha nhà văn nào chán đời núp bóng tên con để xả sú?

Tôi bảo, một gã viết chính hiệu đang sống bên Mỹ gửi truyện về qua đường email. Chưa biết mặt. Tinh thần tuyển chọn tập truyện là cứ thấy truyện viết hay, đúng tiêu chí “lạ” thì đưa vào. Có ký bản quyền hẳn hoi nhé. Mỹ Califoocnia. Dân HO hay vượt biên hay du học cũ cũng không rõ. Không chính trị chính em gì. Chỉ rượu và viết.

Bạn vỗ tay, hay, hay lắm. Quan điểm rõ ràng, có đổi mới, hội nhập. Ta còn đón Nguyên Phó Tổng thống Ngụy quyền Sài Gòn xưa Nguyễn Cao Kỳ có đưa tin lên cả te-le-vi-zừn khi đón bố thì đồng thời đĩa có bản hợp xướng *Bên em luôn có ta* của một dàn đồng ca có cô con gái Nguyễn Cao Kỳ Duyên xinh như nàng Kiều giữa xứ người đứng hát đĩa phát hành

thêm hàng vạn bản lậu ngoài chợ đĩa lậu chợ này mọc lên ngay giữa trung tâm thủ đô một bên là mấy trường phổ thông và cơ quan công sở có tiếng một bên là những gallery mỹ thuật rạp chiếu bóng đi lên tẹo nữa là rẽ đến đường có Ủy ban nhân dân thành phố uy nghiêm quên mất phía tay trái là hồ Gươm Rùa thiêng chợ đĩa lậu nằm chênh ềnh ngay trên vỉa hè nằm bên trong những nhà tối om ngoắt ngoéo các ngón nghề truyền đời con cháu tư bản xưa của đất Hà thành nay con cháu bán đĩa lậu dẻo hơn bán kẹo quéo khi bật đĩa lên nhìn nàng Kỳ Duyên hát mà tâm hồn khách chúng ta rướm lệ tình bác ái.....

Tôi toát mồ hôi hột. Quyết không nói cho bạn hay Trần Sao là cậu ruột tôi. Nguyên sĩ quan Đà Lạt. Đi Mỹ theo diện HO.

Mẹ tôi mừng khi cầm cuốn sách trên tay. Mẹ lật đi lật lại những trang thấm đẫm tên Trần Sao. Hỏi đi hỏi lại, cậu cũng được lĩnh nhuận bút? Tôi khẳng định với mẹ bằng bản nhuận bút tôi đã ký nhận với Nhà xuất bản. Những hai trăm hả con? Hai trăm bây giờ là các nhà văn mới phần đầu được bằng một nửa các nhà báo đấy mẹ ạ. Một bài báo ngang bằng số trang như thế này, các nhà báo được nhuận bút gấp đôi gấp ba cơ. Đất nước mình xưa thắng trận nhờ tinh thần thơ văn, nay chiến nhau trên thương trường nhờ báo chí. Thăng nào làm ăn không cẩn thận biết điều, tự cho mình hay mình giỏi, coi khinh nhà báo, chỉ một bài bôi đen là đi tong sự nghiệp kinh doanh. Trời, mẹ đâu có hiểu mấy chuyện đó. Thấy cậu được in truyện ở chế độ mình lại được nhuận bút như thế này là mẹ mừng lắm rồi. Để mẹ cất vào tủ, đợi khi cậu về sẽ đưa cho cậu lấy hên.

Nhưng tôi biết cậu còn lâu mới về nổi quê hương mà thăm bà con, cười với bà chị đang ngày mỗi yếu. Cậu đang ngồi trong nhà tù của San Diego bang Cali. Người đưa cậu vào ngồi tù là vợ cậu, mẹ tôi.

Cậu tôi đẹp trai từ khi còn trong bụng bà.

Cậu sinh lỗi thời lỗi khắc. Nên cái đẹp của cậu chỉ làm khổ cậu. Cậu mới lọt lòng bà đã khiến mọi người trầm trồ nom như tiểu thiên thần.

Mãi lo cho cậu không ai biết bà bị sót nhau. Chỉ bốn ngày sau thì bà mất. Ông tôi đau đớn lẫn lộn suốt cả cuộc đời. Ông uống rượu, cặp với gái, cặp thật nhiều cũng không tài nào xóa được nỗi đau mất bà. Bà ngoại ghê của tôi hận ông, hận luôn cả cậu. Bà đẹp kiểu hoàng tộc, họ của bà là họ hoàng tộc Công Tăng Tôn Nữ, nhưng bị mang cái tiếng dì ghê suốt đời với mẹ và cậu tôi. Chỉ vì ông ngoại không bao giờ yêu bà hết lòng, chỉ lấy bà về để xoa dịu nỗi đau mất bà ngoại tôi.

Cậu có mẹ tôi bên cạnh chăm sóc yên ủi cho đến khi chính mẹ tôi cũng bỏ cậu mà đi lên chiến khu. Cậu lớn lên ra sao mẹ tôi không còn hay biết. Ông ngoại mãi mê với những công trình xây cất biệt thự ở Đà Lạt, mãi mê vợ mới sinh thêm những dì bé cậu bé của tôi. Cậu tôi học hết trung học, được gọi vào học trường Sĩ quan Đà Lạt, nơi chỉ đào tạo những kẻ đủ chiều cao, hình dáng chuẩn, học lực giỏi tuyển chọn từ các vùng miền đưa vào. Cậu học bốn năm vừa xong khóa đào tạo Sĩ quan Đà Lạt (cái lò nổi tiếng ga lăng với gái) thì Giải phóng miền Nam. Ngơ ngác khi được quân cách mạng đưa vào trại tập trung học tập cải tạo tiếp. Đợt học cải tạo này kéo dài những n-ă-m năm.

Và giữa những năm những tháng lạ kỳ đó của cậu, là cuộc tình với mẹ tôi, là đám cưới và những đứa con ra đời.

Nay cậu đang ngồi trong tù. Đi tù thực sự. Với cái án mưu giết vợ.

Bữa đó mẹ Bảo Phương về Huế thăm mẹ tôi và khóc, kể em vừa bị tai nạn xe hơi đâm chị ơi. Mẹ tôi cầm tay mẹ hỏi có nặng không? Mẹ chỉ mấy vết xước, thì đó, em nằm viện ba tháng liền xương liền cốt rồi. Mẹ tôi trách, đi đứng ra sao mà bất cẩn vậy. Ở xa xuôi găng giữ gìn, lương tháng của thằng chắc không đủ nuôi mấy đứa nhỏ? Ủa, thì đó, chị biết rồi đó, bọn Mèo cũng chỉ chính sách nhân đạo vậy thôi chứ lên thượng tầng giai cấp chúng cũng phân biệt khinh miệt dân da vàng ghê lắm. Coi như cuộc đời chúng em bỏ đi rồi chị ơi, chỉ ăn thua mấy thằng cha chấp chưởng phía trên, ngàn đời dân đen vẫn là dân đen, ở đâu cũng vậy. Mà

anh mới chỉ là lính cậu học xong mấy năm sĩ quan Đà Lạt, chưa có công trạng gì (tôi dịch lại cho mẹ, nghĩa là chưa giết được tên Việt cộng nào cũng chưa xung đồn lâm trận gì để giành sao Anh dũng bội tinh hay sao gì đó). Sang đó mấy ông bà có công trạng thì được sắp ở nơi dễ làm ăn, mở tiệm hớt tóc, uốn tóc, làm móng tay, ai có hơn thì mở được cả tiệm phở, tiệm vàng... Mẹ tránh né mấy câu hỏi về cậu, chỉ kêu ca chung chung vậy rồi cho mẹ tôi một trăm đô la Mỹ (bây giờ không ai người dân nước Việt mình chê đô la cả, ngày trước như thế là phạm tội thỏa hiệp với địch).

Mẹ ngỡ ngơ một lúc lại rút túi đưa cho mẹ hai trăm đô la Mỹ nữa, nói của anh Nam gửi chị, kèm một lá thư chỉ có vài dòng hỏi thăm tha thiết lắm. Tha thiết nhưng cũng chỉ có vài dòng khiến mẹ chảy nước mắt hỏi sao nó bận gì mà không viết dài dài cho chị. Mẹ cười cười mà nét mặt dạo này lỏng lẻo xanh xao, đã thấy nhiều nếp nhăn báo già. Hồi mới giải phóng chị em tôi cứ ngăn người ra khi nhận được ảnh cậu mẹ chụp chung ngày mới cưới. Đó là lần đầu tiên tôi được biết đến một tấm ảnh chụp nghệ thuật mà bây giờ lớp trẻ không ai không biết hàng chục cái salông chụp ảnh nghệ thuật nổi tiếng. Ngày ấy mẹ đẹp lắm, đôi mắt dài như nhung, gương mặt thanh thoát như con của Đức Mẹ Maria. Đà Lạt sương mù quê ngoại khiến cho huyền thoại tình yêu cậu mẹ tôi như được phủ lên một lớp sa nhũ óng ánh. Ngày ấy gương mặt mẹ trong ảnh như sự kiêu hãnh đã được sánh bước cùng chàng trai đẹp trai tài hoa có tiếng của Đà Lạt, khiến bao cô gái thầm ganh tị. Còn gương mặt cậu thì mãi nguyện vì cuối cùng cuộc chọn vợ cũng thành công. Dĩ nhiên tôi không được gặp cậu khi mẹ và chị tôi đi thăm ở trại cải tạo. Hàng chục năm sau giải phóng tôi mới được gặp cậu, khi ấy trên gương mặt cậu tôi chỉ còn nét phong sương trầm buồn và sự ngỡ ngác không biết mình nên đi đâu về đâu, trên tay là cái bào nhỏ hàng ngày ra xưởng mộc bào đi bào lại đến nhẵn bóng những chiếc hộp gỗ thông làm hàng bán cho quầy bán quà lưu niệm.

Mợ Bảo Phương đi rồi, mẹ tôi ngồi thở dài nhớ em trai. Trong thư mẹ viết gửi cậu có đoạn cương quyết:

“Em nhất định không được gửi tiền về cho chị nữa đây. Anh chị cũng có tiền lương hàng tháng. Bây giờ lương hưu của cán bộ như anh chị cũng đã được tăng, chế độ nghỉ hưu đã được cải thiện tốt rồi. Em để tiền mà lo cho vợ con, lo cho em nữa, chú ý ăn uống đừng rượu nhiều như ba ngày xưa nghe em. Em mà gửi tiền về cho chị, chị sẽ ngồi khóc cả một ngày thương em...”.

Sau cuộc về nhà thăm quê ấy, sang đến San Diego, mợ Bảo Phương làm đơn kiện chồng lập mưu giết vợ.

Vụ việc được trình tòa thế này:

Trần Sao gặp lại bồ cũ hồi còn học Trung học ở Đà Lạt. Bồ còn khá trẻ đẹp, lại con nhà giàu, sống tại Quận Cam. Bồ đã ly thân với chồng hai năm. Bồ có cửa hàng làm móng tay to ở giữa trung tâm Quận Cam. Trần Sao ruồng rẫy vợ con, không đưa tiền về cho vợ con. Cả nhà vợ (tuy được Trần Sao Nam đón hết sang Mỹ, nay cũng đã làm ăn khấm khá ở San Fransico, không thua kém gì gia cảnh của cô bồ), đều công nhận sự ruồng rẫy của anh ta với vợ. Anh ta thường xuyên uống rượu giả say hay say thật, đập phá mọi thứ trong nhà, lái xe đưa vợ đi làm thường giả say đi không đúng tốc độ v.v và v.v... Ngày... tháng... năm 200X, Trần Sao Nam cố tình giả say lái xe đâm thẳng vào vợ khi vợ vừa mới mở cửa xuống xe đi vào cổng nhà, làm vợ bị thương phải đưa đi cấp cứu nằm viện ba tháng. Rõ ràng đây là hành động cố ý gây tai nạn giết người. Giết vợ để nhận số tiền bảo hiểm, để lấy vợ mới là ả đàn bà hồ ly kia.

Cảnh sát Mỹ lái xe hú còi to như ngày nào bọn Mỹ ngụy đi càn ở quê, đổ xích trước cổng nhà, xích tay cậu đưa đi.

Mợ Bảo Phương ngồi chồm hồm trong nhà, mắt mở to như hai con ốc vô hồn vô cảm. Mợ không báo tin cho bốn đứa con đang học ở bốn trường đại học thuộc bốn bang trên nước Mỹ. Mợ ngồi được ba tiếng



đồng hồ thì mỗi, bèn đứng dậy đi gói ghém đồ đạc, đóng hộp tất cả áo quần đồ sinh hoạt cá nhân của cậu. Xong đâu đấy, mợ lái xe đi siêu thị.

Ngoài siêu thị, một người quen cũng dân Đà Lạt hỏi:

- Chồng Phương bị xích rồi hả?

Mợ gật đầu. Người quen lại hỏi:

- Có thật nó định giết cô không?

Mợ lại gật đầu. Người quen thở dài:

- Hay nó bị thần kinh? Chớ ngày trước đi đâu cũng như đôi chim cu.

Mợ gắt:

- Chim cu gì mà uống rượu như nước sáo. Ông uống rồi chửi. Chửi rồi uống. Hết ngày này sang ngày khác. Hết khắc này sang khắc khác, hết như cha ông lúc xưa. Tui không chịu nổi. Giờ mới thấy thương cái bà già Công Tăng Tôn Nữ bên nhà.

Người quen ngăn người ra không hiểu mợ Bảo Phương đang rên chuyện gì?

Rồi mợ về đăng nhà anh chị ruột (những người này đều được cậu bảo lãnh sang năm trước), nằm vùi trong đồng chăn nệm. Không ai biết mợ nghĩ gì. Mợ không chuyện trò với ai nữa. Như kẻ câm suốt mấy tháng trời.

Hôm ấy, nhà tù cho thăm nuôi.

Mợ Bảo Phương sắm sanh thật đẹp, chọn bộ áo dài xưa cũ màu phấn vàng, chọn mua mấy thứ quả cậu thích ngày còn yêu nhau. Mợ đi vào chốn giam cầm cậu như đi đến chỗ gặp người yêu. Trong cái xách mợ để tập truyện có truyện của cậu được in trong nước. Cái truyện đó, phải chăng là cốt lõi, nguyên nhân của chính cuộc hành hình mà mợ đang bày ra cho cậu, để trừng phạt cậu.

Mà đâu phải cậu bố bịch ngoại tình giết vợ? Cậu mắc căn bệnh trầm kha không thuốc chữa, căn bệnh mà người ở quê không ai có thể hiểu

nổi, giống như bệnh phấn hoa người trong nước không ai hình dung ra. Căn bệnh này có mầm mống từ khi cậu lớn lên trưởng thành chất chưởng trong một cuộc sống không bờ bến không lý tưởng không lòng tin không neo giữ. Cậu bị quá nặng chỉ có mợ mới biết. Đành cầm lòng quyết gửi cậu vào tù.

Mợ giờ cuốn truyện ra đọc đi đọc lại những dòng tác giả Trần Sao từng năm nào kiệt tặn ra giấy:

“... Ông ngửa cổ, dốc cạn. Chất rượu như con nước vỡ bờ, tràn lũ dội ngược vào cuống họng rồi trôi tuột xuống, nóng ra từng khúc ruột. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ tới giờ đây là lần đầu tiên ông được uống thứ rượu lạ lùng. Thơm nức mũi, cay nồng xé ruột mà công nhận là ngon. Không kiềm chế được, ông “khà” lên một tiếng thiệt là sảng khoái. Ông Mẹo gạt gù, tự rót thêm một ly cho mình, rót tràn thêm ly cho ông Năm. Hai cái ly cùng nhau nghe cái “cộp”, rượu sánh ra ngoài hết nửa. Phần còn lại chui ngọt vô hai cái miệng khát rượu. Lại rót thêm.

... Chỉ từ khi bắt được hơi tiền ngoại, ông tự thấy trong lòng lần hồi có sự đổi thay khác lạ. Mỗi ngày một chút, lâu rồi thành cơn bệnh trầm kha, khó bề chữa chạy. Cũng tại vì đói rách cùng khổ quá mà sinh hôn mê lú lẫn đó chẳng! Đúng là bản cùng sinh đạo tặc. Con tắc kè xanh-đỏ-tím-vàng năm nào giờ đây lại hóa thân trong con người ông. Cái gì mà chén sành với lại chén kiếu! Chén mẻ hết trơn chú Bốn ơi! Đời tui mình vọt lên từ cùng đỉnh khổ ải chớ có cao sang gì. Vĩ von kiếu này thiệt là hết thuốc chữa cho ông Hai Mẹo này quá. Tự nhiên ông thấy ngượng ngùng. Cầm ly rượu mà tay run. Ly rượu gạo của ngày nào chén chú chén anh ngọt ngào tình nghĩa. Còn ly rượu bây giờ! Đã có một khoảng cách ngăn rồi...”

Mợ chùi nước mắt. Bây giờ mợ không còn là cô Bảo Phương mảnh mai kiêu diễm ngày xưa. Mợ là kẻ nghịch đạo, kẻ phản chống, mưu hãm hại chống.

Sau nhiều ngày nhiều tháng, cậu cần mẫn nằm trong tù. Lòng không kêu la không kiện cáo không oán hận, cậu chịu khó nằm tù như thể mình đúng là kẻ chủ mưu giết vợ.

Lúc vào tù, thằng cha người Y. nằm cùng phòng giam hé con mắt gian xảo hỏi cậu bằng thứ tiếng Mỹ bồi:

- Mày giết người?

Cậu gật. Gã lại hỏi:

- Chết chưa?

Cậu lắc. Gã bảo:

- Ngụ! Giết người phải lắc cái cần cổ cho nó chết hẳn. Tao lắc mãi cần cổ thằng Mèo già nó cứ tru như chó mà không ai xung quanh biết. Nó chết thối rồi mới có người phát hiện ra.

Gã cười sặc lên.

- Nước Mèo đẹp tuyệt. Tao rất thích. Chỉ không thích kiểu sống lạnh như băng, hàng xóm không ai biết ai, đi đường cả hàng trăm dặm không nom thấy một đứa trẻ con hay một lão già thối tha nào ngồi ngoài cửa nhìn khách qua đường. Mày có thấy rượu là bạn tốt không? Tao lắc cổ lão già xong thì lòi mấy chai rượu trong hòm rượu của lão ra nốc. Ngon tuyệt. Mày là thằng ngu. Lần sau giết ai nhớ cách tao bảo.....

Cậu nhìn trừng trừng vào các bức tường phòng giam. Cậu nhìn thấy đôi mắt mợ như hai con ốc lồi ra. Cậu chảy nước mắt khóc hai con ốc. Không hiểu vì sao nó cứ lồi ra.

Nếu ở quê nhà, có thấy hai con ốc ấy không? Ở quê nhà không có bệnh phấn hoa vào mùa hoa nở.

Mùa này Đà Lạt đang có mi-mô-da vàng dài dài. Phấn mi-mô-da rắc khắp đồi thông.

*Câu Giấy, 1-10-2006*

*V.T.X.H*

M A I N I N H

# Cái chết của Rối

(SH số tháng 6 - 2009)

**R**ối, Rối ơi! Dậy đi nào. - Nằm mãi đây cũng đừng hòng có ai lượm xác đem chôn. - Dậy đi! Rối ơi.

Mỗi ngày, người quen đi ngang thỉnh thoảng động lòng, ngóng mắt qua mấy khung cửa toang hoác rồi cất tiếng gọi tôi. Đây là những người còn chút thói quen tản bộ trên vỉa hè chật hẹp vào lúc chiều chập choạng tối, khi đèn màu từ khu siêu thị nhộn nhịp mua bán ăn chơi bên kia đường đã thấp lên rực rỡ, hơn cả sao sa. Ánh sáng từ phía ấy hắt sang, đổ bóng cây điệp vào bức tường nửa dưới sơn xanh, nửa trên sơn vàng có vẽ một logo điệu nghệ với khuôn mặt tôi nằm giữa.

Nói về đèn đóm ban đêm, tôi nhớ kinh khiếp thời huy hoàng xưa, thời mà trên đầu mảnh tường vàng xanh ấy có giàn đèn sáng quắc. Chúng chiếu vào gương mặt tròn vừa cười vừa trợn của tôi cùng các tấm bích chương tươi thắm quảng cáo vở kịch rồi mới ra. Hai giờ chiều gắt nắng, người ta đã xếp hàng mua vé. Nếu thiên hạ đợi đến 5 giờ, tan việc rồi mới tới là phải trả giá chợ đen. Thời đầu, chỉ một suất, sau quá đông khán giả ông bầu tăng thêm suất khuya. Thêm một buổi diễn nữa cũng dễ dàng cho ông ta thôi, chỉ cần trả phụ trội cho các anh thợ lo ánh sáng, âm

thanh và cùng ông điều khiển mấy con rối. Rối chúng tôi vốn chẳng bao giờ thấy được đồng lương. Người ta bảo rối không có nhu cầu, ngay cả nhu cầu được sống, nói chi chuyện được thông cảm, tôn trọng. Mỗi khi ông bầu lên cơn bức xúc, mắng xa xả vào mặt những lời dạy bảo quá lỗ thì đồng nghiệp của tôi rên rĩ “Bọn chúng ta không phải là người, không phải là người!”. Nhưng nào ngờ, cũng từ một suất hát khuya mà tôi bị đẩy đến trạng thái này, nằm rục giữa những mảnh tường tăm tối.

Rối tôi sinh ra và bắt đầu sự nghiệp ngay tại thành phố phồn thịnh, dưới bàn tay uốn nắn, chuyển động tinh nhạy của ông bầu. Ông không còn trẻ cũng chưa già, là cha đẻ ra tôi và các diễn viên khác trong gánh kịch. Nhờ tài năng, sự nhạy cảm của ông ta, chúng tôi không phải đóng những vai vắn thấy trong các vở kịch rối bình dân dành cho con nít xem vào ngày hội. Chẳng hạn thấy đội xếp rượt bắt tên ăn trộm, bà già đánh ghen, hay các vở cổ tích làm vui đám khán giả trẻ em, được lòng bố mẹ chúng. Cũng nhờ thế, gánh chúng tôi mới trụ được giữa thành phố nhất nhì này, cả những vị quan chức lớn cũng đưa vợ con vào xem. Ông bầu làm việc ngày đêm, đảm đương đủ mọi chuyện từ thuê rạp hát, thu âm giọng nói và nhạc đệm vào máy. Ông còn là soạn giả cho đa số các vở kịch và lo chế tạo rối. Từ một buổi chiều tuyệt vời, sau khi đã gỡ lọn tóc quấn xoắn lên đầu tôi, kéo cái cọ sơn cho nhếch thêm tí mép ở cuối môi, rồi mắc tay chân đầu cổ tôi vào những sợi dây thì ông đã sững sờ, hoan hỉ chiêm ngưỡng đứa con của mình.

Một đêm, tôi được đóng vai người đàn bà trước giờ bỏ đi đã thẳng thừng vạch trần cá tính nhảm nhạt của tình nhân và sự ngao ngán của mình trong cuộc sống chung hết sức vô vị. Ông bầu dạy tôi giọng nói lạnh lùng thản nhiên tàn nhẫn phải có của vai trò. Nhưng trong buổi diễn đầu tiên trước công chúng, tôi sực nhớ lại buổi chiều mưa gió trước đây không lâu, khi chính người đàn bà trong đời thật ông ta đã uể oải đứng lên, đẩy nhẹ cánh cửa căn phòng của họ để ra đi. Lúc ấy, tôi nhìn

ra sự dịu dàng trên cánh tay gầy, trong lòng mắt xa xót của bà ta. Thế là tôi đâm lẫn lộn kịch và đời, không thể điểm nhiên đóng vai một thiếu phụ bội bạc. Miệng tôi bật ra những câu chia tay thương cảm, đầy ái ngại của một buộc lòng, không thể khác. Khán giả ngồi dưới đếng lặng, rồi họ sục sùi. Tâm hồn mẫn cảm của họ được vuốt ve, họ hài lòng với một cái kết dầu gì cũng chẳng đến nỗi quá bi thảm. Ngay cả mấy sợi dây nối vào các thanh tre để ông bầu đích thân điều khiển thân thể tôi cũng đang chùng xuống. Như thế ông ấy bị xúc động quá độ, tay không còn sức giữ dây cho tôi nhắc chân khua tay, mạnh bạo bỏ đi. Thế mà màn vừa khép, khách xem kịch chưa ra khỏi rạp, ông bầu đã nổi giận:

- Ai cho phép mày nói khác những gì tao đã dạy. Một con rối không có tiếng nói riêng, không có tình cảm, mày hiểu chưa?

Tôi muốn đáp: Không có cảm xúc làm sao diễn tuồng, dù là tuồng rối? Nhưng nào dám, chỉ giương con mắt chẳng chớp được nữa, buồn bã ngó ông ta. Tôi có là gì? Mấy mảnh gỗ ghép lại với nhau rồi được sơn phết, vẽ mắt vẽ mũi, bọc vải kết tóc. Ông ta có thể vất tôi vào đồng rác bất cứ lúc nào, rồi chỉ cần ngồi lại một buổi là sẽ tạo ra được một con rối ngoan ngoãn khác. Nhưng có con rối nào hiểu được nỗi cô đơn hun hút trong lòng người đàn ông ấy, như tôi.

Sau cuộc cách mạng đột ngột ấy, tôi biết thân, không dám tự động phát ngôn gì nữa, ngoài những lời đối thoại ông ta đã soạn. Tôi sợ bị khóa miệng như đồng nghiệp của mình. Ấy, ông bầu luôn thu trước lời nói của các vai rồi mở máy phát ra cùng với nhạc đệm trong suốt buổi diễn, chỉ trừ tôi là được phép phát âm trực tiếp, được đóng tất cả nhân vật chính trong các vở kịch. Bàn tay ông chăm chút trang điểm tôi kỹ càng, khi biến tôi thành một tên cướp tàn bạo, lúc thành nàng công chúa bạc phận. Nhiều lần tôi cũng ngậm ngùi, mình chẳng thuộc giới tính nào cả, hoàn toàn lệ thuộc vào người đàn ông ấy. Tuy vậy có tủi thân tủi phận chỉ thỉnh thoảng thôi, thực ra tôi rất thích sự biến đổi ngoạn mục

và đời sống linh hoạt trong các vai trò khác biệt. Khán giả cứ làm đuôi xếp hàng mua vé, người xem cứ nhấp nhồm trên ghế, miệng mồm há hốc, sẵn sàng để đợi rồi tôi đâm thốc vào trái tim của họ bằng những lời thấm thía rụng rời là vội vàng vỗ tay như sấm động ngày bão, là tôi sung sướng với kiếp rồi của tôi đến cuối đời. Nhưng rồi cũng có định mệnh, dù định mệnh một con rồi thì chẳng có chi đáng kể.

Thiếu phụ đã ngồi ở đấy từ đêm diễn nào tôi không hay, nhưng ông bầu hẳn nhận ra ngay sự có mặt này, hai bàn tay ông điều khiển tôi tinh nhạy hơn nữa, xúc cảm ông ta truyền vào đầu, ngực, cặp chân, cánh tay của tôi rạt rào, có lúc rung lên tột độ tưởng chừng rối loạn. Tôi quá chăm chú vào vai trò nên dù có ngạc nhiên cũng chẳng để tâm tìm hiểu. Cho mãi đến hôm, khi tiếng vỗ tay của đám khán giả quen thuộc đã ngừng, bỗng bật lên bộp bộp bộp, hai bàn tay ai đó đập vào nhau tách rời, từ tốn mà rõ ràng xác định như cả thế giới này vụt im bật, chỉ còn có chúng. Mọi người quay đầu về người đàn bà áo đen ấy, cả tôi.

Từ buổi đó, trên sân khấu tôi lăm chằm ngó xuống đám khán giả, tìm cặp mắt vẽ viền đen đậm và vệt hồng đượm thắm gò má thiếu phụ. Hai lòng mắt nàng nháy sáng trong bóng tối kịch trường như những ánh sao vụt rớt từ một tinh cầu huyền hoặc. Tôi bị chúng hút vào đấy, một nơi sâu thẳm, trống không mà lực hút lại vô cùng vũ bão. Ông bầu cũng thế, lăm lăm không cưỡng nổi dao động trong lòng, ông đưa tôi cho người khác điều khiển, xuống ngồi gần thiếu phụ. Từ ngày tình nhân bỏ đi, đến bây giờ ánh mắt ông ta mới lại đau đáu khi nhìn một người đàn bà. Còn tôi, càng ngó thiếu phụ càng hăng say trong vai trò, dù dạo sau này các màn ông ta dựng dần rơi vào loại tình cảm xã hội thống thiết, lặp lại những thứ ai cũng biết rồi. Vài tờ báo từng khen ngợi gánh kịch chúng tôi là một cách tân lớn lao, không phải chỉ riêng cho kịch rồi mà cho cả kịch nghệ nói chung, nay bắt đầu dè xẽn lời khen.

Thiếu phụ xuất hiện như một cứu rỗi đúng lúc, tôi và ông ta, cả hai

đã tin là như thế ngay tự phút giây chạm mắt vào gương mặt gầy guộc của nàng. Nó dúi đục tim óc chúng tôi bằng ánh nhìn vô cùng nhạy, sắc.

Quá nửa đêm trời nổi gió lồng lộng, quất xào xạc các cành cây rớt bão. Thành phố im nghỉ trong bóng tối, nhưng nơi căn gác của ông ta, ngọn đèn trên chiếc bàn vẫn cháy suốt từ lúc họ kéo nhau về đây. Thân thể thiếu phụ lửng lơ trong chiếc áo sơ-mi đàn ông, chỉ ơ hờ một hạt nút. Nàng đứng bên cửa sổ ngó ra khoảng đêm mập mờ bóng lá, hai lọn đuôi lộ ra dưới gấu áo trắng dịu dàng màu lụa trong ánh trăng. Tôi thật ngạc nhiên, mới một khoảnh thời gian trước đó chúng căng sức sống, bám quắp co giật trên đáy lưng ông ta. Sau buổi diễn, ông bầu đã đem tôi theo cùng họ về căn phòng này và treo lưng lẳng dưới ngọn đèn trên bàn làm việc. Từ chỗ ấy ngó sang chiếc giường, tôi đã tha hồ ngắm nhìn mái tóc màu mận đậm xoa đẩy trên mặt nệm, cánh tay quăn quít, vùng bụng phẳng mịn và đôi ngực của thiếu phụ rướn lên cong xuống, nhịp nhàng theo từng chuyển động của vùng mông bụng người đàn ông. Cả tấm thân ấy săn lại, hồi hã, thốn thức, nao nức miệt mài thế mà vẫn toát ra sự dịu dàng, đầm thắm làm chân tay tôi muốn vung ra, ôm chầm lấy hay chỉ là chạm nhẹ vào đường cong tuyệt vời trước mắt. Nhưng hình hài này lại lỏng thông khổ sở, bất lực dưới chiếc bóng đèn vô tri nóng rát. Lần đầu tiên trong đời, tôi ngắm rửa ông ta, sao đêm nay lại mang tôi về đây để phải cùng lúc làm thứ nhân chứng tầm thường lẫn một tội đồ đang bị tra tấn.

Bây giờ ông ta đang ngồi gần tôi, đầu cúi xuống tập giấy dầy chi chít chữ. Mồ hôi vã trên người sau cuộc quần thảo với người tình tuy đã khô, nhưng tôi vẫn ngửi ra một thứ mùi hoang dã, thú vật toát từ lưng cổ ông ta. Họ cùng lặng thinh không nhớ bao lâu, bỗng thiếu phụ cất tiếng hỏi:

- Thế nào?

Người đàn ông này giờ lật qua lật lại những trang giấy liễn buông tay, ngừng nhìn nhưng lúng túng, lát sau mới đáp:



- Thì... tôi đã nói với em, để như em muốn là sẽ có vấn đề. Trước nhất khán giả không quen. Sau nữa...

Thiếu phụ ngắt lời:

- Không ngờ anh xem thường khán giả của anh đến thế.

Ông ta lắc nhẹ đầu rồi gục xuống, mấy ngón tay day mi mắt. Chẳng hiểu sao lại ngược nhìn tôi trước khi trả lời:

- Chẳng phải xem thường, nhưng em thấy đó, cho đến giờ ở ngoài đời có mấy cô gái dự thi hoa hậu biết ăn nói ra hồn, có kiến thức? Khán giả làm sao cảm được con người và những lời lẽ em cho cô hoa hậu kiểu trí thức của em thốt ra. Họ chỉ khoái xem chuyện gì sát với thực tế họ đang sống.

Ông ta ngừng, nuốt nước bọt rồi tiếp:

- Em quên một điều, họ đến coi kịch để giải trí, để có những trận cười. Làm gì thì làm, bỏ qua điều đó là dẹp gánh. Viết kịch, tôi từng khổ sở để cố quân bằng, em đã xem đã thấy rồi mà. Tôi... tôi xin em.

Thiếu phụ quay bật người lại, hai tay khoanh trước ngực áo mở, vùng ngực nàng phập phồng. Hai con người vốn sẵn trong vắt chột long lên, sắc như giọng:

- Em có thấy anh cố. Nhưng chẳng lẽ cứ nuôi nấng thứ nghệ thuật hời hợt, làm vui lòng ấy mãi. Có bao giờ anh nhìn kỹ con rối của anh trên sân khấu? Và nếu để tâm, ngó xuống những dây ghề bên dưới, anh sẽ nhận ra một số cặp mắt đang nhướn lên chăm chú, chúng mong ngóng anh đem đến một điều mới lạ hơn, ý nghĩa hơn. Đồng ý là số ấy khá ít trong đám người xem, nhưng anh sẽ thấy họ đợi gì ở màn kịch của anh. Họ muốn con rối của anh nói ra giùm họ những điều đúng, điều thật, điều họ cảm mà không nói được, và ngoài những thứ mà ai cũng đoán ra, đã biết cả.

Nói xong một tràng, thiếu phụ không chờ người đàn ông trả lời, đến

cạnh giường cởi nhanh chiếc sơ mi của ông ta và nhặt lên mớ quần áo nàng đã tung hê trên sàn lúc họ vừa về tới đây, đi thẳng vào phòng tắm. Ông bầu ghim lại trong họng một câu định nói, ngồi thần vài phút rồi đứng lên gỡ tôi để xuống bàn, xong đến góc nhà lấy ra sơn cọ. Khi thiếu phụ đẩy cửa căn gác, lặng lẽ bước khỏi phòng thì người đàn ông đang bắt đầu tẩy viên râu mép cuối cùng trên bộ mặt vừa xóa trống trơn của tôi, để vẽ lên đấy hai vành môi đỏ, gắn dưới cặp chân mày những sợi lông mi cong vút như đằm. Đêm ấy, tiếng giấy của thiếu phụ xuống cầu thang khan khốc, nhẹ bằng, rời rã bao nhiêu thì tiếng thở ông ta dài thượt, nặng nề, liên tục bấy nhiêu.

Và khi thành phố ulla lên cơn động kinh cao nhất của một buổi trưa kẹt xe náo loạn trên đường thì cũng là lúc tôi hoàn toàn biến thành một cô gái đẹp với mái tóc xõa bồng trên vai. Thế là tôi hiểu tại sao ông bầu đem theo tôi về nhà đêm vừa qua, tôi sắp đóng một vai tuồng mới. Nhưng thực không rõ giữa hai người ấy ai chính là người viết ra vở kịch. Tên soạn giả hoàn toàn xa lạ với người xem và cả với báo chí, nhưng bích chương đã được dán trên bao nẻo đường. Trước ngày khai mạc, ông bầu thuê xe gắn loa phóng thanh chạy cùng thành phố để quảng cáo cho một sự kiện kịch rồi chưa từng thấy.

Tối nay ông bầu mặc vét-tông, đeo cà-vạt hoa tím nên trịnh trọng mà không kém chất nghệ sĩ. Trước giờ khai mạc buổi diễn đầu tiên, người ta báo tin một vị quyền chức lớn sẽ đến xem. Tôi lo lắng không biết thiếu phụ sẽ có mặt hay không, vì trong suốt thời gian tập dượt nàng chỉ ghé qua ba lần. Những buổi ấy, thiếu phụ không hẳn giữ im lặng nhưng ít nói, và có một chiều qua cánh cửa ra vào mở toang tôi thấy hai người đứng ở cửa rạp, dưới cây điệp ướt sũng nước mưa. Ông ta đưa tay vuốt nhẹ bờ vai nàng, thiếu phụ nói một câu gì đó rồi tách người, vẩy tóc-xi leo lên chẳng ngó lại. Người đàn ông trở vào, tắt đèn, kịch trường vụt tối ngăm.

Chẳng còn một chỗ ngồi trong nhà hát, có người phải đứng dọc theo bờ tường. Đám ký giả xun xoe máy ảnh, đèn chớp liên tục làm nhóa cả mắt khiến tôi khó tìm ra thiếu phụ. Sau màn một, ông bầu để người phụ tá thân tín điều khiển tôi, ông xuống cùng đám quan khách, làm phận sự giao tiếp, nhưng ánh mắt quay đảo, bồn chồn. Mỗi lúc hồi cuối của vở kịch bắt đầu, tôi mới nhận ra dáng người thanh mảnh quen thuộc từ cửa vào lách đến gần sân khấu. Thiếu phụ dừng lại ở đầu hàng ghế thứ ba, rồi ngồi ngay xuống bậc thềm. Khuôn mặt nàng hiện rõ giữa không gian mờ tối của kịch trường, nhưng gò má mang vệt hồng cổ hữu đêm nay xanh xao quá. Nổi xúc động chợt bốc lên rừng rực trong tôi. Thế là lúc ấy, cô hoa hậu được vào chung kết đang sắp sửa trả lời câu hỏi của ban giám khảo trong vở kịch, bật ra tiếng nói.

Cô không chớp mắt cười duyên, chẳng uốn người để phơi bày những phần cong lượn hấp dẫn. Cô đứng vững chãi, nhìn thẳng vào họ:

- Quý vị đã đặt câu hỏi tại sao tôi dự thi hoa hậu? thì tôi xin thưa. Thưa sự thật, không thưa theo bài bản mà ban tổ chức đã bày sẵn, đã dặn dò để thí sinh đừng thốt ra những câu ngu dốt quê kệch, tuy sự quê mùa ấy chính là tôi. Trong phiếu dự thi tôi ghi mình ở thành phố, nhưng thực ra tôi sinh nơi đất cằn mùa nắng, ngập lụt mùa mưa. Cha tôi làm thợ nề, nhà có năm đứa con, tôi là chị cả. Cha cực lắm nhưng ông vui vì biết mình may mắn lấy được một người vợ đẹp hiền lành cam phận, lại có đứa con gái đầu lòng cũng xinh như mẹ. Tôi hiếu học, cha mẹ cho tôi được đến trường. Khi tôi lên trung học phổ thông, cha mẹ nuôi hoài bão lớn, dành dụm tiền cho tôi về thành phố. Tôi ở trọ nhà bà cô cho đến hôm bà mất, bị gia đình bà đuổi ra vừa lúc tôi đậu xong lớp 12. Cha mẹ muốn tôi thi vào đại học, nhưng cha chết bớp hàng tháng bao nhiêu cũng không đủ cho tôi đóng tiền trường. Tôi bỏ học đi làm thư ký trong một cơ quan văn hóa. Đồng lương nhỏ, nhưng tôi dè xẻn gửi về chút ít cho mẹ, mẹ tin là ngoài giờ đi học con mình kèm thêm trẻ em. Một hôm xếp lớn đến

văn phòng có việc, ông ta nhìn thấy tôi. Từ đấy tôi không được yên thân, chuyện gì xảy ra quý vị và bà con khán giả tới xem cuộc tuyển lựa này đều đoán được. Tôi muốn tìm chỗ làm khác nhưng chưa ra, chỗ muốn mình mà có vẻ đảng hoàng lương thiện thì trả lương ít quá, làm sao tôi gửi về nuôi em. Trong lúc chưa tìm ra lối, tôi thấy có cuộc thi hoa hậu này, bỗng nghĩ mình cứ dự thi, biết đâu nó chẳng mở ra một con đường. Tôi đã đọc thấy đâu đó ở các nước Tây phương, hoa hậu không phải chỉ là chuyện đem sắc đẹp trưng ra như hàng hóa cho ngàn con mắt lột trần, bình phẩm. Họ bảo rằng hoa hậu của một nước được xem là sứ giả, có vai trò đảng hoàng trong một số công tác xã hội, văn hóa.

Rồi tôi nói thao thao không ngừng nên bắt đầu chóng mặt. Thật lạ lùng, khi tôi ngưng lại để thở cả rập cũng im phăng phắc, không một tiếng ho, không một tiếng ghế cọt kẹt. Ông bầu ở đâu? Ông ta đang thế nào? Hai cánh tay tôi bắt đầu run, hai chân vốn lỏng thông giờ muốn rụng xuống sàn sần khấu. Tôi là con rối phản bội, bỏ mặc vai ông bầu đã dạy. Bây giờ làm sao trở lại làm cô hoa hậu hiền lành như cừu non, rụt rè vâng dạ nhưng không quên nháy mắt nhoẻn cười hết với ban giám khảo lẫn mấy ông phó nhòm dưới kia được nữa! Đã trót dại, tôi hít một hơi mạnh, rồi nhìn sang mấy tên đồng nghiệp rồi đóng vai ban giám khảo đang trương những con mắt thô lỗ, ngạc nhiên cùng cực ngó mình. Sự ngạc nhiên lẫn thán phục ấy bỗng làm tôi lấy lại bình tĩnh, hứng thú lại nhóm lên. Còn thiếu phụ dưới kia, nàng ngồi im, thẳng người như tượng nhưng hai lòng mắt sáng bùng thấp lửa trong tôi. Và thế là xoa hai bàn tay vào nhau, tôi như quan lớn đang sửa giọng để đồng dục đọc diễn văn trước quần chúng. Phải nói, bỗng chốc tôi quên mình đang là một cô gái đẹp cần làm dáng, dịu hiền yếu điệu giữa đám đông.

Tôi quên mất ông bầu, tôi tiếp tục kể một mạch cho họ nghe ảo mộng của tôi về cuộc thi hoa hậu, đầu óc tưởng tượng ngu xuẩn về một thứ đại diện cho cái đẹp quốc gia đã vỡ tan tành như thế nào tối hôm qua, trước buổi chung kết này. Ông quan từng chèn ép tôi ở sở đã tới tận căn phòng

tôi trọ, rủ đi ăn tối và nghe ca nhạc. Trước sự từ chối quyết liệt, ông ta bảo cho tôi biết rằng ngay người bỏ tiền tài trợ cuộc thi cũng khó lòng nói không với ông ta, và ngày mai, rồi tôi sẽ thấy sau ban giám khảo là ai. Ảo tưởng sụp đổ mà giấc mơ cái đời cũng bay tung như xác pháo. Nhận ra sự ngây thơ ngu muội của mình, tôi chỉ muốn chạy ra bến xe đò để trở về căn nhà bần hàn của gia đình, nhưng chẳng hiểu sao tôi lại giữ được bình tĩnh để đi hết đoạn đường mình đã đặt chân. Nghĩa là tối nay tôi còn đứng trước mọi người để nhìn và chứng nghiệm rõ ràng sự có mặt của ông quan quyền ấy đang ngồi ngay đằng sau ban chấm thi, hai cánh tay đang vươn rộng vỗ vai người này rồi người kia mà mắt thô lỗ ngó lên tôi, đe dọa kiêu hãnh khoái chí.

Rồi tôi đã say men, giọng cất cao hơn:

- Xin quý vị cứ ngồi yên đó, đừng tránh né cái quàng vai thân mật và lời dặn bảo sẽ sàng của ông ấy bên tai. Nghĩ cho cùng thì tôi cũng chỉ là một con rối treo trên dây cho người ta giật, và quý vị cũng thế thôi. Chúng ta đều phải làm trò, chúng ta đều là rối!

Tôi bỗng cười ha ha, tiếng cười lúc đầu còn mềm giọng con gái, sau càng to và khấn khật như đàn ông, rồi chóc lên lạnh lạnh một ngụm nước bọt. Trong suốt không gian này chỉ có tiếng cười biến đổi từng chập như thế của tôi. Phóng mắt đi khắp nơi, tất cả là một khối nhòa nhòa mặc thị. Sự âm u ấy bỗng làm tôi sợ hãi rồi chợt nhớ tới thiếu phụ và ông bầu. Tôi lạng người đi, cả rạp hát cũng lạng theo. Một luồng đèn chiếu vừa lướt qua dãy ghế khách mời, vị quyền chức ngồi đó, hai bàn tay to nằng đặt trên đùi nắm chặt lại. Có phải do ánh đèn màu đang chuyển sang xanh tím hay không mà tôi thấy gương mặt ông ta tái xám, hai vành môi vốn mỏng tang mím chặt. Anh tùy viên ngồi bên trái ghé vào tai thì thầm. Ông ta đứng bật dậy hăm hăm đi ra, sau khi nói một câu gì đó kèm theo cái nắm tay đập xuống trước mặt ông bầu ngồi cạnh. Ông bầu sượng trân, mắt long lên, tay phất phất ra hiệu cho anh kéo màn phải

thả sập ngay xuống. Nhưng anh này cũng chưa hoàn hồn sau tấn tuồng của tôi nên cứ ngệt người. Nhờ thế, tôi kịp tìm ra thiếu phụ.

Nàng đã đứng lên, ánh mắt thích thú đang chiếu thẳng vào tôi trên sân khấu. Ôi, hai đốm trong veo của một tinh tú rạng ngời, sáng sắc đến đốt cháy tim óc. Tôi sẵn sàng rơi vào đó để được thiêu huỷ, thoát khỏi thân phận rối. Rồi chợt bộp bộp bộp, nàng vỗ mạnh hai bàn tay mà tôi đã từng chiêm ngưỡng những móng hồng. Những cái vỗ tay rõ ràng, khẳng định, như lần đầu tiên nàng đến kịch trường này. Và, một luồng điện cao thế đã truyền đi, cả rạp hát bỗng bùng lên tiếng hoan hô cuồng dại, vỡ tung không gian. Có người nhảy cẫng lên ghế để gào cao, gào to hơn tất cả. Trong hỗn loạn đó, ông bầu thoát khỏi cơn mê, nhún một bước lên sân khấu, đẩy anh kéo màn ra và tự mình thả màn sập xuống. Xong ông dùng hai bàn tay giựt mạnh mấy sợi dây treo tôi từ những ống tre trên cao, có sợi đứt sợi không, tôi nghiêng chao đi nhưng chưa kịp nhận biết thì ông ta cầm cái kéo dưới sàn, xấn tới. Chỉ hai ba cú xọch xọch, tôi rớt bạch xuống sàn, tay chân tóe toang thành bốn nhánh.

Tôi đã nằm đây bao nhiêu buổi chiều, bao nhiêu đêm tối. Giữa sân khấu bỏ hoang này, tôi nằm đó, bất động. Thì đã nói rồi: một con rối đứt lia dây treo là một con rối chết. Có lúc tôi ao ước giá có ai qua đây lật ngược thân mình lại, cho tôi được nằm sấp, úp mặt vào mảnh sàn vô tri. Như thế tôi không phải mở mắt để nhìn thấy, dù trong bóng tối, mảnh màn nhung ử ê, những tấm phông lơ lửng, mấy thanh gỗ treo trên trần lạch lạch và chùm dây lòng thòng. Trong ngăn ấy ngày tháng, tôi thêm thiếp trong một thế giới lẫn lộn, chẳng chịt hình ảnh.

Ở đó, có khi không gian mở ra vời vợi, trong suốt và yên ắng, thỉnh thoảng mới vang đôi tiếng chuông thánh thót reo lên từ một cõi rất xa, và tôi nằm đợi xuất hiện hai ánh sao nhấp nháy trên nền trời. Lúc tôi bị chặt đứt dây rơi đập trên sàn, thiếu phụ đã trèo vội lên sân khấu đến bên và ngó xuống, hai đồng tử không còn sắc như lửa xanh mà long lanh

theo khoé môi nàng đang nhếch lên, vẽ một nét gì vừa ngạc nhiên, phần nộ và thương xót. Rồi như thể chẳng có ai quanh đây, không cả ông bầu đang chòng chọc ngó chúng tôi, thiếu phụ quỳ gối, nhẹ nhàng kéo tay chân tôi khép lại ngay ngắn. Xong đứng lên và bước xuống cầu thang, đi ra cửa. Tôi nghe vạt áo nàng lay thành gió.

Ở đó, lại có những buổi chiều tôi thấy mình công lạnh, nhưng không thể quờ tay tìm chút hơi ấm trong đám giấy, đám gỗ vụn và mấy cái phong cạc-tông đã sụp xuống do không khí ẩm ướt của những cơn mưa rờn rã, ngấm mốc cả rạp hát không người. Mưa vẫn rơi rào rào trên mái, nước theo kẻ hở chảy từng dòng dọc bờ tường. Cửa rạp không đóng đập ra đập vào xanh xạch. Chủ nhà hát đã đến làm biên bản và gỡ đi tất cả dụng cụ còn lại của đoàn kịch, họ gom luôn mấy con rối khác. Chỉ mình tôi nằm lại nơi này. Cũng may trong lúc khuôn vác, tháo gỡ đồ đạc chẳng ai vô tình hay cố ý giẫm lên tôi. Rồi vài hôm sau, người ta kéo tới dẹp các dây ghế. Kịch trường trống lổc tan hoang, không còn gì đáng giá nên cửa để ngỏ, mấy ô kính đã bị đám ăn cắp hôi của đập toang. Khách đi qua có nhìn vào ưu ái gọi “Rối ơi!” cũng chỉ thấy tường bóng nhập nhòa.

Khi đám người dọn dẹp đến nơi này, chẳng ai nói câu gì để tôi biết ông bầu đang ở đâu, ra sao. Những ngày đầu tôi mong ông mơn mõi, tôi sắp sẵn trong lòng mấy lời tạ tội tha thiết. Nhưng ông mất biệt. Nếu như tôi còn gặp được thiếu phụ qua hai vì sao xanh muốt thỉnh thoảng hiện ra và sà xuống bên tôi, thì ngược lại, chẳng tin tức gì của người đàn ông đã từng cho tôi ra đời. Sự trống không bất thần ấy càng làm tôi đau đớn ăn năn. Tôi lục tìm tín hiệu của ông ta trong bóng tối dày đặc một cách tuyệt vọng. Rồi bỗng một hôm, đang mơ màng - tôi vẫn chênh vênh như vậy, không ý thức được không gian và thời gian - chợt cảm thấy không khí quanh người thoáng chao động, liền mở mắt và nhận ra trên đầu mình, hơi nghiêng về phía trái, thông từ trần một con rối to tướng. Con rối mặc bộ quần áo tây, thắt cà-vạt hoa tím, đi giày da đánh bóng. Tôi hoảng hốt

vui mừng muốn bò ngay dậy nắm lấy hai bàn chân ấy của nó. Nhưng thế nào được! Bất động, bất lực, tôi ngó lên nhìn kỹ. Cổ rụt xuống vai nhưng lòng mắt ông bầu trợn ngược, lưỡi thè khỏi hai vành môi, mấy sợi tóc xoa trên trán, vai co cụm, tay chân thông thượt như rối tôi lúc nghỉ ngơi treo yên trên dây, không phải múa may, cử động, làm trò. Cái sợ cái đau bùng lên, quặn xiết. Tại sao ông ta đến nông nổi này? Chỉ vì tôi, vì cảnh tuồng hoa hậu, vì cái cao hứng “làm nghệ thuật” của tôi. Hồn không chịu thấu, tôi lịm đi. Khi thức tỉnh, con rối khổng lồ kia đã biến mất, nhưng trên đầu tôi vẫn còn vật gì lủng lẳng trên người. Không phải sợi dây bình thường dùng treo rối gỗ rối giấy mỏng manh, mà một độn thùng thông lọng. Lại rơi vào hoang mang, tôi mê hay tỉnh? Chẳng lẽ cái chết của rối đã làm tôi loạn giác?

Vậy rồi cũng có lần, tôi thấy ông bầu ngồi xỏm ở một góc sân khấu, quần áo dính đầy sơn, đang loay hoay vắn vít lắp lại chân tay một con rối nhỏ, thỉnh thoảng ông ngó về phía tôi, lòng mắt lạng lờ mệt mỏi. Lúc ấy hồn tôi rã rời không kém. Nhưng chợt không gian sáng lên, tấm màn nhung động dậy, hé mở. Những tiếng chuông thánh thót reo vang và trần sân khấu nứt ra để lộ một bầu trời trong suốt. Ông ta ngừng nhìn ngơ ngác, tìm kiếm, rồi vụt đứng dậy nhảy thót lên, giơ tay chơi với như chụp bắt một ánh sáng vừa vút bay.

Giam kín trong những hình ảnh lập đi lập lại chập chùng, bện quết thành một khối u minh như thế, tôi chẳng còn đợi mong gì nữa. Chắc chắn sẽ có một ngày người ta phải đem máy đào tới phá, hốt đi cái kịch trường đổ nát, luôn cả cây diệp. Hốt đi con rối cuối cùng đã chết theo với tinh tú xanh của nó và sợi dây thùng. Họ sẽ xây lên đấy một tòa nhà cao tầng hay hiệu ăn vũ trường sang trọng. Nhưng có hề chi, kịch bản nào cũng có hồi kết, dù là một kịch bản rối. Thế mà đêm nay, trong từng đợt gió vi vu lọt vào rạp hát hoang trống này, vẳng bên tôi giọng thiếu phụ đang thao thiết một lời gọi hồi sinh: Dậy đi, Rối ơi!

M.N



# Hoa gạo đỏ

(SH số tháng 8 - 2009)

**K**hi những người U Ní ở vùng biên sau mấy tháng trời đông giá, ngồi trong nhà đánh cuốc, sửa dao, đan lát bước ra khỏi căn nhà đất dày kín như cái kén, đặt chiếc vai cày lên cổ con trâu, đi những đường cày đầu tiên, hoặc rủ nhau đi bán công khắp các nơi trong vùng thượng huyện Bát Xát, thì hoa gạo bắt đầu nở.

Khắp đất nước, có lẽ không ở đâu hoa gạo có cung màu đẹp tuyệt như ở đây. Ở đây, trời xanh trong vắt, thanh lọc đến kỳ hết vẫn bụi và mắt người như nhìn thấu tới tận cõi vô cùng. Ở đây, sau một mùa đông giá lạnh, xo ro, cây bung nở hết mình cái sức tích tụ bao tháng ngày.

Suốt một rẻo biên giới, trên những nương lúa đã bỏ hóa, hoa gạo rừng rực cháy đỏ một vệt dài tít tắp. Ngắm nhìn cảnh trí tự nhiên ấy, chạnh nghĩ đến sự xếp sắp cố tình của con người, ta không khỏi bàng hoàng trước các ngẫu hứng tài tình của thiên nhiên, cây cỏ cũng muốn tham gia vào đời sống nhân sinh. Biên giới không chỉ hoạch định bằng cột mốc nhân tạo. Và như vậy, những hạt gạo đuôi xòe lông tơ từ một miền nào miền nào theo gió phát tán tới đây, giống như một hiện tượng chim

đậu đất lành, lại như là một hành vi có ý thức hăn hoi trong việc góp phần xác định ranh giới quốc gia.

Đất đai vắng vẻ, rộng dài, thật là thung thỏ thích hợp với loài gạo. Ưa hạn, chịu sáng, thích nghi với mọi khắc nghiệt, nên đến mùa xuân này thì gạo đã thật sự là những hàng đại thụ, thân hai ba người ôm, nghiêng ngang cành nhánh vùng vẫy, đơm hoa bùng sáng cả một vùng trời miền biên viễn này. Chẳng có thứ cây nào mà lại hào phóng sắc đỏ đến thế. Và hoa thì vừa đỏ vừa lực lưỡng đến thế. Bằng cái cốc vại một, mỗi bông đậu trên cành trông chẳng khác một đốm lửa. Cả ngàn đốm lửa như thế suốt cả ngày phấp phới vẫy gọi những đàn sáo từ xa đến thưởng ngoạn vẻ đẹp của chính mình. Bọn sáo vô tư, liú lo, nhảy nhót, đôi lúc đã vô ý làm rụng một bông hoa. Nhưng hoa chỉ thoáng giật mình tí chút thôi, trên đường rơi đó nó đã kịp thời lấy lại thế cân bằng và quay tít như cái chong chóng năm cánh hoa dày.

Ông Lý A Lừ, người làng San Cha Chải áp sát quả núi cao có cột mốc biên giới, cứ vào mùa hoa gạo nở, là vác cái rìu, đeo con dao, tạm biệt bà vợ trẻ, ra đi. Ông Lừ đi làm thuê. Như tất cả những người ở vùng cao heo hút nghèo đói này, cấy lúa xong là đem thân đi đục đá, phá ruộng, xây nhà, thu hái lâm sản thuê, cho tới tháng mười, vào vụ gặt, ông Lừ mới quay trở về làng, lúc ấy cũng là lúc cây gạo trụi lá.

Thời gian để lại dấu chân trên cây gạo.

Với ông Lý A Lừ hiền lành, chất phác và khắc khổ, cây gạo còn có một mối liên hệ gần bó hơn. Xưa rày cây gạo là loại cây cho thứ gỗ kém cỏi lắm. Bộp, đến mức cho vào bếp người ta cũng chê là chỉ tổ khói. Nhưng thật không thể ngờ, đến mùa xuân này bỗng nhiên gạo trở thành một đối tượng kiếm tìm. Thì ra đã có một phát minh xẻ ván, cho cây gạo xuống nước ngâm, ngâm lâu đến mức tưởng như gỗ cứng đến mấy cũng phải mủn ra, rồi mang lên phơi, một nhà chế biến gỗ đã làm thủ như vậy thì ôi chao, như có phép lạ thứ gỗ bộp nọ liền biến thành một loại tú thiết,

đã không biết cong vênh là gì lại còn rắn đanh đến mức đinh tây đóng vào cũng bị nhụt!

Nhà chế biến gỗ nọ là người hàng năm vẫn thuê ông Lừ hạ cây, xẻ ván, đem chuyển nọ ra kể. Ông Lừ kêu:

- Thế thì lên làng tôi. Làng tôi nhiều cây gạo lắm!

- Có to không?

- Không biết nó mọc từ bao giờ. Tôi nghe các cụ già kể: từ thời lập quốc, cây gạo bắt đầu mọc rồi. Giờ cây nào cây ấy đều to lắm!

- Vậy thì vụ xuân tới tôi sẽ lên và bác làm giúp tôi nhé.

Vụ xuân này thì chính là vụ hạ gỗ đã hẹn hò đây.

Nhưng, tiếc thay cuộc hẹn hò mùa xuân của người thợ chặt hạ và nhà chế biến gỗ đã không thực hiện được. Hôm ấy, vừa quay vào đóng cửa, ông Lý A Lừ đã nghe thấy tiếng mõ gõ, mõ tre khua động từ nhà lý trưởng Tráng Văn Đa. Đó là mõ gọi họp toàn thể dân làng. Chẳng còn cách nào, vốn người gắn bó với việc làng nước, ông Lừ đành bước vào nhà cất rìu, dao, rồi đi đến nơi hội họp, tức cái bãi chơi ở đầu làng. Trong cái lều nhỏ ở giữa bãi chơi nọ, ông Lừ nhìn thấy lý trưởng Tráng Văn Đa mặc cái áo dạ xám, đội mũ lưỡi trai dạ đen đang đứng với mấy người lính lệ mới từ huyện về. Người đến sau ngồi trên cái đu quay, trò chơi còn sót lại từ ngày hội gà ma thú của cả bản.

- Mọi người đến đủ cả chưa?

Sau câu hỏi, lý trưởng Đa bước ra khỏi lều, chống tay lên sườn, cố tình làm cho uy nghi và bề vệ, để hợp với lời nói hách dịch:

- Cả làng nghe cho rõ mà theo mà làm. Mùa này từ hôm nay, trai làng, ông già không ai được đi bán công nơi xa nữa. Huyện vừa có giấy sức về đây. Việc này hệ trọng hơn mọi việc. Vua nước An Nam ta sắp vào thăm bản ta, tổng ta. Bởi vậy, làng phải cắt cử người sửa đường, sửa cầu, và ra huyện khiêng rước kiệu Đức Kim thượng về.

Ngừng một lát, ông lý trưởng tiếp:

- Nào, nghe rõ cả chưa? Giờ, về sửa soạn. Nhất là trai đinh. Ở nhà, có lệnh gọi là đi luôn đấy!

Là người đi bán công xa nhất bản, đã từng làm việc với người Kinh, chính là nhà chế biến gỗ nọ, nên bếp lửa nhà Lù từ hôm ấy đông người tới hỏi han trò chuyện nhất.

- Vua là thế nào, ông Lù?

- Vua là người to nhất nước An Nam mình.

- Tôi cứ nghĩ, ta chỉ có một ông vua là Tráng Văn Đa.

- Ông Đa là vua cái nước nhỏ San Cha Chải ta thôi.

- Còn nước An Nam ta?

- Ối! Tôi đi ra huyện mất hai ngày đường. Người Kinh từ dưới xuôi lên mua gỗ đi từ kinh đô lên bằng tàu thuyền, bằng xe ngựa tới huyện này mất hơn nửa tháng. Như vậy, tính từ hàng cây gạo trên núi...

- Sao lại từ hàng cây gạo?

- À, ở chỗ cây gạo mọc là chỗ bắt đầu của nước ta. Ông giời gieo xuống thứ cây hoa đỏ ấy là để đánh dấu, để ta dễ nhớ mà. Từ đó đến huyện, tôi mới tới đó thôi, mất hai ngày đường. Rồi ra nữa... ra nữa, ngày qua ngày, tuần qua tuần... cuối cùng nghe nói là ra đến biển.

Mọi người cùng ngẩn ra. Câu nói của người đàn ông đã ra tới huyện về một khoảng rộng mênh mông, chẳng biết đo bằng gì, chỉ hình dung ra bằng những ngày những tuần đi dằng dặc từ đầu này là màu đỏ hoa gạo đến thăm thẳm xa xăm ngoài kia là sóng biển xanh xanh trùng trùng. Một đất nước như thế là rộng, là hẹp. Và San Cha Chải nơi có cây gạo mọc đánh dấu, nên nó đúng là đất của Vua. Vậy nên Vua xa giá tới viếng thăm là phải rồi!

Làng sửa soạn đón Vua thật náo nhiệt. Đường dài mấy chục cây số qua rừng gianh, rừng nứa phải phát quang. Hai cây cầu gỗ trôi từ mùa lũ

năm ngoái phải bắc lại. Lại thêm lan can, để nhờ Đức Kim thượng nảy ý thích xuống kiệu đứng ngoạn cảnh còn có chỗ vịn. Thôn xóm, sạch sẽ. Trâu bò đuối hết lên rừng. Nhà nào cũng cố tìm mua đèn lồng đỏ, treo hai cái như má con gái, ngoài hiên. Người nào việc ấy, phấn chấn hẳn lên. Riêng ông Lý A Lũ thì phấn chấn hơn hẳn người khác. Bởi vì, ông và ba tráng đinh nữa được lý trưởng Đa cắt cử ra tận huyện để vừa là dẫn lộ vừa là theo hầu Vua, thậm chí khiêng kiệu Vua vì có thể Ngài không quen cưỡi ngựa.

Ông Lũ mừng lắm. Biết mặt Vua trước mọi người là một vinh dự, lại còn được theo chân Vua mấy ngày trời nữa thì thật là vinh hạnh không thể mua được bằng vàng. Sung sướng, ông Lũ sửa soạn quần áo, khắp khởi đợi chờ. Càng khắp khởi, bốn chồn hơn khi ông và ba người nữa được cắt cử đi, đón Vua lần này được chính lý trưởng Tráng Văn Đa báo tin: nhà vua đã bắt đầu lên đường!

Ngày qua, San Cha Chải và ông Lũ dõng theo bước chân của Đức Vua. Ngự trên cỗ xe tam mã, ngài đã ra khỏi kinh đô. Tháp tùng ngài có các quan đại thần. Còn có cả thợ mộc, thợ nề, kén tuyển từ các làng nghề. Vì lần kinh lý này ngài còn muốn sửa sang bờ cõi, tu bổ các cột mốc đường biên. Ngài đã tới Việt Trì. Tới đây, ngài bỏ xe ngựa xuống thuyền. Ngài đã ngự thuyền rồng tới địa hạt tỉnh Phú Thọ. Thuyền của ngài sắp ngược dòng tới tỉnh lỵ tỉnh Yên Bái... Ngài sắp... Ngài đã...

Cuối cùng con ngựa hồng như ánh lửa cháy rần rật một chiều nọ phi tới làng và hôm sau ông Lý A Lũ cùng ba suất đinh nữa, mỗi người một cái gậy dài vác vai, rời San Cha Chải ra huyện. Mặt mũi ai nấy đều hơn hỏ khác thường. Lý trưởng Tráng Văn Đa tiễn họ ra đến bãi chơi đầu bản và nhắc lại một lần nữa cho dân làng biết: bốn người này xuống huyện là để cùng quân lính dưới đó rước kiệu Đức Vua về San Cha Chải và như vậy San Cha Chải, ngọn núi, mảnh đất, cái cột mốc xa xôi nhất sắp được hưởng một ân sủng không gì sánh nổi.

Mãi miết trong hào hứng bất chấp cả lúc sớm bùng, khi tối trời dễ bị thú dữ làm hại, đi liên tục, cuối cùng ông Lý A Lừ và ba người đàn ông nọ đã vượt trước thời gian. Chiều thứ hai của cuộc hành trình họ đã tới huyện lỵ. Một nhọc nhưng cả bốn đều rất phấn khởi. Đi qua phố huyện, họ nhận ra vẻ khác thường của bầu không khí cô tịch vốn có ở nơi này. Trước cửa nhà nào cũng treo đèn lồng, kết hoa giấy. Đường sá đã được quét dọn sạch sẽ, phong quang. Bốn người được một người lính đón tiếp và dẫn đến một nhà trọ ở cuối phố.

Sáng sớm hôm sau, ông Lý A Lừ và ba người nọ vừa trở dậy thì người lính nọ tới. Bây giờ mới trông rõ ông ta. Vóc thấp, vai vuông, chân nhỏ quăn xà cạp, nên hai bắp trông như hai cái bắp bi. Mặt ông ta què mùa, cũ kỹ, lại có mấy nốt rỗ hoa, trông vừa buồn tẻ vừa khôn ngoan.

- Nào, đi sớm không nắng.

Người lính nói. Ông Lừ sẵn đón:

- Đi khiêng Đức Ngài ạ.

Người lính nhướn hai con mắt nhỏ một mí, vẻ khó hiểu:

- Các người ở San Cha Chải?

- Vâng.

- Người U Ní chú gì?

- Vâng.

- Dân U Ní khiêng, điệu thì nhất rồi. Điệu bằng trán có phải không?

Ông Lừ ngơ ngơ, bụng nghĩ mờ mờ tỏ tỏ, lại nhìn người lính, rụt rè:

- Đi khiêng Đức Vua ạ?

- Thì đi!

Người lính xẵng, rồi phất tay ra hiệu bảo họ đi. Bốn người San Cha Chải cum cúp đi theo người lính. Quanh quanh, ngoặt mấy lần, họ đến trước một túp lều gianh, cửa liếp còn khép. Chẳng lẽ Đức Vua ngài ở đây? Ông Lừ ngơ ngác, chực hỏi thì người lính đã chống nạnh, giục:

- Đúc Vua của các ông ngự ở trong ấy. Đẩy cửa vào khiêng đi! Nhanh lên!

Ông Lừ đặt tay vào cánh liếp, vừa hồi hộp vừa sợ hãi. Sao lại có thể như thế này được nhỉ? Đến như ông Tráng Văn Đa, Vua San Cha Chải, cũng không ở cái túp lều tồi tàn như thế này. Một là ông nghe không thủng câu nói của người lính, hai là người lính độc bụng, định đưa ông vào bẫy mắc tội phạm thượng. Nghĩ vậy, nên ông Lừ rút tay lại. Nhưng thật không may cho ông, cánh cửa liếp khép hờ hững lại có chiều hướng ngả vào bên trong, nên chỉ cần chạm khẽ vào là nó đã ỏe ra, ẻo ẹt một tiếng dài.

Hai cánh cửa mở một khoảng tối mờ. Bị chi phối bằng một đức tin và niềm sùng kính chất phác, ba người đàn ông và ông Lừ vội quỳ sụp xuống, chắp tay vái liền ba vái. Người lính bật lui trở lại, thoát đầu bùng miệng cười, nhưng thấy thái độ thành kính chân thực của bốn người nọ, vội ngậm miệng đứng ngây đờ.

Trong bóng tối âm thầm hiện dần lên hình một phiến đá trắng, có chiều rộng một sải, cao bằng đầu người, dày hơn gang tay, mặt khắc chìm những dòng chữ bay bướm. Phiến đá đứng, hơi choãi chân ra phía trước, do chiều cao, chiều rộng, thế đứng và nhất là do những dòng chữ bí ẩn mà nó trở nên uy nghi khác thường.

Ông Lừ hơi sững người. Nhưng, lập tức lòng kính tín sau mấy giây rung rinh, lại trở lại và cùng với ba người kia, ông bước lại cạnh phiến đá mà run rẩy như được tiếp cận một linh thể và được hưởng một ân huệ khác thường. Người lính được lây truyền cảm xúc trân trọng bỗng dịu giọng:

- Đúc Vua ngài bận việc quân lên ngự chỉ thuyền rồng lên tới tỉnh lỵ thôi. Ngài gửi phiến đá này vào. Phiến đá này thay mặt Ngài. Ngài bảo phải đặt nó lên ngọn núi San Cha Chải. Các ông hiểu rồi chứ. Bây giờ các ông sửa soạn khiêng đi!

Không chút thất vọng, trái lại, niềm tin yêu trang trọng bùng men trên nét mặt, ông Lữ và ba người đồng hương vội hạ đòn, buộc thùng chảo, và sau khi làm thành cái kiệu mộc mạc, họ ngả phiến đá thiêng của Đức Vua lên đó, rồi đều tay nhấc lên vai.

Phiến đá của Đức Vua trên vai bốn người đàn ông U Ní ra khỏi huyện lỵ, trời mới tan sương. Nghe nói phiến đá đã theo Đức Vua từ kinh đô lên. Vua ở đâu, nó ngự cùng ngài ở đó. Tới tỉnh lỵ, nó cùng Vua được đón tiếp vô cùng trọng thị. Từ tỉnh lỵ vào huyện, nghi thức đã bớt đi phần diêm dúa, nhưng vẫn giữ được sự long trọng, nó được ngự riêng một cỗ xe tam mã vào đến tận huyện đường. Và mấy đêm vừa rồi, tuy là ở trong cái lều gianh xoàng xĩnh đó, phiến đá vẫn được canh giữ rất cẩn mật.

Ấy là câu chuyện mở đầu của người lính đi theo áp tải phiến đá. Câu chuyện có tác dụng kích thích bốn người đàn ông, mặc dầu ra khỏi huyện lỵ, họ trợ trợ, thui thui giữa bóng rừng mênh mang.

- Liệu chiều mai có đến nơi không?

Người lính lạch cạch lưỡi lê ở hông đi cạnh ông Lữ, chưa được mấy bước chân đã có vẻ sốt ruột hỏi. Ông Lữ đáp:

- Đi ra thì hai ngày. Đi vào dốc, phải hơn.

- Thế đêm nay độ đường ở đâu?

- Cứ đi thôi, tới đâu ngủ đấy.

- Không được. Phải vào làng Pao Mao Chải ngủ. Trên đã sức cho lý trưởng làng đó đón rước rồi!

Hai người khiêng đòn đi ở phía sau cũng ngẩng lên. Một người bảo:

- Không đi đường Mao Chải được đâu. Cầu gỗ to qua suối lớn ở đầu làng trôi rồi.

Người kia tiếp:

- Mua thêm đường hay sao mà đi đường ấy!

Ông Lữ thêm:



- Đi đường ấy phải bốn năm ngày. Lâu quá. Đi đường tắt này nhanh về cho dân San Cha Chải khỏi ngóng.

Người lính than:

- Dốc ngựa ngực, vất vả quá!

- Chịu khó một tý thôi!

Mấy người khiêng phiến đá cùng nói một ý. Và phiến đá trên lưng họ lừ lừ chuyển, êm như trôi trên sóng lặng, chẳng cần một cố gắng nào. Qua một khu đồng hẹp, họ lội qua con suối rộng nhưng nông. Đó là con suối ở chân cao nguyên vùng San Cha Chải. Đường ít người qua, rêu xanh phong đá suối, trơn muội. Bốn người rờ rẫm từng bước ngắn, thận trọng còn hơn khiêng người ốm nặng. Sang tới bờ bên này, họ trút hơi thở đánh phào và thấy người như khỏe ra thêm. Họ đã thấy hương sắc vùng quê.

Hương sắc bản quê San Cha Chải, ấy là những triền núi vàng suộm cỏ gianh như một biển nắng chiều. Là cái khoảng xanh mờ ảo tít xa của những vùng rừng vầu cổ xưa. Là cái mùi hoa thảo quả thơm lừng hòa trộn với làn khí trời tê mát dưới tán rừng nguyên thủy thuần một loại pơ mu lão đại. Bóng những khoảng rừng già đã mỗi lúc một sẫm màu trong mắt người. Lát sau, qua ba bốn khúc đường lên dốc, xuống dốc như yên ngựa, phiến đá đã lọt hẳn vào một rừng già, tán cây tỏa xuống mặt đất về trăm mặc, u tịch. Người lính bỏ nón quạt:

- Nghỉ chứ, các chú ông!

- Cố tý nữa, lên hết đoạn dốc này.

- Chịu các chú ông thật. Đi một thôi mấy tiếng rồi, ông Lừ?

- Đàng nào cũng phải đi, ông ạ.

- Sợ mệt là mệt các ông thôi!

- Việc làng, việc nước mình không làm, người khác cũng phải làm, ông lính ạ.

Việc làng việc nước! Cái ý nghĩa tự nhiên mà sâu xa! Vì việc làng việc nước mà vụ xuân này bỏ cả việc bán công sinh nhai. Vì việc làng, việc nước mà mang cái khó nhọc vào thân. Việc làng việc nước! Nào phải là đã hiểu thật hết ý nghĩa của công việc mình đảm đương? Nhưng phàm đã là việc làng, việc nước tức thì là việc thiêng liêng, cao quý và do vậy phải tận lực mà làm cho trọn vẹn là thế!

Đến trưa thì chính người lính đi chân tay không đòi nghỉ vì mệt quá, không thể đi được nữa. Đám khiêng phiến đá của Đức Vua phải dừng lại. Đó là một khoảng trống giữa rừng già. Vừa hạ kiệu, bốn người cảm nhận ngay được vẻ hoang lạnh đến rợn da thịt của khung cảnh. Bụi rậm và vòm cây chen kín, xung quanh họ tối mờ. Đã thế sương lại trắng mù mù vây bọc. Và từ trong xa xăm, vẳng lên tiếng róc rách của một con suối hoang, như một ám ảnh triển miên dai dẳng.

- Nay, từ lúc vào khu rừng già này, các ông có thấy cái gì là lạ không?

Ông Lữ quệt mồ hôi trán, hỏi ba người đồng hương. Một người ngây ngây nét mặt:

- Tôi có thấy mùi gậy gậy.

Người lính đang nằm ngả trên đất, ghé cổ dậy, thiếu thảo:

- Mệt lắm rồi. Nghỉ lại đây thôi. Mai đi tiếp.

- Không được đâu, ông ạ.

Ông Lữ nói với người lính và nhìn ba người bạn của mình. Lập tức cả bốn người cùng đồng lòng là phải nhắc đòn lên vai, đi ngay. Một nỗi hung hiểm chập chờn đầu đó, ai cũng nghĩ tới mà không dám nói ra.

Thấy mấy người đã khiêng phiến đá đi, người lính vội nhóm dậy, thở phì phò:

- Tôi đến chết với các ông thôi.

- Cố lên, ông lính ạ. Tôi sợ chỗ này...

- Sợ cái gì?

- Đừng nói! Cố một tý nữa!

Người lính hiểu lời mờ, đành lẻo đẻo theo sau bốn người nọ.

\* \* \*

Đêm ấy đám người khiêng phiến đá của Đức Vua ngủ giữa rừng già. Chỉ có người lính được ngủ liến một mạch. Còn bốn người chia thành hai tốp thay nhau canh gác. Họ đốt lửa thâu đêm.

Sáng bình, mặt trời rọi qua kẽ lá, phân tỏa thành nghìn tia sáng hân hoan, người lính mới mở mắt. Sức đã phục hồi. Những cảm giác tươi sáng trở lại. Ông nhìn bốn người bạn bỗng thấy yêu quý họ khác thường. Họ, giản đơn, thô sơ vậy thôi, mà thật là những tấm lòng vàng.

Thấy người lính mở mắt, ông Lù bước đến:

- Ông còn mệt nhiều nữa không? Hôm nay ta đi cố thì tối có thể tới được.

Người lính nhồm dậy:

- Ủ, cố đi.

Đêm nay tới San Cha Chải, được ngủ trong nhà rồi.

Một người nói. Người khác thêm:

- Mời anh lính về nhà em nghỉ nhé!

- Tất nhiên rồi - Người lính vui vẻ - Đưa được phiến đá Đức Vua lên tới cột mốc xong là hoàn tất công việc.

- Tôi biết chỗ cột mốc biên giới.

- Ở đâu, ông Lù?

- Trên núi chỗ có nhiều cây gạo hoa đỏ. Lạ thật, ông lính ạ. Ông trời cũng có ý phân chia địa giới nên mới gieo giống cây gạo bên mình. Còn bên kia, tịnh không một cây, thế mới lạ chứ!

Người lính cười, nhồm dậy:

- Đưa phiến đá của Đức Vua lên đó là xong việc của ta. Còn xác định điểm chôn là công việc của người khác. Thôi, rửa mặt, rồi ta lên đường đi. Nhưng mà hôm nay đầu có sốt ruột vì nước mã hồi cũng dừng đi học tốc như hôm qua nhé, các chú ông.

- Không phải vì muốn xong việc để về nhà đâu.

- Thế thì vì cái gì vậy?

Ông Lừ chép miệng, thoái thác câu trả lời tỉ mỉ:

- Cũng là việc làng việc nước thôi!

Người lính bao dung, đứng lên rút cái khăn đeo bên sườn, xách cái bình toong, đi qua một bụi rậm, tìm đường xuống khe suối.

Cuộc sống chẳng bao giờ hết sự ngẫu nhiên. Và chẳng ngẫu nhiên nào giống hết ngẫu nhiên nào. Điều hung hiểm ông Lừ cảm nhận bằng trực giác từ lúc bước vào khu rừng già hôm qua, đã hiện hình thành một sự thật. Một con hổ đói đã theo đoàn người suốt chặng đường hôm qua, giờ nó đang chờ ông lính ở bờ khe suối nọ.

Nghe tiếng người lính thét rúng rời, ông Lừ kinh hoảng đâm bổ xuống phía khe suối. Ba người kia chậm hơn, nhưng cũng nhao ngay tới cạnh ông. Và họ cũng rét run lên trong cảm giác sinh tử trước cơn nguy biến bất ngờ, bờ suối chỉ còn cái khăn mặt và chiếc bình toong sắt của người lính.

\* \* \*

Họ đốt đuốc, sục vào các bụi rậm hú gọi, hò la. Tiếng hú, gọi, hò la vang rừng, nhưng thấm nhiễm nỗi vô vọng cô đơn. Dẫu sao thì cũng không thể tỏ ra là bạc nhược, yếu hèn. Dẫu sao cũng không thể bỏ mặc người bạn đường xấu số. Một ngày nên nghĩa, huống hồ lại đã cùng một việc lớn đồng tâm. Mất một ngày không tìm thấy dấu vết thi thể người lính. Hôm sau ông Lừ nêu ý kiến: để hai người lại tiếp tục tìm kiếm nạn

nhân, còn hai người tiếp tục khiêng phiến đá của Đức Vua về San Cha Chải cho kịp ngày, xong việc.

Tính toán như thế là vẹn tình, vẹn nghĩa, được cả việc chung lẫn việc riêng, nên mọi người đều đồng ý. Ông Lừ và một người nữa tên Lý A Tỉn đảm nhiệm việc đưa phiến đá của Đức Vua về đích.

Cái nặng của phiến đá đang san sẻ cho bốn người nay đè lên có hai vai.

Tuy vậy, vốn là những người nghèo khổ, quen cực nhọc, họ vẫn tỏ ra dư thừa sức lực. Nửa ngày đầu, hai người đi bình thường. Nhưng từ nửa ngày tiếp, đường quá dốc, họ xuống sức rất nhanh. Đường xa, một cây kim cũng trở thành nặng. Huống hồ đây là đá, là dốc. Dốc quá! Đi người không mà có chỗ đầu gối chạm ngực. Ngựa đi có lúc còn toạc móng, phải đùn đất mới lên được. Đã thế lại phơi ra giữa nắng, bọn ruồi vàng khát máu, ngửi thấy hơi người, lại nhao tới nhăng nhặng bám đốt, hút máu.

- Chết mất thôi, ông Lừ ơi!

Buổi trưa hôm ấy, lên giữa một con dốc, ông Tỉn rên một câu, rồi khụy xuống, phiến đá đổ nghiêng dưới đất đánh phịch.

Ông Lừ quay lại, mắt như tóe những hạt vàng hạt đỏ. Hơi thở thảo thảo qua cả hai lỗ tai. Ông cũng nhào xuống, ngực đập đất, tim đập rung cả người. Rồi lìm lìm, ông thiếp đi lúc nào không biết. lát sau, có lẽ là vì mấy con ruồi vàng nên ông Lừ tỉnh. Mở mắt, ông thấy xung quanh mình ắng lặng. Sợ quá, ông vội nhồm dậy và nhìn thấy ông Tỉn nằm bất động cạnh phiến đá của Đức Vua. Chẳng lẽ ông Tỉn chết? Trời ơi! Không thể thế được! Trăm lạy vong hồn ông lính, ông sống khôn chết thiêng, ông phù hộ cho việc làng việc nước thông suốt mọi đường. Ông Lừ lẩm nhẩm, lê đến người bạn đường. May quá, ông Tỉn đã mở mắt.

- Ông Tỉn à, nghỉ được một tý cũng đỡ mệt đấy.

- Tôi mệt quá, ông à.

- Tôi cũng vậy. Lẽ ra, ông nên ở lại tìm ông lính...

- Không, tôi cầm tinh con lợn, tôi hải lắm.
- Khổ thật. Còn một chặng nữa là tới làng. Hay là ta cố một tý nữa.
- Ủ, cũng phải cố thôi!
- Tôi khẩn vong hồn ông lính rồi. Ông Tỉn ạ.

Hai người lại chùn mình ghé vai, nhấc đòn. Miệng lầm nhảm cầu khẩn linh hồn người lính, ông Lữ cố tỏ ra mạnh mẽ để động viên bạn mình. Nhưng, ông biết ông Tỉn đã phải dùng đến những sức lực dự trữ cuối cùng rồi. Phiến đá ậm ạch đi. Ông Tỉn thở ậm ề. Rồi hơi thở biến mất. lát sau hai người lại nằm còng queo như hai cái rễ cây bên phiến đá. Họ lại ngất đi như lần trước và cơn ngất này dài hơn. Nhưng tuy thế lần tỉnh dậy này, ông Lữ có cảm giác như sức lực vừa được bình phục trở lại. Cùng với cảm giác vui sướng râm ran trong lòng, ông nhận thấy ông Tỉn đã mở mắt, tuy là không cất nổi mình dậy.

- Ông Tỉn ơi, tôi kể ông nghe chuyện này nhé. Là cái lúc ông lính hỏi tôi, tôi không muốn nói nhiều, chứ tôi biết phiến đá này là cái gì rồi. Ở San Cha Chải mình, cột mốc bằng gỗ thôi, lại không phải của Đức Vua đích thân gửi lên. Nên người bên kia tính tham vặt, mấy lần họ đã nhổ lên, cắm lẹm sang phần đất ta. May mà có hàng cây gạo, chứ không thì họ ăn gian được. Ông Tỉn có nghe tôi nói không?

- Có. Tôi mệt quá, ông Lữ ạ.

- Không sao đâu. Nghỉ một lúc nữa sẽ lại sức. Ông tổ mình xưa khỏe lắm, ông Tỉn ạ. Tôi nhớ bố tôi kể. Một lần đi chợ huyện gặp bọn gian mai phục định cướp đồ hàng, ông tổ mình cầm cái đòn xóc giơ cao, nói: “Các chú nếu nhổ được cái đòn này thì cho tha hồ lấy hết những gì ta có!” Đoạn ông tổ dùng tay cầm phập ngọn đòn xóc xuống đất. Bọn cướp xô tới, cả buổi hò nhau không sao rút nổi cây đòn lên được. Kìa, ông Tỉn... ông đỡ mệt chưa?

- Tôi... chết mất... ông Lữ à.

- Nói đại nào!

Ông Lừ đứng dậy. Ông định cổ vũ bạn, nhưng hóa ra chính ông cũng đã sắp cạn hết sức lực rồi.

- Hay là thế này...

Ông Lừ đến gần bạn, ngập ngừng...

Chao ôi! Trong cái ta đã quen thuộc đến nhàm chán, hình như bao giờ cũng ẩn náu điều ta chưa khám phá ra? Sau cái tưởng là kiệt cùng tuyệt vọng, phải chăng vẫn còn đó một khoảng không dự trữ niềm hy vọng? Và sự sáng láng của tâm tưởng bao giờ cũng vẫn là nguồn cội để sản sinh năng lượng mới. Ý thức bốn phận dầu mang tính giáo điều và màu sắc tôn giáo, bao giờ cũng là một tiềm năng. Nữa là ở đây, đã tích tụ trong mình cái sức lực quật cường dồi dào của cả bộ tộc đói khổ, ông Lừ còn dạn dày trong lao động khổ sai nặng nhọc và mang trong mình tình thương yêu đối với những người bạn đường khốn khổ.

Tới lúc ông Tỉn mở choàng mắt, kêu một tiếng kinh hoàng, thì một sự kiện ghê gớm đã xảy ra, chưa hề có trong trí tưởng tượng của chính ông. Ông Lừ đã dựng phiến đá dậy, đặt nó vào hai sợi dây da. Ngồi xuống, áp lưng vào phiến đá, ngoảnh hai đầu dây vào vai, tay nắm hai đầu dây còn lại, nhịn hơi, mặt căng nhúc, ông Lừ từ từ đứng lên trên hai đầu gối run lẩy bẩy chỉ chực trẹo trẹo gãy khục.

Nhưng mà không, ông Lừ đã đứng dậy được. Ông Lừ đã bước đi. Loạng choạng mấy bước đầu, nhưng ngay ngắn dần. Rồi ông quàng sợi dây da lên trán. Đầu ông giờ là cái cọc giữ lấy phiến đá nặng.

Như có sức mạnh vừa tràn vào, ông Tỉn chồm dậy, vừa ôm ngực ho sù sụ, vừa cố dần bước đuổi theo ông Lừ.

Ông Lừ xua xua tay bảo bạn im lặng. Ông đang khẩn vong hồn ông lính để ông lính phù hộ ông hoàn thành công việc hệ trọng, quá sức này. Mặt ông nhăn nhúm, nhưng không có cái vẻ đau khổ như vẻ mặt Đức

Chúa Giêsu vác cây thánh giá trên núi Gôngôtha vẫn thấy treo ở trong các nhà thờ Kitô giáo. Bức tranh ông Lữ địu phiến đá, biểu trưng quyền lực thiêng liêng của Đức Vua An Nam, có công sức, xương máu, mồ hôi của bao người, viền quanh là những bông hoa gạo đỏ.

Chiều hôm sau, lý trưởng Tráng Văn Đa lên thăm phiến đá. Ông là người biết đọc chữ Hán duy nhất ở San Cha Chải. Ông bảo: Phiến đá của Đức Vua khắc sáu chữ lớn: “An Nam dân quốc địa giới.” Đó là cột mốc biên giới của đất nước. Ông nói thêm, phiến đá này nặng hai con ngựa thồ không nổi, làm sao mà người thường địu nổi!

M.V.K



# Một bước sau quận công

(SH số tháng 11 - 2009)

Tác giả thấy cần phải tóm tắt chuyện cô bé quàng khăn đỏ trước, rồi mới kể tiếp phần hậu cô bé quàng khăn đỏ. Con sói đến lừa bà cô bé, nuốt sống bà, rồi mặc váy áo của bà, trùm khăn giả vờ làm bà. Cô bé về nhà, thấy bà rơm mà không biết, cứ hỏi vợ hỏi vấn sao tai bà to thế, sao mắt bà to thế, sao mồm bà to thế. Sốt ruột. Con sói bèn nuốt chửng luôn cô bé. Nhưng rồi quần chúng tiến bộ tập hợp lại đấu tranh, con sói phải nôn cả bà lẫn cháu ra, hứa cải tà quy chính. Từ đây bắt đầu phần hậu cô bé quàng khăn đỏ...

Được sống lại, cô bé luôn mặc cảm rằng mình không đủ tinh tường, không đủ sáng suốt, bèn luyện mắt và nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng. Một hôm đi trên đường vắng, thấy con sói lấp ló trong bụi cây bên đường, cô bèn hét lên: Con sói nham hiểm kia, tao thấy mày rồi đấy. Con sói xấu hổ vô cùng, biến mất. Lát sau, lại thấy nó lấp ló trong bụi cây khác. Cô bé lại hét: Con sói nham hiểm kia, tao thấy mày rất rõ. Con sói lại ngượng ngùng cụp đuôi chạy biến. Rồi đi được một quãng, lại thấy nó thập thò trong bụi cây. Lại hét: Con sói nham hiểm kia, tao thấy mày

rất rõ. Lần này con sói vặc lại: Bà cũng vừa vừa thôi, bà có để yên cho tôi đi toilet không thì bảo!

Động đến chuyện toilet là phải động đến toàn bộ cõi trần ai. Một trong tứ khoái. Nhưng lý sự rằng nó là chuyện của toàn cõi hồng trần để mà nhả nha cà kê thì phải viết trường thiên tiểu thuyết hoặc phim truyền hình nhiều tập. Đây chỉ là trước tác đoản thiên. Đoản thiên nên người viết xin phép ngẫu nhiên chỉ chọn ra mấy cái địa danh Ấn Độ, Pháp, Đức, Mỹ. Và tất nhiên không thể thiếu bản quán của tác giả.

### **Xứ Ấn**

Trước khu nhà tắm công cộng kèm nhà vệ sinh, những toán thanh niên đang xếp hàng chờ đến lượt. Thời gian: 2500 năm trước Công Nguyên. Địa điểm: thành phố Harrapa và Moenjodaro, thuộc thung lũng sông Indus. Trong khi đầu đó ở châu Á, châu Âu, người ta còn ăn lông ở lỗ, trong hang ngoài hốc, thì ở đây đã có nhà tắm công cộng, nhà vệ sinh cũng công cộng, có hệ thống cống tiêu nước, có tổ chức thu nhặt rác cho cả thành phố. Một nền văn minh thực sự, và văn minh rất sớm. Không nói quá, cái nhà vệ sinh là một trong những bằng chứng của nền văn minh, nó phải được hô muôn năm, nhiệt liệt, đời đời.

Nhưng cũng chính cái kiêu hãnh sớm sủa của một nền văn minh sớm sủa đã khiến nó bị tuyệt chủng. Đám thanh niên xếp hàng vào nhà tắm, nhà vệ sinh rồi hơi bèn trên chộc một ông già. Đúng ra, đó là một du sĩ sadhu vừa đi ngang. Một con người sau khi dựng vợ gả chồng cho con cái, tự thấy đã hoàn thành bốn phận của đời người, bèn rời bỏ gia đình, lên đường theo đuổi đời sống tinh thần. Vừa là khát sĩ, vừa là giáo sĩ, vừa là du sĩ. Nói cho dễ hiểu thì đó là một giáo sĩ lang thang, sống nhờ vào thực phẩm cúng dường của người đời. Không ai dám trên chộc một giáo sĩ. Lời nguyện rửa của họ trở thành lời nguyện muôn đời. Thế mà đám thanh niên sáng ra chưa tắm, chưa ị, chưa thanh tẩy gì gì dám

trêu. Thấy ời, con mời thầy vào tắm vào ị, thầy không phải xếp hàng đầu, chúng con kính thầy đứng lên hàng đầu. Thấy ời, ẩn viện trong rừng chỉ là lều tre mái cỏ, chắc chắn ở đó thầy không biết nhà xí là cái gì, con mời thầy vào đây con chiêu đãi cái nhà vệ sinh sạch sẽ thơm tho. Chúng con dám chắc lâu nay thầy chỉ biết tiểu sông ị suối, thầy chưa biết công trình văn minh này. Quá đáng hơn, mấy thanh niên hè nhau xông đến, bế bổng du sĩ lên, kiệu bằng tay như kiệu rước vua đi, cưỡng ép du sĩ vào tận nơi mà mục kích.

Lũ thanh niên quên mất rằng cái trùng mắt của một giáo sĩ có thể thiêu cháy sáu vạn tinh binh. Du sĩ này không thể. Đường như ông không thịnh nộ. Ông chỉ vuốt râu mà rằng, lũ sâu bọ mới lên làm người kia, cứ việc tắm gội một lần ở đây cho thỏa thuê đi, cứ việc tiểu ị một lần vào đây cho mãi mãi đi. Một lần cho mãi mãi. Câu nói của ông là mật mã cả nghìn đời sau mới giải mã được.

Đến nỗi bây giờ tiếng Hindi không có từ nhà vệ sinh. Ngôn từ không phong phú đến mức phân loại được nhà xí, nhà tiêu, nhà cầu, chuồng chồ, WC, latrine, lavatory, loo, toilet. Tác giả hỏi một cô giáo dạy ngôn ngữ, cô che miệng mà rằng tiếng Hindi chỉ có một từ thôi, nhưng mà nó bậy lắm, trong từ ấy có ghép cả chữ chất thải lẫn chữ cái lều. Cô đã dùng uyển ngữ. Lều với chả chất thải. Người ta phải suy luận thêm mà ghi toẹt cái từ ấy ra ở đây, nó tương đương chữ chuồng phân trong tiếng Việt vậy. Có chữ mà không ai dám dùng thì cũng như không. Thảo nào đầu thế kỷ hai mươi, khi mấy nhà khảo cổ thực dân Anh khai quật hai thành phố Ấn Độ cổ đại, thấy một hệ thống cống rãnh tường bao, dân Ấn bản xứ không ai biết đó là cái gì. Quên mất rồi. Ký ức lịch sử đã bị lời nguyên của một du sĩ xóa mờ.

Thế. Người Ấn bây giờ sáng sáng chiều chiều chỉ còn biết kéo nhau ra khỏi nhà. Nông thôn thì ra đồng. Thành thị thì kéo nhau ra bãi hoang hoặc vào những vườn cây um tùm. Chỉ có 35% dân số Âu hóa Tây học

có nhà vệ sinh tại tư dinh. 65% dân số đi đồng mát mẻ. Người xách chai nước, người xách túi ni lông đựng nước, cứ thế mà viễn du. Ra đến hiện trường thì ngồi thụp xuống. Giải quyết xong thì nước đầy, tay trái đầy, cứ thế mà xử lý. Nói chuyện bàn tay trái là với người thuận tay phải, cái tay thuận chỉ để dùng vào việc nạp, tức là việc ăn. Người Ấn ăn bốc. Phân công tay trái tay phải rõ ràng, việc nào tay ấy. Rồi khi người ta chấp tay trước ngực để chào nhau là có ý tứ hẳn hoi. Hai bàn tay chấp lại, biểu tượng của phần bản ngã thiêng liêng hòa hợp với phần bản ngã thấp kém hơn.

Nhưng đừng có nghĩ nó là thấp kém. Nó đã từng là lý do của sự cao ngạo, sự cao ngạo ấy lại khiến đám thanh niên gần năm nghìn năm trước bị lời nguyên dai dẳng đến tận bây giờ. Cái toilet bây giờ có lúc được đưa vào khẩu hiệu. No toilet, no seat! Không toilet, không ghế! Ghế gì ở đây? Đặt ghế vào toilet chẳng? Thừa, chiến dịch tranh cử cuối năm 2005 đang vào hồi kịch tính. Bộ trưởng Phát triển Nông thôn gửi một bức thư cho vị thủ hiến ở các bang, yêu cầu ráo riết kiểm tra: vị nào ở trong nhà không có toilet, vị ấy bị truất quyền ứng cử và để cử vào quốc hội bang và hội đồng quận huyện. Khỏi vị muốn rắp ranh làm ông nghị, bà nghị đã bị trượt vô chuối.

Chuyện nhà vệ sinh đã lên đến cấp các ông nghị. Rồi nó có lúc nâng cấp lên hàng chính khách bậc trên. Đi vào các loại tiểu lâm mà giới chính khách và ngoại giao ở New Delhi truyền tụng. Chuyện kể rằng có lần tổng thống Mỹ sang thăm Ấn Độ, xe hơi đưa ngài đi qua các bãi hoang các cánh rừng trong thành phố, đâu đâu cũng thấy những cái đầu nhấp nhô. Tổng thống Mỹ lo sợ có bọn khủng bố rình rập phục kích. Tổng thống Ấn ngồi bên cạnh khẳng định đây là xứ sở an toàn nhất thế giới, không bói đâu ra khủng bố, hễ thấy khủng bố cho bắn vài đạn. Thế là tổng thống Mỹ giật ngay khẩu tiểu liên của vệ sĩ ngồi cạnh, lia một tràng. Mấy chục người Ấn đi đồng sáng hôm ấy chết oan.

Rồi cũng có lúc tổng thống Ấn sang Mỹ thăm đáp lễ. Tổng thống Mỹ cũng bảo đây là đất nước an toàn nhất thế giới, không bói đâu ra khủng bố, thấy khủng bố cho bắn vài đạn. Vãi ngay. Lần này là ông khách bắn. Bắn vào một cái đầu nhấp nhô trong bãi hoang bên đường. Cuộc báo thù trên đất Mỹ cho những mạng người Ấn vô tội.

Sáng hôm sau, báo chí đồng loạt đưa tin: ngày hôm qua đại sứ Ấn bị trúng đạn trong lúc đi vệ sinh.

## ***Xứ Âu***

Vào thăm những tòa lâu đài, những hoàng cung cổ, du khách đi qua tòa ngang dãy dọc, những bức tường thành, những tranh tường hoành tráng, những đèn chùm lộng lẫy, những thiết bị nội thất xa xỉ bằng vàng bằng bạc. Cổ kính. Vĩ đại. Tuyệt vời. Xong. Chiêm ngưỡng xong ra về, bước chân đi mà thấy thiếu thiếu một cái gì.

Du khách cứ đi đi, cứ thăm viếng nhiều hoàng cung và lâu đài đi, rồi cứ lúng lờ một câu hỏi trong đầu mà không thể biết thiếu thiếu cái gì đâu! Chẳng qua tác giả đã dẫn dắt người đọc tuần tự đi trong văn cảnh này, cho đến lúc này, nên người đọc khá dễ dàng đoán ra. Những nơi tột cùng phô trương xa xỉ ấy thiếu một thứ.

Cái toilet.

Ừ nhỉ, ngày xưa vua chúa không ị hay sao? Các hoàng thân quốc thích không ị hay sao? Vô lý không có lẽ. Phòng ốc phân chia rành mạch cho từng người, từ Vua, Hoàng hậu, Hoàng tử, Công chúa, cho đến người thân thích, cho đến cung nữ nô tì, nô tài. Không thấy bóng dáng một cái phòng nhỏ, một hốc nhỏ làm chỗ vệ sinh. Nhưng mà vẫn có, đấy là toilet di động. Những cái xô rải tro trấu, Vua lẫn Hoàng hậu ị vào đấy, nô tì thị nữ rải lên trên chất thải một lớp tro trấu rồi mới bê đi. Bê đi tức là di động. Cung điện lúc nào cũng thơm tho. Và chẳng ai có thể tìm ra một cái toilet trong ấy.

Lỗi này là lỗi của chủng tộc Aryan, vốn được coi là chủng tộc thượng đẳng. Người thì bảo họ xuất phát từ vùng Caucasia. Người thì bảo họ từ xứ Ba Tư cổ đại. Họ di cư du cư vòng qua Trung Á đến Nam Á, hợp chủng với dân bản địa mà ra người Ấn bây giờ. Những nhánh khác thì sang đến tận châu Âu, thế cho nên có thời người Đức mới tự hào nhận mình là dòng giống Aryan. Tác giả thì lại nhìn thấy trong đám thanh niên bị nguyên rửa trước nhà vệ sinh công cộng Ấn Độ gần năm nghìn năm trước có mấy chàng về sau di cư sang châu Âu. Lại hợp chủng với dân bản địa. Con cháu họ lớn lên vẫn chịu lời nguyên, vẫn quên, không biết toilet là cái gì. Bằng chứng đấy, trong các hoàng cung cổ và các lâu đài.

Thế kỷ mười bảy mười tám các thành phố Tây Âu là nơi hôi hám nhất. Nhà riêng hiếm có toilet. Có gì cứ tổng hết vào bờ. Bê bờ ra đường, đổ tóe xuống cống rãnh. Các bãi rác là nơi lổn nhổn những phân cùng tiểu. Cống thì không có nắp. Vô phúc cho đứa nào ban đêm đi ra đường, lẫn mò loạng quạng trên những đường phố tối, rồi sa chân xuống những cái cống lộ thiên.

Có nhiều kẻ bị sa chân như thế. Rơi một lần, tởm một đời. Chúng chạy mất mật, chạy tuốt sang châu Mỹ, khai hoang vùng đất mới, xây đắp nhà cao cửa rộng. Không ở đâu chúng quên xây toilet ngay trong nhà, thậm chí xây ngay cạnh phòng ăn buồng ngủ.

## ***Xứ Mỹ***

Cả một văn minh toilet. Cả một công nghệ toilet. Có kiến trúc sư chuyên thiết kế toilet. Vẫn còn vấn đề này nọ với toilet, nhưng trình độ toilet đã lên đến mức độ cao trong giới thượng lưu. Phòng vệ sinh rộng mênh mông, có thể xem tivi, nghe xiđi, hoa khô trong giỏ tỏa mùi, hoa tươi trong lọ khoe sắc, giá sách trong tầm tay mời mọc. Bồn vệ sinh thì có nút ấn nút bấm, đo nhiệt độ cơ thể, phun nước theo kiểu mưa bụi

mùa xuân hoặc xả nước như mưa rào mùa hạ, bàn chải mềm kỳ cọ và máy sấy sấy khô...

Trong toilet công cộng trường Đại học Tổng hợp, đang ngồi là hậu duệ của mấy người ngày xưa bị rơi xuống cống thối châu Âu. Toilet ở đây không còn mùi. Có thể ngồi yên trong ấy cả buổi, trốn học, trốn thầy. Có thể chỉ đơn giản là thích vào đấy ngồi mà tư duy. Vào đấy mà vẽ lên tường. Ai khó tính bảo đấy là bọn vandal phá hoại công trình công cộng. Ai dễ tính bảo đấy là nghệ thuật bôi tường graffiti. Đại học rồi, xú văn minh rồi mà vào đến toilet, cứ thấy tường không tường trống là bôi. Có khi không bôi thì khắc ghi thông điệp hằn hoi. Thông điệp dưới hình thức thi ca. Lại minh triết nữa:

Someone comes here to sit and think/ Other comes to shit and stink/  
And I come here to scratch my balls/ And read the teachings on the wall.

*Kẻ vào đây ngồi mà nghĩ suy/ Kẻ vào đây mà ị mà xì/ Ta vào đây gãi củ  
gãi cà/ Đọc trên tường những giáo huấn cao xa.*

### ***Xứ Luy Lâu***

Một thương nhân và một nhà sư Ấn Độ theo thuyền buôn vượt biển đến xứ này. Địa điểm: một ngôi chùa đầu đó vùng Kinh Bắc ngày nay. Thời gian: thế kỷ thứ nhất của Công nguyên. Chiều tối thương nhân và nhà sư đều có nhu cầu xả bỏ. Vị sư trụ trì chùa bản địa bèn dắt hai vị khách ngoại quốc ra góc vườn chùa. Một cái lều che lá chuối, trời khô ráo thì tránh được nắng nhưng trời mưa chắc chắn mưa giột coong coong xuống đầu. Không cần có biển đề thì cách xa mười bước đã có thể theo mùi mà biết chức năng của cái lều.

Cả hai vị khách ngoại quốc vừa mới đến cách ba bước ăm mùi đã xua tay. Thôi thôi, bạch thầy gần chùa có bãi hoang hay cánh đồng thì xin thầy dẫn chúng tôi ra đó. Đây. Chỉ vài chục bước chân. Hai vị đi theo ta.

Ngày đầu tiên của thương nhân Ấn Độ đến xứ Luy Lâu buôn bán kết thúc ở đây. Cánh đồng. Mênh mông bát ngát. Gió trời thông thoáng. Cỏ bên dưới dập dờn mơn man. Thương nhân Ấn Độ tức cảnh sinh tình mới hỏi ai là người to nhất vùng này? Dạ thưa, đó là ông tiên chỉ, ngày trước được vua ban tước quận công. À, quận công là thứ nhất, thầy trò ta ngồi đồng thể này là thứ hai đấy. Thứ nhất quận công, thứ nhì ị đồng, thứ bậc cú thể mà sắp xếp.

Nhờ chuyến đi vệ sinh của hai vị khách xứ Ấn, cả xứ Luy Lâu rồi lên cả xứ Phong Châu, tập quán quận công lan tràn từ ruộng vườn lên đến rừng cọ đồi chè. Rồi lan xuống châu thổ sông Hồng, rồi sau này lan vào phương Nam đất mới. Còn có cả hình thức quận công di động, tức là đại tiện trên tàu hỏa, tha hồ lộng gió thời đại. Thói thường cái gì đẹp tốt thì vợ vào mình, cái gì xấu dở rệt cho ngoại bang. Ghê thì nhất định là ghê tàu, bệnh ngoài da thì nhất định là hắc lào, gió nóng ngọt ngọt là gió lào, quả hồng xam xám xâu xấu thì dứt khoát là hồng xiêm... Đến thời văn minh, ai cũng chê thói quận công, chắc chuyện đi đồng phải được gọi là ị Ấn.

Chính trên mảnh đất có bàn chân thương nhân và nhà sư Ấn, để đến hai nghìn năm sau, đồng bào không ai nhớ dáng hình cái nhà vệ sinh nó ra thế nào. Thời mỗ ma giặc Pháp, bà con có để ý không bao giờ bọn thực dân ị đại gì. Không thấy chúng đi đồng đã đành, trang trại của chúng cũng không thấy nhà vệ sinh trong góc vườn hay trên cầu ao. Đúng là bản chất thực dân, chỉ có vợ vét bóc lột mà không chịu lại quả, chỉ có biết ăn mà không biết ị. Một bí ẩn không có lời giải đáp suốt gần một thế kỷ thuộc Pháp. Cho đến khi cách mạng mùa thu 1945, đồng bào tấn công vào dinh thự của bọn thực dân và tay sai của chúng. Trời ơi, lũ mọi rợ, chúng nó xây chuồng chồ ngay cạnh phòng ăn buồng ngủ, chúng nó ăn tại chỗ ị tại chỗ, đúng là bọn cứt dài hơn người. Khai hóa văn minh mà hóa ra bản thủ man rợ hạng nhất.



Ngay giữa đất kinh kỳ trảng an thủ đô, tấm ảnh Ngô Gia Ngư chụp năm 1949, thời Pháp tạm chiếm, lưu cảnh người phu kéo chiếc xe bò chạy qua cái ngõ hẻm. Một tấm ảnh đẹp về bố cục, đẹp về ánh sáng mộc. Trên bức tường có mấy dòng chữ, thoáng nhìn tưởng là chữ kêu gọi nhân dân đấu tranh biểu tình gì gì, nhìn kỹ thì đọc ra được:

Dòng trên: Những kẻ khốn nạn đái ở đây.

Dòng dưới nhỏ hơn: Muốn đái về nhà.

Uất ức đến mức phải viết khẩu hiệu lên tường ngõ như vậy.

Bây giờ nghe kể chuyện mọi rợ thời mỗ ma giặc Pháp, ai cũng bảo là chuyện tiểu lâm. Tác giả xin đứng ra mà đảm bảo rằng đó là chuyện thật trăm phần trăm, một cụ bạc tiền chỉ kể cho nghe. Cụ mới kể đây thôi, trong một chương trình kể chuyện đấu tranh cách mạng giành chính quyền. Đám con cháu và bạn bè sinh viên của chúng nó từ thành phố về để ghi chép học tập. Rồi cụ kể về thời chiến tranh, thiếu phân bón hóa học, bao nhiêu sáng kiến nảy ra. Anh về phân bắc phân xanh đẩy làng... là sáng kiến thời kỳ này. Lấy lá diền thanh, lá xoan đem ủ rồi bón vườn bón ruộng. Đấy gọi là phân xanh. Phân bắc thì được vận động làm hố xí hai ngăn, ủ tro, quý như vàng. Xuất hiện khái niệm hố xí hai ngăn từ đấy.

Gần một tuần, đám thanh niên sinh viên tình nguyện mùa hè xanh ở ngay trong nhà cụ. Ngôi nhà cao nhất làng, to nhất làng. Bốn tầng. Xây được là nhờ vợ chồng thằng con trai, cả hai đứa đều đi lao động ở xứ Âu về. Họ phá cái nhà tranh giột nát, xây lên một căn nhà bốn tầng. Như cung điện. Đồ đạc tiện nghi không thiếu thứ gì.

Chỉ thiếu mỗi một thứ.

Đám thanh niên tình nguyện mùa hè xanh nháo nhác cả lên. Đám sinh viên kết hợp tổ chức ghi chép kỷ niệm đấu tranh cách mạng ngo ngác cả ra. Ngay sáng đầu tiên chúng sùng sục đi tìm.

Có mà tìm giời. Tìm cái kim may ra còn thấy. Đố ai tìm ra được cái toilet ở vùng này.

Đi đâu? Nặng hay nhẹ? Chủ nhà chỉ vẽ ngay. Nhẹ thì ra ộp cây ngoài vườn. Nặng thì vào chuồng lợn.

Phải vào chuồng lợn thật. Ngồi bập bênh trên một tấm ván rung rinh luôn thừa cơ hất ngược người ngồi vào bên trong chuồng lợn. Con lợn to đùng, cỡ một tạ, ục à ục ịch ngay sau mông, sẵn sàng đón đỡ người chẳng may rơi xuống, đúng kiểu chị ngã em nâng. Hơi phân chuồng đậm đặc như hơi ngạt. Thoát được ra rồi, chạy ra ngoài rồi, bảo nhau giá mà nhịn được cả năm ngày thì nhịn luôn về Hà Nội.

Hội thảo thế là chuyển đề tài. Đành rằng cứ bảo ngôn ngữ Ấn không có từ nhà vệ sinh. Tiếng ta gì cũng có, phong phú phỉ nhiêu hần hoi. Thậm chí có cả những từ mà ngôn ngữ khác không thể có từ tương đương. Chuồng chồ, chuồng tiêu, chuồng cầu, chẳng hạn. Người ta có toilet, lavatory thì mình có từ nhà vệ sinh, người ta có từ rest-room thì mình có nhà hỉ xả, the loo thì mình là nhà tiêu nhà phệt. Họ gọi là latrine thì ta gọi là nhà xí công cộng. WC thì gọi là nhà xí máy, tự xả nước như máy mà tiêu. Bình dân thì WC cứ gọi là William Cường, một anh Việt kiều yêu nước tên gốc là Cường. Hay là bất cứ ai có cái tên gốc bắt đầu bằng chữ xê. Cam, Can, Cảnh, Cát, Cầm, Cậ, Cẩn, Côn, Công, Chân, Chi, Chương, Chiến, Chung... Vân vân và vân vân. Trong đoàn có mấy cậu tên Cường tên Chiến, một cậu họ Cao, một cậu họ Chu. Năm ngày ở trong cái nhà bốn tầng không toilet, đám thanh niên hể phải đi thăm con lợn, lại bảo nhau đi thăm anh William Chiến, William Cường hoặc thăm ông William Chu, William Cao.

Cái WC bên Hồ Gươm lần đầu tiên xây được là cả một sự kiện. Trước đó, đi dạo một vòng Hồ Gươm chu vi 1,7 cây số, toát mồ hôi mà không một chỗ giải thoát bàng quang. Về lý, đã toát mồ hôi thì thôi bài tiết đường tiểu. Nhưng mà vẫn đẩy kẻ ngồi thụp bụi cây đứng áp thân cây. Thế mới phải xây một cái nhà vệ sinh thật hoành tráng. Một cô má phấn môi son ngồi thu tiền. Vào trước tính tiền sau. Đi nhẹ một hào đi nặng

hai hào. Có chàng bóng bầy đi ra chia một hào, tôi đi nhẹ. Cô thu tiền vặn lại, nhẹ sao lâu thế? Dạ, tôi bị bệnh đái dầm.

Cái nhà vệ sinh ấy, nghe đâu thiết kế hiện đại nhất thập kỷ 80 thế kỷ XX. Có điều hòa nhiệt độ, có cảm ứng điện từ xác định được thành phần xuất thân, sở thích, sở trường của người sử dụng. Ví dụ, nếu khách xuất thân từ vùng quê cầu tôm, quen rung rinh trên mấy nhịp cầu tre, lúc vào ngồi trong ấy sẽ được vây giữa màn hình cực lớn bốn chiều, hiện lên cảnh sông nước mênh mang, cầu tre lắt léo, cá tôm lượn lờ rình đớp mồi. Quê hương cứ thế mà hiện lên từ ký ức và màn hình. Thích gì màn hình và âm nhạc chiều nấy.

Khánh thành, bao nhiêu chúc sắc bốc thăm để được làm công dân số một của cái WC này. Người đầu tiên trúng thăm là Tổng Giám đốc một công ty đóng trên đô thị. Ông này máu me thơ phú âm nhạc. Ở cơ quan, ông sáng tác thơ, sau đó tự phổ nhạc, bài tổng công ty ca, cả công ty phải thuộc lòng. Khi hát buộc toàn bộ cơ quan phải đứng mà hát, không ai được phép ngồi trước âm nhạc thiêng liêng. Bây giờ ông xăm xăm đi vào WC hưởng suất đầu tiên trong tiếng pháo nổ và lời chúc tụng. Mười lăm phút không thấy ông ra. Ba mươi phút không ra. Một tiếng không ra. Quan khách bên ngoài từ bản khoản, tò mò suy đoán, chuyển dần sang bức bối, rồi lo sợ. Chắc có sự cố hơi ngạt, sự cố về điện hoặc bụng dạ chủ thể. Phá cửa xông vào giải cứu. Màn hình đang hiện hình lá cờ tổng công ty tung bay phấp phới, bài tổng công ty ca dào dạt hào hùng. Cờ cứ bay và nhạc cứ liên hồi non-stop không chịu dừng. Về phần ông tổng, quần đã kịp tụt xuống đến đầu gối, nhưng chưa kịp ngồi, cứ phải đứng nghiêm trang trước thứ âm nhạc non-stop không ai được phép ngồi. Một tiếng đồng hồ.

Khi mới vào truyện, tác giả đã giơ ra mấy cái địa danh mà hứa hẹn với độc giả. Bây giờ rà soát lại, thấy còn thiếu một địa danh. Chẳng thấy nước Đức ở đâu như đã hứa. Xin trả lời rằng, nước Đức dính líu ở chính

cái cặp vợ chồng đã xây căn nhà bốn tầng mà từ tầng một đến tầng bốn không có toilet. Cặp vợ chồng ấy đi Đức lao động xấp xỉ chục năm, thu nhập rồi dồn bù hồi hương đủ xây mấy cái nhà như vậy. Nhưng mà xây nhà thì xây, dứt khoát muôn đời chúng i-em không xây toilet. Độc giả mới chất vấn mấy cái ông Đức từng ấy năm trời không chịu dạy dỗ cho người thế giới thứ ba được tí văn minh nào ư?

Mấy ông Đức mới cả cười mà rằng hãy hỏi hai ông bà chủ nhà, ngần ấy năm đi Đức mà không chịu học được gì hay sao?

Người đổ tại không chịu dạy, người đổ tại không chịu học. Hòa.

Đất lề quê thói, quê chúng i-em đừng tưởng cứ cạy đi Tây về mà xây chuồng xí, rõ là học đòi kiểu cách, ở xứ này, khi nào không còn gì để làm nữa thì xây toilet mới là việc cuối cùng trong đời. Đừng có ném phao cho giặc chìm. Đời còn khối kẻ ị không được cứ ôm lấy cái chuồng xí. Ngụ ngôn. Triết lý đậm đà bản sắc.

*H.A.T*

# Tiếng súng giữa rừng

(SH số tháng 4 - 2010)

Những ngày cuối năm 1970. Hướng chiến dịch của mùa khô mới đã được xác định. Dịch sẽ huy động một lực lượng lớn các đơn vị quân chủ lực tinh nhuệ phối hợp với quân ngụy Lào, có sự chi viện tối đa hỏa lực pháo binh và không quân Mỹ để tiến hành một cuộc hành quân quy mô dọc đường Chín nhằm cắt đứt hành lang vận chuyển chiến lược của ta, sau đó sẽ nổ ra đánh phá đường giao thông và các kho tàng hậu cần của tuyến đường Trường Sơn vùng Trung - Nam Lào.

Về phía ta, Bộ tư lệnh chiến dịch đã hình thành một thể trận phản kích trong thế chủ động, sử dụng khối bộ đội chủ lực cơ động tác chiến hiệp đồng binh chủng kết hợp với lực lượng tại chỗ của các mặt trận B4, B5 và bộ đội Đoàn 559, quyết tâm bảo vệ bằng được tuyến vận chuyển chiến lược cùng các cơ sở hậu cần, đồng thời tiêu diệt và làm tan rã ở mức cao nhất lực lượng quân chủ lực ngụy. Mặc dù vẫn còn lác đác những cơn mưa cuối mùa và nền rừng đang sưng nước, nhưng bên dưới tấm thảm xanh mênh mông của rừng Lào, không khí chiến dịch đang nóng lên từng ngày.

Ở trung đoàn 92, các tiểu đoàn bộ binh và hỏa lực vẫn lặng lẽ ém

quân trong những khu rừng dưới chân núi Pu Leng, nhưng các cán bộ chỉ huy từ cấp tiểu đoàn trở lên cùng tham mưu, trinh sát đang tất bật gấp rút lên đường trinh sát thực địa. Mặc dù đã được phổ biến kế hoạch tác chiến chiến dịch, nhưng ban chỉ huy trung đoàn vẫn hết sức lo lắng. Trong đội hình sư đoàn, trung đoàn 92 được sử dụng như một đơn vị dự bị cơ động, sẵn sàng đánh phản kích để bảo vệ các kho hậu cần dọc tuyến đường 22 nếu địch từ đường Chín tiến vào khu vực Mường Noọng - A Luối, đồng thời phải chuẩn bị phương án đánh chặn các tiểu đoàn quân nguy Lào tiến từ hướng Tây Nam lên. Công tác chuẩn bị chiến trường buộc phải chia làm hai hướng. Trung đoàn trưởng phụ trách đoàn cánh Nam đi về hướng Pha Đo Tuya, còn đoàn của tham mưu trưởng Đặng đi lên hướng Bắc.

\* \* \*

Đài quan sát của đoàn chuẩn chiến cánh bắc đặt trên đỉnh một ngọn núi được ghi trong bản đồ là điểm cao 323. Ở đây vào những ngày nắng, qua ống nhòm bội số lớn có thể quan sát cả một vùng rừng rộng từ sông Sê Bông Hiêng ra tới sông Sê Pôn. Nhưng vào mùa này những ngày trời trong rất hiếm hoi. Hầu như suốt ngày sương mù phủ trắng trên những cánh rừng và mây lấp đầy các khe núi. Ngay cả những ngày tạnh ráo, cũng chỉ có thể quan sát tầm xa trong vài giờ vào buổi chiều.

Chỉ để một tổ chốt ở đài, Đặng chia đoàn thành nhiều toán hỗn hợp chỉ huy - tham mưu - trinh sát, len lỏi trong các cánh rừng trải dài hai bên đường 22. Trung đoàn đã nhiều năm hoạt động ở chiến trường Trung - Nam Lào, địa hình ở đây không phải xa lạ, nhưng quy mô chiến dịch lần này khác với những năm trước. Ý đồ chiến thuật cho những trận đánh sắp tới hoàn toàn tùy thuộc vào diễn biến của chiến dịch, đòi hỏi công tác trinh sát phải hết sức tỉ mỉ chính xác để có thể xác định phương án tác chiến cụ thể và linh hoạt. Đặng nhắc các toán trinh sát đặc biệt chú

ý nghiên cứu kỹ lưỡng những con đường địch có thể cơ động tăng, thiết giáp, những cao điểm trực thăng có thể đổ quân, cầu pháo đến đặt trận địa hỏa lực hoặc xây dựng căn cứ phong tỏa...

Trong những ngày ấy, trên lớp lá rụng mục ải bốc mùi ẩm mốc phủ dày nền rừng già, dấu chân của các toán trinh sát và của thám báo ngụy giẫm đè lên nhau. Những lối đi vô hình của ta và địch đan cài ngang dọc bên dưới tán cây rừng. Đã có đôi lần chạm mặt nhưng cả hai bên đều cố né tránh, hạn chế nổ súng. Địch không muốn để lộ ý đồ cuộc hành quân. Phía ta, ngoài việc giữ bí mật, còn phải tránh bắn lẫn nhau. Trong vùng chiến trường dự kiến, ngoài trinh sát của trung đoàn 92, còn có quân của các đơn vị bạn: trinh sát pháo binh, công binh, thông tin kỹ thuật, bộ đội binh trạm... Hầu hết các toán thám báo địch đều mặc trang phục giả bộ đội ta, trang bị tiểu liên AK, rất khó phân biệt khi chợt gặp trong rừng. Các trinh sát đều được phổ biến rất cẩn thận mật khẩu, ám hiệu quy ước thống nhất trong toàn sư đoàn và được thay đổi theo từng thời gian nhất định.

Sau hơn nửa tháng, đoàn của Đặng đã cơ bản hoàn thành công việc. Anh cho phần lớn đoàn rút về hậu cứ, chỉ để lại hai trợ lý tham mưu và tiểu đội trinh sát của Cương.

\* \* \*

Mãi gần trưa nắng mới hừng. Sương mù tan dần, những ngọn núi như trôi lên từ trong sương, trên đỉnh nhuộm nắng vàng hươm. Tham mưu trưởng Đặng mở nắp hộp da lấy ống nhòm đưa lên mắt, chỉnh tiêu cự chăm chú quan sát các điểm cao phía nam sông Sê Pôn. Anh muốn soát lại lần cuối toàn cảnh vùng chiến trường sẽ diễn ra trong dự kiến để quyết định một phương án tác chiến thích hợp.

Mặt trời lên cao, màu mây trắng bạc chói nắng đến nhức mắt. Trước cửa lán đài quan sát, Thái khum bàn tay che mắt dõi theo chiếc OV.10

nãy giờ vẫn lượn đi lượn lại trên vùng trời phía nam Bản Đông, tiếng động cơ u u rền rĩ lúc gần lúc xa nghe khó chịu như có con nhặng vo ve quanh quẩn đầu bên cạnh. Sau lưng Đặng, hai cán bộ tham mưu đang cúi đầu trên tấm bản đồ đưa đầu bút rà theo những kí hiệu chi chít, rì rầm trao đổi với nhau.

- Vừa rồi cậu nào điều nghiên cái 551? - Đặng chợt hỏi, mắt vẫn không rời khỏi ống nhòm.

- Tôi, anh ạ! - Một trợ lý tham mưu trả lời - Tôi đi với trinh sát D3.

Đặng buông ống nhòm, quay lại ngồi xuống bên tấm bản đồ:

- Địa hình ở đấy thế nào?

Trợ lý tham mưu hơi nhú mày như để nhớ lại:

- Mỏm này trên đỉnh khá rộng, tương đối bằng phẳng. Không có cây cao, chỉ cỏ gianh với cây bụi lúp xúp. Sườn phía sông Sê Pôn khá dốc, phía nam và tây nam thoải thoải.

- Tăng PT82 lên được không? - Đặng hỏi tiếp.

Trợ lý tham mưu lúng túng:

- Tôi cũng... chưa tính tới. Có sơ đồ đây anh ạ! - Anh nói, rồi lật loạt soạn xấp sơ đồ, rút ra một tờ đưa cho tham mưu trưởng.

Đặng không trách cấp dưới của mình. Đây là lần đầu tiên sư đoàn chiến đấu có xe tăng tăng cường, chính anh cũng vừa nhận được thông báo qua điện mật. Nếu có tăng phối thuộc sẽ sử dụng ở đâu? Trong điều kiện nào? Chưa hẳn trung đoàn đánh ở hướng này, nhưng tài liệu trinh sát tỉ mỉ sẽ rất cần cho sư đoàn. Đặng chăm chú nghiên cứu bản sơ đồ, suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Theo mình, vị thế của 551 rất quan trọng. Nếu địch lập ở đó một cứ điểm vừa che chắn được sườn nam cho mũi tiến quân lên Bản Đông, vừa phong tỏa đường 22, đồng thời có thể làm bàn đạp để tiến về hướng Mường Noọng - A Sầu - A Lưỡi... - Anh ngẩng lên gọi - Cương ơi, dậy đi!



Tiểu đội trưởng Cương đang ôm súng ngồi tựa góc lán ngủ ngon lành, nghe gọi liền bật dậy đưa tay dụi mắt. Đặng cười:

- Thèm ngủ lắm hả? Thôi, chịu khó vậy. Mình có việc cho cậu đây!

Cương bước tới, ngồi xuống trước mặt tham mưu trưởng. Đặng đưa tay chỉ một điểm trên bản đồ:

- Cậu chọn lấy một tổ, làm kỹ cho mình cái 551. Thật chi tiết! Trên đỉnh địa hình địa vật thể nào? Dài rộng bao nhiêu? Trục thẳng đáp xuống cùng lúc được mấy chiếc? Có thể cấu tạo cứ điểm kiên cố được không? Nếu địch đặt ở đây pháo cỡ 105, 155 tầm khống chế sẽ ra sao? Tìm hiểu sườn điểm cao về tất cả các hướng, xem hướng nào tăng PT82 của ta có thể lên. Tìm đường cho tăng đi. Nghiên cứu kỹ cấu tạo địa chất, độ dốc, độ lún, suối, hẻm núi, khe cạn; chú ý vật cản như cây, đá tảng phải ở mức độ công binh có thể bí mật khắc phục được... Ghi chép, vẽ sơ đồ cẩn thận. Thời gian năm ngày. Được không?

Cương nhoeo cười, anh hiểu đó là mệnh lệnh chứ không phải câu hỏi. Đặng quay sang nói với hai cán bộ tham mưu: “Có gì ăn không? Ăn xong ta về luôn. Ở nhà còn bao nhiêu là việc, sẽ bận tối mắt tối mũi lên chứ chả chơi đâu!”

\* \* \*

Thái trải tờ giấy, chỉnh cho mép dọc trùng với hướng bắc - nam của kim địa bàn rồi bắt đầu vẽ sơ đồ tổng thể điểm cao 551. Bên cạnh anh, Thắng loay hoay ráp các mảnh sơ đồ từng phần mà ba người đã vẽ phác để ghi nhớ trong hai ngày qua. Cậu vuốt phẳng một tờ nhàu nát lấm lem đất, bần khoản nhìn những nét vẽ, miệng lẩm bẩm: “Tờ này vẽ phần nào nhỉ?”. Tiểu đội trưởng Cương đang ngồi xem lại những ghi chép trong cuốn sổ tay, nghe vậy ghé mắt nhìn sang:

- Môm đông bắc, chỗ dốc đứng. Phần này cậu vẽ chứ còn ai!

- Ủ nhỉ! - Thắng gãi đầu cười khi - Mấy hôm nay đầu óc cứ lú lẫn thế nào ấy! Mà dạo này tay em cứng quèo, nét vẽ không còn mềm mại như trước. Hồi còn đi học, em vẫn nổi tiếng là người có hoa tay nhất trường đấy!

Cương tủm tỉm:

- Chỉ khoác! Cậu hoa mắt hoa mũi thì có, lấy đầu ra hoa tay!

Thắng giãy nảy:

- Em nói thật đấy! Hồi đó em đã mơ sau này làm họa sĩ. Đi đâu em cũng mang theo tập giấy vẽ và hộp chì màu, gặp gì thích là vẽ. Đám bạn phục lẫn, đứa nào cũng bảo em có năng khiếu.

- Lấy cho mình những tờ sutton nam. - Thái nói, tay đưa bút họa nhanh mấy đường cong bình độ.

- Đây anh! - Thắng đặt mấy tờ sơ đồ trước mặt Thái, tiếp tục tán róc - Suốt ba năm học cấp ba, em làm “họa sĩ chuyên nghiệp” chuyên trang trí cho tờ báo tường của lớp. Báo tường lớp em lần nào cũng đứng nhất toàn trường. Còn em mà vẽ mẫu thêu thì lũ con gái cứ gọi là thích mê. Dạo ấy con gái đứa nào cũng đua nhau thêu khăn tay, không phải để dùng mà đem tặng người thân: anh trai, bạn trai, người yêu... Anh Thái này, trên đỉnh đồi có mấy chỗ trũng hình yên ngựa, anh nhớ chưa? - Thấy Thái gật đầu, Thắng lại liến láu kể - Cuối năm lớp mười em bận tối mắt tối mũi. Dạo ấy cả nước rùng rùng ra trận, thanh niên trai trẻ lớp lớp nối nhau nhập ngũ. Hầu như con gái toàn trường đều đưa khăn đến nhờ em vẽ mẫu. Phổ biến nhất là hình chim bồ câu ngậm phong thư, khi một con, khi hai con. Còn mấy đứa nhờ vẽ cặp bồ câu cùng tha hai trái tim lồng vào nhau thì cứ lén lén lút lút, chẳng là các nàng thêu khăn tặng người yêu. Thành ra kỳ thi năm ấy em phải thi lại hai môn. Anh tính suốt ngày suốt đêm phải bò ra vẽ cho kịp, thời gian đâu mà ôn bài...

Cương phì cười:

- Cậu bịa đến khiếp! Học dốt thì cứ nói dốt, chứ chỉ vẽ mấy con bồ câu nhỉnh bằng con tôm, làm gì bận đến thế!

- Em mà bịa a? - Thắng cãi - Không tin lúc nào về quê em, anh hỏi thử xem! Mà đâu chỉ có khăn. Các chị các cô trong làng trong xã còn tới “đặt hàng” em vẽ mẫu thêu áo gối. Chiến tranh, anh nào cũng tranh thủ cưới vợ trước khi ra mặt trận...

- Sao cậu không cưới lấy một cô?

- Em thì... - Thắng gãi đầu ngượng ngùng - Lúc đó em mới mười tám tuổi...

- Thế cậu có người yêu chưa?

- Em cũng có... à mà... chưa...

- Một là có, hai là chưa, sao lại “à mà”?

Thắng lúng túng ngập ngừng một lúc rồi kể, giọng không còn liến thoắng như trước:

- Hồi ở quê em có cô bạn thân lắm, lại rất xinh, tên là Thảo. Nhà cô ấy ở xóm trên, em xóm dưới, nhưng hai đứa từ hồi nhỏ đã cùng nhau đi chăn bò ngoài bãi sông. Bãi sông quê em đất phù sa màu gan gà, đi chân đất cứ mát rượi, êm như nhung. Ở đó vào mùa nước cạn người ta thường trồng rau cải. Đến vụ hoa, dọc bãi cứ vàng rực cả lên... - Thắng ho húng hắng, lại kể tiếp - Mấy năm học cấp ba hai đứa không còn đi chăn bò nữa, nhưng cùng đến trường, học cùng lớp, ngày nào cũng gặp nhau. Cho đến năm lớp mười, những hôm phải nghỉ học không gặp, em cứ thấy bồn thần... Rồi em nhận ra cả cô ấy cũng vậy, thỉnh thoảng lại cầm vở chạy từ xóm trên xuống để hỏi về một bài toán bài hóa nào đó mà em biết Thảo thừa sức làm được. Cô ấy học giỏi hơn em nhiều... Quả thực lúc đó hai đứa chưa nói gì với nhau nhưng trong đầu em cứ vấn vương nghĩ về Thảo, rồi nhớ nhớ mong mong đến nôn nao cả người... Buổi chiều cuối cùng trước ngày em nhập ngũ, Thảo đến nhà rủ em ra

bãi sông... - Thằng chớp chớp đôi mắt ướt ướt - Dạo ấy vào vụ cuối đông gió heo may se lạnh, bãi sông vàng rực hoa cải. Đến bây giờ em vẫn như nhìn thấy cô ấy đứng trước mặt, ánh mắt sâu hun hút, đôi má ửng hồng, mái tóc dài bay bay... Phía sau Thảo là thảm hoa vàng dập dờn như sóng, sau nữa là dòng sông xanh, rồi đến bờ đê phía bên kia xanh ngắt màu cỏ, đẹp không thể tả! Em vội rút tập giấy vẽ và hộp chì màu, bảo cô ấy cứ đứng yên như thế để em vẽ. Em đưa bút hối hả vẽ phác hết bức này đến bức khác. Lúc đó hình như “máu” họa sĩ nổi lên, em không còn nhớ tới thời gian, không nhớ chuyện ngày mai nhập ngũ. Hồn vía bay lên mây, em múa bút cố lột tả cho được vẻ đẹp của Thảo trên nền hoa cải dòng sông bờ đê... Mãi đến khi cô ấy vùng bỏ chạy, em mới giật mình bừng tỉnh. Em ngơ ngác nhìn theo, thấy Thảo vừa chạy vừa ôm mặt khóc. Bây giờ em mới nhận ra chiều đã muộn, mặt sông bắt đầu mờ sương... - Thằng bỗng im bặt.

Cương buông thông:

- Cậu thật ngốc!

- Vâng, đúng là em ngốc thật! - Thằng gượng cười - Lúc đó em nhìn xuống những tờ phác thảo, thấy chẳng bức nào ra hồn. Thế mới là ngốc! Từ đó em cách mộng họa sĩ.

Thái buông bút ngẩng lên hỏi:

- Chẳng lẽ trước lúc ra đi, cậu không đến xin lỗi cô ấy sao?

- Tối đó em đến, thấy cửa nhà Thảo đóng im ỉm. Em không dám gọi cứ đi tới đi lui đến tận khuya làm chó trong xóm sủa ran. Sáng hôm sau lên xe, em đưa mắt tìm mãi chẳng thấy Thảo đâu. Mãi lúc xe sắp lặn bánh, em gái cô ấy chạy tới đưa em gói giấy nhỏ, nói: “Chị Thảo gửi anh chiếc khăn”...

- Chắc là chiếc khăn tay thêu đôi chim bồ câu mỏ ngậm hai trái tim lồng vào nhau? - Cương hỏi.

- Không! Một chiếc khăn trắng tinh! - Thắng thở dài, mặt buồn thiu.
- Sau này cậu có viết thư cho Thảo?
- Có viết nhưng... không kịp! - Thắng nghẹn ngào - Thảo chết sau đó mấy tháng. Cô ấy trực 12 ly 7, bom đánh trúng trận địa...

\* \* \*

Tổ trinh sát của Cương đã hoàn thành nhiệm vụ khá suôn sẻ. Trong ba ngày, họ sục sạo khắp cao điểm 551, vẽ xong sơ đồ có đánh dấu ghi chú cẩn thận những chi tiết cần thiết, và tìm được ba con đường xe tăng có thể lên. Công việc hoàn tất, mọi người thở phào nhẹ nhõm. Sáng hôm ấy, họ quay về.

Đi được chừng cây số thì gặp một con suối nhỏ nước cạn, bờ bên này dốc đứng, phía bên kia thoải thoải. Lúc Cương vừa lội xuống nước, bên kia xuất hiện một toán người mặc quần áo bộ đội. Anh ngỡ ngợ, định hỏi mật khẩu thì toán thám báo đã bất ngờ nổ súng. Hàng tràng tiểu liên quất tóe nước, cắm phấm phập vào bờ dốc đứng. Cương bị bắn trúng ngay từ loạt đạn đầu tiên. Anh ưỡn người loạng choạng ngã úp mặt xuống suối, vùng máu đỏ từ từ loang ra trôi theo dòng nước. Thắng đang đứng trên bờ dốc, vừa kịp trút súng khỏi vai đã thấy đau nhói cả hai chân. Anh khụy xuống, cố ôm súng lăn tròn mấy vòng tránh đạn. Thái từ phía sau nhào tới, nép vào gốc cây bắn xả cả băng đạn vào đám người lố nhố bên kia suối, rồi xộc tới ôm Thắng chạy quay trở lại nằm nấp sau một gốc cây to: “Cậu bị ở đâu?”, Thái thay băng đạn hỏi nhanh. “Cả hai chân anh ạ! Chắc gãy xương...” Nhìn sang bên kia thấy bọn địch vẫn thập thò trên bờ suối, Thái di chuyển nhanh về phía dưới một quãng, bắn liên mấy loạt vào những lùm cây đang lay động. Bọn thám báo lập tức bắn trả, đạn bay rào rào. Thái bỏ nhanh lại chỗ Thắng nằm. Anh lấy dao găm xẻ hai ống quần, băng vội vết thương để tạm cầm máu, rồi hỏi: “Cậu còn

bắn được không?” Thắng mím môi gật đầu. Anh đỡ Thắng nằm sấp, đặt khẩu AK vào tay cậu, dặn: “Nấp ở đây. Nếu chúng tràn xuống suối, cố bắn cản, không cho chúng tới chỗ Cương. Tớ sẽ trở lại ngay”. Nói xong, anh xách súng chạy vội lên mé trên.

Thắng nén đau gác súng lên khúc rễ cây ngấm thử, rồi quờ tay rút ba quả lựu đạn đặt trước mặt. “Không biết anh ấy đi đâu nhỉ?”. Thắng nhìn về hướng Thái vừa chạy, bỗng hiểu ra: Thái sẽ vượt suối ở quãng trên đánh vào sau lưng bọn kia. Thắng phẩn chấn giương súng nổ mấy loạt vào mé rừng bên kia suối. Bọn địch bắn trả, tiểu liên nổ rền từng tràng, đạn bay ràn rạt cắt lá rụng lá tả. “Chỉ tổ phí đạn! Đố chúng mày làm gì được ông!” Thắng bình tĩnh điểm xạ nhịp đôi, hút sự chú ý của địch về phía mình. Nghe tiếng súng, anh đoán bọn chúng chưa đến một tiểu đội.

Mặt trời đã nhô khỏi ngọn cây, mé rừng bên kia suối sáng rõ hẳn lên. Từ chỗ nằm không nhìn thấy Cương, nhưng Thắng biết anh ấy đã hy sinh. Bằng mọi cách phải lấy được xác. Với lại toàn bộ tài liệu trinh sát đều do Cương giữ. Bây giờ mọi sự đều trông cậy vào anh Thái... Sao anh ấy lâu thế? Thắng cảm thấy như đã hàng giờ trôi qua. Bọn địch chần chừ, nhưng chúng sẽ đoán ra bên này chỉ có một tay súng... Anh định di chuyển vị trí bắn, nhưng vừa nhòe dậy vết thương đã nhói lên buốt đến tận óc. Thắng choáng váng, mắt nhòa đi. Nhìn sang bên kia chỉ thấy những quang sáng chập chờn, rồi chợt mấy ánh chớp bùng lên sáng lóa, lá cây bay tơi tả trong quang cát bụi. Trước lúc ngất lịm, anh còn kịp nghe tiếng AK nổ giòn giã từng loạt ngắn.

\* \* \*

... Trong cơn mê, Thắng có cảm giác như mình đang nằm trên một đám mây bông bênh trôi. Tiếng gió lướt rì rào bên tai, có cả tiếng cành lá xào xạc. Bên dưới anh dập dờn bãi sông nở đầy hoa cải vàng tươi sắc nắng. Bỗng đám mây tan ra, Thắng rơi thẳng xuống. Anh chơi vơi hụt

hẫng, căng người chờ sự đau đớn, nhưng khi chạm đất lại thấy êm ái như vừa ngã mình trên đồng rơm. Phải rồi, mình vừa rơi đè lên vạt cải đang trổ hoa. Hình như Thảo đang nấp đầu đó trong ruộng hoa, anh không nhìn thấy cô, chỉ nghe tiếng gọi văng vẳng: “Thắng ơ...ơ... ơi...”. Thắng giật mình tỉnh lại, mở mắt ra. Anh chỉ nhìn thấy màn sương trắng mờ đục, nhưng đúng là có ai đang lay gọi anh, tiếng gọi gấp gáp: “Thắng ơi, tỉnh chưa?” Thắng chớp chớp mắt. Màn sương tan dần, hiện lên rất gần trước mặt anh là khuôn mặt ngăm đen quen thuộc với đôi mắt mở to đầy lo lắng. “Anh Thái!”, Thắng reo mừng rỡ, giọng khản đặc. Thái thở phào:

- Cậu làm mình lo quá! Nào, uống chút nước cho đỡ khát. - Anh luôn tay nâng đầu Thắng lên, tay kia cầm bịch đồng ghé sát vào miệng cậu - Uống từng ngụm thôi, từ từ kéo sặc.

Thắng hớp mấy ngụm nước, hỏi:

- Thế còn anh Cương?

- Cương hy sinh rồi. Mình vừa công cậu ấy lên mé bờ suối.

Thắng nghẹn ngào:

- Cho em nhìn mặt anh ấy...

- Đừng cử động. Nằm yên để mình xem lại vết thương.

Anh không muốn để Thắng nhìn thấy tiểu đội trưởng của mình lúc này. Cương bị trúng hàng chục phát đạn, thân hình thùng lỗ chỗ bê bết máu, khuôn mặt vỡ toác lầy nhầy xương thịt, biến dạng đến không còn nhận ra. Cuốn sổ tay cùng bản sơ đồ cũng bị đạn xuyên thủng, lấm máu.

Hai vết thương của Thắng đều ở bắp chân. Chân trái bị đạn xé một vết dài hai đốt ngón tay; chân phải nặng hơn: viên đạn xuyên qua bắp chân, lỗ đạn ra toác thịt rách xơ nhầy máu. Thái lau sạch máu khô cùng bụi bẩn rồi nghiêng lọ cồn dốc vào cuộn bông, nói: “Chịu khó nhé! Sẽ rất buốt, nhưng đỡ lo nhiễm trùng.” Anh dùng bông tẩm cồn lau kỹ quanh miệng vết thương, Thắng nghiêng răng chịu đau, cơ hàm bạnh ra căng phồng,

khuôn mặt tái xanh lấm tấm mồ hôi. Thái đặt gạc lên vết thương, nhẹ nhàng quấn những vòng băng. Anh động viên:

- Cậu gặp may đấy! Bị ở phần mềm, không trúng xương. Chỉ dăm bữa nửa tháng là chạy nhảy được ngay ấy mà! Còn đau lắm không?

- Em... chịu được! - Thắng cố giữ giọng bình thản, chột ngột ngợ khi nhìn thấy những cuộn băng lạ mắt - Anh lấy đâu ra mấy thứ này?

- Cửa tụi thám báo. Có năm thằng. Mãi nhắm nhắm về phía cậu nên mình đến sát sau lưng mà chúng chẳng hay biết gì. Chắc bọn này cũng định mò lên 551, và không chỉ có một toán. Chúng mang theo cả máy truyền tin, tiếc là trúng lựu đạn hồng mất rồi. Nếu có máy, mình dò tìm tần số chúng gọi nhau sẽ biết thêm đôi điều... - Anh trầm ngâm - Mình nghĩ, anh Đặng nói đúng. Nếu chiến dịch nổ ra, nhất định địch sẽ đổ quân chiếm điểm cao này. Bằng mọi cách phải đưa được tài liệu trình sát về trung đoàn.

Thắng bảo:

- Để em lại đây, anh mang tài liệu về trước, rồi cho người quay lại đón.

Thái mỉm cười:

- Chẳng việc gì phải vội! Cậu với mình cùng về, đã nổ súng ngay đâu mà phải cuống lên! - Thái lấy ra một hộp thịt, dùng dao mở hộp xoáy tanh tách quanh một vòng, bật nắp đưa cho Thắng - Chiến lợi phẩm đấy! Cậu cố ăn rồi nằm nghỉ một lúc lấy sức. Mình đi lo cho Cương.

Nói xong anh xách súng đứng dậy đi luôn.

\* \* \*

Họ dừng một lúc bên mộ Cương. Nấm đất đơn sơ được bao quanh bằng những tảng đá bê từ dưới suối lên. Cho đến lúc này Thái vẫn chưa biết quê Cương ở đâu. Anh về tiểu đội mới một tháng, chỉ chú ý đầu vào công việc, không quan tâm đến điều gì khác. Thái cảm thấy như mình có



lối với Cương, dù biết trong hoàn cảnh này chẳng thể làm gì hơn được. Trên lưng Thái, Thắng đang khóc lặng lẽ, mấy giọt nước mắt rơi xuống gáy anh nóng hổi. “Ta đi thôi!”, Thái ngậm ngùi nói. Anh công Thắng đi men bờ suối tìm lối xuống. Phía bên kia suối mấy con diều hâu đang lượn vòng vòng, chúng đã đánh hơi thấy mùi xác chết của bọn thám báo.

Mặt trời ngả về chiều, nắng lốm đốm trên nền lá rụng. Xung quanh yên ắng, chỉ có tiếng chim hót, tiếng gió xào xạc trên ngọn cây và tiếng sột soạt khi họ lội trong những đám cây lá rậm rạp. Thái bước từng bước ngắn, cố giữ nhịp chân đều đặn để khỏi phí sức. Lúc trưa anh đã quyết định bỏ ba lô lại, chỉ mang theo những thứ thật cần thiết: hai khẩu AK, một băng đạn dự trữ, dao găm, bi đông, cùng mấy cuộn băng cá nhân, hai phong lương khô, mấy hộp thịt và tấm võng. Chẳng đường về tới hậu cứ trung đoàn không xa, người khỏe có thể đi trong một ngày, nhưng bây giờ Thái chưa biết mình phải đi mấy ngày mới tới. Điều anh lo nhất là vết thương của Thắng, để lâu sẽ nhiễm trùng. Với lại cậu ấy bị mất máu nhiều, rất dễ bị choáng...

Chừng giữa buổi thì họ ra khỏi rừng, bước xuống một sườn dốc thoải thoải mọc đầy lau. Lá lau tua tủa bông trắng muốt phất phơ, vô số cây lau khô già rụi xuống chằng chéo ngang dọc trên nền đất sỏi. Thái chặt vật nghiêng người lách qua những khóm lau, chân loạng choạng sục trong đám thân lau khô giòn gãy rãng rắc, thỉnh thoảng lại xóc nhẹ đỡ cho Thắng khỏi tuột. Mồ hôi ròng ròng trên mặt thấm vào những vết lá lau của buốt nhọn nhót. Anh chớp chớp đôi mắt cay xè nhìn về phía trước, chỉ thấy nắng chiều viền lửa trên những lá lau nhọn sắc. Lúc này không thể dừng lại, phải ra khỏi rừng lau trước khi trời tối. Anh cắn môi lắm lần bước, cảm thấy vòng tay Thắng đang lỏng dần. Chốc chốc cậu lại giật mình quàng chặt hai cánh tay níu lấy cổ áo anh.

Mãi lúc chiều xế hai người mới ra khỏi rừng lau. Trước mặt họ là con suối rộng chảy qua dưới chân một ngọn núi đá, giữa dòng lô nhô

những tảng đá đen sì. Thái chùng chân đặt Thăng ngồi xuống hòn đá cạnh bờ suối, ngoảnh lại hỏi: “Mệt không?”. Thăng lắc đầu, giọng khàn khàn yếu ớt:

- Em... không sao!

Thái vực bì đồng xuống suối lấy đầy nước, đưa cho Thăng:

- Cậu ngồi đây đợi, nhớ giữ súng trong tay. Mình đi tìm chỗ ngủ. - Anh lợi ào qua suối đi về hướng vách núi.

Thăng uống mấy ngụm nước rồi nghiêng bì đồng dốc nước vào lòng bàn tay rửa mặt. Nước suối mát lạnh làm anh thấy tỉnh táo hơn. Mặt trời đã xuống thấp. Thăng nhìn bóng núi đang loang nhanh trên vùng cỏ lau, chợt nhận ra từ sáng tới giờ anh và Thái vẫn chưa ra khỏi bóng râm của điểm cao 551...

Đêm đó hai người nghỉ lại trong một hang đá nhỏ ở chân vách núi. Trên nền hang vẫn còn những dấu vết chứng tỏ đã từng có người trú ở đây: mấy hòn đá sém lửa ám khói, vài đồng tro tàn, những thanh củi cháy chưa hết... Thái chặt cành lá che kín trước cửa hang rồi mới nhóm lửa. Suốt đêm anh chỉ ngủ chập chờn, thỉnh thoảng lại ngồi dậy chất thêm củi vào đồng lửa. Bên cạnh, Thăng nằm thiêm thiếp, chốc chốc lại giật mình ú ớ. Thái đặt tay lên trán cậu, tạm yên lòng vì Thăng không sốt, vết thương cũng không bị rỉ máu. Trước cửa hang con suối vẫn rì rào chảy miết. Trong đêm khuya thanh vắng, nghe rõ tiếng nước réo ồ ồ quanh mấy tảng đá chắn giữa dòng. Lẫn trong tiếng suối là tiếng chim ăn đêm kêu khắc khoải, tiếng côn trùng rền rĩ, tiếng con mang tác đều đều văng vẳng lúc gần lúc xa... Lúc lúc lại có đợt gió cuộn tới, lướt rào rào trên rừng lau bên kia suối. Thái đặt súng xuống đất, ngả mình cạnh đồng lửa lo lắng nghĩ tới chặng đường ngày mai. Đến hôm nay là vừa hết thời hạn năm ngày theo quy định của tham mưu trưởng Đặng. Nếu đi kiểu này, chưa biết mấy ngày nữa mới về đến hậu cứ...

Sáng ra Thái dậy sớm đun nước muối để nguội, rửa vết thương rồi

thay băng cho Thắng. Hai người đợi đến lúc sương tan bớt mới lên đường. Rút kinh nghiệm hôm qua, Thái công Thắng lên lưng, xếp dọc chiếc võng buộc thành cái đu theo kiểu phụ nữ dân tộc đu con khi lên nường, lại dùng dây võng choàng qua hai đùi buộc chân Thắng treo vào thắt lưng mình. Anh nhún người xốc thử mấy cái rồi ngoảnh lại hỏi:

- Cậu thấy sao?

- Ổn rồi anh ạ! - Thắng nhoẻn cười - Thế này em đỡ mỏi mà anh cũng được rảnh tay. Chỉ sợ anh mệt.

- Yên trí! Cậu nhẹ hều, chừng bốn chục kí chứ mấy! - Anh cầm khẩu AK đưa cho Thắng - Cậu trông dây qua cổ, khoác chéo sau lưng cho dễ đi.

Thái men theo bờ suối vòng qua ngọn núi đá rồi nhằm hướng mặt trời mọc rảo bước. Anh không sợ lạc đường. Vùng rừng nào đã đi qua một lần là anh có thể nhắm hướng cắt rừng quay trở về đúng chỗ mà không cần lần theo đường cũ.

Sáng nay gặp cánh rừng thưa và tương đối bằng phẳng nên Thái đi liền một mạch, đến gần trưa mới dừng lại khi gặp một khe nước nhỏ. Để Thắng nằm nghỉ, anh xách súng lùi dọc bờ khe, lát sau quay trở lại với mớ rau rừng trong tay: “Ta sẽ nấu món canh rau với thịt hộp. Suốt tuần nay toàn ăn lương khô, nuốt ghen cả cổ”. Anh nói, rồi nhặt cành khô nhóm lửa.

Khi ngọn lửa vừa bùng lên thì chợt nghe tiếng máy bay rì rì ngay trên đầu. Thái vội gạt banh đống lửa, bẻ cành cây dập khói. Anh ngẩng đầu lo lắng nhìn lên. Chiếc máy bay trinh sát bay khá thấp, thoáng thấy bóng nó lướt qua kẽ lá. Thái khoác chéo súng sau lưng, chạy tới gốc cây mọc ở đầu dốc bám thân cây thoăn thoắt leo lên, ngồi nép trong tán lá. Chiếc OV.10 lượn vòng trên khoảng rừng thưa, bán kính chừng ba kilomet. Hết vòng lượn thứ ba, nó tăng độ cao bay thẳng về hướng đông, nhỏ dần thành một chấm đen rồi mất hút. Thái chăm chú quan sát vùng rừng

chiếc máy bay vừa lượn trên đó nhưng không phát hiện ra điều gì, chỉ thấy ngút ngàn cây lá xanh rợp im lìm như đang mơ màng trong giấc trưa. Anh tụt xuống đất, lảng lảng quay lại chỗ bờ khe.

- Sao anh? - Thắng ngược mặt lên hỏi.

- Mình không rõ! Nó lượn ba vòng trên rừng, sau đó bay thẳng.

Thắng luôn tay gối đầu, mắt nhìn lên vòm cây, trầm ngâm:

- Em nghĩ, ở đó có địch! Năm ngoái có lần em với anh Cường đụng biệt kích, trước đó cũng có một chiếc L.19 lượn kiểu như vậy. Nó bay liên lạc chứ không phải trinh sát.

- Có thể cậu nói đúng. Thôi, đành gác món canh rau lại. Cậu ăn thịt hộp nhé! - Thái nói, lấy dao mở một hộp thịt ba lát.

Thắng ngồi tựa gốc cây, bẻ cành cây làm đũa gấp từng miếng thịt cho vào miệng uể oải nhai. Thấy cách Thắng cầm đũa, Thái hỏi:

- Cậu thuận tay trái à?

- Em thuận cả hai tay. Cầm đũa, bắn súng tay nào cũng được. - Thắng cười, kể - Dạo đang huấn luyện tân binh, em trêu ông đại đội trưởng bằng cách nheo mắt phải, bắn tay trái, ông ấy chửi um lên. Khi em bảo em bắn tay nào cũng được, ông không tin cho bắn thử, cả hai tay đều đạt loại giỏi. Có vậy khi trung đoàn đến nhận quân ông mới “tiến cử” em vào trinh sát, chứ lúc đầu thấy em thấp bé nhẹ cân ai cũng chê.

Ăn xong, hai người nghỉ một lúc rồi đi tiếp. Thái dùng võng địu Thắng như lúc sáng, nhưng lần này anh nới dài dây khẩu AK, lên đạn khóa lại, bảo:

- Cậu choàng qua vai phải, kẹp súng bên nách trái. Lúc gặp địch cứ cặp vào hông tở mà bắn. Bắn găm từng loạt ngắn, đừng xả cả tràng. Chỉ có mỗi băng đạn thôi đấy...

Thắng ngập ngừng:

- Hay... ta đi vòng?

- Biết nó ở đâu mà vòng? Cứ đường mình mình đi. Nếu gặp địch, chủ động xốc tới bắn xả mà thoát. Thế nhé!

Thắng im lặng. Anh biết không còn cách nào khác. Hai người buộc chằng vào nhau thế này lúc đụng địch không thể lẩn, bò, xoay trở như bình thường. Thắng nhìn xuống đôi chân quấn đầy băng của mình, chột ứa nước mắt. Anh ấy đã quyết hai người sống cùng sống, chết cùng chết...

Cánh rừng họ đi qua trong buổi chiều mọc toàn cây săng lẻ. Những thân cây thẳng tắp cao vút, lớp vỏ bên ngoài màu nâu nhạt phồng rộp bong từng mảng loang lổ. Đang mùa thay lá, những tán săng lẻ ngả màu vàng áy. Trên nền rừng thưa thoáng lác đác những chiếc lá mới rụng khô cong, giẫm lên nghe lắc rắc như những lá thiếc mỏng. Thái vừa đi vừa cảnh giác nhìn quanh, tai căng lên lắng nghe từng tiếng động. Nghe hơi thở đều đều của Thắng, anh biết cậu đang ngẩn đầu nhìn qua vai mình. Vài con chim cất tiếng lạnh lốt, bay vụt từ cây này qua cây khác. Thỉnh thoảng lại có ngọn gió lùa tới làm lá cây rụng xào xạc. Rừng vẫn êm đềm và hoang vắng như vốn có từ xa xưa.

Chùng giữa chiều, rừng săng lẻ thưa dần. Nền trời xanh thấp thoáng sau những thân cây. Thái rảo bước. Ít phút sau, trước mặt anh hiện ra một trảng cỏ rộng chừng trăm mét. Mé bên kia trảng cỏ những lùm cây bụi lúp xúp, tiếp đó là những tán cổ thụ xanh rậm lớp lớp nối nhau cao dần theo triền núi.

Thái dừng sau một gốc cây, nhìn ra. Bãi cỏ vắng vẻ đìu hiu, cánh rừng phía bên kia im ắng. Không có một dấu hiệu nào đáng nghi ngại. Anh lấy bi đông vắn nắp uống mấy ngụm nước rồi quai tay đưa ra phía sau cho Thắng:

- Cậu uống nước, rồi ta đi tiếp!

- Hay anh đặt em xuống, nghỉ một lúc cho đỡ mệt.

- Thôi, tranh thủ đi cho được độ đường. Với tốc độ này, chỉ ngày mai là về tới hậu cứ.

Bước ra khỏi rừng, Thái công Thắng chạy băng qua bãi trống. Mặt trời từ phía sau rọi tới soi bóng họ đổ dài. Qua được nửa bãi. Thái vẫn chạy lúp xúp, những lùm cây đã ở gần trước mặt. Chợt từ rừng cây xanh ấy, mấy con chim hốt hoảng bay vọt lên. Một ý nghĩ lướt nhanh trong đầu. Thái vừa nâng súng lên thì đã thấy đám cành lá lay động, rồi mấy bóng lính mặc quần áo rằn ri bước ra. Tiếng Thắng thét ngay bên tai nhưng anh không nghe rõ; ngón tay cái tự động bật khóa an toàn, ngón trỏ siết cò, anh vừa bắn xả vào đám người mới xuất hiện vừa chạy xộc tới. Bên hông anh khẩu tiểu liên của Thắng phụt khói nẩy bắn bật. Thái lao thẳng vào chỗ bọn lính vừa xuất hiện. Loáng thoáng xung quanh toàn những bóng rằn ri. Anh lia nòng súng sang phải, sang trái, nổ liên tiếp từng loạt ngắn. Thắng cũng bắn xối xả, vỏ đạn văng tóe mắc kẹt vào giữa hai người nóng bỏng. Bị bất ngờ, bọn biệt kích nhảy ào sang hai bên, có tên đã nâng súng lên nhưng không dám bắn vì sợ trúng đồng bọn ở ngay trước mặt. Thái lao vọt qua toán lính, nhào vào đám cây lá rậm rịt. Sau phút bàng hoàng, bọn lính bắt đầu bắn đuổi theo, tiếng tiểu liên cực nhanh nổ rền như tiếng máy, đạn bay chiu chiu. Thái chú người chạy vòng vèo qua những thân cây cổ thụ, bươn lên sườn dốc. Mãi đến lúc tiếng súng phía sau thưa dần rồi ngưng hẳn, anh mới dừng lại vịn tay vào một thân cây, khụy hai đầu gối xuống đất há hốc mồm thở dồn dập. Tiếng Thắng gọi lọt qua tiếng ù ù trong tai. Anh lấy bầy cừi nút buộc trước ngực, đặt Thắng tựa vào gốc cây, rồi ngối bệt xuống đất. “Cậu... không dính... viên nào đấy chứ?”, Thái hỏn hển hỏi.

- Không! Nhưng chân em...

Thắng ập úng, nhìn xuống chân phải. Máu đang loang nhanh trên những vòng băng. Không thấy dấu đạn, chắc vết thương bị va chạm nên chảy máu trở lại. Thái xé vạt áo thắt ga-rô, hỏi:

- Súng cậu còn đạn không?

- Em bắn hết sạch rồi!

Thái lấy băng đạn cuối cùng lấy ra ba viên đặt vào tay Thắng:

- Lắp vào súng, ngồi đây đợi. Tranh thủ băng lại vết thương. Nếu địch mò lên, chưa lộ không nổ súng. Bọn chúng đang cay cú, nhất định sẽ đuổi theo. Mình phải xuống “hỏi thăm” trước.

Anh cởi bi đông nước và chiếc túi vải để lại cho Thắng, xách súng bước đi, lát sau đã mất hút.

\* \* \*

Thái len lỏi qua các gốc cây đi xuống. Văng vẳng tiếng người lao xao mé trắng cỏ. Anh nhắm hướng nhẹ nhàng luồn qua đám cây lá rậm rạp. Chợt nghe thoảng trong gió những âm thanh là lạ, Thái dừng lại nghe ngóng. Tiếng động rõ dần: cành cây lay loạt soạt, lá khô vỡ lép bép... Thái từ từ xoay người nép sau gốc cây nhìn ra. Những cành lá trước mặt rung rung. Một, hai, rồi ba tên lính bước tới, màu áo ngụy trang gần như lẫn trong màu lá. Súng M.18 báng gập, thắt lưng linh kính súng ngắn, dao găm, lựu đạn M26... Tên đi cuối khoác chiếc ba lô lính màu rêu vuông vức như chiếc máy vô tuyến. Tên dẫn đầu xách súng khom người tìm vết, hai đứa đi sau nâng súng trong tư thế bắn bình tĩnh đảo mắt quan sát, nòng súng rê theo ánh mắt. Chúng đi nhanh và êm không kém gì anh, nhưng ở trong rừng ba người cùng bước gây ra tiếng động lớn hơn. Thái nghĩ nhanh cách đánh. Bọn này thiện chiến, phản xạ như máy. Nếu nổ súng vào một tên, hai đứa kia sẽ bắn hạ anh ngay tức khắc.

Chúng đã đến gần. Thái từ từ nâng súng lên, ngắm vào ngực tên đi giữa. Khoảng cách càng lúc càng ngắn lại. Ba mươi mét! Hai mươi lăm... hai mươi... “Sao lâu thế?”... Mười lăm mét. Qua đường ngắm, hai tên lính chập vào nhau. Thái bóp cò. Loạt đạn nổ vang, hất tên đi giữa nhảy dựng lên rồi đổ vật xuống. Tên đi cuối thả rơi súng loạng choạng bước thêm một bước, ngã nhào. Thái quay mũi súng sang tên còn lại. Thằng này nghe súng nổ hoảng hốt nhảy sang trái một bước, quay lưng chạy. Thái

bắn theo. Trượt! Bắn loạt nữa, lại trượt. Tên lính sắp lúi vào bụi rậm. Anh bình tĩnh ngắm rồi siết cò, nã hết những viên đạn còn lại. Mấy vòi máu phụt ra trên tấm lưng áo loang lổ, tên lính chơi với nít tay vào cành cây, lão đảo xoay người lại rồi ngã vật vào đám dây leo.

Đặt khẩu súng hết đạn xuống đất, Thái nhảy ra nhặt khẩu tiểu liên của tên đi giữa khoác lên vai, gỡ nít đạn của hắn thắt vào lưng. Đột ngột, một tiếng súng nổ vang. Thái lẩn nhào hai vòng, chồm dậy chĩa súng về hướng phát ra tiếng nổ. Trước mặt anh cách chưa đầy chục bước, tên lính đi cuối đang nằm sắp chĩa khẩu Côn 45 về phía anh, cánh tay cầm súng run lấy bầy. Tức điên người, Thái nhảy tới tung chân đá văng khẩu súng, dí nòng tiểu liên vào trán hắn. Tên lính trừng mắt nhìn lên. Thái chăm chăm nhìn hắn. Hai luồng mắt chọi nhau như tóe lửa. Chợt Thái hất súng lên vai, cúi xuống gỡ chiếc ba lô đỡ tên lính nằm ngửa, mở cúc áo xem vết thương. Trên ngực hắn thủng hai lỗ, bọt máu phì ra, phập phồng theo từng hơi thở nặng nhọc. Bỗng tên lính nấc lên một tiếng, giật nảy người rồi chậm chậm ngoẹo đầu sang một bên, từ khố môi trào ra dòng máu tươi. Đôi mắt hắn dại đi, hai hàng mi từ từ khép lại. Thái thở dài, nhặt khẩu tiểu liên và chiếc ba lô đứng dậy, bước loạng choạng. Lúc này anh mới nhận ra túi bên trái đang đau nhói. Thái ngồi tựa vào gốc cây, rút dao găm xẻ ống quần chỗ máu loang: viên đạn xước qua đùi xé rách thịt, vết thương đang rỉ máu. Không có thời gian để băng. Anh hổi hả mở nắp ba lô, dốc ngược đổ các thứ bên trong ra: hai bộ quần phục dã chiến, tấm chăn thám báo, cá hộp, gạo sấy, mấy cuộn băng cá nhân..., cuối cùng là một khối pin nhãn hiệu Mỹ còn mới nguyên, chắc pin nguồn dự trữ cho máy vô tuyến. Thái nhặt những cuộn băng, mấy hộp cá và hai bao gạo sấy tùm trong tấm chăn, nhét trả những thứ còn lại vào ba lô, cài nắp cẩn thận. Anh buộc hai quả M26 vào khúc rễ cây trôi trên mặt đất, mở khóa rút quai ba lô luồn qua khoen lựu đạn rồi cài lại như cũ. Đặt chiếc ba lô nằm đè bên trên, anh luồn tay mò mẫm bẻ thẳng chốt hai quả lựu đạn...



Đang ngồi băng lại vết thương, Thắng chợt dừng tay khi nghe tiếng súng nổ rất gần, thoát đầu là mấy loạt ngắn, tiếp theo một loạt dài nổ rền. Tiếng súng của anh Thái, bọn địch vừa gặp chỉ mang tiểu liên cực nhanh. Anh quần nhanh mấy vòng băng cuối cùng, bỗng sững người bởi nghe một tiếng nổ nhỏ khô khốc. Tiếng súng ngắn! Thắng ngồi lặng, chân tay bủn rủn... Một con rắn trườn ngang trước mặt góc đầu nhìn anh, lưỡi thụt ra thụt vào như tia chớp. Thắng đờ đẫn nhìn con rắn như nhìn que gỗ, nó trườn đi lúc nào anh cũng chẳng hay.

Có tiếng chân bước vội vã giẫm cành khô gãy răng rắc, Thắng nâng súng lên, vừa lúc Thái ào tới. “Anh Thái!”, Thắng mừng rơn. Thái ấn vào tay Thắng khẩu tiểu liên Mỹ rồi ngồi thụp xuống chĩa lưng trước mặt cậu: “Ôm lấy tớ!” Anh công Thắng khắp khiêng rảo bước, giải thích ngắn gọn: “Mình hạ được ba đứa, nhưng phía dưới còn đông. Ta phải đi càng xa càng tốt”.

Hai người đi được chừng mười phút thì nghe phía sau vang lên hai tiếng nổ liền nhau dội rền như tiếng sấm. Thái đứng lại, thở phào: “Ổn rồi!” Anh đặt Thắng xuống đất, mở nắp bi đồng nước tu ừng ực, đưa tay quẹt nước đọng dưới cằm, kể:

- Mình cài lựu đạn, bọn đi sau dính rồi! Giờ hết lo chúng đuổi theo.
- Lúc này em sợ quá! - Thắng nói - Nghe phát súng ngắn cuối cùng, cứ ngỡ anh “bị” rồi.
- Cũng sém chết! - Thái lấy ra cuộn băng cá nhân, vạch ống quần xem lại vết đạn - Thắng nguy bị thương nên run tay, nếu không giờ này mình đâu còn được ngồi với cậu!

Anh vừa băng vết thương vừa nghĩ về tên lính đã bắn mình. Xét về tư cách người lính thì đó là một người lính giỏi và can đảm. Trông nó ít tuổi hơn mình; không biết quê quán nơi nào? Ở đó cậu ta cũng có những người thân đang chờ đợi...

Tối đó hai người ngủ lại trong một túp lều dựng tạm lợp lá chuối che sương, không dám đốt lửa. Vừa đặt mình xuống, Thái đã ngủ thiếp đi. Mệt nhọc và căng thẳng trong mấy ngày qua làm anh kiệt sức.

Gần sáng, Thái chợt giật mình bật dậy khi nghe tiếng người thét ngay bên tai. Anh vớ lấy súng đưa mắt nhìn quanh, nhưng không thấy gì lạ. Chợt hiểu ra đây là tiếng thét của Thắng, anh vội quay sang. Thắng đang sốt hầm hập, sờ tay lên trán nóng như đung than hồng. Thái xé vội vạt áo, mò tìm bi đông đắp nước vào mảnh vải rồi đắp lên trán cậu. Ngoài ra anh chẳng còn biết làm gì hơn, đành ngồi chờ trời sáng. Bên ngoài sương mù đặc quánh, đám hơi nước li ti tràn vào lều lạnh buốt. Sương rơi lộp độp trên những tàu lá chuối. Bên cạnh anh, Thắng vẫn nằm lì bì, chốc chốc lại oằn người rên rỉ trong cơn mê.

\* \* \*

Lúc trời sáng rõ, Thái mở băng xem lại vết thương ở chân Thắng. Cả hai vết đều đang mừng mủ, xung quanh đỏ bầm. Không có thuốc kháng sinh, giờ chỉ còn cách đưa Thắng về hậu cứ càng nhanh càng tốt. Anh đặt gạc lên trán Thắng, quấn mấy vòng băng quanh đầu rồi đắp nước vào gạc để hạ nhiệt. Nước mát lạnh làm Thắng tỉnh lại. Cậu mở mắt nhìn quanh, hỏi:

- Sáng rồi hả anh?
- Ừ, sáng rồi! Cậu thấy trong người thế nào?
- Em... chỉ thấy mệt. - Thắng mỉm cười yếu ớt.

Nhìn khuôn mặt hốc hác của Thắng, Thái biết cậu đang rất đau nhưng cố giấu. Suốt hai ngày qua trừ lúc ngủ mê, Thắng không hề rên la một tiếng.

- Ta đi tiếp nhé! Tranh thủ đi sớm cho nó mát. - Thái nói, cố giữ vẻ bình thản.

Chỉ mang theo một khẩu súng, Thái địu Thắng trên lưng bước khắp khiêng. Sương còn phủ dày trên rừng, nhìn về hướng mặt trời chỉ thấy một quang sáng nhòa. Thái nhắm hướng mặt trời đi tới. Rừng đang rộn lên tiếng chim hót, tiếng thú chạy sột soạt trong bụi cây. Những cành lá động sương quệt vào người làm quần áo ướt sũng. Thái không để ý đến sự vật xung quanh, chỉ chăm chăm tìm lối đi, cố tránh những vòm dây leo rậm rịt.

Chừng giữa buổi thì sương tan hết, ánh nắng chan hòa khắp nơi. Hai người lên tới một đỉnh dốc cao, nhìn ra phía trước chỉ thấy lớp lớp cây rừng chắn ngang tầm mắt. Nếu leo được lên cây sẽ nhìn thấy ngọn núi Pu Leng, hậu cứ trung đoàn đóng ở chân núi. Nhưng lúc này Thái không thể leo được, vết thương ở đùi đang nóng ran, giật giật đau nhức. Anh cũng không dám dừng lại nghỉ, sợ ngồi xuống rồi, sẽ không đủ sức công Thắng đứng lên đi tiếp. Thắng vẫn đang sốt hầm hập. Cậu ngoẹo đầu trên vai anh, hơi thở ngắt quãng nóng rực. “Chắc không còn xa nữa đâu...”, Thái tự động viên, bước từng bước nặng nhọc. Mặt trời lên cao, nắng càng lúc càng gắt. Không bỗng rất như nắng hè, nhưng cái nắng rừng Lào đầu mùa khô ong ong khó chịu khiến đầu óc váng vất, lớp da trên người khô rộp lên. Thái loạng choạng đứng lại, mở nắp bi đông uống mấy ngụm nước. Anh gọi Thắng, chỉ nghe tiếng đáp nửa mê nửa tỉnh. Dừng lại lúc này là chết, chết cả hai. Thái nghiêng răng chịu đau đi tiếp. “Một bước... hai bước... ba bước...”. Anh nhắm đếm, chân phải bước tới đặt xuống làm trụ, chân trái lê theo... “Đúng một nghìn bước mình sẽ dừng lại nghỉ...”. Một lúc sau không còn nhớ đã đếm được mấy bước, anh đếm lại từ đầu...

Không biết bao nhiêu thời khắc đã trôi qua! Bóng hai người lặng lẽ tròn lại rồi đổ dài liêu xiêu trước mặt. Thái vẫn lê từng bước như quán tính, như một phản xạ phát ra từ tiềm thức. Hai tai ù đặc, mắt loá loá những quang nắng, hầu như anh không còn nhìn thấy gì, nghe thấy gì,

chỉ cảm nhận dưới bước chân nền rừng đang thấp dần. Đến lúc vấp phải một vật gì đó, anh ngã nhào. Cả hai người lăn xuống triền dốc...

Vết thương nhói lên đau buốt làm Thắng tỉnh lại, thấy mình vẫn ở sau lưng Thái. Anh ấy nằm im như ngủ. Ánh mặt trời lóa mắt làm Thắng khó chịu. Sao lại ngủ giữa nắng thế này? Anh ngơ ngác chớp chớp mắt, bỗng nhận ra mình vẫn bị buộc dính vào Thái, chân trái đang bị người Thái đè lên. Thắng vội lay, vừa lay vừa gọi. Không có tiếng trả lời. Một ý nghĩ lướt qua trong đầu lạnh buốt, anh hoảng hốt đưa tay lên mũi Thái. Còn thở! Thắng cuống quýt tìm bi đông nước...

Dòng nước chảy tràn trên mặt rồi xộc vào mũi khiến Thái thở hắt một tiếng. Anh mở mắt lơ lơ nhìn quanh, cảm thấy vương vীu như bị trói. “Anh Thái, anh tỉnh chưa?...”. Tiếng gọi dồn dập ngay bên tai làm Thái dần dần nhớ lại mọi việc. Anh chậm chạp cời nút thắt trước ngực, chống tay ngồi dậy. Người anh như đang rời ra từng mảnh, đầu nhức buốt, môi khô rộp, trước mắt loe lóe hàng ngàn đốm lửa tung tóe như lửa hàn. Anh nhắm mắt một lúc rồi mở ra nhìn. Thắng đang nằm bên cạnh, đôi mắt trũng sâu, những vệt nước mắt đọng ngoằn ngoèo trên khuôn mặt đen sạm bụi đất. Anh chống súng đứng dậy nhưng lại khụy ngay xuống. Chân trái bất động, máu đen bám trên những vòng băng, vết thương sưng tấy nhức nhối. “Mình không còn đi được nữa...”, anh bất lực ngả người nằm xuống. Thắng đã lại tiếp đi, sự sống trong người cậu ấy đang cạn dần. Mình cũng hết sức rồi! Cả hai sẽ cùng chết ở đây. Anh từng thấy bao nhiêu người chết lặng lẽ trong rừng: chết vì kiệt sức, vì bị thương, bị sốt rét, bị đói... Mình chết cũng được, chỉ tiếc cho Thắng, cậu ấy còn trẻ quá... Có thể trung đoàn sẽ cho người đi tìm, nhưng giữa rừng núi mênh mông biết tìm ở đâu? Tập tài liệu trình sát đang cồm cộm trong ngực áo anh. Vậy là sự hy sinh của ba người sẽ trở nên vô ích...

Những suy nghĩ cay đắng làm Thái tuyệt vọng. Anh nhắm mắt lại, mơ hồ cảm thấy còn một điều gì đó mình chưa nghĩ tới. Điều gì nhỉ? Anh

cố tập trung tư tưởng. Đầu óc lùng bùng. Những ý nghĩ lướt nhanh, mờ nhạt và vô định. Có lúc anh tưởng đã chớp được điều mình cảm thấy, nhưng nó chỉ thoáng qua, mất hút. Thôi, chẳng việc gì phải nghĩ ngợi cho mệt óc. Đẳng nào cũng chết, mà chết là hết! Anh thả lỏng toàn thân, nằm lơ mơ. Thật dễ chịu khi chẳng còn phải căng thẳng lo lắng...

Một ngọn gió lướt tới làm cây lá rì rào, nghe như tiếng thở dài của rừng. Và đâu đó có tiếng nước chảy róc rách đều đều như tiếng thời gian trôi... Một tia chớp lóe sáng trong đầu. Tiếng suối? Đó chính là điều anh cảm thấy mà chưa nghĩ ra. Có con suối ở gần đây. Thái loạn xạ choạng chống tay ngồi dậy, chớp chớp mắt nhìn quanh. Kia rồi! Dòng suối ở ngay phía trước, cách chưa đầy trăm bước chân. Mặt nước loáng náng... vách núi phía bên kia... những tảng đá ven bờ... Một khúc suối quen thuộc! Thái nhặt khẩu tiểu liên bật khóa an toàn, ngón tay run run đặt nấc bắn phát một rồi dựng ngược súng tựa vào thân cây con cạnh chỗ nằm, ngoắc đầu ngắm hình tam giác vào giữa hai nhánh cây mọc chệch đôi. “Đoàn... đoàn... đoàn...”, từng phát súng nổ cách quãng đều đặn, tiếng nổ dội vào vách đá vọng rền rền trong rừng.

Lúc các chiến sĩ vệ binh của Trung đoàn 92 ập tới thì cả hai người đều đã bất tỉnh. Thái nằm ngửa mặt lên trời, cánh tay phải dang ngang, ngón tay co cứng ngắc trên cò khẩu tiểu liên đã bắn hết đạn.

\* \* \*

Đúng như tham mưu trưởng Đặng nhận định, ngay sau khi vượt qua biên giới Việt - Lào, địch đã chiếm điểm cao 551 làm điểm tựa bảo vệ cánh Nam cho mũi tiến quân dọc đường Chín lên Bản Đông - Sê Pôn. Từng đàn trực thăng chở quân bay rợp trời như chuồn chuồn trước cơn mưa đổ xuống điểm cao hai tiểu đoàn Thủy quân lục chiến. Những chiếc Chinook do phi công Mỹ lái nặng nề thả pháo 105 ly dưới bụng đưa tiểu đoàn pháo binh tới chiếm lĩnh trận địa. Thế trận hình thành đúng

như phương án tác chiến đã chuẩn bị. Sau năm ngày vây lấn, một trung đoàn quân chủ lực của ta được tăng cường xe tăng, pháo binh và hỏa lực phòng không đã tiến đánh điểm cao 551 ngay giữa ban ngày. Địch hoàn toàn bị bất ngờ trước thời điểm tấn công cũng như sức đột kích và hướng đột kích của xe tăng ta. Toàn bộ quân địch bị tiêu diệt, ta bắt sống hơn trăm tên và thu mười hai khẩu pháo. Trận đánh này góp phần rất quan trọng trong thắng lợi bước đầu của chiến dịch, làm đảo lộn kế hoạch tiến công của địch, buộc chúng phải bố trí lại lực lượng, điều chỉnh kế hoạch hành quân.

Về sau hẳn đâu đó trong sử sách sẽ có đôi dòng viết về trận đánh ấy, nhưng sẽ không ai biết trước khi chiến dịch còn chưa bắt đầu, những người lính trinh sát của trung đoàn 92 đã đổ máu dưới chân cao điểm để chuẩn bị cho trận thắng. Và đó là một trận thắng của đơn vị bạn. Còn trung đoàn ngay từ đầu chiến dịch đã rời khỏi vị trí ếm quân đi về hướng Tây Nam...

*P.V.L*

B Ầ O N I N H

## Bằng chứng

(SH số Đặc biệt tháng 10 - 2010)

Thằng Hùng con anh quả là gan dạ. Chiếc xe tải chở tổ công tác của nó đang vượt một con đèo vắng ở miền núi tây Quảng Nam. Tài xế loạng quạng sao đó làm đổ xe. Chiếc xe chỉ lật nghiêng bên rệ chứ không lộn nhào khỏi mặt đường, song một thành viên trong tổ ba người của Hùng lại bị văng xuống vực. May phúc làm sao, đã rớt tới lưng chừng vách núi thì cậu ta được một cành cây chìa ra níu lấy. Tài xế bị thương, chỉ còn Hùng và một người nữa, lại là phụ nữ. Thằng Hùng một mình bám gờ đá lần xuống cứu thoát được người bạn đang lơ lửng vực sâu ngàn cân treo sợi tóc.

Hành động ấy dĩ nhiên là rất dũng cảm song le lại cũng sự thường, rất nhiều người trong hoàn cảnh tương tự cũng sẽ làm như thằng Hùng. Điều khiến Minh không sao tin nổi, ấy là độ cao của cái vách dựng đứng. Theo như lời anh bạn được Hùng cứu sống thì từ chỗ chiếc xe bị lật tới chạm đáy khe là hơn trăm thước. Một độ sâu rừng rợn như thế, đừng nói lần xuống, ngó xuống thôi thằng Hùng cũng không thể, Minh quá biết cái tật bẩm sinh ấy của thằng con. Nó bị chứng hải độ cao. Không phải vì có bệnh tim, không có duyên do gì hết, chỉ cứ sợ, sợ khủng sợ khiếp

vậy thôi. Từ nhỏ đã như thế. Luôn luôn ác mộng của thằng bé là ác mộng đang đứng mấp mé bên một cái gì đó thăm thẳm và dưng đứng. Nó không hét lên được, chỉ vì chết lặng trong cảm giác sắp ngã vào khoảng trống ghê rợn mà choàng tỉnh khỏi giấc chiêm bao. Lớn lên tật đó vẫn không mất đi, mà như càng ám ảnh. Không có chuyện thằng Hùng trèo cây hay nhảy cầu ở bể bơi. Nó không bao giờ ngồi lên bệ cửa sổ như bọn con trai vẫn thường ngồi như thế tán dóc với nhau. Thanh niên rồi mà nhìn trên tivi thấy người ta nhảy dù nó nhắm tịt mắt lại và mồ hôi rịn ra. Đến bây giờ mỗi lần phải lên máy bay là mỗi lần tự nó chịu cực hình và âm thầm chống chọi để không tỏ ra quá thảm hại trước sự bình thản của hành khách ngồi bên.

Ấy vậy mà nó lại hành động như vậy. Nó giấu không kể, Minh biết chuyện là do cậu bạn được cứu sống đã cùng bố mẹ đến tận nhà anh để cảm ơn. Hôm sau, bố con trò chuyện, để thuận cho lời khuyên can, trước tiên Minh khen cái tinh thần vì bạn quên mình của thằng con. Nhưng nó lại lắt đầu bảo rằng điều xui khiến nó không phải là cái chết cận kề của bạn mà là chính cái vực thẳm. Nói năng chẳng bao giờ mạch lạc, thằng Hùng giải thích một cách rất khó hiểu giây phút liều mạng của nó, nhưng Minh hiểu, tai nạn xảy ra trên đèo đã cho thằng con anh một cơ hội bất ngờ, không chủ ý để đối diện với nỗi sợ hãi đã hằng bao nhiêu năm chế ngự con người nó.

- Thằng Hùng từ bé đã luôn làm mình ngạc nhiên - Minh nói, xoay xoay ly rượu trên tay, giọng rầu rĩ - nhưng cái lần ngạc nhiên này làm mình thật sự rối trí, thoát đầu choáng váng sau thì u uất buồn khổ không chịu được, đã bao nhiêu ngày rồi ông ạ.

- Ông lắm cảm rồi hay sao? - Tôi nhìn vẻ mặt Minh mà chẳng nhịn được cười - Không tự hào không hãnh diện thì thôi, lại buồn khổ sầu não là thế nào, cứ y như là nó đã làm điều gì xấu xa tối tệ vậy.

- Ờ thì đành là thế, nhưng ý mình không phải vậy ông ạ, - Minh lúng



túng tìm lời - Nghĩa là, mình muốn nói mình buồn bực vì rằng sao mà thằng con nó chẳng giống gì mình. Nó khác quá... Thoạt nghe người ta kể chuyện nó cứu bạn nó, từ trong thâm tâm lập tức mình tự hỏi: hồi bằng tuổi nó mình có làm vậy không? Bể ngoài thì có. Chẳng hạn, mình cũng đã từng cứu người... À, mà chuyện này ông cũng chứng kiến, hồi đi học sơ tán, ở đò Mễ Sở ấy, nhớ không? Thấy bà già đó bị ngã khỏi đò, mình liền nhảy xuống cứu. Chỉ một mình mình. Bạn bè mấy đứa đang cùng trên đò, có cả ông nữa, thì không. Nhưng chẳng phải mình anh hùng còn bạn bè là lũ nhát. Chẳng qua vì mình bơi rất giỏi, tự biết thừa sức cứu được bà già, còn ông và các bạn khác bơi kém, lao xuống chết chắc, lao xuống làm gì... Cho nên cái cách của mình hành động hồi đó với của thằng con mình mới đây, càng ngẫm càng thấy quá là khác nhau. Bố con mà hoàn toàn trái dấu, sao lại có thể như thế được cơ chứ?

- Không hiểu thế nào, - Minh thờ dãi, - hể cứ nghĩ về chuyện gì liên quan đến tính nết của thằng con là mình lại có ngay câu hỏi: hồi bằng tuổi nó bây giờ mình có vậy không nhỉ. Và câu trả lời thường là không, mình không như vậy! Tại sao? Nó chuốc lấy cái tính ấy từ ai?

Tôi lại bật cười, tuy nhiên đã thoáng dậy một chút kinh ngạc:

- Cái ông này! Bố gì mà lại đi băn khoăn lẩn thẩn thế. Con giống tính bố là dĩ nhiên, nhưng con khác tính bố cũng là dĩ nhiên.

- Thằng con mình, - Minh nói - bản chất là nhút nhát, nhưng ngoài mình là bố nó chẳng ai nhận ra. Khi còn là thằng cu tý nó rất ít khóc ít cười, ông bà nội ngoại đoán là thằng này tư chất cương nghị, riêng mình biết nó nhát lắm. Động tý là giật mình, là tè dầm ra, là mếu máo chực khóc, có điều hình như nó nghiêng răng lại để không khóc. Từ đâu mà lại có kiểu đó chứ... Lớn lên, đi học, nó lại bị mang tiếng là lì bướng. Với người lớn, với cả thầy cô giáo, nó chẳng biết đường chào hỏi thưa gửi cứ gằm mặt xuống, lý nhí, lúng búng. Ai cũng bảo nó gan cóc tía và hỗn. Có phải đâu, trái lại, nó thế là vì nó nhút nhát, rụt rè, ai ai cũng làm cho

nó e ngại. Thương con mà cũng rất bức. Bức nhất cái nỗi làm sao nó cứ cố ngược lại với bản tính. Mình chẳng hề như thế, tại sao nó lại thế? Nhất mà nó rất hay đánh nhau. Đánh nhau với bạn học, với bọn ở lớp lớn hơn, rồi cả với bọn ngoài phố. Một dạo, ở cổng trường học luôn tụ bạ một lũ chuyên trấn lột học sinh. Bọn bạn thằng Hùng đứa nào cũng nem nếp cống nộm. Nhưng thằng Hùng lại cố tình chống cự. Ngày nào cũng bị bọn kia đánh cho bươu đầu sút trán. Biết chuyện, khuyên nó, nó không nghe, mình đành phải xin chuyển trường cho con. Hồi đi học mình không những chẳng nhút nhát mà lại ngấm có vài thể võ được ông anh cả bày cho, nhưng chẳng bao giờ mình tham gia vào đánh lộn. Tôi không đụng anh, anh chớ đụng tôi!

Bình thường đến tôi chơi Minh ngồi không lâu và dứt khoát từ chối rượu. Nhưng nếu đã có một chút gì đó tâm tư thì anh lại hết lý này tiếp lý khác. Và cứ nói mãi, nói mãi, không chịu dứt ra về.

- Có một chuyện... Khi đó thằng Hùng mới mười tuổi. Hai bố con đi dạo. Hùng muốn ăn kem, mình mua cho nó. Nó đứng ở vỉa hè Tràng Tiễn, trong tay cầm cây kem, vừa định đưa lên miệng, thì một thằng nhãi lớn hơn nó sấn tới giật lấy chạy mất. Thằng bé ngơ người, ngơ ra, không hiểu. Có thể nói là lần đầu tiên đụng sự đời mà, nom thương quá, mình nắm tay nó bảo, thôi con, bỏ đi, để bố mua cho que khác. Mình chưa dứt lời, thằng con giằng tay ra, xông xộc đuổi lao theo thằng kia. Mình hét gọi nó và chạy theo nhưng không thể. Phố xá, ngã tư, đèn xanh đèn đỏ, xe cộ kìn kìn, thằng Hùng lao phứa qua, chạy mất hút. Ông hình dung mình sợ hãi đến thế nào. Hú hồn, chạy tới gần giữa phố Ngô Quyền, mình chạm ông con từ một con hẻm thất thểu bước ra. Nó nắm khu khu trong lòng bàn tay cái que lõi của cây kem còn dính một tỵ kem màu xanh. Chưa bao giờ mình nặng lời với con. Vậy mà khi ấy mình chop lấy nó, quát mắng nó, đét dít nó. Về đến nhà vẫn còn đang đầy giận dữ. Đấy lần đầu hai vợ chồng mình cãi nhau khốc liệt. Cũng là lần đầu tiên

minh quát vào mặt Lan mỗi hoài nghi của mình về thằng con của cô ta. Cũng từ đấy cái ý nghĩ kinh khủng và vô lý ấy cứ càng năm càng cảm rễ sâu hơn trong đầu óc mình... Đến cái vụ gan anh hùng vừa rồi của nó thì mỗi nghi ngờ đã thành rành rành rồi ông ạ.

“Nhưng mà nghi ngờ cái gì?”, tôi định hỏi nhưng rồi thôi ngay, vì đã chợt hiểu ra điều Minh muốn nói. Hai vợ chồng Minh Lan và tôi thuở học trò là bạn bè, cùng phố cùng lớp. Với Lan thì tôi và Minh hoàn toàn vô tư là hai người bạn. Học xong phổ thông, tôi nhập ngũ, còn Lan và Minh, người sang Nga người sang Đức. Sau chiến tranh trở về gặp lại nhau, tôi không hề thấy Lan đối với Minh có biểu hiện gì khác ngày trước. Tới khi nhận được thiệp mời đám cưới của họ thì tuy có phần ngạc nhiên nhưng tôi cũng thấy cặp này lấy nhau là đúng quá. Bởi tôi biết Minh mê mết Lan từ hồi cuối cấp Ba, và trải qua bao năm anh vẫn bền bỉ, dai dẳng chờ đợi Lan đáp lại tình cảm của mình. Cô đồng ý lấy Minh là hợp tình hợp lý.

Cho đến nay, như tôi thấy, thì Minh và Lan cũng như mọi cặp vợ chồng trên đời, một gia đình ổn định, thuận hòa tương đối, tằm tằm vậy thôi. Hẳn là không ít chuyện xảy ra, song được ẩn kín đáo trong nội bộ gia đình.

Con đầu lòng của họ là một cặp bé gái sinh đôi. Nhiều năm liền tôi thấy Minh có vẻ không được vui lắm. Khi vợ sinh con trai, anh tỏ sự sướng có thể nói là thái quá, nhưng cũng là dĩ nhiên thôi, ai chẳng thế. Có điều, hơi là lạ, suốt bao nhiêu năm qua cứ nói về thằng con là Minh lại sung sướng khoe khoang cái sự nó giống anh y chang. Thì đúng là như thế, tôi có thể làm chứng. Nếu lược đi những sự khác biệt do chênh lệch mức sống giữa hai thế hệ, thì tôi thấy rõ ràng thằng Hùng những năm nó mười một tuổi, mười ba tuổi, mười lăm, mười sáu hay hai mươi tuổi vân vân, chính cống là bản sao mặt mày bộ dạng của Minh hồi anh cùng những độ tuổi ấy. Nhưng thế thì có gì là đặc biệt đâu mà phải hãnh

diện nhấn mạnh mãi như vậy. Tất nhiên là trước đây tôi chỉ lấy làm buồn cười thôi chứ không để tâm, song giờ thì tôi đã chợt hiểu vì sao Minh lại thế.

Bao nhiêu năm qua tôi giao thiệp với gia đình họ hoàn toàn chỉ theo nghĩa là một người bạn của tay chồng, quan hệ bạn bè ngày trước với cô vợ không còn dấu vết. Tôi không để tâm để ý nên không biết gì về Lan bây giờ nữa ngoài cái sự cô ta là vợ Minh, đồng thời cũng đã quên sạch những gì về Lan ngày trước.

Ngày trước, chúng tôi bạn bè một nhóm bốn đứa chứ không phải chỉ ba. Không chỉ gồm tôi, Minh và Lan, mà còn Tuấn. Tuấn “bộ”!

Phải rồi! Tính nết của thằng Hùng qua những gì bố nó vừa miêu tả, chính là tính nết của Tuấn ngày xưa. Không phải vậy sao.

Con nhà cán bộ cao cấp, lại là con một, Tuấn được cưng chiều thành ra ngù ngờ và đại nhất. Có điều chỉ bạn bè thân mới biết Tuấn là thằng nhất. Còn ở phố ở trường người ta chỉ thấy một thằng Tuấn không có vụ đánh lộn nào mà không có mặt. Sợ thầy sợ cô một phép nhưng lại lòng danh ương bướng. Và bởi vì là hạng con nhà giàu nên vụng về lóng ngóng, song bi đão khăng xèng tuốt mọi trò của con nhà nghèo, Tuấn chơi tất. Đại khái nó là thằng như thế.

Tôi không biết Tuấn có bị tật sợ độ cao hay không, nhưng cái chúng sợ tiếng nổ thì nó chẳng giấu được ai. Từ lúc còn nhóc tỳ tới tận cuối lớp Mười lớn ngọc rồi mà ba ngày Tết đi chơi với chúng bạn dọc các phố, Tuấn vẫn không ngớt giật mình thon thót. Pháo cối, pháo đùng, pháo dây và cả pháo tép đều làm Tuấn sợ. Nó gồng mình lên, không trốn trong nhà, không bịt tai, lại còn đua đốt pháo đua ném pháo nghịch pháo với chúng tôi, nhưng sợ vẫn hoàn sợ. Vào lính rồi, trận mạc mấy năm rồi vẫn sợ khiếp tiếng nổ. Thằng như thế mà từng nổi tiếng khắp trung đoàn là một tay súng B41 siêu hạng sẵn xe tăng.

Tôi và Tuấn nhập ngũ cùng nhau. Là con một nên Tuấn không thuộc

diện, nhưng nó làm rất dữ dội với gia đình với khu đội để được mặc áo lính cho bằng được. Biết sức nó yếu ớt, biết tính nó nhát, sợ tiếng nổ, sợ máu, sợ chuột, sợ rắn, sợ đủ thứ từ gớm ghê đến vớ vẩn nhất, tôi ráo riết can, nó sừng sộ chực nện tôi. Cùng tiểu đội tân binh với nhau, thương nó vô cùng mà không thể đỡ đỡ gì được cho nó, một thằng công tử bột con ông cháu cha lần đầu nếm mùi khổ ải, bởi động vào giúp nó thì chết với nó. Trên dọc đường vào Nam cũng vậy, tôi chỉ có thể lẳng lặng nhìn nó vật lộn với bản thân nó qua từng chặng đường, con dốc, dòng suối, qua từng trận bom.

Vào tới B3, tôi và Tuấn được quân lực phân về cùng một đại đội. Tuấn trưởng thành nhanh hơn tôi nhiều. A phó, A trưởng, rồi B bậc phó, B bậc trưởng chỉ sau có hai mùa khô. Tôi không hề ngạc nhiên. Khắp tiểu đoàn mọi người đều nói về Tuấn với niềm mến phục về sự thông minh, tháo vát, xông xáo năng nổ, và đặc biệt là lòng dũng cảm, tinh thần xả thân vì đồng đội. Nhưng tôi biết rằng không phải thế, đúng hơn là không phải chỉ thế, bạn tôi còn hơn thế nhiều, vì rằng anh vẫn thế, vẫn Tuấn “bột” ngày nào.

Sau chiến dịch 72, Tuấn đi học nửa năm ở trường quân chính Mặt trận, rồi lại trở về đơn vị làm đại đội trưởng với hàm trung úy chính hiệu. Tôi thì trung sĩ nhưng đang tạm quyền chính trị viên phó, vậy là hai thằng cang sát cánh bên nhau. Ngay trận đầu tiên sau ngày trở lại đơn vị, Tuấn đã thể hiện sự vượt bậc của mình về tài chiến trận và năng lực chỉ huy. Bình tĩnh, cứng rắn, phán đoán giỏi, quyết đoán nhanh, khôn ngoan, tỉnh táo v.v... hơn hẳn trước khi làm B trưởng, ai cũng thấy thế. Còn tôi, sát cạnh bên Tuấn, tôi thầm biết anh vẫn vậy. Vẫn kín đáo sợ, vẫn âm thầm nhát, vẫn một mình triển miên chống chọi với cái bẩm sinh yếu đuối trong bản thân mình. Một trái cối giáng xuống cho dù là thành linh, với tôi và với nói chung lính tráng chỉ cùng lắm là giật mình, nhưng Tuấn thì căng thẳng tới cùng, gân cốt đờ cứng. Thậm chí chỉ một

tràng tiểu liên thôi bắn xéo qua đầu cũng khiến anh phải vận đến bản lĩnh. Có điều tuyệt đối không ai ngoài tôi nhận thấy. Mà thật ra tôi cũng không thấy, chỉ cảm thấy thôi, bởi trước mọi tình thế Tuấn chưa bao giờ có bất kỳ một biểu hiện bề ngoài nào của nỗi sợ hãi.

Đôi lúc cũng thấy buồn cười, nhưng tự đáy lòng, tôi yêu quý và khâm phục Tuấn. Và thương bạn vô cùng. Cùng một gánh nặng cực khổ và hiểm nguy của cuộc chiến, kẻ chẳng biết sợ là gì như tôi phải chịu đựng một, thì Tuấn phải chịu đựng gấp ngàn lần hơn. Phải cắn răng gồng mình lên hơn. Phải chịu nhọc nhằn và đau đớn nội tâm nhiều hơn tôi gấp bội lần.

Khi Tuấn về chỉ huy đại đội, cuộc chiến đã ở vào thời kỳ “sau Hiệp định”. Gạo đạn cùng mọi tiếp vận hậu cần khác dồi dào và đều đặn. Thư từ nữa. Ở đại đội tôi, lượt hàng quân bưu nào Tuấn cũng được thư. Và lượt nào cũng có thư của Lan, từ Đông Đức. Tôi cũng thỉnh thoảng nhận thư Lan. Cô biết tôi và Tuấn cùng đơn vị. Là viết cho tôi, nhưng trong những thư ấy, Lan cũng không thể giấu nổi, không thể kiềm chế nổi những lời thiết tha, những lời yêu thương nồng cháy dành cho Tuấn.

Hai người bạn họ lặng lẽ mến thương nhau từ lâu, nhưng mãi đợi tới ngày chia tay, Tuấn vào bộ đội, Lan ra nước ngoài mới dám cùng nhau ngỏ lời bày tỏ tình yêu và lời ước hẹn.

Sau ngày Tuấn hy sinh, thư của Lan gửi anh vẫn đều đều được chuyển về đại đội. Tôi xếp những bức thư không bóc ấy vào trong ba lô của Tuấn, cùng với bức thư trước, thành một chồng rất dày.

Tuy nhiên, tất cả những điều đó, cuộc đời, tính nết, nhân cách của Tuấn thì có liên quan gì đâu tới đời sống hôm nay của vợ chồng Minh? Làm sao một con người lý tính như Minh lại có thể nảy sinh trong lòng một mối ngờ vực hoang đường đến vậy về Hùng, một đứa con đã chào đời ở bên ngoài rất xa quá khứ mối tình đầu của vợ anh?

Hay là quả thật có tồn tại một mối liên hệ và ràng buộc bí ẩn giữa con

trai của Lan với người cô yêu, dù người ấy đã hy sinh từ rất lâu rồi. Và vì là người chồng người cha nên Minh đã không ngừng bắt gặp những bằng chứng về mối liên hệ không thể nào có thật ấy. Không thể nào là có thật nhưng bằng chứng thì nhiều. Có lẽ cả bằng chứng hiển nhiên nữa. Như là khi Hùng, đứa con trai nhút nhát của Lan gồng mình trấn áp nỗi khiếp sợ bẩm sinh, đối mặt với độ cao và vực thẳm để liều thân cứu bạn, đấy có phải là bằng chứng hiển nhiên?

*B.N*

D A N G Â N

## Xuân nữ

(SH số tháng 10 - 2010)

T  
hường thường, trước khi cột dây xuống vô chạt cây bình bát ở góc bên của chị, tôi phải nhóng xem hồi lâu. Hoặc cầm dầm ngóng nghe hoặc sẽ kêu lớn để đánh động: “Chị Xuân ơi, em lên chơi nè, được không?” Tôi thích cả hai trường hợp. Chị đang một mình thì chị em sẽ được riêng tư thỏa thuê còn như có ông nào trong nhà, tôi sẽ được ngắm cái ông may mắn sở hữu chị. Dám chắc tôi không phải kẻ tò mò duy nhất. Những người chưa quen biết sẽ cho xuống từ từ trôi qua mong nhìn thấy một lần người đàn bà nguy hiểm; cánh đàn ông không xa lạ thì dần dần đâm chèo hy vọng được mời mọc để bước lên và ngồi lâu. Đàn bà con gái ư, đa số xì xào sau lưng những lời muôn thuở của đàn bà, riêng tôi, tôi được trọng thị như một người bạn vong niên trong trẻo. Người đẹp nào cũng cảm nhận được quyền lực của mình nhưng không phải ai cũng tận dụng nó để làm ra lợi. Chị cảm động vì tôi và chính vì chị bình thản tự tại nên chị rất đặc biệt, tôi tin là vậy.

Gần bốn mươi năm đã trôi qua kể từ khi tôi biết chị lần đầu. Không cú mọi ký ức chiến tranh đều đau buồn, u ám. Thời gian quá xa để những cơn ác mộng trong đêm thừa dần, để những cơn rần con đĩa không



khiến mình hét lên trước khi choàng tỉnh. Nhưng những gì tốt đẹp nhất thỉnh thoảng vẫn lóe lên, như những viên ngọc sắc nét trong bóng tối. Bữa cơm rứt rề đầu tiên ở nhà người đánh dấu chặng đời thoát ly; tiếng hát ai đó vút lên trong một buổi hoàng hôn dào dạt những đoàn xuống, một câu thơ của Thâm Tâm gửi thắm theo chàng trai vừa khiến mình xao động... Và chị, chị là một phụ nữ thường dân khiến tôi day dứt tới tận hôm nay bởi ấn tượng khi chị xuất hiện, cái cách chị chấp nhận chiến tranh và cuối cùng là sự mất hút để phải rất nhiều tin đồn vương vãi như thể người ta đã tìm thấy xiêm áo, giày dép bên bờ sông trong câu chuyện về những thiếu phụ cả gan làm cho người đời phải nhắc đến.

Tôi thích vẻ chín muồi của chị ở quãng sau này hơn mặc dù lúc đó chị đã bị xoi mói nhiều hơn. Nhưng hãy nói về ấn tượng ban đầu trước đã. Một gương mặt có cạnh hàm hơi vuông nếu nhìn nghiêng. Không trái xoan không mũi dọc dừa không mày cong mi rậm môi hồng nhưng toàn bộ gương mặt đẹp về đẹp đầm thắm, sáng rõ. Gì nữa? Thêm làn da ngà ngà tươi, thêm chiếc cổ vươn cao trên chiếc áo bà ba khoét trễ, chị như một món quà giữa khung cảnh hoang tàn và bị dồn đuổi sau Tết Mậu Thân. Tôi tỉnh khôi mười tám tuổi, lần đầu tiên tôi thấy những người đàn ông trong nhóm của mình bất động như bị điểm huyết trước một người đàn bà. Quá đẹp để ghen thở nghĩ về sự tàn khốc của chiến tranh đang có mặt ở quanh chị, khắp nơi. Đó là một buổi chiều điêu linh, nhóm đi Cứ chúng tôi đang dựng chòi trong biển lá dừa nước, vườn của dân phía trên đã bị thuốc khai hoang làm cho bình địa, biển lá la liệt những tàu lá chết vàng gãy gục. Du kích sống rải rác trong những căn chòi thấp phủ bằng những tàu lá chết, tất cả sự sống phải bị che đậy bằng cái chết của cả một biển lá để qua mắt lũ máy bay các loại quần thảo suốt ngày. Chị hiện ra, ở đường mòn có những bẹ dừa nước thả dài trên đất sinh, chị giống một nàng tiên hơn là người thực giữa buổi chiều thê lương đó. Chị nói chị không thể chạy ra ven vì có một bà má mù lòa, chị phải bám trụ cùng với mấy người bà con trong đội du kích. Trong khi những người đàn ông

nhóm tôi há hốc không nói nên lời, tôi đoán biết vì sao chị không chạy đi. Tản cư trong cảnh ra vô giữa hai vùng, nhất định chị sẽ không trót lọt được với những gã lính đồn đối khát nhiều thứ trong hàng rào kẽm gai, bằng như phải ra chợ kiếm sống thì chị cũng không thể yên ổn bởi nhan sắc của mình.

Đạo ấy chị mới chỉ có một anh bộ đội trên bàn thờ, người chống nghe đầu quê tận U Minh. Từ chỗ chòi Cú của mình tôi rải thêm một lớp bẹ dừa nữa để thật khô chân mỗi khi chạy qua chỗ chị. Những đợt dừa non đã bắt đầu le lói màu xanh trên một biển lá vàng. Chúng tôi giống những con còng thập thò trong hang trong lỗ. Những khi được thoát ra, tôi thích ngắm chị xắn cao quần đi từ mép lạch lên với chùm lưới cá trong tay, để lộ đôi đùi non miễn nhiễm với ô rô cóc kèn như thể trong da đã có chất kháng sinh. Tôi thích được múc nước trong cái khạp dội xuống mái tóc dài đen tuyền mỗi khi chị gội đầu bằng nước lã tro - chúng tôi không có tiền và cũng không mua được xà bông, những lúc ấy cái cổ thanh thanh là tâm điểm của ánh mắt thán phục, không biết mô tả thế nào cho xứng. Càng thích hơn khi nhìn chị nghiêng nghiêng chải tóc trong ánh chiều được thả lỏng, thời gian ngồi nghỉ như một cam kết bất thành văn của cả hai bên: lũ giặc trời thôi không tác oai nữa, các họng pháo ở chi khu cũng im miệng cho nguội nòng và quân lính của đối phương trong những cái đồn gần nhất cũng phải ăn uống tắm tấp theo kiểu nào đó để tồn tại và dân đi Cú chúng tôi rất thích la cà với dân bám trụ để thư giãn. Tôi chỉ có một địa chỉ duy nhất là chị, một bà góa phi thường hơn là đáng thương trong cảnh mẹ lòa, phải tự tìm ra con cá lá rau và đêm đêm còn phải lên đồng cuốc đất vãi mạ cấy gặt để có hạt gạo lứt mà cầm cự với thời cuộc. Tôi thường hỏi, ở đâu ra nhan sắc này và ở đâu ra sự gan góc đường ấy?

Cuộc chiến ngày mỗi khốc liệt ngoài sức tưởng tượng của con người. Trước khi tình cờ gặp lại chị trên một bờ kênh rất xa vịnh nhà của chị,

một con kênh thuộc quyền kiểm soát hoàn toàn của bên kháng chiến, đã đến tai tôi tiếng đồn về một Xuân nữ cao có số sát chồng, nguy hiểm còn hơn một tay bắn tỉa. Dung mạo, làn da, vóc dáng chị giống hệt bức ảnh người phụ nữ trên hộp thuốc *Xuân nữ cao* bổ âm thịnh hành thời đó và biệt danh ấy do ba người đàn ông trong nhóm của chúng tôi loan ra. Nó hơi sến nhưng nó vẫn có ý nghĩa nào đó về mặt tri ân, như một ghi nhận, như một liều thuốc. Phải nói rằng cuộc gặp lại của chị em tôi có không khí của người nhà, ai nói sao về chị, mặc, tôi vẫn say mê chị như ngày nào, thậm chí có phần sùng bái. Cuối cùng chị cũng đã phải bật gốc khỏi biển lá, thay vì chạy theo dân tản cư, chị bị cuốn vào bên trong cùng với những người kháng chiến, một thường dân cá biệt và nổi bật. “Nhà” của người bám trụ cũng chỉ là một mái chòi dưới một lùm cây bình bát sống sót, một chiếc bàn bằng cây tạp, một khuôn bếp, một bộ vạt tre cho dân đi *Cứ lui* tới làm khách và một tấm vách ngăn với chiếc giường của gia chủ bên trong. Bà má của chị trên bàn thờ nhìn tôi, người bộ đội đầu tiên của chị sau chiếc lư hương nhìn tôi và chị nhìn tôi, buồn rầu. Chính vì vậy mà chị mặn mà hơn, không sao cưỡng nổi. Chị bảo con cá lá rau của lung Ngọc Hoàng này không bỏ đói ai cả, chị biết cầm phảng phất đất cấy lúa, cũng qua ngày đoạn bữa như thường. Tôi biết rõ cái nét nhẫn chịu của chị với bom đạn giặc già, nó không có gì đáng nói trong câu chuyện của chiến tranh, nó quen thuộc như mở mắt ra là cụ bị đồ lễ để có thể lát nữa sẽ phải xuống xuống chui rúc tránh né cuộc càn, nếu chuyện đó không diễn ra thì canh chừng bom pháo cho đến lúc chiều xuống mới ra đồng phát cỏ cấy trồng hay bắt cá lượm ốc hái rau qua ngày. Duy có một điều tôi muốn chính chị liệt kê ra nhưng lại không dám hỏi. Nghe đâu chị đã có tới ba người trong một năm, cả ba đều được ra mắt chính thức với mấy người quen trong *Cứ và dĩ nhiên*, người đi thì đi luôn, chỉ có giấy báo tử quay về. Là nhà báo, tôi biết mặt họ hết, cả ba đều là sĩ quan cấp tiểu đoàn, một người quê ở Bến Tre, một người quê Rạch Giá còn người kia là dân Bạc Liêu. Khí phách và sự phóng túng của

những sĩ quan chủ lực Miền thì khỏi phải nói nhưng họ biết mà vẫn lần lượt đâm đầu vào để chết, liệu có nên không? Nhưng mà, khi đã đứng trước chị thì chính tôi cũng muốn bế bổng chị lên để hít hà mặc mọi chuyện ra sao thì ra, mặc hết.

Vẫn cái bếp có khuôn cắm bằng cây tạp, chị không chịu ngồi bếp xồm bao giờ. Vẫn cái giàn để hong những cây củ chặt ra bằng ngăn ngắt. Vẫn cái ấm nước gạo rang đặc biệt uống bằng chén, hầu như chúng tôi không có trà bao giờ, nhưng nước gạo rang chỗ chị vàng nhất và cũng thơm nhất. Có lẽ đàn bà đẹp thì cái gì cũng thơm và làm gì cũng thấy có lý. Vẫn cái cách chải tóc cẩn thận sau một ngày lấm láp, đáng đứng không lời nhưng cực kỳ gợi cảm. Tôi đã thấy lại chị, một cái nụ cười trước một bông hoa đã nở tràn nhưng trong tôi đâu chỉ dừng lại ở sự thân thiết giản đơn đó. Tôi thích có chị trong tầm mắt, người ta đàm tiếu bao nhiêu thì tôi càng muốn biết thực sự chị dễ yêu và dễ gần với đàn ông chiến trận là vì lẽ gì, lực hấp dẫn trai tài gái sắc, hay thuần túy đàn ông đàn bà, hay hàm chứa một sứ mệnh bí ẩn? Chị thường tình gái góa hay chị là một câu đố, một bài toán khó?

Một lần, một người đàn ông ngồi trên gờ cây bình bát trước cửa chòi của chị thôi thúc tôi ghé lại. Tôi ngờ ngợ, tôi có biết người này không? Lực lưỡng, tóc xoăn, da ngăm, miệng rộng, nhìn qua cũng biết lại một anh bộ đội chủ lực Miền, họ rất khác với cánh cán bộ dân chính hay du kích hay địa phương quân. Tôi đã nhớ ra, anh từng đóng quân trong vườn nhà tôi, thần tượng âm thầm thời thiếu nữ của tôi và thật nực cười, tình cảm ấy bỗng dừng kết thúc khi vợ của anh từ Đầm Dơi đánh đường lên đơn vị thăm anh, một người phụ nữ trẻ không gây được ấn tượng nào ngoài cái sự trẻ. Vợ anh tầm thường đâu phải lỗi của anh nhưng tôi cũng không còn tôn thờ anh nữa. Đã nói đó là tình cảm bốc đồng của tuổi dậy thì mà lại. Sau đó, tên tuổi anh vang dội lên mãi, từ đại đội trưởng rồi tiểu đoàn phó và không chừng, lúc mắc kẹt trên gờ cây bình

bát này, anh đã tiểu đoàn trưởng rồi cũng nên. Thiệt là, tôi muốn kêu lên với bà chị của mình, chị không khước từ bất kỳ ai hết, phải không? Anh ta đang giữa một cây lược cài tóc từ một mảnh nhôm máy bay, cánh bộ đội rất tài ở những ngón này: đàn hát, tấu hài, bắt rắn mò tôm và những trò thủ công từ tấm kính cho cây đèn pin, hay khắc bông lên cây kẹp tóc, hay biến một chai cồn thành cây đèn dầu có nắp dùng để bắt muỗi trong mùng... “Anh dân trung đoàn Một từng chà xát ở Long Mỹ, đúng không?” - tôi hỏi gặng để khiến anh ta nhớ tôi là ai. Nhưng hoặc là tôi đã lớn bồng lên không thể nhận ra cô bé hay trèo cây dưới vườn dừa, hoặc Xuân nữ của tôi đã làm mờ mắt anh ta. “Bộ dạng tui có đóng dấu trung đoàn sao? Chị Xuân cô ở trên nhà, cô lên uống nước đi!” Tôi cọt xuống, bước gấp lên, tôi bắt gặp chị sau vách chòi, chỗ chị đang múc nước từ khạp đổ vô ấm. “Chắc chắn ông nầy có vợ rồi chị ơi!” Chị bình tĩnh, khẽ cau mày, chị không từ bà mẹ mù lòa đã ra người thiên cổ kia, chị cũng không phải sản phẩm của sinh bần, chị thuộc về bí ẩn của tạo hóa ở cái cách cau mày nầy. “Có chắc không?” - chị thờ ơ hỏi lại. “Em biết rành, vợ anh nầy dân Đầm Dơi, không xấu không đẹp nhưng mà...” Chị nghiêm trang: “Người ta trần mạc, đừng có khắt khe!” Tôi không chịu lùi: “Còn quân phong quân kỷ, ảnh bỏ ngũ luôn à?” Chị đưa tôi cái ấm để vấn lại mái tóc, hai cánh tay thon dài như đang cử hành một vũ điệu: “Đừng lo, ảnh đã ở mấy ngày nay. Tối nay em ở lại chơi, chị em mình liên hoan tiễn một người trở lại đơn vị, nghen? Có lệnh điều quân lên Châu Thành, Cần Thơ rồi, chắc khó về lắm”. Nếu quăng đời làm báo trong chiến tranh có khoảnh khắc nào khiến tôi do dự và dễ đầu hàng nhất thì chính là giây phút này, khi sự khẩn khoản khiến chị đẹp lịm đi. Chị bảo tôi nhóm lửa nấu nước, còn chị thì bước ra và ngồi xuống tình tứ bên mép kênh với người đàn ông sắp đi vào tuyến lửa. Năm đó để giành thế thượng phong ở bàn Hội nghị bốn bên, Hà Nội tin mật vào rằng phải vừa đánh vừa đàm, động viên tổng lực, mọi người dân đều phải được huy động, không chừa một ai.

Tôi tìm mọi cách dõi theo người đàn ông thứ năm ấy và không ngạc nhiên khi nghe anh đã nằm xuống trong một trận thư hùng dữ dội ở Phong Điền, Cần Thơ. Không ngạc nhiên nhưng càng hình dung càng bút rút. Tóc xoăn, ngăm đen, ngang tàng, sức vóc, khéo tay, hoạt khẩu... Đã bị chôn xuống đất đen một con người như vậy, đã kết thúc dễ dàng một cuộc đời như vậy sao? Liệu Xuân nữ đã hay tin này chưa, lần này nhất định tôi phải chứng kiến sự đón nhận khắc nghiệt này. Bốn lần trước tôi chỉ tưởng tượng ra, chị đau khổ kiểu gì với ba cái giấy báo tử trong một năm và chị là người hay sắt đá mà không biết sợ cái tờ giấy ấy? Chị không có nốt ruồi nào trên mặt, nốt ruồi sát phu càng không, còn cái tướng sát phu là tướng gì và nó ra làm sao hở trời? Tôi sẽ lột trần chị ra, nếu được, chị không má bầu không hồng hồng dâm dâm, vậy chị liên tục cần đàn ông để làm gì, chị cần một đứa con ư, sao cứ nhè các chàng sĩ quan ấy để phải ra nông nổi cho cả hai bên? Chị đón tôi bằng ánh mắt đỏ hoe và quần áo tóc tai vẫn trang trọng như thường. Chị bày trên tấm vạt những kỷ vật, anh Thứ Hai một bức ảnh bán thân từ thời anh là học sinh chợ huyện trước khi về quê đăng lính, anh Thứ Ba một cái gương cầm tay có khắc hai con bồ câu kể mở vào nhau sau lớp thủy, anh Thứ Tư một tấm vải dù chị đã thêu tên anh bằng chỉ đỏ vào góc khăn. Chị cầm lên cây lược cài tóc của anh Thứ Năm, dùng cả hai tay từ từ cài nó lên và lặng lẽ nhìn tôi, chị khóc không thành tiếng, nước mắt lã chã đầm đìa, Xuân nữ của tôi, khóc cũng không giống ai, khóc cũng đẹp thì có chết người ta không chứ! Mọi ý định của tôi đều không nổi, ngay cả câu chất vấn vì sao chị không đưa họ lên bàn thờ cũng không thể nữa, một cách dàn hàng ngang như vậy để làm gì, có ích cho ai?

Tôi ra vô với chị thường hơn khi có dịp. Chủ trương vừa đánh vừa đàm của Hà Nội đã khiến cho vùng kháng chiến mở ra, từng tháng một. Lung Ngọc Hoàng nườm nượp người và xuống ghe. Cũng có nghĩa là đàn ông con trai đi qua cái bến cây bình bát của chị đã dập dìu hơn. Đến người Thứ Sáu thì tôi không chậm chân nữa, tôi phát hiện ra ngay và tôi

đã xộc lên chòi, tôi kéo chị ra xa, tôi xoay chị bằng hai bàn tay giận dữ và tôi đồn chị như một quan tòa: “Chị tu đi, chị xuống tóc đi, chị đừng khiến người ta lui tới sập sận nữa! Chết chóc đủ rồi, tai tiếng đủ rồi, chị có biết người ta nói gì sau lưng mình không? Chị đâu còn trẻ nữa, già không bỏ nhỏ không tha là sao? Chị không thấy anh chàng này trai tơ ngơ ngác hay sao? Chị từ chối đi, chị làm cứng đi, chị xua đuổi anh ta đi, chị phải để người ta sống mà trở về với ba má người ta, gần kết thúc rồi, gần lắm rồi, không lâu nữa đâu, chị hiểu không?” Chị giang tay tát thẳng vào mặt tôi, trán trời nhìn, nhịp thở dồn dập lên ngực: “Em mà cũng nói cái giọng đó hả? Không chị em gì nữa, kệ chị”.

Tôi đã nói những gì vậy hờ trời, xét cho cùng chị có lỗi gì đâu. Không biết chàng trai búng ra sữa kia để lại cho chị kỷ vật gì. Mỗi người là một cơn bão chứ không phải là chồng hay người tình nữa. Sau này, khi ký ức đã thành những thốt vĩa trong tôi, mỗi lần bóc chúng lên là mỗi lần tôi nhìn sâu hơn vào thớ quặng của chúng, tôi hiểu chị thấu đáo dần. Trời sinh ra những người đàn bà đẹp để làm gì? Họ là những ánh chớp cho ta thấy cả đất và trời trong một lúc nào đó, không hư vô thường tình chút nào, lúc đó. Rồi mọi thứ sẽ trở lại đều đều, quân bình, nhàm chán, thậm chí tẻ nhạt. Nó, những tia chớp giạt ấy là hiểm họa mà cũng là tài năng phải có trong cuộc đời này, không dành riêng cho ai cả.

Người Thứ Bảy đang cùng chị hiện ra trước mắt tôi trên một chiếc xuống. Lúc này chị đã dời lên kênh Long Phụng, giữa lung Ngọc Hoàng, chắc lại là một mái chòi nho nhỏ, có chiếc bàn và ấm nước gạo rang uống bằng chén, có khuôn bếp đứng nấu, có bộ vật hiếu khách và có căn buồng với những chiếc gối xinh xinh để đêm đêm chị thả người xuống, tung mái tóc dài ra, hai cánh tay thon nuột chờ đợi dịu dàng; tôi hình dung chị sẽ không bốc lửa ma quái mà luôn luôn cao nhã, ân cần, dăng hiền, ngầy ngà. Không khí tháng Tư năm Bảy lăm cấp rấp ở khắp nơi, dào dạt hy vọng ở khắp nơi. Người đàn ông đúng tuổi cầm chèo, chị ngồi mũi và quay mặt về phía ông ta, chiếc xuống lướt đi hối hả. Tôi

hét lên vui mừng, chúng tôi giận nhau và xa cách nhau như thế đủ rồi, đã ngủ thấy mùi chiến thắng rồi, một người đàn ông cuối cùng cho chị, không đáng mừng sao? Chị chờ xuống tôi chạm vào rồi mới nhỏ nhẹ: “Chị đưa anh Tư ra kinh xá rồi về. Ra đó nhiều ghe máy ra hướng Ngã Bảy, anh quá giang dễ hơn. Anh rượt theo đơn vị mà, em!” Chị nhìn người đàn ông của mình, âu yếm, buồn thương. Không khí nước rút bao bọc chị, nó khiến chị đắm thắm, từng trải hơn nhưng cũng da diết hơn trong giây phút lập lại kẻ ở người đi, biết đâu, lại là đi mãi nữa? Tôi biết người Thứ Bảy này nhưng ông ấy lại không biết điều đó. Ông là vị chỉ huy tài ba của tiểu đoàn chủ lực danh tiếng tỉnh nhà, mắc mớ gì đó với tỉnh đội nên có ý định bỏ ngang. Dù sao ông ta cũng đang trở lại chiến trường, nói theo cách nói thời đó, là không viện cớ bất mãn để nằm dài, chờ thời, bảo mạng. Tôi lướt xuống đi, mấy lần ngoảnh nhìn. Đáp lại nụ cười ma mãnh của tôi, chị vẫn nghiêm trang như trước nay, mặt có tươi lên đôi chút.

\* \* \*

“Chị đi tu đi, sao chị không xuống tóc đi cho thiên hạ nhờ!” Tôi đã nói những gì, tôi đã nhân danh gì, nhà đạo đức, sự ghen tuông hay lòng đố kỵ? Tôi day dứt mãi, chị đã biến mất ngay khi người đàn ông ấy ngã xuống trong ngày 30 tháng Tư ở cửa ngõ vào Cần Thơ. Không làm sao lần ra được dấu vết của chị. Cho tới tận hôm nay, nhiều lúc bất chợt gặp một cái cảm hơi vuông nhìn nghiêng bên vành khăn sư nữ hay một dáng đi thanh thoát trong nếp áo nâu sồng, tôi vẫn thắt tim hy vọng. Có phải chị đó không, Xuân nữ? Nhưng chắc gì trời đã để chị chọn đường tu, có khi chị đã về với trời xanh và mây trắng, đã xong một sứ mệnh và một đời người, thôi thì cứ nghĩ vậy cho thanh thản. Cuộc sống đã lại đều đều, nhàm chán, thậm chí là tẻ nhạt quá rồi, chị ơi!

D.N



# Tiếng vọng làng Thòi

(SH số tháng 1 - 2010)

Ngày trước đi ngang Phủ Diển, thầy địa lý Cú Đện dừng lại khá lâu nhìn doi cát trời ra ở cuối làng Đọp cười: Chỗ này giống y chang cái hĩm. Nghịch! May có con sông đâm vào nên thủy thổ tương sinh, sau ắt sinh làng nhưng âm khí nặng. Chẳng ai để ý đến lời thầy, mà cũng chẳng để ý làm gì vì đó chỉ là doi cát hoang, mọc toàn gai ngấy nên gọi là cồn Ngấy. Cồn Ngấy nổi tiếng lắm ma, nhiều rắn độc. Đồn rằng ở đó có con bạch xà sống lâu năm nên đã thành tinh. Những đêm trăng suông nó thường hiện hình con gái đẹp để ám đàn ông. Những anh nào số đen dính phải không mất mạng thì cũng mất hồn. Chú Tộ suốt ngày ngồi nơi gốc nhãn cuối làng hướng về doi cát vừa hát vừa bắt “chim” ra chơi - Người làng bảo chú bị ma Cồn Ngấy hút hết dương khí sinh điền. Lão Bất chặn trâu với tôi kể: Đêm trăng suông sáng như ban ngày, thằng Tộ đang cật vó bỗng có đứa con gái mặt hoa da phấn, mùi ngâu ngào ngạt bước đến. Thoạt nhìn, Tộ đã mê mẩn tâm thần. Nó dẫn cu Tộ vô Cồn Ngấy. Tui bây biết vô đó mần chi không? Thấy chúng tôi há hốc mồm lắc đầu. Lão chụm bàn tay trái vòng hình chữ o rồi lấy ngón trỏ tay phải thọc vào lồi ra liên tục. Lão cười hô hố làm mấy đứa con gái thẹn đỏ mặt. Lão làm

bộ rừng mình. Thôi. Không kể nữa. Hãi lắm. Mấy đứa chăn trâu bọn tôi đang khoái nghe một hai giục lão kể. Lão chun mồm hình chữ o. Khi cu Tộ nhà ta đang “phi ngựa” chợt thấy cô gái chỉ có cái đầu và hai vú tròn như hai quả bưởi là người, còn lại mình rắn to như cái cột nhà. Eo ơi! Tộ ta hét lên một tiếng kinh hoàng rồi chết giấc. Mấy đứa con gái cũng hét lên eo ơi rồi co rúm người lại sợ hãi. Tụi bây biết ai cứu thằng Tộ không? Sau một ngày tìm kiếm tao mới lôi được nó từ bụi gai gãy ra đó. Lão Bất thở dài. Tội nghiệp, hãi quá nên nó bị tâm thần. Lão Bất kể nhiều chuyện ma Cồn Ngầy làm chúng tôi sợ chẳng dám đi đêm. Khổ nhất là con Lắm nhà dì Liêng, đêm nó bắt tôi đến ngủ chung, buổi sáng đi học kiểu gì nó cũng túm áo tôi vì sợ. Chẳng riêng con Lắm sợ mà tôi cũng rất sợ nhưng là con trai nên tôi làm ra vẻ già gan, cứng cựa thể thôi chứ trong người run lắm.

Cồn Ngầy từng có vài người đàn ông bỏ mạng vì rắn bấp chuối, nên người đời thêu dệt nhiều chuyện ma cực kì rùng rợn, hãi hùng. Càng ngày Cồn Ngầy càng trở thành ma địa, chẳng ai dám bén mảng tới. Vày mà vào ngày bạch lộ có kẻ dám cả gan đến dựng lều giữa Cồn Ngầy ở. Kẻ đó là dì Liêng mẹ con Lắm. Làng được phen xôn xao. Người bảo dì điên, kẻ nói dì là hiện thân của bạch xà tinh. Dì Liêng trước đây đẹp nổi tiếng làng Đọp lại học giỏi. Đang học dở lớp 10 dì gác bút cùng với 11 cô gái làng trở thành những chiến binh Trường Sơn làm cho nhiều chàng trai tiếc ngẩn ngơ. Nghe bảo dì là đại đội trưởng phá bom Trường Sơn từng được phong dũng sĩ diệt Mỹ.

Ngày đất nước ca khúc khải hoàn chỉ còn bảy nữ chiến binh của làng trở về, trong đó có dì. Dì Liêng bị bom na-pan cháy đen mất nửa mặt nhưng dì che khăn, một bên vẫn còn nét đẹp của một thời xuân sắc. Mẹ dì cứ đưa bàn tay già nua sờ rấm khuôn mặt con mà khóc. Khi đi con tui lạnh lặn, đẹp như hoa, như tranh mà giờ tàn tạ như thế này con ơi! Bố dì chửi: Bà cầm mồm đi. Con Nụ, con Hoa, con Xuyến, con Vi bị bom vùi, một mẩu xương cũng không có đem về. Nó không chết là mừng rồi.

Bảy nữ chiến binh đều đã ngoài băm. Ở làng Đọp ngày đó con gái ngoài hai mươi chưa chồng đã gọi là “ngồi cổn” hưởng chi các chị ngoài băm. Các nữ chiến binh trở về nhưng chỉ có cô Nhụy lấy được ông chồng là ông chủ tịch xã chết vợ, còn lại vẫn phòng không gối chiếu. Lão Bất ông ổng. Ngày trước các em là những con thiên nga? Bây giờ các em là những con vịt già. Cốc cốc cốc ai có một mớ đem ra mà phơi. Đến khi động trời không phơi được nữa. Câu nói lão Bất như xoáy vào nỗi đau của những nữ chiến binh. Nhưng lão chẳng để ý, cứ ngheo ngo: Tuổi xuân em gửi chiến trường/ nên giờ phải trượt mạ giường trong đêm.

Đùng một cái, dì Liêng có bầu. Ngày ấy chữa hoang là ghê gớm lắm. Dì đi đâu người ta cũng chỉ trỏ, bàn tán. Dì Liêng không dám ra khỏi nhà. Nếu có chuyện phải đi thì cũng sụp nón che mặt, lấm lụi mà đi. Rồi người ta bắt dì Liêng ra giữa đình đọc “cáo trạng”. Chữa hoang, tước thẻ Đảng. Xóm trưởng Mục là tay tự ý bắt dì ra “đấu tố”. “Chánh án” Mục hỏi. Ai là cha đứa bé trong bụng? Khai mau sẽ được khoan hồng! Dì nước mắt chảy dài chỉ im lặng lắc đầu. Dân làng một số người nhui, xía xói. Đồ chữa hoang. Cũng đảng viên đấy bà con ạ. Lại còn dưng sĩ diệt Mỹ nữa chứ! Ngủ ấy làm xấu mặt làng, phải cạo trọc bôi vôi, bỏ bè chuối trôi sông. Quảng ra Cồn Ngấy cho ma rần thật. Thậm chí có kẻ còn ném đá vào dì như đầu địa chủ ngày xưa. Khi đó dì chột quắc mắt đứng dậy đá bay bàn “chánh án”, túm lấy cổ áo xóm trưởng: Bà bảo cho mà biết nhá, khi bà đang lo đánh Mỹ thì mày trốn nghĩa vụ ở nhà nằm với mấy mụ vợ của mấy anh đang đi bộ đội. Đùng lên mặt với bà. Bà đếch ngán. Thằng mô giỏi thì ra đây! Dì Liêng dú tay Mục ngã chổng khoèo rồi vớ lấy chiếc đòn gánh múa tít. Lúc này đứa mô ném bà. Đứa mô chửi bà. Có giỏi thì mở mồm đi. Bà thích thì bà chữa, bà đẻ, ảnh hưởng chi đến bát cơm hay mớ mả đứa nào. Đám đông đột nhiên im bật chẳng có ai dám mở miệng, vòng vây cứ dặt ra. Dì Liêng quảng đòn gánh uốn bụng đi về. Lão Bất cười khàn khạch. Con Liêng nó có võ, đụng vào nó đá bể dái. Ha ha... Không chồng mà chữa mới ngoan/ có chồng mà chữa thế

gian sự thường. Tay Mục lồm cồm bò dậy đuổi theo dì nhưng có mấy người ngăn lại. Lão hậm hực bảo sẽ trị bằng được dì Liêng. Nghe đâu tay Mục tâu lên xã, xã gọi dì Liêng lên mấy lần nhưng rồi cũng chẳng làm được gì. Sau vụ đó, đi đâu dì Liêng cũng không thềm che nón nữa. Dì cứ ưỡn cái bụng như vậy mà đi. Những ai nói vướng đến tai dì, dì sẵn sàng “dùng vây” xắn quần lên chửi. “Dùng vây” vậy thôi nhưng dì buồn lắm. Dì khóc suốt. Bố dì chửi: Biết nhục chưa con. Mày còn ngồi đó mà tưới nước mắt. Lòng tao cũng đang muối đây. Cút ra khỏi nhà cho khuất mắt tao. Thế mà dì đi thật. Dì cầm rửa ra Cồn Ngấy chặt tre, lấy lau cù làm tranh dựng lều ở. Mẹ tôi bảo dì Liêng chuyển dạ vào đêm bão. Một vài người vẫn nghe tiếng kêu của dì nhưng giữa đêm bão quật, lại sợ ma nên họ không dám ra. Cơn bão khủng khiếp làm cho hơn nửa số nhà trong làng đổ. Nhà tay Mục xóm trưởng to đùng mà tường đổ đè cho gãy cả hai chân, suýt chết. Vậy mà túp lều bé như lỗ mũi của dì Liêng nằm giữa Cồn Ngấy không việc gì. Bão tan, người làng đã nghe tiếng khóc oe oe vọng ra từ Cồn Ngấy. Ai cũng bảo dì Liêng là ma nên túp lều mới không bị đổ. Đẻ giữa đêm bão không đèn, nến, không người đỡ mà con bé bụ bẫm, đẹp như tranh. Lão Bất thì lắc đầu lè lưỡi. Con bạch xà tinh thấy người đối xử với người ác quá nên đêm đó nó động lòng sai bảy rắn, con mô con nấy to như cột nhà quấn lấy nhau để níu lều chống bão. Bạch xà hiện thành bà đỡ đẻ. Hai con mắt nó là hai viên ngọc sáng, cần chi phải đèn nến. Con bạch xà tinh rửa mà tốt thật.

Dì Liêng đã “bắn phát đại bác” mở màn cuộc cách mạng không chống mà chữa cho những nữ chiến binh làng. Dì Lúa, dì Mì, dì Ni cũng mang bụng ra Cồn Ngấy dựng lều ở. Mẹ tôi bảo. Ra đó để tránh những thị phi của người đời. Những người cùng cảnh ngộ thường hiểu nhau, san sẻ và nương tựa lẫn nhau để sống. Và rồi những nữ cựu chiến binh quá lứa lỡ thì ở những làng khác tìm đến xin nhập khẩu Cồn Ngấy, tạo nên một quần cư làng đặc biệt, Làng không chống. Tên làng không chống dài quá họ lại gọi làng Thòi. Bởi Cồn Ngấy là doi cát thòi ra, bây giờ bỗng nhiên

thời ra làng. Vậy là làng có tên. Lão Bất bảo. Thấy Cú Đẹn phán như thánh. Đất như cái hũm bây giờ thành làng hũm.

Không chống nhưng những người đàn bà không thể thiếu đàn ông. Tạo hóa đã sinh ra vậy. Làng Thòi thỉnh thoảng vài ba ngày lại xuất hiện vài ba người đàn ông, họ là chú lái xe, anh buôn thịt lợn, có cả ông cán bộ xã, cán bộ huyện... Có ông cán bộ huyện đến thăm làng vờ say rượu rồi chui trong nhà dì Nin tranh thủ ngủ trưa. Tòì và thằng Cò đến rình nhưng bị con chó nhà dì đuổi cho chạy thực mạng. Thằng Cò bị nó ngấp cho một miếng vào cẳng đau nằm lăn lộn dưới đất. Nó bảo. Ông huyện có lẽ quen rồi nên chó không cắn.

Những người đàn ông đến rồi đi, chẳng thấy ai ở lại. Họ đi rồi cái bụng của những người đàn bà cứ phình to ra. Cồn Ngấy ngày một sinh sôi. Sau này các nhà xã hội học chắc sẽ đau đầu về sự sinh làng này.

Tòì cũng sinh ra ở làng Thòi. Những đứa trẻ làng Thòi chúng tôi lớn lên chẳng biết cha mình là ai. Hồi nhỏ, tôi hỏi cha con đâu? Mẹ không trả lời, mắt ầng àng nước. Câu hỏi không có câu trả lời cứ ray rút mãi trong tôi. Chiều, tôi đang mò ốc với thằng Cò thì con Lắm chạy đến. Anh Vin ơi. Lúc đêm cha em về, bộ đội đang hoang nhé, cha cho em nhiều quà lắm có con lật đật thích ơi là thích. Khi cha chuẩn bị đưa em đi ăn kem thì nghe tiếng mẹ khóc nên em tỉnh dậy. Thì ra em nằm mơ, tiếc ơi là tiếc. Thằng Cò bĩu môi. Đừng có mà mơ. Cha mày là chú Tộ đang bắt “chim” chơi ngoài gốc nhãn. Con Lắm cắn môi. Cha anh thì có. Em cũng nghe các dì nói chú Tộ là cha anh Cò. Thằng Cò nhảy lên xô con Lắm ngã xuống sông. Tòì hốt hoảng lao theo vớt con Lắm lên. Đêm đó con Lắm sốt cao, nó cứ gọi cha ơi, cha chở con đi ăn kem. Dì Liêng sinh anh Lắm đầu nhưng anh chết từ năm 9 tuổi. Mẹ tôi kể. Anh Lắm biết đi cấy, đi bắt ốc bắt cua từ rất sớm. Đạn dì Liêng ốm anh Lắm đi ra đầm chao lươn bán để thuốc thang, rau cháo cho mẹ và em. Đêm, chờ mãi không thấy anh về, mọi người đổ đi tìm, thấy xác anh nổi trên đầm vạc. Tòì hỏi

cha anh Lắm, con Lắm là ai. Mẹ lù mắt. Con nít. Hối lung tung. Nhìn con Lắm cứ gọi cha trong mê sảng, tôi thấy cục gì cứ trôi lên trong cổ rồi tôi chạy ra bờ sông khóc tức tưởi, khóc không tài nào nín được.

Những đứa trẻ Cồn Ngậy chúng tôi biết làm lụng từ rất sớm, chả đứa nào học lên đến cấp 2. Nghèo đói một phần nhưng, đi học sợ sự phân biệt “chủng tộc” của bọn trẻ làng khác. Chúng tôi được chúng gọi là những đứa con hoang làng Thòi, con không cha... Những câu nói đó như những con quái vật găm ghềnh vào tuổi thơ chúng tôi. Lần đi học về qua Đầm Vạc, con Lắm reo lên. Hoa súng đẹp quá, anh Vin lấy cho em đi. Tôi bơi ra hái một ôm đưa cho con Lắm thì bị thằng Ngọ con lão Mục cướp. Tôi giằng lại bị nó đá lộn xuống đầm. Tôi lóp ngóp bò lên bờ, thấy miệng mằn mặn, đưa tay lên quệt thấy tay đầy máu. Tôi nhìn nó căm thù. Nó bảo nhìn gì thế thằng không cha. Miệng tôi sưng vù cũng không đau bằng câu nói đó. Dùng hết sức bình sinh, tôi lao vào húc nó bổ chửng. Đè lên người nó tôi đâm tới tấp. Tôi đang nổi điên thì bị một bàn tay như gọng kìm chít lấy cổ. Lão Mục. Lão cứ nắm lấy cổ tôi cho thằng Ngọ vùng dậy trả đòn. Tôi bị nó đâm đá vào mặt vào bụng đau, tức không thở được. Con Lắm thì gào khóc. Anh Vin ơi, anh Vin ơi. Khi tôi máu mồm máu mũi ròng ròng, cha con lão mới chịu buông tha. Con Lắm vừa khóc vừa tìm cỏ mực nhai đắp lên cái miệng rách, của tôi. Tôi gượng đau bảo con Lắm về đừng mách mẹ. Tôi không muốn mẹ buồn. Tôi thất thểu ra về trong người sùng sục nổi căm giận. Tôi sẽ báo thù. Tôi nghĩ ra ngàn cách báo thù cha con lão Mục như trong phim. Tôi chỉ chờ đợi cơ hội.

Một đêm trời tối thui, gần 2 giờ sáng tôi và thằng Cò đang hí hụi ở Đầm Vạc cật vó bỗng nghe tiếng ùm rất lớn phía sông Ngân, tiếp đến là tiếng quấy nước. Thằng Cò tưởng ma co rúm người lại. Tôi bảo. Nhanh lên chắc có người tự tử. Tôi và nó cầm đèn chạy đến thì thấy một người đang chơi với giữa dòng nước xoáy. Thằng Cò bấu tôi. Lão Mục. Chẳng suy nghĩ, tôi đưa cây đèn cho thằng Cò rồi lao xuống. Tôi đã có kinh

nghiệm, nước xoáy mạnh không nên bơi mà lặn xuống. Tôi lặn một mạch rồi trôi lên, lựa thế luồn tay kẹp lấy cổ lão, chân đạp mạnh để lái khỏi vòng xoáy. Thằng Cò đã tìm đầu được cây tre dài lao ra, tôi nắm lấy. Lão Mục quay người túm lấy tôi bấu chặt. Tôi phải dùng hết sức bình sinh của tuổi mười sáu để tụt xuống gỡ bung hai bàn tay như gọng kìm của lão, rồi tiếp tục kẹp cổ lão. Kiểu kẹp này là lão Bất bày cho tôi. Lão bảo như vậy người được cứu mới không chìm mình chết theo. Tôi mệt nhoài, hai chân mỏi nhừ như sắp bị chuột rút. Càng gần bờ, càng lấm đá ngầm, chân tôi va vào đá bị cứa nhiều nhất. Tôi biết máu chảy nhiều nhưng không có cảm giác đau. Chặt vật lấm tôi và thằng Cò mới diu lão lên được bờ. Lão uống no nước, bụng như trái sim. Thở hí hóp. Tôi mệt bỏ hơi tai nhưng phải xốc lão lên vai chạy cho nước trong mồm ộc ra. Khiếp! Mùi rượu nồng nặc. Thoát chết, hôm sau lão đi chấm phẩy đến nhà tôi với mấy cân gạo. Lão nói lí nhí, khúm núm cảm ơn cứu mạng và xuýt xoa khen tôi, bảo mẹ tôi đã sinh được một người con dũng cảm. Tôi chả thèm nói gì, bỏ ra ngoài. Lão Bất cười hô hố. Mày cũng được đấy. Tao tưởng mày trả thù chìm chết thằng Mục. May! Tao cũng cảm ơn mày. Thì ra lão Mục hay mò đến nhà dì Phí, lão Bất thấy ghét nên quyết định cho một vố. Lão quét vôi đầy mặt chờ Mục ra về liền nhảy xổ đến nhất. Mục ta tưởng ma chạy tồm xuống sông luôn. Lão Bất bảo. Kiểu trả thù của mày đều nhất trong các kiểu trả thù. Tôi chẳng biết, chỉ thấy lòng trống rỗng và buồn, tôi cứ đi như kẻ mộng du và đến nhà dì Liêng khi nào chả biết. Con Lắm nhảy bám vào cổ tôi. Hoan hô! Tí nữa anh đưa em đi xem phim nhé. Có cái gì đó mềm mềm, cứng cứng đang ngo ngoài nơi ngực tôi. Thì ra Lắm đã lớn...! Chỉ một khoảng khắc, mắt con Lắm và mắt tôi gặp nhau. Tôi sững sờ. Nó cũng sững sờ. Một cảm giác lạ chưa từng có đang lan khắp cơ thể và tâm hồn tôi. Con Lắm buông nhanh tôi, mặt đỏ bừng chạy vào nhà. Tôi đứng trân, thấy lâng lâng lạ lẫm. Đêm, nghĩ đến ánh mắt của con Lắm tôi thao thức không ngủ nổi. Gần sáng, tôi mới chớp mắt. Tôi thấy mình dắt con Lắm ra sau đồng rơm. Chúng tôi trần

trưởng dính chặt vào nhau với những khoái cảm dâng trào bất tận, cảm giác đầu tiên tôi mới biết. Nhưng thoáng chốc tôi lại thấy trong vòng tay mình không phải Lắm mà là một người con gái khác, đầu người, mình rắn to như cột nhà đang ngọ nguậy. Tôi hét lên kinh hoàng rồi vùng dậy, mồ hôi vã ra đầm đìa, thấy trong người nôn nao lạ lẫm. Đứng quần ướt sũng, tôi thò tay xuống thấy nước gì đó nhầy nhầy. Tôi hoang mang, sợ ma rắn làm cho điên như chú Tộ. Sáng, tôi chẳng dám kể với mẹ mà kể với thằng Cò. Nó cười. Mà giờ mới phọt à. Đó là nước để sinh em bé đó. Tao phọt từ năm ngoái, thỉnh thoảng tao cũng tự nghịch cho nó phọt. Thích lắm. Vậy tôi đã trở thành đàn ông.?

\* \* \*

Trong tiềm thức và vô thức tôi muốn bỏ đi thật xa để không ai biết gốc gác của mình. Đơn giản thế thôi. Những đứa trẻ sinh ra ở làng Thòi cũng đã bỏ xứ tha hương khi chưa đến tuổi vị thành niên. Có lẽ chúng cũng giống tôi. Tôi khoác tay nải ra đi trong chiều mưa âm đạm. Mẹ nước mắt vắn dài. Con ơi con đừng đi. Mẹ lạy con. Tiếng gọi được đẩy đủ quyền làm người đã thúc giục tôi cất bước bỏ lại đằng sau người mẹ liêu xiêu trong cơn mưa tầm tã. Chiếc xe ca lăn bánh, tôi thấy con Lắm đuổi theo xe ngã dúi dụi gào lên. Anh Vin ơi... Tôi vuốt mặt, nước mắt lẫn nước mưa mặn chát. Tôi phải đi, chào nhé. Chào làng Thòi, chào những nỗi đau, chào mối tình trong trắng đầu đời, chào tất cả.

Tôi phiêu bạt nhiều nơi. Bao nhiêu năm quăng quật, va đập với đời cuối cùng tôi cũng làm được anh thợ cả. Tôi dẫn năm đứa đàn em sang Lào nuôi chí lớn. Nhiều cơ hội đến với tôi nhưng tôi chẳng thể nào nắm bắt được. Tôi hiểu, mình chẳng có kiến thức để xây những công trình lớn. Tôi chỉ xây những ngôi nhà nhỏ cấp 4 và công trình vệ sinh.. Đi đâu tôi cũng thấy mình nhỏ bé và tự ti; thấy mình chông chênh, thiếu thốn một cái gì đó rất khó đặt tên trên bước đường hình thành tính cách và



bản lĩnh của một con người. Cái dáng đi lúi cúi mắt nhìn xuống, cổ tật của cư dân làng Thòi tôi vẫn không thể nào sửa được. Bảy năm rồi tôi chưa về làng. Tôi chỉ nghe loáng thoáng thằng Cò vào tù vì nghiện rồi đi xách ma túy; con Lắm cũng bỏ nhà đi sau tôi mấy ngày, không biết đi đâu. Thằng em cùng mẹ khác cha điện báo. Tết này anh về chứ. Mẹ nhắc anh suốt. Tôi gất. Tao không về. Dập máy rồi tôi thấy buồn mênh mang. Những mái nhà tranh thấp tè mọc thếch bên sông Ngân ngẫu đỏ, những con người làng Thòi cứ hiện trước mắt tôi. Đến bây giờ tôi mới hiểu vì sao khuôn mặt mẹ và những người đàn bà làng Thòi đều khắc khổ, đôi mắt buồn ằng ạng nước như chực khóc và dáng đi lúi cúi, tất tả. Họ chỉ vui khi ngồi bên nhau kể chuyện Trường Sơn. Tôi và thằng Cò có lần nghe lỏm được chuyện của mấy dì. Dì Nụ kể. Tiểu đội tao 12 vịt giò. Đàn ông không có nhưng lại nhiều bom. Lần được giao phá 3 quả bom trên đồi B2, tao cõ trướng bò lên phá được 2 quả, đến quả thứ 3 tao trèo lên cú ôm bom mà ngủ. Tao mơ thấy đang ôm người yêu mới chết chứ. Khi mọi người đến thấy tao đang ôm bom rên ư ử. Mấy dì đấm nhau cười rung cả mái tranh, khuôn mặt ai cũng rạn rở, mắt long lanh... Có lẽ những ngày tháng ở Trường Sơn, chiến trường ác liệt nhưng đó là quãng đời đẹp nhất, bi hùng nhất của mẹ tôi và những người đàn bà làng Thòi.

Chẳng thể về quê, nỗi đau đốn ấy đeo đẳng, day dứt mãi trong tôi suốt những chặng đường phiêu bạt. Bây giờ nằm đón Tết một mình nơi lán công trường heo hút trong cánh rừng Lào tôi trần trọc không tài nào ngủ nổi. Tiếng gọi làng Thòi cứ vọng mãi trong tôi thúc giục. Vâng, tôi chẳng có cớ gì mà không về với mẹ. Tôi phải về thôi. Chẳng cần lấy đồ đạc, tôi lao ra khỏi lán vượt rừng ra đường lớn đón xe về Việt. Tôi về đến đầu làng đúng vào thời khắc giao thừa, bầu trời đêm rực sáng bởi những chùm pháo hoa ngũ sắc.

*Làng Nghè 31-10-2009*

*T.D*

B A C H L Ê Q U A N G

# Biển của người dưng

(SH số tháng 2 - 2011)

*Người đàn bà gối giấc ngủ trên cánh tay của biển*

- Thơ LHL

## 1.

Khu định cư làng Vòm trưa nắng vàng bùng như da người mắc bệnh xơ gan cổ trướng.

Tư Ngon ngơ ngác. Ngơ ngác buồn: Ngơ ngác trước đề văn của thằng cháu nội lớp sáu. Văn tả cảnh chiều làng cá trên biển.

Viết đi con. Viết đi Sóng. Nội tả cho. Viết cho hay vào. Mặt trời sà xuống biển. Ráng chiều đỏ thắm như mặt trăng say rượu bữa gặp dịp. Dịp vui. Dịp trúng mùa cá cơm. Cả làng chài cửa quây, nhảy lanh canh, lấp lánh ánh ngày. Cát vàng pha trắng, nắng từ chiều nên ấm. Ấm gan lòng những bàn chân to bè vững ngàn năm cùng biển.

Rồi đêm. Đêm tha nắng. Nắng ẩn xuống cát, tối mịt mù tăm cá. Những bàn chân to bè bỗng loạn choạng.

Đến đó, Tư Ngon lại ngơ ngác buồn. Đọc. Nhưng đoạn này, thằng Sóng thấy lạ. Sóng nhìn sững ông nội, cảm rằm. Nghỉ nội ơi. Mối tay rồi. Mà biển của nội chiều ni lạ quá. Biển nội khác với biển người. Biển của cô giáo Sóng. Biển người như công chúa, như hoa hậu về thăm trẻ em khu định cư sau lũ. Biển người có tiếng hò dô gọi cá về, vẫy vùng lưới lộng buồm căng. Biển người có khu rờ khu giọt chi đó, thơ mộng, yên lành.

Biển nội khác. Biển nội như khu định cư buồn mùa nước nổi mênh, ngồi co chân lăn những viên bi trên nền đá gạch nhớ bụi bờ hang hốc trưa hè sân nắng. Biển nội, chán như gói mì ăn hoài hôm lứt (gói mì ông làm to trên tỉnh cho rồi rờ trán con trước máy quay phim). Biển nội...

Tư Ngon ngơ ngác nhưng nghe. Được mất, đắng ngọt tiếng cảm rằm của Sóng. Ngơ ngác chợt tỉnh. Ngơ ngác bỗng nóng ran đầu chân tóc. Tóc dựng như buổi còn chân cứng sóng mềm, cùng cha thằng Sóng ra biển. Biển của mình.

Tỉnh mà mê. Và quên. Và giận. Quên thằng Sóng là cháu nội. Quên nó là thằng con nít (dầu là nít ranh). Lửa giận lâu ngày càng âm ỉ. Lửa ngún qua thịt da, thấm sâu từng thớ thịt ướp muối biển thời đỏ hồng, ẩn chìm trong ruột, trong gan, trong phèo, trong phổi. Lửa buổi người ta mất. Mất thật. Lửa tưởng cá là thớt, tưởng Sóng là người ta. Lửa phun thành dòng, thành lời. Lời đắng. Đồ ngu. Biển của tao mới là biển. Biển mình. Biển công chúa, hoa hậu chi đó, rờ giọt chi đó là của người. Biển của người ta. Biết không thằng ôn đảm thánh vật, thằng con nít hỉ mũi chưa sạch...

Bây giờ, đến phiên thằng Sóng ngơ ngác (Sóng biển ngơ ngác tội lắm. Sóng không muốn hại người. Sóng bị gió cuốn, bốc đầu đánh tàu bè, kéo người ta xa đất. Xong cơn ma khiến quỷ xui, ngơ ngác. Ngơ ngác như người sau một đêm say mềm làm điều không phải, thần thờ sấm hối).

Nó vỗ lưng ông nội bành bạch. Ông nội chắc say rồi. Mai làm cũng được. Ba ngày nữa cô giáo mới bắt nộp bài. Tao không say. Tao có miệng

để tao nói. Biển tao rửa đó. Người làng chài ăn to nói nậy nhưng quyết không nói điều. Lờ mẶn như muối bể, ngổn ngản như cát nhưng ruột gan, lờ nói là đọi máu. Vứt biển mi đi. Thằng ranh...

Biển đó nở chơi. Biển đó là biển của người. Biển của người dưng.

## 2.

(Mà người dưng cũng có năm, bảy người dưng).

Người dưng xưa về làng Vòm dạy học là cô giáo Bình. Bình da trắng như thoa kem, mới về nên ỏn ẻn thị thành. Nhà Tư cách chỗ cô giáo dạy một đôi cát bồng rất chân người lạ. (Lúc ấy chưa có tàu lạ).

Mỗi lần theo cha ra biển, ngang ngôi trường có hai lớp học của cô giáo Bình, người Tư cứ rần rần, xoắn xang như người cao huyết áp uống phải nước mắm ruốc làng Vòm. Ngực Tư lúc ấy lại là ngực trai biển mới lớn.

Thấy da cô Bình trắng xanh thị thành, ngực xoắn xang bảo lòng chọn loại cá cơm than, sổng đen ở giữa, ép thành nước mắm nhĩ nước nhất tặng cô. Nhìn dáng cô Bình gầy guộc, mỏng như mực phơi nhiều nắng, ngực lại rần rần bảo tay đánh loại cá nục chuối mình no tròn như ngô núi còn nhảy lanch canh từ mẻ lưới sớm cho cô.

Một bận, bão quét làng Vòm. Bão vô biển như trâu đực động cõn xổng chuồng. Cô Bình bịt tai ngồi khóc hu hu dưới gầm bàn miệng gọi mẹ ời, mẹ ời.

Đêm ấy, may Tư không theo cha ra biển (Mà nếu ra biển, ai sẽ vào vai Tư mà đóng trọn vở anh hùng cứu mỹ nhân?).

Có Tư, cô giáo Bình không còn bịt tai ngồi khóc, không còn gọi mẹ ời, mẹ ời. Có cô giáo Bình, Lục Vân Tiên Tư làng Vòm nhìn bão Ô Qua chỉ như ngọn nồm hiu hiu đong đưa giấc ngủ trưa hè, ầu ơ tiếng võng. Như

ngọn gió hôm ni, phát ra từ cái quạt bàn Trung Quốc lâu ngày không nhót... nhỏ như con tép, con tôm.

Sau trận bão Ô Qua, như một kết thúc có hậu của bất cứ vở tuồng quen quen anh hùng cứu mỹ nhân nào, gái thị thành đã phải lòng trai quê làng biển (phải lòng làng hoàng chứ không phải kiểu phải lòng điều ngoa, cà rồn như cái cô Hiền thành thị với trai làng biển Vội vắn số, si tình. Cái chàng Vội đĩa mà đòi đeo chân hạc ngày xưa...).

Đám cưới Tư và cô giáo Bình khiến cả làng Vòm say đến mấy ngày. Rượu đổ vào hòng trai làng biển dịp vui như mưa rào không thấm đất. Làng Vòm cùng nhau rôm rốp (Lúc ấy, họ cùng ly nhau không một, hai, ba... dô dô, dô dô như bây giờ. Lúc ấy, trai làng Vòm hô một, hai, ba... Tư... ngon). Mà ngon thật. Trai biển quê kéo được gái thị thành khi chưa có chuyện vượt biển, chưa có khu rờ khu giọt, nó động trời, động đất như Huyền Trân về với Chế Bồng Nga, như Diệp Băng Đình với nàng Chiêu Trúc Lệ trong vở tuồng “Thuyền ra cửa biển” có kếp độc Út Trà Ôn. Ừ. Tên Tư Ngon của nội là ngon kiểu đó, à con. Ngon vì kéo được phổ về biển. Không phải kéo theo cách của khu rờ khu giọt chi đó, “Đảo Ngà”, “Đảo Ngọc” chi đó. Về kiểu đó đâu gọi là ngon. Kéo về kiểu đó cả làng Vòm biến mất, kéo về kiểu đó, khiến sóng biển bạc đầu thành giọt nước máy khu định cư nhỏ nhỏ nước đá thần lẩn. Kéo kiểu đó, lòng làng quặn. Lòng người đau thắt.

Mà lòng Tư Ngon là lòng làng. Vì vậy, buồn thành dòng xối xả như đêm nay dưới mái tôn khu định cư nằm nghe mưa thối ruột người đứng của biển. Người đứng đã đi. Đi là đi biệt.

(Thằng Cát, thằng Vẹm, con Trìa đã lớn lên. Những đứa cháu nội, cháu ngoại như Sóng, Lưới, Ghe, Cát đã lớn lên...).

Buồn lại càng thành dòng, thành tiếng khi người đứng của biển mịt mù tăm cá mà biển chừ. Biển chừ... Tư Ngon thở dài xoay lưng trở mặt vô vách.

Biển chừ đã không còn. Biển chừ là của người đứng.

Và nhớ là nhớ người đứng tự nhiên bỏ biển.

Và ngờ ngác ngờ ngác khi biển là của người đứng.

### 3.

(Mà người đứng cũng có năm bảy người đứng) Người đứng nay về làng Vòm vết đen, vết trắng. Người đứng nay ồn ã, mập to chứ không như cô Bình ngày xưa.

Người đứng nay họp dân ba bốn bận. Người đứng nay mắt nhìn xa tận biển. Thừa bà con. Biển cho ta nhiều mà lấy của ta cũng lắm. Cho cá, cho tôm, cho cái ăn, cái mặc... Rồi một năm, biển lại lấy về. Lấy nhà, lấy cửa, lấy hàng dương chặn cát cuối chân đồi, lấy cả cái sống. Thừa bà con (nói đến đây người đứng mắt đỏ hoe. Ông ủy ban xã đưa chiếc khăn) Vâng, theo số liệu thống kê thì từ trận bão 1985 đến nay, biển đã lấy mạng sống của...

Tại Tư Ngon ù ù những lời ngọt tận xương. Thanh niên làng Vòm một hai ba dô dô từ mấy ngày họp dân, đầu vầng vất, vỗ tay rôm rốp. Rúa là đổi đời rồi. Rúa là khỏi sợ cái nạn “nhất phá sơn lâm, nhì đầm Hà Bá” rồi. Mần một ly đi chú Tư Ngon, thổ địa làng Vòm. Làng Vòm sắp thành Đảo Ngọc. Thừa bà con, Đảo Ngọc sẽ là khu resort lớn nhất ở đây với vườn sinh thái và hàng trăm phòng nghỉ dưỡng. Bà con sẽ không cần ra biển mà biển với hàng ngàn loại cá sẽ hiện ra trước mắt trong những bể kính khổng lồ với sân golf đẳng cấp quốc tế. Thừa bà con...

Tư Ngon bỏ về nhà nằm. Gió biển qua sóng, qua những dải cát vàng pha trắng rin rít muối bể mặn chát lòng. Thăng Sóng đi học về, thấy nội nằm thượt. Nó hỏi. Nội không ra đình họp làng à? Tư Ngon mở mắt, gắt. Con nít biết chi. Sóng ngờ ngác. Bộ con là người lớn à. Ừ. Nội sai. Ra bà

Bến lấy nội xì rượu. Sóng lại hỏi. Rượu bia ngoài đình nhiều vô kể. Mua làm chi. Nội lại gắt. Con nít. Rượu bia của người. Sóng bước ra sân, làu bàu. Rượu mà cũng của mình, của người. Nội chưa uống đã say. Ủ. Con nít mà nói đúng. Ủ, có những lúc người ta chưa uống đã say.

Bữa người đứng xưa bỏ Tư Ngon mà đi. Đi là đi biệt. Tư Ngon nằm liệt giường gần một tháng trời. Biển đang mùa cá cơm nhưng lòng Tư Ngon lạnh ngắt. Lạnh như chiều nay từ chỗ họp dân về. Đành rằng, trời mưa thì đất chịu nhưng đau gì như thế.

Thấy tội thanh niên ngồi với mấy xì rượu có mấy con cá chỉ vàng khô đét cắm ống hát nghiêng ngả. Sao đành bỏ quê hương, sao đành bỏ phố phường... giữa mùa cá cơm sền sệt của biển, lòng Tư Ngon lại như cá xát muối.

Thấy mấy đứa con gái tóc bắt đầu vàng, mỏ bắt đầu đỏ, ỏn ẻn trên đôi cát, lòng Tư Ngon lại nhói như kim châm.

Mấy con mẹ cò đất bắt đầu lảng vảng đầu ngõ cuối thôn. Những người già bằng Tư Ngon cũng bắt đầu láo liên, nghiêng ngó. Xưa cả làng Vòm nhà tốt tuốt từ bến đò bãi dương đến cuối đôi Cát Động. Nay cọc rào, lưới B40 giăng như lưới cá. Chỗ lão Hoạt với bố thằng Xúc là chỗ thân tình. Chỗ mẹ Thìn, mẹ Đèo là chỗ sống để bụng chết mang theo mà nay lẩn tắc đất cọc rào mà nhìn nhau không sửa.

Tư Ngon đau quá thể. Cái gì bây giờ cũng như thể người đứng.

Cái gì rồi cũng người đứng. Biển của người đứng, người làng Vòm với nhau cũng là người đứng. Cát cũng người đứng, sóng cũng người đứng. Đến nổi, ngọn gió chiều nay bên cút rượu mẹ Bến cũng người đứng. Đà này, tuốt rồi, cái bãi tha ma cuối đôi Cát Động, bãi chôn biết bao người làng Vòm chết sông chết biển, chết bão chết lụt, chết bệnh chết tật... rồi cũng ra người đứng.

Người sống với nhau là người đứng đã đành. Người sống với người chết mà cũng là người đứng thì ra thể thống gì nữa.

## 4.

Bữa cuối cùng làng Vòm để chuyển về khu định cư, Tư Ngon ra thăm mộ vợ, cái cô giáo Bình ngày xưa. Chiều biển động đất cát bay mù mắt người. Hoang lăm, vắng lăm càng hoang vắng. Tư Ngon đốt nén nhang rồi ngồi bệt bên mộ vợ. Tư Ngon bày ra đĩa hai con mực một nằng (cái thứ mực mà ốm nghén cô giáo Bình cứ đòi ăn như khoai đất cát). Tư Ngon nghĩ thần thờ ngơ ngác (biết đâu mai này mực cũng người dưng). Nghĩ một lúc, Tư Ngon xá vợ. Mình sống khôn thác thiêng phù hộ cho đất mình nằm, chỗ mộ gió của tôi đừng biến thành khu rờn khu giọt, sân gôn sân gấu chi đó nữa. Đất trời còn rộng lắm, theo đất cùng trời cuối biển này xin người tha cho. Sống đã không còn được thấy biển thì chết mong được một lần...

Một lần... Tư Ngon thăm thì với vợ, với những người sống với cát bụi làng Vòm nay chết cũng về với cát bụi làng Vòm. Bụng Tư Ngon nghĩ. Nước này phải cậy nhờ người chết may ra rỏ đất cùng trời cuối biển này mới không phải là của người dưng. Đáp lại bụng dạ của Tư Ngon, sóng biển động ầm ào trong chiều dưng dút. Nắng đã xế về bên xứ bạn. Vợ Tư Ngon không thể đáp trả. Người đàn bà đã ngủ trên cánh tay của biển. Dù biển, dù biển bây giờ là của người dưng.

## 5.

Không còn trận bão Ô Qua, không còn mỹ nhân cũng chẳng có anh hùng, trận bão có thực khủng khiếp nhất tràn qua làng Vòm (nay là khu resort Đảo Ngọc). Cả khu định cư rung lên bần bật với tất cả giận dữ cuồng điên. Tư Ngon nổi tiếng bạo gan (bão lạ, tàu lạ giữa biển trong những chuyến đánh bắt xa bờ ngút ngàn sóng, y còn chưa sợ). Thế nhưng trận bão bây giờ, Tư Ngon thấy khiếp, thấy xoắn xang gan ruột. Bão quần từ



tầm sáu giờ chiều đến rạng sáng. Sau đó là nước. Nước từ biển với những con sóng cao lút đầu người tung bờm trắng xóa như ngựa sống chuồng nhớ đại ngàn xa xăm. Nói thực Tư Ngon không sợ và lo cho người sống. Tư Ngon lo là lo cho người chết. Mộ đắp ở bãi tha ma Cát Động sơ sài như con nít nghịch cát. Tư Ngon lòng bùng chao chất. Tư Ngon nghĩ biển của người dựng nên biển có vô tình kéo hết ra khơi? Tư Ngon vái trời.

Người sống đã đành. Người chết có tội tình gì?

Bão dừng. Cả khu định cư thờ phào nhẹ nhõm. Khu resort Đảo Ngọc cây lá lại lên xanh. Du khách lại ửng ơ phơi mình trên những chiếc ghế dài trải dọc theo triển cát biển. Những con cá gan góc cùng biển khơi nay lại yên lành nhón nhơ trong bể kính (liệu thả chúng ra biển chúng có lại gan góc như xưa?).

Tư Ngon đi như người say, như trẻ con lảo đảo trên cát. Xưa từ chỗ này về biển, về bãi tha ma cát không đủ bồng chân người lạ. Nay Tư Ngon phải vòng vèo rào cọc, lưới tường. Bảo vệ khu resort thấy Tư Ngon một mình về phía biển xa, bảo. Chú Tư về phía đó làm gì? Tư Ngon nạt gắt (như đã từng nạt gắt với thằng cháu nội). Các chú thì biết gì. Đó là bãi tha ma. Nơi đó có người làng Vòm bao đời cùng biển. Họ phá lên cười. Ông già say rồi. Ừ. Say rồi. Điên cũng được. Mà nói say, nói điên cũng phải. Về phía đó làm gì. Người chết đã bị sóng biển điên cuồng lôi ra hết ngoài khơi. Bãi tha ma đã thành một cửa biển mới sau trận bão lụt chưa từng có trên đầu người bạc tóc như Tư Ngon. Ừ. Các chú không biết gì. Tư Ngon nghĩ. Nhưng các chú lại nói đúng. Về phía đó làm gì khi chỉ còn biển. Biển của người dựng.

Về phía đó làm gì. Nắng đã xế về bên xú bạn. Người đàn bà gối giấc ngủ trên cánh tay của biển cũng đã không còn.

Mà lạ. Không có gì nhưng Tư Ngon cứ muốn đi về phía ấy.

Dẫu phía ấy, không có gì ngoài biển.

*Mùa Đông 2010*

*B.L.Q*

HỒ ĐĂNG THANH NGỌC

# Ngày cuối cùng của một diễn viên hài

(SH số tháng 7 - 2011)

Mười bốn giờ bốn mươi lăm phút và tôi, một diễn viên hài, đã thật sự toát mồ hôi lạnh. Sự mệt mỏi đến lạ người của tôi khiến chiếc gương soi trong tủ đứng phải bỗng dưng chao đảo vì kinh ngạc. Tôi nhìn chiếc đồng hồ vô giác rồi nhìn chiếc gương và bỗng thấy mình đáng buồn cười ghê gớm. Và tôi phá ra cười.

Tôi hiểu là buổi công diễn để thêm một lần đăng quang cho ngôi vị vua hài của tôi sắp đến, khán giả sẽ không khác hơn, là nở những tràng cười rất đổi cuồng nộ muôn ngàn năm không thể khác hơn được nữa của họ. Có một cái chong chóng màu xanh xám xoay tít vào ở đâu đó trong tôi. Tôi rời khỏi chiếc giường bằng những bước chân nặng của mái đầu buồn bã. Tôi hiểu là mình đang chột cô đơn ghê gớm.

Tôi hai mươi sáu tuổi và có nhiều năm làm trò cười trên cõi thế gian này, trong vai một tha nhân lỗ bịch, một tha nhân khô hài, một tha nhân đẩy những mâu thuẫn với những khoái cảm tội nghiệp. Tất cả cốt chỉ để cho những tràng cười có thể bung ra, có thể quần quai, có thể nhức nhối,

có thể khùng khục hợm đời, ngạo nghễ chua chát và đấng ngất... Dẫu sao thì người ta cũng đã từng cười trước mặt tôi như để trút khỏi người họ một đồng rác chất chứa cả vũ trụ của họ. Ở một sân bãi vùng thôn quê hẻo lánh hiu hắt nào đó - nơi vắng bóng triết thuyết quý tộc siêu ngôn ngữ để thay vào đó là một bể dầy ca dao đang bị phân hóa một cách tội nghiệp bởi đám trẻ thích cười - đẩy cỏ, đẩy muỗi và đẩy tiếng ếch nhái..., thường cũng đông nghịt người và đầy tiếng cười khi tôi đến. Ở một rạp hát nóng nẩy và những hàng ghế đã rũ ra có thể vì biết cười, có thể người ta ham cười mà quên nó, những đôi chân xằng xê lịch sự và bất lịch sự dẫm lên những niềm khoái cảm hoang tưởng nào đó đã đưa họ đến... cũng không khác hơn, tất cả có thể ngoác quai hàm cổ đại ra mà cười.

Và thường trong cái nheo mắt hay nhăn mặt để cù khán giả, tôi nhìn qua con mắt mở tỉnh rụi, lạnh lùng quan sát, vẫn thấy có những bàn tay đục nước béo cò để quơ lấy những cảm giác nóng hổi, mà chúng bao giờ cũng đủ lý do về triết thuyết một cuộc đời bảo đảm để chúng có thể làm như vậy; cũng có những quai hàm ngoác ra vô lối hơn, đắc thắng một cách hiểm độc hay quặn lòng mà lẽ ra nên thể hoặc không nên thể. Dẫu sao đi nữa và dù sao đi nữa, không biết tự bao giờ tôi đã trở thành Người-điều-khiển-tiếng-cười-của-thế-gian.

Ở một góc ruộng, bờ ao, bụi tre la ngà hay trong quán cà phê đèn mờ hay trên một chiếc xe siêu tốc độ..., người ta đã nói về tôi như vậy, chắc chắn là như vậy. Thật ra thì tôi không danh tánh, không tên tuổi, tôi là một diễn viên hài của đoàn kịch cổ động. Nhưng ơn trên, tôi có khiếu bắt ai cười là người đó phải bò ra dưới chân tôi mà cười. Duy có một điều không ai biết, và cũng chẳng có một tín đồ nào có thể biết về một khiếm khuyết của ông thánh của mình, là tôi chẳng thể cười trước mặt ai cả, không ai có thể làm cho tôi cười được, và điều tôi chợt nhận ra là cái điều đang vô lý một cách đáng sợ ấy không hiểu nó sẽ đi đến đâu. Và sẽ đi đến đâu nhỉ nếu như bạn không có khả năng làm người khác bật

cười, ít ra là một khi người đó đã từng làm cho bạn phải bò lê lết ra mà cười? Ô, tôi chả trách bạn được đâu, bởi như thế bạn chính là bạn. Và tôi chính là tôi, với một nỗi buồn nặng trĩu và không một ai có thể làm trò cho tôi cười được.

Mười giờ năm mươi phút, tôi đã là một thanh niên lịch sự và còn đủ mười phút để phóng xe về gặp người ấy. Hôm qua, một lá thư báo cho tôi biết: “Hãy đến với cô ấy ở Sa-mạc-tiếng-khóc”. Tôi hiểu Sa-mạc-tiếng-khóc nằm ở đâu rồi. Nó nằm ở nơi mà mười năm sau ngày ấy, tôi phải đến.

Chiếc xe của tôi chạy bằng xác ruồi. Những khán giả hâm mộ độc đáo của tôi sau những giờ phút điên cuồng đã tạo nên nó với rất nhiều lý do bảo đảm cho họ phải làm ra nó để dành cho Người-điều-khiển-tiếng-cười-của-thế-gian, để cho không có thú vo ve nhóp nhúa nào của lũ bu hại ấy, để cho các nhà văn từng chắc lưỡi: “Giá như thế giới không có ruồi” có thể viết những trang sách mà loài người khi đọc nó phải biết khóc thương đòi chân lý trên trái đất này... Tôi hy vọng sẽ không đến trễ, với một sự thanh sạch mà bất kỳ một cô gái mới lớn nào trên thế gian này, cả những cô gái ở ngoài thế gian, trên những thế gian cao vòi vọi và huyền hoặc bí ẩn của đĩa bay, cũng phải mong muốn.

Nhưng người ấy không phải là một cô gái mới lớn, nàng là một cô gái có hai mươi sáu nụ hoa nở. Ngày ấy, tôi là một thằng con trai mười sáu tuổi nửa người nửa ngợm và đã có thể cù vang tiếng cười trong trẻo của nàng. Tiếng cười mà các loài hoa trên thế gian này, mỗi lần nghe cũng phải mím cười theo, nở ra muôn ngàn hương sắc để phụ họa. Ngày ấy, nàng yêu màu hồng của tâm hồn non nớt và trinh trắng như cơ thể trắng rằm mười sáu của nàng, và yêu luôn cả thằng ngợm của tôi nữa. Đến mức mà bây giờ, sau mười năm bông bột của tuổi trẻ, tôi vẫn tin chắc rằng nàng hãy còn nhớ tôi. Và hẳn trong một giấc mơ đẹp hồng hoang nào đó của tuổi đời nàng, nàng đã mường tượng ra tôi đang dặt dứ tiếng cười từ cội cô đơn nào đó vắng lại và đến trên làn môi của nàng.

Tôi dừng xe ở trước ngưỡng cửa của Sa-mạc-tiếng-khóc lúc ấy đang ngập tràn một thứ nắng vàng siêu thoát. Và ngay lập tức, không hiểu vì một lý do nào đó, chiếc xe của tôi bốc khói và tan biến một cách kỳ ảo. Không kịp cho tôi hết bàng hoàng, một con khỉ đi đến chỗ tôi, nó vừa nhún nhảy rất vui vẻ vừa đòi giấy thông hành. Tôi nhả mặt tỏ ý không thể vô lý đến như vậy vừa đưa lá thư ra. Nhưng thật không ngờ, nó chưa kịp cầm lá thư để xem xét như trách nhiệm nó phải làm thế, thì nó đã ngồi xuống, ôm bụng quằn quại và cười đến chảy nước mắt, nước mắt nhỏ thành dòng. Tôi bỗng hiểu là mình vừa làm một động tác gây cười mà những con vật kia thì chưa đủ trình độ để có thể như người, là cười thôi, chứ đừng khóc. Những giọt nước mắt của con khỉ đọng thành vũng và phút chốc, vũng nước ấy có thể ngăn cách tôi và nó đến mức, khi nó cố gắng gượng đuổi theo tôi thì tôi đã đi quá xa rồi.

Chiếc đồng hồ khế nhắc cho tôi là chỉ còn năm phút nữa. Tôi chạy học tốc giữa sa mạc có thứ nắng vàng mà chưa bao giờ được biết. Sự mệt mỏi và những cảm xúc vô định tính làm biến dạng khuôn mặt mà các cơ sở trên đó đã từng được chế bản một cách điêu luyện, một cách thực vô tình. Như thể khuôn mặt tôi đã trở thành âm vang siêu phàm của chiếc sáo thần cổ tích. Mặt đất dưới chân tôi bỗng rạn vỡ tiếng cười của nó và nước từ sâu thẳm cũng trào lên mà cười. Chúng cười sùng sục và tỏa một thứ hơi nước có sức nóng dữ dội. Tôi hiểu là tôi đang trở nên quá sức một cách vô tình và đẩy vô lý để đi vào một cõi đáng ghê sợ và đầy hài hước bi thảm. Có một cái gì đó thật huyền bí đang chờ đón tôi, như thể tôi đã yêu một cái gì thật mù quáng và phải vượt qua tất cả để xác tín cái tình cảm chỉ có duy nhất một lần chịu đựng để thể hiện.

Có tiếng hú từ trong xa lắc của ốc đảo sa mạc xanh. Nghĩa là tôi đã gần đến được với nàng. Tôi cảm thấy tôi chạy theo một sức hút bỗng bênh nào đó lấp đầy tiếng đồng vọng mà cổ xưa tôi có thể nghe được. Khi đặt chân đến gốc cọ đầu tiên ở bìa rừng, một lũ rắn lục xanh bỗng há hốc

mồm nhìn tôi và chúng cười tung tóe nọc. Còn ở trong xa kia, tiếng gào khóc của sinh vật âm vang như một thế giới huyền thoại chưa bao giờ được kể. Tôi không hiểu vì sao trước đó, mình đã không đặt một dấu hỏi tại sao nàng lại sống ở đây, nàng làm gì ở đây vậy?

Một trận mưa nhỏ của cây cọ rung ngân và qua một màn không khí mờ ảo và trong trẻo, tôi nhìn thấy nàng. Nàng đang ngồi với một trăm sợi tơ nhện nối cả khu rừng vào tai và đôi bàn tay đặt lên những cuốn sách đỏ ghi tên các loài sinh vật. Nàng ngồi như một pho tượng với tư thế của người thiền. Tôi sững sốt nhìn vào tựa để cuốn sách và hiểu ra nàng đã làm gì trong suốt mười năm qua: Người-nghiên-cứu-tiếng-khóc-của-sinh-vật, để soi rọi dưới học thuyết tiến hóa có phải không? Nàng mặc chiếc áo xanh thay cho chiếc áo hồng của nhiều năm trước. Màu của lạc quan hơn trong ý niệm con người.

Tôi đến gần nàng nhưng một từ trường khiêm nhường nào đó khiến tôi không thể đặt tay lên đôi vai bất động ấy được. Tôi hiểu là phải đánh thức nàng Bạch Tuyết này như hoàng tử ngày xưa trong cổ tích. Tôi quỳ gối khấn cầu cho mười năm xa nhau có mười lần vấp rẫy cây để đem đến sự hồi sinh hiện hữu của nàng, dầu chỉ trong phút chốc.

Và nàng hồi sinh, nàng quay lại mở mắt nhìn tôi, trong một thế giới biến thiên về cõi nào đó, lập tức tôi trở nên nhỏ dần và mất hút về một cực nào đó trong vũ trụ muôn hình vạn thể. Ngay lập tức, khu rừng im lặng và cũng ngay sau đó, điều kinh hoàng đã xảy ra, hầu như cùng một lúc, tiếng cười của lũ súc vật trời dẫy. Như một phản xạ vô điều kiện, những dòng chữ chi chít của nàng trong tập bản thảo nghiên cứu tiếng khóc sinh vật bỗng biến mất. Nàng nhặt vệt tờ giấy, nhìn những dòng chữ lần lượt biến vào cõi vô vọng rồi nhìn tôi, cái nhìn đủ mọi cảm xúc của ái, ố, hỉ, nộ; của tình yêu vô bờ bến mà mười năm qua để dồn lại trong ánh mắt ấy, trong giây phút ấy, trong hoàn cảnh nghiệt ngã như vậy. Nàng khuyu xuống một cách rã rời và tuyệt vọng. Không hiểu sao

lúc ấy tôi vẫn có thể chờ đợi một đôi chân của Akikô lê thật nhanh đến phía tôi, như bất kỳ một phụ nữ người Nhật nào, những người đã sinh ra những trang võ sĩ đạo, để chúng thực tình yêu, đặt một dấu chấm cho câu cuối của trang tình sử này. Nhưng nàng vẫn bất động. Tôi quỳ xuống bên nàng. Khi nụ hôn vừa chạm đến côi khản cổ, đôi môi chúng tôi chợt bị một tấm kính rất mỏng xé hai chúng tôi ra. Và trong một sát-na vụt cháy, bỗng nhiên lần lượt tất cả những tờ giấy bay xuống, hóa thạch, phủ kín lên nàng và tất cả biến mất, cả ốc đảo, cả khu rừng...

Khi tôi quay trở lại, một gã đuôi uoi ngật nghẻo không hiểu có phải để dành cho tôi phút cuối không chợt vỗ lấy tôi mà cười. Lẽ ra, nó nên từ bỏ một niềm sắc thể để hóa thành người, để có thể được cười theo ý tôi điều khiển. Tôi cố gắng vùng vẫy, nhưng không thể làm bất kỳ một điều gì khác. Và tôi hiểu từ đó, tôi sẽ cười cho đến chết, không một ai có thể biết đến, và không một lời trời trần nào để lại.

H.Đ.T.N

N H Ụ Y    N G U Y Ê N

# Vòng luân hồi của chữ

(SH số tháng 7 - 2010)

## 9.

Không nằm ở thì tương lai, đây là *giấc mơ về sự thật* xảy ra chưa lâu và duy nhất trong cuộc đời tôi?

Còn hiện tại: vợ tôi khóc. Tôi không rõ cô ấy đã khóc như thế nào, khóc vì lẽ gì. Nước mắt chảy tràn ngực tôi (lúc cả hai chìm trong giấc ngủ), đấy là minh chứng. Tôi thấy lạnh... Tiếng khóc, xoáy vào não, và tôi giật tỉnh lúc trời chưa thể sáng.

## 3.

Tối nào tôi cũng có một phích nước sôi từ tay vợ. Đến tinh mơ nước giảm xuống còn khoảng 90<sup>0</sup>, pha trà ngon nhất. Tôi ngồi bó gối như một lão già ở thềm cửa.

Ngôi nhà hàng xóm bên kia, đứa trẻ nít đã nín, chẳng hay mẹ nó còn thức? Tôi nhấp trà. Nước xanh, vị ngọt gờn gợn. Thơm. Tôi lại nhấp



thêm ngum mới, rồi nâng lên mũi. Khứu giác phát hiện mùi hương lạ. Tôi ngửi tiếp. Rất thơm, át cả mùi trà. Não hoạt động, thị giác nhận lệnh. Tôi hạ ly trà xuống, nhìn. Giật nảy. Ly trà văng khỏi tay, choang xuống nền nhà, vỡ.

## 5.

Vợ tôi thức giấc. Cũng không lệch mấy so với thường lệ, đi thể dục cùng mấy mẹ trong xóm.

Mang khuôn mặt thất sắc, tôi trèo lên gác như có bóng ma nào dụ. Tôi lấy cái chén xuống tráng qua, và rót trà. Lúc này mấy mẹ hàng xóm đã cùng vợ tôi đi bộ quãng xa rồi. Không có gì lạ. Cái chén mới, nước xanh, mùi thơm của trà Bắc Thái, vị ngọt nơi cổ họng tôi.

Tôi vẫn còn lưu cảm giác mỗi lần đặt tay lên đít chén, từ rất lâu. Cái chén này chạy đến từng chữ cái trên bàn cờ tâm linh 24 ô, để ghép nên những thông điệp từ cõi khác. Tôi soát lại các sự kiện liên quan đến quá khứ vị lai, kết luận thần Chén phán đúng đến chín mươi một phần trăm. Đáng tin nhất là trận đấu giữa Việt Nam và Singapore, một người bạn của tôi ở Hà Nội gọi điện vào nhờ tôi hỏi thần xem tỉ số là bao nhiêu. Lúc đó chưa hết hiệp 1. Tôi hỏi thần thì được biết tỉ số 0-1 nghiêng về đội bạn. Tôi truyền lại qua điện thoại, chưa kịp hỏi han gì thêm ông bạn thì máy cúp. Trận đấu kết thúc, tôi thở phào với niềm kiêu hãnh, rằng tôi có một người bạn là thần, là thánh; chẳng những đoán đúng tỉ số mà còn y chóc phút giây bàn thắng bay vào lưới. Vừa lúc thì điện thoại reo. Cá độ trúng, đời ông bạn lên hương. Tôi hoảng hốt. Loay hoay. Không tắt điện thoại, cũng chẳng nghe thêm lời nào. Tôi bày bàn cờ tâm linh phẳng phiu, quỳ gối, chấp tay bái lạy. Xin thần tha thứ, con không cố ý, không biết là bạn con cá độ... Tôi run run đặt hờ ngón trỏ lên đít chén, cái chén chạy tứ tung, rồi cũng ghép được câu chữ.

- Ta biết bạn người cá độ. Nhưng đó là món nợ từ kiếp trước, nay “nghiep” xui họ phải trả cho bạn người. Lẽ ra chưa đến thời hạn, nhưng thuận đây ta không ngăn cản. Bạn người cũng có cá độ bao giờ, đúng không?

Tôi gật. Chợt nghĩ, thần Chén ơi hồi thần Chén, thần là ai, ở đâu trong không gian mà gì cũng biết? Nhưng ngay ý nghĩ đó cũng “buộc” thần đưa ra câu trả lời.

- Ta người Chàm. Ta mất lúc mười một tuổi.

Rùng rợn, tôi co tay như phải điện.

- Thế... thần có... thù ai...?

Cái chén cầm. Tôi thì tự trách mình là một người cực kỳ ngu xuẩn. Rồi thì tôi tự an ủi, ừ, nếu thần giận tôi, thù tôi là một người Việt, thần đâu có chịu tới nhà tôi.

Bây giờ cái chén ấm nóng trong tay tôi, chẳng gì đặc biệt. Thần Chén không có trong ly trà tôi uống. Vô tri.

Chính lúc này, việc dùng cái chén trong tay tôi (chính là thần Chén) để uống trà, cũng nặng nghiệp như ai đó bê cái bát nhang từ trên bàn thờ xuống đựng nước đãi...

## 2.

Đứa trẻ hàng xóm khóc. Thường khi nó sẽ nín sau dăm ba phút, khi người phụ nữ bỏ chồng về với cha suốt tuần nay trở dậy miệng không ngớt “mẹ đây mẹ đây, mẹ đây nè...”. Nhưng lần này thì nó vẫn khóc. Khóc thét. Ngằn ngặt. Tôi ngồi, mở cửa nhìn ra, trời xám xám, không cần đèn cũng thấy rõ mảnh vườn hoang bên kia, nơi góc tôi thường dậy đi tiểu. Đứa trẻ vẫn chưa dứt. Mẹ đỡ mãi không được thì bỗng ra hiên, nó đỡ khóc, chỉ nấc. Tôi thấy rõ khuôn mặt người phụ nữ rất trẻ ấy. Nàng.

Tôi bật điện. Ánh sáng của hai nhà hòa vào nhau. Trà đậm. Mỗi sớm, tôi và ông già là cha nàng đang dỗ con nín kia thường uống trà, sau đó tôi tới công sở, còn ông quét dọn từ trong nhà ra vườn, rồi đi chợ. Mười ngày trước, chủ nhật, tôi thấy mẹ con nàng về ở một ngày. Lần đầu tiên kể từ lúc tôi tới mua đất dựng nhà tại đây, mẹ con nàng về ngoại lâu như vậy. Ngày mai, ngày kia..., thấy lạ, khác thường, tôi dò hỏi khi mời ông ly rượu ở quán tạp hóa ngoài xóm. Ông khóc. Bao ngày xưa tui xách gậy đuổi hai đứa tách ra bao trận, nhưng chúng vẫn quyết sống chung... Ba đêm nay tui phải qua bên thằng cháu, ở nhà không tài nào ngủ được.

Tôi ngó qua nhà ông, nàng vẫn bồng con, nó đã nín. Tôi không lộ diện. Đạo này tôi cũng ít qua với ông, sợ xóm làng dị nghị, ông càng buồn. Đêm nay ông cũng ngủ lại ở nhà đứa cháu, nếu không đã trở dậy; thấy ông chắc chắn tôi sẽ mời qua trà lá luôn.

## 7.

Vợ tôi hể nghe tiếng gọi của mụ hàng xóm, là mặc ngay áo ngực, tròng áo lót mở cửa nhào theo. Con chó đực lai Tây của nhà tôi nhân cửa mở lao theo như sợ tôi phát hiện bắt lại, xích lại. Nói phải tội, tôi nghĩ nó “ưa” vợ tôi. Vợ tôi đi đâu nó cũng trù trù theo bằng được. Tự nhiên đâu tôi vụt hiện ý nghĩ điên rồ mà không kịp ngăn chặn: nếu chó giao hợp với người sẽ sinh ra loài gì?... Đứa bé bên kia lại khóc, nàng ru: *Thôi rồi đứa đã có đôi, đèo bồng chi nữa tội trời ai mang... (À ôi...) Đi mô cho thiếp đi cùng, đói no thiếp chịu, (mà) lạnh lòng thiếp cam...*

Tôi rùng mình. Nàng là ai? Con ông già thường uống trà với tôi, dĩ nhiên. Nhưng kiếp trước, kiếp trước nữa... Nàng là ai? Tôi vụt nhớ thần Chén. Phải hỏi thần Chén. Tôi đứng dậy theo phản xạ rất tự nhiên. Lên gác. Tôi vẫn nhớ cái chén nằm xó nào.

## 6.

Lần cuối tôi “nói chuyện” với thần tính đến giờ cũng hơn năm. Khi cái chén được úp trên mặt giấy với 24 chữ cái, thần đã [tự] chạy tứ tung khắp mặt chữ để ghép thành: “Kiếp đầu tiên nàng - *vũ nữ Tiên Thiên* - được yêu trọn vẹn, chính là với Ta. Người bén duyên Tiên Thiên ở vương quốc Chăm sau đến mấy trăm năm, lúc đó Ta đang tu trên Tây Tạng. Ta nhìn thấy nhưng không bận tâm nữa”.

Tôi ghép chữ trong đầu: “Nếu đã tu đến mức không màng tới một tuyệt thế nữ nhân, lại là người yêu cũ, hẳn quả vị của thần đã rất cao? Tại sao lại rớt xuống, để rồi tranh giành Tiên Thiên với tôi bây giờ!”

“Mấu chốt chính là điều người đã nói, một tuyệt nữ giai nhân; khi ta đắc đạo, tính trở lại trần làm người thêm kiếp nữa hóa độ chúng sinh. Mở ngoặc: khi người đang làm người, người có muốn trở thành chó để “hóa độ” lũ chúng bằng tình thương vô biên của mình không?”

Tôi lắc đầu.

“VẬY ĐẤY. Khi ta trở lại kiếp người theo như ước nguyện, thật chẳng may, chưa kịp hồi lại “quả vị”, chưa kịp nhớ lại kiếp trước, nghĩa là vẫn đang người trần mắt thịt, thì gặp ngay Tiên Thiên”.

“Tiếng sét ái tình! A ha”.

“Và Ta đã bị xóa bỏ “hồ sơ tu tập”, bị đày, may còn vớt vát được phong “Thần”, có chút phép thuật. Và bây giờ thông qua cái chén để nói chuyện với người”.

“Thần vẫn yêu”.

“Đương nhiên!”

“Vẫn... với Tiên Thiên như đã”

“Thì người thấy...”

Tôi bốc cái chén lên, ném vào tường. Nhưng, chén không vỡ.

Và bây giờ nó trong tay tôi, trà sớm. Tôi nốc. Lại. Ly nước xanh lẻo... đông cứng.

Tôi buông tay như phải lửa, vụt đứng dậy. Rơi. Choang! Mảnh tung tóe. Nước trà loang nền như một mảnh gương đặt dưới lòng biển.

## 4.

Tôi thấy khuôn mặt Tiên Thiên, nhướn nhóa. Dưới ấy là cả một vương quốc, với tháp Chàm, nàng kiều sa vừa ló dạng thì cơn sóng thần ập đến. Tôi ngỡ mình đang đứng trên ngọn hải đăng giữa trùng dương, và phút giây nàng tan đi, chính lúc tôi cũng không còn thấy tôi dưới lòng biển nữa, tôi thả mình xuống để sóng cuốn đi một cách gọn ghẽ.

Hãy tưởng tượng. Một lần tình cờ ta cầm tờ tạp chí, thấy một khuôn mặt mê hồn thánh thiện. Phía dưới là những dòng chữ đau buồn, và một nén nhang. Phía dưới nữa, lời buồn thống thiết, oán trời phán oan cho nữ nhi vừa chỉ mới chạm tay vào bến xuân... Nghẹn lòng tưởng niệm. Một khuôn mặt không hề quen biết trở thành nỗi ám ảnh trong ta, không tẩy rửa được, không lọc được khỏi dòng máu rần rật trong người. Đấy chính là tâm trạng của tôi lúc đó. Chính là tôi, khi mất Tiên Thiên, khi bóng nàng chập chờn diệu kỳ trước mắt tôi, trong trí óc bồn loạn và tâm can, rồi vỡ tan chớp nhoáng. Như nhát chém sắc lẹm chỉ khoảng một phần sáu giây, tôi kịp thoáng nhận ra nỗi đau chứ không đủ thời gian nhận diện vết thương. Nỗi đau không thương tích. Tôi hiểu vì sao cuộc sống dẫu là bể khổ vẫn luôn được ngợi ca tươi đẹp trên trái đất này, nhiều người sống trong nhung lụa lại tìm đến ngõ cụt! Tôi đã mang gót chân Achilles từ trận chiến thành Troia, nhục nhằn, bại hoại đi tìm nàng trong phù du mù mịt của thiên đường đã trôi mất.

## 8.

Nếu không có Tiên Thiên xen giữa, có thể, tôi đã không đánh mất tình bạn với một “người” chí nghĩa bậc nhất trong đời: thần Chén. Từ nay tôi lại mò mẫm bước giữa trần gian bởi một tâm thức mù lòa. Tôi đã thử dùng chén khác thay vào cái đã bị vỡ, đặt vào tấm bìa 24 chữ cái, nhưng nó bất động. Lặng câm. Tôi thấp nhang gọi hồn. Vô vọng. Tôi cũng đã tới thầy bói được mệnh danh là người đặt chân ở hai cõi sống chết, song ông ta không hề có mẩu thông tin gì. Mất thần Chén, nghĩa là tôi sẽ mất sợi dây liên lạc với Tiên Thiên. Tôi sẽ không dõi theo được đôi chân thon mềm của nàng dẫu đội lốt gì và tại cõi nào.

Cũng có thể, thần Chén đã được hóa nghiệp, chuyển lên cõi cao hơn tiếp tục quá trình tu tập, hoặc thọ nghiệp bị giáng xuống cõi thấp hơn...?

Hôm nay thật tình cờ, giờ sổ ghi chép, tôi thấy lại bóng dáng thần Chén mờ nhòa. Những gạch đầu dòng vội vã; những con chữ ố vàng vụn vỡ.

- Nếu biết Tiên Thiên đang “kẹt” tại cõi thần đang sống, tôi sẽ qua đó mà chẳng mảy may hối tiếc.

- Người có dám chắc vợ người sẽ không theo người?

- Không. Bởi vợ tôi chẳng hề biết duyên nợ nghìn đời giữa tôi và Tiên Thiên.

- Nhưng nhớ ra khi ấy Tiên Thiên bỗng được trở lại dương gian? Qua cõi âm này thì tự người quyết định được, nhưng muốn trở lại... thuộc về người thân của người trên đó; cụ thể là Tiên Thiên, và ta nghĩ với nghiệp “giết” bản thân của người, nếu muốn gỡ tội chí ít Tiên Thiên phải là một nữ chân tu, ngày đêm nguyện cầu... Hoặc, Tiên Thiên không là nữ tu song rơi vào hoàn cảnh hết sức bi thương... Ban đầu là “mồ côi” chồng...

Tôi dỡ vội qua trang khác - trắng. Ai đó đã xé đi. Lại không phải chỗ

đó. Mà, đây rõ ràng nét chữ tôi, sao chưa bao giờ tôi biết đến nội dung cuộc đối thoại này??

## 1.

Tôi choàng tỉnh giấc, bởi tiếng khóc...

N.N

L Ê V Ũ T R Ư Ờ N G G I A N G

# Tôi đã nôn ra những đứa trẻ

(SH số tháng 7 - 2011)

Một đứa trẻ! Nó nằm sắp khi tôi nôn ra cùng với một lô thức ăn tanh tưởi, đắng chát, lẫn lộn thịt thà, bánh trái. Đứa trẻ đỏ hồng, nhỏ bằng nắm tay, lúc đầu tôi hơi bất ngờ vì tưởng đó là thứ gì đó chưa tiêu hóa hết. Nhưng khi dụi mắt cho tỉnh táo hơn sau một đêm tất niên mệt mỏi, tôi bỗng thấy thứ đó bắt đầu cựa quậy. Một phía của nó có đám lông đen, tôi cứ ngỡ con gà được nhổ lông chưa thật sạch và ở đó, hồn nhiên nhô lên một khuôn mặt trẻ con nhìn tôi ngổ ngáo. Nó lấy tay quệt những thứ nước bắn trên người, bàn tay hài nhi nhỏ xíu như chân một chú mèo con. Mắt đứa bé trong suốt đến mức tưởng chừng được làm từ những viên bi thủy tinh. Nó tiếp tục nhìn tôi, lần này rõ ràng là một cái nhìn trâng tráo và đầy vẻ khinh thị. Đang còn chưa biết xử trí thế nào thì một trong những gã đàn ông của tôi đã vào toilet, định giành cái bồn cầu với tôi. Giọng gã nói như ra lệnh:

- Làm gì mà lâu dữ vậy. Ra ngoài cho tôi nhờ, cô em!

Và gã tiện tay bấm luôn cái nút dội cầu, nước trào ra xối xả, cuốn



phăng tất cả những điều mà tôi trông thấy. Đứa trẻ trước khi bị cuốn theo dòng nước vẫn lấy tay vốc nước để rửa sạch những nhóp nhơ bám trên thân hình nó. Tôi chưa kịp thốt lên lời nào thì gã đã vồ vào mông một cái rồi dùng chân tổng tôi ra khỏi toilet. Tôi bàng hoàng đứng lặng trước cánh cửa xộp xộp, nghe nước chảy tồ tồ và những tiếng lồm bồm xú ối. Bước nhanh đến giường, tôi định vợ lấy quần áo để thoát khỏi cái chỗ thối tha này. Nhưng vừa đặt tay xuống rút vội cái áo nằm vắt qua thành giường, hai gã đàn ông còn đang ngủ yên trong chăn ấm chột vùng dậy, nhảy chồm tới vồ lấy tôi. Đầu tôi tưởng nứt ra. Cái giường như một bình nguyên đầy cỏ xavan, tôi như con ngựa hoang lạc bầy để đám linh cẩu vô vậ, cắn xé cho thỏa mãn cơn đói của chúng. Con ngựa bất kham, giầy đàn đánh đập trên tấm thớt đã phân định rạch ròi giới tuyến vinh - nhục. Ngựa hoang cong mình, nó mơ đến cú đá hậu hiểm độc vào đầu linh cẩu. Nhưng chân nó đã bị cắn tơi bời, không còn cử động được nữa. Nó hí lên cơn tuyệt vọng với Tạo Hóa. Ruột gan nó trương lên, dạ dày sôi réo rất, ứa lên mùi thối khắm. Một cơn buồn nôn dữ dội đã khiến nó vùng vằng một cách mạnh mẽ như Hercules, đẩy tất cả những khối nặng tanh nhơ trên mình vung vãi khắp xavan. Ngựa hoang phi như bay, thốc tháo tổng mọi thứ đã tiêu hóa ra khỏi mồm.

Và... tôi lại nôn ra một đứa trẻ nữa.

Trong bồn rửa mặt, nó nằm sấp, mông tím bầm, tái đại... mơ hồ nhìn tôi.

\* \* \*

Tôi là con ngựa hoang bất kham. Viết một lý lịch cho bản thân mình đến năm ba mươi tuổi, tôi cứ ngỡ rằng đó là một cuốn sách bi trụy chưa có hồi kết. Tuổi thơ tôi không có trò nhảy dây, chơi cút bắt, đánh khăn thù mị, hồn nhiên kiểu con gái. Những trò chơi con nít đó theo tôi là quá ư tệ nhạt cho tâm hồn xáo động, khác người và có những đòi hỏi lớn

của tôi. Tôi chỉ thích chơi với lũ con trai, thích đánh nhau, chơi những trò hung bạo và đặc biệt là thích tắm sông cùng chúng. Bọn con trai mỗi lần tắm sông toàn ở truồng, tôi khoái chí khi xem chúng tắm. Không hiểu sao những thân thể con trai trần truồng lại ám ảnh tôi đến thế! Những thân hình choai choai chớm hú những bắp thịt, ở giữa hai đùi... và rồi tôi đã then thùng đỏ mặt, mặc dù trong lòng thì lại rất thích nhìn trộm. Lên đến tuổi con gái, trời phú cho tôi một khuôn mặt đẹp và một thân hình *bốc* không thể tả. Lòng tôi rạo rực những ham muốn đồng thời với sự nhô lên và nở ra của bầu vú. Đời con gái của tôi đã được tiễn biệt trong một đêm trăng với một anh theo nghiệp chăn trâu - người tình đầu tiên của tôi trên cánh đồng lúa trở dòng man mác. Tôi đã xốn xang trước thân thể lực điền cường tráng đã hút đôi mắt tôi dừng lại ở điểm nhô phồng giữa hai chân, và đời tôi mở sang trang bằng những động tác thô cứng, vụng về nhưng không đến nỗi quá lỗ của anh trong lần chung đụng đầu đời. Toạc. Rưng rức. Tuyệt. Cho đến lúc đó, tôi mới hiểu được khái niệm tình dục là thế nào. Điều mà gia đình và thầy cô chưa bao giờ cận kề với tôi dù là một chi tiết nhỏ của sự hưng phấn.

Năm hai mươi tuổi, tôi biết mình bắt đầu mắc chứng nghiện đàn ông và nghiện tình dục. Một ngày không ngủ với đàn ông, đó là tai họa đối với tôi. Người tôi trở nên thờ ơ và chẳng tập trung làm nổi bất cứ việc gì. Có lần, một gã sau khi ngủ với tôi trọn một đêm trong khách sạn đã trả cho tôi một số tiền hậu hĩnh đủ tiêu dùng trong một tháng. Tôi bắt gặp gã khi đang lên cơn thèm đàn ông đến cực độ và không khó khăn lắm để tôi quyến rũ và mời gã lên giường.

Từ đó, tôi trở thành một hạng đàn bà chỉ chức vô lấy đàn ông và làm lung lay mái ấm họ. Và không lâu lắm để tôi biến thành dân VIP trong thế giới của rượu, gái và xoắn nhau. Mọi thứ đều rất dễ dàng, vài câu tán tỉnh, vui vẻ, hào phóng với tiền, rồi thì cứ việc mà ẵm tôi và làm những gì họ muốn.

Lên giường! Lên giường! Lên giường!

Cuộc sống chỉ đúng nghĩa trong trạng thái của kẻ hành khất cảm giác thần tiên, khoái lạc, cứ ám ảnh suốt những năm tháng xuân thì nhất.

Sáng nay, tôi lại tiếp tục nôn ra một đứa trẻ. Thằng bé hồng hào, hai má có lúm đồng tiền xinh xắn. Nó nhìn tôi cười cười như một đứa trẻ đang nhìn mẹ nó. Tôi muốn dùng hai tay để bế nó ra khỏi bồn cầu. Nhưng hai tay tôi tự động cứng đờ, không thể cử động được. Tôi muốn hét lên nhưng cái miệng đã bị ai bịt kín. Cả cơ thể tôi khi ấy bất động, thậm chí tôi chẳng còn nghe thấy hơi thở và nhịp tim mình. Thằng bé lại cười. Sao những đứa trẻ lại hay cười mỗi lúc nhìn thấy tôi. Tim tôi thốn thốn, hai khóm mắt rưng rưng. Nước mắt dường như đã vón cục nơi vĩa mắt. Ai đó hãy giúp tôi bế đứa trẻ ra khỏi đây? Không một tiếng trả lời. Ai đó giúp tôi! Tôi đang cầu khẩn, không một ai đẩy cửa vào cả, không ai có chung nhịp đập với tôi. Tôi là kẻ cô độc giữa biển người, đi đi về về, làm vợ trăm người nhưng chẳng có ai yêu tôi thật lòng. Tôi là một con người, đang sống cùng đồng loại nhưng lại bị bỏ rơi, chẳng ai biết tôi là ai ngoài chức năng là cỗ máy sinh học phục vụ nhu cầu cho đám đàn ông đói khát.

Tôi đã nghe đứa trẻ khóc. Ai đó cứu nó!

Không hiểu vì lý do gì hay như một bùa chú quái gở, cái bồn cầu tự động xả nước. Đứa trẻ mất hút theo dòng nước đục. Tôi bản thân một lúc mới cử động được toàn bộ thân thể. Và hành động đầu tiên của cơ thể xuất phát từ cái mồm, nơi phát ra tiếng hét vang động trời xanh. Hồn tôi như cái ao tù ứ bùn lại bị ném đá vào.

Sáng hôm đó, chuông chùa réo rất thúc giục lòng và tôi cứ thắc mắc không biết tiếng chuông từ đâu phát ra.

Chợt nhớ, hôm qua, tôi đã ngủ với hai lượt đàn ông trong căn phòng massage của khách sạn.

\* \* \*

- Đó là triệu chứng đáng sợ của tôi. Mong bác sĩ giúp cho tôi!
- Khoa nội thần kinh chúng tôi có lịch sử khám chữa bệnh bốn mươi năm nay nhưng chưa từng gặp ca bệnh nào như cô. Cô đã sinh con rồi chứ?
- Thưa, chưa ạ!
- Cô cũng đã không có thai hay bất cứ triệu chứng lâm sàng gì của phụ nữ trong những trường hợp đó. Bệnh của cô thật là lạ.
- Xin các bác chẩn đoán giúp tôi! Tôi đã hoảng loạn lắm rồi. Cứ thế này tôi chết mất!
- Xin lỗi, nghề nghiệp của cô hiện nay là gì vậy? Chúng tôi thấy nó còn để trống?
- Tôi... tôi... tôi là nhân viên massage.
- Nhân viên massage! Hay đấy, thế cô biết bấm huyết đạo trong Đông y chứ?
- Thưa... vâng ạ.
- Nó rất tốt cho sức khỏe, nếu điều trị lâu dài có thể sẽ chữa được một số bệnh về thần kinh. Cô đã thử dùng liệu pháp này rồi chứ?
- ... Vâng... vâng... thưa bác sĩ!
- Sao cô có vẻ không mệt mỏi thế?
- Thưa, tôi hơi mệt.
- Được rồi. Cô đợi tôi một lát. Vị bác sĩ nói xong liền đi vào một phòng lớn, có nhiều bác sĩ đang ở đó. Rồi họ bàn luận, như là hội chẩn về căn bệnh của tôi.
- Vị bác sĩ trở ra nhìn tôi vẻ cảm thông:
- Cô về nhà nghỉ ngơi. Bệnh của cô liên quan đến những vấn đề phức tạp của cơ thể. Tôi giới thiệu cô đến địa chỉ này. Đây là bác sĩ Dương, chuyên ngành phân tâm học, bác sĩ giỏi nhất ở bệnh viện tôi bây giờ. Có

điều ông chẳng bao giờ đi làm cả. Khi nào bó tay chúng tôi mới nhờ ông ấy. Bác sĩ Dương ở trên một quả đồi phía tây thành phố. Xin nhắc cô rằng, sự thật là tiêu chuẩn kiểm tra chân lý của ông ấy đến từ hai phía, bệnh nhân và bác sĩ. Nếu không, mọi thứ sẽ là con số không.

\* \* \*

Tôi đến nhà bác sĩ Dương vào sáng sớm. Một ngôi nhà cổ trên ngọn đồi xanh mát những cây bồ đề cổ thụ. Ở đây, tiếng chuông chùa, tiếng kinh cầu thi thoảng trầm bổng trong không gian. Tôi ngồi trong phòng khám bệnh và lắng nghe tất cả. Lòng như ảm lại, băng khuâng về cái gì đó rất gần gũi với bản thân mình. Một nơi trong lành và yên tĩnh được tô vẽ qua một khung cửa sổ nhìn ra vườn hoa rợp sắc. Những chú bướm lờn vờn trên bông hoa vàng tươi trong nắng. Màu nắng nhạt mênh mông như khoảng ruộng đồng tuổi thơ. Một phút hồn nhiên chảy trong dòng máu, tôi lạc lõng và mê mải.

Vị bác sĩ ngồi trước mặt, ông để tóc dài búi tó, mặc bộ quần áo màu chàm giản dị dằm chiêu đọc bệnh án của tôi. Phút đầu, tôi không nghĩ ông là bác sĩ. Ông có khuôn mặt cường mãn trung niên được vẽ lên làn da trắng nguyên nhả, hào hoa. Trông ông có vẻ thỏa mãn với cuộc sống này lắm, tuyệt nhiên không thấy một chút khổ não trên khuôn mặt, điều tôi thường thấy ở những gã đàn ông chần chừ với tôi. Vợ ông chắc là một người am hiểu kỹ năng về chuyện ấy và ông cũng là người “đánh trận” có hạng.

Tôi lại tiếp tục nhìn thẳng vào mặt ông. Không hiểu sao lúc đó tôi cứ muốn nhìn như thế. Có một điều gì đó khác biệt ở người đàn ông này. Chân mày trên đôi mắt của ông, màu xanh sậm lóng lánh, xếp lớp nằm nghiêng chính tề không rối. Khoảng giữa hai chân mày có tướng nhúm lông trắng xoay tròn về phía phải, mềm mại như tơ trời, tươi trắng sáng suốt như ngọc. Chân mày và nhúm lông như một hàng cây đều đặn bao

quanh đôi mắt tinh anh, một đôi mắt sáng lạ với phần trắng trắng tươi, phần đen thì xanh đậm, trong xanh, tươi trắng phân minh, chỗ giáp màu hơi ửng hồng. Chúng như được vẽ bằng nét cọ của tạo hóa với những bố cục tiêu chuẩn vẽ đẹp thượng tôn.

Ông mỉm cười, nụ cười làm khuôn mặt trở nên thánh thiện. Tôi ngửi thấy mùi trầm toát ra từ người ông. Có lẽ những suy đoán của tôi đều sai đối với vị bác sĩ kỳ lạ này.

- Cô sẽ thành thực với tôi chứ! Điều đầu tiên tôi cần ở bệnh nhân khi được tôi chẩn đoán và điều trị?

- Vâng ạ - Không hiểu sao tôi nói chắc nịch như thế. Mặc dù cách đây mấy phút tôi nói láo với vị bác sĩ kia.

- Cô làm công việc gì? Đã có gia đình chưa?

- Tôi...

- Cô cứ tự nhiên. Xin hứa với cô tôi là một người có bản lĩnh, y học là Chúa và cô sẽ là một con chiên ngoan đạo? Đồng ý với tôi chứ!

- Tôi là một gái gọi.

- Cô đã tin có Chúa rồi đấy. Mọi liệu pháp nằm trong mảnh giấy này. Khi gặp lại hiện tượng đó, cô hãy mở nó ra! Chúc an lành!

Vị bác sĩ lại mỉm cười. Nụ cười rất quen, hiền hiền, bao dung.

Hình ảnh bức tượng Phật trên núi Long Sơn thoáng hiện lên trong đầu tôi.

\* \* \*

Tôi về nhà giấu mình nơi góc tối. Mảnh giấy hồng buộc chỉ vàng như một pháp bảo được tôi đeo trên cổ. Giam mình trong phòng một ngày không ra ngoài, tôi vẫn chẳng thấy nó xuất hiện. Hai ngày, ba ngày... một tuần, nửa tháng, một tháng... tôi hết tiền. Tôi lại ra đường, lại liếc mắt

đưa tình với trai đẹp, rúng rinh, lại hoan lạc triển miên trong khách sạn, nhà nghỉ, vũ trường.

Một sáng tỉnh giấc, không mảnh vải che thân trong vòng tay của gã đàn ông mặt búng lũng lằng dây chuyền, tôi nằm ngửa mặt nhìn trần nhà sau một đêm cháy vật lộn nặng nề. Thân thể tôi nát như. Bỗng, một cơn buồn nôn khủng khiếp cuộn trào từ bụng dưới làm tôi giật sốc. Tôi chồm dậy, nôn toét một đồng bê bết vào bụng gã.

Tôi lại thấy một đứa trẻ nhòe nhoẹt giữa đồng thức ăn. Mặt nó trông khó chịu lắm. Nó nhìn tôi rồi đứng dậy phủi những nhớp nhơ khỏi người ngay trong vùng rốn xăm mắt con chim đại bàng của gã. Nó ưỡn người, cười xanh xao. Tôi trắng mặt, không nói nên lời. Tôi sững sờ chừng nào, gã ngơ ngác chừng ấy. Gã định đứng dậy đi vào toilet. Tôi áp tay đè vào ngực gã, chừng muốn gã dừng chuyển động kéo làm hại đứa bé. Gã cố vùng vẫy. Tôi hét, bật thành tiếng:

- Dừng làm hại nó, thiên thần của tôi!
- Ai cơ? Gã ngạc nhiên hỏi lại.
- Đứa trẻ!!!
- Đứa trẻ nào! Đồ điên!

Gã vùng dậy, xô tôi ra, luống cuống chạy vào toilet. Đứa trẻ nắm vào rốn đu đưa, đu đưa. Tôi cố chạy theo để cứu đứa bé. Cánh cửa đóng sầm. Tôi nghe tiếng nước chảy. Thế là hết!

Chuông chùa điểm trên núi xa.

Tôi bản thân như người mất hồn, rồi chợt nhớ mảnh giấy của bác sĩ Dương. Tôi mở ra, tôi chẳng thấy chữ gì cả, một tờ giấy trắng. Vô minh. Có lẽ tôi...

Chuông chùa lại khua, trầm bổng.

Đầu tôi như nứt ra, hồn tôi trải dài theo nhịp thời gian xoay chuyển những ý niệm bị thanh tẩy. Tôi để nguyên mình rồi tắt tả vụt chạy ra

đường. Chạy thật nhanh! Thật nhanh để thoát khỏi huyền cảnh trần gian ngạ quỷ thối tha. Bàn chân tôi tóe máu trên con đường ban mai ướt sương lạnh lẽo.

Mặt trời lên, tôi hòa mình vào con suối trong. Những chiếc lá vàng quăn lấy tấm thân trần, những cánh hoa theo gió phủ lên người tôi. Bông hoa đẹp nhất suối nhìn tôi cười thích thú. Rừng đã mở lối, tôi mãi miết bước về phía đại ngàn vọng vang lời tối cổ. Mặt trời nhô cao, tưới hắt những giọt bình minh lên thân thể và tâm hồn của kẻ già biệt đang dần mất hút trong hồn rừng thăm thẳm.

*Huế, 22-2-2011*

*L.V.T.G*



L Ê M I N H K H U Ê

## Sống chậm

(SH số tháng 9 - 2011)

Tường lên chuyến xe rời khu cải tạo phạm nhân sau cùng. Đành phải ngồi cạnh một người đàn bà. Tường nhận ra bà khi ngồi sau bàn nói chuyện với bố.

Bà này ngồi bàn gần bố con Tường nói chuyện có vẻ khá lặng lẽ với người đàn ông cao lớn tóc trắng xóa lông mày đen khuôn mặt hồng hào khá trẻ. Có lúc Tường thấy bà này rút ra mấy tờ giấy ướt lau khuôn mặt chắc là đầm đìa nước mắt. Bà này không có gì nổi bật so với đám người đi thăm nuôi, các bà vợ bà con bà nào cũng sáng choang son phấn ngào ngạt nước hoa. Người đàn bà này mặc quần đen áo đen cổ tròn. Điểm sáng duy nhất trên người bà này là cái vòng ngọc trai với những viên ngọc nhỏ, thứ ngọc thật, trông trang nhã. Cái vòng ngọc trai và bộ quần áo đen may vừa khít thân thể còn đầy đặn có cái gì đó hấp dẫn. Có lẽ là sự kín đáo ẩn sau đó một cuộc đời một số phận không mấy đơn giản.

Tường lơ đãng nhìn ra. Rừng núi trập trùng. Trại cải tạo này ở thật xa nơi đô hội. Người ta chỉ cần lơ đãng một chút, yên phận thây kệ sự đời là sẽ chôn vùi đời mình ở đây ngay. Cả trong ý thức giữa mệnh mông núi và đá và cây cối cho dù bây giờ cây bị chặt hạ trống hoang nhưng vẫn

gieo cho Tường cảm giác đó. Người ta có lúc khổ vậy sao giữa thế kỷ con người có nơi đã thừa mưa đến độ chán sống đến độ đi tìm mọi thú vui để rồi tự hủy hoại... Tường nhắm mắt cố ngủ. Trong xe người ta đã bớt ồn ào, người ta cũng cố ngủ sau buổi hàn huyên với những người đặc biệt: ăn cướp có, tham nhũng có, giết người có, lừa đảo có... ở cái trại cải tạo chung quanh bạt ngàn đồi trồng dưa, trồng cà phê. Bố Tường không khác mấy cái ngày ngồi trong căn phòng ông là sếp lớn máy lạnh chạy ro ro, ghế bành thật lớn, ngai ghế bành, mang cái áo vét mua ba ngàn đô ở Thụy Sĩ. Cô thư ký thạo việc thường gọi Tường là anh với cái vẻ thư ký sếp lớn không bõm xòm không lả lơ như thư ký hạng thấp. Lúc này bố Tường mặc quần áo tù may rộng trông như bộ pyjama lụa ông mặc trong phòng ngủ. Ông bảo ở trên này tao thấy hít thở thoải mái hơn ở thành phố, ở nhà chạy cho xong mấy thứ tao bảo rồi cứ yên để tao trên này một thời gian chả có gì mà mẹ mày cứ phải suốt mướt. Không lo được mấy thứ tao dặn thì liệu hồn. Bảo con mẹ mày ấy. Thăng Quyền không được lẩn như chuột thế, bảo nó rảo chân lên không thì vỡ mặt... Thật buồn lòng là ông chu du khắp nơi ký kết hợp đồng buôn bán này kia nhưng khi lâm nguy bố không còn nói năng lịch sự nữa. Có lần mẹ Tường (cháu nội giáo sư thời Pháp) đã bảo bố con nếu đặt đúng chỗ thì không làm những việc như thế. Đúng chỗ nghĩa là thời chiến tranh ông bắn B40 cự phách được tuyên dương dũng sĩ, bị bắt đày ra đảo, trở về ông chuyển ngành làm trưởng phòng tổ chức nhà máy lớn. Mẹ Tường bảo đến đó dừng là vừa sức. Dù sau này bố Tường học tại chức đại học rồi có bằng tiến sĩ mẹ vẫn bảo bố dừng ở chức trưởng phòng tổ chức là được nhất... Biết người biết ta, mẹ sống với bố như gán ghép, bà bị ông chồng sếp lớn coi khinh. Không có thằng này thì lấy cái đồ nổi, tinh tướng vài cái chữ thằng Pháp dúm cho ông già đã tưởng oai coi khinh thiên hạ. Thằng này đếch cần cái chữ nhá. Thằng này bình dân bản cố nông bây giờ xem dưa nào hơn. Ngày nào chả ký chi tiêu tiền ti... Có lần

Tường đã nghe bố găm nhấm cấm cản bà mẹ của Tường trong phòng ngủ. Khi xách cặp ra xe ông ung dung phong độ, nhìn thấy ông người ta phải cung kính chấp tay. Trong phòng ngủ ông hay mặc cảm nói năng với vợ như thế và từ ngày vào tù ông nói tự nhiên. Trở lại bản ngã là anh trai làng vùng trung du Bắc bộ nghèo tù thuở khai thiên.

Tường lơ mơ ngủ trong những hồi ức buồn bã của cái tuổi dưới ba mươi chưa có nhiều chuyện để kể như thế hệ cha anh. Xe đi rì rì qua những ngọn đồi thấy đường phẳng lì hiếm hoi ở xứ sở đường chưa qua nghiệm thu đã nham nhở. Chắc con đường này do phạm nhân làm. Tường thấy mình được sống chậm. Bây giờ có tội bạn rủ Tường ngày nghỉ lên đồi thông gần khu chùa mới xây để thiền. Để sống chậm. Nhưng ngồi sống chậm mà nghĩ tới cha cựu tù Phú Quốc bây giờ tham nhũng là tù cộng sản thấy chán chường. Nghĩ tới mẹ lủi thủi sống theo triết lý của ông nội cái gì không phải của mình làm ra thì đừng nhận... Mẹ đi dạy học ở thành phố, lý lẽ ấy của mẹ xem ra bị vỡ như bong bóng. Không nhận quà cáp người ta sẽ sợ trừ úm con người ta. Khổ thế. Mẹ chấp nhận rồi quen đi rồi cũng thành khôn ngoan thiên hạ khó lừa. Đấy. Mọi chuyện nó đâu để mình an lòng mà sống chậm.

Tường nhắm mắt. Nghe bên cạnh mình tiếng hát nho nhỏ nhưng trong vắt - *Hello!* Xin chào!

Yên trí mọi người ngủ say người đàn bà áo đen bên cạnh Tường hát. Thứ tiếng Anh không thật chuẩn nhưng xúc cảm đến nghẹn thở. Tường đã từng say mê đã từng bật khóc. Xin chào. Anh đã từng bên em trong tâm trí này, trong giấc mơ anh đã hôn lên đôi môi em cả ngàn lần. Đôi khi anh thấy em đi ngang qua cửa. Xin chào! Anh có phải người em đang tìm kiếm... Mỗi lần hát bài *Hello* Tường xót xa. Đời sống ô trọc bụi bặm cảm xúc con người như sự trở trêu đặt nhấm chỗ. Bài hát lúc này cất lên lại đúng chỗ. Tường ngạc nhiên khi nghe người thế hệ 5X đang hát đang sống cái trạng thái của lớp trẻ chán ngán đời sống đô thị nhàu nát

vì mọi thứ dở dang kém cỏi. Thấy Tường thức giấc người đàn bà nhìn sang. Cười ngượng. Xin lỗi cháu! Không sao cô ạ. Cô không ngủ được à?

- Không. Đang sống thật chậm rãi. Nghe xem nhé. Đôi khi anh thấy em đi ngang qua cửa. Xin chào! Anh có phải người em đang tìm kiếm... Sao bây giờ người ta không viết được lời bài hát cho nó tử tế như thế. Đơn giản mà tử tế!

- Không viết được cô ạ. Sống như thế nào thì hát như thế thôi!

- Ừ. Tôi cũng nghĩ như vậy! - Hai người im lặng khá lâu rồi cùng nói. Chỉ vài câu làm quen Tường thấy thích nói chuyện. Người đàn bà tuổi 5X trông còn khá trẻ, mắt còn ướt, tóc nâu đỏ tự nhiên, chưa phải nhuộm, cằm chưa chảy xệ. Khuôn mặt nhẹ nhõm hướng ra cửa sổ. Bà nói như bức xúc - Tôi biết rõ vụ án của bố cháu. May mà ông ấy chỉ làm đổ một cái nhà. Do thiếu trách nhiệm gây hậu quả... này. Cái cụm từ đó sao khó chịu thế. Sao không gọi thẳng đó là tội ác. Là sự độc ác nhẵn tâm đối với đồng loại. Cứ gọi sự vật đúng tên của nó sẽ hay hơn là hoa mỹ là né tránh là nói trệt khác...

- Còn chú nhà cô ạ!

- Gọi tôi là Vân. Còn cháu... Tường hả? Tên rất giống người đấy. Người đàn bà có vẻ muốn lảng tránh chuyện nhưng rồi quay lại ngay nói giọng bức xúc như vừa nói tới bố Tường. Không. Đó không phải là chồng tôi. Là một người bạn. Là đồng đội. Thì cũng một cung cách như thế thôi. Đổi tiền đô do phía chuyển nhượng giao sang ra tiền Việt dùng thủ tục thu chi khổng, huy động vốn giả để rút ra hơn sáu tỉ bỏ túi. Rồi tiếp theo là vụ lấy tiền mà người ta chuyển cho quỹ phúc lợi công ty, không chuyển cho quỹ phúc lợi mà chuyển thẳng vào tài khoản do mình chỉ định để chiếm đoạt. Rồi lập biên bản khổng, lập phiếu chi khổng để hợp thức hóa cho phiếu thu huy động vốn... Tóm lại - nói theo ngôn ngữ cư dân mạng nhé, nói tóm lại người anh hùng của tôi bỏ túi hơn mười tỉ đồng, phá hỏng một nhà máy do lòng người tan rã lĩnh án

mười hai năm cải tạo. Đó. Tất cả giống nhau. Cái cách ăn cắp bòn rút nói mãi nhảm tai...

- Vâng. Cháu cũng nghĩ thế. Nói mãi đến nỗi không có chuyện ấy lại thấy thiếu vắng.

- Sao đàn ông bây giờ lại đến nỗi thế?

- Ấy. Cô nói thế cháu tự ái đấy!

- Nhưng nhìn mà xem. Chỗ nào cũng hỏng. Nhoe nhoét cả ra. Đụng vào đâu cũng ăn cắp.

- Có phải mình đàn ông ăn cắp đâu cô.

- Nhưng họ đầu têu. Họ gây ra mọi sự. Họ đã từng làm nên mọi sự cao cả khác thường. Cũng chính những con người ấy đặt sang chỗ khác, đặt nhầm chỗ nên mọi sự lại khác...

Thì bọn cháu cũng nghĩ vậy. Tường nhô hẳn người ra cảm thấy phần chấn khi bên cạnh mình có một người đầy bất mãn đầy thất vọng, đầy hoài vọng và thông minh từ đôi mắt từ làn môi. Cháu luôn nói với bố rồi. Cháu cần gì cái xe mười tỉ để đứng chết cứng ở ngã tư giờ cao điểm cùng với bọn xe bãi xe uyn Tàu. Xung quanh nghèo nàn bụi bẩn người giàu đâu có sướng gì. Xe đẹp phải đi trong thành phố xanh um sạch sẽ người ta cùng giàu có cùng đi lại thông dong. Xe đẹp trong thành phố nghèo cũng như người đàn bà quý phái lội bùn trong chợ trời ngoại ô. Cháu đâu có ham. Em cháu yếu tim từ nhỏ nó cần gì phải sang Canada du học đua đòi với con nhà lắm của. Nhưng bố cháu không chịu. Người ta du học người ta đi ô tô tiền chục tỉ con mình đâu có ngọng. Bố cháu làm đủ mọi mảnh khéo kiếm tiền tỉ không thêm tiền triệu rồi đổ nhà rồi sập cầu rồi vào tù. Người ta đồn đại nhà cháu có vài chục triệu đô la gửi ngân hàng Thụy Sĩ. Thanh minh ai nghe. Bao nhiêu tiền phải đổ vào vụ án nhà cửa trưng dụng, tiếng oan đổ lên đầu cháu, mẹ cháu thằng em yếu tim của cháu đang học dở bên Canada viết thư về bảo chán học rồi bố vào tù học làm sao đây. May mà nó không nghiện may mà cháu không phải loại đầu

đất lấy tiền của bố để vào khách sạn nay em này mai em khác. Các em chân dài cần gì biết đến tiền nong xuất xứ ở đâu. Cháu không phải loại xài mấy cặp chân dài rồi làm về đại gia. Mẹ cháu đứng bên vững như bàn thạch dù mẹ cũng phải a dua với đời nhưng mẹ cháu không thể đốn mạt vất con ra đó với đồng tiền bố cháu nhặt dễ dàng. Bây giờ trong tù bố cháu vẫn bày ra mưu này mưu kia để chỉ huy đám tay chân cũ hòng che giấu một số việc chưa lo để găm tiền để lo ra để tiếp tục...

\* \* \*

Người đàn bà đặt tay lên vai Tường. Như người mẹ. Cảm giác yên tâm cảm giác được che chở. Tường ngồi thẳng lên khi xe xóc một cái rất mạnh.

Cô biết không khi bọn cháu còn nhỏ nhà còn nghèo không khí nhà vừa êm ru mẹ hạnh phúc bố hay ngồi ăn cơm với cả nhà trong bếp chật. Mẹ cháu kể về mùa thu trong thành phố thời thiếu nữ có những buổi chiều vào công viên thấy hoa đẹp quá hái một ôm bị công an huýt còi. Những chuyện học hành nghịch ngợm làm cả nhà cùng cười. Nhưng đặc biệt là chuyện của bố. Bố cháu kể bị bắt giam bị đày ra đảo trong hàng trăm tù binh. Phòng giam của bố cháu cùng với mấy bác sĩ quan nằm ngay bên phòng giam tù chính trị. Nghe tên một người tù nổi tiếng bị giam bên kia, bố cháu hát rất to một bài hát ra đời khi người tù chính trị bên kia bị bọn Mỹ tuyên án tử hình. Thế là cả phòng giam cùng hát. Mấy bác sĩ quan bị đánh thương tích bầm dập cùng vịn vai nhau hát bài họ hay hát thời còn nhỏ tuổi. Thế là cả trại giam bùng lên. Bọn cai tù xông vào đánh nhau cùng tù binh. Bố cháu bảo đó là phút lóe sáng là phút thăng hoa của bao nhiêu con người lúc ấy. Không bao giờ quên được. Người tù chính trị bên kia nói vọng sang: Cảm ơn các anh! Giọng Huế. Bố cháu cũng bảo có một ngày chủ nhật hàng trăm tù binh tập trung ra sân để đi làm như nhiều hôm khác. Một tay sĩ quan mặt mũi hả hê, ăn

mặt rất diện đi suốt hàng tù binh cộng sản. Hắn đứng chống nạnh nhìn những khuôn mặt hốc hác trong buổi sáng mai rồi hắn nói: - Báo cho mọi người một tin nghe! Hồ Chủ tịch của các người đã về châu Phật bên Tây Trúc rồi! Một tiếng xào xào rất khê lan truyền như làn gió khắp sân trại giam. Đó là tiếng rên trong cổ họng của hàng trăm con người. Tiếng rên không kìm được cùng lúc cất lên ấy có một sức lan tỏa kỳ lạ làm cho tội lính canh lăm lăm súng vì sợ có sự bùng nổ trước cái tin ấy cũng phải kinh ngạc đứng sát lại phía bên kia. Không có tiếng khóc to không có sự xáo trộn nhưng cái tiếng khóc âm thầm mới khủng khiếp. Bố cháu nhìn sang. Tất cả các khuôn mặt bất động môi mím chặt mắt nhìn thẳng. Cái nỗi đau lúc ấy nó thực sự nó thúc vào tim con người và sau buổi khổ sai trở về trại bố cháu mới khóc to lên được. Khi ấy bố cháu hai mốt tuổi đã là dũng sĩ là một con người của thuở ấy trong sáng thơ ngây...

Câu chuyện vẫn rì rầm theo bánh xe. Những phút thăng hoa những phút lắng mạn ấy có lẽ ai cũng phải qua ai cũng thấy trong bản thân có gì đó trong sạch. Để tôi kể cháu nghe cái chuyện tôi chưa từng kể với ai ngay cả với mấy đứa con sợ chúng nó bảo mình sến. Lúc đó tôi mười bảy tuổi ở trong đơn vị công binh làm đường. Cháu không có cái may được sống ở rừng Trường Sơn để thấy những cánh rừng bằng phẳng với hàng ngàn cây có độ tuổi hàng ngàn hàng trăm năm với những cơn mưa rồi nắng lên sạch sẽ. Thời gian đó bọn Mỹ đang ngừng ném bom để bàn bạc thương lượng gì đó chỉ biết là công việc giãn ra không phải làm đêm. Tôi đi vào rừng trở về doanh trại thấy có đơn vị tên lửa vừa dừng ở sân. Lính tên lửa ngày ấy giống như các hiệp sĩ trong tâm trí mọi người nhất là bọn con gái. Họ đi tập huấn ở Liên Xô, là những người lính có học điều khiển vũ khí hiện đại sau máy bay Mig. Về nước họ xung trận ngay. Đơn vị này chắc cũng mới về trông mới toanh quần áo còn thẳng nếp. Bộ đội nấu ăn xong tản về các xe. Cảm xúc của một đứa trẻ háo hức cái mới lạ và cảm xúc của thiếu nữ ở độ tuổi yêu đương đang lẩn lộn làm tôi đứng ngời

không yên. Mọi người nghỉ trưa yên ắng... Tôi ngồi nhìn qua cái cửa sổ kết bằng cây nứa và bị hút mắt về phía bên kia cái sân doanh trại mênh mông. Người lính đang vừa đi vừa đọc cái gì trong cuốn sổ tay. Người lính mặc quần xanh đi ủng cao tới đầu gối, chiếc áo capốt của lính Nga khoác hờ trên đôi vai rộng. Chiếc mũ sắt không rộng lắm để lộ khuôn mặt điển trai trẻ măng. Anh ta cứ đi cứ đọc gì đó và nằng lên khu rừng toàn cây săng lẻ cũng như được chiếu rọi những thân cây sáng bừng lên. Cây săng lẻ thân thẳng vút có những chấm loang trên vỏ cây trắng rất giống cây bạch dương mà tôi hay xem trong những phim Nga khi còn đi học. Tim tôi đập như phát cuồng vì hình ảnh người lính trang phục lính Nga đang đi trong rừng bạch dương... Dờ hơi không?

- Không! Tường cười thành tiếng. Cô kể đi cũng như cháu kể cô nghe ông tù của cộng sản cháu mới đi thăm đã từng hát to trong nhà tù Mỹ để lên tinh thần cho người tù chính trị hồi nào ấy.

Cái khu rừng ngày ấy mới kỳ lạ, sau này có dịp đi du lịch trở về những vùng ấy tôi chỉ nhìn cây săng lẻ là cây săng lẻ chứ không phải cây bạch dương nữa. Không thể nhìn ra cây bạch dương nữa. Tôi đi theo người lính. Anh ta leo lên một cái xe đã có nhiều người lính ở đó. Họ có cuộc họp. Nhưng đơn vị tên lửa ở lại khu rừng một ngày. Buổi chiều hai đơn vị mời nhau ăn cơm chung. Tôi đã biết tên anh là Nghĩa. Chắc mặt mũi tôi có gì lạ lùng lắm nên anh ta đã đi lại phía mấy đứa con gái công binh ngồi và hỏi chuyện tôi. Những chuyện lính tráng quê đâu trường nào có hay nhận thư nhà không? Sau này em định làm gì. Tôi lí nhí nói không ra hơi vì xúc động. Tôi chưa từng thấy người lính nào đẹp như anh, thông minh như anh. Lúc đó có một khao khát mãnh liệt không dám nói thành lời là được người lính ôm thật chặt một cái như mẹ đã từng ôm mình hồi nhỏ. Nhưng bố ai dám. Cả anh ấy cả tôi giữa cái nhìn khắt khe của một thời dù chiến tranh dù chết chóc cũng chả ai dám làm gì theo ý mình... Suốt đêm hôm ấy nằm cạnh những đứa con gái vô tư đặt mình là ngày



tôi không tài nào ngủ được. Gần sáng thì thiếp đi thật sâu đến khi thức dậy thì nghe tiếng xe xích kéo pháo kéo tên lửa. Trời còn tờ mờ đơn vị chưa ai dậy nhưng đơn vị tên lửa đã hành quân. Tôi không còn thấy anh Nghĩa ở đâu nữa. Tôi chạy như phát cuồng ra phía con đường chính. Chiếc xe kéo pháo sau cùng đã đi. Tôi chân không chưa kịp xỏ giày cú thể bước lên những lần xe xích để lại trên mặt đất. Tiếng xe đi xa tim tôi như có ai xé rách. Tôi quay lại sân doanh trại gục đầu vào cái cây săng lẻ gần cổng rồi mím chặt môi mặc cho nước mắt cứ như suối không gì ngăn được. Đó chưa hẳn là tình yêu. Tình cảm gì đó như là nhớ mẹ lúc chiều về. Như là mong người anh trai. Không phải tình yêu nhưng tôi cam đoan lúc đó nếu anh Nghĩa quay trở lại tôi nhất định sẽ ôm chặt lấy cổ anh mà tha hồ khóc chả sợ ai nữa. Nhưng anh Nghĩa không quay trở lại và tôi cũng chẳng gặp anh suốt cuộc chiến tranh suốt cả những tháng năm hậu chiến những năm tháng hỗn độn mù mờ đổi mới, đổi mọi giá trị sau này...

Cho đến cái phiên tòa xử tham nhũng xử một kẻ làm tan rã nhà máy, tình cờ tôi tới dự và nhận ra người lính hơn ba chục năm trước khoác hờ áo capôt đội mũ sắt ủng cao tới đầu gối đi trong rừng bạch dương đầy nắng. Người đã làm cuộc đời tôi chỉ có vài tiếng đồng hồ mà bùng sáng cái ánh sáng lằng mạn của cả một đời... Dĩ nhiên bây giờ anh ta béo ra cái nhìn trẻ trung thời trước đã tắt nhưng kỳ lạ tim tôi vẫn đập lại gần giống cái nhịp đập năm nào hôm đầu tiên tới thăm anh ta. Vẫn biết một kẻ đã từng khai khống đã từng làm giả chứng từ đã từng thần nhiên bỏ túi hàng chục tỉ đồng không còn là của mình nữa nhưng sao lại đau đớn thế lại muốn khóc òa lên như đứa trẻ trong rừng bạch dương ngày ấy...

\* \* \*

Tường giữ liên lạc với Vân, người đàn bà thế hệ 5X đã có những giây phút cùng Tường sống chậm trên con đường từ trại cải tạo trở về. Có

những lúc lạ lòng người ta dễ dàng kể với một người chưa hề quen biết những chuyện không bao giờ và không thể kể với ai. Câu chuyện của Vân có lẽ sẽ không được nói ra nếu không có ngày hôm ấy.

Tường nhận được thư của bố từ trại đầy những hần học. Thăng Quyền đã làm xong vụ tao bảo chưa? Bảo mẹ mày có thu được thì đừng gửi ngân hàng. Bảo thêm thằng Quyền là xử lý gọn vụ hôm nọ tao dặn đừng để tóe loe ra chết cả nút.

Thư gửi tay người thân tín đọc xong Tường phải đốt ngay. Kể cũng thương ông già thật nhưng ông ấy chỉ có thế, biết làm sao.

Trong quán cà phê người đàn bà trò chuyện với Tường không còn như hôm trên xe nữa. Nhưng có lẽ đây sẽ là người bạn nhỏ mà bà còn kể thêm được rất nhiều chuyện. Ví dụ chuyện này kể cho Tường nghe nhé. Tôi có cô bạn chồng giữ chức trưởng của một cửa khẩu. Hôm qua cô ta chưa ngủ nhìn thấy một người khách của chồng đến rất khuya. Người khách vẫn đội mũ mặc áo khoác trông bí hiểm nói nhỏ với chồng cô ta: Thưa anh xin anh mở cửa biên giới cho em 5 phút. Đúng 5 phút thôi ạ... Hai người thì thảo. Khi người khách ra về chồng cô ta xách vào phòng ngủ một va ly nhỏ.

Chuyện ấy không thể là chuyện lãng mạn rồi. Thời chiến tranh chồng cô ta là anh hùng dũng sĩ đấy.

- Vàng - Tường cười - Dĩ nhiên là như thế.

*L.M.K*

H O À N G T Ò N G

# Hồn rừng

(SH số tháng 12 - 2011)

*Ăn của rừng rừng rừng nước mắt*

– Tục ngữ –

## 1.

Thằng Tuấn tìm đến buôn Ma Nết. Với một kẻ lẩn lộn chốn đô thị như hắn thì buôn Ma Nết là một nơi bị nguyên, một vùng đất bị lãng quên. Buôn nằm cheo leo bên sườn ngọn núi Chư Yang Sin, xa xa là dòng sông Krông Ana cuộn chảy âm ỉ suốt ngày đêm.

Buôn Ma Nết hoang sơ, gần như biệt lập khỏi cuộc sống văn minh. Người dân nơi đây hồn nhiên như cỏ dại. Như thế lại hay. Thằng Tuấn thích những người hồn nhiên, càng hồn nhiên càng tốt. Hắn mong lão Y Bia cũng là một kẻ hồn nhiên như những người dân Ê Đê ở buôn Ma Nết. Càng hồn nhiên, càng dễ bị lừa, càng dễ bị thuyết phục.

Nhưng hóa ra nhà lão Y Bia không ở trong buôn Ma Nết mà ở tít ngoài rìa rừng. Ngôi nhà rách nát lụp xụp nằm chon von đơn lẻ như một cộm nấm đơn côi. Lão Y Bia đang ngồi dựa cửa mắt nhìn xa xăm. Mái tóc lão

bạc trắng rưng rưng. Lão chậm rãi nhấc ống tẩu thuốc ra khỏi mép, ngửa cổ lên trời rồi nhả khói. Làn khói buồng lảng lẩn quấn xung quanh khuôn mặt quắc quao của lão tạo nên một màn sương bí ẩn lạ. Lão ngược mắt nhìn thằng Tuấn rồi lẩm bẩm: “Trời sắp mưa, sắp mưa to lắm đấy”. Thằng Tuấn ngược nhìn lên trời. Xa xa về phía thượng nguồn dòng sông Krông Ana là một quầng mây đen đang lừng lững lao đến như một con giao long khổng lồ nhe nanh múa vuốt.

Thằng Tuấn cố nở một nụ cười xã giao, chào lão Y Bia. Lão già im lặng, chỉ nhìn như muốn hỏi hấn đến có việc gì. Thằng Tuấn liền đi thẳng vào mục đích chính: “Cháu ở chỗ anh Toàn “củi”. Anh Toàn bảo cháu lên mời chú xuống thị xã để cùng bàn chuyện làm ăn”.

Lão Y Bia nhếch mép: “Làm ăn cái gì lũ chúng mày. Lại rủ tao đi phá rừng đúng không?” Thấy lão già nói toạc đúng tim đen, thằng Tuấn hơi lúng túng. Lão Y Bia sầm mặt: “Cút! Cút xéo!!!” Tiếng thét của lão già vang lên cùng với đó là một tiếng sét long trời lở đất. Thằng Tuấn giật nảy mình. Mắt lão già long lên sòng sọc. Rồi lão quay ngoắt người, lập cập đứng lên chui vào trong căn nhà lụp xụp.

Thằng Tuấn tần ngần: “Mẹ kiếp! Mất bao nhiêu công lên đến đây. Tưởng mọi chuyện ngon ăn, ai dè lại bị lão già xua như xua tà thế này”. Bỗng “Lộp bộp! Lộp bộp!” Từng hạt mưa rơi xuống. Rồi rào rào. Mưa như trút nước, ào ạt, trắng xóa. Thằng Tuấn vội nép vào hiên nhà lão Y Bia. Gió rừng theo mưa tràn về lạnh buốt. Trời tối sầm lại. Thằng Tuấn đứng co ro run rẩy trước cái lạnh cuối chiều.

Một lúc sau, lão Y Bia trong nhà đi ra. Thằng Tuấn thấy lão già nhìn mình dò xét, hấn vội phân trần: “Trời mưa quá. Chú cho cháu trú mưa nhờ đây một chút. Bao giờ hết mưa cháu đi”. Lão già gục gặc đầu rồi nói: “Người Ê Đê không hẹp bụng đâu. Mày đứng đấy mưa hắt ướt hết người. Vào hấn trong nhà mà trú mưa. Trời mưa kiểu này không biết bao giờ mới hết!” Nói đoạn lão trùm áo mưa lên đầu. Bóng lão dần mất hút sau màn mưa mờ mịt.

Thằng Tuấn bước vào trong căn nhà. Căn nhà tuềnh toàng, tối tăm, lụp xụp, chẳng có bất cứ một chút đồ vật nào đáng giá. Vật giá trị nhất trong căn nhà có lẽ là rượu. Lão Y Bia tích trữ đủ các loại ché rượu khác nhau. Bếp lửa liu riu lách tách. Hắn vội bước lại gần bếp lửa, ném thêm vào chút củi rồi xoa xoa tay sưởi ấm.

Ánh lửa bập bùng. Mưa vẫn rơi ào ạt. Dù đã được Toàn “củi” cảnh báo nhưng thằng Tuấn cũng không ngờ được lão Y Bia lại nóng tính đến thế. Trời mưa có khi lại may. Giờ hắn ở đây, trong nhà của lão già, lại có rượu bên vách. Hắn vạch ra kế hoạch. Trước tiên là làm thân, uống rượu với lão già đến mềm môi, khi ngà ngà say, hắn sẽ tỉ tê thuyết phục dần dần, lão già này kiểu gì cũng xuôi theo thôi.

## 2.

Nhưng đến hôm nay thì thằng Tuấn thấy mình chẳng may mắn chút nào. Việc thuyết phục lão Y Bia hóa ra khó khăn hơn hắn tưởng tượng.

Trời mưa to. Nước mưa đổ quạch chảy từ rừng ừa về biển buôn Ma Nết thành một hòn đảo đơn côi. Mà ngôi nhà của lão Y Bia lại là nơi đơn côi nhất giữa hòn đảo đơn côi.

Thằng Tuấn cứ nghĩ rằng được ở lại, hắn sẽ có nhiều thời gian nói chuyện và thuyết phục lão già. Theo như thằng Toàn “củi” nói thì lão Y Bia đã từng theo bọn lâm tặc phá rừng. Cứ lựa lời thuyết phục, kiểu gì lão cũng “ngựa theo đường cũ”. Thằng Ngân suy nghĩ: “Lão đã từng đi “ăn” gỗ thì hắn là kẻ thèm tiền. Cứ đem tiền ra dụ chắc được”. Tối hôm trước, khi ngồi quây cùng nhau bên bếp lửa, hắn đã gợi chuyện: “Bọn cháu đã có đầy đủ phương tiện, chỉ cần người dẫn đường. Chú chỉ cần chỉ đường đến những vạt rừng có nhiều cây to, xong việc chú sẽ có nhiều tiền, ta hồ mà tiêu xài uống rượu”. Lão Y Bia nghe xong bậm tím cả mặt

quát to: “Mày tưởng tao thêm tiền à? Tao cần gì tiền? Cút ngay ra khỏi nhà tao”. Thằng Tuấn phải xin lỗi rồi rít rỏi tạm lánh ra ngoài hiên đứng. May mà lúc đó lão già đã say đến bảy tám phần nên một lúc sau lão đã lăn quay ra ngủ. Thằng Tuấn thấy êm xuôi lại chui vào trong nhà.

Hôm nay lúc tỉnh dậy, thấy thằng Tuấn vẫn đang ở trong nhà, lão già cũng chẳng nói gì. Có lẽ lão đã say đến tám chín phần lúc đuổi thằng Tuấn. Mà cũng có thể lão vẫn nhớ nhưng tại trời mưa to quá. Lão có đuổi thì hẳn cũng chẳng dám đi đâu dưới trời giông gió thế này. Có điều, cơn giận của lão Y Bia khiến thằng Tuấn thực sự bối rối. Lão không thích tiền, thế thì lão thích gì? Đòi một thằng đàn ông cần nhất là tiền, là quyền, là gái! Hẳn không có quyền lực để dụ dỗ lão Y Bia. Mà lão già sống ở buôn làng xa tít tắp này thì cần chó gì quyền lực? Hay là lão thích “em út”? Lão già thế rồi, chẳng hiểu có ham hố cái khoản đấy không? Thằng Tuấn vò đầu bứt tai, có một thứ lão già chắc chắn thích, đó là rượu. Thế nhưng rượu thì lão chẳng thiếu. Lúc nào hẳn cũng thấy lão già lệt ngật say.

### 3.

Trời vẫn mưa tầm tã. Đêm đen kịt, đặc quánh. Thằng Tuấn vút thêm ít củi vào bếp cố xua đi cái lạnh. Hẳn thầm oán trách thằng Toàn “củi”. Cái thằng khốn nạn đó giờ chắc vẫn đang ở dưới thị xã ôm ấp mấy ả cave.

Cơn gió lạnh từ rừng xa ùa về khiến thằng Tuấn co ro.

Nhớ lại cái hôm thằng Toàn “củi” bảo hẳn lên thuyết phục lão Y Bia, hẳn cứ nghĩ đó là việc ngon ăn. Thằng Toàn “củi” ngon ngọt: “Nhìn mặt mũi mày sáng sủa, có khi lão già đó lại có cảm tình. Mày có học, khéo ăn nói, thuyết phục lão chắc dễ chứ lần nào tao vác mặt lên cũng bị lão đuổi như đuổi tà”. Thằng Tuấn thắc mắc: “Anh coi trọng lão thế cơ à? Lão làm

gì mà phải mời lão bằng được như thế?” Thằng Toàn “củ” cười: “Mày đéo biết gì cả. Có lão chỉ đường thì anh em mình mới đến được những vạt rừng nguyên sinh. Lão cũng biết những đường nhỏ tránh kiếm lâm. Có lão làm hoa tiêu thì anh em mình chắc thắng”. Rồi thằng Toàn “củ” vỗ vỗ vai thằng Tuấn: “Chỉ cần trúng vài quả thôi, anh em mình cứ gọi là ăn chơi thoải mái”. Nói đoạn thằng Toàn “củ” giơ tay vỗ đánh bốp lên mông ả cave đang nũng nịu ngồi cạnh, cười khành khạch khả ố.

Thằng Tuấn cứ tưởng tượng đến cái thân hình còm nhom của lão Y Bia. Mấy ả tiếp viên đó mà quần quanh lão thì khác gì mấy con trăn hoa cuốn quanh một cành củi? Không biết lão già này có máu “em út” hay không?

Thử lấy con bài này dụ dỗ lão xem, có khi lại hiệu quả.

#### 4.

Bếp lửa bập bùng lách tách. Thằng Tuấn bỗng để ý phía góc tường chỗ lão Y Bia ngủ có một bàn thờ nho nhỏ. Hắn tiến lại gần. Đúng là một cái bàn thờ. Hắn nhòm nhìn. Trên bàn thờ là ảnh chụp một người phụ nữ và một cô gái trẻ trông giống lão Y Bia như tạc. Đó là bàn thờ vợ con lão.

Thằng Tuấn chưa dám hỏi gì lão Y Bia về quá khứ của lão. Thằng Toàn “củ” đã dặn rồi: “Đừng có hỏi linh tinh. Lần nào hỏi về chuyện gia đình, lão già đấy lại nổi cơn điên lên đấy”. Trước khi lên gặp lão Y Bia, thằng Tuấn chỉ nghe loáng thoáng rằng lão già chặt phải cây ma nên bị con ma rừng phạt khiến vợ con lão phát điên rồi tự treo cổ. Người khác thì bảo con ma rừng nhập vào lão khiến lão lòi cả vợ và con gái vào rừng đập chết từng người một. Mỗi người kể một kiểu, chẳng biết đâu là sự thật. Chỉ biết rằng lão Y Bia không ở ngôi nhà hồi xưa trong buôn Ma Nết nữa mà dựng nên một căn chòi nhỏ ven rừng sống biệt lập ở đó.

Mưa ngớt.

Đêm đen kịt.

Không gian bỗng nhiên tĩnh lặng một cách đáng ngờ.

Tiếng một căn gỗ cột kẹt từ ban thờ vọng ra rõ mồn một khiến thằng Tuấn bỗng nhiên hơi hơi sợ. Ánh lửa nhấp nhóm chập chờn. Hình như người phụ nữ trong ảnh vừa cử động. Lại thật. Hắn nhìn sâu vào bức ảnh. Đứa con gái trong ảnh bỗng trợn trừng mắt nhìn thẳng vào hắn. Thằng Tuấn khiếp hãi bật ngửa ra đằng sau rồi lồm cồm nhồm dậy. Cúi trong bếp lò chột nổ lên mấy tiếng khiến hắn giật mình. Ngọn lửa bắt vào thanh củi bùng lên chiếu vào bóng hắn. Chiếc bóng đồ dài in lên vách cong queo ma quái.

Bỗng thằng Tuấn cảm thấy như có tiếng thở thối ngay sát bên tai khiến tóc gáy dựng đứng. Hắn giật mình ngoảnh lại đảo mắt xung quanh nhưng không có một bóng người. Chỉ có tiếng củi nổ lép bép và tiếng một nghiêng gỗ cột kẹt cột kẹt. Trên bức vách nhà, ánh lửa bập bùng phản chiếu bóng đen của hắn đang nhảy nhót như một bóng ma trong vũ điệu thâm lặng ghê rợn.

Gió từ đầu lùa về lao xao cây lá khiến những giọt mưa rụng xuống rào rào. Căn nhà lạnh toát.

Thằng Tuấn thấy run rẩy co ro. Hắn tự nhiên nhớ lời dặn của thằng Toàn “củi”: “Mày phải cẩn thận. Nhà lão Y Bia bị ma ám đấy. Lão già đấy cũng bị ma ám. Lão mà yếm bùa cho thì hết đường về”.

Bỗng một tiếng “Kẹt!” sắc mảnh. Thằng Tuấn giật bản mình. Lão Y Bia mở cửa phen liếp bước vào. Người lão ướt lướt thướt. Chắc lão say rượu, vút áo mưa ở đâu rồi. Lão lừ đừ nhìn quanh nhà rồi khật khừ, giọng đầy hơi rượu: “Mày chưa ngủ à? Sao mà mặt tái mét thế?” Thằng Tuấn gượng cười: “Như là có ma trên ý chú ạ. Sợ quá!”. Lão già cười bí ẩn: “Ma trên thật đấy. Cây rừng cũng có linh hồn. Cây bị chặt đi biến thành ma rừng. Ở rừng này thiếu gì ma. Không cẩn thận rồi sớm muộn gì mày cũng sẽ



bị ma rừng bắt”. Hắn hít một hơi cố làm vẻ trấn tĩnh: “Làm đếch gì có ma? Cháu chẳng tin”.

Bỗng dưng ngoài trời có tiếng gió thổi ào ạt. Rừng cây xào xạc. Mưa rơi sầm sập trở lại. Tiếng mưa rào rào như một đàn bò rừng đang chạy qua rầm rập. Hơi lạnh ở đâu luồn qua kẽ liếp thổi vào gian nhà trống lạnh lẽo. Thằng Tuấn hơi co người lại xuýt xoa.

Lão Y Bia nghe ngóng rồi chau mày: “Đấy, ma rừng đấy! Con ma rừng theo tao bao nhiêu lâu nay rồi mà nó chưa buông tha cho tao” Thằng Tuấn hơi hơi sợ nhìn lão lo ngại: “Chú nói thật hay đùa đấy? Cháu có thấy con ma rừng nào đâu? Trông nó như thế nào?” Lão Y Bia thất thần nhìn vào bóng đen của lão đang rung rung trên tường. Bỗng lão nôn thốc nôn tháo. Rồi lão quỵ xuống nằm bẹp dưới sàn nhà. Lão nằm thêm thiếp, say rượu đủ đủ.

## 5.

Lão Y Bia ốm nặng. Đêm qua lão ướt nhẹp, người lại có hơi rượu, về lại nằm chổng lẳng rét mướt giữa gian nhà huếch hoác nên bị cảm nhập tâm. Sáng nay, người lão nóng như lò than, không gượng dậy nổi, giọng khò khè như một con mèo hen.

Trời mưa dần tạnh.

Thằng Tuấn định đi nhưng thấy lão Y Bia ốm quá nên nán lại chăm sóc. Lão cố lọng khọng cuốn lấy cái chăn cũ cáu bẩn, ngồi dựa vào góc nhà, run lên từng hồi lập cập. Lão thêm rượu, bảo thằng Tuấn đưa rượu cho mình uống. Lão uống được một chút là lập tức nôn ra hết. Thằng Tuấn bỗng trở thành bảo mẫu bất đắc dĩ cho lão già. Hắn châm to củi lửa, nấu lấy nồi nước ấm chườm trán cho lão Y Bia. Sau đó hắn te tái lấy chút gạo nường trộn ngô nấu cháo cho lão già.

Lão Y Bia nhúc nhắc ăn rồi nhìn thằng Tuấn giọng khản đặc: “Mày nấu ăn như cút ý!” Thằng Tuấn gãi đầu: “Cháu không biết. Bình thường ở nhà có bao giờ cháu phải nấu ăn đâu”. Lão già gục gặc đầu mắt bỗng ánh lên xa xôi: “Mày phải lấy vợ rồi đẻ con đi. Con gái là tốt nhất. Như con gái tao ý. Nó nấu ăn ngon lắm. Vợ tao cũng nấu ăn ngon. Dạo trước, tuần nào nhà tao cũng phải có vài bữa cháo”.

Thằng Tuấn tỏ vẻ quan tâm: “Ở góc nhà kia là bàn thờ vợ con chú à?”. Lão Y Bia thần thờ: “Đúng rồi”. Thằng Tuấn hỏi: “Hai người mất lâu chưa? Mà sao lại mất?”. Lão Y Bia bỗng buông rơi bát, cháo vãi ra tung tóe: “Lâu rồi, chết lâu rồi. Con ma rừng sao nó không giết tao, lại đi giết vợ con tao?”

## 6.

Lão Y Bia là thợ săn giỏi nhất buôn Ma Nết. Chân lão thoăn thoắt như con nai, mắt tinh như mắt đại bàng. Lão thuộc lòng từng gốc cây ngọn cỏ, từng viên đá rêu mốc ở khu rừng thiêng quanh ngọn núi Chư Yang Sin. Người Ê Đê vốn tin rừng cũng có linh hồn, cảnh cây ngọn cỏ cũng biết đau đớn, thế nên chỉ khi cần thiết mới được vào rừng săn bắn. Mỗi khi đi săn, lão Y Bia đều phải làm lễ cúng, xin phép ma rừng cẩn thận.

Một lần đi săn, lão gặp bọn thằng Lân “gỗ” đang bị đi lạc trong rừng. Lão dẫn bọn chúng về nhà, cho ăn uống rồi dẫn chúng ra thị trấn. Bọn thằng Lân “gỗ” biết ơn lắm. Lân nào lên rừng chặt gỗ, bọn chúng cũng tạt qua nhà lão Y Bia. Rồi bọn chúng rủ lão đánh bạc. Lão mê đánh bạc lắm. Bao nhiêu tiền lão đều đem ra đánh bạc hết. Qua hai mùa ngô, lão nợ nần chồng chất, bán cả nhà đi cũng không đủ tiền trả nợ. Bọn kia kéo đến nhà lão chửi rửa thậm tệ. Lúc đấy, thằng Lân “gỗ” đứng ra thu xếp cho lão giãn nợ. Đổi lại, lão phải gia nhập cùng nhóm lâm tặc của Lân

“gỗ”. Có lão Y Bia, bọn thằng Lân “gỗ” làm ăn phát hản lên. Ai cũng phải thừa nhận lão là tay lão luyện đi rừng, biết những vật rừng có gỗ quý. Có lão chỉ đường rất yên tâm. Không lo bị công an bắt. Không lo bị con voi, con hổ nó rình.

Lần đó cả bọn đến một vạt rừng còn nguyên sinh gần đỉnh núi Chư Yang Sin. Thằng Lân “gỗ” cho cả bọn cắm trại, bắt đầu xẻ gỗ. Tiếng của máy rào rào. Tiếng cây đổ xuống rầm rập. Thằng Lân “gỗ” rất sốt ruột vì cây gỗ to đã dần cạn kiệt. Mà người ta toàn đặt hản những cây gỗ to, càng to càng nhiều tiền.

May mà lần này hản thấy một cây lim cực to, thân cây mốc xì rêu phong. Cái cây này mà cho về đục đẽo thành bộ sập gụ tủ chè, đảm bảo hái ra tiền. Nhưng rồi hản thấy cả bọn thợ không đưa nào của cây lim này. Gã bực mình quát to: “Cái lũ mù kia. Không thấy cây lim to như mà bố chúng mày đấy à? Sao không chặt cây này xuống? Chặt mấy cái cây tin hìn kia làm gì?”

Bọn kia nhúc nhắc nhìn lão Y Bia. Lão nói: “Cây đó có ma đấy. Không được chặt đâu. Người Ê Đê không ai dám chặt cây đó đâu”. Thằng Lân “gỗ” trợn mắt nhìn lão rồi cười sằng sặc: “Ma mãnh cái gì? Tội mà chặt thì bố của cây ma cũng phải đổ”.

Nói đoạn, thằng Lân “gỗ” cầm lấy rìu bổ như điên như dại vào cây lim. Cả lũ lâm tặc trở mắt nhìn. Cái cây cứng thật. Bổ vào đau cả tay. Thằng Lân “gỗ” bỗng nổi điên: “Nhìn cái thằng bố chúng mày! Tất cả chặt đổ cây này cho tao”. Đoạn hản vạch quần đá một bãi tổ tổ vào cây lim quát tiếp: “Chùng nào còn chưa chặt xong cây này thì còn chưa được về”.

Lũ lâm tặc châu đầu vào chặt cây lim. Cái cây vẫn đứng trơ trơ. Đứa nào cũng thấy lạ lùng. Bỗng gió từ đâu lùa về. Rồi sấm vang chớp giật. Trời mưa tầm tã. Bọn lâm tặc thấy sợ sợ. Nhưng thằng Lân “gỗ” nhất quyết bắt phải hạ bằng được cây lim. Đến chiều ngày hôm sau, cả đám mệt nhoài. Lão Y Bia đang ngồi nghỉ trong lán thì con gái lão đến gặp.

Nhà lão hết nhẵn cả tiền mua gạo, mua ngô. Vợ lão mới sai con gái tìm gọi lão trở về buôn. Nhìn con gái ướt nhẹp trong mưa, lạnh run run, lão Y Bia ứa nước mắt: “Vào trong lán nghỉ một lúc đi”.

Lão Y Bia chạy sang bên lán của thằng Lân “gỗ”: “Mày đưa tiền cho tao. Tao phải về mua gạo cho nhà”. Lân “gỗ” hất hàm: “Ông phải dẫn bọn tôi ra khỏi rừng mới được”. Lão Y Bia van vài: “Thế thì đi luôn đi. Mày đã có cả đầy xe gỗ rồi sao còn cố chặt cây ma làm gì? Rồi ma rừng oán thì chết cả lũ”. Thằng Lân “gỗ” tức quá văng tục: “Ma rừng cái con cặc. Tôi chặt hết. Xong thì mới đi. Ông đừng có mà lằng nhằng”

Bỗng muôn vật sáng trưng đến một lúc rồi “Đoàn!”, một tiếng sét xé rách bầu trời. Có tiếng rào rào như nước lũ tràn về. “Rầm!”. Mặt đất rung lên bần bật. Bọn lâm tặc sợ hết hồn.

Có tiếng gào át cả tiếng mưa. Lão Y Bia đang đào bới điên dại. Lán của lão đã bị cây lim đổ xuống đè bẹp dúm. Tấm vải bạt che mưa loang máu. Đứa con gái của lão nằm bầy nhầy trong đó. Lão Y Bia ôm mặt khóc. Rồi lão lấy một mảnh ni lông, nâng niu đặt xác đứa con gái vào cuốn cẩn thận. Lão ôm xác con đi về phía buôn Ma Nết như người vô định. Thằng Lân “gỗ” vội chạy ra cản: “Ê! Đưa bọn tôi tránh kiếm lâm cái đã. Định không lấy tiền à?”. Lão Y Bia không nói gì, cứ thế chầm chậm đi.

Thằng Lân “gỗ” quay sang chửi bọn lâm tặc. Chợt nhìn cái cây loang lỗ máu, hần bỗng thấy ớn lạnh. Hần giục bọn kia nhanh nhanh cắt cây ra thành từng khúc rồi còn cút cho nhanh. Bọn chúng đến đúng điểm tập kết, cho xe đến lấy hàng rồi về. Chuyện tưởng êm xuôi. Đang đi đường, một bên là núi, một bên là vực. Bỗng “Ầm! Ầm!”, núi sạt. Mấy xe chở gỗ lăn hết xuống vực. Bọn lâm tặc chết gấn hết.

Thằng Lân “gỗ” hấp hối đến lúc công an tới. Hần chỉ trợn mắt lấp bắp: “Ma! Ma! Lão Y Bia bảo ma...” rồi chết.

## 7.

“Tất cả là tại tao” - Lão Y Bia ầng ậng nước mắt - “Con tao chết. Công an thấy thằng Lân “gỗ” nói tên tao thì đến tìm. Tao bị công an bắt vì võ nợ và liên quan đến bọn lâm tặc. Ở nhà vợ tao tự tử”. Giọng lão Y Bia nghẹn lại.

Thằng Tuấn im lặng như đang bị trôi vào dòng ký ức kinh hoàng của lão Y Bia. Hắn cố vớt vát thuyết phục lão già: “Thằng Toàn “củi” bảo cháu cố thuyết phục chú đi lấy gỗ cùng. Nó sẽ trả chú rất nhiều tiền. Nếu chú thích gái, ở dưới thị xã toàn “hàng” đẹp, chú cứ thoải mái lựa chọn.” Lão Y Bia cười chua chát: “Giờ mà bọn mày còn định dụ tao đi chặt rừng nữa à? Hãy nhớ rằng cây rừng cũng có linh hồn. Mày chặt đứt một cây rừng chẳng khác gì mày giết một sinh mạng. Tốt nhất là mày đừng có đi theo thằng Toàn “củi”. Rồi thì khốn nạn cả đời”. Thằng Tuấn cười gượng: “Cháu lên đây mong được một mẻ rồi lấy vốn về làm ăn thôi”. Lão Y Bia lắc lắc đầu: “Mày tưởng vào nghề này rồi rút ra được dễ thế à? “Ăn của rừng rừng rưng nước mắt” con ạ”.

Cả hai im lặng. Lão Y Bia uống cạn chén rượu rồi nói khê: “Mà kệ cha mày. Bảo thằng Toàn “củi” đẩy đừng có vác mặt đến nhà tao. Tao không đi đâu hết”. Rồi lão cúi đầu trầm giọng: “Tao chỉ mong sớm được gặp vợ con tao mà thôi”.

## 8.

Cơn mưa dần tạnh. Thằng Tuấn từ biệt lão Y Bia đi về phía thị trấn. Căn nhà xiêu vẹo xa dần. Buôn Ma Nết xa dần. Rừng cây xa dần. Cả tiếng ầm ào của dòng sông Krông Ana cũng xa dần. Chỉ có dáng ngồi hút thuốc lá của lão Y Bia và lời nói của lão vang vọng trong đầu thằng

Tuấn: “Mày tưởng vào nghề này rồi rút ra được dễ thế à? Ăn của rừng rừng rưng nước mắt con ạ”.

Thằng Tuấn nhắu với thằng Toàn “củi” là lão Y Bia không tham gia cùng cả đám đi chặt rừng được. Rồi hẳn tránh mặt bọn thằng Toàn “củi”, bắt xe đò đi về thành phố. Mấy tuần sau tình cờ đọc báo, hẳn thấy tin đưa thằng Toàn “củi” bị bắn què chân khi đang dùng hung khí tấn công kiểm lâm lúc bị bắt gổ lậu.

## 9.

Năm nay, thằng Tuấn quay trở lại buôn Ma Nết. Sau những xoay vần của thời cuộc, giờ hẳn đã ổn định cuộc sống, lấy vợ, có con. Lần này nhân chuyến công tác đến rừng Chư Y Sang, hẳn tìm về ngôi nhà của lão Y Bia. Ngôi nhà vẫn còn đó, xiêu vẹo, ẩm thấp, dột nát, không thấy lão Y Bia đâu.

Thằng Tuấn thần thờ bước vào buôn Ma Nết hỏi mọi người. Dân buôn kể cho thằng Tuấn nghe chuyện của lão Y Bia. Năm ngoái lữ về ngập hoang cả sông Krông Ana, gỗ trên thượng nguồn trôi về theo dòng nước nhiều lắm. Đám thanh niên buôn Ma Nết ra hai bên bờ sông vớt củi đem bán. Có một đứa con gái chẳng may bị cuốn trôi. Dòng nước xiết đục ngầu, cánh tay của đứa con gái chấp chới chìm dần. Bỗng lão Y Bia từ đâu lao thẳng ra giữa sông như một con rái cá bơi đến cứu đứa con gái. Vào được đến bờ, lão gục xuống, máu mồm máu mũi ộc ra như suối.

Thằng Tuấn tìm đến khu nghĩa địa của buôn. Mộ của lão Y Bia nằm nhỏ nhoi cạnh mộ vợ con. Đám cỏ non trên mộ thấm đẫm sương chiều. Hẳn cúi đầu. Chưa bao giờ trong cuộc đời mình hẳn thành tâm đến thế. Hẳn cầu mong cho ba linh hồn dưới mộ sẽ đoàn tụ với nhau mãi mãi.

Bỗng một cơn gió lạnh từ khu rừng hoang thổi đến. Cơn gió u u.

Trong gió như có tiếng người. Tiếng của lão Y Bia. Thằng Tuấn nhìn quanh tìm kiếm. Chỉ thấy rừng cây xào xạc. Tiếng người hay tiếng rừng? Rừng cây cũng có linh hồn?

*Hà Nội, 10-11-2011*

*H.T*

T R Â N   T H Ị   K I M   T H O A

## Nụ Sim và giấc mơ

(SH số tháng 4 - 2012)

Em có cái tên mộc mạc như củ khoai củ sắn, như trái thơm trái cà ở nhiều vùng quê thôn dã: Lê Thị Sim.

Quê em ở Lăng Cô, một làng nhỏ dưới chân hai ngọn đồi Hải Vân và Phú Gia. Du khách qua đồi Hải Vân hay đồi Phú Gia, nhìn xuống vịnh Lăng Cô trong một buổi chiều tà, có lẽ không bao giờ quên được màu óng vàng của những con sóng nhấp nhô, thấp thoáng những bông lau màu bạc trắng. Lăng Cô thật đẹp tuyệt vời.

Bé Sim rời làng quê xinh đẹp đó ở tuổi lên ba, em theo người cô vào sinh sống ở thành phố Đà Nẵng, sau khi cha mẹ và em trai chưa tròn tháng tuổi đã chết trong một đêm chiến tranh ập xuống nơi này.

Em lớn lên trong gia đình người cô, sống nhờ một gánh bún bò bán hàng ngày bên vỉa hè đường phố. Lên năm em phải phụ giúp cô rửa bát, bưng bê hàng ăn, rót nước cho khách. Cô em phải lam lũ suốt ngày để nuôi ăn cả gia đình gồm một ông chồng thất nghiệp, nghiện ngập chỉ biết la mắng khi không có đồ nhắm nháp và ba đứa con nhỏ dại. Em không được đến trường như những đứa trẻ cùng trang lứa. Ngoài thời gian phụ giúp cô bán bún em còn phải chăm bẵm ba đứa em nhỏ.



Một ngày các khớp cổ tay, cổ chân của em sưng đỏ và đau, em vẫn cố gắng làm việc giúp cô, rồi đến khi không làm được nữa, người cô nhờ một bác xe thô hàng xóm đưa em vào bệnh viện.

Bé Sim mười ba tuổi, còi cọc, gầy đét trông như một em bé lên bảy lên tám thiếu ăn lâu ngày. Thế nhưng nơi em toát lên vẻ chân thật dễ mến, khờ dại nhưng đôi lúc lại sâu sắc lạ thường.

Em vào điều trị ba hôm, các triệu chứng đau nhức, sưng đỏ ở các khớp giảm hẳn. Em được ra viện với chẩn đoán: thấp khớp cấp, chúng tôi hẹn ngày tái khám tiêm phòng thấp cho em. Và rồi tôi quên em như quên bao nhiêu bệnh nhân khác đến rồi đi. Tháng sau em không đến tiêm phòng chúng tôi cũng không thắc mắc gì, cứ thế thời gian trôi qua.

Bốn tháng sau, em nhập viện lần thứ hai, cũng với triệu chứng sưng đau các khớp cổ tay và cổ chân. Trong phòng làm việc, tôi cũng như các bác sĩ khác, ai cũng trách gia đình không quan tâm đến bé, không theo sự hướng dẫn của bác sĩ để bệnh tái phát. Tôi nói với người nhà:

- Mỗi tháng tiêm phòng có một lần, sao anh không đưa cháu đến, chẳng may bị biến chứng ở tim thì khó lòng điều trị khỏi. Không có tiền mua thuốc, chúng tôi có thể dùng thuốc viện trợ, sao anh chẳng nói năng gì?

Người đàn ông đi theo em bé ấp úng trả lời:

- Thưa bác, gia đình không có tiền mua thuốc đã đành, nhưng qui định của khoa phòng là chỉ tiêm thuốc khi có cha hay mẹ đi kèm. Bé Sim chẳng còn cha mẹ, người cô của em thì bận kế sinh nhai, nghỉ ngày nào là ngày đó cả nhà đói. Tôi chỉ là người hàng xóm được thuê đi giúp, tôi không phải là thân nhân, nên không dám để cháu chích thuốc, ngộ có chuyện gì thì sao. Nghe thế tôi bèn nói:

- Chúng tôi cần gặp người nhà một lần để giải thích những tai biến có thể xảy ra khi dùng thuốc. Đó là một thận trọng trong nghề nghiệp mà thôi.

Thế nhưng việc điều trị lần này không đơn giản như lần trước, các triệu chứng của khớp không giảm nhanh như lần đầu, trái lại nó còn biến dạng. Chúng tôi đã nhầm, đây là một trường hợp viêm khớp thiếu niên chứ không phải là một trường hợp thấp khớp đơn thuần. Thế là phải điều trị lâu dài hơn. Khi nghe tôi bảo phải nằm lại nhiều ngày, bé Sim òa lên khóc, em nói với tôi:

- Không được đâu bác ơi, con phải về thôi, không ai phụ giúp cô con ở nhà, bác cố gắng chữa cho con mau lành, con không thể ở đây lâu được.

Dù bé Sim có nói thế nào, chúng tôi cũng không để cho em ra về. Và thực tế em cũng không ra về được, bởi bệnh trạng của em đã nặng lắm rồi. Em chẳng còn đủ sức để phụ giúp cô ở gánh bún và chăm sóc các em con cô ở nhà. Tôi thuyết phục em nằm viện. Em cũng nhận ra là không thể làm gì được trong tình hình sức khỏe như thế. Em đành ở lại bệnh viện thôi. Những ngày tiếp theo tôi biết thêm ở Sim nhiều điều: toàn là những điều bất hạnh. Em chẳng biết đọc, biết viết, ngay cả biết đếm. Té ra em chưa một lần đến trường như những đứa trẻ cùng trang lứa. Một lần tôi hỏi: “Nhà em có bao nhiêu người?” Em nhìn tôi bẽn lễn đưa một bàn tay xòe năm ngón, rồi đưa thêm một ngón nữa ở bàn tay kia. Tôi lại hỏi: “Mỗi bữa nhà em nấu bao nhiêu lon gạo?” Em lại cười vừa chỉ tay lên giường vừa nói: “Đây một lon, đó một lon, đó một lon, đây một lon”. Tôi bật cười lớn làm em hổ thẹn bấu nhẹ tay tôi. Tôi cười mà lòng quặn thắt, té ra em cũng chưa biết đếm. Từ đó tôi bày em học đếm, viết và đọc tên của mình.

Một hôm vào rằm tháng Tư âm lịch, ngày Phật Đản. Nhà chùa đi phát chẩn cho bệnh nhân. Mỗi em được một hộp sữa đặc, nửa cân đường, một gói mì chay ăn liền. Sáng hôm đó bé Sim bận đi làm xét nghiệm nên không có phần. Nhà chùa chỉ tặng cho những người có mặt. Lúc về biết mình không có quà, em buồn buồn, lên giường nằm quay mặt vào tường kéo chăn đắp kín. Thấy vậy tôi bèn nói với các bà con nuôi bệnh: “Lộc

nhà chùa, các cô, các bác nhường lại cho em một ít”. Ai cũng tán đồng đề nghị của tôi. Người nhường gói mì, người nhường lon sữa, người nhường gói đường. Rốt lại phần của em nhiều hơn ai hết, em nhoeo miệng cười và nói: “Con chỉ nhận một gói mì thôi, các em bé khác còn nhỏ cần ăn nhiều hơn, con chỉ buồn vì nhà chùa không nhớ đến người vắng mặt”.

Rồi một buổi chiều lúc tôi rảnh rỗi, em vào phòng làm việc của tôi và hỏi:

- Bác ơi, ông Phật là ai, bà Phật là ai, ăn chay để làm gì?

Tôi ngỡ ngàng trước câu hỏi của em, nhưng rồi cũng trả lời:

- Ông Phật là người đã tìm cho mình và chỉ cho bất cứ ai muốn nghe con đường và cách thoát khỏi những đau buồn khổ cực trong cuộc sống hàng ngày. Ông ấy hồi nhỏ tên là Tất Đạt Đa con vua Tịnh Phạn ở nước Ca Tì La Vệ. Bà Phật, người ta thường gọi là Phật bà Quán Thế Âm, một người chỉ xuất hiện khi ta bị tai ương hoạn nạn, và thành tâm khẩn vái. Bác cũng chỉ nghe người ta nói như thế chứ thật hư thế nào bác cũng không tường tận. Ăn chay là ăn các thức ăn không làm đau đớn chết chóc cho bất cứ một con vật nào và chỉ ăn cho vừa đủ sự sống hàng ngày. Ăn chay là một trong rất nhiều cách mà ông Phật đã dạy chúng ta với mục đích là giảm bớt và diệt trừ sự đau khổ, tôn trọng sự sống của mỗi người và của tất cả vật sống chung quanh. Ăn chay cũng để nhắc nhở mình làm điều lành tránh điều dữ, nhớ điều thiện quên điều ác, thương yêu hết thầy mọi người mọi vật.

- Thế bác có ăn chay không?

- Bác có ăn chay, hồi nhỏ ở nhà cha mẹ ăn chay mỗi tháng bốn ngày. Thời đi làm có lúc ăn nhiều hơn.

Để trả lời bé Sim, tôi đã tập trung và cố gắng hết sức để em hiểu lời nói của tôi. Chẳng biết em hiểu được bao nhiêu phần. Tôi chỉ thấy em há hốc mồm để nghe.

- Mấy năm qua con chỉ quanh quẩn với các em ở căn lều của cô dưỡng, lảng xảng phụ giúp cô ở gánh bún. Con không được nghe và biết nhiều điều mới lạ như khi vào nằm điều trị ở đây. Con thấy bác dễ dàng nói chuyện nên con mới dám hỏi, bác đừng la con nhé.

Những lời chơn chất của Sim làm tôi xúc động. Tôi quyết định trả lời câu hỏi hồn nhiên, tội nghiệp của em mà đối với tôi trong tình thế ấy quả là rất khó. Cái khó nhất bởi em vẫn còn là một đứa bé chưa biết chữ nghĩa, văn hóa.

Rồi một buổi sáng, khám bệnh cho em, tôi thấy Sim sốt nhẹ, em có vẻ mệt hơn những ngày trước, mặc dầu các khớp bớt đau, da em vẫn xanh tái. Kiểm tra lại hồng cầu, em thiếu máu nhiều quá, trong dòng bạch cầu lại có gì nghi ngờ, các bác sĩ xét nghiệm muốn kiểm tra lại mặc dù trước đó em cũng đã phải thử máu nhiều lần kể cả làm tủy đồ. Có gì nữa đây? Tôi băn khoăn tự hỏi. Nhưng tình hình này tôi phải chuyển máu cho em.

Hôm đó phòng trữ máu không còn máu thuộc nhóm AB mà em cần. Tôi đến gặp chị phó khoa hỏi xem trong danh sách những người hiến máu tự nguyện có ai cùng nhóm máu với em hay không? May mắn là có một người. Chúng tôi gọi điện cho anh ấy, và cũng may anh ta đang có ở nhà.

Khi nghe nói lấy máu người khác để chuyển cho mình, em bảo với tôi:

- Bác ơi, đêm qua con nằm mơ thấy ba mẹ, ba mẹ bảo rằng bệnh của con không chữa được. Con còn sống ngày nào không nên làm phiền người khác. Bác cũng không nên lấy máu của ai đó mà chuyển cho con, lại làm đau thêm một người mà chẳng ích gì?

- Không đâu, con cứ yên tâm mà nhận máu của anh ấy, nếu không cho con số lượng máu đó, 120 ngày sau các hồng cầu này cũng sẽ chết, anh ấy còn khỏe, còn có thể tạo ra những hồng cầu khác trẻ hơn, mạnh hơn, như vậy vừa tốt cho con vừa tốt cho anh ấy.

Chùng em hiểu ra và đồng ý để chúng tôi chuyển máu.

Buổi chiều hôm ấy, như thường lệ, tôi khám lại bệnh nặng và xem kết quả xét nghiệm đã làm trong buổi sáng. Tôi bàng hoàng khi nhận thấy kết quả xét nghiệm máu của bé Sim: Bạch cầu cấp. Lòng tôi chùng lại, một trường hợp bệnh lí phải qua nhiều lần xét nghiệm mới để lộ đầy đủ triệu chứng.

Sau cái lần chuyển máu đó, bé Sim như khỏe lên, da và niêm mạc hồng hào hơn, trông em có vẻ chong chảy, nhưng trong phòng từ bác sĩ đến y tá không ai không buồn.

Ngày hôm sau khám bệnh cho em xong tôi bảo: “Bây giờ bác phải chuyển con đến điều trị ở phòng bệnh về máu. Ở đó cũng có bác sĩ và y tá như ở đây, con sẽ có những người bạn có bệnh giống như con để chuyện trò, thỉnh thoảng nếu muốn con có thể trở lại đây chơi”. Em tỏ ra bịn rịn.

Những ngày sau đó đôi lần tôi gặp lại em ở đầu cầu thang, nơi tôi lên xuống làm việc. Em thường hay đem bát, chén, ca mem đi lấy cháo từ thiện của các xơ dòng Thánh Tâm vào buổi sáng. Không những lấy cho mình, em còn lấy giùm cho các bà mẹ có con nhỏ. Mỗi lần gặp tôi em thường lễ phép chào và mỉm cười thân tín.

Một buổi chiều tôi gặp lại em trong phòng chơi của các bệnh nhi. Em đang cầm cúi vẽ. Bức tranh đẹp một cách ngộ nghĩnh. Bốn chiếc lá có màu sắc khác nhau trên nền màu xám đục. Một chiếc màu vàng, một chiếc màu nâu, một chiếc màu cam và một chiếc màu xanh chỉ còn trơ vài cọng lá. Tôi hỏi em vẽ cái gì, em bảo: “Đây là bốn chiếc lá, cái này là ba con, cái này là mẹ con, cái này là em con; ba cái màu nâu, màu vàng và màu cam đã khô chết rồi, cái này màu xanh là con, còn sống nhưng chỉ còn mấy cọng xương thôi”. Rồi em nắn nót viết lên một góc bức tranh chữ Sim: “Con vẽ tặng bác đó”. Cầm tờ tranh mộc mạc trên tay, tôi vô cùng xúc động và đồng thời như thấy được an ủi, liền nói: “Bác thấy rồi,

đây một lá, đó một lá, đó một lá, đây một lá”. Em cười và bấu vào tay tôi như mỗi lần tôi chọc què em.

Một đêm trực, vào những ngày chuẩn bị đón Tết. Ở tiền sảnh cổng trước, một chậu mai vàng đang nở rộ, hai bên hành lang cây cảnh được cắt xén cẩn thận, trên các lối đi trong bệnh viện đó đây từng đám vỏ hạt dưa vắt bừa bãi mà các chị y công không thể nào quét dọn kịp.

Một giờ khuya, tôi đang trực tại phòng cấp cứu hồi sức, tiếng chuông điện thoại réo lên, bên kia đầu giây tiếng chị y tá khẩn báo: phòng bệnh máu có bệnh nhân trở nặng. Tôi vội vàng chạy một bước hai ba bậc thang, đến nơi chưa kịp thở đều lại, tôi đã thấy bé Sim nằm yên, miệng em tràn đầy máu. Chị y tá đứng bên cạnh đang cho em thở oxy và làm vệ sinh cho em. Thấy tôi em cố gượng cười, nụ cười trên khuôn mặt không còn một chút sinh khí. Tôi cho y lệnh chuyển máu khẩn. Khi nghe tôi bảo chuyển máu em thều thào bảo:

- Thôi bác, con đã chuyển năm sáu bạch máu kể từ lúc vào đây, con đã nhờ các chị, các bác nhiều quá rồi, bác không nên tốn công nữa.

Tôi cầm bàn tay lạnh ngắt của em, cùng chị y tá cố tìm một đường vein nhỏ tạm chuyển nước biển để giữ mạch. Chỉ trong chốc lát, bàn tay em buông lỏng, mắt em lim dim nhắm lại. Em nở nụ cười héo hắt trên đôi môi tím nhạt. Không kịp nữa rồi, tôi nói nhỏ một mình. Lòng tôi trống rỗng và lạnh buốt.

Trở lại phòng trực, tôi nhớ lời mẹ dặn ngày xưa: Mỗi khi tinh thần bất an con nên đọc kinh Bát Nhã: “Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không... sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc...”, thế là tôi đi vào giấc mơ. Tôi mơ thấy mình lang thang trên một đồi Sim. Một đồi Sim tím ngát nở rộ. Ở phía bên trên trời cao gió mát, những con diều xanh, diều hồng, diều trắng lơ lửng bay. Một đóa Sim nhỏ bỗng nhiên vươn cao lên và vẫy gọi...

“Bác ơi, bác trông này, con đã khỏe lắm rồi, con đã ở giữa đồng đảo bạn bè. Cách đây vài mươi phút con đã nghe bác đọc “Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh...”. Con đã nhận ra cái ngày xa xưa của mình. Ngày ấy con chỉ là nụ sim nhỏ trên đồi, con thường nghe ba mẹ ngồi bên nhau và hát: *Đói lòng ăn nửa trái sim, uống lưng bát nước đi tìm người thương...* Con ao ước một mái hiên nhà có nắng gió, trăng sao, có mây mù sương lạnh. Những ngày thơ ấu mẹ thường hay đặt con nằm trong chiếc võng làm bằng vải lấy từ chiếc dù hỏa châu rơi ngoài ruộng. Lời mẹ ru lịm tắt trong tiếng đại bác rền vang bốn phía. Chiến tranh, chết chóc, nghèo đói, bệnh tật cứ đeo bám gia đình, làng xóm. Trong lời ru của mẹ, con còn nhớ cả những câu than vãn chua cay: *Gánh cực mà đổ lên non, cong lưng mà chạy cực còn đuổi theo...* Trên đầu chúng con là trời xanh, mây trắng với hàng trăm cánh diều màu sắc vui tươi rực rỡ, nhưng lòng thương nhớ cha mẹ và em trai vẫn không nguôi”.

Những mẩu chuyện rời rạc của Sim, là chuỗi nguyên vẹn của sự sống - một sự sống đã bị bầm vằm, cắt chặt, vò xé, xay nghiền do cái u mê của kiếp người. Trước mắt tôi bầu trời đang trong sáng bỗng chuyển mây đen vần vũ, gió cuốn, bụi mù, lá bay và một bãi lầy trải dài bất tận. Ở đó ngổn ngang những thân người đang múa may, gào thét, vùng vẫy cố thoát khỏi cái hố sâu đen ngòm không đáy. Ở đó con người chỉ là những cánh tay chới với và những đôi mắt trơ lơ tuyệt vọng cứ chìm dần chìm dần...

“Bác ơi, con đi tìm ba mẹ và em trai, họ đang ở đâu đây? Phải chăng đây là chỗ của những người ra đi không đúng lúc? Tội nghiệp ba mẹ và em trai...” “Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh Quán Tự Tại Bồ Tát... Sắc Túc Thị Không Không Túc Thị Sắc...”. Ấy chính là lời kinh tiếng mõ của Mẹ tôi thời còn thơ thức giấc trong cái se lạnh...

N.T.K.T

L Ê M I N H P H O N G

# Những bức ảnh

(SH số tháng 7 - 2012)

T  
rong khi đó thì cha vẫn cười. Nụ cười của cha không hề méo mó. Đó là nụ cười của một người đàn ông mãn nguyện. Bên cạnh cha có một người phụ nữ đang nâng ly rượu và sau người phụ nữ đó là một người thanh niên đang gọi điện thoại. Có lẽ đó là khung cảnh trong một nhà hàng sang trọng ở ngoại ô. Cái khung đen bao quanh bên ngoài tấm ảnh khiến cho cảnh vật bên trong càng thêm phần sang trọng. Như thế, theo một cách thức khác biệt của mình, cha vẫn cười nụ cười đó. Không biết đã bao nhiêu năm rồi cha vẫn cười như thế. Dĩ nhiên là cha cười trong ảnh.

Mẹ ngắt lịm đi khi người ta đem xác anh Hai về. Mấy ngày sau đó mẹ chỉ nuốt được một ít cháo. Máu đã đông lại trên mười đầu ngón tay của mẹ bởi mẹ đã dùng chính hai bàn tay của mình cào đất trên mộ anh Hai nhằm thấy được đôi mắt của anh. Tất nhiên là không thể biết được những sự việc như thế có phải là trong ảnh hay không nhưng rõ ràng là máu đã đông lại trên mười đầu ngón tay của mẹ.

Tại nhà thương điên, cô gái vẫn ẵm cái gối vào lòng và ru con, người đàn ông có làn da màu vàng vẫn kéo lê cái khúc gỗ trên nền đá và làm những tiếng kêu của tàu lửa. Người đàn ông có làn da màu vàng nhìn vào



chiếc gối trên tay cô gái rồi nói: “Nó cắn đấy. Mắt nó vàng. Đem nó chạy đi, bằng những chuyến tàu không bao giờ quay lại ấy.” Cô gái nói: “Đó là con trai tôi. Nó sinh vào đầu tháng chạp năm ngoái. Người ta đã nhét giẻ rách vào miệng nó. Mắt nó vàng và nó không bao giờ biết khóc. Nó thường tru lên khi trăng lộ dạng, nó muốn làm bạn với lửa.” Cô gái nói.

“Làm bạn với lửa.” Cô gái nói.

“Làm bạn với lửa.” Cô gái nói.

Khung cảnh này như thật, không xác định được có phải là trong ảnh hay không.

Trong một bức ảnh lớn hơn bên cạnh, mẹ đang tung hoa lên trời. Phía sau mẹ là những người chuẩn bị chụp ảnh. Rõ ràng là mẹ đang trong thời kỳ hạnh phúc. Mắt mẹ sáng ngời lên. Những cánh hoa bay lên rồi rơi xuống trên tóc mẹ trước khi rơi xuống và nằm im trên những lá cỏ xanh muốt. Cách đó không xa, ở chỗ có hàng rào bằng tre, những người khác đang đưa tay vẫy vẫy, không biết họ muốn gì. Những xác hoa nằm ra ngoài cái viền màu đen bao quanh tấm ảnh. Mẹ vẫn cười.

Tượng Chúa được người ta làm bằng đá. Trong bức ảnh này rõ ràng tượng Chúa được người ta tạc từ một khối đá trắng khổng lồ. Chúa đang cười trong ảnh. Trong ảnh, mắt Chúa đang cười. Những con chiên đang quỳ dưới tượng Chúa. Họ tự do hát thánh ca và ca tụng Thiên Chúa, bởi Người đã tạo sinh. Những đứa trẻ đang băng qua hàng rào để tiến sát đến tượng Chúa. Vẫn không có một tiếng còi nào vang lên. Trong ảnh, những đứa trẻ đang sờ tay lên tượng Chúa và cảm nhận sự mát lạnh của đá và nghe tiếng thì thầm của đấng tối cao. Cái viền màu đen bao quanh bức ảnh khiến cho tượng Chúa không được bề thế như người ta vẫn thường tưởng tượng.

Có những thứ không nằm trong ảnh. Không hạn định như trong ảnh. Nhưng không thể xác định được chắc chắn là chúng có nằm trong một cái khung nào đó hay không.

Trong một bức ảnh chen giữa, cha đang làm một việc gì đó như thuyết giảng. Nhìn lướt qua là biết ngay rằng cha đang tự biện. Cha đưa một ngón tay chỉ lên trời và mắt cha nhìn thẳng vào mắt những kẻ đang nghe cha nói. Đúng như cái cách thức mà Socrates đã làm.

“Tôi đã viết...” Cha nói.

“Tôi chấp nhận là tôi đã viết sự thật.” Cha nói.

“Và đó là tội lỗi? Tôi là tên nghịch phản?” Cha nói.

Đằng sau cha là những người trùm màn đen che mặt. Có thể họ bùng nước tới cho cha. Và cũng có thể họ đang ban phát cho cha một cái chết bằng chén thuốc độc mà cha không đủ quyền năng để cự tuyệt. Cha nói lại với người đàn ông có thân hình to lớn bên cạnh: *“Thấy chứ. Nhưng xin Zeus chứng giám, hai lần tôi đã nghĩ cách tự biện, và cả hai lần tiếng nói quỷ thần lại ngăn cản.”* Những tiếng nói đó của cha cũng đã bị cái viền đen bao quanh tấm ảnh ngăn lại.

Anh Ba chết vào một buổi chiều mùa đông. Lúc ấy có mưa nhỏ và gió lạnh. Mẹ cắn vào môi mình khi người ta để xác anh Ba ngoài sân rồi bỏ đi. Không biết những người đàn ông đó là ai, nhưng cái hành động đó khiến mẹ cứ cắn vào môi mình cho đến khi miệng mẹ là một vũng máu đen đặc.

Trong một bức ảnh nằm ngang, cha đang ở trần. Chỉ thấy tấm lưng trần và mái tóc xoắn tít của cha từ phía sau. Cha đang cúi xuống. Ngoài những chi tiết đó tuyệt nhiên không có một hình ảnh nào khác. Cha muốn kéo dài sự hiện hữu của mình, cha muốn có thêm những truyền nhân liên minh với những ý tưởng của cha. Và về sau thì rõ ràng là cha đã thất bại.

Sau cái chết của anh Tư thì xác của anh Năm được đưa về trên một cái xe bò cũ kỹ. Còn nhớ rằng lúc đó tiếng khóc của mẹ hòa vào những tiếng ken két của bánh xe bò nghiêng trên đường đá. Mắt mẹ ráo hoảnh

khi nhìn những người đàn ông không biết từ đâu lôi xác anh Năm về. Họ đang ngồi rít thuốc. Ống điếu được làm bằng tre.

Trong tấm hình nhỏ nằm ở góc phía trên không có cha. Chỉ có những nén nhang đang cháy trên một cổ quan tài được sơn màu đỏ, và mẹ thì đang lấy khăn lau mắt. Tuyệt nhiên không có khuôn mặt của cha. Chỉ thấy người ăn xin và những người khác kéo đến từ nhà thương điên đang ngồi xuống bên cạnh mẹ. Họ nói về những truyện ngắn hoang tưởng của cha. “Xa rời hiện thực quá. Huyền hoặc quá.” Họ nói thế. “Vì thế nên vô nghĩa.” Họ lại nói trong khi tay họ đang ném từng mẩu đất xuống lỗ huyết của cha.

Mẹ đang lết đi sau những kẻ ăn xin trên sân ga. Những chuyến tàu lần lượt đến và đi, mẹ cũng không buồn đếm. Chỉ khi có một vài xu rơi xuống trên đầu mẹ thì mẹ mới ngẩng lên. Mẹ thấy những khuôn mặt khác nhau qua đôi mắt kèm nhèm của mẹ. Không biết đó có phải là những mặt người hay không. Mẹ không thể biết bởi bây giờ mẹ cũng là một hình ảnh bất động trên sân ga, bất động trong ảnh.

Cha thì vẫn với cái cách thức cũ. Ông không cười.

Khi đôi chân của anh Sáu được đưa về thì mẹ cười vui sướng. Những người đàn ông xa lạ đưa đôi chân của anh Sáu về, họ bỏ đôi chân đó vào trong một cái túi được đan bằng thân cây cói. “Những gì còn sót lại...” Họ nói. Khi những người đàn ông ra đi thì mẹ trở nên linh hoạt lạ thường. Bà hát lên những bài hát xưa cũ rồi tập đi bằng cách dựa vào đôi chân của anh Sáu. Đã mấy lần mẹ chúi xuống trên nền đất, đôi chân anh Sáu lần lóc dưới nền nhà. Rồi mẹ lại tiếp tục lồm cồm bò dậy.

Và cười.

Con nhớ những người đàn ông xa lạ đưa thi hài con về bằng cách để thi hài con trên những miếng gỗ mục. Họ để xác con ở ngoài sân rồi bỏ đi. Lần này họ không nói gì với mẹ. Con thấy rõ ràng, khi vuốt mắt cho

con, mẹ đã cười theo cái cách thức riêng biệt của mẹ. Đêm ấy có mưa và có những tiếng cú xen lẫn với tiếng mõ cầu kinh của mẹ.

Tất cả có thể là trong ảnh hoặc không. Nhưng đều được đóng khung. Những cái khung lớn có viền to màu đen bằng gỗ hoặc bằng sắt. Những tấm ảnh nhỏ được sắp xếp một cách lộn xộn, bừa bãi trong khung ảnh lớn. Những khung ảnh lớn nằm trong những khung ảnh lớn hơn và cứ thế rộng thêm ra. Không nhìn thấy được giới hạn. Và không lâu nữa, sau cái chết thê thảm của mẹ, người ta sẽ tống tất cả những chiếc khung vào thùng sắt và khóa chặt lại.

Rồi bỏ đi.

*L.M.P*

H A O   N G U Y Ê N

# Đất không lối vào

(SH số tháng 11 - 2012)

## 1.

Khi chiếc xe khách đã khuất phía cuối con đường, anh mới kịp nhận ra là mình đã thực sự tách khỏi cuộc sống cũ, những không gian cũ, những thói quen cũ, những quan hệ cũ, để bắt đầu một cái gì đó hoàn toàn chưa có tiền lệ.

Trời đang mưa lất phất. Những ngọn cỏ lá cây ướt một màu cô quạnh. Anh đưa mắt nhìn xung quanh: không một dấu vết của con người. Trước kia, nơi đây đã từng là một thị tứ miền núi sầm uất. Nhưng kể từ khi bệnh dịch hoành hành, người ta lần lượt bỏ thị tứ này ra đi. Những người ở lại, hoặc đã chết vì dịch bệnh, hoặc tàn phế, hoặc may mắn không bị dịch bệnh thì cũng bị bóng ma của nó ám ảnh tâm trí mà hóa ngây dại.

Anh xốc túi xách lên vai. Đi!

## 2.

- Tại sao anh lại phải đến nơi ấy?

Anh nhìn thật sâu vào mắt cô, một đôi mắt trong veo và yên tĩnh lạ thường.

- Thì phải chọn một nơi nào đó để đi chứ.

- Lẽ ra anh có thể chọn một nơi khác để đi. Có rất nhiều con đường để ta chọn đi, có rất nhiều nơi để ta chọn đến. Sao anh lại chọn nơi như thế để đến? Có khi nào anh nghĩ rằng cả cuộc đời anh sẽ phải đánh đổi với lựa chọn này?

Suốt mấy ngày qua, tình cờ làm quen với cô gái, anh và cô đã tâm sự với nhau nhiều điều. Thật lạ lùng là có những người sống cạnh ta cả đời, nhưng hầu như ta không thể nào thổ lộ được một điều gan ruột, nhưng lại có những người tình cờ ngồi bên ta trong một chốc lát của chuyến xe cuộc đời, lại có thể dễ dàng cảm thông và chia sẻ với ta trọn vẹn như thế.

- Em có nghĩ rằng, thực ra, không phải chúng ta đang chọn đường mình đi, mà chính con đường đã chọn chúng ta không?

Cô gái lắc đầu, đôi mắt trong veo và yên tĩnh nhìn anh, rồi chỉ lên trời:

- Em rất thích ngắm mây!

### 3.

Mưa suốt mấy ngày. Mọi thứ chìm trong ẩm đạm. Bùn lầy nhão nhoẹt bám trĩu gót giày, mưa lạnh lẽo gặm nhấm từng phân da thịt, những cơn gió mỏng trôi cuốn lấy hơi người... Có cảm giác cuộc sống đang thổi rữa dần, từng giây từng phút, không cách nào cứu vãn được.

Khi lương khô sắp hết, may sao anh lại gặp túp lều của một bà cụ và bé trai chừng mười lăm tuổi. Lúc đó là buổi chiều. Gió thổi u u qua các tán lá, buồn rã rượi. Đâu đó có con hoẵng lạc mẹ, tác lên mấy tiếng u uẩn. Dừng dưới một gốc cây, châm một điếu thuốc để chống chọi cái âm u buổi chiều, bỗng dưng anh nhận ra trong không khí có mùi xào nấu

thức ăn. Trời ơi, mới ba ngày trong rừng, nghe cái mùi ấy, lòng anh quặn lên cảm giác hạnh phúc như mới tìm lại được cuộc sống đã tuột mất cả thế kỷ. Anh định hướng và xăm xăm đi vào một lối đầy những cây đại nở từng chùm hoa trắng tí xíu.

- Bà ơi, có người.

- Ai thế?

Anh dặt dề bước vào mái hiên, không quên gửi chú bé một nụ cười thân thiện.

Tối đó, trong ánh đèn dầu, giữa cái im lặng mênh mông của rừng núi, sau bữa cơm tối, anh lặng lẽ nghe bà lão và chú bé kể chuyện.

- Bố mẹ nó đó.

Bà lão lấy tay quạt nước mắt, chỉ lên bàn thờ. Trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn dầu, anh thấy hai tấm hình của bố mẹ chú bé. Hai khuôn mặt còn trẻ, nhìn anh chăm chú, như hỏi: Người khách lạ kia, anh có biết vì sao chúng tôi phải chết không? Liệu anh có liên quan gì đến dịch bệnh nơi đây và cái chết của chúng tôi không?

Anh khẽ khàng nắm lấy bàn tay chú bé.

- Mười năm rồi! Tôi cứ nghĩ người ta đã lãng quên cái làng này.

Bà lão nhìn anh bằng đôi mắt có phần dửng dưng của một con người đã chịu quá nhiều đau khổ, và tuyệt vọng vì những niềm tin của mình bị sụp đổ quá tàn nhẫn.

- Hồi đó, hàng đoàn bác sĩ tới rồi cũng bỏ đi cả. Có mấy bác sĩ phải gửi xác lại đất này.

Giọng bà lão thì thâm giữa tịch lặng của núi rừng, nghe rờn rợn như một lời nguyền.

- May mà hai bà cháu không bị mắc bệnh. Nhưng đêm đêm nó vẫn tới trước nhà, gõ cửa kêu tên hai bà cháu.

Anh khẽ rùng mình. Đọc báo biết về vùng này đã lâu, nhưng phải đến lúc này, anh mới có cảm giác tương đối rõ ràng về những điều mình sắp đối mặt.

- Rồi bà và cháu làm sao?

- Im lặng, chứ sao? Ai mà trả lời, nó sẽ nhिễm vào người ngay. Cái bệnh quái quỷ ấy không lây qua đường miệng, đường mũi, đường mồm... bình thường, mà nó lây qua ý nghĩ. Chỉ cần ai trả lời nó, nó sẽ lập tức nhập vào trí não, rồi sau đó lây lan toàn thân.

Bà lão thôi không kể, như sợ hãi điều gì, đôi tay già nua gầy guộc ôm đứa cháu vào lòng, mắt nhắm lại, đau khổ và cam chịu.

Đêm đó, anh nằm trần trọc mãi, cái cảm lạnh của không gian khiến anh thấ thỏm. Nhớ lời bà lão kể, anh gắng tỉnh táo để nghe ngóng có ai gõ cửa không. Nhưng mọi thứ vẫn yên ắng, sự yên ắng đầy đe dọa. Mãi đến gần sáng anh mới chợp mắt được một tí. Trong chập chờn giấc muộn, anh nghe có ai đó gọi tên mình, và cũng trong chập chờn, anh trả lời:

- Tôi đây.

## 4.

- Như tôi là khỏe nhất.

Bác lái xe vừa cười, vừa vươn vai cho đỡ mỏi.

- Mỗi chuyến đi đã có một lộ trình, không phải suy nghĩ, không phải định hướng, không phải dẫn đo gì cả.

- Như một lập trình?

- Lập trình là cái gì?

- Là một thứ đã được quy định sẵn, cứ thế mà thực hiện.



- Tôi không hiểu lập trình là cái quái gì, nhưng nếu ý cậu là những thằng lái xe như tôi không cần tư duy trên những cung đường của mình thì cậu hoàn toàn sai lầm.

- Thì bác vừa mới nói...

- Ý tôi là tôi không cần phải suy nghĩ để lựa chọn con đường. Có gì để lựa chọn? Tôi chỉ việc rời bến và lái xe đến một bến khác mà lịch đã lên sẵn. Nhưng tôi chọn, trong hành trình đã định sẵn đó, tôi chọn, cách tôi điều khiển chiếc xe này, nơi tôi nghỉ dọc đường, quán cơm mà tôi sẽ đưa khách vào ăn. Tự do của tôi nằm giữa hai điểm đã được quy định sẵn ấy.

## 5.

Buổi sáng thức dậy, sương mù vẫn còn giăng kín những gốc cây ngọn cỏ. Cậu bé đã dậy từ rất lâu trước anh, đang ngồi nói chuyện với những bông hoa trắng.

- Từ đây vào làng bao xa bà nhi?

- Còn xa lắm. Bà không nhớ chính xác, mười năm trời rồi còn gì. Mười năm sống chỉ để lãng quên những điều đã sống.

Bà lão nhìn ra sân:

- Từ khi lên bảy, nó đã biết nói chuyện với lá. Lên mười, nó đã biết nói chuyện với hoa rồi.

Có lẽ cả bà lão và thằng bé cũng là nạn nhân của dịch bệnh. Anh sợ hãi nghĩ trong bụng.

- Trước khi có dịch bệnh, cả làng ai cũng có thể nói chuyện với cây cỏ, chim muông, với trăng và các vì sao, với ánh sáng và bóng tối. Khi dịch bệnh mới bắt đầu, người trong làng bị mất dần các khả năng ấy. Nhưng chúng tôi vẫn sống được. Đến khi dịch bệnh thật sự bùng phát, không

chỉ không nói chuyện được với những thứ ấy, mà người làng còn không thể nói chuyện với nhau, rồi tay chân mặt mày biến dạng, rồi chết. Sợ nhất là nhìn xác những người chết, *không ra hình hài con người nữa*. Ngay cả người trong gia đình cũng không dám nhận xác người thân.

Anh choáng váng vì những lời bà lão kể. Anh không biết, rốt cuộc là mình sẽ đối mặt với cái gì đây. Hay là anh đang đối mặt với chính dịch bệnh ấy, hiện diện trong bà lão và đứa bé? Phải mất một lúc lâu sau, khi bà lão dừng lời, đôi mắt rưng rưng nhìn đứa cháu, anh mới nói:

- Sao bà và cháu không đi hẳn khỏi nơi này?

- Sau khi bố mẹ nó mất, giữa đêm, hai bà cháu dắt díu nhau tìm đường ra khỏi làng. Nhưng đến nơi này thì thằng bé ngã bệnh. Đến khi thằng bé khỏe lại thì hai bà cháu hiểu rằng không thể đi khỏi đây được.

- Sao vậy bà?

- Như thế là chạy trốn.

Anh im lặng nhìn bà lão run rẩy lấy tay chùi nước mắt.

- Sống cũng được, chết cũng xong, nhưng chạy trốn thì nhục lắm!

## 6.

- Anh sẽ làm gì ở đó?

Cô gái nhìn anh triu mến. Anh bối rối ngắt một ngọn cỏ.

- Việc đầu tiên có lẽ là tìm hiểu căn nguyên dịch bệnh.

- Nhưng nhiều đoàn bác sĩ đã đến và quay về. Thậm chí một số bác sĩ đã chết. Họ hoàn toàn bất lực. Anh có thể làm gì khác?

Đến lượt anh nhìn cô, ánh nhìn của anh sượt qua bờ vai thanh mảnh, rồi dừng lại ở một nhánh hoa rừng đang đong đưa trong gió.

- Anh không nghĩ sự bất lực của con người là vĩnh cửu.

Hành khách vẫn đang tranh thủ chớp mắt dưới những bóng râm ven đường. Họ đang mơ gì? Có ai cùng chung giấc mơ với tôi? Câu hỏi ấy khiến anh bàng hoàng nhận ra rằng bản thân anh cô độc kinh khủng.

- Nhưng... chỉ có mình anh, liệu rằng...?

Giọng cô chùng xuống. Anh không nghĩ rằng cô sắp khóc. Đôi mắt trong veo và yên tĩnh ấy không nên có nước mắt.

- Có lẽ ban đầu thì thế. Nhưng biết đâu sẽ có nhiều người khác đến sau anh?

Thực ra anh biết mình đang tự phủ dụ. Và anh biết cô cũng hiểu điều đó.

*Trong hành trình này, anh hoàn toàn không có đồng hành.*

Cô lại nhìn lên bầu trời. Áng mây khi nãy đã bay đi mất, để lại một khoảng xanh rợn mắt. Cô cứ nhìn mãi vào khoảng xanh bất tận ấy, như đang tìm lời cho một ý nghĩ, khuôn mặt thông minh và thánh thiện ngời sáng như được tạc bằng thứ đá quý. Bỗng dưng anh thấy bình thản lạ lùng, anh lại châm một điếu thuốc, và ngồi ngắm rèm mi cong vút của cô.

Sau một lúc im lặng, mà anh tưởng chừng đủ lâu để một mùa đi qua mặt đất mênh mông này rồi quay trở lại, cô nhìn anh:

- Điều quan trọng nhất không phải là chúng ta lựa chọn cái gì, mà là cái tâm thế của chúng ta khi dẫn thân vào lựa chọn ấy.

Anh lại nhìn vào mắt cô, trong khoảnh khắc ấy, anh thấy cả thế giới nằm trọn trong đôi mắt trong veo và yên tĩnh lạ thường của cô.

## 7.

Anh không nói với bà lão và cậu bé là anh đi vào làng.

- Cháu chỉ đến để điều tra tình hình. Việc tiêu diệt dịch bệnh sẽ có kế hoạch sau.

Anh biết chắc chắn điều mình đang nói là cần thiết. Không phải lúc nào chúng ta cũng có quyền nói thật.

- Thì bà cũng chỉ mong có thế, cậu ạ. Mười năm rồi còn gì. Không biết liệu bà có còn sống được đến lúc nó bị diệt hay không.

Nắng đã bắt đầu len qua được những tán lá rậm rạp, anh mừng tượng một con đường đầy gai góc và còn dẫm sương đêm đang chờ mình phía trước.

Trước khi anh ra khỏi nhà, bà lão còn kịp gửi cho anh mấy củ khoai nướng còn nóng hổi:

- Cậu đem theo dọc đường mà ăn.

Anh bịn rịn cầm tay bà:

- Dạ.

Anh đi. Con đường um tùm trước mặt. Túp lều hai bà cháu xa dần sau lưng, rồi khuất hẳn trong sương sớm. Lúc chuẩn bị ra khỏi ngõ rẽ vào nhà hai bà cháu, anh giật bản mình khi nghe một giọng nói:

- Xin chào!

Anh nhìn quanh, không có ai. Chẳng lẽ... Bất giác anh rợn tóc gáy.

- Chào anh!

Giọng nói lại khê khàng vang lên. Anh mất mấy giây mới định thần lại được trước khi nhận ra một cành hoa trắng đang sà xuống trước mặt anh:

- Xin chào anh!

Chiếc xe đều đều lăn bánh trong đêm, như không có gì để vội vàng. Từ đầu hôm đến giờ, chiếc xe đi qua những cung đường hoàn toàn vắng vẻ, suốt hai bên là những cánh đồng mông quạnh. Dường như cả nhân loại đã rút lui vào cố thủ trong giấc ngủ của mình, để mặc vắng trắng mênh mông với cái im lặng đầy bí nhiệm của thiên nhiên.

Cô gái ngồi bên anh, nhìn mông lung ra ngoài cửa sổ. Anh thở thật khẽ để lắng nghe hơi thở của cô. Tại sao việc ấy lại đem tới cho anh một cảm giác dễ chịu và bình an? Dưới ánh trăng, khuôn mặt thanh tú của cô càng trở nên huyền hoặc, đôi lúc anh cứ ngỡ mình đang bị ảo giác.

- Còn bao lâu nữa thì anh đến nơi ấy?

Anh bối rối khi chạm trong gió mùi thơm của cơ thể cô. Anh biết, nếu muốn, anh có thể nắm lấy làn hương trinh bạch ấy trong những ngón tay của mình. Nhưng như thế thật khiếm nhã.

- Có lẽ khoảng chừng một hay hai ngày nữa.

Cô cúi xuống nhìn đôi bàn tay, nói rất khẽ:

- Liệu chúng ta còn có thể gặp nhau?

Anh những muốn nắm lấy bàn tay thon mảnh, trắng muốt của cô thay vì trả lời.

- Cuộc sống nhân hậu lắm. Nếu chúng ta thực sự khao khát một điều gì đó, rất có khả năng cuộc sống sẽ giúp điều đó trở thành hiện thực.

Xe đang đi ngang một vùng đầm lầy, thảng thốt tiếng vỗ cánh của một loài chim nước khi nghe động cơ ầm ì.

- Phần lớn những người mang khát khao trong mình là những người cô đơn.

## 8.

Trời thật oi bức. Anh lấy khăn lau mồ hôi.

- Chắc chắn chiều nay sẽ có giông. Anh nên cẩn thận. Giông sẽ kéo theo lũ rừng.

- Vâng, tôi biết.

- Nếu không vội, anh có thể ngủ lại đây, sáng mai hãy đi.
- Không. Tôi phải đi. Thời gian không cho phép.
- Chúng tôi có một triết lý rất đơn giản: đừng đến sớm, đừng đến muộn, hãy đến khi trái cây vừa chín tới.

Bầu trời đã nặng trĩu những đám mây đen. Có tiếng sấm ì ùng.

- Những đoàn người đến trước đây thất bại là vì họ đến không đúng thời điểm. Họ không hiểu rằng những người họ muốn cứu lại chưa sẵn sàng để được cứu, dịch bệnh họ muốn tiêu diệt lại chưa đúng lúc để tiêu diệt, và quan trọng hơn, chính họ cũng hoàn toàn không ý thức được rằng họ đã thật sự sẵn sàng cho sứ mệnh ấy chưa.

- Nhưng rõ ràng là họ không thể ngồi chờ.

- Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của họ.

Anh nhắm mắt. Cuộc tranh luận này sẽ chẳng đi đến đâu.

- Tôi sẽ còn phải đi bao xa nữa?

- Từ đây, anh cứ đi thẳng về hướng Tây, qua chín cánh rừng mà chúng tôi gọi là Bảy Quả, qua chín con suối mà chúng tôi gọi là Lũ Chuột, qua chín hang động mà chúng tôi gọi là Đám Hồ Mang, lúc đó anh sẽ đến con đường hầm vào làng.

- Đường hầm?

- Làng nằm trong một thung lũng, tứ bề là núi cao. Lối vào làng là một hang động được khoét thông, trở thành đường hầm. Tuy nhiên, sau khi không ngăn chặn được dịch bệnh, người ta đã cho nổ mìn để lấp đường hầm, nội bất xuất ngoại bất nhập, chỉ có cách ấy mới ngăn dịch bệnh lây lan ra khỏi ngôi làng.

- Vậy làm sao tôi vào được?

- Vẫn có một con đường khác. Anh phải trèo qua ngọn núi mà đường hầm ấy xuyên qua. Ngọn núi rất cao. Đường đi sẽ rất gian nan, hầu như người thường không qua nổi. Ngày xưa, sau khi lấp đường hầm, người

ta đã thử dùng trực thăng để bay lên đỉnh núi nhằm quan sát ngôi làng nhưng trực thăng cũng không thể lên đến đỉnh núi. Ở đó gió rất mạnh, thổi bạt những chiếc máy bay. Không ai có thể biết nó cao bao nhiêu. Chúng tôi thường gọi nó là Ngọn Tuyết Vọng.

Anh cảm thấy mệt mỏi. Đầu óc mụ đi, hai mắt riu lại. Và anh tựa lưng vào thân cây, ngủ lúc nào không hay.

Khi anh tỉnh giấc thì trời đã xế chiều. Tán lá quanh anh còn ẩm ướt, chúng tỏ vừa mưa xong. Anh bối rối nhìn xung quanh thì mới biết mình đang ở trên một chạc ba của cây đại thụ, nhìn ra xa, anh thấy con suối mà anh định vượt chiều nay đã biến thành một dòng sông mênh mông và cuộn cuộn nước lũ réo gào.

- Tôi đói bụng.

- Ngồi yên đây nhé, tôi kiếm ít trái cây cho anh. Tốt nhất là nướng tựa vào thiên nhiên, thiên nhiên lúc nào cũng giàu có và bao dung.

Anh nhìn kẻ đối thoại phóng qua một cảnh cây và thoăn thoắt chuyển từ lùm cây này sang lùm cây khác. Bất giác, anh phì cười. Hoàn toàn không thể gọi đó là “kẻ” được.

Kẻ là danh xưng dành cho con người.

Trong khi, đây lại là một con khỉ. Một con khỉ, theo nghĩa đen. Nhưng không hiểu sao nó nói được tiếng người.

Hay là, không hiểu sao, anh nói được tiếng khỉ.

## 9.

Chuyến xe dừng lại bên một dòng sông, bác tài xế hào hứng bảo:

- Đường còn dài lắm. Mọi người xuống tắm rửa cho mát mẻ tỉnh táo, nhé!

Anh lặng lẽ ngồi ngắm khi cô xuống sông. Làn da trắng như hoa sứ hiện lên khi cô xắn ống quần, bước xuống vùng nước nông để rửa mặt. Anh ước anh là những giọt nước ấy, để chạm vào đôi mắt dịu dàng của cô, chạm vào bờ môi mềm mại cô, chạm vào vùng cổ cao thanh thoát của cô. Anh ước khoảnh khắc này là vĩnh cửu, để anh được ngắm nhìn như thế, hoàn toàn lãng quên mọi day dứt vì hành trình này.

Sau khi ăn bữa trưa đã mua sẵn dọc đường, mọi người nằm nghỉ trên vệ cỏ. Anh và cô đang ngồi dưới bóng râm của một cây phượng thì bác tài xế đến cạnh anh, vỗ vai:

- Ông ta kia.

Anh và cô gái cùng nhìn ra hướng ngón tay của bác tài xế: giữa dòng, có một chiếc thuyền nhỏ, và một người đàn ông đang quăng lưới.

- Câu chuyện về ông ta là câu chuyện lạ đời nhất mà tôi từng nghe.

Trời thật xanh và cao, những làn gió nhẹ mang hơi nước khiến cơ thể anh rã ra một cách sáng khoái. Ngồi bên cạnh nàng, anh muốn được vùi mặt vào mái tóc của nàng, để chiếm hữu đầy ngực mùi cây trái thơm tho trong từng sợi tóc, để được tan đi trong nỗi khao khát yêu thương mà suy nghĩ về sự ngăn ngại của chuyến đi khiến anh không dám thể hiện.

Cô quay sang anh, cười dịu dàng. Nhưng trong ánh mắt cô, anh thấy nỗi xót xa lẫn khuất. Lòng anh lại quặn thắt. Anh muốn đến run người được nắm tay cô, và nói với cô rằng trong tình cờ ngăn ngại này, họ vẫn có thể tìm được một thiên thu. Nhưng rõ ràng, anh không được phép nói điều đó. Anh hiểu, ranh giới giữa tình yêu và nỗi bất hạnh là rất mong manh.

Chính bởi vậy, anh nhắm nghiền mắt, bàn tay run run bấu chặt một nắm cỏ.



## 10.

Theo hướng dẫn của con khi, anh đi về hướng Tây, xuyên qua những cánh rừng rậm rạp, có lẽ đã như thế từ thuở hồng hoang, xuyên qua những bình minh và những hoàng hôn hun hút, có lẽ đã như thế từ thuở khai thiên lập địa.

Anh đã đi, qua bảy cánh rừng mọc đầy một loại hoa màu đen và có mùi cháy khét của lông thú mà anh gọi là Bảy Tai Ương, qua bảy con suối có nước màu vàng da nướng và xộc lên mùi xác thối rữa mà anh gọi là Bảy Âm Ảnh, qua bảy hang động âm u mà cửa vào hang có hình thù của đầu bảy loại rắn mà anh gọi là Bảy Diệt Vong.

Phía trước anh vẫn còn hai cánh rừng, hai con suối, hai hang động.

Và anh chưa biết anh sẽ gọi tên nó như thế nào.

## 11.

Bác tài xế kể:

- Tôi làm quen với ông ta lần đầu tiên khi tôi đi chuyển thứ năm trên tuyến này. Lúc đó tôi mới khoảng hai mươi tuổi. Bây giờ tôi đã trên năm mươi. Nhưng có một điều hết sức lạ lùng là ông ta vẫn như thế, hơn ba mươi năm rồi mà ông ta không hề già đi. Bao giờ nhìn ông ta cũng cỡ khoảng năm lăm, năm sáu tuổi. Tôi đoán rằng vào cái tuổi ấy, ông ta đã đạt được một trạng thái nào đó trong tâm linh, để có thể đứng bên ngoài thời gian. Sau này có dịp nói chuyện với ông ta, tôi mới biết là ông ta đã dừng lại cái tuổi ấy cách đây rất lâu rồi. Tôi đoán ít nhất phải trăm năm trước. Và tôi biết, chắc chắn, ông ta không hề nói dối.

- Vậy ông ta làm gì suốt hơn trăm năm trên khúc sông này?

Anh đắm chiêu nhìn ra dòng sông, lòng đầy ngạc nhiên.

- Em đoán là hơn cả trăm năm đấy. Có khi cả mấy thế kỷ rồi.

- Rất có thể là đã muôn năm trước. Ngày xưa, ông ta ở một nơi khác, tít ở một nơi rất xa, mà ông ta gọi là Miền Không Gốc Tích. Theo lời ông ta kể, đó là một vùng đất mà chúng ta có thể gọi là thiên đường. Tuy nhiên, ông ta đã bỏ vùng đất ấy để ra đi.

- Vì sao?

- Ông ta đã yêu. Một hôm ra dòng sông đầu làng, ông gặp một người con gái đến từ vùng khác. Phụ nữ ở làng ông đều có nước da trắng, từ muôn đời. Riêng cô gái có nước da nâu nhạt. Cô đẹp khiến ông tê dại từ cái nhìn đầu tiên. Cô nói với ông là quê ở vùng biển. Lần đầu tiên ông nghe từ “biển”. Cô nói là do mãi đi theo một đàn cá mà cô qua khỏi cửa sông và lạc đến nơi này, đàn cá đó đến bến sông này thì biến mất.

*Chàng trai nhìn cô gái. Lòng chàng nao lên cảm giác được ôm lấy nàng, được quyen chặt lấy cơ thể của nàng, được bao phủ bởi hương thơm tỏa ra từ làn da nâu nhạt của nàng. Trái tim của chàng thắt lại, đau đớn và hạnh phúc khi nhìn khuôn mặt của nàng, khi nghe giọng nói của nàng, khi nhìn mái tóc của nàng. Chàng nghe cô gái kể về vùng quê biển của nàng mà không lời nào lọt vào tai cả. Toàn bộ sự sống của chàng tràn ngập hình ảnh nàng, không thứ gì có thể chen vào nữa. Toàn bộ sự sống của chàng đã đủ đầy khi có nàng.*

Chàng dẫn nàng đi tìm đàn cá thần tiên ấy. Nhưng chính chàng cũng không hề biết là đàn cá ấy ở đâu, và thậm chí nó có thật hay không. Nhưng chàng vẫn dẫn nàng đi tìm dọc theo khúc sông quanh làng. Và tự một lúc nào đó, không hay, bàn tay của nàng đã nằm trong tay chàng, hai người không tìm kiếm đàn cá nữa.

Trưa hôm ấy, trong một góc vườn có mùi lan thoang thoảng, giữa những khóm tường vi len lín, trên thảm cỏ xanh mượt, chàng và nàng đã có nhau. Họ đã khóc, vì cả hai đều có cảm giác rằng định mệnh đã sắp đặt suốt hai mươi năm nay để họ có buổi trưa này. Sau những giây phút ấy,

chàng ôm nàng vào lòng. Nàng vui mặt vào ngực chàng, ngủ như trẻ thơ. Quanh họ chỉ có tiếng chim oanh líu lo, tiếng gió rì rào qua tán lá... Và chàng cũng chìm vào giấc mộng với một cơ thể thơm ngát bên cạnh mình.

Khi chàng tỉnh dậy thì nàng không còn ở đó. Không một lời từ biệt, không một kỷ vật cho lần gặp gỡ, nàng đã biến mất. Nhưng nàng đã kịp để lại một vết cắn trên vùng ngực trái của chàng, mà mỗi khi quá nhớ nàng, vết cắn ấy lại đỏ rực lên, hẳn rõ dấu hàm răng ngọc để lại trong nốt đĩnh hạnh phúc. Mỗi khi quá nhớ nàng, vết cắn ấy lại đau nhói.

Mấy ngày sau, không thể chịu đựng nổi nhớ nàng, chàng đã bỏ làng ra đi, bỏ Miền Không Gốc Tích ra đi, về vùng biển, để tìm nàng.

Và chuyến đi ấy kéo dài đến tận bây giờ.

## 12.

Người A nói, giọng chua chát:

- Lẽ ra chúng ta đã có thể đi khỏi nơi đây, nếu lúc ấy các anh nghe lời tôi. Cuối cùng các anh được gì? Chỉ vì sợ hãi mà các anh đã bỏ qua cơ hội duy nhất. Các anh bảo tôi là kẻ hèn nhát khi giữ bỏ trách nhiệm để chạy trốn. Nhưng thực chất các anh cũng là kẻ hèn nhát khi không dám đào tẩu để bảo vệ mạng sống của mình.

Người B nói, giọng mệt mỏi:

- Bây giờ có nói gì thì cũng muộn rồi. Suốt mấy năm qua, chúng ta đã tranh cãi mãi về chuyện này, có giải quyết được gì đâu?

Người C nói, giọng gay gắt:

- Tôi thà chết còn hơn chịu nhục khi vì tham sống mà từ bỏ chức trách của mình. Đến giờ, dù không tiêu diệt được bệnh dịch, tôi vẫn thanh thản vì không chịu đầu hàng.

Anh lặng lẽ ngồi nghe họ tranh luận, không dám chen vào một lời, dù sao chẳng nữa, đó hoàn toàn là câu chuyện nội bộ của ba ông bác sĩ này.

Người A hần học:

- Anh nói hay lắm. Anh đề cao trách nhiệm, nhưng anh hoàn toàn bất lực khi phải giải quyết vấn đề. Anh cứ nghĩ rằng chỉ cần đề cao trách nhiệm là đã được vinh danh, là đã được mọi người xưng tụng ư? Thật buồn cười. Chỉ có những kẻ ngốc mới đâm đầu đi nhận một nhiệm vụ mà thừa biết là mình không đủ khả năng để giải quyết.

Người C nói, đờm buồn:

- Thực ra khi được giao nhiệm vụ này, tất cả chúng ta đều chưa hình dung được chúng ta sẽ phải đối đầu với cái quái quỷ gì. Nhưng nếu chúng ta thoái lui, thì ai sẽ làm nhiệm vụ này thay chúng ta? Có thể các anh bảo tôi mù quáng. Đúng, nhưng tôi không tàn nhẫn. Tôi chấp nhận vào chốn này, vì tôi không muốn để người khác phải chết khi nhận một nhiệm vụ không phải của họ.

Người B nhìn xuống đất, trầm ngâm:

- Ước gì lúc đó chúng ta có trang thiết bị đầy đủ hơn, có lẽ mọi việc sẽ khác.

Người A nhìn anh, mỉa mai:

- Chúng tôi không phải là những kẻ bất tài. Nhưng cậu thấy đấy, đây là thứ dịch bệnh chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Cậu hiểu chứ? Chưa từng có. Nghĩa là chúng tôi không hề biết căn nguyên, triệu chứng và diễn biến của nó, không hề biết phải dùng thuốc gì, phác đồ điều trị ra sao. Và đau đớn hơn, không hề biết mình phải phòng bệnh như thế nào để khỏi bị nó tấn công trước khi tấn công nó. Vậy mà chúng tôi vẫn phải đâm đầu vào cái làng ấy. Một sứ mệnh tàn nhẫn! Ấy thế mà khi tôi đề nghị bỏ về vì không thể làm gì được trước dịch bệnh, hai ông bạn này lại xỉ vả tôi. Một người bảo tôi là hèn nhát, một người bảo tôi ráng chờ

đợi, biết đâu lại gặp may mắn gì. Chỉ toàn những kẻ cố chấp một cách mù quáng, những kẻ nuôi chủ nghĩa hy vọng đầy màu sắc dị đoan. Mấy năm rồi mà họ vẫn không sáng mắt ra.

Người A dùng một lát, rồi chỉ vào anh:

- Bây giờ lại có thêm một tín đồ của chủ nghĩa anh hùng cá nhân. Này, cậu đã chuẩn bị gì cho cái chết của mình chưa? Nếu chưa thì tôi sẽ giúp cho, tôi sẽ đào trước cho cậu một cái hố.

Anh suýt nổi cáu, nhưng rồi chỉ nhìn lại và cười:

- Nếu tôi chết thì có lẽ tôi không cần cái hố nào đâu. Cảm ơn anh.

Người B nói:

- Thật tình tôi khuyên cậu đừng đi vào đó. Cậu không hình dung được đâu, tất cả những gì khủng khiếp nhất mà cậu từng biết cũng chẳng nhằm nhò gì so với những điều cậu sẽ gặp phải trong cái làng ấy.

Người B dùng một lát, rồi bối rối gãi đầu:

- Nhưng biết đâu, cậu sẽ gặp một may mắn nào đó, một cơ hội nào đó để tìm ra cách điều trị, như Archimedes ngày xưa tìm ra lực đẩy của nước vậy...

Người A bĩu môi:

- Vứt mẹ cái chủ nghĩa ảo vọng của anh đi cho tôi nhờ. Tôi phát ốm vì nó rồi.

- Anh bạn, người C nói, anh A nói có lý, mặc dù tôi văng tục vào chủ nghĩa cá nhân vị kỷ của anh ta, anh ta có lý là cậu không thể đi vào làng chỉ với một ý chí suông. Cậu cần phải chuẩn bị đầy đủ mọi thứ, phải có sự hỗ trợ mạnh mẽ của nhiều người, đặc biệt là chính quyền, phải được trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị y tế hiện đại, phải có kế hoạch, thậm chí phải mời chuyên gia nước ngoài. Một mình cậu sẽ không làm gì được đâu. Tất nhiên, tôi không mong phải đào cho cậu một cái hố.

Người A chế giễu:

- May là anh không bảo cậu ta cứ vào làng đi, rồi sẽ được tuyên dương. Nay, anh bạn, chúng tôi còn được báo đài đưa tin, nhưng cậu thì không đâu nhé, vì cậu hoàn toàn đơn độc.

Người B gật gù:

- Đúng, cậu hoàn toàn đơn độc.

Rồi ngấm nghĩ một lát, người B tiếp:

- Mà không chỉ có cậu, tôi cũng thế, tôi cũng đơn độc. Tất cả chúng ta đều đơn độc, ngay cả khi chúng ta tập hợp lại với nhau, cũng chỉ để nhân sự đơn độc lên nhiều lần, hoàn toàn không giải quyết được vấn đề gì.

Anh mệt mỏi đứng dậy, lặng lẽ chào ba người đàn ông. Anh không hy vọng gì sẽ được họ giúp sức hay khuyên nhủ trước khi vào làng. Anh phải đi. Một mình.

Đường còn chưa biết bao xa, mà bóng chiều đã nghiêng về phía Tây phân nửa.

## 13.

*Chàng lên một con thuyền và cứ thả trôi theo dòng sông, trôi theo những thác ghềnh. Chàng cần đi về hướng mặt trời mọc. Quê hương nàng ở đó. Biển!*

*Một buổi sáng lộng lẫy, mở òa ra trước mắt chàng là vùng trời nước mênh mông xanh thẳm. Suốt ngày đó, chàng chèo thuyền men theo bờ biển, vào các làng để tìm nàng, nhưng hoàn toàn bất lực. Làng này chỉ qua làng kia, vùng này chỉ qua vùng nọ. Chàng đã vào ba trăm lẻ ba ngôi làng ven biển, lên ba trăm lẻ ba hòn đảo, qua ba trăm lẻ ba vùng đất. Nhưng không ai biết nàng, không ai giống nàng, không ai có vẻ như mang dòng máu cùng với nàng.*

Chàng đi mãi, thấm thoát đã hơn mười năm. Bây giờ chàng đã ngoài ba mươi tuổi. Một hôm, chàng gặp một bà lão đánh cá trên một bãi biển vắng, nghe chàng kể về nàng, bà bảo:

- Ta biết rồi. Cô ấy không phải là người bình thường. Cậu bảo cô ấy tự bơi đến bến sông làng cậu mà không cần thuyền bè, đúng không? Cô ấy thuộc dòng họ người cá đấy. Khi lên bờ thì có hình hài như người thường, nhưng khi xuống nước thì đôi chân biến thành đuôi cá.

Chàng chăm chú lắng nghe, vết cắn nơi ngực trái lại đỏ rực lên, đau nhói.

- Thế dòng họ cô ấy sinh sống ở đâu?

- Lâu lắm rồi, có lẽ cả mấy trăm năm nay, người ta không còn gặp dòng họ ấy nữa. Người trên đất liền căm ghét dòng họ ấy vì họ quá xinh đẹp, quá thánh thiện, quá tài giỏi. Ghen tỵ với dòng dõi thanh cao ấy, người đất liền phao tin rằng nhân ngư là phù thủy, uống máu người và ăn thịt trẻ em. Họ bị xua đuổi khỏi các làng chài ven biển, ra sinh sống ở các hòn đảo. Nhưng dần người đất liền cũng tiếp tục xua đuổi họ ra khỏi các hòn đảo. Họ phải lên thuyền đi đến một nơi hoàn toàn không ai biết, để được sinh sống yên ổn.

- Nơi ấy ở đâu vậy bà?

- Ta không biết, nhưng chắc chắn rất xa, nơi những con thuyền của người bình thường không bao giờ đến được. Nghe người xưa kể lại là chỉ có nhân ngư mới quay trở lại nơi này, còn không ai có thể biết họ ở đâu, và có biết cũng không thể nào đi đến nơi ấy. Chúng tôi gọi đó là Biển Ngoài Tầm Vóc.

Chàng trai lại dong buồm, đi về hướng Đông. Những chiếc thuyền chàng gặp trên mặt đại dương đều không biết Biển Ngoài Tầm Vóc ở đâu. Chưa ai từng gặp người nào như nàng. Mọi câu hỏi của chàng chỉ được trả lời bằng những cái lắc đầu.

Nhưng chàng vẫn không bỏ cuộc, chàng tiếp tục dong buồm, đi về nơi mặt trời thức dậy mỗi ngày. Chàng tin rằng chàng sẽ gặp nàng.

*Sau bao nhiêu năm lênh đênh trên mặt đại dương, chàng trai cho thuyền vào một vùng đất liền, đến lúc ấy chàng nhận ra đây chính là nơi mình gặp bà lão năm xưa. Hỏi ra thì bà lão đã mất. Đã mười lăm năm nữa trôi qua, bây giờ chàng đã ngót nghét năm mươi tuổi.*

- Hoàn toàn không thể gọi là chàng trai được nữa.

Cô gái cười buồn. Anh nhìn ông lão đang ngồi bất động trên thuyền câu.

- Vậy là ông ấy không tìm được nàng?

- Sau khi nhận ra rằng mình không bao giờ tìm ra được nàng nữa, ông ngược thuyền về quê. Nhưng làng ông đã dời đi nơi khác sau một biến cố khủng khiếp. Ông trở thành kẻ không quê hương. Cuối cùng ông cập thuyền tại bến sông này, làm nghề chài lưới kiếm sống qua ngày.

*Kể cả đến lúc ấy, vết cắn trên ngực trái vẫn không ngừng đau nhức, đặc biệt là mỗi đêm khuya. Nó vẫn rực sáng lên, nhói trên da thịt ông, không cho ông yên. Ông ôm ngực, thì thầm:*

- *Ta biết nàng giận ta, nàng chờ ta. Nhưng ta đã đi giáp một vòng trái đất mà vẫn không thể tìm ra nàng. Hãy tìm cách thông tin cho ta biết nàng ở đâu, ta sẽ lại lên đường.*

Đêm đó, trời đang giữa mùa mưa gió mà bỗng tạnh vắng khác thường. Vầng trăng sáng trong và thanh thản. Ông ra ngoài mũi thuyền, ôm ngực, vẫn thì thầm như đang trò chuyện với nàng. Vết cắn trên ngực mỗi lúc một nóng rực, một đau đớn, đến khi ông suýt ngất đi vì đau đớn tột độ thì nàng xuất hiện.

*Từ vết cắn sáng rực trên ngực trái của ông, nàng bay ra, ban đầu như một làn hơi mỏng, sau tụ dần thành một hình hài, và khi ông kịp định thần thì đã thấy nàng ngồi bên cạnh ông, tựa vào vai ông. Ông cảm nhận rất đủ đầy rằng nàng vẫn dịu dàng, vẫn xinh đẹp, vẫn thơm ngát như xưa. Nàng không hề già đi.*



Niềm hạnh phúc bóp nghẹt tim ông, nước mắt ông giàn giụa, ông nắm lấy tay nàng, bàn tay nhỏ bé nằm trong đôi tay chai sần:

- Ta đã đi tìm nàng suốt bao nhiêu năm qua. Nàng đã ở đâu, đã đi đâu, sao mãi bây giờ mới cho ta gặp lại. Nàng có biết ta đã trải qua những năm tháng tuyệt vọng như thế nào không?

- Em vẫn ở đây, chưa từng đi đâu xa anh.

- Ở đây?

- Vâng

Nàng cười trề môi, trách yêu ông:

- Anh không hề yêu em. Em đã ở lại đây, ngay trong vết cắn này, nhưng anh không hề hay biết. Mỗi lần thấy anh bắt đầu một hành trình, em đã báo hiệu rằng anh đang đi sai đường bằng cách làm vết cắn đau nhức, nhưng anh không hề biết, anh đã không yêu em như em tưởng.

Nàng hôn lên những sợi tóc đã điểm sương của ông, hôn lên những nếp nhăn trên vầng trán của ông, hôn lên những giọt nước mắt hiếm hoi của người đàn ông sống trong tuyệt vọng suốt hơn ba mươi lăm năm nay. Còn ông thì chỉ biết im lặng, lắng nghe giọng nói của nàng, lắng nghe hơi thở của nàng, lắng nghe làn hương của da thịt nàng...

- Kể từ đó ông ấy không già đi nữa?

- Đúng vậy.

- Ông ấy có thể bắt tử chăng?

- Còn nàng ở đâu? Nàng có ở với ông ấy không?

- Nàng vẫn ở với ông ấy, ngay trong vết cắn trên ngực trái, đó là cách tốt nhất để ông có nàng và cũng là cách tốt nhất để bảo vệ nàng.

- Đã có ai được gặp nàng chưa?

- Ông ấy kể với tôi là ông ấy và nàng rất kín đáo. Nàng chỉ bước ra khỏi vết cắn khi chỉ có mình ông trên thuyền, và chỉ xuất hiện vào đêm khuya.

- Tuy nhiên, rất có thể một chiếc thuyền câu khuya nào đó đã gặp may?
- Anh có muốn được nhìn thấy nàng tiên cá ấy không?

Câu hỏi của cô gái khiến anh tê tái. Làm sao anh có thể nói với cô rằng anh cũng muốn như con người hạnh phúc kia, được giữ trọn vẹn tình yêu trong trái tim mình, được giữ suốt đời người yêu thương nơi ngực trái của mình?

## 14.

Anh đi tiếp qua hai cánh rừng luôn giăng đầy sương mù để đánh lạc hướng anh, mà anh gọi là Hai Lừa Lọc; qua hai con suối mà mỗi ngụm nước uống vào đều có thể khiến mất hoàn toàn trí nhớ, mà anh gọi là Hai Xóa Sổ; qua hai hang động mà hơi lạnh từ đá tỏa ra sẽ khiến chân tay tê liệt nếu chạm phải, mà anh gọi là Hai Áp Chết.

Ra khỏi hang động cuối cùng, đi chừng mười phút nữa, anh bắt gặp bên vệ đường, ba nắm mộ với ba phiến đá nhỏ làm bia, với những vết khắc vội vàng, gần như cầu thả:

Bác sĩ A	Bác sĩ B	Bác sĩ C
Chết ngày tháng	Chết ngày tháng	Chết ngày tháng

## 15.

Chiếc xe đi trong đêm mưa tầm tã. Nhìn ra ngoài khung cửa kính chỉ thấy một không gian trắng xóa vô nghĩa. Trong xe, mọi người gà gật ngủ.

- Anh không ngủ ư?

Cô gái gấp cuốn sách đang đọc, quay sang nhìn anh, giọng âu yếm. Anh cảm giác trái tim mình đang được lấp đầy bởi ánh nhìn ngọt ngào của cô.

- Đi xe trong cơn mưa như thế này mà ngủ thì lãng phí quá.

- Cứ như đi trong sự cô tịch triền miên.

- Một sự cô tịch dễ chịu!

Suốt từ đầu hôm đến giờ, khi chiếc xe đi vào vùng mưa, tâm hồn anh như được gột sạch khỏi những lo âu về hành trình sắp đến. Anh ngắm rèm mi cong vút trên đôi mắt trong veo và yên tĩnh lạ thường của cô:

- Em đang đọc gì đấy?

- Kahil Gibran anh ạ.

Cô lật cuốn sách ra, và đọc nho nhỏ cho anh nghe một đoạn:

*"But if you love and must have desires, let these be your desires:*

*To melt and be like a running brook that sings its melody to the night.*

*To know the pain of too much tenderness.*

*To be wounded by your own understanding of love;*

*And to bleed willingly and joyfully.*

*To wake at dawn with a winged heart and give thanks for another day of loving"*<sup>(\*)</sup>

Anh lắng nghe chất giọng sâu thẳm và đầy cảm xúc của cô. Anh bất ngờ nhận ra rằng thơ Gibran qua giọng đọc của cô bỗng mang những sắc màu mới mà trước đây anh chưa hề cảm nhận được.

---

\*. Nhưng nếu thương yêu mà vẫn cần khát vọng, thì hãy xem đây như khát vọng của mình: Được tan chảy và được là dòng suối - hát êm êm khúc nhạc cho đêm nghe. Được biết cái đau của quá nhiều dịu ngọt. Được tổn thương vì chính sự hiểu biết về tình yêu. Được nhỏ máu sẵn sàng và vui vẻ. Được thức dậy lúc bình minh với trái tim chấp cánh, và cảm ơn một ngày nữa để thương yêu (Nguyễn Ước dịch).

*“And beauty is not a need but an ecstasy.*

*It is not a mouth thirsting nor an empty hand stretched forth,*

*But rather a heart enflamed and a soul enchanted.*

*It is not the image you would see nor the song you would hear,*

*But rather an image you see though you close your eyes and a song you hear though you shut your ears.*

*It is not the sap within the furrowed bark, nor a wing attached to a claw,*

*But rather a garden for ever in bloom and a flock of angels for ever in flight”(\*)*

Anh thêm thiếp ngủ giữa những âm thanh bỗng bĩnh của cô gái và Kahil Gibran. Anh mơ thấy mình đang bơi thuyền trên một mặt hồ xanh trong, quanh bờ hồ trở đầy những đóa bồ công anh, và trên mặt hồ, một đôi thiên nga đang tình tự.

Chiếc xe vẫn băng đi trong cơn mưa triền miên, như không hề có điểm khởi đầu và điểm kết thúc. Anh ngủ thật yên lành, thoảng qua trong giấc ngủ một mùi hương xa vời.

Trong giấc ngủ giữa đêm mưa ấy, có một giây lát, ngực trái của anh bỗng nhói đau.

Anh bừng tỉnh, đúng lúc đôi môi cô vừa rời khỏi khuôn mặt anh.

Hơi ấm của nụ hôn vẫn còn trên mắt anh, trên gò má anh.

Và, anh thấy, cô khóc.

---

\*. Và cái Đẹp - không phải là một nhu cầu mà là một sự ngắt ngảy. Nó không phải là một cái miệng khát khao hay một bàn tay trắng đang chia ra phía trước, mà là một tâm hồn say mê và một trái tim nóng hổi. Nó không phải là bài hát để nghe hay ảnh hình để ngắm, mà là một bài hát bạn nghe dù đóng chặt đôi tai - và một hình ảnh bạn nhìn cho dù nhắm nghiền đôi mắt. Nó không phải là chất nhựa nằm trong vỏ cây bị rạch, hay chiếc cánh gắn vào một cái móc tay, mà là một khu vườn trở hoa muôn thuở và một bầy thiên thần bay lượn mãi không thôi (Nguyễn Ước dịch).

## 16.

Trước mặt anh là một ngọn núi cao vút mà nhìn mỗi cổ vẫn không thấy đỉnh. Mây trắng che mù phía trên kia. Ngọn Tuyệt Vọng!

Anh bắt đầu. Hoàn toàn không có một con đường nào cả. Theo kinh nghiệm, anh đi tìm một con suối. Mọi con suối đều xuất phát từ điểm cao để đổ xuống nơi thấp. Men theo những con suối là cách dễ dàng hơn cả để lên đến đỉnh núi.

Cuối cùng, sau khi đi vòng quanh một hồi, anh cũng tìm thấy một khe nước nhỏ phía Đông. Anh cũng thấy cửa hầm đã bị nổ mìn, đá lấp kín, dây leo và gai góc mọc đầy. Bất giác một cơn tức giận làm anh nghẹn thở.

- Khốn nạn!

Anh lần theo dòng nước, càng lên cao càng khó đi. Một bờ hơi tai. Chân tay rã rời. Khí trời lạnh lẽo mà mồ hôi vẫn đầm áo anh. Trong đầu anh rộn lên mấy câu thơ cô đọc đêm qua:

*And when you have reached the mountain top, then you shall begin to climb*

*And when the earth shall claim your limbs, then shall you truly dance<sup>(\*)</sup>*

Bây giờ cô đã đi đến đâu? Anh vẫn còn cách đỉnh một khoảng vô tận, anh chưa thực sự nhảy múa. Còn cô, cô đã đi đến đâu trong hành trình của mình, và lúc này đây cô đang làm gì?

- Anh sẽ ở lại đó, cho đến khi bệnh dịch bị tiêu diệt, hoặc là anh bị tiêu diệt. Còn em, em sẽ đi đâu?

- Anh có nhớ một đoạn trong “Lời thiêng” của Gibran không? Rồi cô đọc: *Nếu bạn muốn ngắm thung lũng, hãy trèo lên đỉnh núi; nếu bạn*

---

\*. Và khi đã lên tới đỉnh núi rồi thì bạn sẽ bắt đầu trèo. Khi đất đòi bạn tứ chi thì bạn sẽ thực sự nhảy múa.

*muốn ngắm đỉnh núi, hãy vươn lên mây trời, nhưng nếu bạn muốn tìm hiểu mây trời, hãy nhắm mắt lại và suy tư.*

- Nghĩa là...?

Cô gái cười, một nụ cười bao dung và chứa đầy bí ẩn. Đến bây giờ anh vẫn chưa hiểu ý nghĩa của nụ cười ấy.

Anh dùng chân trên một phiến đá phẳng lì, rửa mặt và đem lương khô ra ăn. Thật may là hôm trước anh đã mua được một khẩu súng săn. Kho thóc ăn ở đây chắc không thiếu. Anh nhớ lời con khỉ: *Tốt nhất là nương tựa vào thiên nhiên, thiên nhiên lúc nào cũng giàu có và bao dung.* Có thể chiều nay anh sẽ nhờ vả thiên nhiên một tí.

Sau khi nghỉ trưa, anh lại đi. Đường càng lúc càng nhiều gai góc, càng nhiều đá nhọn lởm chởm cửa nát để giày. Giữa trưa mà hoàn toàn không thấy mặt trời. Không gian cứ u u minh minh. Mọi tiếng động như bị thủ tiêu bởi sự câm lặng đáng sợ.

Đến sẩm tối thì anh có thể chắc chắn là mình đã đến tận nơi con suối phát sinh: một hồ nước lớn. Anh nghỉ đêm ở đây. Thiên nhiên đã cho anh vay một con gà rừng và rất nhiều củi.

Đêm ấy, trong ánh lửa bập bùng, anh nằm giữa rừng. Một mình anh và cả một cánh rừng. Một mình anh và cả một bất định của ngày mai. Anh nằm ngắm nghĩ về những điều đó, và nghĩ về cô. Suốt đêm, đôi mắt trong veo và yên tĩnh lạ thường của cô cứ hiện lên trong anh, như đang muốn làm tâm hồn anh yên tĩnh, như đang muốn giúp anh soi thấu những góc ngách u tối nhất của tâm hồn mà chưa lần nào anh thấy được. Anh bất giác sờ khuôn mặt mình, muốn tìm ở đó hơi ấm của nụ hôn cô, hương thơm của bờ môi cô, sự hiện diện vắng mặt của cô trên chính da thịt anh.

“Nếu bạn muốn ngắm thung lũng...” Đoạn thơ văng vẳng mãi trong anh, làm anh thao thức đến tận sáng. Anh khao khát muốn biết cô đi đâu, làm gì. Anh khao khát muốn biết tất cả những gì liên quan đến cô.

Vì chỉ như thế anh mới tự chứng minh được rằng: với anh, cô là một hiện hữu thực sự, chứ không phải là ảo ảnh. Tuy thế, nằm mãi cho đến khi con gà rừng đầu tiên cất tiếng gáy, anh vẫn không thể nào đoán biết được hành trình của cô.

Sáng ra, anh chặt tre và nứa để kết một chiếc bè nhỏ bơi qua hồ nước mà anh gọi là Một Xuyên Ngang. Ở bờ bên này không nhìn thấy bờ bên kia, nhưng chắc chắn đây là con đường duy nhất để tiếp tục. Chắc chắn!

Mất nguyên buổi sáng để kết bè và bơi qua hồ. Trời vẫn âm u. Mây trắng lờn vờn như những bóng ma. Đôi khi anh phải hát lên để xua đi cảm giác chết chóc quanh mình.

Có thể giờ này cô ấy đang đi theo những đám mây trời? Những câu hỏi lẩn quất trong đầu anh suốt hành trình của ngày hôm đó. Hay là cô đang đi tìm một nơi để *nhắm mắt lại và suy tư*? Hay là cô đã lặng lẽ nằm lại trong ngực trái của anh, cho đến một ngày nào đó hiện ra và nhìn anh cười, đầy trách móc và yêu thương? Anh hoàn toàn bối rối khi nhận ra rằng tất cả những câu hỏi ấy đều là ảo tưởng hơn là giả thiết. Và điều đó càng khiến anh buồn bã khi cảm thấy cô quá cách vời.

Qua đến bờ bên kia, anh tiếp tục đi, không nghỉ. Sau khi xuyên qua một cụm rừng khoảng hai cây số, anh lảng lảng khi thấy mở ra trước mắt mình là một con dốc cao. Và, có hẳn một con đường mòn trên ấy, dù cây cối đã nuốt dần, nhưng vẫn thấy rõ đó đã từng là một con đường.

Anh bắt đầu leo dốc. Có vẻ như đây là con đường độc đạo. Dưới chân con dốc là những hố sâu. Hẳn đây là con đường để bắt đầu lên đỉnh của Ngọn Tuyết Vọng. Chắc chắn chưa đến đỉnh, vì căn cứ vào quãng đường anh đã đi thì độ cao hiện tại anh đang đứng chưa là gì cả, và gió chưa đến mức thổi bạt những chiếc máy bay như lời con khỉ kể. Anh không biết còn bao lâu mới đến đỉnh, nhưng con dốc này thực sự là một tín hiệu tốt. Dù sao đi nữa thì có một con đường để đi vẫn hơn là không biết đi đường nào.

Càng lên cao, con dốc càng hẹp, cây cối mọc ngay giữa đường, đá tai mèo sắc nhọn khiến tay chân rớm máu. Anh vừa lom khom bò qua một lùm cây gai dại um tùm, đang chuẩn bị đứng lên thì va đầu vào một mỏm đá. Anh lùi lại, ngẩng mặt lên nhìn.

Trước mắt anh là một vách đá cao chót vót, có lẽ phải bằng một tòa nhà năm trăm tầng, phẳng lì từ chân lên đến đỉnh, chắn ngang con đường độc đạo. Nhìn mãi lên cao, anh dụi mắt, nhìn xuống ngang tầm, một dòng chữ khắc trên đá hiện lên trước mắt anh:

ĐẤT KHÔNG LỐI VÀO

Nét chữ tuy mờ nhưng vẫn có thể nhìn rõ.

Những con chữ đâm vào mắt anh. Đau.

Anh vút ba lô xuống đất, lại nhìn lên đỉnh vách đá chờn vờn trong đám mây, rồi lại nhìn xuống dòng chữ, bất giác anh dang tay ra, ngửa mặt lên bầu trời u ám, khỏe mắt căng ra đến tứa máu, hét to đầy phẫn uất:

- A...aa...aaa.....aaaa.....aaaaa.....

Tiếng hét của anh dội vào vách đá, vang ra khắp tứ phía, tạo thành một cơn sóng âm khủng khiếp, làm lũ chim rừng đập cánh ào ào rồi bay đi trong hoảng loạn, làm cả một đợt lá khô rừng rụng rơi xuống đất, như bị một cơn bão quét qua.

Lúc này, bóng đêm đã cuống cuống quăng lưới lên khắp con dốc. Bạt ngàn rừng dưới chân anh chìm dần trong sương chiều và bóng tối. Anh ngồi lặng lẽ giữa nhập nhoạng, ngược nhìn hàng trăm đám mây lũ lượt kéo về, ken đặc cả bầu trời.

*... nhưng nếu bạn muốn tìm hiểu mây trời, hãy nhắm mắt lại và suy tư.*

Anh hít một hơi thật sâu để bình tĩnh trở lại.



Cho dù thế nào đi chăng nữa, anh đến đây không phải để tìm hiểu  
mây trời.

Anh nhủ thầm.

*Đúng thế!*

Cho dù thế nào đi chăng nữa, anh đến đây không phải để nhắm mắt  
và suy tư.

Anh nhủ thầm.

*Đúng thế!*

*Chắc chắn là như thế!*

H.N

N H Ậ T   C H I Ê U

# Mê cung

(SH số tháng 3 - 2013)

## 1.

*Em đang ở trong Mê cung?*

Cái gì? Vào lúc 6 giờ sáng? Rừng đang sương mù? Ngay sau đêm trăng mật đầu tiên? Nàng có điên không?

Nghe điện thoại di động reo, thức dậy và nhận được tin nhắn không thể tin nổi: Em đang ở trong Mê cung. Anh đến đi!

Vậy là nàng thức giấc rất sớm, rời phòng có lẽ khoảng 5 giờ, băng qua sương mù và rừng trúc để đến Mê cung. Rồi vào Mê cung. Theo ta biết, trung tâm Mê cung có một cái tháp cao, có lẽ nàng đang ở đó.

Cơ mà... nàng đến đó để làm gì?

Ta bị đặt vào cái thế phải đi tìm nàng. Ngay bây giờ. Sương mù. Rừng trúc. Mê cung.

Nàng tìm đâu ra ngẫu hứng này? Nàng tìm đâu ra cuộc hờn dỗi này, cuộc thách thức này, cuộc chơi kỳ khôi này, trò ma mãnh này, trò mèo này? Tóm lại nàng tìm đâu ra cơn điên rồ này?

Hắn có nguyên cớ chứ, và đó là gì vậy?

Phải rồi! Chuyển đi này do nàng hoạch định. Rừng. Tại sao Rừng? Nàng biết rõ là ta nào có thích thú rừng rú gì.

Lẽ ra ta đã chọn biển và những đôi cát hồng. Nhưng ta muốn tránh một cuộc tranh cãi mà biết trước là mình sẽ bại.

Nệm vẫn còn vết trứng và hơi ẩm do thân thể nàng để lại. Gối vẫn còn phảng phất mùi hương nguyệt quế của tóc nàng. Ta nhẹ ướm mình vào vết trứng đó, hơi ẩm đó, mùi hương đó, ướm mình vào sự vắng mặt nồng nàn đó. Ta mơ trốn hình dáng của sự vắng mặt trong tiệc buổi.

Giá như nàng còn nằm lại! Ta thích ân ái lần nữa trước khi sương tan, trước khi nắng lên và trong tiếng hót của chim rừng.

Vậy mà nàng tai ác bày trò mê cung vào giờ phút này. Mê cung mà ta thích nằm ngay nơi nàng. Châu thân nàng. Một vóc thân mảnh mai là lướt bất chợt trở nên khổng lồ trong tưởng tượng của ta. Vừa ân ái ta vừa tưởng tượng. Mái tóc dài của nàng trở thành rừng dương liễu đen. Đôi bầu vú bầu bĩnh hóa ra hai đôi cát hồng. Chiếc rốn xinh thành xoáy nước trắng biếc. Và xa hơn là hang động thâm u xanh ướt màu rêu.

Đêm qua, ta đã ném mình vào châu thân đó, mê cung đó. Đi lạc. Hoan lạc. Âm nhạc. Phiêu bạt...

## 2.

*Gặp em ở cổng Mê cung ư?*

Ta biết ngay mà! Nếu không có tin nhắn của ta đánh thức thì anh hãy còn mê mê!

Anh sẽ còn ôm quàng một không gian trống rỗng mà anh tưởng là hình hài ta, hay tưởng là một thân thể nào khác, làm sao ta biết được?

Đêm qua, lúc chưa thiếp ngủ, anh đã nhắc tên một cô gái. Và cái tên gọi cảm đó đã bay vèo từ vũ trụ bên ngoài xa lạ vào khí quyển của ái ân như một sao băng. Vậy mà anh vẫn thản nhiên! Vô tình? Vô thức? Vô tâm? Vô tư? Vô có? Vô tận?

Và bây giờ, hãy xem tin nhắn của anh, câu hỏi của anh: Gặp em ở cổng Mê cung ư?

Ô hay, ở ngoài cổng là thế nào? Nếu thế, ta cần gì phải vào Mê cung, phải leo lên Tháp?

Sao mà anh lười đến thế? Vô tâm đến thế? Chẳng phải là ta đã nói rồi sao? Ta đang ở BÊN TRONG Mê cung, đang ở ngay tâm điểm, đứng trên tháp cao. Chờ anh.

Nhưng anh thì chỉ muốn gặp ta ở BÊN NGOÀI cổng. Đó là sự khác biệt của ta và anh. Ta chỉ thật sự hoan lạc khi ta cho. Còn anh, có lẽ anh chỉ tận hưởng những gì anh nhận được.

### 3.

*Em ở trên Tháp, giữa Mê cung*

Nàng làm gì trên Tháp? Thích thú ngắm nhìn ta đi lạc giữa Mê cung?

Ta là người kém cỏi về phương hướng và đường sá. Giữa thành phố lớn mà ta sống qua ba thập kỷ, ta vẫn lạc đường. Nói gì cái mê cung bát quái rộng tám mẫu này mà ta mới gặp lần đầu?

Làm cách nào nàng có thể vào tận cái Tháp đó vào ngay lúc đầu ngày? Nàng tìm hiểu trận đồ bát quái này từ bao giờ? Ai đã hướng dẫn nàng? Chiều qua, khi ta tắm, nàng đã rời phòng một mình khá lâu. Và Rừng không thiếu người dẫn đường sẵn sàng khi du khách cần. Lúc vừa mới đến Rừng, ta đã thấy một gã dẫn đường nhìn nàng đắm đuối. Điều đó tất nhiên là không lạ!

Chắc chắn là từ cổng đến Tháp có con đường ngắn nhất và nàng đã biết nó như biết lòng bàn tay của nàng.

Ta đã nhìn thấy Tháp ẩn hiện trong sương mù. Nhưng nàng ở sau khung cửa sổ nào trong đó? Nàng đang nhìn ta hoang mang bước qua cổng, giữa những hàng cây ắc ó xanh ngắt cao vượt đầu người.

Ắc ó đang bày trận, đứng từng dãy với quân phục xanh, từng dãy giống hệt nhau. Cây ắc ó chán ngắt, ta không ngăn được ta rửa thẩm vào lúc đầu ngày.

Nàng đang chơi trò ú tim. Hẳn ngày xưa nàng thích chơi đi trốn đi tìm. Nhưng trò chơi hôm nay rất khác. Không còn bình đẳng. Nàng bày trò, buộc người khác chơi rồi nàng rút lui. Nàng không chơi như người chơi mà làm chủ cuộc chơi. Ý nàng muốn thế. Đó là lý do nàng đứng trên Tháp cao. Cái nhìn của nàng từ trên cao phóng xuống trong khi nàng vẫn vô hình.

Bây giờ trước mặt ta nhiều lối rẽ. Lối nào?

## 4.

*Lối đi nào ngắn nhất?*

Biết ngay mà! Anh không thích phiêu lưu. Đây là một Rừng của tiện nghi, không phải Rừng của phiêu lưu. Anh chỉ chuộng những thức ăn nhanh và lối đi tắt. Ngay cả trong tình yêu, anh cũng không thích nghệ thuật của từ từ. “Vội vã là niềm bất hạnh của thế kỷ chúng ta.” Đó là một câu thơ Nga mà ta rất yêu. Còn nhớ, câu tỏ tình đầu tiên của anh với ta là: “Làm thế nào để có thể hôn em?” Chẳng hề loanh quanh một chút nào, phải không? Lần đó, ta đã tạo cơ hội cho anh đi tắt. Bị lôi cuốn vào nỗi cuồng nhiệt của anh, ta đã đáp một lời vắn tắt: “Hôn!” Và sau

đó, dường như ta có chút thất vọng. Ta khát một nụ hôn biết phiêu lưu, không phải là một nụ hôn tắt.

Lần này, anh không có cơ hội đi tắt đâu! Anh phải tự mình tìm đường thôi, anh yêu!

Trên tháp cao này, em nhìn ra xa mà cảm thấy buồn rười rượi. Rừng núi trùng điệp trước mắt và em buồn như Minotaur khi nó đứng trên Mê cung nhìn vọng trùng dương mệnh mông vô tận. Con quái vật tội nghiệp đó biết rằng nó không thoát khỏi Mê cung, không thể thoát khỏi hình hài khủng khiếp của mình. Đối với nó, ngoài Mê cung cũng chỉ là Mê cung.

Với em cũng thế. Làm thế nào em thoát khỏi chính em, thoát khỏi mọi hệ lụy của mình?

Em thất vọng về em!

## 5.

*Em không phải là Ariadne!*

Nàng không muốn trao ta sợi chỉ nào?

Nàng muốn nói gì với lời nhắn “Em không phải Ariadne!” - người con gái bị bỏ rơi trên bờ đảo vắng bởi chính kẻ mà nàng vừa cứu thoát khỏi Mê cung. Huyền thoại ấy nằm trong môtip muôn thuở: Anh hùng và người đẹp. Nhưng ở đây, chính người đẹp đã ra tay cứu anh hùng bằng một sợi chỉ mỏng manh. Phần còn lại, như mọi người biết: Anh hùng đã mau chóng bỏ rơi người đẹp!

Ariadne, người-con-gái-bị-bỏ-rơi. Để tránh điều đó, chỉ còn một cách: cầm tù người đàn ông trong Mê cung, vĩnh viễn!

Chính ta đã kể cho nàng nghe câu chuyện này, về một Mê cung buồn!

Chán nhĩ! Dường như nàng đang dùng Mê cung giả mạo này để chất vấn ta. Nàng đang dùng nó để đi vào bên trong mê cung của tâm hồn ta.

Ta mệt quá rồi! Hơn một tiếng đồng hồ qua, ta càng đi càng rối bước. Những hàng cây ắc ó vây hãm ta bằng trùng điệp vòng rào. Thoát vòng này, gặp vòng khác, tất cả giống hệt nhau.

Những hàng cây ắc ó nhại hình bát quái một cách ngây ngô, nhại mê cung một cách giả tạo. Nó là một hiện thực giả huyền thoại.

Thế thì, cuộc đời chỉ là giả tạo khi đối chiếu với tưởng tượng, thử sức với tưởng tượng. Cuộc đời lúc đó đã mất sức sống, đã cạn kiệt.

Ta là một người đàn ông. Nếu không còn thích một Ariadne nào đó, thì có thể bỏ rơi nàng không, trên một bờ đảo phù hoa buồn chán?

Ta là một nhà văn. Ariadne đang ở trên Tháp chính là sáng tạo của ta. Ta có thể bỏ rơi nàng ở đó không?

Hỡi ôi, chính nhân vật xinh đẹp ấy đã bắt ta bước vào Mê cung hôm nay, và ta không biết cách nào để bước lên ngọn tháp trung tâm ấy, càng không biết cách nào để thoát ra khỏi nó!

## 6.

*Anh mệt lắm rồi!*

Anh lại than thở, lại năn nỉ! Trước đây, nghe anh tán tỉnh đòi ái ân, ta thường đùa bằng một câu thơ của Hàn: “Những lời năn nỉ của hư vô!” Nhưng ta lại nhanh chóng chiều chuộng anh. Đáng sợ thay hư vô!

Bây giờ thì trên lối đi của anh, ta thấy xuất hiện một cô gái nhỏ. Qua ống dòm, ta thấy một cô bé rất xinh, rất trẻ. Và cô mặc một bộ áo váy rất ngắn để lộ cặp đùi non trắng đến rợn người.

Cô gái gọi cảm ấy hiển nhiên là một tình cờ không tiên liệu, không có trong chương trình của ta.

Thế là, người anh hùng của ta có cơ để ung dung đi lạc trong Mê cung, càng có cơ để bỏ rơi Ariadne, phải không anh yêu?

Hình như cô bé đang mỉm cười với chàng, đang thể hiện với chàng cái duyên sắc mới nở rộ của mình.

## 7.

*Nghệ thuật của từ từ: Đừng vội, anh đã có bạn đường rồi mà!*

Nàng đứng một nơi quan sát ta rất rõ. Còn với ta, thì nàng đã trở nên vô hình. Có một ma thuật của đàn bà và nàng đã sử dụng nó một cách thần tình.

Chắc hẳn nàng đã phát hiện trước cả ta người khách mới của Mê cung. Một cô gái trẻ đẹp từ lúc nào đã đi vào Mê cung và chừng như cũng đang lạc đường.

Cô gái lạ hỏi ta, Đường nào lên Tháp hờ anh? Ta đáp rằng chính ta cũng đang định hỏi cô có cách nào lòi cái tháp ma quái ấy xuống đây không. Lập tức, một tiếng cười giòn giã bùng ra, ngân nga trong sương mù ban mai, trong thứ nắng mỏng mới nhú mát rượi.

Thế là nhanh chóng chúng ta trở thành bạn. Chính lúc ấy, nàng trên tháp nhả tin cho ta: “Nghệ thuật của từ từ...”

Cô gái lạ mới quen đi sát bên ta, thể hiện một niềm tin cậy bất ngờ. Nhưng cô bé đang tin vào điều gì vậy? Ta không biết cách dẫn đường, tuyệt đối không! Ta cũng không hẳn là “vô hại” đối với những cô gái trẻ đẹp. Và ta không biết là ta phải cảnh giác với những Lolita hay chính là những Lolita phải cảnh giác với ta.



Cô bé nói, Trông anh quen lắm, nhưng em chịu, không nhớ anh là ai.

Bình thường, có lẽ ta không bỏ qua cơ hội này, dầu đang ở trong Mê cung hay không.

Nhưng ta đang rơi vào một ván cờ thế mất còn, tiêu ma như bốn! Trên tháp cao kia là đôi mắt rất sắc đang theo dõi ta từng bước, từng hành vi!

Nhưng ta cũng bốn cột với nhan sắc của ban mai hồng bên mình: “Trông em xinh lắm! Xinh như rạng đông! Hoàn toàn tinh khôi. Nhưng chịu thôi, chẳng biết làm gì hơn!”

Giọng ta vang to bất ngờ. Có thể là ta cố tình trêu nàng trên Tháp. Nhìn cô bé xinh đẹp và ta sóng bước bên nhau, nếu không ghen đâu phải là nàng?

Nàng phải tìm cách rút ngắn đường đi của ta thôi!

## 8.

*Giúp anh thoát khỏi Mê cung đi chứ!*

Ta đang tự hỏi giữa Mê cung giả mạo này và anh, cái nào giả dối hơn?

Anh cầu xin ta giúp anh thoát khỏi cô nàng váy ngắn đầy khiêu khích kia ư? Chà, tin nhắn mới chân thành làm sao! Nếu có thể, anh đã cầu xin được giam cầm chung thân trong Mê cung với cô nàng hồ ly rồi!

Được thôi, ta sẽ bí mật xuống Tháp, rời Mê cung mà trở về nhà nghỉ, mặc xác hai người! Cầu các người thiên thu tù tội!

Nhưng việc gì phải vội! Ta sẽ thản nhiên nhìn xem hai người bày trò gì trước mắt ta.

Có lẽ các người nghĩ rằng đứng xa như thế này, với đôi mắt bình thường, với sương mù băng lạnh, ta khó mà thấy được gì, phải không?

## 9.

*Thì anh hãy tự xử đi!*

Ha ha! Cái này không gọi là ghen là gì nhỉ? Được, ta sẽ bị lôi ra khỏi Mê cung và khỏi người bạn đường xinh đẹp ngay bây giờ thôi mà!

Nhưng nhân vật nàng của ta có thể sẽ có phản ứng khác. Và bạn đọc biết điều đó. Chưa chắc nàng sẽ rút ngắn nhanh đường đi của ta đến tháp. Bản tính ngang bướng của nàng sẽ cố tình làm điều ngược lại: Kéo dài Mê cung đến vô tận, nếu có thể được!

Thay vì lôi ta ra khỏi Mê cung, nàng sẽ cầm hờn bỏ Mê cung lại cho một mình ta.

Nàng không là Ariadne, cũng không là Minotaur, ta biết chứ. Mà là cả hai cái đó cộng lại, thế thôi!

Chiến tranh! Chiến tranh đã nổ ra mà ta còn chưa biết phải làm gì.

Cô gái đi bên ta nói, Sao đi mãi mà không tới được Tháp, hờ anh?

Ta đáp, Có duyên thì sẽ tới thôi, lo gì!

Cô bé nhìn ta đăm đăm, vặn hỏi, Còn như ngược lại?

Ta nói, Thì anh sẽ gọi đến chỗ tiếp tân, yêu cầu họ cung cấp người dẫn đường đến đây.

Cô nàng bĩu môi, một đôi môi tươi thắm cực kỳ xinh xẻo, mà rằng, Như thế chẳng vui gì, không còn phiêu lưu nữa!

Thì đúng vậy! Với bóng xuân hôm nay và tuổi trẻ của cô, đời đâu là gì khác, một cuộc phiêu lưu dài, một giấc mộng dài, một vũ điệu bất tận. Còn tôi thì đang mệt lả, chỉ muốn nhanh chóng đào thoát khỏi cuộc phiêu lưu cay đắng trong tuần trăng mật này, và thoát khỏi mọi mê cung.

## 10.

*Đầu hàng!*

Anh đầu hàng hay mình đầu hàng đây? Lời nhắn của anh khá cảm động: Anh đói mệt và đầu hàng, được chưa?

Anh đang dụ dỗ mình đi ra khỏi Tháp. Cô nàng đẹp đầy sức xuân thì kia cũng đã thấm mệt rồi, bộ ngực non mới nhú dường như đang ướm mồ hôi.

Cũng đã đến lúc rồi. Nắng đã lên. Sương mù đã tan.

Anh đã loanh quanh trong Mê cung gần hai tiếng đồng hồ. Có thể thả anh ra! Chiến tranh! Chinh phục! Trốn chạy! Đầu hàng! Tội lỗi! Đó là tình yêu chăng?

Ta sẽ gọi anh tin nhắn cuối cùng trong Mê cung. Lời nhắn gì đây?

N.C

# Mục lục

Lời giới thiệu	5
• Gã kéo chuông nhà thờ - THÁI NGỌC SAN (SH số tháng 2 - 1983)	9
• Dã Tràng - CAO LINH QUÂN (SH số tháng 7 - 1984)	22
• Tiếng nói mặt đất - TÔ NHUẬN VỸ (SH số tháng 9 năm 1984)	30
• Trăng sáng vườn dưa - HỮU PHƯƠNG (SH số tháng 3 - 1988)	47
• Cún - NGUYỄN HUY THIỆP (SH số 37/1989)	61
• Người đoán mộng giỏi nhất thế gian - PHẠM THỊ HOÀI (SH số 38/1989)	72
• Ước mơ của chị - HOÀNG TỔ MAI (SH số 43/1990)	82
• Niết Bàn bốc cháy - ĐOÀN LÊ (SH số 40/1990)	86
• Dịch quỷ sứ - TẠ DUY ANH (SH số 43/1990)	108
• Qua sông - CUNG TÍCH BIÊN (SH số 46/1991)	123
• Giếng trăng - DƯƠNG THÀNH VŨ (SH số tháng 2 - 1993)	143
• Ngõ đạo miền hoang dã - TRẦN DUY PHIÊN (SH số tháng 4 - 1993)	166
• Loài hoa trắng - THÁI ĐÀO (SH số tháng 5 - 1993)	179
• Hoàng hôn biển - TÔ VĨNH HÀ (SH số tháng 6 - 1993)	190
• Bức tranh thiếu nữ áo lục - QUẾ HƯƠNG (SH số tháng 2 - 1994)	201
• Đợi đến mùa hoa phượng - NGUYỄN QUANG LẬP (SH số tháng 3 - 1994)	212

• Tầm tã mưa ơi - NGUYỄN BẢN (SH số tháng 4 - 1994)	221
• Mẹ - TỪ NGUYỄN TĨNH (SH số tháng 4 - 1994)	236
• Mê-sa-li, câu chuyện bên hồ - PHẠM XUÂN PHỤNG (SH số tháng 6 - 1994)	246
• Lời hẹn hoa đào - KHUÊ VIỆT TRƯỜNG (SH số tháng 8 - 1994)	259
• Đất sau mưa - NGUYỄN VĂN VINH (SH số tháng 11 - 1994)	268
• Người bán mai vàng - NGUYỄN QUANG HÀ (SH số tháng 2 - 1995)	287
• Kinh thành bỏ ngõ - NHẤT LÂM (SH số tháng 7 - 1995)	296
• Chuyện từ thời chiến - NGUYỄN QUÂN (SH số tháng 12 - 1996)	304
• Hoàng hôn không yên tĩnh - NGUYỄN CẨM HƯƠNG (SH số tháng 10 - 1996)	314
• Sông ơi - TRẦN THANH HÀ (SH số tháng 11 năm 1996)	323
• Thế cờ đi hậu - TRƯƠNG VŨ THIÊN AN (SH số 3 - 1997)	337
• Người đàn bà chờ đợi - LÊ THỊ HOÀI NAM (SH số tháng 3 - 1997)	343
• Vua rắn - HÀ PHẠM PHÚ (SH số tháng 3 - 1998)	355
• Bãi nước bọt - VŨ ĐẰM (SH số tháng 11 - 1998)	367
• Chuyện tâm tình bên sông - NGUYỄN KHẮC PHÊ (SH số tháng 4 - 1999)	377
• Bài ca lý chuẩn chuẩn - CAO HẠNH (SH số tháng 6 - 1999)	390
• Rửa tội - NGUYỄN VIỆT HÀ (SH số tháng 1 - 2000)	405
• Lễ hội ăn mỳ - HỒNG NHU (SH số tháng 7 - 2000)	413
• Thím Thoải - HẠNH LÊ (SH số tháng 11 - 2000)	445
• Trăng nơi đáy giếng - TRẦN THÙY MAI (SH số tháng 6 - 2001)	456
• Đường chim bay - NGÔ THỊ Ý NHI (SH số tháng 7 - 2001)	469
• Nửa đêm về sáng - ĐỨC BAN (SH số tháng 2 - 2001)	481

- Chút mộng kê vàng - TRẦN THỊ TRƯỜNG (SH số tháng 5 - 2001) 489
- Điều chưa tiện nói ra - LÊ GIA NINH (SH số tháng 6 - 2002) 494
- Một đóa hồng xưa - NGUYỄN THANH VĂN  
(SH số tháng 8 - 2002) 506
- Vĩ thanh màu hồng phấn - HÀ KHÁNH LINH  
(SH số tháng 10 - 2002) 520
- Cuộc đời không bán được - TRÚC PHƯƠNG  
(SH số tháng 11 - 2002) 537
- Vẽ ác - THÁI BÁ TÂN (SH số tháng 12 - 2003) 548
- Bảng chữ cái - NGÔ TỰ LẬP (SH số tháng 4 - 2004) 555
- Người đi xe máy một chân - ĐỖ KIM CUÔNG  
(SH số tháng 7 - 2004) 562
- Những bước chân bên ngoài cái khe hở - HOÀNG TRỌNG ĐỊNH  
(SH số tháng 9 - 2004) 572
- Tiếng hú trên đồng - NGUYỄN THẾ TƯỜNG  
(SH số tháng 2 - 2005) 580
- Biếm họa - VIỆT HÙNG (SH số tháng 1 & 2 - 2006) 588
- Thế trận linh xà - TRẦN HẠ THÁP (SH số tháng 6 - 2006) 600
- Bức tranh thay đổi thế giới - MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH  
(SH số tháng 2 - 1994) 614
- Bản hợp đồng màu ô liu - NGUYỄN NGỌC LỢI  
(SH số tháng 5 - 2007) 628
- Khách sạn đá trắng - HƯỚNG DƯƠNG (SH số tháng 6 - 2007) 636
- Nơi thường trú của mùa xuân - PHẠM NGỌC TÚY  
(SH số tháng 8 - 2007) 657
- Ở thuê - ĐỖ HÀN (SH số tháng 12 - 2007) 674
- Kịch độc - LƯƠNG VĂN CHI (SH số tháng 1 - 2008) 685

• Về làng - NGUYỄN ĐẶNG MỪNG (SH số tháng 2 - 2008)	700
• Người trong cuộc - GIAO CHỈ (SH số tháng 2 - 2008)	714
• Sóng ngoài khơi - KHÁNH PHƯƠNG (SH số tháng 4 - 2008)	726
• Xôn xao làng Chẽ - VĨNH NGUYỄN (SH số tháng 7 - 2008)	735
• Quê nhà không có bệnh phấn hoa - VÕ THỊ XUÂN HÀ (SH số tháng 11 - 2008)	746
• Cái chết của Rối - MAI NINH (SH số tháng 6 - 2009)	754
• Hoa gạo đỏ - MA VĂN KHÁNG (SH số tháng 8 - 2009)	767
• Một bước sau quận công - HỒ ANH THÁI (SH số tháng 11 - 2009)	783
• Tiếng súng giữa rừng - PHAN VĂN LỢI (SH số tháng 4 - 2010)	795
• Bằng chứng - BẢO NINH (SH số Đặc biệt tháng 10 - 2010)	821
• Xuân nữ - DẠ NGÂN (SH số tháng 10 - 2010)	830
• Tiếng vọng làng Thòi - TIẾN DŨNG (SH số tháng 1 - 2010)	839
• Biển của người dừng - BẠCH LÊ QUANG (SH số tháng 2 - 2011)	848
• Ngày cuối cùng của một diễn viên hài - HỒ ĐĂNG THANH NGỌC (SH số tháng 7 - 2011)	856
• Vòng luân hồi của chữ - NHỤY NGUYỄN (SH số tháng 7 - 2010)	862
• Tôi đã nôn ra những đứa trẻ - LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG (SH số tháng 7 - 2011)	870
• Sống chậm - LÊ MINH KHUÊ (SH số tháng 9 - 2011)	879
• Hồn rừng - HOÀNG TÙNG (SH số tháng 12 - 2011)	889
• Nụ Sim và giấc mơ - TRẦN THỊ KIM THOA (SH số tháng 4 - 2012)	902
• Những bức ảnh - LÊ MINH PHONG (SH số tháng 7 - 2012)	910
• Đất không lối vào - HẠO NGUYỄN (SH số tháng 11 - 2012)	915
• Mê cung - NHẬT CHIÊU (SH số tháng 3 - 2013)	944

TUYỂN TRUYỆN NGẮN  
*SÔNG HƯƠNG* 30 NĂM (1983-2013)

Nhiều tác giả

---

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT - NGUYỄN DUY TỜ

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: PHẠM SỸ SÁU

Bìa: DUY NGUYỄN

Sửa bản in: NGUYỄN LỤC

Trình bày: NGUYỄN VĂN

---

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 – 39316211 – 39317849 – 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: [nxbtre@hcm.vnn.vn](mailto:nxbtre@hcm.vnn.vn)

Website: [www.nxbtre.com.vn](http://www.nxbtre.com.vn)

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: [chinhanh@nxbtre.com.vn](mailto:chinhanh@nxbtre.com.vn)

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 35261001 - Fax: (08) 38437450

Email: [info@ybook.vn](mailto:info@ybook.vn)

Website: [www.ybook.vn](http://www.ybook.vn)

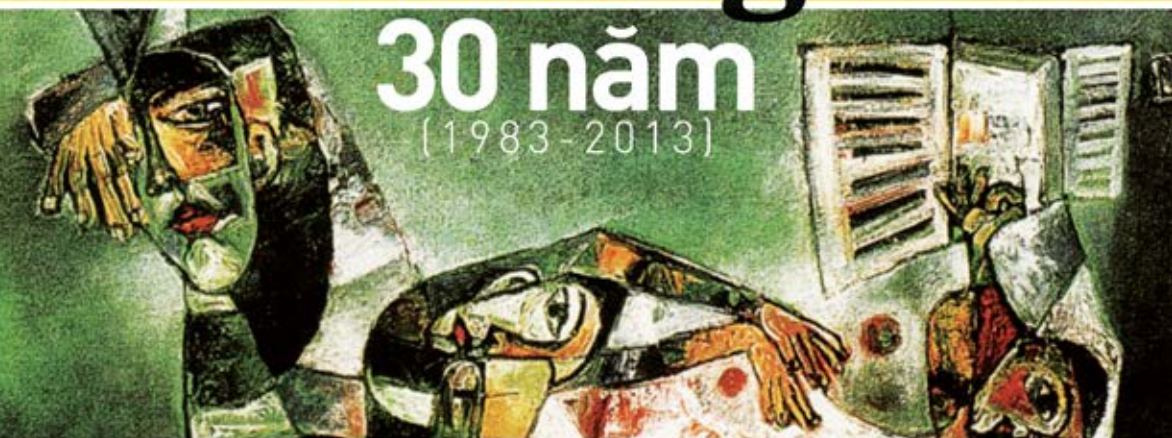




tuyển  
truyện  
ngắn

# sông hương

30 năm  
(1983-2013)



Thái Ngọc San - Cao Linh Quân - Tô Nhuận Vỹ - Hữu Phương - Nguyễn Huy Thiệp - Phạm Thị Hoài - Hoàng Tố Mai - Đoàn Lê - Tạ Duy Anh - Cung Tích Biền - Dương Thành Vũ - Trần Duy Phiên - Thái Đào - Tô Vĩnh Hà - Quế Hương - Nguyễn Quang Lập - Nguyễn Bản - Từ Nguyên Tĩnh - Phạm Xuân Phụng - Khuê Việt Trường - Nguyễn Văn Vinh - Nguyễn Quang Hà - Nhất Lâm - Nguyên Quân - Nguyễn Cẩm Hương - Trần Thanh Hà - Trương Vũ Thiên An - Lê Thị Hoài Nam - Hà Phạm Phú - Vũ Đảm - Nguyễn Khắc Phê - Cao Hạnh - Nguyễn Việt Hà - Hồng Nhu - Hạnh Lê - Trần Thùy Mai - Ngô Thị Ý Nhi - Đức Ban - Trần Thị Trường - Lê Gia Ninh - Nguyễn Thanh Văn - Hà Khánh Linh - Trúc Phương - Thái Bá Tân - Ngô Tự Lập - Đỗ Kim Công - Hoàng Trọng Định - Nguyễn Thế Tường - Việt Hùng - Trần Hạ Tháp - Minh Đức Triều Tâm Ảnh - Nguyễn Ngọc Lợi - Hường Dương - Phạm Ngọc Túy - Đỗ Hàn - Lương Văn Chi - Nguyễn Đăng Mừng - Giao Chỉ - Khánh Phương - Vinh Nguyên - Võ Thị Xuân Hà - Mai Ninh - Ma Văn Kháng - Hồ Anh Thái - Phan Văn Lợi - Bảo Ninh - Dạ Ngân - Tiến Dũng - Bạch Lê Quang - Hồ Đăng Thanh Ngọc - Nhụy Nguyên - Lê Vũ Trường Giang - Lê Minh Khuê - Hoàng Tùng - Nguyễn Thị Kim Thoa - Lê Minh Phong - Hạo Nguyên - Nhật Chiêu